

TỚI KHO BÁU RỒNG VÀNG

*Ghi chép về lịch sử hợp tác
Nga-Việt trong lĩnh vực
dầu khí*



V. S. VOVK
V. G. OSMANOV
YU. V. EVDOSHENKO

TỚI KHO BÁU RỒNG VÀNG

*Ghi chép về lịch sử
hợp tác Nga-Việt
trong lĩnh vực
dầu khí*



УДК 94(47+597):552

ББК 63.3(2)+63.3(5Вье):65.304.13

K11

Vovk V. S., Osmanov V. G., Evdoshenko Yu. V.

K11 Tới kho báu Rồng Vàng: Ghi chép về lịch sử hợp tác Nga-Việt trong lĩnh vực dầu khí.
M.: Kuchkovo Pole, 2018.—356 tr., minh họa.
ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

Tới kho báu Rồng Vàng là câu chuyện hấp dẫn về lịch sử hợp tác của hai đất nước Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí. Dựa trên cơ sở nhiều nguồn sử liệu khác nhau, kể về quá trình những «người Lienxo» (ở Việt Nam từng gọi các chuyên gia Xô-viết và bây giờ là các chuyên gia Nga như vậy) cùng với các đồng nghiệp Việt Nam tạo lập nên ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt của đất nước Đông Nam Á.

Ít có gì sánh được về mặt kịch tính so với lịch sử của nước Việt Nam độc lập, nhưng lịch sử dầu mỏ Việt Nam cũng không kém phần cam go biến động. Từ những nỗ lực đầu tiên khoan dầu thất bại của thực dân Pháp hồi đầu thế kỷ XX cho đến các dự án đầu khí hiện đại của Nga tại Việt Nam và của Việt Nam tại Nga — đó là biên niên sử của câu chuyện này. Xây dựng các trạm xăng dầu và cung cấp sản phẩm dầu mỏ, đào tạo cán bộ — nhà xây dựng, thợ lắp máy, chuyên gia địa chất, thợ khoan, những dự đoán chung đầu tiên.

Những sai lầm và chiến thắng trong việc tìm kiếm dầu khí ở miền Bắc Việt Nam, sự mong đợi lớn lao, nỗi thất vọng và thêm những thành công lớn hơn trên thêm lục địa miền Nam Việt Nam, khởi đầu công việc của xí nghiệp Nga-Việt ở nước Nga — tất cả những điều đó được kể trong các trang của cuốn sách này. Các nhân vật trong cuốn sách là những con người huyền thoại như vị Chủ tịch đầu tiên của Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh, và những công nhân bình dị như ông Nguyễn Xuân Thọ, ngày trước là cậu thiếu niên từ làng quê heo lánh, đã trở thành một thợ khoan lành nghề và suốt đời làm việc trong ngành công nghiệp khí đốt của Việt Nam tại tỉnh Thái Bình.

Với lượng tài liệu lưu trữ phong phú, mà nhiều tư liệu được công bố lần đầu tiên, cuốn sách này có thể được tiếp nhận như một chuyên khảo khoa học, nhưng những câu chuyện sống động và giàu hình ảnh của những người trực tiếp tham gia các sự kiện, số lượng ảnh phong phú cũng được xuất bản lần đầu tiên, làm cho cuốn sách trở nên dễ đọc và thú vị khi xem, dành tặng cho tất cả những ai quan tâm đến lịch sử quan hệ Nga — Việt, lịch sử ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt của Nga và Việt Nam.

© Vovk V. S., Osmanov V. G., Evdoshenko Yu. V., 2018

© Viện Lưu trữ Kinh tế Quốc gia Nga, 2018

© RIA «Novosti», 2018

© Công ty TNHH «Kuchkovo Pole», thiết kế-maket, xuất bản, 2018

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

Tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn Tập đoàn Dầu khí «Petrovietnam» và Liên doanh «Vietsovpetro» đã giúp đỡ sưu tầm thông tin và tư liệu ảnh cho cuốn sách này

УДК 94(47+597):552

ББК 63.3(2)+63.3(5Вье):65.304.13

K11

Vovk V. S., Osmanov V. G., Evdoshenko Yu. V.

K11 Tới kho báu Rồng Vàng: Ghi chép về lịch sử hợp tác Nga-Việt trong lĩnh vực dầu khí.
M.: Kuchkovo Pole, 2018.—356 tr., minh họa.
ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

ISBN 978-5-9950-0959-7

Nội dung

© Vovk V. S., Osmanov V. G., Evdoshenko Yu. V., 2018

© Viện Lưu trữ Kinh tế Quốc gia Nga, 2018

© RIA «Novosti», 2018

© Công ty TNHH «Kuchkovo Pole», thiết kế-maket, xuất bản, 2018

Thân gửi bạn đọc cuốn sách *«Tới kho báu Rồng Vàng»*.
V. S. Vovk 6
Lời nói đầu 9
Chương 1. Hồ Chí Minh, dầu mỏ và Liên Xô. Phần mở đầu 12
Ba chuyến đi của Nguyễn Ái Quốc 14
«Trường học của các dân tộc Phương Đông» 14
Những bài học Yên Bái 16
«Có một chính đảng như thế!» 18
Do ut des («Có đi có lại mới toại lòng nhau»): dầu mỏ như là con át chủ bài chính trị 20
«Căn bệnh Pháp» của chủ nghĩa đế quốc 20
Dầu mỏ của đất nước Xô-viết 21
Những tháp khoan vượt trên sóng biển, hay là Những bức ảnh của một tờ tạp chí đã biến mất..... 24

Chương 2. «Sự nghiệp xây dựng các công trình lớn ở Việt Nam DCCH sẽ gặp khó khăn nếu không tổ chức được việc cung ứng xăng dầu...» 26
Ghi chép mật của kỹ sư Gladkov 31
Các cơ sở mang ý nghĩa khu vực 36
Trên các công trường xây dựng 39
Không tách rời sản xuất, hay là Những khó khăn về dịch thuật 44
Gazprom tới Việt Nam 49
Trong điều kiện thời chiến 51
Gazprom và việc xây dựng tuyến đường ống xăng dầu đầu tiên ở Việt Nam 56

Chương 3. Địa chất — cái nôi của ngành dầu khí Việt Nam 62
Các nhà địa chất xô viết và quá trình hình thành ngành địa chất Việt Nam 66
Đoàn khảo sát số 5 Bộ địa chất Liên Xô, khởi đầu cho hợp tác địa chất Xô — Việt 66
Tổng cục Địa chất nước Việt Nam DCCH:
Quá trình xây dựng và trưởng thành 71
Cơ chế hợp tác, hay là tình hữu nghị thể hiện qua những hợp đồng 73
Thầy giáo và học trò 79
Bản đồ quyết định hết thảy 82
Đội của Dovzhnikov và đoàn địa chất số 20 83
Huy chương Hữu nghị và giải thưởng Hồ Chí Minh.
Mở rộng quy mô 85
Hàng không vội vã hỗ trợ 86
Chúng tôi học bay ở Việt Nam 87
Hàng không phục vụ các nhà địa chất 89
Khoan nhiều và có chất lượng... 90
Ngành khoan Việt Nam: những bước đi ban đầu 90
Đơn vị khoan của Tổng cục địa chất Việt Nam DCCH:
trang thiết bị kỹ thuật và thành tích sản xuất 91
Thợ khoan Việt Nam 92
Các chuyên gia — cố vấn về khoan của Liên Xô ở Việt Nam 94

Chương 4. Bí ẩn của vùng trũng Hà Nội 100
Khúc dạo đầu kiếm tìm dầu mỏ 102
Sứ mệnh của nhà địa chất Gryaznov và đồng chí Lê Văn Cự 102
Shota Kitovani, Giao «Bé» và những người khác... 103
Những chuyên gia Xô-viết tiên phong của ngành dầu mỏ Việt Nam 105
Kế hoạch «5 năm dầu mỏ» đầu tiên của Việt Nam 107
Những trăn trở về đội ngũ cán bộ của đồng chí Thiệu 107
Các chuyên gia địa vật lý thử «sờ nắn» lòng đất 110
Khoan giếng mang đến niềm hy vọng 115
Những năm chiến tranh 117
Khoan dầu dưới làn bom 117
Đoàn thăm dò đầu lửa số 36: tăng cường tìm kiếm 119
Những giếng dầu sâu đầu tiên..... 124
Trong những hàng quân cao nhất 129
Hội chứng Việt Nam của Nikolai Baibakov 129
Dầu mỏ và khí đốt — viết thành dòng riêng! 132
Trong Ủy ban liên Chính phủ 134
Chờ đợi mỗi mòn hay chiến thắng khó nhọc 136
20 triệu rúp để tìm kiếm dầu khí 136

© Vovk V. S., Osmanov V. G., Evdoshenko Yu. V., 2018

© Viện Lưu trữ Kinh tế Quốc gia Nga, 2018

© RIA «Novosti», 2018

© Công ty TNHH «Kuchkovo Pole», thiết kế-maket, xuất bản, 2018

Việc tìm kiếm phải làm đến cùng 143
Vào đầu những năm 80 145
Cơ sở khai thác khí Tiền hải: giữa quá khứ và tương lai 146
Chương 5. Chiến lược phát triển về phương Nam 148
Giải pháp lịch sử 153
«Nghị định về dầu khí» và việc tạo lập ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam 153
Di sản Sài Gòn 157
Hiệp ước hữu nghị Việt — Xô và thêm lục địa miền Nam Việt Nam 164
Tháng Chín nhọc nhằn của tướng Đinh Đức Thiện 167
Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác ở thêm lục địa miền Nam Việt Nam: quá trình chuẩn bị, thông qua, những bước đi đầu tiên 172
«Chúng tôi dành ưu tiên cho việc này...» Ủy ban của ông V. A. Yarmolyuk và quyết định về việc «bắt đầu thời kỳ mới của hợp tác Việt — Xô» 172
Tình hình kinh tế Việt Nam vào cuối thập kỷ 1970 — đầu thập kỷ 1980 178
Ngày 19 tháng 6 năm 1981 184

Chương 6. Công ty Gazprom của Liên Xô và khởi đầu quá trình khai thác dầu quy mô công nghiệp ở thêm lục địa miền Nam Việt Nam 188
Khởi động dự án Việt-Xô 191
Huy động nguồn lực 191
«Công việc chậm trễ vàng bạc». Gazprom thiết kế 196
Điều hành dực: ưu điểm và nhược điểm 199
«Vietsopectro» tiến ra biển 205
Sự ra đời của xí nghiệp 208
Vấn đề nhân sự 213
Biên niên sử của lô đầu mỏ đầu tiên 216
Từ «Nghiên cứu khả thi–1980» tới «Chương trình–1990» 222
Năm khó khăn 228
Bi kịch Arzhanov 228
Ủy ban của ông Filanovski và những kết luận với XNLD Vietsovpetro .. 239

Chương 7. «Chúng ta đã duy trì quá lâu các phương pháp quản lý hành chính quan liêu» 246
«Cải tổ» của Liên Xô và «Đổi mới» của Việt Nam 248
Từ Đại hội XXVII của Đảng Cộng sản Liên Xô đến Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam 248
Trên con đường tìm kiếm lợi ích chung: xây dựng lại các quan hệ kinh tế đối ngoại 252
Cải tổ trong ngành công nghiệp dầu mỏ 257
Hiệp ước 1991: Tìm kiếm thỏa hiệp 266
Liên doanh «Vietsovpetro» trong bước ngoặt lịch sử 277
Cuối những năm 1980 278
Phát hiện «tầng đá móng» và những triệu đô đầu tiên 281
Trên di sản đổ nát của Liên bang Xô-viết 285
Những người kế thừa: Nhà nước hay công ty cổ phần? 285
Đầu tư quay trở lại! 289

Chương 8. Quan hệ đối tác chiến lược trong thế kỷ XXI.
Gazprom trở lại Việt Nam 296
Nga và Việt Nam. Khai sinh quan hệ đối tác chiến lược 299
Việt Nam bắt đầu tăng tốc 299
Chuyến thăm của Thủ tướng V. S. Chernomyrdin tới Việt Nam, hay là chuyện Gazprom trở lại 308
«Một người bạn cũ tốt hơn hai người bạn mới!» 312
«Ngoại giao dầu mỏ» trong thế kỷ XXI. Đa dạng hóa quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí ... 318
Những dự án liên doanh giữa Gazprom và PetroVietnam: lịch sử và hiện tại 327
Bắt đầu tìm kiếm khí đốt ở thêm lục địa Việt Nam 328
Sự tham gia của Gazprom vào việc hình thành ngành công nghiệp khí đốt của Việt Nam 330
Những dự án khai thác của Gazprom và PetroVietnam: «Biển Đông» và GazpromViet 341

Lời kết 350

Mục lục họ tên 352

Thân gửi bạn đọc cuốn sách «Tới kho báu Rồng Vàng»



Ngày 21 tháng 11 năm 1984, lần đầu tiên tôi đến Việt Nam. Hoàn thành đợt công tác thứ nhất, tôi rời khỏi nơi này. Tưởng chừng là mãi mãi. Nhưng cuộc sống có cách xếp đặt riêng của nó: Tôi đã rời đi để trở lại, hết lần này đến lần khác. Kể từ đó, sự gắn kết của tôi với đất nước này không hề chấm dứt, thậm chí cả khi tôi không trực tiếp làm việc ở đó nữa.

Trong khoảng thời gian này, tôi có thêm nhiều bạn bè và người quen ở Việt Nam, họ ở những vị trí xã hội rất khác nhau, từ người thợ bình thường cho đến vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản. Sự quen biết đó không phải là trong khung cảnh hội hè thư giãn như với các du khách, mà đó

là một phần công việc chung của chúng tôi. Người Việt Nam nhìn vào tôi và các đồng nghiệp Liên Xô của tôi như nhìn những người có khả năng giúp đỡ họ giải quyết nhiệm vụ phức tạp khó khăn và đầy trách nhiệm — tìm kiếm và tổ chức khai thác dầu khí. Còn chúng tôi thấy ở họ những người đồng chí cần đến khối kiến thức và kinh nghiệm mà chúng tôi đã tích lũy được ở đất nước Xô-viết quê hương. Có thể ai đó xem nhẹ chủ đề quốc tế và tình hữu nghị giữa các dân tộc, nhưng chúng tôi thật sự tự hào đã có cơ duyên áp dụng khả năng, kinh nghiệm và sự nỗ lực của mình để góp phần vào sự nghiệp hồi sinh và phát triển thịnh vượng cho một đất nước thân thiện của chúng ta.

Trong những thập niên qua, tôi đã có dịp chứng kiến Việt Nam thay đổi như thế nào, đất nước chúng ta thay đổi như thế nào, và trong quan hệ giữa hai nước chúng ta cũng có những thay đổi gì. Những năm 1990, ở Nga và ở Việt Nam vang lên không ít lời phê phán tình hữu nghị của chúng ta, bởi không phải mọi thứ đều suôn sẻ trong thời Xô-viết và hơn nữa là sau sự sụp đổ của Liên bang này. Ở Nga nhiều người bắt đầu nói về tính chất «nương nhờ» trong mối quan hệ của chúng ta, còn ở Việt Nam thì nói về sự lạc hậu kỹ thuật của người Nga trong công nghiệp. Nhưng dù sao chăng nữa, chính trong thời gian này cá nhân tôi đã chứng kiến sự khởi đầu tạo lập rõ ràng tốt đẹp của tình hữu nghị cùng ý nghĩa chính trị và kinh tế to lớn trong mối quan hệ đó.

Hiện nay liên doanh Vietsovpetro được thừa nhận là một trong những đề án kinh tế nước ngoài mang lại lợi ích kinh tế và thành công nhất của Nga. Từ cuốn sách này bạn đọc sẽ biết được nguồn kinh phí nhận được từ xí nghiệp liên doanh đã đóng vai trò như thế nào trong những năm 1990

đầy khó khăn để hỗ trợ ngành công nghiệp dầu khí của đất nước. Và đó là câu trả lời dành cho những nhà phê bình từ Nga. Mặt khác, trước mắt tôi đã diễn ra quá trình phấn đấu và trưởng thành của các chuyên gia Việt Nam, những người hôm nay có thể độc lập thực hiện các hoạt động công nghệ phức tạp nhất về xây dựng và lắp đặt các giàn khoan cố định ngoài khơi. Trên thế giới chỉ một số nước đủ khả năng phát triển các mỏ dầu khí ngoài khơi bằng sức lực của chính mình. Trong hàng ngũ những nước này bây giờ đã gồm cả Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhưng đây chỉ là một phần. Bởi còn có các nhà địa chất, địa vật lý, chuyên viên khoan, người tìm kiếm, thiết kế gia và đội ngũ những người xây dựng đường ống và các chuyên gia khác trong lĩnh vực dầu khí, đã được đào tạo với sự hỗ trợ của các cố vấn Xô-viết và sau đó là Nga. Và đó là câu trả lời dành cho các nhà phê bình từ Việt Nam.

Tôi quan tâm đến việc hệ thống này đã được xây dựng như thế nào, trong đó tôi, các đồng nghiệp và thậm chí là thành viên gia đình chúng tôi đã là một bộ phận khi chúng tôi buộc phải rời nhà đi xa, đến một đất nước bị tàn phá và thời tiết nóng nực, không phải để nghỉ ngơi trên những bãi biển đẹp đẽ mà là làm việc ngày đêm bên những khối sắt thép hàn bóng rẫy, sống ở nơi chỉ có những quầy hàng địa phương sơ sài nghèo nàn. Khi suy nghĩ về chủ đề này, tôi luôn kinh ngạc vì một đất nước vừa mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt, đang chịu cảnh thiếu thốn tài nguyên đáng kể, mà đã quyết định dành hỗ trợ kinh tế cho một đất nước khác, thậm chí còn bị phá hủy và nghèo khó hơn nhiều. Bởi cả đất nước tôi lẫn Việt Nam đều không có những ngân hàng và tập đoàn hùng mạnh, định hướng vào lợi nhuận và lãi suất. Không ai cố hướng đến đó ngoài các binh lính quân đội Mỹ và những kỹ sư Xô-viết. Tất cả những gì chúng tôi có, chúng tôi đều cung cấp cho người Việt Nam. Không áp đặt ràng buộc mà đề xuất, và trước người Việt Nam có sự lựa chọn mà họ đã tự quyết định thực hiện.

Trong khi đó, lịch sử hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí vẫn chưa được nghiên cứu. Vì thế, không ngẫu nhiên mà từ năm 2012, trong những cuộc đàm đạo của họ, Tổng Giám đốc của công ty «Gazprom IP International» là ông V. L. Gulev và Chủ tịch tập đoàn «Petrovietnam» Phùng Đình Thực và người kế nhiệm là ông Đỗ Văn Hậu đã nhiều lần nhắc đến chủ đề lịch sử quan hệ và nói về ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu tiến trình hợp tác này.

Khi ông V. L. Gulev tìm đến tôi nêu đề xuất tổ chức biên soạn cuốn sách về lịch sử hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí, thì trong thâm tâm chính tôi cũng đã sẵn sàng. Dành cho công việc này, tôi đã mời người đồng chí và trợ lý lâu năm của tôi, cũng là cựu binh của liên doanh Vietsovpetro và là người am hiểu lịch sử khai thác dầu khí ngoài khơi, ông V. G. Osmanov và biên tập viên văn học lịch sử của nhà xuất bản «Kinh tế dầu mỏ», Tiến sĩ khoa học Lịch sử Yu. V. Evdoshenko. Nhóm chúng tôi đã có kinh nghiệm trong việc chuẩn bị và xuất bản cuốn sách «Tháp cao trên sóng» dành riêng cho mốc kỷ niệm 30 năm Tổng cục Quản lý về thăm dò và phát triển mỏ dầu khí trên thềm lục địa (Glavmorneftegaz) của Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô. Cơ sở của cuốn sách này là hồi ức của các cán bộ lão thành, các cựu binh, và hình thức đó ban đầu được lấy làm nền tảng. Chúng tôi phác thảo danh sách những người mà chúng tôi muốn huy động hiệp lực — bằng văn bản hồi ký, hoặc thông qua phỏng vấn, hỏi chuyện. Công việc của chúng tôi có cú hích bởi tin buồn là một trong những thành viên tham gia tạo lập ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam, cựu Giám đốc Tổng cục Dầu khí, Việt Nam, ông Nguyễn Hòa từ trần. Tính rằng tuổi tác nhiều cựu binh lão thành đều ở ngưỡng 80, một số người còn ngoài bát thập, chúng tôi thông qua quyết định khẩn trương tiến hành chuyển công tác đến Việt Nam. Trong quá trình hai chuyến đi, chúng tôi đã tổ chức khoảng ba mươi cuộc phỏng vấn, đàm đạo với các cán bộ lão thành của ngành khai thác dầu mỏ-khí đốt của Việt Nam và các chuyên viên hiện

đang làm việc, chúng tôi đã thăm một số chủ thể sản xuất, Viện Bảo tàng, Phòng truyền thống và những địa điểm tưởng niệm, tổ chức tập hợp một bộ sưu tập ảnh.

Một vấn đề nhanh chóng nảy sinh: lịch sử hợp tác dầu khí giữa Nga và Việt Nam hóa ra sâu xa hơn nhiều so với kinh nghiệm công tác cá nhân của tôi ở Việt Nam. Lịch sử đó có gốc rễ từ giữa những năm 1950 và hầu hết những người tham gia các sự kiện thời đó đều đã mất hoặc chúng tôi không hề biết gì về họ. Do vậy, trên thực tế, công việc đòi hỏi chúng tôi tìm kiếm các tài liệu được bảo quản trong Lưu trữ Nhà nước Liên bang Nga, Lưu trữ Kinh tế Nga, Lưu trữ lịch sử Chính trị — Xã hội quốc gia Nga, từ kho lưu trữ và Phòng truyền thống của Petrovietnam và Vietsovpetro. Chúng tôi đã tiến hành công tác tìm tòi nghiên cứu sâu rộng trong các cơ sở Quỹ của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban Nhà nước về Khoa học-Kỹ thuật trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban Nhà nước về Quan hệ Kinh tế đối ngoại trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Cơ quan Điện báo Liên Xô, các Bộ ngành địa chất, công nghiệp dầu khí, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp trung-cao cấp của Liên Xô, Glavgaz Liên Xô, Chính phủ Liên bang Nga, Bộ Kinh tế-Ngoại thương, Bộ Năng lượng Liên bang Nga và nhiều cơ quan khác. Biên bản các cuộc họp, hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị, báo cáo về chuyển công tác của các kỹ sư thực thi nhiệm vụ, công văn thư từ của các tổ chức khác nhau đã bổ sung đáng kể cho những hồi ức mà chúng tôi thu thập được. Như vậy, dần

dần cuốn sách của chúng tôi trở thành công trình nghiên cứu khoa học lịch sử thực thụ, trong đó lời kể của các nhân chứng và những người tham gia sự kiện đều được xác minh khẳng định hoặc bổ sung bởi tài liệu lưu trữ. Và tôi tự hào về công việc này!

Mặt khác, bất kể tính chất khoa học của nó, cuốn sách của chúng tôi vẫn có cả các thành tố văn học-nghệ thuật. Những hồi ức được xử lý và truyền tải thích hợp giúp giảm bớt sự khô cứng và công thức của tài liệu, và như tôi hy vọng, làm cho cuốn sách trở nên nhẹ nhõm dễ đọc và dễ tiếp nhận hơn.

Cuốn sách này, được hình thành từ suy tư của những nhà lãnh đạo «Gazprom IP International» và «Petrovietnam», tuyệt nhiên không phải là cuốn thống kê biên niên về công việc của tập đoàn «Gazprom» và những tổ chức tiền nhiệm ở Việt Nam (mặc dù công tác của chúng tôi đã cho thấy rằng chủ đề đó đã là câu chuyện lớn khá dài hơi, được khai thác kết cấu trong phác thảo trần thuật chung). Cuốn sách này nói về lịch sử hợp tác liên quốc gia giữa hai đất nước Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt.

Chúc các độc giả đọc sách thú vị!

V. S. Vovk, TSKH Địa chất-Khoáng vật học, TS Khoa học-Kỹ thuật, những năm 1984–1986 là Vụ trưởng Khoan ngoài khơi, những năm 1988–1993 là Tổng Giám đốc xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro», một trong những nhà tổ chức sự hợp tác của các tập đoàn «Gazprom» và «Petrovietnam», đồng Chủ tịch Ủy ban quản lý JOC «Vietgazprom»

V. S. Vovk, TSKH Địa chất-Khoáng vật học, TS Khoa học-Kỹ thuật, những năm 1984–1986 là Vụ trưởng Khoan ngoài khơi, những năm 1988–1993 là Tổng Giám đốc xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro», một trong những nhà tổ chức sự hợp tác của các tập đoàn «Gazprom» và «Petrovietnam», đồng Chủ tịch Ủy ban quản lý JOC «Vietgazprom»

Lời nói đầu

V. S. Vovk, TSKH Địa chất-Khoáng vật học, TS Khoa học-Kỹ thuật, những năm 1984–1986 là Vụ trưởng Khoan ngoài khơi, những năm 1988–1993 là Tổng Giám đốc xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro», một trong những nhà tổ chức sự hợp tác của các tập đoàn «Gazprom» và «Petrovietnam», đồng Chủ tịch Ủy ban quản lý JOC «Vietgazprom»

Tháng 8 năm 1976, tạp chí «Việt Nam» thông báo với toàn thế giới: «Mới đây, ở một vùng đồng bằng, các nông dân đã nhìn thấy «một con rồng phun lửa». Vươn lên khỏi mặt đất, ngọn lửa màu cam ở độ cao vài chục mét trở nên rực rỡ, chiếu sáng vùng không gian xung quanh đến hàng trăm mét vào ban đêm. Ngọn lửa phun lên ở nơi mà từ lâu nay người dân đã gọi là «mắt rồng». Truyền thuyết về «rồng lửa đang thờ» do người này kể với người khác truyền miệng trong nhiều thế kỷ đã thành hiện thực. Ngọn lửa phun lên là ngọn lửa đầu tiên của dầu khí ở Việt Nam <...> Những cuộc tìm kiếm kiên trì nhiều năm và những mũi khoan thử nghiệm đã được thực hiện thành công. Kết quả tuyệt vời cổ vũ những người thợ khoan, mở ra triển vọng truyền cảm hứng lớn lao cho những người được giao nhiệm vụ tìm kiếm nguồn «vàng đen» và làm cho Tổ quốc giàu có hơn»¹. Trong thần thoại của người Việt cổ, Rồng Vàng là hiện thân của lòng sâu Trái đất, luôn thu hút mọi người bằng kho tàng của cái giàu có. Có lẽ quan trọng nhất trong số những của cái ấy ngày nay là tài nguyên hydrocacbon — dầu mỏ và khí đốt!

Lịch sử đã xếp đặt để sự hình thành ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam gắn kết chặt chẽ với nước Nga. Nhưng, thật đáng tiếc, là ở nước chúng tôi lịch sử hợp tác liên quốc gia trong lĩnh vực thăm dò tìm kiếm, khai thác và cung cấp dầu khí còn ít được chú ý, bất kể thực tế là các kỹ sư và công nhân Xô-viết và sau đó là Nga — những người thợ khoan, các chuyên gia địa chất, địa vật lý và nhà chế tạo dầu khí — đã và đang làm việc thành công ở nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Vấn đề lịch sử hợp tác dầu khí Nga-Việt cũng không ngoại lệ. Quả thực, vào những năm có mốc kỷ niệm chẵn đề tài báo chí được đăng tải nhiều nhất là lịch sử đề án hợp tác kinh tế với nước ngoài mà điển hình rực rỡ nhất trong lĩnh vực này là xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, do Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô và Tổng cục Dầu khí Việt Nam thành lập năm 1981. Thỉnh thoảng có công bố hồi ức của các cán bộ lão thành — các cựu binh của Vietsovpetro. Chẳng hạn, vào năm 2008, công ty «Gazprom Zarubezhneftegaz» và nhà xuất bản «Neftyanoye Khozyaystvo» đã cho ra mắt cuốn sách «Thấp cao trên sóng», tập hợp những kỷ niệm và hồi ức của những cán bộ kỹ cựu trong sự nghiệp khám phá thềm lục địa ở Liên Xô. Trong cuốn sách này cũng đề cập đến đề tài cùng chung phát triển các mỏ dầu ở miền Nam Việt Nam, nhưng không có gì hơn nữa. Một số bài viết-hồi ký riêng lẻ về chủ đề sự hợp tác giữa các nhà địa chất của hai nước được in trong cuốn kỷ yếu «Địa chất — cuộc sống của tôi...», do Hội Địa chất Nga xuất bản. Tuy nhiên, nhiều trang hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí vẫn không được chú ý và vẫn chưa được biết đến.

Ở Việt Nam, tình hình có khác một chút. Trong nước nhân ba kỷ kỷ niệm chẵn đã xuất bản những cuốn sách bằng tiếng Nga nói về lịch sử cơ sở liên doanh Vietsovpetro. Lợi thế lớn ở đây là những trang dành tái hiện thời kỳ đầu tiên của sự hợp tác Nga-Việt trong lĩnh vực thăm dò tìm kiếm dầu khí ở vùng đồng bằng sông Hồng và sự thành lập ngành dầu khí của Việt Nam cho đến trước khi bắt đầu khai thác thềm lục địa Việt Nam ở miền Nam. Trong năm 2010, Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam đã phát hành trọn bộ ba tập «Lịch sử ngành Dầu khí Việt Nam», trong đó nhiều chỗ dành cho đề tài hợp tác với Liên Xô, sau đó là với Liên bang Nga. Tuy nhiên, khác với những cuốn sách kỷ niệm chẵn của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, cuốn sách khá bề thế này không được

dịch sang tiếng Nga và do vậy vẫn hoàn toàn không được biết đến ở nước Nga.

Trong mọi trường hợp, có thể khẳng định rằng cho đến trước khi công bố cuốn sách này của chúng tôi, không hề có một cuốn sách nào bằng tiếng Nga nói về lịch sử quan hệ giữa hai quốc gia trong lĩnh vực dầu khí, bao trùm được toàn bộ lịch trình và những mốc quan trọng của sự hợp tác.

Nguyện vọng mô tả tái hiện lịch sử này nảy sinh hồi những năm 2011–2012 trong quá trình đàm phán giữa các đại diện của tập đoàn Nga «Gazprom» và Tập đoàn dầu khí quốc gia Vietnampetro: thoạt tiên dưới hình thức phản hồi-mong muốn, sau đó là câu chuyện về những trường hợp đáng chú ý trong quá khứ, nhắc nhớ về những sự kiện lịch sử bị lãng quên. Dần dần, từ nguyện vọng này đã hình thành trong ý tưởng của cuốn sách tương lai. Rồi tin buồn — người đứng đầu huyền thoại của Tổng cục Dầu khí Trung ương Việt Nam, ông Nguyễn Hòa từ trần — đã là cú hích, là động lực trực tiếp cho công việc với cuốn sách này.

Để giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra trước các tác giả, đã sưu tầm tập hợp tài liệu lưu trữ từ các kho lưu trữ Nhà nước và cá nhân khác nhau. Đã nghiên cứu Quỹ của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, Ủy ban Nhà nước Liên Xô về Khoa học và Kỹ thuật, Bộ Địa chất và Bảo vệ lòng đất Liên Xô, Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, Bộ Công nghiệp Dầu mỏ Liên Xô, Bộ Giáo dục đại học và trung cấp dạy nghề của Liên Xô, Cơ quan Điện báo Liên Xô, các bảo tàng-phòng truyền thống của Tập đoàn quốc gia Petrovietnam, liên doanh Vietsovpetro, và những cơ sở khác. Ngoài ra, đã tiến hành ghi âm hồi ức của các thành viên từ phía Nga và Việt Nam, tập hợp và nghiên cứu những cuốn hồi ký, những tuyển tập văn kiện, những bài viết đã xuất bản nói về lịch sử quan hệ Nga-Việt cũng như lịch sử Việt Nam nói chung. Trong việc soạn thảo văn bản đã sử dụng lượng trích dẫn rộng rãi, cả tài liệu văn kiện cũng như hồi ức, chuyện kể kỷ niệm, thôi thúc bởi cố gắng tránh tính chất buồn tẻ của những ấn phẩm này và sự hạn chế thông tin theo chủ đề của cuốn sách. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công việc đã thu thập được những bức ảnh độc đáo, nhiều ảnh công bố lần đầu chính là trong cuốn sách này.

Hóa ra là sự hợp tác dầu khí giữa Matxcova và Hà Nội có nguồn gốc sâu xa từ mối quan hệ giữa hai đất nước và hiển nhiên là một phần không thể tách rời của quan hệ này. Liên hệ hợp tác của hai quốc gia cũng như sự ra đời của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam kết nối trực tiếp với người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, nhà cách mạng vô sản lãnh đạo phong trào giải phóng ở Việt Nam, và là vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước — lãnh tụ Hồ Chí Minh. Năm 1923, khi còn là một người cộng sản trẻ tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến nước Nga Xô-viết và trong mười lăm năm tiếp theo Người đã gắn bó với đất nước chúng tôi: học tập, thực hiện nhiều chuyển công tác, trở lại và tiếp tục học tập. Và chúng tôi cho rằng chính khi đó, quan sát công cuộc hình thành của một «Nhà nước mới của công nông» ở Liên Xô, nhà cách mạng Hồ Chí Minh đã tìm thấy chìa khóa dành cho sự phát triển tương lai của ngành công nghiệp dầu khí ở Việt Nam, thể hiện qua luận đề «Dầu mỏ là của cái vô giá! Đất nước nào có dầu mỏ nhất định sẽ nhanh chóng trở nên giàu mạnh». Điển hình Liên Xô hiện rõ trong tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi phần lớn nhờ vào ngành công nghiệp dầu mỏ của đất nước mà bất kể bị cô lập về mặt chính trị và kinh tế, bị tàn phá bởi chiến tranh và cuộc cách mạng, Liên bang Xô-viết vẫn có thể phát triển thành công và đứng mãnh chống lại môi trường thù địch của các quốc gia tư bản chủ nghĩa xung quanh. Nhưng đó chỉ là khúc dạo đầu.

Cuốn sách có ba giai đoạn thời gian, đánh dấu và thể hiện sự thay đổi về chất trong quan hệ giữa hai nước ở lĩnh vực dầu khí. ***Giai đoạn đầu tiên — giữa năm 1950 cho đến cuối những năm 1970.*** Trong khoảng thời gian này, Liên Xô bắt đầu dành hỗ trợ kinh tế cho Việt Nam.

^[1] Tôi gửi bạn đọc cuốn sách «Tôi kho báu Rồng Vàng»

^[1] Lời nói đầu

Năm 1950, Liên bang Xô-viết công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tên gọi này được dùng cho đến năm 1976 để chỉ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là một phần của đất nước) và bắt đầu cung cấp sự giúp đỡ về quân sự và kinh tế. Trong lĩnh vực dầu khí, đó là việc cung cấp các sản phẩm dầu mỏ, xây dựng các kho xăng dầu, bắt đầu đào tạo chuyên gia Việt Nam tại Liên Xô và triển khai công tác tìm kiếm thăm dò địa chất của các chuyên gia Xô-viết trên địa bàn Việt Nam. Toàn bộ các hỗ trợ về kinh tế và khoa học và kỹ thuật đều phát triển trong khuôn khổ các hiệp định giữa hai nước và được xây dựng theo các khoản vay tín dụng ưu đãi hoặc dành viện trợ miễn phí không hoàn lại.

Năm 1955, những chuyên viên dầu mỏ Xô-viết đầu tiên được Nhà nước cử đi công tác Việt Nam, đến một đất nước xa xôi khi ấy còn là xa lạ. Vào thời điểm đó, đất nước chúng tôi chỉ vừa hồi phục sau cuộc chiến tranh tàn phá nhưng bất chấp những khó khăn của chính mình, Liên Xô đã thể hiện sẵn sàng cung cấp viện trợ không hoàn trả cho quốc gia Việt Nam non trẻ. Được gửi đến đó trước hết là những nhà thiết kế, kỹ sư và công nhân xây dựng dầu khí. Phải nói ngay là ngoài trừ cuốn sách này, bạn đọc sẽ không thể tìm thấy ở đâu có những mô tả chân thực về công việc kiến thiết các kho chứa xăng dầu đầu tiên của Việt Nam và tuyến đường ống dẫn dầu chính thứ nhất được xây dựng với sự trợ giúp của các chuyên gia Liên Xô. Hợp tác dầu khí giữa hai nước bắt đầu với việc tạo lập một hệ thống đảm bảo cung cấp sản phẩm dầu mỏ và chúng tôi coi việc mở ra trang lịch sử mới này là thành tựu của mình!

Năm 1955, sau khi yêu cầu tương ứng của Chính phủ Việt Nam DCCH được Chính phủ Liên Xô tiếp nhận, nhóm các nhà địa chất Xô-viết đã đến Việt Nam để giúp đỡ thăm dò địa chất và tạo lập ngành địa chất của đất nước. Đến năm 1959 họ tham gia công việc thăm dò dầu khí do Nhà nước Việt Nam tổ chức tại vùng châu thổ sông Hồng. Đó là câu chuyện phức tạp và đầy kịch tính. Công việc tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt trong điều kiện địa chất vùng đồi núi của khu vực khảo sát hóa ra rất khó khăn, đòi hỏi chuyên gia Liên Xô và Việt Nam phải có không chỉ kiến thức sâu rộng mà còn sự kiên trì và ý chí ngoan cường. Thiếu thốn nhiều thứ — nhân sự, thiết bị kỹ thuật, vật liệu. Việc tìm kiếm đã không ngừng lại cả trong những năm Mỹ tiến hành cuộc chiến xâm lược. Trong thời gian này, sự trợ giúp về vật chất và nhân sự của Liên Xô đã giúp nghiên cứu khám phá những khu vực có triển vọng tài nguyên nhất dưới lòng đất miền Bắc Việt Nam. Kết quả của những năm tháng công tác này hóa ra không đáng kể như chúng ta mong muốn — đã khai mở chỉ một mỏ khí đốt nhỏ là Tiền Hải, tuy nhiên, tất cả những gì làm được khi ấy vẫn có ý nghĩa quan trọng thật sự to lớn!

Công việc được thực hiện trong những năm 1950–1970 đã trở thành nền tảng cho ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam và là cơ sở để tiến tới khám phá, khai thác vùng châu ngọc chính là thềm lục địa miền Nam đất nước. Trong thời gian này, nhờ công tác chung và sự tham gia trực tiếp của các chuyên gia Xô-viết đã đào tạo được đội ngũ cán bộ cho Việt Nam — các chuyên viên địa chất, địa vật lý, máy khoan, thợ hàn và thợ lắp máy. Dù số lượng nhân sự chuyên môn còn chưa đủ, nhưng họ đã có mặt và đã thực hiện hiệu quả công việc của mình!

Bên cạnh những câu chuyện kể về «cuộc chiến đấu vì dầu mỏ» đang được triển khai ở Việt Nam mà các nhân vật, những người anh hùng trong đó là chuyên gia Việt Nam và Liên Xô, trong cuốn sách còn mô tả cơ chế hợp tác liên quốc gia Xô-Việt về kinh tế, khoa học-kỹ thuật, tạo điều kiện cho sự hiệp lực của hai nền kinh tế ở những cấp độ khác nhau, từ những nhân vật lãnh đạo Nhà nước hàng đầu cho đến các đội địa chất. Tất cả những người tham gia tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt, công trình xây dựng đầu khí hoặc các giao dịch thương mại trước hết là đại diện của hai quốc gia, đây là một trong những luận đề then chốt của cuốn sách này. Cho dù đó là một Bộ của Liên Xô hay là một liên hiệp tập đoàn dầu khí hiện đại, nhưng cả hai đều đã hoạt động hoặc đang hoạt động trong khuôn

khổ các hiệp định liên Chính phủ, giữ vai trò như như tác nhân đại lý hợp tác liên quốc gia.

Giai đoạn thứ hai — đầu những năm 1980 đến đầu những năm 1990. Đây là thời kỳ XNLD Vietsovpetro bắt đầu công việc của mình trong hệ thống Glavmorneftegaz của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô và trở thành «trường học khai thác dầu khí trên thềm lục địa» đối với các chuyên gia từ cả hai nước. Từ khi bắt đầu công việc của liên doanh, đã có những phát hiện khoa học và kỹ thuật nghiêm túc trong lĩnh vực địa chất và phát triển mỏ hydrocarbon trên thềm lục địa, ảnh hưởng đến sự phát triển sản xuất dầu khí ngoài khơi ở Nga cũng như sự phát triển ngành dầu khí của Việt Nam.

Mặc dù lịch sử của liên doanh Vietsovpetro được mô tả khá chi tiết trong văn học, các tác giả đã không thể bỏ qua chủ đề này. Tuy nhiên, họ đã cố gắng nghiên cứu những khía cạnh mới mà trước đây chưa từng biết về lịch sử khám phá thềm lục địa miền Nam Việt Nam, dành chú ý lớn cho chiến lược xoay hướng thăm dò về phía nam: lịch sử thông qua quyết định về dành hỗ trợ phát triển các mỏ ngoài khơi, diễn biến tạo lập xí nghiệp liên doanh Xô-Việt và vai trò của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô trong việc này. Ngày nay, sự đóng góp của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô trong việc thành lập liên doanh Vietsovpetro và tổ chức khai thác lượng dầu mỏ đầu tiên trên thềm lục địa Việt Nam bị giấu đi và gán cho tổ chức khác, trong khi những công tác cơ bản về thành lập liên doanh Vietsovpetro từ phía phần tham gia của Liên Xô lại chính là do các đại diện của Bộ Khí đốt thực hiện.

Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro là một điển hình về hợp tác cùng có lợi của hai nước, đòi hỏi sử dụng những hình thức mới mẻ đối với thời đó trong tổ chức sản xuất, khác với những liên hiệp sản xuất dầu khí truyền thống của Liên Xô. Đây là đề án thành công đầu tiên của Nga khi áp dụng Hiệp định về phân chia sản phẩm và không nghi ngờ gì, nó xứng đáng được nghiên cứu tỷ mỉ chi tiết hơn.

Giai đoạn thứ ba — từ đầu những năm 1990 cho đến nay. Đây là giai đoạn mới nhất và nói chung chưa được đề cập trong các nghiên cứu lịch sử, mặc dù lịch sử hơn 20 năm này cho phép thực hiện một số đánh giá khái quát và kết luận. Trong giai đoạn này, bản chất quan hệ kinh tế thay đổi một cách tổng thể cả trong nội bộ mỗi quốc gia cũng như giữa hai nước với nhau. Việt Nam đã mở rộng ranh giới dành cho những tập đoàn dầu khí quốc tế khổng lồ, điều này đẩy tăng tính cạnh tranh và gây phức tạp đáng kể cho công việc của các công ty Nga. Thêm vào đó, ngoài hoạt động của công ty Nga «Zarubezhneft», đại diện cho Nga trong liên doanh Vietsovpetro, tại Việt Nam xuất hiện cả những công ty tích hợp ngành dọc khác từ Nga, trong đó có PJSC «Gazprom».

Độc giả có thể nêu ý kiến rằng «Gazprom» là gương mặt cầu thủ mới ở Việt Nam. Chỉ rất ít người biết rằng sự hợp tác giữa «Gazprom» (với tư cách là người kế thừa chính của Tổng cục quản lý công nghiệp khí đốt Liên Xô và Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô) với Việt Nam sắp tới đây sẽ cán mốc 60 năm và chỉ «trẻ» hơn sự hợp tác liên quốc gia chút ít. Làm sáng tỏ lịch sử hiện diện của «Gazprom» ở Việt Nam cũng là một mục đích nữa của cuốn sách này. Các tác giả cuốn sách xác định được rằng sự hỗ trợ đầu tiên mà Gazprom Xô-viết dành cho Việt Nam là ngay từ đầu những năm 1960, và những tài liệu đầu tiên về sự hợp tác giữa Gazprom của Liên Xô và Việt Nam đã do vị Bộ trưởng huyền thoại A. K. Kortunov ký.

Trang Việt Nam trong lịch sử hiện đại của «Gazprom» đã bắt đầu từ cách đây 20 năm với chuyến thăm của Chủ tịch Chính phủ Liên bang Nga, cựu Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin đến Việt Nam vào tháng 11 năm 1997. Đó là thời kỳ phức tạp với việc tái cấu trúc toàn bộ hệ thống quan hệ chính trị và kinh tế của hai nước, giải quyết những vấn đề đã tích tụ nhiều năm. Khi đó, bắt đầu khởi động việc tìm kiếm những con

đường đi tới hợp tác cùng có lợi, và «Gazprom» đã tham gia vào đây một cách thành công. Hôm nay, các chuyên gia của tập đoàn đạt hiệu quả tốt trong công tác tìm kiếm và khai thác hydrocacbon ở Việt Nam, thực hiện hoạt động khoan độc đáo và tích cực thảo luận hoạch định những dự án chung khác.

Trong thế kỷ XXI bối cảnh thế giới đã trở nên phức tạp hơn. Đã không còn cuộc đối đầu giữa hai hệ thống chính trị, nhưng vẫn hiện hữu các mâu thuẫn quốc tế. Như trước đây, các quốc gia vẫn có lợi ích địa chính trị và kinh tế riêng mà họ cố gắng bảo vệ. Như trước đây, các quốc gia vẫn tìm kiếm đối tác bởi họ không thể sống trong sự cô lập. Quan hệ đối tác chiến lược mà Nga và Việt Nam thiết lập trong thế kỷ XXI cần được xây đắp tới đa tính đến lợi ích của hai nước và phân tích những kinh nghiệm hợp tác trước đó, những thành công cũng như và thất bại. Mà như thế có nghĩa là cuốn sách của chúng tôi về lịch sử hợp tác của Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí sẽ mang tính thời sự bức thiết và đáp ứng nhu cầu.

Chúng tôi muốn nêu họ tên của những người mà chúng tôi gửi lời biết ơn về sự giúp đỡ trong việc tạo ra cuốn sách. Trước hết, đó là các lãnh đạo và nhân viên công ty «Gazprom EP International»: V. L. Gulev, A. S. Fick, S. V. Tumanov, Yu. A. Skok, I. N. Gogolev, A. G. Kovtun, Nguyễn Văn Quân; Tổng Giám đốc và các nhân viên của JOC «Vietgazprom» S. V. Mikhailenko, Olga Đào; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí quốc gia «Petrovietnam» Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc XNLD «Vietsovpetro» Từ Thành Nghĩa.

Chúng tôi xin được nêu tên và bày tỏ lòng biết ơn tới những người đã giúp đỡ chúng tôi xây dựng cuốn sách. Trước hết, đó là ban lãnh đạo và các nhân viên Bảo tàng- Phòng truyền thống của Công ty «Gazprom EP International»: A. S. Fik, S. V. Tumanov, V. L. Gulev, Yu. A. Skok, I. N. Gogolev, M. E. Pyanitskaya, A. G. Kovtun, Nguyễn Văn Quân; Tổng Giám đốc và các cán bộ của JOC «Vietgazprom» S. V. Mikhailenko, O. Đào; Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí «Petrovietnam» Nguyễn Vũ Trường Sơn. Tập thể tác giả cuốn sách đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của ban lãnh đạo và các nhân viên của XNLD «Vietsovpetro», đã giới thiệu cho chúng tôi tham quan trụ sở Liên doanh, căn cứ phục vụ trên bờ, Bảo tàng-Phòng truyền thống, đã chia sẻ tư liệu ảnh và bản sao một số tài liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và sinh hoạt của đoàn.

Chúng tôi chân thành xin lỗi các vị cán bộ lão thành đã cung cấp hồi ức nhưng không đưa vào văn bản của cuốn sách này. Thật đáng tiếc là không thể công bố tất cả, cần có một cuốn sách dành riêng nữa. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa những cuộc trò chuyện của chúng ta là vô ích. Chính những cuộc đàm đạo của chúng ta đã hình thành nền tảng của cuốn sách này, tạo nên sườn cốt và bản sắc cho cuốn sách.

Xin cảm ơn các bạn quý mến!



Hồ Chí Minh, dầu mỏ và Liên Xô. Phần mở đầu

Sáng ngày 23/7/1959 phái đoàn Việt Nam bay đến Baku, «thủ đô dầu mỏ» của Liên Xô. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh đạo của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tức là nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc) sau hồi lâu chăm chú nhìn qua ô cửa sổ máy bay liền quay lại, gọi một nữ nhân viên đại sứ quán trong nhóm cán bộ tháp tùng đoàn tới hỏi: «Cháu Phương, cháu có thấy đằng kia là trạm khoan dầu không?! Còn kia nữa, chỗ xa xa ấy, là bến cảng nối đất liền với biển để bốc dỡ dầu đấy! — Im lặng đôi chút, Người nói thêm: — Dầu mỏ — đó là tài sản vô giá! Nước nào có dầu mỏ thì sẽ giàu rất nhanh»¹.

Tới cuối những năm 50 của thế kỷ 20 ý nghĩa mang tính toàn cầu của nguồn nhiên liệu hydrocacbon, vai trò của nó trong việc đảm bảo hạnh phúc của các dân tộc và các quốc gia càng trở nên rõ rệt. Là một chính khách lớn và một nhà hoạt động xã hội tầm cỡ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rất rõ điều đó. Mà ngay trong tiếng Việt nếu nói theo giọng Hà Nội thì từ «dầu» trong «dầu mỏ» với từ «giàu» trong «giàu có» nghe giống hệt nhau. Tuy nhiên sẽ ngây thơ nếu cho rằng vị lãnh tụ của những người cộng sản Việt Nam nhanh chóng đi đến nhận thức như Người vừa nói với cô cháu gái nữ trợ lý trên máy bay.

¹ Phạm thị Xuân Phương. Hạnh phúc bất ngờ // «Vietsovpetro». 30 năm hình thành và phát triển. Hà Nội, 2011. Trang 323.

Ba chuyến đi của Nguyễn Ái Quốc

«Trường học của các dân tộc Phương Đông»

Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là «Nguyễn — Người yêu nước» là tên gọi thời trẻ của vị Chủ tịch Hồ Chí Minh nổi tiếng¹. Trước khi từ Nghệ An, một tỉnh xa xôi ở miền Bắc Trung bộ Việt Nam tới Hà Nội, người thanh niên ấy đã đi khắp nửa vòng trái đất và thấy được nhiều điều. Trong thời kỳ đó, khi các đội tàu biển bắt đầu chuyển từ chạy than sang chạy dầu, vị Chủ tịch nước tương lai còn là chú thợ phụ rửa bát đĩa trên các tàu thủy Pháp, sau đó có một thời gian sinh sống tại Mỹ — cường quốc đầu mỏ hàng đầu thế giới, rồi sang Anh và Pháp, nơi người thanh niên Việt tận mắt chứng kiến cuộc đấu tranh khốc liệt của những nước nghèo khoáng sản hydrocarbon nhằm tranh giành quyền kiểm soát nguồn vàng đen này, sau đó nữa Nguyễn Ái Quốc còn có nhiều năm hoạt động ở đất Xiêm (Thái Lan) và vùng rừng núi Bắc bộ để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam.

Để có thể nhận thức một cách rõ rệt «nước nào có dầu lửa sẽ nhanh chóng trở nên giàu có» còn cần trải qua một thời gian dài ở Liên Xô. Vào những năm 1920–1930 nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã có tổng cộng 6 năm lưu lại LBCHXHCN Xô viết. Những cán bộ của Quốc tế Cộng sản biết vị chủ tịch tương lai của nước Việt Nam độc lập dưới cái tên đó. Chính trong những năm tháng xa xôi ấy, đã thiết lập được nền tảng của mối quan hệ hiện nay giữa hai nước Nga và Việt Nam.

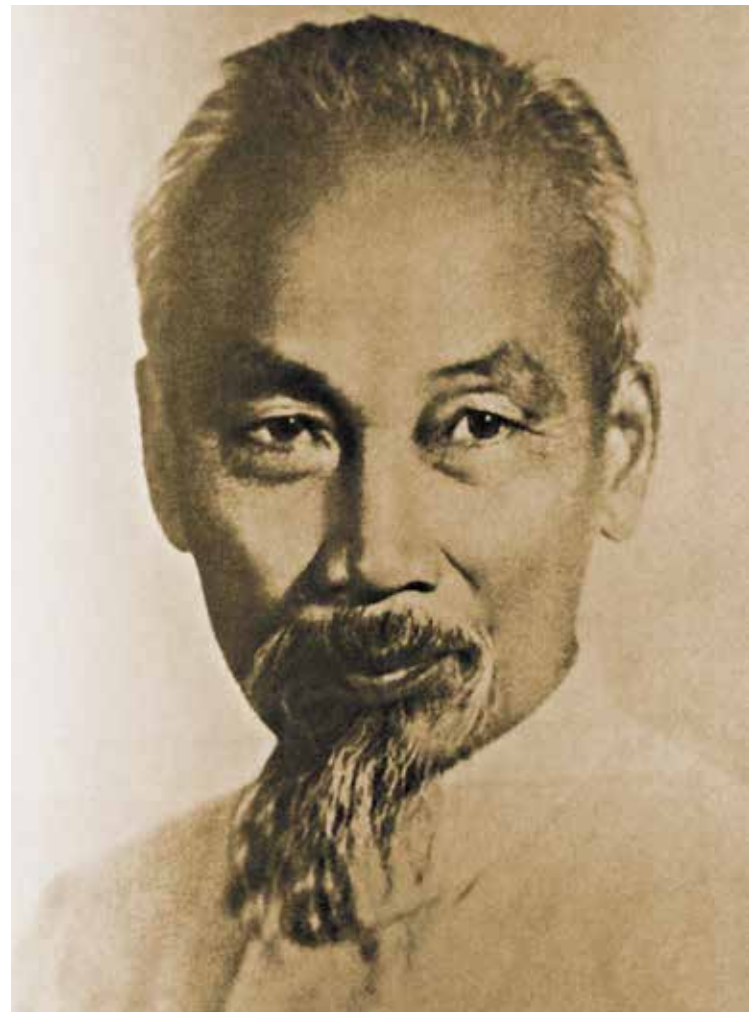
* * *

Ngày 30/6/1923 chiếc tàu thủy mang tên «Hamburg» khởi hành từ thành phố cùng tên đã cập bến cảng biển Petrograd. Nước Nga Xô-viết trong thời gian đó đang bị cô lập về chính trị nên có rất ít hành khách. Trong số ít người lên bờ hôm ấy có một người thanh niên ăn mặc lịch sự, đôi mắt linh lợi hơi xéch kiểu châu Á.

«Lại một người Trung Quốc nữa!» — nhân viên cửa khẩu thốt lên khi đọc tờ giấy thông hành ghi tên Chen Vang — nhiếp ảnh gia người Trung Quốc. Song ông ta đã nhầm, mà cũng không nhất thiết phải biết, rằng đó chính là Nguyễn Ái Quốc — một người An Nam đến nước Nga Xô-viết trong vai du khách Trung Quốc. Đây chính là sứ giả của Đảng Cộng sản Pháp thành lập năm 1920, được cử đến Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản (ECCI) — tổ chức quốc tế của một số ít các đảng cộng sản trên thế giới trong thời kỳ đó.

Ngày 24/11/1917 V. I. Lenin đã có bài phát biểu «Gửi tất cả những người lao động Hồi giáo ở Nga và Phương Đông», trong đó các dân tộc bị áp bức được gọi là anh em, được kêu gọi đứng lên

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19/5/1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, tên chữ khi đi học là Nguyễn Tất Thành (Nguyễn — Người thành đạt, tất thắng). Khi ở nước ngoài Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc — Nguyễn — Người yêu nước. Những tư liệu về tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh, nếu không ghi nguồn riêng thì đều lấy từ các nguồn sách sau: Koblevev E. V. Đồng chí Hồ Chí Minh. M., 1979. 366 trang; Hồng Hà. Bác Hồ trên đất nước Lê-nin. Matxcova, 1986. 208 trang.; Thu Trang. Nguyễn Ái Quốc ở Paris // Phong trào cách mạng Việt nam và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuyển lược. M., 1990. Trang 82–93; Koblevev E. V. Hồ Chí Minh ở nước Nga // Quan hệ Nga - Việt Nam: lịch sử và hiện tại. Cái nhìn từ hai phía. M., 2013. Tr. 311–334.



Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh

đấu tranh vì sự nghiệp chung, kết hợp giữa đấu tranh giai cấp với đấu tranh chống lại chế độ thực dân. Ngay khi đọc được lời hiệu triệu đó của lãnh tụ giai cấp vô sản thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã lao đến Matxcova, khi nhận thức được rằng nếu như một lúc nào đó có một cơ hội cứu giúp dân tộc mình, thì sự cứu giúp ấy sẽ đến từ phương bắc, từ chính đất nước xa xôi của «giai cấp vô sản đã giành thắng lợi». Và giờ đây mơ ước của anh đã thành hiện thực — anh đã đặt chân tới nước Nga Xô viết!

Người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc bắt đầu làm việc tại Ban Phương Đông của ECCI, đồng thời tham gia các khóa học do trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tổ chức.

Trong giai đoạn nửa đầu những năm 1920 bầu không khí ở Matxcova luôn sôi động với những cuộc tranh luận về vấn đề xây dựng nhà nước ở Liên Xô, phong trào giải phóng dân tộc và cộng sản quốc tế, những vấn đề tỏ ra gần bó với nhau rất chặt chẽ. Ngày 01/9/1920 tại Baku diễn ra Đại hội lần thứ nhất các dân tộc phương Đông, tại đây các đại diện Quốc tế Cộng sản đã bàn luận về cơ hội lịch sử giúp các nước lạc hậu có thể thoát khỏi chủ nghĩa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, về việc xây dựng chính quyền xô viết không nhất thiết phải có sự áp đảo của giai cấp công nhân, về nhiệm vụ chung của các dân tộc thuộc địa là đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản phương tây. Bản ghi tốc ký phát biểu của các đại biểu tham dự đại hội được dịch ra nhiều thứ tiếng đã lan truyền khắp thế giới, gieo xuống những hạt giống của tư tưởng phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX. Những lời lẽ vang lên trong đại hội đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho Nguyễn Ái Quốc. Bởi vì trong thời gian đó mọi nỗi trăn trở của đồng



Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh tại Baku, 1919
Phòng truyền thống của Liên doanh Việt-Xô Petro



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (người ngồi giữa hàng đầu tiên) giữa các đại biểu Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản. Matxcova. 1924



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc và các cán bộ Quốc tế Cộng sản. Matxcova.



Nhà lãnh đạo phong trào cộng sản Nhật Bản Sen Katayama (người ngồi giữa) và các công nhân đầu mỏ Baku. 1923



Các dân tộc phương Đông và đầu mỏ: những người thợ khai thác dầu đầu tiên tại Kazakhstan. 1920



Trường Đại học Hóa Dầu Azerbaijan mang tên M. A. Azizbekov đã trở thành lò đào tạo cán bộ không chỉ cho nước Cộng hòa Xô-viết mà còn cho cả ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam

chí cũng xoay quanh chính những vấn đề như vậy. Đồng chí cũng mong muốn có thể «lay động», có thể «thức tỉnh» đất nước mình.

Những cán bộ ngoại quốc của Quốc tế Cộng sản ở Matxcova lưu trú tại khách sạn Luxe trên phố Tverskaya. Nguyễn Ái Quốc sống ở phòng 311 trên tầng 3. Tháng 9/1923 đồng chí ở phòng bên cạnh là Sen Katayama, người lãnh đạo đội ngũ những người cộng sản Nhật Bản, trở lại sau kỳ nghỉ hè. Hóa ra là ông này vừa đi thăm các cơ sở khai thác dầu mỏ Liên Xô tại Baku và Groznui về. Vị Chủ tịch tương lai của Việt Nam đã làm quen với ngành công nghiệp dầu mỏ của Liên Xô lần đầu tiên chính qua những câu chuyện kể của người đồng chí Nhật Bản ấy.

Đất nước dầu mỏ Azerbaijan được gọi là «trường học của các dân tộc phương Đông». Vùng đất biên thùy xa xôi này của đế chế Nga đã được Chính phủ mới của những người bolshevik lựa chọn làm địa bàn thử nghiệm để thực hiện và biểu dương những thành quả của sự nghiệp xây dựng nhà nước và dân tộc ở Liên Xô dành cho các dân tộc thuộc địa. Và chính dầu mỏ đã trở thành nhân tố đồng hành giúp đảm bảo sự ổn định về kinh tế cho quá trình đó.

Liên Xô thời đó thực hiện chính sách «bản địa hóa», tức là thu hút người dân địa phương, khi đó gọi là dân «bản xứ», tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động của tổ chức Nhà nước các cấp — nước Cộng hòa, khu vực, tỉnh. Điều đó cũng được áp dụng cho ngành công nghiệp dầu mỏ. Thí dụ, năm 1924 Tổng công ty Azneft có nghĩa vụ trong vòng một năm phải tuyển sinh tối thiểu một nghìn thanh niên người Tuếch (người Azerbaijan) vào học tại các trường trung cấp thuộc các nhà máy công xưởng, nơi họ không chỉ học văn hóa cấp trung học phổ thông mà còn được đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Ban chấp hành Đảng Cộng sản (bolshevik) toàn Liên bang vùng Zakavkaz đã trao nhiệm vụ cho ngành dầu mỏ Azerbaijan đào tạo đội ngũ thợ cả và công nhân tay nghề cao người Azerbaijan để sau đó phân công họ đảm nhiệm công tác lãnh đạo đầy trọng trách trong ngành công nghiệp dầu mỏ.

«Giá như các bạn trẻ Việt Nam được ngồi học cùng bàn với các bạn Azerbaijan!» — Nguyễn Ái Quốc đã suy nghĩ, hoặc chắc là đã từng có ý tưởng như vậy. Khi đó hẳn nhà cách mạng này vẫn chưa thể ngờ được rằng chỉ sau đó vài chục năm các chàng trai người Azerbaijan, người Việt Nam, cũng như người Nga, Ucraina, Armenia và nhiều dân tộc khác của Liên Xô sẽ cùng nhau học tập tại Trường Đại học hóa dầu Azerbaijan mang tên Meshadi Azizbekov — nhà cách mạng của đất nước này.

Song, hỡi ôi, dầu mỏ không được Nguyễn Ái Quốc chú ý trong thời gian đó. Bởi vì để giải quyết những vấn đề thiết thực nhằm phát triển đất nước thân yêu, trước hết phải giải phóng được đất nước đã.

Tháng 12/1923 đồng chí Nguyễn Ái Quốc có bài đăng trên tạp chí «Ngọn lửa nhỏ». Nhà báo và nhà văn Osip Mandelshtam khi đó đã gặp người thanh niên Việt Nam và hết sức ấn tượng với anh. Qua ánh mắt linh lợi và sắc sảo, qua trò chuyện, nhà báo Liên Xô thấy được trong con người Nguyễn Ái Quốc một nhà cách mạng chân chính, một tâm hồn Việt Nam tuyệt vời. Trong bài báo «Thăm một chiến sĩ cộng sản quốc tế — Nguyễn Ái Quốc», Mandelshtam đã viết: «Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa của tương lai... Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giản dị và khiêm nhường, nhưng có một lịch sử phong phú. Qua giọng nói cao thượng của anh, tôi như thấy được ngày mai, thấy được biển cả vô bờ của sự giàu có toàn thế giới, bao la như đại dương». Bài báo này có cả ảnh chụp kèm theo.

Những bài học Yên Bái

Từ năm 1883 Việt Nam là thuộc địa nằm dưới quyền bảo hộ lâu dài của Pháp và phân chia thành ba miền lớn. Miền nam là thuộc địa Pháp có tên gọi Nam kỳ. Miền bắc và miền trung, được gọi là Bắc kỳ và Nam kỳ, là hai miền nằm dưới chế độ bảo hộ. Trên danh nghĩa hai miền này vẫn giữ lại chính quyền và bộ máy hành pháp của nhà vua, nhưng thực chất mọi công việc ở xứ thuộc địa cũng như hai xứ bảo hộ nêu trên đều do người Pháp chỉ quản: ở Nam Kỳ là Thống đốc, ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai viên Thống sứ.

Người Pháp bắt đầu lập ra những bộ máy đầu tiên để cai quản hoạt động khai khoáng ở Đông Dương. Năm 1868 Cơ quan phụ trách các vấn đề về mỏ ở Nam kỳ được thành lập, năm 1884 — thành lập Sở Địa chất Đông Dương thuộc Pháp, năm 1888 Công ty than Bắc kỳ của Pháp bắt đầu hoạt động.

Có một số tư liệu cho biết rằng việc khai thác các mỏ than ở Đông Dương thời Pháp có sự tham gia của các kỹ sư mỏ người Nga. Cụ thể vào năm 1905 một kỹ sư mỏ tên là Mikhailov¹ với chức danh

^[1] Quyết định của Sở Địa chất // Tạp chí ngành mỏ. 1905. № 8. Tr. 132

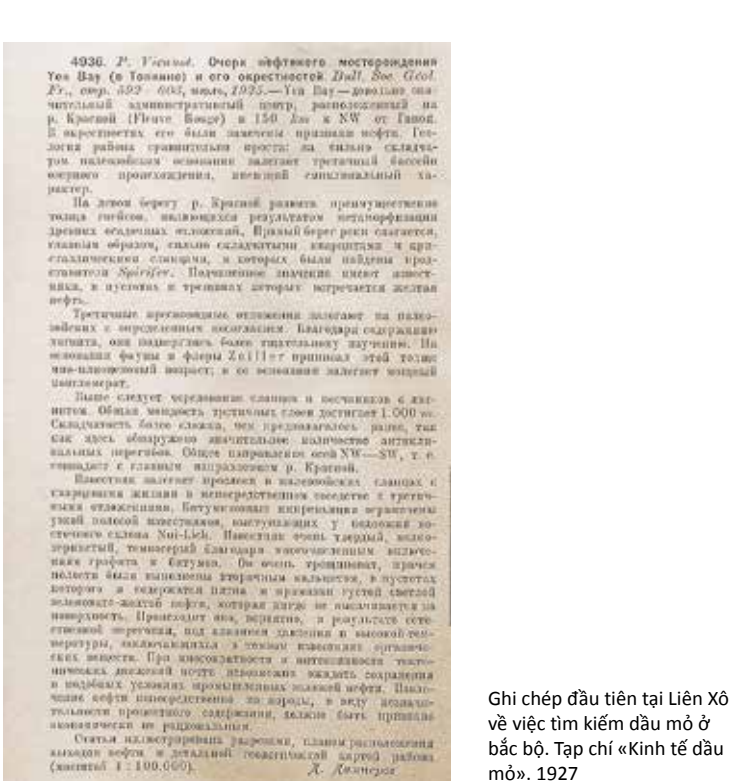

Lính Đông Dương năm 1930 tham gia khởi nghĩa Yên Bái.



Lính Đông Dương tại Vladivostok. 1919

cổ vấn dân sự cho chính quyền thuộc địa thời đó được tặng thưởng thẻ bài huân chương «Đại Nam Long bội tinh» (Ordre impérial du Dragon d»Annam), loại dành cho sĩ quan.

Những năm 1920 là thời kỳ quan trọng trong việc phát triển nền công nghiệp Việt Nam. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất Pháp gia tăng đáng kể đầu tư vào Đông Dương. Xứ Bắc kỳ trở thành trung tâm khai thác than và kim loại màu lớn ở Đông Nam Á. Than lúc bấy giờ là mặt hàng xuất khẩu quan trọng thứ hai sau lúa gạo. Lấy ví dụ năm 1927 có hai phần ba sản lượng khai thác than trong nước được đưa ra nước ngoài. Xứ Đông Dương thuộc Pháp hóa ra là nơi giàu khoáng sản, và chính ngành công nghiệp khai khoáng đã trở thành cơ sở hình thành nền giai cấp vô sản Việt Nam. Chỉ riêng trong ngành công nghiệp than đã có tới gần 30 nghìn công nhân.



Ghi chép đầu tiên tại Liên Xô về việc tìm kiếm dầu mỏ ở bắc bộ. Tạp chí «Kinh tế dầu mỏ». 1927

Người Pháp có những hy vọng nhất định gắn với việc tìm kiếm dầu mỏ. Năm 1901 họ đã khoan những giếng thăm dò đầu tiên ở vùng Đà Nẵng (miền Trung Việt Nam), nhưng đều là giếng cạn¹. Năm 1910 sự chú ý của các nhà địa chất Pháp tập trung vào vùng ngoại ô thành phố Yên Bái nằm ở phía bắc sông Hồng, cách Hà Nội 150 km về phía tây bắc. Ở đây trước đó đã phát hiện hiện tượng lồi dầu, năm 1910–1911 một số hoạt động thăm dò đã được tiến hành: đào hố thăm dò, lấy mẫu, thi công hai giếng khoan tương đối nông — 52 m và 22 m. Ở độ sâu 35 m đã phát hiện ra một lớp cát đen có mùi dầu khá đậm. Năm 1922 nhà địa chất — chuyên gia dầu mỏ nổi tiếng người Pháp là Pierre Viennot đã từng nghiên cứu hai giếng khoan này.

Trích «Tư liệu lưu trữ» của tạp chí «Kinh tế dầu mỏ và đá phiến», số ra tháng 3/1923: «Sau một thời gian dài nghiên cứu tại Bắc bộ (Đông Dương thuộc Pháp) đã phát hiện các mỏ dầu, hơn nữa cấu tạo địa chất của địa phương này rất đặc trưng cho cấu trúc của vùng chứa dầu. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà địa chất chính phủ tại Bắc kỳ, triển vọng khai thác là khá quan»².

Tuy nhiên những nghiên cứu sau đó đã thay đổi hoàn toàn đánh giá này. Vào tháng 7/1925 «Bản tin Hội địa chất Pháp» đã đăng một bài báo của Pierre Viennot nhan đề «Ghi chép về mỏ dầu Yên Bái (tại Bắc bộ) và vùng phụ cận». Ông đã đưa ra một số đánh giá tích cực như lớp trầm tích dày (tới 1000 m) độ tuổi thuộc kỷ Đệ Tam, số lượng đáng kể nếp uốn lồi, song kết luận chung lại không khả quan: «Với điều kiện hoạt động kiến tạo địa chất đa dạng và có cường độ mạnh như vậy hầu như không thể trông đợi việc tích tụ hình thành nên các vỉa dầu công nghiệp»³. Theo đánh giá sau này của nhà địa chất Liên Xô Sh. K. Kitovani, những nhận định như thế này đã trở thành phán quyết — việc thăm dò dầu khí đã bị dừng lại.

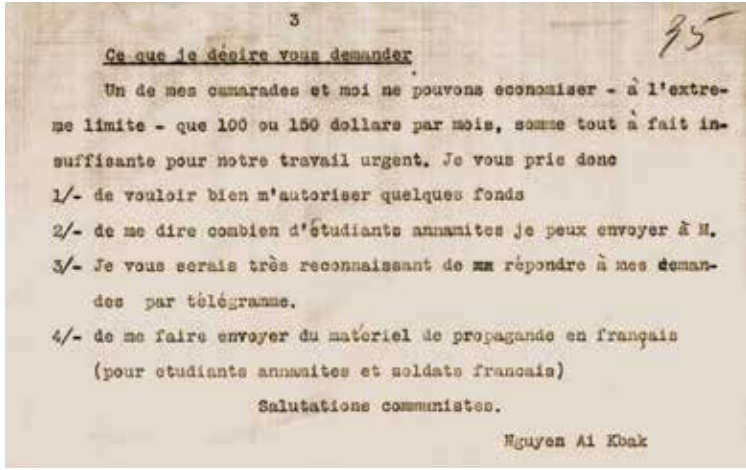
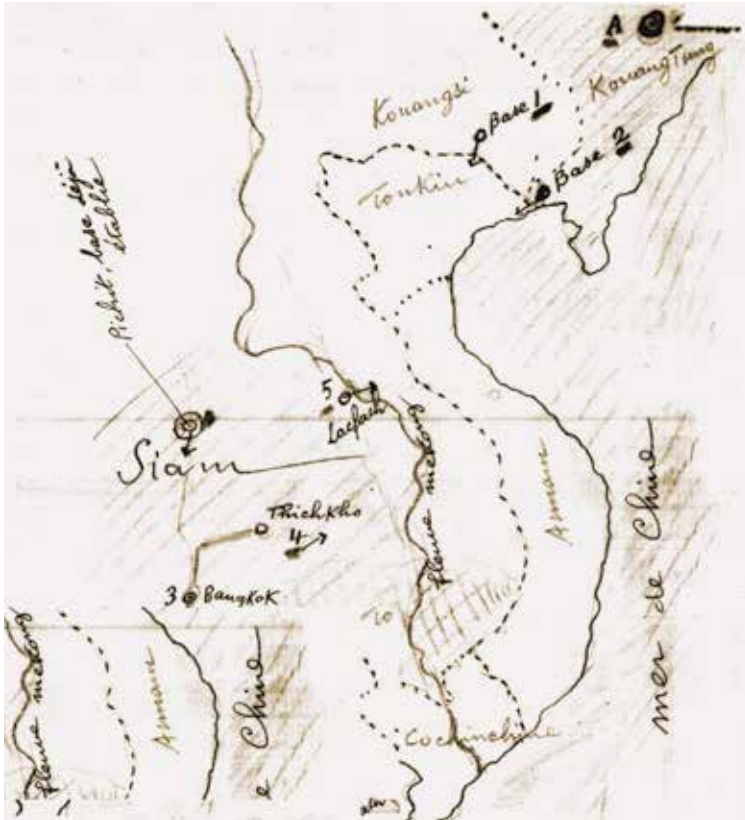
Tuy nhiên Yên Bái lại nổi danh không phải nhờ mỏ dầu.

Ở Việt Nam luôn luôn có những người anh hùng sẵn sàng hy sinh vì tự do của đất nước. Tinh thần phản kháng luôn tiềm ẩn trong tất cả các tầng lớp dân chúng xã hội Việt Nam, từ người nông dân

^[1] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam (3 tập). Hà Nội, 2011. Tập 1, tr. 11

^[2] Tư liệu lưu trữ. Đông Dương thuộc Pháp // Khai thác dầu và đá phiến. 1923. №3, Tr. 554.

^[3] Trích dẫn theo: Damperv D. R. Viennot. Ghi chép về mỏ dầu Yên Bái (tại Bắc bộ) và vùng phụ cận. Bản tin Hội Địa chất Pháp. Tr. 592–603. 6/1925 // Khai thác dầu mỏ. 1927. № 5. tr. 714.



Bản đồ Việt Nam do đồng chí Nguyễn Ái Quốc vẽ, thể hiện rõ ba vùng đất lịch sử Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ

Một đoạn thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi sang Matxcova kèm bản đồ bố trí các cơ sở bí mật tại bán đảo Đông Dương

Những lời dạy đó cũng có thể vận dụng cho lĩnh vực dầu mỏ tại Việt Nam: lao động đổ mồ hôi công sức hàng ngày, nghiên cứu các mỏ trong thời gian dài, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, chỉ có như vậy mới có thể cung cấp dầu mỏ cho đất nước.

«Có một chính đảng như thế!»

Nguyễn Ái Quốc lao vào công việc cụ thể. Vào tháng 10/1924 Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản đã đáp ứng nguyện vọng kiên trì của Nguyễn Ái Quốc và cử đồng chí đến miền Nam Trung Quốc dưới tư cách đại diện của Quốc tế Cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc đã tới Canton (Quảng Châu), trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc Trung Quốc và trụ sở của Quốc dân đảng. Trên danh nghĩa đồng chí là phiên dịch cho phái bộ Liên Xô bên cạnh chính phủ Trung Hoa dân quốc của lãnh tụ Quốc dân đảng Tôn Trung Sơn và phóng viên hãng thông tấn Nga (ROSTA) tại miền nam Trung Quốc. Đồng chí làm việc ở Quảng Châu dưới họ Nilovsky, nhưng các chuyên gia Liên Xô quen gọi là đồng chí Lý An Nam, hay đơn giản là đồng chí Lý.

Chỉ sau hai năm rưỡi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã thành lập nên Thanh niên cách mạng Đồng minh hội, về sau tổ chức ra nhiều chi hội hoạt động ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng. Ở Canton nhờ công sức của đồng chí đã mở được những khóa học đặc biệt đào tạo các chiến sĩ hoạt động cách mạng. Giảng viên tại những khóa học này là các cán bộ chỉ huy quân sự Liên Xô lúc đó là cố vấn cho chính quyền Trung Hoa dân quốc ở Canton. Nhờ có đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đầu năm 1926 đã có nhóm thanh niên yêu nước Việt Nam đầu tiên được sang Matxcova học tập. Họ sẽ học để trở thành những nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Chính nhóm thanh niên này đã đi những bước đầu tiên khai mở con đường gửi các chàng trai cô gái Việt Nam sang Liên Xô học tập sau này.

Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ liên lạc với Quốc tế cộng sản, đồng chí thường gửi thư về đó, thông báo về những sự kiện xảy ra ở địa bàn hoạt động, mô tả công việc của mình và đề nghị hỗ trợ tài chính cho những hoạt động ban đầu.

Vào tháng 4/1927 lãnh đạo khối quân sự của Quốc Dân đảng là Tướng Giới Thạch tổ chức đảo chính, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Matxcova qua đường hoang mạc Gobi vô cùng vất vả. Song đầu mùa hè năm 1928 Ban chấp hành Quốc tế cộng sản sau khi nhận được nhiều lời đề nghị đã cử người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương, nơi đồng chí sau đó lưu lại 4 năm.



Công ty Shell là nguồn cung cấp xăng dầu chủ yếu cho Việt Nam. Quảng cáo của công ty Shell trên đường phố Sài Gòn



Văn phòng công ty Franco-Asiatique des Pétroles Co. Sài Gòn (Tp. Hồ Chí Minh). 1930

Miền đông Xiêm La, Malaya, Bắg Cốc, Hồng Kông — đó là địa bàn hoạt động của Nguyễn Ái Quốc. Bản đồ hoạt động đó đã để lại dấu ấn sâu đậm không chỉ trong tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này, mà còn đối với toàn bộ phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam. Chính nhờ sự xuất hiện của vị sứ giả từ Quốc tế cộng sản mà hoạt động của các lực lượng yêu nước, một phần trong đó đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị từ thời gian ở Canton, được đẩy mạnh hơn nhiều.

Vào đầu tháng 2/1930 đại diện của tất cả các tổ chức cộng sản ở Việt Nam dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã họp hội nghị thống nhất quan điểm và ra nghị quyết thành lập một chính đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là thành tựu cơ bản quan trọng nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này. Trong cả chiều dài lịch sử của mình Đảng đã đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam (từ năm 1951–1976), hiện là Đảng Cộng sản Việt Nam (CPV), từ khi thành lập đến nay luôn luôn giữ vững vai trò lãnh đạo phát triển đất nước.

Trích cuốn sách của nhà báo Pháp Jean Dorsenne «Mối nguy hiểm đỏ ở xứ Đông Dương» («Le Pêril rouge en Indochine», 1932): «Nguyễn Ái Quốc tới Cửu Long (Kowloon)/ngoại vi Hồng Kông — chú thích của tác giả/. Với phong thái vững tin, ông đảm nhận quyền lãnh đạo công việc, triệu tập đại biểu đại diện các nhóm cộng sản khác nhau, chỉ thị cho họ tập hợp và tuân theo chỉ thị của ông. Uy tín của ông cao đến mức không một ai phản kháng, tất cả những chỉ dẫn của ông đều được nghiêm túc thực hiện răm rắp. Nguyễn Ái Quốc, một người An Nam nhỏ bé, người thợ sửa ảnh trên tầng áp mái trong một căn gác ở Paris, Nguyễn Ái Quốc, với cơ thể suy yếu do bị bệnh lao ăn mòn, là nhân vật có cốt cách của một vị lãnh tụ. Ban Phương Đông [của Quốc tế Cộng sản — chú thích của tác giả] đã ra quyết định tập hợp các nhóm cộng sản An Nam thành một liên đoàn thống nhất được thành lập ở Singapore cho các đảo thuộc Ấn Độ. Song Nguyễn Ái Quốc chỉ đồng ý tuân theo chỉ thị của Matxcova, ông cử trợ lý của mình là Quang Đạt mang theo một số kiến nghị sang Thượng Hải gặp Ban Phương Đông. Tóm lược những ý kiến đó là: ba đảng đang cạnh tranh nhau, dưới sự lãnh đạo của đồng chí đã nhất trí họp nhất thành một chính đảng mới, có tên là Việt Nam Cộng sản Đảng, chính đảng mang tính chất dân tộc và sẽ trực thuộc Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

cho đến doanh nhân. Tất cả các lực lượng yêu nước đều biết đến tên tuổi Phạm Hồng Thái, người vào tháng 6/1924 tại tô giới Sa Diện ở Quảng Châu đã quảng lựu đạn để ám sát Toàn quyền Đông Dương Martial Merlin. Những tư tưởng dân tộc chủ nghĩa hồi đó rất phổ biến trong giới trí thức An Nam, tầng lớp đã thành lập Đảng Dân chủ của mình năm 1927. Người ta đề cao phương pháp cách mạng tiểu trừ cá nhân và trông cậy vào những người có âm mưu bạo loạn lúc đó là một số nhóm cách mạng có khả năng thực hiện đảo chính.

Dưới ảnh hưởng tuyên truyền, vào đêm ngày mùng 9 rạng sáng ngày mùng 10/2/1930, 200 lính Đông Dương của trại lính Yên Bái đã nổi dậy, giết chết vài sĩ quan Pháp và chiếm các kho vũ khí.

Lực lượng lính tập Đông Dương (lính khổ đỏ) nằm trong thành phần quân đội thuộc địa Pháp, được chiêu mộ gồm toàn người Việt Nam. Chính lực lượng này trong thành phần quân đội viễn chinh Pháp đã đổ bộ vào Vladivostok năm 1918 và hành quân tới tận vùng Ural của nước Nga.

Ngày hôm sau, sau khi khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, các đơn vị lính tập cũng nổi dậy tại một số điểm dân cư ở các tỉnh Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương và Kiến An. Song dân địa phương — nông dân, thợ thủ công, thương gia — lại đứng ngoài phong trào này. Tại phần lớn các tỉnh thành tình hình hoàn toàn yên ắng. Thực dân Pháp điều lực lượng quân sự lớn chống lại quân khởi nghĩa. Những người lãnh đạo khởi nghĩa bị bắt và hy sinh trên máy chém. Hàng trăm người tham gia khởi nghĩa bị xử tử hoặc chịu án lưu đày khổ sai chung thân.

Những sự kiện ở Yên Bái, dù cho đó là tìm kiếm dầu mỏ hay đấu tranh giành độc lập, đều cho thấy rằng chỉ có thể đạt được mục tiêu khi đổ nhiều mồ hôi công sức. Anh không thể nào giành được tự do, cũng như dầu mỏ, theo kiểu tấn công chớp nhoáng của hình kỵ binh!

«Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng công nhân và nông dân, chứ không phải là của một nhóm người nào, — đồng chí Nguyễn Ái Quốc vẫn thường nhắc đi nhắc lại với các thanh niên yêu nước Việt Nam. — Nhiệm vụ chính của chúng ta — đó là hàng ngày kiên nhẫn tiến hành trên thực tế công việc động viên quần chúng nhân dân».

Chính quyền xô viết, hết sức phấn khởi trước thành tích của người được mình ủy nhiệm, liền phê duyệt tất cả những đề xuất khởi đầu hoạt động của ông.<...> Tại Nam kỳ đồng chí tiến hành thành lập các công hội trong giới công nhân Công ty Franco-Asiatique des Pétroles, kho vũ khí, các nhà máy điện Sài Gòn và Chợ Lớn, Công ty Charner, công ty khai khoáng và các nhà máy cơ khí, đài phát thanh Mỹ Tho, Dĩ An, công nhân đường sắt, đầu bếp, thủy thủ v. v... Công việc tương tự cũng được tiến hành ở Bắc kỳ, Hải Phòng (các nhà máy giấy, nhà máy tơ, nhà máy xi măng, nhiệt điện...), Nam Định, vùng mỏ than Hòn Gai, Ở vùng Trung kỳ, Vinh, phong trào lan rộng tại cơ sở đường sắt, công ty chế biến gỗ, công ty của người Lào, các trường học»¹.

Với sự xuất hiện của một lực lượng có tổ chức là Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào công nhân và nông dân trở nên lớn mạnh và đã lên tới đỉnh điểm vào thời kỳ 1930–1931. Nếu như năm 1924 xảy ra 9 cuộc đình công, thì năm 1929 con số đó lên tới 24, năm 1930 là 89 cuộc. Trong số những người tham gia hoạt động đình công có một số đại diện các hãng dầu lửa hoạt động ở Nam kỳ. Trong một tài liệu được những người cộng sản Đông Dương gửi về Quốc tế Cộng sản có nói trong số công nhân đình công năm 1930 có công nhân ngành xăng dầu ở Nhà Bè². Trong một bức thư đề năm 1931 có nêu: «Trong vòng mấy tháng gần đây chúng tôi có một loạt các cuộc đình công (công nhân hãng Standard Oil Co. và Franco-Asiatique des Pétroles ở Nhà Bè, gần Sài Gòn)». Trong một bài viết gửi đăng trên tạp chí Inprecor của Quốc tế Cộng sản tại châu Âu, những người cộng sản Việt Nam đã đưa tin: «Từ ngày mùng 1 đến ngày 20 tháng 4 đã diễn ra 5 cuộc đình công, trong đó quan trọng nhất là cuộc bãi công của công nhân hãng Standard Oil Co. và Franco-Asiatique des Pétroles Co. Cuộc đình công này bắt đầu ngày mùng 9/1 với sự tham gia của 300 công nhân hãng đầu tiên; sau đó vào ngày 14/1 thu hút thêm công nhân của hãng xăng dầu thứ hai với số lượng 200 người (Sài Gòn)».

Ngày 06/6/1931 lãnh tụ của những người cộng sản Việt Nam bị bắt. Cuộc đấu tranh đòi thả tự do cho Nguyễn Ái Quốc kéo dài trong 2 năm. Báo chí thậm chí đã đăng tin ông chết trong tù.

¹ Viện lưu trữ quốc gia Nga về lịch sử chính trị xã hội (sau đây gọi tắt là RGASPI), Phòng 495. Danh mục 154. Hồ sơ 576, Tờ 177–178.

² RGASPI, Phòng 495, Danh mục 154, Hồ sơ 563, Tờ 143.



Liên Xô bắt đầu xây dựng những đường ống dẫn dầu và các nhà máy lọc dầu mới



Liên Xô bắt đầu đóng tàu chở dầu dành để phục vụ xuất khẩu các sản phẩm dầu khí

của nước ngoài vào Nga. Họ đã tuyên bố cấm vận thương mại và hàng hải đối với nước Nga Xô-viết, cuộc cấm vận kéo dài liên tục, không hề được dỡ bỏ ngay cả khi hoạt động can thiệp thất bại và cuộc nội chiến đẫm máu tại nước này kết thúc. Khi đó Pháp, với sự hiện diện lực lượng vũ trang nước này tại 3 phòng tuyến của Nga ở phía Nam (Crum, Ucraina), phía Bắc (Arkhangelsk) và vùng Viễn Đông, đại diện là thủ tướng Georges Clemenceau, là nước ủng hộ triệt để nhất việc kéo dài, thậm chí gia tăng can thiệp quân sự vào Nga, ngay cả sau khi cuộc can thiệp quân sự đó kết thúc một cách thảm hại thì nước Pháp vẫn tỏ ra không khoan nhượng trong quan hệ đối với nước Nga Xô-viết.

Khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên đến Liên Xô, «nhà nước công nông» đầu tiên ấy vẫn còn là một nhà nước bị ruồng bỏ. Các cường quốc trên thế giới không thể tha thứ cho việc tài sản của họ bị quốc hữu hóa, các khoản nợ của chính quyền Sa hoàng bị từ chối bồi hoàn, sự độc quyền về ngoại thương, và chiến dịch tuyên truyền chống chính phủ được tích cực thực hiện bởi Đảng Cộng sản (bolshevik) toàn Liên bang — VKP (b). Để trả đũa, các chủ sở hữu cũ của mỏ dầu, bao gồm không chỉ người Nga, mà còn cả người Anh, người Mỹ, người Pháp, người Bỉ, vào tháng 9 năm 1922 đã mưu toan tổ chức một «cuộc phong tỏa dầu lửa» đặc biệt. Bản chất của nó là

nhằm mục tiêu để không có nước nào buôn bán với nước Nga Xô-viết, trong đó có việc mua dầu mỏ của Nga, cho đến khi Nga trả lại hoặc chỉ ít là đền bù cho họ những cơ sở khai thác chế biến dầu mà Nga đã quốc hữu hóa. Thêm vào đó, từ một số chuyên gia có uy tín, người ta còn nghe được ý kiến cho rằng tình hình ngành công nghiệp dầu mỏ của người Nga tụt đến mức «trong nhiều năm tới, Nga sẽ là nhà nhập khẩu chứ không phải là nước xuất khẩu dầu mỏ» (Báo «Financial Times» của London đã viết như vậy ngày 10/5/1922).

Trích ghi chép của Thứ trưởng Dân ủy Ngoại giao Liên bang CHXHCNV M. M. Litvinov gửi Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản (bolshevik) toàn Liên bang ngày 05/6/1923: «Dầu mỏ là con át chủ bài lớn nhất trong ván bài của chúng ta với lực lượng tư sản quốc tế, chúng ta phải chơi ván bài đó sao cho có lợi nhất về chính trị. <...> Khi đi đến sự nhượng bộ lớn trong việc buôn bán về dầu mỏ, đồng nghĩa với việc đánh ra con bài tốt nhất của mình, thì chúng ta sẽ không thể thỏa mãn với việc đạt được thỏa thuận buôn bán với những nước như Anh, mà phải đạt được sự công nhận hoàn toàn về mặt ngoại giao»¹.

Các nhà ngoại giao và đại diện thương mại của Liên Xô ở nước ngoài đã phải đổ mồ hôi công sức trong một thời gian dài để vượt qua cuộc phong tỏa này. Trong số các luận chứng được phía Liên Xô dự kiến, ngoài bản thân mặt hàng dầu mỏ, còn có những nhượng bộ được công bố tại các hội nghị quốc tế ở Genova và La Hay. Bước đột phá chiến dịch phong tỏa đã dựa trên mong muốn cháy bỏng của các nước tư bản, đặc biệt là những nước nghèo về dầu mỏ như Pháp, hòng có được hoặc là dầu mỏ, hoặc là quyền khai thác nó trên lãnh thổ Liên Xô.

Và điều đó đã phát huy tác dụng!

Tất cả những dự đoán cho rằng những người bolshevik không có khả năng tổ chức nổi việc xuất khẩu dầu mỏ một cách ổn định đã sụp đổ. Vào ngày 31/5/1921 chiếc tàu chở dầu Polonya đã

¹ Khramov S. S. Những nhượng bộ của Liên Xô đối với nước ngoài. Bút ký lịch sử. Tài liệu: gồm 2 phần. Matxcova, 2006. Phần 1, tr. 159



Từ giữa những năm 1930 Liên Xô bắt đầu khai thác các mỏ dầu ngoài biển. Neftyahyie Kamni — là làng nhân tạo được xây dựng dành để khai thác dầu mỏ ngoài khơi vào những năm 1950

rời bến cảng Batumi. Đây là phương tiện vận tải đầu tiên chở sản phẩm dầu mỏ của Liên Xô trên boong. Bến đỗ cuối cùng của tàu là cảng Constantinopolis. Ở đó, toàn bộ lô hàng đã được bán cho công ty Sosisfros của Pháp.

Trích hồi ký của người đứng đầu Công ty Asneft A. P. Serebrovsky: «Ở Constantinopolis và khắp Địa Trung Hải khi đó đã ầm lên về việc người Pháp đã mua một lô hàng lớn sản phẩm dầu mỏ từ Liên Xô. Chúng ta chỉ mong có thể. Ngoài ra, chúng ta cần bột mì và đồng phục cho công nhân ở Baku. Tôi biết rằng công ty Sosisfros là nhà cung cấp lớn của bên quân đội Pháp. Thông qua nhân viên của họ, những người ta phải bồi dưỡng chút ít, tôi đã có được thông tin rằng công ty này có nhiều giày dép, vải vóc, quần áo, bột mì, đường và đồ hộp đang cần bán ra vì bên quân đội đang giảm lượng mua. Tôi đã yêu cầu một nhân viên bán tin cho giám đốc công ty ấy rằng chúng tôi không ngại nói chuyện với ông ta về chủ đề này, tất nhiên là với mức chiết khấu tốt. Người nhân viên này dĩ nhiên đã được trả tiền, và hai ngày sau đó viên giám đốc chính đã mời tôi ăn cơm trưa cùng với ông ta, điều đó có nghĩa là ông ta muốn trao đổi về một việc gì đó nghiêm túc. <...> Sau đó, nhờ vào các mối quan hệ, tôi đã có được một số thứ khác cho Baku. Tôi mua vật tư kỹ thuật, bóng đèn, ô tô và nhiều thứ khác»¹.

Những lô hàng đầu tiên bán ra chỉ là đơn chiếc và chưa có hệ thống, nhưng chỉ nửa năm sau khi «cuộc phong tỏa dầu mỏ» được tuyên bố, vào ngày 29/3/1923, tập đoàn dầu mỏ lớn nhất thế giới Royal Dutch Shell bất chấp thỏa thuận họ đã ký với các «chủ

sở hữu cũ», đã mua 75 nghìn tấn dầu của Liên Xô và đưa ra lời cam kết chắc chắn mua thêm 100 nghìn tấn nữa. Đó là bản hợp đồng với một công ty con của hãng Shell — Asiatic Petroleum Company, hoạt động tại các thị trường châu Á, bao gồm cả Đông Dương.

Việc xuất khẩu các sản phẩm dầu mỏ từ Liên Xô trong những năm 1920 đã tăng trưởng đều đặn. Nếu như giai đoạn năm thương mại 1922–1923 Liên Xô đã xuất khẩu 335 nghìn tấn dầu và các sản phẩm dầu, thì ngay năm thương mại sau đó 1923–1924 — đã xuất được 783 nghìn tấn, và trong năm 1924–1925 lượng xuất khẩu đã lên đến 1 triệu 380 nghìn tấn.

Bất chấp sự phản đối của một số giới ở Pháp, việc cung ứng xăng dầu của Liên Xô tới thị trường này ngày càng gia tăng, ngay người đứng đầu hiệp hội các nhà cung ứng độc lập của tập đoàn Pétrofina Française cũng đã bày tỏ hy vọng rằng với việc hiện đại hóa các nhà máy lọc dầu, «Liên Xô sẽ có thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu về xăng của tập đoàn độc lập này của Pháp». Trong một cuộc phỏng vấn với tạp chí Pháp «Courier de Petrol» ngày 29/1/1926, giám đốc Pétrofina Française là Leon Vanger lưu ý rằng công ty của ông «chỉ có thể hài lòng với những thỏa thuận mới của mình với Neftesyndikat [ngành đoàn của Liên Xô được thành lập để kinh doanh sản phẩm dầu mỏ. — *Chú thích của tác giả*] và chỉ mong muốn một điều — là sự phát triển của những thỏa thuận đó».

Một trong những thành tựu chính của chính sách này là phá vỡ được sự phong tỏa về ngoại giao. Vào năm 1925 Liên Xô đã được Anh, Pháp và các nước khác công nhận. Dầu mỏ Liên Xô là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình đó.

* * *

Gần nửa thế kỷ trôi qua kể từ sau khi Liên Xô được công nhận, hai miền Nam Bắc của Việt Nam đã thống nhất về trong một nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần, nhưng dầu lửa như trước đây

¹ Serebrovskiy A. P. Trên mặt trận dầu mỏ. Matxcova, 2015. tr. 73–74

vẫn là «con át chủ bài» trong chính sách đối ngoại, chỉ có điều giờ đây là chính sách đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất dù bị tàn phá nặng nề. Trước Việt Nam là cả một mặt trận hàng loạt nước tư bản sẵn sàng giúp khôi phục đất nước bị tàn phá bởi cuộc chiến tranh kéo dài để đổi lấy dầu mỏ.

Vào mùa xuân năm 1976 «dầu mỏ Việt Nam» đã thành chủ đề nóng hổi trên báo chí phương Tây.

Trích bài báo «Cuộc đấu tranh giành dầu mỏ Việt Nam» trên tạp chí Far Eastern Economic Review (Hong Kong) ngày 20/2/1976: «Chuyên gia Nhật Bản về dầu mỏ châu Á Katsutoshi Murakami cho rằng công nghệ mới nhất của Mỹ có sức hấp dẫn đối với Hà Nội, nhưng hiện tại Washington cấm các công ty Mỹ tham gia vào bất kỳ giao dịch thương mại nào với Hà Nội. Một số nhà quan sát Nhật Bản tin rằng Washington sẽ dỡ bỏ lệnh cấm vận của mình sớm hơn so với phán đoán của nhiều người. Những người khác nói rằng người Mỹ có thể sử dụng các chi nhánh hiện có hoặc lập ra những chi nhánh mới để quay lại Việt Nam. <...> Nhưng nếu vì một lý do nào đó các công ty Mỹ không thể tham gia vào việc này, hoặc nếu các công ty Pháp hay Nhật Bản được phép quay lại khu vực này và họ muốn hành động độc lập, không có người Mỹ, thì có thể nảy sinh một số vấn đề. <...> Hà Nội, rõ ràng, sẵn sàng đàm phán về việc khai thác dầu mỏ, và cuộc đấu tranh giữa các công ty dầu mỏ lớn để giành lấy một chỗ đồn trú ở vùng bờ biển Việt Nam vị tất đã giảm nhiệt».

Về phân minh, tờ «New York Times» ngày 25/4/1976 đã viết: «Bất chấp sự giá lạnh vẫn đang tiếp diễn trong quan hệ chính trị giữa Hà Nội và Washington, Việt Nam đã âm thầm đề nghị một số công ty dầu lửa Mỹ đưa ra đề xuất về việc nối lại hoạt động thăm dò dầu mỏ trên thềm lục địa ven biển, mà trước đó một năm đã chấm dứt khi miền Nam Việt Nam chuyển sang tay những người cộng sản. Các công ty dầu mỏ của Mỹ, cũng như Canada, Pháp, Nhật và Anh, đã liên tục tiến hành các cuộc đàm phán bí mật với người Việt Nam và rõ ràng, họ sẵn sàng khôi phục việc khoan thăm dò ở vùng Biển Đông có tiềm năng chứa rất nhiều dầu mỏ».



«Những tháp khoan trên sóng» Ảnh của tạp chí «Liên Xô trên công trường xây dựng»

Những tháp khoan vượt trên sóng biển, hay là Những bức ảnh của một tờ tạp chí đã biến mất...¹

Ngày 02/9/1945 trên quảng trường Ba Đình đã diễn ra buổi lễ tuyên cáo thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng đó mới chỉ là thắng lợi bước đầu. Cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ vì độc lập tự do vẫn còn tiếp diễn.

Ngày 02/1/1950, một nhóm nhỏ người Việt Nam đã vượt biên giới Việt — Trung ở tỉnh Cao Bằng và thâm nhập sâu vào lãnh thổ Trung Quốc. Họ không khác biệt gì về ngoại hình so với người Nùng, một dân tộc thiểu số ở vùng núi phía bắc Việt Nam. Mỗi người trong số họ đeo một cái túi sau lưng, một số còn mang theo cả súng trường. Vùng rừng núi tiếp giáp với đường biên giới từ cả hai phía là nơi tụ tập của các nhóm vũ trang đủ mọi chủng loại: từ quân bại trận Quốc Dân đảng của Trung Quốc cho đến bọn cướp thông thường, vì vậy nên đội quân «mang túi» có vũ trang không làm ai nghi ngờ và cũng không thu hút sự chú ý của đại đa số những người nông dân bắt gặp họ trên đường.

Nhóm người Việt Nam đi sâu vào đất Trung Quốc. Đến Nam Ninh họ lên một chiếc xe tải của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, khi đến Vũ Hán thì chuyển sang tàu hỏa đi thẳng tới Bắc Kinh. Sau ba tuần kể từ khi vượt qua biên giới nhóm du khách đó đã tới thủ đô nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ở khắp mọi nơi họ đều được đón tiếp trọng thị, song không phô trương, bí mật về chuyến đi của phái đoàn Việt Nam được cố gắng giữ kín. Song việc giữ bí mật đó cũng không thành: một vài tờ báo của Mỹ và châu Âu dẫn nguồn tin giấu tên thường là các cơ quan tình báo đứng sau, đã đưa tin người đứng đầu nước Việt Nam độc lập Hồ Chí Minh đã tới Bắc Kinh. Sự ngạc nhiên của công chúng độc giả hẳn còn lớn hơn nữa nếu như họ biết được đích đến cuối cùng của chuyến đi này.

Trích bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi I. V. Stalin ngày 07/2/1950: «Tôi mong muốn chuyến đi của tôi tới Matxcova được giữ bí mật bởi hai nguyên nhân. Thứ nhất, bởi vì việc tôi rời Việt Nam chỉ có một vài ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản và hai thành viên Chính phủ được biết. Thứ hai, tôi nghĩ rằng nếu người Pháp biết việc tôi rời Việt Nam thì họ có thể tiến hành các hành động quân sự và chính trị».

Một tuần trước khi diễn ra sự kiện này Liên Xô đã chính thức công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và giờ đây vị Chủ tịch của nhà nước ấy đã sang Matxcova để thảo luận những vấn đề liên quan đến việc viện trợ kỹ thuật quân sự cho đất nước mình».

Trong giai đoạn đó Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa thể để tâm đến dầu mỏ, tuy Người hết sức quan tâm đến mọi sự việc diễn ra tại Liên Xô, nơi Người đã rời khỏi 9 năm trước, đất nước đang tích cực khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá. Bằng chứng cho mối quan tâm này là cuốn họa báo «Liên Xô trên công trường xây dựng» mà Người đã chú ý đến trong cả tập tài liệu chuẩn bị cho Người. Qua những trang tạp chí đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã từng sống trong những lán trại đơn sơ vùng rừng núi, dường như lạc vào thế giới cổ tích.

Trích hồi ký của Tổng Bí thư TW Đảng Cộng sản Liên Xô N. S. Khrushhev: «Trong cuộc trò chuyện của chúng tôi, đồng chí Hồ Chí Minh hầu như không hề rời cặp mắt kỳ lạ của mình khỏi Stalin. Tôi có thể nói rằng ông có một ánh mắt trong sáng, gần như ngây thơ như con trẻ. Tôi nhớ ông đã lấy từ trong cặp ra một cuốn tạp chí của Liên Xô — hình như là cuốn họa báo «Liên Xô trên công trường xây dựng» — và đề nghị Stalin ký tên... Ông rất vui khi về Việt Nam có thể cho mọi người xem chữ ký của Stalin. Stalin đã ký tên, song lại kín đáo lấy lại cuốn tạp chí có chữ ký của mình, chắc sợ đồng chí Hồ Chí Minh có thể sử dụng thế nào đó không đúng».

Trích hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam: «Trong một cuộc họp bàn công việc, khi nhìn thấy trên bàn [của Stalin — chú thích của tác giả] cuốn tạp chí Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cầm lấy cuốn tạp chí và đề nghị Stalin ký tên lưu niệm. Stalin mỉm cười đáp ứng yêu cầu của Người, sau đó chuyển qua các đồng chí Molotov, Kaganovich ngồi bên cạnh để họ cùng ký tên. Chủ tịch Hồ Chí Minh cầm cuốn tạp chí về phòng mình, nhưng ngày hôm sau cuốn tạp chí đã biến mất».

Các nhà sử học cho đến giờ vẫn còn tranh cãi về các tình tiết và giả thuyết của câu chuyện này. Song cả Nikita Khrushhev và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều đúng: Trong kho lưu trữ cá nhân của Stalin cho đến ngày nay vẫn còn lưu giữ cuốn tạp chí nói trên có bút tích của các nhà hoạt động cách mạng Liên Xô và Trung Quốc với dòng chữ: «Tặng đồng chí Hồ Chí Minh quý mến từ Stalin. 10. II. 1950»¹.

Đó là cuốn tạp chí số tháng 11 năm 1949 dành để ca ngợi các Anh hùng Lao động XHCN. Trang bìa trên nền sóng Matxcova uốn khúc và các khu nhà lân cận in hình những người thợ hàn trên cao đang hàn khung thép của một trong những «tòa nhà chọc trời Stalin». Cảnh tượng trông thật hoành tráng! Trang sau là ảnh đại nguyên soái Stalin cũng được phong tặng danh hiệu cao quý này đang nhìn thẳng vào độc giả. Ảnh những công nhân xây dựng, những người trồng lanh và chế biến thuốc lá, các nhà địa chất, công nhân đường sắt, thợ trồng lúa mì được in trong tạp chí thật sự đã chứng minh hùng hồn cho sự hồi sinh của Liên Xô từ đống đổ nát do bị chiến tranh tàn phá, gọi nên sự hào hứng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như bất kỳ độc giả nào.

Một trong những bài viết của tạp chí kèm theo phóng sự ảnh ngắn dành riêng để giới thiệu về một người công nhân dầu



Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Baku

Phòng truyền thống của Tập đoàn Dầu khí PetroVietnam

mỏ Baku, Anh hùng Lao động XHCN: «Những mỏ dầu ở Bibi-Eybat trước đây, nơi người công nhân Gul Bala-ogly Aliev đã làm việc trong suốt nửa thế kỷ, nay đã đổi khác đến không thể nhận ra. Được mở rộng và trang bị công nghệ tiên tiến của Liên Xô, các mỏ đó đang cung cấp dầu lửa cho đất nước, hiện nay dầu không chỉ được khai thác từ đất liền, mà còn từ các giếng khoan ở đáy biển Caspian.» Bức ảnh chụp một cơ sở khai thác dầu mỏ ở Vịnh Bibi-Eybat. Đây tháp khoan, giống như cột buồm của những con tàu, đang nhô cao lên trên mặt nước và vươn xa tới tấp, tới tận chân trời.

Biết đâu được, có thể đó chính là thời điểm lần đầu tiên Bắc Hồ của chúng ta áp ủ ý tưởng thể hiện trong câu nói linh ứng đã đặt nền tảng khởi đầu nên ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam: «Nước nào có dầu mỏ sẽ nhanh chóng trở nên giàu có!».

^[1] Bài viết tổng hợp tư liệu của một số bài báo: Selivanov I. N. Hồ Chí Minh và I. V. Stalin: một số sự kiện trong lịch sử quan hệ Xô-Việt // Bản tin người lưu trữ. 2010. № 2. Tr. 3–23.; Sokolov A. A. Hồ Chí Minh: những chuyến thăm Liên Xô năm 1950 và 1952. Lịch sử «hồi ký» // Những nghiên cứu về Việt Nam. 2011. № 1. Tr. 260–301 (nguồn Internet: https://cyberleninka. ru /article / n / ho-shi-min-poezdki-v-sssr-v-1950-i-1952-gg-memuarnaya-istoriya. Ngày trích tư liệu: 19/5/2018).

^[1] RGASPI. Phòng 58. Danh mục 11. Hồ sơ 1666. Tờ 1. (nguồn số hóa: http://sovdoc. rusarchives. ru / #showunit&id=13194. Ngày trích xuất: 20/6/2017)

«Sự nghiệp xây dựng các công trình lớn ở Việt Nam DCCH sẽ gặp khó khăn nếu không tổ chức được việc cung ứng xăng dầu...»

Vào tháng 7 năm 1955 Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa đến Matxcova. Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của Người trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trước đó không lâu, ngày 23/5/1955 tại phiên họp của Đoàn Chủ tịch TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô diễn ra dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư N. S. Khrushchev đã thông qua quyết định về việc «Liên Xô viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để khôi phục kinh tế». Tại phiên họp này các đại biểu cũng đã phê duyệt dự thảo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng Liên bang CHXHCN Xô-viết về vấn đề nói trên. Ngoài ra cũng quyết định giao cho Bộ Ngoại thương Liên Xô triển khai ngay việc cung cấp sang Việt Nam những loại hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế quốc dân và nhân dân Việt Nam mà không đợi đến khi hai bên ký kết hiệp định chính thức về nội dung này¹. Ngày 18/7/1955 hai nước ký Hiệp ước về việc Liên Xô viện trợ kinh tế cho miền Bắc Việt Nam và Hiệp ước thương mại, hai văn kiện này đã trở thành điểm khởi đầu cho quan hệ hợp tác kinh tế thường xuyên giữa hai nước. Trước đó mọi sự giúp đỡ của Liên Xô cho Việt Nam đều thông qua nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Mặc dù trong thời kỳ này, Liên Xô vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau cuộc chiến tranh tàn phá khốc liệt kết thúc cách đó 10 năm, song đất nước Xô-viết vẫn cam kết không chỉ viện trợ không hoàn lại những sản phẩm và hàng hóa cần thiết mà còn khôi phục hoặc xây dựng mới hàng loạt các xí nghiệp công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam. Đó là những ngành sản xuất có ý nghĩa quan trọng sống còn đối với Việt Nam — phục hồi hệ thống đường ống cấp thoát nước, ngành năng lượng, thông tin liên lạc, xây dựng các nhà máy chèn và các nhà máy chế biến thủy hải sản có khả năng cung cấp sản phẩm nhanh chóng. Đặc biệt chú ý đến việc tái thiết và phát triển hơn nữa ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam DCCH — phục hồi lại các cơ sở khai thác than, các mỏ quặng. Đối với nhu cầu

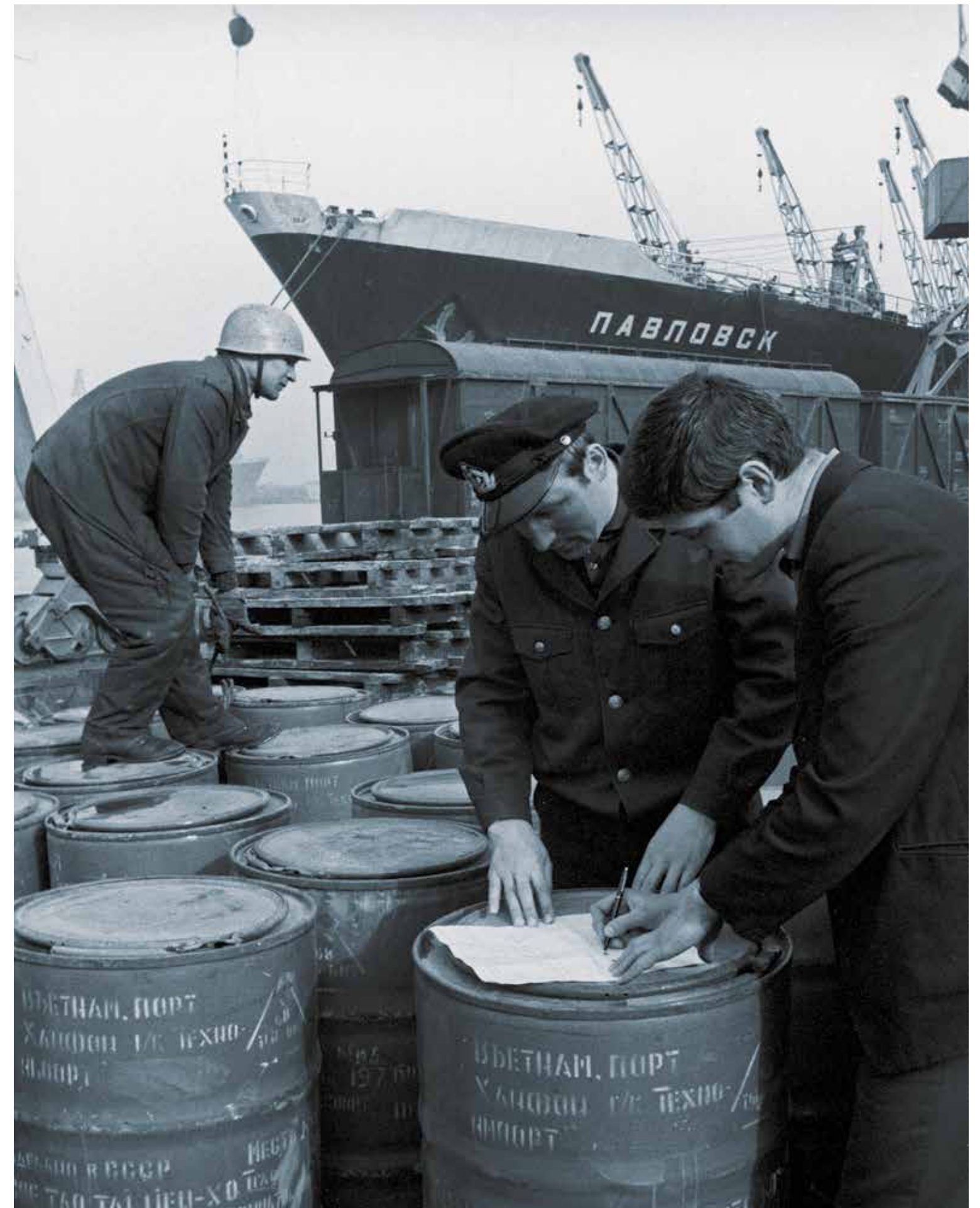
¹ Konoreva I. A. Những tài liệu lưu trữ mới về viện trợ của Liên Xô cho VNDCCH năm 1955 // Ghi chép của các nhà khoa học. Tạp chí khoa học online của Trường ĐHTH Kursk. 2016№3 (39). Nguồn internet: <https://elibrary.ru/item.asp?id=28280207>. Ngày trích tin: 08.05.2017).

phục hồi nền kinh tế quốc dân của miền Bắc Việt Nam, Liên Xô lên kế hoạch chi 400 triệu rúp, và cũng đã cấp một khoản tín dụng ưu đãi trị giá 160 triệu rúp.

Hiệp định ký ngày 18 tháng 7 năm 1955 quy định việc bắt đầu cung cấp các loại sản phẩm dầu mỏ của Liên Xô cho VNDCCH, và ngày 29/7 năm đó đồng chí Đỗ Mười, Trưởng ban Quân quản thành phố Hải Phòng đã ký lệnh quốc hữu hóa các cơ sở xăng dầu nằm trong khu vực cảng Hải Phòng.

Ngày 03/10/1955, tàu chở dầu Drogobych đã chở lô sản phẩm dầu mỏ đầu tiên của Liên Xô đến Hải Phòng, khởi động sự hợp tác về xăng dầu giữa hai nước. Nhiệm vụ quan trọng nhất vào thời điểm đó là cải tạo và phát triển hệ thống cung ứng xăng dầu của đất nước. **«Ngoài nhiệm vụ chính là đáp ứng nhu cầu của Việt Nam DCCH về các sản phẩm dầu mỏ, — một chuyên gia Liên Xô đã viết, — việc xây dựng các kho chứa xăng dầu mang tính chất cấp bách và thực chất là giai đoạn đầu tiên và điều kiện tiên quyết để thực hiện chương trình viện trợ của Liên Xô trong kế hoạch xây dựng 25 nhà máy xí nghiệp ở Việt Nam, bởi vì nếu không tổ chức được việc cung ứng xăng dầu thì quá trình xây dựng này sẽ gặp khó khăn»¹.**

Việc cung cấp xăng dầu cho miền Bắc Việt Nam đã trở thành điểm then chốt của toàn bộ chương trình viện trợ kinh tế. Nếu không có xăng, dầu, nhiên liệu diesel, thì cả một số ít những cơ sở kỹ thuật còn lại ở Việt Nam sau khi thực dân Pháp rút đi, lẫn như những công trình sẽ được xây dựng tại đây theo chương trình viện trợ kỹ thuật của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đều không thể hoạt động được.



Những chuyến hàng đánh dấu «Việt Nam»! Từ năm 1955 bắt đầu mở rộng những chuyến hàng từ Liên Xô cung cấp cho nền kinh tế quốc dân của VNDCCH.
RIA Novosti

¹ Viện Lưu trữ kinh tế Nga (sau đây viết tắt là Viện lưu trữ RGAE). Phòng 8627. Danh mục 1, Hồ sơ 5116, Tờ 98.



«Gửi cho bạn đây, Việt Nam!» Các đầu mối chế tạo thiết bị kỹ thuật chuẩn bị được gửi đến nước Việt Nam DCCH.
RIA «Novosti»

Ghi chép mật của kỹ sư Gladkov

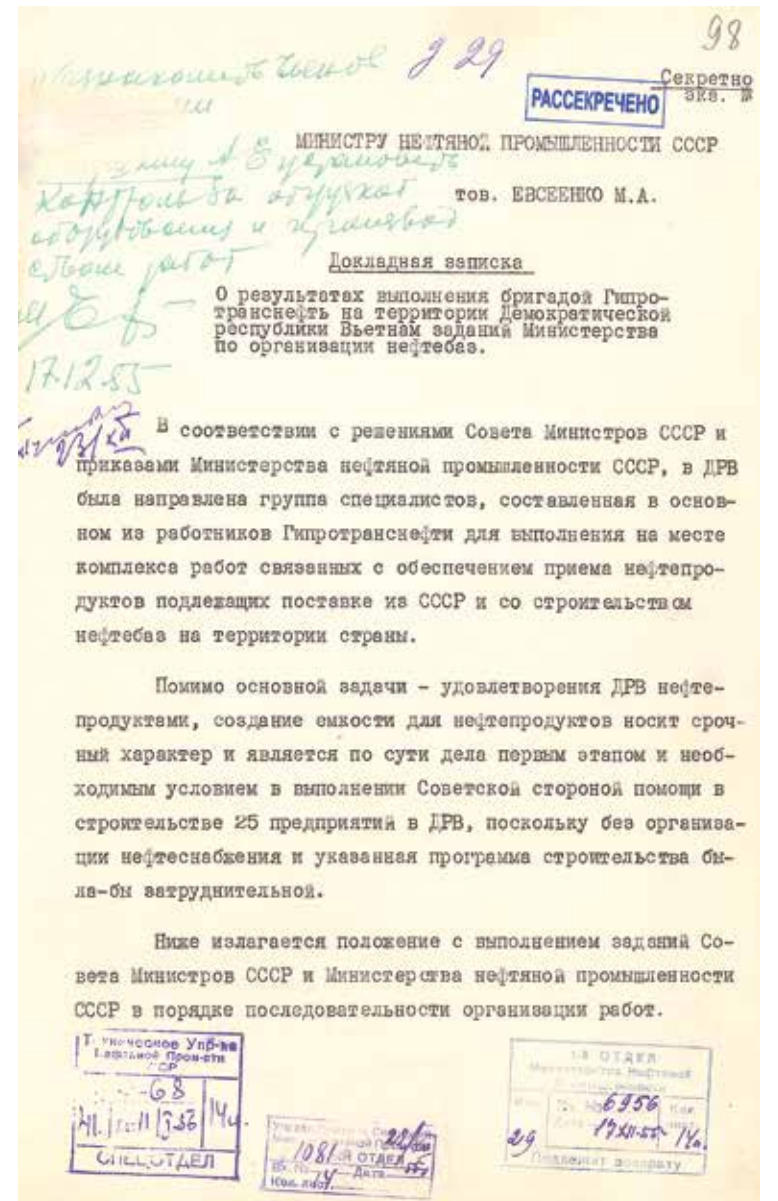
Khoảng gần hai tháng trước chuyến thăm chính thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Matxcova, ngày 23/5/1955, tại phiên họp của Đoàn Chủ tịch TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô diễn ra dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư N. S. Khrushchev đã thông qua quyết định về việc «Liên Xô viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để khôi phục kinh tế». Tại phiên họp này các đại biểu cũng đã phê duyệt dự thảo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng LBCHXHCNVX về vấn đề nói trên. Ngoài ra cũng đã quyết định giao cho Bộ Ngoại thương Liên Xô triển khai ngay việc cung cấp sang Việt Nam những loại hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân và nhân dân Việt Nam mà không đợi đến khi hai bên ký kết hiệp định chính thức về việc này.

Vấn kiện này là một phần không thể thiếu trong kế hoạch dài hạn để hỗ trợ một đất nước đang có nhu cầu rất lớn không chỉ về hàng hóa mà còn về viện trợ kỹ thuật. Trong đó lưu ý rằng, theo quyết định của chính phủ Liên Xô về việc viện trợ không hoàn lại cho VNDCCH để phục hồi nền kinh tế, 300 triệu rúp sẽ được cấp, trong đó Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô phân bổ theo nguyện vọng của Chính phủ VNDCCH như sau: 175 triệu rúp — để phục hồi và xây dựng 25 nhà máy xí nghiệp công nghiệp và tiện ích công cộng, 125 triệu còn lại — để cung cấp hàng hóa đáp ứng nhu cầu cấp bách của nền kinh tế quốc dân và nhân dân. Các bộ ngành liên quan được giao trách nhiệm thực hiện công tác thiết kế, cung cấp thiết bị, cáp điện, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật trong việc phục hồi và xây dựng, cũng như hiệu chỉnh và đưa vào vận hành các nhà máy xí nghiệp công nghiệp và tiện ích công cộng¹.

Bộ Công nghiệp Dầu khí được giao nhiệm vụ khẩn trương cử một nhóm chuyên gia đến miền Bắc Việt Nam để lựa chọn địa điểm, thiết kế và hỗ trợ xây dựng các kho chứa xăng dầu trong nội địa và vùng «cửa biển» Hải Phòng. Và ngay sau đó, giờ đây Bộ trưởng đã nhận được các báo cáo về tiến độ công việc.

Ngày 17/12/1955, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Dầu khí của Liên Xô M. A. Evseenko như thường lệ bắt đầu kiểm tra công văn đến ghi tên ông. Người trợ lý lưu ý ông về một công văn gửi đến từ Giprottransneft, viện nghiên cứu hàng đầu của Liên Xô về thiết kế đường ống và kho chứa xăng dầu. «Mikhail Andrianovich, hỗ trợ kỹ thuật! Vấn đề khẩn cấp!», — người trợ lý nói.

Ông Evseenko vớ lấy tờ giấy. Ông đã lãnh đạo Bộ được sáu tháng. Mỗi một ngày mới đều mang đến cho ông hàng đống vấn đề và câu hỏi cần được giải quyết ngay lập tức. Trong một loạt các sự kiện thời gian, đôi khi vị Bộ trưởng nhớ lại, vào năm 1938, khi còn là một chàng kỹ sư trẻ, ông đã được phân công đứng đầu ngành khai thác dầu mỏ của đất nước. Khi nhớ lại, bất giác trong đầu ông nảy sinh sự so sánh. Khi đó sản lượng khai thác dầu mỏ hầu như không vượt quá 30 triệu tấn mỗi năm. Sau đó chiến tranh nổ ra, sản lượng giảm xuống còn 18 triệu, nhưng bây giờ, vào năm 1955, người ta dự đoán rằng 70 triệu tấn «vàng đen» sẽ nhập vào quốc khố. Sự gia tăng đó chủ yếu là nhờ việc phát triển của các mỏ vùng Ural-Povolzie — ở Bashkiria, Tatarstan, tỉnh Kuybyshev v. v... Tỷ lệ dòng dầu tự phun nhờ áp dụng phương pháp khoan ép vỉa đã tăng đều đặn. Các nhà địa chất vẫn tích cực khảo sát thăm dò tại một số khu vực miền Tây Siberia và Viễn Đông. Những người thợ dầu Baku, vùng dầu mỏ lâu đời nhất của đất nước, đã vươn ra các vùng



Một đoạn ghi chép của P. Ya. Gladkov với báo cáo về chuyến đi công tác đến miền Bắc Việt Nam. 1955
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga

biển, xây lắp nhưng cây số cầu cạn đầu tiên và những giàn khoan cố định ngoài khơi. Ngay từ trước chiến tranh, các nhà địa chất ngành dầu mỏ của Liên Xô đã tới Mông Cổ, Ba Tư và Trung Quốc để tìm kiếm dầu mỏ và các loại khoáng sản khác. Hiện nay các công ty cổ phần liên doanh, tổng công ty hoặc các công ty riêng đều tham gia thăm dò, sản xuất và lọc dầu ở Albania, Romania, Đông Đức, Trung Quốc và thậm chí cả nước Áo tư bản. Năm 1955, Công ty liên doanh Xô-Trung là «Tushandzyneft» trực thuộc Tổng công ty cổ phần «Sovkitneft» (gần giống như «Vietsovpetro») đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất đạt 110%. Giờ đây trong bản đồ hoạt động của các nhà khai thác dầu mỏ Liên Xô đã xuất hiện một quốc gia mới cách xa đó hàng nghìn cây số vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh giải phóng đẫm máu của mình, đó là miền Bắc Việt Nam.

Ông Mikhail Andrianovich mở tập giấy tờ trên bàn. Đó là bản báo cáo mật của Giám đốc Viện thiết kế Giprottransneft, P. Ya Gladkov, người vừa trở về từ miền Bắc Việt Nam². Báo cáo cho biết ngày 30/8/1955, bên thăm dò và nhóm dự án của Giprottransneft đã khởi hành từ Matxcova. Trung Quốc khi đó vẫn là bạn với Việt Nam, và với cả Liên bang Xô viết, nên họ đi tàu hỏa và đến ngày 19 tháng 9 thì tới chỗ các đồng chí Việt Nam. Khi đến tận nơi ở Hải

¹ Konoreva I. A. Những tài liệu lưu trữ mới về sự giúp đỡ của Liên Xô dành cho Việt Nam DCCH. Tr. 111.

² Viện lưu trữ RGAE. Phòng 8627. Danh mục 1. Hồ sơ 5116, tờ 98–111; Phòng 365. Danh mục 2. Hồ sơ 4. Tờ 30–34.

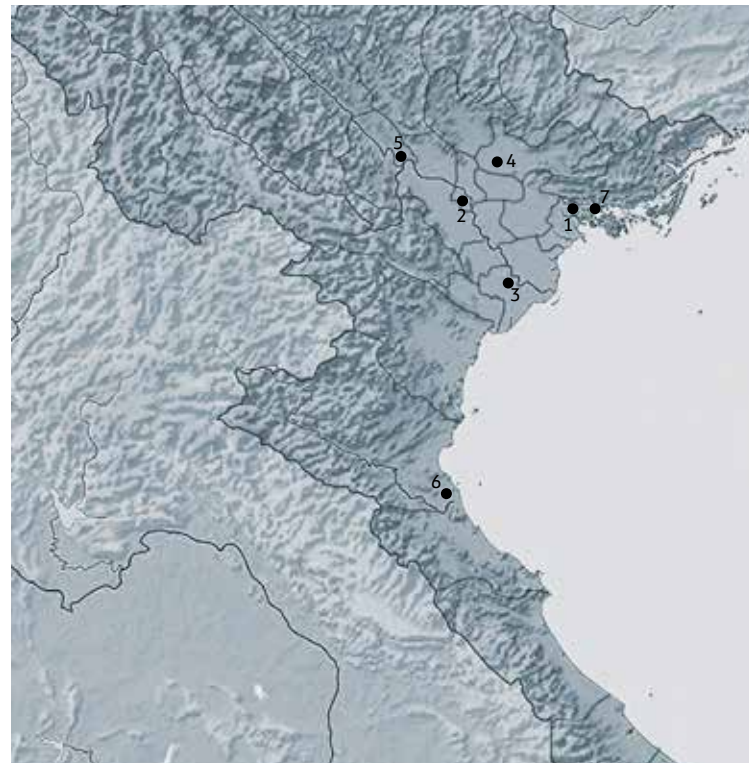


Chợ quê

Phòng họ mới biết, hóa ra ở cảng Hải Phòng vẫn bảo lưu nguyên vẹn những cơ sở kho chứa xăng dầu của các công ty lớn trên thế giới: kho chứa dung tích 19 nghìn mét khối của tập đoàn Shell và kho chứa dung tích 15 nghìn mét khối của Standard Oil. Cơ sở đầu tiên đã được chuyển sang cho chính quyền quản lý, còn về số phận cơ sở thứ hai vẫn đang tiếp tục đàm phán. Sau sửa chữa nhỏ những cơ sở này đã sẵn sàng để tiếp nhận xăng dầu. Việc sửa chữa kho chứa được tiến hành dưới sự hướng dẫn của người Trung Quốc, nên các kỹ sư Liên Xô vô cùng ngạc nhiên khi được mời sang. Về sau dần dần họ mới hiểu là người Trung Quốc cũng cần sự giúp đỡ.

Do việc xây dựng kho chứa xăng dầu ở Hải Phòng là khẩn cấp, nên Giprotransneft theo chỉ đạo của Chính phủ ngay khi chưa khảo sát sơ bộ đã chuẩn bị tài liệu kỹ thuật và đề xuất yêu cầu cung cấp vật tư thiết bị để xây dựng một kho chứa xăng dầu đúng tiêu chuẩn cho cảng. Bây giờ tất cả điều này là không cần thiết và nảy sinh vấn đề: phải làm gì với những thiết bị đã được đặt hàng?

Trích báo cáo «Kết quả thực hiện nhiệm vụ Bộ giao về tổ chức kho xăng dầu của đội công tác Viện thiết kế Giprotransneft ở Việt Nam» ngày 17/12/1955: «Sau khi tư vấn và thảo luận vấn đề trước hết với phía Trung Quốc, phía Việt Nam đã nêu đề xuất của mình về những thiết bị cung cấp từ Liên Xô để xây dựng kho xăng dầu dung tích 8000 mét khối như sau:



Những vị trí địa lý quan trọng nhất của hệ thống cung cấp sản phẩm xăng dầu của Việt Nam DCCH
1. Hải Phòng; 2. Hà Nội; 3. Nam Định; 4. Bắc Giang; 5. Việt Trì; 6. Vinh; 7. Bạch Mai



Vùng nông thôn Việt Nam



Cấy lúa



Hiệu cắt tóc trong thành phố



Gánh nước

a) Do cơ sở kho chứa ở Hà Nội do Trung Quốc triển khai xây dựng với tổng dung tích dự tính là 11 nghìn mét khối nhưng các đồng chí Trung Quốc hiện không đủ nguồn lực nên mong muốn Liên Xô giúp lắp đặt thêm 05 bồn chứa dung tích 1000 m³ mỗi bồn, do phía Liên Xô phụ trách công tác thi công xây dựng. Những bồn còn lại, tức là 4 bồn chứa tổng dung tích 6000 m³ sẽ do bên Trung Quốc lắp đặt bằng thép của mình.

b) Trong số 3 bồn chứa còn lại dung tích 1000 m³ mỗi bồn để chứa sản phẩm và các bể nhỏ dạng nằm ngang, cũng như máy bơm, trạm điện và các thiết bị đồng bộ khác, cần xây dựng một kho chứa tổng hợp khác ở Nam Định hiện đang rất cần thiết, liên quan đến việc phục hồi ngành công nghiệp ở thành phố này và một số tỉnh khác. Phía Việt Nam nói rằng họ cần hoàn thành kho xăng dầu ở Hà Nội ngay trong năm 1955 và rất mong muốn kho ở Nam Định cũng được xây dựng khẩn trương¹.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Phòng 8627. Danh mục 1. Hồ sơ 5116, Tờ 102-103.

* * *

Là thành phố lớn nằm ở vùng châu thổ sông Hồng nguồn cung cấp nước chủ yếu của miền Bắc Việt Nam, Nam Định là trung tâm công nghiệp dệt của đất nước. Để tiết kiệm thời gian, đội chuyên gia của Viện thiết kế Giprotransneft đã tiến hành công tác thiết kế ngay tại hiện trường ở Hà Nội và Nam Định.

Ở cơ sở Hà Nội họ đã cùng với các chuyên gia Trung Quốc điều chỉnh lại một chút tổng mặt bằng, hoàn thiện các bản vẽ và tổ chức thi công móng các bồn chứa xăng dầu. Tất cả tại Hà Nội đã sẵn sàng chỉ chờ thợ lắp máy từ Liên Xô sang, vì thế nên công tác lắp đặt được bắt đầu ngay khi thiết bị được vận chuyển sang. Một phần thiết bị được chuyển đến Hải Phòng bằng đường biển, còn một phần được chuyển bằng đường sắt qua Trung Quốc.

Chiếc đồng hồ thời gian của sự hợp tác dầu khí hai nước đã bắt đầu chạy tích tắc. Những chiếc tàu thủy chở hàng mang tên «Nikolaev», «Shevchenko», «Stavropol» nối đuôi nhau qua cảng Hải Phòng từ ngày 26 đến 28 tháng Mười năm 1955. Trong khoang tàu chứa đầy những cuộn thép để lắp thành bể chứa. Tất cả đều đang bận rộn để kỷ niệm các ngày lễ tháng 11, song với điều kiện đường xá khó khăn ở Việt Nam thì chỉ có thể vận chuyển bằng đường sông. Chúng ta không biết được việc vận chuyển đó đã tốn biết bao công sức, những đến ngày mùng 8/11 hàng đã tới Hà Nội.



Tàu chở dầu «Abagur» của Liên Xô trên bến cảng Việt Nam
RIA Novosti



Trên công trường xây dựng
RIA Novosti



Hải Phòng, nhìn từ Nhà máy xi măng. Góc trên bên trái ảnh thấy rõ các bồn chứa xăng dầu

Ở Nam Định công tác khảo sát bắt đầu ngày 04/11 và được tiến hành trong mười ngày, chỉ sau đó một tuần bên thiết kế đã hoàn xuất bản vẽ thi công công tác khoan đào căn bản. Công việc tiến triển rất nhanh. Ngày 25/10 công nhân Việt Nam triển khai san lấp mặt bằng. Các kỹ sư của Bộ xây dựng các xí nghiệp công nghiệp dầu khí Liên Xô (Minneftestroi) cũng đã sang đến nơi. Công tác thiết kế kho chứa, các công trình bến bãi và gia cố bờ cảng được tiến hành từ ngày 15/10 đến ngày 25/11. Các bản vẽ thi công đã được hoàn xuất đúng thời hạn không làm chậm trễ tiến độ thi công. Theo đề nghị của phía Việt Nam đội thiết kế đã giải quyết một loạt các vấn đề vượt cả chương trình dự kiến.

Trích báo cáo «Kết quả thực hiện nhiệm vụ Bộ giao về tổ chức cơ sở kho chứa xăng dầu của đội công tác Viện thiết kế Giprotransneft ở Việt Nam», ngày 17/12/1955:

«1. Kiểm tra kho chứa của Shell và tính chất công tác sửa chữa phục hồi. Theo đề nghị của các đồng chí Trung Quốc đã đưa ra một số ý kiến tư vấn nhằm cải thiện công tác vận hành và nâng cao độ ổn định của kho chứa.
2. Đưa ra một loạt ý kiến tư vấn cho các chuyên gia Trung Quốc mà thành phần nhóm chuyên gia không đồng đều về mặt chuyên môn.
3. Theo yêu cầu của phía Việt Nam để tránh đình trệ trong việc tiếp nhận tàu chở dầu đã đưa ra những khuyến nghị về việc đưa một phần kho chứa của hãng Standard Oil vào hoạt động bằng cách lắp đặt đường ống dẫn (theo sơ đồ tạm thời), cơ sở này sau khi nhóm chúng tôi rời đi cũng đã chuyển sang chính quyền Việt Nam quản lý. Trong phạm vi nguồn cung cấp ống thép 8 ly từ Liên Xô sẽ lắp đặt thêm ở Hải Phòng các bồn chứa tổng dung tích 9000 m³ nữa. Công việc này đang do nhóm của đồng chí Orlov [lãnh đạo nhóm chuyên gia lắp máy của Minneftestroi — Chủ thích của tác giả] tiến hành, không hề gây trở ngại cho phần công việc chính ở Hà Nội và Nam Định. Về hình thức thì công việc do phía Việt Nam tiến hành.
4. Các thành viên của đội công tác, đại diện Glavneftesbyt đã đưa ra một loạt ý kiến tư vấn về việc xác định chủng loại xăng dầu thường xuyên thiếu hồ sơ nhãn mác được cung cấp từ Trung Quốc sang cũng như việc sử dụng chúng. Đồng thời trong phạm vi khả năng của mình đã tiến hành đào tạo đội ngũ công nhân vận hành kho chứa (việc này dĩ nhiên không thay thế được sự cần thiết phải đào tạo một cách chính quy lớp cán bộ công nhân vận hành các cơ sở xăng dầu thông qua việc cử đi học ở Liên Xô hoặc Trung Quốc»¹.

¹ Viện lưu trữ RGAR. Phòng 8627. Danh mục 1. Hồ sơ 5116. Từ 105–106.

* * *

Công việc diễn ra với tiến độ khẩn trương. Việc thiết kế kho chứa Nam Định đặc biệt tốn công sức. Các điều kiện khí hậu địa phương không cho phép sử dụng các công trình thiết kế theo mẫu của Liên Xô. Thêm vào đó do trên hiện trường thiếu lượng thi công có tay nghề cao nên phải thực hiện bản vẽ hết sức tỉ mỉ. Nguy cơ bão lốc cũng khiến các chuyên gia phải xem lại kết cấu của bồn chứa tiêu chuẩn: mọi người đã quyết định làm bồn chứa thấp hơn nhưng có đường kính lớn hơn. Bồn chứa cao dung tích 1000 m³ do phía Trung Quốc xây dựng đã bị bẹp rúm sau một cơn gió giật.

«Ở Việt Nam không có loại máy móc thi công nào, — người kỹ sư Liên Xô viết, — Toàn bộ công việc được làm thủ công. Điều này cũng cần lưu ý khi thực hiện thiết kế. Chỉ cần nói thế này là đủ hiểu: toàn bộ công tác đào đắp ở Nam Định, nơi cần tôn nền, không có bất kỳ một chiếc ô tô hay cỗ máy nào, Toàn bộ công việc đào đắp được thực hiện bằng phương pháp chuyển đất thủ công, bằng sọt hoặc bằng cáng. Có đến 2000 công nhân thực hiện việc này trên công trường»².

Mọi việc ở Hà Nội diễn ra tốt đẹp. Kho xăng dầu theo kế hoạch được đưa vào hoạt động vào tháng 12 năm 1955, và tiến độ công việc trên thực tế cho thấy là kế hoạch sẽ được thực hiện. Vào đầu tháng 9 có 34 chuyên gia lắp máy do Minneftesroi của Liên Xô cử sang đã tới nơi. Từ ngày 09/9 đến ngày 15/12/1955 tại kho xăng dầu Hà Nội dưới sự lãnh đạo của họ đã có 5 bồn chứa được lắp đặt và thử nghiệm.

Dưới sự lãnh đạo của «các ông Liên Xô», như mọi người bắt đầu gọi các chuyên gia Xô-viết như thế, kho dầu cũ của công ty Standard Oil vốn không được đưa vào kế hoạch hoạt động ban đầu tại Hải Phòng cũng đã được sửa chữa. Sáu bể chứa với tổng dung tích 14.700 mét khối đã được đưa vào hoạt động, hơn hai kilomet đường ống được lắp đặt, các máy bơm đã được lắp đặt, van được thay thế. Công việc này, theo lời P. Ya Gladkov, cũng như công việc tại kho xăng dầu cũ của tập đoàn Shell, đã trở nên rất bổ ích, vì nó giúp làm quen với những thành tựu của những tập đoàn hàng đầu thế giới về xây dựng vận hành cơ sở kho chứa xăng dầu.

Kỹ sư Gladkov thông báo cho Matxcova biết về sự chậm trễ trong việc cung cấp một số chủng loại thiết bị đồng thời nhấn mạnh rằng, nếu tới ngày 10/1/1956 tàu vận chuyển mới đến thì bên lắp máy buộc phải đến ngày 15 tháng 2 mới hoàn tất lắp đặt kho chứa xăng dầu.

Đọc xong báo cáo, vị Bộ trưởng lấy bút chì quả quyết viết ngay chỉ thị cho trưởng phòng quan hệ kinh tế đối ngoại E. A. Pushkin: «Bản bạc với các ban ngành trong Bộ, xác lập kiểm tra giám sát việc bốc xếp thiết bị và tiến độ công việc». Bánh đà của cỗ máy hợp tác đang quay ngày càng mạnh mẽ.

Để phục vụ hệ thống cung cấp xăng dầu, ngày 12/1/1956, theo Nghị định số 09/BTN-ND. KB đã thành lập Công ty Nhà nước về cung cấp xăng dầu cho nền kinh tế quốc dân (nay là Tập đoàn xăng dầu quốc gia gọi tắt là Petrolimex), trực thuộc Bộ Thương mại VNDCCH, đơn vị ngay trong quý đầu năm 1956 đã tiếp nhận vận hành hai cơ sở kho xăng dầu đầu tiên được cải tạo lại dưới sự hướng dẫn của các kỹ sư Liên Xô.

² Viện lưu trữ RGAR. Phòng 8627. Danh mục 1. Hồ sơ 5116. Từ 108.

Các cơ sở mang ý nghĩa khu vực¹

Trích báo cáo ngày 21/3/1956 của đồng chí G. Fedorov, Phó Cục trưởng Cục phụ trách các công trình xây dựng với sự giúp đỡ của Liên Xô thuộc Tổng cục hợp tác kinh tế với các nước dân chủ nhân dân (tiếp theo gọi tắt là Tổng cục hợp tác kinh tế) gửi đồng chí K. I. Koval Tổng cục trưởng Tổng cục hợp tác kinh tế, «Theo Nghị định ngày 15/5/1955 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô có nghĩa vụ thực hiện công việc thiết kế và cung cấp thiết bị trong năm 1956 cho VNDCCH để xây dựng 3 cơ sở kho chứa xăng dầu cố định có tổng sức chứa khoảng 12.000 mét khối. Ngoài ra, theo Quyết định ngày 29/6/1955 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Bộ xây dựng Dầu khí Liên Xô vào 6 tháng cuối năm 1955 đã cung cấp thiết bị (có gia cố cố định vào vị trí xây lắp) để lắp đặt các kho chứa tạm thời có tổng công suất 8,25 nghìn m³, hoàn thành lắp đặt và đưa các cơ sở này vào hoạt động. Phía Việt nam với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô đã đưa vào sử dụng thêm kho xăng dầu sức chứa 19 nghìn m³ ở Hải Phòng trước đây thuộc về tập đoàn Shell. Do vậy nên Chính phủ VNDCCH đã đề nghị Liên Xô cắt giảm số lượng cung cấp thiết bị trong năm 1956 để xây dựng các kho chứa sản phẩm dầu cố định từ 12 nghìn m³ dung tích xuống còn 4 nghìn m³ dung tích. Theo Nghị định ngày 16/11/1955 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô tôi đề nghị Đồng chí chỉ thị cho Phòng Hợp đồng-Pháp chế chính thức hóa sự thay đổi này với phía Việt Nam bằng con đường trao đổi công hàm. Việc thay đổi số lượng cung cấp thiết bị cho những cơ sở kho chứa nói trên đã được thỏa thuận với Bộ Xây dựng dầu khí Liên Xô và Ủy ban Kinh tế nhà nước Liên Xô»².

Hai tháng sau đồng chí Tô Quang Đẩu Đại biện lâm thời VNDCCH tại Liên Xô (Đại sứ là đồng chí Nguyễn Lương Bằng lúc đó đang ở Matxcova) đã khẳng định lại đề nghị này. Trong công hàm gửi Tổng cục hợp tác kinh tế đồng chí nhấn mạnh rằng bên cạnh đề nghị cắt giảm cung cấp thiết bị cho các kho dầu đang xây dựng, phía Việt Nam khẳng định đơn hàng đã đặt từ trước đó yêu cầu cung cấp các loại vật tư cho Tổng công ty xăng dầu của VNDCCH. Đính kèm công hàm là danh sách bao gồm máy bơm động cơ, ống mềm, đèn, chốt, các loại dụng cụ đo lường khác nhau, cột xăng có máy bơm và nhiều loại vật tư khác. Hệ thống cung ứng xăng dầu của nước Việt Nam mới đang dần hình thành nên vẫn cần được hỗ trợ.

Vào mùa thu năm 1955 đại diện Bộ Thương mại VNDCCH cùng với các chuyên gia Liên Xô tiến hành lựa chọn mặt bằng để xây dựng những hạng mục công trình mới. Hai bên đã thực hiện công tác khảo sát toàn diện, bao gồm cả mạng lưới giao thông bên ngoài, công tác khảo sát thủy văn để xây dựng bến bãi, công tác khoan đào v. v... Nhiệm vụ thiết kế và các bản vẽ thi công đã được lên kế hoạch thực hiện tại Liên Xô. Việc lựa chọn vị trí và loại kho chứa xăng dầu được xác định thông qua đối tượng tiêu dùng, khả năng tiếp cận giao thông, các đặc tính nền đất phù hợp. Việc vận chuyển cung cấp sản phẩm dầu mỏ cho các kho chứa đã được trù tính theo cả đường



Thiết bị đường bộ dành cho Việt Nam tại hải cảng Xô-viết RIA «Novosti»

thủy lẫn đường sắt, ngay cả mạng lưới đường ô tô địa phương sau này cũng cần xây dựng sao cho phù hợp để đáp ứng nhu cầu vận chuyển xăng dầu tới những kho dự trữ nhỏ của địa phương, để cho người tiêu dùng đầu cuối tiếp cận được.

Theo nhận xét của các kỹ sư Liên Xô, người Trung Quốc hoàn toàn có thể thiết kế và xây dựng các kho chứa địa phương: họ ở gần hơn và giá thành rẻ hơn, điều kiện chuyên môn đáp ứng được. Người đứng đầu đoàn lắp máy Liên Xô nhấn mạnh trong báo cáo rằng vẫn có thể học được điều gì đó từ họ. Đề cập đến kinh nghiệm xây dựng kho xăng dầu Hà Nội, P. Ya Gladkov nhận xét rằng công việc chung với đội chuyên gia Trung Quốc tại một cơ sở thi công diễn ra trong bầu không khí rất hữu nghị. Nói chung, công việc của tập thể đa quốc gia Việt-Trung-Xô tại thời điểm đó khá thân thiện.

Một trong những kho chứa xăng dầu chủ lực cần được bố trí ở vùng đông bắc đất nước, tại thành phố Bắc Giang, trung tâm của tỉnh cùng tên nằm trên sông Đuống. Từ Hải Phòng có thể đi tới đó qua hệ thống sông ngòi đồng bằng sông Hồng, cả quãng đường tất cả chỉ độ hơn 116 km. Kho xăng dầu Bắc Giang có thể cung cấp cho các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn và Cao Bằng. Đó là trung tâm công nghiệp mỏ của Việt Nam. Hiệp định liên chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 1955 đề ra việc mở rộng công tác khai thác mỏ, thăm dò địa chất và công trình xây dựng, để phục vụ nhiệm vụ ấy theo chương trình viện trợ không hoàn lại mà các loại máy xúc diesel, xe tự đổ, máy ủi và máy kéo dành cho việc khai khoáng và thi công tại các mỏ từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác bắt đầu được cung cấp sang Việt Nam. Chính các loại xe máy đó là đầu mối chính tiêu dùng các sản phẩm dầu chứa ở kho Bắc Giang.

Có một kho xăng dầu khác — ở thành phố Việt Trì (trong bản phiên âm ra tiếng Nga nó được gọi là Viettori) — được xây dựng tại nơi hợp lưu của sông Hồng và sông Đà. Tuyến đường thủy từ đó đến Hải Phòng chỉ hơn 180 km. Thành phố này là trung tâm hành chính của tỉnh Phú Thọ, kho chứa ở đây được thiết kế để cung cấp cho các tỉnh phía bắc và tây bắc là Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai và Hà Giang. Ngoài ra vùng đó còn có nhiều loại khoáng sản quý



Theo Hiệp định liên Chính phủ các loại máy móc cần tiêu thụ nhiên liệu và dầu bôi trơn bắt đầu được đưa sang miền Bắc Việt Nam RIA Novosti

¹ Bài viết theo tư liệu của Viện lưu trữ RGAE. Phòng 8627. Danh mục 18. Hồ sơ 305–307, 1885

² Viện lưu trữ RGAE. Phòng 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1515, Tờ 48.



Giám đốc Giprotransneft P. Ya. Gladkov



Kỹ sư M. N. Shpotakovsky, Trưởng đoàn chuyên gia Liên Xô xây dựng những kho xăng dầu đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam
Đồng chí Nguyễn Vĩnh Thịnh, Phó Viện trưởng Viện Thiết kế — Bộ Vật tư



VNDCCH

khác, đã có kế hoạch xây dựng các nhà máy xí nghiệp công nghiệp và thành lập các nông trường quốc doanh lớn tại đây.

Kho xăng dầu thứ ba được xây dựng ở vùng quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh — thành phố Vinh. Đó là miền trung Việt Nam, kho này dự kiến cung cấp xăng dầu cho các tỉnh lân cận Hà Tĩnh, Nghệ An và Quảng Bình.

Những điểm cung cấp xăng dầu chủ lực này này thiết kế ra sao? Ví dụ, kho xăng dầu ở Bắc Giang có một bồn đứng với sức chứa 1000 mét khối, ba bể đứng — sức chứa 300 m³ mỗi bể, bốn bể ngang loại dung tích 26 m³. Dự án còn thiết kế mặt bằng đủ để mở rộng cơ sở nếu trong tương lai có nhu cầu. Bến cảng có thể tiếp nhận sà lan tải trọng 200 tấn, còn nhà ga đường sắt thì có thể bốc dỡ xi-téc dung tích 4000 lít. Trong thiết kế có một trạm điện nội bộ, địa điểm và thiết bị để bố trí một phòng thí nghiệm, một xưởng cơ khí, kho vật tư, khu sinh hoạt bao gồm cả nhà ăn. Các nhánh đường sắt tiếp cận công trình do các kỹ sư ngành đường sắt Việt Nam thiết kế với sự tham gia của các chuyên gia Liên Xô khi nảy sinh những vấn đề đòi hỏi phải kết nối các dự án. Dự án đề ra hai phương án xây dựng bến cảng cho bên đặt hàng lựa chọn: bê tông cốt thép và cầu cảng trụ thép. Đối với điều kiện của Việt Nam, các chuyên gia Liên Xô đã đề xuất phương án thứ hai.

Tổng chi phí xây của ba kho xăng dầu tính theo biểu giá tại Liên Xô là gần 12 triệu rúp, được trích từ quỹ viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam theo Nghị định liên chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 1955.

Cuộc họp của Phòng giám định kỹ thuật Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô họp vào ngày 17/2/1956 đưa ra đề xuất thực hiện lắp ráp thiết bị theo cụm sẵn tại Liên Xô, giảm đến mức tối thiểu công việc lắp ráp tại chỗ trên công trường ở Việt Nam. Bên cạnh đó là yêu cầu khi lập đơn hàng đối với các nhà cung cấp thiết bị cần tính đến đặc thù khí hậu nóng ẩm và cung cấp loại tổ máy cần thiết để hoạt động trong điều kiện nhiệt đới. Than ôi, những điều kiện này hóa ra rất phức tạp, vì đối với nhiều nhà sản xuất Liên Xô đây là lần đầu tiên họ phải đối mặt những với yêu cầu như vậy.



Kho xăng dầu ở thành phố Vinh

Vào tháng 2 năm 1956, các phương án thiết kế do chi nhánh Leningrad của Viện thiết kế Giprotransneft thực hiện đã được khách hàng và các chuyên gia của Bộ Công nghiệp Dầu khí phê duyệt, và công việc thiết kế bắt đầu triển khai hết tốc độ.

Mikhail Nikiforovich Shpotakovsky lãnh đạo công việc thiết kế và giám sát thi công. Trong mười năm đầu tiên sau chiến tranh, chính ông là người phụ trách việc khôi phục hệ thống cung cấp sản phẩm dầu của Crum và toàn bộ bờ Biển Đen của Liên Xô, bởi vì kể từ khi tốt nghiệp Đại học Dầu khí Matxcova mang tên Gubkin năm 1945, ông đã làm việc trong chi nhánh Crum của Tổng công ty thiết kế «Nefteprovodproekt». Địa hình đá của bờ biển Hạ Long, những bến tàu bị phá hủy của Hòn Gai nhiều phần gợi ông nhớ tới Sevastopol và Novorossisk. Trước khi những sự kiện nói trên diễn ra M. N. Shpotakovsky được cử đến chi nhánh Leningrad của Viện thiết kế «Giprotransneft» mới thành lập trên cương vị kỹ sư trưởng. Ngoài ra, vào dịp hè thu năm 1955, ông đã làm việc trong đội thiết kế của P. Ya. Gladkov, tận mắt thấy mặt bằng dự kiến thi công và những điều kiện mà các kho chứa dầu phải vận hành trong đó sau này, cũng như đã có dịp tham gia vào các cuộc họp với khách hàng Việt Nam. Sau này kỹ sư M. N. Shpotapovsky còn có một thời gian dài lãnh đạo một trung tâm lớn về thiết kế giao thông đường ống của Viện thiết kế «Giprotruboprovod» («Viện thiết kế đường ống») (từ năm 1958 Viện này đổi tên thành «Giprotransneft»), ông là tác giả của nhiều bộ sách giáo khoa và sách chuyên khảo trong lĩnh vực này.

Như đã nói ở trên, những tòa nhà thiết kế hàng loạt theo mẫu thống nhất ở Liên Xô không phù hợp với Việt Nam, tuy nhiên trong quá trình thiết kế các dự án Hà Nội và Nam Định đã tạo ra được một kết cấu không chỉ phù hợp với cơ sở xăng dầu ở Hà Nội và Nam Định mà sau này còn trở thành thiết kế mẫu cho các kho chứa sản phẩm dầu trong toàn khu vực. Việc để phía Liên Xô tiếp tục theo dõi quá trình thi công là điều kiện quan trọng để quá trình xây dựng đạt kết quả tốt. «*Các đồng chí Việt Nam không chỉ một lần nhấn mạnh, — Kỹ sư Gladkov viết trong báo cáo của mình, — rằng trong quá trình xây dựng các kho xăng dầu năm 1956 họ yêu cầu phải có giám sát tác giả, <...> Việc giám sát tác giả trong những điều kiện này dĩ nhiên là cần thiết, bởi vì chúng ta quan tâm việc đến tuân thủ đúng thiết kế khi thi công và đến sự ổn định trong hoạt động của các cơ sở xăng dầu do Liên Xô thiết kế và lắp đặt*»¹.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 8627. Danh mục 1. Hồ sơ 5116. Tờ 109

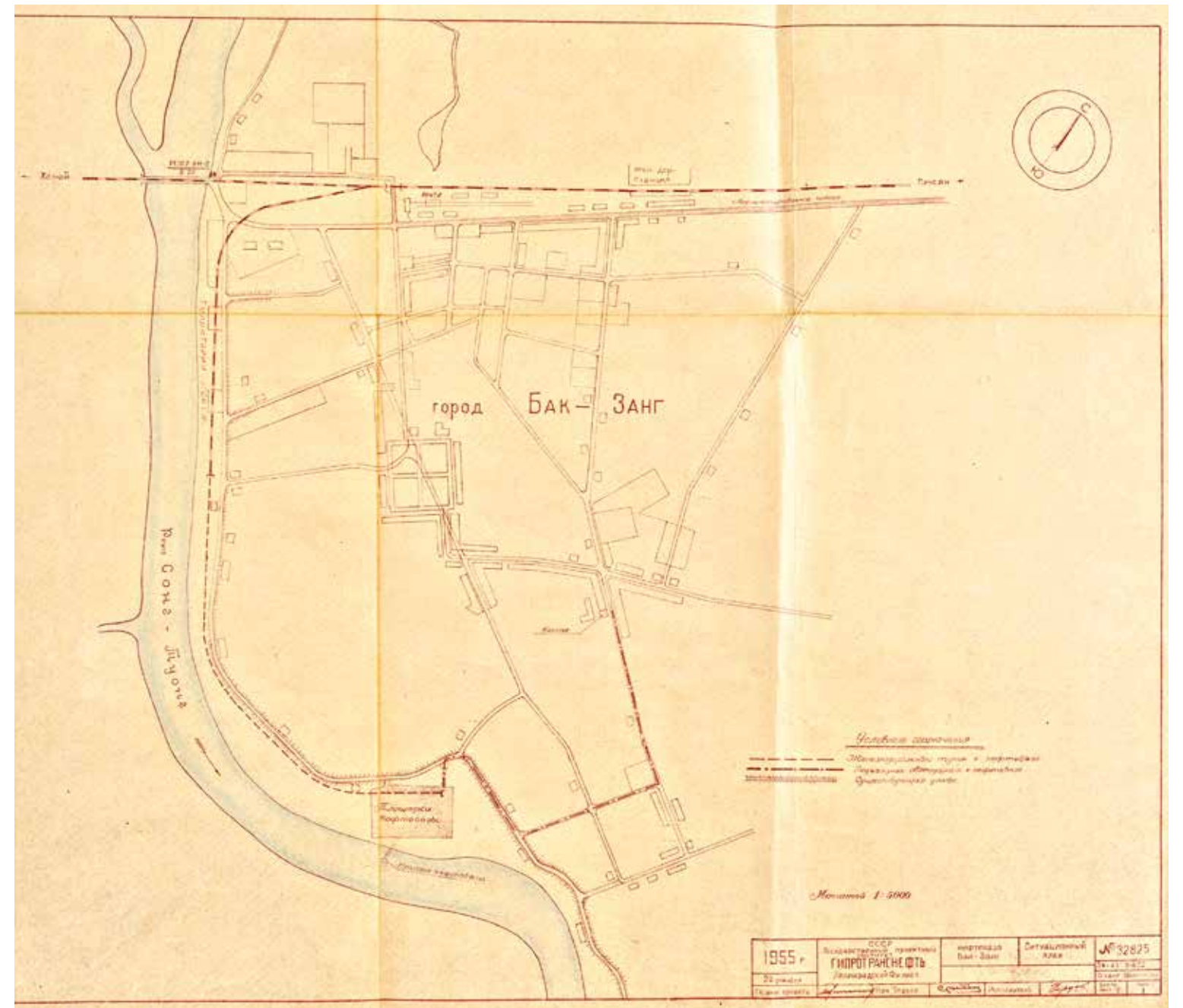
Trên các công trường xây dựng¹

Nhóm chuyên gia giám sát tác giả do kỹ sư M. N. Shpotakovsky dẫn đầu đã tới Việt Nam ngày 20/10/1956. Trong nhóm có một kỹ sư xây dựng, một cán bộ kỹ thuật thủy văn và một kỹ sư trắc địa. Khi tới Việt Nam nhóm còn kết nạp thêm ba kỹ sư xây dựng Liên Xô đã sang trước đó ít lâu.

Công việc phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia Việt Nam. Họ cùng nhau lập thành một nhóm chung đi khắp các công trường xây dựng. Không những cần làm quen với thực tế thi công, mà còn phải xác định danh mục và khối lượng công việc tiếp theo để chuyển sang Bộ Thương mại VNDCCH. Đối với một nền kinh tế vận hành theo kế hoạch, rõ ràng, nhưng đơn điệu và khá nghèo nàn, thì

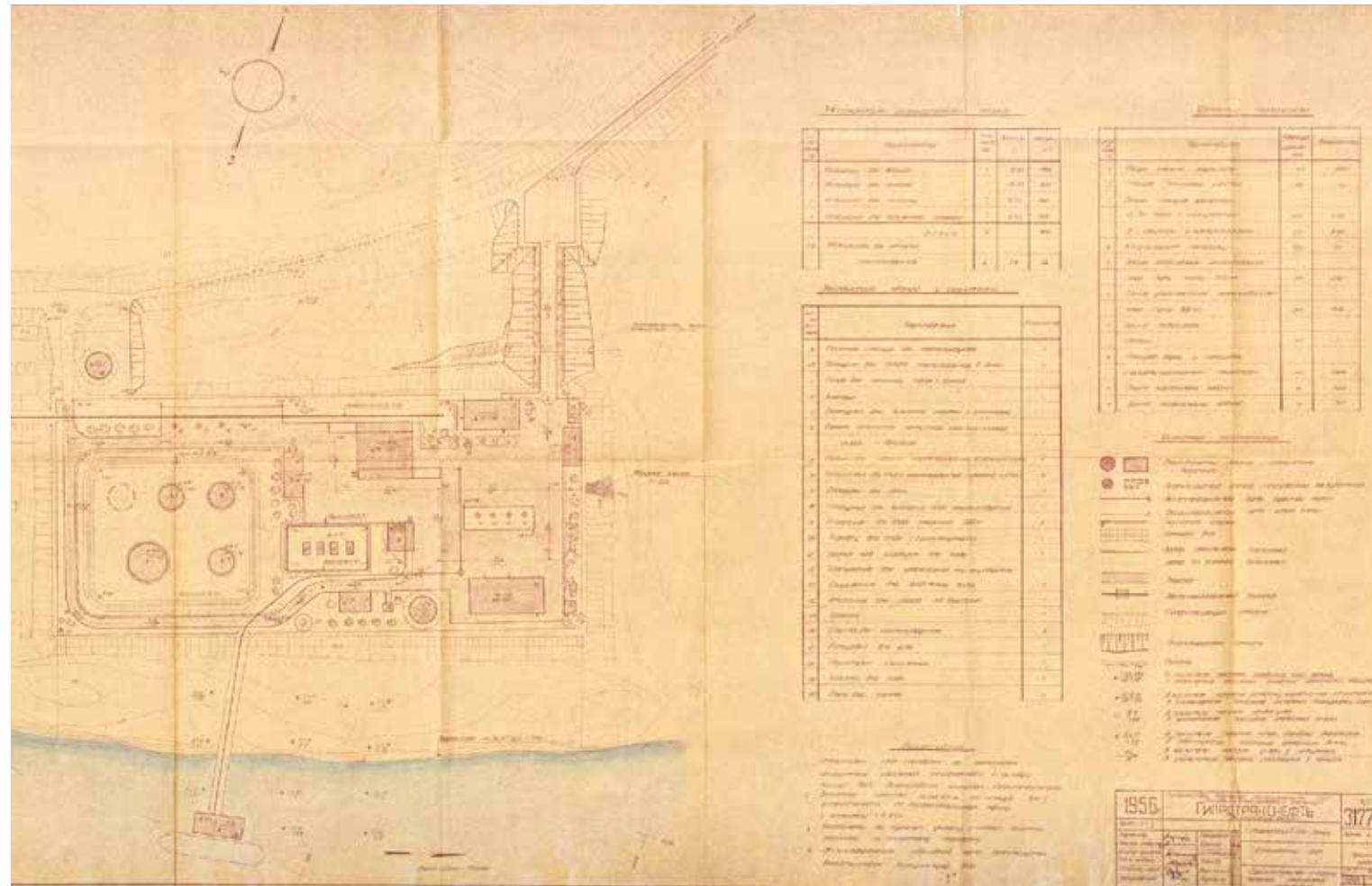
việc này rất có ý nghĩa. Ngoài ra cũng cần phải thảo luận về trình tự xây dựng các kho xăng dầu và các hạng mục riêng rẽ khác, số lượng công nhân cần huy động và tiến độ công việc thực tế. Việc dịch các bản vẽ thi công sang tiếng Việt cũng tốn khá nhiều thời gian. Tại tất cả các công trường đều thực hiện việc cắm mốc trắc địa cho toàn mặt bằng và các hạng mục xây dựng cụ thể. Các thành viên của nhóm đã trực tiếp tham gia vào việc đo độ sâu của các tuyến đường vận tải trên sông. Ở Việt Trì phía Việt Nam không chấp nhận việc khoan gia cố móng cọc bến cảng, nên phía các chuyên gia phải lập tức cho ra một thiết kế riêng để gia cố neo giữ cọc mà không cần khoan. Trong chuyến thị sát nhóm đã đến Hải Phòng, nơi họ xem xét quá trình vận hành hệ thống bồn chứa xăng dầu ở chu cảng biển và giúp đỡ soạn thảo hướng dẫn vận hành cơ sở này sao cho chính xác và an toàn.

Tất cả có khoảng 40 chuyên gia Liên Xô, chủ yếu là chuyên gia lắp máy, tham gia vào dự án này, sau đó còn có thêm chuyên gia thị nghiệm để kiểm tra chất lượng các sản phẩm dầu và một kỹ sư vận hành kho xăng dầu. Nhiệm vụ chung của họ là «hỗ trợ kỹ thuật», có nghĩa là tư vấn cho phía Việt Nam về việc xây dựng tổng cộng 81



Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu Bắc Giang
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga

¹ Bài viết theo tư liệu của Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1515, 1571.



Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu Bắc Giang
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga

hạng mục tại ba kho xăng dầu. Công tác xây dựng được thực hiện bởi các lực lượng lao động địa phương. Sau khi họp bàn với các đồng chí Việt Nam đã quyết định thay thế chín chuyên gia lắp máy Liên Xô bằng các chuyên gia Việt Nam, chủ yếu là để thực tập. Nhóm chuyên gia xây dựng Liên Xô đầu tiên gồm 14 người tới Việt Nam vào ngày 20/11/1956, những người còn lại sang ngay trước thềm năm mới, năm 1957. Lãnh đạo nhóm là đồng chí M. N. Gavrilenko.

Ngày 22/10/1956 công việc xây dựng bắt đầu ở Việt Trì, ngày 01/11 — tại Bắc Giang và Vinh. Vật tư đã được vận chuyển tới nơi, phía Việt Nam cũng đã hoàn tất công tác chuẩn bị. Ở Việt Trì họ đã xây dựng xong một nhánh đường sắt tới công trình, ở Bắc Giang và Vinh công tác san lấp mặt bằng thi công và đắp đường ô tô đã hoàn tất. Ngày 15 tháng 11 bắt đầu triển khai công tác lắp máy ở Bắc Giang, ngày 25 tháng 11 — ở Việt Trì, còn ở Vinh việc khiên khai lắp đặt được hoãn lại đến đầu năm sau.

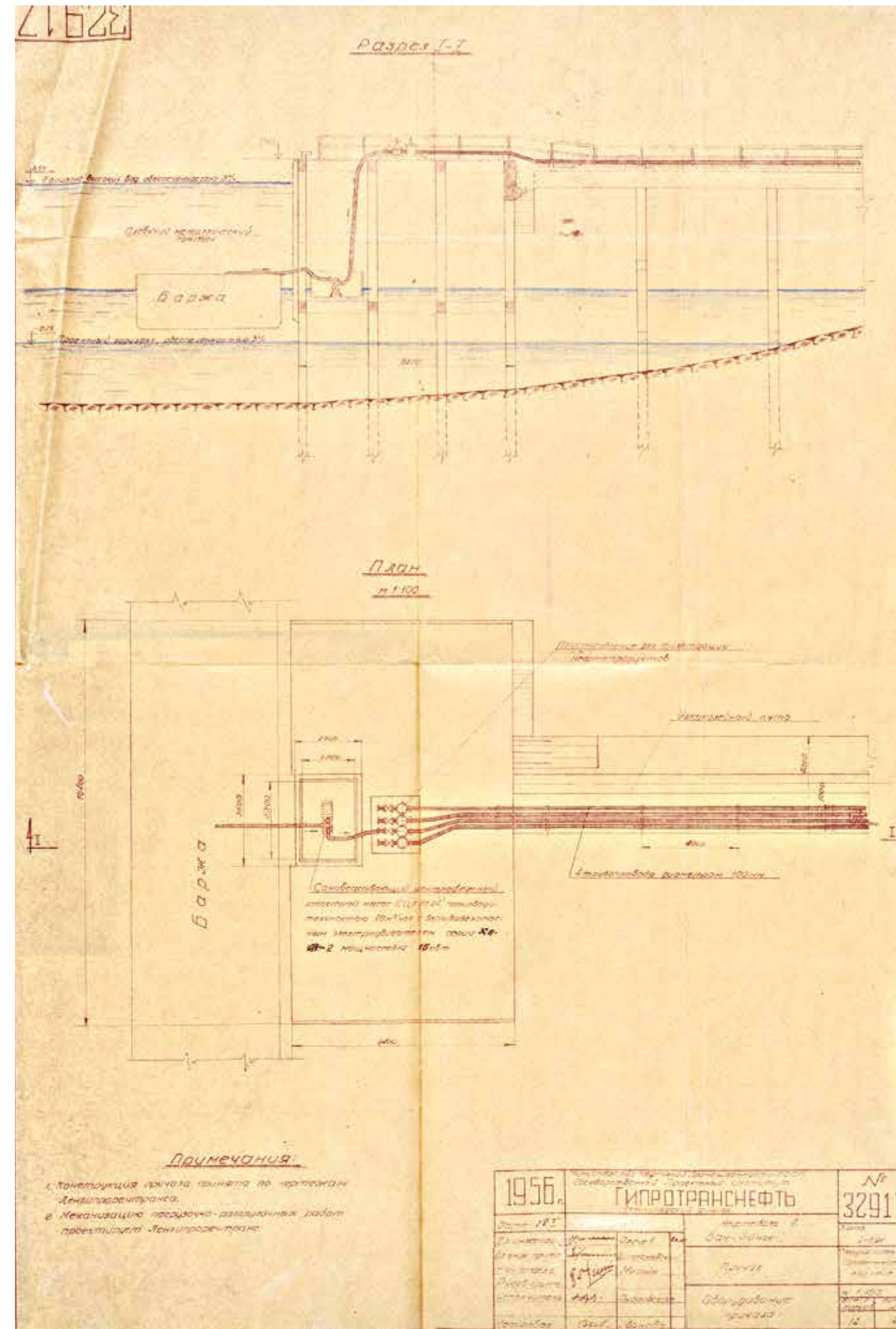
Nói chung, công việc diễn ra thành công, mặc dù việc cung cấp một số loại thiết bị và vật tư từ Liên Xô sáng đôi khi bị chậm trễ, bởi vì để gửi được một «thứ gì đó» cho Việt Nam, cần phải tìm được «thứ đó», sau đó còn phải thuyết phục ai đó rằng đường ống, máy bơm hoặc động cơ đó bây giờ cần thiết cho đất nước Việt Nam xa xôi hơn là Liên Xô. Vấn đề khó khăn chính là tình trạng chậm trễ nghiêm trọng của các trạm phát điện.

Sáu tháng sau khi công việc bắt đầu, kỹ sư M. N. Gavrilenko đã báo cáo với Hà Nội rằng kho xăng dầu đầu tiên ở thành phố Việt Trì đã được bàn giao cho khách hàng vào ngày 23/3/1957, kèm theo một máy phát điện tạm thời. Hai kho còn lại không có máy phát điện cho nên phải đợi. Người lãnh đạo nhóm chuyên gia Liên Xô đã yêu cầu giúp đỡ cung cấp ngay chí ít là các trạm điện tạm thời. Hơi ôi, trở ngại chính là cần loại máy phát điện hoạt động được trong điều kiện nhiệt đới, — mà đây là vấn đề phức tạp đối với nhà

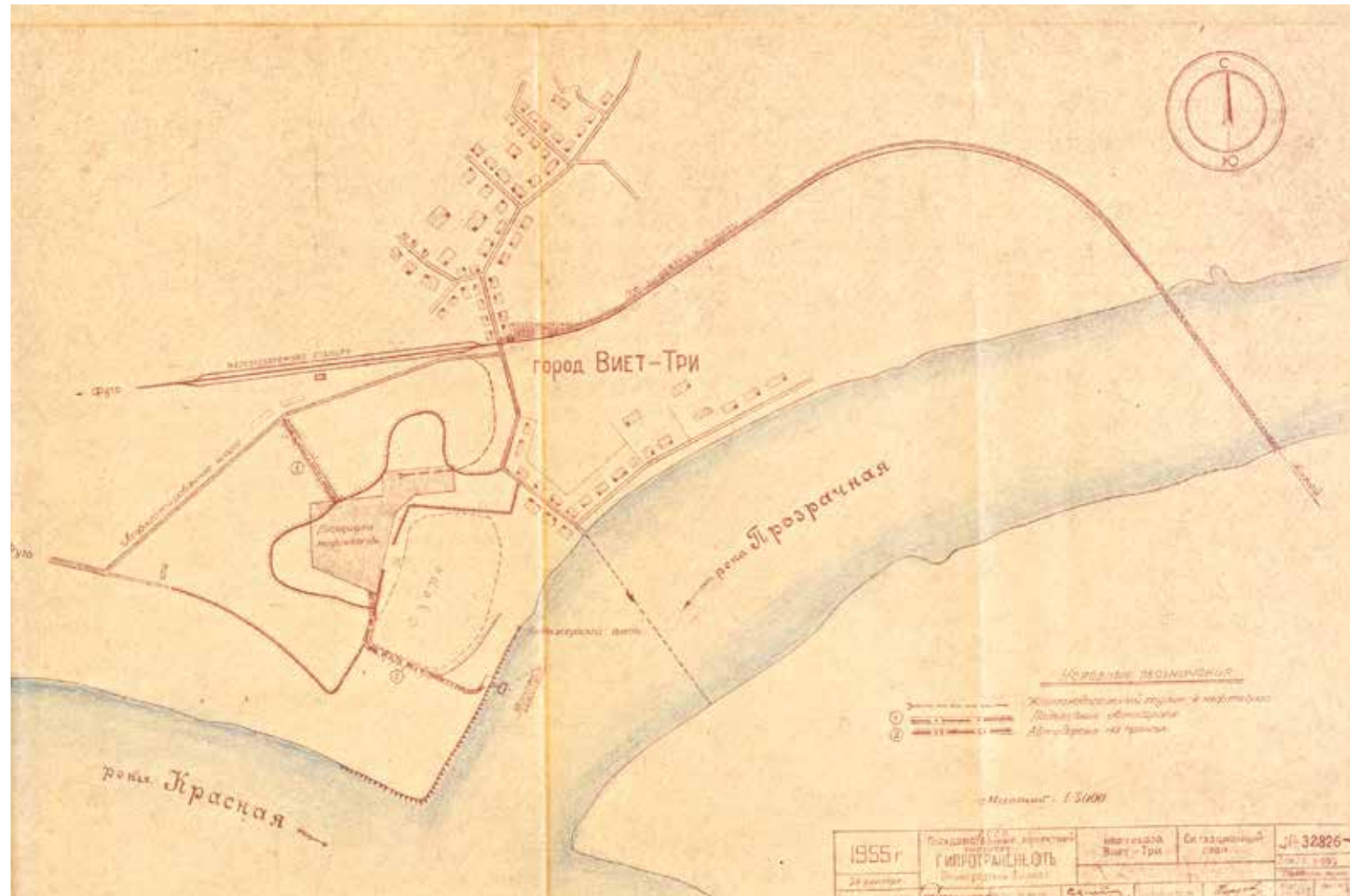
máy chế tạo máy của Liên Xô. Thật không may, nhà thầu đầu tiên — Nhà máy Cơ điện Barnaul, một đơn vị trong hệ thống Bộ chế tạo máy giao thông Liên Xô và là nơi được đặt hàng cung cấp máy phát điện diesel cho các kho xăng dầu Việt Nam, lại không nhận được các máy phát điện này từ các doanh nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp Kỹ thuật điện Liên Xô. Thời hạn giao hàng lẽ ra là quý I bị hoãn đến quý III năm 1957.

Hệ thống quan hệ phức tạp giữa các ban ngành cả ở Liên Xô và Việt Nam đã không chỉ một lần làm ảnh hưởng đến thời hạn thực hiện cam kết của các bên, nhưng những khiếm khuyết của nó đã được bù đắp bởi sự khéo léo, kiên trì và nỗ lực của đội ngũ công nhân, kỹ sư Liên Xô và Việt Nam.

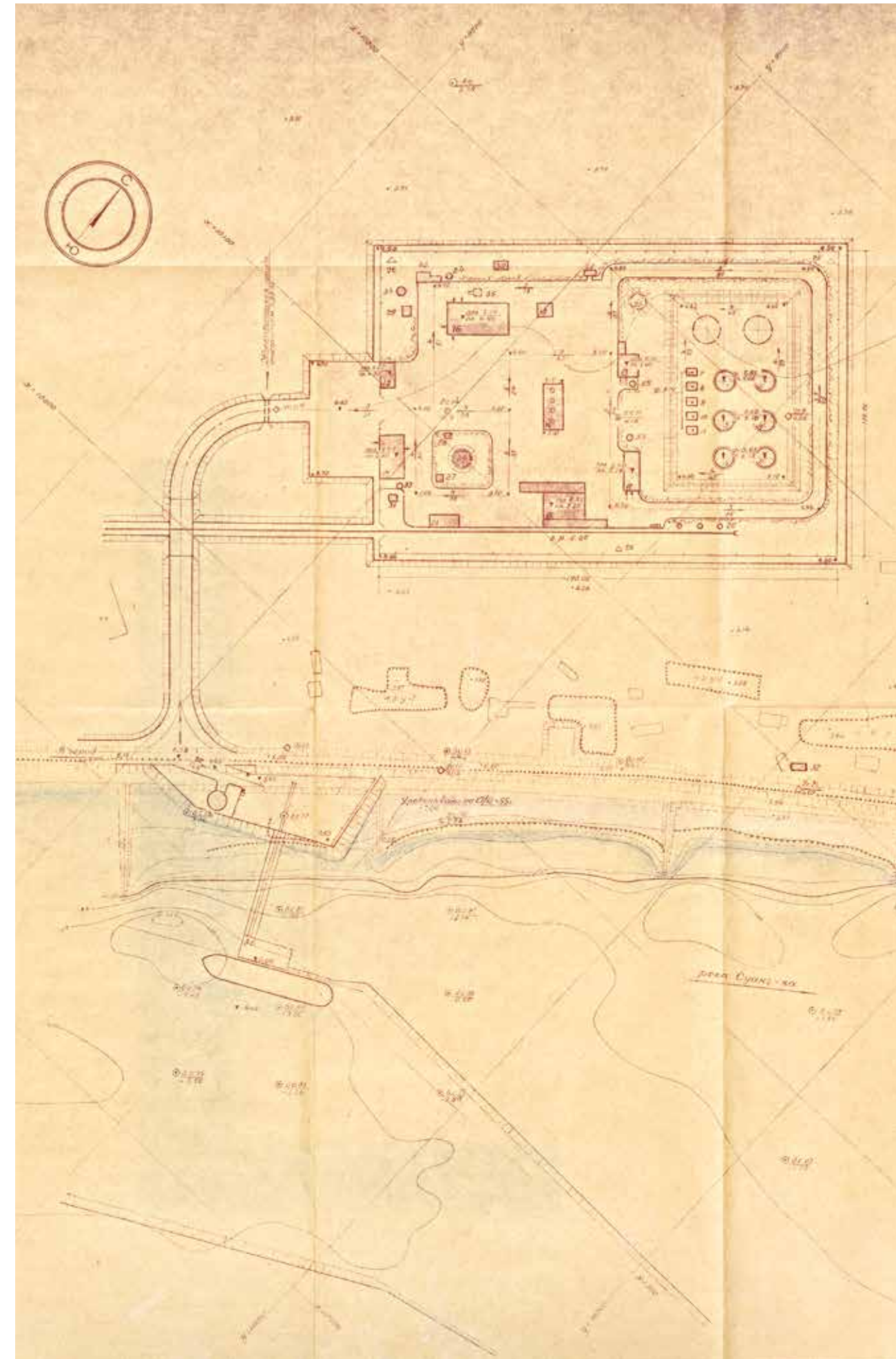
Bất chấp những khó khăn tạm thời, vào ngày 13/4/1957, kho xăng dầu ở Bắc Giang được đưa vào hoạt động, ngày 15 tháng 5 đến lượt kho Vinh. Cấu trúc của toàn bộ hệ thống cung cấp sản phẩm dầu ở miền Bắc Việt Nam đã được hình thành như vậy đó. Cơ thể kinh tế của đất nước đã có nguồn máu nuôi sống nó!



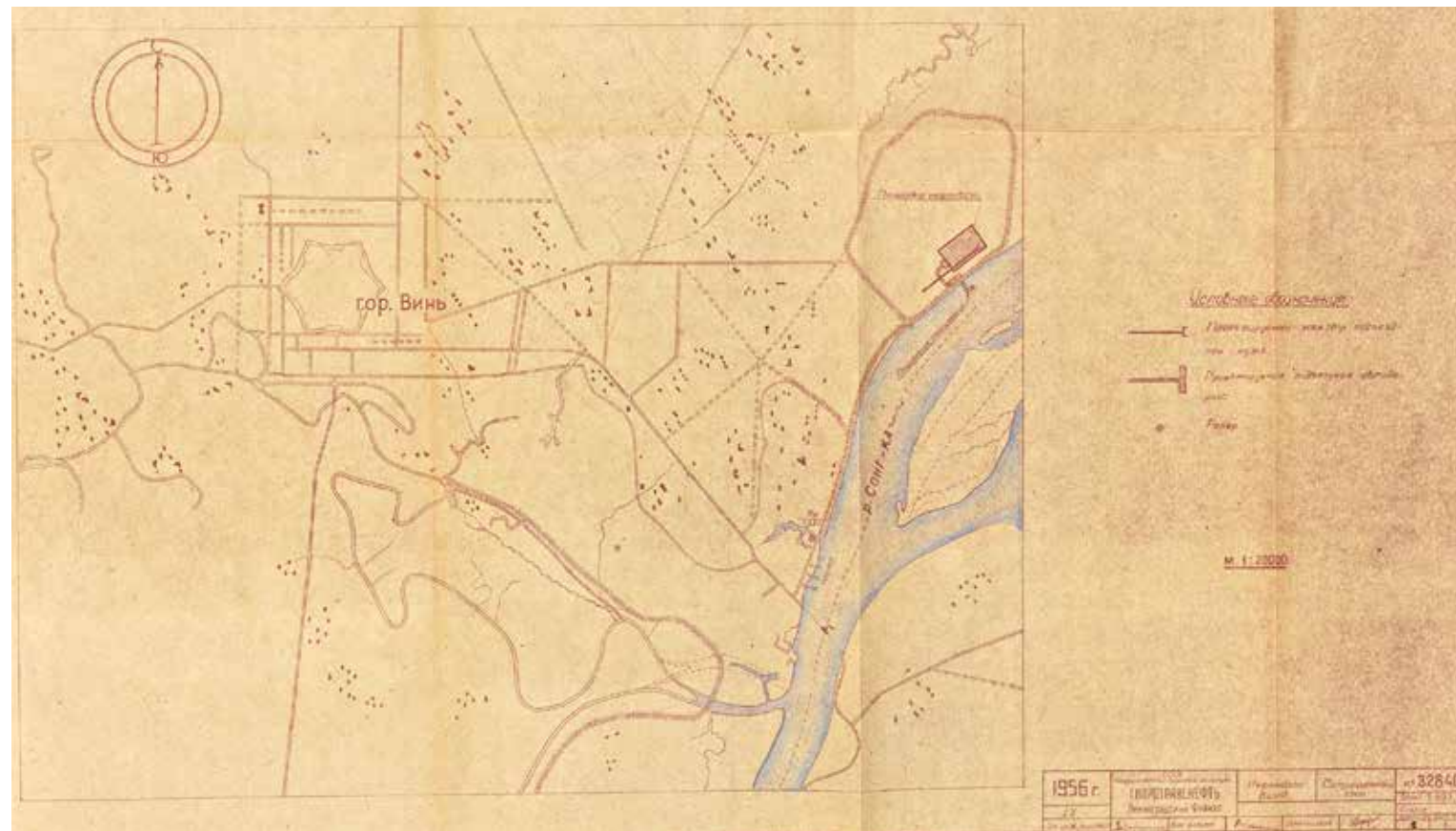
Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga



Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu Việt Trì
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga



Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu ở thành phố Vinh
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga



Bản vẽ từ tài liệu thiết kế trạm xăng dầu ở thành phố Vinh
Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga

Không tách rời sản xuất, hay là Những khó khăn về dịch thuật

Trong số rất nhiều thư mục của Viện lưu trữ Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô, có một số tài liệu đánh giá quá trình công tác của các cán bộ được cử đi công tác nước ngoài vào giữa và cuối thập kỷ 1950 trở về. Khá lạ là dòng cán bộ công tác nước ngoài vào thời điểm đó chủ yếu lại là Albania và Trung Quốc, những nước mà chẳng bao lâu sau Liên Xô đối với họ đã trở thành kẻ địch hung bạo nhất. Số «người Việt Nam» trong số các chuyên gia đầu mỏ của Liên Xô vẫn còn rất ít, và chúng tôi rất phấn khởi khi thấy tài liệu sau:

«Nhận xét đánh giá về đồng chí. Zimarin Piotr Sergeevich, sinh năm 1928, đảng viên dự bị Đảng Cộng sản Liên Xô, nghề nghiệp chuyên môn: thợ cần cấu.

Đồng chí. Zimarin P. S. công tác tại Việt Nam ĐCCH từ ngày 20/11/1956 đến ngày 17/6/1957. Đồng chí làm việc trên công trường xây dựng kho xăng dầu với chuyên môn thợ máy xe cần cấu, máy phát điện di động và máy bơm.

Có tính kỷ luật. Hiểu rõ về công việc của mình. Luôn có tinh thần trách nhiệm trong công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách cẩn thận.

Đồng chí thường truyền kinh nghiệm cho các đồng nghiệp Việt Nam.

Khiêm tốn trong cuộc sống hàng ngày. Không bị phê bình kỷ luật trong công việc và sinh hoạt đời sống.

Quyền tham tán về hợp tác kinh tế Đại sứ quán Liên Xô tại VNDCCCH V. Sulinov. Ngày 17 tháng 6 năm 1957»¹.

Người thợ máy cần cấu Liên Xô đã về nước, nhưng công sức lao động của đồng chí vẫn ở lại Việt Nam.

* * *

Nhóm «người Liên Xô» đầu tiên đến công trường xây dựng kho xăng dầu ngay lập tức lưu ý rằng các kỹ sư và kỹ thuật viên địa phương cần phải học hỏi rất nhiều. Mọi người đều hiểu rõ rằng ở một đất nước từng nhiều năm là thuộc địa thì không thể khác được. Các kỹ sư Liên Xô năm 1955 đã rất lo ngại và viết rằng vào thời điểm nhận thiết bị cần phải đào tạo cán bộ đủ trình độ chuyên môn. Như một trong những chuyên gia ở mỏ than nhận xét: «*Vấn đề đào tạo không được đề cập đầy đủ trong dự thảo kế hoạch phát triển vùng than Hòn Gai. Cần lưu ý rằng đối với VNDCCCH vấn đề này có ý nghĩa quan trọng, vì bên cạnh việc cung cấp máy móc và thiết bị cho ngành công nghiệp than còn có vấn đề phải làm chủ những máy móc thiết bị đó*»². Những lời này có thể được quy cho bất kỳ ngành công nghiệp nào khác liên quan đến công nghệ. Trong ngành công nghiệp dầu khí, trước hết rất cần đào tạo thợ xây dựng và lắp máy

cũng như lực lượng kỹ thuật viên quản lý vận hành kho chứa nhiên liệu và dầu nhờn.

Sự xuất hiện của lớp công nhân và cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao của VNDCCCH gắn liền với công tác đào tạo không tách rời sản xuất. Vào tháng 11–12 năm 1955, các chuyên gia của Tổng công ty Glavmosstroy đã giúp Việt Nam thành lập Công ty lắp máy trực thuộc Bộ Công nghiệp, đặc biệt là trong việc hoàn thiện hóa bộ máy nhân sự, tuyển dụng và bố trí công nhân tại các công trường xây dựng khác nhau, thành lập nhà máy cơ khí cho công ty.

Vào tháng 12/1955 đã có 30 thợ nước, hai nhóm thợ lắp ráp điện và thợ tiện cơ khí mỗi nhóm 30 người, 25 thợ hàn xì được đào tạo. «*Nhóm của chúng tôi, — người nhóm trưởng Liên Xô viết, — rõ ràng cho thấy cần phải đào tạo cả bộ máy cán bộ lãnh đạo của công ty lắp máy, để làm được việc đó chúng tôi cùng với các đồng chí Việt Nam xem xét toàn bộ tài liệu kỹ thuật được cung cấp, lựa chọn tài liệu, lập thiết kế mẫu và đặt gia công riêng những cụm máy để chuyển cho nhà máy cơ khí của công ty.*

Tuy nhiên, nhiệm vụ chính về việc đào tạo đại trà sẽ chỉ được giải quyết tại chỗ khi các chuyên gia của những bộ ngành cung cấp thiết bị đến Việt Nam để hỗ trợ kỹ thuật trong việc lắp ráp máy móc thiết bị công nghệ và các công việc liên quan»³.

Những người thợ lắp máy Liên Xô đầu tiên đến Việt Nam năm 1956 để xây dựng các kho chứa dầu đã hành động theo cách đó. Đồng chí M. N. Gavrilenko đã có nhận xét rằng các đồng chí Việt Nam «vừa được đào tạo công việc lắp máy vừa đồng thời tham gia lắp máy»⁴. Một người lãnh đạo khác viết: «Ngoài công việc cơ bản về lắp ráp, tập thể chúng tôi còn thực hiện công tác đào tạo đội thợ lắp máy người Việt Nam». Để chứng minh ông đã đưa ra bảng kết quả đào tạo sau đây⁵:

Chuyên môn	Tất cả	Trong đó	
		Đào tạo cá nhân	Đào tạo nhóm
Thợ hàn điện	29	9	20
Thợ hàn hơi	8	3	5
Thợ lái máy kéo	2	1	—
Thợ cần cấu	3	3	—
Thợ tiện	24	12	12
Thợ mô-tơ	6	6	—
Thợ cả xây dựng	8	—	8
Tổng cộng	78	33	45

Khóa tập huấn được tổ chức cho cả các đồng chí Việt Nam và Trung Quốc. Tại kho xăng dầu Hà Nội đã tổ chức những buổi báo cáo thảo luận theo các chủ đề «Phương pháp sản xuất và lắp đặt bể chứa công nghiệp được sử dụng trong ngành công nghiệp dầu mỏ Liên Xô» và «Phương pháp sản xuất và lắp đặt hệ thống đai ống dẫn trong ngành công nghiệp dầu mỏ của Liên Xô».

Trở ngại chính trong việc đào tạo cán bộ bản địa là rào cản ngôn ngữ. Người Nga không biết tiếng Việt, người Việt cũng không biết một từ tiếng Nga hay chỉ ít là từ tiếng Pháp nào. Mỗi buổi học phải sử dụng đến hai hoặc ba phiên dịch viên (từ tiếng Nga sang

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 45. Tờ 68–74

⁴ Viện lưu trữ GRAE. Ph. 365. Danh mục 1. Hồ sơ 1571. Tờ 273.

⁵ Viện lưu trữ GRAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 45. Tờ 33.



Từ năm 1955 các cố vấn Liên Xô đã làm việc ở Việt Nam... Trên công trường nhà máy thủy điện Thác Bà



Tại mỏ than Mông Dương



Bên máy tiện
RIA «Novosti»



Trên cỗ xe vận tải phân khối lớn
RIA «Novosti»

tiếng Pháp và từ tiếng Pháp sang tiếng Việt). Các giảng viên phàn nàn rằng «đôi khi do «tam sao thất bản» trong việc phiên dịch mà khi đến tai học viên thì bài giảng đã trở nên méo mó đi rất nhiều»¹.

Khóa tập huấn cho các công nhân vận hành kho chứa xăng dầu Việt Nam bắt đầu từ ngày 20/12/1955. Nhóm học viên gồm có 30 người.

Ngày 28/5/1957 Cố vấn cho Văn phòng Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ĐCCH Bùi Công Trường theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đã chuyển đến Đại sứ quán Liên Xô lời đề nghị như sau: «Hiện nay nhờ vào sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô đã hoàn thành xây dựng các kho chứa xăng dầu, chúng tôi nhận thấy sự giúp đỡ từ phía chuyên gia Liên Xô cả trong việc bảo vệ và duy tu bảo dưỡng những kho xăng dầu đã được xây dựng là rất cần thiết. Chúng tôi đề nghị Chính phủ Liên Xô cử một chuyên gia bảo dưỡng và phòng cháy kho xăng dầu sang giúp Bộ Thương mại trong vòng 12 tháng»².

¹ Viện lưu trữ GRAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 45. Tờ 104.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 8627. Danh mục 13. Hồ sơ 744. Tờ 4.



Đào tạo thợ hàn



Những người thợ hàn hiện đại Việt Nam tại cơ sở phục vụ trên bờ
XNLD «Vietsovpetro». 2015

Trích báo cáo công việc đã thực hiện về hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam ĐCCH trong vận hành hoạt động kho chứa dầu của chuyên gia Liên Xô V. P. Maslov, ngày 02/2/1958: «Việc áp dụng chế độ và quy định phòng cháy tại các kho chứa dầu được thực hiện theo hai cách:

- a) Hướng dẫn thực tế tạo kho xăng dầu;
 - b) Đào tạo công nhân tại các khóa tập huấn tổ chức tách biệt với công việc sản xuất tại các kho xăng dầu.
- Trước khi bắt đầu các khóa tập huấn này, một chương trình đào tạo đã được soạn thảo có sự thỏa thuận về nội dung với lãnh đạo của công ty dầu khí Việt Nam. Các bài giảng theo chương trình đều được dịch ra tiếng Việt. Chương trình tập huấn bao gồm 82 giờ đào tạo lý thuyết và 40 giờ đào tạo thực hành. Tham gia khóa học kết thúc ngày 07/8/1957 là nhóm học viên gồm 52 người, trong đó 42 người từ các kho xăng dầu và quản lý công ty xăng dầu, 5 người từ Cục phòng cháy chữa cháy Công an Hà Nội, 5 người từ Bộ Quốc phòng và Bộ Công nghiệp. Vào ngày 1 tháng 9 năm 1957, chương trình nghiên cứu những quy định cơ bản về an toàn phòng cháy cho các kho chứa xăng dầu đã kết thúc. Sau khóa tập huấn nhóm chuyên gia tiếp tục đi đến các kho xăng dầu để hỗ trợ trên thực tế việc vận hành kho chứa, chủ yếu là hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn phòng cháy. <...>

Giai đoạn từ ngày 10/9/1957 đến ngày 15/1/1958. Đây là giai đoạn đào tạo thợ cả chịu trách nhiệm vận hành kho chứa xăng dầu thông qua khóa học chuyên tu 3 tháng. Trước khóa học đã soạn thảo chương trình đào tạo lý thuyết và thực hành có thỏa thuận nội dung với lãnh đạo công ty dầu mỏ và được Bộ trưởng Thương mại Việt Nam phê duyệt.

Chương trình bao gồm 170 giờ học lý thuyết và 118 giờ thực hành. Khóa học bắt đầu ngày 07/10/1957 và kết thúc vào ngày 15/1/1958. <...> tham gia có 27 người, trong đó 22 học viên từ các kho xăng dầu và quản lý công ty dầu mỏ đang làm việc theo các chuyên môn sau: thợ cơ khí và cán bộ kỹ thuật kho xăng dầu, cán bộ bàn giao-tiếp nhận công trình, 5 người còn lại đến từ Bộ Quốc phòng và sân bay. Để các học viên nắm vững kiến thức hơn ngay trước khi giảng bài và trong quá trình đào tạo đã hoàn thiện nhiều giáo trình trực quan dưới dạng bản vẽ, sơ đồ, bảng số và

hình vẽ. Ngoài ra trong bài giảng còn kết hợp trình bày các bản vẽ, sơ đồ và hình vẽ bằng đèn chiếu. Toàn bộ chu trình bài giảng đều được dịch từ tiếng Nga ra tiếng Việt. Khi kết thúc khóa tập huấn có tổ chức thi kiểm tra kiến thức được đào tạo. Kết quả thi của 27 học viên như sau: 10 người đạt điểm Giỏi, 11 người đạt Khá và 6 người đạt điểm Trung bình.

Sau khi các học viên kết thúc khóa học trở về đơn vị công tác, đã tổ chức các chuyến thị sát tới tất cả các kho xăng dầu nhằm mục đích kiểm tra việc áp dụng kiến thức được đào tạo trong công việc thực tế ra sao.

Ngoài những vấn đề nêu trên còn thực hiện một số vấn đề ngoài chương trình, cụ thể là:

1. Việc xăng pha chì A70 được cung cấp từ Liên Xô thay thế cho loại xăng không pha chì A66 làm nảy sinh nhu cầu cấp thiết cần nhanh chóng hướng dẫn đội ngũ cán bộ công nhân làm việc tại các kho xăng dầu về loại nhiên liệu này. Do vậy đã tiến hành các giờ tập huấn, giảng bài, hướng dẫn thực tế ngay tại hiện trường và soạn thảo tài liệu hướng dẫn có dịch sang tiếng Việt.
2. Khi xăng pha chì được cung cấp sang, các đồng chí Việt Nam đã đề nghị sử dụng nguồn dung môi chì ethyl R-9 dự phòng để pha chì cho loại xăng không chì A66 tại kho Đức Giang. Đã thực hiện việc này trên thực tế với mẻ xăng đầu tiên có khối lượng 1000 m³¹.

* * *

Trong lịch sử Việt Nam, năm 1957 được xem là cột mốc quan trọng trong quá trình phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh. Sau đó bắt đầu quá trình tái thiết và phát triển kinh tế theo kế hoạch, kế hoạch ba năm giai đoạn 1958-1960 đã được thông qua. Lúc này đã có thể tóm tắt những kết quả đầu tiên thực hiện Hiệp định Xô-Việt ký ngày 18 tháng 7 năm 1955.

Theo đó có những công trình sau đã được khôi phục, xây dựng và đưa vào vận hành: Mô thiếc Tĩnh Túc với một nhà máy làm giàu quặng và một phân xưởng luyện thiếc; hai nhà máy nhiệt điện tổng công suất 16.000 KW ở Vinh và Lào Cai; hai nhà máy thủy điện với tổng công suất 1600 KW; một nhà máy điện diesel công suất 900 KW; ba trạm điện di động với tổng công suất 1670 KW; sáu

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 4. Hồ sơ 126. Tờ 7-9.



Hướng dẫn công việc cho thợ lắp máy
RIA Novosti

đường dây truyền tải điện với tổng chiều dài 109 km; Nhà máy cơ khí Hà Nội, Nhà máy cá hộp Hải Phòng và nhiều nhà máy xí nghiệp khác. Với nguồn viện trợ không hoàn lại đã cung cấp trang thiết bị và tài liệu cho Đại học Tổng hợp Hà Nội, hai trường trung học và mười trạm truyền thanh, cũng như trang thiết bị và vật tư cho hai công ty xây dựng, ba trạm y tế và hai đội khảo sát. Quan trọng nhất trong danh sách này là 5 kho xăng dầu tổng sức chứa 20.250 mét khối, được cải tạo hoặc xây dựng với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô¹. Nhờ những dự án xây dựng này, nền kinh tế của nước Việt Nam độc lập đã hồi sinh và bắt đầu phát triển. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp cả nước đạt 76% so với năm 1939, trong khi giá trị sản xuất nông nghiệp đã vượt xa mức năm 1939 nói trên².

Theo kế hoạch, nền kinh tế của đất nước sẽ phát triển nhanh hơn. Mức độ cơ giới hóa của các xí nghiệp, nông trường quốc doanh và các mô hình kinh tế khác nhau đang gia tăng. Việc trang bị kỹ thuật cho quân đội và hải quân cũng bắt đầu được thực hiện.

Tính đến ngày 1 tháng 1 năm 1959, đã có 572 chuyên gia từ các nước xã hội chủ nghĩa sang giúp đỡ Việt Nam DCCH, trong đó có 121 chuyên gia Liên Xô³.

***Trích bài viết của đồng chí Lê Thanh Nghị — Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam trên tạp chí «Việt Nam», năm 1959:** «Đến cuối năm 1960 tổng sản lượng của tất cả các doanh nghiệp công nghiệp, cả cũ và mới, sẽ vượt mức 143,1% so với năm 1957 <...> Tỷ lệ phát triển công nghiệp như vậy không thể có ở bất kỳ quốc gia tư bản nào, chúng chỉ có thể đạt được trong các điều kiện của hệ thống xã hội chủ nghĩa, tạo ra không gian cho sức sáng tạo của nhân dân và tính tích cực trong lao động. <...> trên con đường này, chúng ta gặp nhiều khó khăn và trở ngại liên quan đến sự lạc hậu về văn hóa và kinh tế nói chung của đất nước chúng ta. Hiện tại, chúng ta vẫn gặp phải tình trạng thiếu nhân lực lãnh đạo kỹ thuật và công nhân lành nghề một cách trầm trọng. <...> nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, với sự giúp đỡ đầy tình anh em của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chắc chắn sẽ đạt được những thắng lợi rực rỡ».*

⁴ Lê Thanh Nghị. Bước tiến vượt bậc về phát triển công nghiệp nước ta // Báo ảnh Việt Nam. 1959 № 2. Tr. 10–11

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 198. Tờ 33–34.

² Korovyakovsky I. V. Yếu tố Liên Xô trong việc phát triển nền kinh tế của nước Việt Nam DCCH (giữa những năm 1950 — giữa những năm 1970). Luận án Tiến sĩ lịch sử. Kursk, 2012. trang 50.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 198. Tờ 38.

Gazprom tới Việt Nam

Vào ngày 15 tháng 1 năm 1960, có một bức thư từ Văn phòng Thủ tướng VNDCCH gửi đến đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội như sau: «Hiện tại, trong giai đoạn chuyển đổi và phát triển của nền kinh tế quốc dân, các cơ quan quy hoạch, các tổ chức thiết kế và xây dựng của Bộ Nội thương nước VNDCCH do thiếu cán bộ chuyên môn có trình độ đang gặp nhiều khó khăn và cần sự giúp đỡ từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em», tài liệu nêu rõ. Sau phần mở đầu này là đề nghị cử một số nhóm chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam để giải quyết các vấn đề cụ thể: «một nhóm chuyên gia để hỗ trợ thiết kế và xây dựng các kho xăng dầu với tổng công suất khoảng 40.000 mét khối để đáp ứng nhu cầu dân sự cũng như quân đội; đồng thời, các chuyên gia này sẽ hỗ trợ việc mở rộng các kho hiện đang hoạt động (sức chứa từ 1.000 đến 2.000 mét khối). Tham tán Đại sứ quán về các vấn đề kinh tế đã chuyển lá thư này tới Ủy ban Nhà nước của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại (GKES), được thành lập trên cơ sở Ủy ban Hợp tác kinh tế nhà nước và đóng vai trò nổi bật trong việc tăng cường hợp tác kinh tế Xô-Việt. Trên bức thư của tham tán ĐSQ, Phó Chủ tịch Ủy ban GKES đã ghi chỉ thị: «gửi tới Tổng cục GlavGaz, đ/c Kortunov, tel. K-5–28–27»¹.

Glavgaz — Tổng cục Công nghiệp Khí đốt thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô — là tiền thân của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô và tập đoàn Gazprom hiện nay. Nó được thành lập vào năm 1956 do sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp khí đốt ở Liên Xô, do công nhân ngành khí đốt phải thực hiện khối lượng công việc lớn trên các công trường xây dựng, được giao tiến hành các công trình xây dựng đầu khí của cả nước, bao gồm các kho chứa và đường ống xăng dầu. Vào thời điểm nhận được bức thư từ Việt Nam, Glavgaz do đồng chí Alexei Kirillovich Kortunov, Anh hùng Liên Xô, người trực tiếp biết rõ thế nào là dầu mỏ và khí đốt, lãnh đạo. Trở về từ mặt trận, nơi ông chỉ huy một trung đoàn, ông được cử lãnh đạo một trong những đơn vị quản lý việc xây dựng các công trình dầu mỏ, và sau đó làm Thứ trưởng Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô phụ trách xây dựng cơ bản. Năm 1963, Glavgaz đổi tên thành Gazprom của Liên Xô, vào năm 1965 trên cơ sở của Gazprom đã thành lập Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, và A. K. Kortunov trở thành bộ trưởng đầu tiên của ngành công nghiệp khí đốt của đất nước.

Vào ngày 2 tháng 4 năm 1960, Ủy ban Kinh tế đối ngoại GKES thông báo: «Tổng cục Khí đốt (Glavgaz) Liên Xô không phản đối việc hỗ trợ VNDCCH trong thiết kế các công trình mới và mở rộng những cơ sở trữ dầu hiện có»². Quá trình thỏa thuận đàm phán diễn ra tới cuối năm, và ngày 28 tháng 12 năm 1960, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã ra Quyết định số 3865 giao cho Tổng cục Khí đốt hỗ trợ kỹ thuật cho VNDCCH trong thiết kế hệ thống kho chứa xăng dầu.

Kỹ sư P. A. Gladkov lại sang Việt Nam, như lần đầu tiên. Nơi đó chờ đón ông là các vị khách hàng — đại diện Cục Quản lý dự trữ vật tư nhà nước trực thuộc Văn phòng Thủ tướng Việt Nam DCCH. Ngày 18 tháng 2 năm 1961, người kỹ sư Liên Xô một lần nữa ở giữa thủ đô của Việt Nam, nơi ông đã vắng mặt hơn 5 năm. Tất nhiên, ông đến thăm Bắc Giang và Vinh, nơi công việc mở rộng các kho xăng dầu đang được tiến hành, thăm Việt Trì và Hải Phòng. Đập vào mắt ông là những bồn chứa mới được đặt trên nền đất mới

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 3330. Tờ 7, 10, 11

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 279. Danh mục 1. Hồ sơ 1298. Tờ 2



Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô A. K. Kortunov

đắp. Vết đất đắp còn mới, có nghĩa là thời gian cần thiết để nền đất khô lại và trở nên rắn chắc chưa đủ. Trao đổi nhẹ nhàng để không làm các đồng nghiệp Việt Nam tự ái, Piotr Yakovlevich [Gladkov] đã chỉ ra những bất cập. «Những ý kiến của tôi đã được đón nhận một cách thân thiện», — ông viết trong báo cáo, — bởi vì chúng được phát biểu dưới hình thức trao đổi kinh nghiệm»³. Nhưng điều quan trọng nhất là hệ thống cung ứng sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đã hoạt động. Tấp nập tới kho nào tàu chở dầu, nào xe chở xăng, các cán bộ kỹ thuật và công nhân bận rộn cho việc xuất kho xăng, dầu diesel hoặc dầu bôi trơn để đầu đó cách xa hàng chục cây số những chiếc xe tải MAZ mạnh mẽ của Liên Xô hay «Tatra» của Séc kíp chuyên đi tấp than khách hàng đang mong ngóng, những chiếc máy kéo đang cày tiếp hecta ruộng nông trường hoặc đào thêm những cây số kênh mương mới.

Mục đích chính chuyến đi của kỹ sư P. Gladkov là tìm hiểu yêu cầu nhiệm vụ cụ thể mà phía Việt Nam muốn đặt ra đối với đội ngũ thiết kế của Glavgaz, và giúp đỡ lựa chọn địa điểm để xây dựng những kho xăng dầu mới. Sự hợp tác trong lĩnh vực này tiến lên một cấp độ mới về chất. Đầu tiên, cần thiết kế việc mở rộng các kho đã được xây dựng trước đó và xây dựng những công trình mới. Trong khi ở Liên Xô vấn đề còn đang được chuyển qua các cấp quan liêu, người Việt Nam đã quyết định giao phó phần việc đầu tiên, đơn giản hơn, cho một cơ quan thiết kế nhỏ của mình được lập ra chuyên để phục vụ cho các kho xăng dầu. Phòng thiết kế này mặc dù chưa đủ kinh nghiệm nhưng đã là một đơn vị chuyên môn, sẵn sàng thực hiện những nhiệm vụ của nhà nước giao phó — đây cũng là thành quả của sự hợp tác giữa hai nước. Thêm vào đó những xí nghiệp xây dựng và lắp máy đã tiếp thu được kinh nghiệm của chuyên gia xây dựng Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hiện có thể tự mình xây dựng các kho chứa xăng dầu. Nhiệm vụ của Gazprom Liên Xô giới hạn trong việc hỗ trợ thiết kế các công trình mới, phức tạp hơn, mà các kỹ sư Việt Nam chưa đủ khả năng thực hiện.

Công việc đầu tiên là kho chứa 12 nghìn tấn xăng ô tô và xăng máy bay, nhiên liệu động cơ phản lực có kế hoạch xây dựng ở Yên Bái, kho thứ hai công suất 2.000 tấn chứa nhiên liệu cung cấp cho đội tàu thủy — dự định đặt trên bờ Vịnh Bắc Bộ tại thị trấn Bãi Cháy ngay gần cảng Hòn Gai. Bên cạnh đó cần lập sơ đồ nguyên tắc bố trí những kho xăng dầu nhỏ có sức chứa 500–700 tấn để cung

³ Đã dẫn. Tờ 19–20.



Điện tín gửi Tổng cục Khí đốt báo tin các chuyên gia Việt Nam đã tới Viện lưu trữ Kinh tế LB Nga

ứng cho vùng núi, với hệ thống bố trí bậc thang cung ứng sản phẩm dầu theo mô hình tự chảy, để đơn vị thiết kế Việt Nam dựa trên cơ sở đó có thể thực hiện thiết kế thi công cho toàn bộ mạng lưới các kho xăng dầu ở Thái Nguyên, Phú Quỳ, Phố Vi và Vụ Bản. Các bồn chứa phải được đặt trong kết cấu vỏ đặc biệt để bảo vệ được các sản phẩm dầu tránh khỏi đạn và các mảnh vỡ. Theo yêu cầu của phía Việt Nam, những dự án nói trên sẽ được thực hiện theo hướng sử dụng thiết bị và vật tư sản xuất tại Liên Xô mà Việt Nam dự định mua theo các hiệp định thương mại¹.

Ngày 23/2/1961, Liên hiệp xuất khẩu công nghiệp nặng Liên Xô «Tyazhpromexport» và Tổng công ty nhập khẩu thiết bị toàn bộ và kỹ thuật (Technoimport) Việt Nam đã ký hợp đồng số 7289 về hỗ trợ kỹ thuật trong việc thiết kế kho chứa xăng dầu cho Việt Nam DCCH. Đơn vị cung cấp đại diện chung của hợp đồng này là Glavgaz của Liên Xô, theo hợp đồng này ngày 15/8/1961 một nhóm kỹ sư thiết kế gồm sáu người (1 kỹ sư cơ khí, 1 kỹ sư trắc địa, 1 kỹ sư đo vẽ địa hình, 1 kỹ sư địa chất, 1 kỹ sư xây dựng và 1 kỹ sư thủy văn) đã sang Việt Nam để thỏa thuận nhiệm vụ thiết kế và tiến hành khảo sát mặt bằng xây dựng. Hai kỹ sư xây dựng và thủy văn làm việc cho đến tháng 11, những người khác theo yêu cầu của phía Việt Nam ở lại đến tháng 3/1962. Việc khảo sát mặt bằng được tiến hành tại sáu địa điểm, còn nhiệm vụ thiết kế và bản vẽ thi công được lập cho ba kho chứa dầu. Nhiệm vụ thiết kế được thực hiện tại chi nhánh của Giprotruboprovod ở Kiev dưới sự lãnh đạo của kỹ sư trưởng thiết kế I. D. Checheni.

Hợp đồng có những mục quy định việc thực tập nửa năm của các thiết kế viên Việt Nam, nên khi ở Kiev nhận được điện báo tin hai kỹ sư Việt Nam và một phiên dịch đã rời Matxcova, Giám đốc chi nhánh Kiev A. P. Bondarchuk không hề ngạc nhiên. Trong cơ quan của ông mọi thứ đã sẵn sàng để tiếp nhận thực tập viên, trong số đó có Nguyễn Văn Sâm — trưởng phòng thiết kế của Vụ xây dựng cơ bản — Cục Quản lý dự trữ vật tư nhà nước Việt Nam. Chính ông và thủ trưởng của ông Lê Tấn là những người đã ký nhiệm vụ thiết kế các cơ sở kho chứa dầu mới, hiện đang được triển khai thực hiện tại Viện thiết kế Kiev. Ngày 08/9/1962 các đồng chí Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Vĩnh Thịnh và phiên dịch viên Lê Trọng Hiệp sang đến Kiev.

Ở Viện đã lập cho họ một chương trình thực tập gồm 980 giờ học. Về thực chất đó là một khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ về những phần cơ bản trong chuyên ngành «Lưu trữ và vận chuyển dầu mỏ». Các đồng chí Việt Nam phải học cả những vấn đề mang tính cơ sở (chức năng và vai trò của kho chứa dầu, danh mục cơ bản của sản phẩm dầu mỏ, các đặc tính của chúng) cũng như những

phần chuyên biệt (phương tiện vận chuyển, thiết bị bốc dỡ hút rót dầu, đường ống, máy bơm, bồn chứa, các phương pháp chống hao hụt sản phẩm dầu). Phần quan trọng nhất của chương trình thực tập là thực hành: 65 giờ tham gia tư vấn thiết kế kho xăng dầu cho VNDCCH và «tham quan trực quan» hoạt động của các cơ sở kho chứa dầu đang vận hành hoặc đang xây dựng. Các nhà thiết kế Liên Xô đặc biệt dẫn các đối tác Việt Nam tới tham quan kho dầu №1 tại Kiev của Tổng công ty cung ứng dầu Ucraina (Ukrglavneftesnab), kho dầu Odessa, nơi họ được làm quen không chỉ với việc lưu trữ các sản phẩm dầu, mà còn với hệ thống xếp dỡ của đội tàu chở dầu. Các đồng chí Việt Nam đã đến thăm kho xăng dầu ở Boryspol, nơi phục vụ cảng hàng không của thủ đô Ucraina. Việc đào tạo kéo dài đến tháng 3 năm 1962. Trước khi rời đi, họ được cung cấp các loại sách giáo khoa và sách chỉ dẫn mới nhất được xuất bản trong nửa sau của thập kỷ 1950, cũng là những giáo trình đào tạo các kỹ sư của Liên Xô, là tài liệu để họ dựa vào đó làm việc. Đây là danh sách những tài liệu kể trên:

- Chernikin V. I. Xây dựng và vận hành các kho chứa dầu. M., 1955.
 - Olenev N. M. Lưu trữ dầu, các sản phẩm dầu và khí đốt. M., 1958.
 - Kornienko V. S. Lắp đặt các bồn chứa thép dạng đứng. M., 1956.
 - Drematsky N. S., Karpov V. V. Sách hướng dẫn cho thiết kế điện. L., 1959.
 - Titkov V. I. Thiết bị kho chứa dầu. Sách hướng dẫn. M., 1959.
 - Bunchuk V. A. Các loại bể chứa hiện đại cho dầu và các sản phẩm dầu. M., 1959.
 - Glukhov L. N. Bể chứa ngầm cho các sản phẩm dầu sáng. M., 1960.
 - Aizenshtein M. D. Máy bơm ly tâm cho ngành công nghiệp dầu mỏ. M., 1957.
 - Arzunyan AS Tanks với tấm lợp không màng. M., 1956².
- Đến giữa tháng 12, mọi nhiệm vụ thiết kế đã được hoàn thành. Ngày 26/12/1962 thiết kế được xem xét tại phòng xây dựng cơ bản của Glavgaz, trước đó đã được xem xét và thỏa thuận với đại diện bên đặt hàng. Tổng khối lượng tài liệu là 90 tập! Mọi thứ đã sẵn sàng để bắt đầu xây dựng, nhưng ngày 09/10/1963, đồng chí Lê Thanh Nghị, — Phó Thủ tướng Chính phủ VNDCCCH, thông báo với phía Liên Xô rằng, *«sau khi làm việc tận tình với các chuyên gia Liên Xô, đội ngũ cán bộ Việt Nam đã có thể tự lực đảm nhiệm việc thiết kế kho chứa xăng dầu»*³.
- Tổng cộng cho đến trước chiến tranh Việt Nam — Hoa Kỳ, tổng công suất các kho chứa dầu của miền Bắc Việt Nam được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Liên Xô là 126.000 mét khối, bao gồm 46.000 m³ ở Hải Phòng, 44.000 m³ ở Hà Nội, 12.000 m³ ở Nam Định, tại Việt Trì, Vinh và Bắc Giang — mỗi kho 8 nghìn m³.⁴

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 279. Danh mục 1. Hồ sơ 1981. Tờ 35

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 406. Tờ 136

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1317. Tờ 155

Trong điều kiện thời chiến

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Vào ngày 2 tháng 8 năm 1964, tàu khu trục Mỹ Maddox thực hiện nhiệm vụ trinh sát ở Vịnh Bắc Bộ đã tiến vào vùng lãnh hải của miền Bắc Việt Nam. Nó đã bị những chiếc ca nô của miền Bắc Việt Nam xua đuổi. Đã xảy ra một trận chiến và kết thúc bằng việc các bên tán ra. Tới ngày mùng 5 tháng 8, Cơ quan An ninh Quốc gia Hoa Kỳ báo cáo với Washington rằng tàu thuyền Việt Nam trong một đêm giông bão đã một lần nữa tấn công các tàu chiến Mỹ. Điều này không đúng sự thật, nhưng thế cũng đủ để cho Quốc hội Hoa Kỳ thông qua «Nghị quyết về sự kiện Vịnh Bắc bộ», bật đèn xanh cho Tổng thống Mỹ. «Mũi tên xuyên» — là mật danh của chiến dịch mà Lầu Năm Góc soạn thảo với tính chất là kế hoạch trả đũa giáng vào một quốc gia độc lập nhỏ bé. Máy bay của Hải quân Hoa Kỳ xuất phát từ căn cứ trên hai tàu sân bay bắt đầu dội bom xuống các mục tiêu chiến lược của miền Bắc Việt Nam. Một trong những mục tiêu đó là kho xăng dầu tại thành phố Vinh đã bị phá hủy hoàn toàn. Cuộc kháng chiến chống Mỹ khốc liệt và đẫm máu của miền Bắc Việt Nam 1964–1973 đã bắt đầu như vậy.

Trong nửa cuối tháng 10 năm 1965 máy bay không người lái và máy bay trinh sát của Mỹ bắt đầu quần thảo trên vùng trời cảng Hải Phòng.

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965



Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ngày 20 tháng 10 là một ngày thời tiết nắng nóng, trên trời không có một đám mây. Vào giữa trưa, đột nhiên trên trời vang lên tiếng gầm rú, trên bầu trời trong xanh xuất hiện một bóng đen đang dần dần lộ rõ hình dạng một chiếc máy bay.

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

Ông Aleksei Nikolaevich Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam DCCH trên quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Ngày 07/2/1965

^[1] «Sự nghiệp xây dựng các công trình lớn ở Việt Nam DCCH sẽ gặp khó khăn nếu không tổ chức được việc cung ứng xăng dầu...»

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

***Trích hồi ký của phi công Wall Spandzherberg từ hàng không mẫu hạm «Ranger»:** «Cả hai phi đội máy bay chiến đấu của chúng tôi thực hiện các chuyến bay trình sát lên phía bắc và xuống phía nam dọc vùng Bắc Bộ, để quan sát việc ra vào của các con tàu Nga và các tàu khác ở cảng Hải Phòng. Chúng tôi đã bay đủ thấp để đếm những chiếc xe tải trên boong tàu chở hàng Nga. <...> Chúng tôi cũng thấy cả các tàu chở dầu đến Hải Phòng và được kết nối với một kho nhiên liệu lớn. Chúng tôi nghĩ rằng các kho nhiên liệu là một mục tiêu tuyệt hảo nếu như mục đích thật sự của mình đã làm tổn thất sức mạnh quân sự của miền Bắc Việt Nam, nhưng chúng tôi không được phép tấn công các kho tàng, mặc dù đã nhiều lần đề xuất ý kiến này lên ban chỉ huy»¹.*

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Vào đầu chiến tranh, VNDCCH mỗi năm tiêu thụ khoảng 200–250 nghìn mét khối sản phẩm dầu². Tổng dung tích của các bồn chứa dầu đã được nâng lên đến 114 nghìn mét khối, đủ để trữ một lượng vật tư như vậy. Tất cả 6 kho xăng dầu được xây dựng hoặc hiện đại hóa trong hai năm 1956–1957 với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc đã được mở rộng đáng kể trong mười năm qua. Thực tế chúng là những mục tiêu tuyệt vời cho máy bay địch, đây là điều dễ hiểu đối với tất cả các bên liên quan: phía Việt Nam là bên bảo vệ và phía Mỹ là bên tấn công. Kho xăng dầu Hải Phòng, một «hub»- trung tâm dầu mỏ — của miền Bắc Việt Nam, không thực sự bị đánh bom trong giai đoạn đầu. Nhưng khi không quân Mỹ bắt đầu đánh phá thì các kho sản phẩm dầu mỏ không chỉ ở ngoại ô thành phố Vinh mà cả ở Nam Định cũng đã bị ném bom. Sau đó, việc xây dựng các kho xăng dầu mới ở Yên Bái và Phú Quỳ được lệnh dừng lại, còn các kho nổi khác thì chỉ hoạt động với công suất hạn chế (10–30%).

Vào tháng 3 năm 1965 diễn ra Hội nghị Trung ương lần thứ XI Đảng Lao động Việt Nam, thông qua quyết định chuyển nền kinh tế của đất nước sang tình trạng thời chiến. Chiến dịch sơ tán nổi tiếng được triển khai, theo đó các nhà máy xí nghiệp quan trọng nhất chuyển đến vùng núi xa xôi và tổ chức sản xuất dưới hầm. Toàn bộ lực lượng được tập trung để xây dựng các kho xăng dầu nhỏ, phân tán, dạng hầm ngầm sức chứa 10 m³ và 25 m³, với tổng công suất từ 30 đến 500 mét khối sản phẩm dầu. Cho tới tháng 2 năm 1966 đã xây dựng xong hệ thống kho ngầm với tổng công suất khoảng 20 nghìn mét khối, nhưng việc xây dựng rất khó khăn do không có đủ sắt thép, thiết bị bồn chứa, máy hàn³.

Giai đoạn đầu những năm 1960, dù các chuyên gia Liên Xô tiếp tục đóng góp tích cực vào việc phục hồi nền kinh tế Việt Nam, vẫn bị coi là giai đoạn quan hệ Xô-Việt có sự suy giảm nhất định. Trong vấn đề này có một số lý do: việc Liên Xô không muốn bị kéo vào một cuộc xung đột nghiêm trọng với Hoa Kỳ (những bài học từ cuộc khủng hoảng vùng biển Caribe), sự căng thẳng trong quan hệ Xô-Trung trong khi quan hệ Việt-Trung lại được tăng cường, giai đoạn bài Stalin trong ý thức hệ chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô, và nhiều nguyên nhân khác nữa. Tuy nhiên, sau khi cuộc đối đầu Việt Nam-Mỹ tại Đông Dương bước vào giai đoạn nóng bỏng, Liên Xô đã tích cực hỗ trợ miền Bắc Việt Nam. Chuyến thăm Hà Nội của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A. N. Kosygin vào tháng 2/1965 và chuyến thăm của Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn sang Matxcơva vào



Một quan tâm chân thực

Một quan tâm chân thực

Một quan tâm chân thực

tháng 4 cùng năm đó đã tạo động lực mới cho quan hệ hai nước Liên Xô và Việt Nam.

Vào sáu tháng cuối năm 1965 đại diện hai bên Liên Xô và Việt Nam đã tiến hành thỏa thuận nội dung những hiệp ước mới về hợp tác kinh tế và quân sự. Tiến trình hội đàm ở Matxcova kết thúc bằng việc ngày 21/12/1965 hai bên ký kết các hiệp định về việc năm 1966 Liên Xô bổ sung viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho miền Bắc Việt Nam dưới dạng thiết bị, hàng hóa, nguyên liệu, ô tô và các vật tư khác, trong đó hỗ trợ theo kênh Bộ Ngoại thương Liên Xô trị giá khoảng 40 triệu rúp, viện trợ không hoàn lại thông qua Ủy ban hợp tác kinh tế nhà nước khoảng 22,5 triệu rúp bao gồm cả khoản tín dụng đã cấp trước đây và khoản tín dụng chưa giải ngân⁴. Trong chuyến thăm Matxcova của phái đoàn kinh tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Đoàn Chủ tịch TƯ Đảng LĐVN, Phó Thủ tướng Chính phủ đứng đầu, các đại biểu đã đề nghị Liên Xô cử tiếp một nhóm chuyên gia nhà thiết kế Liên Xô nữa đến Việt Nam để giúp chuyển đổi hệ thống cung ứng sản phẩm dầu mỏ sang chế độ thời chiến.

Theo thỏa thuận ngày 21/12/1965, năm 1966 Liên Xô sẽ cung cấp 600 tấn sắt để sản xuất bồn chứa, 1.000 tấn để đóng các loại tàu thuyền khác nhau và 10 nghìn thùng sắt. Quá trình thực hiện những cam kết này được kiểm soát chặt chẽ, và người đứng đầu Ủy ban hợp tác kinh tế là S. A. Skachkov đã báo cáo với Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô rằng «Theo Hiệp định ký ngày 21/12/1965, trong số thiết bị trị giá 16,5 triệu rúp cần cung cấp, đến thời điểm ngày mùng 1 tháng 3 [năm 1967 — chú thích của tác giả] đã giao được khối lượng hàng hóa trị giá 15,4 triệu rúp»⁵. Việc cung cấp tất cả vật tư thiết bị để xây dựng các kho chứa dầu trên thực tế đã hoàn thành (chỉ thiếu một số ít thùng sắt chưa cung cấp đủ). Theo Hiệp định mới ký ngày 03/10/1966 Liên Xô cam kết cung cấp 20 nghìn mét khối sản phẩm dầu cho các kho xăng dầu Việt Nam. Tổng công suất các kho xăng dầu được nói đến trong hai Hiệp định trên là 50 nghìn mét khối, trị giá của chúng là 5,6 triệu rúp»⁶.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 589. Tờ 16

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 623. Tờ 78

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 725. Tờ 152


Thị trấn đang say giấc

Thị trấn đang say giấc

Thị trấn đang say giấc

* * *

Vật tư thiết bị tiếp tục được cung cấp sang Việt Nam¹, trong khi đất nước Việt Nam thời kỳ đó liên tiếp bị ném bom phá hoại, giống như Nam Tư, Iraq hoặc Libya bị đánh bom sau này, chỉ có điều khác những nước kể trên, Việt Nam khi ấy không đơn độc. Một phần hàng hóa viện trợ theo yêu cầu của phía Việt Nam tạm lưu lại chưa cấp sang để không bị ném bom. Thật khó tưởng tượng được, nhưng vào năm 1966 Việt Nam đã yêu cầu cung cấp máy tính, và vào năm 1967 chiếc máy tính «Minsk-22» của Liên Xô đã được chuyển sang Hà Nội. Đồng thời, đi cùng với thiết bị sang Việt Nam là các chuyên gia, các chuyên gia Liên Xô.

Ngày 17/1/1966 Liên hiệp ngoại thương Liên Xô «Neftekhimpromeksport» Công ty nhập khẩu máy và thiết bị toàn bộ «Technoimport» của Việt nam đã ký hợp đồng số 2637, và một tháng sau đó nhóm chuyên gia Liên Xô đã tới Hà Nội. Đại diện Bộ khí đốt Liên Xô (Mingazprom) là đồng chí P. Ya. Gladkov (Giám đốc Viện thiết kế Giprotрубoprovod) và I. A. Yagodovsky (Giám đốc Công ty thiết kế «Yuzhgiپrotрубoprovod» — trước đây là Chi nhánh của Công ty Giprotрубoprovod tại Kiev), đại diện Bộ Hải quân Liên Xô là đồng chí V. S. Brilliant (Phòng thiết kế «ChernomorNIiproekt»). Ở Việt Nam họ được biên chế dưới sự phân công của đồng chí Nguyễn Đức Tâm, — lãnh đạo Tổng cục Quản lý dự trữ vật tư Nhà nước trực thuộc Văn phòng Thủ tướng Chính phủ. Các cơ quan chính phủ Việt Nam đã xác định được một số địa điểm vùng cửa sông và trên bờ biển nơi dự định xây dựng hai kho xăng dầu sức chứa 10 nghìn m³ mỗi kho. Ngay trong buổi đầu phân đầu tiên ở Tổng cục dự trữ, đồng chí P. Ya. Gladkov và các cộng sự đã được yêu cầu giúp đỡ trong việc tìm kiếm địa điểm, «vì các chuyên gia địa phương chưa đủ năng lực để đưa ra được những đánh giá cần thiết một cách toàn diện và chính xác để làm tốt nhiệm vụ lựa chọn địa điểm»². Ngoài ra còn cần phải lựa chọn địa điểm để xây dựng một kho chứa dầu sâu trong lòng núi ở tỉnh Ninh Bình.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

Một kho chứa dầu ở Hải Phòng.

^[1] Theo chứng nhận của Ủy ban Dự trữ Nhà nước về tình hình thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận Xô-Việt: «Kho chứa dầu tổng công suất 20 nghìn mét khối mỗi kho dự trữ 25 mét khối — Ngày 15 tháng 12 năm 1966 ký hợp đồng cung cấp kim loại, đường ống và các thiết bị khác với giá thành 1.480.000 rúp. Thời hạn cung cấp — 1967. Đơn đặt hàng hoàn toàn trong ngành công nghiệp.
^[2]nh cho việc cung cấp 100 toa xe bồn đường sắt, đã ký kết hợp đồng vào ngày 24 tháng 11 năm 1966 với số tiền 300.000 rúp. Thời gian giao hàng là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các toa xe bồn được tập hợp vào tháng 12 năm 1966. Việc gửi đến VNDCCH từ cảng đã hoàn lại theo yêu cầu của phía Việt Nam.
^[3]oài ra, vào ngày 15 tháng 10 năm 1966, đã ký kết một hợp đồng về việc cung cấp 100 bồn xe ô tô với số tiền 543.000 rúp. Thời giao hàng là quý IV năm 1966–1967. Theo thực trạng ngày 1 tháng 2 đã cung cấp với. 71 xe bồn trị giá 406.000 rúp đã được giao. <...>
^[4]ng cấp thiết bị và vật tư dành cho việc xây dựng các khu bể chứa với tổng dung tích 30.000 nghìn mét khối tương ứng với thư trao đổi ngày 3 tháng 10 năm 1966 — ngày 16 tháng 12 năm 1966 đã ký hợp đồng cung cấp thiết bị và vật liệu năm 1967 với giá thành 2.100.000 rúp.
^[5]c đơn đặt hàng hoàn toàn triển khai trong ngành công nghiệp. Đã bắt đầu cung cấp — bốc xếp 1.000 tấn kim loại trị giá 125.000 rúp. (Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 623. Tờ 85–87).

^[6] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1895. Tờ 8–9


Ở Vịnh Hạ Long những năm 1960

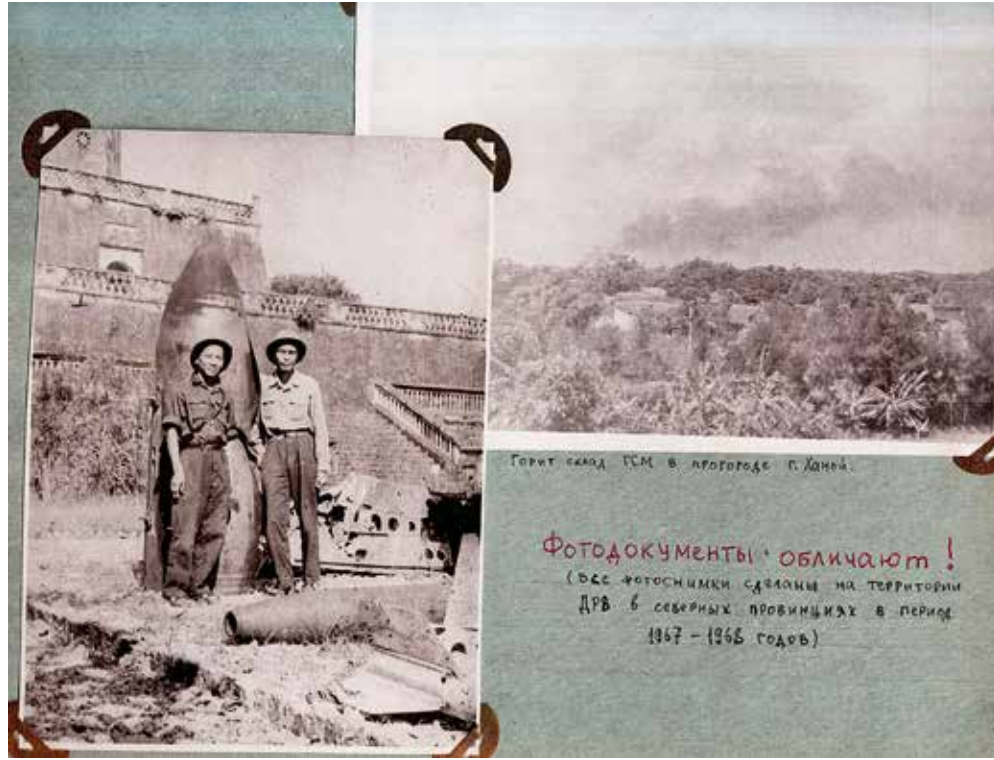
Ở Vịnh Hạ Long những năm 1960

Ở Vịnh Hạ Long những năm 1960

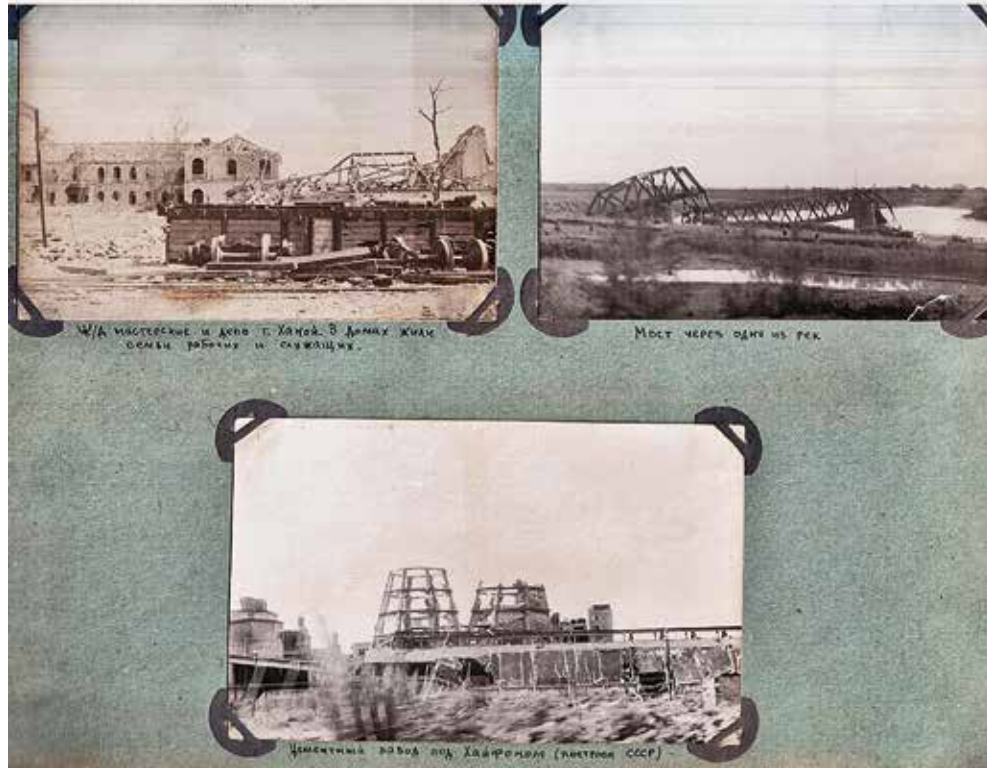
Mặc dù Hải Phòng được tăng cường hỏa lực phòng không song nguy cơ kho dầu ở cảng bị phá hủy vẫn rất cao. Hơn nữa, miền Bắc Việt Nam đã lên kế hoạch không chỉ duy trì mà còn nâng cao lượng nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ. Ngay cả trong thời bình, việc bốc dỡ sản phẩm từ các tàu chở dầu lên cảng là cả một công việc đòi hỏi kỹ thuật phức tạp do dải cát sắt bờ biển Vịnh Bắc Bộ có độ sâu giới hạn. Ví dụ, để đi được vào bến cảng Hải Phòng, một tàu chở dầu tải trọng 10 nghìn tấn trước tiên phải được bốc dỡ bớt 3.000 tấn, vì ngay trong điều kiện tối ưu (là khi thủy triều lên cao) nó cũng chỉ có thể để lại 7.000 tấn sản phẩm dầu trong khoang để cập cảng. Do vậy nên Liên Xô và Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam loại tàu chở dầu nhỏ và sà lan tự hành, có thể được sử dụng vừa như phương tiện vận chuyển vừa như các kho chứa dầu nổi. Tuy nhiên mọi thứ đều còn phải phụ thuộc vào việc chỉ ít trên bờ có đủ kho chứa hay không.

Nhiệm vụ được giao cho nhóm của Gladkov thực sự khó khăn. Khu vực phía bắc của thành phố Hải Phòng, nơi dự định xây dựng kho xăng dầu mới, có điều kiện địa hình và địa chất thủy văn phức tạp, đông dân cư, hơn nữa bất kỳ địa điểm nào ít nhiều phù hợp đều đang là diện tích gieo trồng. Bên cạnh đó, cần trừ tính những cung đường tiếp cận kho chứa sau này cho những tàu chở dầu nhỏ, đội sà lan trung chuyển dầu, phương pháp rót hút dầu không cần cập cảng, khoảng cách ngắn nhất đến cảng tập kết tàu chở dầu lớn, vấn đề bảo vệ và nguy trang (đặc biệt để tránh bị phát hiện từ trên không), làm sao để thiệt hại ít nhất đến diện tích đất đang gieo trồng, khả năng kết nối với đường bộ và đường sắt và nhiều điều kiện khác nữa.

Việc lựa chọn địa điểm và lập luận chứng bảo vệ phương án lựa chọn mất hơn một tháng. Thông thường «mấy ông Liên Xô» và các đồng nghiệp Việt Nam ở Tổng cục dự trữ thường đi chung ban đêm thành một nhóm. Đón họ ở mỗi nơi là đại diện của chính quyền địa phương. Sau khi xem xét, địa điểm tại vùng hang động Yên Bình, nơi gần Hà Nội nhất, đã bị loại khỏi danh sách lựa chọn. Tại Hải Phòng, đoàn đã xem xét 7 địa điểm, trong đó hai địa điểm bị loại ngay lập tức, trong số các địa điểm còn lại có 3 ba địa điểm cần phải gặt hết lúa đã gieo. Một số nơi đoàn phải đi lại xem xét nhiều lần.



Ảnh từ album Việt Nam của chuyên gia quân sự O. A. Smirnov. 1967–1968
www.nhat-nam.ru/vietnamwar/oldfoto52.html



Các kỹ sư Liên Xô vừa ý một địa điểm cách sông Đá Bạc khoảng 5 cây số, trong một khu làng khuất sau những quả đồi cao. Trên bờ sông là một bến bốc dỡ than trước đây, gần quốc lộ 18, nơi các sản phẩm dầu có thể được vận chuyển cả về phía tây lẫn phía đông mà không cần rẽ vào thành phố Hải Phòng là nơi máy bay Mỹ luôn nhòm ngó. Dĩ nhiên cần tiến hành công việc nạo vét đáy sông, xây dựng một bến cảng mới, một đường ống không quá lớn và một trạm bơm. Một địa điểm khác nằm trên một trong những hòn đảo gần đó và được bao khuất bởi những dãy núi.

Lẽ ra vào ngày 23 tháng 3 nhóm Gladkov phải trở lại Matxcova. Trước khi bay, sau khi lập và gửi báo cáo cho Tổng cục dự trữ vật tư Việt Nam, các chuyên gia Liên Xô theo yêu cầu của phía Việt Nam trong vài ngày đã tổ chức mấy buổi hội thảo và tư

vấn về một số nội dung trong việc thiết kế các kho xăng dầu nhỏ là lĩnh vực mà cán bộ thiết kế trong nước đặc biệt yếu. Trong thời gian này cũng có một nhóm đồng chuyên gia Liên Xô đến Hà Nội để giải quyết các vấn đề giao thông. Vì vậy nên phía Việt Nam đã thông qua cơ quan Thương vụ Liên Xô đề nghị để nhóm Gladkov lưu lại ít lâu.

Vấn đề đặt ra trong chương trình nghị sự là xây dựng một bến cảng mới kết nối với đường sắt. Nhân có nhóm thiết kế Liên Xô đang có mặt tại Việt Nam, phía Việt Nam muốn họ giúp đỡ trong việc tìm kiếm địa điểm để xây dựng một kho xăng dầu lớn tầm cỡ như kho Hải Phòng. «Đã nảy sinh một tình huống khó khăn trong công việc của cả hai nhóm — Gladkov báo cáo — theo quan niệm của chúng tôi việc xây dựng một cảng biển mới gắn liền với các khoản đầu tư lớn và lâu dài, vị tất đã thích hợp trong lúc này, vào

thời điểm khi chưa giải quyết được nhu cầu hiện tại về xây dựng các bến cảng tạm thời và kho xăng dầu bổ sung cần thiết tối thiểu để nhân rộng kho xăng dầu Hải Phòng»¹.

Dù vậy nhóm của Gladkov cũng vẫn tới Hòn Gai, thị trấn bãi Cháy, nơi có kế hoạch xây dựng một bến cảng mới. Sau khi xem xét địa điểm một cách kỹ lưỡng đã xác định có một địa điểm phù hợp để đặt kho xăng dầu cách địa điểm trước đây dự định xây cảng 12 km. Tuy nhiên, trong kết luận của họ, các kỹ sư Liên Xô không tư vấn việc xây dựng kho xăng dầu, vì trước khi có tuyến đường sắt và bến cảng thì việc xây dựng kho xăng dầu là không hợp lý. Những cuộc gặp gỡ và họp bàn bất tận bắt đầu, cả trong công ty Technoimport lần Tổng cục dự trữ vật tư Việt Nam. Không có dự án nào, thậm chí không có một nghiên cứu khả thi nào cho việc xây dựng bến cảng ở bãi Cháy. Mọi việc đều có thể trở nên bế tắc, chỉ ít là công việc xây dựng bị kéo dài, vốn đầu tư chết cứng, còn tồi tệ hơn nữa có thể là mất tiền bạc, vật tư và cả con người trong trường hợp bị máy bay Mỹ ném bom.

Ngày 19 tháng 4 năm 1966 nhóm Gladkov rời Hà Nội.

Trích «Báo cáo về công việc đã thực hiện của đoàn chuyên gia Liên Xô được Bộ Công nghiệp khí đốt và Bộ Hải quân cử sang VNDCCCH theo Hiệp định hợp tác số 2637», ngày 17/01/1966, «Nên hỗ trợ Việt Nam trong việc thiết kế các kho xăng dầu công suất 10 nghìn m³ đồng bộ với công tác khảo sát thiết kế do đội chuyên gia gồm 10 người thực hiện ngay tại hiện trường. Đối với kho xăng dầu thứ hai [Trên đảo Trại Cau — chú thích của tác giả], nên để bên thiết kế của Việt Nam thực hiện (ngoại trừ hệ thống đường ống bao) khi đội chuyên gia khảo sát thiết kế chúng ta còn ở Việt Nam, để có thể trao đổi ý kiến tư vấn và áp dụng những giải pháp thiết kế sẵn có đã lập cho các bộ phận kết cấu kho dầu thứ nhất. Như vậy sẽ giúp phía Việt Nam nhanh chóng nắm vững việc thiết kế những cơ sở tiếp theo sau này. <...>

Các bạn Việt Nam có thể tự thực hiện toàn bộ công tác xây dựng nói chung và những công việc lắp đặt cơ bản. Nếu có xu hướng để phía Liên Xô giúp đỡ trong trường hợp này, thì chỉ nên hỗ trợ phần lập tài liệu hướng dẫn thi công và công tác hiệu chỉnh là đủ. <...> Nếu như phía Việt Nam đề cập đến vấn đề xây dựng kho dầu ở khu vực Bãi Cháy thì cần lưu ý rằng việc xây dựng một kho dầu ở đó sẽ chỉ hợp lý về sau này, khi ở đó đã xây dựng được bến cảng mới và tuyến đường sắt, đồng thời nó chỉ có tính chất triển vọng. Không thể coi đó là giải pháp cấp bách»².

Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô đã giao cho Viện thiết kế Kiev «Yuzhgioprotruboprovod» và kỹ sư trưởng thiết kế I. A. Yagodovsky thực hiện dự án trên.

Hai tháng sau khi nhóm Gladkov rời Việt Nam, kho chứa dầu ở Hải Phòng đã bị phá hủy. Ngày 22 tháng 6 năm 1966, tổng thống Mỹ đã ký lệnh cho phép ném bom Hải Phòng. Một tuần sau, vào ngày 29 tháng 6, Mỹ đã tấn công những khu vực trước đây là «vùng cấm» họ không động chạm đến. Đội máy bay của Hải quân Hoa Kỳ gồm 16 sáu chiếc máy bay A-6 và 12 chiếc F-4 «Phantom» từ tàu sân bay Ranger lúc 11h. 15 đã đánh phá toàn bộ hệ thống kho xăng dầu, ném khoảng 120 quả bom cỡ lớn. Phần lớn các bồn chứa đã bị vỡ, một bến tiếp nhận tàu chở dầu đã bị phá hủy không

thể hoạt động được, có nghĩa là đặt dấu chấm hết cho việc bốc dỡ các tàu chở dầu tải trọng lớn³.

Sau một thời gian, máy bay F-105 của Không quân Hoa Kỳ đã tấn công kho xăng dầu trên bờ sông Hồng ở Hà Nội. Tuy hỏa lực phòng không dày đặc nhưng mục tiêu này hầu như bị phá hủy hoàn toàn. Hơi ôi, ở đây một lần nữa người Mỹ đã chứng tỏ tính chính xác của họ. Trong tháng đầu tiên của chiến dịch đánh bom, tính đến ngày 1 tháng 8, theo đánh giá của tình báo Mỹ, 70% các kho xăng dầu cố định của miền Bắc Việt Nam đã bị phá hủy⁴.

Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1966, «Neftekhimpromexport» của Liên Xô và «Technoimport» của Việt Nam đã ký kết nhiều hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị và phụ tùng cho các kho xăng dầu Việt Nam loại sức chứa 20 nghìn và 30 nghìn tấn sản phẩm dầu. Theo đó Liên Xô cung cấp ô tô chở xăng, téc xăng, thiết bị máy móc xây dựng, các loại van khác nhau, ống bơm xăng, bơm động cơ, máy bơm và máy nén có công suất khác nhau, máy phát điện diesel và nhiều loại khác. Tất nhiên nguồn cung cấp này không phải là miễn phí, tuy vậy Liên Xô lại dành cho Việt Nam những khoản tín dụng dưới hình thức trả nợ ưu đãi. Ngày 14/6/1969 hai bên đã ký kết một hợp đồng khác cung cấp thêm thiết bị và vật tư cho một kho chứa sản phẩm dầu mô dung tích 20 nghìn m³ nữa⁵.

Sau một số trục trặc do những kho xăng dầu lớn nhất bị phá hủy, tình hình cung ứng xăng dầu của VNDCCCH đã được phục hồi với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc. Một phần đội tàu vận tải lớn tạm thời chuyển đến bốc dỡ tại một số cảng phía nam Trung Quốc, rồi từ đó dùng tàu nhỏ và sà lan trung chuyển đến những kho chứa ở xa. Như đại diện Bộ Hải quân Liên Xô N. I. Kovalev nhớ lại: «Sau đó do khắp mọi nơi ở miền Bắc Việt Nam xây dựng thêm nhiều kho xăng dầu và sà lan rút dầu cỡ nhỏ, tàu chở dầu lại tiếp tục dỡ hàng ở Việt Nam, rót xăng dầu lên những sà lan đó ở vịnh Hạ Long và bến Bạch Đằng»⁶. Mặc dù miền Bắc Việt Nam đang gặp khó khăn về sản phẩm dầu, song nhìn chung nhờ cùng nhau nỗ lực nên các tuyến cung ứng xăng dầu huyết mạch của đất nước đã không bị cắt đứt và vẫn đảm bảo cung ứng xăng dầu cho quân đội và nền kinh tế quốc dân.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1895. Tờ 13

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1895. Tờ 16–17

³ Rozin A. Tuyến đường vận tải chính. Các thủy thủ Liên Xô giúp đỡ Việt Nam với tinh thần quốc tế vô sản trong đấu tranh giành độc lập và chống Mỹ xâm lược. (Nguồn internet: <http://alerozin.narod.ru/DRV/VietnamSovietShips-4.htm>. Ngày trích dẫn 02/5/2016)

⁴ Rozin A. Tuyến đường vận tải chính. Các thủy thủ Liên Xô giúp đỡ Việt Nam với tinh thần quốc tế vô sản trong đấu tranh giành độc lập và chống Mỹ xâm lược. (Nguồn internet: <http://alerozin.narod.ru/DRV/VietnamSovietShips-4.htm>. Ngày trích dẫn 02/5/2016)

⁵ Hợp đồng số 2664, 2667, xem Viện lưu trữ RGAE, phòng 365. Danh mục 6, hồ sơ 1791, 1807, 1871.

⁶ Kovalev N. I. Ở vùng đất Hải Phòng nơi xa // (Nguồn Internet: <http://www.nhat-nam.ru/vietnamwar/memory49.html>) Ngày dẫn: 02.07.2016)

Gazprom và việc xây dựng tuyến đường ống xăng dầu đầu tiên ở Việt Nam

Ngày 12 tháng 12 năm 1969, các đồng chí Việt Nam nhắm khắc phục tình trạng trung chuyển xăng dầu nhập khẩu và vận chuyển xa quyết định xây dựng một tuyến đường ống dẫn xăng dầu từ cảng Bãi Cháy mới xây dựng (tỉnh Quảng Ninh) đến thành phố Phú Lý nằm ở giữa vùng đồng bằng miền Bắc Việt Nam, thi chiến tranh đang ở giai đoạn ác liệt. Để xây dựng được tuyến đường ống này trong thời hạn sớm nhất cần khắc phục địa hình khúc khuỷu, đi qua nhiều sông ngòi (một số nơi rộng đến 500 mét), đường bộ và đường sắt, đầm lầy và ruộng lúa. Tất nhiên, điều kiện đây chưa đến mức khó khăn như vùng Tây Siberia, nhưng đâu vậy, do điều kiện kinh tế và khí hậu, các nhà xây dựng ở đây vẫn phải thể hiện kỹ năng, tính kiên trì và sự khéo léo.

Lẽ dĩ nhiên ngay từ đầu Chính phủ Việt Nam đã đề nghị các bạn Liên Xô giúp đỡ. Ngay từ năm 1965 Việt Nam đã đề nghị cung cấp những tài liệu quy chuẩn căn bản về thiết kế và xây dựng đường ống dẫn dầu (bao gồm cả đường ống dẫn khí đốt)¹. Vào ngày 08/5/1968 một hiệp định liên chính phủ khác đã được ký kết về việc Liên Xô viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam. Theo hiệp định này Bộ Công nghiệp khí đốt của Liên Xô — cụ thể là liên hiệp xí nghiệp «Soyuzzagrangaz» — được giao xây dựng hạng mục công trình hạ tầng cơ sở phức tạp này, có bí số «2218». Ngày 16/9/1968 hai bên đã ký kết hợp đồng thiết kế tương ứng, và một lần nữa các kỹ sư và chuyên gia khảo sát thăm dò của Bộ Công nghiệp khí đốt, cũng như các «thủ thủ» và «người lái đò» lại sang Việt Nam, bởi vì việc bốc dỡ các tàu chở dầu theo kế hoạch ban đầu sẽ phải thực hiện trong điều kiện tàu không vào cảng.

Chiều dài thiết kế của đường ống dẫn dầu là 160 km, làm từ loại ống đường kính 159 mm, được thiết kế để chịu áp suất công tác là 64 át-mốt-phe. Tuy nhiên, tổng chiều dài của tuyến đường ống bao gồm cả các đoạn ống hai nhánh là 240 km. Để thực hiện việc bơm vận chuyển và lưu trữ các sản phẩm dầu mỏ, còn có kế hoạch xây dựng bốn trạm bơm với các bể chứa tổng dung tích 12.000 mét khối, loại bể thép nằm ngang dung tích mỗi bể 75 m³. Công suất thiết kế của đường ống là 1 triệu m³/năm².

Việc thiết kế được thực hiện ở Việt Nam, cho dù việc này một mặt đã giúp đẩy nhanh được tiến độ, nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ sư Việt Nam, tuy nhiên mặt khác nó cũng tạo ra những bất tiện nhất định trong việc trích xuất kinh phí từ các quỹ tương ứng, bởi vì không thể đối chiếu các thông số kỹ thuật, cũng như thực hiện công tác giám sát cần thiết. Tuy nhiên, ngay ngày 1 tháng 7 năm 1969 hai bên đã ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, và ngày 29 tháng 8 — hợp đồng cử chuyên gia. Các loại vật tư thiết bị như ống, vật liệu cách điện, cần cấu, máy xúc, thiết bị hàn, máy khoan ngang và thậm chí cả phòng thí nghiệm từ tính tia X — với tổng giá trị gần 2 triệu rúp, đã được vận chuyển theo tuyến đường châu Phi đến Việt Nam.

Trong suốt mùa thu, công ty «Soyuzzagrangaz» đã gấp rút chuẩn bị tài liệu cho chuyển công tác nước ngoài của các chuyên gia của công ty. Hơn 150 người đã được cử tới một đất nước xa xôi ở phía nam. Đội chuyên gia gồm 46 «lính Gazprom» đầu tiên — là

các kỹ sư và công nhân tay nghề cao — đã tới nơi vào tháng 12 năm 1969 và ngay lập tức bắt tay vào công việc. Các đồng nghiệp Việt Nam của họ đã bắt đầu các công việc ở cốt 0, làm sạch mặt bằng tuyến ống sẽ đi qua, đắp đường cho xe vận tải tiếp cận, và trong điều kiện thời chiến vô cùng khó khăn đã cố gắng tạo ra những điều kiện sinh hoạt tương đối tốt cho các chuyên gia Liên Xô sinh sống. Mọi người đều cần khẩn trương, bởi vì phía lãnh đạo Việt Nam đã đề ra thời hạn khá gấp rút — tuyến đường ống phải được đưa vào vận hành vào ngày 31 tháng 5 năm 1971³.

Thời điểm thật sự khởi động xây dựng hạng mục số 2118 là năm 1970. Những người thợ khoan Liên Xô và Việt Nam đặt một giếng khoan sâu đầu tiên cách mặt bằng thi công vài chục cây số, trong khi đó đội xây dựng dầu khí thực hiện việc kéo «ống», đặt những bể chứa dầu đầu tiên của cơ sở và xây dựng các bến cảng để tàu chở dầu ra vào. Trong vòng một năm họ đã đặt được hơn 73 km đường ống và xây dựng ba trạm bơm trung gian⁴.

Như thường lệ không phải tất cả mọi việc đều suôn sẻ, rất nhiều điều còn thiếu, trước tiên là thiếu cán bộ Việt Nam có tay nghề cao, thiếu các phương tiện máy móc kỹ thuật vì chúng thường xuyên bị điều chuyển sang những công trình khác «quan trọng hơn». Đâu vậy, vào tháng 8 năm 1971 một ủy ban công tác do Bộ Dự trữ vật tư của VNDCCH phân công đã xác nhận công tác xây dựng đợt một đã hoàn tất và tư vấn có thể nghiệm thu công trình đưa vào vận hành sau khi hoàn thiện công tác hiệu chỉnh khởi động tương ứng. Vào tháng 12 năm 1971, Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô (Mingazprom) đã cử một nhóm gồm 9 chuyên gia vận hành sang Việt Nam thay cho nhóm chuyên gia xây dựng về nước. Tại công trường xây dựng đợt hai có 32 chuyên gia Liên Xô. Kế hoạch cung cấp vật tư cho công tác xây dựng năm 1971 hoàn thành vượt mức, đạt 113%; Ở Liên Xô đã thỏa thuận được việc sản xuất riêng cho Việt Nam loại máy làm sạch đường ống có đường kính nhỏ. Tổng cộng, vào năm 1973, để xây dựng đường ống xăng dầu Bãi Cháy — Phú Lý, Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam thiết bị và vật tư kỹ tthuật trị giá 6,2 triệu rúp⁵.

Việc xây dựng tuyến đường ống xăng dầu đầu tiên của Việt Nam dự kiến hoàn tất vào cuối năm 1972. Đội chuyên gia xây dựng toàn «lính Gazprom» lần lượt về nhà, nhường chỗ cho một số ít chuyên gia vận hành. Tới ngày 01/9/1972 toàn bộ kế hoạch cung cấp vật tư thiết bị đã hoàn tất. Tuy nhiên, đã xảy ra một việc như từng xảy ra nhiều lần trong lịch sử của Gazprom — dự án Việt Nam của tập đoàn này, do một số cải cách hành chính nhất định, đã được chuyển giao cho một cơ quan khác. Thực tế là vào năm 1972 từ Bộ Công nghiệp khí đốt thống nhất của Liên Xô tách riêng ra một bộ mới là Bộ Xây dựng các xí nghiệp công nghiệp dầu mỏ và khí đốt Liên Xô, gọi tắt là Bộ Xây dựng dầu khí — Minneftegazstroi. Bộ mới thành lập này được bàn giao tất cả các đơn vị xây dựng của Gazprom thời Liên Xô, bao gồm cả liên hiệp «Sojuzzagrangaz».

Ngoài ra, nếu như trong những năm đầu của thập niên (1970–1971) trên bầu trời Việt Nam có chút yên ắng, thì sang năm 1972 «chiến dịch không chiến» tiếp tục trở lại gắt gao với cường độ mới, và tuyến đường ống trên thực tế vừa mới được xây dựng (thực tế còn thiếu 20 km đầu đó) cần được bảo tồn, các chuyên gia Liên Xô buộc phải sơ tán⁶. Theo Hiệp định liên chính phủ ngày 9/12/1972, Liên Xô tiến hành cung cấp cho Việt Nam những bồn chứa nhỏ dung tích từ 1000 m³–2000 m³ với tổng khối lượng 60.000 mét khối, riêng để bố trí trong các hang động⁷.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 1585. Từ 33–34

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 2120. Từ 22–30

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1760. Từ 21

^[4] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 384. Danh mục 1. Hồ sơ 38. Từ 61

^[5] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1317. Từ 155


Liên Xô xây dựng những đường ống dẫn dầu đầu tiên qua biển ở Biển Caspi

Ngày 9 tháng 9 năm 1973, theo yêu cầu của phía Việt Nam, một nhóm chuyên gia Liên Xô từ Bộ Công nghiệp Dầu khí và Bộ Xây dựng Dầu khí Liên Xô cùng với đại diện của «Soyuzzagrangaz» đã tới làm việc ngay tại hiện trường nơi đường ống bị phá hủy một phần, tìm hiểu thực trạng của hạng mục công trình, lập kế hoạch phục hồi và hoàn tất công tác xây dựng, xác định nhu cầu về chuyên gia Liên Xô cũng như về khối lượng thiết bị, vật tư và máy móc xây dựng cần thiết để cung cấp cho công trình¹.

Ngày 24 tháng 12 năm 1973, theo yêu cầu của phía Việt Nam, một nhóm chuyên gia Liên Xô từ Bộ Công nghiệp Dầu khí và Bộ Xây dựng Dầu khí Liên Xô cùng với đại diện của «Soyuzzagrangaz» đã tới làm việc ngay tại hiện trường nơi đường ống bị phá hủy một phần, tìm hiểu thực trạng của hạng mục công trình, lập kế hoạch phục hồi và hoàn tất công tác xây dựng, xác định nhu cầu về chuyên gia Liên Xô cũng như về khối lượng thiết bị, vật tư và máy móc xây dựng cần thiết để cung cấp cho công trình¹.

Trích ghi chép về cuộc mạn đàm của Tham tán Đại sứ quán Liên Xô tại VNDCCH về các vấn đề kinh tế F. I. Kleimenov với Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Đỗ Mười, ngày 24/12/1973: «Đồng chí F. I. Kleimenov đã thông báo cho đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ, theo yêu cầu của đồng chí ấy, về tình hình và triển vọng phát triển của mối quan hệ hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam dưới ánh sáng các quyết định được thông qua trong thời gian chuyến thăm Liên Xô của phái đoàn Đảng và Chính phủ VNDCCH, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam, và đồng chí Phạm Văn Đồng, ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước VNDCCH, và việc ký kết các hiệp định Xô — Việt tương ứng. Đồng chí Kleimov F. I. đã truyền đạt cặn kẽ về nội dung những cam kết của phía Liên Xô đã được thông qua và ý nghĩa của những cam kết đó đối với việc phục hồi và phát triển nền kinh tế quốc dân của Việt Nam. Từ nội dung cuộc mạn đàm có thể thấy rõ vai trò đi đầu của Liên Xô trong sự nghiệp công nghiệp hóa miền Bắc Việt Nam cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VNDCCH. Trong buổi mạn đàm đồng chí Kleimv F. I. đã lưu ý với đồng chí Đỗ Mười rằng có một số loại hình công việc chưa được thực hiện đúng yêu cầu, một số vấn đề được giải quyết quá chậm trễ <...>

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 384. Danh mục 1. Hồ sơ 264. Từ 46




Xây dựng đường ống dẫn dầu ở Siberi những năm 1960

— *Nhằm nâng cao năng lực vận tải của cảng Hải Phòng, cũng như việc cảng sẽ không phải đảm đương việc tiếp nhận tàu chở sản phẩm dầu <...> nên kết thúc tất cả các công trình xây dựng và lắp đặt tại hạng mục công trình đường ống xăng dầu để đảm bảo năm 1974 bơm vận chuyển 300.000–400.000 tấn sản phẩm dầu mỏ qua tuyến đường ống này. Chúng tôi đề nghị các đồng chí hỗ trợ vật chất cho Bộ Dự trữ Nhà nước về vấn đề này và đưa ra những hướng dẫn thích hợp. <...> Đối với <...> đường ống dẫn xăng dầu, tôi [Đồng chí Đỗ Mười — chủ tịch của tác giả] đồng ý với các đề nghị của đồng chí Kleimenov, tôi sẽ ủng hộ Bộ Dự trữ Nhà nước và sẽ có chỉ đạo phù hợp*¹.

Phía Việt Nam đề nghị mở rộng ngay lập tức tuyến đường ống dẫn dầu và chuyển địa điểm xuất phát từ cảng Bãi Cháy, nơi trong tương lai sẽ trở thành một thành phố nghỉ dưỡng, sang một nơi khác và xin viện trợ 2 triệu rúp². Việc đưa hạng mục công trình này vào hoạt động dự kiến vào ngày mùng 2 tháng 9 năm 1975 — để chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập nước VNDCCH, tuy là ngay từ năm 1974 đã có 350 nghìn tấn sản phẩm dầu được vận chuyển qua tuyến đường ống này³.

Vào tháng 1 năm 1975 đã khôi phục cơ sở giai đoạn một, vào tháng 2 đã tiếp nhận chuyển tàu chở dầu đầu tiên, tuy không phải là không có những trục trặc ban đầu, nhưng nhóm kỹ sư Liên Xô đã đưa ra những giải pháp để khắc phục và ngăn chặn sự cố xảy ra trong tương lai. Công việc có phần phức tạp do thiếu thiết bị và vật tư, bởi vì trong cùng thời gian đó còn có một kho chứa dầu lớn 60.000 mét khối đang được xây dựng song song.

Trong những năm đầu tiên sau chiến tranh, các đơn vị xây dựng Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia Liên Xô đã phục hồi được những hạng mục nhỏ sau đây: bến cảng, bể chứa tại ba địa điểm (4050 mét khối), đường ống công nghệ, trạm phát điện diesel, một trong những trạm bơm và một số đoạn đường ống nhánh bị hư hại. Ngoài ra còn xây dựng mới 3 trạm bơm trung gian với hệ thống bể chứa dung tích 6400 m³, trên bến cảng tiếp nhận tàu chở dầu đã lắp đặt ống tiếp dầu trên phao⁴.

Việc xây dựng và sửa chữa hạng mục số 2218 đã hoàn thành, các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam đánh giá về nó như sau:



Các cán bộ khảo sát lộ trình đường ống



Trên những nẻo đường Việt Nam

«Với việc vận hành đường ống dẫn dầu vào năm 1976, thời gian nằm không tại cảng của các tàu chở dầu cung cấp xăng dầu cho VNDCCH đã giảm đáng kể»⁵.

Năm 1979, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị đã đề cập với phía Liên Xô hai yêu cầu liên quan lẫn nhau như sau: cải tạo đường ống dẫn dầu Bãi Cháy — Phú Lý và nối dài đường ống đó đến Đà Nẵng, cũng có nghĩa là xây dựng thêm một đoạn đường ống dài gấp bốn lần đường ống đầu tiên⁶.

***Trích thư của Phó Chủ tịch Ủy ban nhà nước về xăng dầu CHXHC Liên bang Nga Ivan T. Zonenko gửi Phó chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô (Gosplan) N. Inozemtsev, ngày 16/6/1980:** «Theo yêu cầu của phía Việt Nam, vào tháng 10 năm 1979 một nhóm chuyên gia Ủy ban nhà nước về xăng dầu CHXHC LB Nga đã tiến hành khảo sát tuyến đường ống Bãi Cháy — Phú Lý hiện đang vận hành, bến tàu chở dầu ở Bãi Cháy và nghiên cứu xem có cần phải xây dựng thêm một đường ống mới kèm theo các bồn chứa hay không. Theo kết quả khảo sát do các chuyên gia Liên Xô tiến hành đã lập tài liệu tư vấn kỹ thuật về các vấn đề trên, cũng như đánh giá mở rộng về dự toán chi phí cho việc cung cấp thiết bị, vật tư và máy móc xây dựng từ Liên Xô cho Việt Nam.*



Các chuyên gia Xô-viết và Việt Nam sau khi hoàn thành thắng lợi công trình xây dựng đoạn đường ống ngầm dẫn dầu tuyến Bãi Cháy — Phú Lý vượt qua sông Hồng. Năm 1971

Để khôi phục đường ống xăng dầu Bãi Cháy — Phú Lý, đã chuẩn bị một đề xuất cung cấp vật tư thiết bị đợt 1 trị giá khoảng 700 nghìn rúp trình lên Ủy ban Hợp tác kinh tế Nhà nước xem xét. Nhóm chuyên gia Liên Xô gồm 12 người cũng được lệnh chuẩn bị sang Việt Nam để hỗ trợ kỹ thuật cho việc sửa chữa khôi phục đường ống. Tổng chi phí phục hồi đường ống nói trên là gần 4 triệu rúp. Chi phí ước tính về thiết bị và các phương tiện kỹ thuật đặc biệt cho việc cải tạo và duy trì bến tàu tại cảng Bãi Cháy là 1,3 triệu rúp.

Để đạt được mục tiêu bơm vận chuyển xăng dầu từ các vùng miền trung lên phía bắc với khối lượng lên đến 2 triệu tấn mỗi năm, việc xây dựng một đường ống dẫn dầu mới Đà Nẵng-Vinh-Phú Lý với chiều dài 750 km đã được lên kế hoạch.

Với thực tế là phía Việt Nam có một số lượng đáng kể thiết bị công nghệ, đường ống và vật tư, chi phí xây dựng đoạn đường ống nói trên có thể giảm bớt xuống còn 11 triệu — 11,5 triệu rúp. Về việc xây dựng các kho chứa dầu, các chuyên gia Liên Xô cho rằng thời điểm hiện tại việc xây dựng thêm là chưa hợp lý, bởi vì tại khu vực đường ống sẽ đi qua đã có các kho chứa dự trữ tương ứng.

Chi phí chung cho việc cung cấp đường ống, thiết bị, vật tư, máy móc xây dựng và cử chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng hạng mục nói trên sẽ vào khoảng 11 triệu — 11,5 triệu rúp.

*Như vậy, tổng chi phí hỗ trợ kỹ thuật từ phía Liên Xô dành cho Việt Nam để thực hiện những công việc kể trên [cải tạo đường ống cũ và xây dựng thêm đoạn đường ống mới — Chú thích của tác giả] dự tính vào khoảng 16,5 triệu rúp*¹.

Hầu như mọi hiệp định liên Chính phủ do hai nước ký kết trong những năm 1960–1970 đều có các điều khoản về sự hỗ trợ của Liên Xô trong hệ thống cung ứng xăng dầu. Trong giai đoạn

1970–1979, với sự hỗ trợ kỹ thuật của Liên Xô đã đưa vào vận hành các kho chứa với tổng công suất 160 nghìn mét khối, tiến hành đàm phán để xây dựng thêm 120 nghìn mét khối công suất kho chứa nữa. Năm kho chứa với tổng công suất hơn 130 nghìn mét khối được kết nối với đường ống xăng dầu Bãi Cháy — Phú Lý, bao gồm cả kho xăng Hà Nội, và hình thành nên một hệ thống cung ứng thống nhất, mang bí số B-12. Các kho dầu được sử dụng để trữ các sản phẩm dầu nhẹ: gồm tất cả các loại xăng, dầu hỏa, dầu động cơ phản lực và nhiên liệu diesel, dầu bôi trơn. Tại các cơ sở của hệ thống đường ống vào đầu những năm 1980 có khoảng 800–900 công nhân làm việc, bao gồm cả các kỹ sư và nhân viên phục vụ².

Vào cuối những năm 1970, tình hình ở Việt Nam phát triển theo cách không thể hiểu được dòng chảy xăng dầu cung ứng nên theo hướng nào. Có thể bơm từ miền Bắc và khi đó cần để «hub» chính ở Bãi Cháy. Tuy nhiên, thành phố này là một nơi có cảnh quan rất đẹp và đang được dự tính phát triển thành một khu nghỉ dưỡng, do đó đã tính đến phương án chuyển kho cảng xăng dầu vào Đà Nẵng ở miền trung, như vậy không những bảo vệ được môi trường Vịnh Hạ Long, mà còn rút ngắn được khoảng cách vận chuyển đến các xí nghiệp công nghiệp ở miền nam. Do đó, đường ống được đề xuất Phú Lý — Vinh — Đà Nẵng được cho là sẽ bơm xăng dầu theo chế độ ngược lại từ nam ra bắc qua thành phố Vinh. Chi phí của Liên Xô giúp xây dựng các dự án đường ống này lên đến hơn 16 triệu rúp³.

***Trích thư của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov gửi Phó Thủ tướng Chính phủ VNDCCH Lê Thanh Nghị, ngày 03/3/1980:** «Đồng chí Phó Thủ tướng kính mến, Các bộ ngành Liên Xô đang tập trung xem xét bức thư của Đồng chí ngày 21/12/1979 về việc Liên Xô hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để phục hồi đường ống xăng dầu B-12*

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1556. Tờ 131–132, 134

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1556. Tờ 172

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1838. Tờ 91

^[4] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1760. Tờ 122

^[5] Lưu trữ quốc gia LB Nga (GARF). Ph. P-5446. Danh mục 112. Hồ sơ 1393. Tờ 14. Năm 1976, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đổi tên thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (SRV).

^[6] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2691. Tờ 60

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3427. Tờ 96–97

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 4732. Danh mục 67. Hồ sơ 2973. Tờ 55–56

Địa chất — cái nôi của ngành dầu khí Việt Nam

Trước khi đi Bắc Kinh và sau đó là tới Matxcova, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 9-SL công bố ngày 22/01/1950, tuyên bố: Tất cả các nguồn khoáng chất ở Việt Nam đều là của Nhà nước. Chính phủ nước Việt Nam độc lập đã không chỉ thực hiện thăm dò lòng đất mà còn tìm kiếm những khoáng sản có ích. Trước thời điểm đó thì công nghiệp khai khoáng là đặc quyền do các công ty khai khoáng tư nhân thống trị. Chính các «nhà tư bản» đã thuê các nhà địa chất và công nhân, mua máy móc và khi thành công họ thu lợi nhuận từ việc khai thác tài nguyên của đất nước. Trong thời gian chiến tranh giành độc lập (1946–1954), Chính phủ Việt Nam đã cố gắng điều chỉnh hoạt động của các hầm mỏ nhưng chưa đưa động gì đến việc thăm dò khoáng sản một cách toàn diện — họ chưa có điều kiện cho việc này.

Mọi việc đã thay đổi khi ký kết hiệp định đình chiến. Những chiến sĩ kháng chiến hôm qua nay bước sang nghiên cứu địa chất. Những con người này sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gặp phải trên đường đi của họ. Đã trải qua chiến tranh, họ không còn sợ gì nữa, nhưng lòng dũng cảm không thể bù đắp cho việc thiếu kiến thức và kinh nghiệm. Ở nước Nga xô viết sau cách mạng từng có một lớp «chuyên gia tư sản» được đào tạo dưới «chế độ Sa hoàng» đã giúp «nhà nước công nông» xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam tầng lớp trí thức kỹ thuật rất nhỏ bé, sau khi đất nước phân chia làm hai miền thì những người Việt có học hoặc bị đe dọa hoặc tự nguyện rời bỏ miền Bắc di cư vào Nam.



Tem bưu điện tôn vinh các nhà địa chất
Trích Báo ảnh Việt Nam



Kỹ sư công binh Trần Đại Nghĩa là một trong số những người sáng lập ngành địa chất của nước Việt Nam độc lập

Cộng đồng quốc tế thông qua Ủy ban kinh tế các nước Châu Á và Viễn Đông trực thuộc Liên hợp quốc (ESCAP) để giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho các nước đang phát triển lại từ chối hợp tác, họ không muốn nhận thấy sự tồn tại nước Việt Nam XHCN. Toàn bộ viện trợ nhân đạo và đầu tư trong khuôn khổ «Kế hoạch Colombo»¹ chỉ nhắm đến miền Nam Việt Nam. Nhóm công tác của các nhà địa chất ESCAP nhằm xây dựng bản đồ địa chất đã phớt lờ Hà Nội. Chỉ có đại diện của Liên Xô, khi phát biểu tại Hội nghị các nhà địa chất ESCAP lần thứ II ở Tokyo tháng 6/1956 đã lấy làm tiếc xác nhận là các tác giả báo cáo về tình hình phát triển các cơ sở dầu mỏ các nước Đông Nam Á đã lặng lẽ bỏ qua miền Bắc Việt Nam².

Một ngày đầu tháng 7 năm 1955, Thứ trưởng Bộ công nghiệp nặng Việt Nam DCCH giáo sư Trần Đại Nghĩa đã khai giảng một khóa học 6 tháng ở Chùa Láng để đào tạo các nhà địa chất (khóa học được gọi là «lớp chuyên viên địa chất»). «Lớp học» này tập hợp 104 thanh niên Việt Nam, phần lớn là học sinh, cán bộ miền Nam tập kết, giảng dạy là một số ít ỏi các nhà địa chất Việt Nam bắt đầu đào tạo cán bộ cho đất nước. Trước khi vào học những sinh viên trúng tuyển này đều trải qua một bước sàng lọc khắt khe ở Tỉnh ủy bởi vì công việc của họ sau này đòi hỏi phải cống hiến tận tụy và trung thành với tổ quốc. Việc thành lập ngành địa chất Việt Nam đã khởi đầu như vậy.

¹ «Kế hoạch Colombo» là tổ chức quốc tế để giúp đỡ phát triển kinh tế các quốc gia khu vực Châu Á — Thái Bình Dương. Thành lập năm 1950 tại Hội nghị các nước thuộc Cộng đồng Anh ở thành phố Colombo (Sri-Lanka), bắt đầu hoạt động từ 01/7/1951. Các thành viên ban đầu là: Australia, Canada, Sri Lanka, Ấn Độ, New Zealand, Pakistan và Anh cùng với Malaysia, đảo Borneo thuộc Anh, sau này có thêm Campuchia, Lào và Việt Nam. Năm 1951 có thêm Mỹ tham gia vào chương trình viện trợ của tổ chức này.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 7, Hồ sơ 6, tờ 99.



Những nhà địa chất Việt Nam đầu tiên



Sau này chúng ta nhận thấy trong số những chàng trai này có nhiều người kiệt xuất, không chỉ là các nhà địa chất, các lãnh đạo ngành công nghiệp nổi tiếng mà còn có các nhà hoạt động chính trị, như Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam sau này Trần Đức Lương, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Việt Nam Trương Thiên, Tổng giám đốc Xí nghiệp liên doanh Vietsopetro Nguyễn Giao, nhà địa vật lý nổi tiếng — Giám đốc công ty dầu khí số 1 Phan Minh Bích và nhiều người khác. Nhưng trước khi những chàng trai trẻ này đạt được những thành tích lớn lao, họ phải trải qua môi trường sản xuất khắc nghiệt. Nhưng lúc này cần phải khắc phục sự thiếu hụt nhân lực bằng viện trợ kỹ thuật của nước ngoài.

Tuy có nhiều khoáng sản nhưng Chính phủ non trẻ của chủ tịch Hồ Chí Minh không có khả năng nghiên cứu chúng nếu không có sự giúp đỡ của các nước XHCN, trước hết là Liên Xô.

Các nhà địa chất xô viết và quá trình hình thành ngành địa chất Việt Nam

Ngày 25/7/1956 Chính phủ Việt Nam DCCH có đơn hàng số 1058 trong đó nêu rõ yêu cầu của mình trong lĩnh vực tìm kiếm khoáng sản. Để thực hiện yêu cầu này, Đoàn khảo sát địa chất số 5 được thành lập trong hệ thống Ban đối ngoại Bộ địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô, làm nòng cốt cho Đoàn địa chất Liên Xô thường trực ở miền Bắc Việt Nam.

Đoàn khảo sát số 5 Bộ địa chất Liên Xô, khởi đầu cho hợp tác địa chất Xô — Việt

Nhà địa chất nhiều kinh nghiệm Nilolai Vasilievich Brylov được bổ nhiệm làm trưởng Đoàn khảo sát số 5, trước đó ông làm lãnh đạo Quỹ địa chất toàn Liên bang. Sau khi ông đi khảo sát thì kỹ sư trưởng A. I. Muromsev làm phụ trách đoàn khảo sát, về ông Muromsev thì có quá ít thông tin, dù ông làm việc ở Việt Nam gần hai năm. Nhà địa chất Mikhail Vasilievich Chebotarev của đoàn khảo sát Verkhne-Bureinsk thuộc Tổng cục địa chất Viễn đông lại kế chân Muromsev. Ông lãnh đạo Đoàn khảo sát số 5 từ tháng 6/1958 đến 10/1959 và được Đại sứ quán nhận xét rất tốt. Và sau

khi công tác ở Phân viện địa chất đối ngoại ông được bổ nhiệm làm Phó tổng cục trưởng Tổng cục thăm dò khảo sát thuộc Bộ địa chất Liên Xô. Từ tháng 11/1959 đến tháng 3/1961 phụ trách đoàn khảo sát là Vasili Andrevich Zelensov, một nhà địa chất đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý trong thời gian công tác tại Trung Quốc trước đó. Trong chuyến công tác, ông đã biên soạn các nội dung để xây dựng ngành địa chất Việt Nam. Sau đó phụ trách đoàn khảo sát đến cuối năm 1963 là Vasili Petrovich Frolov, một người đã trải qua những trường học tốt ở Liên Xô và Trung Quốc. Đoàn khảo sát số 5 đã đổi thành Đoàn chuyên gia địa chất Liên Xô ở Việt Nam từ năm 1961. Phụ trách các nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam những năm 1964–1966 là Nikolai Ivanovich Lavrik đến từ Tổng cục địa chất Primorie, một người cũng có nhiều kinh nghiệm làm việc ở Trung Quốc¹. Đoàn phó Đoàn khảo sát là Lê Trọng Đồng, một người vừa tốt nghiệp Trường mỏ — luyện kim ở Dnepropetrovsk, sau này là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất VNDCCH.

Ngay từ ban đầu, đoàn khảo sát đã phân thành 4 đội để thực hiện thăm dò thiếc (phụ trách là N. F. Novikov), quặng pirit (phụ trách là A. M. Arutiuyan), chì, kẽm, kim loại hiếm và than đá (phụ trách là A. S. Kalmykov). Đến 31 tháng 12 năm 1955 đã có 42 nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam. Đến tháng tư năm 1956 thành phần đầy đủ của đoàn là 47 người.

Từ tháng 10 đến nửa đầu tháng 12/1955 là giai đoạn bận rộn của công tác tổ chức: trang bị nhà kho và phòng hóa nghiệm quặng, bố trí sân bãi để bốc dỡ máy móc và rửa mẫu, chuẩn bị bãi dựng tháp khoan, gia công lắp ráp giàn giáo xây dựng và neo gia cố.

Công việc bố trí trang bị nhà kho là vất vả nhất. Tất cả được vận chuyển từ Liên Xô sang, vì vậy những tháng đầu công việc chậm lại vì những lý do khách quan. Để thực hiện công tác khoan đào đoàn khảo sát số 5 rất cần máy nén khí, máy khoan, bơm xử nước, máy phát điện di động, ô tô, máy móc để thành lập xưởng cơ khí, máy trắc địa, thuốc thử và nhiều thứ khác nữa. Đặc biệt gay go là rất thiếu phiến dịch. Người Việt Nam hoàn toàn không có những «cán bộ quản lý — cung ứng» biết rõ danh mục hàng hóa. Thực tế hoàn toàn không có hệ



Chủ tịch nước Việt Nam DCCH Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng (giữa) cùng các nhà địa chất Xô — Việt

¹ Yarmoliuk V. A., Koliashnov A. A. Các nhà địa chất Liên Xô ở nước ngoài (Hoạt động quốc tế của địa chất Liên Xô) 1931–1991 Matxcova 1997, tr 59–60.



Chủ tịch Hồ Chí Minh ở mỏ Lào Cai. 1957
RIA Novosti



Ngôi nhà ở bản vùng cao. Đầu những năm 1960
Tư liệu của L. E. Golota



Nhà địa chất Xô-viết E. V. Golota với những cư dân làng quê Việt Nam
Tư liệu của L. E. Golota



Các chuyên gia địa chất ở làng quê.
Tư liệu của L. E. Golota



Trẻ em Việt Nam — những vị khách thường xuyên của tổ địa chất
Tư liệu của L. E. Golota

thống giao thông vận tải nhà nước; vận tải ô tô và đường sông dành phải thuê tư nhân. Ngay cả khi đã có xe cộ thì cũng không đưa được máy móc đến nơi làm việc. Phải kéo bằng tay để đưa những máy móc cồng kềnh lên núi. Chiếc máy khoan ZIF-300 nhận ngày 30 tháng 12 năm 1955 là món quà có ý nghĩa nhất để đón Năm Mới 1956¹.

Trích hồi ký chỉ huy đội apatit số 2 A. F. Kalmykov:

«Trong một cuộc gặp gỡ các nhà địa chất Liên Xô, thứ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Trần Đại Nghĩa đã tuyên bố: «Vài năm tới chúng ta phải thành lập một nhà máy khai thác mỏ ở Lào Cai có công suất ít nhất 500 nghìn tấn apatit/năm để không chỉ đáp ứng nhu cầu sản xuất phân lân mà còn xuất khẩu được số lượng lớn quặng phốt phát ra nước ngoài. Trong một thời gian ngắn phải tăng lượng than đá khai thác ở Hòn Gai lên vài lần, xây dựng một cơ sở luyện kim và cung cấp cho nó những nguyên liệu cần thiết» <...> Những tốp khảo sát đầu tiên, trong số đó có cả tác giả cuốn sách này vào tháng 12/1955 đã lên đường đi tới mỏ apatit cách Hà Nội 300 km trong điều kiện không có đường sá. Sau bảy ngày thì họ đến nơi. Phần lớn chặng đường phải đi bộ hay cưỡi những con ngựa Việt Nam còi cọc đi dọc theo nền đường sắt đã bị phá hủy, rậm rạp cây cỏ sau những năm chiến tranh <...> Chúng tôi phải khảo sát một cái mỏ lớn, trải dài vài chục cây số. Để làm việc này cần có những thiết bị khoan đào hầm lò hiện đại, máy kéo, xưởng cơ khí, máy móc công trường và phòng hóa nghiệm tương ứng. Tất cả những thứ đó được đưa từ Liên Xô đến Việt Nam. Nhưng đưa được những thứ đó đến khu vực khảo sát là việc rất phức tạp, đòi hỏi nhiều nỗ lực tổ chức và sáng tạo.

Tuy không được đào tạo chuyên ngành và không có kinh nghiệm địa chất, những người lãnh đạo các đội khảo sát chúng tôi tỏ ra là những nhà tổ chức tuyệt vời, họ là linh hồn của tập thể và biết dẫn dắt mọi hoạt động của đội².

Khi nhận được máy móc thiết bị, đoàn khảo sát số 5 mới có điều kiện để đào tạo người địa phương thành cán bộ kỹ thuật sơ cấp và công nhân cho đoàn không chỉ trên lý thuyết mà còn có thực hành. Bắt đầu các giờ học đào tạo thợ thu mẫu, nhân viên hóa nghiệm, chụp ảnh địa hình, trắc địa, thợ khoan hố thăm dò. Tổng số học viên trong tháng giêng năm 1956 lên đến 190 người.

Cũng giống như những người xây dựng kho xăng dầu, khó khăn chủ yếu là rào cản ngôn ngữ. Nếu trong lớp học có người dân tộc thiểu số sống ở miền núi Việt Nam thì phải có tới 3 người phiên dịch: Nga — Pháp, Pháp — Việt và Việt — Thái.

Hoạt động của đoàn khảo sát tập trung vào thăm dò các mỏ khoáng sản cứng khác nhau. Tuy nhiên từ tháng 1 năm 1957 đoàn khảo sát số 5 chuyển sang chuyên thăm dò mỏ apatit ở tỉnh Lào Cai và mỏ than ở Ninh Bình và Lạng Sơn.

Tiến bộ của ngành thăm dò địa chất Việt Nam trong hai-ba năm hợp tác được thấy rõ qua ví dụ về đội thăm dò khoáng sản tại Lào Cai. Nhiệm vụ của đội là bảo đảm cơ sở nguyên liệu cho mỏ apatit khai thác trong tương lai. Đến ngày 31/3/1958 danh sách đội có 472 người. Người Việt Nam phụ trách công tác quản lý hành chính, còn công việc liên quan đến phương pháp, kỹ thuật thì do các chuyên gia Liên Xô đảm nhiệm, bao gồm trưởng đoàn, kỹ sư trưởng địa chất, kỹ thuật viên địa chất, thợ cả về khoan đào, cán bộ phân tích hóa nghiệm. Đội tổ chức thành bốn tổ sản xuất: tổ khoan, hai tổ đào lò và tổ tổng hợp. Tổ tổng hợp thực hiện các công việc phụ trợ, bao gồm cả việc xây dựng. Trong đội cũng có xưởng cơ khí, xưởng rèn, xưởng cưa và xưởng mộc, xưởng nghiền và tổ vận tải, phòng hóa nghiệm. Đội này là mầm mống phôi thai của ngành địa chất Việt Nam.

Trích báo cáo quý I — 1958 của chỉ huy đội khảo sát địa chất Liên Xô ở Lào Cai A. F. Kalmykov:

«Tất cả công việc mở lò hoàn toàn do cán bộ Việt Nam thực hiện. Việc duy tu bảo dưỡng trạm bơm, trạm điện, máy nén khí, kể cả việc sửa chữa máy móc đều do công nhân Việt Nam thực hiện tốt với sự trợ giúp kỹ thuật thường kỳ của chuyên gia Liên Xô. Phòng địa chất. Tất cả các loại công việc lấy mẫu, xử lý mẫu, lập tài liệu địa chất của phần lớn của công trình thăm dò và quan trắc địa chất thủy văn, tuyển chọn mẫu nước, một số nghiên cứu khảo sát theo tuyến riêng rẽ ít phức tạp đều do nhân viên kỹ thuật phía Việt Nam tiến hành dưới sự kiểm tra có hệ thống của chuyên gia địa chất Liên Xô. Do cấu tạo địa chất của khu vực rất phức tạp nên việc lập tài liệu những vỉa có tính chất tối quan trọng do các nhà địa chất Liên Xô thực hiện. Cũng chính họ đảm nhiệm những công tác như: hướng dẫn phương pháp thăm dò tổng quát, tiến hành những công việc thăm dò quan trọng nhất, nghiên cứu hướng tuyến, làm rõ hàng loạt cấu trúc kiến tạo phức tạp, tổng hợp và diễn giải những tài liệu địa chất thu nhận được, tổng hợp phân loại những vỉa địa chất phức tạp nhất, đo đạc, nghiên cứu khoáng thạch v. v... Tuy nhiên các đồng chí Việt Nam cũng tham gia trực tiếp vào tất cả những công việc này»¹.

Để định hướng chung cho công việc, trao đổi kinh nghiệm và làm nhẹ bớt công tác lãnh đạo và hướng dẫn kỹ thuật, ít nhất ba lần một tuần đội tiến hành các buổi họp sản xuất chung, những buổi giao ban và trao đổi về những vấn đề cụ thể (sản xuất, quy hoạch, thống kê và những vấn đề khác). Việc huấn luyện sản xuất tổ chức dưới dạng các lớp buổi tối mỗi tuần hai lần. Đào tạo về địa chất thì chia thành hai lớp. Những người mới được đào tạo hướng vào công tác thu thập mẫu, vì như vậy họ sẽ nắm bắt công việc nhanh hơn, còn những ai đã có một chút kinh nghiệm thì bắt học các môn chuyên ngành địa chất (địa chất cấu trúc, thạch học, đồ bản, tìm kiếm và thăm dò) trong phạm vi kiến thức gần với các trường đại học. Họ phải trở thành những nhà địa chất và kỹ thuật viên trưởng. Mỗi lớp học 5–6 giờ lý thuyết một tuần, thời gian còn lại thì ra hiện trường. Cuối tháng ba kết thúc đào tạo sáu 6 công nhân để bảo dưỡng trạm phát điện diesel và thêm hai chục người nữa chuyên về động cơ diesel. Có cả những buổi học về phân tích định lượng quặng apatit, về trắc địa. Quý I năm 1958 có tổng số 80–100 công nhân của đội Lào Cai được đào tạo sản xuất như vậy.

Cả các cán bộ lãnh đạo cũng được huấn luyện. Đã có những buổi mạn đàm chuyên đề với đội ngũ lãnh đạo người Việt Nam về các vấn đề như lập kế hoạch và tổ chức sản xuất, chi phí tài chính cho các dự án và lập dự toán, thống kê nhân công và giá trị vật chất.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 45. Tờ 57

² Kalmykov A. F. Trên những con đường mòn ít người đi lại // Sát cánh bên nhau. Hồi ký của các chuyên gia Liên Xô về thời gian làm việc cùng các bạn Việt Nam ở Việt Nam và Liên Xô.. M., 1965. Tr. 91.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1686. Tờ 188–189.



Trưởng đoàn chuyên gia địa chất Liên Xô ở Việt Nam N. I. Lavrik. 1965
Tư liệu của E. V. Golota



N. I. Lavrik cùng các nhà địa chất Việt Nam trên đường khảo sát.
Tư liệu của E. V. Golota

Khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc năm 1965 thì công việc của các nhà địa chất cũng phải sắp xếp lại. Toàn ngành cùng phần lớn các bộ phận phụ trợ phải sơ tán từ Hà Nội vào rừng núi, sau này họ còn phải di chuyển nhiều lần và việc này làm cho công việc của các nhà địa chất khó khăn hơn. Trong giai đoạn này toàn bộ người thân trong gia đình «chuyên gia Liên Xô» đã về nước, bản thân các chuyên gia phải phân tán ra theo các đoàn và đội. Thường trực ở Hà Nội chỉ có lãnh đạo đoàn chuyên gia và người hướng dẫn kỹ thuật công tác khí tượng. Làm việc ngày càng khó khăn hơn: chỉ đi lại trên đường được vào ban đêm, buộc phải dừng công việc trong thời gian báo động phòng không, bị tách rời khỏi thư viện và các nguồn lưu trữ, cung ứng vật tư và điều kiện sống ngày càng khó khăn và v.v¹... Khó khăn nhất là những năm 1965–1968 và 1972–1973 khi Mỹ tăng cường ném bom miền Bắc Việt Nam.

Đến năm 1972 thì cơ cấu Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH có: vụ địa vật lý, vụ đo đạc địa chất, 3 Liên đoàn địa chất lớn (Liên đoàn số 36 — tìm kiếm dầu mỏ, số 2 và số 9 khảo sát than); trên 20 đội tìm kiếm thăm dò; viện hóa phân tích; đoàn nghiên cứu địa chất, trường công nhân kỹ thuật; nhà máy sửa chữa cơ khí. Ngoài ra trong bộ máy Tổng cục có các vụ hành chính (Vụ Kế hoạch, Địa

chất, Kế toán v.v...). Trực thuộc Tổng cục còn có Ủy ban tài nguyên và khoáng sản, Ban đặc biệt về chuyên gia nước ngoài². Nếu như cuối năm 1964 Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH có 7.519 cán bộ nhân viên thì đến cuối năm 1968 con số đó là 21.005 người, cuối năm 1970 là 21.582 người.

Bằng chứng cho sự lớn mạnh của ngành địa chất miền Bắc Việt Nam là quy mô tài chính. Nếu như trong 10 năm đầu (1955–1964) chi phí đầu tư cho ngành địa chất là 166,1 triệu đồng thì trong 5 năm tiếp sau đó (1965–1970) số tiền đã là 330,4 triệu đồng (khi đó 1 đồng tương đương 3,5 rúp chuyển đổi, còn 1 rúp đó bằng 1,65 USD). Mười năm đầu chi phí dành cho khảo sát địa chất là 92,7 triệu đồng, còn năm năm sau đó con số đó đã lớn gấp đôi — 182,4 triệu đồng³.

Ngày 5 tháng 10 năm 1975, Việt Nam lần đầu tiên kỷ niệm ngày Địa chất. Phát biểu tại buổi lễ trọng thể này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh những thành tựu của các nhà địa chất Việt Nam và vai trò của Liên Xô trong sự phát triển của ngành địa chất Việt Nam.

Bản tin của TASS ngày 5 tháng 10 năm 1975: «*Chính phủ Việt Nam quyết định lấy ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 10 làm Ngày địa chất Việt Nam. Phát biểu tại buổi lễ trọng thể kỷ niệm Ngày Địa chất Việt Nam Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng nêu rõ mọi thành tựu của ngành địa chất Việt Nam gắn liền với sự giúp đỡ của các nước XHCN anh em, trước hết là Liên Xô. Sau 20 năm xây dựng và phát triển ngành địa chất, dựa vào kiến thức và kinh nghiệm của các đồng nghiệp từ các nước XHCN anh em, các nhà địa chất Việt Nam đã làm được một công việc to lớn là nghiên cứu có kế hoạch những mỏ cũ và thăm dò những mỏ khoáng sản mới.*

Ngày nay, khi Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới, tài nguyên thiên nhiên của cả nước hoàn toàn thuộc về nhân dân Việt Nam, điều đó đặt ra cho các nhà địa chất những nhiệm vụ mới mẻ và nặng nề. Đó là đẩy mạnh nghiên cứu và tăng cường công tác thăm dò địa chất trên cả nước để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu xây dựng nền kinh tế Việt Nam.

² Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 9, Hồ sơ 769. Tờ 9.

³ Tổng hợp chỉ số kinh tế kỹ thuật giai đoạn 1855–1970 của Tổng cục Địa chất. Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9, Hồ sơ 769. Tờ 168–170.



Nhà địa chất E. V. Golota (thứ nhất trái), phía sau là nhà thạch học V. K. Golovenok



Đấu bóng bàn (O. N. Yakolev đứng bên phải)

Nhiệm vụ này nằm trên vai ngành địa chất, do đội ngũ cán bộ trong nước đảm nhiệm. Phần lớn các nhà địa chất được đào tạo ở Liên Xô. Liên Xô đã cung cấp cho nước Việt Nam anh em phần lớn máy móc và dụng cụ đo lường chính xác để khảo sát thăm dò khoáng sản. Chính phủ Liên Xô đã cử những chuyên gia hàng đầu sang Việt Nam. Hiện nay các nhà địa chất Liên Xô làm việc cùng các đồng chí Việt Nam ở hầu khắp mọi nơi trên đất nước này, có nhiều khi ở những vùng rất hiểm trở, trong điều kiện thời tiết phức tạp¹. Đó chính là biểu hiện bằng hành động của tình hữu nghị anh em».

Cơ chế hợp tác, hay là tình hữu nghị thể hiện qua những hợp đồng

Trong những năm 1955–1958 viện trợ của Liên Xô trong lĩnh vực thăm dò địa chất là không hoàn lại. Sự hỗ trợ đó đã giúp miền Bắc Việt Nam khôi phục ngành công nghiệp, tạo điều kiện xây dựng các quan hệ kinh tế — xã hội mới ở một nước thuộc địa cũ của Pháp. Tuy nhiên từ năm 1959 tính chất quan hệ bắt đầu thay đổi: nó mang hình thức «cùng có lợi» và chuyển sang cơ sở «thương mại», cơ sở hợp đồng, với việc Liên Xô cấp 100% tín dụng cho Việt Nam.

Ngày 7 tháng 3 năm 1959 Liên Xô và Việt Nam ký «Hiệp định viện trợ kinh tế và khoa học kỹ thuật giúp Việt Nam xây dựng các công trình công nghiệp và các hoạt động khác». Ngoài việc chuyển giao tài liệu kỹ thuật và trao đổi thông tin liên quan, hiệp định còn đề ra việc cử chuyên gia sang trực tiếp giúp đỡ kỹ thuật, cũng như việc Liên Xô dành một khoản tín dụng 100 triệu để thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế Việt Nam². Một tháng sau, ngày 07/4/1959, qua trung gian là các cơ quan ngoại thương hai nước, Bộ Địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô và Bộ Công nghiệp Việt Nam ký Hợp đồng số 9431 về viện trợ kỹ thuật. Điểm khác biệt của văn bản này và các văn bản sau đó là ở chỗ, Hợp đồng trừ tính thanh toán thiết bị và tiền công của chuyên gia Liên Xô từ khoản tín dụng kể trên. Đoạn đầu hợp đồng viết: «Trong năm

1959–1961 Bên cung ứng viện trợ kỹ thuật cho Bên đặt hàng trong việc thực hiện các công tác thăm dò địa chất và tìm kiếm than cốc, sắt, boxit, mangan, nguyên liệu quang học và điện áp, thủy ngân, kim loại hiếm và các khoáng sản khác, kể cả kế hoạch khảo sát thăm dò địa chất dài hạn». Trước hết ở đây đề cập đến các lộ tuyến thăm dò để tìm kiếm các mỏ mới. Để thực hiện thống nhất, chuyển sang Hợp đồng này việc quản lý 27 nhà địa chất đã làm việc ở Việt Nam và đưa sang thêm 30 người nữa. Trong danh sách các ngành có liệt kê cả «kỹ sư địa chất về địa chất dầu mỏ khu vực»³.

Bộ Địa chất Liên Xô tùy theo nguyện vọng, yêu cầu của khách hàng nước ngoài, mức độ phát triển ngành nghiên cứu địa chất của nước đó, lực lượng cán bộ trong nước và những điều kiện tại chỗ khác, đã áp dụng nhiều hình thức hợp tác khác nhau, trong số đó là:

- Trước tiên cử chuyên gia trình độ cao đến trong thời gian ngắn để xem xét tại chỗ các tư liệu địa chất, trên cơ sở đó chuẩn bị các đề xuất hợp tác theo từng hạng mục cụ thể.
- Cử chuyên gia Liên Xô sang làm việc lâu dài tại các cơ quan đơn vị ngành địa chất Việt Nam.
- Cử đoàn chuyên gia lớn sang công tác dài hạn, trong thời gian đó nhiều lần chỉnh lý những nhiệm vụ cần làm theo hợp đồng (trương ứng theo kết quả thu được) và thường xuyên (chủ yếu định kỳ sau 2–3 năm) đổi mới thành phần nhân sự của đoàn.
- Chuyên gia Liên Xô cùng nỗ lực thực hiện nhiệm vụ chung với chuyên gia của nước nhận hỗ trợ.
- Thiết kế và xây dựng các nhà kho, buồng kín, phòng thí nghiệm và nếu cần thì thực hiện công việc địa chất công trình liên quan đến việc xây dựng các công trình này⁴.

Ngày 17 tháng 9 năm 1960, Quyền Chủ nhiệm Văn phòng Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phan Mỹ có công hàm đề nghị Đại sứ quán Liên Xô cử đoàn công tác 40 người gồm các nhà địa chất, địa vật lý và nhân viên hóa nghiệm đến Việt Nam để tìm kiếm khoáng sản. Công hàm viết: «Ngoài những nhiệm vụ kể trên, đề nghị các chuyên gia Liên Xô giúp đào tạo cán bộ địa chất Việt Nam từ trình độ trung cấp đến đại học để họ có thể tự mình khắc phục được những trở ngại kỹ thuật gặp phải trong quá trình công tác và bảo đảm hoàn thành kế hoạch 5 năm»⁵.

³ Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 6, Hồ sơ 129. Tờ 1

⁴ *Yarmolyuk V. A.* Những nhà địa chất Liên Xô ở nước ngoài (Hoạt động quốc tế của cơ quan địa chất Liên Xô). 1931–1991. Tr. 10

⁵ Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 3330. Tờ 60–61

¹ Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3, Hồ sơ 2. Tờ 159.



Ký kết các hiệp định về việc Liên Xô viện trợ không hoàn lại về quân sự và kinh tế cho Việt Nam, về cung cấp tín dụng bổ sung, trao đổi hàng hóa giữa Liên Xô và Việt Nam năm 1968 và các văn kiện khác. (từ trái) phía Việt Nam — Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thanh Nghị, phía Liên Xô — Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng V. N. Novikov. 23/9/1967 RIA Novosti



Tổng Bí thư ĐCS Liên Xô L. I. Brezhnev (thứ nhất từ trái sang), Ủy viên BCT ĐCS Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô A. N. Kosygin (thứ 2 từ trái sang), Chủ nhiệm UB Kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. K. Baibakov (thứ 3 từ trái sang), ủy viên BCT Đảng Lao động Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Văn Đồng (thứ nhất từ phải sang), Ủy viên BCT Đảng Lao động Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Lê Thanh Nghị (thứ 2 từ phải sang) và các thành viên khác của đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam tại cuộc hội đàm Xô — Việt trong điện Kremlin, ngày 10 / 10 / 1969 RIA Novosti

Ngày 27 tháng 3 năm 1961 hai bên ký kết hợp đồng mới số 389¹. Cũng như hợp đồng trước, hợp đồng này có thời hạn hai năm và không chỉ dự định đưa 64 chuyên gia trình độ cao sang Việt Nam mà còn cung cấp thiết bị máy móc, phụ tùng và các vật tư tiêu hao khác cho Tổng cục địa chất Việt Nam. Nghĩa vụ của phía Liên Xô không chỉ là thăm dò khảo sát địa chất mà còn bao gồm các hoạt động địa vật lý mặt đất lần đầu tiên được tiến hành ở Việt Nam (khảo sát từ trường, trọng lực, địa chấn và điện trường), thực hiện nghiên cứu tại chỗ để lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:500000 và các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm tại các trường đại học Liên Xô. Khuôn khổ hợp đồng cho phép ký kết những điều khoản bổ sung, điều khoản bổ sung cuối cùng (lần thứ 18!) được ký kết ngày 20/11/1965, phụ lục biên bản thi hành (về chấm dứt hợp đồng và hoàn thành nghĩa vụ của các bên) được ký ngày 17/1/1968².

Trong khoảng tháng 3 đến tháng 5 năm 1961 đã ký kết các hợp đồng về chụp ảnh hàng không nghiên cứu từ trường, thăm dò độ bức xạ, các công tác địa chất thủy văn, địa vật lý và trắc địa đồ bản. Tổng thầu theo các hợp đồng này là Ủy ban địa chất trung ương Liên Xô (có lúc được gọi là Bộ địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô).

Quy chế tổng thầu³ thuộc về những bộ ngành cùng với Ủy ban nhà nước thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các hợp đồng quốc tế: từ thiết kế đến việc tuyển chọn chuyên gia. Tổng thầu trong công tác thăm dò địa chất, bao gồm cả tìm kiếm và thăm dò đầu khí ở Việt Nam là Bộ Địa chất Liên Xô. Đến năm 1981 thì một phần chức năng (không phải tất cả) được chuyển giao cho Bộ công nghiệp khí đốt, bộ này trở thành tổng thầu trong khuôn khổ Hiệp định liên Chính phủ về khảo sát và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, nhưng Bộ Địa chất Liên Xô vẫn thực hiện tìm kiếm và thăm dò đầu khí bên ngoài vùng hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Vietsopetro.

Cơ chế hợp tác Xô — Việt trong lĩnh vực thăm dò địa chất từ cuối những năm 1950 có thể mô tả như sau. Cơ sở nền tảng của nó là các hiệp định giữa Chính phủ hai nước về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, những hiệp định này thường xuyên được ký kết trong giai đoạn từ những năm 1960 đến những năm 1980. Để đi đến ký kết hiệp định thì phải làm trước công tác chuẩn bị quy mô, trong đó phía Việt Nam bày tỏ các nhu cầu của mình, còn phía Liên Xô thì cần nhắc khả năng đáp ứng các yêu cầu đó. Trong các phụ lục hiệp định ấn định những dự án kinh tế cụ thể, trong đó lên kế hoạch tham gia của chuyên gia Liên xô và đối tượng hạng mục công trình cần cung cấp máy móc và phương tiện kỹ thuật, có liên quan đến tất cả các lĩnh vực hợp tác — từ công nghiệp đến văn hóa, thể thao.

Дата Сделки	Объем прироста запасов газа	Использованная норма	Задача	Земельный фонд	Земельный фонд по состоянию на	Планируемый объем освоения	Установленный объем освоения
28.11.1958 г.	37,0	34,9	0,1	1975-1987 гг.	2,1	1975 г.	2,3
18.1.1963 г.	126,0	123,7	-	1976 - 1995 гг.	1,3	не установлен	не установлен
18.1.1969 г.	27,0	21,6	1,3	1996 - 1999 гг.	0,4	не установлен	не установлен
22.1.1970 г.	116,0	116,0	-	1996 - 1999 гг.	-	0,7	0,7
22.1.1970 г.	30,0	33,3	7,4	1996 - 1999 гг.	-	0,7	0,7
7.1.1971 г.	99,0	33,4	28,8	1977 - 1991 гг.	-	0,7	0,7
7.1.1971 г.	64,0	84,0	3,4	1977 - 1991 гг.	-	0,7	0,7
9.01.1972 г.	9,0	7,6	7,5	1998 - 1998 гг.	1,4	1974 г.	1,4
9.01.1972 г.	119,0	109,4	61,2	1978 - 1999 гг.	9,6	1974 г.	9,6
30.8.1973 г.	11,0	1,9	1,9	1979-1983 гг.	9,1	1976 г.	9,1
14.8.1973 г.	66,0	80,8	80,8	1986 - 2005 гг.	4,2	1975 г.	4,2
14.8.1973 г.	160,0	18,8	18,8	1986 - 2000 гг.	13,1	не установлен	не установлен
22.11.1974 г.	90,0	38,6	38,6	1981 - 2000 гг.	11,4	1975 г.	11,4

Một phần văn bản về việc Liên Xô cung cấp tín dụng cho Việt Nam, ngày 1/10/1975

Ở cấp thấp hơn thì viện trợ kinh tế được cụ thể chi tiết hóa dưới dạng các hợp đồng giữa các cơ quan ngoại thương hay kinh tế đối ngoại hai nước và các bộ ngành liên quan đối với hàng hóa và dịch vụ, trong đó bao gồm cả lĩnh vực thăm dò địa chất. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, có thể bổ sung hoặc thay đổi hàng hóa và dịch vụ trong phạm vi gói tín dụng dành cho lĩnh vực này. Trong hợp đồng đã chỉ rõ nguồn tài chính của nó. Ví dụ điều 10 hợp đồng số 389 ký ngày 27 tháng 3 năm 1961 nêu rõ «khoản tiền trả cho máy móc, vật tư, cho công tác thí nghiệm, cho công tác của chuyên gia Liên Xô theo hợp đồng này lấy từ gói tín dụng theo Hiệp định Xô — Việt ký ngày 23 / 12 / 1960»⁴. Thông thường, theo mỗi hiệp định liên Chính phủ, phía Liên Xô dành cho Việt Nam một khoản tín dụng tương ứng, Việt Nam dùng nó thanh toán cho những hình thức viện trợ đã thực hiện⁵. Trường hợp không đủ kinh phí do giới hạn của gói tín dụng, phía Việt Nam sẽ đề nghị chuyển số tiền để dành nhập hàng hóa từ Liên Xô sang khoản viện trợ kỹ thuật⁶.

⁴ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 6. Hồ sơ 135. Tờ 4.

⁵ Hiệp định liên Chính phủ về hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam ký ngày 7 / 3 / 1959 kèm theo ký hợp đồng «địa chất» số 9431 ngày 7 / 4 / 1959; «Hiệp định về việc Liên Xô chi viện kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam thực hiện phát triển kinh tế quốc dân những năm 1961-1965» ký 23 / 12 / 1960 — kèm các hợp đồng nhắc đến trên đây số 221, 345, 389, 9929 và các hợp đồng khác; «Hiệp định giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam về viện trợ kỹ thuật bổ sung cho Việt Nam» ký ngày 21 / 12 / 1965 — kèm theo hợp đồng số 1185; Hiệp định ngày 23 / 9 / 1967 kèm theo hợp đồng số 1755 / 2 ký 26 / 1 / 1968; Hiệp định ngày 15 / 10 / 1969 — kèm hợp đồng số 327 ngày 20 / 2 / 1970, số 78017 ngày 6 / 4 / 1970 v. v... Theo mức độ tăng cường hợp tác thì đồng thời có thể có vài hợp đồng ký kết thời hạn khác nhau nhưng không chấm dứt hiệu lực. Trong các báo cáo của Đoàn địa chất ghi: «Các chuyên gia Liên Xô ở Việt Nam đã giúp đỡ kỹ thuật trong thực hiện các công tác khảo sát địa chất phức hợp nhiều loại khoáng sản theo hợp đồng số 73021 / C ký ngày 1 / 1 / 1971 và việc khoan giếng sâu tìm dầu khí theo hợp đồng số 50890 ký ngày 12 / 9 / 1969. Việc cung ứng thiết bị thăm dò địa chất và vật tư thực hiện theo hợp đồng số 327 ngày 20 / 2 / 1970, số 1274 ngày 5 / 2 / 1970 và số 73021 ngày 10 / 2 / 1971». (Xem Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 769. Tờ 4).

⁶ Ngày 24 / 12 / 1970 thư trưởng Bộ ngoại thương Việt Nam Nghiêm Bá Đức gửi công văn cho phó chủ tịch thứ nhất Ủy ban quốc gia thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại I. V. Arkhipov như sau: «Để bổ khuyết những thiết bị còn thiếu hay hư hỏng trong chiến tranh, để đẩy nhanh nhịp độ xây dựng <...> theo ủy quyền của Chính phủ Việt Nam tôi trân trọng đề nghị đồng chí chuyển chừng 7 triệu rúp của Hiệp định ngày 22 / 10 / 1970 từ kênh của Bộ ngoại thương (Liên Xô — TG) sang kênh Ủy ban quốc gia thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô để sử dụng cho các mục đích nói trên». Ngày 9 / 2 / 1971 I. V. Arkhipov thông báo sự đồng ý chính thức của phía Liên Xô: «Liên quan đến việc phân phối lại nói trên, tổng mức tín dụng thanh toán cho viện trợ cấp hàng hóa cho Việt Nam là 116 triệu rúp, và tổng tín dụng dành để thanh toán cho viện trợ kỹ thuật là 30 triệu rúp. Tổng tín dụng không thay đổi» (Xem Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 6. Hồ sơ 712. Tờ 6,8).



Via than ở Quảng Bình. 1965
RIA Novosti

Viện trợ kinh tế cho miền Bắc Việt Nam tăng đáng kể khi Mỹ bắt đầu chiến tranh xâm lược.

Trích công văn của Phó chủ tịch thứ nhất Ủy ban quốc gia thuộc Hội đồng bộ trưởng Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại I. V. Arkhipov gửi Văn phòng Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô A. N. Kosygin, tháng 11 năm 1971: “ Nếu như lượng cung cấp máy móc và vật tư hàng năm trong năm năm 1960–1964 là 15,8 triệu rúp thì trong năm 1965 con số đó là 34,9 triệu rúp, năm 1966 là 34 triệu rúp, năm 1967–40 triệu rúp, năm 1968–29 triệu rúp, năm 1969–33,8 triệu rúp, năm 1970 là 28,2 triệu rúp».

Năm 1971 Liên Xô đã xóa bỏ toàn bộ nợ của Việt Nam vay từ trước cho đến năm đó. Trong thời gian đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Liên Xô thăm Việt Nam, ngày 07/10/1971 đã ký Hiệp định về việc Liên Xô viện trợ kinh tế cho miền Bắc Việt Nam, trong đó cấp cho Chính phủ Việt Nam một khoản tín dụng 90 triệu rúp để thanh toán máy móc, vật liệu và các loại viện trợ kỹ thuật khác trong giai đoạn 1972–1976¹.

¹ Viện lưu trữ RGA. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 668. Tờ 21, 23..



Ngày thứ bảy cộng sản ở mỏ Vàng Danh do Liên Xô giúp xây dựng
RIA Novosti



Lò nung của nhà máy xi măng Hải Phòng



Nhà máy thủy điện Thác Bà công suất 108 nghìn KW do Liên Xô giúp xây dựng

Thầy giáo và học trò

Đương nhiên là ngành địa chất miền Bắc Việt Nam không thể tự mình đạt được những thành quả ấn tượng đó, ít nhất là do những nguyên nhân khách quan. Họ đã được giúp đỡ rất nhiều. Theo quy ước thì các đoàn địa chất thuộc Tổng cục địa chất Việt Nam được phân chia thành đoàn Liên Xô, đoàn Trung Quốc, đoàn Tiệp Khắc tùy theo trong đoàn có chuyên gia của nước nào, cũng có những đoàn chỉ có người Việt Nam.

Trích tài liệu của cơ quan tham tán kinh tế đại sứ quán Liên Xô ở Việt Nam «Thông tin về việc Liên Xô thực hiện cam kết theo các điều khoản hiệp định viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam trong việc xây dựng các xí nghiệp công nghiệp và các công trình khác và tiến trình công việc ở các công trình trọng điểm do Liên Xô giúp xây dựng»: «Đến ngày 31/12/1959 trong Đoàn địa chất Liên Xô có 52 chuyên gia. Trong giai đoạn này chuyên gia Liên Xô đã hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp tìm kiếm, thăm dò các loại khoáng sản sau: than đá (antracit và than cốc), sắt, mangan, boxit, kim loại hiếm và phóng xạ, đất hiếm, apatit, đất chịu lửa, bắt đầu nghiên cứu tư liệu địa chất và triển khai các hướng tuyến địa chất để phát hiện triển vọng dầu mỏ»¹.

Tính đến ngày 01/1/1962 ở Việt Nam có 20 nhà địa chất Trung Quốc, 10 người Tiệp Khắc, 6 người Ba Lan, có những lúc có cả chuyên gia địa chất CHDC Đức². Từ cuối năm 1963 phía Việt Nam từ chối sự giúp đỡ của các nước XHCN khác, trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965 chỉ còn các chuyên gia Liên Xô giúp đỡ kỹ thuật³, mặc dù thỉnh thoảng cũng có đàm phán song phương và đa phương về việc khôi phục hợp tác với các nước XHCN khác.

Theo nguyện vọng của phía Việt Nam, từ năm 1963 các chuyên gia Liên Xô chuyển từ vai trò hướng dẫn và trực tiếp thực hiện sang vai trò cố vấn. Cuối cùng thì hình thức giúp đỡ này ổn định trong năm 1964 và tồn tại suốt nhiều năm sau đó với một chút thay đổi. Các nhà địa chất Liên Xô tập trung biên soạn tài liệu hướng dẫn cho nhiều loại hình công việc và khoáng sản khác nhau cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong báo cáo năm 1965 viết: «So với năm 1964, năm 1965 đã tăng cường sử dụng viện trợ kỹ thuật của Liên Xô nhiều hơn, quan hệ với các chuyên gia Liên Xô đã tốt hơn rõ rệt, kể cả ở cấp lãnh đạo Tổng cục cũng như ở địa phương, thực hiện các khuyến nghị của chuyên gia linh hoạt hơn, các tiếp xúc làm việc cũng chặt chẽ và hiệu quả hơn, nhất là ở các đoàn khảo sát tại hiện trường»⁴.

¹ Viện lưu trữ RGA. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1732. Tờ 152.

² Các chuyên gia Trung Quốc đã hỗ trợ việc thăm dò địa chất tại mỏ đồng-cobalt-niken Vạn Sài, mỏ than Ông Bí, tìm kiếm quặng pyrit ở tỉnh Hòa Bình, đồng và sắt ở các tỉnh phía nam của miền Bắc Việt Nam. Với sự hỗ trợ của các chuyên gia Séc, việc tìm kiếm và thăm dò quặng chì và kẽm được thực hiện. Dưới sự hướng dẫn về phương pháp và kỹ thuật của các nhà địa chất Ba Lan, việc tìm kiếm và thăm dò quặng sắt ở khu vực Bảo Hà đã được tiến hành để tạo ra một cơ sở quặng sắt mới ở đó cho cho nước VN DCH. Chuyên gia Việt Nam đã độc lập thực hiện được công tác thăm dò khảo sát than, antimon, titan và một số nguyên liệu phi kim loại.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 2. Tờ 157-158.

⁴ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 2. Tờ 160

Trong năm 1965, trong tổng số 1800 kỹ sư và công nhân kỹ thuật của Tổng cục địa chất Việt Nam đã có 548 người được trực tiếp làm việc và học hỏi với các chuyên gia Liên Xô. Các nhà địa chất Liên Xô chủ yếu áp dụng hai hình thức giảng dạy nâng cao trình độ mà không thoát ly sản xuất. Thứ nhất là trực tiếp làm mẫu đối với các loại công việc phức tạp nhất, giám sát công việc của các chuyên gia Việt Nam, cùng nhau phân tích, đánh giá các kết quả thu được và các phương pháp đã áp dụng. Vạch ra những lộ tuyến công tác hợp lý nhất ở tất cả các giai đoạn Cũng bằng cách như vậy, từ 548 người này đã đào tạo được 180 kỹ sư và cán bộ kỹ thuật để làm việc độc lập sau này, chỉ cần tư vấn ở những vấn đề phức tạp nhất.

Hình thức thứ hai là giảng bài ở ngay trên công trường. Chủ đề cũng đa dạng và bao trùm cả phương pháp làm việc hiện trường, phương pháp xử lý vật liệu trong phòng nghiệm các loại khoáng sản, phương pháp nghiên cứu khoáng chất, nguyên lý làm việc của máy móc, cách tổ chức công việc v.v... Trong năm 1965 các chuyên gia Liên Xô đã thực hiện 1200 giờ giảng. Mỗi bài giảng thường có từ ba mươi đến bảy mươi người tham gia (trung bình là 10-20 người). Ngoài các giờ giảng họ còn tham gia công việc thực tế, thực hành, các buổi trao đổi sản xuất cũng góp phần nâng cao trình độ cán bộ Việt Nam, số lượng những việc này không thể tính được. Các chuyên gia Liên Xô cũng giảng bài ở các trường học là Đại học Tổng hợp Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội.

Cần lưu ý rằng bất cứ một hình thức đào tạo nào, kể cả trong môi trường sản xuất cũng như trên giảng đường đại học cũng không thể bảo đảm là sẽ có chuyên gia trình độ cao. Để một người trở thành chuyên gia thì anh ta phải trải qua trường học thực tiễn sản xuất.



Trên hành trình khảo sát. 1964–1965

Tư liệu của E. V. Golota



Các sinh viên địa chất thực tập tại Liên Xô ở ngoại ô Baku. Phía trước là ông Trần Ngọc Cảnh — sau này là Chủ tịch Tập đoàn Dầu khí Việt Nam «Petrotvietnam»

Tư liệu của ông Trần Ngọc Cảnh



Loạt ảnh trước khi ra hiện trường. 1969

Tư liệu của E. M. Zablotski (người ngồi thứ tư từ trái)

Trích hồi ký của chuyên gia địa chất do đạс E. M. Zablotskiy, công tác tại Việt Nam những năm 1969–1970: «Công việc của nhà địa chất ở hiện trường có tính đặc thù. Ở đó mới thấy ý nghĩa của câu ngạn ngữ «Khôn đầu đến trẻ, khôn đầu đến già». Công việc này không hiếm khi rất nặng nhọc về thể lực nhưng đồng thời lại đòi hỏi kinh nghiệm, kiến thức và một điều nữa không kém phần quan trọng là biết tư duy. Công việc ở hiện trường thường không lặp lại giống nhau. Bản thân việc quan sát đòi hỏi có tư duy. Và việc phát hiện ra bản chất sự việc lại trực tiếp phụ thuộc vào năng lực cá nhân của người quan sát. Thông thường, các hướng tuyến (thường hiếm khi lặp lại, ghi chép thông tin thế nào phụ thuộc vào trình độ và kỹ năng của người thực hiện) tất yếu do các chuyên gia trẻ vạch ra, những người mới hôm qua còn là sinh viên, thu thập được kiến thức nghề nghiệp đa dạng nhưng lại thiếu phần sâu sắc. Nói chung, tất cả những cái đó vẫn sẽ chỉ ở trình độ nghiệp dư khá lâu (thậm chí thường là cả một đời nghề). Nếu ở nước Nga, một cường quốc về địa chất, nước có truyền thống mạnh về nghiên cứu địa chất mà còn có tình trạng như vậy thì còn có thể nói gì về Việt Nam?»¹.

Nói rộng ra, trong điều kiện đa số cán bộ địa chất trong nước là người mới vào nghề thì sự giúp đỡ của các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm hơn là rất cần thiết. Phát biểu tại cuộc họp các nhà địa chất Liên Xô với sự có mặt của đại diện các bộ ngành Việt Nam, trưởng đoàn chuyên gia địa chất Liên Xô N. I. Lavrik nói: «Hiện nay Tổng cục Địa chất trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam là một đội quân hàng nghìn cán bộ trẻ được trang bị máy móc kỹ thuật hiện đại, có khả năng giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong phát triển kinh tế quốc dân của đất nước.

Tuy nhiên, cán bộ trong nước còn trẻ, chưa đủ kinh nghiệm, còn mắc nhiều sai sót trong khi giải quyết những nhiệm vụ địa chất phức tạp, làm giảm chất lượng và hiệu quả công việc, nhưng chúng



Lớp học của các nhà địa chất. Tư liệu của O. N. Yakovlev

tôi cùng các đồng chí Việt Nam đã chỉ ra những sai sót ấy và cố gắng trong thời gian ngắn khắc phục và tránh được sai sót ấy»².

Sau khi đạt được những thành tích ban đầu, một số đồng chí lãnh đạo ngành công nghiệp Việt Nam cho rằng các nhà địa chất trong nước đã có thể làm việc độc lập, dù họ vừa mới học được những điều sơ đẳng của nghề địa chất, họ đề nghị từ chối sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô. Ngoài ra, trong một bộ phận tầng lớp tinh hoa của Việt Nam, do bị ảnh hưởng bởi bộ máy tuyên truyền Trung Quốc, đã bắt đầu lan truyền «tâm lý chống Liên Xô», xuất hiện do quan hệ Trung — Xô xấu đi³. Trong công văn gửi về Matxcova, đồng chí N. I. Lavrik viết: «Như các anh đã biết, tập thể

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1830. Từ 31.

^[2] Lập trường như vậy được giới sinh viên Việt Nam biết rất rõ. Trong «Tinh hình tư tưởng sinh viên Việt Nam ở Liên Xô» do Bộ đại học và trung học Liên Xô lập năm 1967 có viết: «Như đã rõ, trong một thời gian khá dài, từ cuối năm 1963, một số giới chức Việt Nam đã tuyên truyền vận động trong sinh viên Việt Nam định hướng thân Trung Quốc, ngăn cách họ với sinh viên Liên Xô và các tổ chức xã hội. Xảy ra cả việc rải truyền đơn không thân thiện của sinh viên Việt Nam nhằm vào đường lối của ĐCS và Chính phủ Liên Xô. Tình hình đặc biệt căng thẳng khi sinh viên Việt Nam và Trung Quốc biểu tình trước đại sứ quán Mỹ ngày 4 tháng 3 năm 1964. Thời gian gần đây quan hệ với sinh viên Việt Nam đã nồng ấm hơn. Thái độ của sinh viên Việt Nam với nhân dân, Chính phủ và Đảng CS Liên Xô đã tốt hơn. Hơn nữa sinh viên và nghiên cứu sinh cũng không giấu giếm rằng điều này được cải thiện sau chuyến đi của đồng chí A N. Kosygin tới Việt Nam và do Liên Xô tăng cường viện trợ cho Việt Nam kháng chiến. (Viện Lưu trữ nhà nước LB Nga. Ph. 9606. Danh mục 2. Hồ sơ 234. Từ 2–3).


Các nhà địa chất Liên Xô (từ trái qua phải): E. M. Zablotski, E. I. Gunchenko, A. A. Elianov và các phiên dịch viên. Hà Nội, tháng 2 1970

Tư liệu của Zablotski

chúng tôi tiếp tục làm việc ở Việt Nam trong điều kiện tình hình ngày càng phức tạp đối với tất cả chuyên gia Liên Xô. Hiện nay phía Việt Nam, sau khi xem xét lại thành phần đoàn địa chất Liên Xô theo hướng thu hẹp lại, bắt đầu đặt vấn đề tới cuối quý hai sẽ đưa quân số của đoàn xuống còn 18–20 người (hiện nay là 33 chuyên gia). <...> Họ lấy lý do là trong một số ngành và lĩnh vực phía Việt Nam không cần giúp đỡ nữa (tất nhiên thực ra không phải như vậy) nhưng lý do thực chất là đưa khẩu hiệu «dựa vào nội lực» vào cuộc sống cùng với những khó khăn về tài chính trong nước»¹.

Trong những năm 1963–1964 Chính phủ Việt Nam đã thu hẹp sự hiện diện của các nhà địa chất Liên Xô. Nếu như năm 1962 quân số trung bình các nhà địa chất là dưới 100 người thì trong năm 1963 con số đó là 50, còn năm 1964 con số kế hoạch là 45. Trong thời gian này Việt Nam vừa tuyên bố đường lối «dựa vào nội lực». Mặc dù vậy, trong những trường hợp phức tạp hay khi thực hiện những loại công việc mới, các chuyên gia Liên Xô vẫn phải đảm nhiệm không chỉ chức năng cố vấn mà còn cả chức năng thi hành. Chuyên gia Liên Xô vẫn thường xuyên tham gia vào việc làm

giàu vật liệu và lập báo cáo địa chất mặc dù theo hợp đồng thì việc này không phải là nghĩa vụ của họ².

Về tổng thể Tổng cục địa chất Việt Nam vẫn đánh giá cao sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô. Năm 1968 trong báo cáo của Trưởng đoàn địa chất Liên Xô ở Việt Nam ghi rằng 6 công dân Liên Xô được Chính phủ Việt Nam DCCCH tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II và hạng III, nhiều chuyên gia được đề nghị Chính phủ Liên Xô khen thưởng³. Tháng 3 năm 1969 Bộ địa chất Liên Xô gửi thông báo cho Bộ địa chất và lãnh đạo các nước cộng hòa thông báo 28 nhà địa chất Liên Xô công tác ở Việt Nam đã được Chính phủ Việt Nam tặng Huân chương Lao động và Huy chương Hữu nghị. Một người trong số đó là chuyên gia về phương pháp carota gamma Vladimir Mikhailovich Moskvichenko được tặng Huân chương Lao động hạng III và Huy chương Hữu nghị⁴.

Thập niên bảy mươi mở đầu bằng hợp đồng số 78017 ngày 06/4/1970 về việc cử 75 nhà địa chất Liên Xô sang Việt Nam công tác với thời hạn từ nửa năm đến một năm⁵. Năm 1971 Bộ địa chất Liên Xô lập kế hoạch cử 48 nhà địa chất đến Việt Nam để tìm kiếm khoáng sản rắn và 49 người để tìm kiếm dầu khí, tổng cộng là 97 chuyên gia⁶. Như vậy số lượng chuyên gia Liên Xô ở miền Bắc Việt Nam tăng lên, điều đó tạo điều kiện để nâng cao trình độ của cán bộ Việt Nam.

^[1] Ví dụ năm 1967 đã hoàn thành các công trình sau: «Dự án công trình thăm dò bằng điện và cấu trúc miền vông Hà Nội 1965–1967» của các tác giả G. A. Verdinsev và Tăng Mười; «Báo cáo kết quả công trình khảo sát địa chấn 1962–1964 ở miền vông Hà Nội», tác giả V. V. Maksjutova, Hồ Đăng Hoài; «Báo cáo địa chất thủy văn và tính toán trữ lượng nước ngầm khu vực cảng Cẩm Phả và Cọc Sáu»; tác giả V. N. Ostashevski và Duệ (tên chuyên gia Việt Nam không rõ ràng); «Các mô thiếc Việt Nam và một số nhận định về quy luật phân bố của chúng» (công trình tổng hợp) tác giả N. P. Romanovski; «Báo cáo sơ bộ kết quả khoan lấy mẫu ở miền vông Hà Nội» tác giả A. E. Kamenetski, Nguyễn Ngọc Cư; «Báo cáo sơ bộ kết quả công trình thăm dò bằng điện ở miền vông Hà Nội (tháng 6/1964 — tháng 3/1965), tác giả G. A. Verdinsev, Tăng Mười; «Về những nghiên cứu địa vật lý khai khoáng các giếng khoan cấu trúc ở miền vông Hà Nội (báo cáo công việc 1964–1965)» tác giả A. M. Margolin, Đoàn Tăm. Tất cả họ đều hoàn thành vượt mức yêu cầu, ngoại trừ các báo cáo khảo sát địa chấn. (Xem: Viện Lưu trữ nhà nước LB Nga. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 2. Từ 3–4.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Từ 10–11

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 571. Danh mục 8. Hồ sơ 1085. Từ 1–6

^[4] Xem Phụ lục số 1 Hợp đồng số 78017 ký ngày 04/4/1970: Viện Lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 6. Hồ sơ 152. Từ 14–21

^[5] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 1735. Từ 6.



Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô Nguyễn Thọ Chân tại lễ trao huân huy chương cho các chuyên gia Liên Xô đã có công lao giúp đỡ phát triển kinh tế Việt Nam và hợp tác văn hóa Xô-Việt. Tháng 7/1967 RIA Novosti

Bản đồ quyết định hết thủy

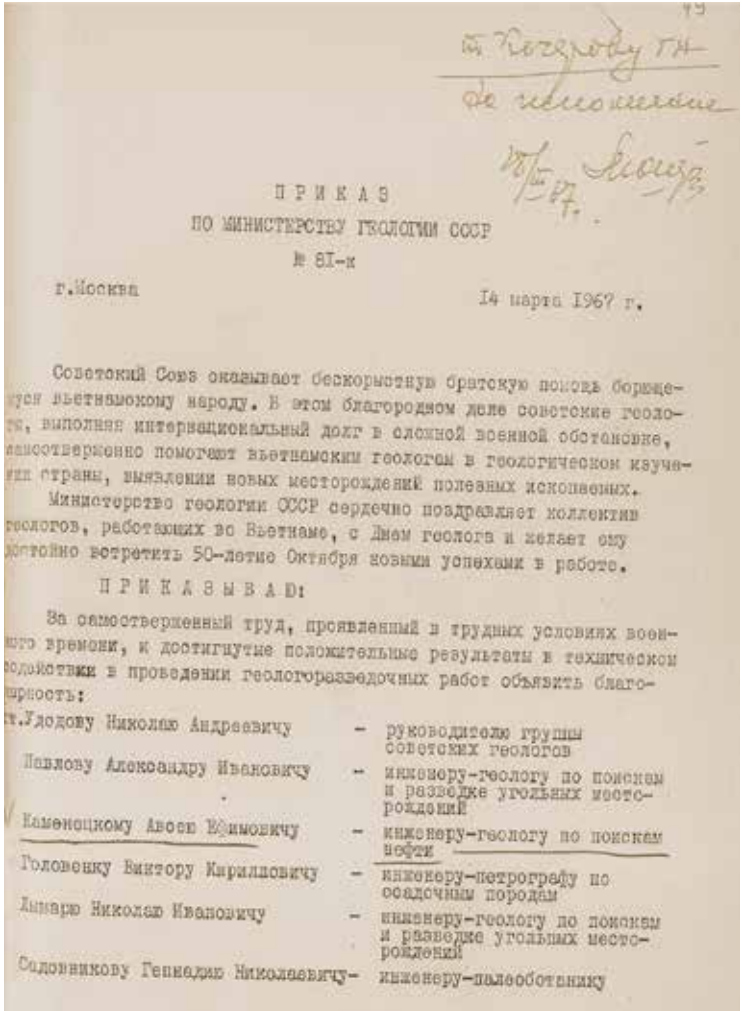
Đội của Dovzhnikov và đoàn địa chất số 20

Sáng sớm ngày 6 tháng 3 năm 1960, chuyến tàu Bắc Kinh — Hà Nội đi qua biên giới VNDCCH. Hàng khách vừa mới thức dậy. Tàu đi qua trạm biên phòng Đồng Đăng. Mới hôm qua còn là Matxcova với những tòa nhà cao tầng và đại lộ thênh thang, máy bay phản lực và sân bay Vnukovo uy nghiêm, sau đó là Bắc Kinh và quảng trường Thiên An Môn. Đến tối khi lên tàu thì đáng dấp châu Á còn chưa thấy đâu, vậy mà giờ đây châu Á đã ùa vào tràn ngập toa tàu với sắc màu rực rỡ và cảnh quan lạ thường. Một hành khách viết cho vợ: *«Phong cảnh thay đổi — đầu đầu cũng nhìn thấy cây chuối với những buồng quả trĩu nặng, dọc theo đường tàu là cây thùa (dứa cảnh), có những cái cây giống cây bách, thỉnh thoảng lại thấy những bụi tre rậm rạp <...> Giữa các ngọn đồi là những thửa ruộng bậc thang. Thấp thoáng đâu đó là những vườn mía vươn cao thân mập mạp (đến 4 cm). Còn thấy cả bắp cải đang lớn. Mọi người đội nón gồng gánh trên vai hay dùng trâu cày ruộng»*¹.

Ở *ga Hà Nội* có một đoàn rất đông đại biểu ra đón đang tập trung phía trước toa tàu. Họ rất mong khách vì trên chuyến tàu này là các nhà địa chất Leningrad thuộc Viện nghiên cứu khoa học địa chất toàn liên bang đến để lập bản đồ địa chất lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Hà Nội đón các «chuyên gia Liên Xô» bằng những bó hoa lay ơn lớn và trong suốt chuyến công tác vẫn làm họ ngạc nhiên bằng biết bao nhiêu là hoa và những đường phố sạch bong.

Hai tháng rưỡi trước sự kiện nói trên, đại diện Văn phòng Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức chuyển đề nghị đến Đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội.

*Trích công hàm của Phó Trưởng ban kinh tế — tài chính Văn phòng Thủ tướng Việt Nam gửi tham tán kinh tế Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam A. A. Gusev, ngày 19/1/1960: «Theo chương trình thỏa thuận giữa Bộ Địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô và Bộ Công nghiệp Việt Nam, trong thời gian hai năm (1960–1961) các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam sẽ lập bản đồ địa chất Việt Nam DCCH tỷ lệ 1:500000. Theo quyết định của hai Bộ, việc tổng hợp kết quả công tác lập bản đồ địa chất sẽ thực hiện ở Leningrad, đồng thời việc này có sự tham gia của cán bộ kỹ thuật Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đề nghị Chính phủ Liên Xô đồng ý cho 10 cán bộ kỹ thuật Việt Nam tham gia vào việc tổng hợp kết quả trong phòng thí nghiệm lập bản đồ địa chất sẽ thực hiện ở Leningrad năm 1960–1961. Thời hạn công tác của số cán bộ này là 6–7 tháng»*².



Trích Quyết định của Bộ Địa chất Liên Xô về việc khen thưởng các nhà địa chất làm việc ở Việt Nam. 1967 (Tư liệu của Viện nghiên cứu khoa học địa chất dầu mỏ toàn Nga)

Đội của Dovzhnikov và đoàn địa chất số 20

Công tác đo vẽ có chất lượng — đo đạc địa hình hay địa chất — là cơ sở để tìm kiếm và thăm dò khoáng sản. Việc thiếu bản đồ đo đạc địa hình hay bản đồ địa chất sẽ hạn chế đáng kể công tác thăm dò địa chất ở Việt Nam. Thời Pháp thuộc, việc đo đạc địa chất toàn bán đảo Đông Dương do một tổp nhỏ các nhà địa chất Pháp thực hiện, nhưng do hoàn cảnh, họ không thể hoàn thành và nhiều dữ liệu vẫn chưa được xử lý. Những đoàn địa chất Việt Nam đầu tiên trong những năm 1956–1958 đã giải quyết được những nhiệm vụ ở địa phương. Họ khôi phục các mỏ đã khai thác trước đây vì chỉ thăm dò nốt được những mỏ khoáng sản mà người Pháp đã phát hiện từ trước. Họ tự tiến hành công tác đo đạc cần thiết ở những khu vực hạn chế. Để tổ chức được công việc tìm kiếm những mỏ khoáng sản mới, bao gồm cả dầu và khí đốt thì cần phải tổ chức để bắt đầu công tác đo đạc địa chất quy mô nhỏ toàn bộ lãnh thổ đất nước với tỷ lệ 1:500000.

Phụ trách đoàn cán bộ Liên Xô đo đạc địa chất là Aleksei Evgenievich Dovzhikov. Cuối năm 1959 ông đã có chuyến khảo sát tổng quan toàn miền Bắc Việt Nam, khi trở về ông lập một đội toàn những chuyên gia có kinh nghiệm: Aleksandr Ivanovich Zhamoida (về sau là thủ trưởng Viện nghiên cứu khoa học địa chất toàn liên bang trong một thời gian dài), Evgenia Dmitrievna Vasiliievskaya, Anatoli Mikhailovich Mariechev và Emil Petrovich Izokha. Năm

người năm tổ. Lãnh thổ Việt Nam được chia thành bốn khu vực. Tổ thứ năm là tổ thạch học do E. P. Izokha phụ trách, phải hỗ trợ tất cả các tổ khác. Tổng cục địa chất Việt Nam thành lập riêng một đoàn đo đạc địa chất số 20 để phục vụ cho Đội của Dovzhnikov và để huấn luyện cán bộ cho các đội đo đạc. Đoàn trưởng là Huỳnh Văn Đạo, một người vừa tham gia kháng chiến trở về.

Theo quan điểm của công việc tìm kiếm dầu mỏ thì quan trọng hơn cả là các tổ số 1 (do E. D. Vasiliievskaya phụ trách), làm việc ở tả ngạn sông Hồng và tổ số 3 (do A. I. Zhamoida phụ trách) làm việc ở vùng Đông Bắc Việt Nam, sát biên giới Trung Quốc, kể cả các đảo ven bờ vịnh Bắc Bộ¹. Chính ở đây đã có nhiều đợt thăm dò đi thăm dò lại để tìm kiếm dầu mỏ.

Ngày 8 tháng 3 năm 1960 các nhà địa chất Liên Xô được các nhà địa chất Việt Nam hộ tống bắt đầu lên đường đi khảo sát để làm quen với điều kiện làm việc, đặc điểm các lộ vỉa, đánh giá công tác đào tạo cán bộ địa phương. Từ cuối tháng ba thì bắt đầu những chuyến đi thường xuyên ra hiện trường, có chuyến đi lâu đến hai tuần. Đội có một chiếc xe con hiệu GAZ, một xe tải, hàng ngày thả các nhà địa chất xuống ở đầu lộ tuyến và đón họ lên xe ở cuối chặng đường. Những lộ tuyến khảo sát này phủ khắp lãnh thổ như những đường chỉ trong lòng bàn tay. A. I. Zamoida còn nhớ lại là hầu như mỗi một lộ tuyến đều mang lại một phát hiện địa chất nào đó. Công việc này tỏ ra đặc biệt có hiệu quả trên cơ sở của bản đồ địa chất Đông Dương do người Pháp xuất bản năm 1952. Trong khoảng thời gian giữa các chuyến khảo sát, các nhà địa chất Xô — Việt lại cùng nhau xử lý dữ liệu thu thập được, lập bản đồ sơ bộ, nghiên cứu tư liệu của Quỹ địa chất và thư viện Tổng cục Địa chất Việt Nam. Họ phải làm việc trong điều kiện khí hậu phức tạp.

*Trích thư của chuyên gia A. I. Zamoida viết cho vợ ngày 27/4/1960: «Anh không biết là bao nhiêu độ nhưng hôm qua sau bữa trưa anh bước đi và cảm thấy không khí nóng bỏng như một cái nút ập vào miệng. Mặt trời như ngay trên đỉnh đầu. <...> Xa xa xung quanh là bóng tối dày đặc. Nói chung là phải chuyển sang làm việc ngoài hiện trường vào buổi sáng (từ 6h đến 11h30). Buổi tối cũng khá ngọt ngọt dù trên trời trăng sao vắng vặc»*².

Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 10, các nhà địa chất bản đồ Liên Xô làm công việc xử lý dữ liệu thu thập được trong phòng thí nghiệm ở Leningrad. Thành phố bên dòng Neva có quyền được coi là kinh đô địa chất của Liên Xô, các trường, học viện của thành phố có truyền thống khoa học lâu đời, cơ sở dữ liệu phong phú và đội ngũ cán bộ tinh thông nghiệp vụ, và vì thế đến Leningrad cùng với Đội của Dovzikov còn có 6 nhà cổ sinh học — thực tập sinh Việt Nam, những người đã tham gia vào các nghiên cứu khoáng — thạch học, hóa phân tích và nghiên cứu quang phổ. Đến 17 tháng 10 năm 1960 cả đoàn trở về Hà Nội và làm việc cho đến khi cái nóng tháng tư bắt đầu.

Ngoài việc đo đạc địa chất, đoàn còn thực hiện chức năng tìm kiếm, tham gia tuyến quặng, tức là thu thập các mẫu đá, để rồi sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm của Tổng cục Địa chất Việt Nam do Ksenia Petrovna Kapralova thành lập và phụ trách (theo đề nghị của phía Việt Nam, chuyên công tác của bà phải kéo dài nhiều lần). Nhờ thế mà năm 1961 trong khu vực dãy Tam Đảo đã phát hiện một vùng triển vọng có thiếc. Theo dữ liệu trọng sa của đoàn địa chất số 20 thì vùng có thiếc trải dài về phía tây đến tận biên giới Việt Nam. Ở một số khu vực riêng rẽ khác còn phát hiện mỏ than, sắt, titan, chì, kẽm, đồng, thiếc, wolfram, thủy ngân, antimoan, vàng. Góp công lớn vào những phát hiện này còn có một

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1753. Tờ 35..

^[2] Zhamoida A. I. Việt Nam — đất nước kỳ diệu. Tr. 390–391.


 Phụ nữ dân tộc Thái từ bản vùng cao miền Bắc Việt Nam. Lưu trữ của L. E. Golota

người nũa tham gia vào đoàn của Dovzikov trong mùa thực địa thứ hai là Oleg Nikolaevich Kabakov, ông không chỉ là nhà địa chất có kinh nghiệm mà còn là một nhà thực vật học tuyệt vời¹. Trong đoàn ông là người lập báo cáo về những mỏ được phát hiện và tình hình tổng quan về tài nguyên khoáng sản của Việt Nam DCCH, nhiều lần được phía Việt Nam ghi nhận.

Trích báo cáo năm 1961 của trưởng đoàn chuyên gia địa chất Liên Xô ở Việt Nam V. P. Frolov:
«1. Đã lập được bản đồ địa chất cho 60% lãnh thổ Việt Nam DCCH và các hướng tuyến đã phủ khắp 80% lãnh thổ.
2. Hoàn thành 80% công tác thực địa lấy mẫu trọng sa trên toàn lãnh thổ Việt Nam DCCH theo tỷ lệ 1:500000 và 1:200000.
3. Lập xong sơ đồ phân vùng kiến tạo của Việt Nam DCCH và nghiên cứu hầu hết các dạng mô lộ thiên.
4. Lập xong bản đồ khoáng sản.
5. Tổng khối lượng công việc đã hoàn thành thể hiện qua các con số sau: khảo sát hướng tuyến đã thực hiện gần 30 nghìn kilomet [Tổng số khi kết thúc công việc là 42 nghìn km-chú thích của tác giả], mô tả 15.000 vỉa lộ, tập hợp được hơn 12.000 mẫu vật, thu thập mẫu hóa thạch ở hơn 950 điểm»².

Hiệu bánh kẹo. Tư liệu của E. V. Golota


^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777. Tờ 89.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777. Tờ 27–28.


Buổi sáng ở làng quê vùng đồng bằng. Đầu những năm 1960 Tư liệu của L. E. Golota

Ở cơ quan địa chất Đông Dương có một nhà bảo tàng nhưng thực tế toàn bộ hiện vật đã được mang đi, vì thế tất cả phải làm mới từ đầu. Những mẫu vật do các nhà địa chất đồ họa thu thập về là nền tảng của Bảo tàng địa chất mới, thiếu bảo tàng thì không thể hình dung nổi sự phát triển sau này của nền khoa học địa chất và việc đào tạo cán bộ trình độ cao sẽ như thế nào. Tổng công lại, đó là gần 30 nghìn mẫu quặng và đất đá, 1500 mẫu động thực vật. Giám đốc Bảo tàng địa chất toàn liên bang Piotr Nikolaevich Varfolomeev³ đã đến làm cố vấn xây dựng Bảo tàng địa chất Việt Nam DCCH từ tháng 11 năm 1961 đến tháng 2 năm 1962. Ông đã soạn thảo quy chế chung về nhiệm vụ và cơ cấu của bảo tàng, các hình thức và phương hướng công tác trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài. Đối với các nhà địa chất trong các đoàn làm việc ngoài thực địa thì ông soạn thảo hướng dẫn lựa chọn sưu tầm mẫu vật để minh họa cho các dạng di truyền khác nhau của mỏ khoáng sản. Và chủ yếu là lựa chọn và chuẩn bị đầy đủ để trưng bày tư liệu về cấu trúc địa chất của Việt Nam DCCH theo sơ đồ phân vùng cấu trúc đã được đoàn vẽ bản đồ xử lý.

Không chỉ một lần, các nhà địa chất đồ họa đã thực hiện những việc mà theo cách nói của họ là «nhiệm vụ riêng tư», tức là những việc không có trong văn bản hợp đồng. Điều này liên quan đến những nhiệm vụ sau đó về đo vẽ bản đồ tỷ lệ trung bình. Những năm 1963–1964 phía Việt Nam hạn chế mời các nhà địa chất Liên Xô, bởi vì các nhà địa chất Liên Xô đã soạn thảo xong «Kiến nghị về tổ chức và nhiệm vụ phòng thí nghiệm cổ sinh vật học và địa tầng học Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH», những kiến nghị đã được chấp thuận và thực hiện. Kế tiếp sau đó là hai hướng dẫn cơ bản biên soạn dựa trên kinh nghiệm Liên Xô nhưng có tính đến các điều kiện nước sở tại là «Quy tắc phân loại địa tầng, thuật ngữ và danh pháp» và «Quy tắc lập bản đồ cổ sinh học đăng ký và lập thê chỉ mục Việt Nam DCCH». Cả hai hướng dẫn đều được dịch sang tiếng Việt, và cùng với một số ấn phẩm dịch từ tiếng Nga những tài liệu này đã đóng một vai trò tích cực trong công việc sau này. Một số bài báo đồng tác giả đã được công bố trên báo chí chuyên ngành Việt Nam. A. I. Zamoida còn nhớ là ông đã giúp phân tích số sách và tạp chí còn lại từ thời Pháp, tổ chức đăng ký và trao đổi quốc tế các ấn phẩm cho thư viện Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH⁴.

^[3] Varfolomeev Piotr Nikolaevich (1897–1976) là nhà địa chất lớn của Liên Xô, Giám đốc Bảo tàng địa chất toàn Liên bang. Đáng chú ý, ông còn là một trong những cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp đầu tiên của nước Nga, chơi bóng trong các câu lạc bộ của Tp Sankt-Peterburg từ 1915 đến 1923. Đã tham gia Nội chiến, phục vụ trong không quân.

^[4] Zamoida A. I. Việt Nam — đất nước kỳ diệu. Tr. 411, 413.


Xe GAZ của đoàn khảo sát

Tư liệu của L. E. Golota

Huy chương Hữu nghị và giải thưởng Hồ Chí Minh. Mở rộng quy mô

Trong mùa thực địa thứ ba những năm 1961–1962, các nhà địa chất học của nhóm Dovzhikov phải hoàn thành nốt tất cả các công việc thực địa. Những tháng cuối đặc biệt căng thẳng. Bản vẽ nháp của bản đồ phải làm ở Hà Nội và báo cáo tất cả cho lãnh đạo nhà nước, sau đó hoàn thiện công vieeck tại Leningrad. Về nước vào tháng 5/1962 chánh tịch sư địa chất của Vụ đối ngoại Bộ Địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô A. F. Kalmykov báo cáo: *«Toàn bộ công việc đo vẽ ngoài hiện trường để lập bản đồ địa chất Việt Nam DCCH tỷ lệ 1: 500000 đã được hoàn thành đúng thời hạn, đầu tháng 6 sẽ xong bản nháp từ bản đồ gốc này. Thông qua kết quả nghiên cứu các khu vực một cách toàn diện, do một tập lớn các nhà địa chất thực hiện dưới sự chỉ đạo của các chuyên gia Liên Xô trình độ cao, trong một thời gian ngắn (ba năm), hiện nay lãnh thổ Việt Nam DCCH là một trong những khu vực địa chất ở Đông Nam Á được nghiên cứu đầy đủ nhất»¹.*

Cuối tháng 5, tại Phủ Chủ tịch, Thủ tướng Phạm Văn Đồng (Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đó đang chữa bệnh ở Liên Xô) đã tiếp đội của Dovzhikov, có cả trưởng đoàn địa chất Liên Xô ở Việt Nam V. P. Frolov, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất Lê Trọng Đông và nhà địa chất Nguyễn Văn Chiến tham dự. Trong căn phòng rộng lớn treo nhiều loại bản đồ miền Bắc Việt Nam: bản đồ địa chất, bản đồ phân vùng cấu trúc, bản đồ thể xâm nhập, bản đồ phân tích quang phổ, bản đồ trọng sa, bản đồ hệ động thực vật và bản đồ hướng tuyến.

Trích hồi ký của A. I. Zhamoida: *«Sau khi nghe đồng chí A E. Dovzhikov giải thích ngắn gọn (đồng chí Chiến dịch), trước khi phát biểu ấn tượng về công việc đã làm được, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã xem tất cả các bản đồ, ông chỉ vào bản đồ hướng tuyến và hỏi «Chính các đồng chí đã đi qua những con đường này rồi ư?» Vị lãnh đạo chính phủ rất hài lòng và sau này trong buổi tiếp long trọng ở Tổng cục Địa chất đã trao tặng Huy chương Hữu nghị cho các nhà địa chất. Ngày 22 tháng 6 năm 1962 đoàn đã rời Hà Nội. Công việc tỷ mỉ trước mắt là hoàn thiện kỹ lưỡng bản đồ và lập chú giải. Tiễn chân các nhà địa chất, đoàn trưởng Đoàn địa chất số 20 Huỳnh Văn Đạo nói: «Bản đồ địa*

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777 Tờ 203.

chất là công lao của các đồng chí. Các đồng chí đã chỉ ra tiền đồ khoáng sản to lớn của đất nước chúng tôi, đó là món quà quý giá nhất, có ý nghĩa chính trị, động viên các nhà địa chất Việt Nam chúng tôi càng thêm yêu nghề để phụng sự đất nước mình tốt hơn»².

Theo thỏa thuận hợp đồng thì phía Liên Xô trong quý I năm 1963 phải chuyển cho đối tác 4 nghìn bản in bản đồ tỷ lệ 1:500000 và 2500 bản chú giải bản đồ. Tất cả được hoàn thành đúng thời hạn và sau đó được công bố trong chuyên khảo tập thể «Địa chất miền Bắc Việt Nam», bằng tiếng Nga năm 1965 và tiếng Việt năm 1971. Công trình lập bản đồ tỷ lệ 1:500000 đã được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh (về khoa học công nghệ).

Ngày 6 và 7 tháng 4 năm 1964 ở Hà Nội diễn ra hội nghị các chuyên gia Liên Xô. Mục đích chủ yếu là đánh giá kết quả năm 1963 và đề ra nhiệm vụ năm 1964. Hội trường kín người vì tham gia hội nghị còn có hàng trăm đại diện các bộ ngành Việt Nam có liên quan đến chuyên gia Liên Xô. Bài phát biểu của Phó chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Đặng Việt Châu đã chỉ rõ ý nghĩa sự giúp đỡ của Liên Xô trong việc khôi phục nền kinh tế nước nhà. Ông Châu cũng nêu rõ là viện trợ của Liên Xô chiếm 20% vốn đầu tư của Việt Nam năm 1964, còn trong các công trình công nghiệp thì tỷ lệ này là trên 30% (trong thời gian bắt đầu chiến tranh thì tỷ lệ này còn tăng lên nhiều). Tham dự ở cuối hội nghị, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đánh giá cao sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô. Tuy nhiên nhận xét ám áp nhất về các nhà địa chất Liên xô là người phụ trách trực tiếp của họ Nguyễn Văn Long, ông còn kể ra vài người trong nhóm địa chất đồ họa.

Trích phát biểu của Vụ chuyên gia nước ngoài trực thuộc Văn phòng Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Văn Long, ngày 6 tháng 4 năm 1964: *«Các chuyên gia Liên Xô đến giúp Việt Nam là giảng viên, kỹ sư và kỹ thuật viên rất tài năng, họ có kinh nghiệm từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước mình. Tôi lấy ví dụ <...> các chuyên gia Liên xô ở Tổng cục Địa chất đa số có 10 năm kinh nghiệm làm việc, ví dụ đồng chí Dovzhikov, trưởng đoàn chuyên gia đo vẽ bản đồ địa chất có nhiều năm là cán bộ của Viện Địa chất Liên Xô. <...> Đồng chí Kabakov, kỹ sư trường khoáng học về phân tích trọng sa, đã nhiều năm lặn lội ở những vùng rừng núi xa xôi của miền Bắc. Nhiều lần bị nước lũ chặn đường, đồng chí đã cùng các đồng nghiệp Việt Nam tìm đường để đến nơi và không làm ảnh hưởng kế hoạch công tác»³.*

* * *

Năm 1965 bắt đầu đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:200000 và 1:50000 một số khu vực riêng biệt ở miền Bắc Việt Nam. Khối lượng công việc tăng lên đáng kể, vì vậy trong tháng 2 đoàn địa chất đồ họa số 20 được biên chế lại vào Liên đoàn địa chất số 20, liên đoàn này ban đầu có 5 đoàn, nhưng từ năm 1966 thì có 8 đoàn đồ họa. Ít lâu sau trên cơ sở đoàn khảo sát đã lập ra Cục đồ họa thuộc Tổng cục Địa chất Việt Nam⁴.

Việc đo vẽ chi tiết hơn với tỷ lệ 1:200000 toàn bộ lãnh thổ Việt Nam DCCH dự kiến hoàn thành vào năm 1978, thế nhưng thời gian đó đang cần tập trung vào công việc ở những khu vực có nhiều triển vọng nhất theo quan điểm tìm kiếm mỏ khoáng sản và bắt

^[2] Zhamoida A. I. Việt Nam — đất nước kỳ diệu. Tr 415–416.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 465. Danh mục 2. Hồ sơ 1830. Tờ 20, 24–25.

^[4] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 769. Tờ 79

đầu phối hợp với hàng không. Không thể làm được một việc lớn như vậy nếu như chỉ «dựa vào nội lực», hơn nữa ngành địa chất Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn thành trải qua giai đoạn «học việc». Lúc này lại càng cần có các chuyên gia Liên Xô giúp đỡ để nâng cao trình độ. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đã nhận ra sai lầm của mình và lại tăng số lượng chuyên gia Liên Xô, trong đó có cả các nhà địa chất — đồ họa. Nếu như vào năm 1965, chỉ có một chuyên gia địa chất duy nhất của Liên Xô là E. V. Golota hỗ trợ về phương pháp cho Liên đoàn địa chất số 20, đến 31 tháng 3 đã có thêm V. D. Sterkin¹, thì trong hai năm 1966–1967, sau khi xem xét đề nghị của phía Việt Nam, các chuyên gia của Bộ Địa chất Liên Xô đã đề nghị cử đến Việt Nam bảy cán bộ địa chất — đồ họa². Tổng cộng trong suốt cả năm, ở miền Bắc Việt Nam, tham gia công việc đo vẽ địa chất có 14–15 chuyên gia Liên Xô, họ lần lượt thay nhau tùy theo thời hạn hợp đồng.

Trong những năm 1968–1969, đã có các chuyên gia Liên Xô sau đây giúp đỡ kỹ thuật cho Cục Địa chất — Đồ họa: V. A. Anosov, L. F. Volchegurskiy, N. M. Kuzhelnyi, A. A. Elyanov, G. G. Lyutyi, G. P. Bobylev, V. V. Balkhanov, M. A. Tolkachev, V. M. Dogaev, Yu. P. Gulyaev, A. I. Ivanov, V. I. Sukhov, I. F. Migachev, V. E. Bereziy, E. M. Zablotskiy, E. I. Gunchenko, V. I. Phokin và P. A. Pipar. Họ đã dạy các nhà địa chất Việt Nam lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:200000 và 1:500000 ở ngoài hiện trường và trong phòng thí nghiệm, cùng nhau xây dựng các dự án, nghiên cứu hướng tuyến và viết nhiều báo cáo địa chất. Thông thường thì các kỹ sư trường của chúng ta soạn sẵn sơ đồ chi tiết của các chương, sau đó sau khi soạn xong và chỉnh sửa thì giảng giải cho các chuyên gia Việt Nam. Bên cạnh đó thì hầu như mỗi chuyên gia Liên Xô đều có một thực tập sinh là chuyên gia địa chất trẻ Việt Nam thường xuyên đi cùng họ trong suốt tuyến khảo sát. Theo đề nghị của Tổng cục Địa chất, từ tháng 12 năm 1968, các chuyên gia Liên Xô giảng bài cho sinh viên trường trung cấp kỹ thuật địa chất bằng tiếng Nga³.

Đến cuối năm 1969, nhờ những nỗ lực chung của các chuyên gia Liên Xô, Việt Nam và Trung Quốc (đoàn số 20 có ba nhà địa chất Trung Quốc), Cục địa chất — bản đồ đã hoàn thành lập bản đồ địa chất một vùng diện tích 32 nghìn kilomet vuông, trong đó có gần 26 nghìn kilomet vuông đã lập xong báo cáo và bản đồ hoàn chỉnh. Ngoài ra ở những khu vực có nhiều hứa hẹn nhất do những nghiên cứu trên đây chỉ ra thì bắt đầu đo vẽ địa chất tỷ lệ 1:50000 và tìm kiếm khoáng sản⁴.

Công tác đo đạc địa chất đóng vai trò nổi bật cả trong việc bảo đảm cho Việt Nam cơ sở nguyên liệu khoáng sản tin cậy (gồm cả việc tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt) cũng như trong việc đào tạo cán bộ địa chất trình độ cao, xây dựng nên trình độ nghiên cứu địa chất của riêng mình, hướng tới chuẩn xác, tỉ mỉ và uyên bác. Sự hợp tác của các nhà địa chất Xô — Việt đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp này. Việc áp dụng những phương pháp nghiên cứu mới nhất, bao gồm cả việc dùng máy bay, sẽ đẩy nhanh nghiên cứu địa chất miền Bắc Việt Nam.

Hàng không vội vã hỗ trợ

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Ngày 9 tháng 6 năm 1962 chiếc máy bay thăm dò bằng bức xạ radio An-2 chậm chậm hạ xuống cánh rừng rậm. Có một sườn núi mà máy bay định «nhảy qua» trong khi đang thực hiện chuyến bay thường kỳ. «Bấp ngổ» đã không thuận theo tay lái, nếu đây không phải là chiếc máy bay cánh kép thì hậu quả có thể rất thảm khốc. Kết quả của vụ hạ cánh nhẹ nhàng này là hành khách chỉ bị sợ hãi đôi chút.

Sau khi phân tích nguyên nhân, người ta gửi về Moskva kết luận như sau:

«Bay thấp ở vùng nhiệt đới, miền núi trong thời gian từ 15 tháng 5 đến 15 tháng 9 là không an toàn bởi những lý do sau đây:

a) Do nhiệt độ cao nên mật độ không khí giảm nhiều, điều này làm giảm chất lượng bay của máy bay, trong khi dòng không khí trên núi (khi bay thấp) gây khó khăn cho việc kiểm soát máy bay.

b) Nhiệt độ không khí trong buồng lái của phi công trong chuyến bay lên tới 40–45°. Không có cách nào để giảm nhiệt độ cabin (thông gió nhân tạo và tự nhiên), phi công bị mệt mỏi quá mức. Vì thế, cộng thêm các điểm đã nêu ở trên, các chuyến bay như thế này không những không chất lượng, không hiệu quả mà còn không thể chịu nổi về mặt thể chất, do vậy nên không an toàn»¹.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Ý tưởng sử dụng máy bay trong địa chất được một trong những nhà địa chất Liên Xô đầu tiên là S. R. Zuber đưa ra từ đầu những năm 1920. Từ tháng 12 năm 1922 đến cuối tháng 4 năm 1923 ông đã bay trên nhiều khu vực ven bờ biển Caspi và nhiều đảo trong quần đảo Baku. Ông viết: «Kinh nghiệm bay cho phép đưa ra một số kết luận về thực hiện chụp ảnh từ trên không và về sự phong phú của kết quả thu được»². Cũng trong khoảng thời gian này, Sở khai khoáng Mỹ cũng đã bắt đầu bay khắp khu vực dầu mỏ tiềm năng⁶. Phương pháp này giúp đẩy nhanh việc khảo sát, đặc biệt ở những vùng khó khăn — miền núi và sa mạc hay mặt nước. Từ cuối những năm 1920 việc chụp ảnh hàng không đã trở thành thường xuyên. Năm 1936 nhà địa vật lý xô viết A. A. Logachev đã tiến hành một thí nghiệm độc đáo là đo dị thường của từ trường từ máy bay. Chính ông cũng là người bắt đầu sử dụng phương pháp khảo sát bằng từ trường từ trên không, nhờ đó trong một thời gian ngắn đã hoàn thành đo vẽ một vùng rộng lớn. Phương pháp này đã tạo nên một cuộc cách mạng kỹ thuật trong đo đạc từ trường. Trong những năm 1951–1955 ở Liên Xô thì trên 8 triệu kilomet vuông đã được đo vẽ bằng phương pháp từ trường hàng không. Người ta dùng phương pháp này ở tất cả các khu vực hứa hẹn có dầu khí — ở Tataria, tỉnh Perm và đặc biệt là miền Tây và miền Đông Siberia. Năm 1956 đã thực hiện thử nghiệm phương pháp đo vẽ bằng sóng radio từ máy bay ở mức độ công nghiệp trên các mỏ dầu đã biết và cho kết quả tích cực³.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

(Lưu trữ ảnh) Đo vẽ khu vực có dầu mỏ bằng máy bay quân sự// Nền kinh tế dầu mỏ và đá phiến. 1923. Số 2. Tr. 331.

Chúng tôi học bay ở Việt Nam

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Lãnh thổ miền Bắc Việt Nam rộng chừng 158 nghìn cây số vuông, nhưng chỉ có một phần ba là bình nguyên xen lẫn gò đồi có chênh lệch độ cao không lớn, còn lại là núi non. Núi trải dài khắp biên giới phía tây và phía bắc. Những dãy núi cao nhất nằm ở các khu vực tây-bắc và phía bắc Việt Nam, ở đó điểm cao nhất đạt đến 3140 mét. Đối với một nước không có bản đồ địa chất và bản đồ địa hình thì chụp ảnh hàng không luôn luôn là cứu cánh. Ngay từ năm 1957, tại kỳ họp thứ ba nhóm làm việc các nhà địa chất cao cấp để lập bản đồ địa chất Đông Nam Á, làm việc dưới bảo trợ của Ủy ban kinh tế Liên Hợp Quốc dành cho các nước châu Á và Viễn Đông, các nhà địa chất Liên Xô đã đưa ra vấn đề cần thiết sử dụng máy bay để lập bản đồ địa chất toàn bộ bán đảo Đông Dương¹. Trong báo cáo của mình, các nhà địa chất Liên Xô đã từng làm việc ở Việt Nam viết: «Cùng với những số liệu địa chất đã có, thuyết minh địa chất có chất lượng về từ trường kế máy bay và bản đồ gamma hàng không sẽ mang lại tư liệu bổ sung rất tốt để lập bản đồ địa chất»². Tháng 9 năm 1956, chính phủ Việt Nam DCCCH đề nghị chính phủ Liên Xô tổ chức các đợt khảo sát tương tự như vậy.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

***Trích công hàm của Phó chủ nhiệm Văn phòng Thủ tướng Việt Nam DCCCH Phan Mỹ gửi Tham tán kinh tế Đại sứ quán Liên Xô ở Việt Nam A. A. Gusev ngày 19/9/1959:** «Đề đẩy nhanh công tác khảo sát địa chất, chính phủ Việt Nam thấy cần thiết phải tổ chức các hoạt động địa vật lý từ trên không.*

Giai đoạn thứ nhất dự kiến đo vẽ bằng từ trường kế máy bay tỷ lệ 1:200000 trên diện tích 50–70 nghìn kilomet vuông và đo vẽ bằng bức xạ radio từ máy bay tỷ lệ 1:250000 trên diện tích 20 nghìn kilomet vuông. Để thực hiện những công việc nêu trên, chính phủ Việt Nam DCCCH đề nghị chính phủ Liên Xô cung cấp cho Bộ Công nghiệp Việt Nam thuê một máy bay có lắp đặt các thiết bị địa chất phù hợp cùng với chuyên gia địa vật lý và đội bay. Số lượng chuyên gia và thiết bị cần thiết do các cơ quan Liên Xô xác định»³.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Sau khi thảo luận với các nhà địa chất Liên Xô về lời đề nghị này, tham tán kinh tế Đại sứ quán Liên Xô đã đề xuất ủng hộ đề nghị này của chính phủ Việt Nam DCCCH trong công văn gửi Ủy ban nhà nước về kinh tế đối ngoại trực thuộc Hội đồng bộ trưởng Liên Xô và Bộ Địa chất Liên Xô. Tuy nhiên năm 1960 không tổ chức được công tác cho đội chụp ảnh hàng không. Trong công văn của cố vấn có ghi: «Phía Việt Nam đã rút lại lời đề nghị, các đơn vị Trung Quốc sẽ thực hiện công việc này»⁴.

Sau khi ký kết hợp đồng số 345 ngày 30 tháng 3 năm 1960, việc đo vẽ từ trên không được tiếp xung lực mới, đó là hợp đồng về việc trợ giúp kỹ thuật trong thực hiện đo vẽ bằng từ trường máy bay tỷ lệ 1:200000. Để thực hiện đo vẽ trong tháng 5 cùng năm đó, một đội địa vật lý do nguyên đội trưởng đội từ trường máy bay Yakutia là Yu. D. Ivanyukovyi phụ trách đã đến miền Bắc Việt Nam để làm việc trên máy bay YI-14FK⁵.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Đến mùng 1 tháng giêng năm 1962, tổng cộng đội đã bay ở miền Bắc Việt Nam 182 giờ bay, thực hiện chụp ảnh 31861 kilomet dài, tương ứng diện tích 54 nghìn kilomet vuông. Tổng cộng diện tích cần bay phủ là 120 nghìn kilomet vuông, như vậy, chỉ sau nửa năm đã bay phủ được gần một nửa diện tích dự kiến, trong khi đó theo thiết kế thì khối lượng 467 giờ bay phải thực hiện xong trong tháng 12 năm 1961⁶.

Lý do hiệu suất công tác quá thấp như vậy trước hết là do lỗi khi lập kế hoạch đã dựa trên những nhận định không đúng về điều kiện khí tượng của miền Bắc Việt Nam. Sự phân chia thời tiết theo năm tháng cũng như theo địa điểm hóa ra là không đồng đều. Đôi khi theo số ngày chụp ảnh ở một khu vực thì tình hình tổng thể là khá ổn, nhưng ở một vài địa điểm lẻ trong khu vực thì hoặc là hoàn toàn không phải trời quang đãng, hoặc là chỉ có một hai ngày trời đẹp. Ví dụ ở Điện Biên Phủ năm 1959 có 10 ngày trời quang đãng, năm 1961 có 24 ngày, trong khi đó ở địa điểm bên cạnh khu vực này là Lào Cai những năm đó không có một ngày nào trời quang đãng. Ở Bắc Cạn hay Lai Châu cũng như vậy, có những năm không ghi nhận được một ngày trời trong. Vì vậy, không thể bảo đảm việc chụp ảnh hàng không tại khu vực này bằng cách tăng thêm rất nhiều máy bay. Không thể nói là ở đồng bằng thời tiết sắp xếp có quy luật: năm 1957 ở Hà Nội có chín ngày trời quang đãng, năm 1958 là 31 ngày, còn ở Hải Phòng con số tương ứng là 13 và 44⁷.

Trước tháng 4 năm 1963, đội đã thực hiện chụp ảnh hàng không hết diện tích theo kế hoạch, diện tích này thực tế là toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam, sau đó chiếc máy bay thuê đã trở về Liên Xô, còn sáu nhà địa vật lý xô viết và một kỹ sư diễn giải số liệu Việt Nam tiếp tục xử lý dữ liệu thu được trong phòng thí nghiệm. Sau khi xem xét dữ liệu ảnh chụp, một hội đồng đã công nhận «dữ liệu có chất lượng, thích hợp để lập bản đồ từ trường hàng không đáp ứng yêu cầu của thiết kế kỹ thuật». Trong giai đoạn báo cáo đã hoàn thành xây dựng mẩu tác nghiệp bản đồ từ trường hàng không tỷ lệ 1:200000 và 1:500000. Dự kiến là đến ngày 01/10/1963 sẽ trình báo cáo⁸. Như các nhà chép sử ngành dầu khí Việt nam ghi nhận, «điều đó đã tạo cơ sở ban đầu để nghiên cứu sâu hơn cấu trúc địa chất miền trung Hà Nội, góp phần phân định ranh giới vùng kiến tạo và khu vực triển vọng có dầu khí»⁹.

Về giá trị của phương pháp chụp ảnh hàng không đối với Việt Nam, có thể kể ra việc này: năm 1963 trong số 86 chuyên gia địa chất được phía Việt Nam yêu cầu thì có đến một phần ba phải thực hiện khảo sát địa vật lý hàng không¹⁰.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Máy bay An-2 của Liên Xô đang hạ cánh ở một sân bay dã chiến ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, năm 1966.

Viện đồ họa, Podlesnikova N. V. — kỹ thuật viên ghép nối ảnh hàng không, Kudryashov M. V. — kỹ thuật viên đồ họa, Degtyarev V. B. — kỹ thuật chụp ảnh hàng không, A. Smotryaev — kỹ thuật viên chụp ảnh hàng không, E. Smotryaeva — kỹ thuật viên xử lý nối ảnh hàng không, Popkov N. E. — kỹ sư địa vật lý đo vẽ mặt đất, Burtsev J. H. — KTV địa vật lý đo vẽ mặt đất, Kharlamov Z. V. — KTV tính toán, Chernomordik L. M. — KTV tính toán, Artamonov I. A. — kỹ thuật viên, Surenko E. N. — cơ trưởng, Sadovnikov V. G. — hoa tiêu, Kontsov D. V. — phi công phụ, Grabarenko J. F. — thợ cơ khí, Baryshev V. P. — liên lạc không lưu, Sheremetsev N.. — Kỹ thuật viên, Nikiforova T. V. — Kỹ thuật viên.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777. Từ 162–163.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1778. Từ 181–180.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1978. Từ 146–148

^[4] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. Tập 1. Tr. 45.

^[5] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 406. Từ 8

^[1] Chương 3



Việt Nam nhìn từ tầm cao

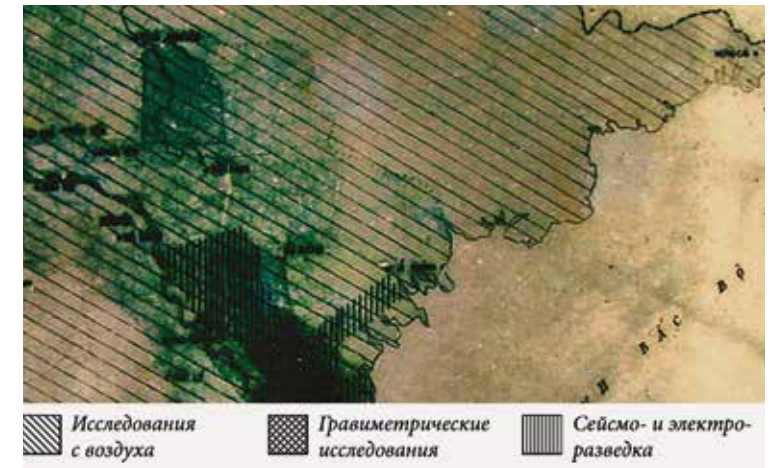
Hàng không phục vụ các nhà địa chất

Năm 1962, nhóm từ trường hàng không được bổ sung thêm nhóm bức xạ máy bay, nhóm này bay thực hiện nhiệm vụ từ 16 tháng 3 đến mùng 9 tháng 6. Dành ra thành hai khu vực tổng diện tích 10 nghìn kilomet vuông để khảo sát tìm kiếm bằng bức xạ gamma ở vùng Tây Bắc và phía nam. Do sự cố máy bay kể trên nên các chuyến bay bị đình chỉ, nhưng việc đo đạc khu vực đó đã thực hiện đến 20/6/1963 là 520 giờ bay.

Nhóm đo bức xạ từ máy bay gồm bảy kỹ sư và nhân viên kỹ thuật Liên Xô (chỉ đạo kỹ thuật là kỹ sư địa chất A. V. Gvozdev) và bốn thành viên đội bay An-2 trong thành phần đoàn địa vật lý hàng không, đoàn này còn có một tổ từ trường máy bay (hợp đồng số 345) và bốn đội kiểm tra dị thường dưới đất. Phía Việt Nam có bốn nhân viên tham gia trực tiếp vào công tác đo bức xạ từ máy bay: kỹ sư vật lý trên bay, nhân viên tính toán, nhân viên đồ bản và nhân viên đồ họa. Để kiểm tra dị thường trên mặt đất, phía Việt Nam phân công ba nhà địa chất (tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội) và sáu kỹ thuật viên đã được nghe giảng về phép đo bức xạ trong các khóa học của Tổng cục Địa chất Việt Nam. Khó khăn nhất là không có máy móc kiểu chuyên dùng cho vùng nhiệt đới (nên thường bị hư hại và sai lệch) và thiếu phiên dịch giỏi.

Năm 1964 công việc của đoàn đo bức xạ máy bay khá khó khăn. Tháng 10 thì đội bay An-2 đã đến Việt Nam nhưng chưa được phép bay vì chiến tranh phá hoại đã bắt đầu. Sau nhiều lần liên hệ thì đội đã được cấp phép hai chuyến bay huấn luyện để kiểm tra máy bay và máy móc chuyên dùng (một chuyến ở khu vực sân bay, một chuyến theo hành trình đã định nhưng ở độ cao hạn chế). Trong khi không cho phép bay nghiên cứu thì phía Việt Nam lại đề nghị trong ba tháng đào tạo huấn luyện một đội bay Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ tương tự bằng lực lượng của họ. Ngay ngày 15/5/1965, Phó chủ nhiệm Văn phòng Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Kim Cương gửi công hàm đến Đại sứ quán Liên Xô: «Xét tình hình mới và nhiệm vụ mới của Tổng cục Địa chất cùng với tiến bộ kỹ thuật của chuyên gia Việt Nam được chuyên gia Liên Xô giúp đỡ trong thời gian qua, chính phủ Việt Nam DCCCH đề nghị chính phủ Liên Xô rút các chuyên gia sau đây theo hợp đồng 389 về nước trước thời hạn». Sau đó ông ta kê ra danh sách những người phải về nước, trong đó có cả một số thành viên đoàn đo bức xạ bằng máy bay¹.

Song song với việc khảo sát địa vật lý bằng máy bay, Việt Nam dự định bắt đầu chụp ảnh hàng không để lập bản đồ địa hình. Tháng giêng năm 1962, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị đã đề nghị Đại sứ quán Liên Xô về việc này.



Một phần bản đồ nghiên cứu địa vật lý và địa vật lý hàng không ở miền Bắc Việt Nam

Trích công hàm của Phó thủ tướng Việt Nam Lê Thanh Nghị gửi Tham tán kinh tế Đại sứ quán Liên Xô ở Việt Nam A. A. Abdurakhmanov ngày 17 tháng 1 năm 1962: «Để thực hiện thành công kế hoạch công tác khảo sát địa chất và kế hoạch phát triển các ngành kinh tế quốc dân, Chính phủ Việt Nam thấy cần thiết phải tiến hành chụp ảnh hàng không lãnh thổ Việt Nam DCCCH.

Sau khi Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước Đặng Việt Châu trao đổi với đồng chí về vấn đề này, chính phủ Việt Nam DCCCH cho rằng có thể đề nghị chính phủ Liên Xô tiến hành chụp ảnh hàng không lãnh thổ Việt Nam DCCCH trong năm 1962.

Nếu chính phủ Liên Xô đồng ý, chúng tôi đề nghị cử đến Việt Nam số lượng chuyên gia cần thiết để cùng chúng tôi thảo luận các vấn đề liên quan đến việc tiến hành các công việc nêu trên: các tiêu chí chụp ảnh, tỷ lệ cũng như các vấn đề về tổ chức, kỹ thuật khác».

Năm 1964, để chuẩn bị lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50000 cho toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam có sử dụng không ảnh hỗ trợ, Tổng cục Địa chất Liên Xô (trước đó là Bộ Địa chất và bảo vệ lòng đất Liên Xô) lập một đoàn chụp ảnh hàng không gồm 20 người, đội bay YL-14 có 14 người, ngoài ra còn thêm một đội đồ họa địa hình 30 người nữa để giúp cho họ. Để lập bản đồ địa hình, tổng cộng có 64 người được tuyển chọn từ bộ máy của Tổng cục Địa chất Liên bang Nga².

Trích báo cáo năm 1965: «Do tình hình chiến sự, việc chụp ảnh hàng không bị dừng lại trước khi chiến tranh kết thúc và nhóm chụp ảnh đã giải tán. Trên cơ sở nhóm này, một đội dưới mặt đất được thành lập, đội này đã tiến hành tìm kiếm có kết quả ở khu vực tây bắc dãy Phanxippan, phát hiện nhiều dị thường có hoạt tính cao»⁴.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 351. Tờ 3..

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 7. Hồ sơ 46. Tờ 177.

⁴ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 2. Tờ 123.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 406. Tờ 20, 26–28..

Khoan nhiều và có chất lượng...

Khi hồi tưởng lại thời kỳ giữa những năm 1950, nhà địa chất kỳ cựu Nguyễn Văn Chính viết về những thợ khoan Việt Nam đầu tiên thế này: «Cơ bản đây là những chiến sĩ vừa trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi rất vui vì tìm được mấy chiến sĩ công binh, ngay lập tức họ được coi là thợ khoan. Còn toàn bộ trang bị kỹ thuật của chúng tôi là vài chiếc máy khoan cổ lỗ sĩ»¹. Tình hình là như vậy, khi các kỹ sư và kỹ thuật viên Liên Xô chưa tới miền Bắc Việt Nam và những máy móc thăm dò địa chất mới nhất chưa tới, việc điều khiển chúng yêu cầu phải có những kiến thức nhất định về lý thuyết và thực tiễn.

Ngành khoan Việt Nam: những bước đi ban đầu

Đi tiên phong trong ngành khoan thăm dò ở Việt Nam là Đoàn khảo sát số 5 Bộ Địa chất Liên Xô, đoàn nhận được những dàn máy khoan ZIF đầu tiên ngày 30 tháng 12 năm 1955. Trước đó ở một số nơi có một số máy thủ công cổ lỗ sĩ, là những cái giá ba chân với những chòong khoan cực kỳ đơn giản. Khi máy khoan còn đang trên đường tới, ở các đội thuộc đoàn khảo sát đã tổ chức các buổi học lý thuyết sử dụng máy khoan sắp có, chuẩn bị sân bãi để dựng tháp khoan. Tháng 2 năm 1956 rotor đầu tiên bắt đầu quay ở Lào Cai. Để làm việc này, người Việt Nam và một số ít chuyên gia Liên Xô phải đưa chiếc máy khoan bẩy tấn tới chỗ làm việc theo một lộ trình không thể tưởng tượng được, hoàn toàn khuân vác bằng tay. Ở các tỉnh đang tìm kiếm than đá là Ninh Bình, Lạng Sơn và Quảng Ninh cũng bắt đầu khoan.

Lòng đất Việt Nam bắt đầu phát lộ những đặc điểm của mình. Mô lộ thiên ở Lào Cai lại phức tạp vì bởi đất đá xộp, và sau 17 ngày đầu đã khoan được 46 mét². Chúng tôi sốt ruột đếm từng mét khoan một, đến tháng 11 đã khoan được 1265 mét. Trong khi với phương pháp khoan đập bằng máy chỉ đi được 88 mét thì khoan tay lại đi được nhiều hơn — 617 mét. Ngày nay khi ở Việt Nam đã có những giếng khoan sâu hơn 5 nghìn mét thì những con số này quả là buồn cười, nhưng vinh quang sau này của thợ khoan Việt Nam lại bắt đầu từ những trăm mét đầu tiên ấy. Tính đến ngày 1 tháng 10 năm 1957, kế hoạch năm đã hoàn thành vượt mức — 168,2%.

Trong ngành khoan thấy rõ là thiếu trầm trọng công nhân trình độ cao.

***Trích báo cáo năm 1957 của trưởng Đoàn khảo sát số 5:** «Công tác khoan yêu cầu nhân lực trình độ cao, đây là điều căng thẳng nhất. Việc hoàn thành được chỉ tiêu năng suất khoan đã được gia tăng chỉ có thể làm được khi dựa vào chuyên gia Liên Xô là thợ khoan bậc cao và triển khai rộng rãi việc huấn luyện tại nơi sản xuất cho cán bộ công nhân Việt Nam»³.*

Trong năm 1957 chỉ riêng ở Lào Cai đã khoan được 31 giếng khoan nhỏ, ở đoàn khảo sát số 5 đã đào tạo được 16 thợ khoan thường dùng máy cơ khí (máy ZIF-300 và GP-1), 18 thợ khoan chính dùng máy diesel, 18 chuyên gia phục vụ khoan (vận hành động cơ điện, máy nổ, máy nén khí), 4 thợ cơ khí sửa chữa thiết bị khoan đào»⁴. Đây là những thợ khoan trình độ cao đầu tiên của Việt Nam, từ năm 1958 bắt đầu làm việc độc lập, sẵn sàng trợ giúp các cố vấn «chuyên gia Liên Xô» là thợ cả bậc cao trong những trường hợp phức tạp nhất.

Quá trình huấn luyện tại nơi sản xuất ở các đội có tổ khoan là thường xuyên. Ở Lào Cai năm 1958 đào tạo được 12 thợ khoan thường. Song song đó còn giúp nâng cao trình độ cho 6 thợ khoan, họ sẵn sàng làm công việc của thợ khoan trưởng. 22 người được dạy về động cơ diesel. Chẳng bao lâu Đoàn khảo sát số 5 đã đào tạo được 148 thợ khoan. Khóa tập huấn lý thuyết và thực hành gồm 450 giờ học⁵. Trong năm 1959 các chuyên gia Liên Xô đã đào tạo được 66 thợ khoan trưởng và 227 công nhân khoan⁶.

Đến cuối tháng 3 năm 1958, đoàn địa chất Lào Cai đã triển khai 4 máy khoan ZIF-300. Tuy nhiên nếu máy khoan đã làm việc hai năm vẫn còn chạy tốt thì toàn bộ động cơ, đó là 7 máy diesel KD-35 lại phải trung tu và đại tu. Thực tế cho thấy là nếu ít được học về khoan thì cần có dịch vụ sửa chữa tốt, bởi vì thiếu nó thì công việc của thợ khoan không trôi chảy được.

***Trích báo cáo của Trưởng đoàn Lào Cai A. F. Kalmykov:** «Trong thời gian báo cáo (quý I năm 1958-chú thích của tác giả) trong đoàn có 2 máy khoan không hoạt động một thời gian dài vì động cơ kém. Có 7 động cơ diesel thì đầu quý I đã gửi đi Hà Nội sửa chữa 4 chiếc, cho đến nay vẫn chưa chữa xong. Hiện nay, để đảm bảo hoàn thành kế hoạch thăm dò đã chuyển máy khoan sang sử dụng điện máy phát ZES-60 (hai máy phát điện). Một máy phát điện có thể đảm bảo cấp điện cho 3 máy khoan làm việc»⁷.*

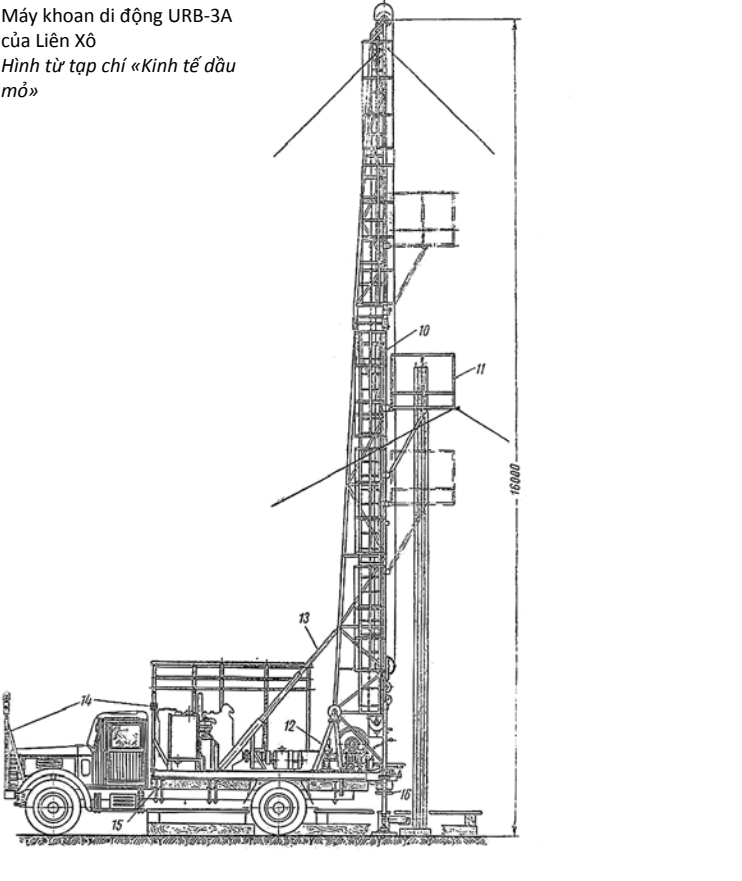
Máy khoan di động URB-3A của Liên Xô Hình từ tạp chí «Kinh tế dầu mỏ»



Khoan thủ công ở

Việt Nam. 1950

Ảnh của họa báo «Việt Nam»



Sau khi hoàn tất ký Hiệp định liên chính phủ Liên Xô-Việt Nam ngày 07/3/1959, khối lượng hỗ trợ kỹ thuật của Liên Xô cho miền Bắc Việt Nam tăng lên. Vào giữa năm 1959 Liên đoàn địa chất số 5 đã triển khai được 17 giàn khoan. Đối với số lượng máy móc như vậy, cần phải có cách thức cung ứng mạch lạc chặt chẽ hơn, còn trong vài năm đầu đã xảy ra chậm trễ trong việc cung cấp một vài loại thiết bị, vật tư tiêu hao, thiếu xe vận chuyển trang thiết bị, mà tại thời điểm đó ở Việt Nam chủ yếu là vận tải tư nhân¹. Tuy nhiên, theo thời gian, tình hình đã được cải thiện rất nhiều đến mức cảng Hải Phòng không kịp bốc dỡ thiết bị kỹ thuật và máy móc đến từ Liên Xô. Nhờ công việc được tổ chức mạch lạc và được cung cấp đủ vật tư nên năm 1960 đã hoàn thành kế hoạch tăng dự trữ tài nguyên khoáng sản, như tham tán kinh tế Đại sứ quán Liên Xô báo cáo, «tất cả các đoàn khảo sát địa chất có chuyên gia Liên Xô đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm về khoan và khai khoáng, đồng thời nâng cao được khối lượng công việc và năng suất lao động lên rất nhiều»².

Năm 1968 chính phủ Việt Nam DCCH quyết định tặng thưởng huy chương Hữu nghị cho kỹ sư khoan mỏ Vladimir Victorovich Soloviov, công tác từ 04/6/1957 đến 21/03/1958, thợ cả ngành khoan Yuri Serafimovich Tamoikin, công tác từ 08/3/1959 đến 22/7/1960»³.

Một số thợ khoan của Liên Xô và Trung Quốc đang làm việc tại mỏ than ở Ninh Bình, tháng 10 năm 1957. Ảnh của họa báo «Việt Nam»

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1713. Từ 275.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1753. Từ 35.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 1085. Từ 6–7.

Đơn vị khoan của Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH: trang thiết bị kỹ thuật và thành tích sản xuất

Một giai đoạn mới trong phát triển ngành khoan ở miền Bắc Việt Nam liên quan với công tác tổ chức Tổng cục Địa chất trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam DCCH trong năm 1960. Đến thời điểm đó, nền móng của ngành công nghiệp khoan đã được thiết lập: trong các đoàn địa chất đã có các đội khoan, sau một thời gian sẽ trở thành các phân xưởng khoan. Cán bộ Việt Nam đã thực hiện thành công các nhiệm vụ được giao. Trước hết đó là kỹ thuật khoan không sâu (đến 650 mét), khoan để thăm dò khoáng sản và khoan khảo sát địa hình trong xây dựng. Ở những đoàn «than» lớn là đoàn số 2 và số 9, chịu trách nhiệm chính về khoan, đã lập ra những xưởng sửa chữa có nhiệm vụ bổ khuyết cho các xưởng cơ khí lớn của Tổng cục Địa chất Việt Nam.

Những thiết bị khoan nào làm nên cơ sở ban đầu của Tổng cục Địa chất Việt Nam?

Tháng 3 năm 1949 tạp chí xô viết «Kinh tế dầu mỏ» thông tin cho giới đầu mỏ Liên Xô biết là Nhà máy chế tạo máy mang tên M. V. Frunze đã thử nghiệm một máy khoan mới dùng để khoan giếng kết cấu-tìm kiếm sâu đến 1200 mét, có thể khoan nghiêng ở góc độ tùy ý. «Máy ZIF-1200 — báo viết — có tốc độ vòng quay rotor khá lớn, có khả năng thao tác nâng-hạ ở tốc độ cao, điều chỉnh chính xác áp suất ở đáy lỗ khoan và cung cấp đủ lượng nước, và do đó hoàn toàn thích hợp cho chế độ khoan tăng cường». <...> Kết quả thử nghiệm cho thấy tính ổn định trong hoạt động của máy, tốc độ đi lò nhanh và nhiều ưu thế khác. Đã có kế hoạch sản xuất hàng loạt theo serie loại máy khoan này⁴.

Dòng máy khoan xoay ZIF (nhà máy Frunze) — ZIF-300, ZIF650A và ZIF-1200A đã thay thế cho những máy khoan già cỗi KAM-300 và KAM-500 được sản xuất từ những năm 1930 trên cơ sở của máy hãng Krelius Thụy Điển. Mặc dù gần đây loại máy cũ này vẫn được dùng ở Liên Xô nhưng Liên Xô không cung cấp sang Việt Nam. Dòng máy khoan ZIF đã có những đóng góp to lớn trong việc tìm kiếm dầu khí ở miền Bắc Việt Nam và vào việc lập ra trường đào tạo về chuyên ngành khoan của đất nước này. Chúng chả là gì bên những máy khoan hiện đại khoan sâu đến ba, bốn, thậm chí năm nghìn mét, nhưng chính những máy khoan công suất thấp này làm nên cơ sở ban đầu cho ngành khoan mỏ Việt Nam. Những thợ khoan đầu tiên của Việt Nam được học trên chính những chiếc máy đó. Chính những máy khoan này đã khoan những lỗ khoan nổ mìn, tìm kiếm và lỗ khoan kết cấu để tìm kiếm dầu khí ở miền Bắc Việt Nam.

Những máy khoan của Liên Xô và Trung Quốc lập nên cơ sở vật chất — kỹ thuật ở Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH. Nếu như vào ngày 1 tháng giêng năm 196154 máy khoan được đưa vào khai thác, trong đó có 38 máy Liên Xô, thì sau 5 năm, đến 1 tháng giêng năm 1966 đã có 111 máy, trong đó 96 máy Liên Xô sản xuất và 15 máy Trung Quốc nhãn hiệu cũ KAM-500 và KA2M-300⁵. Năm 1965 Liên Xô cung cấp 80% cơ sở vật chất kỹ thuật của Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCH². Năm 1968 có nhập một vài máy khoan của Rumanì, nhưng các chuyên gia Rumanì không có gan đến miền Bắc Việt Nam đang có chiến tranh, thành ra chuyên gia kỹ thuật Liên Xô lại giúp khai thác những máy này.

^[1] Thế Tục. Tính lãng mạn của công tác thăm dò địa chất // Báo ảnh Việt Nam. 1985. Số 6. Tr. 6.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 45. Từ 121.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1678. Từ 60.

Ngày 10 tháng 7 năm 1967 hai nước tiếp tục ký kết một hiệp định Xô — Việt nữa. Cũng ngày hôm đó trong khuôn khổ những thỏa thuận đạt được giữa Ủy ban kinh tế đối ngoại Liên Xô và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam DCCCH, đã ký kết «Nghị định thư thỏa thuận các chuyên ngành, nghề nghiệp và thời hạn học tập của công dân Việt Nam ở Liên Xô», theo đó Việt Nam đã gửi đến các trường công nhân kỹ thuật dạy nghề Liên Xô 75 người để học các chuyên ngành sau: «trợ lý thợ khoan trưởng», «thợ sửa chữa máy khoan và máy đào lò», «thợ đứng máy khoan». Song song với đó là 12 người được gửi đi học ở các nhà máy xí nghiệp của Bộ Địa chất Liên Xô: học về máy ZIF-1200 — một học quản đốc, hai thợ khoan chính, học về máy VITR-2000 — một quản đốc, một thợ khoan trưởng, một thợ cơ khí, một chuyên gia vữa sét và vữa xi măng. Trong khi chuẩn bị khoan sâu để tìm dầu khí, chính phủ Việt Nam DCCCH quyết định gửi đến các nhà máy xí nghiệp thuộc Bộ Khai thác dầu mỏ Liên Xô một đội nhỏ để học về máy khoan Uralmash-3D¹.

Thời gian này ở Việt Nam các thợ khoan bậc cao của Liên Xô được biên chế về từng giếng khoan với tư cách cố vấn. Cách dạy học như vậy đã cho phép các đội khoan nắm được những phương pháp khoan mới, phương pháp khắc phục sự cố, tránh tình trạng lệch lỗ khoan v. v, điều đó tác động tích cực đến việc nâng cao trình độ và năng lực sản xuất trong khoan mỏ nói chung. Lãnh đạo Tổng cục Địa chất và các đoàn, đội khảo sát đều nhận định đó là phương pháp đào tạo khá hiệu quả.

Trích báo cáo năm 1971 của trưởng đoàn địa chất Liên Xô ở Việt Nam A. S. Trofimov: «Có 38 người được đào tạo theo chương trình học ba năm ở Liên Xô và thực hành làm việc ở Việt Nam. Có 56 người đã qua thực hành về khoan dầu, sẽ gửi đi Trung Quốc 112 người và đi Rumani 56 người cùng với mục đích đó. Bắt đầu từ năm 1966 có 1220 người tốt nghiệp các trường đại học và trung cấp Hà Nội, trong số đó có 60 kỹ sư khoan mỏ. Kế hoạch đào tạo dự kiến cử 2 kỹ sư khoan mỏ đi làm thực tập sinh ở Algeria <...> Các chuyên gia Việt Nam có thể tự mình thực hiện các giếng khoan ít phức tạp. Các giếng khoan khó mức trung bình và khó hơn cần có chuyên gia Liên Xô tham gia»².

Đến năm 1972 ngành Địa chất Việt nam được coi là có đủ thợ khoan, trong đó có 9 kỹ sư khoan mỏ tốt nghiệp ở Liên Xô và một người học ở Trung Quốc.



Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Các chuyên gia — cố vấn về khoan của Liên Xô ở Việt Nam

Việc người Việt Nam nắm được kỹ thuật khoan nông cho phép giảm số lượng chuyên gia Liên Xô ở Việt Nam và thay đổi tính chất công việc của họ. Từ năm 1960 chuyên gia Liên Xô giám sát chung, giúp tổ chức toàn bộ chu trình công việc: từ xây dựng giếng khoan đến sửa chữa máy móc và tất nhiên là làm cố vấn trong những trường hợp phức tạp nhất.

Theo hợp đồng địa chất lớn đầu tiên số 9431 ký ngày 07/4/1959, ở miền Bắc Việt Nam chỉ có một kỹ sư Liên Xô về khoan mỏ, hai kỹ thuật viên về khoan và hai thợ khoan thay thế. Hợp đồng tiếp theo số 389 ngày 27/3/1961 chỉ có một kỹ sư làm cố vấn cho bộ phận kỹ thuật Tổng cục Địa chất Việt Nam, một kỹ thuật viên về khoan và ba thợ khoan chính³.

Từ năm 1962 đoàn tìm kiếm dầu mỏ số 36 bắt đầu khoan những giếng khoan nhỏ, đoàn bắt đầu các hoạt động khảo sát địa chấn ở vùng đồng bằng sông Hồng. Vì địa bàn dân cư đông đúc, công việc kiểu «trên cạn» lại phải nổ mìn nên gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ, từ năm sau thì bắt đầu làm theo kiểu «dưới nước» theo lòng sông. Để làm việc này thì một máy khoan được lắp đặt trên thuyền. Trong nửa đầu năm 1963 đã khoan được 1000 giếng khoan nhỏ tổng cộng khoan hơn 6400 mét. Người Việt Nam tự khoan những giếng này⁴.

Trong những năm 1962–1963, kỹ sư trưởng, cố vấn về khoan E. V. Chernysevich phụ trách một tổ thợ khoan Liên Xô gồm những thợ khoan nhiều kinh nghiệm. Chịu trách nhiệm giúp đỡ kỹ thuật là D. P. Zavadski (đoàn số 3, số 23 và đoàn tìm dầu số 36), A. G. Kovalev (đoàn số 33), M. M. Vizir (đoàn số 9), và N. S. Ustinov (đoàn số 12)⁵. Thống kê sản xuất cho thấy các đoàn có chuyên gia Liên Xô làm việc tốt hơn các đoàn khác⁶.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 6. Hồ sơ 135. Tờ 8, 9, 13.

⁴ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1798. Tờ 156–157.

⁵ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1798. Tờ 168.

⁶ Kế hoạch khoan đào lấy mẫu chung 6 tháng đầu năm 1962 do Tổng cục Địa chất Việt Nam đề ra là 32.500 mét dài, trong đó 20.900 mét do các đoàn có chuyên gia Liên Xô đảm nhiệm. Trên thực tế đã khoan được 22.216,2 mét dài. Tốc độ khoan thương mại trong các đoàn có chuyên gia Liên Xô là 106,4 m/máy/tháng, trong khi tốc độ trung bình là 91,28 mét dài/máy/tháng (Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777, Tờ 277).

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1083. Tờ 1, 3, 38. 40–41.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 769. Tờ 133.



Phòng thí nghiệm ở Đại học Bách khoa Hà Nội.
RIA «Novosti»



Trong Đại học Bách khoa Hà Nội.
RIA «Novosti»

Trích báo cáo 6 tháng đầu năm 1962 của trưởng đoàn địa chất Liên Xô ở Việt Nam: «Đồng chí E. V. Chernysevich giúp đỡ phương pháp cho các nhân viên của phòng kỹ thuật khảo sát và phòng kế hoạch sản xuất của các đoàn. Đồng chí Zavadski thường xuyên công tác ở đoàn 12 Đam Đung, và từ tháng 4 chuyển sang đoàn 14 Cao Bằng, ở đó đồng chí tổ chức việc khoan đập bằng máy ở mỏ thiếc. Do điều kiện phức tạp nên có khả năng tạm thời để các đồng chí Nikitenko và Kovalev làm việc tại các đoàn thăm dò địa chất. Đồng chí Nikitenco được biên chế ở các đoàn quặng sắt số 8 và 38, đồng chí Kovalev ở đoàn than số 33 (Mạo Khê). Việc này giúp ích nhiều cho công việc vì các đoàn 33 và 38 vừa trải qua giai đoạn tổ chức. <...> Các chuyên gia khoan Liên Xô coi nhiệm vụ chính của mình là cải thiện toàn diện công tác tổ chức quản lý và chất lượng công tác khoan. Theo các khuyến nghị của chúng ta, nhiều biện pháp tổ chức và kỹ thuật đã được thực hiện, điều này cho phép gia tăng tỷ lệ thời gian khoan thuần túy và năng suất tháng trên mỗi máy»¹

Đúng ra G. P. Nikitenko và A. G. Kovalev sang để công tác tại các nhóm khảo sát địa chấn thuộc đoàn tìm kiếm dầu mỏ số 36 (chuyên môn của họ là khoan nổ), song trong lúc mặt bằng công việc dành cho họ còn đang chuẩn bị thì cáccán bộ kỹ thuật Liên Xô giúp đỡ những đoàn khác.

Đồng chí Zavadski

Trích phát biểu tại cuộc họp chuyên gia Liên Xô tháng 4/1964 của đồng chí Nguyễn Văn Long, Vụ trưởng Vụ chuyên gia nước ngoài trực thuộc Văn phòng Thủ tướng VNDCCH: «Nhiều chuyên gia địa chất Liên Xô hàng ngày phải đi bộ vượt núi băng rừng nhưng vẫn phấn khởi thực hiện nhiệm vụ của mình, hơn nữa còn dành sức lực giúp đỡ các cán bộ và công nhân Việt Nam hoàn thành công việc của họ. Tôi lấy ví dụ: đồng chí zavadskiy chuyên gia khoan trong 3 năm ở Việt Nam đã công tác ở nhiều đoàn thăm dò địa chất khác nhau, luôn luôn rất nhiệt tình hoàn thành nhiệm vụ đặt ra; có những khi gặp trục trặc trong khi khoan đồng chí bám trụ tại hiện trường quên cả ăn trưa ăn tối, mọi người đem đồ ăn ra cho đồng chí tại nơi làm việc để đồng chí đỡ mất thời gian, có thể tập trung giúp đỡ cán bộ công nhân Việt Nam trong công việc»².

Đồng chí Zavadski

Giai đoạn năm 1964–1965 theo nguyện vọng của phía Việt Nam để thwcvj hiện chính sách «đưa vào nội lực», số lượng chuyên gia cố vấn ngành khoan đã giảm bớt tuy lãnh đạo nhóm chuyên gia địa chất Liên Xô kiên quyết phản đối.

Trích báo cáo năm 1965 của Trưởng đoàn chuyên gia địa chất Liên Xô tại VNDCCH N. I. Lavrik: «Điều hết sức quan trọng để nâng cao hiệu quả viện trợ của chúng ta là cần phải cải thiện việc sử dụng các thiết bị của Liên Xô và trên hết là nâng cao năng suất khoan, đặc biệt là năng suất máy khoan ZIF-650, hiện nói chung năng suất của nó không thể vượt mức trung bình 35–40 mét khoan một máy mỗi tháng. Để có thể khắc phục tình trạng không thể chấp nhận này chúng tôi thấy chỉ còn cách mời thợ khoan Liên Xô đến tất cả những đội quản lý lớn nhất (tối thiểu là 10–15 người), để trong vòng từ 6–12 tháng có thể hướng dẫn thợ khoan Việt Nam thông qua việc trực tiếp đứng máy và hướng dẫn sử dụng các phương tiện máy móc kỹ thuật của Liên Xô một cách tiết kiệm và hiệu quả, Chúng tôi đã đặt vấn đề này với lãnh đạo Việt Nam và Ủy ban Hợp tác kinh tế nhà nước, đồng thời đề nghị Bộ Địa chất Liên Xô tích cực ủng hộ giải pháp này»³.

Đồng chí Zavadski

Từ năm 1966 tình hình đã được cải thiện. Tham gia khoan ban đầu có từ 10–12, sau rút bớt còn 7–8 kỹ sư khoan Liên Xô mỗi ngày. Nhóm chuyên gia khoan do cố vấn chánh kỹ sư đứng đầu, đồng chí này thường xuyên có mặt ở Phòng kỹ thuật Tổng cục địa chất Việt Nam tại Hà Nội và chỉ đi công tác xuống các đoàn khi cần thiết. Sau đồng chí E. V. Chernyshevich, đảm nhiệm chức vụ này năm 1964–1965 là đồng chí V. V. Shimanovskiy, năm 1968–1969 là đồng chí M. A. Ustinov, năm 1969 người thay thế là đồng chí F. I. Marenko, năm 1971 — đồng chí K. L. Romanko.

Trích nhật ký của đồng chí V. V. Shimanovskiy, cố vấn chánh kỹ sư, ngày 25/12/1966: «Lại tới giếng khoan. Hôm nay nhất định phải kết thúc việc hạ ống. Nếu không sau đợt giội bom cuối cùng ở đây phải mất gần hai tháng để khôi phục hoạt động của thiết bị. <...> Đợt 7 giờ sáng bỗng thấy anh thợ cả chạy đến, bối rối nhìn tôi và nói rất nhanh điều gì đó, tay chỉ về phía giếng khoan.

Tim tôi như bị giạt tung ra. Tôi chạy tới hố khoan — đúng là có chuyện: đai ống nằm đó, còn ống khoan thì bị thả chiu chiu xuống hố khoan cùng với tiếng huýt sáo. Tôi suýt nổ bung ra vì giận dữ: tất cả chỉ còn đầu 9 ống trên bờ. Nhưng khi nhìn vào những khuôn mặt sợ hãi của tốp thợ khoan thì tất cả nỗi giận dữ tan biến đầu mất: cậu thợ lớn nhất trông chỉ chừng 17 tuổi. Tôi quyết định cho hạ những ống còn lại xuống cùng với đai dẫn hướng và cố nối chúng với những ống đã được đưa xuống hố sâu từ trước. Khuân vác suốt cả đêm. Rồi cuối cùng cũng nối được tất cả chỗ ống ấy...»⁴.

Cấp độ tiếp theo là các cố vấn — kỹ sư trưởng, những người đã làm việc tại các liên đoàn địa chất vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970: D. I Yudin, V. Ya Golikov, L. I. Kirpichnikov, N. F. Korneev, A. I. Dushin, Yu. B. Lebedev, và những người khác.

Trong mỗi đoàn địa chất đều có các thợ khoan cao cấp (kỹ thuật viên), những người phải chịu trách nhiệm chính về cố vấn, bởi vì giống như ngoài tiền tuyến, họ phải kiểm tra trực tiếp công việc khoan. Có thể kể tên các cán bộ kỹ thuật chuyên ngành khoan Liên Xô làm việc tại Việt Nam vào những năm 1960 — đầu những năm 1970 mà chúng tôi đã thống kê được: Yu. F. Altukhov, V. N. Varchenko, V. N. Dzyuba, V. A. Zhuravlev, V. A. Kalnitsky, I. I. Kovalenko, V. I. Korban, V. A. Kolesnik, N. S. Miroshkin, V. N. Ratman, V. M. Skorodinskiy, V. V. Spritutskiy, I. M. Fedenko, I. M. Fursa.

Đồng chí Zavadski

Trích báo cáo công tác năm 1968 của trưởng đoàn địa chất Liên Xô tại Việt Nam Yu. P. Rasskazov: «Trong tháng 9 năm 1968 đã có 5 kỹ thuật viên trưởng về khoan sang thay thế các đồng chí đã về nước. Theo đề nghị của phía Liên Xô, lãnh đạo Tổng cục Địa chất đã quyết định cử các cán bộ kỹ thuật mới sang đến các đội khoan làm việc với vai trò chuyên gia cố vấn kỹ thuật về khoan. Họ được đưa đến các liên đoàn địa chất số 2, 9, 36 để làm việc tại những giếng quan trọng nhất. Bên cạnh mỗi chuyên gia Liên Xô, phía Việt Nam cử một thợ cả trong số những chuyên gia giàu kinh nghiệm nhất cùng làm việc song song. Nhiệm vụ của các chuyên gia kỹ thuật Liên Xô là trực tiếp hỗ trợ cụ thể tất cả các vấn đề kỹ thuật liên quan đến khoan giếng, thực hiện giám sát liên tục tình trạng hệ thống dây điện nối xuống giếng khoan. Ngoài ra, họ còn có trách nhiệm tích cực tham gia các cuộc họp kỹ thuật sản xuất tại tổ đội của mình, hỗ trợ xây dựng thiết kế kỹ thuật và các giải pháp kỹ thuật địa chất cho công tác khoan giếng, thực hiện hướng dẫn lý thuyết và thực hành cho các chuyên gia Việt Nam. <...>

Các chuyên gia khoan của Liên Xô đã làm được rất nhiều công việc. Theo kiến nghị và ý kiến tư vấn của họ tại các tổ đội đã áp dụng kết cấu lỗ khoan đã được đơn giản hóa, sử dụng ống khoan gia trọng, khoan không lấy mẫu bằng đầu khoan ba chớp xoay, khoan bằng nước, những biện pháp mới loại trừ sự cố, khắc phục tình trạng lệch lỗ khoan tại Liên đoàn địa chất số 2. <...> Các lớp thực hành được tổ chức mỗi tuần một lần ngay tại các giếng. chủ đề đào tạo bao gồm những vấn đề thực tiễn cụ thể về công nghệ và kỹ thuật khoan, thiết bị, vận hành và bảo trì các thiết bị, kỹ thuật an toàn. Trong những giờ học đó phân tích tất cả những thiếu sót xảy ra trong tuần, những người thợ khoan Việt Nam được hướng dẫn các phương pháp thi công chính xác và các kỹ năng trong công việc. Trong thời gian nói trên các chuyên gia Liên Xô đã thực hiện 184 giờ đào tạo thực hành. <...>

Đồng chí Zavadski

Tất cả mọi công việc đều được liên hệ chặt chẽ với các chuyên gia Việt Nam. Theo đề nghị của các chuyên gia Liên Xô, kết quả công việc thực hiện được thảo luận hàng tháng với lãnh đạo trường công nhân kỹ thuật. Tại các cuộc họp này mọi người tổng kết kết quả công tác trong tháng, nhận xét những thiếu sót, đưa ra lời khuyên và gợi ý. Lãnh đạo trường công nhân kỹ thuật nghiêm túc lưu ý đến các khuyến nghị, gợi ý và nhận xét của các chuyên gia Liên Xô. Nhưng thật tiếc là việc thực hiện các khuyến nghị vẫn còn rất chậm. Vấn đề là ở chỗ các kỹ sư lãnh đạo trường CNKT không có quyền chỉ thị và phân công khi đến thăm các tổ đội sản xuất mà chỉ có thể tư vấn và thuyết phục. Các kỹ sư Việt Nam làm việc trực tiếp với các chuyên gia của Liên Xô cũng không có những quyền này. Tất cả các mối quan hệ sản xuất không được xây dựng dựa trên sự tuân thủ nghiêm ngặt về kỷ luật lao động và công nghệ, mà là tư vấn và thuyết phục. Điều này đặc biệt khó khăn cho công việc của các chuyên gia là thợ cả về khoan của Liên Xô. Rất nhiều lần những khuyến nghị cụ thể, những ý kiến chỉ đạo và tư vấn kinh doanh của họ không được áp dụng làm cơ sở, mà lại trở thành chủ đề cho những cuộc bàn luận sôi nổi trong giới kỹ sư trường CNKT, thợ cả và trưởng ca khoan, gây ra rất nhiều tranh cãi và ý kiến phản đối bất hợp lý. Các chuyên gia Việt Nam không chú trọng đến kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn phong phú của các đồng chí chuyên gia, những người đến từ đất nước Liên Xô, nơi họ vừa trực tiếp đứng máy và làm việc trong những điều kiện địa chất còn khó khăn phức tạp hơn. Phải mất rất nhiều thời gian và công sức để có thể chứng minh và thuyết phục họ»¹.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1777. Tờ 273–274.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2. Hồ sơ 1830. Tờ 24..

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 2. Tờ 168..

^[4] Shimanovskiy V. V. Nhà địa chất trong chiến tranh. Tr 193–194

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Tờ 306, 312–313.



Những hộp mẫu — thông tin địa chất giá trị.
Ảnh tư liệu của E. V. Golota



Công nhân phía trên hố khoan — «Báo ảnh Việt Nam»

Tình hình công việc khoan thăm dò ở Tổng cục Địa chất Việt Nam nửa cuối thập niên 1960 tương đối đáng lo ngại. Việc khoan thăm dò ở Việt Nam bị mắc «căn bệnh tăng trưởng». Mặc dù đạt được một số chỉ tiêu tăng trưởng năng suất, cán cân thời gian thi công được cải thiện (trọng quan thời gian giữa thi công, sự cố và đình trệ do công tác tổ chức), nhưng trong một thời gian dài không hoàn thành được bất kỳ chỉ tiêu kế hoạch nào. Ở đây dĩ nhiên có những nguyên nhân khách quan: khó khăn do chiến tranh, điều kiện khí hậu và thời tiết khắc nghiệt, trình độ đào tạo cán bộ chưa cao, gặp phải những khó khăn nghiêm trọng trong việc cung ứng thiết bị, vật tư, dụng cụ và thiếu phương tiện vận tải. Tuy nhiên nguyên nhân chính của tình trạng này ở đây lại hoàn toàn khác: đó là công tác tổ chức công việc khoan thăm dò cực kỳ kém, kỷ luật lao động và kỷ luật công nghệ trong các đội khoan yếu kém, các kỹ sư cán bộ kỹ thuật trong tổ đội thiếu tính chủ động và sáng kiến khi giải quyết vấn đề tổ chức công việc, không có sự quan tâm về vật chất, sự cào bằng trong việc trả lương lao động (mãi tới năm 1971 sau khi các cố vấn Liên Xô kiên trì đề xuất mới áp dụng chế độ khoán lương thưởng cho người lao động tại các đội khoan).

Ở Liên Xô dành rất nhiều thời gian để kiểm tra việc tổ chức các đội khoan, nâng cao động lực và trách nhiệm của người lao động, điều hòa mọi mắt xích liên kết nhau trong chuỗi sản xuất, còn trong thời kỳ Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại thì tại hiện trường bãi khoan luôn nêu cao kỷ luật sắt và yêu cầu phục tùng chỉ huy. Trong điều kiện của miền Bắc Việt Nam, mọi hướng dẫn đều phải qua các cấp lãnh đạo tổ chức Đảng, đoàn đội sản xuất, các cấp quản lý, trong khi sáng kiến cá nhân và trách nhiệm của người kỹ sư tại hiện trường lại bị xếp ở hàng cuối cùng. Các chuyên gia Liên Xô nhận xét như sau: «Kỹ sư và cán bộ kỹ thuật không có nhận thức rõ ràng về quyền và trách nhiệm của họ. Họ không thể chỉ thị và yêu cầu thực hiện nghiêm chỉnh những hướng dẫn, chỉ thị của họ, mà chỉ có thể khuyên giải, thuyết phục và xác nhận những khiếm khuyết thiếu sót đó. Mỗi liên hệ sản xuất giữa các đơn vị quản lý và các đoàn, đội thăm dò rất yếu. Trong công việc luôn để xảy ra tình trạng vô trách nhiệm và rối tinh lên, có xu hướng không trực tiếp làm việc mà hay họp hành, tán chuyện một cách vô bổ, ngụy biện đổ tất cả những thiếu sót và khiếm khuyết trong công việc cho «những khó khăn» thời chiến»¹.

Ở Liên Xô trong khi xảy ra tình trạng ngừng việc thì đội khoan nhằm đảm bảo để thiết bị có thể hoạt động liên tục, sẽ cố gắng thực hiện công tác kiểm tra và sửa chữa định kỳ, kết hợp đồng thời làm nhiều việc (ví dụ, vừa khoan vừa trộn vữa sét). Song ở Việt Nam chưa làm được như vậy. Ngoài ra, công nhân trong đội thường thiếu hiểu biết về máy móc thiết bị, khiến có khi chỉ vì trục trục nhỏ mà dẫn đến thời gian đình trệ thi công rất dài. Vai trò của thợ cả trong đội khoan về tổ chức công việc, cung ứng và quản lý kỹ thuật rõ ràng là chưa đạt yêu cầu. Vấn đề loại bỏ vai trò đó khỏi ca làm việc mãi vẫn không quyết định được, trong khi trên thực tế trong ca máy anh này lại không thể thực hiện được việc liên tục giám sát tình hình hố khoan².

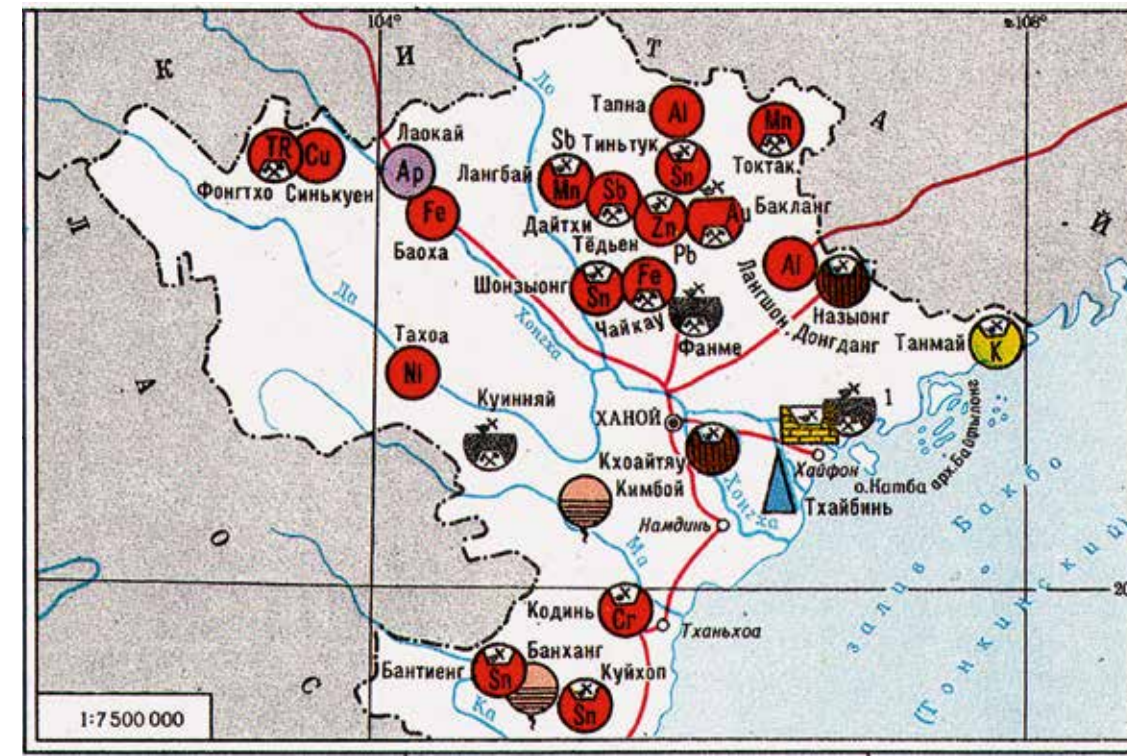
Trích báo cáo của trưởng đoàn địa chất Liên Xô tại Việt Nam Yu. P Rasskazov cho năm 1968: «Mặc dù vẫn có những thiếu sót xảy ra trong quá trình làm việc, nhưng nhìn chung việc để các kỹ thuật viên trưởng chuyên ngành khoan của Liên Xô làm việc tại công trường với tư cách là thợ cả — chuyên gia cố vấn, đã tỏ ra là đúng đắn. Phía Việt Nam cũng nhất trí với nhận định này, ghi nhận sự cải thiện trong việc sử dụng các chuyên gia của Liên Xô và tăng cường mối liên hệ sản xuất với các đồng chí Việt Nam.

Nói chung, phía Việt Nam đánh giá cao công việc của tất cả các chuyên gia trong lĩnh vực khoan, nêu bật kiến thức và kinh nghiệm phong phú của các chuyên gia, cũng như sự tham gia tích cực của họ trong sản xuất, tinh thần sẵn sàng và chủ động hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các đồng nghiệp Việt Nam bất kể thời gian»³.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Từ 301.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Từ 298–299, 300.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Từ 316–317



Bản đồ khoáng sản miền Bắc Việt Nam — kết quả công việc của các nhà địa chất

* * *

Vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, với trữ lượng khoáng sản đáng kể dưới lòng đất, nhờ sự hỗ trợ to lớn của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở thành nước được thăm dò nghiên cứu nhiều nhất ở Đông Nam Á. Các mỏ than, quặng sắt và quặng đồng, thiếc, apatit được đưa vào khai thác, đóng vai trò là nguồn tài nguyên khoáng sản cung cấp cho ngành công nghiệp nặng, giúp bổ sung đáng kể dự trữ ngoại tệ của đất nước khi được xuất khẩu.

Công tác thăm dò khoáng sản đòi hỏi phải thành lập và phát triển một ngành địa chất mạnh ở miền Bắc Việt nam. Sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này đã tạo điều kiện giúp Việt Nam có được những phương tiện kỹ thuật mới nhất, trước hết là máy móc khoan đào, thiết bị linh kiện địa vật lý, thiết bị thủy lực và nhiều loại thiết bị vật tư khác, cũng như học và vận dụng được kinh nghiệm của các kỹ sư Liên Xô, học trực tiếp ngay tại hiện trường

cũng như được họ hướng dẫn và giảng dạy. Sự tồn tại của Tổng cục Địa chất VNDCCH khó có thể thành hiện thực được nếu không hình thành được đội ngũ cán bộ nòng cốt — là các cán bộ đo vẽ địa chất, chụp ảnh địa hình, địa vật lý, thợ khoan, những người trong những thập kỷ đầu tiên đã cùng chung sức «vẽ nên» bản đồ địa chất của đất nước Việt Nam.

Cũng nên ghi nhớ rằng chính tại Tổng cục địa chất VNDCCH ngành địa chất dầu khí đã bước đi những bước đầu tiên. Đội ngũ cán bộ được đào tạo để thăm dò khoáng sản, trước hết là các loại khoáng sản cứng, đã tham gia việc tìm kiếm dầu mỏ. Việc trao đổi kinh nghiệm, trao đổi cán bộ giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Địa chất không những tạo điều kiện thuận lợi để hiểu rõ và thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ đầu tiên, mà còn củng cố ngày càng vững chắc hơn quyết tâm chính trị của lãnh đạo đất nước khai phá những mỏ dầu khí với trữ lượng lớn.

Bí ẩn của vùng trũng Hà Nội

Nếu chiếc nôi hành chính và nhân sự của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam là Tổng cục Địa chất nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì về mặt địa lý nó bắt nguồn ở đồng bằng sông Hồng, mạch nước chính của miền Bắc Việt Nam, dòng chảy từ tây-bắc đến đông-nam trên phần đất liền của đất nước, đến Vịnh Bắc Bộ (có tên gọi khác là Tonkin Gult). Hai vành đai kiến tạo — Địa Trung Hải và Thái Bình Dương, hai nền tảng địa chất cổ xưa — Trung Hoa và Trung Đông Dương hợp lại dưới dòng chảy và vùng châu thổ của con sông này, tạo thành đường cong vồng rộng của nền móng, giống như chiếc bánh chia cắt bởi một vài nhát gậy sâu. Trải qua hàng chục triệu năm trầm tích tự nhiên bao phủ nó bằng tấm mạng dày 4 km và những gì ẩn giấu bên dưới nó thì chỉ có Trời biết.

Địa hình yên bình, đất đai màu mỡ và phì nhiêu, độ ẩm dồi dào, khí hậu thuận lợi đã biến vùng đồng bằng sông Hồng thành vựa lúa gạo của miền Bắc Việt Nam. Đó là trung tâm của khu vực lịch sử xứ Bắc Kỳ. Hình tam giác khổng lồ giữa Hà Nội, Ninh Bình và Hải Phòng đã và vẫn là phần tập trung đông dân nhất của đất nước.

Trong giai đoạn những năm 1960–1980 tại các tỉnh đồng bằng Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, chia cắt bởi sông, ngòi và hệ thống kênh, đập và đường giao thông, đã phát triển trận chiến đấu đích thực vì dầu mỏ Việt Nam.

Khúc dạo đầu kiếm tìm dầu mỏ

Vào cuối năm 1958, có hai người gặp nhau ở Hà Nội: một người Nga và một người Việt. Người Nga chừng ngoài năm mươi một chút, còn người thứ hai có lẽ chỉ vừa tròn đôi mươi. Bất chấp sự chênh lệch tuổi tác và rào cản ngôn ngữ, họ nhanh chóng tìm được tiếng nói chung, bởi vì giữa họ có nhiều điểm tương hợp. Hơn bất cứ ai khác, nhà địa chất Liên Xô Nikolai Gryaznov Kensorionovich vô cùng mong mỏi sẽ có thể hiểu được nguyện vọng và sự nỗ lực của Nhà nước non trẻ mới giành độc lập và những người thanh niên yêu nước Việt Nam, bởi chính bản thân ông khi nào đó từng là chàng trai trẻ măng tham gia vào sự nghiệp xây dựng «Nhà nước công nông». Trên thực tế, người Việt Nam bên cạnh ông đã gần 30 tuổi, vừa tốt nghiệp đại học ở Paris và thu nhận được một số kinh nghiệm làm việc. Tên anh là Lê Văn Cự. Ở tuổi 21, ông Lê Văn Cự gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1954, trong quá trình Hội nghị Geneva để kết thúc kháng chiến chống Pháp ông đã có dịp gặp gỡ người đứng đầu phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng. Khi Bộ trưởng phát hiện ra rằng anh sinh viên- đảng viên Cộng sản người Việt này đang học ngành địa chất, ông Phạm Văn Đồng đã khuyên Lê Văn Cự nhất định nên nghiên cứu địa chất dầu mỏ và khí đốt¹. Vào thời điểm đó, các nhà khoa học Pháp là những chuyên gia thông thạo nhất về lòng đất Đông Dương, và vì thế Lê Văn Cự đã có cơ hội làm quen với những thành tựu mới mẻ nhất trong lĩnh vực này. Kể từ tháng 9 năm 1955, ông Lê Văn Cự về làm việc trong Văn phòng địa chất của Bộ Công nghiệp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trước cả hai nhân vật này, Nhà nước Việt Nam đặt ra nhiệm vụ — tổ chức tìm kiếm dầu!

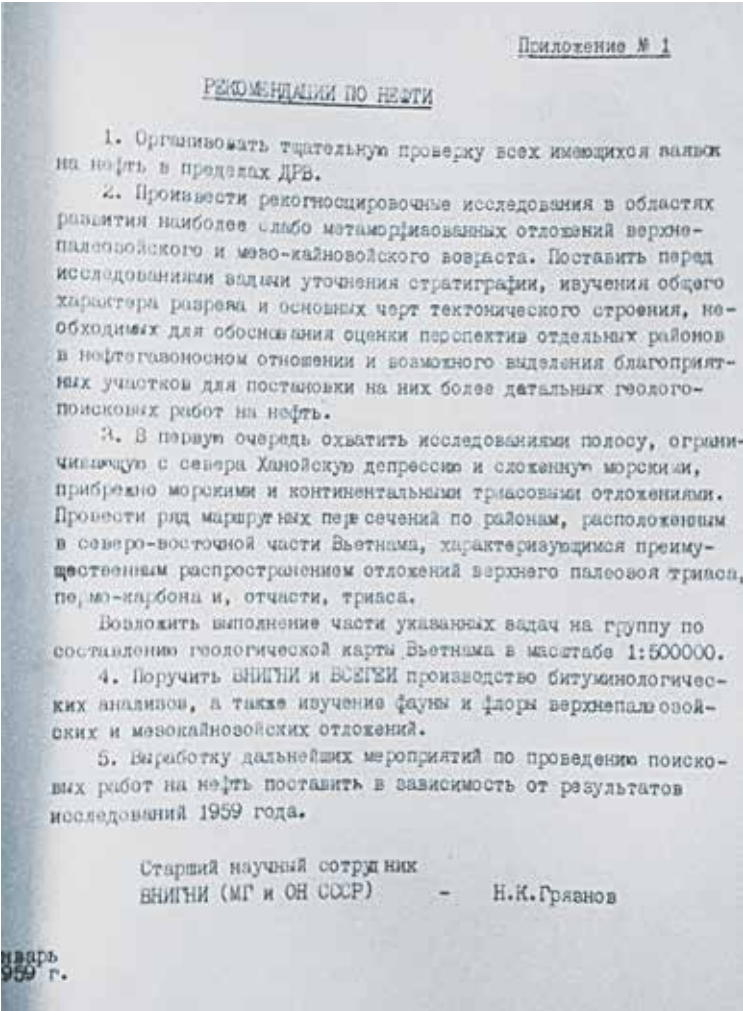
Ông Lê Văn Cự, nhà địa chất đầu tiên của Việt Nam

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Sứ mệnh của nhà địa chất Gryaznov và đồng chí Lê Văn Cự

Bất kể sẵn có một số dữ liệu địa chất nhất định, cho tới lúc bắt đầu công tác thăm dò dầu khí của lãnh thổ miền Bắc Việt Nam vẫn là một điểm trắng lớn. Công tác đó khởi đầu với việc nghiên cứu các tài liệu của Cục Địa chất Đông Dương (phần mà người Pháp không kịp mang theo). Công việc đầu tiên của N. K. Gryaznov, Lê Văn Cự và một nhà địa chất trẻ tuổi khác là Trần Văn Trí vùi vào giấy tờ. Họ đã dịch xong nhanh chóng. Không có nhiều thời gian, do đó, các nhà địa chất tập trung vào việc tìm kiếm thông tin về lối ra của dầu trên bề mặt. Nhiệm vụ cơ bản là chuẩn bị các khuyến nghị sơ bộ để đánh giá triển vọng tiềm năng dầu khí của lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dành cho công việc này, cần tầm bao quát chung, khả năng tập hợp so sánh hàng loạt sự kiện — đã biết đến và giả thiết — và đưa chúng đến một số mẫu chung nào đó.

Đến cuối năm 1958, nhóm Xô-Việt đã thực hiện hai lộ trình nghiên cứu nhỏ, thăm các cửa thoát dầu nổi tiếng ở khu vực núi Lit gần thị trấn Yên Bái. Theo hồi ký của ông Lê Văn Cự, vào tháng 1 năm 1959, báo cáo của họ được trình bày tại Cục Địa chất của Việt



Trích tài liệu «Những khuyến nghị về dầu khí» của N. K. Gryaznov, kèm theo báo cáo của Sh. K. Kitovani). Năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959



Ông Lê Văn Cự — nhà địa chất dầu khí đầu tiên của Việt Nam

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959



Chuyên gia Sh. K. Kitovani và các trợ lý người Việt: Nguyễn Giao (bên phải) và Trần Văn Trị (bên trái). Năm 1959

Ảnh tư liệu của Nguyễn Giao

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Nam DCCCH, nơi Thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô đặc biệt bay sang tham dự¹.

Kết quả của ba tuần lễ làm việc là tập tài liệu nhỏ do ông N. K Gryaznov chuẩn bị. Tập tài liệu này có tên gọi là «Những khuyến nghị về dầu mỏ». Trước hết, theo quan điểm của nhà địa chất, cần tổ chức kiểm tra kỹ lưỡng tất cả các thông tin đã nhận được đó về biểu hiện dầu khí và hồ sơ xin thăm dò dầu mỏ nhận được từ cư dân và được bảo lưu trong các quỹ của tổ chức thuộc địa cũ. Sau đó, cần tiến hành các nghiên cứu thám sát toàn diện để làm rõ tính chất địa tầng và thạch học của một số khu vực thuận lợi hơn cả về tích tụ dầu mỏ và khí đốt.

Chuyên ở đây nói tới việc nghiên cứu vùng gọi là miền võng Hà Nội, hoặc vùng trũng Hà Nội. *«Trước hết cần nghiên cứu bao quát cả dải trũng Hà Nội, giới hạn ở phía bắc và các trầm tích kỷ Triat tương biển, duyên hải và lục địa — ông N. K. Gryaznov viết — Cần thực hiện một số lộ trình khảo sát tại các vùng phía đông bắc Việt Nam, phổ biến chủ yếu là trầm tích thuộc Cổ sinh thượng (permo carbon) và một phần kỷ Triat»*.

Ông cũng đề ra các nhiệm vụ cho các viện nghiên cứu của Liên Xô, đó là Viện nghiên cứu khoa học địa chất Nga nơi ông làm việc, cũng như Viện nghiên cứu địa chất toàn Liên bang, vốn có lịch sử lâu đời. Trong số các bài toán cần giải quyết có việc phân tích các mẫu quần hệ động vật cổ và bitum tự nhiên. Tất cả những kết quả này sẽ giúp lập kế hoạch cho công việc tìm kiếm dầu mỏ trên lãnh thổ Việt Nam DCCCH.

Nhà địa chất dầu khí Liên Xô đầu tiên đã ở Việt Nam ba tuần. Công việc của các ông N. K. Gryaznov, Lê Văn Cự và Trần Văn Trị đã đặt nền móng cho một giai đoạn mới của công cuộc tìm kiếm dầu mỏ ở đất nước này.

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959



Đoàn của các ông Sh. K. Kitovani và Nguyễn Giao tại một tỉnh miền núi ở vùng tây-bắc. Năm 1961

Tư liệu của Phòng truyền thống «Petrovietnam»

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

đã có bốn năm công tác với tư cách là nhân viên kỹ thuật ở mỏ apatit Lào Cai, và đang có dự định nâng cao vốn kiến thức của mình tại trường đại học Bách khoa Hà Nội, thì nhận được bổ nhiệm làm Trưởng đoàn khảo sát dầu khí.

Ngoài ông Nguyễn Giao, tham gia đoàn còn các hai nhà địa chất trẻ là Trần Văn Trị, Nguyễn Đức Lạc, Nguyễn Bá Nguyên. Ông Lê Văn Cự, với vốn kinh nghiệm dày dặn hơn cũng đóng góp công sức cho đoàn. Khi đoàn đi khảo sát thực địa, còn có bác sĩ, hai thợ máy tự động, hai thợ phụ và hai lái xe cùng tham gia. Để có thể bắt tay vào việc, còn cần đợi thêm một thành viên của nhóm. Người đó có thể là nhà địa chất Liên Xô Shota Kapitonovich Kitovani. Mục đích của đoàn là nghiên cứu đặc điểm địa tầng và tương thạch học của các trầm tích Cổ sinh Thượng và Trung sinh, Tân sinh, kiểm tra những tuyên bố về biểu hiện dầu khí và tìm kiếm các kết cấu thuận lợi, đánh giá và chọn lựa các diện tích để tiến hành nghiên cứu chi tiết².

Ông Sh. K. Kitovani có mặt tại Việt Nam vào tháng 6 năm 1959, và đoàn tìm dầu của ông Nguyễn Giao bắt đầu tiến hành kiểm sát một đặc có phương pháp địa hình ở khu vực từ vĩ tuyến 17 tới các tỉnh miền núi phía bắc. Khó mà gọi tên ra được những vùng mà các kỹ sư dầu mỏ kiêm «trình sát» chưa đặt chân tới. «Mục đích của công việc tìm kiếm dầu được bắt đầu vào ngày 29 tháng 6 năm 1959 là phát hiện tiềm năng dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam DCCCH — đây là những dòng báo cáo về Matxcova từ Hà Nội — Trong giai đoạn vừa qua, dựa trên cơ sở mục tiêu đặt ra, cũng như cấu trúc địa chất của lãnh thổ Việt Nam DCCCH và những nhận xét sơ bộ, chúng tôi đã bắt đầu nghiên cứu các trầm tích Devon và các trầm tích cổ hơn thuộc bộ phận phía bắc và đông bắc của vịnh Bắc bộ. <...>. Xét thành phần thạch học của trầm tích Devon thuộc vịnh Bắc Bộ, sự phân bố các loại hình tương của trầm tích trong không gian, cũng như mức độ biến chất của trầm tích, có thể nói rằng về cơ bản trầm tích Devon của Việt Nam DCCCH cần được xem xét một cách nghiêm túc về tiềm năng dầu khí»³.

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

Ông Lê Văn Cự (trái) và ông Trần Văn Trị (phải) năm 1959

^[1] Lịch sử ngành Dầu khí Việt Nam. T. 1, Tr. 25.



Hình ảnh các nghiên cứu địa hình từ báo cáo của S. K. Kitovani. 1961

Giai đoạn cuối những năm 60 là khoảng thời gian vô cùng khó khăn. Ở Việt Nam áp dụng chế độ tem phiếu: công nhân được lĩnh 18–19 kg gạo mỗi tháng, viên chức được 13.5 kg, suất thịt của mỗi người một tháng là 500 gam, đường — 250 gam. Đường nhiên các nhà địa chất đi thực địa được lĩnh thêm một chút thực phẩm, nhưng công việc nặng nhọc của họ cần phải được bù đắp bằng chế độ ăn bổ dưỡng hơn. Thay vì giày da có đế dợn sóng, họ đi những đôi dép làm từ lớp cao su ô tô, quần áo bảo hộ lao động chuyên dụng hoàn toàn không có. Ai nấy đều rất mệt mỏi.



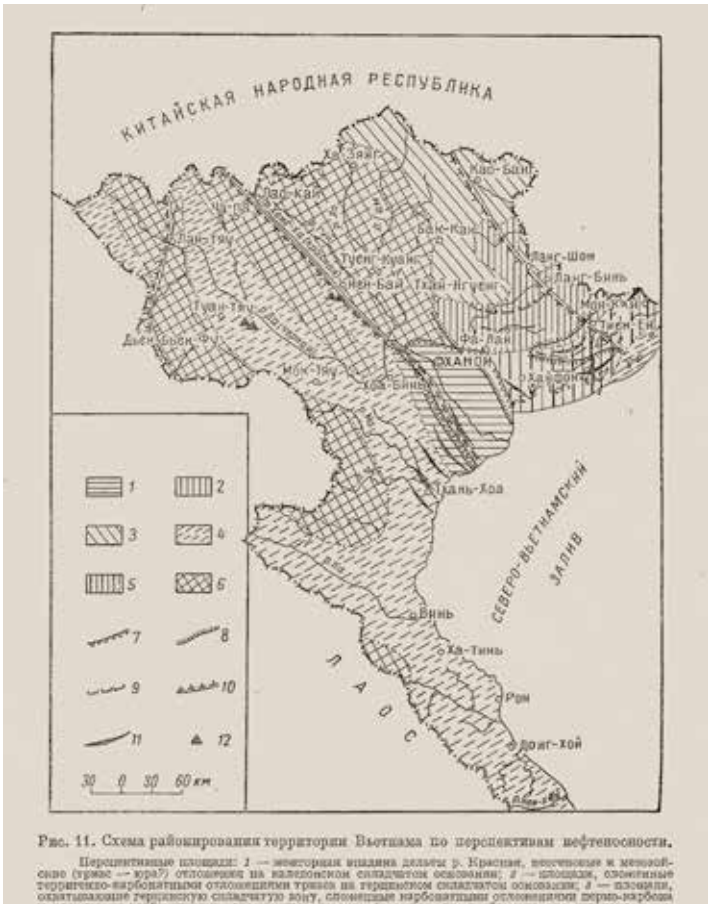
***Trích hồi ký của ông Nguyễn Giao:** «Thức ăn không đủ. Sau khi đi thực địa về, tôi gần như là đi. Ông Kitovani luôn dúai cho tôi suất ăn thêm và nói «Ăn đi, ăn đi!». Nhưng tôi đáp rằng tất cả phải có suất ăn như nhau. Chỉ khi tôi ở Hà Nội và ông Shota Kapitonovich gọi tôi tới khách sạn để mời ăn bữa tối, tôi mới không để ông phải giục lần thứ hai. Còn khi đi thực địa thì ai cũng như ai».*

Vì lực lượng địa chất khi đó còn chưa đủ hùng hậu, trong nước bắt đầu triển khai cái gọi là «Phong trào toàn dân báo quặng», mục đích là để thu thập các dữ liệu về tài nguyên khoáng sản từ những người dân, trong đó có cả thông tin về những biểu hiện dầu khí trên bề mặt. Lời kêu gọi của nhà nước đã nhận được phản hồi là một số lượng lớn các bức thư viết từ các địa điểm được coi là có quặng. Tác giả của những bức thư này thường vẽ kèm những sơ đồ sơ sài về những nơi mà họ cho là mỏ quặng. Cũng có những bức thư từ những người rất cao tuổi, lúc lâm chung họ có nguyện vọng nêu tên những địa điểm mà theo họ có thể có mỏ khoáng sản. Ví dụ, trong bức thư mà tác giả là các phụ lão thuộc tập thể Sunaho từ tỉnh Nghệ Tĩnh (là tỉnh được hợp nhất từ hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh), có những dòng thông tin như sau: «Trong vòng những năm 1930–1940, thực dân Pháp bắt chúng tôi tham gia xây dựng kênh đào từ huyện Nam Định tới thành phố Vinh. Ở một số nơi, dưới độ sâu hơn 10 mét chúng tôi cảm thấy có mùi khét. Khi châm diêm, một ngọn lửa xanh ngắt bùng lên. Từ dưới lòng đất ứa ra dòng nước màu hơi vàng, có những vết loang trên mặt nước»². Nói theo ngôn ngữ của các nhà địa chất, đó là dấu hiệu trực tiếp về tiềm năng dầu mỏ, và đương nhiên là cần được quan tâm xem xét kỹ lưỡng.

Có lần, tại một ngôi làng ở tỉnh Nghệ An nằm gần sát biên giới với Lào, vài người trong nhóm lên đường đi thực địa kiểm tra thông tin vừa nhận về việc ở đó dường như có hiện tượng phụt khí



và bốc cháy. Mong ước khám phá mạnh đến độ mà họ cứ lên xe và đi mà chả cần biết nông cạn thế nào, và vì sự tự tin quá đỗi của tài xế, chiếc gazik xông thẳng xuống dòng sông và... «chết sặc». Giao «Bé» trên cương vị là trưởng nhóm chạy qua chạy lại như thoi giữa ngôi làng và chiếc xe bị chết máy, lúc thì tìm người, tìm trâu, khi thì máy kéo — để kéo xe lên. Khó mà tưởng tượng được những gì đang diễn ra trong lòng chàng trai trẻ, người được giao phó một trọng trách mà dường như có vẻ sắp hỏng tới nơi vì lỗi của cậu. Cố gắng cuối cùng của cậu là phóng về trại để gọi chiếc xe thứ hai. Đến khi chiếc gazik chết máy thoát khỏi đáy sông thì sức lực của cậu bé cũng dường như cạn kiệt và Giao ngã luôn xuống nước. Một đồng chí đã kịp chộp lấy người Giao không để dòng nước cuốn đi và may mắn cứu được anh. Vị thủ trưởng trẻ được sưởi ấm bằng áo khoác ngoài của Kitovani và ngủ li bì suốt một ngày đêm. Không thể kể



Sơ đồ phân vùng lãnh thổ Việt Nam DCCH về triển vọng có dầu do Sh. K. Kitovani đề xuất



Các ông Nguyễn Giáo và Sh. K. Kitovani

họ đã thất vọng thế nào khi lúc đến được địa điểm «xuất hiện khí», các nhà địa chất chỉ tìm thấy thủ phạm là một bụi sậy già ven biển bị cháy và đã nguội tàn. Như cố vấn đại sứ quán viết trong báo cáo của mình: «Trong số 20 thông báo đã được kiểm tra [về sự xuất hiện dầu mỏ. — Ghi chú của tác giả.] chỉ có hai là được xác nhận»¹.

Các dấu hiệu trực tiếp chỉ nói lên thực tế là có thể tìm thấy dầu, tuy nhiên tất cả mọi triển vọng của Việt Nam về việc khai thác dầu trong tương lai đều liên quan đến các dấu hiệu gián tiếp và cần đào sâu. Ở đây cần có sự uyên bác của nhà địa chất, sự chính xác của nhà sưu tập và sự may mắn của cả hai, bởi vì ở đất nước nơi vẫn đang chỉ là một đốm trắng trên bản đồ địa chất thế giới, việc tìm được dầu mỏ một cách nhanh chóng và dễ dàng là điều không thể.

Cũng giống như người Pháp vào nửa thế kỷ trước, sự chú ý của S. K. Kitovani ban đầu hướng đến các nguồn hydrogen sulfide ở khu vực núi Nghĩa lộ gần tỉnh Yên Bái. Sản lượng ổn định nói lên đặc tính chất chứa tốt của đá, dấu hiệu quan trọng nhất về tính chứa dầu. Khả năng tích lũy và tạo thành hydrocacbon của đá chỉ có thể kiểm chứng được trong điều kiện phòng thí nghiệm, điều nằm ngoài khả năng của Giao và các đồng chí của cậu. Vì vậy, khi nhà địa chất Kitovani viết báo cáo, ông đã ghi: «Một trong những nhiệm vụ chính của công việc tìm dầu khí trong tương lai ở Việt Nam là nghiên cứu chi tiết trong điều kiện phòng thí nghiệm các loại đá có khả năng là những loại đá colécto»². Việc xử lý và xác định các mẫu hóa thạch paleofauna mà nhóm đã thu thập được thực hiện tại Đại học Bách khoa Hà Nội, và sau đó chúng được gửi đến các cơ quan thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô và Viện Hàn lâm Khoa học Gruzia để tiếp tục nghiên cứu. Nhưng dĩ nhiên là trong tương lai tình trạng này phải được cải thiện và cần thiết lập các phòng thí nghiệm chuyên ngành ngay tại Việt Nam.

Còn nhóm thăm dò dầu mỏ lại đi về phía đông của sông Hồng. Nơi đây, một mặt, từ các nhánh của dãy núi Tam Đảo kéo dài đến sát biên giới Trung Quốc là một cấu trúc kiến tạo mang triển vọng lớn về dầu mang tên «lòng chảo An Châu». Mặt bên kia là bờ biển và những đảo lớn nhỏ rải rác trên biển, các vết lộ của chúng cho phép đưa ra đánh giá sơ bộ về tiềm lục địa miền Bắc Việt Nam. Nhóm Cậu nhỏ Giao có nhiệm vụ ra biển và đến Côtô, quần đảo bao gồm hơn chục các hòn đảo lớn nhỏ. Tại đây, các nhà địa chất dầu mỏ đã gặp nhóm của bà A. I. Zhamoyda vốn đang thực hiện việc chụp ảnh cho bản đồ địa chất Việt Nam, nhóm của bà còn chia sẻ một số kết quả công việc của mình.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1753, tờ 37.

^[2] Kitovani S. K. Các triển vọng có chứa dầu khí của lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Tr. 275.

Nhân viên chụp ảnh của nhóm bà Zhamoyda được cấp hẳn một chiếc tàu để nghiên cứu, còn nhóm thăm dò dầu của Giao và ông Kitovani thì lại kém may mắn hơn. Đúng ra là theo quy tắc, họ phải được cấp một chiếc ca nô để cả nhóm có thể ra biển cùng lúc, thế nhưng lại chả có chiếc canô nào. Chiếc thuyền Việt Nam mỏng manh với động cơ công suất thấp chỉ có thể chở được hai người — một ông Gruzia to lớn và một cậu Việt Nam bé nhỏ. Người dân địa phương cố can ngăn họ, nhưng cả hai đều rất quyết tâm và thuyền đã ra khơi. Thùng chứa nhiên liệu của thuyền đã được nạp gì thì cho đến bây giờ vẫn còn là điều bí ẩn, bởi mới đi được chỉ nửa đường thì động cơ chết máy. Kỹ sư Kitovani nhiều kinh nghiệm hơn thì loay hoay với động cơ, còn Giao «Bé» chả còn biết làm gì khác ngoài việc ngắm cảnh hoàng hôn trên biển, mà cũng chỉ một lúc sau thôi đã phải nhường chỗ cho bóng đêm nhiệt đới ngự trị. Hai con người lặng lẽ bơi theo mặt nước phẳng lặng của Vịnh Hạ Long, suy nghĩ riêng tư và phó mặc mình cho số phận...

Ông Nguyễn Giáo và Sh. K. Kitovani ở Hà Nội, 1961

Những chuyên gia Xô-viết tiên phong của ngành dầu mỏ Việt Nam

Công việc của chuyên gia S. K. Kitovani được dành hẳn một gian trưng bày trong nhà bảo tàng của Công ty «Petrovietnam», thế nhưng về tiểu sử bản thân ông cũng như về N. K. Gryaznov thì lại không được rõ. Chúng ta sẽ thử lấp đầy khoảng trống này.

Như đã đề cập, những sinh viên đầu tiên của khóa học địa chất Việt nam ở Hà Nội là con em của các đảng viên cộng sản Việt nam đã hy sinh hoặc các nhà hoạt động trung thành, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của nhà nước mới. Ông Nikolai Gryaznov, nhà địa chất dầu khí Liên Xô đầu tiên đến thăm Việt Nam và đưa kiến nghị về việc tìm kiếm dầu trên đất nước này chính là một người như vậy.

Nikolai Kensorinovich Gryaznov sinh ngày 19 Tháng 12 năm 1904 tại nhà máy Thánh Mikhail ở huyện Krasnoufimsk, tỉnh Perm (nay là tỉnh Sverdlovsk). Cha mẹ ông là nông dân, nhưng cha ông có lẽ đã từng được đi học bởi vì ông không làm việc đồng ruộng mà là Chủ tịch của một trong những hợp tác xã nông thôn và kinh doanh buôn bán nhỏ.

Gia đình Gryaznov không chỉ chấp nhận cuộc cách mạng, mà còn tích cực tham gia và đứng về phía những người Bolshevik trong cuộc Nội chiến. Người chủ gia đình gia nhập Đảng Cộng sản và lãnh đạo ủy ban cách mạng huyện Krasnoufimsk, dưới sự chỉ đạo của ông, người con trai cả Ivan, chuẩn úy của quân đội Hoàng gia, đã tiến hành thành lập sư đoàn công nhân mà sau đó trở thành một phần của Hồng quân công nông Liên Xô. Năm 1919, Kensorin Gryaznov qua đời. Ivan Gryaznov, anh trai của nhà địa chất tương lai khi đó đã là một trong những chỉ huy danh tiếng của Hồng quân với sự nghiệp tiến nhanh vun vút từ chuẩn úy lên thành chỉ huy trưởng của Quân đoàn Hồng quân công nông. Vì sự anh dũng quả cảm thể hiện trong trận chiến đánh lại Crum và trong cuộc đấu tranh với các băng cướp ở vùng Trung Á, ông đã hai lần được trao tặng Huân chương chiến công Cờ đỏ. Năm 1937, tư lệnh quân khu Trung Á, quân đoàn trưởng I. K. Gryaznov đã bị bắt cùng nhiều tướng lĩnh khác của Hồng quân Công Nông và bị xử bắn vào năm 1938. Ông đã được phục hồi danh dự vào năm 1956.

Bản thân Nikolay Gryaznov thì trở thành một trong những đoàn viên Komsomol đầu tiên của huyện, trong hai năm là người lãnh đạo ủy ban Komsomol quận huyện. Con đường dẫn đến nghề địa chất của người đoàn viên Thanh niên cộng sản Ural, giống như nhiều người khác vào thời điểm đó, cũng bắt đầu từ nhà máy. Sau khi kênh qua công việc thợ cơ khí và trợ lý thợ máy ở các xí nghiệp Urals, N. K. Gryaznov đậu vào khoa công nhân của Viện kỹ thuật



Các nhân viên đội thám hiểm 36, người thứ 4 từ bên trái là nhà địa vật lý Xô-viết M. B. Shneerson



Các thành viên của Đoàn thám hiểm địa chất 36 Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Schneerson



Ở Đoàn thám hiểm 36 luôn có chỗ cho chuyện cười và vui đùa, nhưng chỉ trong những phút giải lao



Trước đây Hưng yên từng là một tỉnh nổi dậy, chính ở đây vào năm 1930, một trong những tế bào đầu tiên của Đảng Cộng sản đã ra đời, còn vào tháng Ba năm 1943 là những đội du kích đầu tiên. 400 pháo đài bê tông ở đây là do người Pháp xây dựng. Còn bây giờ, len lỏi giữa chúng, những cánh đồng lúa và những bụi tre, nhóm các chuyên gia địa vật lý đang dùng máy đo rà soát. Họ đã đi đến bờ biển rồi dọc theo nó — đến tận Hải Phòng — sau đó dọc lên Hà Nội và Hải Dương. Các cuộc tìm kiếm đang được mở rộng.

Đó là thời gian nghỉ ngơi yên bình giữa cuộc chiến giành độc lập và cuộc chiến vì sự thống nhất đất nước. Các đảng viên cộng sản hoạt động bí mật và các chiến binh Kháng chiến của ngày hôm qua giờ phải trau dồi thêm cho mình những kiến thức về những loại hình hoạt động mới trong nền kinh tế quốc dân. Ông Bùi Đức Thiệu ba mươi hai tuổi là một trong những người đã tham gia phong trào giải phóng từ khi còn trẻ. Trong những năm chiến tranh, ông chiến đấu ở miền Nam, nhưng sau khi đất nước bị chia cắt, ông chuyển ra Bắc và làm việc trong ngành địa chất đã mấy năm. Chính ông là người được giao phó nhiệm vụ khó khăn là thành lập cơ quan đầu mỏ đầu tiên của Việt Nam: tập hợp nhân sự, trang thiết bị và đảm bảo quy trình làm việc bình thường cho các nhóm thám dò đầu khí.

Một năm rưỡi đã trôi qua kể từ khi Đoàn 36 được thành lập. Suốt thời gian này, công việc chính của Đoàn là các nghiên cứu địa vật lý, điều mà Bùi Đức Thiệu và những người phó của ông là Phan Tư Nghĩa và Hồ Xuân Phong có những khái niệm chung chung nhất. Phần lớn các lãnh đạo Việt Nam vào thời điểm đó thường là những người «thực hành», họ toàn tâm toàn ý trung thành với Đảng lao động Việt Nam, thường là những người có những kỹ năng tổ chức tốt, nhưng kiến thức nghề nghiệp mới thì họ sẽ phải học trong quá trình làm việc. Tình trạng này đã được cứu vãn bằng các bài giảng mà các chuyên gia địa vật lý Liên Xô tổ chức sau giờ làm việc, nhưng thường thì các buổi học được tổ chức ngay trong các đội lao động và liên quan đến các vấn đề thực tiễn hẹp về hoạt động trên những máy móc nhất định. Các bài giảng làm phát sinh rất nhiều câu hỏi, còn những câu trả lời lại dẫn dắt học viên đi vào mê hồn trận của vật lý và toán học, và lúc ấy đồng chí Thiệu đã thật sự tiếc nuối rằng số phận đã không cho ông cơ hội học hành đầy đủ. Đến tối, đầu của ông như bung lên trong mớ kiến thức đầy ắp những thuật ngữ mới, số liệu thống kê sản xuất, khiếu nại của các nhà cung cấp và nhiều thông tin khác về công tác Đảng cứ dồn dập như suối đổ về chỗ ông trong suốt ngày làm việc.

«Không, tạm thời cứ để các đồng chí «liênxô» Epstein và Maksutova phụ trách địa vật lý-, Thiệu nghĩ. — Trong thời gian làm việc họ đã thể hiện mặt tích cực của bản thân và tốt nhất là đừng

làm phiền họ!» Đối với ông, trên cương vị lãnh đạo đoàn, hiện nay điều chính yếu là đảm bảo việc đào tạo các nhà chuyên môn của mình!. «Nhân sự quyết định tất cả!» — anh nhớ lại một câu từ sách giáo khoa. Đảng Lao động Việt Nam công bố đường lối «dựa vào sức mình là chính», đồng nghĩa với việc sử dụng tối đa kỹ sư và kỹ thuật viên Việt Nam trong công việc, nhưng để phục vụ mục đích này cần phải «học, học nữa, học mãi», như Lenin đã viết.

Công việc tốt hơn cả là ở bộ phận khoan. Trong Đoàn 36, đây vẫn chỉ là những giếng khoan nông vào khoảng 5–6 mét. Đây là những giếng nổ, cần thiết để tiến hành các nghiên cứu địa chấn. Chưa đầy một năm, các kỹ thuật viên khoan Liên Xô đã đào tạo hàng chục thanh niên Việt Nam, và họ đã có thể độc lập làm công việc của mình mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài. Thêm vào đó, họ còn có thể tăng độ sâu của giếng đến 15 mét, cho phép cải thiện đáng kể chất lượng của thông tin thu được.

Tình trạng khó khăn hơn là ở các nhà địa vật lý, những người phải tạo nên xương sống của Đoàn 36. Hơn hai mươi nhà thám dò trọng lực và địa chấn học Xô viết cần phải bắt đầu việc tìm kiếm có hệ thống dầu và khí đốt ở đồng bằng sông Hồng. Trên thực tế, để đảm bảo công việc của họ, một cơ cấu mới đã được thành lập.

Việc đào tạo các nhà địa vật lý ở Việt Nam được gấp rút bắt đầu. Trong năm học 1961–1962, Tổng cục địa chất VNDCCH đã thành lập bộ môn địa vật lý ở trường trung cấp kỹ thuật và khoảng 60 sinh viên chuyên ngành địa chất được chuyển sang đây học. Để hỗ trợ các giáo viên của trường, nhà kỹ sư địa vật lý T. Nikiforova đã được cử đến công tác, bà bắt đầu đọc loạt các khóa giảng về phương pháp thăm dò từ trường và trọng lực, về các phương pháp phóng xạ theo chương trình gần với các chương trình của các trường đại học địa chất Liên Xô. Ngoài ra, bà còn giúp các đồng nghiệp Việt Nam chuẩn bị các khóa giảng riêng của mình.

Vào mùa xuân năm 1962, khóa đầu tiên Trường Kỹ thuật địa vật lý của Tổng cục địa chất DRV đã tốt nghiệp. Cựu sinh viên các trường đại học Liên Xô quay trở lại, Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học tổng hợp Hà Nội (có đến tám sinh viên tốt nghiệp của Khoa Vật lý chuyển sang địa vật lý) cho ra lò khóa đào tạo đầu tiên của mình. Tính đến năm 1963, đã có 126 người theo học tại khoa địa vật lý của trường kỹ thuật¹. Như thế là ở Đoàn 36 không chỉ có sự xuất hiện của các công nhân và kỹ thuật viên mà cả các kỹ sư- địa vật lý Việt Nam đầu tiên, chẳng hạn như các cử nhân vật lý Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Hiệp.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1798, tờ 161–162.

Đặc biệt một người nổi bật trong số các chuyên gia Việt nam là nhà địa vật lý Phan Minh Bích, người giống như ông Thiệu, từng là một đảng viên cộng sản hoạt động bí mật, thành viên cuộc kháng chiến, thế nhưng năm 1955 được đào tạo qua các khóa học địa chất, và năm 1959 được cử đi học ở Liên Xô. Năm 1963, sau khi tốt nghiệp Học viện khảo sát địa chất Mátxcova chuyên ngành địa vật lý, ông trở về và được gửi đến Liên đoàn 36. Kể từ đó, Phan Minh Bích trở thành một nhân vật nổi bật trong ngành công nghiệp dầu khí tại Việt Nam.

Tất cả những giải pháp nhân sự này cho phép giảm bớt số lượng các chuyên gia Liên Xô, và trong thực tế vào lúc công tác thăm dò trọng lực sôi động nhất (giữa năm 1962) trong Liên đoàn chỉ có bảy người làm việc thay vì chín, hai người đã được chọn từ số các cán bộ địa phương. Việc đào tạo các thực tập sinh Việt Nam đến đầu năm 1963 đã cho phép giảm bớt hai kỹ sư bản đồ địa hình của nhóm thăm dò trọng lực và họ trở về Liên Xô. Đến nửa năm thứ hai chỉ còn lại lãnh đạo kỹ thuật N. V. Epstein và một chuyên gia vẽ bản đồ vốn đang hoàn tất công việc của mình, sau đó cũng bàn giao tất cả công việc kỹ thuật cho người Việt và chỉ kiểm soát họ, đảm nhận phần trọng trách nhất của báo cáo — hoàn thiện đồ họa.

Đơn vị đo đạc trọng lực của Liên đoàn 36 do kỹ thuật viên Phạm Liệu chỉ huy, tham gia công tác đo đạc có tám kỹ thuật viên điều hành Việt Nam. Họ là những người đã tốt nghiệp Trường kỹ thuật và các khóa học ngắn hạn trong trường, được đào tạo để làm việc với máy đo trọng lực GAK-PT. Để nâng cao trình độ của các điều hành viên, các chuyên gia Liên Xô đã tiến hành các bài tập lý thuyết và thực hành chuyên biệt. Đến giữa năm 1963, các điều hành viên Việt nam đã khá thành thạo trong các kỹ thuật khảo sát trọng lực và tự mình thực hiện công tác thực địa. Ba kỹ thuật viên tính toán cũng đã được đào tạo và có thể thực hiện công việc xử lý ban đầu các dữ liệu thực địa¹. Hai — ba năm sau, các nhà địa vật lý Liên Xô không còn tham gia vào các công tác thực địa nữa mà chỉ thực hiện vai trò chỉ đạo và cố vấn kỹ thuật.

Trong các công việc thăm dò địa chấn ngoài các giám đốc kỹ thuật là các chuyên gia Liên Xô đã tham gia còn có: kỹ sư-diễn giải cao cấp, kỹ sư- điều hành cao cấp, kỹ sư điều hành, kỹ thuật

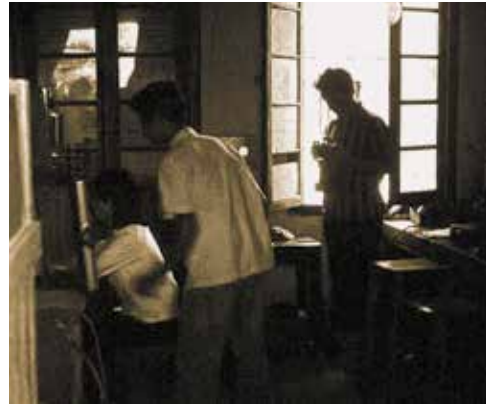
viên nổ mìn cao cấp. Đơn vị thăm dò địa chấn do kỹ thuật viên Trần Cảnh chỉ huy, và làm việc với phía Việt Nam có sự tham gia của: kỹ sư địa vật lý (tốt nghiệp Học viện thăm dò địa chất Mátxcova), bốn kỹ thuật viên — trợ lý điều hành, bốn kỹ thuật viên máy tính (tất cả đều tốt nghiệp trường học nghề địa chất GGU) và hai kỹ thuật viên nổ mìn. Tất cả các cán bộ kỹ thuật thăm dò địa chấn để nâng cao tay nghề đã được trải qua đào tạo lý thuyết và thực tiễn bổ sung dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Liên Xô và sau đó tiếp tục làm việc dưới sự kiểm soát phương pháp của họ. Ngoài các nhân viên kỹ thuật Việt Nam được liệt kê ở trên, trong nhóm còn có các kỹ sư vật lý điều chỉnh thiết bị làm việc. Công việc được thực hiện ở trạm địa chấn duy nhất SS-24P².

Có vẻ như nhìn chung mọi việc đều tốt đẹp cả nếu như không kể đến một hoàn cảnh. Tất cả những việc đã làm về đào tạo nhân sự và chấp hành các nguyên tắc của đảng đều trở thành vô ích. Nếu như đội ngũ quản lý của Đoàn 36 đều là đảng viên, «sẵn sàng thực hiện bất kỳ chỉ thị nào do đảng và chính phủ giao phó» và làm việc ở mọi nơi mà họ được cử đến, thì đối với các kỹ sư và công nhân bình thường mọi chuyện không phải đơn giản như vậy. Hồi đó người Việt Nam vẫn có định kiến: «Tôi chẳng lấy chồng là nhà địa chất làm gì: quanh năm suốt tháng anh ta sẽ mất hút trong rừng, giữa những đồng lúa, suối nước và gió ngàn, còn tôi thì chỉ có thể ngồi đó mà nhớ nhung». Trường hợp hay xảy ra là sau khi học xong và được cấp bằng chuyên ngành, chàng kỹ thuật viên hay nhà địa chất trẻ phải đứng trước sự lựa chọn giữa hôn nhân và công việc của mình. Ngay cơ thiếu hụt nhân sự trong giai đoạn đầu công tác của Đoàn 36 là khá cao, đe dọa kế hoạch làm việc bị sụp đổ. Kỹ sư Bùi Đức Thiệu biết về vấn đề này và đã giải quyết nó bằng một cách độc đáo, theo như họ nói là «buộc trâu vào cột». Đây là một phương thức di sản cổ xưa, nhưng vị lãnh đạo khôn ngoan quyết định sử dụng mỗi nhủ, là... các cô gái.

Trước mắt người đứng đầu Đoàn 36 có một ví dụ của các nhà địa chất Liên Xô. Các cặp vợ chồng nhà Makxyutov, Alexashin, Kenya đã cùng làm việc thành công. Noi theo gương họ, Bùi Đức Thiệu bắt đầu cử các cô gái Việt nam trẻ đi đào tạo theo chuyên ngành dầu khí, nhờ đó mà ở Đoàn 36 một thời gian sau đã xuất hiện

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1798, tờ 153–154.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1798, tờ 156–157.



Những ngày làm việc của Đoàn thám hiểm 36 và thời gian nghỉ ngơi



các gia đình địa chất, địa vật lý, kỹ thuật viên, điều mà, theo lời các nhà sử học ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam, cho phép bảo tồn đội ngũ nhân lực có trình độ để phục vụ công việc.¹

Nói chung, nhiệm vụ chính trong năm đầu tiên tồn tại của Đoàn 36 là thành lập đội ngũ nhân sự có khả năng làm việc đã được hoàn thành. Năm 1963, trên cơ sở những đơn vị đã có những đội chuyên ngành đã được thành lập — đội thăm dò trọng lực, đội khảo sát địa chấn, đội thăm dò điện. Năm 1968, đã có đến 1291 người làm việc trong Đoàn 36². Chính những con người này đã tạo nên cốt lõi, xương sống nhân sự của ngành dầu khí Việt Nam.

Các chuyên gia địa vật lý thử «sờ nắn» lòng đất

Tất cả đều biết là «dầu khí nằm ở ngay đầu cái đục» và chỉ có thể tìm thấy nó qua sự trợ giúp của các giếng khoan. Ở Mỹ, từ thuở bình minh của ngành dầu khí, cái gọi là «phương pháp mèo hoang» đã rất phổ biến –nghĩa là các giếng được khoan một cách hù dọa, ngẫu nhiên, mang tính ăn may. Phần nhiều những giếng khoan kiểu này đều khô rỗng, tuy nhiên một vài cái trong số đó có dầu và mang lại nguồn lợi tức khổng lồ cho những người may mắn hiếm hoi. Đây là phương pháp quá tốn kém và một đất nước Việt Nam vừa bị chiến tranh tàn phá không thể cho phép mình điều xa xỉ đó là đào những giếng khoan khô. Chi phí cho hoạt động thăm dò địa chất có thể cắt giảm một cách đáng kể nhờ các phương pháp

địa vật lý như phương pháp trọng lực, địa chấn, điện và điện từ mà thông qua sự khác biệt giữa các thông số vật lý có thể xác định được những vị trí có khả năng tích tụ các hydrocarbon lỏng và khí, hay còn được gọi là «những bẫy kiến tạo».

Phương pháp địa vật lý ở Việt Nam bắt đầu được sử dụng trong công tác tìm kiếm và thăm dò mỏ khoáng sản cứng có ích. Những chuyên gia địa vật lý Xô viết đầu tiên xuất hiện ở đây vào năm 1959 với số lượng không đáng kể. Khi ấy ngoài Liên Xô ra, tham gia hỗ trợ kỹ thuật theo hướng này còn có các quốc gia Trung Quốc, Tiệp khắc và Ba Lan, chính họ đã cung cấp những mẫu thiết bị máy móc đầu tiên. Từ năm 1960 ở Tổng cục địa chất VNDCCCH đã có chức vụ kỹ sư — tư vấn về các phương pháp địa vật lý mà cho đến ngày 22 tháng Sáu năm 1965 do các kỹ sư — địa vật lý Liên Xô Yu. M. Kuznesov, A. N. Gorbachev, V. I. Yaskevich đảm nhiệm, còn sau đó công tác điều phối nghiên cứu địa vật lý là do các kỹ sư Việt Nam phụ trách.

Địa vật lý dầu khí được hình thành từ Hợp đồng №389 ký ngày 27 tháng Ba năm 1961. Trong đó ngoài điều khoản chính về cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong việc tiến hành các công tác tìm kiếm thăm dò còn có thêm điều khoản về hỗ trợ thực hiện các công tác địa vật lý trên mặt đất: đo từ trường, đo trọng trường, khảo sát điện và địa chấn³. Song song đó các hợp đồng về tiến hành tìm kiếm địa vật lý hàng không, vốn là thành tựu khoa học và kỹ thuật tân tiến nhất thời bấy giờ cũng được ký kết (điều này được trình bày trong chương 3). Trong khi ông S. K. Kitovani và các cộng sự của ông kết thúc công việc của mình ở Hà Nội, ở Liên xô đã chuẩn bị xong đội ngũ nhân sự cho công tác đo đạc trọng trường và khảo sát địa chấn, sẵn sàng đi đến những địa điểm mà các chuyên gia thăm dò — dầu khí đã chỉ ra trong báo cáo đầu tiên.



Các cư dân địa phương. Người mẹ trẻ và các con
Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Schneerson



Các trò giải trí của địa phương
Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Schneerson

Những chuyên gia đầu tiên, theo khuyến nghị của ông Kitovani, sẽ phải là các nhà khảo sát trọng trường, vốn sẽ phải khoan vòng cấu trúc kiến tạo của miền trung Hà Nội thể theo những biểu hiện bất thường của trọng lực. Trong nửa năm đầu cho đến khi chỉ huy kỹ thuật của các nhà khảo sát trọng trường N. V. Epstein đến vào tháng Tư năm 1962, công việc của họ do kỹ sư địa vật lý I. I. Vlasova lãnh đạo. Bà đã lên kế hoạch khảo sát thăm dò trọng lực và nhóm công tác đã bắt đầu việc nghiên cứu¹. «Công tác đo lường trọng lực được tổ chức rất tốt dưới sự chỉ đạo của đồng chí Vlasova I. I., kỹ sư cao cấp địa vật lý, cho phép kỳ vọng vào khả năng hoàn thành trước thời hạn», — ông A. F. Kalmykov, đại diện của Bộ địa chất và bảo vệ tài nguyên Liên Xô đưa kết luận trong báo cáo của mình tháng Năm 1962². Các nhà sử học của ngành dầu khí Việt Nam ghi nhận tinh thần lạc quan cao độ thể hiện trong công việc của các chuyên gia I. I. Vlasova và N. V. Epstein mà sau đó được kỹ sư N. A. Vikhornov thay thế vào tháng Mười một năm 1964.

Trong vòng 14 tháng kể từ tháng 11 năm 1961 đến tháng 1 năm 1963, các chuyên gia khảo sát trọng lực phải hoàn thành việc chụp ảnh 11350 km², tiến hành 1430 lần đo đạc, 500 trong số đó chỉ có thể thực hiện được bằng đường đi bộ. Để hình thành mạng lưới trụ cột việc sử dụng máy bay trực thăng cũng đã được dự kiến



Buổi tham quan của các học sinh trung học bên ngoài trụ sở Đoàn 36
Từ tài liệu lưu trữ của O. N. Yakovlev



Ngôi nhà — nơi trú ngụ của các nhân viên đội thám hiểm 36
Từ tài liệu của O. N. Yakovlev

dù là chỉ trong khối lượng hạn chế. Tần số trung bình của mạng là một điểm trong phạm vi 8 km².

Vào tháng Giêng năm 1961, cùng với việc hình thành mạng lưới trụ cột cho công tác đo đạc trọng lực, việc thăm dò khảo sát dầu khí ở nước VNDCCCH đã chuyển sang một tầm cao kỹ thuật mới. Công tác thực địa được tiến hành song song với việc xử lý các mẫu vật thu được trong điều kiện phòng thí nghiệm, đồng thời các kỹ sư địa vật lý Việt Nam cũng có được kỹ năng xử lý vật liệu và lập các báo cáo cuối cùng. Năm 1963, các nhà khảo sát trọng lực của đoàn thám hiểm số 36 đã lập bản đồ dị thường trọng lực tỷ lệ 1:200000 cho lưu vực sông Hồng và tỷ lệ 1:50000 cho đoạn Phú Cự — Thái Bình, khu vực trung tâm và sâu nhất của vùng nghiên cứu. Chúng đã chỉ ra những đặc điểm chung của cấu trúc kiến tạo sâu của miền trung Hà Nội³. Những số liệu mà các nhà khảo sát trọng lực thu thập được có thể dùng làm cơ sở cho công việc của các nhà thăm dò địa chấn, vốn sẽ phải thông tin chi tiết về cấu trúc kiến tạo của vùng được khảo sát.

Tháng Tư năm 1962, kỹ sư địa vật lý V. V. Maksyutova, chỉ đạo kỹ thuật của nhóm địa chấn Đoàn thám hiểm số 36 đã đến phụ trách việc tổ chức công tác nghiên cứu địa chấn của miền trung Hà Nội. Bà nhận được sự hỗ trợ đặc lực của các kỹ sư Việt Nam Hồ Đắc Hoài và Trương Minh. Các chuyên gia khảo sát địa chấn còn lại

¹ Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. T. 1. Tr. 34.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3, Hồ sơ 20, tờ 12a.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 135, tờ. 1.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1777, tờ 112.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1777, tờ 204.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1798, tờ 155.



Kỹ sư thăm dò địa chấn Trương Minh và người thầy của anh M. B. Shneerson thích ứng phương pháp sóng khúc xạ tương quan với điều kiện của miền trung Hà Nội. 1968
Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Shneerson



Một chuyến đi thực địa của các nhà địa chất
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»



Hoạt động thăm dò dầu khí được thực hiện ở vựa lúa Việt Nam. Mùa thu hoạch
Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Shneerson



Các công trình thủy lợi tại nơi làm việc của các nhà địa vật lý đoàn địa chất 36 ở đồng bằng sông Hồng
Từ tài liệu lưu trữ của M. B. Shneerson



Các kỹ sư thăm dò điện đang làm việc không xa Hà Nội
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»



Các chuyên gia địa vật lý Xô-viết và Việt Nam tại khu vực bồn trũng Anachu
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»



Chuẩn bị cho công tác khảo sát thăm dò địa chấn
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»



Nhóm các nhà khảo sát địa chất cạnh lều, người ở giữa là ông M. B. Sneerson
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»

có mặt sau đó vào tháng Năm — nhân viên điều hành D. Alikhanov và D. Z. Maksutov, phiên dịch viên K. D. Chudinov, kỹ sư điều chỉnh thiết bị N. A. Kenya, kỹ sư đo vẽ địa hình G. T. Kenya, kỹ thuật viên địa vật lý L. P. Tulupova, chuyên viên vẽ bản đồ V. T. Yashin, chuyên gia chất nổ V. G. Porozhnyakov và L. Korolev, các chuyên gia khoan cao cấp D. P. Zavadsky và M. M. Vizir. Những thử nghiệm đầu tiên đã bắt đầu vào tháng Sáu. Cơ sở chính của các nghiên cứu theo hoạch định là phương pháp sóng phản xạ, khi các cảm biến của trạm địa chấn nằm trên bề mặt trái đất hoặc mặt nước ghi nhận tốc độ của sóng hình thành do các vụ nổ phân xạ lại từ các tầng sâu dưới lòng đất, sau đó thông qua sự khác biệt về tốc độ xác định cấu trúc kiến tạo của lòng đất.

Những tháng đầu tiên được dành cho việc nghiên cứu tính chất đàn hồi của lớp đất đá đã hình thành nên lát cắt địa chất, điều kiện kích thích và tiếp nhận các dao động đàn hồi cùng các biện pháp chuẩn bị khác, bởi vì mỗi phương pháp địa vật lý đòi hỏi phải có sự gắn kết với các điều kiện địa chất và điều kiện khí hậu của địa phương.

Từ hồi ký của Trương Minh: «Một niềm vui to lớn — vụ nổ thăm dò địa chấn đầu tiên trên cánh đồng của làng gà Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. <...> Ngày 25 tháng sáu 1962, dưới bầu trời trong xanh của Hưng Yên, mùa gặt lúa. <...> Hai lá cờ đỏ bay phấp phật trước gió được cắm ở đầu hai con đường mọc đầy cỏ dại. Cạnh đó là hai nhóm nhân viên bảo vệ đeo băng đỏ, trông vừa nghiêm túc lại vừa có phần vui vẻ phấn khích. Họ yêu cầu người qua đường tránh sang lối khác. <...> Đúng giờ đã định, 2,5 kg thuốc nổ được châm ngòi và phát nổ. Một cột khói và đất cát bốc lên cao. Cánh đồng và nhà cửa bị rung chuyển mạnh, còn sóng trên sông thì đập vào đến tận bờ ngang với mặt đường. Trạm địa chấn của Liên Xô và máy thu sóng địa chấn Sp — 1 trước hết ghi lại tín hiệu của các sóng phản xạ. Trên giấy ảnh xuất hiện những ghi chép rõ rệt của 24 sóng địa chấn»¹.

Phương pháp thăm dò địa chấn đòi hỏi nhiều sức lực và thời gian hơn thăm dò trọng lực, vì ngoài công việc đo đạc còn phải khoan mạng lưới các giếng nhỏ tuy không sâu nhưng mật độ dày làm chỗ đặt thuốc nổ. Để hỗ trợ cho các nhà khảo sát địa chấn, nhóm khoan giếng của Liên đoàn Địa chất 36 đã được thành lập. Nửa đầu năm 1963, để phục vụ cho công tác nghiên cứu địa chấn,

nhóm đã khoan được hàng ngàn giếng, kéo dài thành hai dải địa hình thẳng ở khu vực trung tâm, phần ngập nước sâu nhất của miền trung Hà Nội. Đây chỉ là khởi đầu, vì đã có kế hoạch bao phủ nhiều khu vực khác bằng những dải như thế và trên cơ sở những dữ liệu thu thập được tiến hành khoanh vùng các cấu trúc kiến tạo có điều kiện thuận lợi nhất cho sự tích tụ dầu và khí.

Các nhà thăm dò địa chấn cũng phải đối mặt với một khó khăn khác. Những vùng tiến hành nghiên cứu địa vật lý nằm trong vựa lúa của Việt Nam, bốn bề là đồng ruộng, làng mạc và những công trình thủy lợi. Làm hỏng nơi gieo trồng lúa bằng việc nổ mìn hay bằng bánh xe đều có nghĩa là dân sẽ thất thu đến vài chục, thậm chí vài trăm kg thóc. Thêm vào đó một cơn cuồng phong cực mạnh đã ập vào các tỉnh ven biển của cửa đồng bằng sông Hồng hồi cuối tháng Chín năm 1962. Hơn 80% mái nhà tranh bị phá hủy, nóc nhà gạch ngói cũng bị bão tốc bay. Nhiều nhà kho chứa hàng thực phẩm và hàng công nghiệp bị phá hủy, các cột điện và điện báo bị xô đổ, bờ đê, đê, hồ chứa bị sạt lở nặng nề. Những cánh đồng lúa đang trong giai đoạn trổ đồng kết hoa bị ảnh hưởng mạnh². Để giảm bớt thiệt hại cho nông dân, các chuyên gia địa vật lý đã tự tay chuyển dời trạm địa chấn, máy thu, máy khoan, bơm, ống dẫn...và sau mùa đầu tiên thì quyết định dời những dải địa hình để đường đi của chúng không đi qua đồng nữa.

Trích báo cáo của lãnh đạo nhóm các nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam nửa đầu năm 1963: «Hai cấu trúc địa chấn ở khu vực trung tâm đã được xử lý xong trong nửa đầu năm. Vị trí cấu trúc địa hình phụ thuộc vào các điều kiện của địa phương — dọc theo đường bộ, bờ sông và bờ kinh và cuối cùng là theo các con sông và kênh rạch. Do đặc điểm mật độ dân cư dày đặc ở lưu vực sông Hồng và việc vận chuyển giao thông trên đồng lúa là điều không thể, việc tiếp tục đặt các cấu trúc địa hình là rất khó khăn. Bởi vậy mà vào năm 1963 việc chuyển sang cấu trúc địa hình đường thủy đã được thực hiện. Máy ghi địa chấn và những «cái bím»³ của nó được đặt trên các bè gỗ, trạm địa chấn, điểm gây nổ và các giàn khoan đặt trên các con thuyền. Tất cả những phương tiện này được vận chuyển thủ công, bằng tay, vốn cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng gây năng suất kém»³.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1778, tờ 289.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1798, tờ 156.

***Từ hồi ký của nhà địa vật lý Trương Minh:** «Khi việc thăm dò bắt đầu được thực hiện theo đường sông, máy thu cũng được đặt trên những con thuyền chòng chành đầy. Tất cả mọi thời gian đều ở cả trên thuyền, ngay cả ăn cũng trên đấy. Nếu đọc bờ sông có làng hay cái chợ nào đấy thì chúng tôi có thêm củi và rau. Chúng tôi nấu ăn ngày hai lần cho cả nhóm. Còn nếu không gặp chợ thì cả ngày phải thiếu đồ ăn nóng và mọi người gắp gì ăn nấy. Nhiều lần hết cả gạo, chúng tôi phải thay bằng khoai lang. Có một lần khi đang ngủ trong lều của mình ở giữa đồng, chúng tôi bị một cụ già đánh thức. Hóa ra đó là chỗ người ta chôn động vật bị chết vì phong thủy và cần phải rời trại khỏi đó ngay lập tức. Trong khi chúng tôi vội vã lo nhỏ trại, cụ già đứng nhìn và lắc đầu tỏ vẻ thông cảm khi thấy rằng cuộc sống của những người làm nghề tìm kiếm dầu khí cũng không dễ dàng hơn người nông dân phải quanh năm cặm cụi trên đồng. Tiếc là khi thực hiện các vụ nổ địa chấn, đội đã làm hỏng một số kênh tưới tiêu, thế nhưng người dân địa phương chẳng hề đòi bồi thường mà ngược lại, còn đem đồ ăn cho chúng tôi. Họ cho rằng những người đang đi tìm dầu và khí quan trọng hơn cho đất nước, hơn cả những người đi tìm vàng. Còn họ, về phần mình, khi chấp nhận vài điều bất lợi không nhiều ầu cũng là sự đóng góp vào công cuộc chung vậy»¹.*

Giai đoạn đầu của công tác nghiên cứu địa chấn tiếp tục kéo dài đến cuối năm 1964. Chỉ đến cuối năm 1963, số lượng các chuyên gia thăm dò địa chấn Liên Xô đã giảm nhờ việc đào tạo thành công đội ngũ cán bộ Việt Nam. Chỉ có giám sát kỹ thuật V. V. Maksyutova và kỹ thuật viên — điều hành D. Z. Maksyotov là gia hạn chuyển công tác của mình hai lần theo yêu cầu của chính phủ Việt Nam. Tháng Ba năm 1965, bà V. V. Maksyutova và kỹ sư Hồ Đắc Hoài cùng soạn báo cáo về công tác thăm dò địa chấn ở khu vực miền trung Hà Nội cho giai đoạn vừa qua.

Vào thời điểm đó, độ sâu của các nghiên cứu địa chấn chỉ giới hạn trong hai kilômét, mặc dù theo như dự báo của các chuyên gia địa chất, vỏ trầm tích của miền trung Hà Nội đạt khoảng 4 km hoặc có thể hơn. Một phương pháp địa vật lý khác là thăm dò điện cấu trúc cho phép tiến hành nghiên cứu sâu hơn. Để tổ chức việc này, mùa xuân 1964, kỹ sư địa vật lý G. A. Vedrintsev (kỹ sư trưởng-thông dịch viên) và A. M. Emelyanov (kỹ sư điều hành cao cấp) từ Liên Xô đã sang Việt Nam. Số lượng nhỏ của nhóm chuyên gia thăm dò điện Liên Xô liên quan tới việc phương pháp địa vật lý thăm dò này được ứng dụng đã vài năm ở Việt Nam trong tìm kiếm các khoáng sản cứng có ích, thế nên nhân viên của nhóm thăm dò điện được chọn chủ yếu từ đội ngũ nhân sự Việt Nam.

Về phía Việt Nam, việc phụ trách điều hành công việc lần lượt do các kỹ sư Trần Trọng Đình, Tăng Mười, Trần Đức Đình đảm nhận. Các nhà địa vật lý Liên Xô phải chuẩn bị kế hoạch các cuộc thử nghiệm, tiến hành tái đào tạo các nhân viên điều hành địa phương để họ tập làm việc với những máy móc thiết bị mới và tiếp đó phụ trách việc hỗ trợ tư vấn và phương pháp luận, giúp diễn giải các dữ liệu nhận được. Theo tài liệu của văn phòng Thủ tướng chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa năm 1964, chuyên gia kỹ sư điều hành Liên Xô «phải đảm bảo hoạt động an toàn trạm khảo sát điện ERSU-60 vốn sẽ được sử dụng ở Việt Nam lần đầu tiên, làm công tác thực địa bằng các phương pháp âm thanh điện chiều dọc (VES), âm điện lưỡng cực (DES), đo sâu từ telua (TT) và dòng điện đất», còn kỹ sư trưởng — thông dịch viên phải nắm vững các phương pháp diễn giải kết quả theo tất cả các phương pháp nêu trên»².

Từ tháng Sáu năm 1964 đến tháng Ba năm 1965 các nghiên cứu thử nghiệm được tiến hành và kết quả của chúng được công bố trong «Báo cáo sơ bộ về kết quả công tác thăm dò điện ở vùng trung Hà Nội» do chuyên gia G. A. Vedrintsev và kỹ sư Tăng Mười soạn thảo và lập đề án nghiên cứu cho hai năm tiếp theo³. Ngày 1 tháng Tư năm 1965 là ngày bắt đầu việc nghiên cứu vùng trung Hà Nội bằng các phương pháp thăm dò điện và dự kiến kết thúc ngày 30 tháng Tư năm 1967. Các công tác thực địa do một đội khảo sát âm điện thẳng đứng và ba đội làm việc theo phương pháp đo sâu từ telua (MTT) đảm nhận. Trước tiên các nhà khảo sát điện bắt tay vào việc nghiên cứu chi tiết cấu tạo các khối nâng lớn của vỏ trầm tích vùng trung Hà Nội mà công tác thăm dò trọng lực và địa chấn đã phát hiện ra.

Cuối năm 1965, các nhà địa vật lý Nga và Việt Nam đã đạt được một số thành tích nhất định. Trước hết, ở Liên đoàn Địa chất 36 đã hình thành đội công tác địa vật lý xuất sắc có khả năng tiến hành nghiên cứu bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong chuyến thăm nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào mùa hè năm 1964, sau khi tìm hiểu về tình hình chung của Công ty Địa vật lý thuộc Tổng cục Địa chất Việt Nam, ông A. F. Kamykov, đại diện Bộ Địa chất và Bảo vệ tài nguyên Liên Xô đã nhận xét rằng «các công tác địa vật lý tích hợp trong thăm dò dầu khí được tiến hành một cách rõ ràng nhất, có tổ chức nhất và hiệu quả nhất» (Liên đoàn №36)⁴.

Hoạt động này cho phép đưa ra những khám phá quan trọng đầu tiên. Qua so sánh các dữ liệu khảo sát trọng lực và địa chấn, đã thiết lập được mối liên hệ trực tiếp giữa các dị thường địa phương của trường hấp dẫn và các cấu trúc nếp lồi của tầng trầm tích, xác định được bằng khảo sát địa chấn trong khu vực trung tâm của vùng kiến tạo. Năm 1963, một cấu trúc nếp lồi lớn ở khu vực thành phố Thái Bình đã được phát hiện và những nghiên cứu tiếp đó đã dẫn đến việc mở và khoanh vùng những cấu trúc tiềm năng ở những khu vực khác trong miền trung Hà Nội, đánh dấu trong đó những đới nâng tuy nhỏ hơn nhưng có khả năng tích trữ dầu và khí.

***Trích báo cáo của ông N. I. Lavrik, trưởng nhóm các chuyên gia địa chất Liên Xô ở Việt Nam năm 1965:** «Hiện nay đã khá chắc chắn là phức hệ trầm tích ở phần ngập nước nhiều nhất của vùng trung Hà Nội dày hơn 4000 mét. Ngoài ra còn biết đến các cấu trúc tiềm năng lớn làm phức tạp thêm phức hệ trầm tích và những khối nâng nhỏ cấp ba ở nhiều phần khác nhau của miền trung. Ví dụ của cấu trúc lớn là đới nâng Khoái Châu –Tiền Hải làm phức tạp hơn phần ngập nước của miền trung và nghiêng dần về hướng tây nam, nghĩa là về phía lãnh thổ địa máng. Đới nâng bị giới hạn bởi các nếp gãy này còn phức tạp hơn bởi nhiều nếp gấp ngắn nhỏ (Khoái Châu, Phú Cự, Thái Bình, Kiên Cương...). Cấu trúc lớn nhất trong số đó là cấu trúc Thái Bình vốn đã được khảo sát địa chấn và một phần công tác thăm dò điện»⁵.*

Sau khi nhận được các kết quả đầu tiên, các nhà địa vật lý của Đoàn 36 không dừng lại ở đó. Các công tác địa vật lý trên quy mô lớn hơn (1:100000, 1:50000) không chỉ được tiếp tục trong miền trung Hà Nội, mà còn được chuyển tới khu vực bồn trung An châu và các khu vực khác thuộc các tỉnh phía Bắc và phía Đông của nước VNCDCH, và ngoài nghiên cứu cấu trúc các nhà địa vật lý bắt tay vào nghiên cứu thương mại, thả dụng cụ đo đạc của mình

xuống giếng khoan. Nếu chú ý rằng ngành địa vật lý Việt Nam mới chỉ được vài năm tuổi thì các kỹ sư và kỹ thuật viên Việt Nam vẫn còn phải học hỏi rất nhiều, sai sót dù vẫn xảy ra, tỷ lệ phế phẩm vẫn còn cao, nhưng đây là những kẻ đồng hành không thể tránh khỏi của quá trình học tập.

Khoan giếng mang đến niềm hy vọng

Đóng góp của các chuyên gia địa vật lý trong việc tìm kiếm đầu mỏ hoặc khí đốt, dĩ nhiên là to lớn, nhưng, than ôi, họ không bao giờ khám phá ra dầu. Thiết bị của anh ta cũng giống như cây gậy của người mù, chỉ cho phép mò mẫm các vật thể xung quanh, nhưng không cho thấy hình dạng hình học, thành phần, màu sắc của chúng. Để giúp các nhà địa vật lý nhất thiết phải là người thợ khoan, chính công việc của anh ta cho phép, nếu như không thấy vương quốc trong lòng đất, thì ít nhất cũng thử được một hạt nhỏ của nó một cách vật lý. Ở đây trước hết chúng ta nói về khoan cấu trúc, mà nhiệm vụ chính là nghiên cứu mặt cắt địa chất, bao gồm lấy lõi (mẫu) để xác định thành phần thạch học (cát, đá sa thạch, đất sét, đá vôi), để xác định địa tầng (tuổi) của đá khoáng vật, tiến hành nghiên cứu địa vật lý trong thân giếng (karota).

Việc chuẩn bị cho khoan cấu trúc ở Đoàn 36 đã được bắt đầu ngay sau khi xuất hiện những dữ liệu đầu tiên về sự hiện diện của các kết cấu tích cực trong vùng trung Hà Nội. Ngay trong nửa đầu năm 1962, các nhà địa chất Liên Xô đã khuyến nghị các đồng nghiệp Việt Nam bắt đầu khoan hỗ trợ tại bốn địa điểm ở khu vực nghiên cứu đồng bằng sông Hồng¹. Vào tháng Giêng năm 1963, thành phần Đoàn 36 đã có thêm hai nhóm khoan và giếng khoan cấu trúc đầu tiên với độ sâu 802 mét ở Khoái Châu đã được thực hiện bằng sức lực của các nhân viên khoan Việt Nam².

***Từ báo cáo của người đứng đầu nhóm các nhà địa chất Liên Xô tại Việt Nam nửa đầu năm 1963:** «Hướng khảo sát địa chấn được xác định bởi các dữ liệu thăm dò trọng lực. Theo dữ liệu thu được bằng cả hai phương pháp, đã thiết lập và hiện đang khoan hai giếng cấu trúc — lập bản đồ; một giếng có độ sâu thiết kế là 800 m, và giếng khác (tạm thời được hình thành bằng trạm ZIF-650) có chiều sâu thiết kế 1200 m. Carota địa chấn các giếng này*



Các kỹ sư sơ đầu mỏ-địa chất Xô-viết thuộc đoàn thám hiểm 36 đã sống trong những căn «bungalow» này Ảnh của E. G. Rabits

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 1777, tờ 258.

^[2] Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. T. 1. Tr. 62.


Các nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam. Từ trái sang phải: lãnh đạo bộ phận thăm dò đầu mỏ ở Hà Nội, ông A. E. Kamenetsky, kỹ sư trưởng về lập bản đồ địa chất E. V. Golota, lãnh đạo nhóm các nhà địa chất Liên Xô tại Việt Nam N. I. Lavrik, người không rõ tên, kỹ sư tìm kiếm mỏ cao cấp V. D. Sterkin. Khoảng năm 1965

Ảnh tư liệu của L. E. Golota

cho phép nối buộc lại các ranh giới phân xạ và xác định vận tốc trung bình. Nhu cầu đẩy nhanh việc khoan cấu trúc — lập bản đồ đòi hỏi phải khẩn trương cung cấp thiết bị khoan ZIF-1200A đã đặt vào nửa đầu năm 1963»³.

Ngày nay, độ sâu giếng khoan ở Việt Nam đạt đến 5 nghìn mét nhưng vào thời điểm ấy mốc 1200 mét là một ranh giới quan trọng không chỉ đối với Đoàn 36, mà còn đối với toàn bộ ngành công nghiệp địa chất miền Bắc Việt Nam. Giếng với độ sâu như thế vào thời điểm đó được coi là «sâu» và các thợ khoan Việt Nam khi đó vẫn chưa nắm được công nghệ xây dựng giếng. Khởi công khoan sâu được lên kế hoạch cho năm 1963, để chuẩn bị cho việc này ngoài những thợ cã — cố vấn khoan cao cấp hiện đang làm việc trong Đoàn 36 còn có kỹ sư khoan cấu trúc cao cấp M. M. Blanca từ



Khách sạn Kim Liên ở Hà Nội, nơi tạm trú của các chuyên gia nước ngoài Ảnh của E. M. Zabloski

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 2, Hồ sơ 406, tờ 158.



Kho chứa dầu của Hà Nội đang bốc cháy



Hà Nội thời chiến. Ở tiền cảnh là nắp hầm cá nhân tránh bom



«Ngay từ lúc bắt đầu diễn ra các cuộc oanh tạc, chúng tôi được phát mũ sắt». Nhân viên Liên Xô E. G. Rabits của đoàn thăm dò dầu mỏ số 36 trên đường tới Hưng Yên



Nơi này vừa bị ném bom. 1968–1969
Tư liệu của M. B. Shneerson

Các nhà địa nhất còn nhớ một chuyện buồn cười xảy ra với đồng nghiệp của mình. Anh này vừa đi thực địa về và vào phòng tắm. Vì tiếng nước chảy ồn quá nên anh ta không nghe thấy thông báo báo động. Anh vô cùng kinh ngạc khi bước ra khỏi nhà tắm và thấy trên giường mình một quả đạn pháo bị xịt. Một người khác khi nhẩy xuống hầm trú bom vào một khe hẹp thì nhìn thấy một con rắn đang nằm uờn nghỉ ngơi dưới đó. Anh ấy đã chọn lựa giải pháp cho mình như thế nào trong tình huống này?! Những người đồng bào của chúng ta cười về những trường hợp ngộ nghĩnh này sau khi mọi chuyện đã xảy ra rồi, nhưng vào những thời điểm đầy bị kịch đối với Việt Nam thì họ chẳng có tâm trạng nào để cười, bởi hàng ngày là những cuộc oanh tạc đem tới chết chóc và hủy diệt.

* * *

Trích nhật ký của kỹ sư khoan dầu, chuyên gia tư vấn của Tổng cục địa chất Việt Nam ĐCCH V. V. Shimanovski: «13.12.66. Hôm nay — 13 tháng 13 năm 1966 — tôi phải đánh dấu bằng hai lần khung, không, ba lần khung. Ngày rửa tội chiến đấu của chúng tôi. Những ngày này thời tiết ở Hà Nội âm u, trời đầy mây, và không có cuộc oanh tạc nào cả. Tất cả chúng tôi chỉ được nghe kể về những lần không kích nhằm vào kho chứa dầu ở ngoại thành Hà Nội. Chúng tôi xem hình chụp các máy bay, tên lửa «Shrike», nhưng tự «thường thức» thì vẫn chưa có dịp. Và hôm nay bỗng nhiên đài phát thanh thông báo: «Đồng bào chú ý, Đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội ba mươi cây số ...». Tiếng còi báo động vang lên. Âm thanh xé chói tai. Ngay lập tức nghe thấy tiếng đạn nổ. Mọi người chạy ra sân, chui vào hầm trú ẩn, nền hầm ông nước, trên đầu chỉ có một lớp gạch xi măng bảo vệ. Giữa tiếng rú gào của đạn bom, giữa những đụn khói đen sì là tiếng kêu của phụ nữ, tiếng khóc của trẻ em và những loạt đạn pháo phòng không khô khốc. Đài phóng thanh vài lần thông báo rằng cuộc chiến trên không đang diễn ra ở Hà Nội. Cuộc chiến kéo dài khoảng 40 phút. Sau đó, đột nhiên không khí vắng lặng trở lại. Các chuyên gia chui ra khỏi hầm trú bom và nặng nề bước lên tầng ba về phòng mình, về ban quản lý địa chất. Đây là lần oanh tạc thứ tư trong vòng nửa ngày. Lần này huyện Gia Lâm bị ném bom, và, cũng như mọi lần, trạm nhiệt điện Hà Nội. Nhiều người chết, nhiều người bị thương, vài khu phố bị san bằng. Hôm nay thành phố Hà Nội để tang. Một quả bom nhằm vào trạm nhiệt điện Hà Nội rơi vào trung tâm hồ Hoàn Kiếm. Nửa tiếng sau đó, rùa Bà bị trúng thương bò lên bờ.

Nó nhìn đám người tụm lại cạnh hồ. Mọi người khóc. Con rùa đã sống vài thập kỷ và trở thành biểu tượng tự do của con người. Và giờ đây, con rùa nằm trước mặt họ, và tưởng như đôi mắt nó muốn kêu lên: «Vi sao? Vì sao, hà mọi người?»¹.

* * *

Chiến tranh làm thay đổi những kế hoạch trong công việc tìm kiếm dầu. Từ khi bắt đầu thời kỳ oanh tạc, theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam, thành phần của các chuyên gia địa chất Liên Xô dần giảm xuống, từ 33 người còn 11 người. Những người khác được cố gắng giữ lại, không gửi tới những khu vực bị ném bom, mặc dù không phải lúc nào cũng làm được, vì không chỉ thủ đô, nơi có khách sạn Kim Liên là trụ sở của các nhà địa chất Liên Xô, mà cả các thành phố tỉnh lỵ và làng mạc cũng bị ném bom.

Trích nhật ký của kỹ sư khoan dầu, chuyên gia tư vấn cho Tổng cục địa chất Việt Nam ĐCCH V. V. Shimanovski: «15.12.66. <...> Những vùng có đoàn thăm dò dầu lửa bị ném bom nhiều hơn so với Hà Nội, mà ở đó không có hầm trú bom và bom bi ở đó còn nguy hiểm hơn, vì có thể chế toác những ngôi nhà làm bằng tre. Nhưng người Việt Nam lại lo cho chúng tôi. Tên lửa từ máy bay Mỹ rơi vào tòa nhà Đại sứ quán Trung Quốc. Những mảnh bom làm hư hỏng tòa nhà đại sứ quán Rumani. Ở tòa nhà sứ quán Liên Xô kính cửa sổ bị vỡ văng ra ngoài. Một quả bom rơi vào khách sạn Kim Liên, chỉ cách khu nhà chúng tôi ở chừng 500 mét. Chiếc máy bay Mỹ F-105 bị bắn hạ rơi xuống gần trường đại học Y. Chưa hết, tên phi công Mỹ bị bắt làm tù binh tuyên bố rằng đó mới chỉ là hoạt động trinh sát hệ thống phòng thủ của Hà Nội, cuộc oanh tạc chính ngày mai mới bắt đầu! Có lẽ tuyên bố này trở thành nguyên nhân khiến chúng tôi được mang đi sơ tán cấp tốc. <...> 20.12.66. Từ sáng tới trưa chúng tôi ngồi trên đồi, «làm việc» với lãnh đạo Đoàn. <...> Bỗng có tiếng còi rú ... Lúc đầu tiếng còi từ xa xa, rồi gần hơn, gần hơn nữa. Chúng tôi nhẩy ra ngoài đường rồi chui vào chiếc hầm trú bom còn đang đào chưa xong. Ở trên núi, cách chừng 5–10 cây số trận chiến đang diễn ra, máy bay F-105 và vài máy bay MIG-21 đang quần đảo. Sau đó máy bay MIG biến mất, một máy bay bị tên lửa Mỹ bắn rơi. Còn máy bay F-105 vẫn bay vài vòng là là trên đỉnh núi. Có thể nhìn thấy máy bay rất rõ trên nền núi và những đám mây màu trắng. Chúng tôi

¹ Shimanovski V. V. Nhà địa chất thời chiến // Từ khó quên «Liên Xô». M., 2006. Tr. 189.

thấy một chiếc F-105 phóng cùng lúc 4 tên lửa xuống mục tiêu dưới mặt đất. Để lại phía sau một đụn khói, chúng lao xuống đất và một lúc sau chúng tôi nghe thấy những tiếng nổ. <...>

Tôi chỉ muốn đi Hà Nội. Ngồi ở đây không làm việc thật xấu hổ, nhưng các đồng chí Việt Nam dứt khoát phản đối, họ viện cớ rằng ở thủ đô tình hình đang rất nguy hiểm. Họ mang tới lệnh của lãnh đạo ban quản lý địa chất Điệp và lãnh đạo nhóm N. A. Udodov, cấm không được ra khỏi căn cứ cho tới khi có giấy phép đặc biệt. Chỉ còn cách hy vọng vào việc ngừng bắn nhân dịp năm mới, đài phát thanh Hà Nội có đưa tin về khả năng này»¹.

* * *

Theo quy định ngặt nghèo của thời chiến, tất cả những gì tốt nhất được dành cho mặt trận. Các nhà địa chất, các chuyên gia địa vật lý và kỹ sư khoan dầu cùng chịu gian khổ với nhân dân cả nước và kiên cường thực hiện nhiệm vụ của mình. Nhiều lãnh đạo, kỹ sư và công nhân ra trận và tham gia chiến đấu tại các cánh quân khác nhau, những nghĩa vụ của họ giờ đây được chuyển giao lên vai những người còn lại ở hậu phương. Về số lượng những người tham gia nhập ngũ thì tỉnh Thái Bình, là nơi đang diễn ra những công việc tìm kiếm dầu mỏ chủ yếu, đứng đầu bảng. Các nhóm địa chất và địa vật lý có thêm những người mới, cần đào tạo họ từ đầu. Trong khi đó, phương pháp làm việc trở nên phức tạp hơn nhiều, vì để tìm dầu và khí đốt cần áp dụng những phương pháp mới, khó hơn trước. Trong những năm chiến tranh, các nhóm tìm kiếm dầu đã ứng dụng các phương pháp địa vật lý tiên tiến nhất — phương pháp liên kết sóng khúc xạ, phương pháp dòng điện tellur, phương pháp thăm dò địa điện từ tellur và các phương pháp khác, cho phép tăng đáng kể chiều sâu của các nghiên cứu và khối lượng thông tin của những tư liệu có được.

Trích hồi ký của chuyên gia địa vật lý Nguyễn Hiệp: «Làm được công việc này rất khó [Ở đây nói về các nghiên cứu địa vật lý. — Chú thích của tác giả.]. <...> Còn khó hơn nữa khi mà máy bay Mỹ bắt đầu điên cuồng ném bom hai tỉnh Quảng Ninh và Vĩnh Linh, chặn đứng các con đường ở phía đông bắc, vì thế mà chúng tôi buộc phải di chuyển và thực hiện việc đo đạc vào ban đêm. Nhiều lần tôi phải làm việc ở những nơi còn khét lẹt mùi bom nổ, cây cối và nhà cửa bị thiêu cháy. Xe thường chạy dưới ánh chớp của những quả bom Mỹ nổ cách đó không xa, hay bên

¹ Shimanovski V. V. Nhà địa chất thời chiến. Tr. 189–192.

cạnh những quả đạn chưa kịp nổ. Nhìn thấy những cô gái đứng bên miệng những hố bom, tay cầm cờ màu trắng và chỉ đường cho xe chúng tôi đi, chúng tôi cảm thấy tự tin, nhưng đồng thời cũng thấy xấu hổ khi chứng kiến sự quả cảm của các cô gái. Thời ấy quần áo bảo hộ lao động rất hiếm, đàn ông được phát quần áo và giày vải nhận từ Trung Quốc, lúc mưa chúng tôi phải dùng một mẩu ni lông che người (chỉ có ban lãnh đạo được dùng áo mưa bằng vải bạt). Ba lô cũng không đủ, vì thế vật dụng cá nhân, nồi niêu để nấu ăn và lương thực phải cho vào thúng và gánh bằng đòn gánh! Nếu không có những thiết bị mà chúng tôi mang theo người thì không ai biết được đó là nhóm thăm dò trắc địa và trọng lực!»².

Đoàn thăm dò dầu lửa số 36: tăng cường tìm kiếm

Từ khi bắt đầu tổ chức sơ tán vào năm 1965, phía Việt Nam tạm thời yêu cầu không gửi thêm các chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam, ngược lại một số chuyên gia được đưa trở về Liên Xô trước thời hạn. Tới giữa năm 1965, số lượng các kỹ sư địa chất Liên Xô chỉ còn lại con số tối thiểu, và tốc độ công việc tìm kiếm thăm dò giảm đi rõ rệt. Thời kỳ này rất thiếu những chuyên gia khoan dày kinh nghiệm và các chuyên gia địa vật lý, nhưng nhiệm vụ tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt thì vẫn còn nguyên đầy.

Trích bức thư của phó giám đốc Ban quản lý quan hệ đối ngoại thuộc Tổng cục địa chất Liên Xô L. I. Grdzelow gửi cố vấn về các vấn đề kinh tế cho Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam ĐCCH V. N. Goryushin ngày 6/7/1965: «Khuyến nghị đối với kỹ sư địa chất trưởng về tìm kiếm thăm dò dầu khí, đồng chí Kameneski A. E về việc khoan cấu trúc biểu đồ và khoan cơ bản ở miền vông Hà Nội là đúng <...> Tuy nhiên cần lưu ý rằng, công việc tìm dầu mỏ đang được thực hiện với công suất lao động và hiệu quả ít hơn rõ rệt so với các khoáng sản cứng khác. Nhược điểm chính của công việc khảo sát địa chấn là tình trạng thiếu hụt các nghiên cứu áp dụng phương pháp liên kết sóng khúc xạ, là phương pháp hết sức cần thiết nhằm giải quyết vấn đề về độ sâu tới nền của miền vông Hà Nội.

² Trích từ: Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 47.

Những nghiên cứu như vậy, mặc dù với khối lượng tối thiểu, cần thiết phải được thực hiện trong năm 1965 dưới dạng 2–3 giao cắt của trứng. Một vấn đề hết sức quan trọng là phải nhanh chóng tiến hành công tác thực nghiệm về sự thăm dò cấu trúc bằng phương pháp điện, là những công việc hầu như chưa được thực hiện trong năm 1964. Nếu có thể áp dụng phương pháp điện thành công để giải quyết các bài toán khoan thăm dò thì việc này sẽ giúp thúc đẩy đáng kể việc khảo sát, cũng như làm giảm bớt chi phí. Ngoài ra còn cần đặc biệt lưu ý tới khả năng áp dụng phương pháp khảo sát điện để thu được dữ liệu về độ sâu và địa hình nền móng của trứng Hà Nội, điều này cho phép giảm khối lượng công việc địa chấn khúc xạ»¹.

Tình trạng chậm trễ chỉ là tạm thời. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và các nhà lãnh đạo Đảng khác cùng chính phủ đã đề ra nhiệm vụ tăng cường tìm kiếm dầu lửa và khí đốt, bắt chấp những cuộc oanh tạc tàn bạo và những khó khăn thời chiến.

* * *

Ngày 23 tháng 8 năm 1965, lãnh đạo Tổng cục địa chất Việt Nam DCCCH Nguyễn Văn Điệp đã tới đại sứ quán Liên Xô gặp cố vấn kinh tế V. N. Goryushin để bàn bạc về các công việc cần làm tiếp theo.

«— Vasili Nikolaevich, chúng tôi gần như đã hoàn thành việc sơ tán những cơ quan và xí nghiệp trọng yếu, ông Điệp nói sau những câu chào hỏi đầu tiên- Sau đó chúng tôi có kế hoạch tăng tốc độ tìm kiếm và thăm dò, vì thế chúng tôi đương nhiên cần tới sự giúp đỡ của các bạn. Trong câu chuyện, lãnh đạo cơ quan địa chất Việt Nam cho biết, bắt chấp các cuộc oanh tạc năm 1966, Việt Nam vẫn quyết định tăng cường tìm kiếm than, dầu và khoáng sản quặng, vì thế chính phủ đất nước muốn mời tới 60 các chuyên gia Liên Xô, bao gồm các nhà địa chất, địa vật lý, kỹ sư khoan, kỹ sư cơ khí tới Việt Nam. Đây là tin bất ngờ đối với ông Goryushin, vì thực tế hai năm vừa rồi cho thấy điều ngược lại: số lượng các kỹ sư địa chất Liên Xô ở miền Bắc Việt Nam giảm đi do ảnh hưởng của phong trào «dựa vào chính sức mình». — Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi theo dõi rất sát sao công việc tìm kiếm ở vùng đồng bằng sông Hồng, vì thế một phần tư số các nhà địa chất được mời tới Việt Nam năm tới sẽ phải tham gia vào cuộc thăm dò dầu mỏ. — Anh định nói tới «đoàn», đoàn số 36, — ông Goryushin sửa lại.

— Không, Vasili Nikolaevich, tôi không nhằm, — ông Điệp đáp, — hiện nay chúng tôi đang chuẩn bị quyết định về việc chuyển đổi đoàn số 36 thành một đoàn thăm dò dầu lửa riêng biệt, với sự tham gia của đội ngũ các dịch vụ khác — phòng thí nghiệm, xưởng, ô tô. Về tầm quan trọng, hiện nay dầu lửa vượt trên cả thiếc và quặng sắt, chỉ thua có than và các công việc khảo sát địa chất. — Vậy thì, đồng chí Điệp, chúng tôi chỉ còn biết chúc mừng quyết tâm tìm dầu cao đến như thế, — ông Goryushin mỉm cười, nhưng lập tức nghiêm nghị nói thêm: — Từ khi còn là một kỹ sư đường sắt trẻ, tôi đã biết nhiệm vụ sơ tán nặng nề như thế nào, và có thể hình dung được công việc mà các bạn đang phải gánh vác. Tôi nghĩ rằng, các chuyên gia

địa chất của chúng tôi cũng rất hiểu điều đó. Nhưng đồng chí Điệp ạ, đồng chí cần gấp rút làm mọi việc. Đáng tiếc là chúng ta không thể tránh khỏi những thủ tục hành chính, việc ký kết hợp đồng và tuyển chọn kỹ sư và nhân viên kỹ thuật ở Việt Nam mất nhiều thời gian, xin đồng chí đừng quên việc này.

— Chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp, Vasili Nikolaevich- ông Điệp nói khi chia tay. Ra tới cửa, ông quay lại và nói: — À, còn điều này nữa, theo quy định mới, chúng tôi hiện nay đang cố gắng tổ chức sắp xếp công việc một cách hợp lý cho những người còn đang làm việc trong đoàn số 36, trước hết là kỹ sư trưởng-nhà địa chất phụ trách tìm kiếm dầu mỏ Avsei Efimovich Kameneski. Ông đã một năm nay phụ trách chung các công việc tìm kiếm dầu lửa và hiện đang nghỉ phép. Chúng tôi rất bằng lòng với công việc của ông ấy, và mong muốn rằng việc lãnh đạo công việc tìm kiếm dầu được giao cho một người. Đồng chí Kameneski hoàn toàn phù hợp cho cương vị này. Đồng chí cũng biết đấy, bây giờ chúng ta không có quyền để mất thời gian vào việc chuyển giao kinh nghiệm của ông Kameneski cho một người lãnh đạo mới. Với sự đồng ý của đồng chí, chúng tôi sẽ cho chuẩn bị đơn đề nghị chính thức»².

Hai tuần sau đó, có thư chính thức từ Văn phòng Bộ trưởng.

Trích thư Phó lãnh đạo Văn phòng Bộ Trưởng Nguyễn Kim Cường gửi phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại I. V. Archipov ngày 28–8–1965: «Văn bản bố sung số 13 cho hợp đồng số 389 về thời hạn làm việc tại Việt Nam DCCCH của kỹ sư địa chất trưởng về thăm dò dầu mỏ, đồng chí Kameneski A. E là hai năm. Hiện tại, sau một năm làm việc tại Việt Nam DCCH, đồng chí Kamesesi đang nghỉ phép tại Liên Xô. Xuất phát từ tính chất đặc biệt của công việc thăm dò dầu mỏ ở Việt Nam DCCH, chúng tôi cho rằng công việc này sẽ kéo dài và tốt nhất nên giao cho một chuyên gia thực hiện, tức đồng chí Kameneski. Tuy nhiên, hiện tại công việc thăm dò dầu khí chưa đạt được tốc độ như mong muốn. Việc khoan giếng dầu đang được thực hiện ở tiến độ rất chậm. Vì vậy, để sử dụng một cách hợp lý hơn vốn kinh nghiệm của chuyên gia Kameneski, Chính phủ VNDCCH đề nghị ông quy định chế độ làm việc tiếp theo tại Việt Nam (trong năm hợp đồng còn lại) như sau: Giai đoạn 1 từ tháng 12 năm 1965 tới tháng 5 năm 1966; Giai đoạn 2 từ tháng 12 năm 1966 tới tháng 5 năm 1967 ẽ. Sau đó, chúng tôi đề nghị gia hạn hợp đồng thêm 6 tháng nữa, từ tháng 1 năm 1968 tới tháng 6 năm 1968 để viết báo cáo về công việc đã làm»³.

* * *

Số lượng các giếng khoan thăm dò ở vùng đồng bằng sông Hồng đã tăng lên, giúp hình dung rõ hơn về cấu trúc lòng đất của khu vực tiềm năng có chứa dầu mỏ. Các tháp khoan dầu có mặt tận ở vùng Gia Lâm ngoại thành Hà Nội, còn các giếng khoan phía nam xuống tận vùng biển tỉnh Nam Hà. Tổng cộng trong giai đoạn các năm 1963–1969 ở vùng đồng bằng sông Hồng đã khoan được 22

^[1] Ghi chép cuộc nói chuyện của cố vấn về các vấn đề kinh tế dành cho Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam DCCCH — V. N Goryushin với lãnh đạo Tổng cục địa chất thuộc Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam DCCCH, đồng chí Nguyễn Văn Điệp // Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 207. Từ 22–23.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 9. Hồ sơ 207. Từ 12.

giếng khoan thăm dò. Độ sâu của những giếng khoan này từ 150 đến 1200 mét, tùy thuộc vào độ dày của lớp trầm tích.

Kề vai sát cánh làm việc với những người thợ Việt Nam là những chuyên gia khoan dầu và cố vấn Liên Xô, luôn có mặt vào những thời điểm trọng trách nhất.

Trích báo cáo của lãnh đạo nhóm các nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam U. P. Rasskazov năm 1968: «Đồng chí Fedenko I. M. và Fursa V. P. trước ngày 18 tháng 8 năm 1968 làm việc tại đoàn thăm dò dầu lửa số 36, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo kỹ thuật và trợ giúp thực tiễn cụ thể cho việc khoan giếng dầu số 5 (thuộc tỉnh Thái Bình) với độ sâu dự án là 1200 mét, dùng máy khoan ZIF-1200A. Trong những điều kiện địa chất phức tạp, giếng được khoan tới độ sâu 1117 mét với năng suất lao động trung bình là 62 m/giờ mỗi tháng. Tốc độ cơ khí đạt được khá cao, ở mức — 1,18 m/giờ. So với năm trước, cân bằng thời gian làm việc tại giếng khoan được cải thiện. Sau khi các chuyên gia Liên Xô rời khỏi Việt Nam, công việc khoan giếng hầu như chấm dứt, và chỉ được khôi phục lại vào đầu tháng 9. Phía Việt Nam giải thích cho việc dừng khoan lâu như vậy là vì không có đất sét, mũi khoan, cần khoan chủ động dùng cho máy ZIF-1200 và thiếu nhân lực. Vì dừng lâu nên giếng bị trơ, việc khoan tiếp theo gặp phải nhiều khó khăn về kỹ thuật, vì vậy quyết định đưa ra là đóng cửa giếng ở độ sâu 1123 mét, coi như giếng đã hoàn thành mục đích địa chất của mình. Theo đề nghị của các chuyên gia Liên Xô, đã lập ra một kế hoạch làm việc nhằm chuẩn bị giếng và tiến hành các công việc hoàn tất cuối cùng»¹.

Với sự nỗ lực của các bên, việc khoan thăm dò tiếp tục được thực hiện, với chất lượng ngày một tăng lên, bắt chấp mọi khó khăn thời chiến tranh. Tiến bộ kỹ thuật thể hiện trong quá trình khoan giếng số 13 ở phía tây bắc của Thái Bình, cách huyện Tiền Hưng 10 km. Giếng bắt đầu được khoan vào ngày 20 tháng 4, và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1969. Trong một khoảng thời gian tương đối ngắn (8 tháng), giếng được khoan xuống tới độ sâu 1200,3 mét. Đó là giếng khoan thăm dò đầu tiên ở Việt Nam có độ sâu đến mức ấy!

* * *

Vào những năm 1967–1969, tham gia đoàn thăm dò dầu mỏ số 36, các chuyên gia địa vật lý của Liên Xô và Việt Nam cùng làm việc ngoài thực địa, cả ở miền vông Hà Nội, cả ở trung An Châu. «Liên Xô» đã giúp dịch các tài liệu nhận được, lập dự án và báo cáo về các loại hình công việc địa vật lý khác nhau, các chuyên gia Liên Xô luôn nhận về mình những phần việc khó nhất. Họ vẫn tiếp tục giúp các nhà địa vật lý Việt Nam học hỏi phương pháp làm việc và cách thức sử dụng thiết bị. Ví dụ, ông A. S. Markelov làm công việc sửa chữa và lắp đặt trạm địa chấn ghi âm từ, còn kỹ sư trưởng M. A. Portnyagin thì lãnh đạo nhóm các nhà địa vật lý chuyên viết báo cáo về kết quả của các công việc thăm dò điện tại miền vông Hà Nội và đảm nhận hầu hết các công việc chính về diễn giải và tổng hợp tài liệu về khảo sát điện trong giai đoạn từ năm 1964 tới năm 1969. Cũng chính ông đã lãnh đạo các chuyên gia lập trình làm việc tại Ủy ban về khoa học của Việt Nam, những người lần đầu tiên ở Việt Nam lập ra chương trình xử lý dữ liệu trọng lực bằng máy tính trên chiếc máy «Minsk-22». Bảng sức lực của đội carota thuộc nhóm tìm dầu số 36-K, gồm hai nhân viên đời khiến kỹ thuật Việt Nam, bốn, năm kỹ thuật viên kiêm chuyên gia địa vật lý và từng ấy nữa công nhân dưới sự chỉ đạo ban đầu là của ông Y. I. Korchagin,



Nhà địa chất A. E. Kameneski vào những năm 60 — đầu những năm 70 lãnh đạo công tác tìm kiếm dầu mỏ ở miền vông Hà Nội Từ Lưu trữ của Viện Nghiên cứu địa chất Nga

sau này là V. Esik mà công việc nghiên cứu giếng khoan được tiến hành.

Các nhóm chuyên gia địa vật lý dưới sự lãnh đạo của các kỹ sư Liên Xô đã tích cực nghiên cứu các cấu trúc được tìm thấy bằng cách áp dụng những phương pháp mới và bằng cách mở rộng phạm vi nghiên cứu. Năm 1968, tại cấu trúc Kiến Xương trong khi tiến hành nghiên cứu thủy văn học tại giếng đầu số 5, được khoan tới độ sâu 1123 mét, các chuyên gia đã phát hiện thấy khí dễ cháy, còn ở giếng khoan số 20, cách Hà Nội 20 cây số, ở độ sâu 500 mét đã phát hiện thấy biểu hiện của bitum rắn, chất này bùng cháy khi tiếp xúc với que diêm đang cháy².

Trích báo cáo của lãnh đạo nhóm các nhà địa chất Liên Xô ở Việt Nam Y. P. Rasskazov vào năm 1969: «Trong năm 1969 nhóm tìm kiếm dầu 36-K (Khuong, Bích, Bình) cùng với các chuyên gia Liên Xô A. I. Gorelikov và V. N. Kislyakov đã nghiên cứu nhiều biểu hiện khí đốt ở phía nam tỉnh Nam Hà. Kết quả của công việc đã làm là phát hiện ra hơn 80 điểm và nhóm biểu hiện khí có cường độ thấp, trung bình và cao. Ông A. I. Gorelikov đã chọn lựa và phân tích 19 mẫu khí. Biểu hiện khí có ở phần rìa của nếp lồi thoải Kiến Xương, đỉnh «B» và «C», ngoài ra còn có ở phần phía nam lồi m Vũ Tiên, chia tách các nếp gấp Tiền Hải và Kiến Xương (phần phía nam của đới Khoái Châu-Tiền Hải). Đó là các nguồn có khí xung động lên liên tục. Phần lớn các nguồn khí này được xác định tại các khu vực ngậm nước dưới dạng các tầng dễ nhìn thấy. Một phần nguồn được xác định tại các giếng khoan không sâu, dưới 10 mét, nhiều nguồn cho dòng khí đủ để cháy đều và mạnh»³.

Căn cứ vào kết quả tổng hợp các dữ liệu nhận được, các chuyên gia đi tới kết luận rằng khí tới từ trầm tích thấp. Cần khoan giếng khoan tham số tới độ sâu có thể về mặt kỹ thuật và thử các tầng dưới. Hơn nữa tới tháng 11 năm 1968 các đợt ném bom ở miền Bắc Việt Nam đã chấm dứt, tương chừng như chấm dứt hoàn toàn.

Cần nhắc tới ít nhất vài cái tên của các chuyên gia Liên Xô tham gia vào công việc tìm kiếm dầu lửa vào cuối những năm 60 — đầu những năm 70: kỹ sư trưởng địa chất A. E. Kameneski (trước năm 1972 ông là nhân vật chính đảm nhiệm việc xác định chiến lược cho công trình tìm kiếm dầu lửa ở miền vông Hà Nội), kỹ sư trưởng địa chất về dầu và khí V. N. Kislyakov, các kỹ sư trưởng về đo trọng lực E. I. Isaev, V. D. Mironov, các kỹ sư trưởng về thăm dò

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 3. Hồ sơ 20. Từ 121, 122.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 527. Danh mục 3. Hồ sơ 32. Từ 154.



Ván cờ buổi tối tại «dãy phòng liên của cung điện Hưng Yên»
Ảnh tư liệu của M. B. Shneerson



Kỹ sư trưởng-nhà địa vật lý M. B. Shneerson đang thực hiện công việc tính toán

địa chấn M. B. Shneerson, I. V. Voloshin, các kỹ sư trưởng khảo sát trắc địa G. N. Yagovtsev, V. A. Bronnikov, các kỹ sư trưởng về thăm dò điện M. A. Portnyagin, V. N. Mikhailevski, kỹ sư trưởng phụ trách khoan K. L. Romanko, kỹ sư trưởng về địa hình M. A. Taipov, kỹ sư trưởng về khảo sát khí I. A. Shmelev, V. A. Stroganov, kỹ sư trưởng về khoan thăm dò Y. B. Lebedev, kỹ sư trưởng thủy văn O. N. Yakovlev, kỹ sư trưởng về lắp đặt và vận hành thiết bị để nghiên cứu các đặc tính đá E. G. Rabits, kỹ sư trưởng địa vật lý (chuyên gia diễn giải) L. P. Siviski, kỹ sư trưởng địa vật lý (điều khiển máy) A. I. Sinelnikov, V. D. Ozerov, kỹ sư trưởng hóa học A. I. Gorelikov, kỹ sư trưởng về carota Y. I. Korchagin, các kỹ sư trưởng phụ trách việc sử dụng trạm địa chấn A. S. Markerov, A. E. Romanov, V. M. Purgin, kỹ sư trưởng về địa hình B. Budulatev, kỹ sư trưởng về carota V. Eski, kỹ thuật viên trưởng về khoan V. I. Korban¹ và nhiều người khác.

Họ đã sống như thế nào và họ đã nghĩ gì?

Trích hồi ký của E. G. Rabits «Tân mạn về Việt Nam»:

«Tôi bay tới Việt Nam vào tháng 12 năm 1970. Một tuần trước đó các tờ báo ở Matxcova viết về việc người Mỹ đột nhập vào nhà tù ở Hà Nội, nơi giam giữ những phi công Hoa Kỳ bị bắn rơi, và còn kể về những câu chuyện «kinh dị» khác. Nhưng khi tới Việt Nam, tôi không hề thấy bất kỳ bầu không khí quân sự đáng sợ nào cả.

Chúng tôi tới sân bay ở thành phố Hà Nội, khi đó là thủ đô Việt Nam ĐCCH. Sau đó, chúng tôi được chở tới làng Kim Liên, nơi cư trú của các chuyên gia nước ngoài, hầu hết từ khối xã hội chủ nghĩa. Tôi được bố trí sống trong phòng đơn, phòng có một chiếc giường đôi to, có màn bao phủ cả «sân bay» đó. Trên trần nhà, phía trên giường, có một chiếc quạt trần.

Ấn tượng ban đầu của tôi rất tốt đẹp, điều kiện ăn ở khiến tôi thấy yên tâm. Cần phải nói rằng vào tháng 12 thời tiết ở Hà Nội khá dễ chịu, nhiệt độ trung bình từ 12 tới 20 độ C, đôi khi nhiệt độ xuống thấp tới khoảng từ 2 tới 5 độ, là rất thấp đối với người Việt Nam. Nhưng tôi cảm thấy dễ chịu —không có chuyện khó chịu vì thay đổi khí hậu, nhưng gọi là quen với khí hậu thì cũng chưa hoàn toàn.

Buổi sáng chúng tôi được chở đến các cơ quan Liên Xô, đó là đại sứ quán, sau đó là Ủy ban quốc gia về kinh tế đối ngoại, rồi tới Cục địa chất Việt Nam. Mọi nơi đều quy củ, và tôi cảm thấy yên tâm, tôi tự nhủ là ở đây không tồ chút nào. Cứ thế được hai ba tuần, cho tới khi tôi được thông báo rằng phòng thí nghiệm thuộc đoàn thăm dò dầu khí, nơi tôi sẽ phải làm việc, nằm cách Hà Nội 70 cây số, gần

thành phố Hưng Yên. Và tôi sẽ sống và làm việc ở đó 6 ngày trong tuần, ngày chủ nhật tôi có thể về Hà Nội.

Và tôi đã tới nơi. Hãy thử hình dung cánh đồng lúa, và con đường đi qua cánh đồng đó. Một bên là đoàn thăm dò dầu lửa của Việt Nam, số lượng khoảng 200 người, có các khu nhà (mỗi nhà dành cho các số lượng nhân viên khác nhau). Bên kia là một dãy nhỏ có hai nhà một tầng được chia thành làm nhiều phòng đơn, không có cửa, một phòng ăn nhỏ và ở góc xa, cách khoảng 50 mét là phòng vệ sinh, kiểu closet (giống như cánh trong bộ phim Pháp thời xưa có tên là «Scandal in Clochmerle», nếu bạn còn nhớ) <...>

Tôi sống nửa năm như vậy, có thể nói rất ổn: tôi làm việc một tuần ở Hưng Yên, trong phòng thí nghiệm. Buổi chiều ở khu nhà tôi ở, như tôi đã kể, có khoảng từ 5 đến 10 chuyên gia, trong quầy căng tin của chúng tôi có đồ uống, vì thế chúng tôi chẳng buồn chút nào.

Khí hậu dễ chịu như vậy kéo dài tới những tháng mùa hè, tức là khoảng tháng 4-tháng 5 ở vùng này. Cuối tháng 5 tất cả các đồng chí của chúng tôi ở khu chuyên gia đã đi nghỉ phép, sau khi họ xem trước ngày và đặt lịch. Đầu tháng 6 chỉ còn mình tôi ở lại, nhiệt độ ngoài trời là 37 độ C, độ ẩm là 100%. Hồi ấy điện còn dùng bằng máy phát điện di động, máy phát điện được đặt ở chỗ làm việc của đoàn thăm dò dầu lửa ở đối diện. Lúc 11 giờ đêm người ta tắt máy phát điện đi, và cứu cánh của tôi — những chiếc quạt lờ ra phải mang tới chút gió vào buổi tối giờ đây biến thành đồng sắt vô dụng. Hồi bấy giờ ở miền Bắc Việt Nam chúng tôi còn chưa biết đến cái từ «điều hòa». Tôi nghĩ rằng nhiều người trong chúng ta biết rằng khi nhiệt độ lên tới 37 độ (nghĩa là cao hơn thân nhiệt) và trong điều kiện độ ẩm là 100% thì quá trình trao đổi chất trong cơ thể người không diễn ra và không thể ngủ được, bạn chỉ có thể nằm đó, người đầm đìa mồ hôi, giống như con cá trích ngâm dầu vậy. Còn cần phải nói thêm rằng giường có mắc màn để chống muỗi, vì thế không khí cũng bị mất thêm một phần. Nhưng chưa hết. Mái nhà bằng rạ, và là nơi cư ngụ của các «bạn bè» chúng ta- lũ chuột, mà tôi sẽ kể sau một chút.

Và khoảng gần nửa năm những tháng nóng nhất ở Hưng Yên hầu như tôi không ngủ. Ban đêm tôi đi dạo bộ ở gần khu nhà, khẽ hát bài «Trên các thung lũng và các ngọn đồi...» và thậm chí còn sáng tác các bài hát. <...>

Đấy là những quãng thời gian tươi đẹp trong cuộc đời của chúng tôi ở Việt Nam và cuối năm 1971 và đầu năm 1972. Mọi sự bình ổn cho tới cuối tháng 6, khi Hà Nội lại bắt ngờ bị ném bom. Vào cái ngày chủ nhật ấy, tôi và cô Liuba, cùng đồng chí của tôi tên là Boris Gorokhovski đang ở Hà Nội, chúng tôi vừa về thủ đô hôm trước. Chúng tôi định tới phố



E. G. Rabits và thực tập sinh bên thiết bị nghiên cứu via đá



O. N. Yakovlev và các thực tập sinh bên thiết bị lấy mẫu khí

«lạ», ngắm các quán hàng dọc phố đó và tìm mua vài đồ lưu niệm hay hay. Và trong lúc đang đi trên phố, chúng tôi chợt nhận ra rằng người dân có vẻ lo lắng. Một số người bắt đầu xuống hầm trú bom nằm trên phố, hầu như cạnh mỗi căn nhà đều có hầm trú ẩn. Chúng tôi đã mua được vài món đồ, nhưng vì ngôn ngữ bất đồng nên chúng tôi không hiểu vì sao người ta lại có vẻ bồn chồn lo lắng quá mức như vậy. Chỉ khi nhìn thấy người lái xe của chúng tôi, đang đứng cách chỗ chúng tôi vừa mua hàng khoảng 100 mét (anh ấy kêu to, chỉ tay lên trời, rồi chạy tới và kéo chúng tôi vào ô tô thật nhanh), chúng tôi mới hiểu rằng có đợt không kích. Khi ngồi vào ô tô, xe chúng tôi phóng về khu Kim Liên, qua những đường phố vắng vẻ, không một bóng người. Trên đầu chúng tôi là những «bóng ma» và tên lửa mà mắt thường cũng có thể nhìn thấy được. Nhưng người tài xế thấy trên đường không có ai, và thấy vẻ hoảng sợ của chúng tôi, nên quyết định dừng xe trước một hầm trú bom công cộng đã chật ních toàn người Việt Nam. Khi được yêu cầu cho các chuyên gia Liên Xô vào hầm trú ẩn, người tài xế nhận được câu trả lời mà tôi nghĩ là ở Nga bây giờ người ta cũng sẽ nói một câu hệt như thế. Thế là chúng tôi đành ngồi xồm để đợi, vì người lái xe từ chối chạy xe trong khi diễn ra cuộc oanh tạc bằng máy bay. Tôi vẫn còn một vật kỷ niệm về sự kiện này, đó là chiếc bình bằng sứ đang nằm trong chiếc cặp của tôi lúc đó, tôi dùng nó để che đầu cho vợ mình, để tránh mảnh bom rơi trúng đầu (bây giờ kể ra điều này thấy thật buồn cười). <...>

Tôi muốn nói với các độc giả của tôi điều này: đừng bao giờ tin nếu có ai đó bảo bạn rằng trận ném bom không có gì đáng sợ cả!

Và thế là bắt đầu một thời kỳ mới của các hoạt động quân sự, và cuộc sống của chúng tôi thay đổi hoàn toàn. Hai tuần sau đó, tôi làm được việc là sơ tán vợ tôi cùng với những người vợ của các đồng nghiệp. Cô ấy cũng giúp cho một đồng bào mình có chồng là người Việt Nam, đưa bọn trẻ con đi tránh bom, là điều vi phạm quy định thời bấy giờ. Tôi quay về Matxcova sau vợ tôi một tháng. Ở Việt Nam bắt đầu xảy ra các cuộc ném bom dữ dội, phòng thí nghiệm ở Hưng Yên bị đóng cửa, giếng khoan mà chúng tôi khoan ở Thái Bình cũng bị lấp. Tất cả các chuyên gia Liên Xô được đưa về nước: một số người về hẳn, một số người khác nhận được kỳ nghỉ phép dài tới khi kết thúc chiến tranh»¹.



Kỷ niệm về Việt Nam. Huân chương Hữu nghị và vô địch Mỹ «Shrike»
Ảnh tư liệu của O. N. Yakovlev

¹ Rabits E. G. Hồi ký và suy ngẫm về những con người và sự kiện trong đời tôi. M., 2015. Tr. 32-35.



Các sinh viên Việt Nam tại trường Đại học Hóa Dầu và Khí đốt Matxcova mang tên Viện sĩ I. M. Gubkin RIA «Novosti»

<...> Tới đầu tháng 9 các đội khoan bắt đầu được thành lập. Mỗi chuyên gia Liên Xô có kèm theo vài kỹ sư Việt Nam để trợ giúp. Cần dạy họ kỹ thuật khoan vốn không dễ chút nào, rồi cách thức để xử lý các vấn đề chắc chắn sẽ gặp phải khi khoan sâu. Các chuyên gia của chúng ta đã làm tốt công việc của mình: sát kỷ niệm 25 năm thành lập nước Việt Nam DCCH, giếng khoan số 1 ở Tiền Hưng bắt đầu hoạt động»¹.

** * **

Việc khoan giếng số GK-100 bắt đầu vào ngày 23 tháng 9 năm 1970 ở làng Khuốc, xã Phong Châu, huyện Đại Hưng. Đó là một trong những cái nôi của nghệ thuật chèo. Người dân ở đây rất coi mờ và thân thiện. Nhóm kỹ sư và công nhân làm việc ở giếng khoan sâu số 36-S, tổng cộng gần 200 người, không ít lần hưởng được thịnh tình của người dân nơi đây. Những đứa trẻ trong làng hầu như cả ngày đêm chơi bóng ở cạnh khu giếng khoan, vì buổi tối giàn khoan lấp lánh những ngọn đèn sáng không khác gì cây thông Nô en.

Tới cuối năm, tức là trong vòng ba tháng trời rờng rã làm việc, chúng tôi khoan được 1254 mét. Giếng khoan bằng phương pháp rô tơ, vì công suất điện cung cấp không đủ để áp dụng rộng

rãi phương pháp khoan turbo (công suất thủy lực của bơm khoan không đủ), tuy nhiên đôi lúc phương pháp khoan turbo vẫn được sử dụng. Các chuyên gia khoan giếng lo lắng nhất về chuyện thiếu rô tơ dự phòng, khớp khuyên và các cụm quan trọng nhất của thiết bị. Cũng có khi xảy ra sự cố. Một lần khi nhấc ống khoan lên, chúng tôi phát hiện ra rằng phần dưới của ống cùng với chiếc đục đã nằm lại ở đáy giếng. Dụng cụ cứu kẹt đã dùng hết và chúng tôi quyết định tự tay làm một chiếc chuông cứu kẹt. Theo bản vẽ của các kỹ sư Liên Xô, người thợ tiện Việt Nam Nguyễn Ngọc Lâm đã làm được dụng cụ cứu kẹt tại xưởng sửa chữa của đoàn. Khi đã gần tới khâu cuối cùng, trong khi dùng thiết bị để bơm tráng xi măng giếng khoan, áp suất bên trong thiết bị đột ngột tăng lên tới mức 250–300 atmospheres và động cơ thiết bị chết vì không thể chịu nổi trọng tải như vậy. Xi măng đông cứng bên trong giếng gây nguy cơ đánh mất giếng khoan. Đội khoan đã hành động nhanh và chính xác, kịp nhấc ống bơm lên và cứu vãn tình thế. Tại một số thời điểm xảy ra tình trạng dung dịch bị hấp thụ, và sự cố này đã được xử lý bằng cách bơm bít nhét trấu để bịt các lỗ hổng của phần đáy giếng.

Trấu gạo với tư cách là chất bịt trơ không phải là sáng kiến duy nhất của tập thể đoàn 36-S. Vì thiếu nhiều dụng cụ do nhà máy sản xuất hoặc không phù hợp với điều kiện tại chỗ, mọi người phải tự chế ra hoặc sửa lại những dụng cụ đang có sẵn. Một trong những sáng kiến như vậy là dụng cụ để chọn mẫu lõi, máy nâng thủy lực, máy xoay thủy lực để trộn dung dịch khoan... và một loạt chi tiết khác. Trong điều kiện thường xuyên thiếu thốn nguyên liệu để trộn dung dịch công nghệ, các kỹ sư K. A. Friev, B. I. Gorokhovski và Đinh Văn Danh đã tổ chức việc nghiên cứu tính chất và áp dụng các nguyên liệu có sẵn tại địa phương như than bùn, xi măng, đất sét.

***Trích hồi ký của kỹ sư khoan Đinh Văn Danh:** «*Hồi ấy điều kiện làm việc rất khó khăn. Không có nguyên liệu để xử lý dung dịch khoan, xi măng tăm pông, công nhân dầu khí. Chúng tôi mời các công nhân Liên Xô tới làm việc cùng công nhân Việt Nam. Giếng khoan không mang lại dầu, nhưng cho chúng tôi kiến thức, trở thành trường học thực tiễn để đào tạo những người làm việc tại giếng khoan»².**

Cũng không tránh khỏi những sự việc đáng tiếc. Vào tháng 4 năm 1971, sau khi đã trở về nước, một trong những thành viên của đoàn khoan Liên Xô, ông M. A. Kirillov đã qua đời vì viêm màng não nhiệt đới. Ngày 23 tháng 9 năm 1971 trong khi xử lý sự cố, người thợ khoan Liên Xô L. M. Serdyukov đã trượt chân ngã trên sân khoan, đập đầu vào rô to và mười ngày sau đó tử vong vì vết thương quá hiểm nghèo. Trong tiếng réo của tiếng còi, những cuộc mít-tinh tang lễ rất đông người tham gia đã diễn ra, đó là những người thợ khoan vĩnh biệt với các đồng chí của mình³.

** * **

Một năm sau kể từ ngày bắt đầu khoan giếng, vào ngày 28 tháng 9 năm 1971, sớm hơn một tháng theo dự kiến ban đầu, chông khoan đã chạm tới vạch 3000 mét. Về tổng thể tất cả các nhiệm vụ dự án đặt ra khi khoan giếng đều đã đạt được, đã tiến hành nghiên cứu một cách tổng thể về địa vật lý, chọn được các mẫu đất và chất lỏng. Mặt cắt do giếng khoan tạo ra không giống với mặt cắt dự án, và quyết định đưa ra là khoan sâu xuống tiếp nữa, tại độ sâu mà thiết bị có thể chịu đựng được. Ngày 5 tháng 12 năm 1970, ở độ sâu 3303,3 mét, công việc khoan được dừng lại.

Trước khi khoan giếng GK-100, mặt cắt địa chất ở vùng trung tâm miền vông Hà Nội mới chỉ được nghiên cứu ở độ sâu tối



Lắp đặt tháp để khoan giếng sâu

Ảnh tư liệu của S. G. Daumov

đa là 1200 mét. Cấu trúc, thành phần và độ tuổi của tầng cơ sở được suy đoán dựa trên cơ sở so sánh với mặt cắt của các giếng khoan ở rìa trũng. Giếng khoan thông số lần đầu tiên cho thấy trong khu vực này mặt cắt hoàn toàn mới của lớp trầm tích Neogen, xác định được sự tăng đột ngột độ dày của lớp trầm tích này so với độ dày dự đoán ban đầu. Trên thực tế, chưa tìm ra những dấu hiệu trực tiếp của dầu lửa, mặc dù từ một số tầng ghi nhận được những biểu hiện khí¹. Các nhà sử học về ngành dầu khí Việt Nam đánh giá tầm quan trọng của giếng khoan GK-100 như sau: «Năm 1972 công việc khoan giếng khoan thông số số 1 (GK-100) đã hoàn thành xong, mặc dù kết quả không như mong đợi, song tại giếng khoan sâu này nhờ thiết bị carota, đã thu được một tập hợp đầy đủ các dữ liệu»². Nói chung, giếng khoan này đã khẳng định những tiền đề địa chất chung về tiềm năng dầu và khí của miền vông Hà Nội.

Giếng khoan GK-100 được xây dựng trong những tháng hòa bình, nhưng công việc đóng giếng lại được thực hiện vào thời kỳ mới của cuộc chiến tranh trên không ở Việt Nam, bắt đầu vào tháng 4 năm 1972. Hào và hầm trú ẩn được đào xung quanh giếng khoan. Buộc phải làm công việc nguy trang cho tháp khoan và bãi khoan. Bên trong giếng khoan các công việc nghiên cứu vẫn đang được tiến hành, cho tới khi Tổng cục địa chất Việt Nam quyết định dừng công việc và tháo dỡ thiết bị. Việc thử nghiệm giếng khoan chỉ được khôi phục vào năm 1974.

***Trích hồi ký của kỹ sư Đặng Cửa:** «...Thái Bình tuy không phải là vùng trọng điểm nhưng thường là nơi trúit bom trên đường về Hạm đội 7 của máy bay Mỹ, bất kể ngày đêm đều có tiếng bom nổ trên các cánh đồng, bờ đê và không loại trừ các làng xóm đông dân. Có lần máy bay địch ném bom cách giàn khoan 500 mét, nhưng may mắn không ảnh hưởng đến máy móc, thiết bị và người. Chuyên gia Liên Xô, cán bộ, công nhân ta không kể ngày đêm tìm mọi cách tháo dỡ nhanh bộ máy khoan 4LD-150D, sớm hơn kế hoạch được giao 10 ngày»³.*

Từ khi khoan giếng GK-100, vào tháng 10 năm 1970, kỹ sư địa chất Nguyễn Ngọc Cư, các trung cấp địa chất: Nguyễn Văn Đắc, Phạm Ngọc Chời, Từ Nguyên Nhân; các trung cấp: Nguyễn Công Minh, Đào Kim Cúc, Ngô Vĩnh Nhượng, Nguyễn Hữu Nhan, Bùi Phóng, Hà Thành, Đoàn Văn Thành; trung cấp cơ khí Nguyễn Văn Đảm và những người khác đã trở về từ Groznyi và bổ sung vào



Xây dựng cơ sở phục vụ máy khoan

Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»

đoàn 36-S⁴. Những sinh viên tốt nghiệp đại học từ Rumania và Trung Quốc cũng quay về nước.

Những kỹ sư khoan mới lập tức có việc làm ngay, vì năm 1974 chương trình khoan sâu được tiếp tục thực hiện: vào tháng 2, sử dụng máy do Rumania sản xuất, các kỹ sư đã bắt đầu xây lấp giếng khoan tìm kiếm- thăm dò GK-101 ở khoan trường Kiến Xương «A», tới tháng 12 đã lắp máy khoan «Uralmash-ZD» được đưa tới từ Liên Xô để khoan giếng GK-102. Ngoài ra còn có quyết định về việc xây lấp giếng khoan GK-61 ở cấu tạo Tiền Hải «C», về sau mở ra mở khí thiên nhiên có giá trị công nghiệp⁵.

Giếng khoan GK-102 phải đạt tới độ sâu 5000 mét và làm lộ vùng có áp suất và nhiệt độ bất thường. Tình hình này tăng thêm yêu cầu đối với chất lượng thiết bị và dung dịch khoan.

***Trích hồi ký của V. I. Vlasov, chuyên gia về dung dịch khoan của đoàn 36:** «Tôi tới Thái Bình vào đầu tháng 3 năm 1975. Lúc đó có hai giếng khoan đang được khoan là GK-102 với độ sâu thiết kế là 5000 mét và giếng khoan GK-61 với độ sâu 3000 mét. Từ độ sâu 1100 mét mẫu lõi được đưa lên. Trong khi nghiên cứu các mẫu nhận được, giếng được khoan tới độ sâu 1300 mét. Nhưng lõi керн cho thấy «sự trào ra» của dầu, việc này đặt ra vấn đề cần thử nghiệm tầng đá được đưa lên trên. Để làm việc này, cần tạo ra bề mặt nhân tạo ở độ sâu 1150 mét. Tạo ra cầu bê tông không phải là việc làm khó, nếu không có một từ «nhưng» — nhiệt độ tại tầng giếng đang rất cao. Chất làm cứng xi măng đặc biệt được quy định sử dụng trong trường hợp này không mang lại tác dụng như mong muốn và thậm chí còn làm cho tình hình tồi tệ đi, xi măng vẫn ở thể lỏng. Trong khi đó, một phái đoàn Việt Nam rất quan trọng đang chuẩn bị lên đường sang Matxcova để bàn về việc mở rộng công việc. Đoàn rất cần có ngay kết quả thử nghiệm, vì thế ban lãnh đạo «đề cổ» chúng tôi, các kỹ sư Liên Xô và Việt Nam ra, để có kết quả thử nghiệm cho bằng được!*

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 769. Từ 38–46.

^[2] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 75.

^[3] Trích từ: Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 67.

^[4] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 65.

^[5] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 69–71.



Mùa lấy lõi ở khu giếng khoan. Đầu những năm 70

tiến hành thử nghiệm xi măng «nóng» của địa phương: đó là các kỹ sư Võ Tuấn, Trần Hiệp, Trần Khu, Phạm Quân, các nhân viên kỹ thuật Hà Thành, Lê Bảy, Trương Bảy, Trần Tư, tôi rất biết ơn họ vì sự tận tụy trong công việc»¹.

* * *

Giữa những năm 80. Đúng giờ quy định, hai chiếc ô tô bám đầy bụi chạy vào khu trước kia là trường kỵ binh thuộc địa Pháp, giờ đây là trụ sở của Vietsopetro ở thành phố Vũng Tàu, miền Nam Việt Nam. Bước từ trong ô tô ra là Đinh Văn Danh, trông ông mệt mỏi nhưng đầy vẻ mãn nguyện: 80 người, bao gồm các thợ khoan, thợ khoan phụ, thợ máy diesel, thợ cơ khí và các công nhân khác, những người quá quen thuộc với tiếng rung chuyển của đất dưới guồng máy khoan, đã tới đây để ngay ngày hôm sau có mặt ở giàn khoan số 4, nơi các công việc chuẩn bị đang được khẩn trương xúc tiến.

Ông Đinh Văn Danh, vói vẻ mặt đầy tự hào, bước vào báo cáo về nhiệm vụ được giao đã hoàn thành. Nhưng niềm hãnh diện của ông không chỉ là câu nói ngắn gọn mà ông chuẩn bị thốt lên: «Nhiệm vụ đã hoàn thành!», mà là vì Việt Nam giờ đây đã có 80 con người đặc biệt này!

Không còn cách nào khác, phải xây cầu mà không có chất làm cứng. Thật lạ, bốn tiếng đồng hồ sau xi măng trong giếng «đông lại», độ cứng của nó đủ để tiến hành thử nghiệm vĩa, và trong nỗi vui mừng của tất cả mọi người, vĩa mang lại kết quả mong đợi.

Kinh nghiệm này cho thấy, cần lập ngay phòng thí nghiệm để thử nghiệm mẫu ngay tại chỗ, tức là ở Thái Bình, chứ không cần phải bay về Matxcova như chúng tôi vẫn làm cho tới thời điểm này. Cùng với kỹ sư trưởng của đoàn 36 Đặng Cửa, chúng tôi lập danh sách những thiết bị cần thiết và chuyển cho đoàn công tác đang chuẩn bị sang Matxcova. Kết quả là năm 1976 chúng tôi đã tự mình chọn được công thức cho dung dịch khoan và dung dịch tráng xi măng.

Nhưng lại có vấn đề mới xảy ra. Vì khối lượng khoan tăng dần, nguồn dự trữ xi măng «nóng» nhanh chóng giảm đi và sắp cạn kiệt. Vì ở Liên Xô chỉ có hai nhà máy sản xuất ra loại xi măng này, nên đó là loại sản phẩm hiếm, phải phân phối rất chặt chẽ. Trong tình huống của chúng tôi, cách tốt nhất là tìm một sản phẩm thay thế ở Việt Nam. Chúng tôi, đúng hơn là kỹ sư trưởng Đặng Cửa, trợ lý của tôi là Võ Tấn (hai người đều tốt nghiệp trường khảo sát địa chất và giới tiếng Nga) và tôi đã cùng bàn bạc về vấn đề này. Chúng tôi nảy ra ý định thử nghiệm xi lò cao của nhà máy gang thép Thái nguyên và xi măng mác PSS của nhà máy xi măng Hải Phòng, có đặc tính gần nhất với thành phần clinker của xi măng «nóng» Liên Xô.

Chúng tôi thỏa thuận được về việc tiến hành thử nghiệm và đã thành công: độ bám dính của đá xi măng với cột tuyệt vời. Sau đó việc sử dụng hỗn hợp xi măng xỉ được áp dụng trong thực tiễn và giúp tiết kiệm khoản tiền đáng kể.

Trong bản báo cáo của mình, tôi đã đánh giá cao công việc của các nhân viên phòng thí nghiệm, nếu thiếu đi sự trợ giúp của họ thì không thể lập phòng thí nghiệm và

Trong những hàng quân cao nhất

Giai đoạn mới trong công cuộc tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt ở miền vông sông Hồng được đánh dấu bởi Hiệp định hòa bình Paris, ký kết vào ngày 23 tháng 1 năm 1973. Cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam vẫn chưa kết thúc, nhưng quân đội Mỹ đã rút khỏi đất nước và miền Bắc không còn bị đe dọa ném bom. Căng thẳng hạ nhiệt trong khu vực cho phép nghĩ tới việc phân bổ lại viện trợ kinh tế và kỹ thuật. Nhiều xí nghiệp bị phá hủy, cần nhanh chóng được khôi phục. Việc xây dựng một số cơ sở hợp tác Việt Xô từng tạm thời bị đóng băng, và bây giờ cần thảo luận về việc khởi động lại công việc. Trong tình hình này, việc tìm kiếm dầu lửa không chỉ phụ thuộc vào các nhân viên làm việc trong đoàn 36, mà còn vào tình hình phối hợp hành động giữa các bộ phận kinh tế đối ngoại, và đôi khi là các bộ máy ngoại giao của hai nước. Không một kỹ sư Liên Xô nào, cũng như không một người thợ khoan dầu nào của Việt Nam có thể làm việc nếu cơ cấu nhà nước của cả hai quốc gia không tìm tới sự hiểu biết lẫn nhau thấu đáo và không có những thỏa thuận tương ứng.

Hội chứng Việt Nam của Nikolai Baibakov

Tháng 3 năm 1969 Thủ tướng Việt Nam DCCH Lê Thanh Nghị đã gửi một bức thư đặc biệt cho phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ông V. N. Novikov, trong đó nêu ra yêu cầu cung cấp cho miền Bắc Việt Nam máy khoan để khoan giếng có chiều sâu 5000 mét, gửi sang Việt Nam một nhóm các nhà khoa học và kỹ sư dầu khí để xác định chính xác vị trí khoan và «giải quyết các vấn đề kỹ thuật khác, vì lý do các kỹ sư dầu khí Việt Nam không có kinh nghiệm trong việc khoan dầu ở mức độ như vậy», đồng thời «phải tới Việt Nam một nhóm mới các chuyên gia và giao nhiệm vụ cho nhóm này trợ giúp tìm kiếm khí đốt thiên nhiên»¹. Ông Lê Thanh Nghị đề nghị thực hiện việc này càng nhanh càng tốt.

Ngày 7 tháng 7 năm 1969, cố vấn thương mại của đại sứ quán Việt Nam DCCH tại Liên Xô, ông Hoàng Trọng Đại đặt ra câu hỏi với Ủy ban kinh tế đối ngoại Liên Xô, liệu có thể sử dụng khoản tín dụng hiện tại để mua cho đủ máy khoan 4LD-150D do Rumani sản xuất, có khả năng khoan sâu tới 3000 mét hay không. Vấn đề là ở chỗ, từ tháng 12 năm 1968, Rumani đã tặng máy này cho miền Bắc Việt Nam. Nhưng người Rumani không cung cấp thêm thiết bị hỗ trợ, nguyên liệu cũng như nhân viên kỹ thuật, và người Việt Nam chỉ có mỗi máy khoan trong tay, nó chẳng khác gì đồng sắt khi thiếu bộ công cụ và những người thợ khoan lành nghề. Các chuyên gia Liên Xô có mặt tại Việt Nam khi đó đã giúp đỡ các chuyên Việt Nam sử dụng những loại máy khoan nhẹ hơn của Rumani để khoan cấu trúc.

Thời kỳ này Liên Xô cung cấp cho Việt Nam vài tuyến tín dụng trong khuôn khổ các hiệp định liên chính phủ, ký kết ngày 10 tháng 2 năm 1965, ngày 3 tháng 10 năm 1966 và 23 tháng 9 năm 1967. Trong khuôn khổ từng thỏa thuận có một bản hợp đồng đặc biệt về việc cung cấp thiết bị và nguyên liệu cho các công việc khảo sát địa chất, dự kiến khoản chi cho tổng giá trị ba hợp đồng này là

4 triệu rúp. Nhưng tới đầu năm 1969, tiền đã chi hết mà chưa tính tới việc cung cấp các thiết bị khoan hạng nặng. Riêng bộ máy khoan của Rumani theo tính toán ban đầu đã cần tới khoản tiền từ 800 ngàn tới 1 triệu 200 ngàn rúp. Khoản tiền này tương đương với số tiền viện trợ hàng năm cho ngành khảo sát địa chất Việt Nam. Số tiền lớn như thế này không thể có được chỉ dựa trên nguyên vọng của những người giữ trọng trách, mà còn là cả một quá trình thủ tục của hệ thống cho vay tài chính nhà nước, và việc chi tiền cho quỹ tài chính và kỹ thuật trong nền kinh tế kế hoạch là việc làm khó khăn và mất nhiều thời gian. Thời kỳ này vừa mới bắt đầu đàm phán về việc cung cấp máy khoan «Uralmash-ZD» và «BU-75» cho Việt Nam sau ba năm. Còn với máy khoan Rumani, thời gian cũng hết mà chỉ tiêu về tài chính cũng không còn.

Ngày 15 tháng 9 năm 1969, phó Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại I. V. Arkhipov đã thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về yêu cầu của đại sứ Việt Nam Nguyễn Thọ Chân về việc cung cấp cho Việt Nam các thiết bị khác nhau, trong đó có máy khoan dầu và khí trong năm nay và năm sau. Đại sứ đề nghị mọi chi phí tính vào khoản tín dụng cho Việt Nam để cung cấp hàng hóa theo tuyến Bộ ngoại thương Liên Xô. Từ khoản tín dụng do Liên Xô cung cấp năm 1968 còn lại 2 triệu rúp chưa được sử dụng, ngoài ra còn 1 triệu rúp tiền viện trợ không hoàn lại, trong khi bộ thiết bị khoan Rumani cần hơn 1 triệu rúp. Ông Arkhipov cảm chú thể đối tình hình công việc ở Việt Nam và vì thế ngay lập tức đề nghị ủng hộ yêu cầu của phía Việt Nam. Mười ngày sau, vấn đề này được đưa vào số các vấn đề quan trọng và cấp thiết nhất được đưa ra xem xét tại Ủy ban về các vấn đề kinh tế đối ngoại thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Sau khi đồng ý với đề xuất của ông Arkhipov, phó Chủ tịch Ủy ban về các vấn đề kinh tế đối ngoại đã chuyển toàn bộ tài liệu lên để Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A. N. Kosygin đưa ra quyết định, và ông Kosygin ngay lập tức viết «Đồng ý»².

Lịch sử chiếc máy khoan của Rumani đã cho thấy rằng phía Liên Xô sẵn sàng đáp ứng nguyện vọng đối tác của mình. Liên Xô đã nhiều lần minh chứng điều này trong suốt cả quá trình hợp tác kinh tế. Tuy nhiên việc tăng cường cấp thiết bị để tìm kiếm dầu lửa và khí đốt phụ thuộc vào hiệu suất và kết quả của việc sử dụng nguồn viện trợ. Khối lượng viện trợ tăng trưởng và đạt tới con số đáng kể. Nhưng thậm chí một nước Liên Xô hùng mạnh cũng không thể cho phép mình có những chi phí quá cao. Thời đó, công việc phát triển các mỏ dầu khí ở vùng Tây Siberia đòi hỏi số tiền khổng lồ, nơi đó cũng đang đợi thiết bị mới và thiếu các kỹ sư có kinh nghiệm. Căn cứ vào nhiệm vụ do chính phủ Liên Xô đề ra, đại sứ Liên Xô ở Việt Nam I. S. Sherbakovc tại cuộc gặp gỡ với Thủ tướng Phạm Văn Đồng diễn ra vào ngày 28 tháng 8 năm 1970, chuyên bàn về tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn viện trợ của Liên Xô: đọc theo vệ đường ô tô ở miền Bắc Việt Nam chất đầy các thùng thiết bị của Liên Xô, bị han gỉ do chưa được sử dụng. Theo thông tin của đại sứ, chỉ riêng ở Hà Nội số thiết bị này đã đủ để trang bị cho 90 xí nghiệp³.

Trích thông báo của phó Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại Liên Xô, ông M. N. Suloev gửi cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. N. Novikov ngày 30 tháng 11 năm 1972: «Theo thông báo của bộ máy làm việc cho cố vấn về các vấn đề kinh tế tại Việt Nam, các tổ chức của Việt Nam đã tạo ra nguồn dự trữ thiết bị khảo sát địa chất thiết yếu và các phương tiện vận tải lớn đến nỗi, theo quan điểm của các chuyên gia địa chất của chúng tôi, với khối lượng công việc hiện tại, đủ dùng cho 5–6 năm mà không cần bổ sung thêm. Cần lưu ý rằng nguồn dự trữ thiết bị, xe

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 5446. Danh mục 103. Hồ sơ 1375. Từ 67.

^[2] Konoreva I. A. Liên Xô và Đông Dương: Thời kỳ những năm 1943–1976. Kursk, năm 2011. Tr. 239.

^[1] Bản thảo hồi ký của V. I. Vlasov (gửi cho các tác giả vào tháng 2 năm 2017).

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 115. Từ 64.



Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A. N. Kosygin (bên phải) và Thủ tướng Việt Nam ĐCCH Phạm Văn Đồng tại điện Kremlin, trong khi ký kết hiệp định về viện trợ kinh tế và quân sự của Liên Xô dành cho Việt Nam; người đứng giữa là Chủ tịch Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. K. Baibakov. Ngày 15 tháng 10 năm 1969
RIA «Novosti»

cộ và máy móc dư thừa khiến cho các nhân viên Việt Nam có thái độ cầu thả trong việc sử dụng chúng. Thường thì các thiết bị và xe cộ bị hỏng và cần sửa chữa không được sửa, mà được thay thế bằng máy móc mới»¹.

Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô N. K. Baibak biết rõ điều này. Từ mùa xuân năm 1969, các cơ quan tối cao về chính trị và kinh doanh hành chính của Liên Xô đã bàn bạc về vấn đề không chỉ giúp đỡ Việt Nam tìm kiếm dầu lửa và khí đốt, mà còn tăng cường sự viện trợ này. Là một kỹ sư dầu mỏ, ông Nikolai Konstatinovich hiểu rằng, đây là một vấn đề không dễ dàng chút nào. Thông tin của các nhà địa chất mang lại hy vọng, nhưng chưa mang lại niềm tin thực sự. Các đồng chí Việt Nam yêu cầu tăng cường hỗ trợ, nhưng, thứ nhất, liệu họ có đủ thợ khoan, đủ năng lượng điện, đủ phương tiện vận tải để thực hiện những nguồn đầu tư mới hay không), thứ hai, «liệu lòng đất có phân bội hay không?» (đây là cách nói của các chuyên gia dầu khí khi việc tìm kiếm dầu mỏ kết thúc thất bại), và cuối cùng, liệu bầu trời Việt Nam yên tĩnh được bao lâu? (những trạm điệm vừa được khôi phục trong thời gian tạm hòa bình 1970–1972 lại bị oanh tạc bằng bom Mỹ chỉ trong một tích tắc)

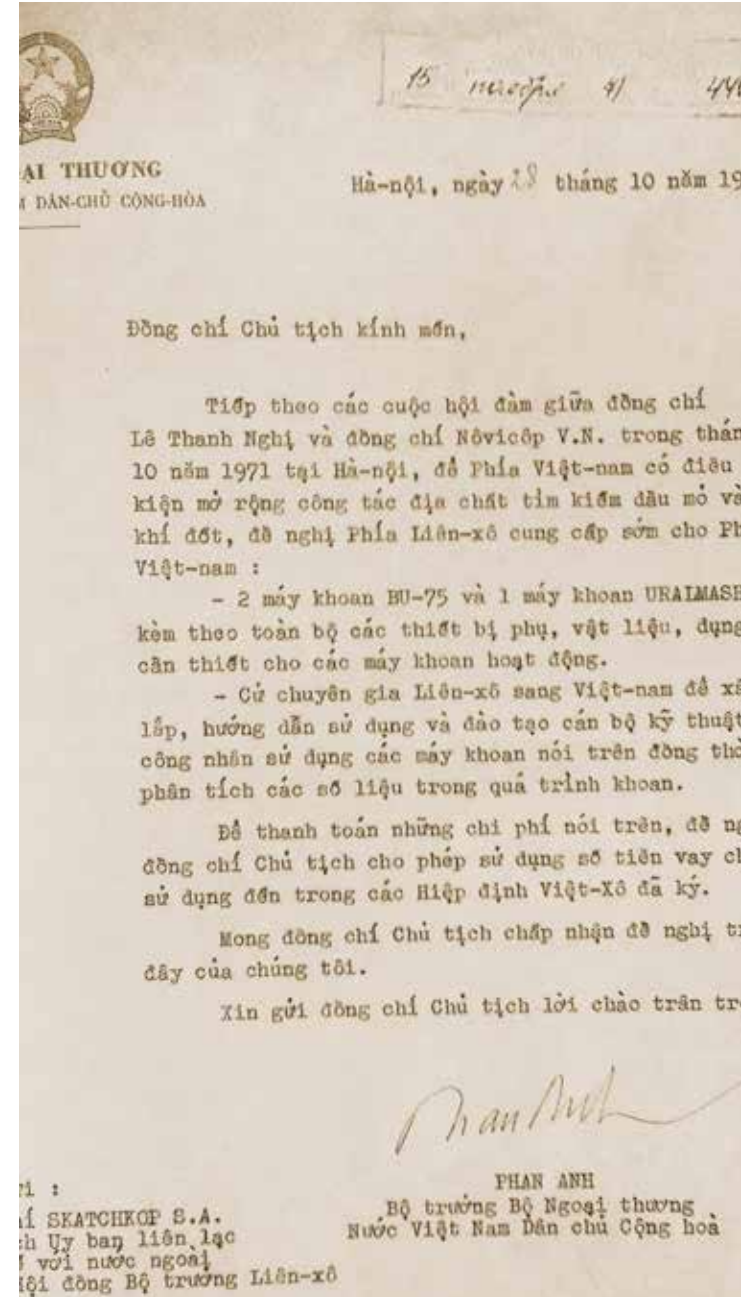
Ngày 3 tháng 11 năm 1969, có một tờ báo cáo để trước mặt ông Baibakov, được các chuyên gia Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô soạn thảo theo chỉ thị của ông. Báo cáo này trình bày một cách khách quan tất cả những thành tựu cũng như khó khăn của công việc tìm kiếm dầu lửa và khí đốt ở miền vông Hà Nội. Nikolai Konstatinovich chăm chú đọc tờ báo cáo.

Báo cáo của chuyên gia Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô E. Y. Dmitriev «Về tiềm năng dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam ĐCCH», 29 tháng 10 năm 1969:
«Căn cứ vào chỉ thị của Đồng chí, chúng tôi đã tìm hiểu các tài liệu địa chất và trao đổi với đồng chí Kameneski và các chuyên gia địa chất khác phụ trách việc nghiên

cứu tiềm năng dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam, nay tôi báo cáo như sau.

Trên hầu hết toàn bộ lãnh thổ Việt Nam ĐCCH có các phức hợp đá biến vị và biến chất, không mang lại lợi ích gì về tiềm năng dầu khí. Ngoại lệ chỉ là một vài trũng, trong đó đáng quan tâm nhất là trũng Bắc Bộ, trải dài từ thành phố Hà Nội tới đảo Hải Nam và chiếm diện tích khoảng 75 ngàn cây số vuông. Phần lớn các trũng chìm dưới nước của vịnh Bắc Bộ, chỉ có một phần trũng nhỏ nằm trên đất liền (15 ngàn cây số vuông), kéo dài từ thành phố Hà Nội tới bờ biển Hải Phòng, có tên là miền vông Hà Nội. <...> Kết quả của các công việc đã thực hiện cho thấy, miền vông Hà Nội được chia thành ba đới bởi các đứt gãy, trải dài theo hướng tây bắc. Ở vùng tây nam phát hiện ra dải đới nâng lớn, kéo dài từ thành phố Hà Nội tới ven biển và trầm tích với 10 cấu trúc dạng nếp lồi thoải. Cấu trúc lớn nhất và được nghiên cứu kỹ lưỡng nhất trong số các cấu trúc này là Thái Bình, có kích thước 18 x 8 km và biên độ nâng 200 mét. Ở đới đông bắc của khu vực cũng phát hiện ra 8 kết cấu cục bộ. Ở đới trung tâm hiện chưa phát hiện nếp lồi nào.

<...> Tiềm năng dầu khí dầu rõ rệt nhất liên quan tới các trầm tích Neogen, tại đó ghi nhận được nhiều biểu hiện khí khi khoan lõi. Mô dầu đáng kể nhất về trữ lượng có thể trông đợi ở vùng chìm dưới nước- vùng ven biển và vùng nước vịnh Bắc Bộ. Cần lưu ý rằng, khi lật vĩa thuộc mặt cắt Neogen, độ rỗng hiệu dụng trong một số các mẫu đá đạt tới con số 25–30%. Tiềm năng về trầm tích than đá, hơn nữa là tiềm năng về trầm tích Mesozoi chưa rõ ràng. Một mặt, trong các trầm tích này xác định được dấu hiệu chứa dầu. Trong các cuội kết bao phủ trầm tích Mesozoi đã phát hiện thấy dấu hiệu nhựa đường, còn trong các trầm tích than đá đã ghi nhận được dòng chảy nước nóng mạnh, cho thấy sự hiện diện của các nếp đứt gãy đá vôi và



Thư của ông Phan An gửi ông S. A. Skachkov về việc cung cấp thiết bị để khoan giếng sâu tìm dầu và khí đốt. Năm 1971

dolomit, cũng như khả năng nhận được dòng dầu cao trong trường hợp phát hiện ra mỏ dầu. Miền vông Hà Nội và vùng nước lân cận của vịnh Bắc Bộ tạm thời được nghiên cứu chưa sâu. Trong số ba đới của miền trũng này đới tây nam được nghiên cứu kỹ nhất. Trong phạm vi đới này đã hoàn thành công việc chuẩn bị để khoan thăm dò sâu cấu trúc Thái Bình (cách Hà Nội 60 km). Tại đây, Bộ địa chất Liên Xô có kế hoạch đào giếng khoan thăm dò để nghiên cứu toàn bộ mặt cắt trầm tích ở độ sâu 3200 mét. Cần đẩy nhanh tốc độ của công việc chuẩn bị khoan thăm dò sâu tại một trong các cấu trúc nằm ở phía nam của cấu trúc Thái Bình, gần ở biển, ví dụ cấu trúc Kiến Xương. Tại đới trung tâm miền vông Hà Nội cần tăng cường các nghiên cứu về địa chấn và trọng lực, và để tiến hành thành công các công việc này cần khoan ít nhất một giếng khoan thông số. Ở đới đông bắc cần nghiên cứu mặt cắt trầm tích tại ít nhất một trong các cấu trúc, bằng cách khoan ít nhất một giếng khoan nhằm mục



Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô S. A. Skachkov
RIA «Novosti»

đích này sau khi chuẩn bị xong cấu trúc. Để nghiên cứu mặt cắt trầm tích tới tận nền móng, đưa ra đánh giá sơ bộ về tiềm năng chứa dầu và khí, đồng thời làm rõ các tài liệu địa vật lý về kết cấu địa lý, việc cần thiết phải làm đầu tiên là 5–6 giếng khoan ở độ sâu 2500–4000 mét. Cuối cùng, cần đặc biệt chú ý tới vùng nước vịnh Bắc Bộ [do chúng tôi bồi đắp. — Chú thích của tác giả]. Chiều sâu của biển ở đây không lớn, nhiều nhất là 30 mét. Để đánh giá tiềm năng chung về dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam, cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu địa vật lý trên biển, chủ yếu là các nghiên cứu thăm dò địa chấn. Cần giao nhiệm vụ cho Bộ địa chất Liên Xô nghiên cứu vấn đề về việc tăng cường các công việc thăm dò địa chất để tìm kiếm dầu lửa và khí đốt tại Việt Nam ĐCCH. Hiện tại Bộ đang chuẩn bị hợp đồng về khoan một giếng sâu ở Thái Bình»¹.

Sau khi đọc xong báo cáo, ông N. K. Baibakov viết lời kết luận: «Gửi Bộ trưởng Bộ địa chất Liên Xô A. V. Sidorenko. Đề nghị đồng chí xem xét vấn đề này cùng với Ủy ban kinh tế đối ngoại và báo cáo về ý kiến của đồng chí về việc đẩy mạnh thăm dò dầu mỏ và khí đốt tại Việt Nam ĐCCH». Câu trả lời ngắn gọn và rõ ràng: «Bộ địa chất Liên Xô cho rằng, trước khi nhận được kết quả khoan bằng máy khoan mà Việt Nam đang có, việc gặp Chính phủ Liên Xô để đưa ra đề xuất bổ sung viện trợ nhằm tăng cường công tác tìm kiếm dầu lửa và khí đốt là không hợp lý»². Lập luận của các nhà địa chất là có lý. Tiềm năng của miền vông Hà Nội không thể gọi là sáng lạn, nhưng hoàn toàn làm ngỡ thì cũng không đúng. Ông Baibakov là người hơn ai hết hiểu rõ rằng không được phép tiêu tốn khoản tiền viện trợ và cần đợi thêm kết quả để được trường hợp có được trong tay những thành công đầu tiên có đủ tiền để tăng cường viện trợ.

Trong vòng vài năm sau đó, lòng đất của miền vông Hà Nội sẽ mang tới những điều bất ngờ, khi sự phụt đột ngột của khí đốt hay sự xuất dầu không đáng kể có thể được lãnh đạo ở cấp cao nhất hiểu như là «tìm được mỏ dầu có quy mô công nghiệp». Nhưng bản

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 1157. Tờ 3–5.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 1157. Tờ 6–7.

thân việc đặt vấn đề — «tăng cường công việc khảo sát dầu lửa và khí đốt ở Việt Nam» đã vang lên như một khẩu hiệu và ăn sâu vào tiềm thức của chuyên gia lập kế hoạch chính của Liên Xô. Chính vào thời kỳ này bắt đầu có các cuộc tư vấn nghiêm túc về vấn đề phối hợp lập kế hoạch kinh tế quốc dân và tương tác giữa hai kế hoạch của hai quốc gia, cho phép tăng hiệu quả hợp tác, và kết quả là tăng hiệu quả của công việc tìm kiếm. Thành quả của quá trình tương tác giữa hai bên là hiệp định liên chính phủ «Về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Việt Nam», ký ngày 3 tháng 7 năm 1980 giữa hai lãnh đạo của cơ quan kế hoạch hai nước, đó là Chủ tịch Ủy ban kế hoạch Liên Xô N. K. Baibakov và Chủ tịch Ủy ban kế hoạch CHXHCN Việt Nam Nguyễn Lam. Quy mô cũng như kết quả của công việc viện trợ này sẽ ở một tầm mới. Tuy nhiên, để tới được sự kiện đó còn cần phải trải qua 11 năm lao động gian khổ.

Dầu mỏ và khí đốt — viết thành dòng riêng!

Đầu những năm 70 tốc độ tìm kiếm dầu khí nếu không trở thành chủ đề trung tâm thì ít nhất cũng là chủ đề quan trọng trong các cuộc đàm phán của đoàn đại biểu hai nước, trong các bức thư của các lãnh đạo bộ ngành, thậm chí ở cấp chính phủ. Vấn đề cung cấp thiết bị được đặt ra ngay cả trong các chuyến thăm công tác và các cuộc đàm phán chính thức ở Matxcơva: phó Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước Việt Nam Nguyễn Văn Kha, Thứ trưởng bộ Ngoại thương Nguyễn Văn Đạo, các đại sứ Nguyễn Thọ Chân, Võ Thúc Đồng, cố vấn thương mại cho đại sứ quán Việt Nam Hoàng Trọng Đại, Nguyễn Tú, các tùy viên thương mại và đại diện công ty thương mại Technoimport, ông Trần Hữu Lạc, ông Trần Tài và các nhân vật liên quan khác. Đó là những người tham gia đàm phán có kinh nghiệm, biết việc. Phía Liên Xô, tham gia tích cực vào đàm phán có Thứ trưởng Bộ địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk, Vụ trưởng Vụ quan hệ đối ngoại thuộc Bộ địa chất Liên Xô Y. A. Kolyazhnov, phó giám đốc tập đoàn Technoimport Y.V. Chugunov, trưởng phòng viện trợ kinh tế cho các nước xã hội chủ nghĩa thuộc Ủy ban kinh tế đối ngoại M. V. Yvliev và nhiều người khác. Các đề tài này thường xuyên được đưa ra tại các cuộc gặp gỡ và trong thư từ trao đổi ở cấp Phó Thủ tướng hai nước V. N. Novikov và Lê Thanh Nghị. Các đại diện Việt Nam hết sức nỗ lực nhằm đạt được thỏa thuận về viện trợ. Nếu có cơ hội như vậy, phía Liên Xô cũng tích cực tham gia, đồng thời cần nhắc kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định.

Ngày 7 tháng 10 năm 1971, trong chuyến thăm của Chủ tịch Hội đồng Xô viết Tối cao Liên Xô N. V. Pogornyí tới Hà Nội, hai bên đã ký kết hiệp định liên chính phủ về việc Liên Xô cung cấp viện trợ kinh tế cho Việt Nam, theo đó 90 triệu rúp được phân bổ cho khoản vay tín dụng không có lãi dành cho các chi phí trong các năm 1972–1976, trong số đó 2 triệu rúp dành cho việc khảo sát địa chất trong hai năm tiếp theo (trong đó có tìm dầu lửa và khí đốt).

Tuy nhiên con số này chưa đủ, vì phía Việt Nam nhiều lần yêu cầu được cung cấp một máy khoan «Uralmash-ZD» và hai máy khoan BU-75, tổng giá trị của các thiết bị này lên tới con số 4–5 triệu rúp. Và kể cả năm 1969, như trong trường hợp máy khoan Rumani, kể cả năm 1972, trong trường hợp cung cấp các thiết bị khoan ngoài kế hoạch, chi phí mua máy được bù bằng số tiền dành cho việc cung cấp hàng hóa theo tuyến ngoại thương giữa hai nước.

Trích ghi chép cuộc nói chuyện của trưởng phòng hợp tác kinh tế với các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa của Ủy ban kinh tế đối ngoại Liên Xô, ông M. I. Yvliev với cố vấn kinh tế cho Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô Nguyễn Tú, ngày 15 tháng 11 năm 1971: «Trong câu chuyện, đồng chí Nguyễn Tú đặt ra những câu hỏi sau:
1. Về vấn đề cung cấp máy khoan sâu cho Việt Nam. Hiện nay, quá trình khoan giếng dầu khí tới độ sâu 3000 mét đang đi tới giai đoạn kết thúc. Tôi nhấn mạnh rằng, trong quá trình đàm phán của đoàn đại biểu Đảng-chính phủ hai nước Liên Xô và Việt Nam, diễn ra vào đầu tháng 10 ở Hà Nội, đồng chí Lê Thanh Nghị đã yêu cầu phía Nga nhận về mình nghĩa vụ trợ giúp về mặt kỹ thuật để Việt Nam tiến hành khoan sâu tìm dầu khí tới độ sâu 5000 mét. Đồng chí nói rằng, để tiến hành những công việc này, phía Việt Nam ngay trong năm 1972 đã cần nhận được hai hoặc ba máy khoan sâu. Tổng cộng sẽ cần từ 4 đến 5 máy. Và đồng chí còn cho biết, để thanh toán máy khoan, phía Việt nam sẵn sàng lấy 10 triệu rúp từ khoản vay tín dụng dành cho việc thanh toán hàng hóa theo tuyến Bộ ngoại thương, và chuyển cho Ủy ban kinh tế đối ngoại»¹.

Một năm sau, ngày 28 tháng 11 năm 1972, Phó Thủ tướng Việt Nam DCCCH, thành viên Đoàn chủ tịch Tối cao Ủy ban TƯ Đảng Lao động Việt Nam Lê Thanh Nghị trong cuộc nói chuyện với Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. N. Novikov cũng đề cập tới vấn đề cung cấp máy khoan để khoan sâu tìm dầu khí bằng cách sử dụng nguồn tín dụng cấp cho Việt Nam trong những năm 1970 và 1971, trị giá khoảng 5 triệu rúp². Vào thời điểm này, việc chuẩn bị hiệp định liên chính phủ tiếp theo đang ở giai đoạn kết thúc và những nguyện vọng bổ sung của phía Việt Nam được thể hiện trong văn bản ký kết giữa hai ông V. N. Novikov và Lê Thanh Nghị. Trong tài liệu này, việc cung cấp thiết bị đầu khí được ghi thành một dòng riêng, và trong bản phụ lục hiệp định nhắc lại từng lời yêu cầu của Phó Thủ tướng Việt Nam, điều này cho thấy sự Liên Xô sẵn sàng đáp ứng hoàn toàn yêu cầu này.

Trích hiệp định liên chính phủ về việc Liên Xô cung cấp viện trợ kinh tế và khoa học-kỹ thuật cho Việt Nam DCCCH, ký ngày 9 tháng 12 năm 1972:
«Điều 3. Thanh toán chi phí của các tổ chức Liên Xô, liên quan tới việc cung cấp thiết bị và phụ tùng để khoan thăm dò tìm dầu lửa và khí đốt, bao gồm các chi phí gửi chuyên gia sang công tác để hỗ trợ các tổ chức Việt Nam trong việc khoan tìm dầu khí, sẽ được tính bằng và theo các điều kiện một phần khoản tín dụng với số tiền tới 23 triệu rúp, cung cấp cho Chính phủ Việt Nam theo hiệp định Việt — Xô về viện trợ kinh tế của Liên Xô cho Việt Nam, ký ngày 22 tháng 10 năm 1970, sau khi sử dụng hoàn toàn số tiền kể trên — tính bằng và theo các điều kiện của khoản tín dụng cung cấp cho Chính phủ Việt Nam theo hiệp định Việt — Xô về viện trợ kinh tế của Liên Xô cho Việt Nam, ký ngày 7 tháng 10 năm 1971»³.

Ngày 13 tháng 6 năm 1973 hai bên đã ký hợp đồng, theo đó trong vòng 20 tháng, Liên Xô phải cung cấp cho Việt Nam các loại máy mà phía Việt Nam yêu cầu, đó là một chiếc máy «Uralmash-ZD-67» và hai máy «BU-75 Brd — 70», cùng với đầy đủ bộ linh kiện phụ tùng. Phụ lục kỹ thuật kèm theo hợp đồng liệt kê hơn 2000 các

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 760. Tờ 146.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 963. Tờ 146.

^[3] Liên Xô — Việt Nam. 30 năm quan hệ. 1950–1980. Văn bản và tài liệu. Tr. 267; Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1003. Tờ 22.

loại sản phẩm khác nhau, từ các thiết bị khoan phức tạp cho tới bu lông và các chìa khóa chuyên dụng¹.

Từ ngày 9 tới ngày 16 tháng 7 năm 1973, theo lời mời của Ủy ban TW Đảng Cộng sản Liên Xô và chính phủ Liên Xô, đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn, bí thư thứ nhất Ủy ban TW Đảng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã tới thăm Liên Xô. Trong quá trình làm việc và đàm phán, phía Liên Xô đã đưa ra một quyết định hết sức quan trọng đối với Việt Nam: «...coi các khoản tín dụng của Liên Xô cung cấp cho Việt Nam trong những năm trước đó dành cho mục đích phát triển kinh tế là khoản viện trợ không hoàn lại». Ngoài ra, ngày 25 tháng 7 năm 1973, hai chính phủ Liên Xô và Việt Nam đã ký Hiệp định về việc giúp Việt Nam đào tạo các công nhân lành nghề. Điều 1 của Hiệp định nêu rõ, «các tổ chức tương ứng của Liên Xô sẽ nhận 8000 công dân Việt Nam tới Liên Xô trong giai đoạn các năm 1973–1976 để đào tạo tại các trường cao đẳng dạy nghề và các trường trung cấp kỹ thuật. Mỗi năm sẽ có 2000 người được tiếp nhận để tham gia học tập». Ngày 1 tháng 8, Liên Xô và Việt Nam DCCCH ký hiệp định về khoản viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam Cộng hòa trong năm 1973, sau đó ba ngày là hiệp định về viện trợ kinh tế và kỹ thuật của Liên Xô cho Việt Nam DCCCH trong năm 1974².

* * *

Đầu tháng 7 năm 1973, lãnh đạo Tổng cục Địa chất Việt Nam Nguyễn Văn Điệp, khi đó đang có kỳ nghỉ tại Liên Xô, nêu ra một nguyện vọng bất ngờ đối với phía Liên Xô: ông muốn thăm một vài cơ sở của ngành địa chất Liên Xô. Điểm ông muốn tới là một trong những tập đoàn khảo sát đầu khí (sau này ông đã tới «Tập đoàn Thăm dò khảo sát đầu Poltava», sau đó là Trường địa chất toàn Liên bang ở Leningrad, và Trung tâm tính toán thuộc Trường nguyên liệu khoáng toàn Liên bang. Trong vòng vài năm sau đó, tương tác giữa hai nước ở cấp độ các bộ ngành địa chất có phần kém đi, vì thế Bộ địa chất Liên Xô rất quan tâm tới yêu cầu của lãnh đạo địa chất Việt Nam. Phía Liên Xô lập tức tổ chức chuyến đi này. Sau khi tham quan xí nghiệp, ông Nguyễn Văn Điệp không thể không tới Bộ địa chất, ở đó Thứ trưởng V. A. Yarmolyuk đã tiếp ông vào ngày 2 tháng 8. Cũng dễ hiểu là chủ đề trung tâm của cuộc gặp gỡ là các công việc tìm kiếm dầu lửa ở Việt Nam. Ông Yarmolyuk chuyên giám sát các dự án của Bộ ở nước ngoài, vì thế nắm rất vững tình hình và ngay lập tức cho biết về quá trình thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng đối với bộ do ông Điệp phụ trách.

«Ông Victor Andreevich Yarmolyuk báo cáo mạch lạc từng lời:
— Theo hợp đồng «bảy mươi ba — không — hai mươi một» trong số ba triệu sáu trăm ngàn rúp tiền thiết bị đã xuất hàng trị giá ba triệu ba trăm năm mươi ngàn. Tôi nghĩ là tới gần những ngày lễ tháng 11 chúng tôi sẽ gửi nốt phần còn lại. Hợp đồng «bảy mươi ba — không — năm tám» trị giá gần 2 triệu rúp, năm ngoài đã xuất hàng trị giá chín trăm năm mươi ngàn, trong năm nay sẽ là ba trăm ngàn. Tôi cũng nghĩ rằng cuối năm nay chúng tôi sẽ thực hiện được. Và bây giờ là điều quan trọng nhất- hợp đồng «bảy mươi ba-không-chín mươi ba» — trị giá bốn triệu ba trăm ngàn...
Ông Yrmolyuk ngừng một chút, dường như để lấy sức, cũng là để thông ngôn kịp dịch.
Hợp đồng số 73098 là hợp đồng «mới cứng» — vừa được ký kết chưa đầy hai tháng, và liên quan tới việc cung cấp

^[1] . Viện lưu trữ RGAE. Ph 365. Danh mục 6. Hồ sơ 1902.

^[2] . Konoreva I. A. Liên bang Xô-viết và Đông Dương: 1943–1976. Tr. 252.


Các chuyên gia dầu mỏ Việt Nam (từ phải sang trái) Đặng Cửa, Vũ Bội, Nguyễn Giáo, Ngô Thường San cùng với các đồng nghiệp Xô-viết. Khoảng năm 1970

Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»

các máy móc kể trên để phục vụ cho việc khoan sâu. Và mối quan tâm của phía Việt Nam trong cuộc gặp tập trung vào việc thực hiện bản hợp đồng này.
Trước khi ông Điệp kịp nêu yêu cầu, ông Yarmolyuk đã tiếp lời:
— Đồng chí Điệp, chúng tôi hiểu rằng các đồng chí rất cần máy khoan. Thời hạn giao hàng đã được quy định vào năm sau, nhưng chúng tôi sẽ cố gắng kịp gửi thiết bị này vào quý tư năm nay!
Ông Yarmolyuk nhận thấy nét mặt ông Điệp rạng rỡ hẳn lên khi thông ngôn Nguyễn An dịch câu cuối.
— Rất cảm ơn đồng chí Yarmolyuk, — ông Điệp xúc động nói — Các nhà địa chất Liên Xô đã giúp chúng tôi hơn mười lăm năm nay. Bây giờ, trong điều kiện hòa bình, chúng tôi phải tìm được dầu lửa và khí đốt. Đây là nhiệm vụ vô cùng cần thiết cho nền kinh tế của chúng tôi, và chúng tôi rất hy vọng nhận được sự thấu hiểu và ủng hộ của các đồng chí. Việc tìm ra bất kỳ mỏ nguyên liệu nào cũng mang lại không chỉ hiệu quả về kinh tế, mà còn là hiệu quả chính trị rất lớn»³.

* * *

Ngày 4 tháng 9 năm 1974, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng đã mời cố vấn kinh tế của đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội, ông F. I. Kleimenov tới Phủ chủ tịch để làm việc. Sau cuộc gặp, ông Kleimenov đã viết những dòng như sau trong cuốn nhật ký của mình: «Thủ tướng lưu ý tới tình hình khảo sát tìm dầu lửa và khí đốt. Hiện nay có khả năng bắt đầu việc khoan trên bốn máy khoan vào mùa thu.

Chuyến thăm tới tất cả các điểm dự kiến sẽ lắp máy cho thấy rằng Tổng cục địa chất Việt Nam đã thực hiện được một khối lượng công việc rất lớn để đưa thiết bị tới nơi làm việc, tuy nhiên điều đó chưa đủ, cần đẩy nhanh việc lắp máy khoan»⁴.

Vào tháng 12 năm 1974, tại Ban đối ngoại Bộ địa chất Liên Xô đã có cuộc nói chuyện hết sức nghiêm túc về công việc tìm kiếm dầu khí ở Việt Nam.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 7306. Tờ 50–51.

^[4] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1487. Tờ 29.

Trích ghi chép cuộc đối thoại của lãnh đạo Ban đối ngoại Bộ địa chất Liên Xô A. A. Kolyazhnov với đại diện thương mại Việt Nam DCCH Mạnh Tú, 24 tháng 12 năm 1974: «Sau khi hai bên chào hỏi nhau, đồng chí Kolyzhnov đã tóm tắt thành tích của hợp tác Việt — Xô trong lĩnh vực địa chất và bày tỏ lo ngại về việc thiếu thông tin từ phía Việt Nam về tình hình công việc, vì điều này gây cản trở cho việc đánh giá tiềm năng trong tương lai và tăng hiệu quả công việc. Một khó khăn khác nữa là đánh giá khả quan quá mức về tiềm năng tìm dầu khí. Kết cấu địa chất của khu vực được nghiên cứu không hoàn toàn thuận lợi. Cần có thêm tổ hợp các công việc về địa vật lý và khoan. Tạm thời còn quá sớm để viết giấy đề nghị về việc cung cấp thiết bị dành cho việc tổ chức khai thác dầu khí. Các cấu trúc được nghiên cứu tới thời điểm hiện nay không phải là cấu trúc có tiềm năng dầu khí, nhưng các đồng chí Việt Nam có quan điểm khác. Có lẽ kết quả của các công việc tiếp theo sẽ cho câu trả lời chính xác hơn. Một trong những khó khăn của các chuyên gia Liên Xô tại Việt Nam DCCH là vấn đề nhà ở. Việc gửi chuyên gia sang Việt Nam công tác với thời hạn một năm ít hiệu quả. Cần gửi chuyên gia sang với thời hạn từ hai tới ba năm, cùng gia đình của họ.

Liên quan tới hợp đồng ký kết với cơ quan địa chất của Việt Nam DCCH, tất cả các bản hợp đồng này đều bị chấm dứt ngang chừng. Về phía mình, Bộ địa chất LX sẵn sàng gửi một số lãnh đạo tới Việt Nam DCCH để thiết lập hợp tác một cách hệ thống. Trước đây, việc hợp tác này cũng đã được tiến hành, nhưng hiện nay Bộ địa chất Liên Xô chỉ nhận được các đơn đề nghị từ phía Việt Nam thông qua tập đoàn «Technoexport». Điều này gây trở ngại cho hiệu quả của việc hợp tác.

Đồng chí Mạnh Tú đồng ý với quan điểm của đồng chí Kolyazhnov và nói rằng, nguyên nhân sâu xa dẫn tới tình trạng này là chiến tranh, còn một nguyên nhân khác là tình hình chính trị-quân sự phức tạp trong khu vực. Nhiều khả năng dưới biển có dầu, nhưng người Trung Quốc coi đây là khu vực của mình và bố trí các đơn vị quân đội ở gần biên giới Việt Nam. Người Mỹ vẫn đang hiện diện ở miền Nam Việt Nam. Nhưng mọi trở ngại có thể vượt qua được, và hợp tác trong lĩnh vực địa chất giữa hai nước Việt Nam DCCH và Liên Xô có thể phát triển thành công. <...> Điều này có thể làm được thông qua các cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo cơ quan địa chất của hai nước. Đồng chí Mạnh Tú sẽ báo cáo với Bộ chính trị Ủy ban TW Đảng Lao động Việt Nam. Hiện nay quan hệ giữa các nhà địa chất Liên Xô và Việt Nam đang ở mức tốt đẹp, nhưng vẫn có thể cải thiện để trở thành tốt hơn. Tất cả điều này sẽ được thông báo cho đồng chí Điệp và các lãnh đạo thuộc cơ quan địa chất Việt Nam DCCH. Đồng chí Kolyzhnov lưu ý rằng, những câu hỏi mà ông vừa liệt kê ra là các vấn đề trong bối cảnh hiện tại. Trong việc đánh giá tiềm năng nguyên liệu, không nên mơ tưởng. Hiện nay các công việc dầu khí đang ở giai đoạn bắt đầu. Khu vực được nghiên cứu khá hẹp và hạn chế về mặt tiềm năng, nhưng việc tìm kiếm là cần thiết. Mục đích cuộc gặp gỡ của chúng tôi là thiết lập sự hiểu biết đúng đắn lẫn nhau. <...> Đồng chí Mạnh Tú lưu ý rằng, việc tìm kiếm dầu chỉ có thể tiến hành ở miền vông Hà Nội, vì có những khó khăn trong việc thăm dò ở vùng biên giới và ngoài biển. <...> Đồng chí Kolyzhnov đáp rằng, <...> cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo cơ quan địa chất Việt Nam và Liên Xô sẽ giúp trả lời một cách triệt để những khúc mắc, trong đó đặc biệt lưu ý tới các đối tượng được quan tâm hàng đầu»¹.

Ghi chép về những cuộc gặp gỡ hiếm hoi của các đại diện cơ quan địa chất hai nước không phải tình cờ. Ai cũng hiểu rằng cần thiết lập mối quan hệ khăng khít hơn nữa giữa hai nước về kinh tế và kỹ thuật. Ở đây không chỉ nói tới khối lượng khoản viện trợ, mà còn việc thống nhất quan điểm, lập trường về vấn đề nào đó, cũng như các vấn đề hợp tác khác. Từ mỗi phía có sự tham gia của nhiều bộ ngành- chế tạo máy, vận tải, cơ quan an ninh và kiểm soát, các cơ quan thương mại, hậu cần. Cần có nền tảng, nơi sẽ bàn bạc và giải quyết các vấn đề tương tác hai bên ở cấp độ cao.

Trong Ủy ban liên Chính phủ

Mùa hè năm 1974, ông N. K. Baibakov đã mời Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị sang Liên Xô để bàn bạc về các vấn đề lập kế hoạch song phương. Ngày 8 tháng 7, tại Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô đã diễn ra cuộc gặp mặt giữa hai vị lãnh đạo. Trước đó không lâu, một nhóm các chuyên gia lập kế hoạch có nhiệm vụ giúp Ủy ban kế hoạch nhà nước của Việt Nam DCCH lập ra các con số kiểm tra kế hoạch năm năm 1976–1980 vừa trở về Liên Xô. Buổi gặp mặt đề cập tới việc lập kế hoạch chiến lược và là một cuộc đối thoại rất cởi mở.

* * *

«— *Tổng thu nhập quốc dân của chúng tôi chỉ vừa đủ cho quỹ tiêu dùng, — đồng chí Lê Thanh Nghị nói, — hiện tại chúng tôi chưa có khả năng tích lũy. Quỹ tích lũy của chúng tôi là các nguồn bên ngoài. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chúng tôi còn yếu kém. Phần lớn nhu cầu về lương thực, thiết bị, máy móc... đáp ứng bằng con đường nhập khẩu. Trong khi đó, theo kế hoạch 5 năm sắp tới chúng tôi phải nỗ lực công nghiệp hóa đất nước và cải thiện mức sống của người dân. Chúng tôi cần tăng cường công việc tìm kiếm dầu khí, nhưng trước khi tiến hành công việc khai thác cần xây dựng nhà máy để chế biến ít nhất 1.5 triệu tấn dầu mỗi năm. Về việc này, chúng tôi rất hy vọng nhận được sự giúp đỡ của Liên Xô trong kế hoạch 5 năm lần này, cũng như kế hoạch 5 năm lần sau.*

Ông Baibakov im lặng nghe lời của người phiên dịch. Nhiều điều ông Lê Thanh Nghị vừa nói ông đã biết từ trước đó. Nỗi niềm đau đầu của Việt Nam là ngành năng lượng và ngành than. Hai nhà máy điện bị bom Mỹ tàn phá ở Uông Bí và Thác Bà đã được khôi phục. Các chuyên gia năng lượng Liên Xô đã giúp Việt Nam tiết kiệm chi phí và thời gian khôi phục nhà máy sau khi xác định được rằng không cần phải thay máy phát điện ở nhà máy điện «Thác Bà», chỉ cần thực hiện công việc tu sửa là đủ. Ông cũng nhớ ra rằng, nhà máy «Electrosila» đã yêu cầu thay đổi thời hạn cung cấp một số thiết bị cho nhà máy điện Việt Nam, vì phải hoàn thành đơn đặt hàng gấp để xử lý sự cố nghiêm trọng xảy ra tại nhà máy thủy điện Brats đang xây dựng dở dang. Như vậy là mọi chuyện đã rõ ràng với các nhà máy điện và mỏ than: có khó khăn, nhưng biết rõ cần phải làm gì. Thậm chí nếu khó khăn có tồn tại thì cũng khắc phục được nhờ phối hợp các biện pháp khác nhau, và không gây ảnh hưởng tới thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trong khi kết quả thì dễ hiểu và rõ ràng, đó là tăng trưởng sản xuất điện và sản lượng khai thác than. Nhưng với nhiệm vụ tìm kiếm dầu khí thì mọi chuyện phức tạp hơn nhiều. Ủy ban kế hoạch nhà nước theo dõi rất sát sao và thường xuyên hỏi han phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học «Địa chất nước ngoài» về tình hình khảo sát dầu lửa tại Việt Nam. Kết quả

khoan giếng khoan sâu đầu tiên mặc dù không phải là tiêu cực, nhưng cũng không thể gọi là lý tưởng. Giếng thứ hai đã sắp khoan xong, tìm ra được vỉa có khí đốt hòa tan trong nước vỉa. Cựu chuyên gia về dầu mỏ vẫn chưa nhìn thấy cơ sở để đẩy nhanh công việc. Sau khi nghe hết lời dịch, ông Baibakov nói: — Đồng chí Nghị, các cộng sự của đồng chí cùng với các chuyên gia của chúng tôi đã kết thúc công việc chuẩn bị cho phiên họp đầu tiên của Ủy ban liên Chính phủ. Các đồng chí sẽ gặp nhau ở đó, bàn bạc về mọi khó khăn và vấn đề. Chúng ta sẽ gặp gỡ sau phiên họp này và quay trở lại bàn về các vấn đề mà Ủy ban không tìm ra hướng giải quyết!»¹

* * *

Từ năm 1969, phía Việt Nam nhiều lần đặt vấn đề về việc thành lập Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô phụ trách về hợp tác kinh tế và khoa học-kỹ thuật. Những Ủy ban như thế được Liên Xô lập ra với các đối tác kinh tế gần gũi và quan trọng nhất dưới lãnh đạo của các Phó Thủ tướng Chính phủ. Thành viên của các Ủy ban này là lãnh đạo hay đại diện của các bộ ngành liên quan nhiều nhất tới quan hệ kinh tế và khoa học-kỹ thuật giữa hai nước đối tác. Thiết bị bị kẹt ở đâu, cần thêm bao nhiêu nhân sự, công việc xây dựng tiến triển ra sao, tất cả các vấn đề tương tự nhận được câu trả lời ngay lập tức và qua đó đưa ra quyết định ở cấp cao nhất. Những quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ủy ban kết thúc phiên họp tiếp theo và ký kết tất cả các biên bản. Mỗi cuộc gặp gỡ về sau này đều bắt đầu bằng mục bàn bạc kết quả thực hiện các thỏa thuận tương ứng giữa hai nước và tình hình thực hiện quyết định của phiên họp trước. Việc kiểm tra thực hiện chỉ thị của Ủy ban liên chính phủ được giám sát rất gắt gao.

Hiệp định về việc thành lập Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô được Phó Chủ tịch Hội đồng Chính phủ Liên Xô V. N. Novikov và Phó Thủ tướng Việt Nam DCCH Lê Thanh Nghị ký ngày 9 tháng 12 năm 1972, và phiên họp đầu tiên diễn ra từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 6 năm 1974 ở Matxcova. Đề tài thảo luận là sự tương tác giữa các cơ quan kế hoạch hai nước trong kế hoạch 5 năm sắp tới. Ngày 1 tháng 11 năm 1974, trong thời kỳ chuẩn bị phiên họp tiếp theo, Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước Liên Xô S. A. Skachkov đã báo cáo cho lãnh đạo phân ban Liên Xô thuộc Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô V. N. Novikov về quá trình thực hiện các nghị quyết phiên họp thứ nhất của ủy ban. Về phần cung cấp thiết bị và gửi các chuyên gia sang Việt Nam làm nhiệm vụ khảo sát dầu khí, ông viết rằng, tạm thời các nghĩa vụ của phía Liên Xô được thực hiện đúng thời hạn và đúng khối lượng².

Báo cáo về quá trình viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam, Thứ trưởng Bộ địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk đã trình bày trước Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô V. N. Novikov về việc trong năm 1974, các tổ chức của Liên Xô đã cung cấp ba máy khoan, trong đó có hai máy khoan dầu loại BU-75 và một máy khoan «Uralmash-ZD» thêm vào hai máy đã có ở Việt Nam, đồng thời cung cấp cho phía Việt Nam mọi thiết bị, nguyên liệu và công cụ cần thiết nhằm đảm bảo cho công việc tìm kiếm dầu khí tại Việt Nam DCCH. Tổng giá trị cung cấp thiết bị trong năm 1974 và nửa đầu năm 1975 đạt con số 4.3 triệu rúp, 103 các chuyên gia dầu khí đã được cử sang Việt Nam công tác³.

^[1] Ghi chép cuộc đàm đạo giữa Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, đồng chí N. K. Baibakov và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam DCCH, đồng chí Lê Thanh Nghị // Viện lưu trữ RGAE. Ph. 4372. Danh mục 66. Hồ sơ 6428. Tờ 72–77.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. R — 5446. Danh mục 108. Hồ sơ 1326. Tờ 8–9,15.

^[3] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 3024. Tờ 302.

Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô về hợp tác kinh tế và khoa học-kỹ thuật đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố sự hiệp lực trong lĩnh vực dầu khí giữa hai nước.

Chờ đợi mỏ mìn hay chiến thắng khó nhọc

Nửa đầu những năm 70 trở thành giai đoạn quyết định trong công việc tìm kiếm dầu khí ở miền vông Hà Nội. Bất chất mỏ nỗ lực, tạm thời vẫn chưa có những phát kiến đáng kể...

20 triệu rúp để tìm kiếm dầu khí

Cuối tháng 3 năm 1972, nhóm chuyên gia gồm các nhà địa chất học và kỹ sư dầu khí Liên Xô đã tới Việt Nam để cùng với các đồng nghiệp Việt Nam và cố vấn Liên Xô xác định chiến lược tiếp theo của công việc tìm kiếm dầu khí.

Trích hồi ký của K. M. Sevoctyanov, thành viên nhóm chuyên gia, một trong các lãnh đạo phụ trách công việc tìm kiếm dầu khí ở miền vông Hà Nội vào những năm 70, đầu những năm 80: «Sang Việt Nam lần này, chúng tôi phải làm việc với thành phần tinh túy của ngành địa chất Việt Nam, đó là Phan Minh Bích («Bích lớn»), Nguyễn Ngọc Cư, Nguyễn Giao («Giao bé»), Nguyễn Quang Hạp, Hồ Đắc Hoài, và tất nhiên là kỹ sư địa chất trưởng của Tổng cục địa chất Lê Văn Cự. Mỗi người trong số họ đều là một nhân cách ư tu, tất cả đều biết tiếng Nga, một số người còn biết cả tiếng Anh, tiếng Pháp, học ở Pháp hay ở Matxcovam, ở trường khảo sát địa chất, hoặc trường dầu khí mang tên Gubkin, nắm vững lý thuyết và biết rõ về vùng của mình, họ còn rất trẻ. Bích lớn cao trên trung bình, thậm chí đối với cả người Nga, dáng người gầy, luôn cười tươi và luôn miệng xin lỗi, tất cả họ Nguyễn <...> đảng hoàng; Cư và Giao có vóc người nhỏ nhắn, lịch thiệp, Hạp dáng trung bình, mọi người nói là ông thân Trung Quốc, Hồ Đắc Hoài có vóc dáng trung bình, hơi mập, luôn chỉnh tề, là chuyên gia địa vật lý, tôi gọi ông là «giáo sư», ông là một chuyên gia rất thông minh và có trình độ cao. Lê Văn Cự rõ ràng là người thuộc dòng quyền quý, vóc dáng trung bình, tầm thước, khuôn mặt đẹp, thông minh, học ở Pháp về, còn trẻ nhưng mái tóc đen đã lốm đốm bạc <....>

Tới Việt Nam lần này chúng tôi cần làm việc với F. I. Kleimenov, I. V. Badanov và A. S. Trofimov. Là cố vấn kinh tế của đại sứ, ông F. I. Kleimenov có thời gian làm việc ở Tổng cục khí đốt Liên Xô, vì thế ông không lạ lẫm với công việc của chúng tôi. Ông có vóc dáng trung bình, người chắc nịch, hay cười, tốt bụng theo đúng kiểu Nga, ông tiếp đón chúng tôi rất nhiệt tình. Ivan Vasilevich Badanov là lãnh đạo nhóm các kỹ sư địa chất dầu khí, ông là kỹ sư khoan, trước từng làm việc cho «Tập đoàn thăm dò khảo sát dầu mỏ Kharkov» tới năm 1975, còn lãnh đạo phụ trách toàn bộ hợp đồng địa chất là nhà địa chất Alexei Sergeivich Trofimov từ nước cộng hòa Buriatia. <...> Ông Kameneski [Cố vấn khoa học về dầu mỏ —Chú thích của tác giả] đánh giá tích cực về tiềm năng của đới Khoái Châu-Tiến Hải, và điều này được khẳng định một phần ở việc ông cùng lúc đề xuất tìm dầu khí ở phần rìa miền vông Hà Nội, trong các tầng đá Paleozoi (và điều này đã được xác nhận vào những năm 90, tại nơi này đã tìm ra mỏ dầu

nông); ông cũng khuyến nghị mở bãi khoan Tiến Hưng và Kiên Xương, nhưng sau khi khoan vài giếng ở các vùng này thì phát hiện ra rằng không có cả dầu lẫn khí. <...> Ngày 26 tháng 4 năm 1972 đã có cuộc họp tổng kết với sự tham gia của Tổng cục trưởng Tổng cục địa chất Nguyễn Văn Điệp. <...> Ông Makarov <...> đã đánh giá miền vông Hà Nội là một vùng chủ yếu có tiềm năng về khí đốt (và sau này quả đúng là như vậy), đới Khoái Châu-Tiến Hải là vùng có tiềm năng dầu lửa (điều này được khẳng định là đúng một phần), đồng thời đề nghị tiếp tục công việc tìm kiếm ở vùng trũng An Châu <...>. Ông Điệp <...> lập tức đưa ra một loạt các câu hỏi dồn dập cho thấy ông là người am hiểu chuyên môn rất sâu, cũng như biết rõ về vấn đề này <...> sau đó là phát biểu của các nhà địa chất hàng đầu, là những người bạn của chúng tôi thời bấy giờ, đó là ông Bích «Lớn», ông Giao «Bé», «giáo sư «Hoài, ông Cư «Bé», ông Toàn. <...>

Sau bữa ăn trưa, ông Điệp đã có bài phát biểu dài, trong đó ông nói rằng Liên Xô từng giúp đỡ Việt Nam rất nhiều và sẽ (từ «sẽ «trong ngữ cảnh này không hiểu sao tôi gạch chân) giúp đỡ, vì sự giúp đỡ này có ý nghĩa về mặt kinh tế và chính trị. Ông đề nghị giảm hẳn thời hạn đánh giá tiềm năng miền vông Hà Nội, vì theo ông, Chính phủ Việt Nam không hài lòng; ông cũng đặt đới Kiên Xương lên hàng đầu, còn đới Tiến Hải được ông xếp ở vị trí thứ hai <...> Tôi rất ngạc nhiên khi được biết rằng ông coi vùng trũng An Châu hoàn toàn không có tiềm năng dầu khí. <...>

Ngày 29 tháng 4 năm 1972, mang theo nặng trĩu đầy những món quà lưu niệm, chúng tôi rời Hà Nội bay về Matxcova, ở đó chúng tôi đã soạn thảo văn bản kết luận về tiềm năng dầu khí ở miền vông Hà Nội và vùng trũng An Châu, cũng như đưa ra các khuyến nghị của mình về phương hướng trong công việc tìm kiếm dầu khí trong phạm vi những cấu-kiến tạo này. Trong số đó, đề xuất sau này hóa ra là quan trọng nhất liên quan tới việc khoan thăm dò trong phạm vi nếp lồi Tiến Hải mà tôi chọn ra với tư cách là đề xuất hàng đầu dựa trên nguyên tắc «mắt xích tốt nhất»¹.

Giai đoạn những năm 1972–1975 là thời kỳ thực hiện kế hoạch được soạn thảo vào tháng 4 năm 1972: đã tiến hành khoan các giếng cấu tạo định hình dọc bờ biển, nghiên cứu ở khảo sát địa chấn quy mô lớn ở ven đới Tiền Hải và khoan tìm kiếm cấu tạo tới độ sâu 2000 mét.

Hưng Yên, nơi đặt trụ sở của của đoàn tìm dầu số 36 đã biến thành «thủ phủ dầu mỏ» của đất nước. Chỉ trong vòng vài năm tại đây đã xây dựng xong vài căn nhà cho các chuyên gia Liên Xô, có cả vòi tắm hoa sen dùng nước nóng, bàn bida, góc thờ ảnh Thánh. Khu làng chuyên gia trông khá khang trang. Địch không còn dội bom nữa.

Năm 1975 tất cả đều chờ đợi sẽ có một sự kiện vô cùng quan trọng xảy ra trong lịch sử Việt Nam và ngành dầu khí của đất nước. Các kỹ sư khoan của Liên Xô và Việt Nam đã sắp khoan xong giếng GK-60 và KG-61 ở các điểm cấu tạo Kiên Xương và Kiên Hải.

Đầu tháng 2 năm 1975, Bộ Địa chất Liên Xô nhận được thông tin về việc đoàn kỹ sư địa chất Việt Nam, đứng đầu là Tổng cục trưởng Tổng cục địa chất Nguyễn Văn Điệp có nguyện vọng sang thăm Liên Xô. «Gần đây các cuộc gặp gỡ giữa các cơ quan địa chất hai nước Liên Xô và Việt Nam để phối hợp làm việc không được tổ chức, mặc dù trước đây hàng năm vẫn có hoạt động này, — Bộ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô A. V. Sidorenko thông báo với chính



Nhóm các kỹ sư Liên Xô và Việt Nam được ông Phạm Văn Đồng tiếp. Từ trái sang phải: phó lãnh đạo nhóm khoan I. V. Badanov, nhà địa vật lý Phan Minh Bích, cố vấn địa chất K. M. Sevoctyanov, người không rõ tên, lãnh đạo nhóm chuyên gia Liên Xô K. K. Makarov, nhà địa vật lý M. B. Shneerson, cố vấn kinh tế của đại sứ quán I. F. Kleimenov, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà địa vật lý Đỗ Đắc Hoài (?), lãnh đạo nhóm các nhà địa chất Liên Xô tại Việt Nam DCCH A. S. Trofimov, phụ trách nhóm khoan K. A. Frieв, lãnh đạo và cố vấn chính về các công tác tìm dầu khí A. E. Kameneski. Ngày 28 tháng 4 năm 1972

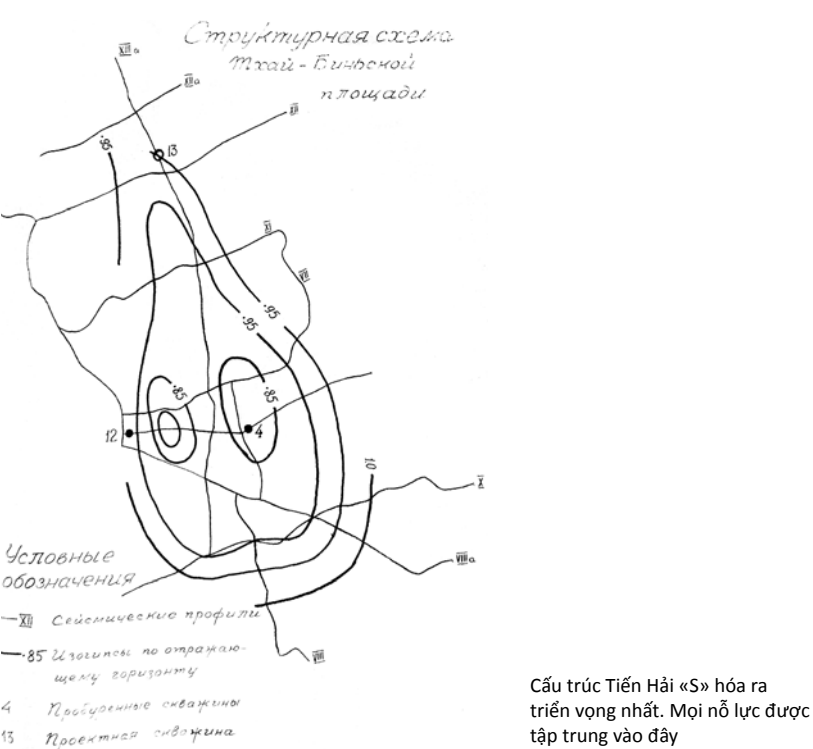
phủ. — Bộ Địa chất Liên Xô rất quan tâm tới việc khôi phục các giao lưu như vậy, nhằm giúp củng cố và mở rộng liên lạc trực tiếp và quan hệ anh em giữa hai nước»¹.

Về phần mình ông Nguyễn Văn Điệp cũng gửi gắm nhiều kỳ vọng vào những cuộc gặp mặt này. Trong chiếc cặp công tác của ông có vài đề xuất quan trọng về hợp tác giữa hai Bộ trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm sắp tới 1976–1980. Ví dụ, phía Việt Nam mong mỗi thành lập một Tiểu ban địa chất đặc biệt, trực thuộc Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô, hoặc đề nghị Liên Xô tham gia công việc tìm kiếm mỏ khoáng sản trên cơ sở gọi là bồi thường. Ngoài ra, các đại diện của Tổng cục địa chất Việt Nam DCCH cũng muốn tới thăm thành phố Krasnodar, trung tâm khoa học lớn về nghiên cứu tiềm năng dầu khí của vùng Kuban và Bắc Kavkaz, vấn đề khoan sâu và lập ra cơ sở thiết bị địa vật lý, để các nhà địa vật lý Việt Nam có thể tham gia thực tập. Tuy nhiên một trong các nội dung cuộc gặp sắp tới là vấn đề «nóng» nhất.

Trước khi đoàn công tác lên đường sang Liên Xô, ở giếng khoan GK-60 trên bãi khoan Kiên Xương «C» đã nhận được dòng dầu nhỏ, còn tại giếng khoan GK-61 trên bãi khoan Tiền Hải «C» ở tỉnh Thái Bình đã bắt đầu tiến hành các công việc thử nghiệm, và tất cả mọi người đều nói rằng sẽ đạt được kết quả. Nếu quả đúng như vậy, thì sẽ có những nhiệm vụ mới đặt ra với cơ quan của ông Nguyễn Văn Điệp. Việt Nam đã có các kỹ sư khoan, các nhà địa chất, các nhà địa vật lý, nhưng chuyên gia về khai thác dầu khí, cũng như thiết bị tương ứng để làm việc thì chưa có, và vì vậy ông Điệp rất hy vọng vào sự trợ giúp của các bạn bè Liên Xô.

«Vào lúc 9 giờ sáng ngày 18/3/1975 một chiếc xe Volga đen rời khách sạn của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô trên quảng trường Oktyabrskaya và sau mười lăm phút đỗ trước tòa nhà Bộ Địa chất Liên Xô. Bước ra khỏi xe là đồng chí Nguyễn Văn Điệp — Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất Việt Nam, đồng chí Lê Văn Cự — chánh kỹ sư địa chất, đồng chí Trương Thiên và Trần Di Trưởng phòng Dầu khí và Trưởng phòng kế hoạch của Tổng cục Địa chất. Đi cùng họ là các cán bộ của Cơ quan đại diện Thương mại Việt Nam. Nét mặt tất cả mọi người đều phấn khởi, bởi vì sáng sớm họ vừa nhận được điện từ Việt Nam báo tin giếng khoan GK-61 ở Tiền Hải nhận được dòng khí khá mạnh phun lên. Có thể lúc đó đồng chí Lê Văn Cự, người đã tham gia những bước đi đầu tiên của công tác thăm dò dầu

lửa ở nước Việt Nam vừa giành được độc lập, có đôi chút tiếc nuối là mình thời điểm đó đang ở Matxcova chứ không phải có mặt ở Thái Bình, song nhận thức về ý nghĩa chung của sự kiện này đã vượt lên trên những cảm xúc cá nhân nên có vẻ ông đã sẵn sàng cho một cuộc nói chuyện quan trọng. Tiếp đoàn khách Việt Nam vẫn là Thứ trưởng V. A. Yarmolyuk, và dĩ nhiên Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Điệp thông báo ngay tin vui: — Đồng chí Viktor Andreevich (Yarmolyuk — ND), hơn một tuần trước ở cấu tạo Kiên Xương độ sâu hai nghìn một trăm mét đã thu được mẫu khoan đậm đặc dầu, ngày hôm nay chúng tôi vừa được tin báo cấu tạo Tiền Hải nhận được dòng khí công nghiệp. — Dung lượng ra sao? — Yarmolyk hỏi luôn về chăm chú. — Hiện giờ khó nói được vì việc thử vỉa còn chưa xong, — đồng chí Điệp đáp lời. — Theo đánh giá ban đầu — là bốn trăm nghìn mét khối một ngày đêm.



Cấu trúc Tiến Hải «S» hóa ra triển vọng nhất. Mọi nỗ lực được tập trung vào đây

^[1] Sevostyanov K. M. 60 năm tìm kiếm dầu khí ở châu Á (Hồi ức và cái nhìn của nhà địa chất dầu-khí): trọn bộ 2 tập. M. 2005. T. 2. Tr. 420–433.

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 3024. Tờ 18.



Nhóm các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam đang xem xét mẫu. Năm 1972
 Ảnh tư liệu của M. B. Shneerson



Các Liên đoàn phó Liên đoàn 36: Đặng Cửa (bên phải) và Nguyễn Trọng Tường (bên trái) bên ống dẫn khí đang phun tại giếng GK-61. Tháng 5/1975
 Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»

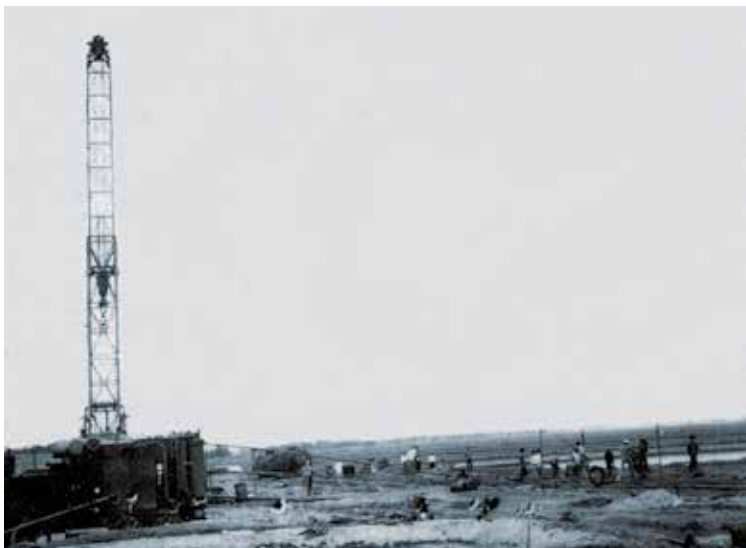
— Xin chúc mừng các đồng chí, — ông Yarmolyuk nói với cả đoàn. — Đây là mười lăm năm lao động vất vả và đã không bị phí hoài. Nếu kết quả thử vỉa khẳng định giá trị công nghiệp của phát hiện này thì ngành dầu khí Việt Nam sẽ đón tương lai rộng mở¹.

* * *

Ngày 18 tháng 3 năm 1975 đã phát hiện mỏ Tiền Hải C, mỏ khí condensat đầu tiên và cũng đáng tiếc là duy nhất ở đây. Về việc đây là mỏ khí condensat duy nhất lúc đó còn chưa có ai biết được, nhưng việc phát hiện dòng khí phun công nghiệp đã thay đổi tận gốc rễ những định hướng ưu tiên trong hoạt động của Tổng cục Địa chất Việt Nam DCCCH, cũng như những định hướng ưu tiên trong hợp tác giữa hai cơ quan. Giờ đây dòng chữ đầu tiên trong kế hoạch thăm dò địa chất chính là tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt, là nhanh chóng cung cấp thiết bị cần thiết cho mục đích này.

Nhóm công tác của Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Điệp thảo luận các vấn đề hợp tác với Bộ Địa chất và Ủy ban Nhà nước về Quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô trong suốt mười ngày. Có ba tổ chuyên viên cùng làm việc song song — tổ dầu khí, tổ khoáng sản rắn và tổ bàn về cơ sở vật chất cho ngành địa chất Việt Nam. Khi công việc đang ở lúc cao trào thì Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô nhận được một bức công hàm, trong đó phía Việt Nam không chỉ đưa ra đánh giá về sự kiện vừa xảy ra, mà còn nêu ra những đề nghị cụ thể.

Trích công văn của Phó Thủ tướng Việt Nam DCCCH Lê Thanh Nghị gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. I. Novikov, ngày 22/3/1975: «Với sự trợ giúp kỹ thuật của Liên Xô chúng tôi đã phát hiện được dầu và khí tại hai giếng khoan sâu khu vực Tiền Hải và Giao Thủy (ở vùng ven biển hai tỉnh Thái Bình và Nam Hà). Các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam đánh giá phát hiện này là một bước ngoặt trong việc tìm kiếm dầu lửa và khí đốt ở miền Bắc Việt Nam. Nhân dịp này xin chân thành bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới BCH Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính phủ Liên Xô. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trân trọng đề nghị Chính phủ Liên bang CHXNCN Xô-viết giúp đỡ mọi mặt để đẩy nhanh tiến độ khảo sát nhằm đánh giá trữ lượng



Dòng khí đốt đầu tiên của Việt Nam — giếng GK-61
 Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»

dầu mỏ và khí đốt ở những vùng nêu trên. Nhằm sớm triển khai những công việc cần thiết theo hướng này trong thời gian tới, chúng tôi đề nghị Liên Xô cung cấp cho chúng tôi năm bộ máy khoan sâu ở độ sâu 2400–3200 mét và ba bộ máy khoan A-50 cùng với ống khoan, ống mềm và mọi vật tư phụ trợ cần thiết khác. Chúng tôi mong muốn những bộ máy khoan và vật tư này được cấp sang Việt Nam vào giữa tháng chín năm 1975. Chính phủ VNDCCCH trân trọng đề nghị Chính phủ LBCHXHCNXXV cấp thêm ngoài khuôn khổ Hiệp định ngày 8 tháng 12 năm 1974 một khoản tín dụng bổ sung để thanh toán những khoản chi phí liên quan đến việc cung cấp số thiết bị khoan nói trên»².

Ngoài máy khoan phía Việt Nam còn đề nghị cử năm tổ khoan đầy đủ biên chế và ba đội khảo sát địa chấn được trang bị đồng bộ máy đo kỹ thuật số. Đồng thời còn đề nghị cung cấp toàn bộ vật dụng cần thiết để đảm bảo đời sống sinh hoạt và làm việc cho cả tập thể đông người đó. Cần phải giúp đỡ cả trong việc xây dựng cơ sở sửa chữa, tăng cường phòng thí nghiệm và thành lập trường công nhân kỹ thuật dạy nghề để đào tạo thợ khoan sâu. Dù sao trong công việc không thể nào tránh khỏi những bất đồng. Kế hoạch do phía Việt Nam đề nghị bao gồm việc khoan 16 giếng



Niềm vui sướng trào dâng

tìm kiếm — thăm dò ở những khu vực khác nhau của miền vông Hà Nội. Theo ý kiến các chuyên gia Liên Xô, lúc này chưa đủ cơ sở dữ liệu địa chất để tiến hành khoan tập trung dày đặc như vậy, vì vậy nên phía Việt Nam được khuyến nghị nên tập trung vào khảo sát địa chấn, dĩ nhiên là không bỏ qua việc khoan thăm dò ở những cấu tạo đã được nghiên cứu kỹ lưỡng nhất.

Ngày 04/4/1975 đồng chí Nguyễn Văn Điệp về nước, các thành viên trong đoàn đứng đầu là đồng chí Lê Văn Cự còn ở lại Matxcova hai tuần nữa để thỏa thuận những thông số kỹ thuật của hợp đồng¹. Bảy tháng sau Phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về Quan hệ kinh tế đối ngoại V. G. Morozov đã báo cáo về tình hình thực hiện những cam kết của phía Liên Xô và những hợp đồng đã ký kết với Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov, người được bổ nhiệm lãnh đạo phân ban Liên Xô trong Ủy ban hợp tác liên chính phủ Xô — Việt.

Trích thư của Phó Chủ tịch Ủy ban hợp tác kinh tế nhà nước V. G. Morozov gửi đồng chí I. V. Arkhipov, ngày 05/11/1975: «Công tác thăm dò địa chất để tìm dầu mỏ và khí — hợp đồng cung cấp thiết bị và vật tư đã ký kết vào tháng 6 năm 1975 với trị giá 3,1 triệu rúp, thời hạn cung cấp là quý I năm 1977. Trước cuối năm nay sẽ cung cấp đủ vật tư thiết bị trị giá khoảng 400 nghìn rúp. Hợp đồng thuê thiết bị địa vật lý để tiến hành công tác thăm dò địa chất tìm kiếm dầu khí trị giá 1,5 triệu rúp được ký vào tháng 6 năm nay với thời hạn iển hành công việc trong vòng 34 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Nhóm chuyên gia địa vật lý đầu tiên (9 người) kèm theo thiết bị cần thiết đã được cử sang Việt Nam DCCCH vào tháng 8 vừa rồi, nhóm 14 người còn lại cũng đã được chọn để cử sang đó công tác trước cuối năm nay»².

Chính phủ Liên Xô quyết định cấp 20 triệu rúp cho Việt Nam để tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt tại miền vông Hà Nội giai đoạn 1976–1980. Điều này được ghi trong bản Hiệp định liên chính phủ mới ký kết ngày 18/12/1975. Số tiền này dùng để



Các đồng sự. Cán bộ công nhân Đoàn thăm dò dầu lửa 36 bên giếng GK-63. Tháng 5/1975 (Ảnh tư liệu của PetroVietnam)

chi vào đâu? Trong các cuộc họp chuyên viên đã đạt được thỏa thuận rằng vào cuối năm 1975 — đầu năm 1976 sẽ có một hội đồng các chuyên gia địa chất Liên Xô có chuyên môn cao sang Việt Nam để giải quyết tất cả những bất đồng về chiến lược tìm kiếm — thăm dò tiếp theo ở miền vông Hà Nội và thống nhất quan điểm chung. Tháng 1 năm 1976, một hội đồng chuyên viên đã được cử sang Việt Nam thành phần gồm có: Phó giám đốc Viện nghiên cứu khoa học địa chất thăm dò dầu mỏ toàn Liên bang (VNIGRI) — tiến sĩ khoa học, giáo sư B. F. Dyakov, các chuyên gia địa chất K. M. Sevostianov, N. N. Khrapov, các chuyên gia địa vật lý M. B. Shnerson, S. S. Mikulskiy, P. I. Dvoretzkiy. Về phía Việt Nam có các đồng chí Nguyễn Quang Hạp và Nguyễn Ngọc Cự tham gia cùng họ. Chỉ đạo công việc là Phó Cục trưởng Cục Dầu khí của Bộ Địa chất Liên Xô V. F. Krymov³. Tất cả đã cùng nhau nỗ lực giám định và phân tích những tài liệu về tìm kiếm mỏ dầu khí trong những năm trước và lập một chương trình tổng hợp về thăm dò địa chất nhằm tìm kiếm dầu khí để tăng cường hiệu quả công việc. Theo lời mời của phía Việt Nam, tháng 3 năm 1976 Thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk đã sang Việt Nam làm việc, xem xét các vấn đề về phương hướng và khối lượng công việc thăm dò địa chất để tìm kiếm dầu khí giai đoạn 1976–1980. Kết quả ba tháng công tác ngay lập tức được trình lên bàn làm việc của lãnh đạo Chính phủ.

Trích công văn của Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về Quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô S. A. Skachkov và Bộ trưởng Địa chất Liên Xô E. A. Kozlovsky gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov, ngày 27/5/1976: «Các tài liệu địa chất sẵn có cho thấy rằng không có khu vực nào trên đất liền của VNDCCCH có triển vọng phát hiện ra các mỏ dầu và khí đốt lớn. Duy chỉ có miền vông Hà Nội, trong đó bao gồm cả vùng châu thổ sông Hồng, là còn tương đối đáng chú ý để tiến hành công tác thăm dò địa chất nhằm tìm kiếm dầu và khí. Với sự hỗ trợ của các chuyên gia Liên Xô tại khu vực này đã khoan 7 giếng khoan thăm số mà một trong số các giếng đó lại bãi khoan Tiền Hải C đã có dòng khí phun lên.

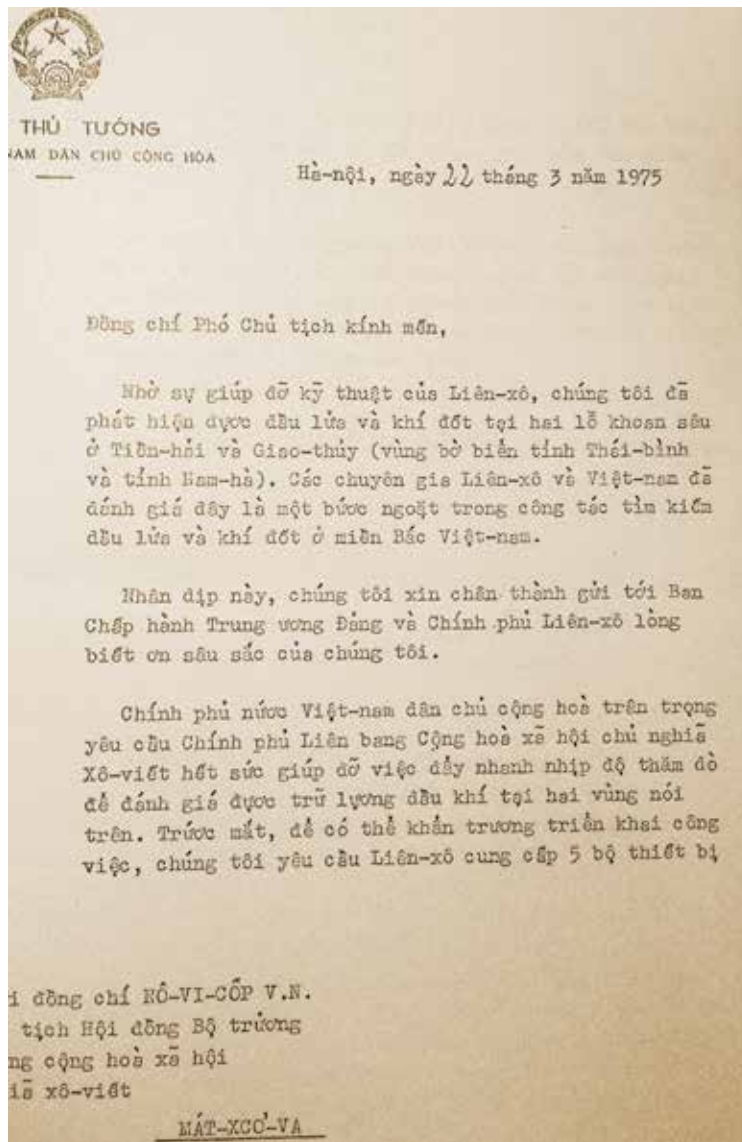
¹ Bản ghi cuộc gặp của đ/c V. A. Yarmolyuk, — Thứ trưởng Bộ địa chất Liên Xô, với đ/c Nguyễn Văn Điệp, — Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Việt Nam DCCCH // Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 1. Hồ sơ 7379. Tờ 32–35.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1746. T. 26–27.

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 7379. T. 32–35; Ph. 365. danh mục 9. Hồ sơ 1760. Tờ 103–109.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1760. T. 133–134.

³ Sevostianov K. M. 60 năm tìm kiếm dầu khí ở châu Á (Hồi ức và cái nhìn của các nhà địa chất dầu khí). Tập 2. Tr. 440.

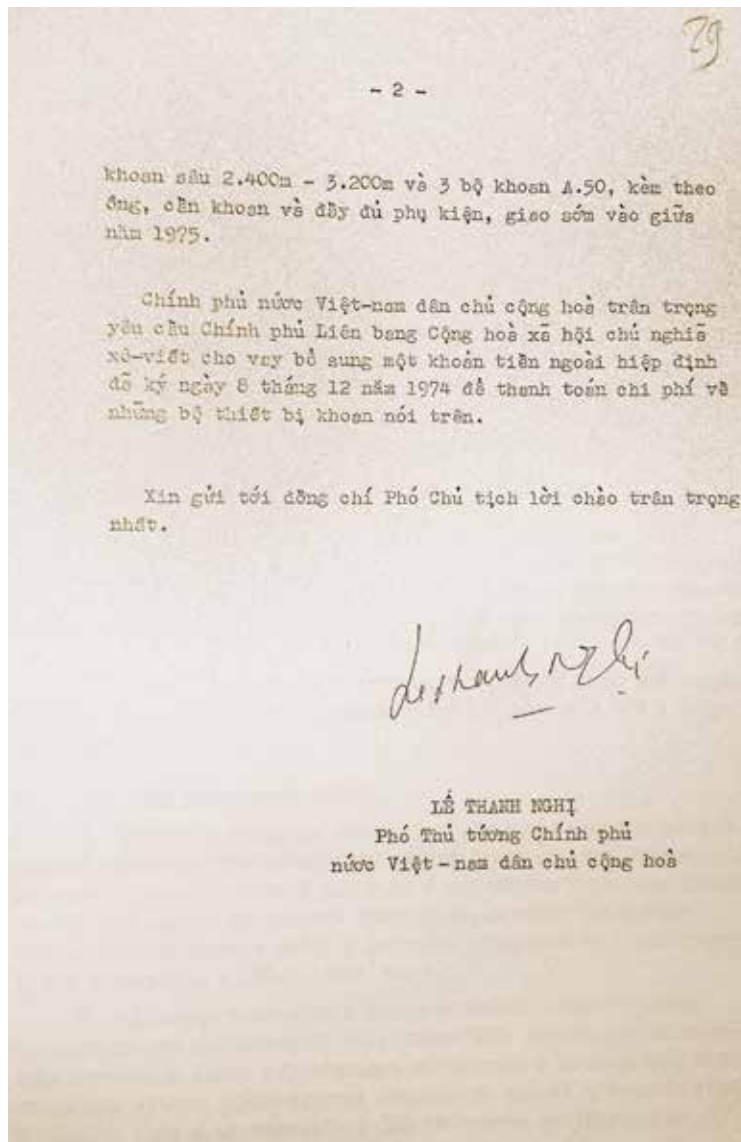


Công văn của đồng chí Lê Thanh Nghị gửi đồng chí A. N. Novikov ngày 22/3/1975 đề nghị cung cấp thiết bị khoan dầu

Việc phân tích kết quả các công việc đã thực hiện cho phép chúng tôi xác định rằng triển vọng chính trong tìm kiếm dầu và khí đốt gắn liền với vùng nước của vịnh Bắc Bộ và thềm lục địa biển Nam Trung Hoa (Biển Đông). Tuy nhiên, công tác nghiên cứu địa vật lý trên biển chỉ có thể triển khai sau khi Việt Nam ĐCCH và Trung Quốc phân chia xong vùng thềm lục địa. Bên cạnh đó cần lưu ý rằng Liên Xô hiện chưa có phương tiện kỹ thuật để khoan giếng thăm dò trên biển.

Còn về phần đất liền, triển vọng ước tính tất cả độ 5–7 triệu tấn hydrocacbon, chủ yếu ở dạng khí (5–7 tỷ mét khối). Đây là trữ lượng ở mức rất khiêm tốn, nhưng được phía Việt Nam rất coi trọng. Do đó, trong giai đoạn 1976–1977, và với kết quả khá quan cho đến năm 1980, việc thăm dò địa chất tiếp tục được lên kế hoạch, nhằm nghiên cứu chi tiết cấu trúc địa chất của miền vông Hà Nội¹.

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1996. Tờ 80–81.



* * *

Trích báo cáo của Phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về Quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô I. E. Khotsialov gửi Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ngày 04/11/1976: *«Theo quyết định ngày 22/9/1976 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban nhà nước xin báo cáo về những biện pháp được thực hiện liên quan đến việc hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để tiến hành thăm dò địa chất nhằm tìm kiếm dầu và khí đốt <...> Trong tháng 10 năm nay Ủy ban nhà nước và Bộ Địa chất Liên Xô đã áp dụng các biện pháp đẩy nhanh việc bốc xếp vật tư thiết bị từ các nhà máy sản xuất. Trong giai đoạn này khối lượng bốc xếp hàng hóa công nghiệp tới cảng Odessa đạt gần 150 tấn vật tư thiết bị. Hiện nay đang bốc xếp gần 100 tấn thiết bị các loại nữa lên tàu «Murom». Khối lượng cung ứng tính đến thời điểm ngày 03/11/1976 trị giá 4,3 triệu rúp. Không xảy ra tình trạng chậm trễ trong việc cung cấp vật tư thiết bị theo các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Tính đến ngày 03/11/1976, đã cử đi 60 chuyên gia trong số 81 người trong kế hoạch cử đi công tác theo hợp đồng về hỗ trợ chuyên gia giai đoạn năm 1976 — quý I năm 1977. Hồ sơ cán bộ cử đi công tác của 5 chuyên gia nữa hiện đang được giải quyết và được các Tỉnh ủy xem xét, dự kiến những*



Đồng chí I. V. Arkhipov, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Chủ tịch Ủy ban Liên chính phủ Xô — Việt về hợp tác kinh tế và khoa học — kỹ thuật.
RIA Novosti

chuyên gia này sẽ lên đường sang Việt Nam vào tháng 11–12 năm nay. Những chuyên gia còn lại sẽ được cử đi vào quý 1 năm 1977 như đã thỏa thuận với phía yêu cầu (điện ngày 30/10/1976 của đ/c Kleymentov, tham tán kinh tế Liên Xô tại CHXHCN Việt Nam)¹.

* * *

Ngày 24/11/1976, tại một cuộc họp với đồng chí I. V. Arkhipov, đồng chí Đỗ Mười — Phó Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã yêu cầu cung cấp thêm hai giàn khoan để khoan sâu tìm dầu và khí. Ngoài ra còn cần van cao áp và các thiết bị khác mà Việt Nam chưa bao giờ có. Cần những người biết việc, đặc biệt để tổ chức công tác phòng cháy. Đồng chí Đỗ Mười đã được nghe kể về những gì có thể xảy ra khi không kiểm soát được dòng lửa bốc ra từ khí đốt. Lập tức các tổ chức liên quan của Liên Xô được chính phủ giao nhiệm vụ tương ứng và sau khi xử lý vấn đề đã trình ngay đáp án².

Trích báo cáo của Phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về Quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô V. G. Morozov gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Chủ tịch phân ban Nga trong Ủy ban hợp tác liên chính phủ Xô-Việt I. V. Arkhipov, ngày 14/12/1976: *«Hiện tại Việt Nam có 3 máy khoan sâu (tới 5.000 m), 4 máy khoan sâu từ 1,5 đến 3 nghìn mét và năm 1977 sẽ được cung cấp 2 máy khoan BU-80 BRD với độ sâu khoan đến 2,8 nghìn mét. Đầu năm 1976, một nhóm chuyên gia chuyên môn cao của Liên Xô đã sang Việt Nam, cùng với các chuyên gia Việt Nam đã xác định khối lượng công việc khoan cho năm 1976–1980 là 77 nghìn mét dài. Khối lượng này, theo kết luận của họ, hoàn toàn được đảm bảo bởi các*

¹ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1996. Tờ 130.

² Viện lưu trữ RGAE. Ph. R — 5446. Danh mục 110. Hồ sơ 1516. Tờ 5–7.



Đại diện nhóm chuyên viên Liên Xô cùng với các đồng nghiệp Việt Nam. Từ trái sang phải: nhà địa chất 36t đầu mỏ đầu ngành, giáo sư B. F. Dyakov, Trưởng phòng đầu khí Vụ đối ngoại Bộ Địa chất Liên Xô N. N. Khrapov, lãnh đạo công tác tìm kiếm dầu mỏ ở miền vông Hà Nội K. M. Sevostianov (thứ tư từ trái sang), chánh kỹ sư địa chất nhóm chuyên gia đầu Liên Xô G. N. Ivanov (đứng hàng thứ hai), cố vấn địa vật lý M. B. Shneron (đứng ngoài cùng bên phải), thành viên Việt Nam trong nhóm chuyên viên Nguyễn Ngọc Cư (ngồi đầu bên phải). Hưng Yên. 1976

máy khoan hiện có và số thiết bị được cung cấp vào năm 1977.

Tuy nhiên, lưu ý đến đề nghị của đồng chí Đỗ Mười, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại và Bộ Địa chất Liên Xô sẽ áp dụng các biện pháp để năm 1977 cung cấp thêm một máy khoan «Uralmash 3D-76» để khoan các giếng có độ sâu đến 5 nghìn mét kèm theo thiết bị tổng thành và van áp.

Liên quan đến việc cung cấp van cao áp (dạng chia nhánh «X-mas tree»), thì theo các cam kết trong hợp đồng, 6 bộ van như vậy cho các áp suất khác nhau (từ 250 đến 700 atmosphere) đã được cung cấp sang Việt Nam. Trong những năm tiếp theo, loại van này cũng sẽ được cung cấp đủ số lượng cho các đơn vị Việt Nam theo hợp đồng và yêu cầu. Để hỗ trợ công tác phòng cháy do phát sinh dòng khí phun trong quá trình khoan, ngày 26 tháng 11 năm nay đã cử 2 chuyên gia sang Việt Nam và có 3 chuyên gia khác đang chuẩn bị hồ sơ, nếu được duyệt sẽ sang ngay Việt Nam. Theo thông tin nhận được, tình trạng sự cố tại giếng đó đã được khắc phục³.

* * *

Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1976, một nhóm các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam, đứng đầu là đồng chí K. M. Sevostianov đã bắt đầu triển khai công việc biên soạn một báo cáo tổng hợp về kết quả công tác thăm dò địa chất trong 20 năm (Báo cáo «Địa chất, triển vọng dầu khí và phương hướng thăm dò dầu khí tiếp theo ở miền vông Hà Nội» — ND). Ông được bổ nhiệm làm Phó trưởng Đoàn Nghiên cứu chuyên đề Địa chất Dầu khí 36B (tiền thân của Viện Dầu khí Việt Nam sau này), trực thuộc quyền điều hành của ông là một nhóm đồng các nhà địa chất Việt Nam đứng đầu là kỹ sư Lê Trọng Cán (nhà địa chất — kiến tạo), nhóm này bao gồm các chuyên gia với nhiều chuyên ngành khác nhau — kiến tạo học,

³ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1996. Tờ 161–162.

địa tầng học, địa chất thủy văn, địa vật lí, thạch học¹. Trong số các chuyên gia Liên Xô trong nhóm này có phó tiến sĩ địa chất thủy văn L. A. Grubov, thạch học O. G. Zaripov, địa hóa học A. F. Shevchenko và địa vật lý P. Z. Dolgonyuk. Trong Báo cáo tổng hợp, cấu tạo địa chất và tiềm năng dầu khí của miền vông Hà Nội đã được xem xét gần như từ mọi phương diện khác nhau (địa tầng, kiến tạo, đứt gãy, địa hóa học, thạch học, địa chất thủy văn, các thông số địa vật lý v. v...), đồng thời cũng đề xuất một kế hoạch tổng hợp để tiến hành công tác thăm dò địa chất tiếp theo. Kèm theo báo cáo các chuyên gia đã lập nhiều bản đồ chuyên ngành khác nhau về toàn bộ miền vông Hà Nội (vùng đất liền) — bản đồ tương đá cho từng tổ hợp tỷ lệ của 1:50.000 (20 chỗ đánh dấu), bản đồ kiến tạo tỷ lệ 1:200.000 (36 chỗ đánh dấu). Ngày 16/9/1977 trong một bầu không khí trang trọng, báo cáo được tất cả những người tham gia biên soạn ký tên.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

***Trích hồi ký của K. M. Sevostianov, năm 2005:** Cần nói rằng toàn thể tập thể Liên Xô — Việt Nam đã lao động rất căng thẳng, và chúng tôi chỉ sau một năm đã lập xong Báo cáo tổng hợp. <...>*

Điều quan trọng cơ bản để đánh giá triển vọng tiềm năng dầu khí của miền vông Hà Nội chính là sự hiện diện của những giai đoạn và bất chỉnh hợp góc trong lớp phủ trầm tích của vùng đó. Đa số các nhà địa chất khi tiến hành công tác thăm dò địa chất đều xuất phát từ tiền đề về thế nằm bất chỉnh hợp của tất cả các phức hệ thạch địa tầng, trong khi giả định rằng những bất chỉnh hợp và gián đoạn chỉ phổ biến ở các vùng riêng lẻ ở nền trầm tích Đệ tứ — Pliocen và ở khắp nơi tại nền lớp phủ trầm tích Kainozoi. Trong việc lập Báo cáo tổng hợp đầu tiên tôi đã cố gắng để chứng minh sự tồn tại của những bất chỉnh hợp góc và gián đoạn trong lòng phức hệ thạch địa tầng Miocen có khả năng chứa dầu khí, tuy nhiên, nó đã không được các nhà địa chất Việt Nam chấp nhận (Bây giờ tôi mới hiểu lý do tại sao — đối với họ ý tưởng này không có lợi). Phải mãi đến đầu năm 1983 trong nghiên cứu và thuyết minh kết quả khảo sát địa chấn (theo phương pháp điểm sâu chung) tôi mới xác định chắc chắn rằng trong nếp đứt gãy của bể bồi trầm tích có bất chỉnh hợp góc khá sắc nét chia nó thành hai bằng nhau: tôi coi bất chỉnh hợp đó như là ranh giới giữa chuỗi Phong Châu và Phù Cừ, còn trong lĩnh vực địa chấn, nó tương ứng với mức phân xạ III. Hai năm sau, năm 1985, tôi đọc được bài báo của Wu Jin-Min trong tạp chí Energy (số 3–4) nói là theo kết quả khảo sát địa chấn giai đoạn năm 1970–1979, tức là khi chúng tôi đang soạn báo cáo, các công ty phương Tây ở Vịnh Bắc Bộ đã xác định có bất chỉnh hợp góc trong lớp trầm tích Kainozoi tuổi giữa Eocene và Oligocene.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Năm 1985 ở vùng vịnh này đã tiến hành chính sách mở cửa. Về sau Báo cáo tổng hợp được coi là «Kinh Thánh» cho các thế hệ các nhà địa chất sau này. Tuy nhiên hiện nay tôi không loại trừ khả năng trong bản báo cáo đó có thể có những sai sót mang tính nguyên tắc <...> điều này liên quan đến sự hiện diện của môi trường lắng đọng chất lưu trong lát cắt ở miền vông Hà Nội, bởi vì chưa chắc chắn về mối tương quan giữa giếng khoan sâu 100 và 101, mà trên cơ sở đó kết luận rằng có môi trường lắng đọng chất lưu hay không, hay nói cách khác, vào năm 1977 chúng tôi có thể đã có một ý tưởng sai về cấu trúc địa chất của miền vông Hà Nội. Trong báo cáo đó chúng tôi đánh giá cao triển vọng chứa dầu khí của vịnh Bắc Bộ và đã không sai lầm — Chẳng bao lâu sau tại vùng biển này CHND Trung Hoa và các công ty phương tây đã phát hiện được mỏ dầu và khí. Cho đến năm 1984 đã có 9 trong số 14 giếng khoan cho dầu hoặc khí đốt².

Báo cáo tổng hợp năm 1985

¹ Tham gia tổng hợp tài liệu để lập Báo cáo tổng hợp về phía Liên Xô có: về nghiên cứu địa mao — Yu. M. Kleyner, về nghiên cứu động thực vật: Y. G. Cheltsov, P. A. Mchedlishvili, I. B. Vasiliev, nghiên cứu bào tử-phấn hoa — L. A. Panova, vi động vật — A. Y. Azbel, E. I. Saperson, thạch học đất đá trầm tích — V. P. Ivanov, thay đổi đất đá thứ cấp — L. A. Simonov, biểu hiện bitum khí — A. I. Korelikov, A. M. Margolin, M. V. Greben, V. A. Demidov, E. A Rogozin và các nhà địa chất thủy văn — L. A. Grubov, O. N. Yakovlev. Các chuyên gia Liên Xô cũng đã tham gia tổng hợp và phân tích các tài liệu: khoan cấu tạo và khoan thăm số — B. M. Polukhtovich, công tác địa chấn — R. A. Lupyř, S. S. Mikulsky, V. T. Muravik, A. I. Pilipienko, M. B. Shnerson, trong nghiên cứu địa vật lý giếng — V. G. Ilienکو, cũng như trong các nghiên cứu tổng hợp chuyên đề — S. K. Kitovani, V. N. Kisliakov, V. K. Golovenok.

²omg những công trình trên có sự tham gia của nhiều nhà địa chất và địa vật lý Việt Nam, trong số đó có những người đã tham gia việc biên soạn Báo cáo tổng hợp năm 1977: Lê Trọng Cán, Lê Văn Chân, Phạm Hương, Lê Hưng (địa chất), Phạm Kiên (địa chất thủy văn), Quang Văn Quý, Bùi Đình Phương (dầu khí), Trần Ngọc Cảnh, Lê Văn Tài, Lưu Đình Hòa (cổ sinh địa tầng), Đào Bích Thảo, Nguyễn Văn Úc (thu mẫu), Lê Văn Tài, Ngô Thế Ly (trọng lực học), Trần Đình Đình, Nguyễn Bao (cấu tạo).

Năm 1985 ở vùng vịnh này đã tiến hành chính sách mở cửa.

Về sau Báo cáo tổng hợp được coi là «Kinh Thánh» cho các thế hệ các nhà địa chất sau này.

Tuy nhiên hiện nay tôi không loại trừ khả năng trong bản báo cáo đó có thể có những sai sót mang tính nguyên tắc <...> điều này liên quan đến sự hiện diện của môi trường lắng đọng chất lưu trong lát cắt ở miền vông Hà Nội, bởi vì chưa chắc chắn về mối tương quan giữa giếng khoan sâu 100 và 101, mà trên cơ sở đó kết luận rằng có môi trường lắng đọng chất lưu hay không, hay nói cách khác, vào năm 1977 chúng tôi có thể đã có một ý tưởng sai về cấu trúc địa chất của miền vông Hà Nội. Trong báo cáo đó chúng tôi đánh giá cao triển vọng chứa dầu khí của vịnh Bắc Bộ và đã không sai lầm — Chẳng bao lâu sau tại vùng biển này CHND Trung Hoa và các công ty phương tây đã phát hiện được mỏ dầu và khí. Cho đến năm 1984 đã có 9 trong số 14 giếng khoan cho dầu hoặc khí đốt².

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Năm 1985 ở vùng vịnh này đã tiến hành chính sách mở cửa.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Vấn đề mang tính nguyên tắc đối với miền vông Hà Nội (phần đất liền) là quyết định trong giai đoạn 1977–1980 đẩy mạnh công tác thăm dò tại đới trung tâm, đặc biệt khu vực đông nam của đới trung tâm, tiến hành thăm dò địa chấn bằng phương pháp điểm sâu chung chi tiết nhằm lập bản đồ cấu trúc theo tỷ lệ 1/25.000–1/50.000, cũng như tiếp tục khoan thông số tìm kiếm tại Nam Đông Quan Tiền Hải C, Kiến Xương C³.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

* * *

Ngày 22 tháng 3 năm 1977, hai năm sau chuyến thăm của Đoàn Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Điệp và quyết định cung cấp một khoản tín dụng nhiều triệu rúp để tìm kiếm dầu khí, Bộ Địa chất Liên Xô đang thảo luận về tình hình giao hàng cho Việt Nam. Năm 1976–1977 hai bên đã ký kết 5 hợp đồng cung cấp máy khoan «BU-80 Brd», thiết bị thử giếng khoan A-80U và 3D-67, cũng như các loại thiết bị và vật tư khác để khoan và nghiên cứu địa vật lý. Việc cung ứng đã diễn ra vượt tiến độ, khoản tín dụng 20 triệu rúp trù tính trong 5 năm đã được sử dụng trong 3 năm, và năm 1979 đã có đề nghị cấp thêm tín dụng cho công tác thăm dò dầu mỏ trị giá 10–12 triệu rúp⁴.

Nhìn chung, viện trợ kinh tế của Liên Xô dành cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho tới giữa những năm 1970 đạt mức chưa từng có: theo tất cả các hiệp định được ký kết cho đến đầu năm 1976, giá trị của nó đạt 1,2–1,3 tỷ rúp. «Về trị giá cam kết hỗ trợ kỹ thuật của Liên Xô đối với VNĐCCH trong việc xây dựng các hạng mục công trình lớn, mức độ như vậy là chưa từng có trong suốt cả 20 năm hợp tác trước đây», Phó Chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại V. G. Morozov báo cáo lên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô vào đầu tháng 2 năm 1976. Việc giải ngân được giá trị hỗ trợ kỹ thuật này đòi hỏi phía Việt Nam phải có vốn đầu tư lớn, lực lượng cán bộ có chuyên môn cao và đầu tư một lượng đáng kể vật liệu xây dựng địa phương. «Tính đến việc Việt Nam DCCCH trong kế hoạch 5 năm hiện nay để xây dựng những công trình mới không những chưa thể tự mình cung ứng thiết bị công nghệ và phi tiêu chuẩn, mà còn cả nhiều loại vật liệu xây dựng, máy móc thi công và lắp đặt, — báo cáo của đồng chí Morozov nêu rõ, — nên khối lượng cung ứng của phía Liên Xô cho mỗi công trình sẽ cao gấp

Báo cáo tổng hợp năm 1985

² Sevostianov K. M. 60 năm tìm kiếm dầu khí ở châu Á (hồi ức và cái nhìn của nhà địa chất-dầu khí), Tập 2, Tr. 453–474.

³ Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 248.

⁴ Viện lưu trữ RGAE. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2691. Từ 50–51.

khoảng 2 lần so với các công trình tương tự được xây dựng ở các nước xã hội chủ nghĩa khác»¹.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

hệ quốc tế Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô F. F. Popovin. Trợ giúp họ là những chuyên gia đã công tác ở Liên đoàn 36: G. A. Kostromin, A. F. Ilyn, V. V. Voplenko, I. S. Solopov, V. S. Lesechko, V. V. Dzyuba và G. I. Ivanchenko.

Tham gia về phía Việt Nam có: Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí (TCĐK) CHXHCNVN Nguyễn Văn Biên (lãnh đạo), Phó Tổng cục trưởng TCĐK Lê Văn Cự, Liên đoàn trưởng Liên đoàn địa chất 36 Phan Minh Bích, Phó Phòng kỹ thuật TCĐK Nguyễn Giao, Phó Phòng kinh tế — kế hoạch TCĐK Nguyễn Quang Hạp, Liên đoàn phó Liên đoàn địa chất 36 Nguyễn Ngọc Cự, Phó Viện trưởng Viện dầu khí Việt Nam Hồ Đắc Hoàì, chánh kỹ sư địa vật lý TCĐK Trương Minh, kỹ sư khoan Phòng kỹ thuật TCĐK Trần Giao, Trưởng đoàn thăm dò địa vật lý Liên đoàn địa chất 36 Nguyễn Đức Tuấn, chuyên viên Ủy ban kế hoạch nhà nước Võ Hồng Phúc, chuyên viên Công ty «Technoimport» Hoàng Tích Phúc, các kỹ sư Vũ Ngọc An và Vũ Văn Kính⁴.

Đoàn chuyên viên của Yarmolyuk nhận định rằng trong giai đoạn năm 1976–1978 như trước đây không phát hiện trầm tích đáng kể nào tại miền vông Hà Nội, được giải thích là do các điều kiện địa chất phức tạp của khu vực, không tồn tại các cấu tạo lớn, độ xốp và thấm thấu kém của các vỉa đã được phát hiện. Kết luận của nhóm chuyên gia tổng hợp không mấy khả quan: «Ở đây, chỉ có thể tích tụ một lượng nhỏ nguyên liệu hydrocacbon trong các bẫy đã được thăm dò về kiến tạo học, thạch học và trọng lực học»⁵.

Ngày 27/7/1978, các chuyên viên đã trình bày đánh giá của mình trước đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam. Báo cáo của các nhà địa chất kéo dài bốn mươi phút. Những đề xuất của các chuyên gia Liên Xô đã được phía Việt Nam chấp thuận gần như toàn bộ không có thay đổi gì. Trong cuộc trò chuyện phía Việt Nam cũng nêu mong muốn được cung cấp các trạm địa chấn kỹ thuật số, hỗ trợ trong việc xử lý những số liệu địa vật lý thu được khi nghiên cứu thực địa, xây dựng một trung tâm máy tính hiện đại và một xưởng sửa chữa thiết bị địa vật lý.

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

Báo cáo tổng hợp năm 1985

^[1]
^[2] Báo cáo tổng hợp năm 1985

tiếp tục ở miền vông Hà Nội không phát hiện ra khí. Dĩ nhiên lúc đó này sinh câu hỏi — làm gì tiếp theo? Việc tìm lời giải đáp cho câu hỏi đó là một trong những lý do để tôi một lần nữa tới Việt nam. <...> Chúng tôi đã nghiên cứu khá tỉ mỉ kết quả khảo sát địa vật lý. Thật đáng tiếc, cũng như trước đây các chuyên gia địa địa vật lý không thể xác định được bất kỳ cấu tạo nào có triển vọng. Tính chất những lát cắt địa chấn (thoạt trông có vẻ hỗn loạn) kết hợp với chất liệu mẫu và kết quả khảo sát địa chấn lỗ khoan cho thấy một lát cắt «rác» nào đó trong lõi đất đá chắc là được hình thành trong các điều kiện độ đục và có tính chất vĩa dạng thấu kính. Ngoài ra, toàn bộ nền trầm tích dày đã bị cắt bởi nhiều đứt gãy. Trong môi trường địa chất như vậy thì không thể có những điều kiện thuận lợi để hình thành các vỉa mỏ để khai thác công nghiệp dù là dầu hay khí. Và nói chung, với tất cả mọi thứ mà chúng tôi xem xét, kết hợp với các tài liệu trước đây, không thể tránh khỏi việc đi đến kết luận cần phải dừng công việc tại miền vông Hà Nội, đặc biệt là ở phần đất liền chông lẩn với đồng bằng sông Hồng.

Chúng tôi cũng đã nói điều này với đại diện Xí nghiệp khí Tiền Hải và lãnh đạo tỉnh Thái Bình. Theo phản ứng qua lời nói có thể phán đoán rằng họ sụp đổ hy vọng tỉnh có nhiều dầu mỏ, nhiều khí đốt, song đồng thời vẫn le lối tia hy vọng vào một điều thần kỳ nào đó. Về nguyên tắc họ không phủ nhận sự hợp lý phải dừng những công việc tiếp theo, song yêu cầu ít nhất trong vẫn bản chính thức chúng tôi không đưa ra khuyến nghị dừng ngay lập tức việc đó, mà đợi đến khi kết thúc việc khoan những giếng khí ấy chưa đạt độ sâu theo thiết kế. Đó là một đề nghị hợp lý và chúng tôi đã nhất trí với đề nghị này.

Việc không còn triển vọng có những mỏ mới ngoài mỏ khí Tiền Hải C đã được phát hiện, cùng với chuyện sắp phải kết thúc công việc ở miền vông Hà Nội đã làm đau lòng không chỉ các bạn Việt Nam mà còn cả chúng tôi. Thật rất muốn có tin vui về kết quả lạc quan trong công việc chung của chúng tôi và các nhà địa chất Việt Nam để động viên dân tộc tuyệt vời này, dân tộc vừa trải qua cuộc chiến tranh khốc liệt. Nhưng hơi ôi, lòng đất miền vông Hà Nội hóa ra lại không kết quả»¹.

* * *

Sau khi xem xét báo cáo của V. A. Yarmolyuk về kết quả công tác của đoàn chuyên gia và yêu cầu của phía Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov đã chỉ đạo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại và Bộ Địa chất Liên Xô xem xét thực chất vấn đề và đưa ra kiến nghị về những hình thức hợp tác tiếp theo trong lĩnh vực thăm dò dầu mỏ và khí đốt ở Việt Nam. Tổng hợp ý kiến của ba bộ ngành nêu trên đã đi đến kết luận là cần thực hiện hoàn chỉnh kế hoạch khoan thăm dò theo khối lượng đề ra, những khối lượng hoàn toàn đủ để rút ra kết luận hoàn chỉnh về tiềm năng chứa dầu và khí của miền vông Hà Nội. Văn bản này cũng đưa ra những khuyến nghị để thực hiện cho đến cuối năm 1980 công tác nghiên cứu địa chấn ở những vùng nước nông và đặt các giếng khoan sâu tới chiều sâu 4.500 mét ở những đảo gần bờ.

Trích hồi ký của Thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk: «Ngay từ khi bắt đầu công việc tìm kiếm dầu, các nhà địa chất Liên Xô đã bị đặt vào tình thế phức tạp. Một mặt, họ không thấy vùng miền vông Hà Nội có triển vọng lớn, mà mặt khác, ban lãnh đạo cách mạng của Việt Nam thời đó khi đang tập trung làm sao để đẩy thật nhanh nền kinh tế đất nước, quyết tâm theo đuổi kế hoạch triển khai rộng công tác khoan thăm dò nhằm nhanh chóng tìm ra những mỏ dầu khí có trữ lượng công nghiệp. Và vô hình chung đã «ép» cả các chuyên gia địa chất chúng ta, lẫn cơ quan thương vụ, thậm chí cả đại sứ quán Liên Xô. Khi nhà địa chất của nhóm chuyên gia dầu lửa Liên Xô Kim Mikhailovich Sevostianov ngay từ giai đoạn đầu tiến hành công việc đã trình bày một cách thẳng thắn những nhận định của mình rằng, căn cứ vào những đặc thù về cấu tạo địa chất của miền vông Hà Nội thì không có cơ sở để trông đợi những phát hiện trữ lượng lớn đến mức nào đó, rằng trong trường hợp khả quan nhất chỉ có thể phát hiện được những vỉa mỏ nhỏ với tổng trữ lượng từ 3–5 triệu tấn dầu hoặc 3–5 tỷ mét khối khí tương đương, thì, nói nhẹ nhàng ra, ông đã không nhận được sự đồng cảm từ phía Việt Nam. Việc khoan những giếng khoan sâu tốn kém vẫn được tiếp tục. Và rồi sao nữa? Thời gian đã cho thấy ý kiến đánh giá của chuyên gia chúng tôi về triển vọng của miền vông Hà Nội là đúng. Dù đã tốn khá nhiều công sức, tiền của và thời gian, cũng chỉ phát hiện được một vài vỉa khí không lớn. Đáng kể nhất trong số đó là mỏ khí Tiền Hải C cũng chỉ có sản lượng khai thác 1,3 tỷ mét khối. Song cần phải thán phục khả năng nắm bắt công việc của người Việt Nam. Họ đã rất nhanh chóng và năng động tổ chức khai thác mỏ này. Thật may khí ở đó là loại khí sạch, không có dihidrosunfua (H₂S) và các tạp chất có hại khác, nên không cần phải tiến hành công việc xử lý làm sạch phức tạp nào cũng sử dụng luôn được tại một nhà máy điện nhỏ được xây dựng cho mục đích này»².

Đáng tiếc là những số liệu nhận được ngày càng chứng tỏ không nên trông chờ khai thác được trữ lượng lớn ở phần «đất liền» của miền vông Hà Nội, mà cần điều chỉnh chiến lược tìm kiếm sau này.



Bên van cao áp. 1977

Vào đầu những năm 80...

Hàng năm vào cuối tháng 11 Bộ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô thường ký chỉ thị được soạn lập trên cơ sở quyết định chuyên biệt của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Đó là chỉ thị phê duyệt kế hoạch công tác của các chuyên gia trong bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các nước khác. Tham gia công việc này là các bộ ngành, tổng cục địa chất trên thực tế là của hầu hết các nước cộng hòa trong Liên bang, cũng như các liên hiệp xí nghiệp và các viện khoa học toàn liên bang.

Ngày 27 tháng 11 năm 1979, Bộ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô E. A. Kozlovsky đã ký một trong những chỉ thị như vậy. Nó được quy định cho tất cả các tổ chức và xí nghiệp của ngành — «Đảm bảo việc lựa chọn và phân công kịp thời các chuyên gia có trình độ chuyên môn tốt và phẩm chất đạo đức chính trị cao để cử đi nước ngoài công tác tại các công trình hỗ trợ kỹ thuật»¹.

Năm 1980 có kế hoạch cử hơn 120 kỹ sư và công nhân của các doanh nghiệp ngành địa chất Liên Xô sang Việt Nam công tác với thời hạn từ 1 đến 3 năm, trong số đó gần 90 người được cử tham gia hoặc là công tác thăm dò tìm kiếm dầu mỏ, hoặc là việc tổ chức khai thác mỏ khí condensat Tiền Hải. Cụ thể, «giao chỉ tiêu» cho Bộ Địa chất Ucraina cử 13 người, Bộ Địa chất Kazakhstan — 17 người, Bộ Địa chất Uzbekistan — 19 người. Tổng cục địa chất tại Armenia và Turkmenia, Liên hiệp «Geophysica» và Liên hiệp «Soyuzgeophysica» cử mỗi nơi 2 người. 10 người — từ Liên hiệp «Yuzhmorgeo» và 4 người từ Viện kinh tế khoáng sản toàn liên bang. Trong nhóm chuyên gia đồng đảo ấy có cả 3 chuyên gia từ Bộ công nghiệp khí Liên Xô: kỹ sư trưởng về vận hành thiết bị mỏ khí condensat, cố vấn về thiết kế khai thác mỏ, chuyên gia về xây



Vẫn là cụm van cao áp ngày xưa. 2015

dựng nền móng và cầu vượt ngoài biển ở độ sâu từ 5 đến 20 mét dưới nước².

Liên doanh khai thác dầu khí «Vietsovpetro» ở miền nam Việt Nam đã đi vào hoạt động, trong khi các chuyên gia từ Liên Xô vẫn sang tiếp tục tìm kiếm dầu khí ở miền vông Hà Nội. Vào đầu những năm 1980, mỗi năm có từ 120 đến 140 đại diện Bộ Địa chất Liên Xô sang làm việc ở đất nước này và một phần ba trong số họ tham gia công tác tìm kiếm nguyên liệu hydrocacbon. Theo tính toán của những nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam, trong khoảng thời gian năm 1976–1985 có hơn 600 chuyên gia Liên Xô đã tham gia thăm dò địa chất để tìm kiếm dầu khí ở miền Bắc Việt Nam. Tốp cuối cùng gồm sáu người sang vào nửa cuối năm 1985.

* * *

Để hoàn tất giai đoạn tìm kiếm thăm dò ở miền vông Hà Nội trong khuôn khổ hiệp định liên chính phủ tiếp theo được ký ngày 21/6/1981, Liên Xô đã cấp thêm cho Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một khoản tín dụng trị giá 2 triệu rúp.

Năm 1982 đã tổng kết kết quả thực hiện chương trình năm 1976. Cấu tạo của các nếp lồi đã được biết đến của miền vông Hà Nội một lần nữa được xác minh lại như trước đây. Tính đến ngày 01/1/1983 có ba giếng khoan sâu đang trong giai đoạn khoan, bốn giếng đã hoàn thành thử vĩa và một giếng nữa mới được lắp đặt. Công tác khoan được thực hiện vượt nhiệm vụ kế hoạch đề ra: điều kiện cả về thiết bị lẫn đội ngũ nhân sự đều đủ để làm được điều này. Ngoài ra, đã phát hiện được những cấu trúc mới, song vị trí những cấu trúc này lại thuộc về vùng nước ven bờ vịnh Bắc Bộ.

Trích báo cáo của Bộ Địa chất Liên Xô năm 1982: «*Việc xử lý sơ bộ tài liệu nghiên cứu địa vật lý vùng biển đã giúp xác định sự tồn tại của 5 phức hợp cấu trúc nếp lồi tại vùng biển ven bờ vịnh Bắc Bộ, có phương vĩa tây bắc và rõ ràng là sự phát triển tiếp tục của vùng nếp lồi Khoái Châu — Tiền Hải trên đất liền. Nếp lồi lớn nhất trong số đó có kích thước 20 km x 10 km và biên độ ít nhất là 200–250 m. Độ sâu nước biển ở đây là 25–30 m. Khoảng cách từ bờ biển ra đến vị trí đó là 35 kilomet.*

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 4075. Tờ 21–22, 29–31, 38–39, 41, 43, 50–52, 70, 74, 78–79, 82–84, 87–88, 102, 105, 115.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 5120. Tờ 16.

^[1] Yarmolyuk V. A., Kolyazhnov A. A. Các nhà địa chất Liên Xô ở nước ngoài (Hoạt động hợp tác quốc tế của cơ quan địa chất Liên Xô). 1931–1991. M., 1997. Tr. 62.



Trạm xử lý khí Tiền Hải. Chủ tịch HĐQT tương lai của «PetroVietnam» Phùng Đình Thực đứng phía sau, cạnh các bình tách khí. 1977

Năm 1983 tính toán xong trữ lượng mỏ khí Tiền Hải C đã được phát hiện và đưa vào khai thác, trữ lượng mỏ đó là 1,7 tỷ mét khối, song năm 1985 sau khi chuẩn xác lại thì là 1,3 tỷ mét khối¹. Dĩ nhiên con số vẫn trông đợi lớn hơn thế khá nhiều, nhưng dù sao thì những nguồn nguyên liệu này cũng hết sức cần thiết cho nền kinh tế Việt Nam.

Tiếc là sau khi hoàn thiện toàn bộ công tác thăm dò dầu khí thì thấy rõ rằng triển vọng dầu khí chủ yếu của miền vông Hà Nội không liên quan đến đồng bằng sông Hồng mà liên quan đến khu vực gần bờ của vịnh Bắc Bộ². Vào năm 1982–1984 công tác nghiên cứu miền vông Hà Nội vẫn tiếp tục nhưng đã bắt đầu thu hẹp dần. Cụ thể, nếu như năm 1982 kế hoạch khoan là 10 nghìn mét dài, thì năm 1983 đã giảm xuống còn 8 nghìn mét. Năm 1985 không có kế hoạch tìm kiếm thăm dò mới tại phần đất liền của miền vông Hà Nội mà chỉ hoàn thiện chương trình đề ra trước đó. Phần nghiên cứu khu vực gần bờ thềm vịnh Bắc Bộ được đưa vào chương trình công tác nêu trong Hiệp định liên chính phủ về thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại miền nam Việt Nam ký ngày 19/6/1981. Theo đó vai trò tổng thầu không còn thuộc về Bộ Địa chất Liên Xô, mà thuộc về Bộ công nghiệp khí Liên Xô. Giai đoạn hợp tác mới giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí đã bắt đầu.

Vào tháng 11 năm 1985 tại Hà Nội Thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk đã ký hiệp định dừng tìm kiếm dầu và khí ở khu vực miền vông Hà Nội³.

Cơ sở khai thác khí Tiền hải: giữa quá khứ và tương lai



***Tháng 10 năm 2015.** Chiếc xe minibus chở đoàn đại biểu của Công ty Gazprom International đang trên đường từ Hà Nội đến tỉnh Thái Bình. Họ đã rời tuyến đường cao tốc thu phí có dáng dấp hoàn toàn như đường châu Âu khá lâu. Thoáng vụt qua cửa kính là những xóm làng Việt Nam nhỏ bé. Có điều lạ là cảnh vật đường như rất quen thuộc: những bụi cây xanh rải rác phía chân trời, trông như những hòn đảo nhỏ lên giữa biển lúa màu xanh đã ngả vàng, trên đó có những chiếc máy gặt đang hoạt động. Vụ*

^[1] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 5391. Tờ 83; Hồ sơ 5877. Tờ 80.

^[2] Viện lưu trữ RGAE. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 4036. Tờ 21–22.

^[3] Sevostianov K. M. 356 cảnh trong cuộc đời tôi năm 1932–2012 (Hồi ức và cái nhìn của nhà địa chất đầu khí Liên Xô). Trọn bộ 2 tập. Tập 1. M., 2012. Tr. 184.


Hệ thống bình tách khí hiện nay tại Xí nghiệp khí Tiền Hải. 2015

thu hoạch đang diễn ra. «Chẳng khác gì Yaroslavl!» — một trong những hành khách tự nhủ. Tháp thoáng đầy đó phía chân trời là những tháp chuông nhà thờ giống như mái chuông nhà thờ Chính thống giáo, lại càng gợi nhớ hơn khung cảnh quen thuộc từ thời thơ ấu. Đang mãi suy nghĩ nên hành khách không chú ý rằng xe đã đi vào những con phố nhỏ gần nấp ở thị trấn Tiền Hải. Đó là một Việt Nam đích thực, sâu thẳm, khác xa những thành phố bãi biển hào nhoáng nhộn nhịp dành cho khách du lịch và các thủ đô văn hóa. Nó sống một cuộc sống riêng của mình: những đội viên thiếu niên tiên phong đeo khăn quàng đỏ mặc áo khoác trắng vội vã đến trường, ngay trên vỉa hè là các bác thợ cắt tóc đang khéo léo đưa tay kéo, bên cạnh khoảng đất trống là nhóm xích lô tùm lại chờ khách, người buôn bán đã mở các quầy hàng. Tiền Hải — hiện nay là trung tâm gia công đồ gỗ và sản xuất đồ gốm. Điều này thấy rõ qua sự phong phú của các cửa hàng đồ gỗ nội thất trong thị trấn và những vỉa hè lát gạch theo kiểu Matxcova.

Con đường 39B bắt đầu từ Thái Bình đi qua Tiền hải thẳng theo phía nam ra biển. Kéo dài mãi dọc đường là dãy



Phái đoàn của công ty «Gazprom EP International» cùng với các nhân viên cơ sở khí đốt Tiền Hải, 2015

tường rào cao, sau nó là những nhà máy gồm sủ với những ống lò đang hoạt động — đó là một khu công nghiệp. Chiếc xe minibus đi vào cánh cổng rộng mở, khó nhận thấy. Một khoảng sân nhỏ sạch sẽ với một tòa nhà hai tầng, sâu phía trong — là tàn dư và chứng tích của một thời công việc bận rộn — những cái bình tách khí. Phía bên phải của chúng là một đài kỷ niệm khiêm tốn dựng ngay cạnh cụm van cao áp, trên đó kim đồng hồ áp kế vĩnh viễn đứng tại điểm số 0. Nơi đây chính là quê hương của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam, giống như giếng dầu Drake tại Pennsylvania của Mỹ (giếng dầu đầu tiên, nơi khai sinh ngành công nghiệp dầu mỏ hiện đại của nước Mỹ năm 1859) hay «Giếng khoan của đại tá Novosiltsev» (giếng dầu đầu tiên của Nga do kỹ sư-đại tá về hưu A. N. Novosiltsev khoan năm năm 1864) cạnh dòng sông Kudako vùng Kuban!

** * **

Cơ sở khai thác khí Tiền Hải bắt đầu hoạt động từ ngày 01/10/1977, khi thành lập Xí nghiệp khai thác dầu tiên của Việt Nam — đội khai thác dầu khí. Đội được giao hình thành cơ sở khai thác. Theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam, Viện thiết kế Giprogeolstroj của Bộ Địa chất Liên Xô bắt tay thiết kế cơ sở ống và cải tạo xưởng sửa chữa cơ khí tại Tiền Hải.

***Trích hồi ký của nguyên Chủ tịch HĐTV Tập đoàn dầu khí Việt Nam, năm 1978 là tổ trưởng Tổ Khai thác Dầu khí:** «Vào năm 1977, tôi tốt nghiệp đại học ở Liên Xô về nước. Tôi được giao đứng đầu tổ thiết kế tại Trạm xử lý khí Tiền Hải, nơi lúc đầu có hai, rồi sau đó là ba giếng hoạt động. Năng suất khai thác của một giếng lúc bấy giờ là 100–130 nghìn mét khối khí/ngày đêm. Về cơ bản khí được đưa tới một trạm phát điện địa phương công suất 320 MW. Tôi và nhóm của tôi cần thiết kế toàn bộ hệ thống khai thác thu gom và cung cấp khí cho đơn vị tiêu dùng — các máy thu gom, bình tách, bình chia. Chúng tôi đã xây dựng cơ sở khai thác khí từ con số không, và các kỹ sư Liên Xô đã giúp đỡ chúng tôi trong việc này. Dần dần chúng tôi đã xây dựng được toàn bộ cơ sở hạ tầng»¹.*

Ngày 08/7/1981 mỏ khí Tiền Hai bắt đầu khai thác ổn định. Sản lượng khai thác khí mỗi năm một tăng. Nếu như năm 1981 chỉ khai thác được 8 triệu mét khối khí, thì năm 1982 sản lượng khai thác đã tăng lên 18,3 triệu m³, năm 1983–22,1 triệu m³. Những người thợ khí đốt Việt Nam đã nâng sản lượng khai thác tới 35–37 triệu m³/năm và đã giữ ổn định ở mức này trong nhiều năm².

Khí khai thác được cung cấp cho một trạm phát điện tuabin khí công suất 12 nghìn KW tại tỉnh Quảng Ninh bên cạnh, được dùng làm nhiên liệu cung cấp cho các cơ sở sản xuất gạch và gốm sứ gần đó. Khí condensat được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm hóa chất. Nhờ đó sản sinh ra những loại hình sản xuất mới.

** * **

Tên của tỉnh phát hiện được khí đốt ở Việt Nam là Thái Bình. Dịch từ tiếng Việt ra tiếng Nga nghĩa là «sự bình an và yên tĩnh lớn lao». Hoạt động tích cực của các nhà địa chất và thợ khoan

^[1] Phingr vấn ông Trần Đình Thực, 14/4/2015, Hà Nội.

^[2] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. Tập 1. Tr. 250–251, 255.

đã khuấy động đất thuần nông ấy. Những cậu bé bắt đầu tăng cường học toán và vật lý để vào học Trường công nhân kỹ thuật nghề mở tại tỉnh Hưng yên bên cạnh.

Ông Nguyễn Xuân Thọ — Đội trưởng đội đại tu các giếng của cơ sở khai thác khí Tiền Hải nhớ lại: «Tôi đã tốt nghiệp lớp 10 và nghĩ rằng dầu khí là một ngành mới đối với đất nước chúng tôi, và do đó rất có triển vọng. Chúng tôi rất nghèo, nhưng khát khao mong muốn đất nước mình được thịnh vượng, sự thịnh vượng mà dầu mỏ và khí đốt hứa hẹn có thể mang lại. Nói chung, tôi đã quyết định một cách có ý thức vào học trường «dầu». Giáo viên là những người đã được đào tạo ở Liên Xô. Họ dạy những kiến thức rất cơ bản.

Trong khóa học của chúng tôi có gần năm mươi người, sau hai năm học được phân công đến nhiều bãi khoan khác nhau. Tôi được phân công về tỉnh Nam Định bên cạnh giúp việc cho thợ khoan, là công nhân phía trên giếng. Chúng tôi khi đó làm việc với máy khoan «Uralmash — 3D», khoan các giếng sâu 2400–3200 mét. Đội của tôi có 21 người, trong đó có 3 người Nga. Tôi nhớ rất rõ về họ, bởi vì trong thời kỳ khóa khẩn vất vả họ đã giúp đỡ chúng tôi không chỉ trong công việc mà còn cả sau đó nữa»³.

** * **

Từ năm 1985, việc vận hành cơ sở khai thác mỏ Tiền Hải đã hoàn toàn chuyển giao cho người Việt Nam. Và ngày nay, sau 35 năm kể từ khi mỏ bắt đầu được khai thác thương mại, cơ sở khai thác vẫn hoạt động. Sản lượng khai thác không lớn, biên chế chuyên gia cũng vậy, nhưng mỏ khí không chết, bởi vì những giếng trước đây khai thác khí thì nay khai thác nước khoáng có nhãn hiệu được biết đến khắp Việt Nam. Hơn nữa, mặc dù miền vông Hà Nội chưa thể đáp ứng được những hy vọng đặt vào nó, song nó cũng không phải nói lời vĩnh biệt cuối cùng.

Ở vùng ven cơ sở khai thác khí Tiền Hải có một cánh đồng lúa lớn. Nếu bạn đi qua cánh đồng đó nhất định xin hãy dừng chân ở một công trình mới rất đáng chú ý, có logo thương hiệu PetroVietnam. Đó là trạm phân phối khí mới nhất, được đưa vào hoạt động vào ngày 28 tháng 9 năm 2015. Nó nhận và chuyển khí từ mỏ khí Hàm Rồng mới và Tiền Hải cũ.

Mỏ Hàm Rồng được phát hiện ở vùng nước nông của vịnh Bắc Bộ vào tháng 9 năm 2010. Việc phát hiện được mỏ khí này không chỉ nhờ vào chính sách hiện nay của tập đoàn dầu khí PetroVietnam, mà còn nhờ tiềm lực lớn về khoa học kỹ thuật, công nghệ và con người, tiềm lực đã được tích lũy trong quá trình tìm kiếm thăm dò lâu dài ở miền vông Hà Nội. Có lẽ đây mới là thắng lợi chính của Việt Nam, thắng lợi giành được ở vùng đồng bằng sông Hồng, — đó là tạo dựng nên một ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh!

Khí đốt thiên nhiên của mỏ mới Hàm Rồng và mỏ cũ Tiền Hải gặp nhau ở trạm phân phối khí. Cái cũ và cái mới đã kết hợp với nhau một cách khá biểu tượng như vậy. Mà biết đâu, có thể miền vông Hà Nội còn mang lại cho chúng ta những phát hiện nào đó nữa...

Chiến lược phát triển về phương Nam

Việc khai thác phát triển tài nguyên hydrocarbon trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam diễn ra trước hàng chuỗi sự kiện chính trị đối nội và đối ngoại, không chỉ như nền tảng cơ sở mà còn có tác động trực tiếp đến những quyết định của Chính phủ cả hai nước trong lĩnh vực hợp tác dầu khí.



Thủ tướng Phạm Văn Đồng (giữa) đến thăm giếng GK-61

Điểm mốc quan trọng trong lịch sử Nhà nước Việt Nam cũng như trong lịch sử ngành công nghiệp dầu khí của đất nước là năm 1975. Ngày 18 tháng 3 đã khai mở mỏ khí ngưng tụ condensate Tiền Hải «C». Niềm hy vọng và trông đợi bao lâu của các nhà địa chất được thay thế bằng niềm vui và cao trào nhiệt tình phấn khởi. Mười lăm năm tìm kiếm cuối cùng đã mang lại kết quả tốt đẹp. Người đứng đầu Chính phủ Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng đích thân về tỉnh Thái Bình chúc mừng các anh hùng dầu khí. Trò chuyện với mọi người, Thủ tướng đùa vui và mỉm cười bí ẩn. Một số người nhận thấy rằng Thủ tướng có điều gì đó không nói hết. Ít lâu sau mới được rõ «điều bí mật» mà Thủ tướng còn chưa để lộ: gần như đồng thời với việc phát hiện mỏ khí đốt ở miền Bắc Việt Nam, ban lãnh đạo đất nước đã bắt đầu xúc tiến chuẩn bị cho đại chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Thành phố «Babylon Á châu» này khi ấy còn chưa biết rằng nó đang sống những ngày cuối cùng trong chế độ cũ, trước khi đoàn xe tăng của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam rầm rộ xuất hiện trên đường phố Sài Gòn. Từ xa vắng đến tiếng đạn pháo gầm, nhưng dân chúng ở đây vẫn vui vẻ tiếp tục cuộc sống vô tư thường nhật. Đó là cảnh tiệc tùng trong lúc có bệnh dịch. Các cô gái bán hoa trên đường Tự Do với giày cao gót và váy ngắn cũn cỡn trên sân nhảy vẫn chen chúc trong các quán bar, nơi vang rộn tiếng nhạc rock-and-roll, như khung cảnh quen thuộc trong suốt thời gian lưu trú của những người lính Mỹ. Các thương nhân đường phố mời chào khách bộ hành đủ mọi thứ, từ đồ cổ cho đến những vật dụng lấy ra từ các kho quân trang của Mỹ. Quán bar và nhà hàng hoạt động suốt ngày đêm không lúc nào đóng cửa. Cảnh nhà báo phương Tây ngồi trên sân thượng khách sạn «Continental Palace», thong thả nhấm nháp những ly cocktail «Thềm lục địa» — món đồ uống bất ngờ trở thành phổ biến và trò chuyện sôi nổi. Không ai nghĩ sẽ có những đổi thay nhanh chóng đến mức đột biến như vậy.

Trích từ hồi ký của ông I. A Ognetrov cán bộ Cục quốc tế thuộc BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô: «Người được tái bổ nhiệm làm Đại sứ Việt Nam DCCH, ông Nguyễn Hữu Khiếu vào tháng 2 năm 1975 lần đầu tiên đến Cục thuộc BCH Trung ương (Đảng Cộng sản Liên Xô) thông báo về tình hình ở miền Nam Việt Nam, ông nói nhiều về tình hình nội bộ ở miền Bắc Việt Nam. Cụ thể, theo như tôi nhớ, chuyện ở đây nói về việc soạn thảo kế hoạch 5 năm kế tiếp, về việc bắt đầu chuẩn bị để tiến hành Đại hội Đảng, và những công tác khác. <...>



Trong khách sạn «Continental» ở Sài Gòn những năm 1970 có món đồ uống «Thềm lục địa». 2015

Vào đầu tháng 4 năm 1975, tức là ba tuần lễ trước sự sụp đổ của chế độ miền Nam Việt Nam, Đại sứ Khiếu đã đến BCH Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, thông báo về những thất bại nối tiếp và tình trạng mất khả năng chiến đấu của quân đội Sài Gòn, nhưng chủ đề cơ bản mà ông dẫn dắt suốt trong cuộc đàm đạo lại là yêu cầu cần thiết đẩy mạnh công tác chung về thăm dò dầu khí trên thềm lục địa miền Bắc Việt Nam và ở vùng châu thổ sông Hồng»¹.

Chiến dịch giải phóng Sài Gòn hóa ra là hoạt động thần tốc chớp nhoáng. Ngày 30 tháng Tư, các đơn vị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tiến vào thành phố. Chính quyền được trao cho Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Chỉ hai tuần lễ sau đó con tàu chở dầu Xô-viết «Nakhodka» đã đưa đến Sài Gòn lô hàng đầu tiên của ngành dầu khí Liên Xô.

* * *

Trích bản ghi cuộc hội đàm của Tùy viên Thương mại Đại sứ quán Việt Nam DCCH tại Liên Xô Nguyễn Tú với cán bộ Cục hợp tác kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa Đông Nam Á (GKES) G. G. Lukovnikov, ngày 06 tháng 6 1975: «Bắt đầu cuộc trò chuyện đồng chí Nguyễn Tú nói một cách chi tiết về mục đích chuyến đi gần đây của ông ở Việt Nam và về những sự kiện diễn ra ở miền Nam đất nước — là thành quả chiến dịch thành công của lực lượng vũ trang thuộc Mặt trận Giải phóng Dân tộc. Theo thông báo của đồng chí Nguyễn Tú, việc giải phóng Sài Gòn và toàn bộ lãnh thổ miền Nam Việt Nam đã là kết quả bất ngờ không chỉ đối với Mỹ mà còn đối với cả Việt Nam DCCH. Trước đó BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã tính rằng đến cuối năm 1975 lực lượng vũ trang nhân dân sẽ chỉ giải phóng được vùng cao nguyên miền Trung. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của chế độ bù nhìn ở Nam Việt Nam là sự nhụt chí bạc nhược của quân đội Sài Gòn và thực tế làm ngưng can thiệp của quân đội Mỹ. Thay vì tổ chức kháng cự, các sĩ quan quân đội Sài Gòn đã chỉ lo thu xếp đi tản gia đình mình và của cải đã cướp được. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã được chuẩn bị và tiến hành trong vòng 1 tháng. <...>

¹ Ognetrov I. A. Ở hướng Việt Nam. M., 2007, Tr. 268.

Đồng chí Nguyễn Tú cho biết rằng mục đích của chuyến công tác của ông tới miền Nam Việt Nam là tổ chức đón con tàu Liên Xô tại cảng Sài Gòn.

Cảng này được mở cửa ngày 17 tháng 5 dành cho các tàu nước ngoài, và trong cùng ngày đó, con tàu Xô-viết đầu tiên đã cập cảng Sài Gòn và bắt đầu bốc dỡ hàng. <...> Trong thời gian gần nhất cần phải tổ chức đưa cư dân nông thôn hồi hương từ các thành phố, nơi họ đã tản cư đến do hoạt động chiến sự ở các vùng quê. Sở dĩ cần đưa dân hồi hương là do yêu cầu nhanh chóng giảm số người thất nghiệp ở các đô thị và nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp.

Tiếp theo đồng chí Nguyễn Tú lưu ý rằng nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là tổ chức cung cấp nhiên liệu cho các đội tàu đánh cá, các nhà máy điện và hệ thống cấp nước.

Năm 1974, Mỹ đưa tới miền Nam Việt Nam 1,8 triệu tấn sản phẩm dầu mỏ dành cho mục đích dân sự.

Hiện giờ trong nước không có dự trữ nhiên liệu. Yêu cầu tối thiểu của miền Nam về các sản phẩm dầu mỏ là 1,4 triệu tấn. Dành để đáp ứng nhu cầu của miền Nam Việt Nam, Hà Nội đề nghị Chính phủ Liên Xô cung cấp cho Việt Nam DCCH 1 triệu tấn sản phẩm dầu mỏ trong vòng 12 tháng. Bức thư tương tự với đề nghị cung cấp 0,5 triệu tấn sản phẩm dầu mỏ cũng được gửi đến Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

<...> Không có hoạt động khai thác than ở miền Nam. Có dấu hiệu của dầu mỏ ở châu thổ sông Cửu Long và trong thềm lục địa. Hoa Kỳ đã khoan sáu giếng trên biển, hai trong số đó cho dầu với sản lượng hàng ngày là 200 tấn mỗi giếng.



Xe tăng của Mặt trận Giải phóng Dân tộc miền Nam Việt Nam ở ngoại ô Sài Gòn. 1975
RIA Novosti



Ở Dinh Độc lập. Sài Gòn, 1975
RIA Novosti

Ngành chế tạo máy kém phát triển. Có một xưởng đóng tàu với một âu tàu trên cạn dành để sửa chữa những con tàu có trọng tải đến 20 nghìn tấn, một xưởng lắp ráp và đại tu máy bay. Về mặt địa chất, miền Nam Việt Nam hầu như không được nghiên cứu»¹.

* * *

Mục tiêu mà những người Cộng sản Việt Nam cố gắng chiến đấu dài lâu đã hoàn thành — đất nước Việt Nam đã thống nhất. Nói đúng hơn, đã nhận được cơ hội đoàn tụ. Sau khi giải phóng Sài Gòn, đã khởi động cơ chế pháp lý và thực tế thống nhất đất nước, năm 1976 được gọi là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (SRV). Nhưng đồng thời trên lãnh thổ thống nhất cũng nảy sinh thêm nhiều vấn đề. Lạm phát tăng lên những bước lớn. Ba năm tiếp theo sau khi kết thúc chiến tranh đi kèm với hạn hán nghiêm trọng hoặc bão tàn phá, gây thiệt hại lớn cho nông nghiệp. Đất nước mấp mé trên bờ vực đói nghèo bần cùng. Mức sống vốn đã thấp của cư dân càng giảm sút. Chính phủ và Đảng Cộng sản Việt Nam (trước đây là Đảng Lao động Việt Nam, đổi tên sau khi thống nhất đất nước) phải huy động nỗ lực rất to lớn để ổn định tình hình và đảm bảo tương lai phồn vinh của đất nước.

Giải pháp lịch sử

Nước Việt Nam thống nhất xuất hiện trên vũ đài quốc tế như gương mặt cầu thủ mới mẻ. Tháng 2 năm 1976, tuyên bố của ông Phạm Văn Đồng Thủ tướng nước Việt Nam DCCH vang vọng khắp thế giới: «Chúng tôi sẵn sàng kết thân với tất cả các nước, thậm chí với cả Hoa Kỳ. Trong tình hình trên thế giới hiện nay, không một quốc gia nào có thể sống trong sự cô lập, tự đóng kín. Đây là định hướng rất quan trọng trong chính sách đối ngoại của chúng tôi»¹. Trước đây chỉ liên kết chủ yếu với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, bây giờ Việt Nam cố gắng thiết lập quan hệ chính trị và kinh tế với toàn thế giới. Đất nước đổi mới được nhanh chóng công nhận và tại Hà Nội bắt đầu khai trương đại sứ quán của Nhật Bản, CHLB Đức, Anh, các nước vùng Scandinavia mà đóng cửa các cơ sở cũ ở Sài Gòn — thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 9 năm 1977, CHXHCN Việt Nam được nhận quy chế thành viên Liên Hợp Quốc, sau đó gia nhập Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế, Ngân hàng Phát triển Á châu. Xuất hiện thỏa thuận với các quốc gia và tập đoàn phương Tây về hỗ trợ kinh tế, cấp tín dụng. Đây là điều chưa từng có dành cho một nước Xã hội chủ nghĩa.

Trích thông báo của hãng tin AP ngày 2 tháng 2 năm 1976: «Cả Sài Gòn và Hà Nội đều thừa nhận tồn tại những vấn đề nghiêm trọng về kinh tế. Cố gắng của họ để nhận được sự giúp đỡ từ nước ngoài dẫn đến ý tưởng rằng Việt Nam không định dựng lên những bức tường khét tiếng và treo bức màn sắt che chắn như các cường quốc cộng sản khác đã quen làm với để tách biệt cô lập bản thân khỏi thế giới tư bản. <...> Không giống với Trung Quốc hay Liên bang Xô-viết và Đông Âu hậu chiến, xét theo mọi điều, ban lãnh đạo Việt Nam rõ ràng không sợ hãi triển vọng hợp tác kinh tế tiềm năng như vậy. Đồng thời, có thể thấy xuất phát điểm là niềm tin rằng nếu nửa triệu binh sĩ Mỹ đã không thể đương đầu với Việt Nam, thì một vài nhà kinh doanh tư bản chắc chắn cũng không làm gì nổi»².

Giữa những tiêu đề báo chí và tin tức nổi bật «rất kêu» năm 1975, có thông cáo khiêm tốn của Cơ quan Điện báo Liên Xô: «Hà Nội, ngày 22 tháng 8. Hôm nay, ở đây đã công bố việc thành lập Tổng cục Quản lý Dầu khí Trung ương của Việt Nam. Quyết định thành lập ban quản lý được thông qua tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam»³.

«Nghị định về dầu khí» và việc tạo lập ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam

Động lực cho sự phục hồi của đất nước là Đảng Cộng sản, điều này đã được công nhận cả ở phương Tây.

Trích phóng sự từ Hà Nội của phóng viên báo Figaro Jean Budarja «Bắc Việt Nam: sau chiến thắng», số ra ngày 30 tháng 6 và 5 tháng 5 năm 1975: «Chính phủ có những con át chủ bài mạnh: đảng, quân đội, hợp tác xã, công đoàn, trường đại học và Mặt trận Tổ quốc. Đảng Lao động Việt Nam là một trong những chính đảng mạnh nhất thế giới và hơn nữa, là một trong những đảng có tính tổ chức cao nhất. Không phải bất cứ ai muốn cũng được kết nạp; cần phải là một người cha tốt, một công dân gương mẫu, một người lao động tuyệt hảo. Ở miền Bắc Việt Nam có 1 triệu đảng viên. Chính dưới sự lãnh đạo của Đảng mà Việt Nam DCCH đã giành thắng lợi trong chiến tranh, đã tạo lập được các hợp tác xã, đảm bảo cao trào sản xuất khi do hậu quả của những trận ném bom tàn phá mà nền sản xuất giảm sút xuống thấp hơn cả mức của năm 1964»⁴.

Bây giờ, vấn đề khai thác tài nguyên dầu khí của miền Nam Việt Nam tùy thuộc vào quan điểm của BCH Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và khả năng huy động lực lượng cùng các phương tiện cần thiết. Sau khi giải phóng Sài Gòn, có hai nhóm chuyên gia miền Bắc Việt Nam lập tức tới đó để lo bảo quản lưu giữ toàn bộ các tài liệu địa chất. Ngày 9 tháng 6 năm 1975, phái đoàn đặc biệt gồm các ông Ngô Thường San (từ Viện Khoa học của Việt Nam DCCH), Đào Duy Trứ (từ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam), Vũ Trọng Đức (từ Cục Lưu trữ Trung ương) và Hồ Đắc Hoài (từ Tổng cục Địa chất Việt Nam) đã vào Sài Gòn được phép của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam để phân tích các tài liệu đã tập hợp và chuẩn bị các đề xuất kiến nghị. Công việc của nhóm này được giữ bí mật, việc di chuyển của những người tham gia là hạn chế. Các mẫu dầu tìm thấy trong văn phòng của công ty «Mobil» được gửi sang Liên Xô để phân tích, còn căn cứ trên các tài liệu thu được, một tháng sau đó đã biên soạn tập báo cáo dài 100 trang làm cơ sở ban đầu cho những quyết định tiếp theo của Chính phủ trong lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt.

Trích hồi ký của ông Ngô Thường San: «Xuất phát từ báo cáo của nhóm công tác chúng tôi, bao gồm đánh giá tiềm năng dầu khí của các bể Cửu Long, Phú Khánh, Nam Côn Sơn và, tất nhiên là của khu vực Bạch Hổ, nơi các công ty Mỹ đã khoan sáu giếng và thu được dòng dầu, các lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã thông qua quyết định về việc thành lập Tổng cục Dầu khí để thực hiện toàn bộ chu trình công việc trên thềm lục địa miền nam đất nước: từ công tác khảo sát thăm dò địa chất cho đến thành lập một xí nghiệp lọc dầu. Vào cuối tháng 7 năm 1975, chúng tôi báo cáo về công việc của nhóm mình với đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, các đồng chí Trường Chinh và Lê Thanh Nghị. Tôi đã báo cáo về các khía cạnh địa chất và triển vọng của ngành khai thác sản xuất dầu mỏ và khí đốt trong tương lai. Cuối cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh rằng dầu và khí đốt cần phải trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 1830. Tờ 20–23.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R — 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 17193. Tờ 219.

² Dẫn theo thông báo của TASS ngày 2 tháng 2 năm 1976 (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R — 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 17193. Tờ 193–194).

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R — 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 16081. Tờ 191.

⁴ Trích theo Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 16081. Tờ 174–175.



Ngày 20 tháng 7 năm 1975, phiên họp cơ động của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng được tổ chức ở Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), tại đó đã thông qua quyết định thành lập Tổng cục Dầu khí. Cảng Sài Gòn, 1975

*hóa của Việt Nam. Và đến ngày 9 tháng 8 đã ban hành Nghị định số 244-NQ/TW về thăm dò và khai thác dầu khí*¹.

Phiên họp cơ động của Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam mà ông Ngô Thường San nhắc đến diễn ra vào ngày 20 tháng 7 năm 1975, còn Sắc lệnh về dầu khí được thông qua vào ngày 9 tháng 8. Sắc lệnh số 244-NQ/TW đã trở thành văn kiện quyết định cho hướng đi của ngành dầu khí ở nước Việt Nam thống nhất, thể hiện chiến lược của đất nước, là «kim chỉ nam» cho sự phát triển của ngành dầu khí nước nhà².

Tài liệu này đề ra vài nhiệm vụ sau đây:

- Tìm ra mỏ dầu và mỏ khí đốt trong thời hạn ngắn nhất;
- Tổ chức ngành dầu khí với chu trình khép kín, bao gồm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí, cũng như dịch vụ dầu khí;
- Đảm bảo có được «sự quan tâm từ phía Chính phủ» để giải quyết những vấn đề quan trọng nhất của ngành công nghiệp mới.

Sắc lệnh về dầu khí vạch ra bốn vùng thăm dò tìm kiếm dầu khí, đó là:

- đồng bằng sông Hồng (phần đất liền của miền vông Hà Nội);
- vùng thềm lục địa gần bờ trong vịnh Bắc Bộ;
- đồng bằng sông Mê Kông;
- thềm lục địa biển Đông.

¹ Về chuyển tiếp quản tài liệu dầu khí năm 1975 (tài nguyên điện tử: <http://petrovietnam.petrotimes.vn/ve-chuyen-tiep-quan-tai-lieu-dau-khi-nam-1975-413306.html>. Ngày truy cập: 20.10.2017). (tiếng Việt)

² Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam: 3 tập. Hà Nội, 2011. T. 1. Tr. 170.

Ngành dầu khí được tách ra khỏi hệ thống quản lý với tư cách là một ngành độc lập, trực thuộc chính phủ. Để thực hiện việc lãnh đạo trong ngành này, cần thành lập Tổng cục dầu mỏ và khí đốt.

Ngày 3 tháng 9 năm 1975, Hội đồng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã công bố Nghị định số 170/CP về việc thành lập Tổng cục dầu mỏ và khí đốt Việt Nam.

***Trích Nghị định số 170/CP ban hành ngày 3 tháng 9 năm 1975:** «Tổng cục Dầu khí Việt Nam là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về toàn bộ tài nguyên dầu mỏ và khí đốt trong cả nước, kể cả trong đất liền và ngoài biển; tổ chức việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu mỏ và khí đốt trong cả nước (trừ phần hóa dầu do Tổng cục Hóa chất phụ trách); thực hiện việc hợp tác về dầu khí với nước ngoài theo đúng đường lối, nguyên tắc về quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước»³.*

Ngày 23 tháng 9 năm 1975, trọng trách Tổng cục trưởng Tổng cục dầu mỏ và khí đốt được giao phó cho ông Nguyễn Văn Biên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước. Với tuổi đời 52 năm, ông Biên từng tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông nguyên là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hóa chất Việt Nam. Ngay sau khi giải phóng miền Nam, ông lập tức tham gia giải quyết nhiệm vụ phát triển ngành dầu khí. Ông từng dẫn đầu các phái đoàn đi thăm Mexico, Pháp, Nhật và các nước khác để tìm

³ Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 208–209.

hiểu cách thức tổ chức ngành công nghiệp dầu khí và đàm phán về các cơ hội hợp tác. Ông lãnh đạo Tổng cục dầu mỏ và khí đốt tới ngày 25 tháng 10 năm 1979, và theo đánh giá của các chuyên gia sử học Việt Nam, ông là người có những đóng góp lớn lao cho quá trình hình thành ngành công nghiệp dầu khí ở Việt Nam, vào đúng thời điểm khi cần thiết lập cơ cấu cụ thể cho Tổng cục, xác định mục tiêu và nhiệm vụ cho từng bộ phận, giải quyết các vấn đề về nhân sự cũng như các vấn đề cấp thiết khác.

Ngày 3 tháng 7 năm 1976, phiên họp thứ nhất của Quốc hội CHXHCN Việt Nam đã thông qua thành phần chính phủ của đất nước Việt Nam thống nhất, trong đó có chức vụ bộ trưởng phụ trách về dầu khí. Quyết định này góp phần đáng kể trong việc nâng cao vị thế của ngành công nghiệp mới và nhấn mạnh tầm quan trọng của ngành dầu khí theo cách nhìn nhận của ban lãnh đạo nhà nước. Trong đội ngũ lãnh đạo chính phủ mới của nước CHXHCN Việt Nam cùng lúc có thêm sáu vị tướng. Nhờ có những quân nhân với vốn kinh nghiệm dày dặn trong chiến đấu và quản lý hành chính, ngành dầu khí của đất nước được củng cố đáng kể.

Bộ trưởng đầu tiên phụ trách vấn đề dầu khí của CHXHCN Việt Nam là cựu Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Thiếu tướng Đinh Đức Thiện, con người có số phận đặc biệt, người tổ chức «đường mòn Hồ Chí Minh» lừng danh, không chỉ cho phép chuyên chở hàng hóa bằng ô tô và xe kéo qua những vùng hiểm trở, mà còn bao gồm cả hệ thống các tuyến đường ống chằng chịt vận tải nhiên liệu từ miền Bắc vào miền Nam. Tham gia vào đội ngũ cán bộ của ngành dầu khí với tư cách Tổng cục phó Tổng cục dầu mỏ và khí đốt Việt Nam là tướng Phan Tử Quang, Cục trưởng Cục xăng dầu — Tổng cục Hậu cần, tướng Đặng Quốc Tuyển, Tư lệnh binh đoàn 14, tướng Phạm Văn Diệu, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Xây dựng kinh tế Bộ Quốc phòng và các vị sĩ quan khác. Quân đội nhân dân Việt Nam cũng luôn sẵn sàng giúp đỡ các tổ chức kinh tế cũng như người dân cả nước. Các chuyên gia hóa học quân sự, cán bộ hậu cần, các kỹ sư xây dựng cũng được điều động về làm việc cho ngành công nghiệp mới.



Bộ trưởng Đinh Đức Thiện phụ trách công tác dầu khí của CHXHCN Việt Nam (giữa), Phó Chủ nhiệm Tổng cục dầu mỏ và khí đốt Lê Văn Cự (áo trắng) và trưởng phòng Kỹ thuật của Công ty dầu khí miền Nam Ngô Thường San đang xem xét bờ biển. Hòn Phụ Tử, tỉnh Hà Tiên, tháng 4 năm 1976



Bên giếng khoan thăm dò ở đồng bằng sông Mê Kông. 1976. Ảnh tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

***Trích hồi ký của ông Đỗ Ngọc Ngạn, người giữ chức Vụ trưởng Vụ lao động và tiền lương Tổng cục dầu mỏ và khí đốt Việt Nam vào những năm 80:** «Khó khăn lớn nhất đối với phía Việt Nam lúc bấy giờ là đội ngũ chuyên gia dầu khí có trình độ cao còn quá ít ỏi. <...> Tôi nhận được chỉ thị của đồng chí Đinh Đức Thiện, khi đó đang giữ chức Bộ trưởng phụ trách vấn đề dầu khí trong giai đoạn những năm 1980–1981: «Hoạt động của ngành dầu khí có thể sánh ngang với sự nghiệp phục vụ trong quân đội. Ngoài sức khỏe tốt, trình độ tương xứng, còn cần có tính tổ chức và kỷ luật cao. Vì vậy, cần điều động một số quân nhân sang làm việc cho ngành dầu khí, trước hết cần lái xe điều khiển các phương tiện giao thông khác nhau, hải quân, bộ đội liên lạc. Bây giờ đang là thời điểm thuận lợi nhất, vì các hoạt động quân sự đã gần như chấm dứt và nhiều quân nhân đang giải ngũ. Ngoài ra, còn cần nhanh*

chống tiến hành công việc chuẩn bị nhân sự, và để đào tạo họ cũng cần tuyển chọn trong số những người lính đã phục viên». Chỉ thị của đồng chí Đinh Đức Thiện lập tức được thực hiện ngay. Nhờ vậy trong một thời gian ngắn đã tuyển được hàng trăm lái xe trước kia từng là bộ đội. Thậm chí có thể nói rằng, lực lượng lái xe của xí nghiệp Liên doanh hiện nay hầu hết là quân nhân, chỉ có điều là họ không làm nhiệm vụ quân sự¹.

Quân đội nhân dân Việt Nam không chỉ là nguồn lực nhân sự của ngành dầu khí Việt Nam. Trên cơ sở thống nhất các lực lượng vũ trang, cơ quan an ninh của ngành công nghiệp mới đã được thành lập, đặc biệt là ở miền Nam, nơi mà vào thời kỳ đầu cùng kề vai sát cánh với các nhà địa chất là đội ngũ công binh và các tay súng máy. Binh đoàn 318 được huy động vào Vũng Tàu năm 1978 và chuyển giao dưới sự quản lý của Tổng cục dầu khí để thực hiện công trình xây dựng quy mô lớn. Những người lính đã làm việc trong vùng đầm lầy, phá rừng ngập mặn và san đất để xây dựng bến tàu đầu tiên. Họ khuân vác những bao xi măng được dỡ xuống từ tàu chở hàng Liên Xô. Theo hồi tưởng của ông Lê Quang Trung, cựu bí thư Đảng ủy của XNLĐ Vietsovpetro, «họ quyết tâm

xây dựng một căn cứ dầu khí trên bờ để làm cơ sở cho hoạt động dầu khí trên biển»².

Quá trình hình thành ngành công nghiệp dầu khí của CHXHCN Việt Nam được đánh dấu bước đầu bằng chỉ thị số 244-NQ/TW và kéo dài trong vòng vài năm. Ngoài bộ máy trung ương, trong cơ cấu của Tổng cục dầu khí dựa trên cơ sở nhân sự và kỹ thuật của đoàn tìm dầu 36 ngày nào đã thành lập nên hai công ty dầu khí miền Bắc và miền Nam (tên gọi khác là Công ty dầu khí số 1 và Công ty dầu khí số 2), với tư cách là các cơ quan thực hiện các công việc cụ thể ở hai vùng tương ứng. Chính phủ Việt Nam cũng ban hành quyết định về việc thành lập Viện nghiên cứu dầu khí Việt Nam, các trường trung cấp chuyên nghiệp. Để giải quyết những nhiệm vụ mới phát sinh, bên trong hệ thống Tổng cục dầu khí đã lập ra những xí nghiệp và tổ chức mới.

Việc thành lập Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt Nam cho phép huy động nguồn lực đáng kể để tiếp tục tìm kiếm, thăm dò và tổ chức khai thác dầu khí ở Việt Nam trên quy mô công nghiệp.



Cảng Sài Gòn
RIA Novosti

¹ Đỗ Ngọc Ngân. Những biện pháp trong việc thanh toán tiền lương cho người lao động trong những ngày đầu thành lập XNLX «Vietsovpetro» // «Vietsovpetro». 30 năm hình thành và phát triển. Hà Nội, 2011. Tr. 362.

² Lê Quang Trung. Vũng Tàu— nhìn nhận về 30 phát triển ngành dầu khí // «Vietsovpetro». 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 386.



Căn cứ quân sự Mỹ ở vịnh Cam Ranh. 1967



Đường Tự do. Sài Gòn, giữa những năm 70

Di sản Sài Gòn

Năm 1966, người Mỹ bắt đầu tiến hành nghiên cứu thềm lục địa miền Nam Việt Nam, ở vùng cảng Quy Nhơn. Năm 1968, Không quân Hoa Kỳ đã tiến hành chụp hình khu vực phía Nam đất nước bằng phương pháp từ tính-khí động, chủ yếu ở lãnh thổ đồng bằng sông Cửu Long và vùng nước nông ven biển. Trong giai đoạn các năm 1967–1968, Hoa Kỳ đã hoàn thành xong 19.500 km biên dạng địa chấn và lấy mẫu đất từ đáy phần phía nam của biển Đông. Năm 1969, Hoa Kỳ đã hoàn tất 8.900 km biên dạng địa chấn, đồng thời tiến hành các công việc đo đạc biên dạng và từ tính với khối lượng 26.500 km. Theo các con số thống kê của Công ty Dầu khí số 2 thuộc Tổng công ty dầu khí Việt Nam, tổng số vốn đầu tư vào thềm lục địa miền Nam Việt Nam lên đến 71,14 triệu đô la.

Trong giai đoạn những năm 1970–1971, chính phủ miền Nam Việt Nam đã bắt đầu tiến hành các cuộc đàm phán về vấn đề dầu mỏ với chính phủ các nước là thành viên của Ủy ban Kinh tế Liên Hiệp Quốc về Viễn Đông và Châu Á. Chính phủ Việt Nam đã mời các chuyên gia từ Iran, Indonesia và các nước khác làm cố vấn, đồng thời sử dụng dịch vụ tham vấn của các công ty dầu mỏ về vấn đề phát triển luật dầu mỏ và thiết lập ranh giới thềm lục địa, đánh giá triển vọng về tiềm năng dầu khí.

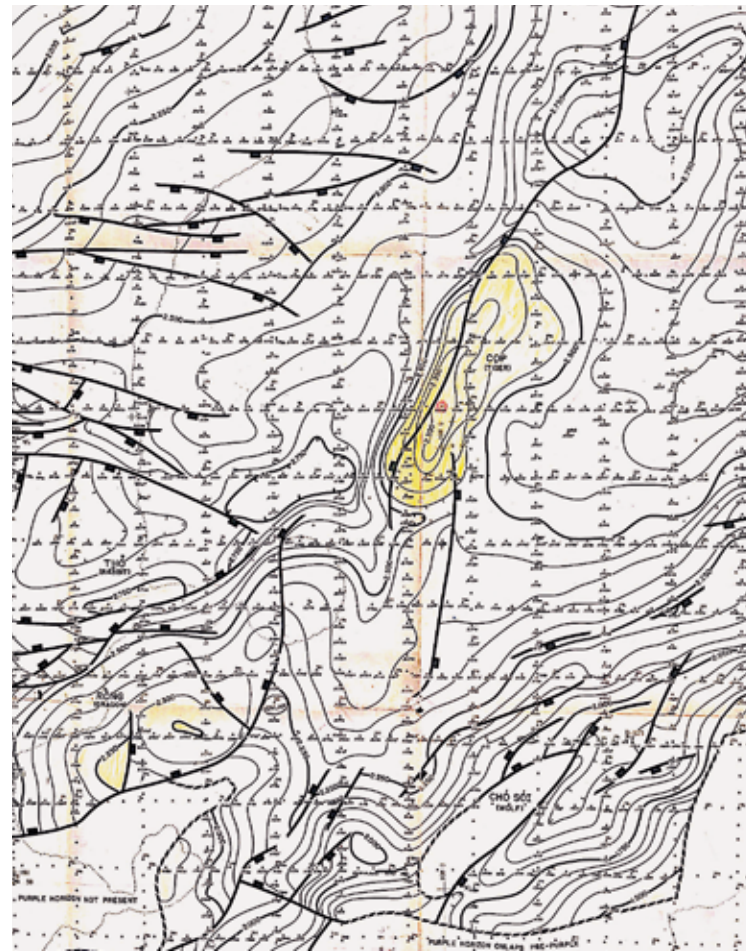
Căn cứ vào dữ liệu của chính quyền Sài Gòn thì diện tích của thềm lục địa miền Nam Việt Nam là 302.800 km vuông, bao gồm khoảng 40 nghìn km là lãnh thổ tranh chấp với Indonesia và hơn 60 nghìn km — với Campuchia, Thái Lan và Malaysia. Vào tháng 1 năm 1974, các tàu khu trục Trung Quốc đã đổ bộ lên quần đảo Hoàng Sa, và chủ quyền của Trung Quốc được thành lập ở các hòn đảo này, mặc dù trước đây lãnh thổ này thuộc thẩm quyền của miền Nam Việt Nam. Nói chung, toàn bộ thềm lục địa Việt Nam được chia thành các ô vuông (khối) với diện tích trung bình 1500 km vuông (45×30 km)¹.

¹ Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2985. Tờ 186–187.

Trích bài báo «Cuộc đấu tranh vì dầu mỏ Việt Nam» trong tạp chí «Far Eastern Economic Review» (Hồng Kông), ra ngày 20 tháng 2 năm 1976: «Phần thưởng chính cho các công ty dầu mỏ quốc tế là khu vực ven bờ đối diện với đồng bằng sông Mê Kông, là khu vực theo các đánh giá hiện có triển vọng tốt nhất trên toàn bộ biển Đông về khai thác dầu khí ở mức độ công nghiệp. <...> Việc thăm dò trong khu vực nêu trên mới chỉ bắt đầu vài năm trước đó, nhưng những kết quả thu được cho thấy niềm hy vọng lớn. Năm 1973, các công ty dầu mỏ của Mỹ và Canada đã nhận được quyền đặc nhượng đối với 8 trong số 30 lô do chính quyền Thiệu chọn ra [Nguyễn Văn Thiệu là Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. — Ghi chú của tác giả.]. Người Pháp bị loại khỏi công việc này, nhiều khả năng vì quan hệ hữu hảo giữa Pháp và Hà Nội vào thời kỳ này, và còn vì người Pháp tham gia tìm kiếm dầu mỏ ở Campuchia, là quốc gia đang có mối quan hệ bất hảo với Sài Gòn do những tranh chấp về lãnh thổ, nhưng cuối năm 1974 công ty dầu mỏ quốc



Bản đồ thềm lục địa miền Nam Việt Nam được phân lô cấp phép



Bản đồ kết cấu của lô 09 ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam do công ty Mobile oil soạn thảo trong khi thiết kế giếng khoan kết cấu White Tiger — 1 vào năm 1974
Ảnh tư liệu của ông Nguyễn Văn Đức

gia của Pháp Akitan đã mua lại một phần quyền đặc nhượng đối với hai lô trước đó cấp cho Mobil Oil, và hai đặc nhượng khác cấp cho tập đoàn công ty Sunningdale của Canada.

Các công ty dầu mỏ của Nhật Bản, về phần mình, đã thành lập công ty dầu Kayo vào năm 1971, chuyên thăm dò ở vùng biển Việt Nam, nhưng vào năm 1973 người Nhật lại không nhận được quyền đặc nhượng. Tuy thế, công ty Kayo Oil, cũng tương tự như công ty Akitan, đã mua một phần của hai lô đặc nhượng thuộc về công ty Mobile Oil vào năm 1974. Tới cuối năm 1974, từ hai lô mà Mobil Oil nhận quyền đặc nhượng ban đầu, công ty chỉ giữ lại cho mình 51%, Kayo Oil giữ 30% và Akitan 15%.

Năm 1974 chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đã cung cấp quyền đặc nhượng đối với 5 lô khác, trong đó hai lô được giao cho cùng một lúc hai công ty Mobile Oil và Kayo Oil. Muộn hơn chút, cũng vào năm đó, công ty Frances de Petrol của Pháp đã lập ra chi nhánh có tên là Total Vietnam và mua lại 9,5% cổ phần trong đặc nhượng. Việc khoan giếng bắt đầu vào tháng 8 năm 1974, và trong cùng tháng đó, công ty Pecten của Việt Nam (hoàn toàn thuộc sở hữu của Shell) đã báo cáo rằng, tại một lô mà công ty đang cùng công ty Sitis Service của Mỹ tiến hành khoan thăm dò đã xuất hiện dòng dầu phun¹.

* * *

Tính đến thời điểm trước tháng 3 năm 1975, những cầu thủ hàng đầu trên sàn đấu thềm lục địa miền Nam Việt Nam là: tập đoàn Mỹ-Nhật-Pháp do Mobil đứng đầu, và công ty con của tập đoàn Royal Dutch Shell — Pecten Việt Nam. Vào ngày 30 tháng 10 năm 1974, tại cấu trúc «Bạch Hổ», công ty Mobil đã hoàn thành việc khoan giếng ở độ sâu 3115 mét. Dự kiến ban đầu cần khoan sâu hơn, nhưng xảy ra sự cố. Tuy thế, kết quả mà công ty nhận được ở độ sâu này đã đủ để đánh giá tiềm năng dầu khí của khu vực. Giếng khoan phát hiện ra ba tầng có lợi, trong đó hai tầng được thử nghiệm xong. Một tầng cho 63 tấn dầu mỗi ngày, tầng còn lại cho 330 tấn. Ngoài dầu còn phát hiện ra những dòng khí khá lớn. Sự kiện này khiến các các nhà lãnh đạo ở miền Nam Việt Nam vui mừng đến nỗi họ bỏ dở mọi việc, đi trực thăng tới hiện trường để tận mắt chứng kiến dòng dầu. Tháng 11 năm đó công ty Shell hoàn thành giếng khoan Kokos — 1, và giếng này cũng cho dòng dầu công nghiệp. Sản lượng của giếng khoan là hơn 200 tấn dầu một ngày.

Sau khi Việt Nam thống nhất đất nước, tất cả các đặc nhượng bị bãi bỏ. Cả thế giới tự hỏi, liệu chính phủ Việt Nam sẽ sử dụng thềm lục địa của đất nước mình như thế nào? «Sắc lệnh về dầu khí» đã tuyên bố về việc hủy bỏ tất cả các hợp đồng đặc nhượng với tư cách là công cụ thu hút đầu tư tài chính và kỹ thuật từ nước ngoài, đồng thời đề xuất dựa vào những hình thức hợp tác mới. Những dòng dầu mà người Mỹ nhận được mang lại niềm hy vọng, nhưng cũng chỉ dừng ở đây. Cần hoàn thành công việc thăm dò với chi phí rất cao và trong trường hợp thành công thì cần xây dựng mỏ dầu, là công việc cũng vô cùng tốn kém. Đất nước bị tàn phá sau ba mươi năm chiến tranh không có đủ phương tiện để tự mình làm những việc này, và ai cũng hiểu là sớm muộn cũng sẽ bắt đầu công việc tìm kiếm đối tác bên ngoài.

Trích Sắc lệnh của Bộ chính trị BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam số 244-NQ/TW ban hành ngày 9 tháng 8 năm 1975:

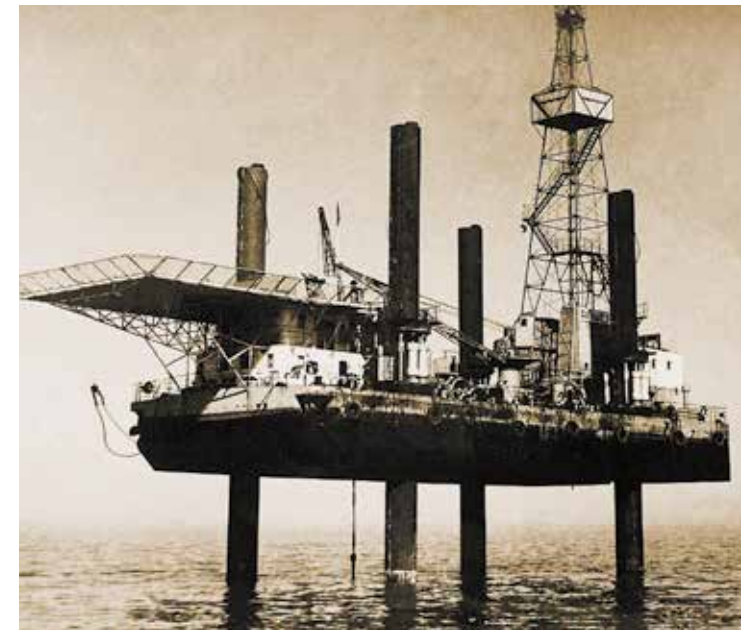
«Sau khi so sánh các hình thức hợp tác khác nhau hiện đang được áp dụng ở nước ngoài, chúng tôi quyết định bỏ «hợp đồng về đặc nhượng» mà các nước tư bản ký kết với các chế độ bù nhìn; để tiếp tục nghiên cứu <...> chúng ta chọn hình thức «thỏa thuận về phân chia sản phẩm» và «hợp đồng cung cấp dịch vụ». <...> Để đạt được mục đích phát triển ngành dầu khí một cách nhanh chóng và ổn định, cần thực hiện chính sách hợp tác với nhiều quốc gia nước ngoài khác nhau. Trong quá trình hợp tác, chúng ta cần giữ gìn chủ quyền quốc gia, tự do điều hành, để làm được việc này, chúng ta cần phát triển nhanh hơn nữa tiềm năng của mình, nâng cao mức độ tự cung tự cấp tới cấp độ cao nhất có thể.

Dựa vào vị thế chính trị hiện nay của Việt Nam, chúng ta có thể hợp tác với các nước khối xã hội chủ nghĩa, các nước tư bản và các nước thuộc «thế giới thứ ba»².

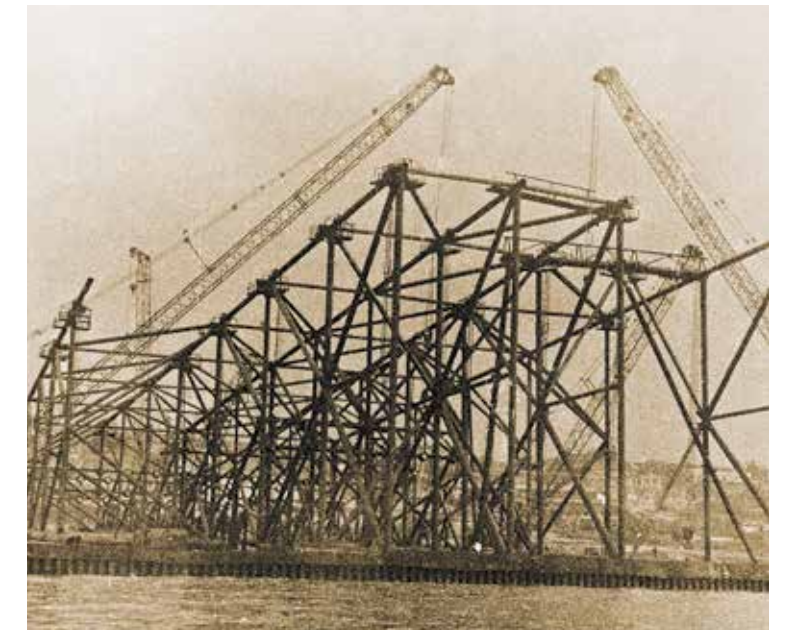
Tiếp theo, câu hỏi khiến tất cả quan tâm là: ai sẽ là người tham gia vào việc khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam và với những điều kiện như thế nào?

¹ Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. P4459. Danh mục 43. Hồ sơ 17194. Tờ 114 ob.

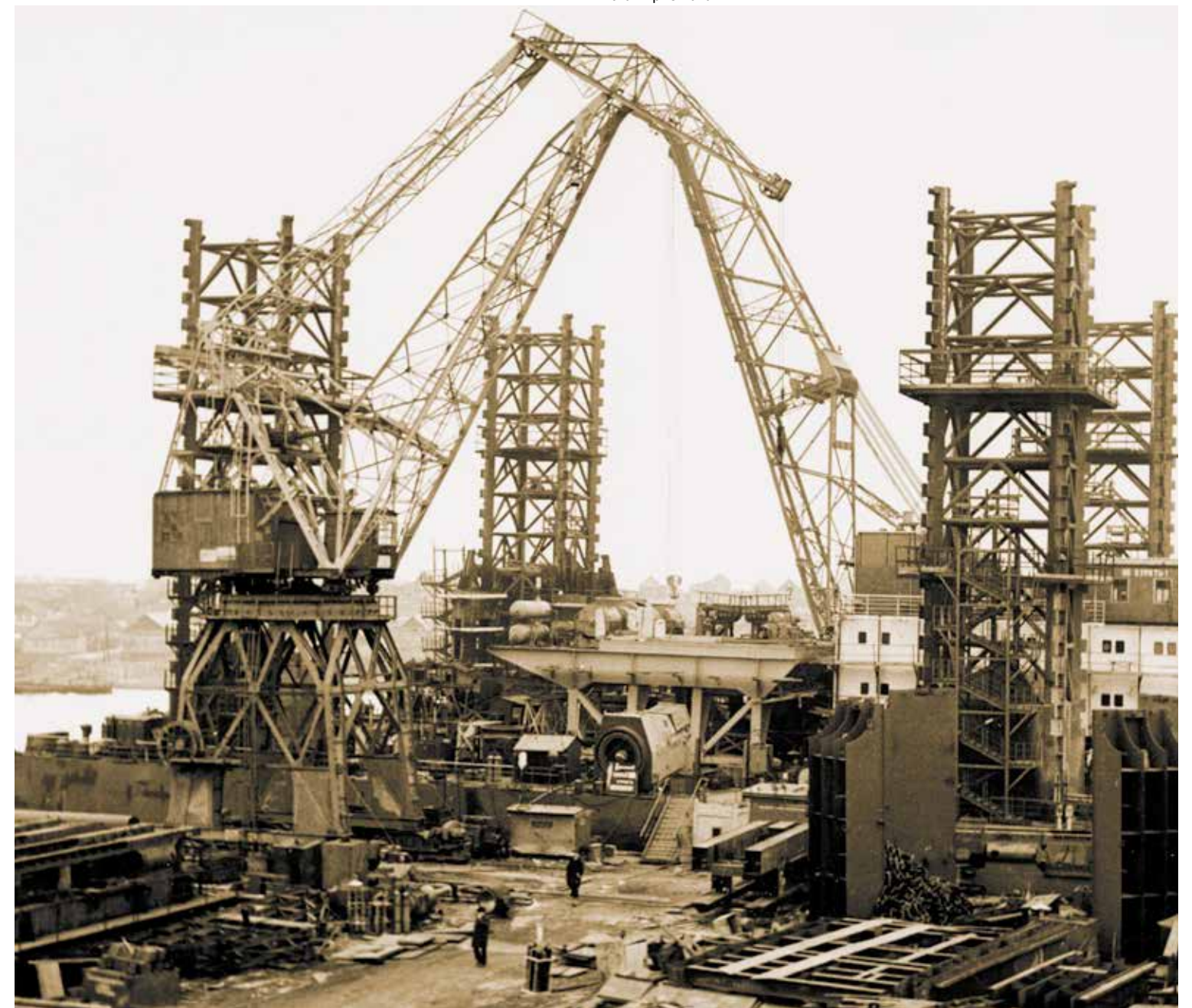
² Trích từ: Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 171.



Giàn khoan Xô-viết «Apsheiron» cố định trên biển đầu tiên



Bãi lắp ráp Zykhs dành cho chân đế giàn khoan cố định hoạt động ở vùng nước sâu gần thành phố Baku



Xây dựng loạt giàn khoan nổi chuyên dụng mới tại nhà máy đóng tàu Astrakhan. 1974



Ký kết thỏa thuận với công ty «Deminex» của Tây Đức



Ký kết thỏa thuận với công ty «Bow Valley» của Canada

mặt hàng nông nghiệp hoặc thủy sản. Còn về nguyên liệu, ngoài niềm hy vọng rằng sẽ phát hiện ra các mỏ dầu, Việt Nam hầu như không có nguyên liệu. Như vậy, sự hợp tác này, ít ra là trong thời kỳ đầu, là hợp tác đơn phương. <...> Chuyên gia của Pháp về các vấn đề Đông Dương tuyên bố về điều này như sau: «Tất cả các khoản tín dụng cung cấp cho Việt Nam được đảm bảo bằng việc có thể tìm ra dầu. Thật khó mà có thể làm việc nghiêm túc trong những điều kiện này». <...> Không tồn tại bất kỳ phương tiện liên lạc đáng tin cậy nào giữa miền Bắc và miền Nam; các hệ thống liên lạc viễn thông trong nước thiếu thốn, còn liên lạc viễn thông với nước ngoài hoàn toàn không có. Trong những điều kiện như vậy, mọi hoạt động thương mại và công nghiệp sẽ phải đối mặt với những vấn đề vật chất hầu như không thể giải quyết được và thời hạn thực hiện sẽ rất lâu»¹.

Không có phương tiện liên lạc đáng tin cậy, thiếu điện tới mức khủng khiếp, thiếu nguồn nhân lực có trình độ, tình trạng nhiễu loạn quan liêu, đó mới chỉ là danh sách sơ lược những trở ngại trên con đường hợp tác kinh tế quốc tế với Việt Nam. Bất kỳ câu thủ nào đưa ra quyết định nhập cuộc trong những điều kiện này cũng cần hiểu sẽ phải đối mặt với những mạo hiểm rủi ro lớn, xét từ góc độ quy mô dự án và khối lượng đầu tư trong tương lai.

*** * ***

Những bước đi thực sự đầu tiên trong việc thăm dò thềm lục địa miền Nam được Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thực hiện vào năm 1976 bằng sự kiện ký kết hợp đồng khảo sát địa chất với công ty CGG của Pháp («Company General Geophysical» — CGG). Đó là một bản hợp đồng cổ điển về cung cấp dịch vụ, và nhà thầu không có tham vọng thu được dầu trong tương lai, công ty chỉ đơn giản thực hiện công việc nghiên cứu. Sau đó không lâu, một bản hợp đồng tương tự được ký kết với công ty Geco của Na Uy.

Ngày 21 tháng 5 năm 1977, Thông tấn xã Việt Nam đã đăng tải tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam «Về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam», được Ủy ban thường trực Quốc hội Nhà nước Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 5.

Trích tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam «Về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam», 21 tháng 5 năm 1977:

«1. Lãnh hải của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam rộng 12 hải lý, ở phía ngoài đường cơ sở nối liền các điểm nhô ra nhất của bờ biển và các điểm ngoài cùng của các đảo ven bờ của Việt Nam tính từ ngân nước thủy triều thấp nhất trở ra. <...>

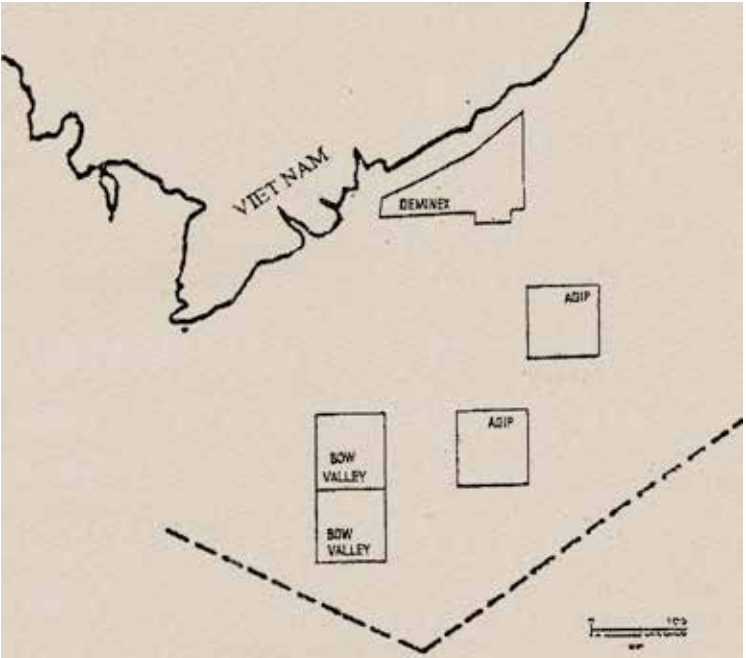
2. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải Việt Nam có chiều rộng là 12 hải lý hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của Việt Nam. <...>

3. Vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp liền lãnh hải Việt Nam và hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam <...>

4. Thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam mở rộng ra ngoài lãnh hải Việt Nam cho đến bờ ngoài của rìa lục địa; nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam không đến 200 hải lý thì thềm lục địa nơi ấy mở rộng ra 200 hải lý kể từ đường cơ sở đó. <...>

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa Việt Nam bao gồm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên không sinh vật và tài nguyên sinh vật thuộc loại định cư ở thềm lục địa Việt Nam.

5. Các đảo và quần đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải nói ở Điều 1 có lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng như đã quy định trong các điều 1, 2, 3, và 4 của Tuyên bố này. <...>



Sơ đồ các khu thềm lục địa miền Nam Việt Nam được giao cho các công ty nước ngoài thực hiện theo thỏa thuận ký năm 1978

7. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cùng các nước liên quan, thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, giải quyết các vấn đề về các vùng biển và thềm lục địa của mỗi bên»¹.

Ngày 29 tháng 12 năm 1977, Bộ Chính trị TƯ Đảng CS Việt Nam đã ban hành một sắc lệnh quan trọng nữa, số 30-CT/TW «Về các thủ tục cần thiết nhằm đẩy nhanh các công việc khai thác dầu khí». Văn kiện này đề cập tới tình trạng chậm trễ trong việc thực hiện «Sắc lệnh về dầu khí», đồng thời đưa ra những kế hoạch đầy tham vọng, nâng sản lượng khai thác dầu tại Việt Nam trong năm 1985 lên tới con số 20–25 triệu tấn (xin được lưu ý rằng tạm thời ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam mới đang tiến hành các công việc khảo sát địa chất, và ngay cả những dự đoán thận trọng nhất của các chuyên gia nước ngoài cũng chỉ nêu lên rằng: giá sử có thể bắt tay vào khai thác dầu từ năm 1985 đã là may mắn lớn). Liên quan tới hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô, tài liệu ghi nhận rằng, «chỉ khi Liên Xô có được trong tay thiết bị có thể hoạt động dưới đáy biển sâu, khi đó mới tiến hành xem xét cụ thể hơn về việc hợp tác với Liên Xô về thăm dò, khai thác dầu ở thềm lục địa. Còn trước mắt sẽ chỉ có thể mời chuyên gia Liên Xô tham gia tư vấn trong quá trình hợp tác với các công ty nước ngoài»². Đồng thời, ban lãnh đạo chính trị và nhà nước Việt Nam vẫn cởi mở đàm phán với các công ty phương Tây, cũng như các đối tác thuộc khối xã hội chủ nghĩa (chẳng hạn Romania).

Sau gần ba năm nghiên cứu các hình thức tham gia vốn nước ngoài được áp dụng trong ngành công nghiệp dầu khí của các nước đang phát triển, cũng như sau các cuộc đàm phán, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã quyết định đi bước tiếp theo. Ngày 4 tháng 4 năm 1978, Thông tấn xã Việt Nam đã đưa tin về Thỏa thuận ký kết tại Hà Nội với công ty Deminex của Tây Đức về việc tiến hành thăm dò ở thềm lục địa Việt Nam (lô số

12)³. Hai tuần sau đó, vào ngày 18 tháng 4, lại có một thông báo tương tự về thỏa thuận với công ty Agip của Ý về việc thăm dò lô 4 và lô 12. Thỏa thuận thứ ba được ký kết tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 2 tháng 9 năm 1978 với công ty Bay Wally Industries, với tư cách là hiệp hội của bốn công ty Canada (về việc thăm dò hai lô 28 và 29). Không đạt được kết quả thỏa thuận với các công ty của Pháp và Nhật, là các công ty cũng muốn tham gia vào công việc thăm dò mỏ dầu.

Tương chừng như Việt Nam đã tìm ra hình thức thu hút vốn nước ngoài phù hợp cho việc phát triển các dự án có chi phí cao ở thềm lục địa. Các công ty phương Tây phải hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc từ thăm dò cho tới khoan và khai thác, còn Việt Nam sẽ thanh toán cho các công ty này bằng dầu. Ban đầu dường như không có trở ngại gì: các công ty bắt tay vào tiến hành khảo sát địa chất chi tiết và một năm sau đó bắt đầu khoan giếng. Đồng thời ở Việt Nam, các công ty này chỉ mở các văn phòng, chứ không đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp để lấy đó làm cơ sở trong tương lai. Những công ty phương Tây này vẫn chọn giải pháp lưu trú ở Singapore.

Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam cố gắng thu hút các công ty Pháp và Na Uy đầu tư xây dựng cơ sở ven bờ phục vụ cho hoạt động ngoài khơi, nhưng mọi chuyện chỉ dừng lại ở các biên bản ghi nhớ và dự định. Mặc dù, tại thành phố Bà Rịa, Na Uy có giúp xây dựng trường Trung cấp kỹ thuật để đào tạo các chuyên ngành về dầu khí⁴.

Công ty Geko của Na Uy bắt đầu tiến hành các công việc về khảo sát địa chấn dưới sự giám sát của các nhà địa vật lý Việt Nam, tuy nhiên các chuyên gia Việt Nam không được phép tiếp cận trực tiếp với công việc cũng như các tài liệu nghiên cứu. Việc xử lý dữ liệu được tiến hành ở thành phố Oslo.

Năm 1979, các công ty được mời tham gia dự án đã hoàn tất tổng cộng 8 giếng khoan thăm dò. Tại một giếng khoan thuộc lô 4, ở độ sâu 2420 mét, công ty Agip đã nhận được dòng khí đốt tự nhiên, nhưng không kịp hoàn thành các công việc thử nghiệm cuối cùng do điều kiện thời tiết, và kết quả là công ty không hoàn tất công việc của mình.

Một số yếu tố ngoại cảnh gây trở ngại cho hoạt động của các công ty phương Tây ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam cũng góp phần đưa tới các kết quả tiêu cực trong quá trình khoan. Thứ nhất, một phần trong các lỗ mà Việt Nam cấp cho các công ty này để tiến hành thăm dò trước đó được cung cấp cho công ty Shell. Hàng đầu khí này cho rằng quyền lợi của mình đang bị xâm phạm, vì thế tiến hành gây áp lực đối với các công ty đang thực hiện công việc, tình trạng này được hãng tin Reuters thông báo vào ngày 22 tháng 3 năm 1979⁵. Một trở ngại nữa còn nghiêm trọng hơn là các lệnh cấm vận kinh tế mà các quốc gia phương Tây áp dụng chống lại Việt Nam vào năm 1979, sau khi Việt Nam đưa quân vào giải phóng Campuchia. Một thời gian sau đó, các công ty phương Tây bắt đầu thực hiện nghĩa vụ của mình theo kiểu «qua loa cho xong chuyện». Và thế là vào năm 1981 trong bối cảnh chung của tất cả các yếu tố địa lý-kỹ thuật, pháp lý và chính trị, Việt Nam đã quyết định hủy hợp đồng với ba công ty này.

^[1] Cũng vào khoảng thời gian này, công ty Deminex đã đưa ra đề xuất tương tự với Liên Xô về việc phát triển các biển Bắc Cực. Ngày 25 tháng 4 năm 1978, Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô A. M. Lalayans đã báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô như sau: «Theo quan điểm của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô và Bộ Ngoại thương, công ty Deminex, cũng như các công ty khác của Tây Đức, không có đủ vốn kinh nghiệm tiến hành các hoạt động thăm dò địa chất ở thềm lục địa, hơn nữa là làm việc trong các điều kiện khí hậu thủy văn phức tạp đặc trưng cho thềm lục địa của các biển bắc của đất nước» (Xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 4862. Từ 37).

^[2] Vào tháng 11 năm 1976 đã ký kết biên bản với công ty Comex của Pháp về việc xây dựng cơ sở ven bờ để phục vụ cho các hoạt động ngoài khơi ở thành phố Vũng Tàu, nhưng cuối cùng không tiến tới ký hợp đồng.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P — 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 21026. Từ 223–224.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. P — 4459. Danh mục 43. Hồ sơ 18405. Từ 203–204.

Năm năm là khoảng thời gian quá ngắn ngủi để thực hiện tất cả các mục được nêu ra trong bản Hiệp ước. Nhưng những bước đi đầu tiên đã mang lại kết quả rõ rệt.

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác được ký kết vào thời kỳ gian lao đối với đất nước ta, khi nhà cầm quyền phân động Trung Quốc vì uất hận trước những thành tựu của chúng ta nên đã bội ước tình hữu nghị lâu đời giữa hai nhân dân Việt Nam và Trung Hoa, đột nhiên tẩy chay mọi quan hệ kinh tế với đất nước ta. Đó là một trong những mất xích của cả chuỗi những hành động mà các lực lượng phân động thông qua đó âm mưu thực hiện chính sách cấm vận kinh tế và phân biệt đối xử, hòng làm tê liệt nền kinh tế của chúng ta.

<...> Trong lúc kẻ thù đang tạo ra vô số các trở ngại không cho nền kinh tế của chúng ta phát triển, Liên Xô, với mục đích đảm bảo cho nền kinh tế hoạt động bình thường, đã tăng cường cung cấp cho chúng ta những nguyên liệu mang tính chiến lược như xăng, dầu kỹ thuật, phân bón hóa học, nguyên liệu khoáng, thép và lương thực. Hiện nay Liên Xô đang đáp ứng cho đất nước ta gần 100% nhu cầu xăng và dầu kỹ thuật đang được sử dụng trong nước, hơn 90% phân bón hóa học, hơn 80% thép cán và nhiều mặt hàng khác mà chúng ta buộc phải nhập khẩu»¹.

* * *

Trên thực tế «Hiệp ước hữu nghị Việt — Xô» không chỉ củng cố các mối quan hệ về chính trị, mà cả về kinh tế giữa hai đất nước. Cùng ngày hôm đó hai bên đã ký kết «Thỏa thuận giữa Liên Xô và CHXHCN Việt Nam về tiếp tục phát triển và củng cố hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật». Trong số các ngành được hai bên ưu tiên và có nghĩa vụ phát triển và củng cố quan hệ, có «lĩnh vực công nghiệp nhiên liệu và năng lượng», «lĩnh vực khảo sát địa chất tìm dầu lửa, khí đốt thiên nhiên và các khoáng sản khác», «đào tạo cán bộ».

Công việc được chuyển sang cấp độ chuyên gia, là những người có nhiệm vụ cụ thể hóa những thỏa thuận nêu trên.

Vào tháng 3 năm 1979, theo chỉ thị của Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế, đại diện của tập đoàn ngoại thương Technoexport ở Việt Nam đã gửi cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế E. I. Osadchuk một văn bản về tình hình thực hiện các công việc khảo sát địa chất tìm dầu và khí đốt thiên nhiên ở Việt Nam.

Trích tài liệu của đại diện tập đoàn ngoại thương Technoexport tại Việt Nam, ông E. N. Rezniko «Tình hình khảo sát địa chất tìm dầu và khí đốt ở CHXHCN Việt Nam», ngày 22 tháng 3 năm 1979: «Cần lưu ý đề nghị khẩn thiết của Bộ trưởng [Đinh Đức Thiện, phụ trách công tác dầu khí của CHXHCN Việt Nam. — Ghi chú của tác giả.] và các lãnh đạo Tổng cục dầu khí về việc hỗ trợ từ phía nhóm chuyên gia Liên Xô đối với công việc ở miền Nam Việt Nam. <...> Nhìn chung, không thể nghi ngờ về tính cấp thiết của việc tiến hành các công việc tìm dầu khí ở miền Nam Việt Nam, trong đó có vùng trũng Mê Kông. Không loại trừ tình huống là xét về mức độ tiềm năng khai thác dầu khí công nghiệp thì trũng Mê Kông và nói chung là vùng lưu vực sông Mê Kông có thể cao hơn so với miền vông Hà Nội và vùng lưu vực Bắc Bộ.

Như vậy, Liên Xô cần sử dụng một cách đầy đủ hơn cơ hội hỗ trợ kỹ thuật nhằm giải quyết một trong những nhiệm vụ chính của CHXHCH Việt Nam, đó là nhiệm vụ tăng hiệu suất của hoạt động tìm kiếm dầu khí và xây dựng càng nhanh càng tốt cơ sở cho ngành công nghiệp dầu khí nước nhà.

Xét tới vốn kinh nghiệm còn quá ít ỏi của các chuyên gia Việt Nam, ban lãnh đạo của Tổng cục dầu khí Việt Nam đặc biệt quan tâm tới việc nhờ Liên Xô giúp đỡ Việt Nam trong việc tổ chức và tiến hành các công việc khảo sát địa chất để tìm dầu khí (khảo sát địa chấn và khoan giếng) ở vùng đồng bằng sông Mê Kông. Phía Việt Nam cũng đưa ra ý kiến về việc nhờ nhóm chuyên gia Liên Xô giúp tư vấn trong quá trình làm việc với các công ty nước ngoài (với tư cách là một nhóm thường xuyên hoạt động, có các chuyên gia Liên Xô ở công ty dầu khí miền Nam Việt Nam, bao gồm: một nhà địa chất, một nhà địa vật lý, một chuyên gia khoan, một chuyên gia kinh tế v. v...)»².

Sau khi xem xong tài liệu này, ông E. I. Osadchuk đã đề bên lề những ghi chú về việc cần thiết phải làm rõ vấn đề: Việt Nam muốn nhận được từ phía Liên Xô sự hỗ trợ phát triển nguồn dầu khí ở miền Nam Việt Nam dưới hình thức nào? Ví dụ, Việt Nam đã nhiều lần đặt vấn đề với phía Liên Xô về việc thực hiện hợp tác kinh tế dựa trên cơ sở bồi thường. Bản chất của hình thức hợp tác này là cho vay tín dụng 100% để xây dựng các nhà máy tại một đất nước khác, đất nước này sẽ thanh toán khoản vay đó bằng sản phẩm của xí nghiệp được lập ra. Ở đây không chỉ đề cập tới thăm dò và khai thác dầu khí, mà cả đối với các khoáng sản khác như than đá, bauxite, vàng và đồn điền để sản xuất cao su tự nhiên.

Đầu tháng 6 năm 1979, cố vấn của Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô về các vấn đề kinh tế, ông Lê Kim Khuyến bắt tay vào chuẩn bị cho chuyến thăm của Phó Thủ tướng, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam Lê Thanh Nghị sang Matxcova để tham dự phiên họp tiếp theo của khối SEV. Trong cuộc chuyển trò với Phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế E. I. Osadchuk, ông Khuyến ngỏ ý rằng, trong các cuộc gặp mặt song phương, vị khách cấp cao có thể đặt ra vấn đề về sự tham gia của Liên Xô vào công việc thăm dò và khai thác mỏ dầu khí ở miền Nam Việt Nam, ý ông muốn nói tới vùng đồng bằng sông Mê Kông và «thềm lục địa nước nông» của Biển Đông³. Quả đúng như vậy, ngày 2 tháng 7, trong cuộc hội kiến với Chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế S. A. Skachkov, ông Lê Thanh Nghị đã đề cập tới đề tài này và yêu cầu phía Liên Xô «cử một nhóm chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam để nghiên cứu vấn đề hợp tác khảo sát địa chất tìm dầu và khí đốt ở đồng bằng sông Mê Kông»⁴.

Và thế là lại có một cuộc họp nữa của các bộ ngành hữu quan, bao gồm Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế, Bộ Công nghiệp Dầu khí và Bộ Địa chất Liên Xô để bàn bạc về tiềm năng ở vùng trũng Mê Kông, bao gồm một phần ba nằm trên lục địa, phần còn lại đi dưới biển. Theo đánh giá sơ bộ của các chuyên gia thì trữ lượng dầu ở vùng này ước lượng ở mức khoảng 3 tỉ tấn.

Trích thư của Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô I. K. Baibakov đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 24 tháng 8 năm 1979: «Xét tới nhu cầu dầu mỏ ngày càng tăng ở các nước xã hội chủ nghĩa, đề xuất của CHXHCN Việt Nam về hợp tác khai thác trữ lượng dầu ở trũng Mê Kông là rất đáng quan tâm. Về vấn đề này, chúng tôi cho rằng Liên Xô cần cùng với các nước xã hội chủ nghĩa khác tham gia một cách tích cực nhất vào việc đẩy mạnh tiến độ thăm dò và tổ chức khai thác dầu trên lục địa và vùng thềm lục địa liền kề ở khu vực đồng bằng sông Mê Kông.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2753. Tờ 165–174.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2691. Tờ 29–30.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2691. Tờ 61–62.


Tướng Đinh Đức Thiện — Bộ trưởng đầu tiên phụ trách công tác dầu khí của Việt Nam



Phó Chủ tịch Ủy ban Nhà nước Liên Xô về quan hệ kinh tế E. I. Osadchuk



Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt của Liên Xô S. A. Orudzhev

Tháng Chín nhọc nhằn của tướng Đinh Đức Thiện

Tháng 9 năm 1979 đối với tướng Đinh Đức Thiện quả là một tháng căng thẳng. Tham gia trong thành phần đoàn đại biểu do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, ông Thiện sẽ có nhiệm vụ đi công tác tại hai nước Iraq và Liên Xô.

Ở Iraq, «vị tướng đầu khí» có hơn 10 ngày làm việc. Ông khảo sát các mỏ dầu lớn nhất ở vùng Bắc Rumaila, tuyến đường ống dẫn dầu chính và các khu chứa hàng hóa. Tất cả các công trình này đều do Liên Xô giúp Iraq xây dựng. Đón tiếp ông là những chuyên gia dầu khí, nhiều người trong số họ từng học ở Matxcova và Baku. Họ đã chia sẻ những cảm tưởng nồng ấm nhất về các chuyên gia Liên Xô từng làm việc tại Iraq, về kết quả đạt được là hàng ngàn tấn dầu khai thác, và thu nhập hàng năm từ việc xuất khẩu dầu mỏ vượt quá con số 8 tỉ đô la. Và giờ đây, ông Đinh Đức Thiện là người chịu trách nhiệm đàm phán về việc cung cấp dầu từ Iraq cho Việt Nam.

Ở Matxcova, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có lịch làm việc với ông A. N. Kosygin, còn bản thân ông Đinh Đức Thiện sẽ có cuộc gặp gỡ không chỉ với các đối tác truyền thống trong Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế và Bộ Địa chất Liên Xô, mà còn với các đối tác tiềm năng khác, đó là các bộ ngành ở Liên Xô đảm trách vấn đề khai thác hydrocarbon.

* * *

Trích ghi chép cuộc đàm thoại của Phó Chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế E. I. Osadchuk và Bộ trưởng phụ trách dầu khí Việt Nam Đinh Đức Thiện, ngày 22 tháng 9 năm 1979: «Liên quan đến việc tiến hành các công việc khảo sát địa chất ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, đồng chí Đinh Đức Thiện đã thông báo rằng vùng nước ở miền Nam Việt Nam chia thành 50 ô vuông có triển vọng, trong đó 7 ô đã được chuyển giao cho các công ty phương Tây để thực hiện khảo sát địa chất tìm dầu khí <...>.

^[1] Trần Quỳnh. Hợp tác toàn diện // Việt Nam. Số 11 (299) năm 1982. Tr. 1.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 2434. Tờ 167–168.

Theo lời đồng chí Đinh Đức Thiện, lô có triển vọng cao nhất là lô số 4, diện tích gần 7 ngàn km², hiện chưa giao cho ai và phía Việt Nam đề nghị Liên Xô hỗ trợ bằng cách cung cấp thiết bị và vật tư, cũng như cử các chuyên gia sang Việt Nam làm việc. Ngoài ra, Việt Nam đề nghị Liên Xô hỗ trợ kỹ thuật trong việc cung cấp một số thiết bị phục vụ cho giàn khoan của các công ty phương Tây, cụ thể là trực thăng mà các công ty phương Tây cung cấp. Chúng tôi biết rằng Liên Xô không có các giàn khoan mà chúng tôi cần (những giàn khoan này do Thụy Điển sản xuất [Na Uy — Ghi chú của tác giả.] tại các xưởng đóng tàu, nhưng Việt Nam không có đủ khả năng tài chính để mua)»¹.

Trích ghi chép cuộc trao đổi của Bộ trưởng Công nghiệp Dầu khí Liên Xô N. A. Malsel và Bộ trưởng Đinh Đức Thiện phụ trách công tác dầu khí của Việt Nam, ngày 24 tháng 9 năm 1979: «Phía Việt Nam có mong muốn rằng Liên Xô sẽ hỗ trợ trong việc tìm kiếm và khai thác dầu khí cả ở miền Bắc lẫn miền Nam đất nước, ở bất kỳ nơi nào có triển vọng tìm ra những sản phẩm này. Không chỉ thế, còn cần phải thực hiện công việc với tốc độ nhanh nhất có thể. Trước đó người Pháp đã thử khoan ở vùng Campuchia để tìm dầu trên biển. Phía Việt Nam nói rằng vùng có hoạt động khoan này là vùng lãnh thổ đang tranh cãi giữa hai nước, sau đó người Pháp thôi không làm việc nữa. Thái Lan cũng phát hiện ra những mỏ khí đốt lớn ở thềm lục địa. Duy nhất chỉ có một kết cấu chứa dầu khí ở khu vực Đông Nam Á, và phần lớn kết cấu này nằm tại vùng biển kề cận với Việt Nam. Năm 1975 Việt Nam thành lập Tổng cục dầu khí. Hầu hết các chuyên gia làm việc ở cơ quan này đều đã được đào tạo ở Liên Xô, một số chuyên gia được đào tạo tại Rumani.

Các công ty phương Tây đề nghị được ký hợp đồng thăm dò ô vuông số 4, nhưng phía Việt Nam không chấp thuận vì muốn thực hiện việc thăm dò và khai thác dầu với sự hỗ trợ của Liên Xô. Độ sâu của biển ở ô vuông này là 50 mét, khoảng cách từ bờ biển ra là 100–150 km»².

Trích tài liệu ghi chép cuộc trao đổi giữa Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô A. M. Lalyans và Bộ trưởng phụ trách dầu khí Việt Nam Đinh Đức Thiện, ngày 24 tháng 9 năm 1979: «Đồng chí Lalyans hỏi Bộ trưởng, phía Việt Nam muốn nhận được sự hỗ trợ nào từ phía các tổ chức Liên Xô. Bộ trưởng nói rằng, phía Việt Nam mong muốn nhận được hỗ trợ để mở rộng các công việc khảo sát địa vật lý nhằm xác định những vùng tiềm năng nhất ở khu vực nước nông và ở thềm lục địa. Ở ô vuông số 4 cần hỗ trợ phía Việt Nam khoan giếng. Cần giúp tiến hành các công việc ở ô vuông số 11, là ô vuông có nhiều tiềm năng hơn là ô vuông số 4, theo đánh giá của các công ty phương Tây. Độ sâu của ô vuông số 11 đạt tới mức 60–70 mét. Ở miền Nam Việt Nam biển rất lặng, vì thế có thể tiến hành các công việc khoan quanh

năm. Ở thềm lục địa miền Nam đất nước, chỗ sâu lớn nhất là — 150–200 mét. Đồng chí Lalyans nói rằng cần gửi các chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam để cùng với các chuyên gia Việt Nam nghiên cứu các tài liệu hiện có, xác định chương trình, khối lượng và các hướng thực hiện công việc. Bộ trưởng đồng ý với điều này»³

* * *

Trong vòng một tuần lễ, ông Đinh Đức Thiện có rất nhiều các cuộc gặp khác nhau, nhưng trong số đó có một cuộc hội kiến rất đặc biệt.

Bên trong cơ cấu của ngành dầu khí Liên Xô khi đó đang diễn ra một số thay đổi. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô số 720 ban hành ngày 24 tháng 8 năm 1978, Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô đã lập ra Tổng cục thăm dò và phát triển các mỏ dầu và mỏ khí trên biển, có tên gọi là Glavmorneftegaz, với chức năng lãnh đạo và điều phối các công việc ở thềm lục địa Liên Xô — từ việc thiết kế chế tạo các phương tiện nổi chuyên dụng đến thăm dò địa chất và khai thác dầu khí. Tất cả các xí nghiệp, tổ chức và các trung tâm khoa học thuộc Bộ địa chất Liên Xô, Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô có liên quan tới việc phát triển mỏ dầu và mỏ khí biển, từ nay trở đi sẽ được chuyển sang chịu sự quản lý của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, chính vì vậy mà những cuộc đàm phán với vị lãnh đạo S. A. Orudzhev có tầm quan trọng đặc biệt đối với ông Đinh Đức Thiện.

Anh hùng Lao động Sabit Ataevich Orudzhev phụ trách việc khai thác dầu khí trên biển trong giai đoạn hình thành ở Baku và là người ủng hộ nhiệt thành cho việc phát triển lĩnh vực này ở Liên Xô. Trong khi đảm đương cương vị Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, chính ông là người đưa ra đề xuất về việc thành lập Tổng cục dầu khí biển. Dưới sự chỉ đạo của ông, một chương trình làm việc với thời hạn 10 năm ở thềm lục địa đã được soạn thảo và bắt đầu đưa vào thực hiện. Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và các viện nghiên cứu dầu mỏ, khí đốt thiên nhiên và các ngành hữu quan được mời tham gia chương trình này để đưa ra các giải pháp về khoa học-kỹ thuật.

Năm 1979, các xí nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt bắt tay vào việc xây dựng mỏ mang tên 28 tháng Tư (tên gọi hiện nay là Guneshli). Ở vùng mỏ này, độ sâu của biển Caspian dao động trong khoảng từ 80 đến 110 mét (độ sâu ở mỏ Bạch Hổ của Việt Nam là khoảng 50 mét); trong năm 1980, giếng khoan trên biển sâu nhất ở thế giới đã được đưa vào khai thác, đó là giếng khoan Bulla-more số 38, từ độ sâu 6200, mỗi ngày gần 1 triệu mét khối khí tự nhiên và 300 tấn khí ngưng tụ được đưa lên mặt nước. Trong năm 1981 dự kiến sẽ phải xây dựng gần 30 giàn khoan trên biển Caspian, giàn khoan đầu tiên trên biển Baltic và hai giàn khoan trên Biển Đen⁴. Nhìn chung, rất nhiều khả năng chính ông S. A. Orudzhev, người đã có công thành lập cả một lĩnh vực nhằm phát triển các mỏ dầu khí trên biển ở Liên Xô, cũng sẽ có khả năng giúp xây dựng cơ cấu tương tự ở Việt Nam.

Rất tiếc, đó là cuộc gặp gỡ duy nhất giữa hai người (sau một thời gian lâm bệnh nặng, ông S. A. Orudzhev qua đời), nhưng chính cuộc hội kiến này đã vạch ra đường hướng cho các công việc về sau. Kể cả những chuyên gia về khí đốt của Liên Xô, những người mà rồi cuối cùng cũng quyết định tới Việt Nam làm việc, lẫn các chuyên gia Việt Nam cũng đều chưa hiểu, làm thế nào có thể tiếp cận được thềm lục địa Biển Đông. Ông Đinh Đức Thiện còn tưởng rằng chỉ cần khoan hai ba giếng khoan là sẽ hoàn thành



Cơ sở của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô trên biển Baltic. Klaipeda



Cơ sở của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô ở biển Đen, vịnh Yarylgach

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2751. Tờ 53.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2751. Tờ 55.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2751. Tờ 58–59.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6171. Tờ 219, 221.



Cơ sở của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô ở Murmansk phục vụ cho việc khai thác các biển Bắc Cực

nhệm vụ, nhưng thực ra toàn bộ vấn đề nằm ở chỗ làm sao thuê được thiết bị khoan nổi. Ông S. A. Orudzhev biết rất rõ rằng phải chuẩn bị khối lượng khổng lồ như thế nào trước khi khai thác được dầu khí trên biển. Điều này không dễ thực hiện ở Liên Xô, nhưng lại càng khó hơn đối với Việt Nam. Có thể, con đường mà ông Đinh Đức Thiện vạch ra là ngắn hơn và trong tương lai gần có vẻ ít tốn kém hơn, nhưng đó là một sai lầm về mặt chiến lược đối với Việt Nam: nếu không thành lập căn cứ hậu cần và tổ chức các bộ phận hỗ trợ cần thiết trong nước thì việc khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam là không thể. Và đây là lập trường mang tính nguyên tắc của ông Orudzhev: song song với việc tìm kiếm dầu lửa, cần đồng thời lập ra cơ sở sản xuất ở Việt Nam để phục vụ cho việc khai thác dầu!

Trích ghi chép cuộc đối thoại giữa Bộ trưởng Công nghiệp Khí đốt Liên Xô S. A. Orudzhev với Bộ trưởng Đinh Đức Thiện phụ trách công tác dầu khí của Việt Nam, ngày 27 tháng 9 năm 1979: «Đề nghị Liên Xô hợp tác với chúng tôi trong việc thăm dò và khai thác dầu ở ô vuông số 4. Công ty Tây Đức hiện đang làm việc ở ô số 7 nằm cạnh đó. Có thể thuê lại giàn khoan mà công ty đang sử dụng. Làm thế rất có lợi, hơn nữa nếu bỏ qua cơ hội thời gian này thì sau đó thuê giàn khoan sẽ rất đắt và khó khăn. <…>

Đồng chí Orudzhev nói rằng, muốn xác định chương trình và các hướng đi của công việc thì cần phải nghiên cứu tất cả các tài liệu hiện có, đồng thời xem xét mọi yếu tố liên quan tới dầu ở khu vực này. Để làm việc này, Liên Xô sẽ cử các chuyên gia sang Việt Nam. Ở thềm lục địa có thể khoan sâu tới 50 mét mà không cần giàn khoan. Cần nghiên cứu khu vực sẽ tiến hành công việc, các điều kiện ở đây. Để tiến hành công việc cần thành lập cơ sở vật chất, cơ sở sản xuất. Cần vạch ra một kế hoạch làm việc dài hạn cho 10 năm và kế hoạch hành động cho khoảng 2–3 năm. Nếu kết quả công việc của kế hoạch 2–3 năm là tích cực thì có thể điều chỉnh kế hoạch 10 năm. Phải cử một nhóm chuyên gia Liên Xô trình độ cao sang Việt Nam. Các chuyên gia của chúng tôi sẽ cùng với chuyên gia của các bạn xem xét tài liệu, nghĩ cách thu thập những dữ liệu còn thiếu,

soạn thảo chương trình công tác. Công việc phải được tiến hành dựa trên các cơ sở nghiên cứu tỉ mỉ kỹ lưỡng để khỏi phát sinh những chi phí không đáng có»¹.

* * *

Ngày 27 tháng 9 năm 1979, ông Đinh Đức Thiện cùng nhóm các bộ do ông lãnh đạo đã tổ chức tổng kết kết quả làm việc. Sau cuộc gặp gỡ với ông S. A. Orudzhev, Bộ trưởng đã tới thăm ông E. I. Osadchuk.

Trích ghi chép cuộc trò chuyện giữa Phó chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế E. I. Osadchuk với Bộ trưởng Đinh Đức Thiện phụ trách công tác dầu khí của Việt Nam, ngày 27 tháng 9 năm 1979: «Sau khi hai bên chào hỏi lẫn nhau, đồng chí Osadchuk nói rằng đây sẽ cuộc hội kiến cuối cùng và ông muốn tóm tắt kết quả chuyến công tác của đồng chí Đinh Đức Thiện tới Liên Xô. Thứ nhất, tất các cuộc tọa đàm cũng như các cuộc gặp gỡ của đồng chí Đinh Đức Thiện đều được tổ chức ở cấp độ cao tương xứng, và hai bên đã thống nhất về vấn đề quan trọng nhất là cử các chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam làm việc, với nhiệm vụ nghiên cứu cơ hội hợp tác trên cơ sở bởi thường để tiến hành khảo sát địa chất, tổ chức khai thác dầu khí ở vùng đồng bằng sông Mê Kông. Nhóm chuyên gia Liên Xô có trình độ cao này hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị và tới tháng 10 sẽ được đưa sang Việt Nam.

Phía Liên Xô cũng có đề nghị như sau đối với các đồng chí Việt Nam: trong khi nhóm chuyên gian đang làm việc và chuẩn bị tài liệu, phía Việt Nam cũng cần xác định cụ thể hình thức hợp tác giữa hai bên trong tương lai và về đối tượng cụ thể của hợp tác giữa hai chúng ta. Chúng tôi có kinh nghiệm hợp tác đa phương với Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ về việc xây dựng liên hiệp Erdenet, theo đó Liên Xô cung cấp khoản vay tín dụng cho Mông Cổ, cung cấp thiết bị theo khoản tín dụng này, cung cấp các linh kiện dự trữ và thiết bị thay thế. Mông Cổ thanh toán khoản tín dụng bằng cách cung cấp tinh quặng cho Liên Xô. Vì thế, cần xác định hình thức hợp tác về đối tượng này và tốt nhất là được nghe ý kiến của đồng chí về việc hợp tác sắp tới giữa hai nước.

Đồng chí Đinh Đức Thiện đã cảm ơn đồng chí Osadchuk và bày tỏ sự đồng ý của mình với các vấn đề đặt ra. Về phía mình, ông muốn nói rằng, ông biết Liên Xô không có kinh nghiệm khoan sâu, vì thế mà Việt Nam buộc phải tìm tới các công ty phương Tây. Tuy nhiên ông thường xuyên nói rằng hợp tác với các công ty phương Tây phải hết sức thận trọng. Ông biết rõ thế nào là hệ thống tư bản, vì ông đã làm việc từ thời thực dân Pháp, từng ngồi tù và tham gia các cuộc chiến chống ba đế quốc xâm lược. Vì vậy, ông nhấn mạnh rằng, muốn hợp tác với phương Tây thì phải hết sức dè chừng. Hiện nay trong quá trình hợp tác với các công ty phương Tây đã xảy ra những hậu quả tiêu cực như hoạt động gián điệp, buôn lậu, ma túy v. v… Vì thế ông cho rằng Việt Nam bây giờ chỉ hợp tác với Liên Xô.

Đồng chí Gaidukov V. N [trưởng phòng hợp tác kinh tế với các nước phe xã hội chủ nghĩa của Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế. — Ghi chú của tác giả.] lưu ý rằng, ngày trước Ấn Độ cũng tìm đến các công ty phương Tây và đề nghị tiến hành khảo sát địa chất nhằm tìm kiếm

dầu khí và các chuyên gia phương Tây sau quá trình làm việc tuyên bố rằng Ấn Độ không có dầu lửa, nhưng sau này với sự hỗ trợ của các chuyên gia Liên Xô thì lại tìm ra dầu.

Cuộc đàm thoại kết thúc bằng lời mời đồng chí Osadchuk E. I cùng với các chuyên gia Việt Nam đi gặp gỡ với đồng chí Skachkov S. A.»¹.

Cuộc gặp mặt làm việc ở Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế bàn về tổ hợp các vấn đề hợp tác giữa hai nước trong việc tìm kiếm dầu khí, và dành được sự chú ý nhất là các công việc thực hiện ở miền vông Hà Nội vì đang gần tới giai đoạn thu được kết quả cuối cùng. Nhưng vấn đề hợp tác ở miền Nam Việt Nam cũng được đề cập tới, hai bên bàn về tiến trình và kết quả công việc do các công ty phương Tây thực hiện, tiềm năng hợp tác Việt — Xô và những bước đi tiếp theo cần thực hiện theo hướng này.

Trích ghi chép cuộc trao đổi giữa Chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế S. A. Skachkov với Bộ trưởng Đinh Đức Thiện phụ trách công tác về dầu khí Việt Nam, ngày 27 tháng 9 năm 1979: «Sau nghi lễ chào hỏi, Bộ trưởng bày tỏ hài lòng về tình hình hợp tác Việt — Xô trong việc khảo sát địa chất tìm dầu khí ở miền vông Hà Nội. Sau đó ông trình bày quan điểm của mình về mở rộng hỗ trợ của Liên Xô trong việc khảo sát địa chất tìm dầu khí ở các vùng khác trên đất nước Việt Nam, với mục đích sau khi phát hiện ra trữ lượng công nghiệp dầu khí thì chuyển sang khai thác và chế biến. <…>

Vùng có tiềm năng lớn nhất về dầu khí của Việt Nam là đồng bằng sông Mê Kông, trên đất liền và ở thềm lục địa ven biển, với diện tích khoảng 350 ngàn km vuông (độ sâu của thềm lục địa ở đây là từ 50 đến 200 mét). <…> Bộ trưởng nhấn mạnh rằng đây là vùng nhiều triển vọng nhất của của thềm lục địa và phía Việt Nam trông đợi rằng Liên Xô sẽ giúp hỗ trợ để phát triển mỏ dầu ở đây.

Căn cứ vào các bản hợp đồng đã ký kết trước đó với Việt Nam, các công ty của Ý, Canada, Tây Đức, Na Uy đang tiến hành tìm kiếm dầu khí ở thềm lục địa thuộc đồng bằng sông Mê Kông. Tuy nhiên vì Trung Quốc có những hành động gây hấn đối với Việt Nam, rồi do tình hình ở Campuchia nên các công ty này đang kéo dài công việc của mình. Trước đây Việt Nam cũng đã từng hy vọng nhận được sự giúp đỡ của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc thành lập ngành công nghiệp dầu khí. Giờ đây, Việt Nam càng hiểu rằng quyết định của mình là đúng. Vịnh Hạ Long của Việt Nam cũng là vùng có tiềm năng về dầu. Hồi chiến tranh, Mỹ đã tiến thành các thăm dò địa chấn ở vùng này, nhưng sau đó mang hết các tài liệu thu được về Mỹ. Người Trung Quốc hiện nay cũng đang khoan một giếng dầu tại thềm lục địa của đảo Hải Nam, nằm ở bên phía Việt Nam.

Đồng chí Đinh Đức Thiện nói rằng, theo quan điểm của phía Việt Nam, cần cử một nhóm các chuyên gia Liên Xô có trình độ cao sang Việt Nam trong thời gian sớm nhất để nghiên cứu vấn đề mở rộng hợp tác dầu khí Việt Xô. Đồng chí Skachkov S. A nói rằng, ở đây muốn nói tới nhóm các chuyên gia Liên Xô có trình độ cao sẽ được cử sang Việt Nam vào cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm nay. Các chuyên gia Liên Xô sẽ cùng với các chuyên gia Việt Nam xem xét các tài liệu mà phía Việt Nam hiện

đang có trong tay về các hoạt động địa chấn, hoạt động khoan tìm dầu và khí đốt, đồng thời nghiên cứu điều kiện địa chất của các vùng có tiềm năng về dầu khí, cũng như tìm hiểu các vấn đề khác. Ông lưu ý rằng các tổ chức của Liên Xô không thực hiện các công việc về dầu khí ở thềm lục địa dưới độ sâu lớn (50–200 mét), vì vậy không sản xuất thiết bị phục vụ cho công việc này. Liên Xô có kinh nghiệm khoan dầu ở vùng ven biển với độ sâu 20–50 mét, vì vậy mà nhóm chuyên gia Liên Xô nói trên khi sang Việt Nam có nhiệm vụ nghiên cứu kỹ lưỡng về cơ hội của các tổ chức Liên Xô trong việc khoan giếng dầu ở thềm lục địa»².

* * *

Chuyến đi làm việc và những cuộc gặp gỡ của ông Đinh Đức Thiện với các đồng nghiệp trong khuôn khổ các bản Hiệp định liên quốc gia và liên Chính phủ đã chuẩn bị cơ sở để phát triển hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực thăm dò dầu khí. Trong vòng 4 năm kể từ khi thống nhất đất nước, Việt Nam đã triển khai một chương trình rộng rãi nhằm thành lập ngành dầu khí quốc gia và bắt tay vào thực hiện những bước đi độc lập để tìm mỏ dầu khí, chuẩn bị đảm bảo cơ sở luật pháp mới cho hoạt động ở thềm lục địa. Các chuyên gia Việt Nam đã thu được kinh nghiệm hợp tác quốc tế đầu tiên với các công ty tư bản, và rút ra cho mình những bài học đầu tiên. Về phần mình, các chuyên gia Liên Xô đã khẳng định về tiềm năng to lớn của thềm lục địa miền Nam Việt Nam, đồng thời có cơ hội đánh giá quy mô khối lượng công việc cần làm để hoàn tất việc thành lập ngành công nghiệp dầu khí ở miền Nam đất nước. Tất cả họ còn phải trải qua muôn vàn thử thách còn phải thực hiện một khối lượng công việc đồ sộ, nhưng quan trọng nhất là chiến lược mới của hợp tác dầu khí giữa Việt Nam và Liên Xô đã dần dần hiện ra rõ nét.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2751. Tờ 65.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2751. Tờ 62–63.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2691. Tờ 77–78.

Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam: quá trình chuẩn bị, thông qua, những bước đi đầu tiên

Một loạt các sự kiện cứ dần dần xếp thành một chuỗi: sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn, Tổng cục Dầu khí Việt Nam ra đời, chuyển đi của các nhóm chuyên gia Liên Xô và Việt Nam tới TP. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu, các cuộc đàm phán tại các bộ ngành Liên Xô. Những người tham gia vào các sự kiện này cảm nhận rõ ràng rằng, chỉ còn một chút nữa thôi là sẽ tới thời điểm thông qua quyết định quan trọng nhất, định đoạt tương lai của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam và cuối cùng là kết quả cụ thể: khai thác được một khối lượng lớn dầu mỏ và khí đốt.

«Chúng tôi dành ưu tiên cho việc này...» Ủy ban của ông V. A. Yarmolyuk và quyết định về việc «bắt đầu thời kỳ mới của hợp tác Việt — Xô»

Trong vòng hai tháng 10 và 11 năm 1979, căn cứ vào những thỏa thuận mà hai bên đạt được trong chuyến thăm của ông Đinh Đức Thiện, và căn cứ vào quyết định của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ký ngày 1 tháng 10 năm 1979, một nhóm chuyên gia bao gồm 13 nhà địa chất, địa vật chất và kỹ sư khoan đã làm việc tại Việt Nam. Trong số họ có lãnh đạo các Sở địa chất thuộc các bộ ngành như chuyên gia về khí đốt I. P. Zabrev và chuyên gia dầu khí G. P. Ovanesov, Tổng cục phó Tổng cục Dầu khí biển của Bộ công nghiệp Khí đốt Liên Xô O. O. Sheremet, lãnh đạo Cục dầu khí thuộc Bộ Địa chất Liên Xô A. V. Ovcharenko, chuyên gia chính của phòng địa chất và khoáng sản của Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô V. V. Tolmachev, kỹ sư trưởng Ban nguyên liệu Hydrocarbon thuộc Bộ Địa chất Liên Xô G. I. Zykalov, chuyên gia chính về khoan sâu thuộc liên hiệp Zarubezhgeologia thuộc Bộ Địa chất Liên Xô D. V. Koh, lãnh đạo đoàn khảo sát Viện nghiên cứu địa chất và địa vật lý vùng Nizhne — Volzhki, ông A. M. Ivanchuk và những người khác¹. Lãnh đạo nhóm chuyên gia là ông V. A. Yarmolyuk.

* * *

Trích hồi ký của cựu thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô V. A. Yarmolyuk: «Ngày 14 tháng 10 năm 1979, tôi vừa đi nghỉ an dưỡng về thì ngay ngày hôm sau Bộ trưởng E. A. Kozlovski nói với tôi rằng tôi cần chuẩn bị cho chuyến bay gấp sang Việt Nam. — Vì mục đích gì thế? Và tôi sẽ đi với tư cách là ai?

— *Đồng chí sẽ lãnh đạo một nhóm liên ngành các nhà địa chất-dầu mỏ, bao gồm các chuyên gia của bộ khác nhau, là Bộ Địa chất, Bộ Công nghiệp Dầu khí và Bộ Công nghiệp Khí đốt, ngoài ra còn có các nhân viên của Ủy ban Kế hoạch nhà nước. Nhiệm vụ của nhóm các đồng chí là xác định xem đất nước chúng ta sẽ tiếp tục tham gia như thế nào vào sự nghiệp dầu khí ở Việt Nam.*
— *Thế phía Việt Nam nghĩ thế nào về việc nhóm chuyên gia của chúng ta sẽ tới Việt Nam?*
— *Chính bởi vì phía Việt Nam khẩn thiết yêu cầu nên chúng ta mới thành lập nhóm chuyên gia này. Ủy ban Kế hoạch nhà nước soạn thảo thành phần của nhóm. Các văn bản chỉ thị sẽ được đồng chí Nikolai Konstatinovich Baibakov ký. Việc đồng chí đi công tác đã thống nhất với ông Baibakov rồi. Cho nên, đồng chí hãy giữ liên lạc với Ủy ban Kế hoạch nhà nước»².*

* * *

Nhóm của ông V. A. Yarmolyuk có nhiệm vụ cùng với các đồng nghiệp Việt Nam nghiên cứu tại thực địa các vấn đề liên quan tới khả năng Liên Xô sẽ hỗ trợ Việt Nam trong việc tìm kiếm và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam đất nước và ở vùng đồng bằng sông Mê Kông. Trước khi khởi hành sang Việt Nam, lãnh đạo nhóm chuyên gia đã được đích thân Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô N. K. Baibakov chỉ thị rằng, việc phát triển thềm lục địa Việt Nam cần một khoản đầu tư đáng kể và quyết định cuối cùng về vấn đề này sẽ được đưa ra ở «cấp độ cao nhất». Bởi vì một bộ phận các nhà lãnh đạo có quan điểm cho rằng tiền bạc và thiết bị đầu tư vào việc nghiên cứu miền vông Hà Nội không đem lại hiệu quả, cho nên hiện nay nguy cơ Liên Xô từ chối không tiếp tục hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí là rất cao³. Tương lai của dự án lớn này giờ đây phụ thuộc vào 13 người.

Ngày 25 tháng 10 năm 1979, các ông Đinh Đức Thiện, Lê Văn Cự, cố vấn cho đại sứ quán F. I. Kleimenov, nhà địa chất và kỹ sư trưởng về dầu khí G. A. Kostromin đã ra sân bay Nội Bài đón đoàn của ông V. A. Yarmolyuk. Sau vài ngày thanh tra công việc ở đồng bằng sông Hồng, tất cả các thành viên bay vào TP. Hồ Chí Minh, tới trụ sở của Công ty dầu khí 2, trước kia là tòa nhà của Đại sứ quán Mỹ. Công ty dầu khí 2 được thành lập để tiến hành các công việc thăm dò tìm kiếm dầu khí ở miền Nam Việt Nam. Trong vòng hơn hai tuần lễ, các chuyên gia Liên Xô đã làm quen với các tài liệu do các đồng nghiệp Việt Nam cung cấp. Họ nghiên cứu những tài liệu mà người Mỹ để lại, bao gồm mẫu lõi, những dữ liệu mới nhất mà các chuyên gia Việt Nam thu thập được sau khi tiến hành khảo sát địa vật lý và khoan thăm dò ở đồng bằng sông Mê Kông. Đoàn cũng đi thăm thành phố Vũng Tàu và thiết bị khoan ở bán đảo Cà Mau miền Nam Việt Nam.

Dữ liệu của việc khoan sâu được thực hiện ở vùng đồng bằng sông Mê Kông hầu như tiêu cực, trong khi đó, theo kết luận của các chuyên gia Liên Xô, thềm lục địa miền Nam Việt Nam xứng đáng được «phát triển càng nhanh càng tốt».

Trích hồi ký của ông V. A. Yarmolyuk, cựu Thứ trưởng Bộ Địa chất Liên Xô: «Giáo sư G. P. Ovanesov, một người khôn ngoan, giàu kinh nghiệm sống (thêm vào đó còn là một người lãnh đạo tuyệt vời), nói:
— *Chính là họ (những người Việt Nam) đã tạo ra cho chúng ta, các chuyên gia Liên Xô, là những người ở quê nhà sống trong những điều kiện hết sức bình thường,*



Nhóm chuyên gia Xô — Việt nghiên cứu các tài liệu về tiềm năng dầu khí của thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Ngồi giữa là ông G. P. Ovanesov, bên phải là ông V. A. Yarmolyuk, sau lưng ông là ông Lê Văn Cự. Năm 1979

Ảnh tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

Ảnh tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

những tiện nghi sang trọng như vậy, với hy vọng rằng chúng ta sẽ trả ơn họ bằng cách «để ra» cho họ đánh giá thuận lợi về triển vọng ở thềm lục địa. Nhưng tôi phải nói rằng kể cả nếu họ bố trí chúng tôi sống trong những túp lều tồi tàn thì chúng tôi vẫn đưa ra đánh giá như vậy. Những gì mà người Mỹ và người Việt Nam đã nghiên cứu, thu thập và miêu tả chi tiết trong những bản tài liệu hết sức khoa học cho thấy rõ rằng, thềm lục địa ở đây có triển vọng lớn, trước hết là tiềm năng về dầu. Nếu chúng tôi cho các bạn xem tài liệu này thì các bạn cũng sẽ tin vào viễn cảnh của thềm lục địa Việt Nam.
Và quả thực trong những ngày tiếp theo, khi làm việc vai kề vai với tất cả các thành viên của nhóm chuyên gia và lắng nghe những ý kiến đầy uy tín của họ, ngay cả tôi, một người không phải là chuyên viên ngành dầu mỏ, cũng nhận ra rằng những khám phá to lớn đang chờ đợi Việt Nam ở phía trước.

Quan điểm thống nhất của các chuyên viên về tiềm năng lớn của thềm lục địa Việt Nam được hình thành sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng mặt cắt khảo sát địa chấn trên tổng chiều dài vài nghìn km, cũng như nghiên cứu mẫu lõi của 13 giếng sâu. <...> Trong số các cấu trúc địa vật lý được xác định, hấp dẫn nhất là cấu trúc có cái tên rất lạ lùng là «Bạch Hổ». <...>

Cùng làm việc với chúng tôi là các chuyên gia Việt Nam dưới sự chỉ đạo của kỹ sư địa chất trưởng của Tổng cục địa chất Lê Văn Cự. Một buổi tối, ông đã đưa ra một báo cáo thú vị về cấu tạo địa chất không riêng của Việt Nam, mà của toàn bộ khu vực Đông Nam Á. Ông nhấn mạnh rằng không chỉ trên thềm lục địa Việt Nam, mà còn trên toàn khu vực, các mỏ dầu được giới hạn trong các trầm tích lục nguyên cacbonat của tuổi Miocen. Và dầu paraffin có mặt ở khắp mọi nơi»¹.

Kết luận của Ủy ban do ông V. A. Yamolyuk lãnh đạo về thềm lục địa miền Nam Việt Nam có nội dung như sau:

1. Tiềm năng dầu khí của miền vông Hà Nội không cao, những mỏ khí đốt đã tìm thấy và thậm chí đã đưa vào vận hành quá nhỏ, khai thác không có hiệu quả. Nếu các giếng đang khoan không



Tướng Đinh Đức Thiện (đứng giữa) và cố vấn về dầu khí G. A. Kostromin (đeo kính tối màu) cùng với các chuyên gia Việt Nam trong chuyến tham quan giếng dầu Cửu Long — 1 ở đồng bằng sông Mê Kông

Ảnh tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

cho kết quả tích cực, thì không nên tiếp tục tiến hành các công việc khảo sát địa chất nữa.

2. Chỉ nên bắt tay vào khoan giếng ở vịnh Bắc bộ trong trường hợp nếu nghiên cứu địa vật lý biển cho thấy có những cấu trúc tiềm năng.

3. Thềm lục địa miền Nam Việt Nam xứng đáng được phát triển trong thời gian sớm nhất. Trữ lượng dầu tiềm năng lên đến hàng trăm triệu tấn, trong đó trữ lượng thu hồi ít nhất là 300 triệu tấn.

4. Chỉ nên quay lại việc đánh giá triển vọng của đồng bằng sông Mê Kông sau khi khoan giếng thứ hai (giếng khoan đầu tiên cho kết quả tiêu cực).

Ngày 1 tháng 12 năm 1979, Bộ Chính trị Ủy ban TƯ Đảng đã tổ chức một cuộc họp đặc biệt để thảo luận bản báo cáo của ông Đinh Đức Thiện về các cuộc đàm phán của ông tại Matxcova, cũng như kết quả công việc của các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam. Điểm chủ chốt là luận điểm cho rằng việc hợp tác với Liên Xô và sự tham gia của các nước thành viên khối SEV là «một biện pháp cần thiết để xây dựng một ngành dầu khí hoàn chỉnh và hài hòa». Sau cuộc thảo luận, ngày 17 tháng 12 năm 1979, Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Lê Duẩn đưa ra lời đề nghị chính thức với Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng Sản Liên xô L. I. Brezhnev về việc Việt Nam mong muốn Liên Xô giúp đỡ xây dựng ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam và khai thác mỏ dầu khí trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam².

Vào tháng 2 năm 1980, dựa trên kết quả công việc của nhóm chuyên gia do ông V. Yarmolyuk lãnh đạo, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô đã cùng với Bộ Địa chất Liên Xô, Bộ Công nghiệp Dầu khí, Bộ Công nghiệp Khí đốt và Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đề trình đề xuất lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về tính khả thi của việc hợp tác với Việt Nam nhằm khai thác tài nguyên dầu khí miền nam Việt Nam trên cơ sở thành lập doanh nghiệp Liên doanh, vì chỉ có hình thức này trong điều kiện thực tế của Việt Nam mới có thể đảm bảo việc thực hiện khối lượng công việc đồ sộ và cực kỳ khó khăn về mặt kỹ thuật, cũng như đòi hỏi chi phí đáng kể và thu hút số lượng rất lớn nhân lực và máy móc thiết bị.

Vào ngày 4 tháng 3 năm 1980, Tổng bí thư Trung ương Đảng CS Liên xô L. I. Brezhnev đã đáp lại lời yêu cầu của Tổng bí thư Lê Duẩn.

^[1] Yarmolyuk V. A. Chu du khắp các đất nước và các đại lục. Tr. 158; Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Mục 1. Hồ sơ 91118. Từ 32.

^[2] Yarmolyuk V. A. Chu du khắp các đất nước và các đại lục. Tr. 158–159.

^[3] Yarmolyuk V. A. Chu du khắp các đất nước và các đại lục. Tr. 165–166.

^[1] Yarmolyuk V. A. Chu du khắp các đất nước và các đại lục. Tr. 165–166.

^[2] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam T. 1. Tr. 190–191.



Các cuộc đàm phán giữa Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng Sản Liên xô L. I. Brezhnev và Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn. Năm 1981

Trích thư của Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên xô L. I. Brezhnev gửi Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn, ngày 4 tháng 3 năm 1980:

«Đồng chí Lê Duẩn kính mến, BCH Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết đã xem xét đề xuất của đồng chí trong bức thư ngày 17 tháng 12 năm 1979 về xây dựng ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam và vấn đề hợp tác song phương trong phát triển thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam.

Dựa trên những lợi ích quan trọng nhất của việc phát triển và khai thác dầu khí của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phía Liên Xô cho rằng trong năm nay các chuyên gia Liên Xô cần nghiên cứu cơ sở vật chất và kỹ thuật cụ thể để phát triển các mỏ dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, xác định một chương trình nghiên cứu thống nhất về địa vật lý và địa chất trong giai đoạn những năm 1981–1985»².

Vào đúng ngày hôm ấy, 4 tháng 3 năm 1980, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã ban hành nghị định về việc gửi một nhóm chuyên gia từ Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế, Bộ Công nghiệp đóng tàu Liên Xô, do Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô Y. V. Zaitsev dẫn đầu, đến miền Nam Việt Nam. Và đúng như lời cảnh báo của ông S. A. Orudzhev, để tránh «lãng phí tiền của», nhóm chuyên gia có nhiệm vụ thu thập thông tin để soạn thảo bản Nghiên cứu khả thi của hoạt động khai thác dầu khí trên thềm lục địa của miền Nam Việt Nam, về chương trình khảo sát kỹ thuật địa vật lý và địa chất trong giai đoạn 1981–1985.

Giai đoạn hai của hợp tác giữa Gazprom và Việt Nam đã bắt đầu như vậy!

Các đại diện của Liên Xô do ông Y. V. Zaitsev dẫn đầu đã đến Việt Nam nhiều lần để làm việc. Trong số đó có các nhà địa chất, nhà thiết kế và kỹ sư thủy lực nổi tiếng: O. O. Sheremeta, I. P. Zhabrev, G. P. Ovanesov, M. S. Skovorodkin, G. Z. Haskin, S. D. Mzareulyan, G. N. Belyanin và các những chuyên gia khác. Tham gia tích cực từ phía Việt Nam là Phó Thủ tướng Trần Quỳnh,

Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Tế, lãnh đạo công ty Technoimport Trần Hữu Lạc, Phó tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Phan Từ Quang, nhà địa chất Ngô Thường San, họ cũng đến Matxcova không chỉ một lần. Vào giữa tháng 4 năm 1980, ý tưởng thành lập một liên doanh Việt Xô trên cơ sở bình đẳng và hỗ trợ vốn vay cho phía Việt Nam đã chính thức được công bố. Ngày 17/4/1980, trong cuộc gặp gỡ với ông Y. V. Zaitsev và các chuyên gia, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phát biểu rằng «Với mục tiêu nhanh chóng tiến hành phát triển các mỏ dầu trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam, phía Việt Nam sẵn sàng tạm dừng khởi công xây dựng các công trình quốc gia khác để tập trung lực lượng vào vấn đề chính này»².

Vào ngày 29 tháng 4 năm 1980, Hội đồng tư vấn của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô do ông S. A. Orudzhev chủ trì đã nghe báo cáo của ông Y. V. Zaisev. Khác với các bản báo cáo khác được đưa vào chương trình nghị sự, bản báo cáo của ông Zaisev không được phiên tả và xem xét theo hình thức kín³. Viện «Gipromorneftegaz» của Baku được giao nhiệm vụ soạn thảo một «Nghiên cứu khả thi về tổ chức khai thác dầu và khí trên thềm lục địa miền Nam Việt nam cho đến năm 1990» (sau đây gọi tắt là TEO — 1980). Cơ sở của bản Nghiên cứu khả thi này là bản báo cáo của các nhà địa chất Việt Nam do ông Ngô Thường San làm chủ biên.

Trích hồi ký của ông Nguyễn Văn Đức, lãnh đạo nhóm tổng hợp thông tin địa chất và địa vật lý của Công ty Dầu khí số 2 trong giai đoạn các năm 1977–1981:

«Báo cáo này hoàn toàn do phía Việt Nam thực hiện, đây là nhiệm vụ của Tổng cục Dầu khí. Người đứng ra chủ biên báo cáo là ông Ngô Thường San. Ông muốn trình bày các kết quả nghiên cứu về thềm lục địa miền Nam Việt Nam của các công ty dầu mỏ các nước khác trong những năm 1975–1980, bao gồm tất cả các thông tin cần thiết, kể cả các con số tính toán trữ lượng dầu. Khoảng hai ba chục các nhà địa chất học và nhà địa vật lý học giỏi nhất Việt Nam đã tham gia vào việc biên soạn tài liệu này. Nhóm của tôi phải soạn thảo văn bản khung. Báo cáo này là cơ sở cho việc thành lập Bản

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 2815. Tờ 50.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 5716. Tờ 76, 102.

¹ Trích theo: Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 191.



Ông Nguyễn Văn Đức (giữa) trong thời gian thực tập tại Viện Nghiên cứu Sakhalin NIPInefti. 1977–1978 (Ảnh tư liệu cá nhân)



Những ghi chép trong sổ của ông Nguyễn Văn Đức có đánh dấu những khu vực, giếng khoan và đánh giá sơ bộ trữ lượng dầu sau này được đưa vào Luận chứng KTKT thành lập xí nghiệp liên doanh «Vietsovetpetro»

nghiên cứu khả thi mà chúng tôi lập ra cùng với các chuyên gia Liên Xô cho công việc tiếp theo trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam»¹.

* * *

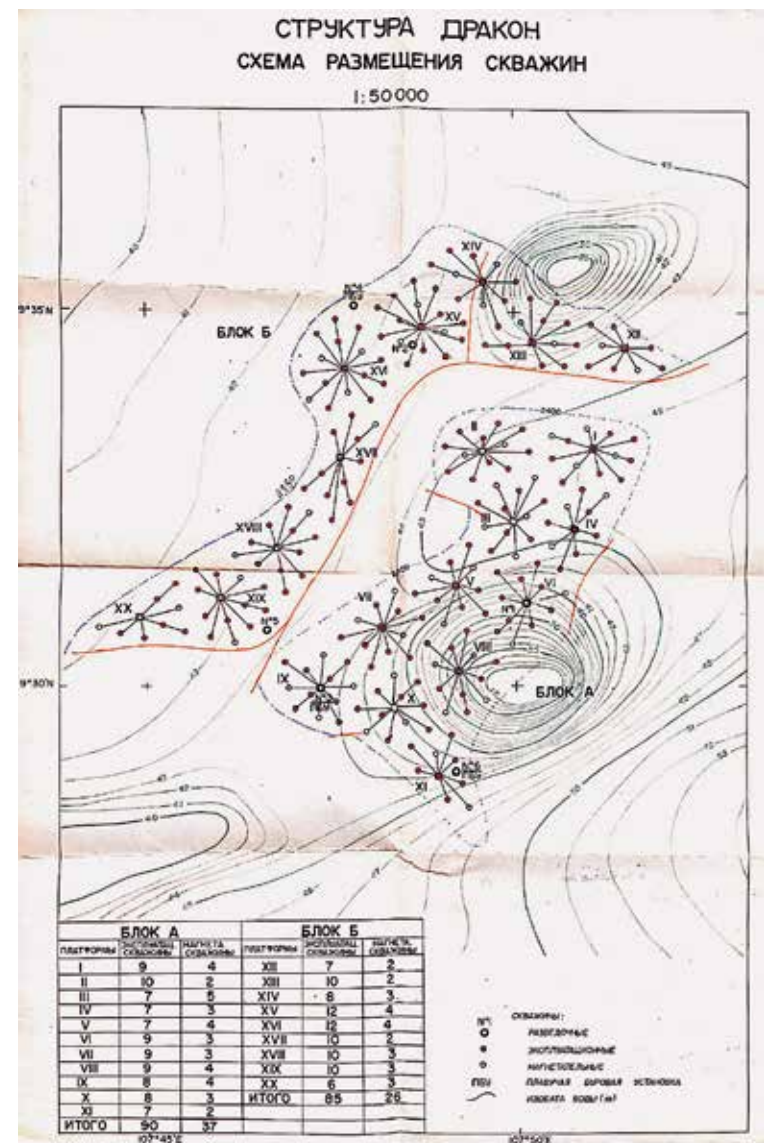
Trong giai đoạn chuẩn bị hợp đồng đã có một số đoàn sang Baku làm quen với việc khai thác dầu ngoài khơi, đứng đầu là ông Huỳnh Tấn Phát — Phó Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước, và ông Đinh Đức Thiện -Bộ trưởng phụ trách công tác dầu khí. Ngoài các chuyến tham quan đoàn đã tham gia các cuộc thảo luận về Luận chứng kinh tế kỹ thuật năm 1980 (LCKTKT — 1980), bản luận chứng đã được Ủy ban Xây dựng Nhà nước và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô thẩm định và chấp thuận, được Bộ công nghiệp khí Liên Xô thông qua ngày 08/8/1980 và sau đó chuyển giao cho phía Việt Nam phê chuẩn.

Theo LCKTKT-1980, vào năm 1990 trữ lượng dầu thu hồi trong khu vực này là 220 triệu tấn, khí đốt — 22 tỷ mét khối, sản lượng dầu khai thác hàng năm là 7,53 triệu tấn và khí đốt — 0,76 tỷ mét khối. Để đảm bảo mức này, kế hoạch đề ra khoan 31 giếng thăm dò và 295 giếng khai thác, xây dựng 29 giàn khai thác ngoài khơi và bảy giàn công nghệ. Chiều sâu trung bình của các giếng thăm dò dự kiến là 3250 mét, giếng vận hành — 2804 mét. Tổng vốn đầu tư xác định khoảng 2,22 tỷ rúp (hơn 3,4 tỷ đô la²), trong đó đầu tư vào các công trình xây dựng và lắp đặt là 541 triệu, giá thành sản xuất ra một tấn dầu được xác định là 32,44 rúp³. Theo tài liệu chuẩn bị cung cấp cho Ủy ban Nhà nước về Kinh tế đối ngoại Liên Xô, «các tính toán liên quan đã cho thấy hiệu quả kinh tế cao, kể cả đối với nền kinh tế quốc dân của Liên Xô lẫn quan hệ hợp tác trong thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam. Đồng thời, trước hết tính đến cả khả năng tạo ra cơ sở để trong tương lai đảm bảo nguồn cung ứng sản phẩm dầu mỏ sản xuất tại Việt Nam cho CHXHCN Việt Nam, CHDCND Lào và CHND Cam-pu-chia [chúng tôi nêu bật đoạn này — Chú thích của tác giả] (hiện tại chỉ

¹ Phỏng vấn ông Nguyễn Văn Đức, ngày 23 tháng 4 năm 2015, thành phố Vũng Tàu.

² Theo số liệu của Cơ quan đại diện thương mại Liên Xô tại Việt Nam tỷ giá đồng đô la trung bình năm 1980 là 1 USD tương đương 65,26 rúp chuyển đổi (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 413. Danh mục 32. Hồ sơ 1159. T. 500).

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6954. T. 1.



Sơ đồ bố trí thiết kế giếng và giàn khai thác cố định tự nâng MSP, được sử dụng khi lập Luận chứng kinh tế-kỹ thuật thành lập XNLĐ «Vietsovetpetro».

Tư liệu của Nguyễn Văn Đức

riêng cho Việt Nam đã cung cấp hơn 1,5 triệu tấn sản phẩm dầu mỏ mỗi năm)¹. «Hướng hợp tác này được phía Liên Xô đánh giá là nguồn thu ngoại tệ duy nhất có triển vọng để giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội ưu tiên của Việt Nam».

Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Trích tài liệu «Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của giai đoạn hoạt động đầu tiên, được quy định trong chương trình 1981–1985 đã được thỏa thuận (trên cơ sở Luận chứng kinh tế kỹ thuật do Bộ Công nghiệp khí lập cho giai đoạn đến năm 1990)»: «Toàn bộ dầu do Xí nghiệp liên doanh khai thác được chuyển cho Việt Nam theo giá xuất xưởng do các cơ quan có thẩm quyền của các Bên xác định trên cơ sở giá chi phí sản xuất sản phẩm và mức thỏa thuận về khả năng sinh lời, đảm bảo lập quỹ tài chính của XNLD, số lợi nhuận tự do còn lại chia cho các cổ đông với giá trị đảm bảo ít nhất 15% tổng vốn đầu tư mỗi năm. Để tính giá cơ sở các bên nhất trí căn cứ vào giá dầu do khối SEV dự báo cho năm 1986 là 176,8 rúp/tấn với mức tăng 5% kể từ năm 1983 đến hết năm 1991. Giá chi phí khai thác trong giai đoạn từ năm 1983 đến năm hết 1991 liên tục thay đổi, còn từ năm 1990 trở đi cố định ở mức 47,4 rúp/tấn. Như vậy giá xuất xưởng từ năm 1990 tối thiểu là 113 rúp/tấn (giá dự báo của khối SEV trong năm 1990 là 214,9 rúp/tấn). Mức lợi nhuận tự do còn lại của XNLD ít nhất phải đạt 66,2 rúp/tấn và được chia đều cho các Bên. Sản lượng dầu khai thác hàng năm từ năm 1990 ước đạt 7,5 triệu tấn. Theo tính toán của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, lợi nhuận của Liên Xô trong giai đoạn 1981–1990 sẽ là 1.972 triệu rúp chuyển đổi (2.465 triệu rúp), phía Việt Nam — 3.083 triệu rúp chuyển đổi (12.597 triệu đồng). Đồng thời trong việc phân tích hiệu quả đối với các tổ chức của Liên Xô đã không tính rằng trong xí nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở góp vốn ngang nhau thì mỗi cổ đông sở hữu một nửa giá trị các quỹ cơ bản liên tục được bổ sung của xí nghiệp liên doanh, cũng như yếu tố gây ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc dân của nguồn sản phẩm xăng dầu, loại nguyên liệu thực chất là cấp không hoàn lại cho Việt Nam (năm 1980 là gần 1,5 triệu tấn, cho tới năm 1990 dự tính cần khoảng 3–4 triệu tấn)».

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

* * *

Ngày 19 tháng năm 1980 tại một cuộc họp với E. I. Osadchuk, ông Tạ Hữu Canh — Tham tán Công sứ Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô đã bày tỏ quan điểm của Chính phủ Việt Nam «về sự cần thiết phải ký sớm một hiệp định nguyên tắc về hợp tác với Liên Xô trong thăm dò dầu khí trên thềm lục địa phía Nam Việt Nam, và thông báo rằng phía Việt Nam trong thời gian tới sẽ có ý kiến với Liên Xô ở cấp cao về những vấn đề nêu trên»³. Vào cuối tháng 6, Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam Trần Quỳnh đã đến Matxcova. Ông cũng truyền đạt mong muốn rằng trong cuộc gặp gỡ sắp tới sẽ ký kết được hiệp định nguyên tắc.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. T. 270.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. T. 270–271.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2921. T. 5.

Trích ghi chép tại cuộc nói chuyện của Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô E. I. Osadchuk với Bộ trưởng Trần Quỳnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước CHXHCN Việt Nam, ngày 24/6/1980: «Sau phần chào hỏi đ/c Trần Quỳnh thông báo rằng lãnh đạo Việt Nam đã giao cho đ/c ấy tham gia chuẩn bị cho cuộc gặp của lãnh đạo Liên Xô và Việt Nam. Đồng thời đồng chí ấy nói rằng phía Việt Nam mong muốn trong cuộc gặp này ký một thỏa thuận nguyên tắc về hợp tác thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam. Đ/c lưu ý rằng theo ý kiến của phía Việt Nam, thỏa thuận nên quy định nghĩa vụ của các bên, căn cứ vào thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, như đ/c giải thích. Phía Việt Nam sẽ đề xuất hình thức hợp tác hiệu quả nhất trong lĩnh vực nói trên trên cơ sở một xí nghiệp liên doanh giữa Việt Nam và Liên Xô. Trước khi lãnh đạo Việt Nam sang Liên Xô, phía Việt Nam mong muốn nhận được từ phía Liên Xô dự thảo thỏa thuận vừa nêu. Đ/c Trần Quỳnh cho biết, nếu cần thiết, ông sẽ triệu tập các đại diện bộ ngành và chuyên viên từ Việt Nam sang để đàm phán về thỏa thuận nguyên tắc và các vấn bản khác liên quan đến hợp tác dầu mỏ để có thể khởi động sự hợp tác này càng sớm càng tốt»⁴.

Các bộ ngành Liên Xô triển khai chuẩn bị những tài liệu cần thiết một cách tích cực. Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã đưa ra những chỉ thị liên quan cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Công nghiệp khí và Ủy ban Nhà nước về Knh tế đối ngoại. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của các cơ quan này, ngày 27/6/1980 Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã quyết định ký kết với phía Việt Nam hiệp định nguyên tắc về hợp tác thông qua việc thành lập xí nghiệp liên doanh (XNLD). Đoàn Chủ tịch ủng hộ bản dự thảo thỏa thuận do các đồng chí I. V. Arkhipov và N. K. Baibakov đệ trình, và ngày 30 tháng 6, dự thảo đã được chuyển cho đồng chí Trần Quỳnh để đại diện Chính phủ Việt Nam thảo luận.

Ngày mùng 3 tháng 7 năm 1980 tại Điện lớn Kremlin dưới sự chứng kiến của hai vị lãnh đạo nhà nước — Tổng Bí thư L. I. Brezhnev và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng A. N. Kosygin phía Liên Xô, Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng phía Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước của hai nước là N. K. Baibakov và Nguyễn Lam đã ký «Hiệp định về việc hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam». Đây là một thỏa thuận khung, xác định quan điểm nguyên tắc của hai nước.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Trích Hiệp định giữa Chính phủ LBCHXHCN Xô-viết và Chính phủ CHXHCN Việt Nam về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí tại thềm lục địa phía Nam CHXHCNVN, ký ngày 03/7/1980: «*Chính phủ LBCHXHCN Xô — Viết và Chính phủ CHXHCN Việt Nam, Xuất phát từ tình hữu nghị anh em và giúp đỡ lẫn nhau sẵn có giữa nhân dân Liên Xô và nhân dân Việt Nam. Xuất phát từ các nguyên tắc của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa LBCHXHCN Xô-viết và CHXHCN Việt Nam ngày 3/11/1978, Với lòng mong muốn phát triển hơn nữa sự hợp tác kinh tế và kỹ thuật giữa và Liên Xô và Việt Nam, Phù hợp với các nguyên tắc ghi trong Chương trình tổng hợp về tăng cường và hoàn thiện hơn nữa sự hợp tác và phát triển sự liên kết kinh tế XHCN giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế,*

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2921. T. 71.


Lễ ký Hiệp định liên chính phủ về hợp tác thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam. Matxcova. Đại điện Kremlin, ngày 03/7/1980.

Tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thế theo yêu cầu của Chính phủ CHXHCNVN, Đã thỏa thuận những điều dưới đây:
Điều 1
Chính phủ Liên bang CHXHCN Xô-viết và Chính phủ CHXHCN Việt Nam sẽ thành lập trên cơ sở ngang nhau một xí nghiệp liên doanh Việt — Xô về thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí tại thềm lục địa phía Nam CNXHCNVN, tại những vùng do phía Việt Nam xác định với sự tham gia của các tổ chức Liên Xô.
Điều 2
Chính phủ Liên bang CHXHCN Xô-viết thông qua các tổ chức hữu quan của Liên Xô sẽ đảm bảo thực hiện trong khuôn khổ xí nghiệp liên doanh nói ở điều 1 của Hiệp định này các công việc khảo sát địa vật lý tổng hợp, địa chất công trình, khảo sát thiết kế, việc cung cấp cho xí nghiệp liên doanh nói ở trên những thiết bị và vật liệu không có ở CHXHCNVN, cử chuyên gia Liên Xô và tiếp nhận các công dân Việt Nam sang học tại Liên Xô, cũng như việc thực hiện những công việc khác theo thỏa thuận giữa các tổ chức Liên Xô với xí nghiệp liên doanh.
Điều 3
Chính phủ CHXHCN Việt Nam thông qua các tổ chức hữu quan của Việt Nam sẽ bảo đảm thực hiện trong khuôn khổ xí nghiệp liên doanh nói ở điều 1 của Hiệp định này việc

cấp kịp thời các khu vực trên đất và ở dưới biển, việc cung cấp nước, năng lượng và vật liệu địa phương, việc cử đủ chuyên gia và công nhân VN cho xí nghiệp liên doanh, cũng như việc thực hiện các công tác chuẩn bị, xây lắp và các công việc khác theo thỏa thuận giữa các tổ chức VN với xí nghiệp liên doanh.

Phía Việt Nam sẽ bảo đảm an ninh để tiến hành các công việc trong khu vực hoạt động của xí nghiệp liên doanh»¹. Trong diễn văn chào mừng sự kiện này, Tổng Bí thư BCHTU Đảng Cộng sản Liên Xô L. I. Brezhnev đánh giá cao triển vọng hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam trong việc khai thác các mỏ dầu và khí ở thềm lục địa Việt Nam. «Dĩ nhiên công việc này đòi hỏi nhiều vốn, kể cả ngoại tệ. — Tổng Bí thư nói. — Nhưng đây là việc đáng làm. Sẽ là rất đúng nếu chúng ta dành cho công việc này sự ưu tiên, thậm chí so với các công trình khác xây dựng với sự giúp đỡ và hợp tác của Liên Xô»².

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2936. T. 6–7.

^[2] Lịch sử dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 194.

* * *

Theo các điều khoản của hiệp định ký ngày 3 tháng 7 năm 1980, tới cuối năm phía Liên Xô phải đưa ra các dự thảo hiệp định về việc thành lập một xí nghiệp liên doanh và điều lệ của tổ chức này. Ngày 31 tháng 12, những văn bản này, sau khi được thỏa thuận với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Kinh tế đối ngoại và Bộ Công nghiệp Khí Liên Xô, đã được trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Chúng bao gồm một loạt các biện pháp ưu tiên nhằm thúc đẩy việc khai thác thềm lục địa phía Nam Việt Nam.

Từ ngày 17 đến ngày 25 tháng 2 năm 1981, tại Vũng Tàu đã diễn ra các cuộc đàm phán thỏa thuận dự thảo hiệp định và điều lệ của xí nghiệp liên doanh trong tương lai. Đứng đầu phái đoàn về phía Liên Xô là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Kinh tế đối ngoại E. I. Osadchuk, phía Việt Nam là Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Hoàng Trọng Đại, dưới sự chỉ đạo chung của Phó Thủ tướng Trần Quỳnh. Ngay tại đây, trong quá trình đàm phán, hai bên đã thỏa thuận được những nét cơ bản của chương trình công tác trong giai đoạn đầu tiên, bao gồm các loại hình và khối lượng công việc chính mà xí nghiệp liên doanh và các đơn vị nhà thầu của hai nước phải thực hiện trong giai đoạn 1981–1985.

Ông Lê Văn Hùng, năm 1980–1981 là trợ lý Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí, nhớ lại: «*Tham gia vào đoàn đàm phán Hiệp định dầu khí Việt — Xô do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Quỳnh dẫn đầu có nhiều Bộ. Tại Tổng cục Dầu khí thì do Bộ trưởng Đinh Đức Thiện trực tiếp chỉ đạo, hầu hết các cục, các phòng của tổng cục đều tham gia đàm phán. Các giai đoạn đàm phán được tổ chức khi thì ở Nhà khách Chính phủ ở Hà Nội, khi thì tại Vũng Tàu. Mặc dù rất bận rộn nhưng Bộ trưởng Đinh Đức Thiện thường xuyên nhắc nhở nhân viên của Tổng cục Dầu khí cần phải tạo điều kiện ăn ở thuận lợi cho phái đoàn Liên Xô.*

Đầu năm 1981, cả hai bên trong đoàn liên chính phủ hàng tháng tiến hành đàm phán tại khách sạn Hòa Bình (Vũng Tàu), và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đúng ngày sinh nhật mừng 1 tháng 3 của mình đã đến thăm đoàn đàm phán trên tầng 8 của khách sạn Hòa Bình. Sau lần đến thăm của đồng chí Phạm Văn Đồng, những vấn đề chính liên quan đến Hiệp định liên chính phủ về cơ bản đã được giải quyết. Phía Liên Xô đề xuất cùng với việc ký kết Hiệp định dầu khí giữa hai nước nên ký ngay một hợp đồng để tàu địa chấn «Poisk» của Liên Xô thực hiện khảo sát địa chấn trong khu vực có triển vọng dầu khí. Phía Việt Nam cần chuẩn bị ngay các điều kiện cho tàu triển khai hoạt động.

Vào tháng 4 năm 1981, một một đoàn cán bộ liên hợp phía Liên Xô do Phó Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí biển O. O. Sheremet, phía Việt Nam do Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Phạm Văn Điều, đã đi khảo sát các điểm định vị ven biển. Một tình tiết éo le xảy ra khi đoàn tàu rời khỏi điểm định vị Khe Gà (hôm trước vừa bị sét đánh), thì tàu bị hỏng máy. Trong đêm tối, dân quân tỉnh Thuận Hải ngỡ chúng tôi là tàu di tản nên đã bắn rất nhiều — tưởng chừng tất cả chúng tôi sẽ chết. Đến sáng hôm sau mới được tàu cá của dân đưa vào cảng Hàm Tân (trong số những người trên con tàu đó hiện nay đang sống khỏe mạnh có nguyên Tổng giám đốc PetroVietnam Ngô Thường San và ông Huỳnh Bá Oai, cán bộ A17 [Bộ Công an] và tôi»¹.

¹ Lê Văn Hùng. Chuẩn bị thành lập Xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro // Tạp chí Dầu khí.

Sau khi các chuyên gia hoàn thành công việc, các đồng chí Trần Quỳnh và Hoàng Trọng Đại báo cáo riêng với Hội đồng do Chính phủ Việt Nam lập ra về dự thảo hiệp định thành lập liên doanh thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía nam đất nước và điều lệ của liên doanh. Như ông Trần Quỳnh thông báo cho ông E. I. Osadchuk, «với sự nhiệt tình và nhất trí cao, Hội đồng đã phê chuẩn dự thảo Hiệp định và Điều lệ»².

Vào mùa xuân năm 1981 ông Trần Quỳnh, người được phân công chịu trách nhiệm về dự án này, đã liên tục trao đổi thư từ với các đại diện chính thức phía Liên Xô là Yu. V. Zaitsev, E. I. Osadchuk và những người khác. Cùng lúc đó Ngân hàng Ngoại thương hai nước cũng tích cực thỏa thuận vấn đề hỗ trợ tài chính cho các giao dịch của xí nghiệp mới.

Tình hình kinh tế Việt Nam vào cuối thập kỷ 1970 — đầu thập kỷ 1980³

Nếu chỉ xem xét đơn thuần như một dự án kinh doanh thì thời điểm triển khai dự án kinh tế lớn này của Liên Xô — Việt Nam hoàn toàn không phải là thời điểm phù hợp. Nền kinh tế Việt Nam đang trong tình trạng khó khăn nghiêm trọng, nhiều hạng mục công nghiệp nặng được xây dựng vào những năm 1960 đã bị phá hủy. Máy bay Mỹ san bằng nhiều công trình tưới tiêu rất cần thiết cho nông nghiệp là ngành kinh tế chính của đất nước. Hàng nghìn người thất nghiệp ở miền Nam cần công ăn việc làm, khắp nơi lan rộng cái gọi là «bệnh xã hội»: bệnh lao, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh đau mắt hột, v. v... Tại thời điểm khó khăn này Đảng Cộng sản Việt Nam bắt tay vào giải quyết nhiệm vụ quan trọng và khó khăn là hội nhập miền Nam và phát triển kinh tế đất nước nhằm nâng cao phúc lợi cho người dân. Hy vọng lớn trong việc này liên quan đến nguồn tài nguyên trong lòng đất phía Nam.

Một thời gian ngắn sau khi thống nhất đất nước, mối quan hệ của Việt Nam với thế giới bên ngoài ngày càng xấu đi do các sự kiện ở nước láng giềng Campuchia. Sự khiêu khích đẫm máu của chế độ «Khor-me đỏ» của độc tài Pol Pot tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Long An và Tây Ninh liên tục diễn ra vào năm 1975, ý thức không mong muốn giải quyết xung đột thông qua đàm phán của chế độ này đã buộc lãnh đạo Việt Nam có hành động trợ giúp quân sự cho phe chống Pol Pot và đầu năm 1979 đưa quân vào nước này⁴. Điều này gây ra phản ứng tiêu cực từ các nước phương Tây, những nước chịu áp lực từ phía Mỹ, đã áp đặt lệnh cấm vận về quan hệ thương mại và kinh tế đối với Việt Nam và hạn chế một cách gay gắt viện trợ kinh tế sau khi ràng buộc điều kiện với những yêu sách về chính trị. Ngoài ra, việc quốc hữu hóa tư bản tư nhân ở thành phố Hồ Chí

² 2005. Số 8 (tiếng Việt).

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3146. T. 76.

³ Khi viết có sử dụng tư liệu ghi chép báo cáo do Cơ quan tham tán kinh tế thuộc Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam chuẩn bị và gửi về Phòng hợp tác kinh tế với các nước Đông Nam Á của UBND về quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô: Xây dựng công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam, tháng 12/1980 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2985. T. 215–233; Tư liệu về phát triển quan hệ kinh tế và kinh tế đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1976–1980, 1981; Lưu trữ như trên. Hồ sơ 3217, T. 136–142; Tình trạng hiện tại của cơ sở nhiên liệu năng lượng của Việt Nam, 1981 // Lưu trữ như trên. T. 157–163; Báo cáo của ban chuyên viên cố vấn cho Bộ trưởng Lao động Việt Nam năm 1981; Lưu trữ T. 177–201; Giá và định giá ở Việt Nam năm 1983 // Lưu trữ như trên T. 444–449.

⁴ Quan điểm chính thức của phía Việt Nam về lịch sử cuộc xung đột Việt Nam — Campuchia được nêu trong tài liệu của Vụ Thông tin báo chí BNG Việt Nam «Các sự kiện và tài liệu liên quan đến Campuchia Dân chủ vi phạm nghiêm trọng đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của CHXHCN Việt Nam», xuất bản vào tháng 1/1978 (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 5451. Danh mục 72. Hồ sơ 777. T. 47).



Xưởng sửa chữa nông cụ ở gần Hà Nội bị phá hủy
RIA Novosti



Bão lụt gây nhiều thiệt hại cho nền kinh tế Việt Nam
Ảnh tư liệu của S. G. Daumov



Những nhịp cầu bị bom Mỹ phá hủy
Ảnh tư liệu của M. B. Sneerson



Những khu phố bị phá hủy trong cuộc chiến chống Trung Quốc xâm lược. Lào Cai. 1979 *RIA Novosti*

Minh, chủ yếu là tầng lớp nhập cư từ Trung Quốc («Hoa kiều»), đã trở thành một cái cớ khiến quan hệ của nước này với nước cấp viện trợ kinh tế lớn thứ hai sau Liên Xô là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trở nên căng thẳng. Vào tháng 6 năm 1978, Trung Quốc đơn phương từ chối thực hiện nghĩa vụ trong các hợp đồng và triệu hồi chuyên gia của mình từ Việt Nam về nước, gây ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam. Còn một loạt vấn đề mâu thuẫn khác liên quan đến các quần đảo khác nhau ở Biển Đông (Biển Nam Trung Hoa), khu vực được coi là có khả năng chứa dầu và khí đốt mà cùng với Việt Nam, cả Philippines, Thái Lan, Campuchia và Trung Quốc đều tuyên bố có chủ quyền. Thêm vào đó, ngày 17 tháng 2 năm 1979, quân đội Trung Quốc đã xâm lược lãnh thổ các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam — Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai — vốn là nền tảng của ngành công nghiệp khai khoáng của nước này.

Nền kinh tế Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc. Kết quả việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai 1976–1980 cho thấy kế hoạch không đạt chỉ tiêu chủ yếu nào, kết quả nhìn chung chỉ đạt mức năm 1976. Thu nhập quốc dân năm 1980 tương đương 99,4% mức năm 1976, trong khi dân số hàng năm tăng 2,2%.

Trích ghi chép cuộc trò chuyện của Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. N. Inozemtsev với Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Việt Nam Trần Phương, ngày 30/9/1980: «Đ/c Trần Phương đã thông tin về những kết quả ban đầu phát triển nền kinh tế Việt Nam trong năm nay. Ông thông báo rằng năm nay họ đã không thể ổn định được tình hình trong nước, không đạt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu. Theo ước tính sơ bộ của Ủy ban Kế hoạch nhà nước CHXHCN Việt Nam, tổng sản phẩm quốc dân năm 1980 sẽ giảm 7% so với năm 1979, thu nhập quốc gia sẽ giảm 5–6%. Giá trị sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm nay giảm 15% so với cùng kỳ năm trước. Theo dự kiến, sự sụt giảm tuyệt đối trong sản xuất công nghiệp cả năm 1980 sẽ cao hơn 10% so với năm trước.

Giá trị vốn đầu tư năm 1980 dự kiến là 3,6 tỷ đồng, tức là xấp xỉ năm 1979, nhưng thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch. <...>

Theo tuyên bố của đồng chí Trần Phương, các đồng chí Việt Nam lo lắng nhất chuyện mức sống của người dân suy giảm liên tục. Nếu như trong 4 năm của kế hoạch 5 năm hiện tại, mức tiêu thụ bình quân đầu người về lương thực và hàng công nghiệp thiết yếu phân phối theo tem phiếu giảm 4%, thì vào năm 1980 — còn giảm thêm 6% nữa, nếu thống kê riêng đối tượng công nhân viên chức thì mức giảm thêm ấy thậm chí là 10%. Điều này gây ra những vấn đề chính trị trong nước»¹.

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo của CHXHCN Việt Nam, có khoảng 80% dân số cả nước tham gia. Điều kiện thời tiết bất lợi trong vài năm và đặc biệt là thiên tai năm 1978 đã gây thiệt hại khoảng 3 triệu tấn gạo, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế đất nước nói chung. Do dân số tăng nên sản lượng lương thực bình quân đầu người giảm từ 280 kg năm 1976 xuống còn 266 kg vào năm 1980. Khó khăn về lương thực thể hiện rõ nhất trước hết trong tầng lớp dân đô thị. Năm 1976–1980, thu nhập thực sự của công nhân viên chức giảm 40%.

Trong phát triển công nghiệp ghi nhận tình trạng lạc hậu nghiêm trọng. Trong bối cảnh sụt giảm chung về sản lượng công nghiệp vào năm 1980 so với những năm trước, sự sụt giảm rõ nét nhất trong sản xuất được ghi nhận ở các doanh nghiệp nhà nước lớn. Tình trạng này là do thiếu nguyên liệu, vật tư, năng lượng điện, phụ tùng thay thế, trong khi các doanh nghiệp nhỏ và tiểu thủ công nghiệp chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu địa phương nên ít nhiều còn duy trì được. Theo số liệu của Ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam, do thiếu nguyên liệu, vật tư và phụ tùng thay thế, nhiều xí nghiệp công nghiệp trong giai đoạn 1979–1980 chỉ hoạt động ở mức 30–50% công suất².

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 2810. T. 10.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3217. T. 136–138.

Ở phía bắc đất nước, có ba thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và kinh tế tư nhân. Ở phía nam là năm thành phần: nhà nước, tư bản nhà nước, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, tư bản và tư nhân. Tỷ trọng sử dụng người lao động lớn nhất là trong khu vực kinh tế tập thể hợp tác xã và kinh tế tư nhân, khu vực trong năm 1981 có hơn 16 triệu người lao động (trong khu vực kinh tế nhà nước chỉ có hơn 3 triệu người). Thu nhập thực tế của người lao động giảm dẫn đến tình trạng thất thoát nhân sự với số lượng lớn. Do vậy nên mặc dù nhà nước tập trung nỗ lực cho việc đào tạo công nhân, trong nước vẫn thiếu hụt một cách gay gắt nguồn lao động có tay nghề cao và dư thừa lao động không có chuyên môn. Ghi nhận tình trạng dịch chuyển lực lượng lao động từ khu vực kinh tế nhà nước sang kinh tế tập thể và từ khu vực kinh tế tập thể sang khu vực kinh tế tư nhân¹.

Nhà nước không có nguồn hàng hóa có thể đáp ứng nhu cầu của nhân dân ngay cả theo chế độ phân phối bằng tem phiếu. Liên quan đến việc không đủ thực phẩm để cung cấp theo chế độ tem phiếu, nhà nước buộc phải bù giá vào lương. Điều này đã dẫn đến tình trạng liên tục phải phát hành tiền và sự mất giá của tiền Đồng. Kết quả là, tỷ giá nội tệ được quy định năm 1981 (17 đồng cho 1 rúp chuyển đổi và 12 đồng cho 1 đô la Mỹ) nhanh chóng trở nên lỗi thời, và hai năm sau, theo số liệu của Ủy ban Vật giá nhà nước Việt Nam, tỷ giá hối đoái thực đã là 42 đồng cho 1 rúp chuyển đổi kể cả thuế kim ngạch và 29 đồng cho 1 rúp chuyển đổi chưa có thuế kim ngạch. Đồng thời trong tình hình đó tiền chủ yếu nằm trong túi tư thương, thợ thủ công và nông dân.

Tình trạng thị trường chợ đen dựa trên trộm cắp lan rộng trong cả nước, đặc biệt là ở miền Nam. Ở chợ đen có thể mua tất cả mọi thứ, thậm chí cả xăng dầu, thép cán, phân bón và các loại hàng hóa khác được nhập khẩu chủ yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa. Theo nhận định của Đại sứ quán Liên Xô, khoảng 20–30% hàng hóa từ các kho nhà nước đã được các tư thương mua để đầu cơ và bán lại với giá thị trường tự do.

Tính chất nhiều thành phần của nền kinh tế đã khiến cho việc điều tiết của nhà nước trở nên phức tạp. Nó dường như mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế, song lại không có hệ thống điều tiết và tính giá thành sản phẩm thống nhất trong nước. Các tỉnh, các bộ và thậm chí các doanh nghiệp cũng có thể tự ý tăng giá sản phẩm của họ. Khi không hoàn thành kế hoạch nhiều doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu sản phẩm hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm một cách giả tạo bằng cách tự ý tăng giá sản phẩm. Điều này đã tạo ra một bức tranh méo mó về tình hình kinh tế đất nước, dẫn đến tình trạng trong khu vực kinh tế nhà nước giá cả tăng không kiểm soát nổi, kéo theo sự tăng giá trên thị trường tự do, dẫn đến mất giá đồng nội tệ, tạo cơ hội cho tư thương và những nhân viên không trung thực ở khu vực kinh tế nhà nước lạm dụng và có những nguồn «thu nhập không do lao động». Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam thực tế không có bất cứ quyền gì có thể áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với những kẻ vi phạm chính sách giá của nhà nước một cách nghiêm trọng.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3247. T. 130.



Chợ vùng quê. Thập kỷ 1970 *Ảnh tư liệu của M. B. Sneerson*

Ông Bùi Hải Ninh, năm 1977–1980 là Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng Bộ Tài chính Việt Nam, năm 1980 là Phó Tổng giám đốc thứ nhất của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro nhớ lại: «*Trước khi chuyển sang ngành dầu khí, tôi đã làm việc rất lâu trong hệ thống Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam và xin nói rằng tình hình trước khi Vietsovpetro được thành lập rất khó khăn. Đất nước thực sự sống nhờ vào viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Tôi nhớ đồng chí Phó Thủ tướng phải làm việc với các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa và xin họ cấp viện trợ. Sau đó, chúng tôi xem ai hứa cấp bao nhiêu, rồi trên cơ sở những thỏa thuận đó chúng tôi mới có thể lập kế hoạch cho năm tới và tính toán sẽ phân bổ nguồn tiền đó như thế nào. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đều bị lỗ và nguồn tiền viện trợ được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp này, bởi vì không có những doanh nghiệp đó tình hình còn tệ hơn nữa. Tôi chịu trách nhiệm về ngành công nghiệp than và điện lực, tại thời điểm đó hai ngành này do cùng một bộ quản lý, họ cũng làm ăn thua lỗ và không thể tồn tại nếu không được trợ cấp»².*

Chính sách trong lĩnh vực đầu tư cơ bản từng có tác động đáng kể đến nền kinh tế cuối cùng hóa ra lại là sai lầm như ban lãnh đạo Việt Nam thừa nhận. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, dự kiến đầu tư 30 tỷ đồng (9,18 tỷ rúp) vào xây dựng cơ bản, tương đương 6 tỷ đồng (1,84 tỷ rúp) mỗi năm. Đó còn chưa tính đến thực tế cho đến năm 1975, do thiếu vật liệu xây dựng cơ bản — xi măng, cát, gạch, gỗ xây dựng, cũng như các đơn vị xây lắp không được cung cấp đủ máy móc, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, nên hàng năm chỉ thực hiện giải ngân được chưa đến 1 tỷ đồng (0,306 tỷ rúp). Kết quả là, thay vì kế hoạch đầu tư 30 tỷ, trong 5 năm đó chỉ giải ngân xấp xỉ một nửa — là gần 15 tỷ đồng. Chính vì lẽ đó nên một phần đáng kể vốn đầu tư cơ bản hàng năm đã bị chết cứng trong những hạng mục xây dựng dở dang. Trong bốn năm (1976–1979), chỉ hoàn thành xây dựng được 281 trong tổng số 774 hạng mục đề ra. Do vậy nên không chỉ Việt Nam, mà cả các đối tác thương mại nước ngoài — Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác hỗ trợ Việt Nam, đều bị thiệt hại nặng nề. Những vật tư thiết bị đồng bộ nhập khẩu sang không được cung cấp đầy đủ nguồn vật tư trong nước, tài chính và nhân lực; những thiết bị đắt tiền nằm chết dí trong những công trình «đắp chiếu» bị hao mòn rồi hết thời hạn sử dụng mà không mang lại

² Phỏng vấn ông Bùi Hải Ninh, 22/4/2015, Thành phố Vũng Tàu.



Vào cuối thập niên 1970 điện do các nhà máy nhiệt điện Uông Bí và Thác Bà sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu; sau khi đất nước Việt Nam thống nhất, Liên Xô đã giúp xây dựng một nhà máy thủy điện mới là Thủy điện Trị An
RIA Novosti

hiệu quả kinh tế như dự kiến¹. Tình hình hàng viện trợ gia tăng lại gặp phải thực tế năng lực bốc dỡ thông hàng của cảng biển rất yếu kém, tại cảng tàu chờ hàng chưa bốc dỡ nằm đợi cả dãy dài.

Một vấn đề lớn nữa là thiếu điện. Trong giai đoạn 1980–1981, lượng điện thiếu hụt hàng ngày là 300 MW, và sẽ còn thiếu gay gắt nữa khi có thêm những nhà máy xí nghiệp mới đi vào vận hành, như nhà máy xi măng Bỉm Sơn, nhà máy sản xuất động cơ diesel Gò Đầm. Tại thành phố Hồ Chí Minh, do thiếu điện nên các xí nghiệp công nghiệp nghỉ hoạt động 2–3 ngày một tuần. Việc thiếu điện có thể khắc phục được nếu không thiếu nhiên liệu, nhưng khối lượng nhập khẩu các sản phẩm đầu mỏ hàng năm (năm 1980 nhập 1.750.000 tấn) hầu như không đáp ứng nhu cầu vận tải, xây dựng cơ bản và các nhà máy xí nghiệp. Lãnh đạo Việt Nam liên tục phải đối mặt với vấn đề làm thế nào để phân phối nhiên liệu và nguồn năng lượng điện sản xuất ra cho thật tối ưu. Phát biểu tại một hội nghị của ngành điện ngày 03/10/1981, đồng chí Võ Nguyên Giáp lúc bấy giờ là Ủy viên Bộ Chính trị TƯ ĐCSVN nói rằng nếu được cung cấp điện đầy đủ, thì với năng lực sản xuất của mình, các nhà máy xí nghiệp khi ấy có thể tạo ra lượng sản phẩm gấp đôi sản lượng thực tế tại thời điểm đó.

Tình hình quốc tế cũng không giúp ích được nhiều cho dự án. Việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai của Việt Nam đã diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc vẫn tiếp tục những hành động thù địch cho đến tận đầu những năm 1980. Theo số liệu của phía Việt Nam, thiệt hại vật chất trực tiếp của đất nước khi phải gánh chịu hành động xâm lược của Trung Quốc ước tính khoảng 2 tỷ đồng, còn các vụ khiếu khích quân sự trên biên giới từ phía Campuchia làm Việt Nam «tổn phí» khoảng 1 tỷ. Việc duy trì lực lượng quân đội hạn chế tại Campuchia và Lào cũng tốn nhiều nguồn lực. Ngoài ra, các nước phương Tây theo bước Mỹ cũng áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế (cấm vận cung cấp hàng hóa) đối với Việt Nam, và số lượng đối tác quốc tế của đất nước bị thu hẹp đáng kể. Sau khi đưa quân vào Afghanistan vào tháng 12/1979, Liên Xô cũng bị Mỹ cấm vận kinh tế. Do công việc khai thác thêm địa đồi hỏi phải sử dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại, mà Mỹ lại đi đầu trong lĩnh vực này, nên lệnh cấm vận cung cấp thiết bị dầu khí đã gây khó khăn đáng kể cho việc thực hiện dự án liên doanh.

Tuy nhiên, Việt Nam lúc đó, theo cách nói hình tượng của Tổng Bí thư BCHTW Đảng Cộng sản Liên Xô L. I. Brezhnev, vẫn là «tiền đồn đáng tin cậy của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á». Vào ngày 29 tháng 6 năm 1978, CHXHCN Việt Nam trở thành thành viên của một cộng đồng kinh tế xã hội thống nhất — Hội đồng Tương trợ kinh tế.

Nói chung, tính tổng hợp mọi yếu tố, trước khi đầu tư nguồn lực đáng kể vào nền kinh tế Việt Nam, bất kỳ đối tác tiềm năng nào cũng phải cân nhắc mọi thứ rất nghiêm túc. Không phải vô cớ mà không một công ty dầu mỏ nào đã ký thỏa thuận với Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam lại tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp ở Vũng Tàu hay bất cứ nơi nào khác trong nước, mà lại lựa chọn đặt cơ sở ở Singapore. Ngay cả các nước xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu cắt giảm những dự án dài hạn của họ ở Việt Nam.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. T. 445–446.

Trích ghi chép cuộc trò chuyện của Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. N. Inozemtsev với Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Việt Nam Trần Phương, ngày 30/9/1980: «Đ/c Trần Phương lưu ý rằng, theo ý kiến của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam, trong giai đoạn 1981–1982 không chắc tình trạng kinh tế sẽ được cải thiện. Hơn thế, năm 1981 một loạt các chỉ tiêu chủ yếu sẽ còn tiếp tục sụt giảm. Bộ Chính trị BCHTƯ ĐCSVN đã đồng ý với đề xuất của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam về việc cần tạm ngưng thi công một số hạng mục trong tình hình hiện tại, bao gồm cả những hạng mục được xây dựng với sự hỗ trợ của Liên Xô. Các đồng chí Việt Nam cho rằng trong những năm tới không cần phải tăng nguồn cung cấp máy móc và thiết bị sang Việt Nam, cụ thể là xe tải, máy kéo, thép cán, ngoại trừ thép tấm để đóng tàu cá, bông và một số hàng hóa khác. Đ/c Trần Phương nhấn mạnh tầm quan trọng to lớn của việc hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô trong thăm dò và khai thác dầu khí. Vì vậy ông đã đồng ý với đề nghị của chúng tôi tiến hành cuộc tham vấn tiếp theo của các cơ quan lập kế hoạch của hai nước sau khi hoàn tất đàm phán về vấn đề dầu mỏ»¹.

Giai đoạn tham vấn và đàm phán đã kết thúc, đã đến lúc có những bước đi cụ thể để giúp đỡ Việt Nam khai thác thềm lục địa nước này.

Ngày 19 tháng 6 năm 1981

Ngày 18 tháng 7 năm 1980 là tròn 25 năm quan hệ hợp tác kinh tế giữa Liên Xô và Việt Nam. Sự kiện này vô cùng có ý nghĩa đối với cả hai nước.

Trích điện chúc mừng của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Lam gửi Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. K. Baybakov, ngày 21/7/1980: «*Nhân dịp 25 năm ngày ký Hiệp định hợp tác kinh tế giữa CHXHCN Việt Nam và LBCHXHCN Xô-viết tôi xin gửi đến Đồng chí lời chúc mừng nồng nhiệt. Trong 25 năm qua, quan hệ kinh tế, thương mại, khoa học và kỹ thuật giữa hai nước không ngừng phát triển và mở rộng. Với tất cả tấm lòng, Liên Xô đã và đang giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước trước đây và chống chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc Kinh. Hiện nay, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên Xô đang phát triển từng ngày trên quy mô lớn hơn, mình chứng cho điều đó là việc ký kết thỏa thuận thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Việt Nam gần đây»².*

Qua lịch sử hợp tác lâu dài này chúng ta đã có được kinh nghiệm hợp tác to lớn, việc hai nước xích lại gần nhau về chính trị đã giúp hiểu rõ hơn những khó khăn kinh tế của Việt Nam, đất nước thực sự rất cần sự giúp đỡ. Song sự giúp đỡ này, theo nhận

định của các nhà lãnh đạo hai nước, cần có tính chất hệ thống, tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chiến lược. Trong trường hợp này, nhiệm vụ không chỉ là tìm kiếm và khai thác dầu, mà còn là xây dựng nên ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh trong nước.

Nguyễn Phó Chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về Kinh tế đối ngoại Liên Xô E. I. Osadchuk nhớ lại: «*Mặc dù nói chung đất nước chúng ta có kinh nghiệm khổng lồ tích lũy được đến thời điểm đó về hợp tác kinh tế quốc tế hiệu quả với nhiều nước, trong đó có lĩnh vực công nghiệp dầu khí, song tất cả chúng tôi, những chuyên gia trong ngành và chuyên gia về quan hệ kinh tế đối ngoại, với tất cả trách nhiệm đều nhận thức được rằng hình thức hỗ trợ kỹ thuật cổ điển, được chấp nhận rộng rãi thật ra không thể chấp nhận được cho một dự án như vậy. Nói một cách hình tượng, theo sự khẳng định của chúng tôi, hình thức đó sẽ dẫn đến việc nguồn tài chính và vật chất khổng lồ, công sức to lớn không thể hình dung được của hàng nghìn hàng nghìn đơn vị và con người của cả hai bên đơn giản sẽ bị «quẳng» xuống biển. Một công việc như vậy đòi hỏi phải có một hình thức sử dụng kinh phí và hợp tác thực sự có trách nhiệm của tất cả các lực lượng, cũng như dành cho người thừa hành quyền tự do cần thiết để nhanh chóng thông qua và thực hiện những giải pháp cấp bách mà không cần những hình thức quan liêu rườm rà và hệ thống thủ tục kinh tế đối ngoại máy móc không cần thiết trong việc này»³.*

Trên toàn thế giới vào thời điểm đó cũng đang tìm kiếm những hình thức hợp tác quốc tế cùng có lợi. Như đã nói ở trên, Việt Nam đã tiến hành một cuộc tìm kiếm như vậy, và các quốc gia khác, cả tư bản lẫn xã hội chủ nghĩa, cũng đang làm đúng như thế. Liên Xô trong quan hệ với các nước tư bản phát triển thực hiện hình thức gọi là hiệp định bù trừ, khi các nhà đầu tư từ các nước khác đầu tư vào các xí nghiệp ở Liên Xô và nhận tiền thanh toán bằng chính sản phẩm của các xí nghiệp đó. Quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam cũng phát triển theo cùng kịch bản như vậy. Tuy nhiên, như các chuyên gia của Liên Xô nhấn mạnh, hình thức này mặc dù hiệu quả, nhưng thật ra chỉ là «áp dụng một lần công nghệ tiên tiến của nước ngoài, chủ yếu là trong giai đoạn đầu thực hiện hợp đồng. Trong suốt thời gian còn lại xí nghiệp vẫn sản xuất dựa trên hạ tầng kỹ thuật cũ. Chính từ thực tế này mà nảy sinh những tiền đề dẫn đến tình trạng lạc hậu trong việc áo dụng các mô hình kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nhất»⁴. Con đường thoát khỏi tình trạng này đã được tìm ra trong việc thành lập những cơ cấu được gọi là «joint ventures» — «các liên doanh».

Trích báo cáo phân tích của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô «Hợp tác công nghiệp Đông — Tây trên cơ sở sản xuất liên doanh», năm 1980: «*Theo ý kiến của một số chuyên gia Liên Xô, việc phối hợp với các công ty phương Tây để sản xuất thành phẩm có thể được thực hiện trên cơ sở những giao dịch trong thực tiễn quốc tế có tên là «joint venture» — liên doanh sản xuất và tiêu thụ. <...> Có cơ sở sản xuất chung, việc cả hai đối tác đều gánh chịu rủi ro của doanh nghiệp, thu nhập của họ phụ thuộc vào việc mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao tính hiệu quả hoạt động, tạo ra các yếu tố cần thiết để cùng kiểm soát chất lượng sản phẩm,*



Các «Lão tướng» của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro: N. K. Baibakov (ảnh bên phải) ký hiệp định liên chính phủ về hợp tác tìm kiếm dầu, khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam, K. F. Kaitushev (ảnh bên trái) ký hiệp định thành lập XNLD Vietsovpetro

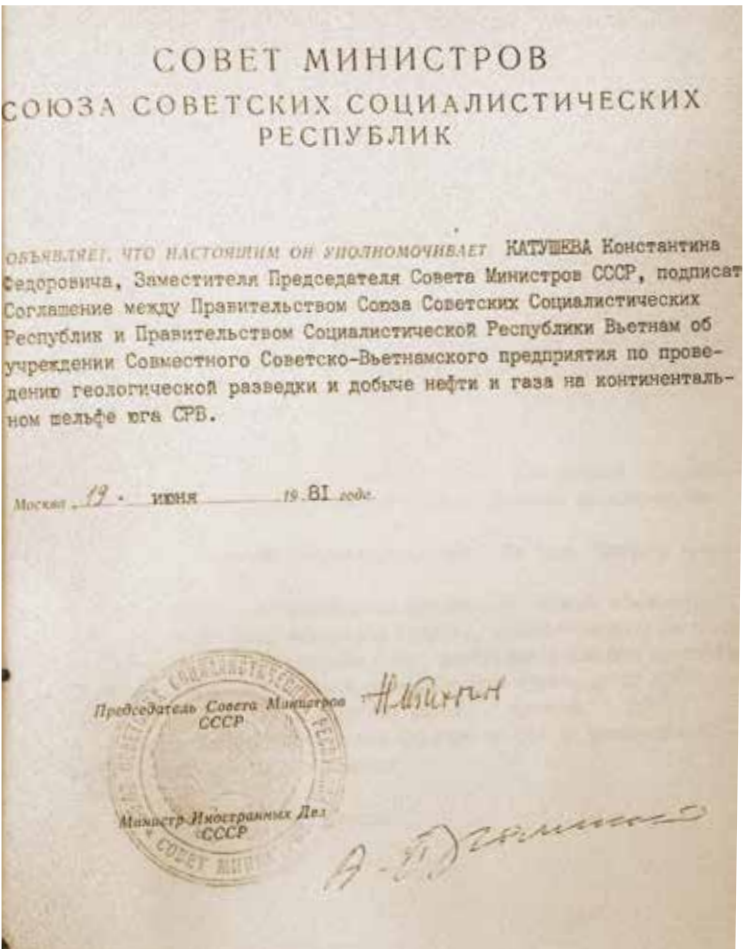
Văn phòng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại thành phố Vũng Tàu, Việt Nam

và cuối cùng, là liên tục hiện đại hoá công nghệ được áp dụng trong sản xuất — đó là những nét nổi bật chính của hình thức hợp tác này»¹. Về thực tiễn thành lập xí nghiệp liên doanh, một nghiên cứu về hợp tác công nghiệp giữa các nước thành viên của Ủy ban kinh tế châu Âu (ECE) lưu ý rằng: «Xí nghiệp liên doanh liên quan ở các mức độ khác nhau đến việc cùng quản lý, cùng sở hữu vốn và cùng chia sẻ lợi nhuận và rủi ro. Khi ấy mới chỉ có Nam Tư, Romania và Hungary là các nước xã hội chủ nghĩa duy nhất cho phép thành lập liên doanh trên lãnh thổ của họ theo những điều kiện đặc biệt. Tuy nhiên ở Ba Lan lại nghiên cứu những hình thức liên doanh mới, trong đó quyền sở hữu thuộc về một bên, nhưng cả hai bên đều tham gia vào việc quản lý, chia sẻ lợi nhuận và rủi ro». Theo đánh giá của các chuyên gia ECE, «*hợp tác công nghiệp dưới hình thức liên doanh sản xuất đang trở thành một nhân tố ngày càng quan trọng trong hợp tác kinh tế giữa các đối tác phương Đông và phương Tây. Hợp tác sản xuất trên cơ sở chuyên môn hóa trong sản xuất sản phẩm là hình thức hợp tác được lựa chọn trong một số lượng lớn các hợp đồng được ký kết»².*

Liên Xô đã đề xuất áp dụng với Việt Nam mô hình tương tự để khai thác thềm lục địa nước này. Hình thức này là mới, và trên thực tế, cũng giống như bất kỳ hình thức nào khác — hợp đồng bù trừ hay hợp đồng chia sản phẩm, dĩ nhiên nó đòi hỏi sự hoàn thiện của riêng mình, nhưng trong điều kiện khủng hoảng khi ấy không còn thời gian, do đó chính phủ hai nước quyết định thành lập một «venture» Xô — Việt về thăm dò và khai thác dầu, khí trên thềm lục địa phía Nam Việt Nam.

* * *

Sáng sớm ngày 17 tháng 6 năm 1981 có một chuyến bay từ Hà Nội của hãng hàng không Aeroflot đáp xuống sân bay Sheremetyevo. Trên chuyến bay là phái đoàn Việt Nam do Phó Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam Trần Quỳnh dẫn đầu. Ra sân bay đón các vị khách có: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô K. F. Katushev, E. I. Osadchuk, Yu. V. Zaitsev và những cán bộ khác của các bộ ngành liên quan đến việc ký kết hiệp định.





Đồng chí Nguyễn Cơ Thạch trong buổi hội đàm với đồng chí A. N. Kosygin. Ngày 26/6/1981
Tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam

Tiếp sau hiệp định trên, trong ngày hôm đó, 19 tháng 6, đã ký kết một văn bản quan trọng khác, thường không được công bố rộng rãi. Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về Kinh tế đối ngoại S. A. Skachkov và Thứ trưởng Bộ Công nghiệp khí Yu. V. Zaitsev phía Liên Xô, và đồng chí Trần Quỳnh Phó Thủ tướng, đồng chí Nguyễn Hòa Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí phía Việt Nam đã ký kết một nghị định thư đặc biệt («Nghị định thư của Hiệp định về việc thành lập Xí nghiệp liên doanh Việt — Xô tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí ở thềm lục địa phía Nam CHXHCN Việt Nam ký ngày 19/6/1981»), ấn định việc Liên Xô cấp cho Việt Nam một khoản tín dụng trị giá 300 triệu rúp. Phụ lục của Nghị định thư là «Chương trình tiến hành thăm dò địa chất và khảo sát địa chất công trình tổng hợp tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam giai đoạn 1981-1985» (Sau đây gọi tắt là «Chương trình-1985»).

Trích «Chương trình tiến hành thăm dò địa chất và khảo sát địa chất công trình tổng hợp tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam giai đoạn 1981-1985»:

«Những nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình là:
— Tiến hành khảo sát tổng hợp địa vật lý và địa chất công trình tại các khu vực số 09 và 16;
— Khoan các giếng thăm dò và giếng vận hành sớm từ giàn khoan nổi và giàn cố định, tiến hành vận hành công nghiệp thí điểm tại mỏ Bạch Hổ để sơ bộ đánh giá trữ lượng dầu và khí, lập sơ đồ công nghệ khai thác mỏ này năm 1983, hoàn thành công việc thăm dò và phê duyệt trữ lượng khai thác công nghiệp năm 1985;
— Khoan giếng thăm dò tại cấu tạo Rồng với mục đích đánh giá sơ bộ trữ lượng dầu năm 1985;
— Khoan giếng thăm dò tại các cấu tạo khác của lô 9 và 16;
— Xây dựng ra các cơ sở sản xuất để đảm bảo thực hiện khối lượng khoan ngoài khơi, gia công và lắp ráp các giàn cố định ngoài khơi;

— Thực hiện công việc khảo sát thiết kế tổ hợp, nghiên cứu khoa học và chế tạo — thử nghiệm.
Chương trình cũng đặt kế hoạch trong giai đoạn 1981-1985 thực hiện công việc nghiên cứu địa vật lý tổ hợp tại vùng biển của Vịnh Bắc Bộ và bồn trũng Thái Lan ở thềm lục địa Việt Nam»¹.

«Chương trình-1985» nêu ra những công việc chủ yếu sau đây cần được thực hiện:

1. Công tác địa vật lý tổ hợp (theo vùng, tìm kiếm, chi tiết — gần 57 nghìn km);
2. Nghiên cứu địa chất công trình (đo biên độ địa chấn và đo độ sâu từ tín hiệu dội — 10 nghìn km, khoan 1 nghìn giếng nhỏ độ sâu dưới 5 mét, giếng);
3. Khoan địa chất công trình (130 giếng khoan với tổng số mét khoan là 10.250 mét);
4. Khoan tìm kiếm thăm dò (12 giếng với tổng mét khoan là 37.500 mét, xây dựng 3 giàn khai thác cố định ngoài khơi);
5. Thử nghiệm vận hành giếng khoan công nghiệp (20 giếng vận hành với tổng mét khoan là 62 nghìn mét);
6. Tổ chức thí điểm khai thác công nghiệp mỏ (bổ trí);
7. Xây dựng căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ tại thành phố Vũng Tàu để phục vụ các công trình ngoài khơi;
8. Xây dựng mạng và mạng truyền thông bên ngoài;
9. Xây dựng các công trình không mang tính chất sản xuất;
10. Vận chuyển và tiếp nhận hàng hoá;
11. Công tác nghiên cứu khoa học và chế tạo thử nghiệm;
12. Đào tạo cán bộ.

Chương trình nêu rõ khối lượng, thời hạn, đơn vị thực hiện là xí nghiệp liên doanh hoặc các nhà thầu².

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6594. T. 25.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6594. T. 23-24.



Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng (ngồi quay lưng ngoài cùng bên trái) nghe báo cáo của Thứ trưởng Bộ Công nghiệp khí Liên Xô Yu. V. Zaitsev (người đứng cầm giấy thuyết minh) về Luận chứng kinh tế kỹ thuật về xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro

Tổng số vốn đầu tư để thực hiện «Chương trình 1985» ước tính khoảng 970 triệu rúp (gần 1,5 tỷ đô la Mỹ), trong đó giá trị thiết bị vật liệu cung cấp và cử chuyên gia Liên Xô là 372 triệu rúp, công việc do các tổ chức Liên Xô thực hiện theo các hợp đồng thầu là 354 triệu, do các tổ chức Việt Nam thực hiện (vật liệu địa phương, nhân công, nhà ở, dịch vụ, nội tệ, v. v...) là 130 triệu.

Cổ phần của Liên Xô trong tổng vốn đầu tư thực hiện «Chương trình 1985» là 485 triệu rúp (970:2 = 485), tín dụng cấp cho Việt Nam lên đến 360 triệu, bao gồm tín dụng nhà nước tới 300 triệu và tín dụng bằng ngoại tệ tới 60 triệu rúp¹.

Trong đó cần nhấn mạnh rằng một số vấn đề của hiệp định ký ngày 19 tháng 6 năm 1981 đã không được giải quyết, nên sau đó nảy sinh những khó khăn nhất định trong việc diễn giải một số mục trong hiệp định, khiến những người viết lịch sử ngành dầu khí Việt Nam gọi hiệp định đó là «không công bằng»².

* * *

Giai đoạn từ sau khi Việt Nam thống nhất cho đến khi ký kết Hiệp định về việc thành lập Xí nghiệp liên doanh Việt — Xô tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí ở thềm lục địa phía Nam CHXHCN Việt Nam ngày 19/6/1981 là giai đoạn quan trọng nhất trong lịch sử của ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam, cũng như trong lịch sử hợp tác dầu khí giữa hai nước. Trong giai đoạn này, Tổng cục Dầu mỏ và khí đốt CHXHCN Việt Nam được thành lập trên cơ sở Liên đoàn địa chất 36. Các tổ chức quân đội và các tổ chức đảng đều tham gia vào việc xây dựng ngành công nghiệp này, lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm từ đơn vị của mình để xây dựng cơ quan mới.

Sau 20 năm cùng tìm kiếm dầu mỏ và khí đốt ở đồng bằng sông Hồng, trong những năm tháng này đã hình thành một hình

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. T. 260.

² Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 203.

Công ty Gazprom của Liên Xô và khởi đầu quá trình khai thác dầu quy mô công nghiệp ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 1981, một bản tài liệu được mang tới bàn làm việc của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov. Đó là báo cáo của Thứ trưởng thứ nhất Bộ công nghiệp khí đốt Liên Xô Y. V. Zaisev, Phó Chủ tịch Ủy ban Kinh tế đối ngoại nhà nước E. I. Osadchuk và Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp đóng tàu Liên Xô I. S. Belousov. **«Căn cứ vào điều khoản 8 của Nghị quyết Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ký ngày 12 tháng 2 năm 1981, Bộ công nghiệp khí đốt đã gửi cho Ủy ban Nhà nước Vật chất và Kỹ thuật bản danh sách các thiết bị cần thiết để trang bị cho hai khối-module dàn khoan cố định ngoài khơi của Việt Nam do Bộ Công nghiệp đóng tàu Liên Xô đang xây dựng. Ủy ban Nhà nước Vật chất và Kỹ thuật từ chối cấp một loạt thiết bị trong năm 1981, vì thiếu các thiết bị này nên việc xây dựng hai khối module không thể hoàn thành được — các lãnh đạo của «dự án Việt Nam» viết. — Bộ Công nghiệp Khí đốt, Bộ Công nghiệp Đóng tàu và Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước đề nghị ông chỉ thị cho Ủy ban Nhà nước Vật chất và Kỹ thuật trong năm 1981 cung cấp cho Bộ Công nghiệp khí đốt các thiết bị này bằng cách phân bổ lại thiết bị từ các bộ ngành khác hoặc bằng cách vượt kế hoạch sản xuất, bản danh sách thiết bị được gửi kèm theo đây. Ngoài ra còn cần hai cần cẩu bánh xích KS-8161 trọng tải 100 tấn để lắp ráp các giàn khoan trên biển ở Việt Nam»¹.** Đính kèm theo tài liệu là hai trang danh sách các thiết bị còn thiếu, chủ yếu là thiết bị của các xí nghiệp thuộc Bộ chế tạo máy hóa chất Liên Xô.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 140. Hồ sơ 1360. Tờ 98.

Tất cả những quyết định cần thiết về việc khai thác thềm lục địa ở Việt Nam đã được thông qua ở cấp độ chính trị cao nhất, chỉ còn việc tháo bánh đà và hướng cơ chế kinh tế tới việc thực hiện những quyết định này. Vì vậy, sau khi đọc xong tài liệu, ông Ivan Vasilevich đã viết chỉ thị cho Ủy ban nhà nước Vật chất và Kỹ thuật: «Yêu cầu xem xét cùng với Ủy ban kinh tế đối ngoại, Bộ Công nghiệp Khí đốt và Bộ Công nghiệp Đóng tàu, tìm giải pháp dựa trên khả năng có thể».

Tưởng như lời đề nghị đã được đáp ứng. Nhưng hình như có điều gì đó khiến cho ông Arkhipov bỗng nhiên dừng lại. Ông, cũng như Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước Baibakov là «cha đỡ đầu» của dự án này, là dự án có quy mô tầm cỡ phương Tây. Chính vì thế, ông và ông N. K. Baibakov đã ký văn bản đề nghị, nêu lên sự cần thiết phải trợ giúp Việt Nam trong việc khai thác thềm lục địa, và giờ đây, uy tín của họ cũng bị đe dọa.

Ông Ivan Vasilevich là người từng làm trong hệ thống của Ủy ban Kinh tế đối ngoại trước khi tham gia chính phủ, ông rất am hiểu về các nước khu vực Đông Nam Á. Vào thời kỳ những năm 50, ông từng được bổ nhiệm làm cố vấn kinh tế cho đại sứ quán ở Trung Quốc (Liên Xô viện trợ cho Việt Nam thông qua con đường Trung Quốc), còn vào những năm 60 ông là Phó chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại và đảm trách việc cung cấp thiết bị dầu khí cho khu vực sông Hồng. Với tư cách là «Phó Thủ tướng», ông đã có một thời gian dài lãnh đạo bộ phận Liên Xô thuộc Ủy ban liên chính phủ về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa hai nước. Tầm cỡ của dự án mới, được nhân lên nhiều lần bởi khoảng cách nhiều ngàn cây số, cộng với những thủ tục quan liêu lê thê và tình trạng thiếu thốn vật chất kỹ thuật của đối tác không cho phép còn chút thời gian nào để khởi động hay nhầm lẫn. Và bản thân quỹ thời gian cũng rất ít ỏi, vì căn cứ vào «Chương trình năm 1985» thì năm 1983 đã phải nhận được lô dầu đầu tiên ở thềm lục địa Việt Nam. Nói tóm lại, sau khi đọc kỹ lần nữa chỉ thị của mình, ông Arkhipov đã gạch cùm từ «theo khả năng của mình» và chỉ còn để lại đoạn «tìm giải pháp»!¹

Khởi động dự án Việt-Xô

Đó là lần thứ ba Gazprom tới Việt Nam, sau lần thiết kế trạm đầu mỏ vào đầu những năm 60 và khởi công xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu Bài Châu-Phủ Lý vào cuối những năm 60-đầu những năm 70. Tuy nhiên xét về quy mô, khối lượng công việc dự kiến, mức độ kỹ thuật và công nghệ cũng như về tổ chức sản xuất thì dự án Việt — Xô về tìm kiếm và khai thác dầu ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam là dự án đặc biệt không chỉ đối với Việt Nam, Liên Xô, mà có lẽ là đối với cả thế giới. Nhưng có lẽ sẽ là không chính xác khi gọi ngày khởi công dự án này là 19 tháng 6 năm 1981. Mặc dù văn bản chính thức về việc thành lập XNLD còn đang trong quá trình soạn thảo dang dở, các phái đoàn hai nước vẫn đang đi lại với nhau để bàn bạc về dự án khả thi và chương trình đầu tiên, giải quyết các thủ tục về tài chính, tuy nhiên, phía chính phủ Liên Xô đã ban hành những văn bản chỉ đạo đầu tiên để khởi động dự án này.

Và tài liệu đầu tiên là Nghị quyết vừa được nhắc tới trên đây của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 12 tháng 2 năm 1981, trong đó nêu ra một số quyết định mang tính nguyên tắc về việc chuẩn bị khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô đã nhận được chỉ thị vào năm 1981 phải huy động nguồn vốn của mình để bắt tay vào công việc lập dự án khảo sát thiết kế và tiến hành các công việc sơ bộ. Còn các bộ Công nghiệp Đóng tàu, Bộ xây lắp công việc xây dựng đặc biệt và Bộ Công nghiệp kỹ thuật điện Liên Xô thì được giao nhiệm vụ trong giai đoạn các năm 1981–1982 đảm bảo cung cấp các chủng loại thiết bị cần thiết, bao gồm hai bộ giàn khoan cố định. Bộ ngoại thương Liên Xô được chỉ thị tìm mua ở các nước thứ ba thiết bị kỹ thuật của giàn khoan nổi mà Liên Xô không sản xuất nhưng lại rất cần thiết cho việc khoan dầu trên biển Việt Nam.

Huy động nguồn lực

Ban đầu mọi chuyện có vẻ ổn thỏa. Ngày 20 tháng 3 năm 1981, Hội đồng tư vấn của Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô có buổi họp để nghe đọc báo cáo của người phụ trách «dự án Việt Nam», ông Y. V. Zaisev. Bộ trưởng S. A. Orudzhev thời kỳ này đã mắc bệnh nặng (một tháng sau đó ông qua đời), chủ trì cuộc họp là thứ trưởng thứ nhất của ông, bộ trưởng tương lai V. A. Dinkov. «Các thủ tục» của Gazprom Liên Xô khi đó đang rất lo lắng và hồi hộp, vì vào đúng thời điểm đó, cách Matxcova hai ngàn cây số, tại mỏ dầu mang tên 28 tháng Tư trên biển Caspian đang diễn ra công việc lắp đặt giàn khoan cố định thứ hai. Độ sâu dưới mặt nước vượt quá 100 mét, nhưng quan trọng không chỉ thế, mà còn là phương pháp chuyển cái gọi là «mặt nổi», khi trụ của giàn khoan cố định trên biển được đưa ra ngoài khơi không phải bằng tàu, mà bằng chính khả năng nổi trên mặt nước của nó. Việc đưa trụ ra biển đang được thực hiện theo kế hoạch, nhưng gió mạnh đột ngột khiến cho người đọc báo cáo không khỏi lo lắng, bởi vì những người vừa thực hiện công việc này trong tương lai sẽ có nhiệm vụ lắp giàn khoan ở mỏ dầu «Bạch Hổ».

Cả bản báo cáo lẫn công việc lắp đặt giàn khoan đã diễn ra suôn sẻ, và Hội đồng tư vấn đã thông qua chương trình làm việc dự kiến tại Việt Nam cho các năm 1981–1982¹.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 1. Hồ sơ 6171. Tờ 87.


Bộ trưởng Công nghiệp Khí đốt Liên Xô S. A. Orudzhev (thứ hai bên phải) và Thứ trưởng thứ nhất Y. V. Zaisev (đầu tiên bên phải) là những người có vai trò to lớn trong việc thành lập xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro» từ phía Nga. 1980–1981

Trước hết, Bộ Công nghiệp Khí đốt với sự trợ giúp của các tổ chức địa chất thuộc Tổng cục dầu khí biển đã bắt tay vào việc nghiên cứu trên vùng biển Đông và trong vòng 2 năm đã hoàn thành việc khảo sát địa vật lý đối với 4 ngàn km khu vực, 2300 km nghiên cứu chi tiết về địa vật lý và 950 km thăm dò địa chất kỹ thuật diện tích.

Trích hồi ký của ông S. I. Miroshnichenko, năm 1981 — chuyên gia điều hành của đoàn khảo sát Thái Bình Dương thuộc Hiệp hội nghiên cứu và sản xuất «Yuzhmorgeo»: «Năm 1980 mang tới những thay đổi của riêng mình. Bắt đầu có những câu chuyện bàn bạc sôi nổi về những công việc sắp tới ở miền Nam Việt Nam, hơn nữa, cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam Việt Nam vừa kết thúc. Quyết định được đưa ra là các nhân viên của đoàn khảo sát chúng tôi sẽ làm việc, và còn có một bộ phận làm việc ở ven bờ. Giai đoạn này lãnh đạo của đoàn khảo sát là ông I. I. Grisenko. Tôi bày tỏ nguyện vọng được tham gia vào danh sách đoàn sẽ sang Việt Nam, mặc dù có rất nhiều người khác cũng có mong muốn như tôi. Tháng 3 năm 1981, thành phần đoàn khảo sát đã được thông qua, và ngày 19 tháng 4 năm 1981 nhóm nhỏ của chúng tôi đã bay lên Matxcova, rồi sau đó từ Matxcova tới Hà Nội-Sài Gòn, có mặt tại nơi làm việc của chúng tôi lại Việt Nam, đó là thành phố Vũng Tàu. Vào tháng 4, những con tàu nghiên cứu khoa học «Iskatel», «Poisk» và «Experiment-2», ngoài ra còn có một tàu thuê đã tới thành phố Vũng Tàu. Tại đây, những con tàu nạp nguồn dự trữ nước, nhiên liệu, thực phẩm và khi chúng tôi tới nơi thì tàu đã bắt đầu thực hiện công việc địa vật lý của mình, còn tàu nghiên cứu khoa học «Experiment-2» thì có nhiệm vụ khoan nông để lấy mẫu đất, những dữ liệu của công việc nghiên cứu này cần cho việc lắp đặt giàn khoan. <…> Bộ phận làm việc trên bờ của nhóm công tác được bố trí ở khách sạn HÒA BÌNH, trên hai tầng bảy và tám. Chúng tôi chỉ có vài người: nhân viên phòng thí nghiệm, kế toán, lãnh đạo, bộ phận phụ trách liên lạc vô tuyến

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 140. Hồ sơ 1360. Tờ 101.



Lời dẫn dò của ông S. A. Orudzhev và Tổng Giám đốc tương lai của liên doanh Vietsovpetro, ông V. S. Vovk. 1980-1981



Tàu nghiên cứu khoa học «Iskatel» tham gia nghiên cứu thềm lục địa miền Nam Việt Nam



Cơ sở phục vụ ven bờ tương lai của xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro» ở thành phố Vũng Tàu

trên hải đăng, là nơi cứ mỗi buổi sáng và buổi chiều lại có những chuyến tàu lên đường đi liên lạc với tàu và đoàn khảo sát ở Nam Sakhalinsk. Thời kỳ đầu chúng tôi bị cấm không được ra khỏi khách sạn sau khi trời tắt nắng, tức là tầm sáu rưỡi chiều, trời đã tối mờ, nếu gặp buổi tối nhiều sao thì có thể nhìn được cả chòm sao Nam Thập Tự. Sở dĩ chúng tôi không được phép ra ngoài là vì miền Nam Việt Nam vừa mới được giải phóng từ tay quân đội Mỹ. <...>

Nơi làm việc của chúng tôi nằm ở trong khu vực cảng, ngay cạnh đó. Khi đến nơi, tất cả anh em trong đoàn của chúng tôi đều ngạc nhiên khi nhìn thấy sàn cảng làm bằng ván gỗ. Nhưng chỉ trong vòng 2-3 tháng sau sàn cảng đã được làm mới bằng bê tông. Khối lượng công việc sắp tới đòi hỏi phải có sàn cảng hiện đại, chất lượng, cần thiết cho các công việc bốc dỡ sau này, cho thiết bị và cho việc vận chuyển trong tương lai. Đoàn thám dò của chúng tôi chiếm vài phòng trong khách sạn: ở tầng một là phòng thí nghiệm, trên tầng hai là phòng hành chính <...> Sống tại thành phố Vũng Tàu, chúng tôi hoàn toàn bị cắt đứt với mọi tin tức về Sakhalink, về Nga, cũng như tin thế giới. Hồi ấy hoàn toàn không có hòm thư điện tử. Mỗi lần chia tay với tàu là chúng tôi lại thấy buồn bã trong lòng. Những con tàu của chúng tôi sau khi hoàn thành khối lượng công việc về nghiên cứu địa chấn thì quay trở về Nga, chỉ còn lại một tàu duy nhất là «Experiment-2», và nó mang lại niềm vui cho phòng thí nghiệm bằng những mẫu lõi để tiến hành các nghiên cứu phân tích. <...>

Từ tháng 8 trở đi, số lượng các chuyên gia của Liên Xô có tăng lên. Liên doanh Vietsovpetro cũng dần dần theo đà phát triển, rồi các chuyên gia tới Việt Nam, tham chí cùng cả gia đình, từ Matxcova, từ Azerbaijan»¹.

Tại cấu trúc «Bạch Hổ», 6 giếng khoan khảo sát địa chất đã được thực hiện, điều này cho phép bắt tay vào việc thiết kế giàn khoan cố định trên biển đầu tiên. Đã hoàn tất các nghiên cứu về địa chất thủy văn, chọn xong mẫu và kết thúc việc nghiên cứu mẫu nước biển và tính chất vật lý của đất. Trong năm 1981 và quý đầu năm 1982, các thiết bị khác nhau đã được chuyển tới thành phố

Vũng Tàu, bao gồm 111 xe vận tải các loại và thiết bị làm đường, 4 ngàn tấn kim loại cán, hơn 4 nghìn tấn vật liệu bôi trơn, hơn 6 nghìn tấn xi măng, 1350 tấn ống để lắp cụm cọc móng của giàn khoan cố định trên biển, ngoài ra còn có vài tủ lạnh và điều hòa, thiết bị gia dụng để đảm bảo cuộc sống và hoạt động của những chuyên gia đầu tiên của Vietsovpetro»².

Năm 1981, nhà máy kết cấu kim loại Cheliabinsk thuộc Bộ xây lắp các công trình đặc biệt Liên Xô đã bắt tay vào việc chế tạo các kết cấu trụ chống của hai giàn khoan trên biển. Mỗi trụ chống có trọng lượng tổng cộng là 3500 tấn! Các nhà máy đóng tàu Vyborgski, Kerchenski và Astrakhanski đã bắt đầu chế tạo 22 khối modul, từ những khối modul giống như hình hộp này sẽ phải lắp thành khối thượng tầng của giàn khoan «Việt Nam». Một thời gian sau, nhà máy đóng tàu Nikolaevski-on-Amur cũng tham gia thực hiện công việc này.

Như vậy là từ trước khi bản Hiệp định Liên chính phủ về việc thành lập XNLD được ký kết, công việc thực hiện dự án đã được bắt đầu.

Sau khi hai nhà nước Liên Xô và Việt Nam phê chuẩn Hiệp định Liên chính phủ vào tháng 2 năm 1982, bản dự thảo nghị quyết đã được đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Tác giả của bản dự thảo là Bộ Công nghiệp Khí đốt và Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước, nhưng trên thực tế bản nghị quyết này liên quan tới 29 các bộ ngành khác nhau, là các cơ quan ít nhiều đều góp phần tham gia vào việc khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam. Tài liệu này bổ sung cho nghị quyết được thông qua từ trước đó về việc cung cấp lương thực cũng như các mặt hàng công nghiệp cho các chuyên gia Liên Xô, phục vụ các hoạt động trên biển, thiết lập liên lạc vô tuyến ổn định và tiếp nhận tín hiệu truyền hình, tổ chức bệnh viện, đảm bảo an toàn trên biển¹.

Tháng 3 năm 1982, tại phiên họp của Hội đồng tư vấn Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, ông Y. V. Zaisev lại đọc bản báo cáo. Ông nói về kết quả hoàn thành giai đoạn một của việc khảo sát kỹ thuật và địa chất tại mỏ dầu «Bạch Hổ» và về kết cấu «Rồng», về khởi điểm của việc khảo sát kỹ thuật và địa chất trên tuyến đường dự kiến sẽ đặt đường ống dẫn dầu từ mỏ «Bạch Hổ» vào lục địa. Tại cảng Vũng Tàu, các kỹ sư xây dựng Việt Nam đã tiến hành việc tái thiết bến cảng, xây dựng khu vực «số không» (sơ bộ) của bãi xây lắp giàn khoan cố định trên biển công suất 5 ngàn tấn kết cấu kim loại mỗi năm. Đồng thời, công việc nạo vét cũng đã được tiến hành



Vẫn là cơ sở này, sau một thời gian



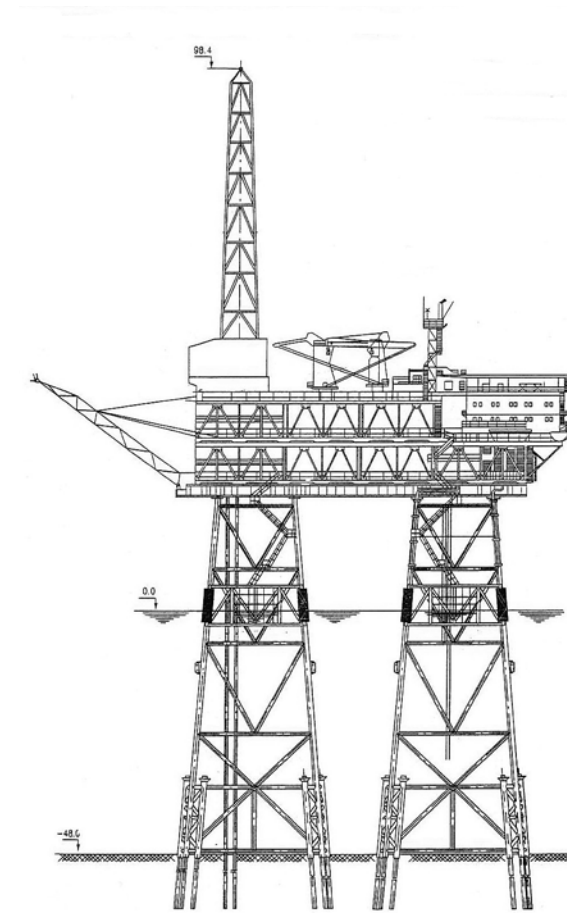
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn (giữa) tham quan cảng của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro

¹ Miroshnichenko S. I. Từ đoàn khảo sát tới Công ty cổ phần mở «Dalmorneftegeofizika» // Công thông tin CTCP «Dalmorneftegeofizika» (Tài nguyên điện tử: <http://dmng.ru/ru/45.php?id=21>. Ngày truy cập: 08.05.2017).

² Thông tin về quá trình thực hiện Hiệp định Ủy ban liên chính phủ Việt-Xô về việc tiến hành khảo sát địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam VNCDCH, tháng 3 năm 1982. // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6647. Tờ 97.



Liên Xô bắt đầu chế tạo các cụm thiết bị cho nền giàn khoan cố định trên biển



Sơ đồ bản vẽ thiết kế giàn khoan cố định ngoài khơi dành cho xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro
 Tạp chí «Ngành công nghiệp dầu»

trong vùng nước của cảng. Khu nhà ở tạm thời đã chuẩn bị xong, đã giải quyết xong việc phục vụ nhu cầu hàng ngày, liên lạc và giao dịch thương mại cho các nhân viên của liên doanh Vietsovpetro¹.

Trích biên bản cuộc họp của Hội đồng tư vấn Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, ngày 11 tháng 3 năm 1982:

- «1. Hội đồng tư vấn Bộ Công nghiệp Khí đốt nhận thấy trong khoảng thời gian vừa qua, sau khi ký kết Hiệp định, một khối lượng công việc nhất định đã được thực hiện liên quan tới tổ chức tiến hành thăm dò địa chất và nghiên cứu địa vật lý tại thềm lục địa miền Nam Việt Nam. <...>
2. Các đồng chí Zaisev Y. V., Derezhov S. R. có nhiệm vụ trước ngày 1 tháng 5 năm 1982 hoàn tất việc soạn thảo văn bản tạm thời về quy trình lập kế hoạch, hỗ trợ tài chính, lập dự án, xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật và tiến hành các công việc tại thềm lục địa Việt Nam.
3. Đồng chí Zaisev Y. V., viện «Nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển Sakhalin» (cụ thể là đồng chí Beliatin) trong thời hạn 3 tháng có nhiệm vụ soạn thảo dự án khảo sát bổ sung, cũng như lập sơ đồ hoạt động thí điểm của mỏ dầu Bạch Hổ, trong quý II năm 1982 để trình dự án nói trên và sơ đồ lên Ủy ban trung ương về phát triển các mỏ dầu khí.
4. Tổng cục dầu khí biển (cụ thể là đồng chí Yudin), Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển (cụ thể là đồng chí Maskutov) trong thời hạn một tháng

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6644. Tờ 66.



Lắp các cụm thiết bị lại Vũng Tàu

- có nhiệm vụ soạn thảo chương trình khoan thăm dò ở thềm lục địa Việt Nam.
5. Lãnh đạo các ban ngành quản lý và phòng ban bộ máy trung ương có nhiệm vụ tăng cường chú ý tới công việc về khai thác thềm lục địa của Việt Nam.
6. Đồng chí Nemchinov N. M, Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển (cụ thể là đồng chí Maskutov) trong thời hạn một tháng có nhiệm vụ lập ra sơ đồ vận tải để đưa các khối module của giàn khoan dầu cố định được sản xuất tại các nhà máy của Liên Xô tới Việt Nam, và thống nhất sơ đồ vận tải này với các bộ có liên quan.
7. Các đồng chí Zaisev Y. V, Yudin S. I. có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp thông tin về quá trình thực hiện chương trình dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam vào tháng 8 năm 1982»².

Mỗi mục được nêu trên đều bao gồm một khối lượng công việc rất lớn, ví dụ mục 6. Bộ Hạm đội Liên Xô đã thực hiện việc cung cấp thiết bị tới Việt Nam chỉ thông qua cảng Odessa, trong khi những cụm chi tiết của giàn khoan được sản xuất tại các thành phố Cheliabinsk, Astrakhan, Vyborg và Kerch. Sơ đồ đang được áp dụng vào thời kỳ này là đưa tất cả các lô hàng tới Odessa, sau đó trung chuyển lên bờ, rồi mới xếp lên những chiếc tàu khởi hành đi Việt Nam. Điểm đến cuối cùng-cảng Vũng Tàu- khi đó còn đang trong giai đoạn xây dựng dở dang, vì thế những lô hàng kích cỡ quá lớn phải được đưa tới bến cảng TP. Hồ Chí Minh, rồi từ đó mới vận chuyển tiếp tới địa điểm cuối cùng. Điều này tăng đáng kể khoảng thời gian chờ hàng, vì thế cần tối ưu hóa toàn bộ hệ thống logistic. Người đảm nhiệm giải quyết vấn đề này là Thứ trưởng Bộ công nghiệp Khí đốt Liên Xô về hạm đội, ông N. M. Nemchikov. Trước khi được bổ nhiệm vào làm cho Gazprom, ông đã từng lãnh đạo Tổng cục thanh tra biển Liên Xô và là người có vốn kinh nghiệm dày dặn. Trong vòng vài tháng, vấn đề này được giải quyết thấu đáo.

Trích thông tin của Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô Y. V. Zaisev và phó Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước E. I. Osachduk gửi cho bộ phận Liên Xô của Ủy ban liên chính phủ Xô — Việt, tháng 8 năm 1982: «Đã lập ra sơ đồ vận tải để chuyển các khối module từ các cảng của Liên

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6644. Tờ 65-66.

Đến giữa những năm 90, quan sát giàn khoan cố định trên biển của Vietsovpetro, đại diện các công ty dầu khí phương Tây đều muốn đưa ra nhận xét bằng cách chỉ ra những nhược điểm này hay khiếm khuyết khác, mục đích là muốn chứng minh rằng Liên Xô cung cấp cho đối tác Việt Nam trình độ công nghệ chưa đủ cao. Họ quên mất một điều rằng cho tới thời điểm đó các giàn khoan đều đã hoạt động được 10–12 năm, và tình trạng cấm vận của các cường quốc có công nghệ cao, cũng như mong muốn bắt đầu công việc khai thác dầu ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam càng nhanh càng tốt khiến cho các chuyên gia Liên Xô không còn có cơ hội để thử nghiệm cũng như kết thúc các công trình nghiên cứu đang được thực hiện tại Liên Xô về lĩnh vực này. Tuy nhiên, tới thời điểm thiết kế và lắp đặt thiết bị khoan dầu, tất cả những giải pháp tiên tiến nhất về kỹ thuật-công nghệ (trong đó có những công nghệ chưa từng được áp dụng ở Liên Xô) đã được đưa vào các công trình trên biển Việt Nam.

Dự án giàn khoan cố định trên biển sử dụng cho liên doanh Vietsovpetro do Viện nghiên cứu Baku thuộc «Gidromorneftegaz» được xem xét lần đầu tiên tại phiên họp của Hội đồng khoa học kỹ thuật thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô dưới sự chủ trì của ông Y. V. Zaisev vào ngày 11 tháng 8 năm 1982. Giàn khoan cố định trên biển bao gồm việc xây dựng 16 giếng khoan có chiều sâu tới 3 ngàn mét (sau này nhờ cải tiến công nghệ mà số giếng khoan được tăng lên tới 22). Giàn khoan được lắp đặt ở độ sâu dưới đáy biển tới 50 mét. Hai chân đế là hai kết cấu hình chóp có kích thước theo kế hoạch là 67×46 và 48×36 mét, còn tổ hợp thiết bị khoan bao gồm máy khoan «Uralmash-3D-76» và các thiết bị hỗ trợ: bơm, hệ thống tuần hoàn, thiết bị để sản xuất và bảo quản dung dịch khoan, máy trộn xi măng, trạm nén khí và các thiết bị khác. Nguồn năng lượng là ba máy phát diesel hoạt động liên tục và một máy phát dự phòng khởi động tự động.

Yêu cầu đối với dự án rất khắt khe. Ví dụ, ban thẩm định của Tổng cục dầu khí biển Liên Xô cho rằng các cơ quan thiết kế không tính tới tất cả những yêu cầu hiện đại về gin giữ môi trường trên biển, trong khi họ phải soạn thảo những phương pháp bổ sung trong việc bảo vệ môi trường mà thời ấy hoàn toàn không có, hoặc thậm chí cả các công ty phương Tây cũng chỉ áp dụng trong một phạm vi rất hạn chế². Ngoài ra, công nghệ robot theo chu trình «không xa thải», nghĩa là hoàn toàn không thả bất kỳ chất thải nào xuống biển, cũng được đưa vào dự án. Chưa hết, theo quyết định của Bộ Công nghiệp Khí đốt, các cơ quan thiết kế còn nhận được đề nghị xem xét khả năng lắp đặt thiết bị đốt chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt dạng rắn, máy phân ly dành cho nước chứa dầu và các dụng cụ kiểm tra chất lượng nước phân ly, mô hàn để đốt các sản phẩm lấy mẫu lỗ khoan³.

Ai cũng biết, biển không tha thứ cho những lỗi lầm về công nghệ, cũng như những khiếm khuyết trong thiết kế. Công việc thiết kế giàn khoan cố định trên biển cho Việt Nam đang được tiến hành tích cực thì vào tháng 11 năm 1981, ở vùng tây bắc Biển Đen, do

các tòa nhà hành chính-kinh tế được giao cho các công ty thiết kế Việt Nam.

Điều kiện xây dựng rất phức tạp. Các bãi xây dựng ở Vũng Tàu chủ yếu nằm tại vùng ven bờ, thuộc khu đất trũng ngập nước, với đất bùn và đất sét quán dẻo. Khi thiết kế các công trình bắt buộc phải có phần móng cọc, tính tới các nguyên liệu xây dựng tại chỗ và cũng phải xét tới trình độ kỹ thuật không cao của các công ty xây dựng Việt Nam. Trên biển cũng lại có những trở ngại riêng, đó là tải trọng sóng và gió khó lường, đáy biển cũng khó lường như vậy, vậy mà phải đóng những chiếc cọc «đinh» khổng lồ để các chân đế giàn khoan bám vào. Ban đầu các kỹ sư thiết kế Liên Xô dựa vào tiêu chuẩn và quy tắc xây dựng của mình, đồng thời cố gắng tính tới đặc thù của Việt Nam. Người chịu trách nhiệm về tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn, cũng như việc sửa đổi tiêu chuẩn một cách sáng tạo là phó Giám đốc Tổng cục dầu khí biển về xây dựng cơ bản, ông V. V. Pochinkin và trưởng phòng giám định và đánh giá của Tổng cục dầu khí biển, ông V. A. Zhigulev.

Trích hồi ký của trưởng phòng giám định và đánh giá thuộc Tổng cục dầu khí biển, Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô V. A. Zhigulev, năm 2008: «Vấn đề được đặc biệt chú ý tới là giám định các công việc khảo sát thiết kế lắp đặt giàn khoan cố định trên biển hoặc giàn khoan tự nâng. <...> Hiện nay nhiều giàn khoan của Thụy Điển bị lún, đây là điều không thể chấp nhận được. Điều này cho thấy các công việc khảo sát được thực hiện một cách kém chất lượng. Việc lắp lại giàn khoan đỡ sộ cơ sở vại chực ngàn tấn vừa mất thời gian, vừa tốn kém về tiền của. <...> ở Việt Nam, chúng tôi không để xảy ra điều này. <...> Rất nhiều các dự án đã qua tay các chuyên gia giám định. <...> Dự án chính, theo quan điểm của tôi, là các căn cứ ven biển ở Vũng Tàu (Việt Nam) và Murmansk, cũng như việc thiết kế và xây dựng giàn khoan cho thềm lục địa Việt Nam. Căn cứ đầu của Việt Nam được đánh giá vào khoảng 2,5 tỉ rúp, trong khi việc xây dựng giàn khoan được tính riêng. Vào đầu những năm 80, Vietsovpetro hầu như không tiến hành khoan dầu, mà dành toàn bộ sức lực cho việc xây dựng. Sau khi hoàn thành xong căn cứ, có thể nói bất kỳ liên hiệp nào [của Liên Xô — Chú thích của tác giả] trực thuộc Tổng cục dầu khí biển cũng phải ghen tỵ với công trình của Vietsovpetro. Cho tới trước khi cơ quan của chúng tôi chuyển sang chịu quyền quản lý của Bộ Công nghiệp dầu khí [vào đầu năm 1988. — Chú thích của tác giả.], bốn giàn khoan cố định đã được lắp ráp ở Việt Nam. Tôi tới đó vài lần, trong đó có một lần tôi được tham gia lắp đặt khối hạ tầng của giàn khoan [nói chính xác là chân đế. — Chú thích của tác giả.]. Đó đúng là một công việc chạm trở vàng bạc! Thời đó, thực hiện công việc này là các chuyên gia tới từ vùng Bakinsk. Bây giờ nhìn lại, tôi nghĩ rằng việc khai thác thềm lục địa Việt Nam có lẽ là thành tích to lớn nhất của chúng tôi.

Bản thân tôi thực hiện việc soạn thảo các tiêu chuẩn cho liên doanh Vietsovpetro. Đầu tiên Việt Nam sử dụng các tiêu chuẩn của Liên Xô, nhưng cần đặt ra những tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện tại địa phương. Tôi tới Việt Nam trong vòng 1 tuần, nhưng thực hiện công việc trong vòng hai tháng. Ngày đêm chúng tôi ngồi với các chuyên gia Việt Nam để bàn bạc về nhiệm vụ đặt ra»¹.

liệu được cung cấp cho Vietsovpetro ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn từ năm 1982 đến năm 1985, 350 ngàn tấn thiết bị khác nhau, nguyên liệu và nhiên nhiên, gần 250 các loại xe cộ và thiết bị làm đường, 20 máy móc phục vụ cho giàn khoan nổi trên biển, đã được đưa từ Liên Xô tới các công trình thuộc XNLD. Chi phí trong giai đoạn các năm 1981–1985 là 360 triệu rúp chuyển nhượng⁷.

«Cuốn sử thi dầu khí Việt Nam» đang ở hồi kịch tính nhất thì Tổng Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp «Công nghiệp dầu khí Biển Đen» bay tới Matxcova. Thời kỳ đó liên hiệp này thường xuyên không hoàn thành kế hoạch. Đã xác định xong là có mỏ, đã khoan thử nghiệm, các chân đế khoan đã sẵn sàng, thế nhưng mỏ chưa được đưa vào hoạt động vì thiếu module thượng tầng của giàn khoan, và vị giám đốc Liên hiệp lên gặp Bộ trưởng xin được cấp khối thượng tầng để khai thác dầu khí, hoàn thành kế hoạch sản xuất. «Anh đùa đấy à?! Tôi mất đầu vì công trình này chứ tưởng chơi sao? Bây giờ đang dồn hết sức lực vào việc cung cấp thiết bị cho Việt Nam!» — đó là câu trả lời của Bộ trưởng.

«Công việc chạm trở vàng bạc». Gazprom thiết kế

Tại hai phiên họp đầu tiên của Hội đồng liên doanh Vietsovpetro đã thông qua các nhiệm vụ về việc thiết kế các công trình của xí nghiệp tương lai. Căn cứ vào nội dung ghi trong một văn bản, «không thể thực hiện công trình phức tạp và có quy mô lớn là khai thác thềm lục địa của miền Nam Việt Nam theo sơ đồ cổ điển thông thường dùng cho các công trình tiêu chuẩn: từ thập dữ liệu ban đầu, phát triển và phê duyệt các dự án kỹ thuật, cung cấp thiết bị vật tư, thực hiện công việc. Thời hạn eo hẹp của công trình xây dựng đòi hỏi phải thực hiện cùng lúc các công việc nêu trên»⁸. Sơ đồ này kéo theo những yêu cầu đặc biệt đối với các chuyên gia thiết kế và kỹ sư xây dựng, vì họ vẫn phải đảm bảo chất lượng.

Công việc thiết kế được chuyển giao cho các tổ chức chuyên trách của Bộ Công nghiệp Khí đốt và các bộ khác ký hợp đồng với Bộ Công nghiệp khí đốt để thực hiện. Viện nghiên cứu và thiết kế dầu khí biển Sakhalin nhận nhiệm vụ thiết kế cơ sở địa vật chất, đồng thời soạn thảo dự án cho các giếng khoan đầu tiên; Viện nghiên cứu thiết kế dầu khí Baku thì thiết kế giàn khoan cố định trên biển; Spesmorneftegaz của Simferopol (từ năm 1986 là VNIPIsehlf) được giao nhiệm vụ thiết kế mở rộng và tái thiết trạm dầu mỏ Vũng Tàu và bến tải dầu, thiết kế tuyến đường ống dẫn dầu trên biển và trên đất liền «Bạch Hổ-Tuy Hòa», tuyến đường ống dưới biển giữa các giàn khoan; trụ sở chính tại Matxcova của VNIPImorneftegaz thì đảm nhiệm việc thiết kế bơm dầu thẳng vào tàu chở dầu không cần cập bến, thiết kế bãi sản xuất trung tâm phục vụ cho việc khoan với số lượng 20 máy khoan; SoyuzmorNIIproject thuộc Bộ Hạm đội Liên Xô thiết kế điều hướng cho cảng Vũng Tàu và tái thiết bến tàu; Soyuzgipronerud thuộc Bộ công nghiệp vật liệu xây dựng Liên Xô chịu trách nhiệm xây dựng một mỏ đá có trang bị máy nghiền sàng đá để cung cấp sỏi cho việc xây dựng các công trình ở Vũng Tàu; chi nhánh tại Kazakhstan của «Selenergoproject» thuộc Bộ năng lượng Liên Xô chịu trách nhiệm về nhà máy điện diesel có công suất 4200 kwt; Giprocholod thuộc Bộ Thương mại Liên Xô phải thiết kế một tủ lạnh có công suất 1 nghìn tấn sản phẩm trên lãnh thổ tổ hợp ven biển; Soyuzvodokanalproject thuộc Gosstroy Liên Xô thì nhận nhiệm vụ thiết kế hệ thống thoát nước ngoài khu vực của các công trình thuộc tổ hợp ven biển v. v... Việc thiết kế

Hạm đội

Xô tới cảng Vũng Tàu, theo đó đã hoàn tất việc thống nhất việc tàu vào cảng và dỡ toàn bộ hàng hóa trực tiếp xuống cảng này. Lô hàng đầu tiên bao gồm 6 khối module sẽ được giao cho Việt Nam vào cuối tháng 8 năm nay, trên tàu Ro-60, trong số đó, 3 khối module do nhà máy Astrakhan, 3 khối còn lại do nhà máy Kerchen sản xuất. Đã giải quyết xong các vấn đề về việc giao hàng tới Việt Nam mà không cần chuyển tải thêm khối module do nhà máy Vyborg sản xuất»¹.

Trích thư của Thứ trưởng Hạm đội Liên Xô, ông V. V. Beleski gửi cho Phó chủ tịch Ủy ban liên chính phủ Xô — Việt, ông V. N. Makeev ngày 21 tháng 10 năm 1982: «Việc giao các khối module tháp khoan nặng, có kích cỡ lớn được tổ chức trên những con tàu tương tự như tàu Ro-Ro² từ Kerch và Vyborg. Tất cả các khối đầu tiên được giao hàng vào ngày 18 tháng 9 và 21 tháng 10, ba khối được giao từ thành phố Kerch vào ngày 1 tháng 10, 6 khối còn lại dự kiến sẽ được giao vào khoảng tháng 11–12 năm 1982. Những thiết bị đi kèm khác được giao từ cảng Odessa thẳng tới cảng Vũng Tàu»³.

Hoạt động ổn định của XNLD tại Vũng Tàu phụ thuộc không chỉ vào logistic. Trong vòng năm 1982, các bộ Bộ Công nghiệp Khí đốt, Ủy ban đối ngoại kinh tế nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Ngoại thương Liên Xô đã cùng với phía Việt Nam phối hợp giải quyết một loạt các vấn đề tài chính quan trọng: vào tháng 5, hai bên đã đạt được thỏa thuận về hệ số chuyển đổi từ đồng tiền Việt Nam sang đồng rúp (20:1; c 1984 годa — 17:1⁴), là ngoại tệ chính trong giao dịch ngoại tệ quốc tế không sử dụng tiền mặt của khối các nước xã hội chủ nghĩa. Ngày 2 tháng 7, thỏa thuận liên ngân hàng được ký kết, ngày 13/7 hai nước đã ký thỏa thuận về việc cung cấp cho phía Việt Nam khoản tín dụng ngoại tệ để tài trợ cho việc mua các thiết bị vật tư cho Vietsovpetro do các nước tư bản sản xuất⁵.

Ngày 4 tháng 6 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ban hành nghị quyết «Về các biện pháp đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ từ phía Liên Xô, liên quan tới thỏa thuận Việt — Xô về việc thành lập XNLD Việt — Xô để tiến hành khảo sát địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam ngày 19 tháng 6 năm 1981». Bản nghị quyết này đề cập tới việc thực hiện một cách đồng bộ các nghĩa vụ. Đặc biệt tài liệu ghi rõ, giai đoạn các năm 1983–1984 phải hoàn thành việc sản xuất tại Liên Xô các chân đế khoan của giàn khoan cố định trên biển thứ ba và thứ tư, cung cấp khối module giàn khoan cố định thứ ba cho Việt Nam, đồng thời nghiên cứu việc vận chuyển trực tiếp, không cần chuyển tải, đảm bảo cung cấp dịch vụ hàng không cho công việc tại mỏ dầu, xây dựng trạm liên lạc vệ tinh «Intersputnik», cho phép mua các phụ tùng thay thế và nguyên liệu ở các nước thứ ba trong trường hợp có nhu cầu, cũng như tiến hành sửa chữa những tàu mua theo con đường nhập khẩu, và một số biện pháp khác⁶.

Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô ngày càng tham gia dự án một cách tích cực hơn bằng cách đưa thêm các tổ chức của Bộ cũng như các bộ ngành liên quan vào việc. Khối lượng thiết bị và nguyên

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Mục 141. Hồ sơ 1723. Từ 51–52.

^[2] «Ro-Ro» — loại tàu biển chở hàng, được trang bị các thiết bị cho phép tự động dỡ máy móc (từ từ tiếng Anh Roll on roll off — «tự xếp hàng và tự dỡ hàng»): ô tô, máy kéo, các toa tàu đường sắt; những tàu này được sử dụng rộng rãi cho việc liên lạc giữa hai nước Liên Xô và Việt Nam. Ro-60 là một kiểu tàu dạng «Ro-Ro» có khối lượng khoang là 60 ngàn mét khối.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 141. Hồ sơ 1721. Từ 59.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7636. Từ 68.

^[5] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. Từ 261.

^[6] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 141. Hồ sơ 1721. Từ 109.



Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí CHXHCN Việt Nam, ông Nguyễn Hòa (ngoài cùng bên phải) và Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô Yu. V. Zaisev ký biên bản phiên họp của Hội đồng «Vietsovetpro» I. Hàng đằng sau, từ phải sang trái là: Phó Thủ tướng Việt Nam Trần Quỳnh, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô K. V. Katushev, đại sứ Liên Xô tại Việt Nam B. N. Chaplin. Năm 1981

Trích hồi ký của bà Phạm Thị Ngô Thảo, vợ góa của ông Nguyễn Hòa: «*Chồng tôi sinh ngày 15 tháng 2 năm 1927. Thời trẻ, ông theo học ở trường tiểu học Đông Dương, ở đó nhiều môn dạy bằng tiếng Pháp, là ngoại ngữ ông rất thạo. Từ năm 1944 ông đã tham gia vào phong trào thanh niên, bị quân Pháp bắt giam trong tù. Tháng 3 năm 1945, khi Nhật đảo chính, chồng tôi trốn thoát và ông tiếp tục tham gia các đội quân cách mạng. Đầu tiên ông tốt nghiệp các khóa học do lãnh đạo đảng tổ chức, từ đó trở đi ông cống hiến cả cuộc đời mình cho quân đội nhân dân Việt Nam, cho tới tận lúc ông được bổ nhiệm sang làm việc trong ngành dầu khí. Năm 1960, với tư cách là một quân nhân trẻ tuổi, nhiều triển vọng, ông được cử đi học ở Liên Xô, ở đó ông theo học ba năm tại viện hàn lâm quân sự, khi về nước ông được cử vào miền Nam để tổ chức phong trào du kích, chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược. Ông vào Nam, theo «đường Hồ Chí Minh trên biển», con đường mà rất lâu không ai biết tới. Đó là con đường bí mật. Chồng tôi tham gia nhiều trận đánh ở miền Nam cho tới tận năm 1973. Sau đó ông nhận được nhiệm vụ quay trở lại miền Bắc để thành lập sư đoàn số 1 của quân đội nhân dân Việt Nam, sau đó ông lại được cử vào Nam để chuẩn bị và tiến hành chiến dịch giải phóng TP Hồ Chí Minh, với thắng lợi rực rỡ vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Chồng tôi tiếp tục phục vụ trong quân ngũ tới năm 1980 thì được cử sang ngành dầu khí làm việc. Đây là một bất ngờ lớn đối với chúng tôi. Mặc dù thay đổi chóng mặt như vậy, nhưng chồng tôi vẫn toàn tâm toàn ý vì công việc, anh ấy liên tục học hỏi. Những năm tháng phục vụ trong quân ngũ dạy cho anh ấy tính kỷ luật, rõ ràng rành mạch trong việc đề ra và thực hiện nhiệm vụ. Khi cần, anh ấy có thể chuẩn bị rất nhanh, đúng theo phong cách một người lính, và tới ngay nơi cần thiết vì lợi ích của công việc»¹.*

Đơn vị đặt hàng xây dựng là Ban quản lý xây dựng dầu khí thuộc Tổng cục dầu khí Việt Nam (và người nắm giữ vai trò lãnh đạo vào những năm gian nan nhất là ông Bùi Hải Ninh, sau này là giám đốc kinh doanh của Vietsovetpro). Ông đã chỉ đạo việc đảm bảo cung cấp lực lượng công nhân, vật liệu xây dựng và kỹ thuật cho Vietsovetpro, giám sát công việc của các nhà thầu liên ngành

của Việt Nam (Bộ Giao thông Việt Nam, Ủy ban xây dựng nhà nước Việt Nam, v. v...).

Việc soạn thảo hợp đồng cung cấp thiết bị và nhân lực cho XNLD được giao cho các cơ quan sau: về phía Liên Xô, trước năm 1987 là liên đoàn «Technoexport» thuộc Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước Liên Xô (lãnh đạo là ông Y. V. Chugunov), sau đó trực tiếp là liên hiệp toàn liên bang «Soyzzarubezhmorneftegazprom», về phía Việt Nam là công ty nhà nước Petechim, được thành lập để chuyên thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các dự án đầu khí của Việt Nam (giám đốc là ông Trần Hữu Lạc, cựu đại diện thương mại và cố vấn về các vấn đề kinh tế cho đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô). Ngoài ra, các hiệp hội ngoại thương thuộc Bộ ngoại thương Liên Xô, trước hết là hiệp hội «Sudoimport» cũng được giao nhiệm vụ mua thiết bị từ các nước thứ ba».

Một mặt, có thể thấy rõ một lực lượng hùng hậu tới mức nào đã được hướng tới việc thực hiện dự án quốc tế đó. Nhờ có hệ thống hành chính và chỉ huy hiện tại mà hai nước đã huy động được hàng chục các xí nghiệp ở cả hai nước. Và nếu nhìn vào mục đích chính của dự án thì dường như có thể nhanh chóng tổ chức công việc khai thác dầu. Nhưng mặt khác, ngay sau khi dự án khởi động, mọi người bắt đầu thấy rõ một điều rằng toàn bộ hệ thống cũng như con người tham gia dự án chưa có đủ vốn kinh nghiệm cho sự hợp tác kiểu này. Đặc tính đa bộ ngành xóa mờ đi tính trách nhiệm của các tổ chức tham gia dự án, và dẫn tới tình trạng đổ trách nhiệm cho nhau khi có thể. Chỉ cần trật khớp ở một mắt xích nào đó những phần còn lại cũng hỏng, theo đúng nguyên tắc domino. Không kịp mua một thiết bị quan trọng nào đó, hay dự án không hoàn thành đúng thời hạn kéo theo tình trạng không tính toán kịp chi phí, hậu quả là không kịp hỗ trợ tài chính và phân bổ tiền, thế là các công đoạn sau cũng bị chậm lại. Đó là một vấn đề phức tạp và đa phương. Trình độ yếu kém của các tổ chức xây dựng địa phương đưa tới hậu quả là khối lượng công việc chậm kế hoạch ở mức độ nghiêm trọng, mà điều này có nghĩa rằng lượng nguyên vật liệu xây dựng và máy móc được cung cấp theo dự kiến ban đầu nằm chật kho và chất đống tại các khu xây dựng công nghiệp, và điều tồi tệ nhất là trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nguyên vật liệu mà máy móc thiết bị mất dần chất lượng. Nếu cộng cả tình trạng tốn quá nhiều thời gian cho việc thống nhất các vấn đề từ cả bên này lẫn bên kia thì có thể hình dung được những vấn đề nan giải nào đang chằng chịt ngổn ngang trên con đường dẫn tới thành công của dự án.

Việc giải quyết các vấn đề thương mại liên quan tới thống nhất về giá cũng không đơn giản. Vấn đề là ở chỗ, nếu ở Liên Xô áp dụng hệ thống giá cả thống nhất, có các tài liệu tham khảo khác nhau về cách tính phí dịch vụ, và trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh và đưa ra những hệ số bổ sung, thì ở Việt Nam giá thành của các công trình, cũng như nguyên liệu xây dựng được



Phó Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại Nhà nước Liên Xô E. I. Osadchuk và Thứ trưởng Ngoại thương Việt Nam Hoàng Trọng Đại ký kết biên bản về cung cấp thiết bị trong khuôn khổ thỏa thuận thành lập xí nghiệp liên doanh Vietsovetpro. Năm 1981
Tư liệu riêng của E. I. Osadchuk

tính theo tỉ giá hối đoái chính thức của đồng rúp, trong khi một phần hàng hóa và dịch vụ được tính theo tỉ giá hối đoái không chính thức, tỉ giá thực tế của đồng rúp¹. Ở Việt Nam không có hệ thống thống nhất để định giá các dịch vụ, vì thế đánh giá về đóng góp của phía Việt Nam có thể khác biệt tới vài lần. Ví dụ, một thời gian dài liên doanh Vietsovetpro không thể đưa các tòa nhà do các tổ chức Việt Nam xây dựng vào sổ quyết toán, vì theo tính toán của phía Việt Nam thì giá của các tòa nhà này, bao gồm cả các công việc xây dựng lắp ráp là khoảng 165 triệu rúp, trong khi đó theo đánh giá của các chuyên gia Liên Xô chỉ con số này chỉ là hơn 40 triệu rúp một chút².

Trích thông tin tham khảo của ông F. G. Arzhanov «Về tình trạng công việc thực hiện Hiệp định Liên chính phủ về tổ chức các công việc khảo sát địa chất và khai thác dầu ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam», năm 1985: «*Xét đặc thù của hệ thống định giá và kiểm soát hiện có ở Việt Nam, trong một số trường hợp khi tính toán với các tổ chức ở Việt Nam về giá nguyên vật liệu và các dịch vụ do Liên Xô cung cấp, liên doanh buộc phải đưa ra những giá không có cơ sở. Rất nhiều trường hợp nhu cầu của XNLD về nguồn nguyên vật liệu và thiết bị không được cung cấp bởi các quỹ phân phối sản phẩm theo kế hoạch, còn nhu cầu thực hiện công việc lại không được xem xét trong các kế hoạch nhà nước tương ứng. Ban giám đốc công ty buộc phải tự mình tìm kiếm nguồn lực về vật chất-kỹ thuật, cũng như đi tìm những cơ quan thực hiện công việc, cung cấp dịch vụ và ký kết hợp đồng theo giá cả cao hơn hẳn so với giá bán buôn do nhà nước quy định. Còn có những trường hợp vi phạm pháp luật khi ký kết hợp đồng. Ví dụ, hợp đồng về việc sửa chữa tàu «Atmis» của Vietsovetpro, do nhà máy đóng tàu Ba Son và Tổng cục dầu khí quy định giá sửa tàu của các quốc gia nước ngoài là thành viên của khối các nước xã hội chủ nghĩa,*

trong khi tàu này có giấy tờ đăng ký của Việt Nam và mang cờ Việt Nam»³.

Vấn đề thống nhất giá cho các thiết bị tái xuất khẩu và nguyên vật liệu cũng không kém phần hóc búa. Theo nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ra ngày 11 tháng 2 năm 1981, Bộ ngoại thương Liên Xô phải mua của Phần Lan và các nước khác các thiết bị sau: giàn khoan nổi tự nâng 6500/100, cần cẩu với công suất 1000–1200 và 600 tấn, máy đặt ống dưới đáy biển, bốn tàu hậu cần, hai tàu kéo, một tàu địa chất-kỹ thuật và một số thiết bị nổi khác, rất cần để bắt đầu công việc, mà Liên Xô không sản xuất các mặt hàng này. Dự kiến những thiết bị này phải được cung cấp trong các năm 1982–1983, nhưng các cuộc đàm phán giữa tập đoàn Technoexport và tập đoàn nhà nước Petechim kéo dài mãi vì không thỏa thuận được về giá. Việc ký kết hợp đồng chậm trễ đến nỗi đe dọa chính sự tồn tại của dự án. Cuối cùng, bản thân các nhà lãnh đạo của Bộ Công nghiệp Khí đốt phải đứng ra chịu trách nhiệm đưa ra giải pháp chuyển các thiết bị nổi của Gazprom tới Vũng Tàu, nhờ đó mới tránh khỏi mâu thuẫn gay gắt về lợi ích giữa các bên và không để ảnh hưởng tới kế hoạch khoan và công việc xây dựng.

Tháng 6 năm 1982 Ủy ban kế hoạch Liên Xô, Bộ ngoại thương, Bộ Công nghiệp Khí đốt và Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước thông báo cho Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về việc Phần Lan không thể cung cấp giàn khoan nổi tự nâng 6500/100 và KMS-1200/1600 đúng thời hạn dự kiến, và việc mua những thiết bị nổi này bằng khoản tín dụng ngoại tệ ở Singapore (công ty Far East Levingston) là không hợp lý. Tuy vậy, trong quá trình đàm phán mới phát hiện ra rằng việc cung cấp máy KMS-1000/1200 (sau này là «Ispolin») và giàn khoan nổi tự nâng 6500/100 (sau này là «Ekhabi») dự kiến tận sang quý hai của năm 1984. Đây là một sự chậm trễ đáng kể, từ một năm rưỡi đến hai năm rưỡi, dẫn tới tình trạng là tiến độ thực hiện «Chương trình-1985» cũng bị chậm theo.

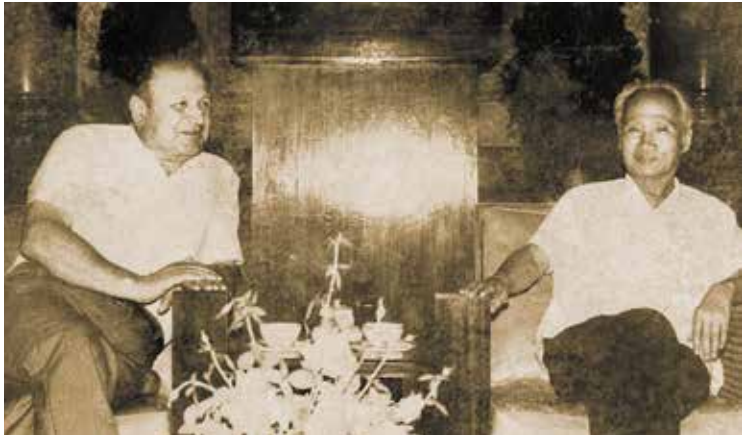
Tháng 10 năm 1982, các cuộc họp liên ngành đã đưa ra kế hoạch đẩy nhanh tiến độ công việc. Bộ Công nghiệp Khí đốt không phụ trách việc mua tàu, nhưng chịu trách nhiệm về tổ chức công việc. Vì vậy, Bộ quyết định đưa sang Việt Nam các thiết bị giàn

¹ Phỏng vấn bà Phạm Thị Ngô Thảo, vợ góa của ông Nguyễn Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2015, thành phố Hà Nội.

² Nguyễn Xuân Thắng. Hoạt động tài chính-tiền tệ của liên doanh Vietsovetpro trong giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành và phát triển // «Vietsovetpro. 30 năm hình thành và phát triển». Hà Nội, 2011. Tr. 406.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 1739. Tờ 3.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 10–11.



Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov tại cuộc gặp Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng, 1983

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov

Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

khoan nổi của mình, vốn dành cho công việc ở lưu vực các biển Liên Xô và được xây dựng để phục vụ các dự án khác. Trong bản Hiệp định Liên chính phủ không có quy định về những hành động này, vì vậy đây thực sự là một rủi ro rất lớn. Nhưng trong tình hình lúc bấy giờ, nếu không làm thế thì không thể bắt đầu việc khoan đầu được.

Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov và Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước Y. P. Ryabov đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 1 tháng 6 năm 1983: «*Mặc dù hai phía Liên Xô và Việt Nam đã hoàn thành một khối lượng công việc đáng kể, song vẫn chưa đảm bảo việc thực hiện các hoạt động chính tại mỏ Bạch Hổ theo thời hạn yêu cầu trong Chương trình. Năm 1982 chưa lắp đặt xong giàn khoan cố định số 1, việc khởi công khoan giếng thăm dò đầu tiên ở đây cũng chưa làm được. Trong năm 1983 cũng không bảo đảm được việc xây ba giếng khoan thăm dò cùng với giàn khoan nổi, cũng như không thực hiện được việc đưa những giếng khoan đầu tiên vào hoạt động thí điểm. Tới cuối năm 1985 chỉ có thể hoàn thành việc xây dựng hai giàn khoan cố định thay vì bốn giàn khoan mà Chương trình đề ra, như vậy chỉ có thể đưa tổng cộng 5 giếng khoan vào hoạt động thí điểm, thay vì 22 giếng. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là bởi vì không kịp mua một loạt các thiết bị kỹ thuật trên biển từ nước thứ ba, căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ Liên Xô ban hành ngày 12 tháng 2 năm 1981. <...>*

Xét tới thời hạn quá gấp để thực hiện các công việc nêu trên, kể cả với khối lượng đã được giảm bớt, Bộ Công nghiệp Khí đốt buộc phải đưa ra những biện pháp bổ sung về trang bị kỹ thuật bằng cách sử dụng một phần các nguồn dự trữ nguyên vật liệu, trước hết là các thiết bị kỹ thuật nổi của Bộ.

Như vậy, việc khoan các giếng thăm dò ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam vào giai đoạn những năm 1983–1984 sẽ được VPO «Sakhalinmorneftegazprom» thực hiện bằng cách sử dụng tàu khoan dầu «Mikhail Mirchink» cùng với hai tàu hậu cần là «Paranai» và «Lyutog».

Tàu cầu «Thuyền trưởng Dolgopolov» được chuyển từ thềm lục địa của Biển Đen tới Việt Nam, cùng với hai tàu hậu cần là «Dunai» và «Tsentavr», có nhiệm vụ lắp ráp giàn khoan cố định đầu tiên trên biển.



Những người phụ trách dự án liên doanh Vietsovetro: Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin (thứ hai từ bên trái, hàng đầu tiên), tiếp theo là Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười, Tổng giám đốc liên doanh Vietsovetro F. G. Arzhanov, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Việt Nam và Phó Tổng giám đốc thứ nhất của liên doanh Vietsovetro Nguyễn Hòa, lãnh đạo VEO «Soyuzarubezhmorneftegazprom» A. M. Vardanyan (hàng thứ hai, người thứ ba từ bên trái)

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Tổng giám đốc liên doanh Vietsovetro F. G. Arzhanov

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Quyết định đưa ra là xây dựng giàn khoan cố định đầu tiên bằng sức lực của VPO «Kaspmorneftegazprom», vì vậy vào các tháng 8 và 9 năm nay, một nhóm các chuyên gia cấp cao Liên Xô sẽ được cử sang công tác tại Việt Nam.

Cuối năm 1983–đầu năm 1984, từ thềm lục địa biển Barensev và biển Baltic, hai tàu mang tên «Viện sĩ Gambursev» và «Diabaz» được đưa tới Việt Nam để thực hiện các nghiên cứu tổng thể về địa vật lý và địa lý-kỹ thuật.

Ngoài ra, từ giữa năm 1984, giàn khoan nổi tự nâng 6500/100 để khoan giếng thăm dò và tàu lắp ráp cần trục có trọng tải 1000/1200 tấn để lắp đặt giàn khoan cố định thứ hai trên biển sẽ được sử dụng ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Từ giữa năm 1985 — tàu lắp ráp cần trục có trọng tải 600 tấn sẽ được đưa vào sử dụng. Tổng cộng trong giai đoạn các năm 1983–1985, 16 thiết bị nổi sẽ được đưa tới Việt Nam theo điều kiện chuyển số dư và cho liên doanh thuê, ngoài ra còn để thực hiện các hợp đồng thầu.

Để đảm bảo cung cấp nguồn năng lượng cho các công trình của Vietsovetro, trong năm 1983 và quý 1 của năm 1984, các quỹ của Bộ Công nghiệp Khí đốt sẽ phân bổ 6 trạm phát điện diesel dạng khối PAES-2500. Ngoài ra, đã thông qua và áp dụng một loạt các biện pháp khác liên quan đến việc kích hoạt công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam»¹.

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Đáng tiếc là, căn bệnh mãn tính của liên doanh Vietsovetro trong giai đoạn hình thành là tình trạng không cung cấp đủ nguyên liệu và máy móc theo đơn đặt hàng, kể cả từ phía Liên Xô lẫn phía Việt Nam, rồi thiếu công nhân, thiếu máy móc xây dựng tại các công trình, tài liệu về dự án và tính toán giá thành không hoàn thành kịp thời gian vì mất nhiều thời gian thống nhất dự án. Một chuỗi lê thê những cơ quan hành chính kinh tế từ cả hai phía đã kéo dài đáng kể thời gian giải quyết các vấn đề.

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7139. Từ 91–93.

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov và Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước Y. P. Ryabov gửi cho Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, lãnh đạo bộ phận Liên Xô thuộc Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô N. V. Talyzin, ngày 11 tháng 6 năm 1984: «*Nhằm thực hiện chỉ thị của phiên họp thứ IX Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật đối với Bộ Công nghiệp Khí đốt, Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước, Bộ Tài chính Liên Xô và Ngân hàng ngoại thương Liên Xô, trong tháng 3-tháng 4 năm nay với các tổ chức có thẩm quyền từ phía Việt Nam. Kết quả của các cuộc đàm phán là thống nhất được về những vấn đề sau đây:*

— trình tự thực hiện hợp đồng về việc các tổ chức nhà nước Việt Nam hỗ trợ cho Liên doanh dưới hình thức thực hiện công việc, cung cấp các dịch vụ và thanh toán cho các công việc và dịch vụ này;

— trình tự để các tổ chức nhà nước của Việt Nam đang làm việc tại các công trình của Liên doanh chuyển giao thiết bị vật tư cho Liên doanh;

— trình tự thống kê theo giai đoạn phần chi phí của phía Việt Nam trong vốn điều lệ của Liên doanh;

— trình tự định giá các tòa nhà và công trình của Liên doanh do các tổ chức nhà nước Việt Nam xây dựng.

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

<...> Đã giải quyết xong vấn đề về việc chuyển về Liên Xô tiền bảo hiểm xã hội cho các chuyên gia Liên Xô và tiền công tác phí của các chuyên gia tới Việt Nam.

Tuy nhiên hai bên chưa thống nhất được về việc công ty ngoại thương Petechim của Việt Nam áp dụng cái gọi là tăng giá thương mại, theo đó công ty này phải nhận được khoản tiền trị giá 4,5% giá trị thiết bị vật tư cung cấp cho Liên doanh từ Liên Xô và các nước thứ ba. Theo quan điểm của các tổ chức Liên Xô, con số tăng giá thương mại trên đây là không hợp lý, vì các thiết bị vật tư mà phía Liên Xô cung cấp cho Liên doanh được coi là đóng góp vào vốn điều lệ và không thể được coi là đối tượng để giao dịch mua bán. <...>

Do có những mâu thuẫn liên quan đến cách tính toán và mức giá ngoại thương do các tổ chức Việt Nam đưa ra, hệ số chuyển đổi tiền Việt Nam sang đồng tiền rúp chuyển nhượng do các tổ chức của Liên Xô tính toán đưa ra không được chấp nhận, vì vậy tạm thời vẫn áp dụng hệ số chuyển đổi được quy định vào năm 1982–20 đồng tương đương với 1 rúp chuyển nhượng.

Tại các cuộc đàm phán, các tổ chức Việt Nam giữ lập trường rất tiêu cực đối với việc mua các thiết bị của giàn khoan nổi ở Phần Lan để cung cấp cho Liên doanh, vì giá cả của các thiết bị này cao hơn giá trên thế giới, vì thế phía Việt Nam cho rằng sau này những thiết bị mua ở Phần Lan sẽ thôi không tiếp tục cung cấp cho Việt Nam nữa.

Các tổ chức Việt Nam còn đặt vấn đề về việc sử dụng một phần ngoại tệ quy đổi tự do từ khoản tín dụng cung cấp cho Việt Nam căn cứ vào điều khoản 10 của Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19 tháng 6 năm 1981 để mua một số loại phụ tùng và công cụ, dầu máy, nguyên vật liệu tại thị trường các nước tư bản gần kề với Việt Nam.

Để đảm bảo sử dụng đúng cách các thiết bị mua ở các nước thứ ba cho Liên doanh, chúng tôi cho rằng cần đồng ý mua những mặt hàng trên bằng khoản tín dụng ngoại tệ theo đơn đặt hàng của Liên doanh thông qua tổ chức ngoại thương của Việt Nam»¹.

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Việc thảo luận hợp đồng đã vượt ra ngoài khuôn khổ các vấn đề kỹ thuật và chuyển lên cấp độ cao mức nhà nước.

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Trích thư của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, lãnh đạo bộ phận Liên Xô của Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô N. V. Talyzin gửi cho Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam, lãnh đạo bộ phận Việt Nam của Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô, ông Trần Quỳnh, ngày 6 tháng 6 năm 1984 «*Kính gửi đồng chí Trần Quỳnh,*

<...> Tôi mong muốn đồng chí lưu ý tới việc thời gian gần đây các cuộc đàm phán giữa các tổ chức của Liên Xô và Việt Nam gặp khó khăn, liên quan tới việc ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị và dịch vụ cho XNLD Việt — Xô. Tới tận thời điểm này chưa ký kết được một trong số hợp đồng chủ chốt về việc xây dựng giàn khoan cố định đầu tiên trên biển. Những cuộc đàm phán kéo dài về các hợp đồng khác nữa cho thấy, nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng chậm ký hợp đồng là do không thống nhất được về giá. Trong một số trường hợp, các tổ chức của Việt Nam không chấp nhận giá của các thiết bị tái xuất khẩu theo hợp đồng được ký kết giữ các tổ chức ngoại thương của Liên Xô với các công ty phương Tây, họ cũng không công nhận giá một số hợp đồng ký giữa các tổ chức Liên Xô và Việt Nam. Bên cạnh đó, điều 8 của Hiệp định Liên chính phủ Việt — Xô quy định rằng «... giá thiết bị vật tư được mua tại các nước thứ ba cho nhu cầu của Liên doanh sẽ được quy định dựa theo các điều kiện của hợp đồng ký với các công ty thuộc nước thứ ba...».

Tình hình này khiến phía Liên Xô lo ngại, vì việc chậm trễ ký kết hợp đồng dẫn đến tình trạng ở các cảng Liên Xô một lượng hàng hóa lớn bị tồn đọng, kéo theo hậu quả những chi phí phi sản xuất liên quan tới việc bảo quản kho bãi, đồng thời làm chậm tiến độ các công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam»².

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Trích thư trả lời của ông Trần Quỳnh gửi ông N. V. Talyzin ngày 14 tháng 9 năm 1984: «*Kính gửi đồng chí Nikolai Vladimirovich Talyzin, Tháng 6 năm nay, trong cuộc gặp mặt tại Matxcova với các đồng chí Baibakov N. K, Ryabov Y. P, và Dinkov V. A, tôi đã thẳng thắn nêu ra một số vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán giữa các tổ chức ngoại thương của hai nước chúng ta (công ty nhà nước «Technoimport» của Việt Nam và tập đoàn ngoại thương «Technoimport» của Liên Xô), liên quan tới vấn đề nhập khẩu thiết bị và các vật liệu, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu của Liên doanh Vietsovetro. Các đồng chí Liên Xô rất hiểu tình hình này. Sau khi trở về Hà Nội, tôi nhận được bức thư của đồng chí đề ngày 6 tháng 6 năm 1984 về các vấn đề nêu trên. Căn cứ vào những thỏa thuận mà hai bên đã đạt được ở Matxcova, tôi đã chỉ thị cho công ty nhà nước Petechim*

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

Phó Thủ tướng Việt Nam Đỗ Mười

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7636. Từ 67–69.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 144. Hồ sơ 1605. Từ 4–5.

cử một đoàn cán bộ sang Liên Xô để đàm phán với tập đoàn Technoexport. Tôi cũng đã giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc công ty Petechim, ông Trần Hữu Lạc tiến hành đàm phán với công ty Technoexport trên tinh thần đoàn kết anh em và tin cậy lẫn nhau. Sau một tháng đàm phán, hai công ty Petechim và Technoexport đã ký kết một loạt các hợp đồng. Tuy nhiên hợp đồng về các thiết bị quan trọng nhất như giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi và tàu cấu công suất 1200 tấn Ispolim vẫn chưa được ký kết, hai bên mới chỉ đạt được thỏa thuận tạm thời để có thể nhanh chóng bắt tay vào sử dụng các thiết bị này. Theo thông báo của công ty Petechim, nguyên nhân chủ yếu là do cho tới tận thời điểm đó công ty Technoexport vẫn chưa chuyển giao cho phía Việt Nam toàn bộ chứng từ cần thiết, cũng như bản gốc hợp đồng ký với nhà máy sản xuất, vì giải thích rằng việc chuyển giao hợp đồng với các phụ lục cần thiết vượt ra ngoài giới hạn thẩm quyền của Technoexport. Nếu thực sự tình hình là như vậy, thì công ty Petechim sẽ rất khó có thể thực hiện điều 8 của bản Hiệp định, cho dù tất cả chúng tôi đều mong muốn điều này và đây cũng là điều ghi rõ trong bức thư của đồng chí viết ngày 6 tháng 6 năm 1984.

Tôi yêu cầu đồng chí phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô xem xét, đâu là trở ngại thực sự và hỗ trợ để hai công ty Technoexport và Petechim có thể hoàn tất việc đàm phán và ký kết hợp đồng trong thời gian càng sớm càng tốt.

Phía Việt Nam nhận thức rõ một điều rằng, bằng việc chuyển giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi và cần cầu trục Ispolin sang sở dự của Liên doanh, chính phủ Liên Xô đã tăng đáng kể khả năng của Liên doanh trong việc tiến hành các công việc trên biển. Chúng tôi chân thành cảm ơn Chính phủ Liên Xô vì đã lưu ý tới vấn đề này. Hiện tại công ty Petechim đang chờ đạt được thỏa thuận giữa Technoexport và các tổ chức có liên quan của Liên Xô để có thể tiếp tục các cuộc thương thảo»¹.

Phải mất tới vài năm đầu để dàn xếp các cơ cấu hợp tác, «đeo gọt» tương tác giữa các cơ quan chính trị và bộ ngành kinh tế hai nước trong điều kiện xử lý những nhiệm vụ chính trị và sản suất trong khuôn khổ liên doanh Vietsovpetro. Từ tháng 10 năm 1985, căn cứ vào thỏa thuận mà hai bên đạt được thông qua trao đổi bằng thư từ đi lại, việc mua thiết bị và vật liệu ở các nước thứ ba được giao cho tổ chức ngoại thương của Việt Nam Petechim, với sự hỗ trợ của các tổ chức ngoại thương Liên Xô.

Danh mục và khối lượng hàng hóa cần mua sẽ phải thông qua Hội đồng Liên doanh Vietsovpetro thông qua hàng năm dựa trên cơ sở khả năng cung cấp hàng từ Liên Xô và Việt Nam.

* * *

Mặc dù các tổ chức của Liên Xô và Việt Nam đã tiến hành mọi biện pháp để tránh chậm kế hoạch, nhưng đáng tiếc là trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1982–1986, Vietsovpetro chỉ kịp hoàn thành 6 trong số 13 công trình của căn cứ hậu cần ven biển, 10 trong số 17 công trình không phục vụ cho mục đích sản xuất. Tất cả những yếu tố này ảnh hưởng tới tiến độ công việc. Ví dụ, thiếu căn cứ địa vật lý thì không thể nghiên cứu đầy đủ thềm lục địa, chậm hoàn thành khu nhà ở ảnh hưởng trực tiếp tới việc bố trí nhân sự hoặc đưa tới tình trạng thay đổi nhân sự thường xuyên từ phía Việt Nam, không thực hiện kịp công việc nạo vét và trang bị các thiết bị hàng hải cho vũng tàu dẫn tới hậu quả là tàu bị mắc cạn, hạn chế công việc của cảng vào khoảng thời gian ban đêm, các thuyền trưởng từ chối không cho tàu vào cảng Vũng Tàu². Giếng số 4 với giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi khoan không có hợp đồng (vì hợp đồng khi đó vẫn chưa thống nhất xong), vì thế nảy sinh phức tạp về cung cấp tài chính và vật tư kỹ thuật. Các tàu lắp ráp cần trục «Thuyền trưởng Dolgopolov», NPK-547, Ispolin, TBC «Neftegaz-28» hoạt động tại thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong tình trạng không có hợp đồng, người đứng ra chịu trách nhiệm là Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô. Điều này có được là nhờ hệ thống quan hệ tin cậy lẫn nhau hình thành giữa các cơ quan của hai nước³.

***Trích báo cáo cuối năm 1984 của ban giám đốc Liên doanh Vietsovpetro:** «Cần lưu ý rằng trong vòng hai năm trở lại đây, Liên doanh Vietsovpetro đã kịp thời gửi đơn hàng với đầy đủ danh sách các thiết bị vật tư cần thiết cho việc trang bị các công trình đang xây dựng, cũng như cho các nhu cầu sửa chữa-vận hành. Các kết luận của Liên doanh Vietsovpetro về hợp đồng và phụ lục cũng được chuyển giao kịp thời cho công ty Petechim. Lãnh đạo và nhân viên Liên doanh đã nhiều lần tham gia đàm phán ký kết hợp đồng, nhưng thực tiễn hai năm gần đây cho thấy, khi ký kết hợp đồng, các công ty hầu như không bao giờ tính đến ý kiến của Liên doanh Vietsovpetro. Hơn thế nữa, Liên doanh với tư cách là người thực hiện kỹ thuật trực tiếp luôn luôn phải chứng minh cho công ty Petechim và Tổng cục dầu khí Việt Nam về nhu cầu ký kết hợp đồng mua thiết bị vật tư cho sản xuất để thực hiện các kế hoạch đã đề ra, cũng như tiến hành các công việc khảo sát thiết kế. Hiện tại, Liên doanh Vietsovpetro không có đủ các thiết bị công nghệ nổi để đẩy nhanh việc xây dựng giàn khoan cố định và khoan giếng với giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi, vì vậy suốt một thời gian dài Vietsovpetro buộc phải chứng minh với lãnh đạo Petechim và Tổng cục dầu khí về việc cần thiết phải mua sắm các thiết bị này. Các công ty Petechim và Technoexport thỉnh thoảng lại không hoàn thành việc ký kết hợp đồng đúng thời hạn đã được phê chuẩn trong quyết định của Hội đồng III thuộc Liên doanh về việc cung cấp nguồn vật chất-kỹ thuật và thực hiện các công việc khảo sát thiết kế. Liên doanh Vietsovpetro cho rằng, thực tiễn ký kết hợp đồng cung cấp nguồn lực vật chất kỹ thuật và thực hiện công việc khảo sát thiết kế, cũng như sự hiểu biết hiện nay từ phía các công ty Petechim và Technoexport về trách nhiệm cung cấp các nguồn lực cần thiết, về kế hoạch do Liên doanh Vietsovpetro quy định không hỗ*

* * *

* * *

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Từ 104.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7784. Từ 59, 70.

trợ cho việc thực hiện các kế hoạch này ở mức tổ chức-kỹ thuật cao»¹.

* * *

Nói chung, trong toàn hệ thống hợp tác liên quốc gia có những mặt mạnh và cả những mặt còn yếu kém. Còn ở phía bên dưới hệ thống này là một tổ chức nhỏ với cái tên Vietsovpetro, nó tồn tại và dần dần trưởng thành. Thời gian đầu Vietsovpetro bị tước quyền hoạt động độc lập, không được phép tự phân bổ nguồn tiền, không được phép ký kết hợp đồng, nhưng dù sao đi chăng nữa nó vẫn là một tổ chức hợp pháp, sở hữu cơ sở vật chất và đội ngũ nhân sự nhất định.

* * *

***Trích tài liệu tham khảo của thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. I. Tymonin «Đẩy nhanh việc thực hiện Hiệp định Liên chính phủ Việt — Xô về thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam», ngày 21 tháng 2 năm 1984 (tài liệu sử dụng nội bộ):** «Trong điều kiện khi mà khối lượng công việc chính về Hiệp định do các tổ chức của Bộ Công nghiệp Dầu khí thực hiện, trong khi việc hỗ trợ về tài chính lại thuộc trách nhiệm của liên hiệp «Soyzzarubezhmorneftegazprom», về bản chất Bộ thực hiện chức năng của Liên doanh. Điều này làm giảm vai trò của Liên doanh, và Liên doanh chỉ còn đóng vai trò của một người quan sát từ bên ngoài, thay vì người chịu trách nhiệm thực hiện công việc. Bên cạnh đó, kinh nghiệm làm việc theo hợp đồng cho thấy hiệu quả thấp kém của mình và thực ra là không hợp lý. Vì các công trình xây dựng nằm cách quá xa với nhà tổng thầu, những công việc nêu trên đây hoàn toàn mất đi sự kiểm soát từ phía lãnh đạo các tổ chức ký kết hợp đồng và ảnh hưởng tới tiến độ công việc. Những người được cử đi thực hiện hợp đồng thầu phải tự mình làm việc, còn hệ thống thanh toán hiện tại để chi trả cho công việc họ làm không chỉ không khích lệ tăng năng suất lao động, mà ngược lại, chỉ làm chậm thêm tiến độ công việc.*

Rõ ràng là đã đến lúc cần tăng cường vai trò của Liên doanh trong các vấn đề về thăm dò, xây dựng các công trình kỹ thuật thủy văn, sắp xếp công việc trên mỏ ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Cần cho phép Liên doanh thực hiện tất cả mọi công việc về thăm dò và khai thác mỏ, trừ các công việc liên quan đến địa vật lý và địa chất kỹ thuật, cũng như thực hiện việc khoan trên giàn khoan «Mikhail Mirchink» trong giai đoạn chuyển mùa»².

* * *

Bất chấp những khó khăn nêu trên, công việc vẫn tiếp tục được thực hiện và mọi khúc mắc được cả hai bên cùng tham gia giải quyết, vì nguyên nhân của trở ngại là những yếu tố khách quan, chứ không phải là ác ý của hai bên. Dần dần các bên hiểu rằng phải làm thế nào để tổ chức công việc cho hợp lý, ổn thỏa.

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8054. Từ 17–18.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7614. Từ 133.

«Vietsovpetro» tiến ra biển

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 144. Hồ sơ 1605. Từ 9–10.

^[2] Công ty Gazprom của Liên Xô và khởi đầu quá trình khai thác dầu quy mô công nghiệp ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam



Khối nhà của trường sỹ quan kỹ binh thực dân trước kia ở Vũng Tàu bây giờ trở thành trụ sở xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro



San lấp mặt bằng dành cho căn cứ tương lai trên bờ biển, sẽ phục vụ cho nhu cầu của Liên doanh Vietsovpetro
Tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam Petrovietnam



Toàn cảnh thành phố Vũng Tàu hiện đại. Ở tiền cảnh là trụ sở hiện đại của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, hậu cảnh là cảng và cơ sở phục vụ trên bờ
Tư liệu riêng



Các lãnh đạo của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, ông F. G. Arzhanov (ngoài cùng bên trái) và ông Nguyễn Hòa đón đoàn đại biểu quân nhân tới giúp Vietsovpetro xây dựng cảng và bảo vệ khu vực cảng
Tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam Petrovietnam

- 125 mét, chiều rộng 25 mét và hệ thống năng lượng, đường ống nhiên liệu và cấp nước);
2. Bến nhỏ để tiếp nhận các tàu nhỏ và tàu phụ;
 3. Khu gần bến với nền cứng (bê tông và nhựa đường) tổng diện tích 9 hecta, trên đó có các công trình sau đây:
- a) khu nhà hành chính bao gồm các tòa nhà hai tầng và ba tầng;
 - b) kho vách đá và dầm khung sắt với tổng diện tích 4000 mét vuông;
 - c) bãi ống (các khung kệ đang trong giai đoạn lắp ráp);
 - d) kho nhiên liệu và dầu nhớt có sức chứa 30000 mét khối;
 - e) kho nước ngọt có sức chứa 20000 mét khối (đang trong giai đoạn lắp đặt);
 - f) khu bãi xe kèm theo xưởng sửa chữa;
 - g) cụm liên lạc vô tuyến.

Ngoài ra, trong khu vực gần kề với căn cứ không quân cũ còn có:

- a) bãi đỗ trực thăng;
- b) khu nhà và các công trình để làm xưởng sửa chữa cơ khí.

Toàn bộ diện tích của căn cứ với các khu trên đây là gần 50 hecta. Theo tuyên bố của lãnh đạo công ty, khi cần thiết có thể mở rộng diện tích lãnh căn cứ này lên tới 150 hecta¹.

Căn cứ vào kết luận của các chuyên gia Liên Xô, hệ thống điều hướng hiện tại không thể đảm bảo các điều kiện an toàn cho tàu bè và loại trừ khả năng hoạt động vào ban đêm của tàu, cần tiến hành các công việc nạo vét với khối lượng 224 ngàn mét khối tại điểm tàu quay đầu của vùng nước bến cảng. Nói chung cần tiến hành thực hiện một khối lượng lớn công việc để chuẩn bị toàn bộ cơ sở hạ tầng thành phố cũng như cảng Vũng Tàu nhằm thực hiện nhiệm vụ chiến lược là tìm kiếm và tổ chức khai thác dầu khí ở thềm lục địa. Từ trước khi ký kết hiệp định về hợp tác với Liên Xô,

Việt Nam đã thử tự mình làm việc này và thậm chí đã ký một số thỏa thuận với các công ty nước ngoài, nhưng chưa làm được việc gì có quy mô lớn. Các tổ chức của Việt Nam đã tự dựa vào sức mình để bắt đầu công việc sửa sang sắp xếp khu cảng.

Trích hồi ký của cựu Tổng cục phó Tổng cục Dầu khí Việt Nam, ông Phan Tử Quang: «Đồng chí Đỗ Mười đã tới thăm Vũng Tàu để nắm bắt tình hình ngay tại chỗ. Ông đã quyết định chuyển giao toàn bộ khu khách sạn Lam Sơn cho Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (OSC) để đảm bảo chỗ ở cho các chuyên gia Liên Xô. Đồng chí Đinh Đức Thiện đã đề nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thu hồi toàn bộ những khu nhà và đất mà quân đang quản lý như trường Thiếu sinh quân, khu Thông tin, khu Chí Linh để cấp cho dầu khí. Đồng thời ông cũng yêu cầu Bộ Quốc phòng điều động Binh đoàn 318, đồng thời đề nghị Thủ tướng điều động Công ty 12 thuộc Bộ xây dựng, Công ty xây dựng phục vụ dầu khí TP. Hồ Chí Minh, Công ty X14 của Bộ giao thông, chuyên thiết kế xây dựng cảng, chuyển sang xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành dầu khí. Mọi nguồn lực về người và vật chất của đất nước được dồn hết cho sự nghiệp này»².

Ngày 31 tháng 5 năm 1979 các tờ báo địa phương đã đăng tải quyết định của Quốc hội về việc thành lập đặc khu kinh tế Vũng Tàu-Côn Đảo. Đặc khu bao gồm bản thân làng chài và khu nghỉ mát Vũng Tàu, xã Long Sơn, huyện Châu Thành tỉnh Đồng Nai và huyện Côn Đảo thuộc tỉnh Hậu Giang³. Lãnh đạo đặc khu là ông Lê Quang Thành, một đảng viên dày dạn kinh nghiệm, một chiến sĩ nằm vùng lâu năm.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 2753. Tờ 168.

² Phan Tử Quang. Những kỷ niệm đáng nhớ về ngành dầu khí // «Vietsovpetro». 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 343.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-4459. Danh mục 43. Hồ sơ 21029. Tờ 230.

Trích hồi ký Bí thư đặc khu ủy Vũng Tàu-Côn Đảo Lê Quang Thành: «Tôi năm nay đã 92 tuổi, hồi nhận quyết định bổ nhiệm làm Bí thư đặc khu ủy Vũng Tàu-Côn Đảo, tôi 56 tuổi. Tôi hỏi:

— Thế tôi sẽ làm gì ở cái vùng bé tẹo như thế?

Người ta giải thích cho tôi rằng chính phủ hai hước đã thống nhất với nhau về việc thành lập XNLD dầu khí ở vùng này. Sắp tới, các chuyên gia Liên Xô sẽ tới đây cùng gia đình. Họ sẽ sống và làm việc ở Vũng Tàu. Cần đặc biệt quan tâm tới họ.

— Đồng chí Thành, đồng chí sẽ phải làm mọi việc: từ kinh tế tới phục vụ cộng đồng, rồi vấn đề ăn uống. Sau khi tốt nghiệp trường Đảng ở Liên Xô vào những đầu những năm 60, tôi hoàn toàn làm việc ở miền Nam, thậm chí trong những năm chiến tranh. Thời kỳ đầu tôi lãnh đạo các tổ chức thanh niên, sau đó làm lãnh đạo Tỉnh ủy, tôi phụ trách công tác tư tưởng, văn kiện đảng, các vấn đề thanh niên; tôi không biết tí gì về ngành dầu khí. Có lúc tôi rất lo lắng về chuyện này, nhưng dần dần tôi cũng trấn tĩnh được.

— Minh không biết gì về dầu khí, — tôi tự nhủ, — nhưng tôi biết Liên Xô, tôi biết những người chuyên gia Liên Xô là ai. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao về công nghiệp dầu khí của Liên Xô và đã từng đề nghị các đồng chí ở Baku giúp đỡ. Họ rất rành về dầu khí, còn mình biết hết hoặc gần hết về đất nước mình. Mình đã từng học ba năm ở Liên Xô, mình biết người dân Xô Viết, họ là những người như thế nào, tôi biết phải giao tiếp với họ ra sao và tương tác với họ như thế nào. Nói tóm lại, mình biết rằng sẽ tìm ra ngôn ngữ chung với họ và cùng chung sức để hoàn thành nhiệm vụ.

Trước khi tới Vũng Tàu, cấp trên đã triệu tập một nhóm các đảng viên và nói rằng chúng tôi tới đó không phải để nghỉ ngơi, và chúng tôi không được phép chỉ nghĩ tới cuộc gặp mặt với các bạn bè Liên Xô cũ, mà trước hết chúng tôi cần nhớ về lợi ích của nhà nước, của nhân dân và của ngành dầu khí Việt Nam. Chúng tôi phải sớm đạt được thành tích.

— Hãy giúp đỡ tất cả mọi người cần tới đồng chí! Ban lãnh đạo cần dặn chúng tôi.

Khi người Canada, người Ý và những người nước ngoài khác đến xem xét thêm lục địa của chúng ta, họ lên kế hoạch làm việc từ Singapore. Chỉ có người Liên Xô là đề nghị xây căn cứ khai thác dầu khí ở Vũng Tàu của chúng ta. Trước đây, Vũng Tàu là khu quân sự, khó có thể gọi đây là thành phố, cũng lắm là một khu làng nhỏ và nghèo, chưa đầy 100 ngàn người trong toàn Vũng Tàu. Tìm đâu ra người làm việc bây giờ? Báo chí đăng bài về việc các chuyên gia Liên Xô sẽ tới Vũng Tàu làm việc, xí nghiệp đang chuẩn bị hoạt động. Mọi người đều vui mừng. Nếu không đủ người thì cần thông tin về điều này. Tất cả mọi người trong nước đều sẵn sàng chung tay giúp đỡ. Giờ đây, ai cũng nhìn thấy kết quả hiện tiền.

Biển của chúng ta rất giàu có, chắc chắn có dầu lửa và khí đốt, nhưng dầu khí cũng như cô gái đẹp đang đợi các đồng chí Liên Xô và Việt Nam cưới những con bạch mã tới đây để đón cô công chúa này»¹.

Chính quyền tất cả các cấp, từ địa phương đến trung ương đều phải góp sức mình vào sự nghiệp này bằng mọi cách có thể.



Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn gặp các nhân viên Việt Nam làm việc tại xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro

Sự ra đời của xí nghiệp

XNLD Việt — Xô về thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam Vietsovpetro bắt đầu lịch sử của mình bằng việc bổ nhiệm những chuyên gia Việt Nam đầu tiên, họ có nhiệm vụ chuẩn bị căn cứ. Các chuyên gia này được đưa tới từ miền Bắc (bộ máy Tổng cục Dầu khí, Công ty dầu khí số 1), cũng như từ miền Nam (Công ty dầu khí số 2), họ được điều động từ các bộ ngành liên quan như Bộ tài chính, Bộ năng lượng...

Trích hồi ký của ông Lê Văn Hùng, cuối những năm 70 — là Trợ lý Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất Việt Nam: «Vào tháng 7 năm 1981, Tổng cục dầu khí đã lựa ra được 26 những nhân viên trẻ tuổi đã từng qua đào tạo ở nước ngoài, có trình độ kỹ thuật và trình độ tiếng Nga tốt, họ là đội ngũ nòng cốt của XNLD trong lai Vietsovpetro (chúng tôi vẫn nói đùa rằng họ là «26 chính ủy Baku»). Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười đã đích thân tới Tổng cục dầu khí để huấn thị và giao nhiệm vụ cho nhóm chúng tôi (hầu như tất cả 26 người tới Vũng Tàu khi đó nay đều là các vị lãnh đạo chủ chốt của Vietsovpetro). Sau đó chúng tôi tới Vũng Tàu để chuẩn bị căn cứ của XNLD Vietsovpetro. Hồi ấy không có nhà cửa, và chúng tôi kê những chiếc giường sắt nhau ở tầng trệt của tòa nhà nay là tòa nhà của Viện nghiên cứu dầu khí biển. Chúng tôi bàn bạc về cách thức sắp xếp vị trí cho hội đồng giám đốc, các phòng, chuẩn bị đồ gỗ, điện thoại cho xí nghiệp mới»².

Ngày 9 tháng 7 năm 1981, một tờ thông báo được dán tại văn phòng của Công ty dầu khí số 2 ở Vũng Tàu: «Yêu cầu tất cả các chuyên gia thuộc các bộ phận khác nhau được Tổng cục dầu khí điều tới công tác tại XNLD dầu khí Việt — Xô có mặt lúc 8 giờ sáng ngày 10 tháng 7 năm 1981 tại phòng nhỏ của thư viện để tham gia cuộc họp toàn thể của xí nghiệp». Chủ trì cuộc họp là nhà địa chất Ngô Thường San, người được bổ nhiệm làm phó giám đốc của XNLD. Mọi người được nghe đọc các văn bản quy định hoạt động của họ từ nay về sau.



Đồng chí Lê Duẩn với các công nhân của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro

Trích hồi ký của ông Trần Đình Dĩnh, cựu trưởng phòng hành chính kinh doanh của Vietsovpetro: «Trước khi đi vào phần chính của cuộc họp, với tư cách là trưởng phòng hành chính kinh doanh và nhà tổ chức cuộc họp, dựa trên cơ sở danh sách nhân viên Xí nghiệp, tôi đã lần lượt xướng lên họ và tên của từng người, chỗ làm việc trước kia và hiện tại. Người được nêu tên đứng lên để tự giới thiệu với đồng chí Sơn và cả tập thể. Mặc dù bản thân tôi đã có gần 20 năm làm việc trong ngành dầu khí, nhưng tôi chỉ biết mặt vài người. Hầu hết những người trong danh sách là các nhân viên mới toanh, các chuyên gia trẻ tuổi, mặt mũi sáng sủa, có bằng cấp. Đặc biệt những người được bổ nhiệm làm trưởng phòng và phó phòng, họ còn rất trẻ và trông như những sinh viên. Ví dụ, phó phòng tài chính, đồng chí Đỗ Đình Khải. Nói chung cả tập thể đều có cảm giác phấn chấn vì chính mình được tham gia vào XNLD đầu tiên của ngành dầu khí»¹.

Những nhân viên từ miền Bắc vào ban đầu được bố trí ở trong tòa nhà văn phòng của Công ty dầu khí số 2, sau này họ được chuyển sang sống ở khách sạn «Mái Nắng» vừa mới được sửa sang xong. Còn khách sạn Lam Sơn và một số khu biệt thự thì được chuẩn bị để đón tiếp các chuyên gia Liên Xô đầu tiên, dự kiến sẽ tới đây vào mùa thu.

Trong số các nhân viên Việt Nam, một số kỹ sư giàu kinh nghiệm nhất và có triển vọng nhất đã được chọn lựa để nắm giữ các cương vị phó lãnh đạo XNLD và các phòng ban chính, để sau này cất nhắc họ lên các vị trí cao hơn. Trong số họ có Ngô Thường San, Trần Ngọc Cảnh, Đỗ Đình Khải, Lê Văn Hùng và những người khác. Họ được cử đi thực tập 6 tháng ở Liên Xô. Các chuyên gia khối hành chính-sản xuất thì được cử đi học tại liên đoàn «Caspormorneftgaz», các chuyên gia về bộ phận khoa học và dự án tới liên đoàn «Sakhalinmorneftgazprom». Chính đây là thời kỳ sinh ra cấp liên kết «trưởng phòng-phó phòng», vì nhiều người trong số các sinh viên đi thực tập đã được đào tạo ở những chuyên gia Liên Xô mà sau này họ sẽ phải làm việc cùng ở Liên doanh, và các chuyên gia này sau một thời gian cùng làm việc sẽ chuyển cho các đồng nghiệp Việt Nam chức năng lãnh đạo. Ngay từ đầu đã có dự kiến rằng, sau một thời gian các chức vụ lãnh đạo trong Liên doanh Vietsovpetro sẽ do người Việt Nam đảm nhiệm. Đó là quan điểm mang tính nguyên tắc ngay từ đầu của phía Liên Xô.



Thủ tướng CHXHCN Việt Nam Phạm Văn Đồng phát biểu trước cán bộ công nhân viên Việt Nam làm việc tại xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro. Bên trái là Bí thư đặc khu ủy Vũng Tàu-Côn Đảo Lê Quang Thành, bên phải là lãnh đạo Tổng cục dầu khí Việt Nam Nguyễn Hòa. 1981

Trích hồi ký của ông Ngô Thường San, giữ chức vụ phó Tổng giám đốc của Liên doanh Vietsovpetro vào vào những năm 80»: «Ngay từ ngày đầu tiên tôi đã được bổ nhiệm làm phó Tổng giám đốc của XNLD Vietsovpetro. Mặc dù tôi đã có vốn kinh nghiệm khá dày dặn trong công việc địa chất, tham gia trong các nghiên cứu thực địa, lập báo cáo địa chất và các tài liệu đánh giá, nhưng cương vị mới giờ đây đòi hỏi một vốn kiến thức hoàn toàn khác. Chính vì vậy tôi là một trong số những người được cử đi học ở Baku, tới liên đoàn «Kaspormneftgazprom». Tại đó, tôi phải trải qua một chặng đường từ một kỹ sư địa chất bình thường, trưởng nhóm cho tới phó tổng giám đốc về địa chất, tức là tất cả các bậc công việc. Cách tiếp cận như vậy đòi hỏi tôi phải biết giải quyết vấn đề một cách toàn diện và rất đặc trưng cho cách giáo dục của Liên Xô, là nơi mà hầu hết chúng tôi được đào tạo về ngành nghề của mình. Ở phương Tây phương pháp giáo dục không như thế, ở đó người ta có thể cử bạn theo học một số khóa học nào đó, với một đề tài nhất định, quy mô rất hẹp. Nhưng ở Liên Xô tôi được đào tạo để đảm nhiệm công việc của một phó giám đốc về địa chất. Tôi phải nghiên cứu không chỉ là chuyên môn, mà cả các nghĩa vụ mang tính chức năng, tôi phải biết cách thức làm việc của một chuyên gia kiêm lãnh đạo ở cấp phó giám đốc trong điều kiện sản xuất thực tế ở một xí nghiệp lớn»².

Trích hồi ký của ông Trần Ngọc Cảnh, phó giám đốc Trung tâm nghiên cứu và sản xuất của XNLD Vietsovpetro»: «Trước khi thành lập XNLD Vietsovpetro tôi làm việc ở Thái Bình, miền Bắc Việt Nam, mặc dù tôi cũng được giao thực hiện một số công việc liên quan tới việc chuẩn bị cho XNLD tương lai. Sau khi có quyết định về việc thành lập xí nghiệp, 21 chuyên gia trẻ tuổi, trong đó có tôi, được chính thức phái đi công tác ở Vũng Tàu. Tại đây tôi được giao nhiệm vụ lãnh đạo nhóm các nhà khoa học trẻ, được cử đi thực tập 6 tháng tại «Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển Sakhalin». Tôi ở Sakhalin 4 tháng, sau đó nhờ sự giúp đỡ của O. O. Sheremeta, tôi được cử đi thực tập ở Viện nghiên cứu khí đốt thiên nhiên toàn liên bang để nghiên cứu công việc. Tôi phải chuẩn bị cho

^[1] Phỏng vấn ông Lê Quang Thành, ngày 19 tháng 4 năm 2015, TP. Hồ Chí Minh.

^[2] Lê Văn Hùng. Công việc chuẩn bị thành lập xí nghiệp liên doanh dầu khí «Vietsovpetro» // Dầu khí. 2005. № 6 (xuất bản bằng tiếng Việt).

^[1] Trần Đình Dĩnh. Những ngày đầu tiên ở xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro// Vietsovpetro, ba mươi năm hình thành và phát triển. Tr. 350–351.

^[2] Phỏng vấn ông Ngô Trường Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2015, TP. Hồ Chí Minh.



Tại khóa thực tập ở «Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển Sakhalin». Bên trái là Chủ tịch tương lai của Tổng công ty dầu khí Petrovietnam Trần Ngọc Cảnh, ở giữa là Trưởng phòng thí nghiệm vật lý thiên văn Shumikhin. 1981
Ảnh tư liệu của ông Trần Ngọc Cảnh

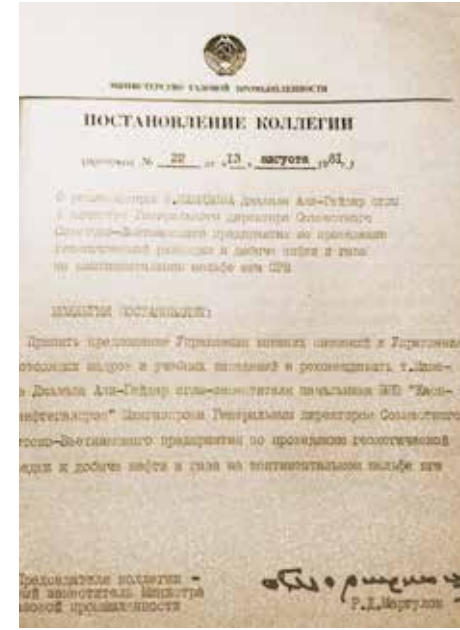
việc thành lập một Viện nghiên cứu khoa học như vậy ở XNLD Vietsovpetro. Ở Sakhalin, Viện trưởng là ông German Nikolaievich Belyanin, chính ông là người sau này lãnh đạo Trung tâm nghiên cứu và thiết kế của XNLD Vietsovpetro do chúng tôi lập ra và sau này trở thành nền móng cho Viện nghiên cứu thiết kế dầu khí biển của chúng tôi¹.

Trích hồi ký của cựu kế toán trưởng XNLD Vietsovpetro Đỗ Đình Khải, phó, năm 1981 ông giữ chức phó giám đốc phòng tài chính của XNLD Vietsovpetro: «Trước khi làm việc ở «Vietsovpetro» tôi và anh Bùi Ninh làm việc trong Bộ Tài chính và giám sát hoạt động của các công ty dầu khí phương Tây bắt đầu thực hiện công việc thăm dò thềm ở lục địa của đất nước chúng tôi. Trong hai năm 1980 và 1981, thỏa thuận về việc hợp tác và thành lập XNLD đã được ký kết. Vì tôi đã có một số kinh nghiệm làm việc với các chuyên gia dầu khí, nên tôi được cử tham gia trong thành phần của các nhân viên Tổng cục địa chất vào miền Nam để chuẩn bị thành lập xí nghiệp mới. Sau một thời gian, khi chúng tôi đã hoàn thành công việc sơ bộ, hầu hết các thành viên của nhóm chúng tôi, trong đó có tôi, được cử đi thực tập ở Liên Xô. Trong vòng nửa năm, từ tháng 9 năm 1981 tới tháng 3 năm 1982, chúng tôi tham gia khóa học và sau đó đi thực tập. Tôi thực tập tại liên đoàn «Kaspmorneftegazprom» ở Baku, tôi làm việc ở phòng tài chính. Trưởng phòng là đồng chí Prokovchik. Ông giúp đỡ tôi rất nhiều. Chúng tôi trở nên rất gần gũi với nhau. Thực tình thì người cố vấn của tôi cho rằng tôi tới đây để học từ đầu. Ông đưa cho tôi một danh sách các câu hỏi và đề tài. Không nên quên một điều rằng hệ thống tài chính và kế toán của Việt Nam được xây dựng theo mô hình của Liên Xô, ít nhất là thời bấy giờ, và tôi không chỉ được đào tạo chuyên nghiệp về ngành này, mà còn có vốn kinh nghiệm nhất định.

Tôi đã biết một ít tiếng Nga và thuyết phục được ông rằng tôi đã được trang bị vốn kiến thức cơ bản và không cần tốn thời gian để lặp lại kiến thức này. Ông

Prokopchik là một chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm và qua câu chuyện ông hiểu ngay là tôi cần gì. Sau vài năm làm việc tôi đã hình dung ra được những điểm yếu của mình và đặt ra những câu hỏi khá chuyên môn cho người cố vấn của mình, vì công việc của một chuyên gia tài chính và kế toán được đặt dưới sự kiểm soát khắt khe của các điều luật, văn bản hướng dẫn và những tài liệu tương tự. Nhưng hoạt động sản xuất của xí nghiệp phong phú đa dạng hơn nhiều so với các quy tắc mang tính hình thức, và thực tiễn cho tôi rút ra một điều rằng, không phải tất cả các vấn đề đều được quy định rõ ràng. Vì thế tôi hỏi ông Prokopchik về những «chỗ hẹp» này. Sau cuộc chuyện trò này ông đã cho tôi được tự do, và tôi được phép làm những gì mà tôi cảm thấy cần. Đương nhiên ông giúp đỡ tôi một cách rất cẩn thận về một số vấn đề cụ thể nào đó. Nhờ ông Prokopchik mà tôi đã được thực tập tại tất cả các bộ phận của liên đoàn.

Khi ấy ở Việt Nam chưa có công việc khai thác dầu khí vì thế lần đầu tiên tôi gặp phải những vấn đề thực tiễn trong mảng này của lĩnh vực tài chính. Đó thực sự là một thời kỳ rất quan trọng, có ích và rất hiệu quả của cuộc đời tôi. Những kỹ năng mà tôi học hỏi được trong nửa năm thực tập đó sau này được tôi áp dụng suốt đời. Mô hình xí nghiệp, cơ cấu, mối liên hệ giữa các bộ phận, tổ chức bộ phận tài chính, tất cả những kiến thức này tôi nhận được đúng vào giai đoạn thực tập ở Liên Xô. Sau khi kết thúc khóa học, trong đầu tôi bắt đầu hình thành một bức tranh hoàn chỉnh. Sau khi về nước, tôi được bổ nhiệm làm phó phòng tài chính của XNLD Vietsovpetro. Một lần nữa, số phận lại mỉm cười với tôi, bởi vì sắp của tôi lại chính là ông Prokopchik, người tới Việt Nam sớm hơn tôi nhiều. Lúc đó ông đã có tuổi. Ông là người rất tốt và rất dày dặn kinh nghiệm, đồng thời ông cũng là người rất nghiêm khắc. Không thể gọi ông là người cởi mở, nhưng quan hệ giữa tôi và ông rất tốt, tôi luôn kính trọng ông. Tiếc là ông làm việc ở Việt Nam không lâu².



Nghị định của Hội đồng tư vấn Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô về việc bổ nhiệm ông G. D. Mamedov làm Tổng Giám đốc xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro



Ông G. G. Mamedov tại căn cứ phục vụ trên bờ. 1982

Các cơ quan đảng bộ địa phương cũng góp phần không nhỏ vào việc xây dựng tập thể bằng việc giao phó các chức vụ quan trọng cho các đảng viên đảm nhiệm. Chính kỷ luật đảng đã buộc các nhà địa chất và địa vật lý phải chia tay với Thái Bình, nơi có cuộc sống không giàu có nhưng khá yên ổn để tới Vũng Tàu. Và không chỉ tới đây để làm việc, mà còn nêu gương về thái độ đối với công việc.

Trích hồi ký của Bí thư đảng ủy xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro: «Có lần chúng tôi đề nghị lãnh đạo của một cơ sở đề nghị cho chúng tôi các chuyên gia và công nhân tốt nhất trong số biên chế của mình. Không cần nghĩ ngợi lâu, ông nêu tên những người này và cung cấp cả danh sách cho chúng tôi. Sau khi phân tích thống kê, chúng tôi tra danh sách đảng viên và phát hiện ra rằng hầu hết những cán bộ công nhân đi đầu phong trào đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi nghĩ đây không phải là chuyện ngẫu nhiên tình cờ!³.

Ở Liên Xô, đội ngũ cán bộ được lựa chọn cho Việt Nam là các cán bộ chuyên ngành, nhưng quá trình phê duyệt danh sách bao giờ cũng được đưa ra xem xét tại các cơ quan đảng bộ cấp cao nhất, và thống kê nhân sự bao giờ cũng cho thấy số lượng lớn các cán bộ nhân viên trong xí nghiệp là đảng viên. Đó là thực tiễn được áp dụng vào thời kỳ này.

Ngày 13 tháng 8 năm 1981, Hội đồng tư vấn của Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô tiến hành xem xét và phê duyệt đề xuất về việc bổ nhiệm phó tổng giám đốc của liên đoàn «Kaspmorneftegazprom», ông Jalal Ali-Heydar-oglu Mamedov giữ chức Giám đốc xí nghiệp liên doanh Việt — Xô. Vài ngày sau, văn bản đề cử người giữ chức vụ Tổng Giám đốc xí nghiệp tương lai được đệ trình lên BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô.

Trích thư đề cử của Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước và Bộ Công nghiệp dầu khí Liên Xô trình lên Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, ngày 17 tháng 8 năm 1981: «Ủy ban nhà nước Liên Xô về kinh tế đối ngoại và Bộ Công nghiệp Dầu khí đưa ra đề xuất về việc cử đồng chí Jalal Ali-Heydar-oglu Mamedov sang CHXHCN Việt Nam để làm việc với tư cách là Tổng giám đốc XNLD Việt — Xô về thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Đồng chí Mamedov sinh năm 1925, là người Azerbaijan, từ năm 1956 là đảng viên Đảng cộng sản Liên Xô, có trình độ đại học, năm 1949 tốt nghiệp Trường đại học công nghiệp Azerbaijan mang tên Azizbekov, chuyên ngành dầu. Sau khi tốt nghiệp đại học, trong vòng 25 năm, ông đảm nhiệm công việc của một kỹ sư trong ngành công nghiệp dầu khí, sau đó là kỹ sư trưởng, phó phòng sản xuất kỹ thuật, lãnh đạo lớn, kỹ sư trưởng của liên hiệp «Khảo sát dầu khí Azerbaijan», kỹ sư trưởng của liên hiệp «Khảo sát dầu khí Azerbaijan», liên hiệp khoan ở mỏ dầu Apsheron. Từ năm 1972, ông làm phó tổng giám đốc liên đoàn Dầu khí biển Caspian, từ năm 1979 liên hiệp này chuyển sang trực thuộc Bộ Công nghiệp Dầu khí và đổi tên thành Liên đoàn Kaspmorneftegazprom. Đồng chí Mamedov là một kỹ sư nắm kỹ thuật tốt, một chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực khoan giếng dầu trên biển, một nhà tổ chức sản xuất dày dặn kinh nghiệm. Vốn kiến thức lý thuyết sâu rộng của đồng chí, cũng như vốn kinh nghiệm nhiều năm trong sản xuất cho phép đồng chí giải quyết thành công những vấn đề về khoan giếng dầu trong điều kiện địa chất và khí tượng thủy văn phức tạp trên biển Caspian. Trong giai đoạn những năm 1963–1965 và 1968–1971 đi công tác ở Cuba, ở đây đồng chí phụ trách công việc khoan và lãnh đạo nhóm các chuyên gia địa chất Liên Xô. Năm 1973, đồng chí sang Mỹ công tác, năm 1980 và 1981 đồng chí đã hai lần tham gia trong đoàn chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam công tác. Trong quá trình công tác ở nước ngoài, đồng chí đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

¹ Phỏng vấn ông Trần Ngọc Cảnh, ngày 14 tháng 4 năm 2015, Hà Nội.

² Phỏng vấn ông Đỗ Đình Khải, 22 tháng 4 năm 2015, Vũng Tàu.

³ Phỏng vấn ông Đồng Minh Hồng, 22 tháng 4 năm 2015, Vũng Tàu.



Trồng cây hữu nghị. Hai ông D. G. Mamedov và Lê Quang Thành trong buổi lao động cộng sản ngày thứ Bảy ở Vũng Tàu. Ngày 31 tháng 10 năm 1982
Ảnh tư liệu của Lê Quang Thành

Đồng chí tham gia tích cực vào công tác xã hội, được tập thể anh em cán bộ và công nhân viên trong liên đoàn kính trọng. Ủy ban nhà nước Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại và Bộ Công nghiệp Dầu khí cho rằng, đồng chí Mamedov hoàn toàn có khả năng đảm trách chức vụ Tổng giám đốc XNLD Việt — Xô về thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Ủy ban TƯ Đảng cộng sản Azerbaijan đề cử đồng chí Mamedov vào vị trí Tổng giám đốc XNLD Việt — Xô»¹.

Nhiều khả năng vị giám đốc đầu tiên của Liên doanh tới Việt Nam lần đầu tiên vào tháng 11, đầu tháng 12 năm 1981, khi đang tiến hành chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên của XNLD (theo kế hoạch sẽ diễn ra vào các ngày 4–23 tháng 12). Cuộc họp được tổ chức sau khi Quốc hội nước CHXHCH Việt Nam vào ngày 19 tháng 11 năm 1981 đã thông qua các văn kiện ký kết tại Matxcova trước đó về hợp tác trong lĩnh vực tìm kiếm và khai thác dầu khí ở thềm lục địa của đất nước. Phó thủ tướng Tố Hữu đã ký quyết định số №136/HDMT, cho phép XNLD Việt — Xô tiến hành thăm dò và khai thác dầu khí². Chính ngày 19 tháng 11 được coi là ngày sinh nhật của XNLD «Vietsovpetro».

Lễ khai mạc phiên họp thứ nhất của Hội đồng XNLD còn chưa có tên đã diễn ra tại Hà Nội vào ngày 4 tháng 12 năm 1981. Sự kiện này được đặc biệt chú ý. Trong số khách mời danh dự có đại diện của Ủy ban TƯ Đảng cộng sản Việt Nam, những người phụ trách xí nghiệp mới từ phía Hội đồng Bộ trưởng CHXHCH Việt Nam-phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười và Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng Đặng Thái, họ giới thiệu các thành viên của Hội đồng cho nhau và cùng với đại sứ Liên Xô B. N. Chaplin phát biểu về tầm quan trọng đặc biệt của chương trình hợp tác dự kiến. Lãnh đạo Hội đồng XNLD, thứ trưởng thứ nhất của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô Y. V. Zaisev và Tổng cục trưởng Tổng cục địa chất Nguyễn Hòa cho biết về những công việc mà các tổ chức của Liên Xô và Việt Nam đã thực hiện trong thời gian qua và những kế hoạch dự kiến trong năm 1982³.

Những phiên họp toàn thể sau này đều diễn ra ở Vũng Tàu. Tại đó, Hội đồng đã thông qua quy định về đội ngũ nhân sự của Liên doanh đã được thống nhất trước đó với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và Liên Xô, cũng như phê chuẩn tên gọi tất cả

xí nghiệp là Vietsovpetro, bổ nhiệm Tổng giám đốc D. G. Mamedov và ba phó giám đốc. Chức vụ phó tổng giám đốc thứ nhất (kiêm nhiệm) được giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Việt Nam, trung tướng Nguyễn Hòa, phó giám đốc nhân sự và các công tác đặc biệt là ông M. I. Zverev, phó giám đốc về hậu cần và điều động công nhân là ông Nguyễn Ngọc Sóm. Kinh phí cho năm 1982 đã được phê duyệt cho bộ máy quản lý xí nghiệp, mở xong tài khoản tại ngân hàng, và Bộ Tài chính Việt Nam sau đó đã chuyển vào tài khoản này số tiền là 36 triệu đồng⁴. Chữ ký của các vị lãnh đạo xí nghiệp được đăng ký tại ngân hàng, con dấu tạm thời của xí nghiệp cũng được đăng ký xong. Công việc thông qua cơ cấu xí nghiệp, giờ giấc làm việc và sơ đồ lương bổng về hậu cần và nhân viên cũng đã hoàn tất sau khi thống nhất với Bộ Tài chính Liên Xô và Bộ Lao động Việt Nam. Tháng 12 năm 1981, nhân viên của XNLD Vietsovpetro được lĩnh tháng lương đầu tiên⁵.

Phiên họp thứ nhất của Hội đồng XNLD còn thông qua các kế hoạch khảo sát địa chất và công trình địa chất kỹ thuật, xây dựng, khảo sát thiết kế, nghiên cứu khoa học và thiết kế cho năm 1982, đây phải là năm đầu tiên xí nghiệp bắt đầu hoạt động một cách tích cực. Cũng chính trong phiên họp này đã đề ra những nhiệm vụ đầu tiên về thiết kế các công trình thuộc căn cứ dịch vụ trên bờ và các công trình trên mỏ Bạch Hổ, đây là giai đoạn mở đầu cho hoạt động tích cực của các tổ chức thiết kế Việt Nam và Liên Xô⁶. Để đẩy nhanh tiến độ công việc, các chuyên gia của Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô được giao nhiệm vụ cung cấp thiết bị và vật tư đang nằm tại các dự án «bị đóng băng» ở Việt Nam cho chính xí nghiệp cũng như các công ty thầu xây dựng Việt Nam đang làm việc ở Vũng Tàu. Theo ý kiến của các chuyên gia Liên Xô, một loạt các thiết bị và vật tư, bao gồm thiết bị xây dựng, máy móc, cũng như các nguyên vật liệu xây dựng (kim loại cán, bitum), đang nằm tại các công trường xây dựng bị bỏ dở, sẽ có thể được sử dụng cho công trình xây dựng ở Vũng Tàu nếu được sự cho phép của phía Việt Nam. Vấn đề này đã được cố vấn kinh tế của sứ quán Liên Xô tại Việt Nam, ông V. D. Nagibin và ông Đỗ Mười bàn bạc từ hồi tháng 3 năm 1981, sau đó đề xuất này được phía Việt Nam ủng hộ.

Tháng 1 năm 1982, thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô Y. V. Zaisev đã trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô để xem xét phê duyệt Bản quy chế về nhân sự của XNLD Vietsovpetro. Cơ sở chính của văn bản là «Quy định tạm thời về điều kiện lao động của nhân viên các hiệp đoàn kinh tế quốc tế», được phê chuẩn vào hai tháng 10 và 11 năm 1979 bằng biên bản của phiên họp lần thứ XVIII đại diện các quốc gia là thành viên của khối xã hội chủ nghĩa về các vấn đề pháp lý⁷. Bản dự thảo này sau khi đã được bổ sung một số điểm đã được thông qua tại phiên họp thứ hai của Hội đồng XNLD Vietsovpetro diễn ra tại thành phố Baku vào tháng 7 năm 1982. Dẫn đầu đoàn đại biểu các kỹ sư dầu khí và kỹ sư kinh tế Việt Nam là Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam và phó Tổng giám đốc thứ nhất của XNLD Vietsovpetro, trung tướng Nguyễn Hòa⁸.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6595. Tờ 99.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6647. Tờ 99.

⁶ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6193. Tờ 188.

⁷ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5466. Danh mục 141. Hồ sơ 1425. Tờ 54.

⁸ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5466. Danh mục 141. Hồ sơ 1425. Tờ 61.



Những người thợ Baku ở Vũng Tàu. 1983

Vấn đề nhân sự

Đội ngũ cán bộ công nhân viên của XNLD Vietsovpetro trong những năm đầu tiên đã được hình thành như thế nào?

***Trích hồi ký của ông Bùi Văn Vĩ, phó phòng cán bộ của Vietsovpetro vào những năm 80:** «Nếu so với các điều kiện trong nước thì điều kiện lao động ở XNLD Vietsovpetro không tồi, thậm chí là tốt, nhưng đồng thời yêu cầu đối với công việc của công nhân và kỹ sư của xí nghiệp cũng rất cao, và việc tuyển chọn nhân sự cho Vietsovpetro mất rất nhiều công sức.*

Phòng tổ chức cán bộ, hệ thống tiền lương, bảng lương được tính theo nguyên tắc áp dụng trong hiệp đoàn dầu khí Liên Xô, nhưng khác với Liên Xô, ở Việt Nam khi đó vẫn chưa có hệ thống đào tạo nhân sự. Cứ tới cuối mỗi năm học, tôi lại ra Hà Nội, tới Bộ Giáo dục và trong vòng suốt ba bốn ngày tôi lục lại danh sách sinh viên tốt nghiệp tất cả các trường đại học, chọn ra những ngành gần gũi với lĩnh vực của chúng tôi. Sau đó chúng tôi mời họ tới phỏng vấn. Điều kiện bắt buộc đối với tất cả các chuyên gia được chúng tôi nhận vào làm việc là phải có giai đoạn thử việc, đặc biệt đối với những người vừa mới tốt nghiệp, các kỹ sư trẻ. Họ được cử đi học ít nhất là khóa học ngắn ngày theo ngành đã được đào tạo: thợ khoan phụ, kỹ sư điều hành máy. Cần theo dõi công việc họ làm và đưa kết luận về việc họ có hoàn thành nhiệm vụ hay không.

Để tìm được công nhân, chúng tôi phải liệt kê ra những kỹ năng mà các chuyên gia sẽ làm việc cho chúng tôi phải nắm được. Việc tìm đội ngũ nhân viên cho xí nghiệp vận tải đường biển tương đối dễ: tôi tới Trụ sở Hải quân Việt Nam, và đương nhiên ở đó tôi được giúp đỡ tìm cả lái xe ô tô lẫn lái máy kéo. Nếu ở Việt Nam không có công nhân ngành này, chúng tôi sẽ tìm ngành gần nhất. Ví dụ, Việt Nam không đào tạo thợ lắp giàn khoan cố định trên biển, nhưng có đội ngũ kỹ sư xây lắp cầu, họ có cơ sở đào tạo và chúng tôi nhờ họ tìm giúp các công nhân lành nghề. Vì đã được trang bị vốn kiến thức cơ bản, chỉ cần đào tạo thêm từ ba tới sáu tháng là những người thợ này học được nghề lắp ráp các công trình xây dựng trên biển do các chuyên gia Liên



Hàn giàn khoan. 1983
Phòng truyền thống của Tập đoàn dầu khí quốc gia Vietnampetro
Ảnh tư liệu của «Petrovietnam»



Thợ người sửa chữa ở Vietsovpetro
RIA Novosti

Xô đào tạo. Thợ lái cần cù chúng tôi nhờ cảng Sài Gòn đào tạo giúp.

Việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo phòng ban cần tới cả một văn phòng đặc biệt, bao gồm phó giám đốc thứ nhất của Liên doanh, tôi, với tư cách là cán bộ về nhân sự và bí thư đảng ủy nhà máy. Tôi nhớ rằng khi người Việt Nam đầu tiên được đề bạt vào giữ chức lãnh đạo tổ hợp giàn khoan cố định (đó là ông Khôi), việc này trước hết được tình ủy XNLD mang ra xem xét bàn bạc»¹.

Năm 1981 đã có tổng cộng 72 công nhân Việt Nam trải qua khóa thực tập tại các tổ chức thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt và Bộ Xây dựng Liên Xô, năm 1982 lại có thêm 100 người nữa. Giai đoạn các năm 1983–1984, hơn 300 các chuyên gia Việt Nam được lên kế hoạch đưa đi đào tạo ở các nhà máy Liên Xô. Họ được đào tạo để thực hiện các công việc cụ thể tại Vietsovpetro². Tại trường trung cấp sản xuất kỹ thuật ở làng Baria, tổng cộng có tới 2000 người tham gia học tập, đã mở lớp đào tạo bổ sung thêm thợ lặn, thợ hàn, thợ lắp máy, thợ sơn. Trường trung cấp cảng Hồ Chí Minh, trường trung cấp kỹ thuật hàng hải Hải Phòng và các trường khác của Việt Nam cũng được thu hút để đào tạo cán bộ cho XNLD Vietsovpetro³.

Tính tới ngày 10 tháng 3 năm 1982, bộ máy quản lý của Vietsovpetro đã bao gồm 40 chuyên gia của Liên Xô và Việt Nam. Ngoài ra, 200 các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật của Liên Xô đã ký kết hợp đồng lao động để đảm nhiệm các công việc về địa vật lý và địa chất kỹ thuật, tức là họ nhận hợp đồng thầu. Tổng cộng trong năm 1982 đã có 310 chuyên gia từ Liên Xô được cử sang công tác và làm việc tại thềm lục địa miền Nam Việt Nam⁴.

Tính tới ngày 1 tháng 1 năm 1983, đội ngũ cán bộ nhân viên của Vietsovpetro đã bao gồm 138 chuyên gia Liên Xô và 491 chuyên gia Việt Nam. Một năm sau đó, ngày 1 tháng 1 năm 1984, danh sách cán bộ công nhân viên của xí nghiệp đã có tới gần một ngàn người, trong đó có 250 chuyên gia Liên Xô. Nhưng nếu tính cả toàn bộ đội ngũ những người tham gia làm việc tại các công trình của xí nghiệp, kể cả những người thầu công trình và các tổ chức có liên quan thì số người làm việc cho Vietsovpetro lên tới gần 2 ngàn người, trong đó 880 người tới từ Liên Xô, 540 người thực hiện các hợp đồng thầu và 90 người thuộc đội thủy thủ trên các con tàu⁵.

Năm 1983, 9 bộ phận quan trọng nhất của xí nghiệp đã được thành lập, trong đó có bộ phận quản lý xây dựng và lắp ráp, bộ phận vận tải, bộ phận phục vụ về sản xuất và kỹ thuật. Cần nhanh chóng tuyển người Việt Nam vào làm ở các bộ phận này.

***Trích hồi ký của lãnh đạo liên đoàn «Soyzzarubezhmorneftegazprom», ông A. M. Vardanyan:** «Thời gian đầu, toàn bộ các công việc xây dựng và cung cấp thiết bị vật tư do Liên Xô và các chuyên gia Liên Xô đảm nhiệm. Song song với việc này, chúng tôi bắt đầu đào tạo đội ngũ nhân sự tại địa phương, họ sẽ phải dần dần nắm giữ những vị trí quan trọng. Tôi muốn nhấn mạnh một điều rằng, thực tiễn thay thế các chuyên gia của mình bằng chuyên gia địa phương chưa được áp dụng trong các công ty dầu khí quốc tế, vì bao giờ các công ty này cũng cố gắng tự mình làm cả. Còn chúng tôi thì khác, chúng tôi muốn*

truyền toàn bộ vốn kiến thức của mình cho những người Việt Nam, và họ đánh giá rất cao về điều này.

Các trường đại học dầu khí của chúng tôi phân bổ một hạn ngạch riêng cho các sinh viên Việt Nam. Bản thân trong Vietsovpetro, phó giám đốc liên đoàn «Casporneftegazprom», ông Zeinalov đã mở trường đào tạo nhân sự, trước hết là đào tạo nhân lực cho việc xây dựng nền giàn khoan trên biển. Ông đã phái tới đây các cố vấn có nhiệm vụ đào tạo vài chục kỹ sư hàn. Trong số đó có ông Oktai Zeinalovich Gasymov, trước kia làm việc ở Tổng cục Dầu khí biển dưới quyền lãnh đạo của ông V. V. Pochynkin. Kết quả là số lượng các chuyên gia Việt Nam, bao gồm cả công nhân và kỹ sư trong Vietsovpetro tăng lên nhanh chóng»⁶.

***Trích báo cáo của liên đoàn «Soyzzarubezhmorneftegazprom» năm 1984:** «Thành viên tham gia Xí nghiệp Liên doannh Việt — Xô trong giai đoạn các năm 1982–1984 đã đào tạo các công dân Việt Nam tại các liên đoàn sản xuất thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt. Số lượng các chuyên gia được đào tạo trong giai đoạn các năm 1983–1984 là 105 người, trong số đó: — ở liên đoàn «Kasporneftegazprom» — 80 người — ở liên đoàn «Sakhalinmorneftegazprom» — 25 người Năm 1984. (đoàn tới vào tháng 12) — 108 người, trong đó: — ở liên đoàn «Kasporneftegazprom» — 10 người. — ở liên đoàn «Sakhalinmorneftegazprom» — 10 người. — ở liên đoàn «Orenburgazprom» — 6 người. — ở Đoàn khảo sát biển về nghiên cứu địa vật chất Okhot — 7 người. Chi phí cho việc đào tạo trích từ quỹ lao động cộng sản ngày thứ bảy»⁷.*

Năm 1985, 95 người đã tới Liên Xô để đào tạo cho công việc ở XNLD Vietsovpetro, cũng tại các tổ chức trên đây và cũng bằng quỹ tài chính đã nêu⁸.

Căn cứ vào đề nghị của Vietsovpetro, trong năm 1984 đã thành lập đội lặn bao gồm 18 thợ lặn (12 thợ lặn Liên Xô và 6 thợ lặn Việt Nam), bốn chuyên gia kỹ thuật, hai bác sĩ vật lý trị liệu, lãnh đạo bộ phận và phó lãnh đạo, tổng cộng là 26 người (16 người Liên Xô và 16 người Việt Nam, đã qua khóa đào tạo tại căn cứ của Trường kỹ thuật dạy nghề Baria). Bộ phận lặn trực thuộc Ban quản lý hạm đội. Các chuyên gia của căn cứ ngay lập tức bắt tay vào việc: họ nghiên cứu những pontong bị chìm, các chân đế của giàn khoan cố định số 1 sau khi đã lắp đặt xong, đưa những vật bị chìm dưới biển lên mặt nước hoặc chuyển vào cảng, xem xét các đinh vít của tàu và các công trình xây dựng trên biển. Rất tiếc là vào ngày 16 tháng 9, trong khi kiểm ra trụ khoan của giàn khoan nổi tự nâng Ekhaibi từ tàu cứu trợ Sentavr, đã xảy ra vụ tai nạn chết người, khiến cho thợ lặn cấp 1 A. V. Morozov tử vong. Tổng cộng trong năm 1984 ở Vietsovpetro đã xảy ra 14 vụ tai nạn, trong đó có hai vụ tai nạn chết người. Hầu hết những vụ tai nạn này đều xảy ra do

không tuân thủ các quy tắc về an toàn, cũng như tổ chức công việc không đến nơi đến chốn¹.

Tính tới này 1 tháng 3 năm 1985, Vietsovpetro đã có 19 các bộ phận khác nhau, với sự tham gia của 400 chuyên gia Liên Xô và 1100 chuyên gia Việt Nam². Thống kê đến ngày 1 tháng 1 năm 1987, đội ngũ nhân viên của XNLD gồm 3197 người, trong đó có 1033 chuyên gia Liên Xô (507 người tham gia vào các bộ phận sản xuất, 526 người thuộc đội tàu), và 2164 chuyên gia Việt Nam³. Tổng cộng trong giai đoạn các năm 1982–1986 đã có 4922 chuyên gia Liên Xô được cử sang Việt Nam công tác để thực hiện các công việc về khai thác nguồn tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, trong đó có 2082 người trực tiếp làm việc tại Vietsovpetro, còn 2851 người làm trong các tổ thức thực hiện hợp đồng thầu⁴.

***Trích báo cáo của nhóm các chuyên gia Liên Xô đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về kết quả kiểm tra XNLD Vietsovpetro, tháng 5 năm 1987:** «Các bộ phận sản xuất chính đã được bố trí đội ngũ nhân viên kỹ thuật có trình độ cao, có thâm niên công tác trên 10 năm trong các ngành dầu khí. Tỷ lệ các chuyên gia Liên Xô tham gia làm việc ở tất cả các bộ phận của XNLD là từ 75 tới 90%. Tập thể các chuyên gia Liên Xô tại XNLD nhìn chung hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Liên doanh cũng tổ chức công tác đào tạo chuyên gia Việt Nam. Trong giai đoạn các năm 1982–1986, hơn 500 các công nhân thuộc các ngành mũi nhọn đã được đào tạo tại Liên Xô, ngoài ra quá trình đào tạo còn được tiến hành ngay tại nơi làm việc ở Liên doanh. Dần dần, theo đà tăng trưởng sự sẵn sàng của đội ngũ chuyên gia Việt Nam, số lượng chuyên gia Liên Xô dần giảm đi. Tỷ lệ chuyên gia Liên Xô trong năm 1981 là 46,5%, năm 1985 là 37,3%, năm 1987 chỉ còn 27%. Chỉ vì thiếu các chuyên gia dầu khí và chuyên gia về khoan có trình độ cao từ phía Việt Nam nên trong Ban quản lý khoan dầu mỏ mới còn nhiều chuyên gia Liên Xô tham gia làm việc (34%), tình trạng tương tự cũng được thấy trong Ban quản lý khai thác dầu khí (31%)»⁵.*

Bài toán hóc búa đối với một xí nghiệp còn non trẻ, được xây dựng hầu như từ con số không, là việc bố trí đội ngũ các bộ công nhân viên Việt Nam đã qua đào tạo vào làm tại Vietsovpetro. Trong số 500 người đã được học hành ở Liên Xô chỉ có 100 người làm việc tại Vietsovpetro⁶. Trong số các nguyên nhân dẫn tới tình trạng bất cập này là điều kiện ăn ở thiếu thốn và giá cả đắt đỏ.

***Trích thư của Tổng giám đốc XNLD «Vietsovpetro» D. G. Mamedov gửi thứ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô Y. V. Zaisev, tháng 2 năm 1983:** «Việc phát triển và giải quyết thành công mọi nhiệm vụ đặt ra trước XNLD phụ sẽ thuộc vào việc bố trí kịp thời nhân viên kỹ thuật có trình độ cao cũng như công nhân các ngành nghề khác nhau, trong đó có công nhân lắp ráp kết cấu kim loại (thợ lặn trên), thợ hàn điện, thợ khoan, thợ xây dựng, thợ cơ khí, thợ mỏ dầu, thợ khai*

thác và nhiều ngành khác. Vì vậy vấn đề bức thiết đặt ra là thu hút và gắn kết đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao với công việc sản xuất. <...> Năm vừa qua cho thấy, đội ngũ chuyên gia của Việt Nam xét về cả số lượng lẫn chất lượng đào tạo, đặc biệt thuộc các ngành mũi nhọn, không đáp ứng được nhu cầu của XNLD. Ngay tại thời điểm hiện nay đã có thể thấy rõ xu hướng từ một số nhân viên muốn hủy hợp đồng trước thời hạn hay không định gia hạn hợp đồng. Mức lương theo chức vụ (bảng lương) của các nhân viên XNLD hiện nay cao hơn khoảng 4 lần so với mức lương ở các xí nghiệp Việt Nam khác. Ví dụ, lương trung bình của một công nhân có trình độ ở XNLD là 755 đồng, trong khi ở các xí nghiệp khác của Việt Nam chỉ là 164 đồng, cộng cả các khoản phụ cấp. Tuy nhiên sự chênh lệch này hầu như cũng về con số không vì chi phí ăn uống và mua sắm hàng tiêu dùng quá cao. <...> Công việc trong các bộ phận ở Liên doanh Vietsovpetro đòi hỏi nhiều sức lực, vì thế chế độ ăn uống cũng phải đầy đủ hơn.

Liên quan tới vấn đề này, căn cứ vào quy định của nhà nước, các chuyên gia Việt Nam làm việc tại Vietsovpetro buộc phải mua thực phẩm ngoài chợ. Hiện nay tình hình trong nước là hầu như không có hệ thống điều chỉnh giá thị trường. Mức giá thị trường về một số mặt hàng thực phẩm cơ bản đắt hơn giá nhà nước tới 5–10 lần, thậm chí là hơn.

Ngoài ra, các chuyên gia Việt Nam cũng buộc phải mua những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu theo giá chợ, vì lượng hàng do nhà nước cung cấp không đáp ứng đủ nhu cầu của họ.

Như vậy, trong điều kiện hiện nay đang có sự chênh lệch đáng kể giữa mức lương thực tế và giá cả thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng. <...>

Căn cứ vào các tài liệu chính sách có liên quan, cũng như dựa trên các quy định về chế độ tiền lương và điều kiện ăn ở của các chuyên gia làm việc trong Liên doanh, hiện nay không có bất kỳ hệ thống khuyến khích kinh tế hay động viên về vật chất nào để các bộ công nhân viên tăng hiệu quả lao động.

Như chúng tôi đã nêu trên đây, xuất hiện xu hướng các chuyên gia Việt Nam xin thôi việc khi hết thúc hợp đồng, và đương nhiên điều này ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của XNLD Vietsovpetro.

Xét tình hình trên đây, chúng tôi đề xuất xem xét thực hiện một số biện pháp cho phép giữ chân các chuyên gia Việt Nam ở lại xí nghiệp làm việc và tăng hiệu quả công việc, đó là các biện pháp sau đây:

- Cung cấp cho các chuyên gia Việt Nam suất thực phẩm trên mức quy định để tổ chức các bữa ăn mất tiền trong nhà ăn của Xí nghiệp*
- Đề xuất thực hiện việc cung cấp thêm bữa ăn bằng các sản phẩm cung cấp từ Liên Xô theo giá TBP [xí nghiệp thương mại tiêu dùng số xí nghiệp thương mại tiêu dùng. — Ghi chú của tác giả]. <...>*
- Cho phép XNLD trả tiền thưởng cuối năm cho các chuyên gia Việt Nam tùy thuộc vào thâm niên công tác, số tiền thưởng này được đưa vào bảng tính chi phí của bộ phận, với mức thưởng như sau: — thâm niên công tác từ 1 đến 2 năm — bằng một suất lương; — thâm niên công tác từ 3 đến 5 năm — bằng 1,5 suất lương; — thâm niên công tác 5 năm — bằng 2 suất lương.*

^[1] Phỏng vấn ông Bùi Văn Vĩ, ngày 26 tháng 10 năm 2015, thành phố Vũng Tàu.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. Từ 291.

^[3] Đỗ Ngọc Ngạn. Những sự kiện trong lĩnh vực tiền lương trong những ngày đầu tiên thành lập XNLD Vietsovpetro // Vietsovpetro. 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 364.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6647. Từ 100.

^[5] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7514. Từ 129.

^[6] Vardanyan A. M. Tổng cục Dầu khí — Soyzzarubezhmorneftegazprom //Tháp khoan trên sóng. Tr. 95.

^[7] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7784. Từ 52.

^[8] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8280. Từ 80.

4. Mỗi năm cung cấp một lần cho các chuyên gia Việt Nam tại XNLD các mặt hàng công nghiệp (bộ quần áo, quần, giày) từ Liên Xô, đây là hàng phải trả tiền.

4. Tặng quà làm kỷ niệm cho các chuyên gia Việt Nam tại XNLD nhân dịp Tết âm lịch.

Để thực hiện những biện pháp nêu trên cần thu hút một khoản tiền bổ sung từ các thành viên tham gia XNLD là khoảng 1 triệu đồng.

Mục cuối cùng trong danh sách biện pháp nêu trên sẽ được thực hiện bằng quỹ khuyến khích kinh tế của XNLD, được hình thành nhờ thu được lợi nhuận dự kiến sau khi tiêu thụ sản phẩm»¹.

Từ ngày 6 tháng 8 năm 1979, theo yêu cầu của Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại, Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng Liên Xô, để phục vụ các chuyên gia Liên Xô đang làm việc ở Việt Nam, trong hệ thống Bộ Quốc phòng đã thành lập ra Xí nghiệp thương mại tiêu dùng (TBP) số 525². Vì Gazprom của Liên Xô lên kế hoạch đưa đội ngũ chính các chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam để làm việc tại XNLD Vietsovetro, căn cứ nghị quyết do Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày 11 tháng 11 năm 1982, Bộ Công nghiệp Khí đốt được giao nhiệm vụ đảm bảo đáp ứng những nhu cầu thương mại tiêu dùng cho tất cả các chuyên gia Liên Xô đang làm việc tại Việt Nam. Để làm được việc này, xí nghiệp thương mại tiêu dùng số 525 được chuyển từ Bộ Quốc phòng sang³. Xí nghiệp này có một hệ thống các cửa hàng, nhà ăn và kho bãi được bố trí tại địa điểm cư trú tập trung của các chuyên gia Liên Xô (hồi bấy giờ tổng số chuyên gia Liên Xô ở Việt Nam là gần 7000 người), qua đó xí nghiệp cung cấp cho cả các chuyên gia Liên Xô lẫn các chuyên gia Việt Nam làm việc tại XNLD Vietsovetro. Nhưng đề xuất này bị phía Việt Nam phản đối, vì lo ngại sẽ xuất hiện mâu thuẫn xã hội giữa người dân Vũng Tàu⁴. Tuy nhiên một phần các đề xuất của ông D. G. Mamedov, đã được bổ sung sửa đổi chút đỉnh vẫn được Hội đồng thứ V của XNLD Vietsovetro thông qua. Cụ thể, từ tháng 1 tháng 1 năm 1984 áp dụng việc phát tiền thưởng hàng năm cho những người có khoảng thời gian công tác liên tục tại xí nghiệp, nếu là từ hai đến ba năm thì được thưởng thêm một suất lương, nếu là ba tới năm năm thì được thưởng một suất rưỡi lương, còn nếu từ năm năm trở lên thì sẽ được thưởng hai suất lương⁵.

Phía Việt Nam cũng có những khó khăn nhất định trong vấn đề này, vì trong nước lúc đó đang áp dụng hệ thống tiền lương cố định, không phản ánh chính xác đóng góp thực sự của người làm việc, mà mang tính bình quân trên đầu người. Cần cố gắng hết sức để thay đổi cách tính này.

Trích hồi ký của ông Đỗ Ngọc Ngạn, cựu lãnh đạo Ban quản lý lao động và tiền lương của XNLD Vietsovetro:

«Tất cả chúng ta đều biết rằng hệ thống tiền lương của chúng ta áp dụng từ năm 1968 hoàn toàn mang tính cung cấp. Mức lương thấp nhất là 24 đồng Việt Nam một tháng. Giá gạo là khoảng 0,4 đồng một cân, thịt — 2 đồng một cân. Mỗi người một năm chỉ được mua 5 mét vải. Suất gạo của một người mỗi năm là 13 cân. Chỉ những người làm các công việc nặng nhọc mới được lĩnh 18 cân gạo một năm. Công việc của người làm trong ngành dầu khí rất nặng nhọc, nguy hiểm và đơn điệu. Ở các nước khác trên thế giới, công nhân trong ngành dầu khí được ăn không hạn chế: họ được ăn thoải mái, muốn ăn bao nhiêu cũng được. <...>

Các cuộc họp bàn về tiền lương cho người lao động luôn diễn ra trong bầu không khí căng thẳng, quyết liệt, giằng xé giữa một bên là các nguyên tắc đạo đức, ý thức bốn phần và những mong muốn rất bình thường của con người. Phía Việt Nam đề nghị tính tiền lương theo cách sau đây: mức tiền lương tối thiểu, nghĩa là mức lương thấp nhất ở Việt Nam thời ấy, 24 đồng, nhân lên 12 pаз, còn mức lương tối đa trong XNLD sẽ cao gấp 7 lần so với mức lương tối thiểu ở XNLD. Bằng con đường thuyết phục, giới thiệu mức giá thực tế tại các chợ trong nước, cuối cùng phía Liên Xô đã đồng ý tăng mức tiền lương lên gấp 10 lần so với mức lương tối thiểu ở Việt Nam lúc bấy giờ. <...>

Thông tin về cải cách tiền lương ở XNLD khai thác dầu khí thực sự trở thành cú sốc đối với nhiều người. Tôi biết rằng đồng chí Trần Đình Hoan, khi đó đang giữ chức thứ trưởng Bộ lao động sẽ ủng hộ sáng kiến này, nhưng trong Bộ lao động và một số ngành khác có không ít người phản đối kịch liệt «cuộc cách mạng» về tiền lương. May là các thứ trưởng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng như đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Trần Phương đều nhất trí ủng hộ ý tưởng mới về cách trả lương cho người lao động, góp phần không nhỏ giải quyết thành công vấn đề này»⁶.

Nhờ có những nỗ lực chung, hệ thống tiền lương ở XNLD Vietsovetro được xây dựng theo cách thức mà cả hai bên đều chấp thuận được, góp phần củng cố một tập thể vững mạnh.

Biên niên sử của lô dầu mỏ đầu tiên

Năm 1982, nhờ nỗ lực của các tổ chức xây dựng ở Việt Nam, «khu lắp ráp số 0» đã được đưa vào hoạt động tại Vũng Tàu. Đây là khu xưởng tạm thời, được thiết kế để lắp ráp 5 ngàn tấn kết cấu kim loại mỗi năm. Kích thước mỗi chiều của khu xưởng là 200 mét, xưởng nằm gần bờ và có đường thả xuống nước, có móng xoay dưới đường khoan để lắp panel chân đế. Đường điện được đưa tới xưởng, và khi các cụm thiết bị dần dần được đưa tới xưởng thì bắt đầu công việc lắp giàn khoan cố định số 1. Đáng tiếc là hạ thủy chân đế của giàn khoan cố định bị chậm so với kế hoạch. Vì dự án có những sửa đổi nên giấy tờ cũng tới muộn hơn bình



Xây dựng giàn khoan cố định số 1. Năm 1984

Tư liệu của Phòng truyền thống Tập đoàn Dầu khí quốc gia Petrovietnam



Tàu khoan «Mikhail Mirchink» nhận dòng dầu công nghiệp từ tầng trầm tích của mỏ Bạch Hổ



Tàu khoan «Mikhail Mirchink» tại điểm khoan. Tháng 5 năm 1984



Trên tàu khoan

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3580. Từ 17–21.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7496. Từ 190.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 142. Hồ sơ 1310. Từ 56.

⁴ Hai ông Y. V. Zaisev và E. I. Osadchuk viết trong ghi chép của mình ngày 30 tháng 7 năm 1982 về quá trình thực hiện Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19 tháng 6 năm 1981 đã viết như sau: «Thành viên Việt Nam nêu ra rằng, việc tổ chức cho các chuyên gia Việt Nam và Liên Xô làm việc trên bờ cùng ăn chung sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới những người dân còn lại của thành phố Vũng Tàu. Vì vậy, thành viên Việt Nam đề nghị rằng vấn đề ăn uống của các chuyên gia Việt Nam làm việc trên bờ sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của phía Việt Nam» (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 141. Hồ sơ 1723. Từ 53).

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8054. Từ 6 ob.

⁶ Đỗ Ngọc Ngạn. Sự kiện trong lĩnh vực tiền lương những ngày đầu thành lập liên doanh Vietsovetro. Tr. 364–365.



Tàu khoan «Valentin Shashin» (cùng loại với tàu «Mikhail Mirchink») ở Vũng Tàu

thường, rồi không phải tất cả các chuyên gia liên quan đều có mặt ở hiện trường, điện cũng hay bị cắt, đôi khi không có đủ axetylen và oxy để hàn, rồi pontong do nhà máy đóng tàu ở Việt Nam sản xuất không phù hợp, phải làm lại.

Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng giàn khoan cố định số 1, Bộ Công nghiệp Khí đốt đã điều hai tàu trực lắp ráp «Vityaz» và «Thuyền trưởng Dolopolov» tới Việt Nam. Bản thân việc xây dựng được giao cho liên đoàn Caspmorneftegazprom (hợp đồng thầu), và vì mục đích này mà vào hai tháng 8 và 9 năm 1983, gần 40 các chuyên gia lắp ráp cao cấp đã được đưa tới Việt Nam từ thành phố Baku¹ (tháng 6 năm 1984 có quyết định đưa các chuyên gia này vào đội ngũ cán bộ của Ban quản lý xây lắp của XNLD Vietsovpetro. Cuối năm 1983, trạm điện KAS-500 được hoàn thành lắp ráp và đưa vào sử dụng, giúp đảm bảo việc hoạt động liên tục và đều đặn của cơ sở trên bờ, mặc dù tình hình cung cấp năng lượng, đặc biệt là tại các cơ sở phi sản xuất vẫn còn rất nhiều khó khăn. Lãnh đạo XNLD đã lên kế hoạch sẽ hoàn thành lắp ráp giàn khoan cố định số 1 vào tháng 12 năm 1983, giàn khoan số 2 vào tháng 8 năm 1984, Giàn công nghệ trung tâm vào tháng 11 năm 1985, nhưng để đạt được mục tiêu này cần đảm bảo cung cấp các vật tư cần thiết và đội ngũ nhân lực đầy đủ. Hội đồng XNLX đã thông qua lịch trình xây dựng dàn khoan cố định số 1 và dự kiến sẽ bắt đầu khoan giếng từ giàn khoan này vào tháng 10 năm 1984. Theo lịch, tổng cộng trong năm 1984 phải khoan được 11650 mét và hoàn thành và giếng khoan từ tàu khoan Mikhail Mirchink, giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi và giàn khoan cố định số 1, ngoài ra còn phải

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục. 1. Hồ sơ 7612. Tờ 85.

bắt đầu khoan hai giếng nữa từ tàu khoan và giàn khoan nổi tự nâng.

Ngày 4 tháng 11 năm 1983, của giàn khoan cố định số 1 bắt đầu được chuyển sang pontong để tiếp tục di chuyển tới địa điểm lắp giàn khoan, để tận 12 ngày sau đó mới dựng xong giàn khoan. Mọi việc đã chuẩn bị xong cả, nhưng thời tiết bỗng xấu đi đột ngột, phải đợi đến tận mùa xuân mới ra biển được, điều này ảnh hưởng đáng kể tới lịch trình dự kiến. Chỉ tới ngày 17 tháng 3 năm 1984, đoàn Caravan tàu biển chở chân đế đầu tiên của giàn khoan cố định số 1 mới bắt đầu xuất phát từ vùng nước Vũng Tàu, di chuyển về hướng mỏ dầu Bạch Hổ. Ngày 31/1 các chân đế được dựng xong, ở bên trên bắt đầu công việc lắp kết cấu thượng tầng. Một năm sau, vào ngày 8 tháng 5 năm 1985, việc lắp ráp thiết bị trên giàn khoan cố định số 1 đã hoàn tất. Giờ đây, giàn khoan đã sẵn sàng cho công việc khoan giếng².

Tháng 2 năm 1983, nhóm đề tài của Trung tâm nghiên cứu khoa học và thiết kế thuộc XNLD Vietsovpetro đã tổng hợp và phân tích một khối lượng lớn các thông tin địa chất và địa vật lý về cấu trúc của Bạch Hổ, đồng thời xây dựng bản đồ cấu trúc về mái của vỉa có ích thuộc trầm tích miocen dưới, oligocen và trên bề mặt của đá móng; đồng thời xác định được kết cấu địa chất của cấu tạo. Các chuyên gia đã phát hiện ra rằng những phá hủy kiến tạo trước đó dự kiến là có tồn tại, với đặc tính tách cấu trúc thành các khối nhỏ, thực ra là không tồn tại, vì thế có thể điều chỉnh trình tự cũng như khối lượng các công việc về thăm dò địa chất. Thì ra, một trong các cấu tạo định đưa vào khoan (gọi là cấu tạo số 3) hoàn toàn không tồn tại, còn cấu tạo Ba Vì cần được nghiên cứu thêm và chưa sẵn sàng cho việc khoan thăm dò. Vì vậy theo ý tưởng của ban lãnh đạo XNLD thì để thực hiện «Chương trình 1985» phải tập trung vào công việc ở hai mỏ Bạch Hổ và Rồng, nên cần khoan thêm 4 giếng khoan thăm dò.

Căn cứ vào hợp đồng số 55-043/15600 ký ngày 17 tháng 9 năm 1983, tàu khoan Mikhail Mirchink nhận hợp đồng thầu trong giai đoạn từ tháng 1 tới tháng 6 năm 1984 có nhiệm vụ khoan giếng khoan thăm dò số 5-BT tại cấu tạo Bạch Hổ. Kết quả là lại một lần nữa phát hiện ra mỏ dầu ở các vỉa thuộc tầng Miocen dưới. Giếng khoan được đục thông trong khoảng 2782-2826 mét và nhận được dòng dầu đầu tiên là 26,2 mét khối mỗi ngày, ngoài ra còn 2600 mét khối khí đốt và nước vỉa là 5 mét khối³. Ngày 24 tháng 5 năm 1984 được coi là ngày phát hiện ra dòng dầu công nghiệp đầu tiên ở mỏ Bạch Hổ⁴.

Tháng 6 năm 1984, giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi vừa mới được xây lắp xong ở Singapore dành cho Sakhalin đã tới Vũng Tàu. Ngày 8 tháng 2 năm 1985, tại cấu tạo Bạch Hổ, ở độ sâu 3501 mét, giàn đã khoan xong giếng số 4-BT. Trong quá trình thử nghiệm đã nhận được dòng dầu phun từ 7 địa điểm thuộc tầng trầm tích Oligocen và một tầng trầm tích Miocen. Ngày 20 tháng 5 năm 1985, giếng khoan 4-BT đã bị lấp⁵.

Trích thư của Tổng giám đốc XNLD Vietsovpetro F. G. Arzhanov gửi Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin, ngày 22 tháng 6 năm 1985: «Đồng chí Victor Spepanovich kính mến!

Tôi có nghĩa vụ phải thông tin cho đồng chí về việc thời gian gần đây một số các tổ chức của Việt Nam (công ty ngoại thương Petechim và Tổng cục dầu khí) có ý định

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4041. Tờ 91.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3823. Tờ 351.

⁴ Vietsovpetro. 30 năm thành lập và phát triển. Tr. 56.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8280. Tờ 71.



Giàn khoan «Ekhabi» phát hiện dầu ở trầm tích Oligocen ở mỏ Bạch Hổ



Phó Thủ tướng Việt Nam Trần Quỳnh cùng với các lãnh đạo ống cực Dầu khí Việt Nam và Bí thư đặc khu ủy Vũng Tàu-Côn Đảo trên tàu «Mikhail Mirchink» sau khi nhận được dòng dầu đầu tiên từ trầm tích dưới. Năm 1984



Sẵn sàng vào việc!

thu hút một số nước tư bản tham gia khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam.

Tình trạng không hoàn thành khối lượng công việc dự kiến cũng như tiến độ xây dựng giếng khoan ở thềm lục địa Việt Nam, không đảm bảo việc cung cấp vật tư kỹ thuật cho XNLD Vietsovpetro để thực hiện việc xây dựng các công trình sản xuất đã được lên kế hoạch từ trước, cũng như việc chậm trễ soạn thảo và bàn giao hợp đồng cung cấp thiết bị và vật tư đã lâu nay gây ra bất mãn và đánh mất đi sự tin cậy của ban lãnh đạo của các tổ chức này về hợp tác có hiệu quả giữa Liên Xô và Việt Nam trong lĩnh vực phát triển khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. <...>

Trong quá trình khoan giếng số 4-BT từ giàn khoan Ekhabi (việc khoan do liên đoàn Sakhalinmorneftegazprom đảm nhiệm theo hợp đồng thầu), do các nguồn nguyên liệu kỹ thuật từ phía nhà thầu không được cung cấp kịp thời nên thường xuyên xảy ra tình trạng khẩn cấp ở giếng, ảnh hưởng đến chất

lượng gia cố và thời gian khoan. Điều này đương nhiên gây ra sự bất mãn từ phía thành viên Việt Nam, được nêu rõ trong bức thư của lãnh đạo Tổng cục dầu khí Việt Nam, đồng chí Nguyễn Hòa.

Để thực hiện việc khoan giếng số 4-BT, XNLD Vietsovpetro đã buộc phải chuyển 70% các nguồn lực cần thiết từ quỹ của mình, mặt dù đây là việc làm phi pháp, vì căn cứ vào hợp đồng thì giếng này phải được thực hiện bằng sức lực và phương tiện của nhà thầu là liên đoàn Sakhalinmorneftegazprom.

Cần lưu ý rằng, tới thời điểm bắt đầu khoan giếng số 3-BT, những vật tư cần thiết cũng vẫn chưa được cung cấp kịp thời, vì vậy XNLD lại một lần nữa buộc phải chuyển các nguồn còn lại từ quỹ của mình, trong khi nguồn vật tư này chỉ đủ để khoan tới độ sâu 1700. Tính tới ngày 23 tháng 6, giếng khoan số 3-BT phải khoan tới độ sâu là 1640 mét. Trong vòng hai ngày sắp tới giếng phải được chuẩn bị xong để đưa ống chống có đường kính 3234 xuống, rồi sẽ tiến hành đổ bê tông, sau đó giàn khoan



Khoan giếng tìm ra dầu ở nền mỏ Bạch Hổ

nổi Ekhabi sẽ tạm dừng hoạt động, đợi cung cấp đủ vật tư cho việc khoan tiếp theo.

Hiện tại, XNLD huy động sức lực của mình để khoan giếng số 1-BT từ giàn khoan cố định số 1, nhưng vì tất cả vật tư được chuyển sang cho giếng khoan số B-BT, nên số vật liệu còn lại chỉ cho phép khoan sâu thêm giếng số 1-BT xuống tới 550, sau đó giàn khoan cố định số 1 phải tạm ngừng hoạt động để đợi thêm nguồn vật tư cần thiết.

<...> trong quá trình cung cấp vật tư kỹ thuật cho XNLD, liên tục xảy ra tình trạng vi phạm thời hạn giao hàng, giao không đủ hàng hoặc không đồng bộ, cũng như tình trạng thiết bị và vật tư không đảm bảo chất lượng. Các thiết bị kỹ thuật nổi được gửi tới Việt Nam không đi kèm cần trục derrick, không có các linh kiện thay thế và vật tư tiêu hao, tình trạng này gây trở ngại, thậm chí đôi lúc không cho phép thực hiện nhiệm vụ đặt ra. XNLD không có đủ đội ngũ chuyên gia. Theo quy định về bố trí cán bộ của XNLD Vietsovpetro, thiếu hụt số lượng các chuyên gia Liên Xô theo quy định đạt tới con số gần 42%»¹.

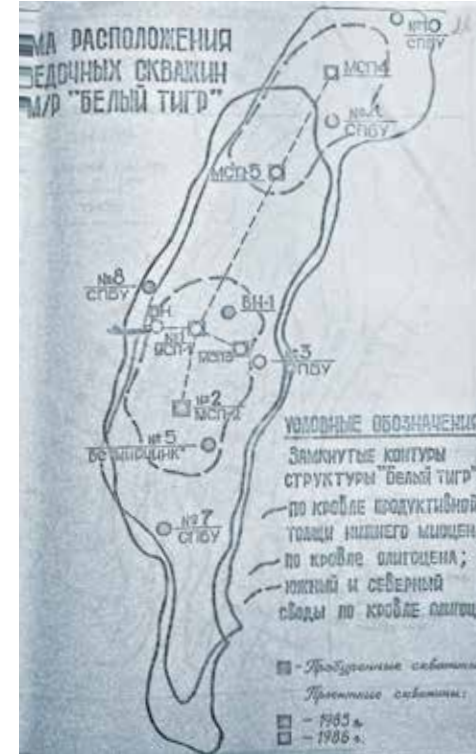
Trích hồi ký của ông G. N. Belyanin, giữ chức giám đốc của Viện nghiên cứu thiết kế dầu khí biển của XNLD Vietsovpetro trong năm 1985: «Hội đồng của XNLD quyết định đặt giếng khoan thăm dò thứ hai trong mặt cắt với giếng số 5, nằm cách đó 1 km. Nhưng sau khi tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng và thảo luận về các dữ liệu vừa thu được, các chuyên gia thuộc bộ phận địa chất của XNLD đã xem xét lựa chọn vài phương án về địa điểm đặt giếng khoan thứ hai. Phương án tiên tiến nhất, nhiều triển vọng nhất nhưng cũng đồng thời nhiều rủi ro nhất là khoan giếng ở nếp gấp phía bắc với mục đích tìm dầu mỏ trong trầm tích Oligocen dưới và thăm dò trầm tích Miocen dưới.

Quyết định này được ông F. G. Arzhanov thông qua, khi đó ông đã là tổng giám đốc của XNLD Vietsovpetro. <...> Dự án kỹ thuật để xây dựng giếng khoan được lập ra tại viện Vietsovpetro. Nhưng trong quá trình khoan giếng, khi chạm tới tầng Oligocen trên, các chuyên gia phát hiện ra rằng áp suất vỉa trong giếng cao bất thường, với hệ số dị thường là 1,8. Bắt đầu có những trục trặc như tường giếng khoan bị sụt lở, có nguy cơ bám vào công cụ khoan và làm gãy mũi khoan. Cần lập tức đưa ra biện pháp xử lý sự cố. Và đã tìm ra cách giải quyết. Thì ra từ thời Bộ địa chất Liên Xô tiến hành các công việc khoan ở Hải Phòng, trong kho còn tồn một lượng lớn dung dịch nặng là chất barit. Thế là ngay lập tức phải tổ chức một đoàn caravan tàu, chở barit tới giàn khoan Ekhabi, dung dịch khoan được làm nặng tới mật độ 2,2 gr/cm³, vì vậy mũi khoan đã xuyên qua được lớp Oligocen trên.

Nhưng những điều bất ngờ và sự cố mới vẫn còn chờ đợi đội ngũ thợ khoan ở phía trước. Dị thường áp suất vỉa vỉa Oligocen dưới hữu ích chỉ còn 1,3. Giếng khoan hút hết dung dịch đã được làm nặng tới 2,2 gr/cm³, tuần hoàn bị mất, bắt đầu có biểu hiện đầu khí với nguy cơ phun trào, đây là tai nạn khủng khiếp nhất khi khoan giếng, tương tự như thảm họa cách đây không lâu xảy ra ở vịnh Mexico.

Vào thời điểm xảy ra sự cố, có mặt trên giàn khoan là đại diện chuyên trách của XNLD Vietsovpetro, họ giữ liên lạc thường xuyên với ban lãnh đạo của Tổng cục dầu khí ở Hà Nội và Tổng cục dầu khí biển ở Matxcova. Sau khi đánh giá tình hình, Matxcova đã phát lệnh theo đường vô tuyến, chỉ thị dừng ngay việc khoan, đổ bê tông giếng khoan, đóng giếng khoan vì lý do kỹ thuật. Tuy nhiên trong khi văn bản chính thức đang trên đường tới Việt Nam, thuyền trưởng kiêm giám đốc giàn khoan Alexandr Mikhailovich Oleksa đã tuyên bố rằng ông nhận trách nhiệm về mình và quyết định tiếp tục khoan. Sau khi khoan tới độ sâu thiết kế, đội thợ khoan hạ ống chống xuống và trám xi măng, sau đó tiến hành thử nghiệm từng lớp đối với công trình ở vỉa trầm tích Oligocen dưới.

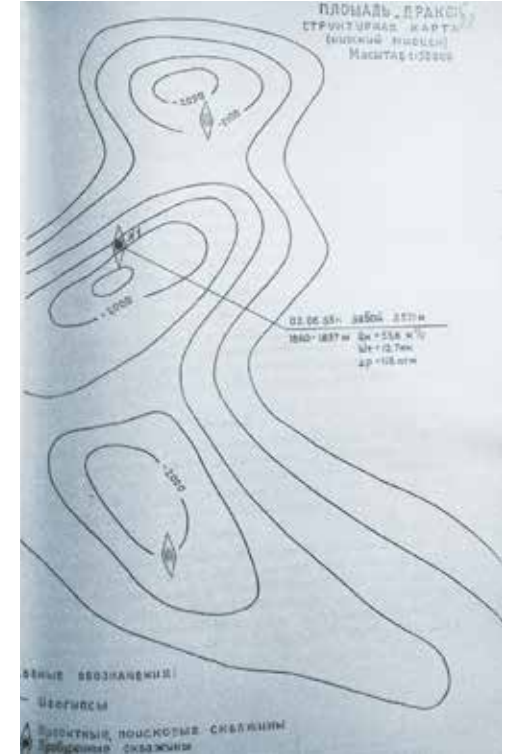
Tổng sản lượng giếng khi thử nghiệm đã vượt quá con số 1000 tấn dầu khan mỗi ngày»².



Sơ đồ bố trí các giếng khoan thăm dò trên mỏ Bạch Hổ



Bản đồ cấu tạo của khu Rồng



Bản đồ cấu tạo của khu Rồng

Và thế là vào ngày 15 tháng 2 năm 1985 giếng khoan số 4-BT đã cho dòng dầu phun với sản lượng 200 tấn mỗi ngày¹. Sau này, khi bình tĩnh phân tích kết quả khoan, mọi người mới nhận ra rằng giếng khoan này đã xác định tiềm năng dầu khí của trầm tích Oligocen ở khu vực Đông Nam Á. Đó thực sự là một phát minh lớn.

Có thể nói không ngoa rằng, mỏ Bạch Hổ đã được phát hiện lần thứ hai trong bối cảnh khi mà một hoặc vài người đủ bản lĩnh để không tuân theo chỉ thị của cấp trên, làm theo ý mình và cuối cùng đạt được kết quả. Không lâu sau đó, cũng chính sự quả cảm này đã đưa tới phát kiến chính của XNLD Vietsovpetro, đó là tìm thấy dầu trong tầng đá móng. Sự kiện này xảy ra vào năm 1988, nhưng trước đó là một câu chuyện dài bắt nguồn từ thời khi XNLD Vietsovpetro khoan những giếng khoan đầu tiên (xin đọc chương 7 của cuốn sách này). Đáng tiếc là vào năm 1985 XNLD Vietsovpetro chưa có đủ quyết tâm khoan sâu xuống tầng đá móng, mặc dù các chuyên gia củ Bộ Công nghiệp Khí đốt đã đề xuất thực hiện công việc này. Tuy nhiên những phát hiện mới vẫn tiếp tục xuất hiện.

Ngày 27 tháng 2 năm 1985, tàu Mikhail Mirchink bắt đầu tiến hành khoan tại cấu tạo Rồng. Khi đạt tới độ sâu thiết kế 2800, giếng khoan này bị dừng lại ở độ sâu 2571 vì đã xuyên qua gần hết lớp vỏ trầm tích và gần lạt tới tầng đá móng. Một dòng dầu đã phun lên trong khi thử nghiệm giếng. Vậy là vào tháng 5 năm 1985, nhờ có giếng khoan đầu tiên mà đã phát hiện ra mỏ Rồng².

Theo kế hoạch, việc khoan khai thác ở mỏ Bạch Hổ phải được thực hiện từ dàn khoan cố định, trong khi giàn khoan số định số 1 chỉ kịp bàn giao vào năm 1985. Tuy nhiên, kinh nghiệm thu được trong quá trình xây dựng giàn khoan này cũng như việc áp dụng những phương pháp mới cho phép những người thợ lắp giàn khoan của XNLD Vietsovpetro hoàn thành việc lắp đặt giàn khoan tiếp theo (giàn khoan cố định số 3) trước thời hạn dự kiến.

Trong giai đoạn từ 1985–1986, giàn khoan cố định số 1 đã khoan được 5 giếng, còn một giếng khác được xây từ giàn khoan số 3.

Ngày 26 tháng 6 năm 1986, sau hai năm rưỡi kể từ ngày khởi công, mỏ dầu Bạch Hổ bắt đầu thử khai thác dầu³. Theo dự án thiết kế ban đầu, hai xà lan sẽ đảm nhiệm việc rót dầu không bến trên biển. Hai xà lan này sẽ được sản xuất tại nhà máy đóng tàu Ba Son, thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng việc xây dựng xà lan không thực hiện được. Ngày 6 tháng 1 năm 1984, Ủy ban liên ngành dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov đã quyết định chuyển tàu chứa Crum từ Bộ Hạm đội Liên Xô cho XNLD Vietsovpetro để sử dụng tạm thời, trong thời gian từ 3 đến 4 năm, cho tới khi xây dựng xong Trung tâm chứa hàng của XNLD Vietsovpetro trên bờ⁴. Ngày 9 tháng 9 năm 1986, con tàu thả neo gần trạm rót dầu không bến được đặt trên biển. Tuyến ống ngầm đã được lắp theo lộ trình giàn khoan cố định số 3 tới giàn khoan cố định số 1, sau đó tới trạm rót dầu không bến.

Nhờ đưa vào sử dụng những công trình trên đây nên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khoan thăm dò: thay vì 7900 mét được lên kế hoạch, trên thực tế đã khoan được 10583 mét, còn về khoan khai thác thì đạt được 12157 mét thay vì 8700 mét theo kế hoạch. Điều này cho phép đạt được kế hoạch về khai thác dầu. Thay vì ba giếng dầu dự kiến ban đầu, đã đưa vào sử dụng 6 giếng, số lượng dầu khai thác được không phải là 40 ngàn tấn, mà vượt trên con số này là 500 tấn. Chi phí thực tế là 164 triệu rúp, thay vì 211 triệu rúp theo dự kiến ban đầu⁵.

³ Vietsovpetro. 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 59.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8055. Tờ 3.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 53.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 145. Hồ sơ 1666. Tờ 15–16.

² Belyanin G. N. Việt Nam: hồi tưởng và suy tư // Vietsovpetro. 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 399–400.

¹ Vietsovpetro. 30 năm hình thành và phát triển. Tr. 58.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8280. Tờ 71.



Tàu chứa «Crum» giao lô hàng dầu Việt Nam đầu tiên vào ngày 26 tháng 3 năm 1987

Trích hồi ký của ông Trần Tài, cựu nhân viên công ty Petechim: «Lô dầu đầu tiên XNLD Vietsovetropetro khai thác được là vào tháng 7 năm 1986, nhưng đợt giao hàng lô dầu xuất khẩu đầu tiên là vào tháng 3 năm 1987. Trước đó, tất cả dầu khai thác được giữ trong tàu chứa Crum với trọng lượng nước choán là 150 ngàn tấn. Cần bố trí sao cho việc khai thác dầu không bị dừng giữa chừng vì tàu chứa dầu quá tải. Thuyền trưởng tàu chở dầu, họ của ông là Tykhi, thường xuyên nhắc nhở chúng tôi về chuyện này. Tôi nhớ rõ lúc nhận được thông tin là «Đã rót được 90 ngàn tấn dầu». Với lô hàng lớn chừng này đã có thể bước ra thị trường. Những khách hàng mua dầu đầu tiên là hai công ty của Nhật Bản. Hợp đồng đầu tiên được ký cho 208745 thùng dầu (hay 28361 tấn), ngày giao đợt hàng đầu tiên là 26 tháng 3 năm 1987»¹.

Tổng cộng trong năm 1987 đã bán được 235700 tấn dầu Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 31 triệu đô la Mỹ².

Đương nhiên nếu đứng từ góc độ hiện đại mà xem xét thì những con số này có vẻ quá khiêm tốn, nhưng đối với những người tham gia dự án vô cùng khó khăn này, đặc biệt là đối với người Việt Nam, thì việc thu được dầu và cải thiện đáng kể tổ chức công việc khai thác dầu có ý nghĩa tinh thần vô cùng quan trọng.

Trích hồi ký của ông Đỗ Đình Khải, kế toán trưởng của XNLD Vietsovetropetro thời kỳ cuối những năm 80 — đầu những năm 90: «Tấn dầu đầu tiên khai thác được đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử phát triển ngành dầu khí của Việt Nam. Chúng tôi, những chuyên gia làm việc trong khối kinh tế tài chính, là những người cảm nhận ngay được điều này. Trước đó, không chỉ XNLD Vietsovetropetro, mà cả ngành dầu khí chỉ biết có xin tiền và chi tiền, nhưng giờ đây, sau khi khai thác lô dầu đầu tiên, chúng tôi đã nhìn thấy triển vọng không chỉ thanh toán cho các nhà đầu tư, mà còn là khả

năng tự cung tự cấp trong tương lai. Đối với nền kinh tế Việt Nam, đây là một sự trợ giúp to lớn. Ngân sách của nước ta hồi đó còn rất eo hẹp, dự trữ ngoại tệ còn ít ỏi hơn. Quan hệ kinh tế với các nước khác gần như không có, hơn nữa nước ta đang bị Mỹ cấm vận, nhiều quốc gia khác cũng ủng hộ chính sách cấm vận này, vì thế chúng ta không có cơ hội phát triển hợp tác với họ trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Thị trường trong nước chủ yếu do tư nhân quản lý. Vụ trưởng Vụ tài chính của Tổng cục dầu khí, đồng chí Hồ Tế nói với tôi rằng số ngoại tệ thu được từ XNLD Vietsovetropetro là một sự hỗ trợ lớn đối với Ngân hàng nhà nước Việt Nam, trở thành gối đệm cho thị trường»³.

Để ghi nhận công lao của XNLD Vietsovetropetro trước đất nước, năm 1985 tập thể cán bộ công nhân viên của xí nghiệp đã được tặng thưởng huân chương Lao động Hạng nhất, còn tập thể nhân viên làm việc trên tàu Mikhail Mirchink được vinh dự nhận huân chương Lao động hạng nhì. Năm 1986 Vietsovetropetro được nhà nước trao tặng cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và bằng khen của Công đoàn Liên Xô giành cho «Người chiến thắng trong cuộc thi quốc tế xã hội chủ nghĩa chào mừng đại hội Đảng LX lần thứ XXVII và đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI».

Từ «Nghiên cứu khả thi — 1980» tới «Chương trình — 1990»

Sau khi XNLD Vietsovetropetro đã hoạt động được 3–4 năm, tất cả đều hiểu rằng nhiều tiêu chí của Bản nghiên cứu khả thi — 1980 hoặc là đã được hạ quá thấp, hoặc ngược lại đưa lên quá cao và không phù hợp với tình hình thực tế. Thực tiễn đã phủ nhận nhiều tính toán trên giấy. Cũng dễ hiểu: thời gian chuẩn bị quá gấp, chưa tiến hành khoan sơ bộ mà tính tới tiểu tiết là điều rất khó, vì vậy thỉnh thoảng cần xem lại các con số kiểm tra. Qua vài năm hoạt động của xí nghiệp, giờ đây đã có thể nhìn ra những thành quả lao

¹ Phỏng vấn ông Trần Tài, ngày 20/10/2015. Thành phố Hà Nội.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2. Hồ sơ 5051. Tờ 21.

³ Phỏng vấn ông Đỗ Đình Khải, ngày 22 tháng 4 năm 2015, thành phố Vũng Tàu.



Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. A. Dinkov (giữa) thăm các công trình trên bờ của XNLD Vietsovetropetro Phòng truyền thống Tập đoàn Dầu khí quốc gia Petrovietnam

động, cũng như những khiếm khuyết mang tính hệ thống vấp phải khi khởi động «dự án Việt Nam». Tất cả những yếu tố này cuối cùng đã đưa tới tình trạng không hoàn thành tiến độ thực hiện «Chương trình-1985».

Trích quyết định của Hội đồng Tư vấn Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô số 6–23 ra ngày 23 tháng 2 năm 1984: «Bộ Công nghiệp Khí đốt, với sự tham gia của các bộ ngành có liên quan đã thực hiện một khối lượng công việc nhất định để thực hiện các nghĩa vụ của phía Liên Xô, được đề ra trong Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19 tháng 6 năm 1981. <...> Bên cạnh đó, thời hạn thực hiện các công việc chính do Chương trình đề ra bị chậm từ 1,5 tới 2 năm, chủ yếu là vì không đạt yêu cầu đưa ra trong nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ra ngày 12 tháng 2 năm 1981 về việc mua các thiết bị kỹ thuật sử dụng trên biển ở các nước thứ ba, trước hết là giàn khoan nổi tự nâng và tàu cẩu. Ngoài ra, chất lượng các cụm chi tiết của giàn khoan do Bộ xây lắp các công trình đặc biệt của Liên Xô không đảm bảo, khối module do Bộ đóng tàu sản xuất cũng có vấn đề về chất lượng, thêm vào đó, Xí nghiệp Liên doanh không biết cách tổ chức công việc lắp giàn khoan trên bờ, công với giấy tờ kỹ thuật cho một số công trình không đầy đủ, và thời hạn điều động chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam làm việc cũng kéo dài quá quy định.

Để tăng cường hoạt động ở thềm lục địa Việt Nam, tháng 5 năm 1983 Bộ Công nghiệp Khí đốt đã thông qua những biện pháp bổ sung bằng cách giao công việc khoan giếng thăm dò cho liên đoàn Sakhalinmorneftegazprom, còn việc xây dựng giàn khoan cố định đầu tiên được giao cho liên đoàn Caspmorneftegazrpm thực hiện. Và thế là tàu Mikhail Mirchink và đội chuyên gia lắp ráp gồm 40 người được cử sang Việt Nam làm việc. Mặc dù đã áp dụng những biện pháp trên đây, công việc xây dựng giàn khoan và khoan giếng thăm dò vẫn diễn ra chậm hơn tiến độ dự kiến»¹.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7612. Tờ 84–85.

Nhưng vốn kinh nghiệm thu được cho thấy có thể tối ưu hóa một phần của chương trình, đồng thời giữ nguyên những mục đích ban đầu, đó là xác định trữ lượng công nghiệp của dầu và khí đốt tại các mỏ lộ thiên. Theo chỉ thị của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, XNLD Vietsovetropetro đã lập ra một danh sách các đề xuất chỉnh sửa các điều khoản mang tính tổ chức-kỹ thuật của «Chương trình-1985» được đề ra cho năm 1983.

Cụ thể, để đẩy nhanh tiến độ các nghiên cứu tổng hợp về địa vật chất, giờ đây cần thay đổi chế độ làm việc ngoài biển không phải theo mùa nữa, mà làm việc quanh năm, đồng thời tăng thêm số lượng các tàu nghiên cứu khoa học và thu hút các tổ chức của Việt Nam tham gia vào công việc nghiên cứu. Về phần khảo sát kỹ thuật và địa chất cũng phát hiện ra rằng khối lượng khoan các giếng kích cỡ nhỏ được lên kế hoạch quá nhiều, có thể chỉ cần khoan hai trăm giếng là đủ, chứ không cần tới 400. Còn để nghiên cứu tính chất của những tầng đất chịu lực của đáy giàn, ở điểm đặt giàn khoan cố định, thay vì khoan 5 giếng với chiều sâu 100 mét chỉ cần khoan một giếng như vậy ở giữa diện tích, còn ở các góc xung quanh khoan giếng nông hơn cũng được. Những chỉ số khác của «Chương trình- 1985» cũng được tối ưu hóa.

Bộ cũng phát triển những đề xuất về đánh giá lại khối lượng công việc thăm dò dầu khí trong giai đoạn các năm 1983–1985, sau đó Ủy ban liên ngành đã phê duyệt những đề xuất này.

Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 5 năm 1983, Bộ trưởng V. A. Dinkov đã xem xét những mảng nào của «Chương trình-1985» có thể cắt giảm khối lượng công việc. Những đề xuất này đã được đem ra bàn với phía Việt Nam được nhất trí thông qua, trên cơ sở này đã ban hành quyết định của phiên họp thứ III của Hội đồng XNLD, sau đó được thông qua tại phiên họp thứ IX của Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô².

Còn một điểm quan trọng nữa ảnh hưởng trực tiếp tới tiến trình công việc: căn cứ vào quy định của Ủy ban liên chính phủ và Điều lệ xí nghiệp, Vietsovetropetro không có quyền độc lập về tài chính và kinh tế. Điều này làm giảm đáng kể trách nhiệm của xí nghiệp đối với toàn bộ khối lượng công việc được giao. Dần dần mọi người hiểu ra một điều rằng, xí nghiệp cần có sự độc lập nhiều hơn, cũng như cần có nguồn tài chính tối thiểu để giải quyết kịp thời những nhiệm vụ đề ra trước mắt về sản xuất cũng như về các lĩnh vực

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7514. Tờ 131–132.

khác. Câu hỏi còn bỏ ngỏ: thế nào là mức độ độc lập cho phép đối với một xí nghiệp xã hội chủ nghĩa quốc tế hiện đang nằm dưới sự bảo trợ của từng ấy các cơ quan nhà nước?

Ngày 23 tháng 2 năm 1984, một phiên họp đặc biệt đã được tổ chức tại Bộ Công nghiệp Khí đốt dưới sự chủ trì của ông V. A. Dinkov. Được mời tới tham gia cuộc họp không chỉ là các thành viên hội đồng và lãnh đạo các ban ngành tham gia vào «dự án Việt Nam», mà còn có đại diện của Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại, các xí nghiệp và tổ chức trực thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt. Chương trình nghị sự của cuộc họp chỉ xoay quanh một vấn đề duy nhất «Tăng cường công việc thực hiện Hiệp định Liên chính phủ Việt — Xô về thăm dò và khai thác dầu ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam». Tổng giám đốc XNLD D. G. Mamedov đã từ Việt Nam sang Matxcova để tham dự cuộc họp này. Hội đồng nghe những đề xuất của ông V. I. Tymonin về việc tăng thêm thẩm quyền cho XNLD Vietsovpetro, đồng thời chấp thuận bản dự thảo các quyết định của phiên họp tiếp theo Hội đồng XNLD Vietsovpetro về việc tối ưu hóa «Chương trình-1985».

Các thành viên tham gia dự án từ phía Bộ Công nghiệp Khí đốt có nhiệm vụ đưa ra các biện pháp để thực hiện kế hoạch hàng năm. Cuộc họp cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải lập ra lịch trình công việc. Viện Nghiên cứu thiết kế dầu khí biển có nhiệm vụ trong vòng hai tuần hoàn thành việc đánh giá công việc xây dựng, liên quan tới việc «thực hiện các công việc nêu trên trong các điều kiện kém thuận lợi hơn so với các điều kiện dự kiến», còn XNLD «Vietsovpetro» được giao nhiệm vụ tìm ra cách giảm khối lượng công việc vận hành thử trên biển. «Kho cửa» của Bộ Công nghiệp Khí đốt đã mở ra cho XNLD Vietsovpetro: trong vấn đề hậu cần, trước hết phải tìm nguồn thiết bị vật tư cần thiết trong hệ thống của bộ, sau đó mới xét tới các quỹ cấp bộ từ nguồn nhà nước. Các viện nghiên cứu chuyên ngành phải tăng tốc độ thực hiện công việc thiết kế cho các «công trình Việt Nam. «Lãnh đạo các ban ngành và tổ chức chủ chốt chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi công việc tuyển chọn nhân sự, kịp thời làm thủ tục gửi các chuyên gia sang Việt Nam làm việc», — trích nghị quyết của Hội đồng Bộ Công nghiệp Khí đốt. Ngoài ra, cuộc họp còn đưa ra những biện pháp khác về tổ chức hậu cần, tổ chức công việc... Hội đồng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô đã phê duyệt các biện pháp mang tính tổ chức và kỹ thuật, theo đó quy định rõ thời hạn hoàn thành công việc và tên của người chịu trách nhiệm, xác định từng giai đoạn thực hiện «Chương trình –1985» trong khoảng thời gian còn lại¹.

Ngày 30 tháng 3 năm 1984 tại Hà Nội, đại diện chính phủ của hai nước đã ký kết thỏa thuận về việc xây dựng trạm liên lạc vệ tinh Intersputnik ở miền Nam Việt Nam nhằm thiết lập liên lạc trong toàn khu vực bằng điện thoại, telex, điện báo và truyền thông quang điện, cũng như trao đổi các chương trình vô tuyến và đài phát thanh giữa Liên Xô và Việt Nam. Bên cạnh đó, thỏa thuận cũng quy định đảm bảo việc liên lạc trước hết cho toàn bộ XNLD Vietsovpetro. Dự kiến ban đầu là theo đề xuất của phía Việt Nam sẽ xây trạm vệ tinh ở thành phố Hồ Chí Minh để có thể được sử dụng rộng rãi hơn². Ngày 31 tháng 5 năm 1985, đài mặt đất vệ tinh Hoa Sen –2 thuộc hệ thống Intersputnit đã được đưa vào hoạt động, tăng cường đáng kể liên lạc bên trong XNLD Vietsovpetro, đảm bảo nhận được tín hiệu truyền hình từ Liên Xô và các nước khác³.

Từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 4 năm 1984, tại thành phố Vũng Tàu đã diễn ra phiên họp lần thứ IV của Hội đồng XNLD Vietsovpetro. Trong cuộc họp lần này đã giới thiệu lãnh đạo mới của phía Liên Xô, đó là thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt

Liên Xô V. I. Tymonin, giờ đây thay thế cho ông Y. V. Zaisev, người đã có công lớn trong việc khởi động «dự án Việt Nam». Nhưng việc thay đổi nhân sự không chỉ dừng ở đó. Vị trí phó tổng giám đốc thứ nhất đã được trung tướng Nguyễn Hòa trao lại cho nhà địa chất chuyên nghiệp Nguyễn Ngọc Cư, còn cương vị kỹ sư trưởng được giao cho một kỹ sư dày dạn kinh nghiệm, cựu kỹ sư trưởng kiêm lãnh đạo Tổng cục dầu khí Tyumen, ông F. G. Arzhanov.

Tại cuộc họp lần này, Hội đồng đã thông qua các mức lương và phụ cấp cho các nhân viên trong xí nghiệp. Cụ thể, lương của tổng giám đốc Vietsovpetro là 3296 đồng, lương của phó tổng giám đốc thứ nhất cũng là mức ấy, kỹ sư trưởng và các lãnh đạo các cụm sản xuất chính nhận mức lương là 2987 đồng, lương của kỹ sư trưởng, chuyên gia địa chất trưởng là 2636 đồng, lãnh đạo bộ phận khoan hưởng mức lương 2116 đồng, thợ thử giếng khoan được nhận 1957 đồng, mức lương của kỹ sư các phòng khác nhau là 1812 đồng⁴.

Hội đồng vẫn phải thừa nhận thực tế rằng tiến độ xây dựng bị chậm so với kế hoạch đề ra.

Trích biên bản phiên họp lần thứ IV của Hội đồng XNLD Vietsovpetro, tháng 4 năm 1984: «*Hội đồng nhận thấy:*

— *các viện của Liên Xô và Việt Nam đã để xảy ra tình trạng chậm trễ trong việc phát triển và bàn giao tài liệu thiết kế. Nguyên nhân là do không nhận được các nhiệm vụ kỹ thuật đã được phê duyệt một cách kịp thời, do quá trình thống nhất tài liệu kỹ thuật với các cơ quan có liên quan từ cả hai phía kéo dài, ngoài ra còn do một số trường hợp chậm ký kết hợp đồng;*

— *cho tới thời điểm hiện tại, thành viên Việt Nam chưa chuyển giao bản liệt kê EPEP (Bảng tính giá thống nhất cho toàn khu vực) đối với tất cả loại hình công việc, vì vậy các tổ chức của Liên Xô và Việt Nam không thể tính được chi phí cho việc xây dựng các công trình của XNLD và lập kế hoạch đầu tư vốn»⁵.*

Nửa năm sau, cũng tại thành phố Vũng Tàu, từ ngày 29 tới ngày 31 tháng 10 năm 1984, đã diễn ra phiên họp thứ V của Hội đồng, dưới sự chủ trì của ông Nguyễn Hòa và với sự tham gia của thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, ông V. I. Tymonin

Trích Biên bản Cuộc họp lần thứ V Hội đồng XNLD Vietsovpetro, tháng 10 năm 1984: «*Tình trạng chậm tiến độ trong công việc khoan thăm dò, khoan khai thác, xây dựng giàn khoan cố định và các công trình khác bắt nguồn từ các nguyên nhân sau đây:*

— *hệ số thời tiết xấu thực tế (2,3) không phù hợp với hệ số xét trong dự án (1,6);*

— *chậm giao hàng cho Việt Nam đối với các thiết bị kỹ thuật chủ chốt trên biển (giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi, tàu cấu Ispolnit... với mức độ từ 2 tới 2 năm rưỡi;*

— *không ký kết hợp đồng kịp thời về việc cung cấp máy móc, thiết bị và vật tư biển;*

— *hạn chế quyền của XNLD Vietsovpetro trong việc đưa ra những quyết định cuối cùng liên quan tới các vấn đề kỹ thuật, cũng như trong việc tham gia bàn bạc và ký kết hợp đồng.*

Tính tới thời điểm hiện tại, một bộ phận lớn các công việc trên thềm lục địa Việt Nam được thực hiện bằng sức lực của các công ty thầu Liên Xô và Việt Nam, trong khi Vietsovpetro có thể tự mình thực hiện các công việc này»¹.

Căn cứ vào các tài liệu mà Hội đồng có trong tay, có thể nhận thấy rằng các cơ quan lãnh đạo của hai nước cũng như bản thân xí nghiệp liên doanh ngày càng chú ý tới lĩnh vực sản xuất. Khối lượng công việc khoan tăng dần đặt ra nhiệm vụ bức thiết: làm thế nào đảm bảo để các thiết bị khoan làm việc liên tục, không phải dừng vì sự cố. Tháng 9 năm 1984 xí nghiệp bắt tay vào thử sơ đồ làm việc theo ca trên giàn khoan, đây là chương trình do các chuyên gia của Bộ Công nghiệp Khí đốt soạn thảo. Kết quả cho thấy năng suất lao động tăng rõ rệt, vượt cả các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật, một loạt các giếng khoan thăm dò hoàn thành trước thời hạn. Biểu tượng của một thời kỳ mới ở Vietsovpetro là việc tìm ra mỏ Rồng. Phương pháp làm việc theo ca cho thấy đây là giải pháp tối ưu đứng từ góc độ giải quyết các vấn đề về sản xuất, nhân lực và xã hội. Vào thời điểm lúc bấy giờ, đó cũng là phương án ít tốn kém nhất so với các hình thức tổ chức công việc khác. Tổng chi phí cho việc giao hàng và đảm bảo hoạt động của đội khoan làm việc theo ca trong giai đoạn các năm 1985–1986 đã giảm 13,3 triệu rúp so với việc áp dụng sơ đồ gửi chuyên gia sang Việt Nam làm việc dài hạn cùng với gia đình, đồng thời giảm 4,8 triệu rúp so với phương án cử chuyên gia sang Việt Nam làm việc một năm, không mang theo gia đình. Ủy ban lao động nhà nước Liên Xô và Bộ Tài chính Liên Xô đã khuyến cáo tiếp tục truyền thống này, đồng thời đề nghị Bộ hàng không dân dụng Liên Xô tổ chức đưa ca thợ khoan tới Việt Nam theo con đường ngắn nhất: không qua Matxcova, mà trung chuyển qua thành phố Khabarovsk tới thẳng TP. Hồ Chí Minh².

Trích báo cáo của ban giám đốc XNLD Vietsovpetro về hoạt động sản xuất, tài chính kế hoạch và kinh tế trong năm 1984: «*XNLD Vietsovpetro đánh giá rằng, năm 1985 là một năm bản lề, năm chuyển đổi từ giai đoạn chuẩn bị và tổ chức sang giai đoạn giải quyết một cách cụ thể những nhiệm vụ đặt ra. Cho dù không hoàn thành tất cả các kế hoạch theo dự kiến ban đầu, đôi khi xảy ra tình trạng chậm tiến độ, nhưng đã thu được những kết quả nhất định về khoan và khai thác giếng đầu tiên, về xây dựng giàn khoan cố định đầu tiên trên biển. Thành tích quan trọng nhất trong năm qua, theo đánh giá của chúng tôi, là việc hình thành một tập thể Việt — Xô của Vietsovpetro đầy tinh thần đoàn kết, chính tập thể này trong quá trình làm quen với môi trường công tác trên biển Việt Nam đã tích lũy được vốn kinh nghiệm cần thiết và tạo ra tiềm năng hùng hậu, cho phép đội ngũ cán bộ công nhân viên đang vững mạnh từng ngày đưa ra sách lược đúng đắn và chiến lược cho những công việc tiếp theo, tin tưởng tiến lên phía trước, tìm ra lời giải cho bài toán thu được lô dầu công nghiệp đầu tiên»³.*

Trong nội dung bản Hiệp định Liên chính phủ ra ngày 19 tháng 6 năm 1981 về công tác tổ chức XNLD Vietsovpetro không quy định về việc cấp cho xí nghiệp nguồn tài chính cũng như quyền hạn giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến sản xuất và kỹ thuật; thẩm quyền của XNLD trong lĩnh vực lãnh đạo cũng hạn chế. Vietsovpetro chỉ được phân bổ nguồn tiền Việt để trả lương cho bộ

máy lãnh đạo cũng như các bộ phận khác thuộc cơ cấu xí nghiệp. Thời kỳ đầu xí nghiệp chỉ thực hiện chức năng thống kê chi phí của các bên, giám sát kỹ thuật đối với công việc do các tổ chức Việt Nam và Liên Xô thực hiện, thống kê nguồn vật tư-kỹ thuật nhận được và báo cáo về việc sử dụng nguồn lực này. Để tổ chức việc hạch toán kinh tế của XNLD Vietsovpetro, Bộ Công nghiệp Khí đốt đã đưa ra những đề xuất cụ thể về việc chuyển giao cho xí nghiệp liên doanh Việt — Xô toàn bộ nguồn tiền, đồng thời giao cho xí nghiệp thực hiện chức năng của khách hàng chính. Những đề xuất này được các thành viên tham gia XNLD, cũng như đại diện của Ủy ban kế hoạch nhà nước, Bộ tài chính và Ngân hàng ngoại thương hai nước thông qua vào tháng 4 năm 1985. Từ tháng 1 năm 1985, xí nghiệp nhận về mình tất cả các công việc chính tại thềm lục địa Việt Nam, ngoài việc thực hiện các nghiên cứu địa chất-kỹ thuật, phần này được giao cho các nhà thầu Liên Xô làm theo mùa. Ngoài ra, việc xây dựng khu nhà ở và các công trình phục vụ đời sống văn hóa, xã hội đã được giao phó cho các công ty xây dựng Việt Nam. Từ năm 1986 bắt đầu áp dụng phân bổ thiết bị và vật tư dành riêng cho XNLD Vietsovpetro. Ngày 15 tháng 8 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã thông qua những quyết định trên và đưa vào nội dung của Biên bản Liên chính phủ đặc biệt ra ngày 25 tháng 10 năm 1985.

Một quyết định rất quan trọng của Hội đồng là mở rộng quyền hạn chức năng và nghĩa vụ của XNLD Vietsovpetro. Tuy nhiên chỉ tận tới tháng 2 năm 1987, sau khi Bộ Công nghiệp Khí đốt đã khẩn thiết yêu cầu, phía Việt Nam mới đồng ý trao cho Vietsovpetro đảm nhiệm chức năng của khách hàng chính và chuyển giao cho XNLD nguồn tài chính để các tổ chức Việt Nam có thể thực hiện các công việc xây dựng cơ bản.

Để tăng hiệu quả công việc của XNLD Vietsovpetro, năm 1984, Bộ Công nghiệp Khí đốt và Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại đã đưa ra đề xuất để hai bên xem xét về việc áp dụng giá ưu đãi và «giá stop» đối với các công việc, hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ của hai bên cho XNLD. Tháng 3 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã đưa ra quyết định đơn phương mà không chờ quyết định tương tự từ phía Việt Nam (theo dự kiến ban đầu thì biện pháp này phải được áp dụng đối với cả đôi bên) về việc tán thành những đề xuất trên đây. Mô hình XNLD Vietsovpetro mới đã được phê chuẩn bằng thư từ đi lại giữa hai bên.

Trích thư của Phó chủ tịch Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại N. P. Tobuleev gửi Thứ trưởng Ngoại thương Việt Nam Lê Khắc, thành phố Vũng Tàu, ngày 25 tháng 10 năm 1985: «*Kính gửi đồng chí Lê Khắc,*

Nay tôi vinh dự được xác định thỏa thuận đạt được giữa hai phía Liên Xô và Việt Nam về nội dung sau đây.

1. Hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Việt — Xô, được quy định trong Hiệp định ... ký ngày 19 tháng 6 năm 1981., kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1986 sẽ được thực hiện dựa trên những quy định sau đây:

— *quỹ điều lệ của XNLD được hình thành bằng cách hai bên thông qua những thành viên tham gia của mình nộp một khoản như nhau bằng đồng rúp chuyển nhượng và ngoại tệ tự do chuyển đổi;*

— *để thanh toán các chi phí của XNLD về công việc, cung cấp thiết bị vật tư và dịch vụ do các xí nghiệp nhà nước và các tổ chức Việt Nam thực hiện, phía Việt Nam phân bổ khoản tiền đồng Việt Nam này từ số tiền tham gia trong vốn điều lệ của XNLD;*

— *XNLD có toàn quyền sử dụng nguồn tiền do hai bên phân bổ cho vốn điều lệ vào tài khoản đóng góp;*

— *XNLD sử dụng nguồn tiền của mình để mua các máy móc, thiết bị và vật tư, trả tiền thuê, trả công dịch vụ theo nguyên tắc chọn lựa nhà cung cấp đáp ứng các*

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 7612. Từ 84–88.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3768. Từ 12.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4042. Từ 253.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8053. Từ 79–83.

^[5] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8053. Từ 10–11.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8054. Từ 3–3 ob.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 9109. Từ 285–286.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8054. Từ 21.

^[1] Công ty Gazprom của Liên Xô và khởi đầu quá trình khai thác dầu quy mô công nghiệp ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam

yêu cầu về kỹ thuật, về khả năng cung cấp hàng, về tiến độ xây dựng, có giá cả và điều kiện thanh toán hợp lý; — việc mua thiết bị và vật tư cho hoạt động của XNLD tại các nước thứ ba được thực hiện thông qua tổ chức ngoại thương của Việt Nam với sự hỗ trợ của các tổ chức ngoại thương Liên Xô; — sơ đồ mua thiết bị và vật tư ở các nước thứ ba sẽ do các tổ chức có thẩm quyền của Hai bên xác định; — danh sách mặt hàng và thời hạn mua hàng bằng tiền tệ tự do chuyển đổi do Hội đồng XNLD phê duyệt, trừ một số phụ tùng thay thế, dụng cụ, dầu và vật tư tiêu hao dùng cho thiết bị, các phương tiện nổi và các chi phí khác thì sẽ được Hội đồng XNLD thông qua hàng năm thông qua số tiền giới hạn bằng tiền tệ tự do chuyển đổi; — việc mua thiết bị và vật tư ở Liên Xô, thực hiện các công việc và cung cấp dịch vụ do các tổ chức của Liên Xô đảm nhiệm phục vụ cho hoạt động của XNLD được thanh toán bằng đồng rúp chuyển nhượng sẽ được thực hiện qua các tổ chức ngoại thương của hai Bên; — việc mua thiết bị, vật tư ở Việt Nam, cung cấp dịch vụ và thực hiện các công việc của XNLD do các tổ chức nhà nước của Việt Nam đảm nhiệm được tiến hành căn cứ vào các bản hợp đồng kinh tế giữa XNLD và các xí nghiệp quốc gia và các tổ chức của Việt Nam, với cách thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam, rồi được quy đổi ra đồng rúp chuyển nhượng theo tỉ giá và hiệu suất do các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên thống nhất; — XNLD đảm nhiệm chức năng của Khách hàng chính đối với việc nhập khẩu thiết bị và vật tư, thực hiện các công việc và cung cấp các dịch vụ; — XNLD tham gia vào việc đưa ra những đề xuất về hợp đồng trong đàm phán thống nhất hợp đồng cùng với các tổ chức ngoại thương của hai Bên.

2. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1986, việc đóng góp của hai Bên vào vốn điều lệ của XNLD sẽ được thực hiện theo trình tự sau đây. Dựa trên cơ sở chương trình 5 năm được các Bên thông qua, liên quan tới kế hoạch mua thiết bị, vật tư, thực hiện công việc và cung cấp dịch vụ, Ban Giám đốc XNLD có nhiệm vụ chuẩn bị, còn Hội đồng XNLD sẽ tiến hành phê duyệt kế hoạch hàng năm (chia thành các quý) cho việc đóng góp của hai Bên và vốn điều lệ của XNLD. Việc lên kế hoạch được thực hiện bằng đồng rúp chuyển nhượng theo các loại ngoại tệ. <...> Tiền để lập ra vốn điều lệ được đưa vào tài khoản ngoại tệ của XNLD. <...> Người được quyền phân bổ số tiền do hai Bên chuyển vào các tài khoản tương ứng là XNLD. <...> Lợi nhuận hình thành do kết quả các hoạt động sử dụng tiền của XNLD trong các tài khoản mà xí nghiệp mở tại các chi nhánh ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ở thành phố Vũng Tàu, Việt Nam sẽ được coi là khoản thu nhập của XNLD.

3. Tất cả những điều khoản còn lại không được quy định trong Thư này, sẽ tuân thủ theo nội dung Hiệp định Việt Xô nhắc tới trên đây, ký ngày 19 tháng 6 năm 1981»¹.

Những bức thư trao đổi này đã thay đổi đáng kể một số nguyên tắc quan trọng nhất của việc hợp tác trên thềm lục địa và cũng có giá trị tương tự như Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19 tháng 6 năm 1981.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3992. Tờ 87–90.

* * *

Tới giai đoạn cuối năm 1985, «Chương trình — 1985» sắp đến lúc đáo hạn. Tại phiên họp lần thứ X của Ủy ban Liên chính phủ Việt — Xô tổ chức tại Hà Nội vào các ngày 18–22/1/1985, các tổ chức của cả hai bên được giao nhiệm vụ soạn thảo các đề xuất cho chương trình làm việc giai đoạn kế tiếp trong các năm 1986–1990 (sau đây sẽ gọi tắt là — «Chương trình –1990»).

Trong giai đoạn tháng 4 và tháng 5 năm 1985, dựa trên cơ sở tài liệu mang tên «Sơ đồ phát triển của XNLD Vietsovetro trong giai đoạn những năm 1986–1990», Viện nghiên cứu và thiết kế dầu khí biển thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô đã hoàn thành việc tính toán các chỉ số kinh tế-kỹ thuật chủ yếu của việc khai thác nguồn dầu ở thềm lục địa Việt Nam cho giai đoạn tiếp theo. Cơ sở của tài liệu này là các kết quả lấy mẫu những giếng khoan thăm dò đầu tiên. Theo tính toán thì công việc bắt đầu khai thác dầu phải được bắt đầu vào năm 1986 để nâng lên mức 2,5 triệu tấn vào năm 1990. Tổng cộng trong giai đoạn các năm 1986–1990 dự kiến phải khai thác được 6 triệu tấn dầu. Tổng chi phí cơ bản cho giai đoạn kế trên sẽ phải là 1600 triệu rúp chuyển nhượng, còn giá thành khai thác dầu là 35,1 rúp cho một tấn. Dựa trên tính toán sẽ bán được 169 rúp một tấn dầu (giá áp dụng từ năm 1985), lợi nhuận dự kiến trung bình mỗi năm phải là 736 triệu rúp, với hệ số hiệu quả đầu tư vốn là 40%.

Tháng 6 năm 1985, Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô và Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại đã đệ trình lên Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô những con số tính toán này. Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Ngân hàng Ngoại thương Liên Xô, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại và Bộ Công nghiệp Khí đốt, tháng 7 năm 1985, Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô đã đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng văn bản đề xuất về tiếp tục hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam trong giai đoạn 1986–1990 về các công trình ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, và được thông qua bằng Nghị quyết đặc biệt của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô vào ngày 15 tháng 8 năm 1985.

Dựa trên các dữ liệu này, ngày 25 tháng 10 năm 1985 một loạt văn bản mới đã được ký kết tại thành phố Vũng Tàu, đó là Biên bản và «Chương trình — 1990». «Chương trình — 1990» đã đề ra nhiệm vụ tăng một cách đáng kể khối lượng công việc về khoan thăm dò và khoan khai thác, xây dựng giàn khoan cố định trên biển, cũng như các công trình của căn cứ trên bờ và các công trình phục vụ cho đời sống văn hóa và xã hội.

Trích Biên bản ký kết giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam về phát triển hơn nữa hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong giai đoạn 1986–1990, ngày 25 tháng 10 năm 1985:

«Điều 1. Hai bên tiếp tục hợp tác với nhau trong giai đoạn các năm 1986–1990 về thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, căn cứ vào Chương trình thực hiện công việc được quy định trong Phụ lục 1 của Biên bản này.

Điều 2. Để đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Chương trình quy định trong Biên bản này, các Bên sẽ góp một khoản tiền bằng nhau vào vốn điều lệ của XNLD với số lượng không quá 1,6 tỉ rúp chuyển nhượng, trong đó có 150 triệu rúp chuyển nhượng dưới dạng tiền tệ tự do chuyển đổi.

Điều 3. Để đưa tiền tệ tự do chuyển đổi vào tài khoản đóng góp của các Bên cho vốn điều lệ của XNLD, các Bên sẽ phân bổ 500 ngàn tấn dầu trong các năm 1986–1988 (tổng cộng là 1 triệu tấn dầu) từ các phần đóng góp căn cứ trên quy định của các điều kiện Hiệp định ngày 19 tháng 6 năm

1981 đối với mỗi Thành viên của XNLD, với mục đích tiêu thụ số dầu này đối lấy tiền tệ tự do chuyển đổi».

Trích Phụ lục 1 của Biên bản Việt — Xô ký ngày 25 tháng 10 năm 1985. Chương trình thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam giai đoạn 1986–1990: «Nhiệm vụ chính của Chương trình là như sau:

— đưa vào khai thác mỏ dầu Bạch Hổ, tăng lượng dầu thu được tới 2,5 triệu tấn vào năm 1990;

— tiếp tục tìm kiếm dầu ở các lô 09 và 16;

— tiến hành các nghiên cứu về địa vật chất và địa chất-kỹ thuật, cũng như khoan thăm dò tại các lô 04, 05, 10, 11, 15 nhằm mục đích tăng trữ lượng dầu có thể thu hồi lên tới 200–220 triệu tấn;

— thành lập các nhà máy tại thành phố Vũng Tàu để lắp ráp các kết cấu kim loại của giàn khoan cố định, cũng như các công trình thủy lợi»¹.

Để đạt được những mục tiêu trên đây, đã đề ra kế hoạch hoàn thành 15 ngàn cây số các nghiên cứu địa vật lý, khoan 72 ngàn mét giếng khoan thăm dò và 200 ngàn mét giếng khoan khai thác, lắp đặt 270 km đường ống dẫn dầu chính².

* * *

Tháng 3 năm 1986, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin đã tới thành phố Vũng Tàu. Sau các cuộc gặp mặt và làm việc với các đối tác Việt Nam, hai bên đã đạt được thỏa thuận về việc thiết lập liên lạc trực tiếp giữa Vietsovetro và Bộ Công nghiệp Khí đốt mà không cần phải thông qua các cơ quan trung gian ngoại thương³. Trước đó, tất cả các hoạt động chính của XNLD, bao gồm cung cấp thiết bị, ký các hợp đồng thầu, mua thiết bị và vật tư ở các thứ ba v. v... đều phải thực hiện nhờ liên đoàn ngoại thương Technexport, trực thuộc Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại. Tổ chức này đã có nhiều đóng góp cho ngành công nghiệp dầu mỏ của Việt Nam vào những năm 60 cho tới đầu những năm 80, nhưng Technoexport không chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra. Các bản hợp đồng thường bị chậm ký kết, luôn luôn xảy ra những mâu thuẫn với các đối tác Việt Nam về giá, thời hạn thực hiện hợp đồng v. v... Đối với một nền kinh tế mệnh lệnh hành chính thì đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Kết quả là các hợp đồng mua bán với các nước thứ ba để đáp ứng nhu cầu cho Vietsovetro đã được chuyển cho công ty ngoại thương Việt Nam Petechim. Các bản hợp đồng thường ký kết quá chậm, thường xuyên xảy ra bất đồng với các đối tác Việt Nam về giá, thời hạn giao hàng v. v... Đối với nền kinh tế hành chính mệnh lệnh thì đây là vấn đề hết sức nghiêm trọng. Kết quả là nhiệm vụ mua hàng ở các nước thứ ba phục vụ nhu cầu củ XNLD Vietsovetro được chuyển cho tổ chức ngoại thương của Việt Nam Petechim.

Ngày 25 tháng 6 năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã ban hành sắc lệnh đặc biệt, theo đó liên đoàn Soyzzarubezhmorneftegazprom thuộc Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô được trao quyền ký kết các hợp đồng ngoại thương về cung cấp thiết bị vật tư, cung cấp dịch vụ và thực hiện các hợp đồng thầu xây dựng các công trình cho XNLD Vietsovetro, đồng thời thay thế Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô thực hiện các hợp đồng trên. Kết quả là, lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu thực hiện dự án, tất cả các hợp đồng về nghiên cứu tổng thể địa vật lý và nghiên cứu địa

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 25.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 23–26.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8662. Tờ 94.

chất-kỹ thuật ở thềm lục địa Việt Nam trong giai đoạn 1987–1990 được ký kết đúng thời hạn quy định⁴.

* * *

Thời kỳ mới hình thành XNLX Vietsovetro, Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô thường chịu sự chỉ trích từ phía các bộ ngành khác nhau, vì các cơ quan này luôn tìm ra những lỗi lầm và không tin vào những thành tựu khách quan của hợp tác Việt — Xô ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Dần dần các chuyên gia của Bộ Công nghiệp Khí đốt đã soạn thảo và đưa ra các đề xuất để cải thiện tổ chức công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, hợp tác chặt chẽ trong vấn đề này với các đồng nghiệp Việt Nam, tìm ra những giải pháp thỏa thiệp nhờ sự nỗ lực của cả hai phía. Tới giữa những năm 80, vấn đề hội nhập các nước xã hội chủ nghĩa là thành viên của khối SEV (Hội đồng tương trợ kinh tế) đã buộc ban lãnh đạo Liên Xô phải lắng nghe kinh nghiệm của Bộ Công nghiệp Khí đốt, là một trong số ít ôi các cơ quan Liên Xô đã có thực tiễn hoạt động liên doanh kinh tế với các quốc gia khác.

Toàn bộ những vấn đề còn tồn tại cũng như các thành tựu mà XNLD Vietsovetro đạt được trong quá trình thực hiện «Chương trình — 1985» đã được thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, ông V. I. Tymonin trình bày trong tài liệu ghi chép của mình.

Trích thư của thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. I. Tymonin «Về kinh nghiệm liên doanh với các các công ty nước ngoài (công ty hỗn hợp, xí nghiệp liên doanh và các công ty cổ đông)», ngày 25 tháng 11 năm 1986: «Kinh nghiệm làm việc của Bộ Công nghiệp Khí đốt tại Petrobaltik⁵, cũng như tại XNLD Vietsovetro cho thấy những điều sau đây

<...>.

XNLD Vietsovetro bắt đầu hoạt động thực tiễn của mình kể từ năm 1982 mà hoàn toàn không có bất kỳ cơ sở vật chất-kỹ thuật nào tại địa phương, cũng không có các cơ sở máy.

Các phần việc về thiết kế và xây dựng các công trình chính của XNLD, bố trí các công trình thủy đặc biệt trên biển, cung cấp các loại máy móc thiết bị và vật tư, ngoại trừ chất trợ, là do các tổ chức của Liên Xô đảm nhiệm. Trong giai đoạn các năm 1982–1986, các công trình của XNLD đã nhận được từ Liên Xô gần 350 ngàn tấn thiết bị, vật tư và nhiên liệu, khoảng 250 các loại phương tiện vận tải ô tô và thiết bị làm đường, trong đó có 20 phương tiện nổi đặc biệt trên biển, đảm bảo cho toàn bộ các công việc ngoài khơi. Một phần lớn các thiết bị được nhập khẩu từ các nước tự bán, về mức độ kỹ thuật tương xứng với các tiêu chuẩn cao nhất trên thế giới. Các chuyên gia có trình độ cao của Liên Xô, có vốn kinh nghiệm dày dặn về tìm kiếm, khảo sát, khai thác dầu đã được cử sang Việt Nam làm việc. Ngoài Bộ Công nghiệp Khí đốt, các xí nghiệp và tổ chức thuộc Bộ Công nghiệp đóng tàu, Bộ xây lắp công trình đặc biệt của Liên Xô cũng được thu hút tham gia vào công việc của XNLD. Hàng chục các xí nghiệp thuộc các bộ ngành khác nhau của Liên Xô đã thực hiện việc cung cấp thiết bị vật tư cho Vietsovetro.

Việc kiến thiết các công trình thuộc căn cứ trên bờ được thực hiện bởi các tổ chức của Việt Nam, nhưng các tổ

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 9109. Tờ 2.

^[5] Liên doanh «Petrobaltic» — tổ chức liên quanh Liên Xô–Đức–Ba Lan, thành lập năm 1975 nhằm thực hiện các công việc khảo sát địa chất ở thềm lục địa biển Baltic.

chức Liên Xô tham gia vào công đoạn thiết kế, cũng như cung cấp thiết bị, vật tư và máy móc xây dựng. Hình thức tổ chức công việc nêu trên tại các công trình của XNLD cho phép trong khoảng thời gian tương đối ngắn (5 năm) lập ra cơ sở sản xuất, đảm bảo cho các công việc khảo sát thăm dò ngoài khơi, lắp ráp các cụm thiết bị trên bờ và xây dựng các giàn khoan cố định hiện đại trên biển, khoan khai thác, cũng như công việc khai thác, thu thập, chuẩn bị và vận chuyển dầu vào tàu chứa Crum với sức chứa 150 ngàn tấn. Kết quả là cuối năm 1985 XNLD đã hoàn thành nhiệm vụ chính của Chương trình 1981–1985, đó là khẳng định tiềm năng cao về dầu khí của hai lô 09 và 16 thuộc thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Dựa trên cơ sở những nghiên cứu địa vật lý có độ chính xác cao do các tổ chức Liên Xô thực hiện, cũng như nhờ hai giếng khoan thăm dò được khoan từ tàu Liên Xô theo hợp đồng thầu, đã tìm ra hai mỏ dầu là Bạch Hổ và Rồng, với trữ lượng dầu có thể thu hồi được đánh giá ở mức 130–140 triệu tấn. Ngoài khơi, cách bờ 150 km hai giàn khoan cố định trên biển đã xây xong, từ hai giàn khoan này đã khoan được 5 giếng khoan khai thác cho dầu. Số lượng dầu bơm vào tàu chứa Crum đã là 18 ngàn tấn»¹.

Tổng kết giai đoạn 1981–1985, chi phí được đưa vào vốn điều lệ của XNLD Vietsovpetro là gần 350 triệu rúp. Xí nghiệp liên doanh trong các năm 1981–1985 đã xác định và gửi cho các thành viên tham gia dự án số tiền để tiếp tục đăng ký vào cổ phần của Vốn điều lệ: đó là 52581,8 ngàn rúp chuyển nhượng gửi cho thành viên Việt Nam và 297 triệu rúp chuyển nhượng được chuyển cho thành viên Liên Xô².

Năm khó khăn

Giai đoạn chuẩn bị của XNLD Vietsovpetro kéo dài ba năm. Như lời thú nhận của tổng giám đốc xí nghiệp, năm 1984 trở thành năm bán lẻ, nói khác đi, đó là năm chuyển đổi từ việc giải quyết các vấn đề về tổ chức và chuẩn bị sang thời kỳ giải quyết các nhiệm vụ về sản xuất. Nếu giai đoạn đầu tiên-giai đoạn chuẩn bị — là «thời ông Mamedov», thì giai đoạn tiếp theo có thể gọi là «thời ông Arzhanov». Tại phiên họp lần thứ IV của Hội đồng, xí nghiệp đã chia tay với ông D. G. Mamedov vì hợp đồng ký kết với ông hết hạn. Từ ngày 1 tháng 11 năm 1984, vị trí người đứng đầu XNLX Vietsovpetro được trao cho ông F. G. Arzhanov. Dưới sự lãnh đạo của ông đã có tìm ra những mỏ dầu vô cùng quan trọng. Người sau này làm việc với các mỏ dầu này, ông V. S. Vovk, thay thế ông Arzhanov chèo lái con thuyền Vietsovpetro, đã đánh giá rất cao về những người tiền nhiệm của mình.

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, người từng đảm nhiệm chức vụ Lãnh đạo Bộ phận khoan dầu và những năm 1984–1985, năm giữ cương vị Tổng giám đốc Vietsoptro những năm 1988–1993
«Jalal Heydarovich Mamedov là một kỹ sư giỏi, một người quên mình vì công việc và cũng là một người rất trí thức. Giám đốc thứ hai của XNLD, ông Feliks Grigorevich Arzhano lại là một kiểu tính cách khác. Ông là một nhà lãnh đạo rất rắn tay, thời gian đầu điều này có phần lạ lẫm với chúng tôi. Ông F. G. Arzhanov từng có một thời là kỹ sư trưởng của Tổng cục dầu khí Tyumen, và nếu nhớ tới nơi ông từng làm việc trước đó thì có thể hiểu vì sao ông có phong cách làm việc đặc biệt như vậy. Nhưng đã quen với ông rồi thì chúng tôi lại đánh giá rất cao những phẩm chất trong công việc của vị giám đốc. Ủy ban kế hoạc nhà nước Liên Xô và Bộ Công nghiệ dầu khí cũng biết ông rất rõ. Tôi cho rằng, ông Feliks Grigorevich đã cống hiến sức lực và năng lượng của mình cho sự phát triển của XNLD. Ông đã góp phần rất lớn vào quá trình phát triển của xí nghiệp bằng chính phong cách lãnh đạo cương quyết và không nhượng bộ»³.

Bi kịch Arzhanov

Việt Nam rất cần dầu, nhưng trước tiên việc khai thác dầu cứ mãi bị trì hoãn, sau đó là chuyện lượng dầu khai thác ít hơn so với dự kiến. Điều này khiến cho một số vị lãnh đạo ở Hà Nội không bằng lòng. Mặt khác, khối lượng đầu tư của Liên Xô vào Việt Nam liên tục tăng, trong khi thu hồi vốn thì cứ bị trì hoãn và không phù hợp với Nghiên cứu khả thi –1980, theo đó thời điểm bắt đầu khai thác dầu không phải năm 1986, mà là năm 1983. Điều này cũng lại khiến cho một số lãnh đạo ở Matxcova băn khoăn. Như vậy là bên cạnh những thành tích rõ rệt của XNLD Vietsovpetro và quá trình tối ưu hóa cơ cấu hợp tác mang lại kết quả hiện tiền, bên trong bộ máy cồng kềnh điều hành theo kiểu mệnh lệnh hành chính từ cả hai phía đều có những đánh giá tiêu cực về quá trình thực hiện «dự án Việt Nam». Và tồn tại những cái cớ mang tính hình thức mà người ta viện dẫn để đưa ra kết luận này.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8662. Từ 261–262.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 9118. Từ 42.

^[3] Vovk V. S. Thềm lục địa củi đầu trước ý chí // Tháp khoan trên sóng. Tr. 58.


Tổng Giám đốc XNLD Vietsovpetro F. G. Arzhanov (giữa) giới thiệu cơ sở phục vụ trên bờ với các vị khách Việt Nam. Ông Ngô Thường San đứng thứ hai từ bên phải

Trích thư của Tổng giám đốc XNLD Vietsovpetro F. G. Arzhanov gửi Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdien, ngày 22 tháng 6 năm 1985 (tài liệu nội bộ):

«Đồng chí Victor Spepanovich kính mến!

Tôi có trách nhiệm thông báo cho đồng chí về việc thời gian gần đây một số các tổ chức của Việt Nam (công ty ngoại thương Petechim và Tổng cục dầu khí) có ý định thu hút một số nước tư bản tham gia khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam.

Tình trạng không hoàn thành khối lượng công việc dự kiến cũng như tiến độ xây dựng giếng khoan ở thềm lục địa Việt Nam trong giai đoạn các năm 1983–1984, không đảm bảo việc cung cấp vật tư kỹ thuật cho XNLD Vietsovpetro để thực hiện việc xây dựng các công trình sản xuất đã được lên kế hoạch từ trước, cũng như việc chậm trễ soạn thảo và bàn giao hợp đồng cung cấp thiết bị và vật tư đã lâu nay gây ra bất mãn và đánh mất đi sự tin cậy của ban lãnh đạo của các tổ chức này về hợp tác có hiệu quả giữa Liên Xô và Việt Nam trong lĩnh vực phát triển khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam<…>

Liên quan tới tình trạng hiện nay (mà điều này không thể không đập vào mắt) một số các chuyên gia và lãnh đạo có thẩm quyền của Tổng cục dầu khí và công ty Petechim đã bày tỏ nghi ngờ về mức độ tin cậy của sự hợp tác với Bộ Công nghiệp Khí đốt, mà theo ý kiến của họ, khả năng của cơ quan này không đáp ứng trọn vẹn nhu cầu phát triển của XNLD, xét cả về góc độ năng lực sản xuất lẫn góc độ tổ chức hoạt động ngoại thương. Sau khi hoàn thành giếng khoan số 5-BT, giếng khoan số 4-BT ở mỏ Bạch Hổ và thu được dòng dầu công nghiệp qua kết quả lấy mẫu lỗ khoan, những đánh giá tiêu cực về hợp tác được nêu ra trước đó dần dần mang tính xu hướng rõ rệt, thể hiện trong những việc làm cụ thể. Theo đánh giá của các chuyên gia Việt Nam, nguyên nhân gây ra điều này là do tiến độ công việc chuẩn bị để khoan khai thác và xây dựng mỏ dầu quá chậm. Nếu cứ tiếp tục với tốc độ chậm như hiện nay thì không thể đạt được lượng dầu khai thác cần thiết, trong khi đó con số đưa ra là 5 triệu tấn dầu, đây là chỉ tiêu hoàn toàn không thực tế cho năm 1990. <…>



Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười trao Huân chương Lao động Hạng I cho XNLD Vietsovpetro. Ông F. G. Arzhanov đứng ngoài cùng bên trái, thứ ba bên trái là Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Ngọc Cừ. Năm 1985

Lưu trữ của Phòng truyền thống Tập đoàn Dầu khí quốc gia Petrovietnam

Tôi đã nhiều lần giải thích trong các cuộc gặp gỡ với lãnh đạo Tổng cục dầu khí Nguyễn Hòa và Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam, đồng chí Đỗ Mười rằng, định mức khối lượng công việc và sản lượng dầu khai thác là không thực tế, vì thậm chí chúng ta còn chưa biết rõ trữ lượng của các mỏ, đây là còn chưa nói về tình trạng thiếu cơ sở vật chất-kỹ thuật cần thiết cho xí nghiệp v. v… Mặc dù mọi người tán thành ý kiến của tôi, nhưng vấn đề tăng sản lượng dầu khai thác vẫn tiếp tục được mang ra thảo luận ở mọi cấp độ khác nhau. Hơn thế nữa, theo như giải thích của Thành viên Việt Nam, nhằm mục đích đẩy nhanh công việc và vì lý do phía Liên Xô không đảm bảo được việc cung cấp một loạt phương tiện kỹ thuật cần thiết cho công việc ngoài khơi, tổ chức ngoại thương Việt Nam Petechim, được Tổng công ty dầu khí Việt Nam và Bộ Ngoại thương Việt Nam cho phép (điều này được giám đốc công ty Petechim, đồng chí Trần Hữu Lạc thông báo một cách chính thức), đã tiến hành đàm phán sơ bộ với các công ty thuộc các nước tư bản về việc mua các thiết bị khoan nổi, các phương tiện nổi, các phương tiện kỹ thuật, cũng như thực hiện một loạt các công việc, trong đó có việc đặt đường ống ngầm dưới nước. Ở đây đã đề cập đến những cuộc đàm phán cụ thể»¹.

Nếu các đối tác Việt Nam chỉ trích Bộ Công nghiệp Khí đốt vì theo họ, cơ quan này chưa thật tích cực đấu tranh nhằm đạt được sản lượng dầu khai thác đã quy định trong kế hoạch, thì các nhà phê bình Liên Xô lại viết rằng, trong một số các vấn đề (trong đó có việc sử dụng các phương tiện nổi do Bộ Công nghiệp Khí đốt sở hữu, chuyển giao vật tư tiêu hao cho các tổ chức thầu Việt Nam), Bộ Công nghiệp Khí đốt đã «có gắng quá sức» và gây tổn hại cho lợi ích của Liên Xô. Và các nhà tài chính là những người đầu tiên phải gánh chịu hậu quả.

Trích thư của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng xây dựng Liên Xô M. S. Zotov gửi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô N. V. Talyzin, ngày 31 tháng 7 năm 1985: «Ngân hàng xây dựng Liên Xô sau khi tiến hành kiểm tra đã xác định rằng, việc thực hiện Chương

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 145. Hồ sơ 1666. Từ 14–18.



Ông F. G. Arzhanov giới thiệu với Bộ trưởng Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin các chủ thể của XNLD «Vietsovetpetro». Ở hậu cảnh là nhà lãnh đạo tổ chức «Soyuzzarubezhmorneftegazpom» A. M. Vardanyan, bên trái là Vụ trưởng khoan ngoài khơi của XNLD «Vietsovetpetro» V. S. Vovk. Năm 1986

trình công việc được đề ra trong các Hiệp định Liên chính phủ về khai thác thềm lục địa không thỏa mãn yêu cầu.

Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm này, với số tiền được phân bổ là hơn một tỉ rúp, đã lên kế hoạch về việc thành lập một tổ hợp sản xuất trên bờ, các kết cấu cố định và nổi trên biển với các công trình cơ sở hạ tầng, đảm bảo xây dựng xong 12 giếng khoan thăm dò và 20 giếng khai thác, cho phép tới giai đoạn cuối năm 1983 bắt tay vào công việc khai thác dầu.

Tuy nhiên, trong các năm 1981–1984, với tổng chi phí cơ bản dự kiến chỉ là 345,5 triệu rúp, trên thực tế chỉ hoàn thành 144,4 triệu rúp, hay 42%. Từ số tiền dự trù phân bổ vào năm 1985 là 159,2 triệu rúp, tính tới ngày 1 tháng 7 năm nay mới chỉ giải ngân được 28,5 triệu rúp, hay 18%. Trong số 57 công trình được lên kế hoạch trong chương trình liên doanh Việt — Xô, không một công trình nào hoàn thành đúng thời hạn quy định. Thay vì ba giàn khoan cố định trên biển cần đưa vào hoạt động trong kế hoạch 5 năm này, chỉ có một giàn khoan sẽ được xây dựng xong.

Kết quả là, theo đánh giá của Bộ Công nghiệp Khí đốt, chỉ tới cuối năm 1985 mới có thể bắt đầu khai thác công nghiệp tại giếng khoan đầu tiên trong số 22 giếng dầu được lên kế hoạch trong chương trình hợp tác Việt — Xô cho kế hoạch 5 năm này.

<...> Sở dĩ xảy ra tình hình hiện nay là vì Bộ Công nghiệp Khí đốt (thứ trưởng chịu trách nhiệm về thực hiện công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, đồng chí Tymonin) và liên đoàn được thành lập chuyên cho mục đích này mang tên «Soyuzzarubezhmorneftegaz» (lãnh đạo là đồng chí Vardanyan) đã chuyển giao công việc tổ chức cho các bộ phận của mình nằm tại Sakhalin, Biển Đen và Biển Caspian, còn bản thân các vị lãnh đạo này đã buông lỏng đáng kể việc phụ trách công việc, trên

thực tế là không tham gia lên kế hoạch và giám sát việc cung cấp và sử dụng thiết bị, các phương tiện nổi, vật tư, điều động chuyên gia Liên Xô đi công tác, chi tiêu quỹ xuất khẩu».

Tiếp đó, tác giả bức thư đưa ra một loạt các biện pháp, một mặt nhắm tới việc khởi động khoan dầu và thu dầu công nghiệp từ thềm lục địa miền Nam Việt Nam, mặt khác, không phải bao giờ cũng phù hợp với những quy định hình thức. Đương nhiên là cơ quan bị trút trách nhiệm không phải là các tổ chức môi giới ngoại thương, ví dụ việc mua các phương tiện nổi bị chậm trễ, mà là Bộ Công nghiệp Khí đốt, cơ quan này buộc phải gấp rút đi tìm thiết bị cho XNLD Vietsovetpetro và bằng mọi cách gửi thiết bị này tới Vũng Tàu.

Trích thư của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng xây dựng Liên Xô M. S. Zotov gửi Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô N. V. Talyzin, ngày 31 tháng 7 năm 1985 (tiếp tục): «Năm 1984, tàu trục công suất lớn Ispolin đã được đưa sang miền Nam Việt Nam để thay thế cho những chiếc tàu khác không đủ sức thực hiện nhiệm vụ của mình. Tàu trục Ispolin tiêu tốn của nhà nước Liên Xô một khoản tiền là 65,7 triệu đô la Mỹ, cộng cả lãi suất cho khoản vay thương mại của công ty nước ngoài, trong khi đó tàu được bán cho Việt Nam với số tiền là 36 triệu rúp, tức là gần bằng nửa giá thực của tàu.

Về bản chất, Bộ Công nghiệp Khí đốt đã lôi kéo phía Liên Xô vào những khoản lỗ ngoại tệ lớn này, vì tàu trục Ispolin được xây dựng không phải để bán, mà được đóng ở Singapore theo bài toán kỹ thuật của Bộ Công nghiệp Khí đốt để có thể làm việc trong điều kiện các biển ở cả miền nam và miền bắc với nhiệt độ từ -25° tới +35°, với thiết bị cách nhiệt đặc biệt cho khoang nhiên liệu, khoang balast và các khoang khác của tàu, thùng băng kinston, tàu được trang bị thiết bị đa năng, tiện nghi, có các phòng đơn và

phòng đôi cho đội thủy thủ, cabin cho thuyền trưởng. Cảng đăng ký của tàu Ispolin là thành phố Holmsk trên đảo Sakhalin, tuy nhiên ngay sau khi tàu đóng xong, Bộ Công nghiệp Khí đốt đã gửi tàu sang Việt Nam, và căn cứ Biên bản chung với Thành viên Việt Nam ký ngày 9–24/5/1984 đã quyết định trước về việc bán tàu mà không có sự tham gia của Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại. Những hành động trên đây do Bộ Công nghiệp Khí đốt thực hiện từ trước khi ký kết hợp đồng, bất chấp cảnh báo chính thức của Ủy ban quan hệ kinh tế đối ngoại về việc, quyết định này sẽ gây phức tạp cho quá trình đàm phán và dẫn tới những chi phí bất hợp lý cho các tổ chức Liên Xô, trong đó có chi phí ngoại tệ. Và thực tế đã diễn ra đúng như vậy, vì không có những bàn bạc thống nhất từ trước về nhiệm vụ kỹ thuật cho con tàu thuộc cấp độ này, cũng như điều kiện bán hàng, phía Liên Xô đã bị đặt vào tình huống buộc phải có những nhượng bộ về giá cả vào tháng 3 năm 1985. Ngoài ra, vì tàu Ispolin đã hoạt động một thời gian dài mà không có thỏa thuận với người đặt hàng về vấn đề thanh toán, phía Việt Nam cho tới tận thời điểm hiện tại vẫn chưa bồi thường khoản chi phí cho giai đoạn tàu hoạt động không có hợp đồng bán hàng trong vòng năm 1984, với tổng số hơn 1 triệu rúp, trong đó gần 400 ngàn rúp là ngoại tệ nước ngoài. <...>

Bộ Công nghiệp Khí đốt để xây ra những vi phạm trong việc sử dụng các quỹ xuất khẩu, bằng cách giao trực tiếp thiết bị và vật tư cho khách hàng Việt Nam, mà không qua Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại. Ví dụ, với tư cách là hoạt động trao đổi hàng hóa, trong các năm 1981–1983, liên hiệp «Dalnomorneftegazgeofizrazvedka» đã chuyển cho XNLD Vietsovetpetro, là đơn vị pháp lý của Việt Nam, giá trị vật chất từ quỹ xuất khẩu là 18 ngàn rúp, ngoài ra còn cung cấp miễn phí các thiết bị vô tuyến và thiết bị cứu hộ trị giá 44 ngàn rúp.

Căn cứ vào tình hình nêu trên, chúng tôi cho rằng cần xem xét vấn đề về trách nhiệm của các lãnh đạo Bộ Công nghiệp Khí đốt, chính vì sự tắc trách của những người này mà chương trình khai thác dầu ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong giai đoạn 1981–1985 không hoàn thành, gây ra những tổn thất lớn về ngoại tệ. Cần giao nhiệm vụ cho Bộ Công nghiệp Khí đốt cùng với Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại phải thực thi những biện pháp cụ thể về sắp xếp lại trật tự nhà nước trong việc này, đồng thời loại bỏ những nhược điểm về chậm trễ tiến độ, để đảm bảo hoàn thành một cách vô điều kiện các nhiệm vụ đề ra trong giai đoạn các năm 1986–1990.

Chúng tôi cho rằng trong quá trình kiểm tra theo kế hoạch do Ban kiểm tra của XNLD Vietsovetpetro thực hiện, nên đưa thêm vào thành phần Ban kiểm tra từ phía Liên Xô đại diện của Bộ Tài chính Liên Xô và Ủy ban xây dựng nhà nước Liên Xô để nghiên cứu tại chỗ tính đúng đắn của các chi phí, tiến hành tính toán và thống kê các nguồn vật tư kỹ thuật và nguồn tiền mà phía Liên Xô phân bổ cho dự án khai thác thềm lục địa miền Nam Việt Nam»¹.

* * *

Trong số các tài liệu lưu trữ của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, bao gồm các bức thư, chỉ thị, biên bản liên quan tới hoạt động của XNLD Vietsovetpetro có hai tài liệu đề ngày 20 tháng 12 năm 1986 nhưng không ghi tên người nhận.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 145. Hồ sơ 1666. Từ 226–232.

Trích tài liệu «Thông báo của Tổng giám đốc XNLD Vietsovetpetro về quá trình khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong năm 1986», ngày 20 tháng 12 năm 1986: «Khối lượng những công việc đã hoàn thành xong cho phép bắt đầu khai thác thử dầu vào tháng 7 năm nay. Như vậy, dầu mỏ công nghiệp đã thu được sau 2 năm rưỡi kể từ ngày phát hiện mỏ dầu. Chúng tôi coi đây là kết quả tích cực, vì trong những điều kiện tương tự, thực tế trên thế giới cho thấy phải mất từ 4–5 năm để đạt được mục tiêu này. Đề cập tới các điều kiện, trước hết tôi muốn nói tới các điều kiện khí tượng ở biển nơi chúng tôi làm việc, khi mà các công việc xây dựng-lắp ráp chỉ có thể thực hiện được khoảng 100–130 ngày trong năm, còn việc khoan gặp phải những trở ngại trong những tháng mùa đông và mùa hè có bão biển do việc neo đậu tàu hậu cần không dễ dàng. <...> Việc đạt được thời hạn tương đối ngắn kể từ lúc phát hiện ra mỏ cho tới khi tiến hành khai thác sớm dĩ có được là vì việc xây mỏ được thực hiện song song với công việc thăm dò mỏ.

Chuẩn bị khai thác mỏ từ sớm đương nhiên là việc làm bao gồm những rủi ro nhất định. Nhưng ngày hôm nay đã có thể nói rằng quyết định đưa ra là hoàn toàn đúng đắn- chi phí ở mức tối thiểu và dễ dàng bù lại được bằng sản lượng dầu khai thác ngày hôm nay»².

Trích tài liệu «Những vấn đề đặt ra trong thông báo của đồng chí Arzhanov F. G, không liên quan tới phía Việt Nam», ngày 20 tháng 12 năm 1986:

«Vi hoản cảnh đặc biệt của chúng tôi ở đây, tách biệt và ít người, nên có thể nói là so với tất cả những địa điểm khác ở Liên Xô thì ở đây thành công của công việc đặc biệt phụ thuộc vào trình độ của các chuyên gia được cử sang làm việc, cũng như thái độ của họ đối với công việc. Nếu nói là tất cả các chuyên gia làm việc tại Vietsovetpetro đều có trình độ cao và đều rất chăm chỉ thì có lẽ hơi quá lời. Vì vậy, đối với chúng tôi thì cái tổ trước hết là đấu tranh cho một đội ngũ chuyên gia trình độ cao và làm sao tạo một bầu không khí tâm lý để không còn chỗ cho thái độ làm việc chệnh mảng, qua loa nữa.

Để làm được điều này, chúng tôi đã nâng cao tính công khai trong đánh giá kết quả làm việc của những người lãnh đạo XNLD, cũng như của các chuyên gia khác. Hàng tuần, với sự tham gia của các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam, chúng tôi phân tích đánh giá hoạt động của từng bộ phận. Có thể nói là chúng tôi đã mở rộng ranh giới phê bình. <...> Ví dụ, trong năm nay chúng tôi đã khiển trách hai phó tổng giám đốc XNLD. Ban giám đốc của XNLD đã mạnh dạn hơn nói ra quan điểm của mình đối với Bộ Công nghiệp Khí đốt về vấn đề tuyển chọn nhân sự cho XNLD.

<...> Xét từ góc độ cái tổ thì có ba vấn đề sau cần được đặc biệt lưu ý.

Vấn đề thứ nhất. Thời hạn làm việc của chuyên gia tại XNLD.

Hiện nay các chuyên gia được cử đi công tác với thời hạn là một năm và ba năm. Việc đưa ra thời hạn trước như vậy tự nhiên tạo tâm lý cho chuyên gia có suy nghĩ một cách bàng quan với kết quả công việc của mình cũng như với số phận của XN nói chung. Chúng tôi cho rằng, thời hạn công tác một năm đối với các chức vụ

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Từ 36–41.

hành chính và kỹ sư là hoàn toàn không nên. Tốt hơn nếu nếu những người này được cử sang công tác với thời hạn từ 4–5 năm.

Vấn đề thứ hai. Có thể gọi là «Thiếu khích lệ».

Hiện nay, phúc lợi của chuyên gia tới đây làm việc không phụ thuộc vào thái độ của người đó đối với công việc, cũng chẳng phụ thuộc vào kết quả làm việc của chuyên gia đó. Mức lương cứng của chuyên gia đã được xác định ở Matxcova, tại XNLD bộ phận hành chính thực ra không có quyền thưởng hay phạt đối với người đó (tôi muốn nói về khích lệ vật chất).

Không cần phải chứng minh rằng cả hai yếu tố trên đều vượt trội về mặt sức mạnh so với các cơ cấu tác động mà bộ phận hành chính có trong tay như kêu gọi hay các phương tiện tuyên truyền khác.

Vấn đề thứ ba cần thay đổi là vấn đề tuyển chọn nhân sự.

Cần làm sao cho người có kế hoạch sang Việt Nam, và đặc biệt người được chọn không có chút nghi ngờ về việc, trong trường hợp người đó có trình độ chuyên môn thấp và thái độ không nghiêm túc đối với công việc thì sẽ nhất định bị lập tức đưa về nước. Để làm được việc này, cần giao nhiệm vụ cho ban lãnh đạo XNLD, đảng ủy đưa ra quyết định đuổi về nước với cả những người không đạt trình độ chuyên môn, cũng giống hệt như trường hợp những người hiện nay bị gửi ngược về Liên Xô do những hành vi phi đạo đức. Tức là không cấp quyền hạn cho ban lãnh đạo XN làm việc này, mà chính xác là phải giao nhiệm vụ.

Một số khía cạnh nữa liên quan tới bất công xã hội cũng gây ảnh hưởng tới trạng thái tâm lý của mọi người và bầu không khí chung trong đội ngũ các chuyên gia Liên Xô tại XNLD. Ví dụ mức lương thực tế của chuyên gia trong XNLD thường thấp hơn khoảng 1.5 lần so với mức lương của một chuyên gia Liên Xô khác cùng ngành nghề nhưng do một bộ ngành khác cử sang Việt Nam làm việc. Nếu tính cả thời gian làm việc trong tuần thì sự khác biệt này trở thành gấp đôi. Một người sẽ cảm thấy không thoải mái khi cứ thỉnh thoảng lại phải giải thích vì sao lại có chuyện này, vì tất cả cùng làm việc trong những khu nhà kề nhau, sống trong cùng một khách sạn, con cái học cùng một trường.

Không thể nói rằng không có bất kỳ giải thích nào cho việc này. Có cách giải thích. Nhưng những lời giải thích không có sức nặng cho lắm. Ví dụ, một người bình thường đâu cần biết rằng các tên xí nghiệp nơi người đó làm việc phải gọi đúng là thế này, chứ không phải thế kia, rằng xí nghiệp này thuộc về bộ ngành này chứ không phải bộ ngành kia v. v...Một người Xô viết chỉ biết chắc một điều: nếu công việc như nhau thì mức lương phải như nhau. Ở đây cũng cần lưu ý rằng các chuyên gia của XNLD không than phiền về lương bổng, nhưng điều khiến họ cảm thấy mất lòng là sự bất công. Khó mà giải thích được cho một người thợ khoan hay thợ hàn điện làm việc 6 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng rằng người bảo của anh ta làm việc trong phòng có máy lạnh và mỗi tuần chỉ làm việc 30 hoặc 36 giờ vì ở khí hậu ở đây là khí hậu nóng bức của vùng nhiệt đới. Cũng không có lời giải thích hợp tình hợp lý đối với mức lương khác nhau của những người vợ chuyên gia đang làm việc. Hiện nay tình hình là trong cùng một phòng có ba người phụ nữ làm việc, một người trong số họ nhận được toàn bộ suất lương, người thứ hai nhận nửa suất lương, người thứ ba một phần tư suất lương.

Thật xấu hổ nói ra điều này, nhất là bây giờ, khi mà ở nước ta đang diễn ra quá trình khôi phục công bằng, nhưng mức lương của những người phụ nữ này phụ thuộc vào việc mỗi người trong số họ có thể (hay không thể) kiếm được tờ giấy chứng nhận nào đó ở Matxcova và mang tới đây.

Tình trạng này, ngoài tất cả những chuyện khác, được thể hiện cả trong công việc. Chúng tôi cho rằng ở đây cũng cần sắp xếp lại trật tự. *F. Arzhanov*»**.**

Ai là người phải đọc những bản tài liệu chân thành và cháy lòng này, nơi tác giả báo cáo một cách tỉ mỉ về những thành tựu cũng như khó khăn bên trong tập thể Việt — Xô?

Câu trả lời phải được tìm trong sử ký của XNLD Vietsovpetro. Vào ngày hôm đó, 20 tháng 12 năm 1986, Ủy viên Bộ Chính trị, bí thư TƯ Đảng cộng sản Liên Xô, đồng chí E. K. Ligachev, trưởng đoàn đại biểu đảng Liên Xô sang Việt Nam dự đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI đã tới thăm Vũng Tàu.

Vị khách cấp cao của Liên Xô đã tận mắt chứng kiến quy mô công việc của XNLD. Ở thành phố Matxcova xa xôi và giàu có, cách đây nhiều ngàn cây số, mọi người quan sát hiện thực ở đây qua lăng kính vạn hoa lấp lánh màu sắc và bóp méo hiện thực, vì vậy ai cũng tưởng là tình trạng chưa hoàn thành xây dựng hay chưa khoan xong là hậu quả của thái độ làm việc cầu thả và bất tuân của nhân viên. Nhưng có tới tận đây thì mới hiểu được những khó khăn gian khổ mà các chuyên gia do Bộ Công nghiệp Khí đốt của Liên Xô cử sang Việt Nam công tác đang phải trải nghiệm ở miền đất thiên đường nhưng cùng lúc lại rất nghèo nàn này. Ông Ligachev ngắm khu nhà ở, vào tận một căn hộ hỏi thăm, tới khu xưởng lắp ráp, bước ngang qua những khối trụ của giàn khoan cố định số 5 còn đang được xếp trên bờ, rồi có bài phát biểu tại cuộc mít tinh truyền thống bao giờ cũng diễn ra tại sự kiện tầm cỡ này.

Trích thông báo của Cơ quan điện báo Liên Xô, ngày 20 tháng 12 năm 1986: «Xí nghiệp đã tổ chức mít tinh đông đảo, biểu tượng cho tình hữu nghị Việt — Xô, với bài phát biểu của đồng chí E. K. Ligachev. Thay mặt cho đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí đã nhiệt liệt chúc mừng tập thể hàng ngàn người của XNLD Vietsovpetro, lãnh đạo Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo, nhân dân thành phố Vũng Tàu. Những cuộc gặp gỡ đầu tiên với các lãnh đạo xí nghiệp, các nhà tổ chức đảng và tổ chức cơ sở kinh tế, những người thợ bình thường đã khẳng định một điều rằng, tập thể quốc tế của các đồng chí là một đội ngũ những người đi tiên phong gắn bó với nhau, cố gắng sức lực và nguồn năng lượng sáng tạo của mình cho sự nghiệp quan trọng, đó là sự hình thành một ngành công nghiệp mới, vô cùng cần thiết đối với Việt Nam, ngành công nghiệp dầu khí. <...>

Tại đây, ở thành phố Vũng Tàu này đang dần dần hiện lên những đường nét hình hài của một đất nước Việt Nam trong tương lai, một nhà nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, thịnh vượng, có nền công nghiệp tiên tiến, nền nông nghiệp phát triển, nền khoa học và công nghệ hiện đại. Chỉ trong một thời gian ngắn, tại vùng đất này đã phát hiện ra mỏ dầu lớn, hoàn thành xong việc xây dựng hai giàn khoan cố định trên biển và còn hai giàn khoan khác đang trong quá trình lắp đặt. Nhà máy chế biến dầu đang được chuẩn bị kiến thiết. Các tổ chức khoa học và thiết kế đã được thành lập. Hàng trăm công nhân lành nghề, kỹ sư và thợ kỹ thuật — đội ngũ

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 42–43.


Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô N. B. Baibakov tại XNLD Vietsovpetro, 1985

*nhân sự nòng cốt cho ngành công nghiệp dầu khí tương lai của Việt Nam. Sự nghiệp mà các đồng chí đang bắt tay vào xây dựng tại đây, ở thành phố Vũng Tàu này, là sự nghiệp vô cùng lớn lao, thậm chí đối với cả các nước có nền công nghiệp phát triển. Việc khai thác dầu trên biển gắn liền với tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nhưng đó mới chỉ là một khía cạnh của vấn đề. Còn một khía cạnh khác nữa, thực ra là quan trọng hơn. Nó nằm ở chỗ, về mặt tổ chức xí nghiệp của các bạn là một đơn vị đặc biệt, vì Vietsovpetro là xí nghiệp liên doanh đầu tiên giữa Việt Nam và Liên Xô. Vì không có loại hình xí nghiệp tương tự, nên bắt buộc phải liên tục đi tìm những đường hướng mới để giải quyết các bài toán về kinh tế, quản lý cũng như bài toán thuần kỹ thuật. Cũng có những trở ngại trên con đường này. Có những lỗi lầm và những tính toán sai lệch. Nhưng kết quả thì rõ mười mươi. Chúng ta đã có câu trả lời cho câu hỏi quan trọng nhất. Giờ đây, chúng ta đã chứng minh danh thép rằng ở Việt Nam có dầu, và đã khai thác được vài chục ngàn tấn dầu đầu tiên. Như vậy, sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở đất nước các bạn đang được củng cố bởi nguồn nhiên liệu hóa học quan trọng nhất»**.***

Đĩ nhiên trong các cuộc trò chuyện với các chuyên gia Việt Nam và Liên Xô, thư ký Ủy ban TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô E. K. Ligachev đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ nghiêm ngặt tiến độ công việc, nâng cao hiệu suất, ứng dụng những thành tựu khoa học «để đẩy nhanh tốc độ khoan giếng», nhưng vốn từng là một đảng viên dày dạn kinh nghiệm, cựu bí thư thứ nhất của Tỉnh ủy Tomsk, ông biết rằng thế nào là «công cuộc khẩn hoang dầu khí», còn tài liệu ghi chép của ông F. G. Arzhanov chỉ cung cấp một bức phác thảo tương ứng với những gì mà trợ lý của ông Ligachev ghi nhận. Rời Vũng Tàu, để ghi nhận những công lao đặc biệt của Vietsovpetro, ông đã trao cho tổng giám đốc xí nghiệp liên doanh cờ danh dự của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Mới 4 tháng trôi qua kể từ ngày nhận cờ, thì vào ngày 20 tháng 4 năm 1987, căn cứ quyết định của Đoàn chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ông F. G. Arzhanov, lãnh đạo Soyzzarubezhmo rneftegazprom A. M. Vardanyan và Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. I. Tymonin, người phụ trách công việc ở Việt Nam, bị tuyên bố miễn nhiệm.

Chuyện gì đã xảy ra vậy?



Có tin đồn rằng người giữ lập trường phê bình gay gắt với XNLD Vietsovpetro vào thời kỳ xí nghiệp bắt đầu hoạt động là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô G. A. Aliev (ngồi giữa) và lãnh đạo Ban Kinh tế của BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô N. I. Ryzhkov (ngoài cùng bên phải). Người đang đứng là Phó Thủ tướng CHXHCN Việt Nam Đỗ Mười, bên trái ông là thứ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô về hạm đội N. M. Nemchinov, bên trái ông G. A. Aliev là nữ phi hành gia đầu tiên V. N. Tereshkova, ngoài cùng bên trái là Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam B. N. Chaplin, bên phải ông là lãnh đạo Tổng cục dầu khí Việt Nam Nguyễn Hòa. Vũng Tàu, 1984

* * *

Kể từ tháng 1 năm 1986, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch nhà nước N. K. Baibakov, một trong những người ủng hộ sáng kiến thành lập XNLD Vietsovpetro bị buộc phải về hưu, và tháng 5 năm 1986 phòng công nghiệp đầu khí của Ủy ban kế hoạch nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm tra các dữ liệu về việc thực hiện Nghiên cứu khả thi –1980 và «Chương trình — 1985». Các giếng khoan trên mỏ Bạch Hổ đã cho dầu, nhưng cơ chế của «chủ nghĩa hoài nghi quan liêu» lại được khởi động bởi bức thư của Giám đốc Ngân hàng xây dựng nhà nước Liên Xô. Người tiếp tục đường hướng chỉ trích này là lãnh đạo phòng công nghiệp dầu khí của Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô E. Ya. Yudin.

Trích thư của lãnh đạo Ban công nghiệp dầu khí thuộc Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô E. Ya. Yudin gửi Phó chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô A. M. Lalyans, ngày 8 tháng 8 năm1986: «Báo cáo về những điều trên đây, tôi thấy cần thiết phải lưu ý một điều rằng, một số vấn đề cần nghiên cứu kỹ tại chỗ một cách kỹ càng hơn. Về vấn đề này, tôi cho rằng trong giai đoạn hai tháng 10–11 năm 1986 cần cử một nhóm chuyên gia của Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô, Bộ Tài chính Liên Xô và Ngân hàng xây dựng Liên Xô sang Việt Nam công tác để làm quen với việc tổ chức công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, tiềm năng phát triển ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam và cách thức sử dụng hợp lý các nguồn vật tư-kỹ thuật và tài chính-tiền tệ do phía Liên Xô phân bổ cho hoạt động của XNLD»**.**

Không có cách gì chặn được làn sóng chỉ trích dấy lên trong quá trình thực hiện cải tổ nhằm vào hệ thống mệnh lệnh hành chính, bất chấp chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, cũng như các biện pháp khác do các tổ chức Soyzzarubezhneftegazprom và Technoexport đưa ra nhằm giải quyết những thiếu sót trong vấn đề tổ chức công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam³.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 7410. Tờ 54.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3964. Tờ 235.



Ông E. I. Osadchuk và N. I. Ryzhkov chuyện trò với các đồng nghiệp Việt Nam

Ảnh tư liệu của E. I. Osadchuk

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin gửi Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước N. V. Talyzin, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng xây dựng Liên Xô M. S. Zotov ngày 6 tháng 6 năm 1986 (tài liệu nội bộ): «<...>

nhiệm vụ chính của Chương trình làm việc cho giai đoạn các năm 1981–1985 đã hoàn thành với các chi phí về vốn và vật tư ít hơn so với mức đề ra trong Hiệp định. Khẳng định của Ngân hàng xây dựng Liên Xô rằng phần phía nam mỏ Bạch Hổ không có tiềm năng dầu khí là không có cơ sở, điều này được minh chứng bằng kết quả thử nghiệm các giếng khoan số 1, 3, 5 ở khu vực này: khi lấy mẫu ở các giếng khoan này, đã nhận được những dòng dầu công nghiệp tự phun với sản lượng từ 30 tới 150 tấn mỗi ngày. Việc triển khai công việc với tốc độ cao (điều khiến cho Ngân hàng xây dựng Liên Xô «hết sức lo ngại») đã cho phép Bộ Công nghiệp Khí đốt trong giai đoạn các năm 1984–1985 tiến hành khảo sát và bắt tay vào xây dựng mỏ và từ tháng 7 năm 1986 bắt đầu khai thác dầu tại mỏ Bạch Hổ, đây là tốc độ chưa từng có trong lịch sử ngành dầu khí trong nước cũng như trên thế giới.

Cần đặc biệt lưu ý, trong Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19 tháng 6 năm 1981, việc khai thác dầu vào giai đoạn 1981–1985 không được đề ra tại bất cứ mô dầu nào thuộc thềm lục địa miền Nam Việt Nam. <...> Liên quan tới các vấn đề còn lại được nêu ra trong bức thư của Ngân hàng xây dựng Liên Xô, đây là những vấn đề được rút ra từ việc kiểm tra hoạt động của XNLD do ủy ban kiểm tra chung Việt — Xô thực hiện, với cách giải thích riêng của mình về những sự kiện này. <...>

Dựa trên nội dung trên đây, Bộ Công nghiệp Khí đốt kiên quyết phủ nhận những kết luận của Ngân hàng xây dựng Liên Xô về cái mà cơ quan này gọi là những sai lầm lớn trong việc tổ chức công việc, vi phạm công nghệ khai thác thềm lục địa và thiếu căn bản nguyên tắc tài chính và hạch toán ở Vietsovpetro. Ngân hàng xây dựng Liên Xô với tư cách là một cơ quan kiểm tra cần đánh giá một cách có trách nhiệm hơn và khách quan hơn về hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam trong khuôn khổ XNLD Vietsovpetro»¹.

Cơ quan tiếp theo vào cuộc là Ủy ban An ninh Quốc gia thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

* * *

Thậm chí cả những cụ già cũng không thể nhớ nổi trong đời mình đã có mùa đông nào ở Vũng Tàu trời ấm như mùa đông năm 1986–1987 hay không. Tháng Giêng là tháng «nóng» bất thường không chỉ theo nghĩa đen, mà theo cả nghĩa bóng. Trong vòng một tháng, Ủy ban kiểm tra của Ngân hàng xây dựng, Bộ Công nghiệp Dầu mỏ, Bộ Tài chính đã làm việc tại XNLD Vietsovpetro dưới sự chỉ đạo của thượng tá KGB Liên Xô V. V. Babaev thuộc Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, chuyên phụ trách các vấn đề về an ninh kinh tế.

Trích hồi ký của ông A. M. Vardanyan, năm 1987 giữ chức lãnh đạo của tổ chức Soyzzarubezhmorneftegazprom: «Một lần ông

V. V. Babaev tới Soyzzarubezhmorneftegazprom làm việc. Khi đó ông ấy là phó ban quản lý kinh tế gì đó thuộc bộ máy của Hội đồng Bộ trưởng (bây giờ tôi không còn nhớ rõ tên ông và tên cơ quan). Bản chất đề nghị của ông có thể được hiểu như sau: Hội đồng Bộ trưởng muốn nghiên cứu kinh nghiệm của XNLD Vietsovpetro để sau này áp dụng trong việc thành lập những xí nghiệp liên doanh mới và tuyên truyền về các thành tựu kinh tế đối ngoại của chúng tôi. Theo tôi thì đây là một ý tốt, và tôi đi gặp thứ trưởng V. I. Tymonin, đưa ra những đề xuất của mình. Đúng vào thời điểm đó đang diễn ra quá trình chuẩn bị cho phiên họp Hội đồng XNLD Vietsovpetro, và vì thế một nhóm công tác được cử sang Việt Nam, tôi đề nghị đưa các chuyên gia của Hội đồng Bộ trưởng vào trong thành phần của nhóm này.

Có một vấn đề khiến cho ông Vitali Yossifovich băn khoăn: Ông Babaev đề nghị không công bố rộng rãi về việc Hội đồng Bộ trưởng quan tâm tới XNLD Vietsovpetro. Kết quả là ông không ủng hộ đề xuất của tôi và nói rằng, đảng nào phía Việt Nam cũng sẽ biết về những gì mà chúng ta cố giấu họ. *Tôi có cảm giác rằng tranh luận với Hội đồng Bộ trưởng*

cũng chỉ vô ích. Nếu họ muốn đi thì cần giúp đỡ họ ở mức tối đa, hơn nữa ý định của họ rất tích cực. Tôi tới gặp Bộ trưởng V. S. Chernomyrdin, khi đó ông là lãnh đạo của Bộ Công nghiệp Khí đốt, tôi ủng hộ ý kiến của ông Tymonin và nói rằng ông ấy sẽ dàn xếp các vấn đề với Hội đồng Bộ trưởng. Nhưng vụ dàn xếp bất thành. Sau một thời gian, ông Babaev đề xuất nhà địa chất V. I. Safronov viết một bức thư từ Viện nghiên cứu thiết kế dầu khí. Trong thư, ông Safronov cáo buộc ban lãnh đạo của XNLD Vietsovpetro và liên đoàn Soyzzarubezhmorneftegazprom rằng chúng tôi đã «ném qua cửa sổ» 5 triệu rúp. Theo ông, những kết quả khảo sát địa chất thu được không đáng gì so với chi phí bỏ ra. Theo ông, việc triển khai xây dựng ở Việt Nam là không hợp lý, xét từ góc độ trữ lượng dầu.

Với bức thư này, ông Babaev bắt đầu đi thu thập các tài liệu tố cáo. Khi đã tập hợp được vài mục với nội dung liên quan, tài liệu này được chuyển cho ông N. I. Ryzhkov, khi đó đang giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Và thế là trong chương trình nghị sự của phiên họp Hội đồng Bộ trưởng đã đưa ra vấn đề về hoạt động kém hiệu quả của các xí nghiệp Liên Xô tại Việt Nam»¹.

Trích hồi ký của ông L. D. Churilov, trợ lý cao cấp của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về phức hợp nhiên liệu năng lượng vào những năm 1986–1987: «Toàn bộ hoạt động chính trị đối ngoại [chính xác phải là kinh tế đối ngoại. — Ghi chú của tác giả] của Hội đồng Bộ trưởng được kiểm tra bởi Phân ban số 6 do ông Alexandr Nikolaievich Sterligov chỉ đạo. Ông đã cử một nhân viên dưới quyền của mình tới Việt Nam để điều ra những lời cáo buộc chống lại ông Arzhanov. Chàng trai này, với khả năng trí tuệ không thể gọi bằng từ «xuất sắc», đã trở về với cả mớ «bằng chứng» để hạ gục hoàn toàn ông Arzhanov. Xung đột giữa ông Arzhanov và vị đại diện thương mại cứ nóng lên dần. Năm 1988 [chính xác là năm 1987 — Ghi chú của tác giả] ông Sterligov nhận được những thông tin đầy thiên vị với nội dung đáng ngờ về ông Arzhanov, những thông tin này sau đó được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô N. I. Ryzhkov. Sau đó Phân ban số 6 đã soạn thảo văn bản yêu cầu cách chức giám đốc Vietsovpetro vì cáo buộc ông đã mắc những vi phạm tài chính nào đó. Vì phân ban số 6 về bản chất là một bộ phận của KGB, toàn bộ việc này được thực hiện một cách tuyệt đối bí mật. Thậm chí cả ông Sherbina1 cũng không biết chuyện gì đang xảy ra. Ông Arzhanov thậm chí còn không được phép đứng ra bảo vệ mình bằng cách đưa ra các phản chứng. Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng triệu tập cuộc họp và ngay lập tức thông qua nghị quyết của Phân ban số 6. Tôi rất ngạc nhiên vì có một hôm vào buổi chiều ông Arzhanov gọi điện cho tôi và đề nghị tôi gặp ông khẩn cấp. Ông Feliks vô cùng rối trí. Tôi khuyên ông viết một bức thư với đầy đủ các chi tiết của sự việc đáng buồn này và gửi cho ông Egor Kuzmich Ligachev. Với cương vị là Bí thư Ủy ban TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô, ông Ligachev là người có tầm ảnh hưởng lớn thứ hai ở Liên Xô sau ông Gorbachev»².

Từ Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, các tài liệu của Ủy ban V. V. Babaev đã tới tay Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô vào đầu tháng 3 năm 1987. Ngày 17 tháng 3, Bộ trưởng V. S. Chernomyrdin đã đáp lại bằng một bức thư bác bỏ có chữ ký

của mình, kèm theo những thôn tin chi tiết về tình hình, ghi rõ những thành tích và khó khăn trong công việc, mang tính khách quan cũng như chủ quan³. Tuy nhiên, không ai muốn và không ai chịu nghe vị lãnh đạo của Bộ Công nghiệp Khí đốt. Có quan điểm cho rằng người chỉ mong có những đánh giá tiêu cực về công việc ở Việt Nam là ông G. A. Aliev, vì ông không bằng lòng với việc thềm lục địa Việt Nam được ưu tiên hơn so với thềm lục địa biển Caspian. Tóm lại, ngày 20 tháng 4 năm 1987, Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã ra quyết định cách chức thứ trưởng thứ nhất của Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. I. Tymonin, lãnh đạo liên đoàn Soyzzarubezhmorneftegazporm A. M. Vardanyan và Tổng giám đốc XNLD Vietsovpetro F. G. Arzhanov, những nhân vật rất có uy tín và được kính trọng trong ngành dầu.

Ngày 24 tháng 4 năm 1987, ông Arzhanov mở tờ giấy đang để trước mặt. Khó khăn lắm để kìm giữ cảm xúc, để những ngón tay không run lên, ông nắn nót viết những dòng sau đây:

«Kính gửi Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí Ligachev E. K.

Đồng chí Egor Kuzmich kính mến!

Ngày 20 tháng 4 năm 1987, Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã xem xét vấn đề «Về những thiếu sót nghiêm trọng trong công việc của XNLD «Vietsovpetro» và tôi, Arzhanov F. G, đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô từ năm 1958, đã bị bãi chức vì không làm tròn trách nhiệm của người lãnh đạo.

Cơ quan soạn thảo các tài liệu về vấn đề này là ủy ban đặc biệt của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô dưới sự chỉ đạo của đồng chí Babaev V. V, ủy ban này đã tiến hành kiểm tra hoạt động của XNLD Vietsovpetro tại Việt Nam trong thời gian từ ngày 7 tháng 1 tới ngày 4 tháng 2 năm 1987. <...> Vì chúng tôi chỉ được làm quen với các kết luận của ủy ban ngay tại Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, chúng tôi không có cơ hội cho thấy một điều rằng ủy ban này hoặc không thể, hoặc không muốn nhìn thấy tất cả những thay đổi đã diễn ra trong công việc của xí nghiệp liên doanh, nhờ đó mà xí nghiệp mới có thể hoàn thành tốt chương trình cho giai đoạn các năm 1986–1990 do Bộ Chính trị Ủy ban TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô thông qua trước đó. Nhìn chung, công việc do ủy ban thực hiện không phù hợp với các nguyên tắc về công khai và dân chủ. Ủy ban hầu như không làm việc với các chuyên gia Việt Nam, dẫn tới tình trạng họ không hiểu vì sao có cuộc kiểm tra đơn phương này, và thắc mắc này được nêu lên trong hai bức thư của Tổng cục dầu khí Việt Nam, do Phó tổng cục trưởng Phan Tử Quang ký, và trong bức thư của Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí Việt Nam, đồng chí Nguyễn Hòa gửi Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, đồng chí V. S. Chernomyrdin. Các chuyên gia Liên Xô cũng không được làm quen với các kết luận của ủy ban về công việc của XNLD. Và bản thân tôi thực ra cũng lần đầu tiên được nghe về những điều này tại Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

Do kết luận của ủy ban mang tính thiếu khách quan và có xu hướng tiêu cực trong đánh giá hoạt động của XNLD, tôi không thể trình bày về điều này tại Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô trong quá trình xem xét vấn đề về hoạt động của NXLD, vì vậy tôi cho rằng vai nghĩa vụ của một đảng viên, tôi phải cung cấp thông tin khách quan về những sự kiện nêu trong kết luận của Ủy ban»⁴.

^[1] Vardanyan A. M. Tổng cục dầu khí — Soyzzarubezhmorneftegazprom. Tr 98–99.

^[2] Churilov L. D. Câu chuyện của tôi về ngành dầu khí Liên Xô (ghi chép của Bộ trưởng cuối cùng). Matxcova, 2016. Tr 214.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 9118. Tr 21–53.

^[4] Thư của ông F. G. Arzhanov gửi ông E. K. Ligachev ngày 24 tháng 4 năm 1987, xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 506. Tr 19–34.



Ngon đuốc trên mỏ Bạch Hổ

lịch. Căn cứ vào những quy định này thì cũng giống như trong các khách sạn khác, các nhân viên dọn phòng không chỉ phục vụ biệt thự, nơi gia đình ông Arzhanov sống (như ghi trong tài liệu của ủy ban kiểm tra), mà dọn dẹp cả các biệt thự khác mà XNLD thuê để ở.

Trích thư của ông F. G. Arzhanov gửi ông E. K. Ligachev, ngày 24 tháng 4 năm 1987: «Hoàn toàn không thể hiểu được vì sao ủy ban lại cần bóp méo các sự kiện, chẳng hạn tăng diện tích biệt thự, chú ý tới nhân viên dọn dẹp, vì những điều này có thể kiểm tra rất dễ. Không ai trong số các thành viên ủy ban yêu cầu tôi, với tư cách là một người cộng sản, đưa ra lời giải thích. Lần đầu tiên tôi nghe thấy lời buộc tội này là ở Matxcova.

Tôi cho rằng quan niệm của ủy ban kiểm tra về «những mối nghi ngờ của phía Việt Nam về thành tích hợp tác qua ví dụ XNLD» là sai lầm hoàn toàn. Làm việc tại Việt Nam, chúng tôi thường xuyên nhận thấy sự quan tâm ngày càng nhiều từ phía TƯ Đảng cộng sản Việt Nam và Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam đối với công việc của XNLD. Các lãnh đạo Việt Nam, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Võ Chí Công đã nhiều lần gặp gỡ với các chuyên gia Liên Xô và lãnh đạo XNLD và luôn đánh giá tích cực về hoạt động của XNLD. <...> Tôi viết thư này gửi lên đồng chí Egor Kuzmich vì đồng chí đã từng tới thăm tập thể của chúng tôi, làm quen với các công việc của XN, và đã trao cho chúng tôi lá cờ của TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô vào ngày 20 tháng 12 năm 1986.

Tôi nghĩ là, việc cách chức tất cả các lãnh đạo thuộc bộ phận Liên Xô của XNLD (thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Khí đốt, đồng chí Tymonin, Chủ tịch bộ phận Liên Xô của Hội đồng XNLD, lãnh đạo liên đoàn Soyzzarubezhmorneftegazprom, đồng chí Vardanyan và tổng giám đốc XNLX Arzhanov vào đúng thời điểm, khi hoạt động của xí nghiệp đang ổn định, khi đã chứng minh được tiềm năng trữ lượng dầu, và khi xí nghiệp

đã liên tục hai năm hoàn thành kế hoạch cho giai đoạn các năm 1986–1990 do Bộ chính trị TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô thông qua, thì quyết định này sẽ gây nên những hiểu lầm và thắc mắc từ phía Việt Nam, không mang lại ích lợi cho công việc mà đất nước Liên Xô đã phải trả một cái giá rất đắt và là sự nghiệp có tầm quan trọng rất lớn đối với nền kinh tế Việt Nam.

Tất nhiên trong quá trình làm việc không phải mọi chuyện đều suôn sẻ. Chúng tôi đã để xảy ra những lỗi lầm và thiếu sót, có những trường hợp vi phạm hoạt động sản xuất và kinh tế tài chính, và nếu tôi thực sự có lỗi, tôi xin chấp nhận hình thức xử phạt cao nhất. Năm nay tôi đã 60 tuổi, và suốt cả quãng đời làm việc của mình, bắt đầu từ khi tôi mới 16 tuổi, cầm súng bảo vệ Tổ quốc, tham gia Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, và những năm sau này, bất cứ làm việc tại đâu, tôi đều làm việc với tinh thần trách nhiệm và có lương tâm, vì thế tôi chỉ yêu cầu một điều là đánh giá một cách khách quan về công việc của XNLD và của ban lãnh đạo xí nghiệp.

Kính thư, Arzhanov F. G., từ năm 1958 là đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô»¹.

* * *

Thanh danh của ông F. G. Arzhanov, tương lai của XNLD Vietsovpetro và toàn bộ mối quan hệ Việt — Xô trong lĩnh vực dầu khí giờ đây phụ thuộc vào Ủy ban đại diện mà Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô phái sang Việt Nam công tác.

Xin được nói trước rằng sau khi có kết quả đánh giá tích cực hơn về tình trạng công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã đưa ra quyết định về việc thay đổi quyết định của mình ra ngày 20 tháng 4 và thông qua phương án đã sửa đổi của một mục trong quyết định «vì những thiếu sót trong công việc, nay tuyên bố miễn trách tổng giám đốc

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 506. Tờ 33–34.



Công tác của hội đồng cần quyết định số phận của XNLD «Vietsovpetro»: Ông V. Yu. Filanovsky (người đeo kính, thứ 2 từ phải sang) và ông B. E. Scherbin (người đội mũ, thứ 4 từ phải sang) phụ trách khối nhiên liệu năng lượng thuộc Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô

XNLD Vietsovpetro, đồng chí Arzhanov»¹. Tên tuổi trong sạch của người kỹ sư tài năng và nhà lãnh đạo tâm huyết đã được phục hồi, còn dự án Việt — Xô thì có thêm xung lực mới để tiếp tục phát triển. Ông F. G. Arzhanov tiếp tục làm việc với cương vị là tổng giám đốc tới cuối tháng 3 năm 1988, khi ông V. S. Bovk được bổ nhiệm làm tổng giám đốc của XNLD Vietsovpetro.

Ủy ban của ông Filanovski và những kết luận với XNLD Vietsovpetro

Người đứng đầu Ủy ban của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô chịu trách nhiệm đánh giá hoạt động của XNLD Vietsovpetro là Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô V. Y. Filanovski-Zenkov, một nhà lãnh đạo dầu khí có kinh nghiệm, cựu kỹ sư trưởng của Tổng cục dầu khí Tyumen (về sau ông F. A. Arzhanov thay ông đảm nhiệm cương vị này). Trước khi được bổ nhiệm vào làm việc ở Bộ Công nghiệp Dầu mỏ, ông V. Y. Filanovski đã có một thời gia dài làm Vụ trưởng Vụ Công nghiệp dầu khí thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, cùng với ông N. K. Baibakov có mặt ngay tại những ngày đầu tiên khởi động dự án Việt — Xô và hoàn toàn có thể đánh giá một cách khách quan về quá trình phát triển của xí nghiệp. Trợ lý của ông Filanovski, Phó Chủ tịch Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. B. Budarin. Tham gia trong thành phần của Ủy ban còn có các chuyên viên nắm giữ các cương vị quan trọng của Nhà nước về kinh tế đối ngoại, Ủy ban Nhà nước về khoa học-kỹ thuật trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Ủy ban Xây dựng Nhà nước, Ủy ban Kinh tế đối ngoại nhà nước của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp hóa dầu, Bộ Công nghiệp Dầu khí và Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, cả thảy 14 người. Từ ngày 13 đến ngày 25 tháng 5 năm 1987, các thành viên của ủy ban đã nghiên cứu tình hình công việc ở XNLD

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 506. Tờ 35.

Vietsovpetro, và khi trở về Liên Xô họ đã trình lên một bản báo cáo toàn diện dày 60 trang, bao gồm các phần đánh giá về tình hình thăm dò khảo sát, chuẩn bị trữ lượng dầu mỏ và khí đốt công nghiệp, tiềm năng khai thác, các công việc khoan giếng và tiến độ xây dựng các công trình ven bờ, cung cấp vật tư kỹ thuật và cơ cấu tổ chức của XNLD Vietsovpetro... Trong bản báo cáo cũng đưa ra những đề xuất để cải thiện công việc tại XNLD.

Trước hết, Ủy ban đưa ra đánh giá về kết quả cao của các công việc tìm kiếm dầu khí được thực hiện ở thềm lục địa Việt Nam trong giai đoạn các năm 1981–1986.

Trích «Báo cáo của nhóm chuyên gia Liên Xô về hoạt động khai thác vùng thềm lục địa Việt Nam do XNLD Vietsovpetro thực hiện, tháng 5 năm 1987:

«Căn cứ vào các kết quả khảo sát địa chất, cũng như dựa vào các tài liệu về các vùng lân cận, tiềm năng chính về dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam gắn với vùng thềm lục địa, trong phạm vi vùng này đáng chú ý là các bể trầm tích Bắc Bộ, miền Trung, Cửu Long, Nam Côn Sơn và Thái Lan. <...> Đối tượng nghiên cứu chính của các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam là vùng hoạt động của XNLD Vietsovpetro, về mặt địa chất đó là các trũng Cửu Long và Nam Côn Sơn <...>

Chi phí cho hoạt động khảo sát địa chất trên vùng hoạt động của XNLD Vietsovpetro trong giai đoạn các năm 1981–1986 là 108,6 triệu rúp. <...> 57,9 triệu rúp đã được chi cho việc gia tăng trữ lượng dầu công nghiệp với khối lượng là 43,7 triệu tấn ở vùng mỏ Bạch Hổ. Như vậy, giá thành tăng trưởng trữ lượng một tấn dầu ở mỏ này là 1,33 py6., tăng trưởng cho một mét giếng khoan là 2497 tấn dầu.

Hiệu suất của các công việc thăm dò địa chất mà XNLD Vietsovpetro đã hoàn thành trong giai đoạn 1981–1986 là 2,5 rúp cho một tấn dầu và 2185 tấn dầu cho một mét giếng khoan.

Mặc dù đạt được hiệu quả địa chất cao về tăng trưởng trữ lượng dầu, XNLD Vietsopetro không hoàn thành các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần trước về số mét khoan»¹.

Trong vòng 5 năm, XNLD Vietsovpetro và các tổ chức thầu đã chuẩn bị xong 9 cấu tạo để khoan sâu, đó là Bạch Hổ, Rồng, Trà Tân, M-15, Tam Đảo, Ba Vì, Cửu Long, J-15, Đại Hùng, với dự đoán trữ lượng là 424 triệu tấn dầu loại C1 +C2+C3². «Kết quả khoan và khai thác thử đã thay đổi hoàn toàn những hình dung trước đó về cấu tạo địa chất của mỏ», — các thành viên của ủy ban ghi nhận trong báo cáo của mình. Đồng thời, họ cũng lưu ý tới tính chất phức tạp của cấu tạo địa chất các lô nghiên cứu và nhu cầu ứng dụng công nghệ «hệ thống không gian», ngày nay được biết tới với cái tên khảo sát địa chấn 3D. Thời bấy giờ công nghệ này đang còn rất hiếm. Liên quan đến phát triển mỏ, các thành viên của ủy ban ghi nhận sự sụt giảm một cách mạnh mẽ sản lượng của các giếng khoan khai thác và chỉ ra rằng không thể khai thác những giếng mới bằng phương pháp tự phun. Để lập ra hệ thống phát triển mỏ hợp lý cho Bạch Hổ, các chuyên gia đưa ra đề xuất tiến hành các nghiên cứu kỹ về giếng khoan (thường xuyên đo đạc các chỉ số, lập bản đồ đẳng áp v. v...). Trong báo cáo của mình, họ cũng chỉ ra rằng không nên dùng mô hình giàn khoan cố định — 16716 vì loại giàn khoan này đã bị tụt hậu so với trình độ công nghệ hiện đại, cũng như không phù hợp với điều kiện làm việc ở khí hậu nhiệt đới (một thời gian sau đó, các chuyên gia đã đề xuất sử dụng mẫu giàn khoan cải tiến 16712). Bản báo cáo còn đưa ra một số khuyến nghị cho cả hai phía Việt Nam và Liên Xô, trong đó có việc ban lãnh đạo dự án cần hoàn thiện tương tác với các «tổ chức có thẩm quyền» của hai nước.

Trích «Báo cáo của nhóm chuyên gia Liên Xô về vấn đề khai thác khu vực thềm lục địa Việt Nam XNLD Vietsovpetro thực hiện, tháng 5 năm 1987: «Thời gian gần đây, các quyết định của Hội đồng XNLD đã không còn mang tính chỉ thị như trước, mà biến thành biên bản ghi lại những ý kiến hay bất đồng giữa các Thành viên tham gia XNLD. Thành phần Hội đồng thường xuyên thay đổi, nhiều khi vắng mặt đại diện của các tổ chức có thẩm quyền của Liên Xô, như Bộ Tài chính, Ngân hàng Ngoại thương và Ngân hàng Xây dựng. Tình trạng các thành viên tham gia XNLD không thực hiện một số quyết định của Hội đồng XNLD cho thấy uy tín của Hội đồng đang giảm sút. Về vấn đề này, cần thực thi các biện pháp nghiêm túc nhằm tăng tính độc lập và năng lực pháp lý của Hội đồng»³.

Nói chung, những kết quả của ủy ban là tích cực. Tuy nhiên qua đó có thể thấy rõ rằng hai nước cần thực sự hỗ trợ thêm cho XNLD.» Xí nghiệp Liên doanh là một hình thức hợp tác có hiệu quả, đầy triển vọng giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô, và cần được phát triển hơn nữa», — đây là kết luận của ủy ban Filanovski⁴.

Trích tài liệu «Những kết quả chính và đề xuất của nhóm chuyên gia Liên Xô sau khi xem xét hoạt động của XNLD Vietsovpetro: «Căn cứ vào chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ra ngày 4 tháng 5 năm 1987 (sắc lệnh số 976p), nhóm chuyên gia Liên Xô trong giai đoạn từ các ngày 12 đến 25 tháng 5 năm nay đã tiến hành xem xét tại chỗ các vấn đề liên quan tới hoạt động thăm dò địa chất, đánh giá trữ lượng dầu khí công nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến dầu và phát triển cơ chế kinh tế về quản lý XNLD, nay báo cáo như sau:

1. Tiềm năng phát triển chính của việc khai thác dầu khí ở Việt Nam gắn với vùng thềm lục địa. Diện tích vùng này là 500 ngàn cây số vuông, trong đó có khu vực hoạt động của XNLD Vietsovpetro (sau đây gọi tắt là XNLD) là 53 ngàn cây số vuông.

Trữ lượng dự đoán của vùng thềm lục địa Việt Nam được đánh giá ở mức 4,2 tỉ tấn hydrocacbon, trong số đó có 1,8 tỉ tấn nằm trong vùng hoạt động của XNLD. Sau khi tiến hành các công việc thăm dò tìm kiếm, đã phát hiện ra tổng cộng 146 cấu tạo, trong số đó có 61 cấu tạo thuộc vùng hoạt động của XNLD, 7 cấu tạo trong số này đã được chuẩn bị sẵn sàng cho việc khoan giếng. Trữ lượng dầu tại các cấu tạo đã chuẩn bị sẵn thuộc loại C3 được đánh giá ở mức 317 triệu tấn. Đã phát hiện được hai mỏ dầu là Bạch Hổ và Rồng. <...> Tính đến ngày 20 tháng 5 năm 1987, cộng cả số giếng khoan đã khoan trong năm nay, trữ lượng dầu ở mỏ Bạch Hổ được tính toán là 130–135 triệu tấn, trong đó có 60–65 triệu tấn dầu thuộc loại C1.

Trữ lượng dầu ở mỏ Rồng được đánh giá là 50 triệu tấn, bao gồm các loại C1+C2+C3.

Trong quá trình khoan thêm 4 giếng thăm dò khác, trữ lượng dầu tại mỏ Bạch Hổ có thể được chuẩn bị để bảo vệ tại Ủy ban nhà nước về trữ lượng khoáng sản Liên Xô vào năm 1988. Phân tích các dữ liệu về địa chất và địa vật lý cho thấy, con số gia tăng trữ lượng dầu 200 triệu tấn dự kiến trong giai đoạn 1986–1990 là hiện thực. Tuy nhiên, với số lượng mét khoan thăm dò được lên kế hoạch trong những năm trên đây là 72 ngàn tấn, chưa chuẩn bị xong mỏ dầu tiềm năng Rồng để khai thác công nghiệp, cũng như chưa sẵn sàng cho các công việc khoan thăm dò ở cấu tạo Đại Hùng, là cấu tạo lớn và có tiềm năng cao. Vì vậy, đề nghị tăng kế hoạch khoan thăm dò thêm 10 ngàn tấn, tới con số 82 ngàn tấn trong giai đoạn 1986–1990. Trong trường hợp này, trữ lượng của mỏ Rồng có thể được đánh giá vào năm 1989, và còn 4 cấu tạo nữa sẽ được tiến hành khoan thăm dò.

2. Đã hoàn thành việc xem xét khai thác thử giếng các giếng khoan của mỏ Bạch Hổ, kết quả cho thấy những đánh giá lạc quan ban đầu về khai thác giếng phun dài hạn đối với các giếng này với sản lượng cao là không có cơ sở. Khối lượng khoan khai thác được lên kế hoạch cho các năm 1986–1990 là 200 ngàn tấn, và sản lượng thực tế của các giếng khoan mới sẽ dự kiến đạt được ở mức:

Năm 1988–575 ngàn tấn (— 425 ngàn tấn từ kế hoạch ban đầu),

Năm 1989–1200 ngàn tấn (— 990 ngàn tấn từ kế hoạch ban đầu),

Năm 1990–2050 ngàn tấn (— 450 ngàn tấn từ kế hoạch ban đầu).

Đã xem xét các giải pháp kỹ thuật và công nghệ khác nhau nhằm đạt được sản lượng dầu khai thác đã được

lên kế hoạch, đồng thời xác định phương án tối ưu cho sản lượng dầu khai thác, cũng như xác định phương án tối ưu để đảm bảo đạt tới sản lượng dầu khai thác trong năm 1990 là 2630 ngàn tấn. Muốn làm được điều này cần đưa thêm các giếng dầu và giếng bơm mới vào hoạt động và tăng tổng chiều dài khoan khai thác lên tới 320 ngàn mét. Đồng thời, các con số tính toán cho thấy, tăng sản lượng khoan chỉ có thể tăng lên chủ yếu nhờ tăng dốc độ khoan thương mại và cải thiện tổ chức công việc.

Ngoài ra còn cần xây dựng thêm hai giàn khoan cố định trên biển. <...>

Để đạt được kế hoạch khai thác dầu 2,6 triệu tấn trong năm 1990, cần thực thi những biện pháp cấp thiết về tổ chức khoan ép nước trên các giàn khoan cố định số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5, đồng thời xây dựng và đưa vào hoạt động Giàn công nghệ trung tâm với hệ thống tách dầu khí, cụm năng lượng điện, khối bơm duy trì áp suất vỉa và giàn nén khí. Phía Việt Nam có nhiệm vụ cung cấp các kết cấu cho Giàn công nghệ trung tâm. Cần tăng tốc độ xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu trên biển có chiều dài 120 km và các công trình bơm dầu trên cạn.

Do trong thiết kế của mỏ Bạch Hổ không có sơ đồ công nghệ, đã tiến hành việc bố trí các giếng dầu và giếng bơm trong phạm vi khu vực hiệu quả nhất của mỏ, đã xác định trình tự xây dựng giàn khoan cố định và đưa vào hoạt động các giếng khoan và giếng bơm trước năm 1990, đưa ra quyết định về tổ chức bơm ép nước chung và riêng vào các công trình thuộc tầng Oligocen dưới.

3. Đã xem xét tình hình thực hiện việc khoan dựa trên cơ sở đảm bảo gia tăng trữ lượng dầu theo dự kiến, đạt mức chỉ tiêu khai thác dầu trong các năm 1987–1990 như đã ghi trên đây, đồng thời tạo tiềm năng cần thiết để tiếp tục khai thác khu vực thềm lục địa trong vùng hoạt động của XNLD Vietsovpetro.

Hiện có tiềm năng lớn về việc tăng đáng kể các chỉ số về kinh tế-kỹ thuật của công việc khoan mà tạm thời còn chưa được sử dụng.

Phân tích cho thấy, tốc độ thương mại trong khoan thăm dò và khoan khai thác sẽ có thể tăng lên 1,5 lần và 2 lần tương ứng tới năm 1990.

Chúng tôi cho rằng cần thiết cử một nhóm chuyên gia thuộc các viện nghiên cứu hàng đầu tới XNLD Vietsovpetro vào năm 1987 để đưa ra các biện pháp nhằm giảm mạnh thời gian xây dựng giếng khoan, giải quyết các vấn đề tối ưu hóa kết cấu giếng, công cụ phá đá và các động cơ đáy, chất lỏng của hệ thống làm sạch dung dịch khoan.

Cần lập tức giải quyết vấn đề thu hút đội ngũ thợ khoan lành nghề từ Liên Xô tới làm việc tại XNLD, cũng như giải quyết việc khích lệ quyền lợi về vật chất cho đội khoan căn cứ vào tiến độ tăng năng suất khoan của từng đội (kể cả đội khoan Việt Nam).

4. Chương trình làm việc tại thềm lục địa Việt Nam cho giai đoạn các năm 1987–1990 có thể hoàn thành với điều kiện xây dựng xong các giàn khoan ở mỏ Bạch Hổ theo tiến độ sau đây:

Giàn khoan cố định số 5 — nửa cuối năm 1987.

Giàn khoan cố định số 6 và số 7 — nửa đầu và nửa cuối năm 1988.

Giàn khoan cố định số 8 và số 9 — nửa đầu và nửa cuối năm 1989.

Giàn khoan cố định số 10 và số 11 — nửa đầu và nửa cuối năm 1990.

Giàn công nghệ trung tâm — nửa đầu năm 1989.

Cần tổ chức việc chuẩn bị và cung cấp các cụm kết cấu cho các giàn khoan này từ Liên Xô đúng hạn để đảm bảo đưa giàn khoan vào hoạt động kịp thời. Từ phía Việt Nam cũng cần chuẩn bị xong các cụm kết cấu của Giàn công nghệ trung tâm.

Các vấn đề về nâng cao trình độ kỹ thuật, thống nhất quy cách và tổ chức sản xuất giàn khoan để phù hợp với hoạt động trong điều kiện khí hậu nhiệt đới cần được chú ý xem xét một cách đặc biệt.

5. Xét tới khối lượng lớn các công việc cần làm, nhất thiết phải cải thiện việc cung cấp vật tư kỹ thuật cho XNLD Vietsovpetro, cụ thể như sau:

— kịp thời cung cấp cho XNLD các thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế được phân bố từ các quỹ theo đúng số lượng và chủng loại, vì thế trong năm 1987, Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô cần lập ra một cơ sở thu thập nhằm chuẩn bị hàng xuất khẩu và gửi lượng hàng này sang Việt Nam;

— trong năm 1987, XNLD cần soạn thảo và phê chuẩn định mức chi phí và các quy chuẩn cho tất cả các loại hình công việc dựa trên cơ sở nguồn dự trữ chuyển tiếp. Chúng tôi cho rằng cần cùng với phía Việt Nam bàn bạc giải quyết các vấn đề về việc sử dụng các nguồn nguyên liệu địa phương (xi măng, betonite, vật tư xây dựng v. v...) để đảm bảo cung cấp đầy đủ nhất cho nhu cầu của XNLD, cũng như sử dụng công suất của các xí nghiệp sản xuất và sửa chữa máy.

6. Đã xây dựng xong cơ cấu tổ chức mới của XNLD Vietsovpetro để áp dụng cho các cấu trúc tiêu chuẩn và quy định về số lượng nhân sự trong ngành công nghiệp dầu khí Liên Xô, có tính đến những điều kiện hoạt động đặc thù của XNLD.

Đề nghị giám 9 các đơn vị trên tổng số lương phòng ban. Như vậy, 75 người được giải phóng khỏi công việc ở XNLD, trong đó có 25 chuyên gia Liên Xô.

Chúng tôi cho rằng một trong những vấn đề quan trọng nhất là cần nhanh chóng trang bị cho XNLD đầy đủ đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, kể cả chuyên gia Liên Xô lẫn chuyên gia Việt Nam.

7. Dựa trên cơ sở nguyên liệu hiện có, không có nghi ngờ về tính khả thi của việc xây dựng nhà máy chế biến dầu ở Việt Nam.

Đề nghị thiết kế và xây dựng nhà máy chế biến dầu có công suất 3 triệu tấn năm để chế biến dầu, trong tương sẽ tăng công suất lên 6 triệu tấn năm.

Đề nghị chấp thuận trình tự đầu tiên xây các nhà máy dạng nhiên liệu có sử dụng nhiên liệu biển sâu và hóa dầu.

Thời hạn xây dựng nhà máy chế biến dầu được xác định chính xác, vì giá thành ước lượng cho công trình này là 425–450 triệu rúp.

Thời điểm bắt đầu xây dựng sẽ được xác định dự trên khả năng cấp vốn đầu tư.

8. Do tình trạng giá vật liệu xây dựng địa phương tăng thường xuyên, mức giá mà Ủy ban xây dựng nhà nước Việt Nam đưa ra theo chỉ thị của chính phủ về nhân công, các công việc mang tính phụ trợ và chi phí dành cho các tổ chức làm việc tại các công trình của XNLD, chi phí xây dựng các công trình tính bằng tiền Việt Nam liên tục tăng, do đó việc áp dụng tỉ giá quy đổi quy định vào năm 1984 thành đồng rúp chuyển nhượng đã thể hiện một cách lệch lạc đóng góp của thành viên Việt Nam vào việc hình thành vốn Điều lệ của XNLD. Để xác định một cách đúng đắn chi phí của phía Việt Nam trong việc thành lập XNLD, cần tiến hành phân

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 73–76.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 72.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. Tờ 137.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P5446. Danh mục 148. Hồ sơ 1843. Tờ 11.

tích những thay đổi tỉ giá của đồng tiền Việt Nam (tiền đồng so với tiền rúp chuyển nhượng trong giai đoạn các năm 1981–1987), xác định hệ số chuyển đổi của đồng rúp chuyển nhượng thành tiền đồng, rồi dựa trên hệ số này xác định chi phí của phía Việt Nam đối với các công trình đã xây xong.

Chúng tôi cho rằng cần đề nghị phía Việt Nam phương án tính giá thành xây dựng các công trình và xác định thành số đồng rúp chuyển nhượng, bao gồm khối lượng thiết bị, vật tư và công việc (dịch vụ) do Liên Xô, Việt Nam và các nước thứ ba cung cấp. Phần chi phí của mỗi thành viên tham gia XNLD sẽ được xác định theo bảng ước tính chi phí này, không phụ thuộc vào thay đổi của tỉ giá hối đoái ngoại tệ địa phương.

Để tránh những tranh cãi trong quá trình sử dụng cuốn Tra cứu đơn giá xây dựng, cần giao cho Ủy ban xây dựng nhà nước Việt Nam và Ủy ban xây dựng nhà nước Liên Xô cùng xem xét cách thức hình thành đơn giá và xác định chi phí cho từng loại hình công việc.

9. Trong giai đoạn nhóm chuyên gia có mặt ở Việt Nam, đã hoàn thành việc xác định chính xác các chỉ tiêu về hoạt động của XNLX cho tới năm 1990 và đánh giá các chỉ tiêu tới năm 2000.

Công việc xem xét đánh giá lại liên quan tới các chỉ tiêu chính sau đây (giai đoạn 1986–1990):

— tăng sản lượng khoan từ 72 ngàn mét lên 82 ngàn mét;

— tăng sản lượng khoan khai thác từ 200 ngàn mét lên 320 ngàn mét;

— điều chỉnh lại chỉ tiêu khai thác dầu cho các năm.

Đối với các chỉ tiêu này, đã hoàn thành việc tính toán hiệu quả về sản lượng khai thác dầu và khí đi kèm (tỉ lệ khí đi kèm trung bình không quá 7% tổng sản lượng chung).

<...> Đã hoàn thành việc đánh giá hiệu quả của vốn đầu tư vào XNLD Vietsovetropetrol do các Thành viên thực hiện, dựa trên các điều kiện làm việc của XNLD, trên cơ sở hạch toán kinh tế toàn bộ và tự huy động vốn.

Đã đưa ra quyết định rằng từ năm 1986, tức là năm bắt đầu khai thác dầu ở XNLD, toàn bộ số tiền thu được do tiêu thụ dầu sẽ được sử dụng để trang trải những chi phí của XNLD (bắt đầu quá trình tự hạch toán), phần chi phí còn lại sẽ do các Thành viên tài trợ. Thời điểm, khi doanh thu trong năm đạt tới mức ngang bằng hoặc hơn chi phí trong cùng năm đó, sẽ được coi là thời điểm xí nghiệp bắt đầu hoạt động trên cơ sở hoàn toàn tự hạch toán (nếu như sau đó vẫn tiếp tục đạt được việc tiền doanh thu lớn hơn chi phí).

Giá sản phẩm được xác định là tích của khối lượng dầu khai thác được nhân với giá của một tấn dầu (được áp dụng cho phương pháp tính này).

Với giá cho 1 tấn dầu là 100 rúp chuyển nhượng, quá trình tự hạch toán của XNLD sẽ bắt đầu vào năm 1993. XNLD có thể trả lại toàn bộ số vốn đầu tư đã được sử dụng cho sự phát triển của mình trong những năm trước đó vào năm 1999.

Như vậy, XNLD là hình thức hợp tác Việt — Xô có hiệu quả và đầy triển vọng, cần được tiếp tục phát triển.

<...> Thời gian gần đây, các quyết định của Hội đồng XNLD đã không còn mang tính chỉ thị như trước, mà biến thành biên bản ghi lại những ý kiến hay bất đồng giữa các Thành viên tham gia XNLD. Thành phần Hội đồng thường xuyên thay đổi, nhiều khi vắng mặt đại diện của các tổ chức có thẩm quyền của Liên Xô, như Bộ

Tài chính, Ngân hàng Ngoại thương và Ngân hàng Xây dựng. Tình trạng các thành viên tham gia XNLD không thực hiện một số quyết định của Hội đồng XNLD cho thấy uy tín của Hội đồng đang giảm sút. Về vấn đề này, cần thực thi các biện pháp nghiêm túc nhằm tăng tính độc lập và năng lực pháp lý của Hội đồng. Chúng tôi cho rằng cần giao cho các Thành viên của XNLD dựa trên cơ sở các văn bản quy định về hoạt động của XNLD do Ủy ban nhà nước về kinh tế đối ngoại thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô để soạn thảo hướng dẫn chi tiết về cách tổ chức công việc ở XNLD Vietsovetropetrol trên nguyên tắc hạch toán hoàn toàn, tự túc và tự huy động vốn, đồng thời đặc biệt lưu ý tới việc giải quyết những vấn đề như xác định nguồn dự trữ và cơ cấu sử dụng quỹ đặc biệt của xí nghiệp, tích lũy và sử dụng quỹ đổi mới, cũng như đưa ra phương pháp đánh giá hiệu quả của XNLD.

11. Hệ thống hiện hành về việc quy định lương bằng ngoại tệ cho các chuyên gia Liên Xô được cử sang làm việc tại XNLD Vietsovetropetrol trên cơ sở chứng chỉ hầu như không có hiệu quả trong việc khích lệ tăng năng suất lao động. Cần xem xét lại hệ thống trả lương cho các chuyên gia Liên Xô làm việc tại XNLD bằng cách đưa ra những nguyên tắc tiên tiến liên quan tới việc khích lệ về quyền lợi vật chất phụ thuộc vào khối lượng và chất lượng công việc đã làm, cũng như thủ tục đăng ký và cử đi công tác. Nên giao việc này cho Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, Bộ Tài chính Liên Xô và các bộ ngành khác có liên quan.

Một trong những nhược điểm lớn nhất ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của Xí nghiệp là tình trạng thay đổi nhân sự thường xuyên đối với công nhân và nhân viên Việt Nam, nguyên nhân là bởi vì ban lãnh đạo Việt Nam cung cấp vật chất cho họ theo nguyên tắc bình quân đầu người, với mức thấp như hiện nay thì không thể khích lệ các công nhân Việt Nam làm việc một cách có năng suất và có chất lượng cao. Cần đặt ra vấn đề này trước phía Việt Nam ở cấp độ tương xứng, xét tới triển vọng mở rộng đáng kể khối lượng công việc ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam, tính chất công việc ngày càng phức tạp, cũng như nhu cầu dần dần thay thế các chuyên gia Liên Xô bằng chuyên gia Việt Nam.

12. Cần lưu ý rằng, sự phối hợp giữa các bộ phận của Thành viên Liên Xô (Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô) và XNLD chưa đủ mạnh, vì thế chưa thể giải quyết thấu đáo các vấn đề về cung cấp các nguồn vật tư-kỹ thuật cũng như đội ngũ nhân lực một cách kịp thời.

Trong bản báo cáo chi tiết, được soạn thảo sau khi phân tích hoạt động của XNLD và đã được chuyển cho Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô và XNLD, có đưa ra những đề xuất cụ thể cả về hoàn thiện hoạt động hiện nay, cũng như các hướng phát triển chính về nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đào tạo nhân lực và cơ cấu tổ chức.

Cần thực hiện những việc sau đây:

1. Để XNLD có thể thực hiện thành công chương trình sản xuất cho giai đoạn các năm 1986–1990, cần giao nhiệm vụ cho Bộ xây lắp các công trình đặc biệt của Liên Xô và Bộ đóng tàu Liên Xô trong các năm 1987–1990 hoàn thành thêm hai tổ hợp kết cấu kim loại và hai tổ hợp kết cấu tầng thượng cho giàn khoan cố định trên biển, hiện đang được xây dựng ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam. Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô và Ủy ban nhà nước Vật chất và Kỹ thuật có nhiệm vụ phân bổ các nguồn dự trữ tương ứng để thực hiện việc này.



Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng tiếp Bộ trưởng Công nghiệp Khí đốt Liên Xô V. S. Chernomyrdin

2. Giao nhiệm vụ cho Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô, Bộ Tài chính Liên Xô, Ủy ban nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại cùng với Thành viên Việt Nam soạn thảo cơ cấu kinh tế mới cho hoạt động của XNLD, dựa trên nguyên tắc tự hạch toán kinh tế, tự túc và tự thu hồi vốn. Trong trường hợp cần thiết, phải chuẩn bị các đề xuất về việc thay đổi Hiệp định giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam về việc thành lập XNLD để thẩm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam ký ngày 19 tháng 6 năm 1981.

3. Các tổ chức có thẩm quyền ở Liên Xô có nhiệm vụ cùng với các tổ chức tương ứng của Việt Nam đảm bảo an toàn cho các thiết bị và công trình của XNLD liên quan tới việc thăm dò và khai thác dầu khí, cũng như lập ra các vùng an toàn xung quanh khu vực này.

4. Bộ Công nghiệp Khí đốt Liên Xô có nhiệm vụ thu hút các bộ ngành có liên quan xem xét các vấn đề phản ánh trong các tài liệu của nhóm chuyên gia được lập ra theo chỉ thị số 976p của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ra ngày 4 tháng 5 năm 1987, soạn thảo và thông qua các biện pháp cụ thể để loại bỏ những yếu điểm và giải quyết các vấn đề trong hoạt động của XNLD đã được ghi rõ trong các tài liệu này, cũng như đảm bảo thực hiện được khối lượng công việc đã lên kế hoạch và đạt được mức sản lượng khai thác dầu như đã đề cập trên đây.



Ông V. S. Chernomyrdin và lãnh đạo Tổng cục Dầu khí Việt Nam Trương Thiên

Nhóm chuyên gia Liên Xô sau khi tìm hiểu tại chỗ tình hình và các nhiệm vụ đặt ra trước XNLD, nay nhận định rằng, việc thành lập trong điều kiện của Việt Nam một ngành công nghiệp hết sức phức tạp là khai thác dầu trên biển cần tập trung tối đa sức lực cũng như các phương tiện của các bộ ngành để tham gia vào việc khai thác thềm lục địa Việt Nam [phần in đậm là của chúng tôi. — Ghi chú của tác giả]. Công việc được tiến hành cùng với các chuyên gia Việt Nam và các lãnh đạo của XNLD cùng Tổng cục dầu khí Việt Nam.

Ủy viên Bộ Chính trị TƯ Đảng cộng sản Việt Nam, phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam, đồng chí Đồng Sỹ Nguyên đã xem kết quả làm việc của nhóm và hoàn toàn ủng hộ những kết quả này. Lãnh đạo nhóm chuyên gia Liên Xô, F. Finanovski, 24 tháng 5 năm 1987»¹.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. P-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 1843. Tờ 4–15.

«Chúng ta đã duy trì quá lâu các phương pháp quản lý hành chính quan liêu»

Cho đến giữa những năm 1980, cả Liên Xô và Việt Nam đều phải đối mặt với những vấn đề kinh tế nghiêm trọng. Cơ chế quản lý kinh tế ở Liên Xô đã vấp phải những khó khăn đáng kể và thỉnh thoảng trong nước cũng xuất hiện một số ý tưởng về tối ưu hóa công tác quản lý kinh tế, tuy nhiên thu nhập từ khai thác dầu mỏ và khí đốt vẫn cho phép nền kinh tế cầm cự được và vì vậy việc thực hiện cải cách đã bị hoãn lại. Ở Việt Nam từ lâu đã hiểu rằng hệ thống kinh tế nhà nước hiện có không ít sai sót và mỗi kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đều bắt đầu với những phát biểu về sự cần thiết phải cải thiện công tác quản lý kinh tế. Trong số ra tháng Năm năm 1986, «Tạp chí Cộng Sản» — cơ quan ngôn luận của BCH TƯ ĐCS Việt Nam, ông Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng và là một trong những nhà chiến lược chính của đảng đã cay đắng nhận xét: «Chúng ta đã duy trì quá lâu các phương pháp quản lý hành chính quan liêu». Tại cả hai nước bắt đầu công cuộc cải cách mà ban đầu chỉ mang tính chất kinh tế và chỉ nhằm mục đích «tăng tốc» quá trình phát triển kinh tế — xã hội: nâng cao hiệu quả đầu tư vốn, tính điều khiển nền kinh tế, trình độ khoa học — công nghệ của các ngành khác nhau trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp, và kết quả là cải thiện cuộc sống của người dân.

«Cải tổ» của Liên Xô và «Đổi mới» của Việt Nam

Tại Hội nghị BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 23 vào tháng Tư năm 1985, Tổng Bí thư Mikhail Gorbachev đã công bố kế hoạch hướng tới «đẩy nhanh công cuộc phát triển kinh tế — xã hội của đất nước». Các cuộc gặp gỡ riêng của thủ lĩnh chính trị với công dân trong những chuyến đi khắp nước, phát biểu của ông về việc thu hút số lượng lớn công dân tham gia giải quyết các vấn đề của nhà nước và đưa những cuộc thảo luận quan trọng ra khỏi phạm vi hành lang hẹp của các Bộ, ngành lên trang báo chí, cung cấp quy chế độc lập kinh tế cho các doanh nghiệp, dỡ bỏ kiểm duyệt đã làm nảy sinh trong xã hội một tâm trạng hoàn toàn mới mẻ. Trên làn sóng dân chủ hóa, Quốc hội Liên Xô — Hội đồng tối cao Liên Xô ngày càng trở nên quan trọng dù trước đây chỉ có vai trò «đóng dấu» các quyết định được BCHTU ĐCS Liên Xô thông qua. Các cải cách đã được bắt đầu như vậy và ở thời điểm đó không một ai tiên liệu được hậu quả.

Từ Đại hội XXVII của Đảng Cộng sản Liên Xô đến Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XXVII diễn ra vào đầu năm 1986 đã thông qua chương trình hoạt động mới của đảng và một loạt các chương trình kinh tế xã hội, xem xét đề xuất chính sách đầu tư và cơ cấu mới. Các Hội nghị BCHTU ĐCS LX diễn ra sau Đại hội đã đem lại cho cải cách hình dáng rõ ràng hơn dưới dạng những nghị định tương ứng về quy chuẩn và pháp luật. Trong lĩnh vực kinh tế, Liên Xô mở cửa cho kinh doanh cá thể và hợp tác xã, mở rộng sự độc lập, tự chủ về kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước. Số lượng các bộ, ngành được giảm bớt, hạch toán kinh tế được đưa vào tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân¹.

Ban lãnh đạo chính trị Việt Nam cũng tìm cách thoát khỏi cuộc khủng hoảng bao trùm khắp đất nước sau năm 1975 và đã có những biện pháp nhất định để ổn định nền kinh tế. Đặc biệt, điều này đã được phản ánh trong quyết định của các phiên họp toàn thể của BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội Đảng lần thứ V tổ chức vào tháng Ba năm 1982. Việc áp dụng thầu khoán gia đình, thay đổi hệ thống thu mua sản phẩm nông nghiệp trong khu vực hợp tác xã và tư nhân, tăng trưởng đáng kể khối lượng vận tải nông sản từ các vùng phía nam đất nước ra phía bắc đã dẫn đến thực tế là từ năm 1983, nhập khẩu thực phẩm ở Việt Nam gần như chấm dứt, và vào năm 1984, sản lượng lương thực



Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Trường Chinh công bố chính sách «Đổi Mới» tại Việt Nam

bình quân đầu người đã đạt mức cao nhất kể từ thời điểm thống nhất đất nước (khoảng 300 kg/người).

Tháng Tư năm 1986, BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức phiên họp về vấn đề độc lập tự chủ của các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Phát biểu tại cuộc họp, ông Võ Chí Công, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, (ít lâu sau được bổ nhiệm vào cương vị phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng CHXHCN Việt Nam) đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng kinh nghiệm của Liên Xô trong lĩnh vực này, nêu lên những nguyên nhân làm cản trở việc tái tổ chức quản lý kinh tế ở Việt Nam, trước hết mang nặng tính chủ quan và liên quan tới việc không hiểu rõ các tính chất đặc thù của công cuộc phát triển đất nước. «Nền kinh tế quốc dân sau chiến tranh vẫn duy trì tình trạng mất cân đối khá trầm trọng cùng tính bất ổn», ông Võ Chí Công nêu rõ. — Những nỗ lực chuyển đổi một cách máy móc các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa đã không mang lại hiệu quả mong đợi vì không tính đến những đặc thù của giai đoạn mà đất nước đang trải qua. Trong khi đó, những đòn bẩy kinh tế mạnh mẽ như luật giá, quan hệ tiền-hàng, luật cung-cầu thì lại bị coi nhẹ².

Ngay sau đó, Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua nghị quyết với nội dung tăng cơ chế tự do kinh tế và tài chính của doanh nghiệp, giảm các chỉ tiêu kế hoạch hóa tập trung, giảm bớt chuỗi quản lý hành chính, nêu các biện pháp thay thế công tác hậu cần tập trung bằng hệ thống hợp đồng kinh tế. Nhưng những quyết định chính mang tính nguyên tắc về quá trình cách tân (theo tiếng Việt — **Đổi mới**) thì phải được thông qua trong Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam dự định sẽ tổ chức vào tháng 12 năm 1986. Trong quá trình chuẩn bị, trên các phương tiện báo chí, trong hội trường và bên lề các hội nghị đảng liên tục diễn ra các cuộc thảo luận về những vấn đề cấp bách. Dấu ấn của thời kỳ đổi mới là việc công bố các bức thư của người dân phê bình những sai sót, khuyết điểm tại địa phương, những bài viết vạch mặt quan chức tham nhũng, kể cả những người từng có thâm niên trong hoạt động cách mạng và đấu tranh vũ trang. Trong nội bộ cán bộ đảng viên cấp cao diễn ra một cuộc tranh đấu vô hình giữa những người ủng hộ và chống đối cải cách, thể hiện qua những thông báo trên các ấn phẩm báo chí về việc bãi nhiệm và bổ nhiệm mới. Có người phản đối đổi mới, đấu tranh vì sự trong sạch của ý thức hệ cộng sản và trông chờ vào viện trợ kinh tế từ các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa, nhưng những chính trị gia có đầu óc tinh táo nhất hiểu rằng việc cải tổ tận gốc

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4459. Danh mục 44. Hồ sơ 7659. Từ 253–255.


Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô M.S. Gorbachev tiếp ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Võ Chí Công tại Mátxcova

không chỉ công tác đảng mà còn cả toàn bộ hệ thống quản lý kinh tế là vấn đề rất cấp thiết.

* * *

Ngày 10 tháng Bảy năm 1986, kỳ họp lớn của Đảng kết thúc công việc tại Hà Nội: trong ba ngày, các đại biểu của tổ chức đảng đã thảo luận dự thảo báo cáo chính trị chính tại Đại hội sắp tới. Những người tham gia kỳ họp chú ý đến sự vắng mặt của đồng chí tổng bí thư. Mới tháng trước, ông Lê Duẩn, nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đã phát biểu tại phiên họp toàn thể, khẳng định đường lối bài bỏ hệ thống hành chính quan liêu và bài phát biểu của ông đang rất được đại biểu các vùng chờ đợi. Chỉ có vài người biết rằng ông Lê Duẩn lâm trọng bệnh và rất ít trong số đó biết rằng vào ngày hôm đó, người có công thống nhất đất nước Việt Nam và ký kết Hiệp ước chiến lược với Liên Xô đã qua đời. Sự ra đi của ông đã khép lại một kỷ nguyên và mở ra một kỷ nguyên mới, mở đường cho thế hệ lãnh đạo mới của Việt Nam.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, người được bầu làm Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam là ông Trường Chinh đã hai lần sang thăm Mátxcova và gặp gỡ Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô Mikhail Gorbachev. Nhà lãnh đạo Việt Nam đã đưa ra phân tích thực tế về tình hình ở nước mình. Ông kể về đường lối thay đổi triệt để chính sách của Đảng và Nhà nước và bày tỏ sự đồng tình hoàn toàn với các cải cách chính trị và kinh tế đang bắt đầu ở Liên Xô cũng như các sáng kiến chính sách đối ngoại hòa bình của nước này bao gồm cả khu vực châu Á-Thái Bình Dương¹.

^[1] Medvedev V. A. Tan rã. Nó đã chín muồi trong «hệ thống xã hội chủ nghĩa thể giới» như thế nào. M., 1994. Tr. 132.

Từ bài phát biểu của ông Trường Chinh, Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội nghị Đảng Hà Nội vào tháng 10 năm 1986: «Trong những năm gần đây, chúng ta đã bị lây nhiễm «căn bệnh tả khuynh ẩu trĩ»². Chúng ta đã đi ngược lại những quy luật khách quan. Sai lầm ở chỗ đã tạo ra cơ cấu kinh tế dựa trên cơ sở ưu tiên phát triển ngành công nghiệp nặng trên quy mô lớn, điều vượt quá khả năng thực sự của chúng ta, ở chỗ duy trì một thời gian dài cơ cấu quản lý hành chính quan liêu <...>, và bởi thế mà ta phải tồn tại phần lớn là nhờ hỗ trợ, trong mong muốn một công cuộc tái thiết thật nhanh chóng và hoàn toàn thông qua việc loại bỏ nhanh các yếu tố phi xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế. <...> Tiềm năng của chúng ta và cả sự hỗ trợ của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em không những đã không được sử dụng, mà còn bị lãng phí nghiêm trọng, thậm chí đến mức nhìn thấy nguy cơ mất mát dần dần <...> Trong bối cảnh như vậy, xuất hiện tình trạng thất nghiệp gia tăng, biến động giá bất thường, mất tin tưởng vào ngày mai <...> đã có một sự trì trệ kéo dài trong hoạt động kinh tế-xã hội, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng bị suy giảm»³.

Từ ngày 15 tháng đến 18 tháng 12 năm 1986, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI được tổ chức tại Hà Nội. Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, ông Trường Chinh đã đọc báo cáo chính trị «Về phương hướng và mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội trong giai đoạn 5 năm 1986–1990». Ông tuyên bố nhiệm vụ chính là ổn định tình hình kinh tế đất nước và từng bước nâng cao đời sống của người dân. Đồng thời, ông thừa nhận rằng công cuộc công nghiệp hóa

^[2] «Căn bệnh tả khuynh ẩu trĩ» — câu nói từ tác phẩm nổi tiếng của V. I. Lênin «Bệnh ẩu trĩ «tả khuynh» của chủ nghĩa cộng sản (Kinh nghiệm một cuộc trò chuyện quần chúng về chiến lược và chiến thuật của chủ nghĩa Mác-xít)», đồng nghĩa với sự diễn giải cực đoan, không khoan nhượng về những ý tưởng chủ nghĩa cộng sản.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4459. Danh mục 44. Hồ sơ 7662. Từ 63–64.

^[1] Chúng ta đã duy trì quá lâu các phương pháp quản lý hành chính quan liêu»



Những người cộng sản «miền Nam», các ông Võ Văn Kiệt và Võ Chí Công cùng ông Nguyễn Văn Linh là những nhà tư tưởng chính của đường lối «Đổi Mới»

mà ta cố gắng đạt được trong mấy thập kỷ trước, mặc dù là đúng đắn về nguyên tắc, nhưng cần phải cân nhắc đến yếu tố sản xuất nông nghiệp của đất nước và phải được thực hiện không quá nhanh chóng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. Để thực hiện công nghiệp hóa đất nước cần phải có những điều kiện tiên quyết, và vì vậy Tổng bí thư đã đề xuất ba chương trình quan trọng: đảm bảo cho người dân lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xây dựng sản xuất hàng xuất khẩu. «Ba chương trình được đề cập ở trên phản ánh nội dung chính của kế hoạch 5 năm 1986–1990», — nghị quyết Đại hội nêu rõ. Khu vực kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, nhưng kế hoạch là khuyến khích đưa vào áp dụng kinh tế cá thể, sử dụng khả năng sản xuất quy mô nhỏ đồng thời thu hút người lao động cá thể đến với các hình thức khác của sản xuất nông nghiệp tập thể «nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và hoạt động kinh doanh», sử dụng khu vực kinh tế tư nhân («tiểu tư sản») trong một số ngành và chuyển đổi dần dần bằng cách áp dụng các hình thức của nền kinh tế tư bản nhà nước, mở rộng hội nhập qua nhiều hình thức giữa các cơ cấu kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi và bình đẳng trước pháp luật¹.

Đại hội VI tiếp tục việc đổi mới thành phần ban lãnh đạo đảng, vốn đã bắt đầu năm 1986. Cựu Bí thư Thành ủy TP Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam. Các cuộc bầu cử vào Quốc hội khóa 8 của CHXHCN Việt Nam và các cơ quan chính quyền địa phương đã diễn ra vào tháng Tư năm 1987. Các cơ quan nhà nước cao nhất đã được hình thành ngay trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội vào tháng Sáu cùng năm. Ông Võ Chí Công trở thành Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, ông Phạm Hùng là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (sau khi ông qua đời vào tháng Sáu năm 1988, người phụ trách cũ của «Vietsovpetro» là ông Đỗ Mười được bổ nhiệm làm người đứng đầu Chính phủ), còn Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam là ông Võ Văn Kiệt².

Các ông Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công và Võ Văn Kiệt đã dành phần lớn đời mình ở miền Nam Việt Nam trên cương vị lãnh đạo trong phong trào đấu tranh vũ trang cũng như khối phục hòa bình. Họ trở thành những chính khách lớn chỉ sau Đại hội Đảng lần thứ IV (1977). Sự xuất hiện của đội ngũ lãnh đạo mới vào năm 1987 đã đánh dấu một bước ngoặt nhất định trong chính sách đối nội và đối ngoại. Dấu ấn của thời kỳ đổi mới là những bài báo ngắn đăng trên tờ «Nhân Dân» — cơ quan ngôn luận trung ương Đảng trong chuyên mục thường kỳ «Những việc cần làm

ngay» với chữ ký là bút danh viết tắt bằng ba chữ «N. V. L.», trong đó tác giả thông báo về những vấn đề tiêu cực nhất định và đưa ra những khuyến nghị khắc phục chúng. Dù chỉ mang tính triệu chứng nhưng vấn đề chính không phải là ở đó. Thành phố Sài Gòn — Hồ Chí Minh — thủ phủ kinh tế của miền Nam — từ lâu là nơi lưu giữ dấu vết của nền kinh tế nhiều thành phần, ở đây thương mại tư nhân và doanh nghiệp nhỏ được phổ biến rộng rãi, vì vậy các nhà quản lý mới hơn ai hết hiểu rõ về sự cần thiết phải tạo đòn bẩy kinh tế cho quản lý kinh tế quốc dân, thậm chí không coi nhẹ những kinh nghiệm kinh doanh của miền Nam Việt Nam. Ở phương Tây ngay lập tức đã chú ý đến việc cổ vấn trường về các vấn đề kinh tế của ông Nguyễn Văn Linh là ông Nguyễn Xuân Oánh, cựu sinh viên tốt nghiệp Đại học Harvard, người từng giữ chức Thống đốc Ngân hàng Quốc gia, Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và rất giàu kinh nghiệm làm việc trong điều kiện thực tiễn kinh tế thị trường.

Trích bài viết «Thay đổi đường lối» của tác giả Barry Wayne đăng trên báo «Wall Street Journal» ngày 10 tháng Sáu năm 1987:

«Sự trở lại chưa từng có của ông Nguyễn Xuân Oánh phản ánh một thời kỳ đặc biệt tại Việt Nam. Đất nước này vẫn tiếp tục đi theo đường lối kế hoạch hóa tập trung và nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên trong năm tháng gần đây, những hướng dẫn về cải cách kêu gọi loại bỏ rào cản đối với các lực lượng sản xuất và nâng cao quyền tự chủ của địa phương xuất hiện ngày một nhiều. <...> Nhận thức được tình trạng kinh tế bi đát, [VI] Đại hội đã quyết định trao quyền lực cho các nhà lãnh đạo thực tế hơn và ít định hướng theo những tiên đề mang tính ý thức hệ hơn, những người dường như đầy quyết tâm khắc phục tình trạng này. Nhiều người trong số các nhà lãnh đạo quen thuộc với các thử nghiệm kinh tế tự do ở Sài Gòn, vốn đã được sát nhập vào tỉnh Hồ Chí Minh sau khi những người cộng sản giành lại miền nam vào năm 1975.

Trong thực tế thì chính phủ mà đã hơn một thập kỷ cố gắng dập tắt ngọn lửa của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam giờ lại phải quay sang TP Hồ Chí Minh và các doanh nhân ở đây để tìm kiếm sự giúp đỡ: <...> «Tôi cho rằng chúng ta đã chạm đến đáy», ông Nguyễn Xuân Oánh nói. «Bây giờ chúng ta không còn gì khác để làm ngoài việc phải tiến lên trên»³.

Ngay tại Phiên họp toàn thể lần II của BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra vào tháng Tư năm 1987, ông Nguyễn Văn Linh đã tuyên bố về việc «chuyển toàn bộ hoạt động kinh tế lên đường ray hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa». Hội nghị tiến hành thảo luận về cải cách trong ngành ngân hàng và các biện pháp bình ổn ngân sách nhà nước. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua một loạt các văn kiện lập pháp, bao gồm cả bộ luật hình sự mới, các điều luật mới về hôn nhân và gia đình, về tổ chức bộ máy nhà nước. Trong những phiên họp tiếp theo, các luật về đất đai, đầu tư nước ngoài và các mức thuế xuất nhập khẩu đã được phê duyệt. Phiên họp toàn thể lần II của BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra vào tháng Tám năm 1987 đã thông qua nghị quyết «Về việc chuyển các doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhà nước». Không lâu sau đó là quyết định thành lập các ngân hàng thương mại đầu tiên tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, loại bỏ các rào cản và hạn chế nội bộ đối với việc cung cấp hàng hóa (chủ yếu là thực phẩm) trong nước, phục hồi hoạt động các công ty du lịch và đơn giản hóa giao



Cuộc gặp mặt của ông M.S. Gorbachev và ông Nguyễn Văn Linh tại điện Kremlin. Mátxcova. Tháng 5 năm 1987 RIA Novosti

dịch ngoại hối cho khách du lịch và Việt kiều. Việc áp dụng tổ hợp các biện pháp đã mang lại kết quả là giá cả một số mặt hàng đã ổn định và thậm chí có phần giảm, mặc dù đời sống nhân dân vẫn tiếp tục trong tình trạng nặng nề.

Như trước đây, viện trợ kinh tế của Liên Xô vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế Việt Nam vào cuối thập niên 1980.

Từ hồi ký của ông M. S. Gorbachev, trong các năm 1985–1989 là Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô: «Ông Nguyễn Văn Linh đến chúng tôi một lần nữa vào tháng Mười một năm 1987. Ông yêu cầu hỗ trợ Việt Nam trong khi cơ chế kinh tế mới còn chưa hoạt động, xin gửi viện trợ khẩn cấp 500.000 tấn gạo, từng ấy phân khoáng và 5.000 máy kéo.

Tổng Bí thư kể rằng người dân ủng hộ chủ trương đổi mới, cải tổ, nhưng rắc rối là phần lớn nhân viên không đủ khả năng làm việc theo phương cách mới. Đảng phải cho nhiều người thôi việc. Ông kết thúc lập luận của mình bằng thông báo là vấn đề nhân sự của họ sẽ được đưa lên vị trí hàng đầu và dự định sẽ đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể gần nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng. Lúc đó, chúng tôi đã thực hiện tối đa những gì có thể, mặc dù chính mình cũng không dễ dàng gì. Điều này đã giúp lãnh đạo mới của Việt Nam kiểm soát được tình hình và tiếp tục công cuộc cải cách. <...> Tình hình trong ban lãnh đạo Việt Nam đã đến giới hạn và nguy cơ tan rã là hoàn toàn có thực. Khi đó việc hỗ trợ Nguyễn Văn Linh để ông ta không sụp đổ dưới áp lực của sự chống đối cả ngầm lẫn công khai của các thế lực bảo thủ chống cải cách là rất quan trọng.

Thú vị hơn nữa là khi nghe Tổng Bí thư ĐCS VN trong cuộc gặp gỡ tiếp theo của chúng tôi diễn ra hồi tháng Mười năm 1989 cho biết rằng chính sách mới bắt đầu gặt hái những kết quả đầu tiên. <...> Lần đầu sau nhiều năm, hơn một triệu tấn gạo đã được đưa vào Quỹ dự trữ nhà nước và



Ông K. F. Katushev, Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về hợp tác kinh tế Liên Xô và ông Đậu Ngọc Xuân (trái), Phó chủ tịch thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước CHXHCN Việt Nam ký thỏa thuận về phát triển hơn nữa hợp tác kinh tế giữa Liên Xô và Việt Nam trong chuyến đi thăm Mátxcova của ông Nguyễn Văn Linh. Tháng 5 năm 1987 RIA Novosti

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 7663. Tờ 116.

² Tsvetov P. Yu. Lịch sử Việt Nam trong thời đại đổi mới // Các tác phẩm của Viện nghiên cứu phương Đông thực tế. M., 2005. Tr. 269–286.

³ Trích theo: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 8922. Tờ 55–56.

gần hai triệu tấn được phân cho xuất khẩu để thanh toán khoản nợ cho Ấn Độ.

Đối với tôi, thật quan trọng khi nghe thấy tin này bởi chúng ta đã phải cung cấp viện trợ trực tiếp cho Việt Nam bằng gạo và lúa mì trong nhiều năm liền và việc đó ngày một trở nên khó khăn hơn. Nhưng tôi đặc biệt hài lòng vì đường lối mới về nguyên tắc, vốn đã hình thành trong cuộc đối thoại tích cực của tôi với ban lãnh đạo Việt Nam đã mang lại những kết quả thực sự»¹.

* * *

Chúng tôi xin được lưu ý trước một chút ở đây là khác với Liên Xô, vốn chẳng những đã không cải thiện được cuộc sống của người dân mà còn chấm dứt sự tồn tại của mình trong quá trình tự cải cách thì vào đầu thập kỷ những năm 1990, Việt Nam thực sự đã nhận được những kết quả trông thấy. Theo dữ liệu của Bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại Nga, «năm 1993, với bối cảnh tình hình trong nước khá ổn định, giới lãnh đạo Việt Nam đã tiếp tục thực hiện chính sách đổi mới, với mục đích loại bỏ các phương pháp quản lý kinh tế theo hình thức mệnh lệnh — hành chính và chuyển sang nền kinh tế thị trường. Các nỗ lực nhằm củng cố những thành quả đạt được trong năm 1992 đã cho phép giữ nguyên xu hướng tăng trưởng kinh tế năng động và cải thiện điều kiện sống cho bộ phận lớn người dân»².

Trên con đường tìm kiếm lợi ích chung: xây dựng lại các quan hệ kinh tế đối ngoại

Tổng số tiền viện trợ thuần của Liên Xô cho các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Cuba, Lào và Mông Cổ, theo phân loại của Liên Hợp Quốc đối với các nước đang phát triển) cho đến giữa những năm 1980 đã vượt 10 tỷ rúp một năm và lên tới 12 tỷ vào năm 1988, tương đương 1,4% tổng sản lượng quốc gia của đất nước. Số tiền này bao gồm nhiều thành phần và phương cách tiếp cận hỗ trợ tài chính bằng cách này hay cách khác đều thể hiện rõ qua hầu hết các loại hình hoạt động kinh tế đối ngoại của Liên Xô ở các nước đang phát triển. Liên Xô cung cấp cho các nước này những khoản tài trợ và quà tặng không hoàn lại, cho vay ưu đãi, giúp đỡ không hoàn lại trong đào tạo cán bộ quốc gia, giảm mức lương của các chuyên gia Liên Xô trong cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, áp dụng chính sách giá khuyến khích và ưu đãi trong thương mại và cung cấp giá cước vận tải ưu đãi trong vận chuyển hàng hóa với các quốc gia này. Các nước đang phát triển được nhận những ưu đãi liên quan đến việc xóa nợ một phần, kéo dài hạn thanh toán các khoản nợ gốc và tiền lãi, vốn đã bị giảm đi so với mặt bằng trung bình của thế giới (cho đến năm 1980) qua tỷ lệ chiết khấu cho các khoản vay của chính phủ, qua sự mất giá vì lạm phát của các khoản nợ và qua chất lượng kém của hàng trả nợ cho các khoản tín dụng của Liên Xô. Đánh giá trên đã được Viện Nghiên cứu khoa học toàn liên bang về các quan hệ kinh tế đối ngoại thuộc Ủy ban Kinh tế đối ngoại trung ương của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đưa ra. «Các quan hệ kinh tế của Liên Xô với thế giới đang phát triển từ lâu đã trở thành quan hệ thua lỗ có kế hoạch», — các nhà khoa học kết luận³. Trong bối cảnh tình

hình kinh tế Liên Xô đang trở nên tồi tệ, cách tiếp cận như vậy là không thể chấp nhận được và một trong những mục tiêu chính của hoạt động kinh tế đối ngoại của đất nước là việc hoàn lại thật sớm tất cả những khoản tiền cho các nước khác vay.

* * *

Ngày 23 tháng Giêng năm 1986, Hiệp định liên chính phủ kế tiếp giữa Liên Xô và Việt Nam về hợp tác kinh tế và kỹ thuật trong các năm 1986–1990 đã được ký kết, trù định việc cung cấp viện trợ kinh tế cho Việt Nam và phân bổ các khoản tín dụng cần thiết cho việc này, giống như bất kỳ thỏa thuận tương tự nào trước đó.

Trong năm 1987, khối lượng viện trợ kinh tế và kỹ thuật của Liên Xô cho Việt Nam đã lên tới 427,5 triệu rúp, hay 100,5% theo kế hoạch đề ra, trong đó tín dụng — 312,9 triệu (104,5%), tiền mặt — 96,9 triệu (88,0%), số viện trợ không hoàn lại — 17,7 triệu (111,2%). Tính từ thời điểm bắt đầu hợp tác (năm 1955), với sự hỗ trợ kinh tế và kỹ thuật của Liên Xô, ở Việt Nam đã xây dựng, khôi phục và cải tạo tổng cộng hơn 250 công trình. Những xí nghiệp được đưa vào hoạt động với sự hỗ trợ của Liên Xô chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Trong năm 1987 từ các xí nghiệp này đã sản xuất được khoảng 50,5% tổng sản lượng điện trong nước, khai thác 85,7% tổng sản lượng than đá và 71,7% thiếc, 35,3% xi măng, 45% chè, 100% quặng apatit, đạm supe, axit sulfuric, các máy công cụ cắt gọt kim loại và nhiều sản phẩm khác. Trong năm 1987, dưới sự hỗ trợ kinh tế và kỹ thuật của Liên Xô đã đưa vào hoạt động: bốc năng lượng thứ 4 của nhà máy nhiệt điện «Phả Lại», 575 km đường dây điện cao thế, các trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 230 MW, các nhà máy «Tuyên Quang» và «Anh Sơn» (đợt đầu tiên) có công suất chế biến 48 và 32 tấn lá chè xanh mỗi ngày, các trường dạy nghề: cho 600 học sinh tại TP Đà Nẵng để đào tạo công nhân chế tạo máy lành nghề và cho 800 học sinh tại công trình thủy điện «Hòa Bình» về đào tạo nhân viên năng lượg. Hoàn thành về cơ bản công tác xây lắp và vận hành thử nghiệm trên công trường xây dựng tổ máy đầu tiên công suất 105 MW ở nhà máy thủy điện phía nam «Trị An»⁴.

Việc chuyển đổi các nền kinh tế của hai nước sang những nguyên tắc quản lý mới, từ bỏ các phương pháp mệnh lệnh — hành chính và nỗ lực áp dụng các đòn bẩy kinh tế để điều tiết hoạt động doanh nghiệp đã dẫn đến việc phải thay đổi cách tiếp cận của cả hai nước trong lĩnh vực quan hệ kinh tế với nhau. Đồng thời, phải nhấn mạnh một yếu tố quan trọng là cải cách đã được thực hiện trong điều kiện giá dầu mỏ giảm mạnh vào năm 1985 và đặc biệt là vào năm 1986 với giá tụt xuống chỉ còn 16 đô la cho một thùng, thậm chí có thời điểm xuống tới 15 đô la. Doanh thu của Liên Xô bị giảm mạnh, gây ảnh hưởng lớn đến tiềm năng kinh tế của nhà nước, trong đó bao gồm lĩnh vực hỗ trợ cho các nước khác, cũng như buộc phải tìm kiếm những hình thức hợp tác mới hoặc tối ưu hóa các hình thức cũ, đảm bảo và đẩy nhanh tiến độ hoàn vốn đầu tư.

Chủ đề phân phối và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ của Liên Xô đã nhận được sự quan tâm của ban lãnh đạo hai nước Liên Xô và Việt Nam từ trước khi diễn ra các cuộc cải cách quy mô lớn. Sau năm 1975, việc xây dựng một số công trình tại Việt Nam, ngay cả những nơi công việc đã tiến hành và đang được cung cấp vật liệu cũng được chuyển ra ngoài kế hoạch 5 năm do không thể đảm bảo cung cấp vật liệu xây dựng, trang thiết bị và nhân sự cho các công trình. Đồng thời, việc xây dựng và cung cấp hậu cần diễn ra như hai quá trình độc lập song song và không liên quan với nhau. Cơ chế hợp tác không tính đến việc điều chỉnh kế hoạch



Mít tình nhân dịp khánh thành cầu Thăng Long, công trình xây dựng của các chuyên gia Việt Nam và Liên Xô trên sông Hồng. 1985

RIA Novosti

tùy thuộc vào diễn tiến thực tế của công việc, còn việc cung cấp có thể không mang tính chất mục đích dẫn đến tình trạng thiếu hụt một số loại thiết bị và vật tư này hay dư thừa loại khác. Vì những khoảng «thời gian chết» cho nên hoặc là việc cung cấp hàng của Liên Xô sẽ bị gián đoạn, hoặc là chịu «để chết» vốn trong thời gian dài. Việc gia tăng số lượng thiết bị chưa cài đặt ở Việt Nam, những kết cấu kim loại chưa được lắp ráp và các vật liệu không sử dụng mà khối lượng đã tăng lên từ 37 nghìn đến 52 nghìn tấn chỉ trong bảy tháng đầu năm 1987 đã gây ra mối lo ngại nghiêm trọng từ phía Liên Xô¹.

Tình trạng hợp tác bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Ví dụ, tỷ giá của đồng rúp chuyển nhượng và tiền đồng. Ban đầu là 1 đối 20, từ năm 1984–1 đối 17, nhưng đó là tỷ giá chính thức. Theo tính toán của Ủy ban Vật giá Nhà nước Việt Nam, tỷ giá hối đoái thực tế, ví dụ cho năm 1983 của một đồng rúp chuyển nhượng là 42 đồng nếu tính thuế doanh thu hoặc là 29 đồng không tính thuế doanh thu². Tỷ giá này đã không được áp dụng trong các tính toán giữa các quốc gia, trong khi giá trị tài sản mà các tổ chức Việt Nam đã xây dựng thì được tính theo tỷ giá thực. Chuyển định giá ở Việt Nam có đặc điểm riêng, với giá lao động rẻ và khoảng cách ngắn trong nước, xi măng ở Vũng Tàu nhập khẩu từ Liên Xô đôi khi lại rẻ hơn là mua ngay tại địa phương. Quá trình thành lập liên doanh «Vietsovpetro» không chỉ đồng hành với những cuộc tranh luận nảy lửa về giá thành nhập khẩu từ các nước thứ ba mà còn cả việc đánh giá những công trình do phía Việt Nam xây dựng.

Một vấn đề khác là mức lương phải trả cho các chuyên gia Liên Xô làm việc trên lãnh thổ Việt Nam. Ở liên doanh «Vietsovpetro» điều này liên quan đến việc thanh toán cho các công việc của nhà thầu, trước hết là thuê các giàn khoan nổi. Mức lương bồi hoàn được xây dựng qua những nỗ lực chung và được tính như nhau cho tất cả các nước thành viên khối SEV, nhưng ở Việt Nam chúng chưa bao giờ trong xúng 100% chi phí. Các nước trong khối xã hội chủ nghĩa giảm cho Việt Nam 40% từ mức lương

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4313. Từ 53.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3628. Từ 445.


Trưởng phái đoàn Đảng — Chính phủ Liên Xô, ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên bang Nga, ông V. I. Vorotnikov (thứ 2 bên trái) và ông Đỗ Mười, ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam cùng với các chuyên gia xây dựng Xô — Việt tại đập thủy điện «Hòa Bình» trên sông Đà. Kỷ niệm 40 năm ngày quốc khánh Việt Nam. Tháng 9 năm 1985

RIA Novosti

bồi hoàn của SEV, Bulgaria giảm 50% và chỉ có Liên Xô đã giảm đến 60%³.

Một vấn đề sắc bén khác nữa là việc cung cấp hàng hóa của Việt Nam cho Liên Xô, vốn cần thiết để bù lại cho Liên Xô những khoản đầu tư của nước này vào kinh tế Việt Nam.

Trích thư của Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Liên Xô I. T. Grishin gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô N. V. Talyzin, ngày 06 tháng Sáu năm 1983:
«Trong năm 1981, tính cả các đợt cung cấp hàng theo hợp đồng của các năm trước, phía Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ chỉ được 69%, trong năm 1982 — là 79,2%. Trong năm 1983, cung cấp hàng hóa Việt Nam đến Liên Xô được thực hiện với sự chậm trễ đáng kể. Nguyên nhân của tình trạng này là do trong quá trình đàm phán về việc điều phối các kế hoạch về kim ngạch hàng hóa cho giai đoạn 1981–1985, phía Việt Nam đã nhận phần nghĩa vụ rõ ràng là không thực tế về cung cấp cho Liên Xô các sản phẩm của mình với mục đích nhận lại khối lượng hàng hóa lớn hơn từ Liên Xô»⁴.

Nói chung là cả hai bên đều chịu thiệt hại nặng. Sự hỗ trợ kinh tế của Liên Xô mà đáng ra phải thúc đẩy việc giải quyết các bài toán chiến lược của nền kinh tế Việt Nam thường lại để dùng chấp vá lỗ hổng, dàn trải lên nhiều công trình mà không mang lại hiệu quả mong muốn, và việc mở rộng viện trợ bây giờ phụ thuộc vào việc sửa chữa sai lầm của những năm trước đó.

^[1] Gorbachev M. S. Cuộc sống và Cải cách. M., 1995. Tr. 565–567.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-10212. Danh mục 1. Hồ sơ 482. Từ 34.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 7900. Từ 312.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4443. Từ 135–136.



Trên công trường xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Bình. 1986
RIA Novosti

Từ bài phát biểu của ông Trương Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước CHXHCN Việt Nam trong một cuộc họp đảng vào 07 tháng Bảy năm 1986:
«Chúng ta rõ ràng đã bỏ lỡ một khoảng khắc rất có lợi, khi Liên Xô trong cả thập niên đã trợ giúp chúng ta hàng chục tỷ rúp, nhưng vì hệ thống hậu cần quan liêu, chúng ta mỗi năm đã chi tiêu mất hàng trăm triệu rúp cho tiêu dùng xã hội, cho tiếp tế, cho trợ cấp, bù lỗ, hàng trăm triệu rúp khác đã được rải lên rất nhiều dự án xây dựng cơ bản. Sai lầm lớn của chúng ta là ở chỗ đó. Thật tiếc là ngay cả bây giờ một số đồng chí vẫn không nhìn thấy những tác hại sâu sắc mà thực tiễn kiểu này gây ra. Họ cho rằng suy nghĩ khác đi, làm khác đi so với những gì mà hệ thống cung cấp — quan liêu đề ra có nghĩa là xa rời chủ nghĩa xã hội»¹.

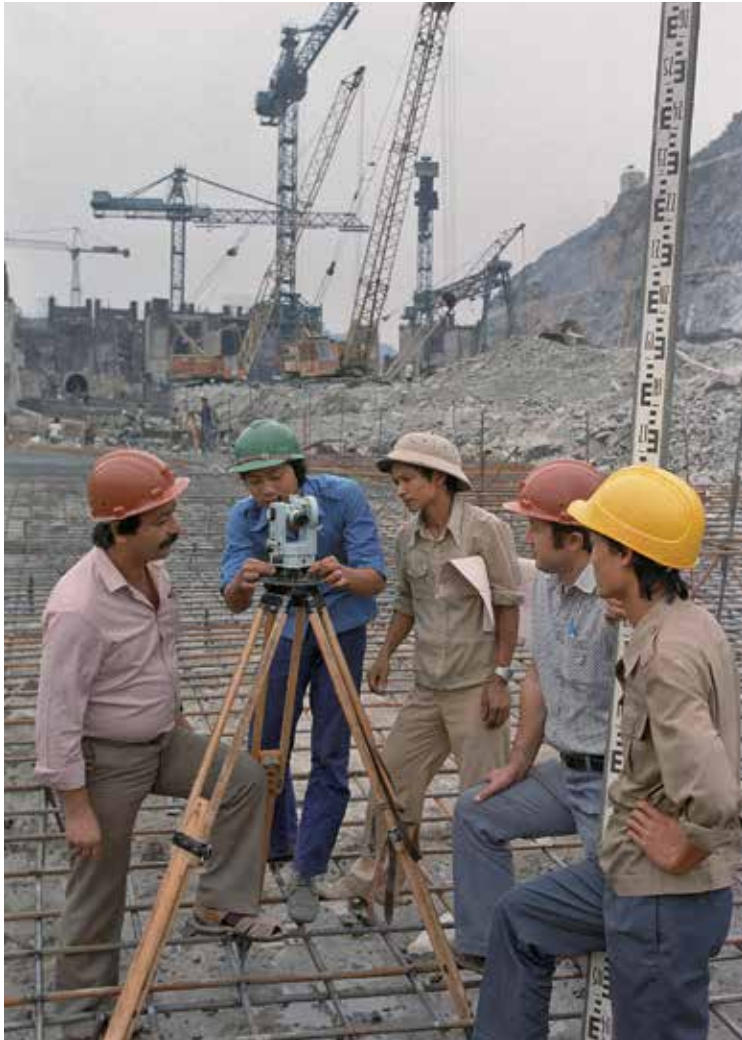
Quyết định của Ban chấp hành TƯ ĐCS Liên Xô ngày 25 tháng 12 năm 1986 về việc phái đoàn Liên Xô tham dự Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ sự cần thiết phải hoàn thiện hơn nữa hợp tác kinh tế và khoa học-kỹ thuật giữa Liên Xô và CHXHCN Việt Nam. Cần phát triển và thực hiện các biện pháp bổ sung về toàn bộ các vấn đề của hợp tác Xô — Việt — «dưới ánh sáng của các nghị quyết đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần XXVII của và Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam, kết quả buổi gặp gỡ

và làm việc giữa các nhà lãnh đạo đảng cộng sản của các nước xã hội chủ nghĩa».

Ngày 07 tháng 2 năm 1987 tờ báo «Nhân Dân» cơ quan ngôn luận của TƯ Đảng đã đăng một bài viết lớn dưới tiêu đề «Những tính năng mới của hoạt động kinh tế đối ngoại ở Liên Xô». Bài báo viết về nội dung những Nghị quyết mới nhất của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô «Về các biện pháp để cải thiện công tác quản lý các quan hệ kinh tế đối ngoại» và «Về các biện pháp cải thiện công tác quản lý hợp tác kinh tế và khoa học-kỹ thuật với các nước xã hội chủ nghĩa». Trong bài viết cũng nói về khả năng thành lập các xí nghiệp liên doanh tại Liên Xô trên cơ sở cổ phần.

Vào đầu tháng Năm, một phiên họp toàn thể đặc biệt của Trung ương Đảng được tổ chức với chủ đề «cập nhật và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên Xô». Những người tham gia cuộc họp, dưới sự chủ trì của ông Nguyễn Văn Linh, phân tích các kết quả hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật giữa hai nước trong 10 năm qua. Theo báo cáo trong các ấn phẩm Việt Nam, «*Bộ Chính trị đã phân tích sâu sắc những sai lầm và thiếu sót tồn tại ở các giai đoạn khác nhau trong lĩnh vực xây dựng khái niệm, quản lý và tổ chức hợp tác với Liên Xô, dẫn đến tình trạng giảm hiệu quả trong sử dụng viện trợ và hợp tác với Liên Xô*». Hội đồng Bộ trưởng đã được chỉ đạo tìm các biện pháp nhằm phát triển hợp tác Việt — Xô và nâng cao hiệu quả của nó. Tại phiên họp đã nhấn mạnh «hợp tác kinh tế giữa Liên Xô và Việt Nam sẽ phát triển theo chiều hướng hội nhập kinh tế xã hội chủ nghĩa và chuyên môn hóa sản xuất và hợp tác hóa, mở rộng các

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 7660. Tờ 224.



Trên công trình xây dựng đập thủy điện «Hoà Bình». 1986
RIA Novosti

hình thức và phương pháp hợp tác kinh tế ở cả ba cấp độ — cấp chính phủ, cấp ngành, và cấp độ các xí nghiệp»¹.

Đương nhiên, viện trợ kinh tế cho Việt Nam là một trong những chủ đề chính trong chuyến thăm Mátxcova đầu tiên của ông Nguyễn Văn Linh vào tháng Năm năm 1987. Lúc đó, theo kết quả cuộc họp, hai bên đã thông qua một tuyên bố chung, trong đó ghi nhận «*quy mô ngày càng tăng của hợp tác Xô- Việt, các phương pháp tiếp cận mới đối với vấn đề phát triển kinh tế — xã hội của đất nước mình, được Đại hội XXVII của ĐCS Liên Xô và Đại hội VI của ĐCS VN soạn thảo, yêu cầu nghiêm túc nâng cao hiệu suất hợp tác theo hướng hội nhập xã hội chủ nghĩa, phân công lao động quốc tế, chuyên môn hoá và hợp tác hóa sản xuất, sử dụng tích cực hơn các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa*»².

Trong chuyến đi thăm, chương trình hợp tác cho kế hoạch 5 năm hiện tại đã được điều chỉnh lại. Theo yêu cầu của phía Việt Nam, việc xây dựng 17 công trình đã bị đưa ra khỏi chương trình hợp tác hoặc dời việc thực hiện sau năm 1990, tạo điều kiện giải phóng tín dụng trị giá 300 triệu rúp và chuyển chúng sang giải quyết những nhiệm vụ ưu tiên mà Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội: tăng cường sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu³.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 8921. Tờ 91–92.

² Trích theo: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4314. Tờ 213.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4314. Tờ 217–218.

Sau khi trở về từ Liên Xô, ông Nguyễn Văn Linh đã đăng bài viết trong số ra tháng 7 năm 1987 của «Tạp chí Cộng Sản» mang tựa đề «Giai đoạn phát triển mới của quan hệ kinh tế Việt Nam-Liên Xô». Tập trung vào lịch sử quan hệ kinh tế song phương, tác giả nhấn mạnh rằng, nhìn chung những mối quan hệ này chỉ có lợi cho một bên và gây ra «*tư tưởng dựa dẫm, ý lại*». Ông thừa nhận rằng phía Việt Nam đã không hoàn thành một cách có hệ thống những nghĩa vụ của mình theo các hiệp định kinh tế được ký kết với Liên Xô và nói chung cấu trúc đã hình thành của hợp tác song phương không đáp ứng các yêu cầu hiện nay. Tổng Bí thư đã nhấn mạnh rằng trong các điều kiện kinh tế mà các nước Khối SEV đã bắt tay vào công cuộc đổi mới hướng đi và hình thức hợp tác, vào tăng cường phân chia lao động xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ đặt ra trước Việt Nam là phải kiên quyết vượt qua «*tư tưởng dựa dẫm, ý lại*». Cần phải sửa chữa những sai lầm của quá khứ sao cho hợp tác kinh tế với Liên Xô thực sự mang tính đôi bên cùng có lợi⁴.

* * *

Chúng ta không nên quên rằng cả Liên Xô và Việt Nam đều là những thành viên của Cộng đồng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hệ thống các quan hệ kinh tế giữa các nước phải mang tính hệ thống, do đó sau khi kết thúc chiến tranh và thống nhất đất nước, những cuộc hội đàm thường xuyên về điều phối kế hoạch kinh tế quốc dân của hai nước đã bắt đầu được tổ chức. Vào năm 1984, giữa Liên Xô và CHXHCN Việt Nam bắt đầu thực hiện việc điều phối kế hoạch 5 năm cho các năm 1986–1990 và kế hoạch hóa cho tương lai xa hơn, đến tận năm 2000. Công việc này đã được tiến hành không chỉ song phương, mà còn cả ở Hội đồng tương trợ kinh tế, trong khuôn khổ quá trình «*hội nhập kinh tế xã hội chủ nghĩa*» và cái được gọi là «*chương trình hợp tác mục tiêu lâu dài*». Như vậy là từ năm 1985, chương trình mục tiêu về sản xuất cao su tự nhiên và cao su nhân tạo latex đã bắt đầu hoạt động, khi mà với sự hỗ trợ tích cực của Liên Xô đã hình thành các đồn điền trồng cây cao su và sản phẩm của chúng được cung cấp dưới hình thức thanh toán nợ của phía Việt Nam. Những chương trình tương tự cũng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ và sản xuất các loại trái cây và rau quả, chè và cà phê. Theo quyết định ngày 26 tháng Sáu năm 1986 những chương trình hợp tác mục tiêu dài hạn mới trong lĩnh vực luyện kim đen, sản xuất phân bón khoáng chất, agar-agar, đay, nguyên dược liệu và các hàng hóa khác đã được xây dựng..

Mặc dù Liên Xô luôn tích cực thu hút nước xã hội chủ nghĩa khác cung cấp viện trợ kinh tế cho Việt Nam trong khuôn khổ các dự án chung đa phương (ví dụ, cùng thăm dò và phát triển các mỏ khoáng sản rắn ở lãnh thổ Việt Nam), nhưng không phải lúc nào cũng thành công. Trong khi đó, kể từ đầu những năm 1980, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa đã hạn chế mạnh sự tham gia của họ trong việc xây dựng các cơ sở mới tại Việt Nam, chủ yếu chỉ tập trung vào việc hỗ trợ vận hành và tái thiết các xí nghiệp đang hoạt động. Một số đối tác của khối xã hội chủ nghĩa cũng đã cung cấp viện trợ kinh tế, thì cũng tìm cách không tham gia vào các dự án dài hạn và thăm dụng vốn⁵. Vì lý do này, hình thức hiệu quả nhất, như khi đó cho thấy, là mối liên kết trực tiếp giữa các xí nghiệp của các quốc gia và các xí nghiệp liên doanh.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 8923. Tờ 36.

⁵ Xem bản ghi chép của cố vấn về các vấn đề kinh tế tại Đại sứ quán Liên xô ở VN «Hợp tác kinh tế và kỹ thuật của CHXHCN VN với các nước xã hội chủ nghĩa — thành viên của CMEA trong các năm 1981–1982» // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 3427. Tờ 279–291.



Xe «ZIL» Mátxcova ở Đà Nẵng.
 Tạp chí «Việt Nam»



Bên khoang điều khiển của nhà máy Thủy điện Trị An. Năm 1980
 RIA «Novosti»

* * *

Ngày 18 tháng 11 năm 1986 đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa ông A. N. Zademidko, Phó Đại diện thường trực của Liên Xô tại SEV (CMEA) và ông Hoàng Thục Tân, Phó Đại diện thường trực của Việt Nam tại SEV.

«— *Đồng chí Tân, hiện nay Liên Xô đánh giá xí nghiệp liên doanh đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế giữa các nước XHCN — ông Zademidko nói trong lời mở đầu cuộc gặp mặt. — Đối với Việt Nam, hình thức hợp tác này phải có những ưu thế đặc biệt. Thứ nhất, một nửa sản phẩm của xí nghiệp sẽ thuộc về các bạn. Thứ hai, nó sẽ cho phép sử dụng trực tiếp các thành tựu khoa học và kỹ thuật của người tham gia Liên Xô, sử dụng dịch vụ của các kỹ sư và công nhân lành nghề, và như vậy cũng nâng cao trình độ của những người tham gia Việt Nam trong quá trình hoạt động của xí nghiệp liên doanh. Mỗi một xí nghiệp như vậy không chỉ sản xuất ra sản phẩm mà còn tạo ra cơ sở hạ tầng tương ứng và tạo tiền đề cho sự phát triển tổng hợp địa bàn nơi nó sẽ hoạt động.*

— *Alexander Nikolaievich, tất cả những gì ông nói rất hay và tôi nhất định sẽ thông báo cho đồng chí Trần Quỳnh về quan điểm của ông. Chắc chắn ý kiến này xứng đáng được quan tâm. Tại hội nghị đang gần đây nhất ở Hà Nội, đồng chí Trường Chinh đã tuyên bố ủng hộ việc thiết lập các quan hệ trực tiếp giữa các xí nghiệp Mátxcova và Hà Nội, và hoàn toàn có khả năng chúng tôi sẽ chuẩn bị đề xuất về việc thành lập các xí nghiệp liên doanh trong lĩnh vực nông nghiệp»¹.*

* * *

Vào năm 1986, trong kỳ họp thứ 42 của khối SEV, Liên Xô đã ký kết bốn thỏa thuận liên chính phủ về các mối quan hệ kinh tế trực tiếp (với CHDC Đức, Bulgaria, Hungary và Tiệp Khắc), và từng đấy thỏa thuận về việc thành lập xí nghiệp liên doanh (Ba Lan, Bulgaria, Hungary và Tiệp Khắc), thỏa thuận thứ năm đang trong giai đoạn chuẩn bị — với Cộng hòa dân chủ Đức.

Kinh nghiệm hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro», bắt chắp mọi khó khăn trong quá trình hình thành, đã được công nhận là thành công và vào tháng Năm năm 1987, dự thảo Hiệp định liên chính phủ với

dạng hoàn toàn mới — về những nguyên tắc cơ bản trong việc thành lập và hoạt động của các xí nghiệp liên doanh, các Liên hiệp và tổ chức quốc tế đã được trình lên Ủy ban kinh tế đối ngoại nhà nước thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

Hợp đồng được ký kết vào tháng Mười năm 1987 trừ định khả năng thành lập các xí nghiệp liên doanh Xô — Việt trong cả lĩnh vực sản xuất lẫn khoa học — kỹ thuật. Doanh nghiệp có thể được thành lập ở cả hai quốc gia và hoạt động trên cơ sở tuân thủ luật pháp nước sở tại. Căn cứ vào kinh nghiệm hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro», các tác giả dự án đã dự kiến sự cần thiết tạo ra quỹ điều lệ đặc biệt của xí nghiệp, từ đó thực hiện việc cung cấp tài chính cho các hoạt động của mình. Khối lượng đóng góp của các bên được xác định theo thỏa thuận và cũng trên cơ sở đó phân phối sản phẩm tương ứng. Phần đóng góp cho vốn điều lệ của liên doanh có thể tính là các tòa nhà, các công trình, các trang thiết bị và tài sản hữu hình khác, các dịch vụ, quyền sử dụng các tòa nhà, các công trình, thiết bị và cả các quyền tài sản khác của những người tham gia (bao gồm việc sử dụng các sáng chế, bí quyết sản xuất know-how), các loại tiền tệ bằng đồng tiền Liên Xô hay Việt Nam, bằng đồng rúp chuyển nhượng, cũng như bằng ngoại tệ chuyển đổi tự do. Việc đánh giá các tài sản vật chất do các bên tham gia liên doanh đưa vào như là đóng góp của họ vào quỹ vốn điều lệ, phải được thực hiện theo giá ngoại thương, được thiết lập trên cơ sở các quy định hiện hành trong khuôn khổ khối SEV (các quy chế này, theo kinh nghiệm của «Vietsovpetro», có ý nghĩa đặc biệt quan trọng). Trong trường hợp không có đơn giá như vậy thì giá trị của tài sản đóng góp được xác định theo thỏa thuận giữa những người tham gia. Quỹ vốn điều lệ được đánh giá bằng ngoại tệ của quốc gia sở tại cho xí nghiệp liên doanh và bằng đồng rúp chuyển nhượng. Việc sử dụng vùng đất, tài nguyên, nước và rừng của quốc gia có địa điểm đặt cơ sở xí nghiệp liên doanh sẽ trên cơ sở trả phí theo pháp luật của nước chủ nhà. Xí nghiệp liên doanh phải tiến hành hoạt động kinh tế trên cơ sở hạch toán toàn bộ chi phí, độc lập và tự chủ về tài chính, trong đó cả về ngoại tệ, và có ngân sách độc lập².

Các ủy ban công tác đã tiến hành nghiên cứu chung các lĩnh vực có thể hợp tác, vốn sẽ cho phép giải quyết các vấn đề cấp bách của Việt Nam đồng thời hoàn trả được các khoản đầu



Tại đồn điền trồng cây cao su của một xí nghiệp liên doanh Việt — Xô. 1987
 RIA Novosti



tư của Liên Xô. Ví dụ, theo lời mời của ông Đồng Sĩ Nguyên, ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam và ông Lê Đức Anh, ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, từ ngày 18 đến 25 tháng 4 năm 1987, phái đoàn chính phủ Liên Xô dẫn đầu là ông Belousov, ủy viên BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đóng tàu Liên Xô, đã sang thăm Việt Nam. Theo kế hoạch, phái đoàn sẽ làm quen với các xí nghiệp lắp ráp và sửa chữa tàu Việt Nam và cùng các đối tác Việt Nam phát triển một chương trình hợp tác dài hạn, sau đó sẽ đưa vào sản xuất tại Việt Nam các block-modul kết cấu thượng tầng của các giàn khoan cố định¹. Kết quả của chuyến đi là tài liệu «Quan niệm về hợp tác kinh tế và khoa học — kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển trong giai đoạn các năm 1991–1995 và cho đến năm 2000».

Vào tháng 10 năm 1987, hai quốc gia đã ký kết:

- Hiệp định về các nguyên tắc cơ bản của việc thành lập và hoạt động của các liên doanh, Liên hiệp và tổ chức quốc tế;
- Hiệp định về các quan hệ sản xuất và khoa học — kỹ thuật trực tiếp của các hiệp hội, xí nghiệp và các tổ chức của Liên Xô và Việt Nam;
- Hiệp định về hợp tác toàn diện cho các năm 1988–1990 về phát triển ngành than của Việt Nam.
- Vào tháng Giêng năm 1988, đã ký kết:
- Hiệp định chung cho giai đoạn đến năm 2000 và Biên bản kèm theo cho các năm 1988–1990 về hợp tác trong ngành đóng tàu;

- Hiệp định về các nguyên tắc hợp tác cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả vận hành của các công trình được xây dựng ở Việt Nam với sự hỗ trợ của Liên Xô.

Tất cả những văn kiện này chứng tỏ rằng cả hai nước đang cố gắng từ bỏ cơ chế «lãng phí» và tìm tòi các hình thức hợp tác kinh tế cùng có lợi.

Cải tổ trong ngành công nghiệp dầu mỏ

Diễn biến chung của quá trình cải cách không thể không gây ảnh hưởng đến các ngành dầu khí của cả hai nước. Cả ở Liên Xô và Việt Nam đang diễn ra quá trình tái cơ cấu các sơ đồ quản lý công nghiệp, loại bỏ những cơ cấu và cấp trung gian không cần thiết, các xí nghiệp được cung cấp quyền hạn mới và cởi bỏ một số hạn chế trong các lĩnh vực sản xuất, tài chính, hoạt động ngoại thương.

Tại Liên Xô, nửa cuối năm 1987 đã trôi qua dưới lá cờ chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi các xí nghiệp dầu khí kể từ ngày 1 tháng Giêng năm 1988 sang tự hạch toán và tự túc về tài chính theo yêu cầu của «Luật về các xí nghiệp (liên hiệp) nhà nước» đã thông qua hồi tháng Bảy. Cả hai bộ chuyên ngành — công nghiệp dầu mỏ và khí đốt — đã chuẩn bị các đề nghị về việc loại bỏ một số tổng cục (chuyển đổi từ hệ thống ba cấp (bộ — tổng cục — liên hiệp) sang hệ thống quản lý hai cấp (bộ — liên hiệp), thay đổi vai trò của một số liên hiệp và một vài xí nghiệp. Tất cả những quyết định này chỉ ảnh hưởng một cách gián tiếp đến quan hệ hợp tác Xô — Việt, ngoại trừ vị thế của Tổng cục thăm dò và phát triển

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 302. Danh mục 2. Hồ sơ 2251. Tờ 43–44.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 9109. Tờ 303.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 365. Danh mục 9. Hồ sơ 4334. Tờ 125–126.

dầu mỏ và khí đốt ngoài khơi (Glavmorneftegaz), đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động của Liên doanh «Vietsovetro».

Kể từ khi thành lập vào năm 1978, Glavmorneftegaz đã là một phần của hệ thống Gazprom Liên Xô (Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô) và trong vòng chưa đầy mười năm đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển của phân ngành khai thác dầu khí ngoài khơi ở Liên Xô. Như có thể thấy từ các kế hoạch tái cơ cấu do các Bộ quản lý ngành đã đệ trình lên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô trong mùa thu năm 1987, cả Bộ trưởng Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô, ông V. C. Chernomyrdin lẫn Bộ trưởng Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô, ông V. A. Dinkov đều không xem xét vấn đề về bất kỳ thay đổi vị thế nào của Glavmorneftegaz. Quyết định chuyển cơ quan này sang trực thuộc hệ thống của Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô đã gây bất ngờ cho cả hai bộ trưởng. Ngày 11 tháng Mười Hai năm 1987, Ủy ban Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô phụ trách cải tổ cơ cấu tổ chức của các cơ quan kinh tế trung ương, các Bộ và các cơ quan ngang bộ của Liên Xô đã thông qua quyết định như sau: «*Xét thấy triển vọng phát triển các công tác trên thềm lục địa liên quan chủ yếu tới việc khai thác dầu mỏ, cũng như các nguồn lực khoa học và đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực này tập trung chủ yếu ở hệ thống Bộ công nghiệp dầu mỏ, với mục đích loại bỏ sự trùng lặp trong công việc thực hiện trên thềm lục địa và phần đất bờ biển, Ủy ban Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô phụ trách cải tổ cơ cấu tổ chức của các cơ quan kinh tế trung ương, các bộ và các ngành của Liên Xô xét thấy cần thiết việc chuyển từ năm 1988 phân ngành thăm dò và phát triển các mỏ dầu và khí đốt ngoài khơi từ Mingazprom (Bộ Công nghiệp khí đốt) Liên xô sang Minnefteprom (Bộ Công nghiệp dầu khí) Liên Xô*»¹.

Có lẽ quyết định này đã mang một ý nghĩa sâu sắc nào đó, nhưng vị thế của Glavmorneftegaz (trở thành Glavmorneft) trong một bộ mới, nơi họ không được mong đợi đặc biệt, đã giảm sút đáng kể. Nếu như trong cơ cấu của Bộ Công nghiệp khí đốt cơ quan này đứng thứ năm sau các tổng cục trực thuộc bộ máy hành chính trung ương và có khoảng 150 nhân viên, thì trong Nghị định №1449 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô «Về sơ đồ quản lý tổng thể ngành công nghiệp dầu mỏ» thông qua ngày 22 tháng 12 năm 1987, trong cơ cấu bộ máy trung ương của Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô, cơ quan này chỉ chiếm vị trí không mấy may mắn thứ 13², có lẽ như một sự định trước số phận tương lai của mình, còn đội ngũ nhân viên bị cắt giảm xuống còn 50 người. Ngay năm sau, Minnefteprom đã từ bỏ việc xây dựng theo hoạch định nhà máy đóng tàu ở Murmansk, Crum và Sakhalin, trung tâm siêu áp cho các thợ lặn «dầu khí» ở Leningrad.

Kể từ năm 1988, Liên hiệp toàn liên bang «Soyuz-zarubezhmorneftegazprom», cơ quan phụ trách Liên doanh «Vietsovetro» đã được nhập vào thành phần của Liên hiệp «Zarubezhneft» thuộc Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô³. Theo quyết định ngày 15 tháng Tư năm 1988, Ban cán sự của Bộ công nghiệp dầu mỏ Liên Xô đã ra quyết định: «giao trách nhiệm về hoạt động sản xuất của Liên doanh «Vietsovetro», quản lý kỹ thuật và điều phối các công việc của nó cho Tổng cục thăm dò và phát triển mỏ ngoài khơi (cho đồng chí Sheremet.). <...> VO «Zarubezhneft» (cho đồng chí Shevchuk) đảm bảo chức năng của

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 80. Từ 78.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 148. Hồ sơ 79. Từ 46–47.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 148. Hồ sơ 79. Từ 46. VO «Zarubezhneft» được thành lập vào năm 1967 theo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng Liên xô ngày 30 tháng Chín năm 1967 №2310 trực thuộc Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên xô. Trên cơ sở Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng Liên xô ngày 24 tháng 3 năm 1988 №376 đã được chuyển thành VPO «Zarubezhneftestroy» trực thuộc Bộ công nghiệp dầu mỏ Liên xô, từ tháng Sáu năm 1989 — thuộc Bộ công nghiệp dầu khí Liên xô, từ tháng Mười một năm 1991 — Bộ Nhiên liệu và Năng lượng của Nga. Vào tháng Hai năm 1992, VPO «Zarubezhneftestroy» được đổi tên thành Liên hiệp Kinh tế đối ngoại Nga «Zarubezhneft» (Nghị định của Bộ Nhiên liệu và năng lượng Nga ngày 7 tháng 2 năm 1992, №39).



Các bộ phận thiết bị và đường ống trên sân bãi của Liên doanh «Vietsovetro». 1987

nhà cung cấp vật liệu và thiết bị chính và của các tổ chức ngoại thương»⁴. Thứ trưởng thứ nhất là người chịu trách nhiệm về sự phát triển của «dự án Việt Nam»: đầu tiên là ông L. I. Filimonov và sau đó là ông B. A. Nikitin khi Filimonov được bổ nhiệm làm Bộ trưởng.

Như vậy, một lần nữa, số phận lại can thiệp vào lịch sử «các dự án Việt Nam» của Gazprom Liên Xô. Một lần nữa, sau khi tạo ra những điều kiện cần thiết, trải qua giai đoạn đấu tranh khốc liệt và «những căn bệnh ấu trĩ», nhận thức được đặc thù công việc ở đất nước này, gầy dựng nên các cơ cấu cần thiết và đạt được một số thành công nhất định, các nhà khí đốt lại phải chuyển giao dự án Việt nam của mình cho thành viên khác. **Đáng tiếc là nước Nga hiện đại thường bỏ qua sự đóng góp của Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô trong việc thành lập Liên doanh «Vietsovetro», mặc dù có thể nói một cách chính xác rằng chính Bộ này với tư cách tham gia từ phía Liên Xô đã nhận về mình gánh nặng chủ yếu trong việc thành lập xí nghiệp liên doanh Xô — Việt về thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt trên thềm lục địa Nam Việt Nam. Chính họ đã tạo ra nền tảng tốt cho sự phát triển thành công hơn nữa của Liên doanh «Vietsovetro».**

Trong khi đó, bất kỳ công tác tái tổ chức nào cũng bao hàm yếu tố mất tổ chức — các sơ đồ cung cấp quen thuộc bị thay đổi, người mới đến thay phải làm quen việc. Nhiều chuyên gia từng tham gia vào việc thành lập Liên doanh «Vietsovetro» coi dự án này như đứa con của mình, họ không muốn thay đổi chỗ làm cũ và quyết định ở lại Gazprom. Tất cả các quá trình khi đấy dường như chậm lại và đôi khi lại xuất hiện những hướng mới, thường là trái ngược lại với những hướng đã có trước khi thực hiện tái tổ chức.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5047, từ 150–152.



Các khoang kết cấu thượng tầng cho các giàn khoan biển cố định đang chờ lắp ráp RIA Novosti



Cần cẩu nổi «Trường Sa» đang chuyển super — block sang giàn khoan cố định để tiếp tục lắp đặt



Trên bãi lắp ráp của Liên doanh «Vietsovetro»

Trích hồi ký của ông V. A. Zhigulev, trong những năm 1981–1989 là trưởng phòng thẩm tra dự án và dự toán của Glavmorneftegaz/Glavmorneft: «Nói chung, quá trình chuyển đổi từ bộ này sang bộ khác đã có một số thất bại nhất định — tất cả các mối quan hệ mà Mingazprom đã xây dựng được đều bị cắt đứt. Ví dụ, chúng ta cần phải tổ chức sản xuất thiết bị dầu giống chất lượng cho giếng ngầm (trị giá khoảng 10 triệu đô la). Để hoàn chỉnh sản xuất cần những mối quan hệ chặt chẽ với các nhà liên ngành: họ có phòng thiết kế, nhà máy. Chúng tôi đã tìm đến Bộ công nghiệp quốc phòng hoặc Minmontazhspetsstroy, nơi đã chế tạo thiết bị cho chúng tôi, và họ nói: «Chúng tôi đã làm việc với Mingazprom, nhưng các anh bây giờ là Minnefteprom». Kết quả là, tiến độ công việc bị chậm lại đáng kể, còn sau đó thì tài trợ cũng chấm dứt»¹.

Trong Bộ mới, những vấn đề về khai phá thềm lục địa, bao gồm cả của Việt Nam, đã phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ phía Glavtyumenneftegaz. Cho đến cuối những năm 1980, tình trạng suy giảm sản lượng dầu khai thác ở Tây Siberia, khu vực khai thác dầu chính của Liên Xô tuy đã có phần chững lại, nhưng đó là kết quả của những nỗ lực phi thường. Trong việc giải quyết vấn đề mấu chốt về vốn đầu tư và cung cấp hậu cần, lựa chọn ưu tiên không được dành cho một nước Việt Nam xa xôi mà cho vùng Tây Siberia gần hơn nó. Ở đó, ngoài các vấn đề liên quan đến sản xuất còn tồn đọng rất nhiều vấn đề đời sống xã hội và cần phải gấp rút xây dựng những con đường mới, nhà ở, trường học và trường mẫu giáo để phục vụ những người đang khai thác nguồn tài nguyên hydrocarbon chính của nước Nga Xô viết. Rất nhiều nguồn lực đã đổ vào để khai phá vùng mỏ dầu khí ngưng tụ Tengiz khổng lồ ở Tây Kazakhstan, vốn được mở với mục đích bù đắp sự suy giảm tự nhiên trong khai thác các vùng mỏ cũ. Điều đó hoàn toàn công bằng đứng trên quan điểm lợi ích

quốc gia Liên Xô, nhưng nào phải vì vậy mà những ai đang làm việc tại Việt Nam lại cảm thấy dễ dàng hơn?!

Vào tháng Ba năm 1985, Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô đã thông qua quyết định về việc lập khung giảm giá cho một loạt các thiết bị tái xuất khẩu, cũng như về việc trong giai đoạn 1985–1990, cung cấp thiết bị và nguyên liệu từ Liên Xô đến Việt Nam phải được thực hiện theo mức giá cố định (stop-giá) của các năm 1982–1984. Vào tháng Tám năm 1985 đã có quyết định phân bổ các quỹ trong kế hoạch cung ứng xuất khẩu cho Liên doanh «Vietsovetro» trong một mục riêng biệt. Bây giờ, với sự thay đổi thành viên Liên Xô của dự án cùng việc I. V. Arkhipov và N. K. Baibakov, những người bảo vệ chính của nó rời khỏi vị trí lãnh đạo trong chính phủ — sơ đồ này đã bị phá vỡ.

Trích thư của Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô (Gosplan), ông V. A. Durasov gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô L. D. Ryabev, ngày 27 tháng Chín năm 1990: «Theo chỉ thị №1284r (mục 3) ngày 25 tháng Sáu năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng Liên xô, các nguồn tài nguyên xuất khẩu cho liên doanh «Vietsovetro» được thể hiện trong bản phụ lục riêng của Kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế và xã hội Liên Xô trong mục «Giới hạn các nguồn tài nguyên quan trọng nhất được phân bổ để cung cấp đến các công trình xây dựng ở nước ngoài với sự hỗ trợ kỹ thuật của Liên xô». Cùng với việc ban hành nghị quyết №740 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 13 tháng Sáu năm 1988, mục chỉ thị nêu trên không còn giá trị. <...> Xét tình hình cải cách kinh tế ở Liên Xô đang tiến hành, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Gosplan) Liên Xô cho rằng việc cung cấp các nguồn lực cho liên doanh Xô–Việt «Vietsovetro» cần phải được thực hiện từ nguồn lực tài chính riêng của xí nghiệp liên doanh. Trong trường hợp xí nghiệp liên doanh «Vietsovetro» cần các nguồn lực vật liệu — kỹ thuật Xô viết, chúng có

thể được phân bổ bởi phía Việt Nam từ tổng khối lượng hàng được Liên Xô thực hiện về trao đổi hàng hóa»¹.

Thời gian quý báu đã bị tiêu tốn vào việc nhất trí cách tiếp cận khác nhau của các ban ngành đối với hệ thống cung cấp cho xí nghiệp Việt — Xô, điều càng làm trầm trọng thêm sự mất cân đối cơ chế cung cấp tập trung. Từ yêu cầu của Bộ công nghiệp dầu mỏ Liên Xô phân bổ nguồn lực dành cho «Vietsovetro» số tiền 69 triệu rúp cho năm 1989, các Bộ — nhà sản xuất chỉ khẳng định khả năng cung cấp tổng cộng 45 triệu².

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô V. A. Dinkov gửi Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. K. Gusev, ngày 21 tháng Ba năm 1989: «Để đảm bảo khối lượng công việc đã lên kế hoạch cho năm 1989 và kế hoạch về khai thác dầu mỏ cho liên doanh «Vietsovetro», Gosplan Liên Xô quyết định phân bổ thêm cho Minnefteprom Liên Xô các tài nguyên vật tư — kỹ thuật còn thiếu từ hạn ngạch xuất khẩu chung của Bộ quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô. <...> Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, quyết định của Gosplan Liên Xô vẫn ở tình trạng chưa có các biện pháp hữu hiệu trong việc phân bổ ống, kim loại cán và dầu diesel. Tình hình phát sinh làm nguy cơ phải ngừng các hoạt động khoan và khai thác dầu tại các cơ sở của Liên doanh «Vietsovetro» trong quý II năm 1989 trở thành có thể. Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô (Minnefteprom) đã yêu cầu giao cho Gosplan và Gosnab Liên Xô tìm kiếm khả năng phân bổ 11,5 nghìn tấn ống vô bọc, 2,95 nghìn tấn thép cán đen và 135 tấn dầu diesel»³.

Năm 1989, từ yêu cầu chung của Bộ Công nghiệp dầu mỏ Minnefteprom (từ tháng 8 năm 1989 là Bộ Công nghiệp dầu khí Minneftegazprom) cung cấp 225 nghìn tấn ống dẫn dầu đã chỉ có 133 nghìn tấn được phân bổ⁴. Có bao nhiêu trong số đó đã sang tới Việt Nam? «Việc Gosnab và Gosplan Liên Xô không phân bổ đủ các dự trữ nguyên liệu (ống dẫn dầu, thép cán đen) làm việc thực hiện khối lượng công việc đã dự kiến cho năm 1989 đứng trước nguy cơ đổ vỡ — ông V. A. Dinkov viết trong báo cáo trình Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. — Trong bối cảnh xảy ra hiện nay về cung cấp tài nguyên cho Liên doanh «Vietsovetro», phía Việt Nam đã đặt vấn đề về việc giảm diện tích hoạt động của xí nghiệp liên doanh và tiến hành các biện pháp thu hút các công ty tư bản vào tham gia khai phá thềm lục địa»⁵.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67. Hồ sơ 9699. Từ 86–87.

² Đã không được cung cấp theo hạn mức các đơn đặt hàng nhà nước: ống vô bọc — 11,6 nghìn tấn, ống bơm-nén — 300 tấn, ống dẫn dầu — 6,9 nghìn tấn, ống hàn có đường kính lớn — 13,4 nghìn tấn, thép cán đen — 12,3 nghìn tấn, nhôm sơ chế — 360 tấn, cán phấm kim loại màu — 25,5 tấn, dầu diesel — 134,5 tấn, vv... Cục cung ứng Quốc gia Liên Xô đã không phân bổ cho năm 1989: đầu cần khoan 350 atm — 16 chiếc, bảng điều khiển thiết bị đo đạc và tự động — 30 chiếc, dây cáp các loại — 103 km, điện cực UONI-241,6 tấn, dây hàn và hợp kim tôi — 60,7 tấn, kẽm — 0,6 tấn, cacbua canxi — 246 tấn, các loại vecni, sơn và mattit trên nhựa trùng hợp — 69 tấn, trên nhựa ngưng tụ — 203 tấn, urotropin kỹ thuật — 395 tấn, động cơ diesel 64–25/34–2 và 1D12V-300K — mỗi loại một cái (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5073, từ 80–81).

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 150. Hồ sơ 1913. Từ 12.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5669, từ 45.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5072, từ 62–63.



Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh (giữa) thăm Liên doanh «Vietsovetro». Bên trái ông là Lê Quang Thanh, bên phải là ông Nguyễn Ngọc Cừ. 1987

Từ thư của Bộ trưởng Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô L. I. Filimonov gửi Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ngày 20 tháng Sáu năm 1990: «Để thực hiện các hiệp định liên chính phủ Minneftegazprom Liên Xô sẽ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật vào phát triển ngành công nghiệp dầu khí quốc gia cho 12 nước trên các điều kiện nhà tổng thầu và hỗ trợ kỹ thuật theo các hợp đồng mà Bộ Quan hệ Ngoại thương (MVES) Liên Xô đã ký kết với tổng trị giá 1 tỷ rúp, cũng như trong khuôn khổ của xí nghiệp liên doanh «Vietsovetro». Tình hình không tốt lắm trong việc bảo đảm nguồn lực vật tư — kỹ thuật của Bộ quan hệ ngoại thương (MVES) Liên Xô cho các công trình dầu mỏ đang được xây dựng ở nước ngoài là rất đáng lo ngại và làm việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đúng thời hạn hợp đồng trở nên không thể. Chương trình hoạt động của Liên doanh «Vietsovetro» cho năm 1990 và việc thành lập các cơ sở cần thiết nhằm tiếp tục tăng mức khai thác dầu mỏ bị phá vỡ. Các chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô PP-37937 ngày 20 tháng Mười hai năm 1989 và PP-1811 ngày 30 tháng Tư năm 1990 cho Gosplan Liên xô và Gosnab Liên xô đã không được thực hiện. Những khó khăn tương tự về đảm bảo vật chất — kỹ thuật bởi Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô cũng thể hiện trong việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại các cơ sở hỗ trợ kỹ thuật. Tất cả điều này dẫn đến thực tế là các khách hàng nước ngoài hoài nghi về khả năng của các tổ chức Liên Xô thực hiện công việc ở các địa điểm mới trong tương lai. Về phần mình, bất chấp sự mất cân bằng kế hoạch đảm bảo vật tư kỹ thuật, Bộ liên tục phân tán các nguồn tài nguyên cho các công trình nước ngoài làm thiết hại cho các xí nghiệp của ngành. Tuy nhiên, việc đảm bảo bù đắp thâm hụt tài nguyên vật tư-kỹ thuật chỉ với chi phí của Bộ là điều không thể. Liên quan đến những điều nêu trên, Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô không thể tham gia vào việc xây dựng các công trình nước ngoài theo các hiệp định liên chính phủ»⁷.

⁶ Bộ Quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô thành lập năm 1988 trên cơ sở Bộ Ngoại thương Liên xô và Ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế đối ngoại (GKES) trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

⁷ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 6168, từ 130–131.



Giao lô dầu mỏ đầu tiên của Việt Nam. 1987

Việc tái cấu trúc có thể diễn ra ít đau đớn hơn nếu như không phải là sự suy thoái chung trong tình hình kinh tế ở Liên Xô và sự thiếu chuẩn bị của cải cách. Nếu như trong ngành công nghiệp dầu mỏ, 94% sản lượng khai thác là đơn đặt hàng nhà nước, có nghĩa là phải được thi hành nghiêm ngặt, thì tỷ lệ đặt hàng của nhà nước cho các nhà chế tạo máy chỉ dưới 70%. Giá dầu mỏ trong lúc đó vẫn ổn định, còn thị trường thiết bị thì chuyển sang áp dụng giá thỏa thuận. Hơn thế nữa, các nhà chế tạo máy yêu cầu thanh toán cho sản phẩm của họ bằng đồng tiền tự do chuyển đổi. «Aeroflot» đã đình chỉ vận chuyển công nhân thay ca trên tuyến Mátxcova — TP Hồ Chí Minh — Mátxcova vào tháng Sáu năm 1990, khi đó cũng đòi trả ngoại tệ, trong khi thanh toán hợp đồng khoan thăm vẫn được tiến hành bằng đồng rúp chuyển đổi¹.



Tổng giám đốc công ty «Petchhim» Trần Hữu Lạc (đứng thứ 2 bên trái), người đóng vai trò quan trọng trong công tác tổ chức xuất khẩu dầu thô của Việt nam và cung cấp thiết bị cho Liên doanh «Vietsovpetro»

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, trong những năm 1988–1993 là Tổng giám đốc Liên doanh «Vietsovpetro»: «Các khó khăn bắt đầu khi những Hiệp định đã ký kết không được thực hiện. Tại Liên xô bắt đầu sụp đổ kinh tế, chu kỳ kinh tế bị phá vỡ. Khi đó chúng tôi đã cảm thấy khó khăn: cần phải đưa các đường ống dẫn ngoài khơi vào hoạt động, thế nhưng không có thiết bị bảo vệ chống ăn mòn và không thể tìm được chúng ở đâu cả. Tất cả hoạt động sản xuất tại khu vực, toàn bộ nhà thầu chính và phụ — tất cả đều khựng lại và chờ đợi linh kiện nhỏ này. Mùa mưa và bão đang đến gần, mọi công tác xây dựng phải được kết thúc vào tháng Chín, mà nguồn cung cấp chi tiết quan trọng nhất lại không có»².

Kể từ đó, mọi sự kiện trong lĩnh vực hợp tác dầu khí giữa hai nước đã diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế ngày càng xấu đi ở Liên Xô. Những chương trình cải cách không được cân nhắc kỹ lưỡng thêm hiện tượng khủng hoảng kinh tế, gây tê liệt hệ thống cung cấp vật tư kỹ thuật và thực phẩm cho các doanh nghiệp và người dân. Cải cách làm lung lay uy tín của ý thức hệ cộng sản, mở đường cho quan hệ thị trường, cho chủ nghĩa đa nguyên tư tưởng và chính trị, phá hủy bức màn sắt, tách rời đất nước khỏi phần còn lại của thế giới, nhưng cùng với thời gian (cải cách) đánh mất dần sự kiểm soát và cuối cùng phá vỡ tận gốc rễ hệ thống chính trị xã hội và kinh tế đất nước. Diễn đạt theo ngôn ngữ quân sự, kế hoạch rút lui và thay đổi vị trí phòng ngự đã biến thành một cuộc tháo chạy toàn bộ.



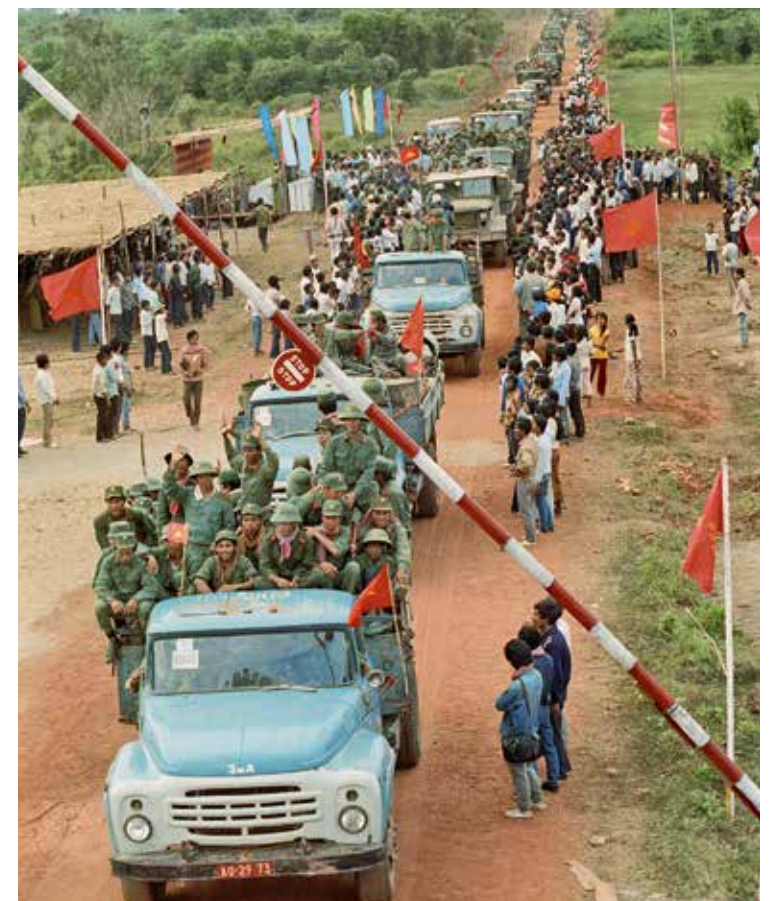
Việc rút quân Việt Nam khỏi Campuchia đã cho phép giảm nhẹ, và sau đó là xóa bỏ các biện pháp trừng phạt (cấm vận) đối với Việt Nam, mở cửa cho các nguồn vốn và công nghệ nước ngoài tiếp cận đất nước
RIA Novosti

* * *

Ở Việt Nam, cũng diễn ra nhiều quá trình tương tự tuy nhiên có khá nhiều điểm khác biệt do những tính chất đặc thù của quốc gia, kinh tế và văn hóa đất nước này.

Từ ngày 8 đến ngày 17 tháng 12 năm 1987 đã diễn ra Hội nghị kế tiếp của BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam về kết quả việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI. Các đại biểu tham gia hội nghị nhận xét rằng nhìn chung đã có những thay đổi tích cực trong lĩnh vực lãnh đạo đảng và quản lý nhà nước, trong việc giải quyết một loạt các vấn đề kinh tế và xã hội. Đồng thời họ cũng chỉ ra tình trạng sản xuất thực phẩm giảm, mức tăng trưởng trong ngành công nghiệp nhà nước, vừa và nhỏ chậm lại, thu nhập quốc dân bình quân đầu người giảm sút, còn các khoản thu vào ngân sách không đủ trang trải mọi chi phí. Hiệu quả hoạt động sản xuất — kinh tế vẫn còn ở mức thấp¹.

Trong quá trình làm việc của Hội nghị, ngày 16 tháng 12 năm 1987, báo chí Việt Nam đã công bố Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam «Về quản lý các xí nghiệp nhà nước», mà giống như điều luật Xô viết «Về xí nghiệp (liên hiệp) nhà nước», trừ định việc đưa vào áp dụng các nguyên tắc hạch toán kinh tế, các hội đồng tập thể lao động, vv. Nghị quyết đã thiết lập ba chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch có hiệu lực pháp luật:



¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 6168, tờ 138–139.

² Vovk V. S. Nghị lực chinh phục Thềm lục địa // Tháp cao trên sóng. Tr. 62.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 8924. Tờ 158.



Công ty «Petrovietnam» trở thành người kế nhiệm của Tổng cục Dầu mỏ và khí đốt

- số lượng và chất lượng sản phẩm đã có khách đặt hàng;
- giá trị sản phẩm hàng hóa được tiêu thụ;
- khoản nộp vào ngân sách.

Tài liệu vạch ra các phương cách tránh hệ thống chuẩn hóa cung ứng tài nguyên vật liệu và sử dụng rộng rãi hơn các quan hệ tiền-hàng. Các tổ chức cung ứng nhà nước được quyền độc lập tìm kiếm nguồn lực trong nước, nhập khẩu chúng bằng các khoản vay ngoại tệ và sau đó tiêu thụ chúng với giá thỏa thuận. Sản phẩm của các doanh nghiệp nhà nước, đã nêu trong nghị quyết, được tiêu thụ trước hết cho các tổ chức cung ứng và thương mại nhà nước. Trong trường hợp các tổ chức này từ chối thu mua, doanh nghiệp có quyền bán sản phẩm của họ cho người tiêu dùng khác, trong đó có tư nhân. Quy chế này cũng được áp dụng cho các sản phẩm được tài trợ, chỉ có điều trong trường hợp này doanh nghiệp cần phải xin giấy phép bán hàng từ cơ quan cấp cao hơn. Tiền thu được từ việc bán thiết bị dư thừa hoặc cho thuê chúng phải được chuyển vào quỹ phát triển sản xuất. Các doanh nghiệp cũng được trao quyền độc lập thỏa thuận với người tiêu dùng về giá của sản phẩm, ngoại trừ những loại do nhà nước quy định giá¹.

Tuy nhiên, văn kiện quan trọng nhất đối với sự phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam là «Luật về Đầu tư nước ngoài», được thông qua ngày 29 tháng Mười Hai năm 1987 tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa tám. Việc soạn thảo tài liệu này bắt đầu từ hồi cuối những năm 1970, nhưng việc phê chuẩn đã bị hoãn lại do lệnh cấm vận. Hiện nay tình hình đã thay đổi.

Năm 1987, công ty nhà nước «Petechim» tiêu thụ được 254,7 nghìn tấn dầu do Liên doanh «Vietsovpetro» khai thác và nhận doanh thu 31 triệu đô la Mỹ². Có vẻ như đây là kết quả của việc đẩy mạnh hoạt động của nhiều công ty nước ngoài. Bí thư Đảng ủy đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo Lê Quang Thanh đã ví von thêm lục địa Việt nam như một nàng công chúa đẹp đang chờ hoàng tử cưỡi ngựa trắng đến rước. Với việc phát hiện ra dầu mỏ thương mại trên thêm lục địa, kinh tế Việt Nam như trở thành

một cô dâu vừa bất ngờ nhận được khoản thừa kế lớn và ngay lập tức làm tăng vọt số lượng ứng viên xin được cầu hôn. Bên cạnh đó, Việt Nam đã bắt đầu rút quân khỏi Campuchia và chính thức tuyên bố sẽ hoàn thành quá trình này vào năm 1990, là nguyên nhân cho phép nói lỏng lệnh cấm vận kinh tế. Nhiều quốc gia châu Á chỉ áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với viện trợ nhà nước, còn thì không cấm làm điều này với các công ty tư nhân. Vì vậy, cho đến năm 1987, Nhật Bản và Singapore lần lượt chiếm vị trí thứ nhất và thứ nhì trong số các quốc gia «không thuộc khối Xô-viết» về khối lượng thương mại với Việt Nam,

Nhật Bản trong thời gian cấm vận đã tăng kim ngạch thương mại của mình với Việt Nam lên gấp đôi. Vào năm 1986, một công ty lớn của Nhật là «Nissa — Iwai» đã ký thỏa thuận về cung cấp vốn vay dài hạn và cam kết viện trợ cho Việt Nam không chỉ trong phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản mà còn trong việc sử dụng các mỏ dầu. Chính công ty này đã mua lại lô dầu thô đầu tiên của mỏ «Bạch Hổ».

Đầu năm 1987, Liên hiệp thương mại Việt — Nhật đã được thành lập. Chính phủ Việt Nam bắt đầu đàm phán với chính quyền Singapore về việc chế biến dầu ở Singapore. Để hợp tác với Việt Nam, trước hết là trong lĩnh vực dầu khí, Ấn Độ và Australia đã bày tỏ sự mong muốn cùng tham gia.

Như vậy, luật về đầu tư nước ngoài đã trở nên rất cấp thiết vì nó cho phép bảo đảm với các nhà đầu tư nước ngoài về hoạt động đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam, và tự nhiên là điều họ quan tâm trước hết là vấn đề tài sản được bảo đảm. Theo nhận định của các nhà sử học về ngành Dầu khí Việt Nam, «Luật Đầu tư nước ngoài» đã khuyến khích và tạo điều kiện cho các công ty dầu mỏ và khí đốt từ nhiều quốc gia, không phụ thuộc vào chế độ chính trị của đất nước đó, có thể đầu tư vào Việt Nam qua các hợp đồng kinh tế đa dạng³.

Ngày 26 tháng Hai năm 1988, người đứng đầu TCDK Việt nam, ông Nguyễn Hòa đã trình bày trước Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam tài liệu №246/SC «Về hướng phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam đến năm 2005». Tài liệu này đã kết nối việc



Trụ sở chính của công ty «Petrovietnam» tại Hà Nội. Những năm 2000

phát triển trong tương lai ngành công nghiệp dầu khí đất nước với Liên Xô và, theo ý kiến của ban lãnh đạo chính trị, dự đoán tiến trình phát triển chậm của ngành khai thác dầu khí. Ngày 01 tháng Tư năm 1988, ông Nguyễn Hòa được chuyển sang công tác khác (năm 2001 Tổng thống Nga V. V. Putin đã ký sắc lệnh tặng Huân chương Hữu nghị Liên bang Nga «do những đóng góp to lớn vào việc tăng cường và phát triển quan hệ hợp tác Nga — Việt trong thăm dò và phát triển mỏ dầu khí» cho ông Nguyễn Hòa), và đứng vào vị trí lãnh đạo Tổng cục Dầu khí Việt Nam là ông Trương Thiện, cựu sinh viên địa chất tốt nghiệp năm 1955, là phó của ông Nguyễn Hòa kiêm Giám đốc Công ty dầu khí số 1. Ngày 19 tháng 5 năm 1988, BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam đã cho phép ký Hiệp ước về chia sẻ sản phẩm với Công ty dầu khí Ấn Độ (ONGC), ngày 16 tháng 6 — với tập đoàn «Shell Petrofina», ngày 21 tháng 11 năm 1988 — với công ty «Total». Vào ngày 16 tháng 2 năm 1989, một hợp đồng đã được ký kết với «British Petroleum» và một loạt các công ty phương tây khác⁴.

Song song đó, các lãnh đạo mới của Tổng cục Dầu khí đã chuẩn bị «Chiến lược Phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2010», được trình lên Hội đồng Bộ trưởng CHXHCN Việt Nam vào 04 tháng Sáu năm 1988, và ngày 07 tháng 7 đã được đưa ra trong cuộc họp đặc biệt của Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt



Nam tại TP Hồ Chí Minh. Nghị quyết №15 NQ/TW ngày 07 tháng 7 năm 1988 «Về các phương hướng phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2000» đã được thông qua như vậy và trở thành cơ sở cho văn kiện «Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam đến năm 2000» được thông qua vào tháng Tám. Theo nhận xét của các nhà sử học Việt Nam, trong tài liệu này chứa đựng nhiều thực tế hơn so với các tài liệu trước đây và trừ định sự hợp tác quốc tế rộng rãi trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Ngành dầu khí Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của các cải cách cơ cấu. Năm 1990, Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam, nơi phải tập hợp tất cả các ngành, trong đó có công nghiệp dầu khí và hóa dầu đã được thành lập trên cơ sở Bộ cơ khí và luyện kim. Nghị quyết thông qua ngày 31 tháng Ba năm 1990 chính thức tước bỏ quyền hạn hành chính của Tổng cục Dầu mỏ và khí đốt, cơ quan đã dẫn dắt ngành công nghiệp dầu khí đất nước suốt mười lăm năm qua, hạ xuống mức tổ chức sản xuất kinh tế và hoạt động trên các điều kiện hạch toán kinh tế. Đây chỉ là một phần của quá trình phức tạp tìm kiếm những hình thức mới trong quản lý kinh tế Việt Nam và kết thúc với việc hình thành công ty dầu khí nhà nước hiện đại «Petrovietnam» mà cơ sở là mô hình doanh nghiệp đơn nhất nhà nước.

Ngày 12 tháng Năm năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng CHXHCN Việt Nam ra quyết định thành lập «Liên đoàn dầu mỏ và khí đốt Việt Nam» trên cơ sở hợp nhất các tổ chức thuộc Tổng cục dầu khí Việt Nam, Công ty xuất nhập khẩu dầu khí «Petechim» và

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 44. Hồ sơ 8924. Tờ 179.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 1, Hồ sơ 5051, Tờ 21.

³ Lịch sử ngành dầu khí Việt nam: 3 tập. Hà nội, 2011. Tập. 1. Tr. 203.

⁴ Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. Tập. 1. Tr. 204.

Tổng cục quản lý xăng dầu, trước đó trực thuộc Bộ công thương Việt Nam. Một quyết định quan trọng đã được thông qua hai tháng sau đó về việc thành lập «Tổng Công ty dầu khí Việt Nam» trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam và kể từ tháng Tư năm 1992 là cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam.

Từ Nghị định №250-HĐBT ngày 06 Tháng Bảy năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam: «<...> Thành lập *Tổng công ty dầu khí Việt Nam trên cơ sở hợp nhất các tổ chức làm công tác dầu khí thuộc Tổng cục dầu khí cũ, Công ty xuất nhập khẩu dầu khí «Petechim» và Tổng cục quản lý xăng dầu trực thuộc Bộ công thương Việt Nam <...> Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt Nam là một tổ chức sản xuất — kinh doanh có tư cách pháp nhân, tự hạch toán kinh tế, không được tài trợ bởi nhà nước, được sử dụng con dấu riêng, được quyền mở tài khoản tại ngân hàng (kể cả Ngân hàng Ngoại thương). <...> Các tổ chức, trực thuộc Tổng Công ty dầu mỏ và khí đốt Việt Nam là những đơn vị sản xuất — kinh doanh, có tư cách pháp nhân tiến hành hoạt động tự hạch toán. <...> Tổng công ty có trách nhiệm nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, xuất nhập khẩu, tổ chức tiêu thụ và phân phối trên thị trường nội địa các sản phẩm dầu khí. <...>*¹.

Ngoài các cải cách cơ cấu, trong nước bắt đầu chuẩn bị «Luật về dầu khí». Một tổ chức của Liên Hợp Quốc — «Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc» (UNDP) đã tham gia vào việc chuẩn bị dự thảo và giúp thu hút các chuyên gia tư vấn từ Na Uy, Canada, Hoa Kỳ và Thái Lan hỗ trợ soạn thảo quy chuẩn này trong 5 năm. «Luật về dầu mỏ và khí đốt» đã được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 19 tháng Bảy năm 1993, nhưng vẫn được tiếp tục hoàn thiện trong nhiều năm sau đó.

Hiệp ước 1991: Tìm kiếm thỏa hiệp

Ý tưởng thay đổi một số mục của Hiệp định liên chính phủ ngày 19 tháng Sáu năm 1981 đã nảy sinh sau khi Ủy ban V. Y. Filanovsky trở về từ Việt Nam vào tháng Tư năm 1987.

Trích tài liệu «Các kết luận và kiến nghị chính của nhóm chuyên gia Liên Xô về xem xét hoạt động của Xí nghiệp liên doanh» Vietsovpetro» (Phụ lục đính kèm biên bản cuộc hội ý B. E. Shcherbin ngày 02 tháng Sáu năm 1987): «Trong những năm gần đây, do tình hình kinh tế nói chung trong cả nước xấu đi, do cục diện thị trường thế giới, do mức giá thành khai thác dầu mỏ hiện tại và nhiều yếu tố tiêu cực khác, một số quy định riêng biệt được ghi trong Hiệp định và Điều lệ đã ngừng có tác dụng trong giai đoạn khai thác dầu thương mại và trong một số trường hợp đã cản trở hoạt động hiệu quả của Liên doanh «Vietsovpetro». Bên cạnh đó, một số nguyên tắc hoạt động của xí nghiệp không tuân thủ những văn bản chỉ đạo mới của BCHĐCS Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các xí nghiệp liên doanh. Do vậy, một số quy định của các văn bản tiêu chuẩn — pháp lý về điều tiết hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» ở giai đoạn này cần phải được xem xét lại.

Cơ chế kinh tế hiện hành đã tạo ra lợi nhuận cao ở xí nghiệp một cách nhân tạo mà không phụ thuộc đến số chi phí. Cùng lúc đó, cơ chế này không đảm bảo tuân thủ lợi ích kinh tế của các bên tham gia. Điều này liên quan tới việc là theo Hiệp định, Xí nghiệp liên doanh phải bán sản phẩm của mình chỉ trên thị trường nội địa Việt Nam, ngoài ra giá bán của sản phẩm được tính bằng đồng tiền Việt Nam dựa trên các chi phí phát sinh thực tế và mức lợi nhuận định trước.

Trong bối cảnh đó, lối thoát ra khỏi tình trạng này là trao lại cho Liên doanh một cách vô điều kiện quyền tiến hành các hoạt động ngoại thương, bao gồm khả năng độc lập ký kết hợp đồng, thương lượng giá cả, trực tiếp quản lý các khoản tiền tệ thu được từ việc bán sản phẩm, có tài khoản ngoại tệ riêng trong các ngân hàng tương ứng. Việc triển khai thực tế quy định này có thể được thực hiện bởi chính xí nghiệp hoặc thông qua dịch vụ của các tổ chức ngoại thương của các nước thành viên. Việc tự lực tiến hành các nghiệp vụ ngoại thương sẽ giúp giảm chi phí và đảm bảo tuân thủ lợi ích kinh tế của các bên.

Tính không hoàn hảo của pháp luật Việt Nam trong các vấn đề về hoạt động kinh tế — tài chính của các doanh nghiệp nhà nước, sự yếu kém của hệ thống quốc gia về thiết lập giá cả, những quá trình lạm phát nặng nề, thiếu hụt biểu giá cũng như tình trạng nhà nước thiếu năng lực kiểm soát hoạt động của thị trường gần như đã loại trừ khả năng hợp cung ứng cho Liên doanh theo giá nội địa Việt Nam, đánh giá thực tế sự đóng góp của các thành viên và cho phép phía Việt Nam nâng giá vật tư cung ứng và cung cấp dịch vụ một cách không hạn chế.



Giàn công nghệ trung tâm tại mỏ Bạch Hổ

Tất cả điều này đòi hỏi hạn chế việc thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam và chuyển sang thanh toán cho tất cả các loại hình dịch vụ do phía Việt Nam cung cấp trên cơ sở thoả thuận (hợp đồng) bằng đồng rúp chuyển đổi dựa theo giá mua bán ngoại thương của các nước — thành viên khối SEV. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc tạo ra một nguyên tắc duy nhất để xác định khối lượng công việc và chi phí của cả người tham gia Liên Xô lẫn Việt Nam, cũng như cho phép tính toán chính xác hơn giá thành dầu mỏ cũng như hạn chế đáng kể phạm vi áp dụng hệ số chuyển đổi đặc biệt từ đồng rúp chuyển nhượng sang đồng Việt Nam, vốn rất khó khăn trong việc xác định mức độ thực tế hiện nay. Để sử dụng hiệu quả hơn quỹ vốn pháp định của xí nghiệp cần phải giao quyền cho xí nghiệp khi ký hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư, thuê nhà, gia công và các dịch vụ, hành động theo nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp trong khuôn khổ của loại hình tiền tệ mà doanh nghiệp đang có. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Liên doanh sẽ hỗ trợ xí nghiệp trong việc tìm kiếm và cung cấp một số loại thiết bị và dịch vụ»¹.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-4459. Danh mục 148. Hồ sơ 1843. Từ 11—13.

Đề nghị của Hội đồng đã được xem xét vào tháng Sáu — tháng Bảy năm 1987 trong các cuộc hội đàm với Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô B. E. Shcherbin, nơi văn kiện «Các biện pháp nhằm tăng cường hoạt động trên vùng thềm lục địa của CHXHCN Việt Nam» đã được thông qua vào ngày 15 tháng 7. Một trong những mục của chương trình này là: «Cử một nhóm chuyên gia đi công tác Việt Nam vào năm 1987 để tiến hành các cuộc đàm phán với phía Việt Nam về vấn đề hoàn thiện hơn nữa cơ chế kinh tế và mở rộng quyền của Xí nghiệp liên doanh, tức là chuẩn bị những đề xuất phù hợp để đưa các sửa đổi vào Hiệp định ngày 19 tháng 6 năm 1981 và Điều lệ của Liên doanh»².

Trên thực tế việc chỉnh sửa các điều kiện của Hiệp định liên chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 1981 về việc thành lập xí nghiệp liên doanh đã bắt đầu từ lâu trước cái tổ, bởi vì chính mô hình «xí nghiệp liên doanh» vẫn còn khá mới mẻ, chưa được thử nghiệm và cần phải được hoàn thiện. Để chuyển liên doanh «Vietsovpetro» sang hoạt động theo nguyên tắc hạch toán chi phí và biến nó thành một thực thể kinh tế đầy đủ, Bộ công nghiệp khí đốt Liên Xô năm 1984 đã phát triển và bắt tay vào thực hiện kế hoạch tương ứng. Trước hết là hạn chế chuỗi các trung gian giữa Liên doanh «Vietsovpetro» với thị trường bên ngoài. Gazprom

^[1] Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. Tập. 2. Tr. 17.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1, Hồ sơ 8557, Từ 171.



Toàn cảnh mỏ «Bạch Hổ». Trên nền sau — tàu chở dầu-tích trữ «Crum»



Ngon đuốc khí đồng hành trên mỏ «Bạch Hổ»

đã đạt mục đích tự tiến hành các thương vụ mua sắm mà không thông qua các liên hiệp ngoại thương. Liên Xô đã áp dụng chế độ ưu đãi và stop-giá đối với các thiết bị và vật liệu của mình để cung cấp đến Vũng Tàu cho Liên doanh «Vietsovetpetro». Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và thiếu hụt ngoại tệ đã nảy sinh ý tưởng chuyển nhanh xí nghiệp liên doanh sang quy chế tự chủ tài chính thông qua việc bán dầu thô khai thác được trên thị trường quốc tế, điều mà cuối cùng đã cứu được xí nghiệp trong thời điểm khó khăn nhất. Như vậy, tất cả các kế hoạch về thay đổi thỏa thuận cơ bản từ phía Liên Xô đều liên quan đến việc mở rộng quyền hạn của Liên doanh «Vietsovetpetro», giải phóng nó khỏi sự quản thúc của các hình thức trung gian nhà nước và tạo điều kiện xóa mờ tất cả những sai sót trong cung ứng bằng phương cách giao dịch thương mại độc lập.

Ngày 25 tháng 8 năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam quyết định thành lập một tổ công tác về sửa đổi các điều khoản của Hiệp định liên chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 1981.

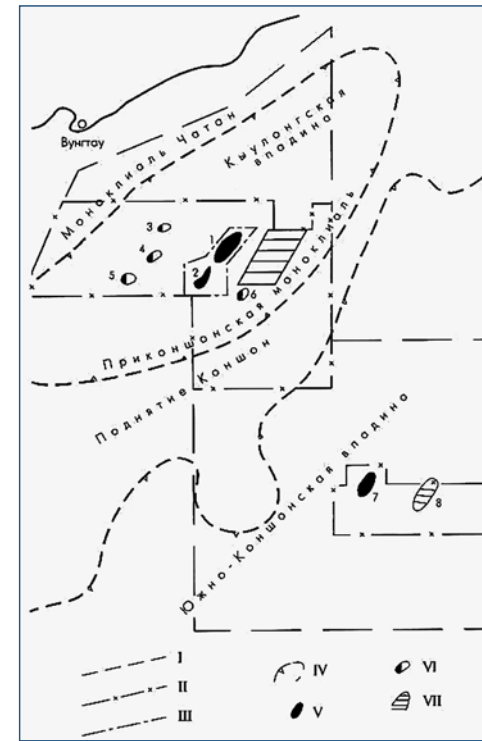
Ở Việt Nam, quan điểm đối với văn kiện này mang tính căn bản hơn. Bên tham gia Việt Nam ngay từ đầu đã coi thỏa thuận này là «không công bằng» và ký kết nó vì không có cách nào khác, mặc dù là trên cơ sở tự nguyện. Trong năm 1988, một tài liệu chỉ ra những thiếu sót của hợp đồng hiện tại đã được soạn thảo ở Tổng cục Dầu khí Việt Nam. Trong số đó là: thiếu thời hạn hiệu lực, phạm vi địa lý quá rộng của khu vực công tác (toàn bộ thềm lục địa Việt Nam), «bỏ qua quyền lợi» của Việt Nam trên cương vị nước chủ nhà, thiếu gánh nặng thuế và trách nhiệm của công ty Liên doanh «Vietsovetpetro» trước Việt Nam về kết quả hoạt động của mình. Hợp đồng cho vay với Liên Xô, vốn ký kết ở mức 4% mỗi năm, bị coi là «ăn cướp». Nếu như trước đây mức độ công nghệ của Liên Xô không vấp phải điều tiếng phàn nàn nào từ người Việt Nam (dù gì thì họ cũng đã chấp nhận nó), thì bây giờ đây là vấn đề mang ý nghĩa nguyên tắc. «Do hướng dẫn không đầy đủ, giá thành thiết bị nhập khẩu chất lượng kém quá cao [ở

đây có ý nói hàng Liên Xô. — chú thích của tác giả], và đặc biệt là công nghệ lạc hậu (số lượng khoan quá lớn; thời gian phục hồi lâu) dẫn đến kết quả cuối cùng là hiệu quả thấp (phía Việt Nam mất đi nguồn lực và lại tích lũy nợ)», — tài liệu của Tổng cục Dầu khí Việt Nam nêu rõ. Như vậy là tài liệu đã đưa ra đánh giá thấp về hiệu quả của công tác hợp tác dầu khí với Liên Xô¹. Nói chung, phần lớn ý kiến của phía Việt Nam có thể nói là khách quan và công bằng (thời hạn, địa lý, thuế), còn phần khác — do tưởng tượng ra và bị ảnh hưởng bối cảnh (ví dụ: thay đổi giá dầu mỏ và thiết bị trên thị trường thế giới). Việt Nam kêu gọi đến «thông lệ quốc tế», bao gồm nhiều điều kiện hợp tác đa dạng, mà làm mất đi tính cụ thể của mình.

Trích Nghị quyết của Bộ Chính trị TƯ BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam №15NQ/TW ngày 07 tháng 07 năm 1988 «Về phương hướng phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam cho đến năm 2000»:
«Chúng ta dựa vào Liên Xô để phát triển ngành dầu khí và hiện đang hợp tác tốt với Liên Xô trong xí nghiệp liên doanh Xô — Việt «Vietsovetpetro» và trên 7 khu vực của thềm lục địa Nam Việt Nam. Nếu Liên Xô đồng ý, có thể sẽ chuyển một phần lãnh thổ của 7 khu vực sang hình thức hợp đồng về phân chia sản phẩm với 100% vốn đóng góp đầu tư của Liên Xô»².

Các nhà lãnh đạo Việt Nam nhìn thấy phương án lý tưởng là mô hình thỏa thuận về phân chia sản phẩm, theo đó Việt Nam sẽ không phải tốn tiền riêng của mình nhưng vẫn có dầu mỏ. Tuy nhiên, với một mô hình như vậy, nhận được đầu «nhanch» (như người Việt nam quan niệm), đất nước sẽ vẫn không có cơ sở hạ tầng của mình và đội ngũ cán bộ được đào tạo. **Chính vì mô hình «xí nghiệp liên doanh», khác với Hợp đồng phân chia sản phẩm PSA, không chỉ hướng tới việc khai thác dầu mỏ mà có tác dụng rộng rãi hơn: nó cho phép thành lập một xí nghiệp dầu khí đầy đủ giá trị với sự tham gia của người Việt.** Và đến cuối thế kỷ XX nhờ vào cơ sở hạ tầng mà Liên doanh «Vietsovetpetro» xây dựng, Việt Nam đã trở thành nhà điều phối lớn nhất các dự án dầu khí ở Đông Nam Á, điều không thể xảy ra nếu thực hiện dự án PSA, và Vũng Tàu đã trở thành một trong những trung tâm offshore được công nhận trên toàn thế giới, sánh ngang với Stavanger hay Singapore.

Từ ngày 25 đến 29 tháng Mười năm 1987, Việt Nam đã tổ chức cuộc họp tiếp theo của Ủy ban liên ngành MSVK. Các cuộc đàm phán đã được tiến hành trong khuôn khổ của chương trình chung vào ngày 27 tháng Mười tại Vũng Tàu giữa Bộ trưởng Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô, ông V. S. Chernomyrdin và Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, ông Nguyễn Hòa, nơi thông qua quyết định về việc bắt đầu công tác của phái đoàn chuyên gia với mục đích làm rõ các biện pháp hoàn thiện cơ chế kinh tế quản lý hoạt động của Liên doanh «Vietsovetpetro»³. Và một ngày sau, 29 tháng Mười, tại buổi gặp gỡ và làm việc của các đồng chủ tịch Ủy ban liên ngành MSVK tại Hà Nội, các bên đã đi đến quyết định như sau: *«Căn cứ chỉ thị của BCH TƯ Đảng Cộng sản Liên Xô và BCH TƯ Đảng Cộng Việt Nam về nâng cao hiệu quả của sự hợp tác Xô — Việt trong phát triển ngành dầu khí Việt Nam <...> giao cho những người tham gia của các Bên chuẩn bị một dự thảo Hiệp định liên chính phủ mới và trình cho Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam xem xét trước mừng 1 tháng Tư năm*



Sơ đồ tổng quan của thềm lục địa phía nam CHXHCN Việt Nam giữa những năm 1990. I, II, III — ranh giới vùng mặt nước của Liên doanh «Vietsovetpetro» cho các năm 1981, 1990, 1994; IV — các ranh giới của vùng trữ; V — Khu mỏ đang khai thác; VI — các khu mỏ đã phát hiện; VII — các mặt bằng đã được chuẩn bị cho khoan thăm dò tìm kiếm; khu mỏ và cấu trúc: 1 — Bạch Hổ, 2 — Rồng, 3 — Bà VI, 4 — Bà Đen, 5 — Tam Đảo, 6 — Sỏi, 7 — Đại Hùng, 8 — Thanh Long
 Tạp chí «Công nghiệp dầu mỏ»

1988»⁴. Trong biên bản phiên họp XIII của MSVK (24–27 tháng Giêng năm 1988, TP Hồ Chí Minh) được ký bởi Phó Thủ tướng hai nước, ông V. K. Gusev và ông Nguyễn Cơ Thạch đã có quyết định bắt đầu soạn thảo thỏa thuận và điều lệ mới của Xí nghiệp liên doanh «Vietsovetpetro»⁵.

Việc chuyển Glavmorneftegaz từ Bộ này sang Bộ khác đã tạm hoãn lại. Chỉ đến 15 tháng 4 năm 1988, Ban cán sự Bộ Công nghiệp Dầu mỏ Liên Xô mới giao cho Văn phòng quan hệ đối ngoại và JSC «Zarubezhneft» chuẩn bị thỏa thuận và điều lệ mới của Liên doanh «Vietsovetpetro»⁶. Trong cùng ngày, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô bằng một sắc lệnh đặc biệt đã phê chuẩn thành phần của đoàn chuyên gia bao gồm những đại diện của các Bộ và Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô Gosplan để thảo luận với phía Việt Nam các điều khoản thỏa thuận mới.

Vòng đàm phán đầu tiên được tổ chức từ ngày 29 tháng Tám đến ngày 8 tháng Tám năm 1988 tại Matxcova. Đại diện của Việt Nam đã đề xuất giới hạn vòng hoạt động của Liên doanh «Vietsovetpetro» trên hai lô (số 9, 16), nơi hai mỏ dầu «Bạch Hổ» và «Rồng» đã được phát hiện (sau này đồng ý bổ sung thêm lô số 15), thay vì bảy lô như đã ước định trong biên bản ghi nhớ Liên Xô — Việt Nam ngày 25 tháng Mười năm 1985. Trên những lô còn lại (№4, 5, 10, 11) các công việc được đề nghị tiến hành theo điều kiện «rủi ro» (PSA), trừ định 100 phần trăm đầu tư hoạt động là của Liên Xô. Phía Liên Xô đã nghiêng về hướng xác định vùng hoạt động của liên doanh «Vietsovetpetro» sau khi kết thúc các công tác thăm dò địa chất trên bảy lô và xác định những lô triển vọng nhất. Cuối cùng, các lô 5, 9 và 16 đã được chọn.

Thỏa thuận liên chính phủ 19 tháng 6 năm 1981 không trừ định việc thu thuế từ Liên doanh «Vietsovetpetro» cho đến khi xí nghiệp đạt mức có lợi nhuận, nhưng bây giờ phía Việt Nam đưa đề xuất thu thuế: royalty — ở mức 20% trên tổng sản lượng dầu mỏ khai thác trong năm, thuế trên lợi nhuận — 50%, còn thuế trên phần lợi nhuận của Liên Xô chuyển ra nước ngoài — 10%, tiền thuế đất đai — 10 nghìn rúp chuyển đổi/năm cho 1

¹ Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. Tập. 2. Tr. 88–90.

² Trích theo: Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. Tập. 1. Tr. 207.

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1, Hồ sơ 8557, Tờ 177.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 458. Danh mục 1, Hồ sơ 8557, Tờ 186.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 149. Hồ sơ 1935. Tờ 7.

⁶ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5047, Tờ 152.

km vuông diện tích và cho việc sử dụng mặt nước biển — 100 rúp ch. đ./năm cho 1 km vuông. Phía Liên Xô không từ chối yêu cầu này nhưng đề nghị trước tiên phải thực hiện tính toán hiệu quả. Ngoài ra, các dữ liệu tính toán này phải là cơ sở để xác định thời hạn hiệu lực của thỏa thuận mới. Số phận khí dầu mỏ đồng hành cuối cùng lại là vấn đề gây tranh cãi. Phía Việt Nam yêu cầu nộp toàn bộ cho nhà nước, còn phía Liên Xô thì cho rằng khí đồng hành là sản phẩm của Liên doanh «Vietsovpetro» nên có thể được bán cho Việt Nam và qua đó tăng khả năng sinh lợi của xí nghiệp. Trong số những vấn đề quan trọng nhất khác — lãi suất trên các khoản vay mà Việt Nam nhận từ Liên Xô để góp vào phần của mình trong Vốn pháp định của Liên doanh «Vietsovpetro» (đề nghị chỉ thu 3% thay vì 4% mỗi năm). Xét thấy đây đã là chế độ tín dụng ưu đãi nên yêu cầu này đã bị từ chối.

Trích Biên bản thanh tra của RVO (Liên đoàn kinh tế hải ngoại Nga) «Zarubezhneft» về các vấn đề hiệu quả của việc tham gia Liên doanh «Vietsovpetro» và việc chấp hành luật ngoại tệ trong khi thực hiện các hoạt động ngoại thương, năm 1997: «Theo số liệu của Ngân hàng kinh tế đối ngoại Vnesheconombank trong khuôn khổ Hiệp định ngày 19 tháng Sáu năm 1981, phía Việt Nam đã được Chính phủ Liên Xô cung cấp và sử dụng các khoản vay sau:

— Nghị định thư liên chính phủ ngày 19 tháng Sáu năm 1981 trừ định khoản vay tới 300 triệu rúp chuyển nhượng (lãi suất 4% mỗi năm và trả nợ gốc lần lãi trong vòng 10 năm kể từ năm 1986) để thanh toán chi phí của các tổ chức Liên xô liên quan đến việc tiến hành thăm dò địa chất trên thềm lục địa Nam Việt Nam, được tính vào phần tỷ lệ của Việt Nam trong Vốn điều lệ của Liên doanh. Đã sử dụng 184,8 triệu rúp chuyển nhượng, trong đó: 69,6 triệu rúp chuyển nhượng được tính hoàn trả khoản vay bằng 50% giá trị vật tư và dịch vụ của các tổ chức Việt Nam, được ghi vào phần tỷ lệ của Liên Xô trong Vốn pháp định; 8,5 triệu rúp chuyển nhượng tái cấp vốn theo Hiệp định ngày 6 tháng Năm năm 1986; Khoản nợ chính với số tiền 106,7 triệu rúp chuyển nhượng và lãi suất cho khoản vay là 8,5 triệu rúp đã được phía Việt Nam hoàn trả đầy đủ vào năm 1993; — Nghị định thư liên chính phủ ngày 19 tháng Sáu năm 1986 — đến 375 triệu rúp chuyển đổi (lãi suất 4% mỗi năm với trả nợ gốc và lãi trong 10 năm bắt đầu từ năm 1990) để trang trải từng phần cổ phần của phía Việt Nam trong vốn pháp định của Liên doanh. Đã sử dụng 182,8 triệu rúp chuyển nhượng, nợ của phía Việt Nam tính đến ngày 1 tháng Giêng năm 1997 đã lên đến 114,9 triệu rúp chuyển nhượng, trong đó 99,9 triệu rúp là nợ chính và 15 triệu rúp là tiền lãi suất; — Hiệp định liên ngân hàng ngày 13 tháng Tám năm 1982 giữa Ngân hàng Ngoại thương Vneshtorgbank Liên Xô và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam Vietcombank — bằng ngoại tệ chuyển đổi tự do trong giới hạn số tiền tương đương 60 triệu rúp chuyển đổi (cùng với lãi suất cao hơn 1% so với lãi suất tiền gửi 6 tháng tại thị trường đồng Euro của châu Âu tại London, trả nợ gốc trong vòng 3 năm kể từ năm 1986 và lãi suất — trong vòng 1 năm kể từ ngày sử dụng thực tế khoản vay). Đã sử dụng số tiền tương đương 73,1 triệu đô la Mỹ, lãi lũy kế được tính — 67,8 triệu đô la, khoản nợ của Việt nam đã được hoàn trả đầy đủ vào năm 1995.

Trên cơ sở các công văn trao đổi giữa Chính phủ Liên Xô và CHXHCN Việt Nam vào ngày 25 tháng 10 năm



Phiên họp thứ 10 của Hội đồng Liên doanh «Vietsovpetro». Người thuyết trình là Thứ trưởng Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô, ông L. I. Filimonov. Tháng 12 năm 1988

1985, phía Liên Xô trong các năm 1986–1990 đã chuyển khoản cho Việt Nam 381,6 triệu rúp từ ngân sách nhà nước như khoản đóng góp vào phần tỷ lệ của Liên Xô trong Vốn pháp định của Liên doanh. Đổi lại, phía Việt Nam đã chuyển từ ngân sách CHXHCN Việt Nam vào tài khoản liên doanh «Vietsovpetro» 78,8 tỷ đồng như đóng góp vào cổ phần của Việt Nam trong Vốn pháp định¹.

Ngoài ra, trong các cuộc đàm phán phía Liên Xô đề nghị cho phép các xí nghiệp liên doanh «Vietsovpetro» độc lập ký kết các hợp đồng ngoại thương, bỏ qua trung gian là Công ty cổ phần thương mại dầu khí «Petchim», điều không được phía Việt Nam chấp thuận.

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô V. A. Dinkov gửi Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ngày 30 tháng 9 năm 1988: «Chúng tôi cho rằng việc đề nghị phía Việt Nam cùng thực hiện những tính toán kinh tế kỹ thuật là thích hợp và trên cơ sở đó xác định hiệu quả hoạt động của xí nghiệp liên doanh, có tính đến những điều kiện mà phía Việt Nam đề xuất. Trên cơ sở những tính toán nêu trên, cần tiến hành phát triển và ký kết «Các điều kiện kinh tế trong hoạt động của Công ty liên doanh Xô — Việt về thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam», tương tự với phương thức làm việc hiện nay trong khuôn khổ các xí nghiệp liên doanh Liên Xô — Mông Cổ «Mongolsovtvetmet» và GOK «Erdenet»².

Vòng đàm phán tiếp theo được tổ chức từ ngày 13 đến 20 tháng 10 năm 1988 tại Hà Nội nhưng không đạt được kết quả gì đáng kể.

Nói chung, Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô hiểu rằng quá trình đàm phán sẽ rất khó khăn và cho rằng nếu các tính toán kinh tế kỹ thuật sẽ chỉ ra mức độ lợi nhuận âm hoặc không đáng kể thì hợp tác dầu khí giữa hai nước sẽ phải trải qua những thay đổi đáng kể.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 10–11.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5071, Tờ 192–198.



Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng CHXHCN Việt Nam Đỗ Mười (thứ 2 từ bên phải) tại Liên doanh «Vietsovpetro». Bên trái ông là Tổng Giám đốc Liên doanh V. S. Vovk, bên phải — Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Nguyễn Ngọc Cừ. 1988

Từ ghi chép của Cục trưởng Cục dầu mỏ biển trực thuộc Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô O. O. Sheremeta và Cục phó Cục quan hệ đối ngoại Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô O. K. Popov, tháng Mười năm 1988: «Các đề xuất của Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô về hợp tác kinh tế đối ngoại với các quốc gia thành viên khối SEV trong hoạt động khai thác thềm lục địa».

1. Việt Nam.

1.1. Hiện nay, trong khuôn khổ liên doanh «Vietsovpetro» đang tiến hành công tác nghiên cứu thăm dò và phát triển các mỏ dầu và khí đốt ngoài khơi trên thềm lục địa Việt Nam. Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô Minneftprom sẽ thực hiện nghiên cứu khả thi về hiệu quả của sự hợp tác trong khuôn khổ liên doanh «Vietsovpetro». Trong hoàn cảnh hoạt động tiếp theo trong khuôn khổ liên doanh «Vietsovpetro» không đạt hiệu quả mong muốn, Bộ sẽ đề nghị tiếp tục hợp tác theo điều kiện hỗ trợ kỹ thuật, còn ở khối №5 — theo điều kiện rủi ro, bắt đầu với công tác thăm dò và kết thúc với việc sản xuất và phân phối sản phẩm và điều này đòi hỏi phải có một Thỏa thuận mới.

1.2. Công việc trên cơ sở hợp đồng ở thềm lục địa Việt Nam ngoài phạm vi hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» theo các hợp đồng trực tiếp bằng nguồn lực của «Soyuzmorgeo», NPO «Soyuzmorinzheologiya» và PO «Sakhalinmorneftegaz»:

- nghiên cứu địa vật lý và khảo sát địa chất công trình;
- khoan tìm kiếm thăm dò;
- xây dựng đường ống ngoài khơi;
- phát triển các mỏ khai thác <...>¹.

Các vấn đề hoàn thiện những điều khoản của Hiệp định liên chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 1981 đã được xem xét tại phiên họp thứ X của Hội đồng Liên doanh «Vietsovpetro» đã diễn ra vào ngày 21–22 tháng 12 năm 1988. Sau đó, vòng đàm phán thứ ba và thứ tư đã diễn ra tại Mátxcova từ 30 tháng 3 cho đến 07 tháng 4 và từ 20 đến 25 tháng 4 năm 1989. Kết quả đàm phán đã được các đại biểu báo cáo với người đứng đầu Chính phủ.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5071, Tờ 232.



«Chúng ta cần dầu mỏ!» — Ban lãnh đạo Liên doanh «Vietsovpetro» nghe phát biểu của đồng chí Đỗ Mười (người đứng và giơ tay)



Thủ trưởng Tổng cục dầu mỏ ngoài khơi Glavmorneft thuộc Bộ Công nghiệp Dầu mỏ Liên Xô, ông O. O. Sheremeta đã tham gia soạn thảo hai Thỏa thuận quan trọng nhất về XNLĐ «Vietsovpetro». Năm 1981 và 1991

Từ thư của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. K Gusev và Bộ trưởng Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô V. A. Dinkov gửi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô N. I. Ryzhkov, ngày 15 tháng 5 năm 1989: «Các công tác đã tiến hành trên thềm lục địa Nam Việt Nam cho thấy những nhiệm vụ mà Hiệp định Liên chính phủ ngày 19 tháng Sáu năm 1981 đặt ra trước Xí nghiệp liên doanh về cơ bản đã hoàn thành. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế từ hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» có thể đã cao hơn nếu đảm bảo quá trình chuyển đổi nó sang hạch toán kinh tế và tuân thủ nguyên tắc không can thiệp của các bên vào hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Phía Việt Nam trong thời gian gần đây đã bày tỏ sự không hài lòng về cơ sở các quan hệ kinh tế đã nêu trong Hiệp định ngày 19 tháng Sáu năm 1981 và đòi tiếp tục phát triển Liên doanh trên các quan niệm kinh tế mới được thể hiện trong những mục sau đây:

— Liên doanh thực hiện chi trả cho việc sử dụng tài nguyên («royalty bán quyền») với số lượng 18% trên tổng sản lượng dầu mỏ khai thác được;

— để trang trải tất cả chi phí, thành lập ra các quỹ tương ứng và hoàn lại các khoản đóng góp của các Bên cho Liên doanh, phân bổ hàng năm đến 35% sản lượng dầu mỏ khai thác được;

— từ phần tiền còn lại (47%) của việc bán dầu mỏ sẽ dùng để trả thuế lợi tức với mức 40% cho CHXHCN Việt Nam, số còn lại được chia đều giữa Các bên. Ngoài ra, phía Liên Xô sẽ trả thuế 5% trên phần lợi nhuận của mình.

Theo tính toán sơ bộ, các chi phí của liên doanh trong giai đoạn các năm 1990–1995 để đạt được mức khai thác dầu mỏ với sản lượng 10,8 triệu tấn trong năm 1996 sẽ lên đến khoảng 2 tỷ rúp. Tiền thu được từ việc bán 35% khối lượng dầu thô được phân bổ cho Xí nghiệp liên doanh chẳng những không đủ cho việc hoàn lại các khoản đầu tư mà các bên đã thực hiện trước đó, mà còn không bảo đảm trang trải được các chi phí đã nêu trên. Trong giai đoạn này cần phải có thêm 530 triệu rúp mà phía Việt Nam đề nghị thực hiện bằng các khoản vay tín dụng từ Liên bang Xô Viết hoặc các nước thứ ba.

Phương án thứ hai do phía Việt Nam đề xuất là ngành công nghiệp dầu mỏ Liên Xô đảm nhận toàn bộ khoản nợ của Liên doanh và sẽ độc lập tiếp tục công việc khai thác các nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt của thềm lục địa Nam Việt Nam trên các lô 15, 9, 16.

Các tính toán trong trường hợp này được đề xuất thực hiện theo thực tiễn quốc tế hiện hành. Để phát triển khai thác dầu mỏ trên thềm lục địa Việt Nam, xí nghiệp Liên Xô sẽ được nhận 35% lượng dầu mỏ khai thác được, phần còn lại sẽ được phân phối giữa Các bên tùy thuộc vào khối lượng dầu khai thác. Khi xí nghiệp đạt công suất thiết kế thì 80% sẽ phân bổ cho Việt Nam và 20% — cho xí nghiệp của Liên Xô.

Nếu sơ đồ này được thông qua, thì cần phải xóa sổ Liên doanh và Bộ Công nghiệp dầu mỏ Liên Xô cần phải thành lập một doanh nghiệp mới trên lãnh thổ Việt Nam. Trong trường hợp này, khoản nợ của Liên doanh sẽ chỉ được hoàn trả vào năm 2000. Kết quả cuối cùng là đến năm 2010, phía Việt Nam sẽ nhận được 52% lượng dầu thô khai thác được, phía Liên Xô — 48%, mà số tiền đó sẽ phải dùng để duy trì doanh nghiệp, thanh toán cho các khoản nợ và thu lại lợi nhuận trong khoảng 10–13%.

Xét tất cả khía cạnh của mối quan hệ chính trị với Việt Nam và xuất phát từ nhu cầu phải hoàn lại các khoản đầu tư của các Bên, trả nợ cho các khoản vay mà Liên bang Xô viết đã trao trước khi Liên doanh chuyển sang độc lập về tài chính, phía Liên Xô đã đề nghị giữ lại Liên doanh.

Đồng thời, đã thống nhất là trong giai đoạn các năm 1990–1995 chỉ thanh toán thuế bản quyền «royalty» ở mức 16%, 84% trong giai đoạn này để lại cho công ty Liên doanh toàn quyền sử dụng nhằm thanh toán các khoản nợ, duy trì hoạt động doanh nghiệp và đầu tư vốn.

Từ năm 1996, thuế bản quyền «royalty» giữ nguyên tỷ lệ 16%, thuộc quyền sử dụng của công ty Liên doanh — 35%, thuế thu nhập đóng cho CHXHCN Việt Nam — 40% và thuế trên phần lợi nhuận của bên tham gia từ Liên Xô chuyển ra khỏi Việt Nam — 5%. Trong trường hợp này, Việt Nam cuối cùng sẽ nhận được 52%, còn Liên Xô sẽ nhận được lợi nhuận trong khoảng 10–13%. Phía Việt Nam không đồng ý với đề xuất này với lý do là Việt Nam hiện đang gặp khó khăn về kinh tế và mong muốn nhận được phần lợi nhuận của mình bắt đầu từ năm 1990.

Với những bất đồng đáng kể giữa các Bên có thể có hai phương án hợp tác như sau:

1. Chấp nhận đề nghị của phía Việt Nam về tiếp tục công việc trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro» và làm rõ thêm một số điều khoản về thuế suất và hoãn thời hạn trả nợ sang giai đoạn các năm 1996–2000.

Phân bổ cho Xí nghiệp liên doanh vốn đầu tư bổ sung cho giai đoạn 1990–1995 dưới hình thức vay tín dụng 530 triệu rúp từ phần lợi nhuận của Liên Xô.
2. Hủy bỏ Liên doanh và thành lập ở CHXHCN Việt Nam một xí nghiệp Liên Xô theo điều kiện cung cấp 100% vốn, với trách nhiệm gánh vác toàn bộ tổ hợp công việc trên thềm lục địa Nam Việt Nam phù hợp với thực tiễn quốc tế.
Xin đề nghị xem xét»¹.

1990

Các vòng đàm phán sau đã diễn ra từ ngày 9 đến ngày 14 tháng 10 năm 1989, từ ngày 29 tháng 5 đến ngày 11 tháng 6 và từ ngày 2 đến ngày 10 tháng 11 năm 1990 tại Hà Nội. Do những tranh luận kéo dài, việc chuyển Liên doanh «Vietsovpetro» sang quy chế tự chủ tài chính đã được dời lại từ ngày 1 tháng Giêng năm 1990 theo kế hoạch sang ngày 01 tháng Giêng năm 1991.

Theo quyết định của phiên họp XII của Hội đồng Liên doanh «Vietsovpetro» (Biên bản ngày 12–13 tháng 12 năm 1990), vốn điều lệ của Liên doanh «Vietsovpetro» đã được thông qua theo trạng thái đến ngày 01 tháng Giêng năm 1991 với tỷ lệ các bên bằng nhau trong các khoản sau đây:

— 260,2 triệu đô la Mỹ (cung cấp thiết bị từ các nước thứ ba — 146,2 triệu đô la, thu nhập từ việc bán 1 triệu tấn dầu thô — 114 triệu, cùng với việc chuyển tất cả các dạng tiền tệ tự do chuyển đổi sang đô la Mỹ và sử dụng tỷ giá của Vietcombank Việt Nam theo thực trạng tháng 12 năm 1990);

— 949,900 triệu rúp chuyển nhượng (khoản đóng góp bằng tiền của Việt Nam qua tín dụng Liên Xô — 182,8 triệu, khoản đóng góp bằng tiền của phía Liên Xô từ quỹ ngân sách — 381,6 triệu, các cung cấp thiết bị, vật tư và dịch vụ từ Liên Xô — 214,0 triệu, giá trị các tòa nhà và các kết cấu do phía Việt Nam chuyển giao cho quyết toán của liên doanh «Vietsovpetro», — 155,7 triệu, các cung cấp thiết bị, vật tư và dịch vụ từ Việt Nam — 15,8 triệu rúp chuyển nhượng);

— 148,2 triệu đồng Việt Nam (lợi nhuận của các bên tham gia Liên doanh «Vietsovpetro» — 69,4 tỷ đồng, khoản tiền đóng góp của Việt Nam từ quỹ ngân sách — 78,8 tỷ đồng, tương đương 290,0 triệu rúp chuyển nhượng².

Khối lượng thuế đã trở thành nội dung thảo luận giữa chuyên gia của hai nước trong các năm 1989–1990. Mọi thành viên đều kêu gọi đi theo thực tiễn thế giới. Các chuyên gia Việt Nam đưa ra mức royalty phổ biến nhất là 20% và như một cử chỉ thiện chí, sau các cuộc đàm phán kiên trì đã giảm xuống còn 18%. Các chuyên gia Liên Xô thì không cho mức thuế đề xuất là «ưu đãi» mà có vẻ như giới hạn tối đa, bởi vì «Luật thuế tài nguyên thiên nhiên» được Hội đồng Nhà nước Việt Nam thông qua ngày 30 tháng Ba năm 1990 cho phép Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam quyền điều chỉnh mức thuế bản quyền royalty khai thác dầu thô xê dịch trong khoảng 6–20%. Để giải thích cho quan điểm của mình, các chuyên gia đề cập đến báo cáo của Trung tâm Liên hợp quốc về các tập đoàn xuyên quốc gia «Các khía cạnh tài chính và thuế trong việc khai thác các mỏ dầu» (năm 1987), từ đó chỉ ra rằng mức royalty trung bình mà các nước khai thác dầu mỏ thiết lập là 12,5%. Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô V. A. Durasov, «trong thực tiễn thế giới mức «royalty» trung bình là 12,5%³, còn chỉ tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư cho các dự án tương tự là 20–30%, điều được khẳng định trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật mà Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô phê duyệt khi thành lập Xí nghiệp liên doanh [Xô-Mỹ]

1990

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67, Hồ sơ 9083, Tờ 173–175.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 11.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 163. Hồ sơ 1163. Tờ 78.

công ty «Tengizchevroil», với mức lợi nhuận nội bộ của công ty «Chevron» được chấp nhận ở mức 28%. Lợi nhuận các khoản đầu tư của Liên Xô theo chuẩn mực kế toán khi tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro» đã được chấp thuận ở mức 15%»¹.

Vấn đề tranh luận tiếp theo là phân phối lượng dầu thô còn lại sau khi đánh thuế. Phía Việt Nam đề nghị chia theo tỉ lệ 60/40, các chuyên gia Liên Xô — 50/50, trong đó mỗi bên đều tuyên bố là dựa vào thông lệ quốc tế². Tuy nhiên, các tính toán được thực hiện bởi các chuyên gia của Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô cho thấy rằng phương án do phía Việt Nam đề xuất làm cho sự tham gia của Liên Xô vào liên doanh «Vietsovpetro» «là không có lợi»³.

Bởi Liên Xô đã đầu tư một khối lượng tiền lớn vào dự án này, nên phía Việt Nam được yêu cầu hướng các nỗ lực của Liên doanh «Vietsovpetro» vào việc hoàn lại các khoản đầu tư cả trực tiếp lẫn gián tiếp cho cả hai nước (các khoản vay cho phần đầu tư của Việt Nam ở Liên doanh «Vietsovpetro») và chỉ sau đó mới áp thuế vào doanh nghiệp.

Đoàn đại biểu Liên Xô đã đề xuất sau khi hoàn đầy đủ chi phí của các bên sẽ áp dụng quy tắc phân bổ dầu do Liên doanh «Vietsovpetro» khai thác được: một phần dầu thô khai thác được, được Hội đồng Liên doanh xác định hàng năm (35–40%) sẽ dành cho việc trang trải các chi phí thường kỳ và thành lập các quỹ tương ứng của xí nghiệp, phần dầu mỏ còn lại sau thanh toán thuế sẽ chuyển cho các bên dưới hình thức lợi nhuận từ hoạt động của Liên doanh theo tỷ lệ bằng nhau. Đồng thời đã đề xuất thiết lập các điều kiện ưu đãi về thuế để đảm bảo hoạt động có lợi nhuận của Liên doanh và giải phóng người tham gia Liên Xô khỏi việc đóng thuế khi chuyển lợi nhuận mà họ được hưởng ra ngoài biên giới Việt Nam.

1990

Trích thư của Phó Chủ tịch Kế hoạch nhà nước Liên Xô A. A. Troiskii gửi Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. K. Gusev, ngày 27 tháng 4 năm 1990:
«<...> Kết quả tính toán kinh tế- kỹ thuật cho phép rút ra kết luận là cơ cấu hoạt động của xí nghiệp liên doanh do phía Việt Nam đề xuất trong điều kiện chuyển sang tự chủ tài chính, bao gồm việc phân bổ dầu bù cho xí nghiệp để trang trải chi phí, thanh toán tiền bản quyền, thuế lợi nhuận doanh nghiệp và lợi nhuận của người tham gia Liên Xô khi chuyển ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, không đảm bảo việc hoàn lại cùng lúc các khoản đầu tư của các Bên trong việc thành lập và phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn 1981–1990. Ngay cả theo phương án thanh toán thuận lợi nhất cho phía Liên Xô thì việc hoàn trả vốn đầu tư được dự kiến không sớm hơn năm 2000, trong khi phía Việt Nam bảo đảm việc hoàn vốn không muộn hơn năm 1994. Để bù đắp khối lượng tài chính bị thiếu trong giai đoạn những năm 1991–2000, vượt quá doanh thu từ việc bán 35% tổng lượng dầu sản xuất phân bổ cho doanh nghiệp để trang trải vốn đầu tư và chi phí hoạt động, trong tính toán kinh tế — kỹ thuật (TER) đề xuất dùng phần lợi nhuận ròng mà người tham gia từ mỗi Bên được hưởng, tức là sau khi đã đóng thuế, điều mà, thứ nhất, trên nguyên tắc là không hợp pháp, và thứ hai là lại đẩy xa hơn thời hạn hoàn vốn đầu tư ban đầu trong việc thành lập liên doanh. <...>

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 4372. Danh mục 67, Hồ sơ 9890, Tờ 153.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 163. Hồ sơ 1163. Tờ 11.

^[3] Thư của V. A. Dinkov gửi Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ngày 18 tháng 4 năm 1989 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5655, Tờ 225–226.

Để khẳng định cho vị thế của phía Liên Xô trong đàm phán về việc làm rõ hơn những điều khoản của Hiệp định ngày 19 tháng Sáu năm 1981, việc cần làm là Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô phải tiến hành tính toán về hiệu quả sự tham gia của chúng ta trong dự án này đồng thời xem xét các kết luận sau khi thẩm định TER và các điều kiện sau đây:

1. Xuất phát từ nhu cầu đảm bảo hợp tác cùng có lợi, quy định thời gian ân hạn trước khi hoàn trả đầy đủ chi phí của Bên, trong thời gian đó liên doanh và người tham gia Liên Xô được miễn trả tất cả các loại thuế, kể cả tiền bản quyền. Khả năng cấp thời gian ân hạn thuế không mâu thuẫn với Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và thực tiễn quốc tế về thăm dò, khai thác dầu mỏ và khí đốt.

Cơ sở của đề xuất trên được xác nhận bởi thực tế là theo Hiệp định ngày 19 tháng 6 năm 1981, hoạt động của liên doanh «Vietsovpetro» trong giai đoạn 1981–1990 được tiến hành với mục tiêu thành lập và phát triển ngành khai thác dầu khí Việt Nam theo Các chương trình đã được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên Xô thông qua, mà để thực hiện thì Các Bên, chủ yếu là Liên Xô, bằng những khoản đầu tư trực tiếp (vốn chủ sở hữu) và tín dụng cho phía Việt Nam, đã điều động những khoản vốn đáng kể để tiến hành công tác tìm kiếm — thăm dò trên vùng biển rộng lớn của thềm lục địa Việt Nam và thành lập những cơ sở sản xuất thích hợp. Đồng thời, theo thỏa thuận hiện hành, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp không bị hạn chế, còn vấn đề về thuế dự định sẽ xem xét sau khi doanh nghiệp đạt được công suất thiết kế.

2. Sau khi hoàn trả toàn bộ vốn đầu tư để thành lập xí nghiệp liên doanh cho Các Bên thì áp dụng các hình thức đánh thuế phù hợp với thực tiễn thế giới.
3. Để tăng cường hiệu quả hoạt động của xí nghiệp cần đưa vào tính toán các biện pháp cắt giảm chi phí và tăng doanh thu.
4. Xác định hiệu quả toàn diện của dự án nói chung và sự tham gia của phía Liên Xô trong toàn bộ thời gian hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro». <...>»⁴.

1990

Tại cuộc họp các chuyên gia ngày 12 tháng 6 năm 1990 tổ chức tại Hà Nội, các bên đã không còn thảo luận về những điều khoản hoạt động của Vietsovpetro trong tương lai, mà về dự thảo một thỏa thuận liên chính phủ mới.

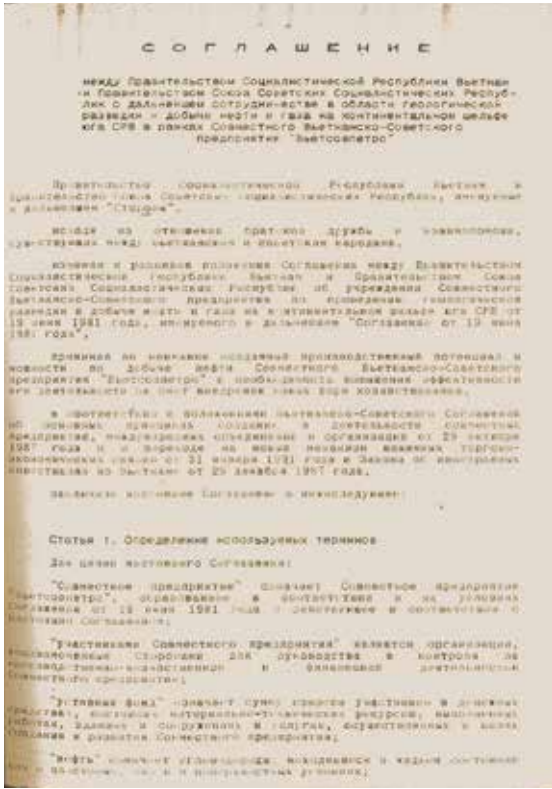
1990

Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô L. I. Filimonov gửi Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô «Về việc hoàn thiện cơ chế hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» «, ngày 04 tháng 7 năm 1990: «Theo chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, các chuyên gia của Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô và Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 12 tháng 6 năm 1990 đã tiến hành đàm phán về các vấn đề liên quan đến việc chuyển hoạt động của liên doanh «Vietsovpetro» bắt đầu từ năm 1991 sang cơ chế tự chủ tài chính và tự cung tự cấp. Trong quá trình đàm phán: — Xác định rõ các tính toán kinh tế — kỹ thuật trong việc phát triển hoạt động của liên doanh «Vietsovpetro» giai đoạn 1991–2010 có tính đến những ý kiến đóng góp của tổ chức các Bên;

1990

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 163. Hồ sơ 1163. Tờ 22–23.

^[1] Chúng ta đã duy trì quá lâu các phương pháp quản lý hành chính quan liêu»



Thỏa thuận liên Chính phủ ngày 16 tháng 7 năm 1991, do Thứ trưởng thứ nhất Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô B. A. Nikitin và Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam Trần Lum ký

— *Xác định quy mô Vốn pháp định của liên doanh, tính đến ngày 1 tháng Giêng năm 1991 sẽ là 1.219 triệu rúp chuyển nhượng và 248 triệu đô la Mỹ. Theo các điều khoản của Hiệp định ngày 19 tháng 6 năm 1981, tỷ lệ góp vốn của người tham gia Liên Xô trong quỹ pháp định là 50% số tiền nêu trên;*

— *Phê duyệt những chỉ số kinh tế- kỹ thuật chính của hoạt động liên doanh «Vietsovpetro» giai đoạn 1991–2010 dựa trên phân tích kết quả hoạt động của liên doanh giai đoạn 1981–1990;*

— *Thảo luận những quy định và điều khoản của Hiệp định ngày 19 tháng Sáu năm 198, vốn có thể thay đổi và làm rõ trong liên quan tới sự chuyển đổi sắp tới của liên doanh sang tự chủ tài chính và tự cung tự cấp (đính kèm biên bản thảo luận ngày 12 tháng Sáu năm 1990). Kết quả phân tích công việc của «Vietsovpetro» giai đoạn 1981–1990 cho thấy ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ Việt Nam đã hình thành trong thời kỳ hoạt động của liên doanh.. 7 khu mỏ nguyên liệu hydrocarbon đã được phát hiện, ba trong số này đang khai thác có lợi nhuận. Đã đưa vào vận hành 7 giàn khoan cố định MSP, 39 km đường ống dẫn dầu, một trạm rót dầu không bến công suất 150 nghìn tấn cũng như một số địa điểm sản xuất của căn cứ ven biển và cơ sở hạ tầng xã hội. 3,5 triệu tấn dầu đã được khai thác. Mức sản xuất đã được nâng đến 9.000 tấn mỗi ngày, bảo đảm việc đạt khối lượng khai thác dầu như dự tính của Chương trình là 2,5 triệu tấn trong năm 1990 và 5,1 triệu tấn cho giai đoạn 1986–1990 nói chung.. Dầu thô đã trở thành mặt hàng quan trọng nhất của xuất khẩu Việt Nam.*

Trên thực tế, Chương trình 5 năm hiện tại được thực hiện với khoản tiết kiệm tài chính tổng cộng là 428 triệu rúp chuyển nhượng. và 47 triệu đô la Mỹ. Hoạt động của liên doanh giai đoạn 5 năm hiện tại cho phép cắt giảm gần 2 triệu tấn khối lượng cung cấp sản phẩm dầu từ Liên Xô đến Việt Nam tổng trị giá hơn 300

triệu rúp đổi lại các nghĩa vụ đã quy định trong Hiệp định ngày 23/1/1986 về kim ngạch thương mại giữa Liên Xô và Việt Nam giai đoạn 1986–1990, nhờ những giao dịch trao đổi nhập khẩu dầu thô từ Việt Nam và xuất khẩu sản phẩm dầu mỏ từ Liên Xô. Những cơ sở sản xuất đã thành lập, cơ sở nguyên vật liệu, mức khai thác dầu đạt được, đội ngũ sẵn có các cán bộ chuyên môn cao của Liên Xô và Việt Nam là những yếu tố bảo đảm thực sự cho khả năng chuyển liên doanh sang điều kiện tự chủ tài chính và tự cung tự cấp từ ngày 1 tháng Giêng năm 1991.

Các tính toán kỹ thuật — kinh tế do các chuyên gia liên doanh «Vietsovpetro» thực hiện và được kiểm tra bởi những thành viên liên doanh xác nhận hiệu quả kinh tế sự tham gia của phía Liên Xô trong doanh nghiệp này. Tính toán cho thấy, trong giai đoạn 1991–2010 doanh nghiệp sẽ sản xuất 192 triệu tấn dầu, doanh thu từ việc bán dầu được ước tính vào khoảng 36,5 tỷ đô la Mỹ, với tổng chi phí của doanh nghiệp trong giai đoạn này là 9,2 tỷ đô la. Tổng lợi nhuận của liên doanh trong giai đoạn được xem xét sẽ lên đến 27,3 tỷ đô la, điều bảo đảm cho phía Liên Xô cơ hội hoàn lại số tiền mà họ đã đầu tư vào việc thành lập và phát triển liên doanh cũng như hưởng phần lợi nhuận theo quy định. Thời hạn hoàn vốn và mức lợi nhuận sẽ được xác định bởi quy mô thuế và các điều kiện khác, mà, theo quan điểm của chúng tôi, phải nhận được phê chuẩn cuối cùng ở cấp liên chính phủ.

Đồng thời, tính toán cho thấy trong giai đoạn 1991–1995, vốn tự có (35% số tiền thu được từ việc bán dầu khai thác) là không đủ để trang trải các khoản đầu tư vốn của doanh nghiệp. Khoản thâm hụt ước tính với khối lượng 350 triệu USD dự kiến sẽ được bù đắp bằng cách tăng khối lượng dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho các tổ chức của nước CHXHCN Việt Nam và các nước thứ ba, thu hút vốn vay của doanh nghiệp và cung cấp các điều kiện thuế ưu đãi trong giai đoạn này cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong một số vấn đề không thể đạt được thỏa thuận mà đôi bên có thể chấp nhận ở cấp độ thành viên liên doanh vì chúng ảnh hưởng đến toàn bộ mối quan hệ kinh tế — thương mại giữa Liên Xô và CHXHCN Việt Nam.

Đặc biệt, các vấn đề nói trên bao gồm:

— *tính toán lại bằng đồng đô la Mỹ quy mô Vốn pháp định của doanh nghiệp, vốn được đánh giá bằng đồng rúp chuyển đổi vì nó liên quan chặt chẽ với việc tính toán lại khoản nợ của Việt Nam trước Liên Xô;*
— *trình tự và điều kiện thanh toán với ngân sách nhà nước của Liên Xô và Việt Nam;*
— *điều kiện hoạt động theo cơ chế độc lập kinh tế, bao gồm cả hoạt động kinh tế đối ngoại của liên doanh;*
— *yêu cầu do phía Việt Nam đưa ra cùng tham khảo những chỉ thị của Chính phủ Việt Nam về việc hoãn trả khoản nợ do Chính phủ Liên Xô cấp cho Chính phủ Việt Nam theo Hiệp định ngày 19 tháng 6 năm 1981, và một số vấn đề khác.*

Cho rằng những vấn đề nêu trên gắn bó chặt chẽ với việc hoàn thiện cơ chế hợp tác kinh tế Liên Xô — Việt Nam nói chung mà các cơ quan kế hoạch của các bên hiện vẫn đang tiến hành đàm phán, chúng tôi cho rằng trong giai đoạn đàm phán cuối cùng về việc sửa đổi một số điều khoản của Hiệp định Xô — Việt ngày 19 tháng 6 năm 1981 nên để Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô Gosplan đứng ra chủ trì.

Bộ công nghiệp Dầu khí Liên Xô đã gửi các đề xuất của mình về việc đưa sửa đổi vào Hiệp định nêu trên cho các tổ chức quan tâm của Liên Xô.

Với mục tiêu chuyển đổi liên doanh «Vietsovpetro» sang điều kiện kinh doanh mới bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng năm 1991, chúng tôi cho rằng những việc dưới đây là thiết thực:

— *cung cấp cơ chế tự chủ kinh tế hoàn toàn cho liên doanh, trong đó có hoạt động kinh tế đối ngoại, bao gồm việc bán phần tỷ lệ sản phẩm hàng hóa riêng của mình;*

— *cho đến khi chi phí của các Bên để thành lập liên doanh trong giai đoạn 1981–1990 được hoàn trả đầy đủ, Liên doanh «Vietsovpetro» được miễn tất cả các loại thuế và lệ phí, trừ thuế sử dụng tài nguyên thiên nhiên («tiền bản quyền»), tương đương 16% trên tổng sản lượng hàng hóa hàng năm và các khoản thanh toán cho dịch vụ tiện ích;*

— *giao cho Bộ Tài chính Liên bang và Ngân hàng Kinh tế đối ngoại Liên Xô (Vneshekonombank) nhiệm vụ nhất trí với các tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam về việc gia hạn và trả nợ các khoản vay mà Chính phủ Liên Xô cung cấp cho Chính phủ CHXHCN Việt Nam để thành lập Liên doanh «Vietsovpetro».*

Ngày 25 tháng 7 năm 1990, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô V. K. Gusev đã chỉ đạo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, Bộ Kinh tế Đối ngoại, Bộ Dầu khí, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Ủy ban Nhà nước về Lao động và Xã hội và Ngân hàng Kinh tế đối ngoại Liên Xô Vneshekonombank «*Yêu cầu cùng với phía Việt Nam soạn thảo Văn bản liên chính phủ về hợp tác hơn nữa với Việt Nam trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam.*

Đồng thời phải xuất phát từ sự cần thiết giải phóng liên doanh «Vietsovpetro» khỏi tất cả các loại thuế và lệ phí cho đến khi hoàn trả đầy đủ chi phí của các Bên trong việc hình thành và chuyển

đổi liên doanh sang cơ chế tự chủ tài chính và tự cung tự cấp từ ngày 01 tháng Giêng năm 1991»¹.

Trong khi các cuộc đàm phán xung quanh hiệp ước mới đang được tiến hành, ngày 12 tháng 12 năm 1990, Thứ trưởng thứ nhất Bộ công nghiệp dầu khí Liên Xô B. A. Nikitin và Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam Trần Lum đã ký Nghị định thư về các điều kiện cho hoạt động tiếp theo của Liên doanh «Vietsovpetro». Như đã dự kiến, từ ngày 1 tháng Giêng năm 1991, doanh nghiệp được chuyển sang hạch toán bằng đô la Mỹ và từ chối phát triển các khối số 4, 10, 11, 15, mà Việt Nam có thể chuyển giao cho các nhà đầu tư khác. Số phận của khí đồng hành, một trong những vấn đề khó khăn nhất đã được giải quyết: toàn bộ lượng khí này được chuyển miễn phí cho Việt Nam².

Dấu chấm đã được đặt vào ngày 16 tháng 7 năm 1991, khi cũng chính những nhân vật nêu trên — ông B. A. Nikitin và ông Trần Lum — sau ba năm thảo luận dai dẳng đã đi đến ký kết Thỏa thuận mới liên Chính phủ về tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro».

***Trích thư của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô L. D. Churilov gửi Nội các Bộ trưởng Liên Xô, ngày 01 tháng 8 năm 1991:** «Theo tinh thần chỉ thị №467r của Nội các Bộ trưởng Liên Xô ngày 20 tháng Năm năm 1991, Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô với sự tham gia của Bộ quan hệ kinh tế đối ngoại Liên Xô, Bộ Kinh tế Liên Xô, Bộ Tài chính Liên Xô, Ngân hàng Kinh tế đối ngoại Liên Xô Vneshekonombank từ ngày 9 đến 16 đã tiến hành các cuộc đàm phán với phía Việt Nam và ký kết Hiệp định giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam thời hạn 20 năm về hợp tác hơn nữa trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong khuôn khổ liên doanh Xô — Việt «Vietsovpetro».*

Thỏa thuận làm sáng tỏ các khía cạnh của hoạt động trong tương lai của «Vietsovpetro» có tính đến những thay đổi đang diễn ra trong nền kinh tế Việt Nam cũng như trong quan hệ kinh tế- thương mại bổ trợ lẫn nhau giữa hai nước chúng ta.

Được biết là từ năm 1991, liên doanh hoạt động trên các nguyên tắc độc lập kinh tế và tự chủ tài chính. Quyết định về mặt nguyên tắc đã được thông qua về việc chuyển đổi vốn điều lệ của liên doanh sang đồng đô la Mỹ, mà trước đó đã được tính trong các loại tiền tệ khác nhau, bao gồm cả tiền rúp chuyển nhượng. Vốn điều lệ của liên doanh đã được phê duyệt ở mức 1,5 tỷ USD (với 50% cổ phần của các Bên). Đã xác định trình tự bán sản phẩm hàng hóa và phân phối lợi nhuận của liên doanh. Trong giai đoạn 1991–1992, khung thuế suất ưu đãi đã được thiết lập. Trong tương lai, thuế lợi tức sẽ là 40%, thuế sử dụng tài nguyên (tiền đặc quyền) — 18%. Đã thảo luận về vấn đề đẩy nhanh việc phát triển mỏ dầu Đại Hùng với sự tham gia của công ty các nước thứ ba để tăng sản lượng dầu khai thác và thu về lợi nhuận bổ sung. Ngoài ra, Chính phủ CHXHCNVN đã quyết định từ năm 1991 chuyển giao chức năng của người tham gia Việt Nam trong Liên doanh «Vietsovpetro» từ Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam sang cho Tập đoàn Nhà nước Petrovietnam hoạt động tự chủ kinh tế, và tương ứng

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. R-5446. Danh mục 163. Hồ sơ 1163. Tờ 66.

^[2] Lịch sử ngành dầu khí Việt nam. Tập. 2. Tr. 118–119.

theo đó phía Việt Nam đề xuất đơn vị tham gia của Liên Xô cũng thực hiện bước đi tương tự.

Liên quan đến những điều nêu trên, chúng tôi cho là thích hợp việc chuyển chức năng của thành viên Liên doanh từ Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô sang cho Liên hiệp sản xuất dầu khí hải ngoại «Zarubezhneftestroy», chuyên về lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật ra nước ngoài, trong đó có Việt Nam trong việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí quốc gia của nước này. Cung cấp cho họ quyền tự định đoạt việc bán phần đầu của thành viên Liên Xô và trao cho những chức năng của nhà tổng cung cấp và tổng thầu để xử lý tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động tiếp theo của Liên doanh phù hợp với pháp luật Việt Nam và Liên Xô, bao gồm cả các vấn đề tài chính, hỗ trợ hậu cần, tuyển dụng nhân sự.

Điều này được hiểu rằng trong vòng các năm 1991–1993, Liên hiệp sản xuất Dầu khí hải ngoại «Zarubezhneftestroy» sẽ phải đảm bảo việc hoàn lại tiền (các khoản trích lập ngân sách) mà phía Liên Xô đã đầu tư cho việc hình thành và phát triển Liên doanh trong giai đoạn 1981–1990.

Trong tương lai, phần lợi nhuận của thành viên Liên Xô sẽ được sử dụng để tài trợ cho việc mua sắm các tài nguyên vật chất — kỹ thuật, phát triển lĩnh vực xã hội của ngành khai thác dầu mỏ cũng như đầu tư phát triển các mỏ mới của thềm lục địa miền nam Việt Nam <...>¹

Hệ số chuyển đổi thực tế đồng rúp chuyển nhượng sang đồng đô la Mỹ trong vốn pháp định của Liên doanh «Vietsovetro» là 1 đồng rúp chuyển nhượng cho mỗi 1 đô la².

Đáng tiếc là việc tái cơ cấu quan hệ Xô — Việt trong lĩnh vực hợp tác dầu khí đã kết thúc mà không có Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô. Ngày 14 Tháng Mười một năm 1991, Hội đồng Nhà nước Liên Xô đã thông qua nghị quyết «Về việc bãi bỏ các Bộ và các cơ quan trung ương khác trực thuộc quản lý nhà nước Liên Xô». Không lâu trước đó, ngày 06 tháng 11 năm 1991, quyết định của Ủy ban phụ trách quản lý hoạt động kinh tế quốc dân Liên Xô số ПК — 2566 ngày 06 tháng Mười một năm 1991, các chức năng của thành viên Liên Xô trong Liên doanh «Vietsovetro» đã được chuyển giao từ cựu Bộ Công nghiệp Dầu khí sang cho Liên hiệp sản xuất Liên bang «Zarubezhneftestroy», chuyên về lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật ra nước ngoài. «Zarubezhneftestroy» đã nhận được những kinh nghiệm hợp tác đầu tiên với Việt Nam trong việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí quốc gia của nước này trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovetro», đảm nhiệm chức năng nhà tổng thầu, nhà tổng cung cấp, tuyển dụng nhân sự và nhiều vị trí khác.

Thêm một trang sử khác của lịch sử hợp tác dầu khí giữa Liên Xô và Việt Nam đã khép lại như vậy và một trang mới khác được mở ra — giữa Liên bang Nga và Việt Nam!



Cần cẩu phục vụ trên bờ của XNLD «Vietsovetro». Năm 2015

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 6689, Tờ 88–89.

² R Viện lưu trữ kinh tế LB Nga Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 12.



Buổi sáng trên sân bãi lắp ráp của liên doanh «Vietsovetro»

Liên doanh «Vietsovetro» trong bước ngoặt lịch sử

Trong khi ở cả hai nước đang tiến hành các cuộc đàm phán, thay đổi các bộ, hình thành những cấu trúc mới, tập thể cán bộ Xô — Việt ở Vũng Tàu vẫn tiếp tục công việc của mình.

Sớm ngày Chủ nhật, Tổng giám đốc Liên doanh «Vietsovetro» lái xe đi làm. Ông thích bắt đầu ngày làm việc của mình khi mặt trời chỉ vừa mới nhô lên khỏi đường chân trời và chưa kịp tỏa cái nắng thiêu đốt như lúc ban ngày. Vào thời điểm thanh bình này của ngày, những con đường của Vũng Tàu như mang một dáng vẻ gì đó thật đặc biệt. Không hiểu có phải từ sự tươi mát đến ngắt ngảy của buổi sáng, hay là vì sự thiếu vắng những luồng xe đông đúc và bụi bặm — người bạn đồng hành muôn thủa của chúng mà người ta cảm thấy như thị trấn nhỏ này đang dừng lại ở đâu đó giữa chuyển động của thời gian. Sự yên bình, thanh thản buổi sáng cho phép người ta hướng mình vào làn sóng cảm xúc cần thiết cho công việc.

Nhưng buổi sáng hôm nay dường như giám đốc chẳng để ý gì đến xung quanh. Ông vừa trở về từ Matxcova và vẫn còn đầy ấn tượng sau cuộc gặp mặt với bộ trưởng và buổi nói chuyện cứ quay đi quay lại trong trí ông cả chục lần.

Ba giờ đồng hồ liền, các quan chức của Bộ thảo luận vấn đề mà thoạt đầu tưởng như đơn giản — kết quả kiểm toán «Vietsovetro». Cuộc hội đàm trở nên khó khăn. Đối với Bộ, đây là một cấu trúc mới và do đó ít có ai trong số những người hiện diện có trách nhiệm với hoạt động trước đây của nó, còn những người phát biểu thì không ngại ngần tiếp tục truyền thống đưa ra những đánh giá mang tính hình thức và bề ngoài, vốn vẫn đeo đẳng liên doanh «Vietsovetro» ngay từ những ngày đầu hoạt động.

«Các đồng chí», Bộ trưởng đứng dậy và bắt đầu phát biểu, — việc thành lập ngành công nghiệp dầu mỏ của Việt Nam, trên thực tế, chỉ mới bắt đầu bây giờ, và ngay lập tức chúng ta dạy cho các bạn Việt Nam làm việc theo kiểu hoàn toàn không nên làm! Đó là một tội ác! — Bộ trưởng quay sang giám đốc: «Đồng chí Vovk, anh cần UBR để làm gì?! Anh làm gì có nhiều máy đến độ phải nuôi hẳn một UBR cho chúng! Có một phó phụ trách khoan, hãy để anh ta quản lý! Anh có một ban bán quân sự phụ trách an toàn giống phun lên đến những sáu mươi sáu người! Cái gì, cứ ba người trông một giếng á? Nó tốt ở chỗ nào? NGDU?! Không cần có NGDU nào hết. Các anh không khai thác được nhiều dầu và bảo dưỡng nhiều giếng đến nỗi cần hẳn một bộ máy đặc biệt NGDU. Bộ phận khai thác trong ban giám đốc là đủ! Khi nào chúng ta lớn mạnh, chúng ta sẽ có cơ hội trở lại với NGDU. Hôm nay không cần giữ những con người thừa, tất cả những rắc rối của các anh là từ đấy mà ra cả!»¹

Và bây giờ Giám đốc đang lái xe dọc theo thị trấn miền Nam Việt Nam. «Bộ có hiểu nguyên nhân những rắc rối của chúng ta không? — Ông nghĩ. — Họ có hiểu không, ở trên đấy, là chúng ta đang phải làm việc ở đâu và như thế nào? Không chỉ một ủy ban phải đến đây và làm việc không chỉ một tháng để có thể hiểu rõ điều này. Theo số liệu, quy tắc, lịch trình làm việc, các nhân viên phần cứng đều là chuyên gia, nhưng biết phải giải thích thế nào cho họ hiểu, rằng Việt Nam không phải là Baku hay Siberia và những tiêu chuẩn bất kỳ hay những quyết định chắc chắn nào đã được phê duyệt ở Matxcova chưa chắc đã được ở đây chấp nhận. Chả lẽ sau bao năm làm việc mà họ không hiểu được điều này?!»

Trong cặp hồ sơ của ông đang có Nghị định của hội đồng chỉ đạo giám nhân viên của công ty xuống 50%, trong khi «Vietsovetro» chưa bao giờ có đủ 100% vị trí tuyển dụng. Ngoài NGDU, UBR và các bộ phận quản trị sản xuất và phụ trợ khác, doanh nghiệp sẽ phải mất cả viện nghiên cứu và thiết kế đã được xây dựng vô cùng khó khăn. Trong đầu ông vang lên lời nói của vị Bộ trưởng:

¹ Bản tấu ký phiên họp Hội đồng của Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô ngày 23 tháng 6 năm 1988 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5051, Tờ 109–112.



Tổng Giám đốc liên doanh «Vietsovpetro» V. S. Vovk (thứ 2 từ trái sang) với các cán bộ của Viện VNIPImorneftegaz A. M. Vardanyan (ngoài cùng bên trái) và A. I. Perchik (ngoài cùng bên phải) gần tòa nhà văn phòng đại diện Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô tại Vũng Tàu. 1988–1989

«Học viện phải được bãi bỏ, không cần thiết! Chúng tôi không có ý định nuôi Viện bằng chi phí của Liên Xô. Nếu phía Việt Nam cần viện nghiên cứu, hãy để họ đưa nó ra khỏi liên doanh và tự chu cấp cho nó. Phải điều khiển công việc như vậy đấy!»

NIPIneftegas của «Vietsovpetro» là niềm tự hào của liên doanh. Viện được thành lập vào năm 1985 trên cơ sở Tổ hợp nghiên cứu khoa học và thiết kế và các chuyên gia giàu kinh nghiệm từ SahalinNIPInefi, Gipromorneftegaz và các viện đại học của Matxcova đã được mời đến làm việc. Dưới sự chỉ đạo của các nhà khoa học và kỹ sư Liên Xô, các nhà địa chất, các nhà thiết kế, các nhà hóa học địa phương trải qua thực tập và trở thành những chuyên gia giỏi. Nếu như trong những năm đầu tiên tồn tại, công ty đã bị ảnh hưởng rất nhiều vì không đăng ký kịp thời các tài liệu dự toán — thiết kế thì bây giờ Viện NIPI riêng đã trở thành một cây gậy thần có khả năng lập tất cả những tài liệu dự toán — thiết kế cần thiết đúng thời hạn và chất lượng. Khi mà thư từ bưu chính nào gửi đến Vũng Tàu cũng phải mất gần hai tháng, bất kỳ thỏa thuận nào cũng biến thành một quá trình mệt mỏi và dài đằng đẵng.

«Nếu chúng ta cứ làm việc như vậy — giám đốc nghĩ, — thì xí nghiệp đến phải đóng cửa mất thôi». Trong lời nói của Bộ trưởng và những nhà phê bình khác chứa nhiều sự thật cay đắng. Do lệnh cấm vận, máy móc thiết bị cho liên doanh «Vietsovpetro» phải được tính là mua cho Baku và đơn mua hàng cũng do người Baku thực hiện. Nhưng dầu của họ khi phun khói giếng không quá 25–30 độ, còn ở mỏ «Bạch Hổ» thì tới hơn 100. Những vòng khoen cao su sau đó biến thành những mảnh vụn cao su đen cháy cứng nhắc. Rõ ràng là phải mua mọi thứ thông qua bên thứ ba, mua thật nhanh và càng nhiều càng tốt. Cái tên «Vietsovpetro» không được xuất hiện ở đâu cả. Từ đó mà phát sinh tình trạng chi phí cao và dự trữ quá mức những vật liệu khan hiếm trong kho. Nhưng dĩ nhiên là giám đốc không thể trình bày tất cả điều này với Bộ trưởng nên bây giờ ông đang ở trong tình trạng mà ông rất ghét là không biết phải làm gì. Thời gian và khoảng cách, những yếu tố mà bình thường hay chống lại Vietsovpetro thì bây giờ lại là đồng minh của nó: chúng cho thêm thời gian suy nghĩ và không bị chi phối bởi những thanh tra viên phiền nhiễu.

Ngoài khung cửa sổ là hàng rào dài bao quanh địa phận xí nghiệp, đằng xa xa sau nó nhìn thấy rõ phần mặt sàn «cái ghế» của giàn khoan kế tiếp đang lật ngược và đã sẵn sàng hạ thủy, tuy nhiên vì là ngày nghỉ nên ở đây không có một bóng người. Chính vì thế mà những ý nghĩ không vui của vị giám đốc có phần bị phân tán bởi sự hiện diện của một nhóm nhỏ người Việt đứng bên hàng rào đang tiếp nhận bao xi măng từ địa phận xí nghiệp. «Ngày làm việc đã bắt đầu», — giám đốc nghĩ và yêu cầu tài xế dừng xe bên cạnh họ.

Cuối những năm 1980

Những kỳ vọng quá cao ngay từ khi bắt đầu hoạt động đã đeo đẳng liên doanh «Vietsovpetro» và trên căn cứ đó, mỗi viên thanh tra cả từ phía Liên Xô lẫn phía Việt Nam đều tìm được nguyên cớ để đổ lỗi cho tập thể trong bất kỳ tội lỗi lớn nhỏ nào.

Từ hồi ký của ông Ngô Thường San, năm 1981–1993 là Phó Tổng giám đốc liên doanh «Vietsovpetro»: «Thình thoảng tôi lại nghe thấy những khẳng định của một số người Mỹ bảo rằng chính họ đã phát hiện ra Bạch Hổ. Nhưng những vật liệu của họ thì cho thấy rằng họ gần như mới chỉ đạt được (tầng) Miocen. Khi chúng tôi nhận được mẻ dầu Miocen đầu tiên, sản lượng khai thác khi đó không đáng kể, và tâm trạng bi quan nhanh chóng lan truyền trong một số chuyên gia và lãnh đạo đảng. Chỉ quá nhiều tiền thế để làm gì? Loại bỏ «Vietsovpetro» thôi!

Tâm trạng bi quan tương tự cũng có ở một số chuyên gia Liên Xô khác.

Khi Bộ Công nghiệp Dầu mỏ Minnefteprom trở thành giám sát viên của Liên doanh «Vietsovpetro», nhiều nhân viên của Bộ đã đặt câu hỏi: «Tại sao chỉ với trữ lượng nhỏ thôi mà lại phải tạo ra một căn cứ ven biển mạnh như vậy? Sao lại để xảy ra tình trạng lãng phí tiền của người dân một cách vô ích thế?»

Và hoàn toàn có khả năng là Liên doanh «Vietsovpetro» đã bị xóa sổ nếu như không phải đồng chí Đỗ Mười, người tin tưởng vững chắc vào tương lai dầu mỏ Việt Nam và tin tưởng vào sự hợp tác với Liên Xô. Vào thời điểm khó khăn đó, đã có nhiều ý kiến về sự cần thiết của một đối tác chung khác, ở phương Tây. Nhưng đồng chí Đỗ Mười đã tuyên bố rằng chúng ta có thể tạo ra một ngành công nghiệp dầu mỏ thực sự có giá trị ở đất nước mình chỉ với Liên Xô.

Riêng với cá nhân tôi, khoảng thời gian trước khi phát hiện ra dầu trong tầng đá móng là thời điểm nặng nề nhất. Tôi nghĩ rằng nhiều người cũng có suy nghĩ như vậy, những ai đã làm việc trong liên doanh «Vietsovpetro» tại thời điểm này¹.

Trong khi đó, Liên doanh «Vietsovpetro» có thể tự hào về công việc đã làm. Đến cuối năm 1988, công tác điều tra địa vật lý phục vụ việc khoan thăm dò của «Vietsovpetro» đã thi công 19 công trình, khoan 60 nghìn mét giếng tìm kiếm — thăm dò, ba mỏ dầu được phát hiện, tăng thêm 96 triệu tấn dầu công nghiệp với hiệu suất 1.600 tấn mỗi mét đào xâm nhập, điều một lần nữa khẳng định triển vọng cao của thềm lục địa Việt Nam². Tất cả những dữ liệu này đều được đưa vào «quỹ tiết kiệm» của Việt Nam và cho phép họ tiến hành đối thoại bình thường với các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng cũng như nhận từ họ một khoản phí nhất định cho việc cung cấp thông tin địa chất ban đầu.

Vào cuối những năm 1980, ở thềm lục địa Nam Việt Nam có một hải đoàn mạnh bao gồm 29 đơn vị: hai tàu cần cẩu- lắp ráp, vận chuyển — lắp ráp, 10 tháp kéo, ba tàu kéo neo, hai tàu chữa cháy, tàu lặn, xe kéo, hai giàn khoan nổi chuyên dụng, tàu nghiên cứu, giàn khoan nửa nổi nửa chìm, tàu khoan, hai tàu kỹ thuật địa chất, tàu hàng đông lạnh, tàu chở dầu. Trong số này, 13 đơn vị hải

¹ Phỏng vấn ông Ngô Thường San, 19 tháng 4 năm 2015, TP. Hồ Chí Minh.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2, Hồ sơ 5655, Tờ 17.



Giàn khoan nổi chuyên dụng «Tam Đảo» tại điểm khoan



Tàu bảo dưỡng của Liên doanh «Vietsovpetro»



Dự thảo đã đề xuất: «*Thiết lập rằng tất cả các quỹ bằng ngoại tệ nhận được từ việc bán phần dầu mỏ mà Liên hiệp Kinh tế đối ngoại Nga «Zarubezhneft» được hưởng trong năm 1991–1992, nêu trong điều 3 của chỉ thị này sẽ được tính vào việc thanh toán các chi phí phát sinh từ phía Liên Xô để tạo thành vốn điều lệ của Liên doanh «Vietsovpetro» và được sử dụng theo thứ tự sau:*

— 50% — chuyển cho ngân sách Liên bang Nga vào tài khoản của Bộ Tài chính Liên bang Nga và

— 40% — tài trợ cho công tác khôi phục và đưa vào vận hành các giếng dầu không hoạt động thuộc các doanh nghiệp khai thác dầu của Liên bang Nga theo nghị định số 10-p của Chính phủ Liên bang Nga ngày 4 tháng Giêng năm 1992,

— 10% — hướng đến việc phát triển hoạt động sản xuất — kinh doanh của Liên hiệp Kinh tế đối ngoại Nga «Zarubezhneft», cũng như cho việc tiếp tục khai thác các nguồn tài nguyên dầu khí của thềm lục địa Việt Nam»¹.

Trước ngày 1 tháng 10 năm 1992, Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Liên bang Nga, JSC «Zarubezhneft» đã được lệnh tiến hành các cuộc đàm phán với phía Việt Nam và dựa trên kết quả đàm phán, đệ trình các đề xuất về mở rộng hợp tác trong lĩnh vực dầu khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam, «ngụ ý hướng phần lợi nhuận của thành viên Nga vào việc khai mở các mỏ dầu khí mới, xây dựng các nhà máy chế biến dầu mỏ và khí đốt»².

Bộ Tài chính Liên bang Nga đề nghị cố định nghĩa vụ của «Zarubezhneft» là dành một nửa doanh thu mà Liên hiệp nhận được trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro» cho sự phát triển của công ty.

Dần dần, trong các cơ quan nhà nước cấp cao nhất phát sinh ý tưởng chuyển nghị định của Chính phủ Liên bang Nga thành sắc lệnh tương ứng của tổng thống, và do đó tất cả các tài liệu được chuyển đến Văn phòng Tổng thống Nga. Ở đó, Vụ Pháp lý Nhà nước đã chỉ trích dự thảo. Các luật sư của Tổng thống gọi ý tưởng chuyển giao quyền sở hữu tài sản và chức năng của nhà nước cho một công ty thương mại là «đần độn» «bậy bạ». Đề xuất của khoản 1 giao phó chức năng của người tham gia Nga trong Liên doanh «Vietsovpetro» sang cho «Zarubezhneft» là một kiểu trá hình của việc chuyển giao miễn phí một phần tài sản liên bang (dưới dạng tỷ lệ trong vốn điều lệ và tài sản khác của liên doanh) sang sở hữu của một cơ cấu thương mại» — họ viết như vậy trong phần kết luận của mình³.

Khuyến nghị của các luật sư thuộc chính quyền Tổng thống là như sau: «<...> cho tới khi vấn đề hình thức tham gia về mặt tổ chức — pháp lý vào công ty liên doanh được quyết định, tất cả những người kế vị của phía Liên Xô được xác định thành viên là Ủy ban quản lý tài sản nhà nước Liên bang Nga, Bộ Quan hệ Kinh tế đối ngoại Nga, Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga hoặc một dạng như «hội đồng bảo trợ đặc biệt phụ trách quản lý tài sản cho tới khi vấn đề thừa kế được giải quyết».. Cho phép người tham gia này trên cơ sở hợp đồng chặt chẽ chuyển một phần chức năng của mình cho một đại lý của Nga với tỷ lệ lợi nhuận nhất định. Lợi nhuận của phía Nga được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính tại Ngân hàng Trung ương, dự trữ ngoại hối tập trung của Chính phủ (hay tổ chức khác, nhưng không bị giới hạn bởi từ «đặc biệt» mơ hồ). Đại lý mà JSC «Zarubezhneft» có thể trở thành sẽ nộp lệ phí với số tiền vài phần trăm. Vấn đề về chức năng của nhà đặt hàng chung và tổng thầu cũng quyết định trên cơ sở hợp đồng

nhưng không quên về sự khác biệt giữa chủ sở hữu hoặc người đại diện của anh ta với những người lao động được họ chi trả»⁴.

Sau tất cả các phê duyệt, vào cuối tháng Chín năm 1992, Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga E. T. Gaidar đã ký nghị định «Về các biện pháp đảm bảo hoạt động của Liên doanh Việt Xô «Vietsovpetro».

Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 752 ngày 29/9/1992: «Để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp Xô — Việt «Vietsovpetro», được thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam về hợp tác hơn nữa trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên lục địa Nam Việt Nam trong khuôn khổ doanh nghiệp Xô — Việt «Vietsovpetro» ngày 16 tháng Bảy năm 1991 và tuân thủ các quy định của Hiệp định ngày 6 tháng Bảy năm 1992 về việc phân phối tất cả sở hữu tài sản thuộc Liên Xô cũ ở nước ngoài, Chính phủ Liên bang Nga quyết định:

1. Giao cho Bộ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại Liên bang Nga, Ủy ban Nhà nước Liên bang Nga về Quản lý tài sản Nhà nước, Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Liên bang Nga, Ủy ban Nhà nước Liên bang Nga về Hợp tác Kinh tế với các nước thành viên Khối các quốc gia độc lập (SNG) đưa ra Ủy ban về Kế thừa liên quan tới các thỏa thuận đôi bên cùng có lợi, các tài liệu lưu trữ nhà nước, quyền sở hữu nhà nước, các khoản nợ và tài sản của Liên Xô cũ xem xét các đề xuất về những vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên doanh Việt — Xô «Vietsovpetro» và tỷ lệ của các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ trong vốn điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Xác định Ủy ban Nhà nước Liên bang Nga về Quản lý tài sản nhà nước là thành viên «Vietsovpetro» từ phía Nga.

3. Đồng ý/Nhất trí với đề xuất của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng của Liên bang Nga về việc giao phó chức năng nhà cung cấp tổng hợp và tổng thầu về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế của «Vietsovpetro» cho Liên hiệp Kinh tế đối ngoại Nga «Zarubezhneft».

4. Quy định rằng quỹ vốn bằng ngoại tệ, vốn nhận được như lợi nhuận của người tham gia theo các điều khoản của Hiệp định Liên chính phủ Liên Xô — Việt Nam ngày 16 tháng 7 năm 1991, sau khi trừ các khoản lệ phí mà «Zarubezhneft» phải được hưởng theo cách thức quy định, phải được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính Liên bang Nga».

Ủy ban Quản lý tài sản Nhà nước và Bộ Ngoại giao Nga đã chuẩn bị một thỏa thuận liên chính phủ giữa Liên bang Nga và Việt Nam «Về sự kế thừa của Liên bang Nga trong thỏa thuận giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam về hợp tác hơn nữa trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt — Xô «Vietsovpetro» ngày 16 tháng 7 năm 1991».

Theo chỉ thị của Ủy ban Quản lý tài sản Nhà nước Nga số 634-p ngày 28 tháng 10 năm 1992, JSC «Zarubezhneft» được cung cấp quyền hạn người tham gia trong Liên doanh «Vietsovpetro». Ngày 29/1/1993, Ủy ban Quản lý tài sản Nhà nước Nga và «Zarubezhneft» đã ký kết Thỏa thuận Ủy ban số 043/5, quy định thanh toán cho JSC «Zarubezhneft» do việc thực hiện các chức năng của thành viên liên doanh «Vietsovpetro» với mức hoa hồng

là 5% lợi nhuận ròng mà người tham gia Nga nhận được từ hoạt động của liên doanh..

Điều lệ mới của Liên doanh «Vietsovpetro» đã được thông qua bởi các thành viên Nga và Việt Nam — JSC «Zarubezhneft» và Petrovietnam — ngày 23 tháng 12 năm 1992, được đăng ký ở Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư của nước CHXHCN Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 1993. Theo điều lệ, cơ quan quản lý cao nhất của liên doanh «Vietsovpetro» vẫn là Hội đồng mà thành phần bao gồm năm đại diện thường trực từ mỗi bên tham gia. Từ phía Nga — các đại diện của JSC «Zarubezhneft», Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga, Ủy ban Quản lý Tài sản Nhà nước Nga và Ban Giám đốc Liên doanh «Vietsovpetro».

Theo ghi nhận của Ủy ban Quản lý tài sản Nhà nước Nga và Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga, «sau những nỗ lực đáng kể, liên hiệp đã khôi phục được trong quan hệ với phía Việt Nam bầu không khí tin cậy và hiểu biết lẫn nhau, vốn đã bị mai một trong bối cảnh Liên Xô sụp đổ, cũng như xây dựng và thỏa thuận về cơ chế tương tác, cho phép điều chỉnh một số vấn đề quan trọng nhất liên quan đến việc hoàn trả những số tiền đáng kể của khoản nợ đã hình thành trước đây, giải quyết vấn đề bãi bỏ thuế xuất khẩu trên phần lợi nhuận của người tham gia Nga, cũng như đẩy nhanh việc giải quyết nhiều vấn đề quan trọng khác đối với nước Nga»¹.

Vào tháng 12 năm 1992 một sự kiện khác đã xảy ra và có ảnh hưởng thuận lợi đối với quá trình hồi sức mỗi quan hệ Nga — Việt: từ ngày 14 đến 21 tháng 12 đã diễn ra phiên họp thứ nhất của Ủy ban liên chính phủ Nga — Việt về kinh tế, khoa học và kỹ thuật (MRVK), hình thành theo mô hình MRVK đã tồn tại trước đây. Vẫn như trước, lãnh đạo Ủy ban là các phó Thủ tướng hai nước và những vấn đề quan trọng nhất của hợp tác đã được xem xét giải quyết tại các cuộc họp của ủy ban. Trong phiên họp thứ II của MRVK tổ chức tại Hà Nội ngày 27 tháng 5 năm 1993, đại diện hai nước đã ký một thỏa thuận về việc kế thừa của Liên bang Nga trong liên doanh mà bây giờ đã trở thành xí nghiệp Việt Nga — «Vietsovpetro».

Tuy nhiên theo Sắc lệnh của Tổng thống Nga ngày 17 tháng 11 năm 1992 №1403 «Về những đặc thù của việc tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước, các Liên hiệp sản xuất và khoa học của ngành công nghiệp dầu mỏ, chế biến dầu và cung cấp sản phẩm dầu mỏ», cho đến cuối năm, JSC «Zarubezhneft» cũng phải chịu cổ phần và tư nhân hóa như các Liên hiệp khai thác dầu khí khác. Đây là một vấn đề khác tinh tế và dù nó chỉ mang tính chất nội bộ, ý kiến của đối tác Việt Nam đã được quan tâm trong trường hợp này.

***Trích thư của Bộ trưởng Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Liên bang Nga Yu. K. Shafranik gửi Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga V. S. Chernomyrdin, ngày 21 tháng 2 năm1994:** «Việc thỏa thuận với phía Việt Nam về cơ chế tương tác đòi hỏi những nỗ lực đáng kể và sự thay đổi quy chế nhà nước của Liên hiệp «Zarubezhneft»«như kết quả của quá trình cổ phần hóa có thể ảnh hưởng không tốt đến quan hệ với phía Việt Nam, tạo cho họ lý do chính thức để xem xét lại các thỏa thuận đã được thông qua trước đó theo hướng có lợi cho mình. Ngoài ra, Liên doanh «Vietsovpetro» là cơ sở lớn nhất của Nga ở nước ngoài mà các công ty từ các nước thứ ba và đặc biệt là Hoa Kỳ tỏ sự quan tâm rất lớn, vì vậy khả năng tổn hại vị thế của người tham gia Nga sẽ dẫn đến những tổn thất ngoại hối lớn. Xét những điều nêu trên, chúng tôi cho rằng tạm thời chưa nên tiến hành việc cổ phần hóa và tư nhân hóa Liên hiệp JSC «Zarubezhneft», có nghĩa là chỉ tiến hành*

tư hữu hóa sau khi đã nghiên cứu thật kỹ lưỡng vấn đề này với phía Việt Nam, chuẩn bị và đưa ra quyết định đặc biệt của Chính phủ Liên bang Nga phù hợp với pháp luật hiện hành»².

Một tình huống pháp lý khó khăn như sau đã phát sinh: không ai có ý định hủy bỏ nghị định về tư nhân hóa các Liên hiệp khai thác dầu khí, tuy nhiên cũng không thể tư nhân hóa RVO «Zarubezhneft», theo quan điểm của nhiều đại biểu tham gia thảo luận, để không kích động phía Việt Nam thay đổi Hiệp định liên chính phủ về liên doanh «Vietsovpetro». Một trong các văn bản chính thức đã nêu rõ, «bất kỳ hành động nào liên quan đến sự thay đổi tình trạng pháp lý của JSC «Zarubezhneft» như một doanh nghiệp nhà nước đơn nhất <...> có thể dẫn đến việc phía Việt Nam đơn phương từ chối tuân thủ các điều khoản trong Thỏa thuận Liên chính phủ ngày 16 tháng 7 năm 1991 và kéo theo những tổn thất đáng kể về kinh tế và chính trị cho Liên bang Nga»³.

***Từ thông tin của Bộ nhiên liệu và năng lượng Nga về hoạt động của xí nghiệp Liên doanh Việt-Nga «Vietsovpetro»:** «Hợp tác đôi bên cùng có lợi giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực khai thác tài nguyên dầu khí của Việt Nam là cốt lõi của quan hệ song phương, là nền tảng kinh tế vững chắc trong ảnh hưởng chính trị và chiến lược của chúng ta tại Việt Nam. Hiện tại, Liên doanh «Vietsovpetro» phải làm việc trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt nhất từ phía các công ty dầu mỏ phương Tây, vốn đang nỗ lực không ngừng để đẩy bật người Nga. Trong những năm gần đây, họ đã nhiều lần đề nghị mua một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Nga trong liên doanh. Như vậy mục tiêu họ theo đuổi là không chỉ làm suy yếu vị thế của Nga trên thị trường dầu hứa hẹn của Việt Nam, mà còn xóa bỏ một cơ sở kinh tế vững chắc của Nga để thực hiện những lợi ích địa chính trị trong khu vực này. Hành động của các công ty hàng đầu của Mỹ («Mobile, Occidental, Conoco,...) ở Việt Nam được Tổng thống và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xem là một trong những kênh thâm nhập chính vào đất nước này và được họ hỗ trợ theo mọi cách có thể.*

Liên doanh «Vietsovpetro» là một đối tượng chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và hoạt động của công ty nằm dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Võ Văn Kiệt và Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười. Ban lãnh đạo Việt Nam nhìn thấy trong sự thành công của «Vietsovpetro» và sự hiện diện của Nga yếu tố đối kháng quan trọng trước những nỗ lực của các công ty phương Tây độc quyền hóa việc thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam.

Ở Việt Nam, việc hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí được thực hiện trên cơ sở liên chính phủ có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, mà đại diện cho lợi ích của Nga trong liên doanh «Vietsovpetro» là JSC «Zarubezhneft» — một doanh nghiệp nhà nước đơn nhất, điều làm người Việt Nam thấy được sự bảo đảm về sự tham gia lâu dài của Nga trong việc phát triển tài nguyên dầu khí của Việt Nam và không bị nhay cảm trước các biến động thị trường tạm thời. <...>

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 3558. Từ 51.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Từ 37.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 4. Hồ sơ 413. Từ 28–29.

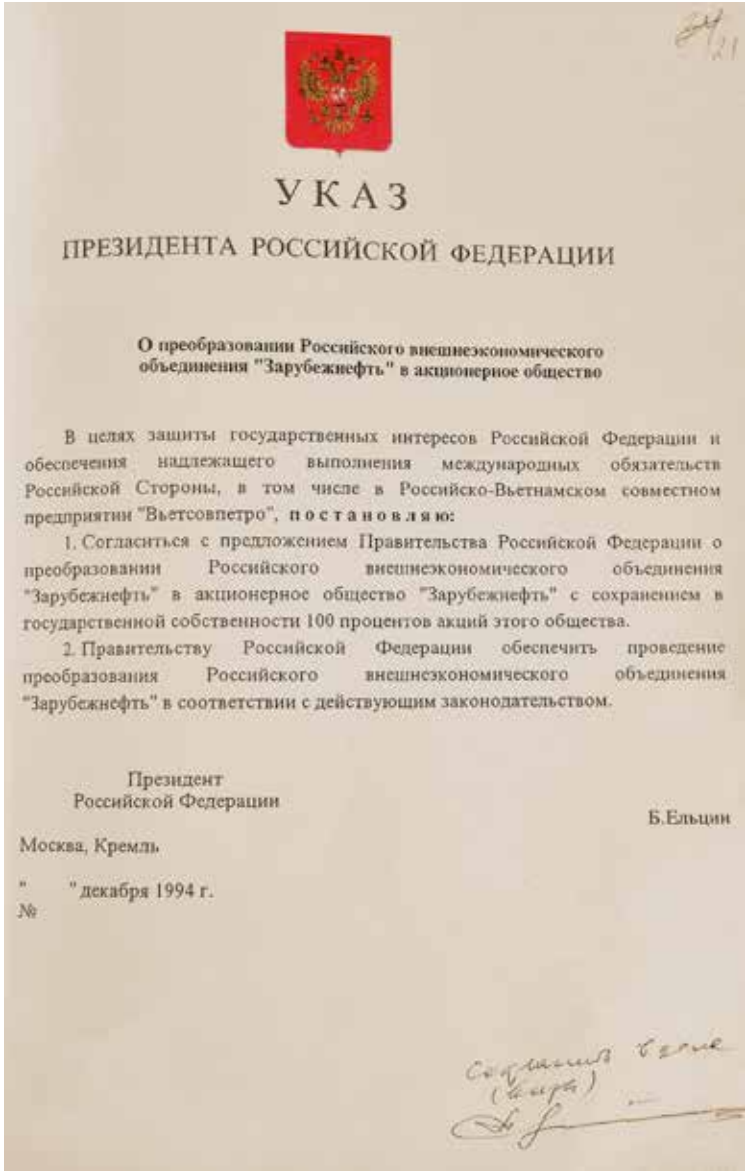
^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 4. Hồ sơ 413. Từ 28. Một quy chế tương tự cho việc phân phối lợi nhuận, nhận được từ liên doanh «Vietsovpetro», đã tồn tại cho đến năm 2001. Ngày 14 tháng 2 năm 2001, Chính phủ LB Nga đã thông qua nghị quyết đặc biệt quy định việc chuyển 95% lợi nhuận vào ngân sách liên bang và 5% như một khoản thù lao cho liên hiệp JSC «Zarubezhneft».

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 4. Hồ sơ 413. Từ 20.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 4. Hồ sơ 413. Từ 19.

^[5] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 4. Hồ sơ 413. Từ 10–10 ms.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 3558. Từ 48.



«Bảo lưu như trước». Dự thảo Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga B. N. Yeltsin về việc chuyển RVO «Zarubezhneft» thành công ty cổ phần (1994), được V. V. Putin ký 10 năm sau đó — vào năm 2004

1994

Chúng tôi tin rằng bất kỳ thay đổi nào trong vấn đề này sẽ tạo cơ hội cho phía Việt Nam đạt được những sửa đổi có lợi cho họ trong Hiệp định Liên Chính phủ hiện tại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch mà các công ty dầu mỏ của các nước khác, chủ yếu là Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc toan tính là mua lại cổ phần của Nga trong Liên doanh «Vietsovpetro».

Ngược lại, sự quan tâm sâu sắc hơn của Việt Nam đối với sự tham gia của Nga ở cấp nhà nước trong việc phát triển mỏ dầu và khí đốt có thể giúp giải quyết có lợi cho chúng ta một số vấn đề cấp bách như trả nợ của Việt Nam, mở rộng hợp tác kỹ thuật quân sự, vv.

Theo quan điểm nêu trên, có vẻ như hợp lý khi duy trì tình trạng pháp lý doanh nghiệp nhà nước đơn nhất cho «Zarubezhneft», <...> giao phó cho Liên hiệp thêm chức năng nhà điều phối hoạt động của các công ty nhà nước và các cơ cấu thương mại khác của Nga liên quan đến việc phát triển tổ hợp dầu khí Việt Nam»¹.

Quyết định năm 1992 về việc tư hữu hóa các liên hiệp khai thác dầu khí cấm chuyển giao 100% cổ phần của một doanh nghiệp tư nhân cho nhà nước, mặc dù các luật sư đã tìm thấy lỗ hổng trong luật về tư nhân hoá các Liên hiệp kinh tế nước ngoài mà cuối cùng vẫn cho phép nhà nước sở hữu trọn gói cổ phần của chúng. Tuy nhiên, Vụ Pháp chế Nhà nước của Tổng thống Nga lại lên tiếng phản đối điều này.

1992

Trích thư của Quyền Vụ trưởng Vụ Pháp lý Nhà nước trực thuộc tổng thống Liên bang Nga A. V. Maslov gửi Chánh Văn phòng Chính phủ Liên bang

Nga V. S. Babichev, ngày 10 tháng Giêng năm 1995:
«*Theo Vụ Pháp lý Nhà nước, những kết luận của các bộ, ngành đưa ra không có đầy đủ lý do để thay đổi thủ tục tư nhân hoá JSC «Zarubezhneft» theo Nghị định số 1403 ngày 17 tháng Mười một năm 1992. Theo những kết luận này, sự quan ngại của phía Việt Nam không phải là thủ tục phân chia cổ phiếu của JSC «Zarubezhneft» mà là chính thực tế tư hữu hoá doanh nghiệp này. Trong bối cảnh này, nên cân nhắc vấn đề giữ ««Zarubezhneft»«thuộc quyền sở hữu nhà nước và hoạt động tiếp theo của nó như một doanh nghiệp đơn nhất theo cách thức được quy định tại các Điều 113–114 của Bộ luật Dân sự Liên bang Nga.*

Ngoài ra, không rõ việc tư hữu hóa JSC «Zarubezhneft» có thể ảnh hưởng bất lợi như thế nào đến quan hệ với phía Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh «Vietsovpetro»,vi căn cứ theo Nghị định số 752 của Chính phủ Liên bang Nga ngày 29 tháng Chín năm 1992 «Về các biện pháp để đảm bảo hoạt động của liên doanh Xô — Việt «Vietsovpetro» «Vietsovpetro» », người tham gia liên doanh này từ phía Nga là Ủy ban Quản lý Tài sản Nhà nước Nga, và RVO «Zarubezhneft» chỉ thực hiện các chức năng của nhà cung cấp tổng hợp và tổng thầu. Trong liên quan này, những tham chiếu trong phần mở đầu của Nghị định về bảo vệ lợi ích nhà nước Nga và sự cần thiết thực hiện đúng nghĩa vụ quốc tế trong liên doanh «Vietsovpetro» dường như không có cơ sở.

Xét những điều nêu trên, Vụ Pháp lý Nhà nước không tìm thấy căn cứ cho việc sửa đổi một phần Nghị định số 1403 của Tổng thống Liên bang Nga ngày 17 tháng 11 năm 1992 liên quan đến Liên hiệp RVO «Zarubezhneft». <...> Tuy nhiên, nếu vì hoàn cảnh nào đó mà hiện nay phía Việt Nam không đồng ý với việc thực hiện một số chức năng của người tham gia Nga trong Liên doanh «Vietsovpetro» bởi một doanh nghiệp không thuộc sở hữu của nhà nước, những chức năng này có thể được chuyển giao cho một doanh nghiệp nhà nước khác theo thỏa thuận với Ủy ban quản lý tài sản Nga hoặc vấn đề giữ JSC «Zarubezhneft»trong sở hữu nhà nước cần phải được xem xét».

1992

Một lần nữa, những lập luận của luật sư được công nhận là đúng đắn và Ủy ban quản lý tài sản Nhà nước Nga (Goskomimusestvo) đề nghị chính phủ không tư nhân hóa RVO «Zarubejneft» mà cố gắng đạt tới việc đưa sửa đổi vào Sắc lệnh Tổng thống về tư hữu hóa trong ngành dầu khí. Vào thời điểm này, lãnh đạo chính phủ là ông V. S. Chernomyrdin, cựu Bộ trưởng Bộ Công nghiệp khí đốt Liên Xô và Chủ tịch Hội đồng quản trị OAO «Gazprom», người hiểu rõ đặc điểm tính cách Việt Nam và do đó đã xin Tổng thống Nga B. N. Yeltsin cho một ngoại lệ trong Sắc lệnh ngày 17 tháng 11 năm 1992. Ngày 29 tháng 5 năm 1995, Tổng thống Nga đã ký Sắc lệnh №544 «Về các biện pháp đảm bảo hoạt

động của xí nghiệp liên doanh Nga — Việt «Vietsovpetro»«, theo đó RVO «Zarubezhneft» được đưa ra khỏi danh sách các doanh nghiệp được tư nhân hóa và chuyển sang quy chế doanh nghiệp nhà nước¹.

1992

Đầu tư quay trở lại!

Từ đầu những năm 1990, «đề án dầu khí Việt Nam» đã chuyển từ vị trí người tiêu dùng sang thành người hiến tặng cho nền kinh tế Việt Nam và Nga. Các vỉa dầu mỏ mới được phát hiện, việc xây dựng các cơ sở sản xuất, cơ sở hạ tầng và sinh hoạt xã hội quan trọng nhất đã được hoàn thành. Nhìn chung Liên doanh «Vietsovpetro» đã đứng dậy và bắt đầu mang lại lợi nhuận cho các đầu tư vào nó. Ý tưởng của Bộ trưởng Bộ công nghiệp Khí đốt Liên Xô S. A. Orudzhev về sự cần thiết tiến hành song song việc thăm dò các mỏ và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ khai thác dầu ở miền Nam Việt Nam đã được thực hiện một cách xuất sắc, mặc dù không phải không gặp nhiều khó khăn.

Trước hết, Việt Nam đã thắng như một đất nước — chủ sở hữu tài nguyên trong lòng đất. Dầu mỏ do Liên doanh «Vietsovpetro» khai thác, với sự đồng ý của người tham gia Nga, được chuyển giao cho Công ty thương mại dầu khí nhà nước Việt Nam «Petechim» tiêu thụ. Một thỏa thuận đã được ký kết giữa Liên doanh «Vietsovpetro» và Tổng công ty «Petechim», trừ định thanh toán cho công ty khoản hoa hồng bằng 1% cổ phần của Liên doanh. Theo quyết định của cuộc họp XVII của Hội đồng Liên doanh «Vietsovpetro» ngày 24 tháng 12 năm 1994, hoa hồng của Công ty nhà nước «Petechim» từ ngày 1 tháng Giêng năm 1995 được thiết lập ở mức 0,9 USD cho mỗi tấn dầu bán ra. Trong giai đoạn các năm 1991–1996, Công ty «Petechim» đã nhận hơn 48 triệu USD tiền hoa hồng từ việc bán dầu cho Liên doanh «Vietsovpetro».

Các khoản thanh toán của Liên doanh «Vietsovpetro» với ngân sách nhà nước Việt nam trong giai đoạn 1991–1996 đã được thực hiện như sau: trả thuế sử dụng tài nguyên (royalty) số tiền 903,2 triệu đôla Mỹ, thuế lợi tức — 819,9 triệu, thuế «chuyển tiền» đối với các chuyển khoản lợi nhuận của người tham gia Nga — 41,4 tr. Ngoài ra, Liên doanh «Vietsovpetro» đã nộp thuế xuất khẩu dầu mỏ (4% trên lượng dầu bán ra) số tiền 169,7 triệu USD, khoản mà thật ra phía Nga coi là bất hợp pháp. Trong các năm 1991–1996, lợi nhuận ròng của người tham gia Việt Nam là 812,1 triệu USD². Như vậy, trong giai đoạn này, Việt Nam như người chủ sở hữu lòng đất đã nhận được hơn 2,6 tỷ USD.

Những chuyển khoản lợi nhuận đầu tiên cho người tham gia Nga của Liên doanh «Vietsovpetro» được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 5 năm 1992 với số tiền là 52,2 triệu USD, tiếp theo là số tiền 14,2 triệu USD vào tháng Tám cùng năm. Tất cả các khoản tiền được chuyển vào tài khoản thanh toán của RVO «Zarubezhneft» và được sử dụng theo chỉ đạo của công ty nhà nước «Rosneftegaz», cơ quan tạm thời thực hiện các chức năng của Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô đã giải thể, để thanh toán cho các hợp đồng nhập khẩu đã ký về cung cấp thiết bị, vật liệu và hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu sản xuất — xã hội của các xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp dầu khí cũng như những khoản thanh toán không đúng hạn do các quỹ ngoại tệ của Ngân hàng kinh tế đối ngoại Vnesheconombank Liên xô bị đóng băng³. Việc này cho phép tránh được tranh chấp ở trọng tài quốc tế, khỏi chi

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 3558. Tờ 1.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 13–15.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 14.

trả các khoản phạt và giữ gìn uy tín của RVO «Zarubezhneft» nói riêng và Liên bang Nga nói chung trên thị trường quốc tế.

Theo kết quả phân chia sản phẩm, phần tỷ lệ của Liên bang Nga trong tổng doanh thu từ việc bán dầu của Liên doanh «Vietsovpetro» trong các năm 1991–1996 trung bình đạt 15,9%, 795,4 triệu USD đã được chuyển về Nga (tổng lợi nhuận của người tham gia Nga trong giai đoạn này là 807, 4 triệu USD). Những người đại diện chính thức của Nga đã tuyên bố rằng vào năm 1996, «những chi phí của phía Liên Xô liên quan đến việc thành lập xí nghiệp liên doanh đã được hoàn trả trên thực tế»⁴.

Nga đã sử dụng số tiền này như thế nào?

Nghị quyết số 755 của Chính phủ Liên bang Nga ngày 4 tháng Tám năm 1993 đã xác lập quy chế sử dụng tiền nhận được từ các hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» (bao gồm cả phí hoa hồng của RVO «Zarubezhneft»), cụ thể như sau:

— 50% số tiền phải được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga để trả nợ nước ngoài, thực hiện các thanh toán vô điều kiện bằng ngoại tệ và đáp ứng các nhu cầu khác của quốc gia;

— 35% số tiền cho các mục tiêu riêng — chuyển vào tài khoản đặc biệt của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga để thực hiện tái trang bị kỹ thuật và tái thiết kế các doanh nghiệp về chế tạo máy dầu khí, đưa vào vận hành các giếng chưa hoạt động, xây dựng các cơ sở khai thác dầu mới ở Liên bang Nga và phát triển lĩnh vực xã hội của các doanh nghiệp thuộc Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga;

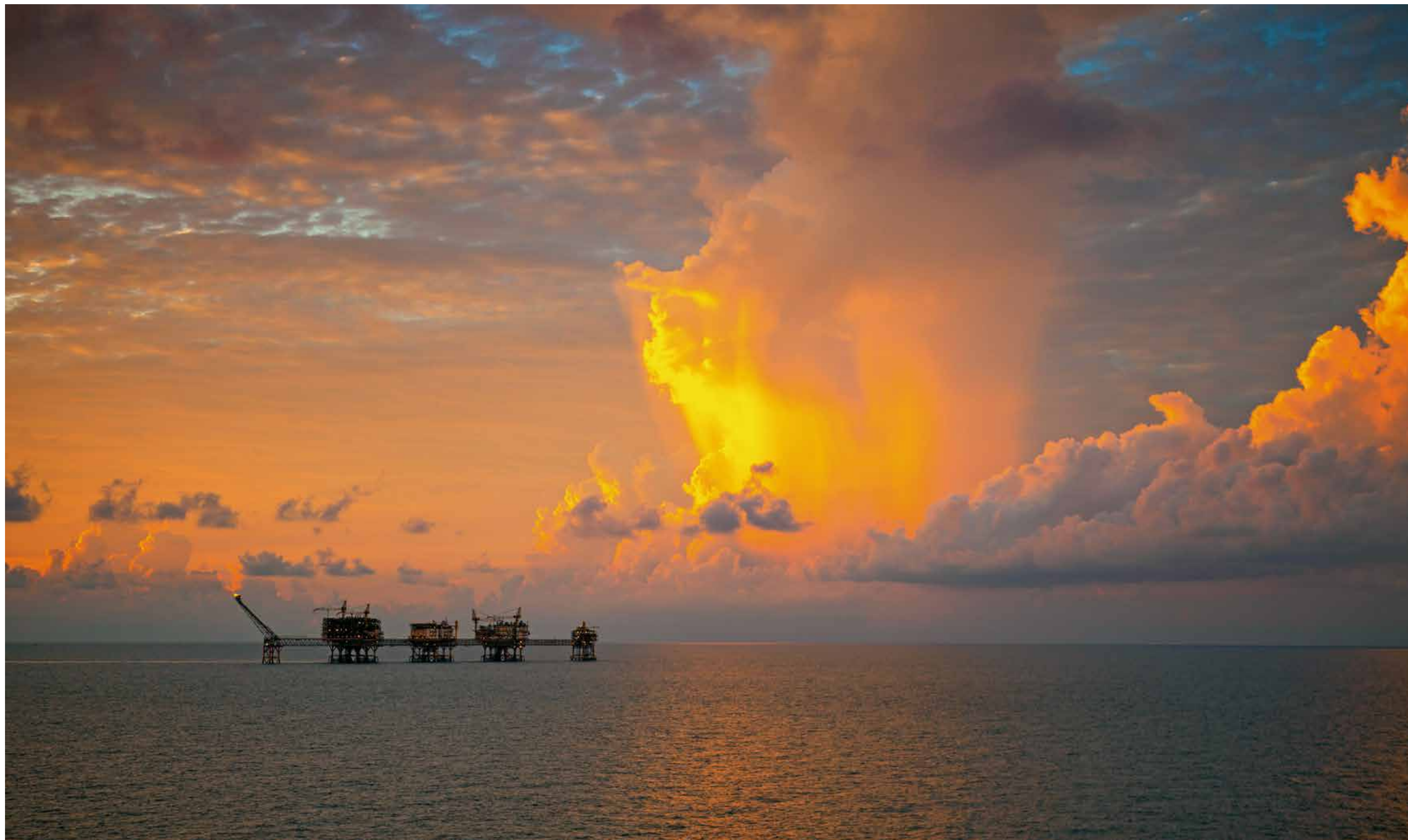
— 10% số tiền — vào tài khoản đặc biệt của RVO «Zarubezhneft» để sử dụng cho việc tiếp tục khai thác tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa Nam Việt Nam và phát triển các dự án cho khu liên hợp nhiên liệu và năng lượng của Việt Nam.

Như vậy, 10% tiền nhận được từ Liên doanh «Vietsovpetro» đã được RVO «Zarubezhneft» sử dụng vào việc hỗ trợ các hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ, với sự đồng ý của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng và Bộ Tài chính Nga, chúng được sử dụng để tài trợ cho việc phát triển các mỏ dầu mới trên thềm lục địa Nam Việt nam, ổn định tình hình tài chính của Liên doanh «Vietsovpetro» (cho liên doanh vay), mở rộng lĩnh vực hoạt động và tạo quỹ đặc biệt để tăng lương cho các chuyên gia trình độ cao được mời từ Nga đến Liên doanh «Vietsovpetro» làm việc. Hơn 12 triệu USD trong số tiền này đã được cung cấp cho OJSC «Sakhalinmorneftegaz» vay để tái thiết Giàn khoan tự hành «Kolskaya» đã làm việc trên thềm lục địa Nam Việt Nam. Năm 1995, 4 triệu USD đã được gửi đi để khắc phục những hậu quả nặng nề của trận động đất xảy ra ở các cơ sở của tổ hợp nhiên liệu và năng lượng ở Sakhalin.

Một phần ba số tiền nhận được từ hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» (35%) đã được chuyển sang tài khoản của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga để hỗ trợ (cho vay) ngành dầu khí Nga. Trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến quý I năm 1998, RVO «Zarubezhneft» đã chuyển cho Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga 335,66 triệu USD⁵. Một phần của các quỹ này được cung cấp dưới dạng các khoản vay cho các doanh nghiệp và tổ chức của Tổ hợp nhiên liệu và năng lượng cho các mục tiêu đầu tư và sản xuất, cụ thể là CTCF «Izhneftemash» — 20,5 triệu USD để tài trợ cho việc sản xuất máy bơm, «Rosneft-Sakhalinmorneftegaz» — 20 triệu USD để tái thiết đường ống dẫn dầu Okha-Komsomolsk-on Amur, công ty công nghiệp «Nedra» tại Usinsk-9 triệu để phát triển mỏ dầu Đông-Ragozin, JSC «Zarubezhneft» — 5 triệu để phát triển tổ hợp các mỏ ở phía đông bắc của Cộng hòa Komi, v. v.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 859. Tờ 34.

^[5] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 1537. Tờ 17.



Trên giàn khai thác dầu ngoài khơi của Liên doanh «Vietsovpetro»



Trên giàn khai thác dầu ngoài khơi của Liên doanh «Vietsovet»

Vào tháng 7 năm 1994, JSC «Zarubezhneftegazstroy» đã được cho vay 14 triệu đô la để xây dựng nhà máy sản xuất polypropylene tại thị trấn Budennovsk. Ủy ban điều phối ngoại tệ của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga vào tháng Ba năm 1994 đã cung cấp cho CTCP «Nadymspetsvarmontazh» khoản vay trị giá 8,3 triệu USD cho việc mua trang thiết bị để xây dựng lại đường ống dẫn dầu ở tỉnh Tyumen và cảng biển Novorossiysk. Ngày 1 tháng Tám năm 1995 đã thông qua quyết định phân bổ từ «doanh thu Việt Nam» khoản vay 5,8 triệu đô la cho CTNN «Rosneft» để tài trợ hợp đồng với công ty Thổ Nhĩ Kỳ «Koram Dysh Tidjare» xây dựng năm trạm xăng ở Mátxcova.

Ngoài ra, theo quyết định №B4-II-2-08200 của Chính phủ Liên bang Nga ngày 30 tháng 3 năm 1994, Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga được phép tài trợ bằng tiền nhận được từ các hoạt động của Liên doanh «Vietsovet» cho các dự án ưu tiên đưa công nghệ tiên tiến vào ứng dụng trong ngành công nghiệp than. Dựa trên quyết định này, các khoản vay tổng cộng 19,15 triệu USD đã được cấp cho CTCP «Công ty Đầu tư Sokolovskaya» để tái thiết bị kỹ thuật khu mỏ mang tên V. V. Vakhrusheva và CTCP «Kuzbassrazrezugol» để thanh toán tiền mua trang thiết bị phát triển bể than Taldinsky. Quyết định về việc gia hạn khoản vay cho AOZT «Areopag Ex» với số tiền 5 triệu USD để hoàn thành các thử nghiệm công nghệ khử cốc cho Công ty hóa dầu Angarsk từ khoản thu nhập ngoại hối bán 5 triệu tấn dầu mỏ đã được thông qua ngày 24 tháng Mười hai năm 1994. Dựa trên quyết định của Chính phủ Liên bang Nga ngày 30 tháng Mười Hai năm 1997 số BN-P7-42025, số tiền 7 triệu đô la đã được chi để đảm bảo và tài trợ một phần cho việc mua lại thiết bị địa vật lý trên cơ sở có hoàn trả¹.

Trong cùng thời gian này, 64,66 triệu USD tiền thu được từ hoạt động của Liên doanh «Vietsovet» đã được chuyển giao cho các xí nghiệp và tổ chức của Liên hợp nhiên liệu và năng lượng Nga, trong đó 55,14 triệu USD cho các công ty cổ phần và các tổ chức phi chính phủ khác. Các quyết định này được thông qua bởi Ủy ban điều phối ngoại tệ của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga trên cơ sở những nghiên cứu khả thi và tính toán liên quan, cũng như kết luận của các tổ chức cấp vụ (cục) thuộc Bộ.

Kinh phí bằng số tiền 52,1 triệu USD đã được chuyển cho các tổ chức công nghiệp và các công ty năng lượng sau đây:

- CTCPM Sakhalinmorneftegaz — 5 triệu USD để phát triển mỏ Krapivnenskoe và 12,8 triệu USD để tài trợ cho hiện đại hóa đội tàu và giàn khoan nổi;
- Đoàn khảo sát địa vật lý trung ương của Bộ nhiên liệu và năng lượng Nga — 8,1 triệu USD tài trợ để mua thiết bị địa vật lý và thiết bị điện toán;
- CTCP Đầu tư Sokolovskaya — 15,6 triệu USD để mua thiết bị khai thác mỏ núi;
- CTCP «Kabbalnetefprodukt» — 5 triệu USD để đưa vào vận hành tổ hợp khởi động của kho chứa dầu Nalchik và thêm 3 triệu USD cho việc kích hoạt và phục hồi 7 giếng dầu và khí đốt;
- Công ty «Medsanchast» thuộc Bộ Nhiên liệu và Năng lượng — 700 ngàn USD để sửa chữa trạm y tế và truyền thông;
- Khu nghỉ dưỡng mang tên Ordzhonikidze (TP Sochi) phục vụ các nhân viên làm việc trong hệ thống của Bộ nhiên liệu và năng lượng Nga — 520 ngàn USD để khắc phục hậu quả của cơn bão và việc mua các máy phát diesel-điện di động;
- CTCP «Nadymspetsvarmontazh» — 2,5 triệu USD để thanh toán phần của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga trong việc xây dựng khu tổ hợp nghỉ dưỡng — điều trị tại Gelendzhik.

Ngoài những mục đã được lên kế hoạch, còn có các khoản chi một lần: tháng Ba năm 1996 CTCP «Tyumenneftegaz» được

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 1537. Tờ 18–21.

phân bổ 2,9 triệu USD để di dời người dân ra khỏi nơi cư trú nguy hiểm ở làng Kazarovo, tỉnh Tyumen; vào tháng 3 năm 1998, 200 nghìn USD— cho FSI «Cơ quan Nga giám sát hiệu quả sử dụng năng lượng» cho việc tổ chức và duy trì kiểm toán năng lượng và giám sát các doanh nghiệp được tài trợ từ ngân sách liên bang; tháng Năm năm 1996, theo yêu cầu của ông A. V. Korzhakov, người đứng đầu Cơ quan an ninh của Tổng thống Nga — cấp 800 nghìn USD cho Liên hiệp «Liên minh- Vimpel» để giải thoát năm người bị cầm tù ở Afghanistan; vào tháng 2 năm 1997, 350 nghìn USD để trang bị các thiết bị văn phòng cho Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga; tháng 5 năm 1997, 84 nghìn USD — để trả tỷ lệ cổ phần của Tổ hợp «Caspian Pipeline Consortium-R» và «Caspian Pipeline Consortium-K».

Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga trong các năm 1996–1997 đã gửi đến chính phủ Liên bang Nga yêu cầu cho phép sử dụng một phần của khoản tiền mà Quỹ tiền tệ trung ương nhận được từ hoạt động của công ty Liên doanh «Vietsovet», với tổng số 18,93 triệu USD cho việc duy trì bộ máy trung ương của Bộ do thiếu hụt tài trợ từ ngân sách liên bang. Trên cơ sở các yêu cầu nói trên, Chính phủ Liên bang Nga đã thông qua các quyết định tương ứng về việc sử dụng tiền nhận được từ hoạt động của Liên doanh «Vietsovet» để tài trợ cho bộ máy trung ương của Bộ, trong đó vào năm 1996 — 3,6 tr. USD, năm 1997 — 8,4 tr., năm 1998 — 6,92 triệu².

Trích thư của Thứ trưởng Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga V. I. Ott gửi Thủ tướng Liên bang Nga V. C. Chernomyrdin, ngày 05 tháng 5 năm 1997:

«Trong bối cảnh chấm dứt hoàn toàn kinh phí cho khu liên hợp dầu mỏ trong những năm gần đây từ nguồn lực của ngân sách liên bang, kể cả những công trình của khu liên hợp này, đã trừ định trong chương trình mục tiêu liên bang «Nhiên liệu và Năng lượng» và được phê duyệt bởi Quyết định №263 của Chính phủ Liên bang Nga, ngày 06 tháng 3 năm 1996, những khoản tài chính nêu trên là nguồn hỗ trợ duy nhất của nhà nước. <...> Khối lượng yêu cầu hỗ trợ nhà nước hàng năm theo chương trình «Nhiên liệu và nguyên liệu» là hơn 5 nghìn tỷ rúp. Trên thực tế năm 1997 hoạch định việc phân bổ từ ngân sách liên bang 720,5 tỷ rúp, trong đó có 15,0 tỷ rúp cho các công trình của tổ hợp dầu mỏ. Từ số tiền nhận được trong giai đoạn các năm 1993–1996 từ hoạt động của «Vetsovet», Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga đã phân bổ trên cơ sở có hoàn lại cho: — CTCP «Izhneftemash», JSC «Sibmash», NGO «Vega M», CTCP «Chế tạo máy và kim loại đặc biệt», CTCP «Ritek tổng cộng 26,9 triệu USD để tổ chức sản xuất máy chuyên dụng, thiết bị và các khí cụ không được sản xuất tại Nga và phải mua ở nước ngoài; — EVR «Zarubezhneft» 45,35 triệu USD để trả nợ cho các công ty nước ngoài đã cung cấp thiết bị và vật tư phục vụ ngành công nghiệp dầu mỏ. — CTCP «Sakhalinmorneftegaz» tại Mỹ vào việc hiện đại hóa hạm đội và giàn khoan nổi ngoài khơi để làm việc trên thềm lục địa Việt Nam; — CTCP «Tyumenneftegaz», CTCP «Komineft», «Công ty công nghiệp Usinskaya «Nedra», CTCP «Sakhalinmorneftegaz», CTCP «Orenburgneft», CTCP «Ritek, CTCP «Kabbalkneftoprom», tập đoàn «Sevosetinneftegazpom» tổng số 64,6 triệu USD để phát triển các mỏ dầu khí ở phía nam tỉnh Tyumen, tại Cộng

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10251. Danh mục 1. Hồ sơ 1537. Tờ 24–27.

hòa Komi, ở tỉnh Orenburg, đảo Sakhalin và phục hồi công tác khai thác dầu trên địa phận «Groznefti» cũ.

Việc này cho phép đưa vào khai thác 9 mỏ dầu mới, phát triển và làm chủ hơn 10 đơn vị thiết bị công nghệ mới không sản xuất ở Nga, ngăn chặn sự giảm khai thác dầu mỏ ở Nga đến 9 triệu tấn mỗi năm và tăng khai thác dầu mỏ cho xí nghiệp «Vietsovpetro» lên 2 triệu tấn. Tất cả việc này đã ngăn chặn tình trạng giảm căn cứ tính thuế với số tiền gần 500 tỷ rúp.

Trong năm nay, từ doanh thu thường kỳ từ hoạt động của «Vietsovpetro», Ủy ban điều phối ngoại tệ của Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Nga đã thông qua quyết định phân bổ trên cơ sở có hoàn trả cho:

— CTCP «Sakhalinmorneftegaz» với số tiền 22,6 triệu USD để tái thiết đường ống cấp dầu Okha-Komsomolsk-trên-Amur để đảm bảo vận chuyển dầu khai thác được trên thềm lục địa của đảo, tạo điều kiện quyết để hình thành các cơ sở vận chuyển mang lợi ích kinh tế cho Liên bang Nga khi đưa vào thực hiện các đề án «Sakhalin-1» và «Sakhalin-2», cũng như xây dựng mỏ khí Uzlovoeye để cung cấp khí cho người tiêu dùng của trung tâm công nghiệp Komsomolsk-trên-Amur;

— CTCP «Sibur-Sever» với số tiền 13,3 triệu USD để đảm bảo việc tái sử dụng khí đốt đồng hành tại vùng Noyabrsk-Purovsky của tỉnh Tyumen và tổ chức chuyến đi 150–200 nghìn tấn hydrocacbon chưa sử dụng hiện tại và loại bỏ nguy cơ bị chính quyền địa phương đình chỉ sản xuất vì lý do môi trường khoảng 12 triệu tấn dầu/năm;

— CTCP «Stavropolneftegaz» với số tiền 18,5 triệu USD để khôi phục khai thác dầu trong khu vực liên quan đến các sự kiện xảy ra ở khu vực Bắc Kavkaz.

Hiện tại đang xem xét các tài liệu về cung cấp tín dụng mục tiêu cho CTCP «Uvatneft» để tổ chức khai thác tới 10 triệu tấn dầu/năm ở miền Nam tỉnh Tyumen và cho «Công ty Dầu khí Đông Siberia» để vận hành thử nghiệm và phát triển mỏ dầu khí Yurubchensky.

Nếu năm nay việc hỗ trợ tài chính cho các công ty cổ phần nói trên không được thực hiện thì 3 mỏ dầu mới sẽ không được đưa vào hoạt động và cơ sở thuế sẽ giảm khoảng 600 tỷ rúp.

Do đó, nếu Chính phủ Nga chấp thuận đề xuất của Ủy ban quản lý tài sản Nga về việc thay đổi trình tự sử dụng nguồn vốn nhận được từ Việt Nam qua đường Liên doanh «Vietsovpetro», Bộ nhiên liệu và năng lượng Nga và nhà nước sẽ mất nguồn mục tiêu duy nhất để cung cấp hỗ trợ tài chính chọn lọc có hiệu quả cao cho các xí nghiệp của Tổ hợp nhiên liệu và năng lượng, dẫn đến hậu quả là giảm khai thác dầu mỏ, giảm độ tin cậy trong hoạt động của một số cơ sở sản xuất, sau cùng là giảm cơ sở thuế và làm xấu đi tình hình chính trị và xã hội tại một số khu vực thuộc Bắc Kavkaz và Tây Siberia»¹.

Đến cuối những năm 1990, Liên doanh «Vietsovpetro», sau khi đảm bảo hoàn trả các khoản vốn đầu tư, đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho cả hai quốc gia. Như vậy, chỉ trong năm 1997, việc tiêu thụ dầu thương mại từ hoạt động của «Vietsovpetro» đã mang về khoản lợi nhuận 213.638,9 nghìn USD cho tài khoản của người tham gia Nga và được phân bổ như sau:

— Bộ Tài chính Liên bang Nga — 50% (106,819,5 nghìn đô la);

— Bộ nhiên liệu và năng lượng Liên bang Nga — 35% (74773,6 nghìn đô la);

— tài khoản của JSC «Zarubezhneft» — 10% (21363,9 nghìn đô la);

— JSC «Zarubezhneft» (hoa hồng) — 5% (10681,9 nghìn đô la)².

Tính đến ngày 1 tháng Giêng năm 1999, tổng doanh thu của Liên bang Nga từ các hoạt động của Liên doanh «Vietsovpetro» đã vượt quá 1,2 tỷ USD³.

*Tiến độ khai thác dầu trong Liên doanh «Vietsovpetro» và phân chia lợi nhuận của người tham gia Nga cho các năm 1993–1997*⁴

№	Các năm	Khai thác dầu, nghìn T	Lợi nhuận của bên Nga, tr. USD	Phân chia lợi nhuận tuân theo PCM №755 ngày 04.08.1993		
				Ngân sách LBN	Bộ NL và NL LBN (35%)	TK đặc biệt (10%)
1.	1993	6312,1	132,0	65,75	46,0	13,15
2.	1994	6916,9	135,5	67,75	47,4	13,60
3.	1995	6710,8	134,0	67,00	46,9	13,40
4.	1996	8218,7	182,0	91,00	63,7	18,20
5.	1997	9433,0	203,9	102,00	71,4	20,40
Tổng	1991–1997	47 049,3	1008,6			
	1998 (KH)	10 300,0	211,9	106,0	74,2	21,2

Nếu như vào thời điểm cuối thập niên 1980 ở cả hai nước đã có rất nhiều người hoài nghi tính khả thi của sự hợp tác như thế và tuyên bố về những khoản tiền «bị ném xuống biển», thì giờ đây đã thấy rõ ràng tầm quan trọng của công việc đã làm. Quyết định trao tặng các giải thưởng nhà nước cao quý của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga vào năm 1997 cho nhóm lớn các chuyên gia Nga và Việt Nam là một sự tôn vinh hoàn toàn xứng đáng.

Theo quyết định của Chủ tịch nước Việt Nam, ông Trần Đức Lương, ngày 16 tháng 10 và ngày 12 tháng 11 năm 1997, «vì những thành tích xuất sắc trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt tại Việt Nam», Huân chương Hữu nghị của CHXHCN Việt Nam đã được trao tặng cho: Tổng giám đốc RVO «Zarubezhneft» ông O. K. Popov, người phó của ông, cựu Viện trưởng Viện nghiên cứu NIPIneftegaz của Liên doanh «Vietsovpetro», ông E. G. Areshev, Thứ trưởng thứ nhất Bộ nhiên liệu và năng lượng Liêng bang Nga, ông A. T. Shatalov, cựu tổng giám đốc Liên doanh «Vietsovpetro», ông V.S. Vovk và cố vấn Tổng giám đốc JSC «Zarubezhneft» E. I. Osadchuk, nhiều cán bộ nhân viên của JSC «Zarubezhneft» và

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 1952. Từ 19.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 2823. Từ 66.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 2268. Từ 258.

Liên doanh «Vietsovpetro» đã được trao tặng huy chương Hữu nghị.

Ngày 21 tháng 11 năm 1997, Tổng thống Nga B. N. Yeltsin đã ký một loạt sắc lệnh về việc tặng thưởng và tôn vinh các chuyên gia ưu tú của Việt Nam và Nga. Huân chương hữu nghị Liên bang Nga đã được trao tặng cho hai chuyên gia địa chất dầu mỏ Việt Nam, những người tiên phong trong công cuộc thăm dò dầu khí ở Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí «PetroVietnam», ông Ngô Thường San, và Tổng giám đốc Liên doanh «Vietsovpetro», ông Nguyễn Giao, (chính là «Giao Bé» ngày trước). Huân chương này cũng được trao tặng cho: nhà hóa học hữu cơ Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng cục dầu khí «Petrovietnam» ông Hồ Sĩ Thoảng và Thứ trưởng Bộ Ngoại thương CHXHCN Việt Nam, cựu Đại sứ nước CHXHCN Việt Nam tại Liên bang Nga Hồ Hoàng Nghiêm. Từ phía người tham gia Nga, Huân chương Hữu nghị được trao tặng cho hai phó Tổng giám đốc RVO «Zarubezhneft», các ông Y. B. Agababov và E. G. Areshev. Huy chương «Vì những cống hiến cho Tổ quốc» đã được trao cho Phó Tổng Giám đốc thứ nhất của Liên doanh «Vietsovpetro» F. I. Badikov và Phó Tổng Giám đốc RVO «Zarubezhneft» V. P. Kuzmenko. Nhiều chuyên gia Nga đã được trao tặng danh hiệu «Chuyên viên dầu mỏ danh dự» và Bằng khen của Tổng thống và Chính phủ Liên bang Nga¹.

* * *

Việc tái cấu trúc cơ chế hợp tác chính trị và kinh tế giữa hai nước, bao gồm cả lĩnh vực dầu khí, đã hoàn thành vào giữa những năm 1990. Được bắt đầu như một cuộc cải cách một nền kinh tế kế hoạch, công cuộc cải cách đã hoàn thành trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa, xác định hình thức quan hệ đối tác kinh tế đối ngoại mới giữa một Liên bang Nga vươn lên từ đổng đổ nát của Liên Xô cũ và một đất nước Việt Nam đổi mới. Đầu thập niên 1990, cả hai quốc gia đã ký kết các hiệp ước liên chính phủ căn bản đảm bảo cho mối quan hệ đối tác ngoại giao chiến lược giữa hai nước. Trong thời điểm khó khăn này, Nga và Việt Nam đã không chỉ duy trì được các nền tảng hợp tác kinh tế mà còn có những thúc đẩy đáng kể về phía lợi ích chung mặc dù chưa tới khối lượng từng đạt được ở đỉnh cao của quan hệ đối tác. Đề án liên doanh dầu khí thành công phần nhiều đã tiên định tính chất tiến hóa của hợp tác này trong những bối cảnh mới. Một trang sử mới đã được mở ra vào cuối những năm 1990 — hợp tác trong lĩnh vực dầu khí đã phân tách cả trên phương diện địa lý lẫn phạm vi người tham gia. Tập đoàn năng lượng Gazprom một lần nữa đã trở lại Việt Nam và nhiều công ty khác của Nga cũng đến!

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 1774. Từ 145–147.

Quan hệ đối tác chiến lược trong thế kỷ XXI. Gazprom trở lại Việt Nam

Đó là năm 1996. Một năm khó khăn nặng nề đối với đất nước theo đánh giá của ông Viktor Chernomyrdin, — nguyên Bộ trưởng Bộ Công nghiệp khí Liên Xô, thời điểm đó là Thủ tướng Liên bang Nga. Các băng đảng của Maskhadov chiếm đóng Grozny, cuộc chiến đã lắng đi ở Chechnya nay bùng phát trở lại; thâm hụt ngân sách tăng lên, trong khi chỉ số uy tín của Tổng thống Nga B. N. Yeltsin, ngược lại, lại đang giảm sút; cuộc bầu cử tổng thống đã bắt đầu với kết quả không thể đoán trước. Tiến trình đàm phán với Quỹ Tiền tệ quốc tế về việc cấp cho Nga khoản tín dụng 10 tỷ USD chật vật mãi mới xong, khoản tiền này phải được dùng để tiếp tục cải cách thị trường và tái cơ cấu khoản nợ nước ngoài khổng lồ của nước này. Nói chung, tình hình chẳng mấy vui vẻ, và thủ tướng cũng không thể gọi công việc của mình là như thường lệ được. Mỗi một ngày làm việc của ông đều phải đối mặt với hết vấn đề này đến vấn đề khác mới nảy sinh.

Một lần trong văn phòng của Thủ tướng V. S. Chernomyrdin vang lên hồi chuông điện thoại.

— Thưa ông Viktor Stepanovich — giọng cô thư ký trong ống nghe, — Ông Rem Ivanovich đang chờ máy ạ!

Người gọi đến là Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom — Rem Vyakhirev.

— Cô nối máy đi. — Chernomyrdin nói.

Trong ống nghe vang lên giọng nói quen thuộc:

— Viktor, nghe nói trong Chính phủ ta đang rộ lên những đề nghị về «chuyện làm ăn ở Việt Nam»! Có đúng thế không?!

— Có đấy, — Thủ tướng đáp.

Vovk Vladimir Stepanovich đang ở chỗ tôi. Chúng tôi đang bàn về công việc trên biển và những dự án có thể thực hiện. Anh ấy đang hỏi tôi vì sao trong chính phủ không nói gì đến khí đốt của Việt Nam, mà tôi chả biết trả lời anh ấy ra sao. Vì thế nên tôi gọi cho anh...

— Sao cơ, chả lẽ ở đó có khí đốt à? — Chernomyrdin ngạc nhiên.

— Ừm, ở đó phát hiện ra khí từ lâu rồi, tuy chả có bao nhiêu, nhưng mọi số liệu đều cho thấy tiềm lực địa Việt Nam chứa triển vọng lớn đấy, — Vyakhirev trả lời và kể luôn cụ thể những gì ông biết.



Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom R. I. Vyakhirev



Cuộc trò chuyện sôi nổi. Các ông V. S. Vovk và R. I. Vyakhirev

Đang nghe kể, cái nhìn của Thủ tướng bất chợt rơi xuống bức thư để trên bàn. Đó là bức thư của Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban quản lý tài sản nhà nước Nga F. Z. Gazizullin. Ánh mắt ông lướt nhanh qua những dòng chữ: **«Sau khi xem xét thư của Chủ tịch Đu-ma quốc gia Liên bang Nga và Giám đốc Cơ quan an ninh Liên bang về những vấn đề liên quan đến việc Nga tham gia khai thác các mỏ khí đốt ở vùng thềm lục địa phía Nam Việt Nam, Ủy ban Tài sản nhà nước Nga thông báo việc sau:**

Ủy ban Tài sản nhà nước Nga chia sẻ mối lo ngại được trình bày trong những bức thư kể trên liên quan đến khả năng Nga bị suy giảm vị thế trong việc làm chủ các mỏ dầu khí tại thềm lục địa CHXHCN Việt Nam và khu vực châu Á — Thái Bình Dương nói chung, Ủy ban ủng hộ những biện pháp được nêu nhằm củng cố vị thế của các công ty Nga tại CHXHCN Việt Nam»¹.

«Đúng thế, đã đến lúc cho chuyến đi Việt Nam rồi đây», — Chernomyrdin tự nhủ.

Đang trong dòng suy tư thì có tiếng Vyakhirev cắt ngang:

— Anh nói gì thế, Viktor?

— Rem, cậu gọi đến đúng lúc lắm, — Thủ tướng dường như thở phào. — Chuyến thăm Việt Nam của tôi chuẩn bị lâu rồi. Các Bộ liên quan đang trình nhiều kiến nghị khác nhau, thế nên mới có những câu chuyện về mở rộng hợp tác của chúng ta. Vậy nên mình thỏa thuận thế này đi: các cậu thông lại các vấn đề cho kỹ lưỡng, cần ai cứ lấy, cậu tự đi tự xem xem. Nếu vấn đề đáng giá thì các cậu đưa ngay đề xuất vào gói tài liệu chuẩn bị cho chuyến thăm.

Sau đó vừa nhìn bức thư của Gazizullin, Chernomyrdin vừa nói thêm vào ống nghe:

— Nhớ thường xuyên cho tôi biết tình hình đấy! Đây là vấn đề quan trọng về mặt chính trị.

Chúng ta đã tạo nên ngành công nghiệp dầu mỏ ở đó, nếu như bây giờ ta xây dựng cả ngành công nghiệp khí đốt nữa thì có nghĩa là ta làm được việc tốt cho Việt Nam và tự ta cũng có thể nhận thêm thu nhập. Tiền đối với chúng ta bây giờ thật cần thiết biết bao!

Nga và Việt Nam. Khai sinh quan hệ đối tác chiến lược

Quan hệ giữa Nga và Việt Nam vào đầu những năm 1990 đang ở điểm đóng băng.

Trích hồi ức của I. N. Uritsky, Tổng Lãnh sự Liên Xô — Liên bang Nga tại Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 1990–1995: «Ngay từ cuối những năm 1980, những dấu hiệu suy yếu kinh tế của Liên Xô khi đó và sau này là Liên bang Nga, đã rất rõ rệt. Ngay trong nội bộ giới tinh hoa chính trị của chúng ta, trong số những nhà kinh tế học nổi tiếng thời đó, đã lan truyền ý kiến nói rằng, đã đủ để duy trì cảnh phải «nuôi những nước khác, trong khi bản thân mình thì không có gì mà ăn». Ở Việt Nam, chúng tôi nhanh chóng thấy rõ sự yếu kém về tiềm năng đầu tư của mình. Do nền kinh tế Liên Xô từng là chỗ dựa đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam, nên tình hình ở Việt Nam lúc đó chưa kể chuyện ấy cũng đã rất khó khăn, thì nay có thể trở nên hết sức gay gắt. Cho đến những năm 1992–1993, tình hình của chúng ta ở Việt Nam là hết sức phức tạp, chúng ta tiếp tục mất đi vai trò kinh tế, và cùng với nó là vị thế chính trị ở đất nước này»¹.

Trong khi đó Việt Nam bắt đầu cảm nhận những kết quả đầu tiên của quá trình cải cách...

Việt Nam bắt đầu tăng tốc

Lãnh đạo Việt Nam trong điều kiện tình hình nội bộ khá ổn định tiếp tục thực hiện chính sách Đổi mới. Họ tập trung nỗ lực để củng cố thành quả đạt được trong những năm trước. Hà Nội xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô không hoàn toàn dựa trên những khuyến nghị của các tổ chức tài chính quốc tế. Định đề về việc cần giảm thiểu đến mức tối đa vai trò của nhà nước trong nền kinh tế theo trường phái tân tự do chủ nghĩa đã bị bác bỏ. Chính phủ CHXHCN Việt Nam cần trọng nên không quá vội vàng tự do hoá quan hệ ngoại thương, tư nhân hóa khu vực kinh tế nhà nước và thắt chặt nhu cầu dưới hình thức liệu pháp sốc. Điều đó đã giúp nước này tránh được tình trạng suy thoái kinh tế sâu sắc và kéo dài, và cùng với nó là cái giá cao phải trả về mặt xã hội cho sự tiến bộ².

Giống như trước, nhiệm vụ chủ yếu để phát triển kinh tế đất nước vẫn là tăng sản xuất lương thực, hàng hóa tiêu dùng, mở rộng xuất khẩu, kiếm chế lạm phát. Kế hoạch đề ra cho năm 1993 về tốc độ tăng trưởng kinh tế về tổng thể đã được thực hiện: chỉ số tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội đạt 7,95%. Các chỉ tiêu cho thấy rằng nhiều doanh nghiệp nhà nước dần dần đã thâm nhập được vào thị trường mà không xảy ra tình trạng sụp đổ như nền kinh tế Nga giai đoạn đó³.



Ở vĩ tuyến 17

Một trong những nhiệm vụ kinh tế chính của chính sách Đổi mới — là tăng xuất khẩu — đã được thực hiện khá thành công. Từ đầu những năm 1980, Việt Nam nghiêm túc tiến hành đổi mới ngân hàng giống lúa, và hiện nay, vào năm 1992, theo số liệu của Bộ Thương mại Việt Nam, nước này đã bán được 1,9 triệu tấn gạo ra nước ngoài, vượt kế hoạch hàng năm 600.000 tấn. Đây là con số cao nhất trong lịch sử Việt Nam, nước đã vượt lên đứng thứ ba trong số các nước xuất khẩu gạo trên thế giới (sau Thái Lan và Hoa Kỳ). Xuất khẩu thịt cũng tăng: năm 1992 khối lượng này lên tới 16 nghìn tấn (tỷ trọng chủ yếu rơi vào các nước thuộc Liên Xô cũ). Nhưng quan trọng nhất, vào cuối tháng 12 năm 1992, công ty Petechim của Việt Nam đã xuất khẩu được 5,4 triệu tấn dầu thô do liên doanh giữa Nga và Việt Nam là Vietsovpetro khai thác, cao hơn 38% so với giá trị xuất khẩu đầu năm 1991. Kim ngạch ngoại thương của Petechim lên đến 1 tỷ đô la⁴. Trong đó cần nhấn mạnh rằng toàn bộ lượng dầu mỏ này đã được khai thác trong điều kiện Mỹ và phương tây áp đặt cấm vận đối với việc nhập khẩu thiết bị và

giảm tỷ trọng kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp (36,6%). Đáng chú ý là ghi nhận sự tăng trưởng trong những ngành được xây dựng từ thời kỳ «tinh hữu nghị anh em xã hội chủ nghĩa», những mảng công nghiệp là «đứa con chung» của Việt Nam và Liên Xô như năng lượng điện (10,4%), than (9,7%), dầu mỏ (13,9%), thép (23%), xi măng (15%), phân bón (32%), thuốc lá (7,2%) (Xem: Số liệu về hình hình kinh tế xã hội năm 1993 của CHXHCN Việt Nam // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 482. T. 34–35.

⁴ Điểm tin báo chí Việt Nam tháng 1/1993 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 302. T. 6–7.

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 1774. T. 217.

² Phòng vấn I. N. Uritsky, 17/03/2017. Matxcova.

³ Mazyrin V. V. Những cải cách thời kỳ quá độ ở Việt Nam (1986–2006): phương hướng, sự năng động, kết quả. M., 2007. Tr. 127.

⁴ Trong cơ cấu GDP tiếp tục tăng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp (20,9%) và dịch vụ (38,2%) nhờ



Du lịch nghỉ biển là phần quan trọng trong kinh tế Việt Nam



Thuyền đánh cá vào bến



Nhà máy xi măng ở miền Trung Việt Nam

công nghệ, có nghĩa là chỉ dựa vào viện trợ kỹ thuật và công nghệ của Liên Xô, quốc gia nay đã không còn tồn tại.

Tình hình kinh tế đất nước còn hết sức khó khăn, mức sống còn ở mức thấp, ngoài đường vẫn còn có nhiều người ăn xin như trước đây. Song tất cả đều cho thấy rằng Việt Nam bắt đầu thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kéo dài. Năm 1992 có 17 nghìn người di tản tự nguyện trở về Tổ quốc, làn sóng di cư khỏi Việt Nam đã ngừng lại.

Vào đầu năm 1993 Thông tấn xã Việt Nam đã công bố văn bản trích báo cáo của LHQ theo đó khu vực Nam Á và Đông Nam Á năm 1992 đã trở thành những khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất (5,5%), trong khi khu vực Tây Á chỉ số đó là 5%, châu Phi — 2,3%, châu Mỹ La-tinh và vùng biển Caribe — 2%, các nước phát triển — 1%. Theo báo cáo, phát triển năng động nhất (hơn 7%) là bốn nước châu Á: Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam. Tại khu vực các nước Liên Xô cũ, theo số liệu của LHQ mức độ sụt giảm về phát triển kinh tế là 18,4%. Việt Nam trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong năm 1992 các cơ quan thuế Việt Nam đã thu được 16 nghìn tỷ đồng tiền thuế, tương ứng 115% kế hoạch đề ra. Mức tăng trưởng chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp nhà nước, mà trong số đó, theo lời Thứ trưởng Bộ Tài chính CHXHCNVN Phan Văn Dĩnh, chủ yếu là phần nộp ngân sách của Xí nghiệp Liên doanh Việt — Nga Vietsovpetro. Tỷ trọng của các nhà đầu tư nước ngoài khác lúc đó còn chưa đáng kể, song cũng gia tăng¹.

¹ Điểm tin báo chí Việt Nam tháng 2/1993 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 302. T. 14.

Trích hồi ký của V. S. Vovk, Tổng Giám đốc XNLD Vietsovpetro những năm 1988–1993: «Tình hình vào đầu những năm 1990 đặc biệt ở chỗ là mặc dù trên lãnh thổ Liên Xô cũ xảy ra tình trạng sụp đổ kinh tế, nhưng chúng tôi vẫn có thể tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, phát triển và áp dụng nhiều công nghệ độc đáo trong toàn bộ chu trình sản xuất, đưa xí nghiệp đạt được trình độ khai thác cao và tạo đà cho nó tiếp tục có tốc độ phát triển cao về sau này. Liên bang Xô-viết đã không còn tồn tại, Báo chí Nga và thế giới lên tiếng bài bác tính trì trệ của nó, sự hoang phí của mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa (có những khi đúng đắn, cũng có những khi bừa bãi), nhưng quán tính «Liên Xô», quán tính đã hình thành trong quá trình phát triển của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, vẫn còn lực tác động. Hơn thế nữa, vào đầu những năm 1990 đã hình thành nên cái gọi là «hiệu ứng tương tác» từ chính công việc được thực hiện trong suốt một thập kỷ trước. Xét cho cùng, hàng triệu tấn dầu đầu tiên của Việt Nam đã không bỗng chốc xuất hiện, chúng xuất hiện không phải là bất chấp, mà là nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô. Chúng ta có thể muốn hoặc không muốn điều đó, nhưng chính sự giúp đỡ ấy đã đóng vai trò nền móng giúp xây dựng nền kinh tế mới của Việt Nam. Tôi không hạ thấp ý nghĩa của những quyết định sáng suốt được ban lãnh đạo chính trị đất nước thông qua, không hạ thấp giá trị những tài sản và công sức mà người Việt Nam đã bỏ ra để hiện đại hóa những ngành kinh tế cũ và phát triển những khu vực kinh tế mới, nhưng tất cả những cái cách này đã được tiến hành bằng tiền có được nhờ khoản thuế nộp vào ngân sách của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, nhờ dầu mỏ do Liên doanh khai thác. Việc bán dầu Vietsovpetro đã mang lại cho chính phủ Việt Nam hàng trăm triệu đô la một năm.

Quan trọng là cần nhấn mạnh rằng tất cả những khó khăn phức tạp khi tái cơ cấu quan hệ kinh tế — đó là

sự khủng hoảng nguồn cung cấp từ Nga, sự hình thành cơ chế hợp tác mới, sự thiếu vắng hệ thống ngân hàng và những yếu tố khác — đã được khắc phục nhờ sự phối hợp công việc nhịp nhàng và sự hiểu biết lẫn nhau trong tập thể Liên doanh Vietsovpetro, giữa hai cố đồng chính là Zarubezhneft và PetroVietnam, cũng như ở cấp chính phủ của hai nước».

Ngày 03 tháng 3 năm 1993 tờ báo Đảng trung ương là tờ «Nhân Dân» đã đăng nội dung trả lời phỏng vấn Thông tấn xã Việt Nam của ông Phan Văn Khải, Chủ tịch Hội đồng tài chính tiền tệ Trung ương về các vấn đề tài chính và kinh tế năm 1993. Một trong những kiến trúc sư của chính sách «Đổi mới» của Việt Nam tuyên bố rằng việc đạt được các mục tiêu chiến lược nhằm phát triển kinh tế của đất nước — đó là cho tới năm 2000 tăng gấp đôi giá trị tổng sản phẩm quốc gia (GNP) so với năm 1990 — sẽ đòi hỏi phải đầu tư vào kinh tế quốc dân 40 tỷ đô-la Mỹ, trong đó chỉ có một nửa được lấy từ các nguồn trong nước. Chỉ riêng trong giai đoạn năm 1991–1995 số vốn cần phải lo đã là 12–14 tỷ đô-la. Trong khi đó, số tiền đầu tư trong hai năm 1991–1992 là 2 tỷ USD. Do đó, ông Phan Văn Khải cho biết, bắt đầu từ năm 1993 cần phải nỗ lực để huy động mọi nguồn vốn có thể, cả trong nước lẫn ngoài nước¹.

Đất nước đã mở cửa với thế giới. Tháng 12/1992 Hoa Kỳ tuyên bố giảm bớt cấm vận đối với Việt Nam (cấm vận được dỡ bỏ vào năm 1995), đã mở ra cơ hội thực sự cho hình thức gọi là Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) — nguồn hỗ trợ chính thức cho các nước đang phát triển, có nghĩa là những khoản tín dụng ưu đãi và viện trợ không hoàn lại từ chính phủ các nước phát triển và các tổ chức tài chính quốc tế². Năm 1993, con số này là 350 triệu USD, trong đó có gần 139 triệu được chuyển cho Việt Nam dưới dạng viện trợ không hoàn lại. Đến năm 2006, giá trị ODA đạt kỷ lục là 4,45 tỷ đô la³.

Vào tháng Giêng năm 1993, ngân hàng nước ngoài đầu tiên — Ngân hàng Credit Lyonnais của Pháp đã mở chi nhánh tại Hà Nội với số vốn 15 triệu đô la Mỹ. Đến thăm Việt Nam vào tháng 2 năm 1993, Tổng thống Pháp F. Mitterrand đã hứa trong vòng một năm tăng gấp đôi khoản hỗ trợ tài chính cho Hà Nội, đồng thời người Pháp cũng bắt đầu hỗ trợ thiết lập hệ thống thẻ ngân hàng tại Việt Nam. Ngay sau đó các ngân hàng từ Pháp, Thái Lan, Singapore và các nước khác bắt đầu mở chi nhánh ở Việt Nam.

Quý Tiền tệ Quốc tế đã mở cơ quan đại diện của mình tại Việt Nam, những cuộc tham vấn về việc trả các khoản nợ của miền Nam Việt Nam và khoản tín dụng mới (Hoa Kỳ khi đó vẫn đang cản trở việc này) đã được khởi động. Ngày 04 tháng 10 năm 1993 với sự hỗ trợ của nước ngoài Việt Nam đã trả xong khoản nợ 140 triệu USD cho IMF, sau đó ban lãnh đạo tổ chức này cũng như lãnh đạo Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế cùng Ngân hàng Phát triển Châu Á đã công bố quyết định dành cho Việt Nam khoản tín dụng trị giá 1 tỷ USD với những khoản trợ cấp ưu đãi hàng năm, bắt đầu từ năm tài khóa 1993–1994, để thực hiện cải cách cơ cấu, phát triển khu vực kinh tế tư nhân và cơ sở hạ tầng kinh tế — xã hội. Ngày 10 tháng 11 cùng năm hội nghị quốc tế của các nước tài trợ (gồm 22 quốc gia và 16 tổ chức quốc tế) nhóm họp tại Paris đã cam kết sẽ cung cấp cho Việt Nam các khoản tín dụng tổng trị giá 1,86 tỷ USD trong hai năm

1993–1994. Vào tháng 3 năm 1993, Việt Nam và EU tuyên bố ý định ký kết thỏa thuận về hợp tác kinh tế và thương mại (kèm theo điều kiện chính trị là phải cải thiện tình hình nhân quyền và dân chủ hóa xã hội).

Phòng Thương mại Việt — Mỹ (VACC) được thành lập tại New York, bao gồm các công ty Mỹ, các doanh nhân, đại diện ngân hàng, luật sư, những người mong muốn phát triển hợp tác kinh tế với Việt Nam. Tính đến cuối năm 1992 đã có gần 20 công ty lớn của Mỹ tham gia tổ chức này, bao gồm cả các công ty dầu mỏ. Ngày 20 tháng 4 năm 1993 tại New York đã diễn ra cuộc hội thảo «Việt Nam ngày nay: chính sách kinh tế, thương mại và đầu tư», tại đây Giáo sư Nguyễn Mại — Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, đã kêu gọi các doanh nhân nước ngoài đầu tư vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các dự án lớn xây dựng cơ sở hạ tầng. Ông giới thiệu mười dự án lớn, trong đó bao gồm các dự án xây dựng hoặc cải tạo các tuyến đường chính, các nhà máy điện, các khu mỏ, các công trình tiện ích xã hội và những dự án khác. Trong số đó có cả dự án xây dựng tuyến đường ống dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ đến một nhà máy điện sắp được xây dựng tại tỉnh Đồng Nai tổng trị giá 300 triệu USD.

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, Tổng Giám đốc Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro giai đoạn 1988–1993:

«Dự án đường ống dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ vào bờ là một phần trong dự án chung khai thác mỏ Bạch Hổ. Nó bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất – là xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển dầu mỏ vào bể chứa trên bờ và giai đoạn thứ hai — là xây dựng hệ thống thu gom khí đồng hành, vận chuyển bằng đường ống và sử dụng trong công nghiệp để sản xuất những sản phẩm đang rất thiếu thời đó — năng lượng điện, phân bón và những sản phẩm khác. Do những nguyên nhân kinh tế và điều kiện địa lý tự nhiên nên chúng tôi đã rút khỏi dự án xây dựng đường ống đưa dầu mỏ vào bờ. Chúng tôi đã áp dụng công nghệ thu gom và lưu trữ dầu qua tàu chở dầu «Crum», công nghệ vào thời đó còn rất hiếm khi được áp dụng và thực tiễn trên thế giới. Kết quả nhờ đó chúng tôi tiết kiệm được một khối lượng rất lớn tất cả các nguồn tài lực., song đối với đường ống dẫn khí thì chúng tôi đã thực hiện rất nghiêm túc. Đường ống đó, theo tính toán ban đầu, phải đảm nhiệm được nhiệm vụ bơm vận chuyển khoảng 730 triệu mét khối khí mỗi năm. Ở Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dự án NIPI-morneftegaz của chúng tôi có ông Yu. S. Oseredko chủ trì công việc này. Đó chính là người đã xây dựng đường ống xăng dầu đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam trước đây. Liên doanh Vietsovpetro chúng tôi không chỉ nghiên cứu khảo sát về đường ống dẫn khí cụ thể này, mà còn lập trước cả một sơ đồ tổng đầu tiên về phát triển ngành công nghiệp khí của Việt Nam, chúng tôi đã có một chuyến đi ra Hà Nội riêng để báo cáo về sơ đồ đó cho Tổng Bí thư Đỗ Mười. Chúng tôi trù tính mình có thể khai thác được bao nhiêu khí từ mỏ Bạch Hổ và các mỏ lân cận khác, cần tốn bao nhiêu khí để thực hiện những mục tiêu công nghệ và năng lượng, rồi cuối cùng chuyển được bao nhiêu đến tay người tiêu dùng đại chúng. Toàn bộ công việc đó đã được lên kế hoạch và được nghĩ đến từ lâu, trước cả khi những cải cách kinh tế thị trường bắt đầu được thực hiện rộng rãi ở Việt Nam, khi mà ở đó chỉ có mơ chứ chưa dám nói đến các nhà thầu nước ngoài. Toàn bộ công tác chuẩn bị ấy của chúng tôi, chuẩn bị để xây dựng tuyến đường ống chính dẫn khí đốt, cũng như chiến lược phát triển ngành công nghiệp khí khi đó đã rất cần thiết cho Việt Nam trong giai đoạn lịch sử mới».



Ngon đuốc của mỏ Bạch Hổ. Đường ống dẫn khí lúc đó là vô cùng cần thiết!

¹ Điểm tin báo chí Việt Nam tháng 3/1993 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 302. T. 37.

² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 482. T. 36.

³ Murashova G. V. Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam về đường lối đối ngoại của Việt Nam // Đông Nam Á: những vấn đề thời sự của phát triển. 2007. Số 11 (Tài nguyên điện tử: <http://cyberleninka.ru/article/n/x-yy-sezd-kpv-o-vneshney-politike-vietnama>. Ngày truy cập: 10.04.2017).



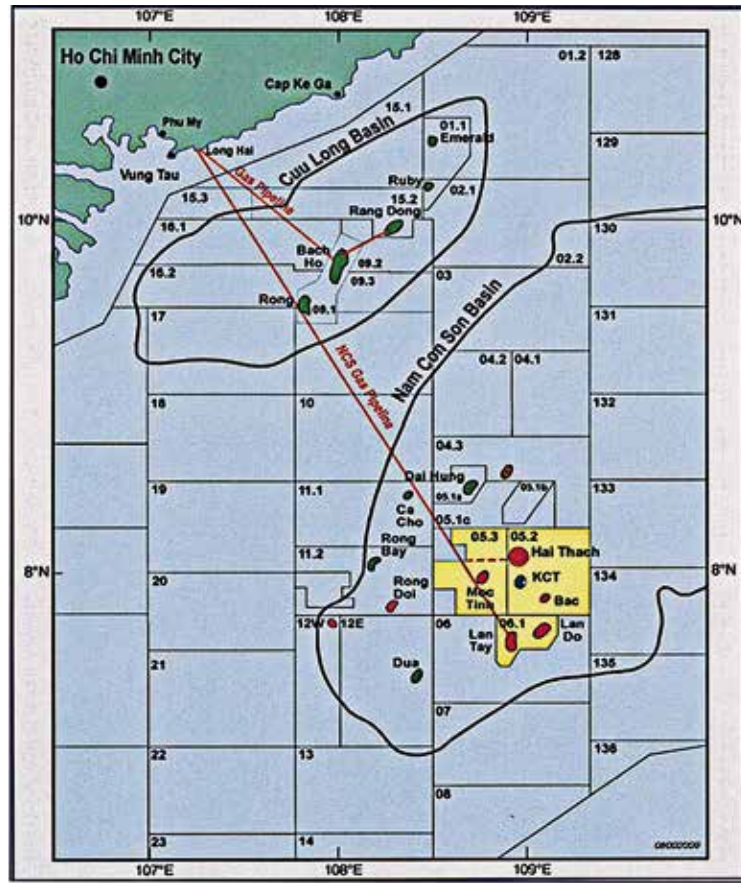
Công cuộc khí hóa của Việt Nam hình thành từ việc nhập khẩu khí đóng bình

Vào đầu những năm 1990, cùng với cả nước ngành công nghiệp khí của Việt Nam đã trải qua một giai đoạn bùng nổ. Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã đứng vững trên đôi chân của mình bắt đầu đem về cho ngân sách nguồn thu nhập thực tế. Nhưng ngoài nó ra cũng xuất hiện những người chơi mới.

Năm 1990 Tập đoàn Shell đã ký thỏa thuận về tiến hành công tác thăm dò địa chất ở thềm lục địa Việt Nam, và theo tin của báo Vietnam Investment Review, tập đoàn này đã đầu tư gần 40 triệu USD vào việc thăm dò dầu mỏ ở khu vực Đà Nẵng. Trong những năm tiếp sau họ liên tục tăng vốn đầu tư, sau khi đã thắng thầu ở 4 dự án theo điều kiện «Hợp đồng chia sản phẩm (PSC)»¹. Ngày 21/3/1993 Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tiếp ông J. S. Jennings — Phó Chủ tịch Tập đoàn Shell. Như tất cả các báo trung ương của Việt Nam ngày hôm đó đưa tin, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã «thân mật tiếp Phó Chủ tịch Tập đoàn Shell J. S. Jennings và các thành viên trong đoàn, chia sẻ với ngài Phó Chủ tịch Tập đoàn sự quan tâm tới việc phát triển hợp tác với Việt Nam, cũng như thất bại trong việc tìm kiếm dầu khí khoan thăm dò ở thềm lục địa miền trung Việt Nam. <...> nhận thấy rằng Việt Nam hết sức quan tâm đến kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của Tập đoàn Shell trong ngành công nghiệp dầu lửa. Tiềm năng hợp tác giữa Việt Nam và Shell rất lớn. Việt Nam mong muốn hợp tác với Shell trước hết trong việc lọc dầu, chuyển giao công nghệ, đào tạo cán bộ»².

Không chịu tụt lại sau Shell là British Petroleum, tập đoàn mà theo kết luận của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư của CHXHCN Việt Nam, năm 1993 đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí.

Vào tháng Giêng năm 1991 Tập đoàn khai thác mỏ BHP đã ký hợp đồng trị giá hơn 52 triệu USD về tìm kiếm, thăm dò và khai thác các mỏ dầu và khí tại thềm lục địa miền Trung Việt Nam.



Sơ đồ hệ thống đường ống dẫn khí tại thềm lục địa miền Nam Việt Nam được lập với sự tham gia của Bộ Công nghiệp khí Liên Xô và Tập đoàn Gazprom

Việc bốn công ty nước ngoài ký kết hợp đồng cùng khai thác và phát triển mỏ dầu khí Đại Hùng ngày 15 tháng 4 năm 1993 đã trở thành sự kiện lớn trong đời sống xã hội Việt Nam.

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro giai đoạn 1988–1993:

«Mỏ Đại Hùng, mỏ sâu nhất thềm lục địa miền Nam Việt Nam thời bấy giờ, được Liên doanh Vietsovpetro và giàn khoan nổi bán chìm «Shelf-6» của Liên Xô đến từ bán đảo Sakhalin phát hiện năm 1987. Trong bối cảnh vào đầu những năm 1990, khi thiết bị của Liên Xô bị chỉ trích ở Việt Nam, thì thực tế này theo tôi có ý nghĩa lớn. Chúng tôi đã thăm dò toàn bộ mỏ này, chuẩn bị những tài liệu kỹ thuật cần thiết, nhưng phía Việt Nam với tư cách là chủ lòng đất giữ quan điểm cần để cho một tổ hợp công ty quốc tế khai thác mỏ này, tức là thu hút thêm một bên thứ ba tham gia, có thể là một công ty dầu khí lớn nào đó hoặc một nhóm các công ty tham gia theo hình thức hợp đồng chia sản phẩm. Lý do chính là điều kiện nước sâu, các giải pháp kỹ thuật và công nghệ có liên quan với nó, và Vietsovpetro không có lượng lớn kinh phí nhân rồi. Quả thật, những khó khăn tài chính thời kỳ đó không cho phép Zarubezhneft có được cổ phần lớn hơn trong tổ hợp công ty mới, song cố đồng Nga đã chuyển cho tổ hợp phần góp vốn «phi vật thể» quý giá dưới dạng tài liệu địa chất kỹ thuật cần thiết để lập các sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Đại Hùng. Đồng thời sự tham gia của Zarubezhneft với những chuyên gia biết rõ dự án đã giúp các cố đồng phương Tây rút ngắn được thời gian đưa ra những giải pháp quản lý».

¹ Điểm tin báo chí Việt Nam tháng 2/1993 // Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 302. T. 28–29.

² Thủ tướng Võ Văn Kiệt vào thời điểm đó tuyên bố rằng: «Việt Nam mong muốn để Shell hợp tác trong việc lọc hóa dầu, thăm dò và khai thác dầu khí, chuyển giao công nghệ và đào tạo cán bộ». (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 302. T. 54).



Lãnh đạo và các nhà địa chất của XNLD Vietsovpetro thảo luận kế hoạch công tác. Đồng chí Ngô Thường San phát biểu; ngoài cùng bên phải — đ/c Nguyễn Giao («Giao Bé»)

Trước lễ ký hợp đồng mỏ Đại Hùng, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tiếp đại diện các hãng thắng thầu trong dự án này: BHP (Australia), Petronas (Malaysia), Total (Pháp), Sumitomo (Nhật Bản). Thủ tướng nhấn mạnh rằng việc đưa một tổ hợp công ty đa quốc gia vào thăm dò và khai thác dầu khí ở Việt Nam là một bước tiến mới trong việc phát triển ngành dầu mỏ ở Việt Nam, tạo cơ hội để làm quen với một sơ đồ tổ chức khác về nguyên tắc. Ông cũng bày tỏ hy vọng các công ty sẽ sử dụng hiệu quả thời gian hiện có của họ để trong thời hạn ngắn nhất bắt đầu vận hành mỏ. Khi ký hợp đồng có mặt đại diện của Công ty Zarubezhneft, đối tác có tỷ lệ cổ phần khiêm tốn là 4% trong dự án này.

Tới năm 1993 đã hoàn tất việc thành lập nhà máy sản xuất của liên doanh Việt Nam — Anh «Castrol Việt Nam Ltd.» sản xuất dầu nhờn, cơ sở chẳng bao lâu sau đã cho ra sản phẩm đầu tiên.

Ngày mùng 4 tháng 6 Việt Nam và Malaysia ký thỏa thuận khung thời hạn 40 năm về việc cùng nhau thăm dò dầu mỏ và khí đốt ở một trong những vùng chồng lấn ngoài khơi. Theo đó công ty Petronas và PetroVietnam bắt đầu tiến hành đối thoại

về các vấn đề hợp tác và thương mại cùng có lợi với điều kiện hai bên chịu chi phí ngang nhau. Dần dần Petronas đã trở thành đối tác quan trọng của PetroVietnam. Sự hợp tác giữa hai nước láng giềng trong khu vực để khai thác vùng biển chồng lấn được đánh giá cao.

Ngày 27 tháng 7 năm 1993 báo Hà Nội Mới đã đăng tin Tập đoàn dầu khí quốc gia Petrovietnam ký thỏa thuận với công ty Ansoil của Australia về thăm dò và khai thác các mỏ dầu và khí ở khu vực đất liền của miền vông Hà Nội (châu thổ sông Hồng).

Ngày 19/4/1994 sau khi thực hiện chọn thầu đã ký hợp đồng tiến hành công tác thăm dò địa chất mỏ Thanh Long (lô 05-1b) giữa Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam, Công ty Zarubezhneft của Nga và tổ hợp công ty quốc tế MJC bao gồm công ty Mobil (Mỹ), Japex, Inpex và Nissho Iwai (Nhật Bản).

Hợp đồng thứ 28 là hợp đồng của Công ty dầu khí Canadian Occidental Petroleum, được ký kết vào tháng 11 năm 1994 trong khuôn khổ chuyến thăm của Thủ tướng Canada Jean Chrétien.



Hệ thống duy trì áp suất vỉa tại Giàn công nghệ trung tâm số 3. Ảnh tư liệu của XNLD Vietsovpetro





Những năm 1990 tưởng chừng như các công ty dầu mỏ phương Tây, Mỹ và Australia sẽ nhanh chóng giải quyết mọi vấn đề của Petrovietnam

Cho tới năm 1997 số lượng các dự án dầu khí có sự tham gia của các công ty nước ngoài có giảm đôi chút (có 23 công ty), tuy nhiên tổng vốn đầu tư của các dự án đó lên đến 1,2 tỷ USD, về tổng thể ngành dầu khí chiếm vị trí thứ ba về khối lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài¹.

Người Úc, người Nhật, người Canada, Malaysia, Na Uy và người Anh — tất cả các đoàn Chính phủ và đoàn thương mại và công nghiệp các nước khi đến Việt Nam vào đầu những năm 1990 nhất định đều có các chuyên gia dầu khí tháp tùng. Mỗi quan tâm đến lòng đất Việt Nam, trước hết là vùng thềm lục địa, lớn đến mức từ năm 1992 ở Việt Nam bắt đầu tổ chức một trong những triển lãm quốc tế về dầu khí lớn nhất Đông nam Á. Kéo tới thị trường Việt Nam là những Tập đoàn đẳng cấp thế giới như British Petroleum, Amoco, Mobil, Statoil, Conoco — tất cả hơn 50 công ty.

Chính vào thời điểm đó nước Nga ở đây phải đối mặt với sự cạnh tranh hết sức gay gắt. «Liệu có phải là công nghệ và thiết bị ngành dầu mỏ của Nga kém hiệu quả nhất? Các kỹ sư Nga lạc hậu đến mức nào so với các đồng nghiệp phương tây về công nghệ mới?» — những câu hỏi như vậy thường được các đại diện từ Nga nêu lên tại những cuộc họp báo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro. Trong khi đó vào năm 1995 Liên doanh Vietsovpetro với sự hỗ trợ của các nhà khoa học BNIIBT (Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế công nghệ kỹ thuật khoan toàn Nga-ND), đã sử dụng thiết bị khoan do Nga sản xuất của liên doanh này để lắp đặt và khoan thành công giếng khoan nằm ngang đầu tiên ở Việt Nam với dung lượng gấp 2,5 lần dung lượng của các giếng còn lại². Vào tháng 7 năm 1997 tại mỏ Bạch Hổ đã áp dụng phương pháp khai thác gaslift khí nén (Gaslift là phương pháp bơm khí cao áp (khí đồng hành, khí mỏ) vào giếng hòa trộn với chất lỏng trong giếng để giảm tỷ trọng và đưa chúng lên bề mặt), nhờ đó đảm bảo được hệ số công nghệ cao trong

hoạt động của các giếng khai thác cơ giới hóa³. Cũng chính trong giai đoạn khó khăn nhất trong quan hệ hợp tác, tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã áp dụng công nghệ duy trì áp suất vỉa bằng phương pháp bơm nước ép vỉa tại tầng móng nứt nẻ — hang hốc, và một phần lớn nỗ lực đã được tập trung để thay đổi quan niệm tiêu cực nảy sinh ở một bộ phận nhất định các chuyên gia Việt Nam dưới ảnh hưởng của các chuyên viên phương tây. Những chuyên viên này đã đề xuất công nghệ bơm ép khí. Theo ý kiến của các chuyên gia Nga, phương pháp bơm ép khí chỉ có thể giúp nâng cao hệ số thu hồi dầu ở mức vài phần trăm, trong khi với phương pháp bơm ép nước hệ số thu hồi dầu được nâng cao gấp 2,5-3 lần!

Để giải quyết vấn đề Công ty Zarubezhneft đã mời sang Việt Nam những chuyên gia ưu tú trong số các nhà khoa học «phát triển» từ Nga, những người giàu kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề tương tự. Trong số đó có một nhà khoa học lớn của Nga, nguyên giám đốc Viện Nghiên cứu khoa học dầu khí toàn liên bang mang tên A. P. Krurlov «VNIIneft» là Giáo sư G. G. Vakhitov, người giữ cương vị Phó Giám đốc Phòng nghiên cứu khoa học và thiết kế chế tạo NIPIInorneftegaz của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong 5 năm (1990-1995). Kết quả là, theo như báo cáo của Thứ trưởng thứ nhất Bộ Năng lượng Nga G. D. Avalishvili, Công ty Zarubezhneft khi vận dụng những kinh nghiệm khoa học và thực tiễn tích lũy được trong việc phát triển nhiều mỏ trong và ngoài nước có cấu tạo thân dầu trong đá nứt nẻ, đã tập trung tối đa nỗ lực và kiên trì tiến hành phương pháp bơm nước ép vỉa, phương pháp mới đầu là thử nghiệm, còn sau đó đã trở thành phương pháp công nghiệp. Điều đó đã giúp ngăn được tình trạng giảm áp suất vỉa và ổn định nó ở mức 10-15 atmosfer cao hơn áp suất bão hòa, làm cho phía Việt Nam hết sức ngạc nhiên. Kế hoạch khai thác năm 1997 đề ra 9 triệu tấn thì Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã khai thác được 9.4 triệu tấn, năm 1998 kế hoạch 10,3 triệu tấn, khai thác 11 triệu



Tới năm 1997 XNLD Vietsovpetro đã khai thác được 50 triệu tấn dầu. Ảnh: Lễ trao Huân chương Lao động cho XNLD Vietsovpetro. Đứng giữa là Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phan Văn Khải, bên trái ông là Tổng Giám đốc XNLD Vietsovpetro Nguyễn Giao và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất F. I. Badikov. Tháng 11/ 1997

tấn, năm 1999 kế hoạch 11 triệu tấn khai thác thực tế 11,7 triệu tấn¹.

Vào giai đoạn đó, cụm từ «công nghệ phương Tây» đã trở nên đặc biệt nổi tiếng ở Việt Nam giữa các chính trị gia cũng như các chuyên gia dầu mỏ. Dường như với họ, tất cả những con người tuyệt vời diện những bộ comple doanh nhân lịch sự, tay đeo những chiếc đồng hồ đắt tiền ấy sẽ giải quyết tất cả mọi vấn đề. Người Áo sẽ tìm thấy dầu ở vùng đồng bằng sông Hồng, nơi trước đó những nhà địa chất và thợ khoan Liên Xô và Việt Nam đã dầm bùn dầm đất trong một phần tư thế kỷ mà chỉ tìm thấy một mỏ khí nhỏ. Người Mỹ, người Nhật, người Úc và người Canada cùng với người Na Uy sẽ khoan những giếng dầu với chi phí rẻ, cung cấp thiết bị công nghệ cao cho những giàn khoan tối tân của mình, đặt đường ống và thu được nhiều dầu giá rẻ có thể bán được nhiều tiền. Tuy nhiên, không thể lừa dối lòng đất, và không phải mọi thứ đều đơn giản như vậy, lịch sử phát triển một mỏ lớn như Đại Hùng đã nói lên điều đó.

Như ở trên đã nói, mỏ Đại Hùng trước đây thuộc khu vực hoạt động của Liên doanh Vietsovpetro, ngày 19/3/1993 theo kết quả đấu thầu đã được chuyển cho tổ hợp các công ty nước ngoài do hãng BHP của Úc điều hành. Dự án có 4,2% cổ phần thuộc về Zarubezhneft. Ngày 14/10/1994 mỏ đã bắt đầu khai thác sớm, song giữa nhà điều hành và phía Việt Nam nảy sinh bất đồng về việc triển khai dự án trong tương lai, trước hết là trong việc đánh giá trữ lượng dầu thu hồi. Lập luận rằng dự án không sinh lời dựa trên những đánh giá thấp của mình về trữ lượng, Tập đoàn BHP đã đòi xem xét lại các điều kiện của hợp đồng theo hướng có lợi cho mình. Nói chung công việc do họ điều hành tiến hành rất chậm và không đạt hiệu quả đáng có. Bằng chứng là công ty Total của Pháp đã rút khỏi dự án, đến năm 1996 chính BHP cũng đã rút khỏi dự án này. Tình hình sẽ rất bế tắc, nếu như trong Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam không có những chuyên gia giàu kinh nghiệm đã trải qua trường học Liên doanh Vietsovpetro.

Ngoài ra, trong nửa cuối thập niên 1990, tình hình kinh tế bắt đầu thay đổi: vào năm 1997 cuộc khủng hoảng kinh tế bắt

đầu, dẫn đến tình trạng giá dầu niêm yết sụt giảm mạnh. Theo công ty tư vấn Wood Mackenzie, trong giai đoạn năm 1995-1998 số vốn đầu tư nước ngoài hàng năm vào việc thăm dò dầu khí tại ở các nước Đông Nam Á đứng ở mức 1,2 tỷ USD, năm 1999 con số này đã giảm xuống còn 600 triệu USD. Giai đoạn năm 1995-1999 số tiền tái đầu tư giảm xuống mức tương đối thấp — chỉ còn gần 12% giá trị các dòng tiền tự do, tuy rằng số tiền tái đầu tư lớn nhất đã được thực hiện tại Việt Nam, nhưng điều đó trên thực tế cũng «không đem về bất cứ khoản thu nhập nào» cho các nhà đầu tư. Từ sau năm 1996, vốn đầu tư nước ngoài vào mảng thăm dò ở Việt Nam giảm mạnh, cụ thể giai đoạn năm 1995-1996 số vốn đầu tư nước ngoài chi phí vào thăm dò là 620 triệu USD, nhưng năm 1997-1999 chỉ còn chưa đầy 150 triệu USD. Tình trạng xuống dốc của khoan thăm dò được giải thích là do giá thành giếng khoan khá cao (trung bình là 10 triệu, nhưng đã có những trường hợp đội lên đến 45 triệu USD), khả năng hoàn vốn thấp trong khi tính rủi ro khá cao phát sinh từ các yếu tố địa lý tự nhiên và kỹ thuật địa chất, cũng như tình trạng các cuộc đàm phán để ký kết hợp đồng thường kéo dài. Các nhà phân tích nhận định rằng «hệ thống quản lý hiện tại ở Việt Nam chưa được thử nghiệm và chưa được phát triển đầy đủ, dẫn đến sự chậm trễ về tiến độ đưa các mỏ mới vào vận hành».

Như vậy, trong nửa sau của thập niên 1990, tất cả các điều kiện để hồi sinh quan hệ Nga — Việt đã chín muồi, nếu không có quy mô như thời Liên Xô thì chí ít cũng ở mức cao và trên cơ sở tương hỗ về lợi ích kinh tế. Cơ sở cho việc hồi sinh này là các dự án mới trong lĩnh vực dầu khí.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 1162. T. 23.

^[2] Mnatsakanov A. V., Oganov S. A., Povalkhin A. S., Rogachev O. K., Prokharenko V. V., H. N. Khuê, Tr. V. Hội, V. T. Lương, Tronov Yu. A. Khoan giếng ngang tại mỏ Bạch Hổ thềm lục địa Việt Nam // Kinh tế dầu mỏ. 1997. Số 2, Tr. 19.

^[3] Kuzmichev A. D., Kanarsky V. V., Ivanov A. N., Nguyễn Văn Cảnh. Tối ưu hóa các phương pháp khai thác dầu cơ giới hóa trong điều kiện của Liên doanh Vietsovpetro // Kinh tế dầu mỏ. 2006. Số 11. Tr. 90-92.

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 2823. T. 65, 70.

Chuyến thăm của Thủ tướng V. S. Chernomyrdin tới Việt Nam, hay là chuyện Gazprom trở lại...

Việc nối lại các cuộc đối thoại chính trị giữa Nga và Việt Nam ở cấp cao đã bắt đầu sau chuyến thăm Nga của Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt vào tháng 6 năm 1994. Những người khởi động quá trình này về phía Việt Nam là những nhà hoạt động chính trị tên tuổi: đó là cá nhân Thủ tướng Võ Văn Kiệt và hai Phó Thủ tướng là ông Phan Văn Khải (sau này trở thành Thủ tướng) và ông Trần Đức Lương (sau này là Chủ tịch nước), người đứng đầu phân ban Việt Nam của Ủy ban liên chính phủ Nga — Việt Nam về hợp tác kinh tế và khoa học-kỹ thuật (sau đây gọi tắt là UB LCP N — V). Họ nhận được sự ủng hộ của Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng CSVN Đỗ Mười. Về phía Nga những người bắt đầu tiến trình đối thoại là các vị phó của V. S. Chernomyrdin — các Phó Thủ tướng Yu. F. Yarov và V. M. Serov. Nhóm các quan chức cấp cao này và đội ngũ nhân viên của họ đã thành công trong việc đặt nền tảng để bình thường hóa quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia trong giai đoạn lịch sử mới.

Theo các thỏa thuận đã đạt được, Nga và Việt Nam đã triển khai chính lý và cập nhật lại cơ sở thỏa thuận pháp lý. Trước hết là tiến hành rà soát lại các hiệp ước, hiệp định và những văn bản liên chính phủ khác. Mặc dù Việt Nam công nhận Nga là chủ thể kế thừa về mặt pháp lý đối với các cam kết quốc tế của Liên bang CHXHCN Xô-viết trước đây, song nhiều thỏa thuận cấp nhà nước, trước hết là Hiệp ước cơ bản về hữu nghị và hợp tác ký ngày 3 tháng 11 năm 1978, đều cần có sự điều chỉnh đáng kể. Trong giai đoạn năm 1991–1992 hai bên đã ký kết những hiệp định liên chính phủ Nga–Việt đầu tiên về quan hệ kinh tế thương mại, hợp tác khoa học và kỹ thuật, những nguyên tắc về việc gửi đi và tiếp nhận công dân Việt Nam sang làm việc tại các doanh nghiệp và các tổ chức của Liên bang Nga, cũng như những thay đổi và bổ sung Hiệp định về việc cử đi và tiếp nhận công dân Việt Nam sang học nghề. Năm 1993 việc chính đốn lại những cam kết pháp lý hỗ trợ trở thành có hệ thống. Trong vòng một năm các chuyên gia từ các cơ quan hữu quan của Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam đã nghiên cứu và thống nhất các hiệp ước và hiệp định liên chính phủ chủ yếu đang hiện hành. Kết quả đã



Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười thăm Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro. 1994

ghi nhận có cách hiểu khác biệt nhau về số phận tương lai của khoảng một phần tư trong số 60 văn bản được ký kết trước đó¹.

Trong quá trình chuyến thăm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt đến Matxcova ngày 16 tháng 6 năm 1994 Hiệp ước cơ bản về nền tảng quan hệ hữu nghị đã được ký kết, và bắt đầu hiệu lực vào ngày 11 tháng 4 năm 1995. Đồng thời hai bên cũng đã ký ba hiệp định liên chính phủ: về việc khuyến khích và bảo hộ lẫn nhau trong đầu tư vốn; về hợp tác trong lĩnh vực nghề cá; về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông — công nghiệp. Tuy nhiên sau chuyến thăm này, trong quan hệ giữa hai nước đã có sự yên ắng nhất định. Hiệp ước năm 1994 không bao hàm một chương trình hợp tác dài hạn mới. Hơn nữa trong đó không có lời nào về việc thiết lập bất kỳ mối quan hệ đặc biệt nào giữa Nga và Việt Nam. Để có được điều này cần có thời gian, sự thấu hiểu của cả hai bên về những thách thức và các nguy cơ mới, cần có thiện chí chính trị, cần mở rộng khu vực song trùng lợi ích quốc gia, sẵn sàng chuyển động để hướng tới gặp gỡ nhau và hoạt động không mệt mỏi trên thực tiễn trong mọi lĩnh vực quan hệ song phương².

Trong quá trình thiết lập mối quan hệ hợp tác kinh tế cùng có lợi giữa Nga và Việt Nam nảy sinh vấn đề khá gay gắt về những khoản nợ của Việt Nam kể từ năm 1972 (tất cả các khoản vay từ trước tới thời điểm đó đã được chuyển thành viện trợ không hoàn lại). Tính đến ngày 11 tháng 3 năm 1997, theo số liệu của Ngân hàng kinh tế đối ngoại Vnesheconombank của LB Nga, kể từ tháng 10 năm 1971 Liên Xô và Liên bang Nga đã cho Việt Nam vay tổng cộng 14.465.100.697,36 rúp, trong đó đã sử dụng 11.043.586.956,60 rúp, lãi khoản vay — 1515.877.242,92 rúp. Số gốc đã hoàn trả — là 250.375.489,57 rúp, lãi đã trả — 152.300.744,83 rúp. Như vậy, số nợ còn lại kể cả lãi là 10332339662,27 rúp³. Tất nhiên, với tình hình chính trị nội bộ và kinh tế phức tạp mà Nga đang lâm vào trong giai đoạn giữa những năm 1990, việc xóa nợ như Nga đã làm vào năm 1971 là không thể. Tình trạng sản xuất và mức sống người dân sụt giảm nghiêm trọng, cuộc chiến ở miền Bắc Kavkaz đã làm suy yếu tình hình kinh tế của đất nước một cách đáng kể. Đồng thời khi đó bản thân nước Nga cũng phải trả những khoản nợ khổng lồ cho các chủ nợ phương Tây.

Giải pháp cho vấn đề trả nợ có liên quan đến thỏa thuận về hệ số chuyển đổi ngoại tệ mà phía Việt Nam không nhất trí. Ở đây khi nói đến đồng rúp chuyển đổi, thì tỷ giá hối đoái của đồng rúp so với đồng đô la do Ủy ban nhà nước về nợ nước ngoài và tài sản tài chính của Liên bang Nga quy định sẽ là 1:1⁴. Trong khi đó Việt Nam lại có quan điểm khác về cách tính này, do vậy nên vấn đề nợ có nguy cơ biến thành một «công trình đắp chiếu». Có thể thấy trước rằng nếu ràng buộc sự phát triển quan hệ hợp tác với quyết định về vấn đề nợ, thì quan hệ kinh tế của hai nước, rồi sau đó là quan hệ chính trị, bản thân nó tất sẽ bị đóng sập. Thông qua các trung gian khác nhau Matxcova nhận được những tín hiệu rằng sẽ có lợi hơn nhiều khi chuyển đổi một phần khoản nợ này thành các khoản đầu tư hai bên cùng có lợi ở Việt Nam hoặc thành những dự án chung ở các nước thứ ba⁵.

Điểm trước thời gian một chút, chúng tôi lưu ý rằng vào đầu tháng 9 năm 2000 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phan Văn Khải, — một trong những «kiến trúc sư» của chính sách «Đổi

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 695. T. 18–19.

² Voronin A. S. Biểu đồ mới của quan hệ Nga — Việt Nam // Đồng Nam A: những vấn đề cấp bách trong phát triển. 2010. Số 15. Tr. 157 (Tài nguyên điện tử://C:/Users/Yura/Documents/2017/gazprom-viet/Статьи/2010_novaya-paradigma-rossiysko-vietnamskih-otnosheniy.pdf. Ngày truy cập: 01.05.2017).

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 7510. T. 39–46.

⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 695. T. 18–19.

⁵ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 695. T. 18–19.



Thủ tướng Nga V. S. Chernomyrdin và Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải thăm XNLD Vietsovpetro. 1997

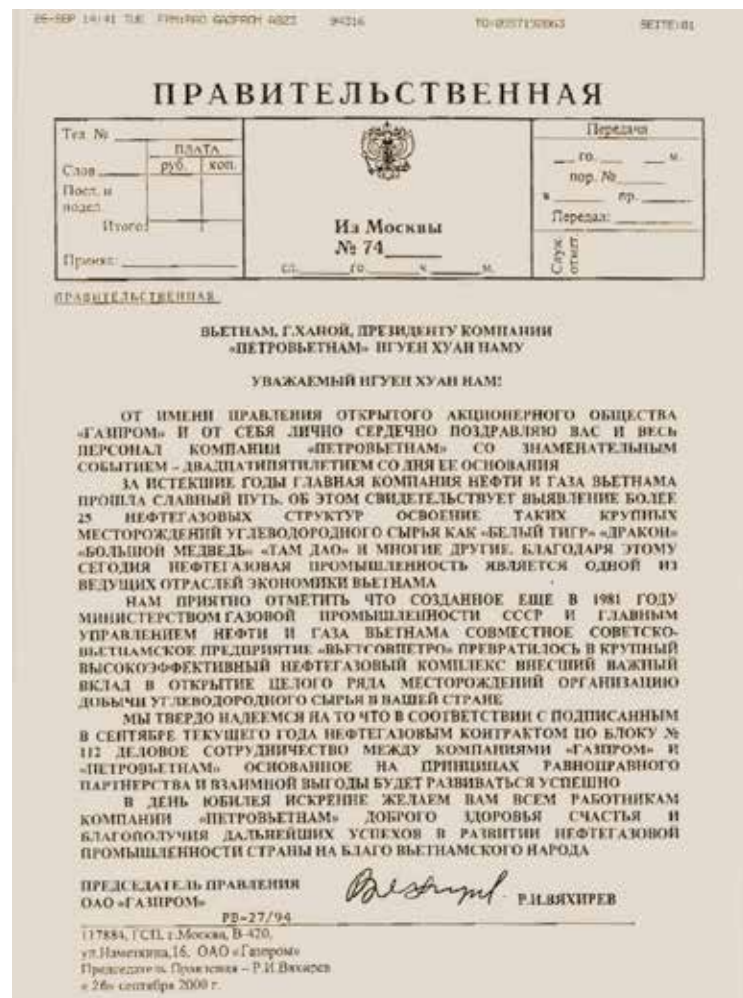
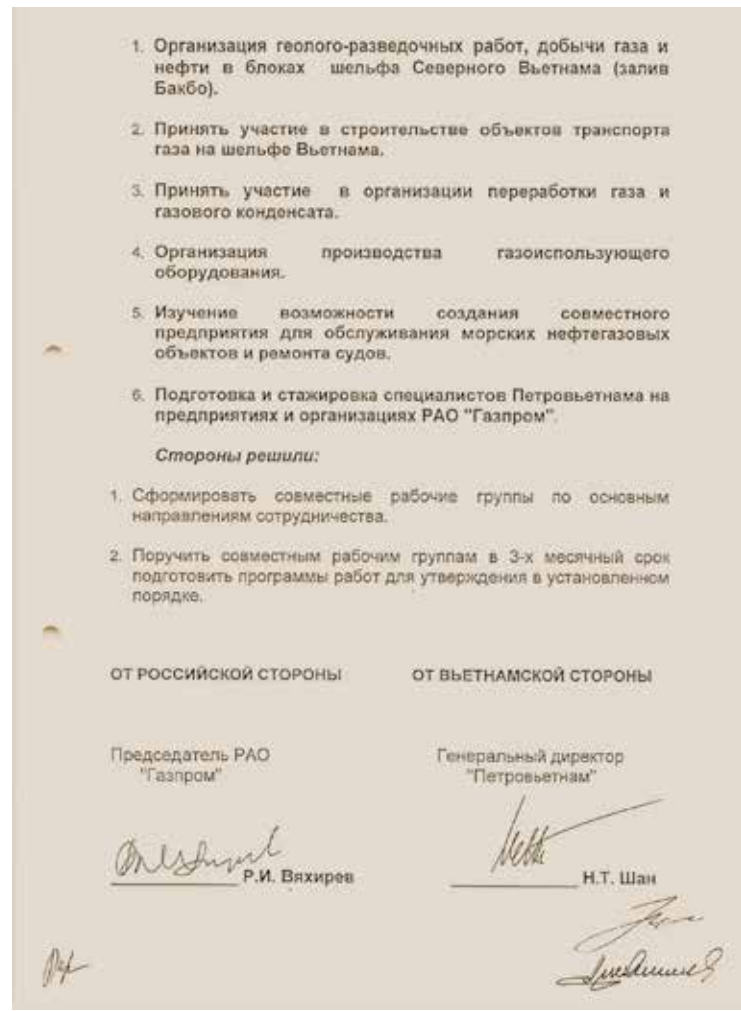
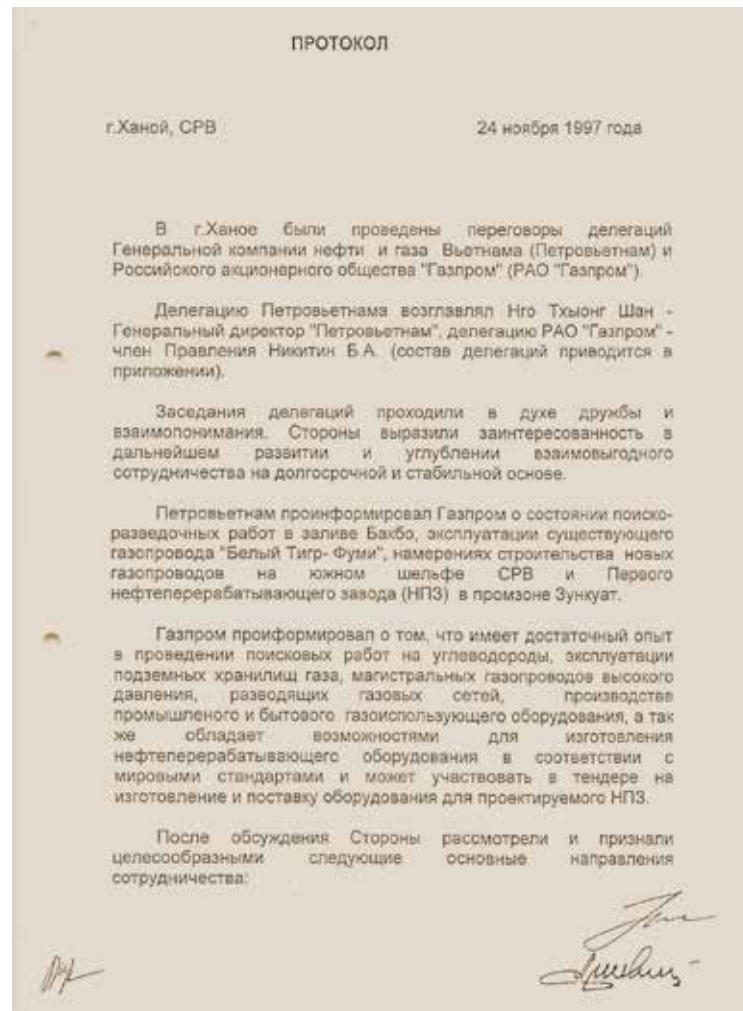


Thủ tướng Nga V. S. Chernomyrdin và Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải tại XNLD Vietsovpetro. Bên phải Thủ tướng Phan Văn Khải là ông Nguyễn Giao, bên trái Thủ tướng V. S. Chernomyrdin là ông A. G. Kovtun. 1997

mới» của Việt Nam, đã sang thăm Nga. Ông có cuộc hội đàm với người đồng cấp của mình là Thủ tướng M. M. Kasianov. Trong khuôn khổ chuyến thăm hai vị Bộ trưởng Tài chính hai nước là A. L. Kudrin và Nguyễn Sinh Hùng đã ký kết gói hiệp định liên chính phủ về xử lý nợ. Theo những văn bản đó Việt Nam cam kết trong vòng 23 năm trả hết cho Nga 1,7 tỷ USD trên nguyên tắc Câu lạc bộ Paris của các nước cấp tín dụng. Trong vấn đề xác định tỷ giá quy đổi đồng rúp chuyển đổi sang đồng đô-la Mỹ đã có nhiều điều tranh cãi, song thông qua Câu lạc bộ Paris đã tiến hành xử lý cả những khoản nợ khác của đất nước bây giờ đã trở thành «Liên Xô cũ» đối với các nước Đông Âu (trong đó có CHDC Đức lúc đó đã thống nhất vào CHLB Đức). Khoản nợ đối với Nga được chuyển đổi thành USD theo tỷ giá gần như tương đương với tỷ giá so với Đồng Việt Nam, bởi vì vẫn có phương châm là nếu như đã không nhận được toàn bộ số nợ, thì chỉ ít cũng giảm bớt được thiệt hại của chính mình trong khoản nợ đó. Nói chung, Việt Nam đã cam kết trả nợ không phải bằng tiền và cũng không phải bằng hàng hóa, mà thông qua các khoản đầu tư vào những

dự án lớn, liên quốc gia, trên lãnh thổ Việt Nam, cũng giống như Nga đề xuất việc đó với các chủ nợ phương Tây của mình. Vì đây là một hình thức mới, nên các chuyên gia còn phải hoàn thiện mọi cơ chế để thực hiện ý tưởng này, xác định lịch thanh toán cụ thể và hướng vận động của các dòng tài chính. «Tuy nhiên hiện tại thấy rõ, — các nhà báo viết, — rằng phương án như trên phù hợp với cả Matxcova và Hà Nội. Hơn nữa, với phương án đầu tư như vậy thì Việt Nam sẽ cố gắng thanh toán khoản nợ này không chỉ nhanh, mà còn bằng những khoản đầu tư giá trị lớn»¹. Tóm lại, nhờ quan điểm mang tính xây dựng của cả Nga lẫn Việt Nam mà vấn đề nợ đã được giải quyết thành công và không làm ảnh hưởng đến việc tăng cường quan hệ giữa hai nước. Việt Nam đã trở thành nước đầu tiên thanh toán hết cho Nga các khoản nợ thời Liên Xô!

¹ Shapovalov A. Nợ được xử lý nhẹ nhàng // Kinh doanh ở Nga (phụ trang báo «Rossiskaya gazeta»). 2000. Số ra 26/9 (Tài nguyên điện tử: http://www.nefte.ru/company/rus/vyetsi.htm. Ngày truy cập: 02.04.2017).



Giai đoạn thứ ba trong quan hệ hợp tác giữa Tập đoàn Gazprom và Tập đoàn PetroVietnam đã bắt đầu như vậy. Biên bản đàm phán ngày 24/11/1997

Lời chúc mừng của Chủ tịch Tập đoàn «Gazprom» R. I. Vyakhirev nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Tập đoàn đầu khí quốc gia «Petrovietnam». Năm 2000

Cuối những năm 1990 Gazprom đã trở lại Việt Nam



Cuối những năm 1990 Gazprom đã trở lại Việt Nam. Gian trưng bày của Gazprom tại triển lãm nhân kỷ niệm 45 năm thành lập PetroVietnam. Hà Nội, 2015

Vào cuối tháng 6 năm 1997 một đoàn đại biểu của PetroVietnam đến Matxcova, đứng đầu là Tổng giám đốc Ngô Thường San, một người rất quen thuộc với độc giả cuốn sách này. Tại cuộc gặp gỡ ở Zarubezhneft và Bộ Nhiên liệu Năng lượng Nga, các chuyên gia ngành dầu khí Việt Nam khẳng định ý định triển khai hợp tác chiến lược thông qua việc mở rộng và làm sâu sắc hơn những mối quan hệ trong ngành công nghiệp khai thác dầu của Việt Nam, Nga và các nước thứ ba. Hai bên cũng thống nhất tiến hành trên cơ sở hợp đồng việc tổng hợp tài liệu địa chất và địa vật lý vùng thềm lục địa Việt Nam, thành lập trong tương lai một trung tâm khoa học và công nghệ Nga — Việt liên doanh để thực hiện các công trình thiết kế khoa học và phát triển kỹ thuật ở Việt Nam cũng như các nước Đông Nam Á khác. «*Tính đến kinh nghiệm phong phú và tích cực trong thăm dò và khai thác dầu tại vùng thềm lục địa Việt Nam, được tích lũy trong hơn 15 năm hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro mà cơ đồng phía Nga thỏa thuận với Ủy ban tài sản Nhà nước LB Nga là Công ty Zarubezhneft (năm 1996 Liên doanh khai thác hơn 8 triệu tấn dầu, sau 10 năm khai thác tổng cộng hơn 45 triệu tấn), tại các cuộc đàm phán đã thống nhất thỏa thuận đề nghị Chính phủ hai nước Nga và Việt Nam mở rộng vùng hoạt động của XNLD Vietsovpetro thông qua việc bổ sung thêm vào đó những lô mới có triển vọng dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam do các công ty thuộc các nước thứ ba để lại*», — Tổng giám đốc Công ty Zarubezhneft O. K. Popov báo cáo Bộ trưởng Bộ Nhiên liệu và Năng lượng Liên bang Nga B. E. Nemtsov¹.
 Đồng thời đoàn đại biểu của Tổng Giám đốc Ngô Thường San cũng bắt đầu thảo luận về những dự án khí đốt khả thi. Tập đoàn Gazprom thiết lập quan hệ đối tác với đại diện chính quyền và giới doanh nghiệp Việt Nam để bàn bạc về những dự án cung cấp khí đốt cho các xí nghiệp và dân cư tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu và Tp. Hồ Chí Minh, xây dựng đường ống khí đốt và bể ngầm chứa khí đốt, phát triển ngành chế tạo máy về dầu khí, đào tạo cán bộ, và đã triển khai công tác tư vấn liên quan².

¹ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 1777. T. 79–80.
² Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ 7510. T. 34.

Sự kiện cuối cùng trong công tác chuẩn bị cho chuyến thăm của Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga sang Việt Nam là kỳ họp của Ủy ban liên chính phủ Nga — Việt lần thứ V, diễn ra từ ngày 10–15 tháng 9 năm 1997 tại Hà Nội dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Nga V. M. Serov và Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Trần Đức Lương. Để chào mừng đoàn đại biểu Nga và toàn thể cuộc họp nói chung Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười và Thủ tướng nước Chính phủ CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt đã đến dự khai mạc kỳ họp. Các vị lãnh đạo Việt Nam tuyên bố rằng họ không chỉ coi nước Nga là người bạn lâu năm đã được thử thách, mà còn là đối tác chiến lược trong tương lai lâu dài, tiếp tục xem Nga là một cường quốc vĩ đại, có ảnh hưởng về chính trị và quân sự trên thế giới, có tiềm năng kinh tế hùng mạnh và trình độ khoa học kỹ thuật cao. Ngoài ra, theo lời của người đứng đầu phái đoàn Nga V. M. Serov, họ công nhận sự hợp lý khi để các tổ chức liên quan của Nga và Việt Nam chuẩn bị đề xuất về những phương hướng hợp tác cơ bản cùng có lợi trong ngành công nghiệp khí của Việt Nam. Đồng thời, Thủ tướng Võ Văn Kiệt công khai tuyên bố rằng việc giải quyết vấn đề nợ của Việt Nam đối với Nga có thể liên quan đến việc mở rộng hợp tác sau này trong lĩnh vực năng lượng và nhiên liệu³. Kết quả là, ngoài một loạt chỉ thị giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động của XNLD Vietsovpetro và xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên tại Việt Nam, tại kỳ họp lần thứ V của Ủy ban liên chính phủ đã đưa ra những quyết định, những quyết định hoàn toàn mới — về lĩnh vực phát triển ngành công nghiệp khí đốt ở Việt Nam.

Trích Biên bản kỳ họp lần thứ V Ủy ban liên chính phủ Nga — Việt về hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật, ngày 11–15/9/1997: «*Giao cho các tổ chức liên quan của LB Nga và CXHCN Việt Nam chuẩn bị đề xuất về phương hướng chủ yếu và các lĩnh vực hợp tác hai bên cùng có lợi nhằm phát triển ngành công nghiệp khí của Việt Nam, bao gồm việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác các mỏ khí đốt tại vùng thềm lục địa Việt Nam, vận chuyển và cung cấp khí phục vụ nhu cầu công nghiệp và tiêu dùng*»⁴.

Chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng V. S. Chernomyrdin diễn ra từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 11 năm 1997. Chuyến thăm ấy đã khẳng định đường lối đã được hoạch định là đưa hai nước xích lại gần nhau.

Tuyên bố về việc thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại và khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực thăm dò địa chất, 24 tháng 11 năm 1997, «*Chính phủ Liên bang Nga và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định mong muốn mở rộng hợp tác trong thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam. Chính phủ hai nước đánh giá cao kết quả hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Nga — Việt Vietsovpetro và sẽ tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt và hỗ trợ mọi mặt cho các thành viên của Liên doanh trong việc giữ vững, phát triển hơn nữa và nâng cao hiệu quả hoạt động của XNLD, giao cho XNLD chuẩn bị các đề xuất cụ thể nhằm mở rộng hợp tác». Trong một văn bản khác đặc biệt nhấn mạnh khả năng đa dạng hóa hình thức hợp tác: «*Chính phủ cũng sẽ hỗ trợ các tổ chức và doanh nghiệp hai nước trong việc phối hợp triển khai những dự án dầu khí, trong đó có hình thức**

³ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 7513. T. 83.
⁴ Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10212. Danh mục 1. Hồ sơ 1161. T. 16.

thành lập các xí nghiệp liên doanh mới tại Việt Nam, Nga và các nước thứ ba về tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ dầu và khí, vận chuyển, lưu trữ, chế biến dầu và khí, lọc hóa dầu, tiến hành công tác nghiên cứu khoa học và chế tạo thử nghiệm, đào tạo cán bộ»¹.

Cũng vào ngày hôm đó, 24/11/1997, Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom R. I. Vyakhirev và Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam Ngô Thường San đã ký một văn bản lịch sử, thiết lập sự khởi đầu một giai đoạn mới trong quá trình Gazprom tham gia xây dựng ngành dầu khí Việt Nam.

Trích Biên bản về phương hướng hợp tác giữa Tập đoàn Gazprom và Tập đoàn DKQG PetroVietnam:
«PetroVietnam thông tin cho Gazprom về tình hình tìm kiếm thăm dò tại Vịnh Bắc Bộ, tình hình vận hành đường ống dẫn khí «Bạch Hổ — Phú Mỹ» đang hoạt động, dự định xây dựng các đường ống dẫn khí mới tại vùng thềm lục địa phía nam Việt Nam và nhà máy lọc dầu đầu tiên tại khu công nghiệp Dung Quất. Gazprom thông báo rằng Tập đoàn có đủ kinh nghiệm trong việc thực hiện công tác thăm dò sản phẩm hydrocarbon, vận hành các bể ngầm chứa khí đốt, các tuyến đường ống dẫn khí áp suất cao, mạng đường ống phân phối khí, sản xuất thiết bị sử dụng khí công nghiệp và sinh hoạt, cũng như có khả năng sản xuất thiết bị lọc dầu theo tiêu chuẩn thế giới và có thể tham gia đấu thầu sản xuất và cung cấp thiết bị cho nhà máy lọc dầu đang được thiết kế.
Sau khi thảo luận, cả hai tập đoàn đều công nhận cần tập trung vào các hướng hợp tác chủ yếu đây:

- Tổ chức công tác thăm dò địa chất, khai thác dầu khí tại các lô ở miền Bắc Việt Nam (Vịnh Bắc Bộ).*
- Tham gia xây dựng các công trình vận chuyển khí tại thềm lục địa Việt Nam.*
- Tham gia tổ chức chế biến khí đối và khí condensate.*
- Tổ chức sản xuất thiết bị sử dụng khí.*
- Nghiên cứu khả năng thành lập liên doanh để phục vụ các công trình dầu khí ngoài khơi và sửa chữa tàu.*
- Đào tạo và tổ chức cho các chuyên gia của PetroVietnam thực tập tại các xí nghiệp và cơ quan của Gazprom.*

Chuyến thăm của Thủ tướng Chính phủ Nga tới Việt Nam kết thúc bằng việc Thủ tướng Nga cùng với Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải, người vừa được bổ nhiệm hai tuần trước chuyến thăm, tham gia buổi lễ chào mừng sự kiện khai thác tấn dầu thứ 50 triệu của Việt Nam được tổ chức ở thành phố Vũng Tàu, tại trụ sở của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro. Trong buổi lễ này một nhóm đông chuyên gia cán bộ dầu khí của cả hai nước, những người có đóng góp to lớn vào sự phát triển ngành công nghiệp dầu mỏ của Việt Nam, đã được trao tặng những phần thưởng cấp nhà nước của Nga và Việt Nam.

Tất nhiên trong bối cảnh này, việc ký kết Nghị định thư về hợp tác giữa Gazprom và PetroVietnam có vẻ khiêm tốn, song chính tấn dầu thứ 50 triệu này của Việt Nam cũng đã khởi nguồn từ cuộc nói chuyện diễn ra từ lâu của đồng chí Đinh Đức Thiện trong phòng làm việc của Bộ trưởng Công nghiệp khí Liên Xô S. A. Orudzhev gần hai chục năm về trước, từ năm 1979 xa xôi.

«Một người bạn cũ tốt hơn hai người bạn mới!»

Sau những chuyến thăm lẫn nhau của người đứng đầu chính phủ hai nước, cơ chế hợp tác nhà nước đã khởi động. Cho tới năm 1998 mục tiêu xây dựng nhà máy lọc dầu và mở rộng phạm vi hoạt động về mặt địa lý của XNLD Vietsovpetro đã trở thành hai hướng hợp tác chính. Do mọi thỏa thuận hiện mới đang ở dạng thỏa thuận khung nên các đối tác Việt Nam đề nghị ký kết thêm các hiệp định liên chính phủ trong dịp diễn ra chuyến thăm Liên bang Nga đầu tiên của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam dự kiến vào tháng 8 năm 1998.

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đức Lương tới Nga ngày 24 tháng 8 năm 1998 theo lời mời của Tổng thống Liên bang Nga B. N. Yeltsin. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, ông thuộc thể hệ những nhà kỹ trị, khác với thể hệ chính khách tiền nhiệm xuất thân từ môi trường hoạt động cách mạng và quân nhân chuyên nghiệp. Chủ tịch Trần Đức Lương đã tốt nghiệp khóa đào tạo mỏ-địa chất ở Hà Nội và trường Đại học Địa chất Matxcova mang tên S. Ordzhonikidze, trước khi tham gia chính trường ông đã trải qua chặng đường dài thực tiễn nghề nghiệp trong ngành địa chất Việt Nam. Báo chí viết về ông như sau: *«Một người thực tiễn, duy trì đường lối ôn hòa và cẩn trọng để thực hiện những thay đổi dần dần trong xã hội đồng thời giữ vững ổn định chính trị và kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; cũng như hầu hết các lãnh đạo hiện nay, ông chia sẻ xu hướng cải cách (do yêu cầu khách quan của thời đại ở trong nước), tuy nhiên, không có ý định đứng ra đóng vai trò «đầu tàu», bản thân giữ khoảng cách tránh các quan điểm «quá thái (ở cực này hay cực kia)» đang hiện hữu trong giới tinh hoa chính trị Việt Nam.. <...> Về phương diện chính trị đối ngoại — ông là một người ủng hộ đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Ông có thái độ hòa ái thân thiện đối với đất nước chúng ta, ủng hộ phát triển quan hệ hợp tác toàn diện và cùng có lợi giữa Việt Nam và Liên bang Nga, cho rằng đấu có phát triển thành công quan hệ với các đối tác mới cũng không được quên «những người bạn truyền thống đã được thử thách qua thời gian»².*

Trả lời phỏng vấn báo Izvestia Chủ tịch Trần Đức Lương nói rằng «Việt Nam và Liên bang Nga có mọi khả năng cần thiết để tiếp tục củng cố và phát triển hợp tác song phương. Trước kết đó là các lĩnh vực hai nước chúng ta có vị thế vững chắc và kinh nghiệm làm việc nhiều năm cùng nhau, như lĩnh vực dầu khí, năng lượng và những lĩnh vực khác»³. Sau đó một hôm, ngày 25/8/1998 hai bên đã ký kết Hiệp định liên chính phủ «Về hợp tác xây dựng và vận hành nhà máy lọc dầu đầu tiên trên lãnh thổ CHXHCN Việt Nam», dự kiến thành lập liên doanh trên cơ sở góp vốn 50:50.

Những năm cuối của thế kỷ XX trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam ghi nhận cách giải quyết từng bước những vấn đề kinh tế do quá khứ để lại, đồng thời định hướng tạo ra cơ sở hợp tác cùng có lợi trong tương lai. Những cuộc thăm viếng thường xuyên của các quan chức cấp cao, từ người đứng đầu các bộ ngành đến thủ tướng, các nhóm nghị sĩ, đã được khôi phục, Ủy ban hợp tác liên chính phủ đi vào hoạt động. Những cuộc gặp gỡ của các chính trị gia và nhà ngoại giao thường đạt kết quả là thông qua các văn bản chung quan trọng. Tuy nhiên tiến trình đó vẫn bị hạn chế một mặt do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á và cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra ở Nga vào tháng 8 năm 1998, tình trạng thường xuyên thay đổi người đứng đầu

^[1] Viện lưu trữ kinh tế LB Nga, Ph. 10240. Danh mục 1. Hồ sơ 2270. T. 69–70.

^[2] Trích dẫn theo tài liệu về kết quả chuyến thăm của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tới Nga // Kinh tế dầu mỏ. 2000. Số 9. Tr. 95.


Cuộc gặp giữa Tổng thống Nga B. N. Yeltsin và Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đức Lương tại Matxcova. 1998
 RIA Novosti

chính phủ Nga, mặt khác — là do những thỏa thuận đầu tiên đạt được trong những năm 1997–1998 bắt đầu được thực hiện: cần chuẩn bị luận chứng nghiên cứu khả thi, tìm kiếm các điều kiện hợp tác phù hợp với cả hai bên, tạo dựng mối liên kết liên ngân hàng v. v... Thực chất là cơ chế hợp tác kinh tế giữa hai nước khi đó được thiết lập mới hoàn toàn, nên cần có thời gian. Cả một mô hình hợp tác mới được hình thành.

Vào tháng 9 năm 2000 Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải đã đến Matxcova để cùng với người đồng cấp của mình là Thủ tướng Nga M. M. Kasianov thảo luận các vấn đề quan trọng trong quan hệ giữa hai nước. Ngày 11/9/2000 Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom là A. B. Miller và Chủ tịch Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam Ngô Thường San, dưới sự chứng kiến của người đứng đầu Chính phủ hai nước, đã ký hợp đồng dầu khí đầu tiên theo điều kiện «Hợp đồng chia sản phẩm» để tìm kiếm khí đốt và thành lập công ty liên doanh điều hành dự án này.

Ngày 12 tháng 9 Thủ tướng Phan Văn Khải đã tiếp kiến Tổng thống Liên bang Nga V. V. Putin, một sự kiện được báo giới đánh giá là dấu hiệu của mối quan hệ đặc biệt. Trong những bước tiếp theo nhà lãnh đạo mới của nước Nga tỏ ra quan tâm đến việc xây dựng mối quan hệ Nga — Việt Nam trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Như Đại sứ Nga tại Việt Nam Viktor Ivanov nhận

xét, cần phải «quyết tâm gạt bỏ khuôn mẫu coi Việt Nam là nước nhận viện trợ, <...> Chúng ta được kết nối bởi lợi ích chung, cả trong việc thực hiện những dự án nghiên cứu khoa học và kinh tế lớn, lẫn phát triển trao đổi hàng hóa và hợp tác sản xuất»¹.

Từ năm 1998 cả Nga và Việt Nam đều là thành viên của Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á — Thái Bình Dương (APEC), các nhà lãnh đạo của hai nước là khách mời thường xuyên của Diễn đàn này. Hai tháng sau chuyến thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải tới Matxcova, ngày 16 tháng 11 năm 2000, Tổng thống V. V. Putin đã tham gia hội nghị thượng đỉnh lần thứ VIII của Diễn đàn APEC tại Brunei. Vào ngày khai mạc diễn đàn, trên tờ «Bangkok Post» và những tờ báo hàng đầu khác trong khu vực lần đầu tiên sau 120 năm (trước đây mới chỉ riêng Sa hoàng Alexandr III có bài viết về các vấn đề chính sách đối với khu vực Nam Á), nhà lãnh đạo Nga đã có bài đăng thể hiện quan điểm nhan đề «Nước Nga: những triển vọng mới hướng đông», trong đó nêu rõ quan điểm hiện thời của Nga về khu vực Châu Á — Thái Bình Dương và các hình thức hợp tác cùng có lợi. Bài báo chỉ rõ Nga trông đợi điều

^[1] Mikhailov S. Quan hệ đối tác chiến lược // Báo «Nezavisimaya Gazeta». 2000. Số ra ngày 23/9 (Tài nguyên điện tử http://www. ng. ru/economics / 2000-09-23/4_partner.html. Ngày truy cập: 02.04.2017).

gì từ các nước trong khu vực và sẵn sàng đóng góp những gì vào tiến trình phát triển kinh tế và chính trị của khu vực này.

Trích bài báo của Tổng thống V. V. Putin «Nước Nga: những triển vọng mới hướng đông», ngày 09/11/2000: «Việc nước Nga tham gia vào các quá trình hợp tác kinh tế trong không gian châu Á và Thái Bình Dương là tự nhiên và tất yếu. Bản thân nước Nga là một đầu mối hội nhập đặc thù, kết nối châu Á, châu Âu và châu Mỹ. <...>

Ngày nay toàn bộ cơ hội đã mở ra trước chúng ta: từ hợp tác về năng lượng, về các vấn đề môi trường, khai thác thềm lục địa ven biển đến phát triển mạng lưới giao thông và thực hiện các dự án kinh tế và đầu tư cụ thể. <...>

Ba năm trước, Nga trở thành thành viên của APEC. Điều này đã tạo động lực cho sự hợp tác của chúng ta. Khu vực này sẽ luôn luôn cần đến Nga — cả trong các vấn đề duy trì sự ổn định và an ninh, lẫn trong việc đảm bảo sự cân bằng lợi ích của tất cả các bên. Chúng tôi sẵn sàng hợp tác cả với các quốc gia lớn lẫn các quốc gia nhỏ trong khu vực. Với cả các nước kinh tế phát triển lẫn các nước hiện mới đang cố gắng đạt được mức độ phát triển này.

Tôi tin tưởng rằng sự phát triển đi lên của nền kinh tế ở các nước Châu Á — Thái Bình Dương sau này, cũng như sự phát triển hơn nữa của nền kinh tế Nga, sẽ thúc đẩy sự phát triển quan hệ hợp tác cùng có lợi của chúng ta. Chúng tôi có ý định tích cực hỗ trợ các công ty Nga thúc đẩy việc quảng bá và hoạt động tại các thị trường trong khu vực. <...> Chúng tôi không có chương trình gì phải che giấu ở Châu Á— Thái Bình Dương. Những mục tiêu được tuyên bố trong chính sách của Nga tại khu vực này là rõ ràng. Đất nước chúng tôi, đất nước đang trải qua giai đoạn trong nước có những biến đổi sâu sắc, quan tâm đến việc lành mạnh hóa tổng thể tình hình khu vực, giữ vững tình hình ổn định, có thể đoán trước được ở châu Á và Thái Bình Dương»¹.

Bài báo của Tổng thống V. V. Putin, như các nhà báo thừa nhận, đã tạo ra phản ứng sôi nổi trên báo chí trong khu vực. Cả bạn bè lẫn kẻ đối địch của Nga đều có chung ý kiến rằng: thời kỳ «ngủ đông trong chính sách đối ngoại» chắc chắn đã kết thúc, và Nga một lần nữa khẳng định sự hiện diện của nước này trên bản đồ châu Á². Để xác nhận lời của Tổng thống V. V. Putin đã có thông báo rằng bên lề Hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ VIII tại Brunei, Tổng thống Nga đã gặp Phó Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam Nguyễn Mạnh Cẩm và sau đó ông Putin đã công bố ý định sang thăm Việt Nam vào đầu năm sau. Từ trước cho đến thời điểm đó, các nguyên thủ quốc gia của Liên Xô và Liên bang Nga chưa bao giờ đến Việt Nam.

Ngày 27 tháng 2 năm 2001, trước thềm chuyến thăm của Tổng thống Nga V. V. Putin đến Hà Nội, tờ báo Nhân Dân của ĐCSVN đã đăng bài phỏng vấn, trong đó Tổng thống Nga đã nhắc lại những nhận định cơ bản của mình về mối quan hệ Nga — Việt Nam: «*Chúng tôi coi nhiệm vụ phát triển toàn diện mối quan hệ với Việt Nam là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga ở châu Á. Hơn nữa, đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của người đứng đầu nhà nước Nga đến Việt Nam. Đặc biệt quan trọng là chuyến thăm diễn ra vào thời điểm khi quan hệ hợp tác Nga — Việt Nam đã vượt lên một cấp độ mới — cấp độ quan hệ đối tác chiến lược. Hiện nay chúng ta đang hợp tác trong tất cả các hướng then chốt: chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học — kỹ thuật, văn hóa.*

Như tục ngữ Việt Nam thường nói: «*Cái khó ló cái khôn*». Một thập kỷ rưỡi vừa qua là một thử thách quan trọng đối với hai nước chúng ta. Tuy nhiên, bất chấp mọi khó khăn, chúng ta đã bảo toàn được kết quả tích cực đã đạt được trong những năm trước, thậm chí phát triển nó, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế»³.

Tổng thống Nga đã lấy lĩnh vực dầu khí làm ví dụ cho mô hình hợp tác hai bên cùng có lợi như vậy. Lĩnh vực đó thực sự đã là bàn đạp để xây dựng nên một hệ thống quan hệ mới, cùng có lợi giữa hai nước. Quan điểm của Tổng thống V. V. Putin đúc kết lại như sau: cần tìm kiếm sự thỏa hiệp giữa địa chính trị và kinh tế, từ bỏ quan điểm ý thức hệ trong các vấn đề chính sách đối ngoại và tập trung vào kết quả kinh tế.

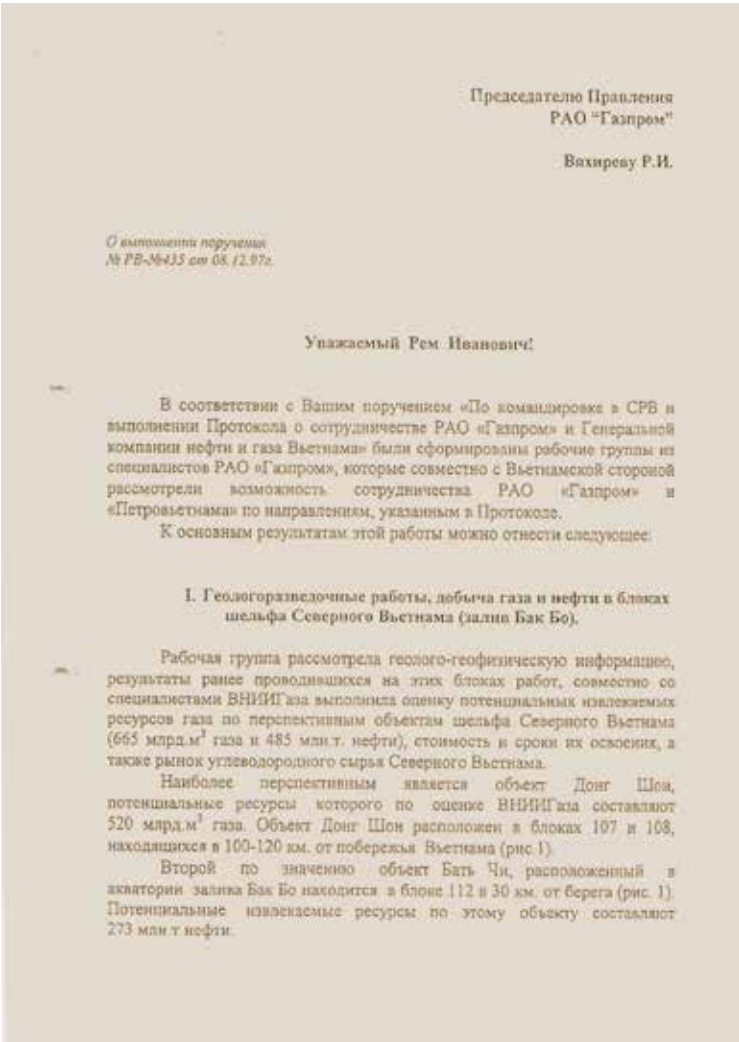
Chính trong giai đoạn hiện nay, trong chuyến thăm vào tháng 3 của Tổng thống Nga đến Việt Nam, hai nước không chỉ ký kết Tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược, mà còn ký kết một loạt văn bản kinh tế mới: Hiệp định hợp tác và Bản ghi nhớ về tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa Vneshtorgbank và Vietcombank; Bản ghi nhớ giữa Bộ về các vấn đề phòng vệ dân sự LB Nga và Ủy ban quốc gia Tìm kiếm cứu nạn Việt Nam; Hiệp định về hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chứng nhận và Hiệp định công nhận lẫn nhau về kết quả chứng nhận và thử nghiệm giữa Ủy ban Nhà nước Liên bang Nga về tiêu chuẩn, đo lường và Bộ Khoa học Việt Nam; Nghị định thư của Hiệp định giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam trong khuôn khổ Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro; Nghị định thư giữa Chính phủ Liên bang Nga và Chính phủ Việt Nam về kiểm kê cơ sở thỏa thuận — pháp lý và hiệu lực các thỏa thuận song phương hiện có giữa LB Nga và CHXHCN Việt Nam. Theo đánh giá của Phó Chủ nhiệm Văn phòng Điện Kremli Sergey Prikhodko, những văn kiện này có «ý nghĩa hết sức thực tiễn», và có thể bổ sung rằng chúng tạo ra một cơ sở pháp lý cho các hoạt động sau này của các công ty Nga tại Việt Nam.

Một năm sau ngày được bầu làm Tổng thống Nga và ba tuần sau chuyến thăm Việt Nam, Tổng thống V. V. Putin trong buổi gặp gỡ với các nhà báo đã nói về tính hợp lý trong việc khôi phục quan hệ kinh tế với Việt Nam, Cuba và Mông Cổ

СОГЛАСОВАНО Генеральный директор «Петровьетнам» <i>Н.Т.Шан</i> Н.Т.Шан «26» 04 1999г.	УТВЕРЖДАЮ Член Правления ОАО «Газпром» <i>Б.А.Никитин</i> Б.А.Никитин «9» 11 1999г.			
ПЛАН мероприятий по выполнению решений, принятых на Честом заседании Российско-Вьетнамской межправительственной комиссии по торгово-экономическому и научно-техническому сотрудничеству и Протоколом о сотрудничестве между ОАО «Газпром» и «Петровьетнам» от 24 ноября 1997г.				
№№ пп.	Направления сотрудничества	Мероприятия	Сроки	Исполнители
1	2	3	4	5
1	Геологоразведочные работы, добыча газа и нефти в блоках шельфа Северного (залив Бак Бо) и Центрального Вьетнама	1. Переговоры с «Петровьетнамом» об условиях участия в проекте. 2. Анализ всех имеющихся материалов и их технико-экономическая оценка 3.Определение первоочередных объектов, подготовка ТЭО участия в проекте	с Апрель 1999г. апрель-май 1999г. 1 полу-годие 1999г.	Управление техники и технологии разработки морских месторождений Воак В.С ВНИИГаз, НИИГАЗЭКОНОМИКА ДП «Газфлот»
2.	Проект транспорта газа с Юго-Западного шельфа Вьетнама	1.Сбор исходной информации		<ul style="list-style-type: none"> • Управление техникой и технологии разработки месторождений (Рыков М.Е.) • «Гипроснацгаз» • ЗАО «Зарубожефтегаз»

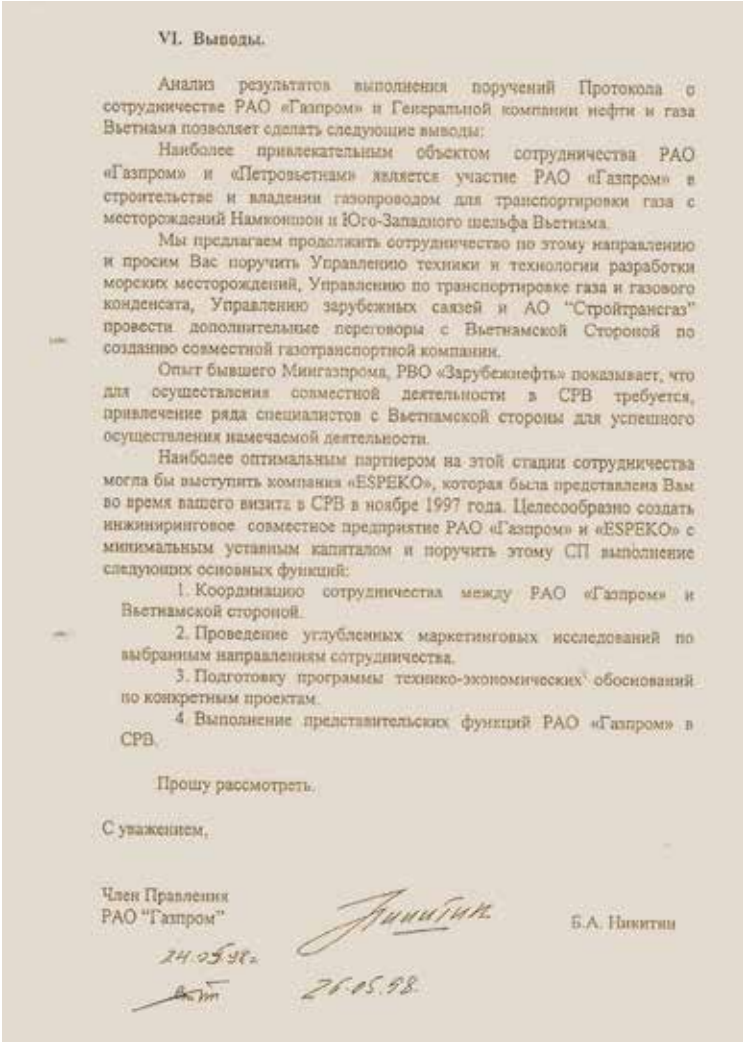
Bản chụp một phần kế hoạch hợp tác giữa Tập đoàn Gazprom và Tập đoàn DKQG PetroVietnam.

Ảnh tư liệu của V. S. Vovk



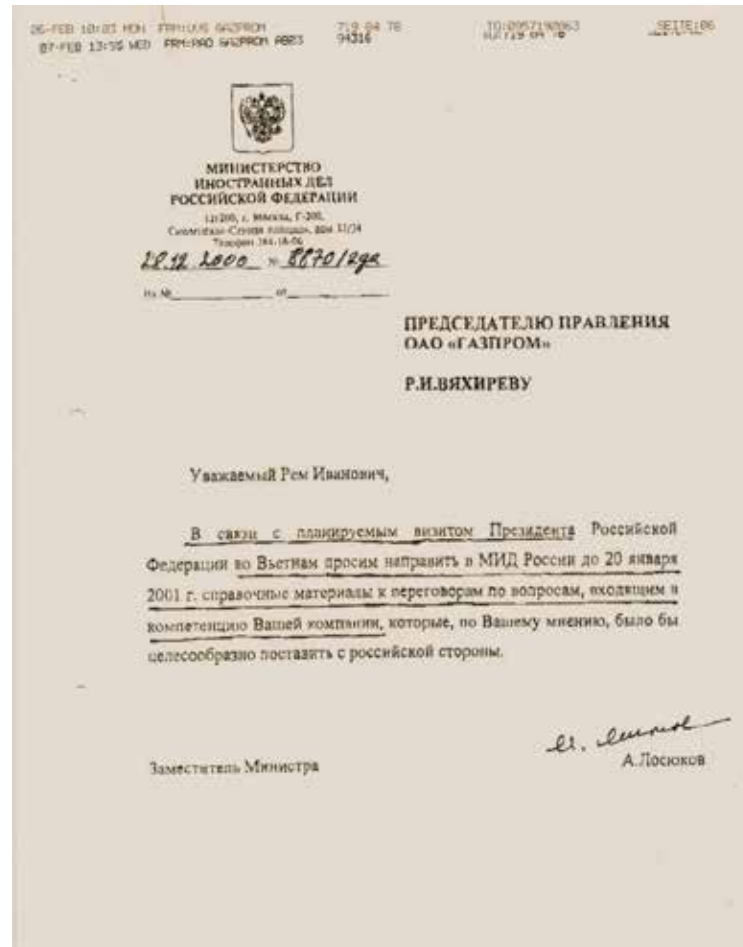
Ảnh chụp một phần thư trao đổi của B. A. Nikitin và H. I. Vyakhirev về hợp tác giữa Gazprom và PetroVietnam. 1998

Ảnh tư liệu của V. S. Vovk


^[1] Tài nguyên điện tử: http://www.kremlin.ru/events/president/transcripts/21132. Ngày truy cập: 18.04.2017.

^[2] Belenky E. Đông Nam Á: cuộc diễn cử đầy bất ngờ // Báo «Nezavisimaya Gazeta». 2000. Ngày 7/12, Tr. 6 (Tài nguyên điện tử: http://www.ng.ru/world/2000-12-07/6_parad.html. Ngày truy cập: 02.04.2017).

^[3] Tài nguyên điện tử: http://www.mid.ru/web/guest/maps/vn/—/asset_publisher/a6qL9Hzzxu/content/id/589368. Ngày truy cập: 02.04.2017.



Công văn của Bộ Ngoại giao Nga gửi Tập đoàn Gazprom về hợp tác với Việt Nam. 2000. Ảnh tư liệu của V. S. Vovk

triệu đô la tiền tươi. Trước chuyến thăm của tôi sang đó, chính phủ Việt Nam đã quyết định bàn giao thêm cho xí nghiệp liên doanh này một khu vực có chứa dầu mà trước đây do một công ty khác tiếp nhận — Họ đã lấy lại từ công ty đó và trao cho xí nghiệp chúng ta»¹.

Rõ ràng rằng quan hệ truyền thống chỉ là một phong nền, một yếu tố đồng hành. Nó cần phải dựa vào cơ sở pháp lý đáng tin cậy, cơ sở được tạo ra trong những thập kỷ 1990, và cũng cần phải có một nền tảng kinh tế cũng đáng tin cậy như vậy, bởi vì cơ sở hợp tác kinh tế giữa hai nước vẫn được tạo nên bằng những khoản tín dụng như trước đây. Trong giai đoạn khó khăn cuối thập kỷ 1990, đoàn đại biểu quốc hội Nga vừa đi thăm Việt Nam về đã thông báo cho Thủ tướng V. S. Chernomyrdin: «Sự quan tâm của Việt Nam đối với những cuộc đàm phán kinh tế với Nga giảm mạnh do Nga không có khả năng cấp cho Việt Nam những khoản tín dụng ưu đãi hoặc những khoản đầu tư giá trị lớn để thành lập các liên doanh. Ban lãnh đạo Việt Nam trong điều kiện này buộc phải tích cực hợp tác trong lĩnh vực đầu tư với nhiều nước phương Tây và phương Đông»². Khoản tín dụng cuối cùng của Nga hành cho Việt Nam được cấp vào năm 1992 trị giá 40 triệu USD được sử dụng chậm đến mức trong hai năm chỉ sử dụng được có 4,5 triệu USD từ đó, chủ yếu là do những nguyên nhân trong nội bộ nước Nga³. Kết quả là, theo tuyên bố của Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải, Nga đã tụt xuống vị trí thứ 8 trong số 60 quốc gia có vốn đầu tư ở Việt Nam⁴. Khi tình hình kinh tế trong nước cho phép, Nga đã trở lại danh sách các nước cung cấp tín dụng quốc tế. Ngân sách nhà nước cho năm 2001 dự kiến sẽ phân bổ khoảng 345 triệu USD cho các khoản tín dụng cấp ra nước ngoài. Phần lớn nhất trong quỹ này (140 triệu) được dành cho Việt Nam⁵.

Tại cuộc họp báo ở Hà Nội Tổng thống V. V. Putin tuyên bố ngân sách Nga sẽ hỗ trợ nhiều dự án kinh tế khác nhau ở nước ngoài ở mức tối đa tùy theo khả năng. Hình thức hỗ trợ triển vọng nhất được ông gọi là các khoản vay liên quan, là những khoản tín dụng được cấp cho các quốc gia nước ngoài để thực hiện những dự án có sử dụng các nhà thầu và thiết bị của Nga. «Do trong khoảng một năm — một năm rưỡi gần đây năng lực tài chính của Nga tăng lên nên chúng ta có khả năng này», Tổng thống nói. Theo Phó Thủ tướng Nga V. B. Khristenko, năm 2003 Nga lên kế hoạch cấp cho Việt Nam hai khoản tín dụng mỗi khoản trị giá 100 triệu USD: khoản đầu tiên — để xây dựng một nhà máy điện ở Pleikrong, khoản thứ hai — cho nhà máy lọc dầu Dung Quất⁶.

Nhìn chung, hai nước đối mặt với nhiệm vụ tăng cán cân thương mại song phương và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác kinh tế, đồng thời ủng hộ chủ quyền của nhau và thỏa thuận các bước đi đối ngoại.

¹ Tài nguyên điện tử: <http://www.nefte.ru/person/putin1.htm>. Ngày phát hành: 02.04.2017.

² Viện Lưu trữ Kinh tế Nga. Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 7513. T. 45.

³ Viện Lưu trữ Kinh tế Nga. Ph. 10200. Danh mục 5. Hồ sơ 672. T. 23.

⁴ Shamshin A. Quan hệ hợp tác Nga — Việt có triển vọng tốt đẹp // Báo Nezavisimaya Gazeta. 2000. Ngày 6/9. Tr. 6 (Tài nguyên điện tử: [link: http://www.ng.ru/world/2000-09-06/6_vietnam.html](http://www.ng.ru/world/2000-09-06/6_vietnam.html). Ngày truy cập: 02.04.2017).

⁵ Nước Nga không chỉ thu lấy, mà còn trao đi // báo Kommersant. 2000. Số 160. Ngày 30/8. Tr. 2.

⁶ 200 triệu USD. Tình hữu nghị anh em mới // Báo Vedomosti. 2001. Số 363. Ngày 6/3 (Tài nguyên điện tử: <http://www.vedomosti.ru/newspaper/articles/2001/03/06/200-miln-novoe-bratstvo>. Ngày truy cập: 19.04.2017).



Tổng thống Nga V. V. Putin và Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom A. B. Miller tại Hà Nội. RIA Novosti



Lãnh đạo Gazprom và PetroVietnam trong buổi hội đàm. Chủ tịch điều hành Gazprom và Tổng Giám đốc Công ty «Gazprom Zarubezhneftegaz» A. L. Gulev

Trích bài báo của P. Gusev: «Vladimir Putin: sau một năm tôi trở nên tốt bụng hơn» (Báo Komsomolskaya Pravda, ngày 22/3/2001):

«— Cuba, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Mông Cổ — những nước này có triển vọng đến đâu với tư cách là đối tác của chúng ta?

— Các vị biết đấy, có thể có ý nghĩ là chúng ta đang phục hồi tính chất trước đây của mối quan hệ này. Hoàn toàn không phải như vậy. Tôi nhắc lại một lần nữa: những mối quan hệ quốc tế trước đây của chúng ta mang đậm tính chất hệ tư tưởng. Chúng ta đã bơm những nguồn nguyên liệu khổng lồ tới nhiều nước trong số các quốc gia này mà không hiểu khi nào sẽ được hoàn trả, thậm chí đôi khi còn không hiểu chúng ta làm thế để làm gì. Thật ra ngay ở trong nước mình chúng ta trước đây cũng xử sự phí phạm. Nhưng dù sao chẳng nữa, không phải tất cả đều nông nổi đâu, tôi cam đoan với các vị như vậy.

Nhưng hà cớ gì giờ đây chúng ta lại làm mất đi tiềm năng và nguồn tích lũy khổng lồ được tạo nên bởi nhiều thế hệ, trong nhiều thập niên? Tôi đến thăm Việt Nam và vô cùng ngạc nhiên trước cách những con người bình dị ở khắp mọi nơi đón tiếp chúng tôi. Thực tế này không thể đạo diễn được. Vậy thì hà cớ gì làm mất đi một tiềm năng hữu nghị như vậy? Chính đây là một yếu tố rất quan trọng. Tôi còn chưa nói về việc chúng ta đã bỏ quên Việt Nam, trong khi ở đó vẫn có các doanh nghiệp của chúng ta đang hoạt động, họ đang khai thác dầu ở thềm lục địa bên đó. Năm ngoái doanh nghiệp này đã đóng góp vào ngân sách của Liên bang Nga 500



Tổng thống Nga V.V. Putin với các chuyên gia dầu khí Nga và Việt Nam sau lễ trao phần thưởng Nhà nước của Liên bang Nga

- chế biến dầu, khí và các nguồn nguyên liệu hydrocarbon khác;
- cung cấp các sản phẩm lọc dầu và khí đốt, cũng như thiết bị cho ngành công nghiệp dầu khí.

«*Tại thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng khí đáng kể, không loại trừ trong tương lai chúng tôi có thể cùng khai thác khí, không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của mình, mà còn xuất khẩu sang các nước thứ ba*», — ông A. B. Miller phát biểu tại một cuộc họp nói với các nhà báo, «*hợp tác trong lĩnh vực dầu khí đã được thực hiện trong nhiều thập kỷ, nhưng riêng lĩnh vực khí vẫn cần được phát triển hơn nữa*»¹.

Theo văn bản đã ký kết, các bên cũng thỏa thuận hợp tác trong các dự án triển vọng ở các nước thứ ba và bày tỏ ý định cùng hợp tác trong lĩnh vực phát triển khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn và đào tạo cán bộ.

Các cuộc hội đàm của hai vị tổng thống và chủ tịch nước vào tháng 11/2006 đã mở ra trang tiếp theo của quan hệ kinh tế Nga — Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác dầu khí: một mặt, quan hệ ấy đã vượt ra ngoài ranh giới của Việt Nam, mặt khác — đã tạo sự khởi đầu để thu hút cùng hợp tác không chỉ các đối tác truyền thống của Việt Nam — là Gazprom và Zarubezhneft — mà cả những đối tác mới cho tới lúc đó vẫn chưa được huy động. Báo chí đăng tin PetroVietnam bắt đầu đàm phán về khả năng hợp tác với một trong những công ty dầu khí lớn nhất của Nga là LUKOIL. Một vài năm sau đó, các công ty của Nga là TNK-BP và Rosneft, công ty đã mua lại nó, cũng đã bước vào nhóm các công ty «liên quan đến Việt Nam».

Ngày 11 tháng 9 năm 2007 Thủ tướng Nga M. E. Fradkov sau khi đàm phán với người đồng cấp Việt Nam của mình là Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thông báo rằng Zarubezhneft và PetroVietnam vừa ký kết một số văn kiện quan trọng — Biên bản về việc gia hạn hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro sau năm 2010 và hiệp định về việc thành lập một liên doanh trên lãnh thổ Nga. «Để khẳng định rằng chúng tôi coi trọng những lợi ích tương hỗ và mối quan tâm của phía Việt Nam, chúng tôi sẽ

thành lập một xí nghiệp liên doanh sẽ hoạt động trong lĩnh vực khí đốt trên lãnh thổ Nga và ở các nước thứ ba», — Thủ tướng Nga cho biết sau cuộc gặp, ý nói đến thỏa thuận giữa Gazprom và PetroVietnam về việc thành lập thêm một liên doanh nữa. «Hôm nay chúng tôi đã thảo luận làm thế nào để thực hiện tất cả điều này một cách khẩn trương hơn, hỗ trợ ở cấp chính phủ như thế nào», — ông Fradkov nói.

Ngày 30/11/2007 tại cuộc họp Phân ban về thương mại và đầu tư của Ủy ban hợp tác liên chính phủ đã thống nhất một kế hoạch hành động hợp tác trung hạn trong lĩnh vực thương mại và đầu tư đến năm 2012. Trong đó đề ra phương hướng hợp tác trong lĩnh vực thương mại, đầu tư và hợp tác giữa các địa phương, nêu bật cả những dự án ưu tiên cụ thể, bao gồm phát triển hợp tác trong lĩnh vực dầu khí trên cơ sở Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro và Công ty liên doanh điều hành Vietgazprom, trong việc xây dựng các công suất phát điện cho những hạng mục công trình năng lượng điện trong nước, trong lĩnh vực khai khoáng tại Việt Nam, Nga và các nước thứ ba.

Trong khuôn khổ chương trình đa dạng hóa hợp tác, công ty Zarubezhneft đã tham gia đấu thầu đối với 4 lô chứa dầu ở Khu tự trị Nenetsky có trữ lượng thu hồi gần 80 triệu tấn, và ngày 07/5/2008 đã thắng thầu sau khi bỏ số vốn đầu tư 120 triệu USD. Với kết quả đấu thầu đó công ty đã nhận được 13 mỏ dầu thuộc đới Trung Khoreiversky — Bắc Khosedayusky, Visovy, Verkhnekolvinsky, Tây Khosedayusky, Sikhoreysky, Đông Sikhoreysky và những mỏ khác. Công ty tuyên bố sẽ liên doanh với PetroVietnam để phát triển các mỏ này. Sau một thời gian, để khai thác những mỏ đã thắng thầu hai bên thành lập Xí nghiệp liên doanh RusVietpetro. Tập đoàn dầu khí PetroVietnam, sở hữu 49% cổ phần trong liên doanh mới, tuyên bố sẵn sàng đầu tư 614 triệu USD để khai thác những mỏ đầu tiên trong nhóm này².

¹ «Gazprom «hút» khí đốt Việt Nam vào đường ống của mình // Báo Izvestia. 2006. Ngày 20/11 (Tài nguyên điện tử <http://izvestia.ru/news/388002>. Ngày truy cập: 02.04.2017).

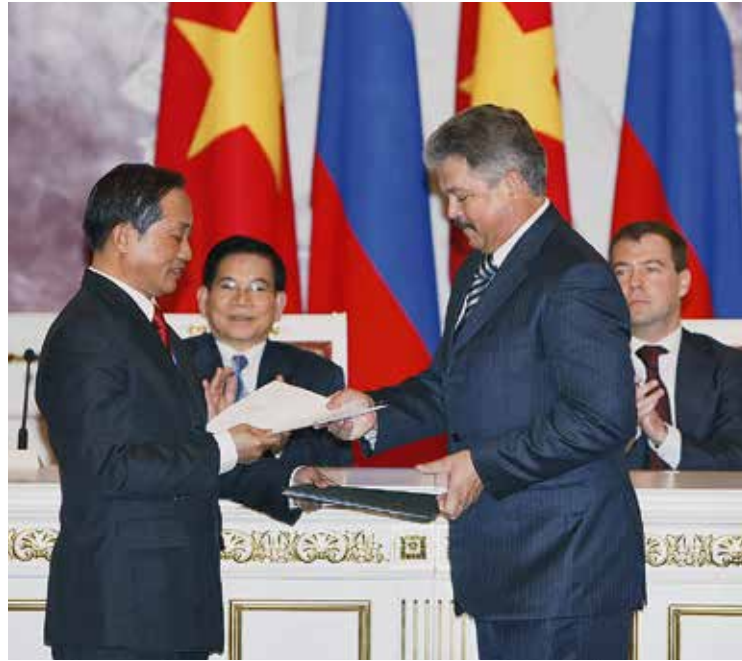
² Việt Nam mong muốn đầu tư hơn 600 triệu USD để khai thác dầu tại Nga // Báo Nezavisimaya Gazeta. 2008. Ngày 30/9 (Tài nguyên điện tử: http://www.ng.ru/economics/2008-09-30/6_vietnam.html. Ngày truy cập: 02.05.2017).



Bắt đầu công việc tại những mỏ RusVietpetro chuẩn bị khai thác. 2009
Ảnh tư liệu của Zarubezhneft



Lãnh đạo Zarubezhneft và PetroVietnam tại công trường xây dựng Trạm thu hồi dầu trung tâm của các mỏ thuộc đới Trung Khoreyverskoie tại Khu tự trị Nenetsky. 2009
Ảnh tư liệu của Zarubezhneft



Tổng Giám đốc Zarubezhneft N. G. Brunich và Chủ tịch PetroVietnam Trần Ngọc Cảnh trao đổi hợp đồng đã ký kết về việc PetroVietnam tham gia Công ty liên doanh RusVietpetro. Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Nga D. A. Medvedev chứng kiến lễ ký. 2008
Ảnh tư liệu của Zarubezhneft

Trích bài phỏng vấn ông Phùng Đình Thực — Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam của phòng viên công thông tin EnergyLand. info, ngày 07/4/2009:

Câu hỏi: Thưa ngài, xin ngài cho biết Tập đoàn hiện đang thực hiện những dự án liên doanh nào với các đối tác Nga và cụ thể với đối tác nào?

Trả lời: Tập đoàn chúng tôi có hai đối tác truyền thống là Zarubezhneft và Gazprom. Cụ thể, Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro đang khai thác những mỏ dầu lớn ở thềm lục địa phía nam Việt Nam, còn liên doanh với Gazprom đang khai thác các mỏ khí. Những dự án này đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Hoạt động hợp tác với các đối tác Nga đang phát triển cả về lĩnh vực công nghệ lẫn thăm dò địa chất.

Câu hỏi: Trữ lượng dầu ở thềm lục địa của nước ông có lớn không, và có dầu ở trên đất liền không?

Trả lời: Trữ lượng đã thăm dò là 200 triệu tấn. Do việc khai thác đang được tiến hành thường xuyên nên cần mở rộng hoạt động ở những khu vực chưa được khai thác, hiện nay đây là một nhiệm vụ quan trọng của PetroVietnam. Toàn bộ dầu của Việt Nam đều nằm ở vùng thềm lục địa, trên đất liền không có dầu. Còn về khí đốt thì việc khai thác tập trung ở vùng phía nam thềm lục địa.

Câu hỏi: các ngài sử dụng loại giàn khoan khai thác dầu nào?

Trả lời: Những giàn khai thác được xây dựng với sự tham gia của Liên Xô. Những bộ phận không vận hành được nữa do hao mòn được thay thế bằng thiết bị của nhiều hãng sản xuất khác nhau trên thế giới.

Câu hỏi: Tập đoàn của ngài có những lợi ích gì ở Nga?



Bắt đầu công việc tại những mỏ RusVietpetro chuẩn bị khai thác. 2009
Ảnh lưu trữ của Zarubezhneft

Trả lời: Chúng tôi cùng với Công ty Zarubezhneft phụ trách 4 lô thuộc đới Trung Khoreivskoe (thuộc tính có mỏ dầu Timano-Pechorskaia thuộc Khu tự trị Nenetsky). Chúng tôi đã khai thác được những tấn dầu đầu tiên ở mỏ này.

Câu hỏi: Sản phẩm sẽ được phân phối ở đâu và như thế nào?

Trả lời: Toàn bộ dầu tỉnh Timano-Pechorskaia sẽ nhập vào hệ thống của công ty Transneft và sau đó đi ra thị trường thế giới.

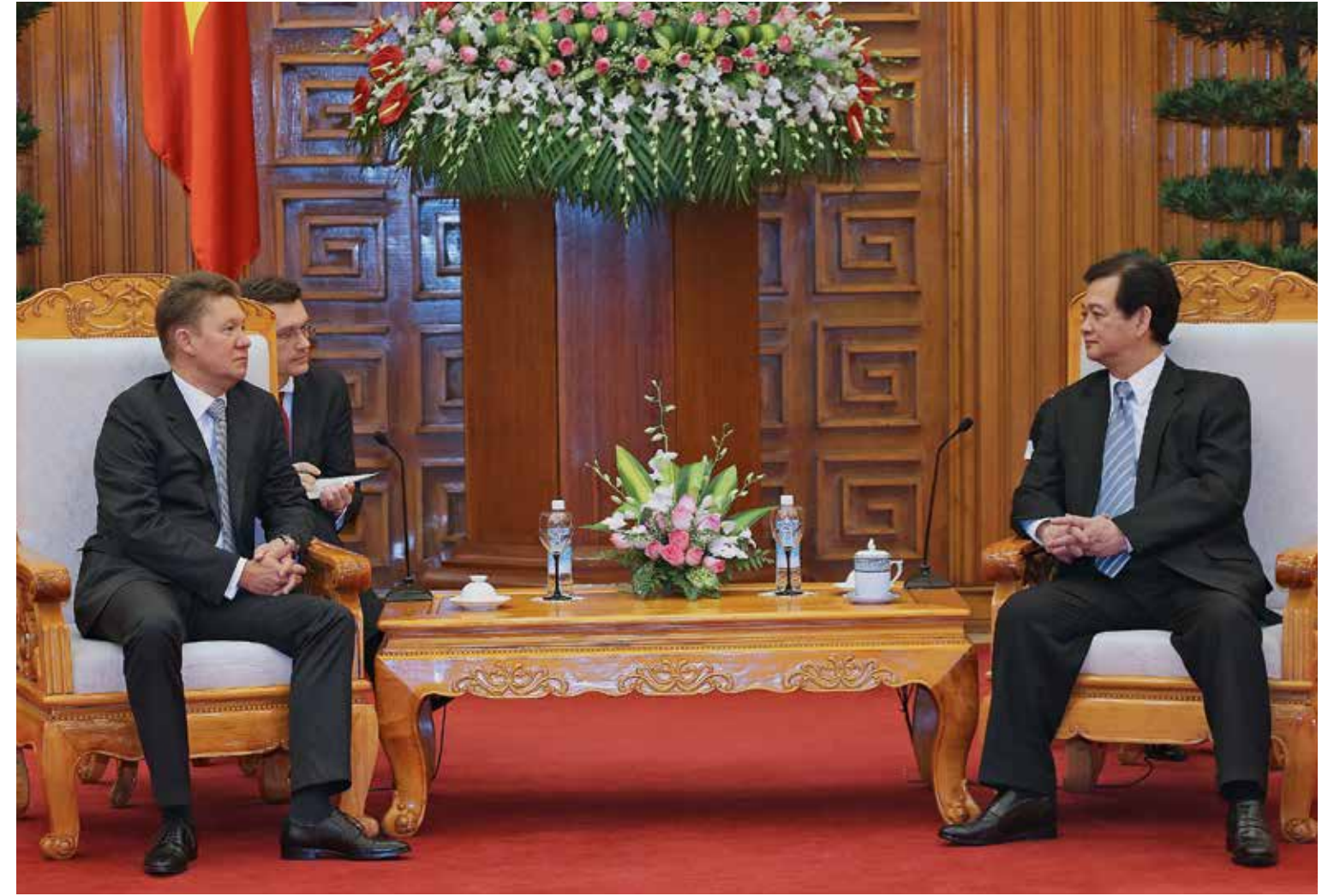
Câu hỏi: Tính chất sự tham gia của Tập đoàn các ngài vào dự án này là gì — tài chính hay cả công nghệ nữa?

Trả lời: Chỉ tài chính. PetroVietnam có 49% cổ phần trong công ty liên doanh RusVietpetro đang khai thác mỏ ở Nenetsky, cũng tương tự như PetroVietnam nắm giữ 51% cổ phần trong liên doanh Vietsovpetro hoạt động ở Việt Nam¹.

Ngày 23/5/2008 tại Hà Nội, Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom Alexey Miller và Tổng Giám đốc Tập đoàn PetroVietnam Trần Ngọc Cảnh đã ký một thỏa thuận về việc công ty liên doanh Vietgazprom thăm dò và sau đó là khai thác 4 lô ở thềm lục địa miền Nam Việt Nam — lô 129, 130, 131 và 132. Mười ngày sau, tại Diễn đàn kinh tế thế giới họp ở St. Petersburg, Gazprom và PetroVietnam đã thỏa thuận về việc tìm kiếm những dự án liên doanh tại Nga và thành lập một công ty tương ứng như Vietgazprom có tên là GazpromViet để thực hiện các dự án này. Việt Nam liền có động tác đối ứng là đề nghị Gazprom tham gia công ty phân phối khí «PetroVietnam Gas» với tư cách là đối tác chiến lược. A. B. Miller so sánh tầm quan trọng của công ty này với công ty Mezhrregiongaz của Nga.

Đáng tiếc chương trình đa dạng hóa hợp tác gặp nhiều khó khăn do nổ ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Ví dụ,

¹ Việt Nam khai thác ở miền bắc nước Nga // Cổng thông tin EnergyLand. info (Tài nguyên điện tử: <http://www.energyland.info/interview-show> — 105. Ngày truy cập: 03.05.2017).



Ông A. B. Miller hội đàm với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng

tiến trình đàm phán về việc xây dựng nhà máy phân đạm do PetroVietnam bắt đầu từ năm 2008 đã phải ngừng lại. Nhà máy này trị giá 1,5 tỷ USD và có công suất 850.000 tấn amoniac và 750 nghìn tấn phân bón để cung cấp cho Việt Nam, dự kiến được xây dựng ở Kalmykia trong năm 2012–2013¹. Tuy nhiên, bất chấp tình hình đó những dự án chủ yếu với Nga vẫn phát triển. «Gazprom không có ý định thay đổi chiến lược dài hạn của mình», người đứng đầu Tập đoàn A. B. Miller ngày 26/7/2009 đã tuyên bố như vậy tại cuộc họp cổ đông. Ông nhận xét rằng Gazprom đã có đối sách khá kịp thời trước những thay đổi trong tình hình kinh tế, «Tập đoàn có những kế hoạch linh hoạt, nhưng chiến lược dài hạn sẽ không thay đổi». Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu không bỏ qua ngành công nghiệp khí đốt, nhưng nhờ vào những ưu thế của tiến trình hội nhập theo ngành dọc, Tập đoàn đã nhanh chóng ứng đối được với những tình thế thay đổi trong kinh tế và cho thấy kết quả ổn định ở mức cao và phát triển bền vững. «Điều này có nghĩa là chiến lược kinh doanh đã tỏ ra đúng đắn, điều cốt yếu là không bỏ lỡ những cơ hội mới mà cuộc khủng hoảng mở ra. Khủng hoảng cũng chính là một thử thách cho tính linh hoạt», — người đứng đầu Gazprom nói. Ông nói thêm rằng các lĩnh vực ưu tiên của tập đoàn vẫn là nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác và vươn ra những thị trường mới.

¹ PetroVietnam gác lại việc xây dựng nhà máy phân đạm ở Kalmykia, 19/6/2009 // Cổng thông tin «Dầu khí Nga» (Tài nguyên điện tử: <http://www.oilru.com/news/125824/>. Ngày truy cập: 07.04.2017).



Chủ tịch điều hành Gazprom A. B. Miller tại buổi gặp Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng. Đứng sau là Tổng Giám đốc PetroVietnam Phùng Đình Thực

Trong số các dự án ưu tiên, A. B. Miller kể tên Việt Nam, nơi trong năm 2010 Tập đoàn dự kiến đầu tư hơn 300 triệu USD¹.

Ngày 15/12/2009, với sự hiện diện của Thủ tướng V.V. Putin và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Chủ tịch Gazprom A. B. Miller và Tổng Giám đốc PetroVietnam Phùng Đình Thực đã nâng cấp quan hệ của mình thông qua việc ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược và bổ sung hợp đồng dầu khí cho lô 112 của thềm lục địa Việt Nam để mở rộng diện tích hoạt động.

Năm 2010 là cột mốc quan trọng trong lịch sử hợp tác dầu khí giữa hai nước. Đến cuối năm đó hiệp định liên chính phủ trước đây về hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro hết hạn hiệu lực. Ngày 12 tháng 7 đã diễn ra cuộc hội đàm giữa Tổng thống Nga D. A. Medvedev và Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh, hai bên đã đề cập đến chủ đề này.

Quá trình thảo luận chi tiết về tương lai của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro diễn ra từ năm 2008, ban đầu từng có kế hoạch chuyển đổi sang hình thức mới là công ty trách nhiệm hữu hạn. Trong hơn 35 năm tồn tại Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro đã trở thành một công ty lớn mạnh trong khu vực, không chỉ khai thác phần lớn khối lượng dầu mỏ của Việt Nam, mà còn có năng lực thực hiện toàn bộ tập hợp công việc — từ thiết kế và xây dựng đến khai thác và vận chuyển sản phẩm hàng hóa, có đội tàu mạnh, viện nghiên cứu khoa học, xí nghiệp khoan. Lúc đó trong một số giới ở Việt Nam có tư tưởng chỉ nên duy trì các đơn vị khai thác của Vietsovpetro. Trong quá trình thực hiện những hoạt động chuẩn bị và báo cáo ở cấp cao nhất, các vị lãnh đạo PetroVietnam là Trần Ngọc Cảnh, Phùng Đình Thực và Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm năm 2009 của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro Nguyễn Hữu Tuyển đã thuyết phục được ban lãnh đạo chính trị về sự cần thiết phải duy trì XNLD Vietsovpetro dưới hình thức tương tự như khi thành lập, ít nhất là cho đến cuối năm 2030. Những thay đổi chỉ liên quan đến tỷ lệ cổ phần: thay vì tỷ lệ ngang nhau 50:50 thì bây giờ cổ phần kiểm soát (51%) được chuyển cho phía Việt Nam, gánh nặng thuế tăng chút ít, nhưng dạng thức liên doanh và toàn bộ đơn vị được giữ nguyên. Việc ký kết biên bản ghi nhớ diễn ra ngày 31/10/2010 trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Nga D. A. Medvedev, còn hiệp định liên chính phủ riêng về vấn đề này được ký kết ngày 27 tháng 12 cùng năm.

Chắc chắn việc mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác giữa hai nước đã đóng vai trò của mình trong việc bảo tồn XNLD Vietsovpetro. Cuộc hội đàm giữa Tổng thống D. A. Medvedev và Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh diễn ra trước cuộc họp của Hội đồng Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, và một trong ba văn bản được lãnh đạo công ty Zarubezhneft của Nga và Tập đoàn dầu khí PetroVietnam ký kết dưới sự chứng kiến của Tổng Bí thư Trung ương Đảng Nông Đức Mạnh, là thỏa thuận tiếp tục hoạt động tại lô 09-1 trước đây đã được XNLD Vietsovpetro tham gia khai thác. Ngoài ra, trong tháng 9 năm 2010 mô dầu Bắc Khosedayuskoye mang tên A. Slivka do công ty RusVietpetro bắt đầu được khai thác. Tập đoàn ALLTEX của Nga cũng bắt đầu đàm phán với Tập đoàn PetroVietnam, CNOOC của Trung Quốc và KOGAS của Hàn Quốc về việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược để xây dựng một nhà máy sản xuất khí hóa lỏng (LNG) trị giá 4 tỷ USD (Dự án Pechora LNG) tại khu tự trị Nenetsky để cung cấp LNG cho thị trường châu Á. Mùa hè năm 2011 mô dầu thứ hai là mô Visovoye đã bắt đầu khai thác công nghiệp. Tháng

3 năm 2018, Công ty liên doanh RusVietpetro đã khai thác được tấn đầu thứ 20 triệu.

Ngày 18/10/2010 đã có quyết định về việc công ty TNK-BP mua lại cổ phần khai thác và đường ống dẫn của Tập đoàn British Petroleum tại Việt Nam. Công ty của Nga nhận được 35% cổ phần ở lô 06-1 đang khai thác tại thềm lục địa bao gồm hai mỏ khí condensat Lan Tây và Lan Đỏ, 32,7% cổ phần đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn -1 và trạm tiếp nhận trên bờ, 33,3% cổ phần nhà máy điện Phú Mỹ-3 chạy khí. Tham gia dự án này ngoài BP và PetroVietnam còn có Tập đoàn ONGC của Ấn Độ. Ngày 16/11/2010 TNK-BP và PetroVietnam đã ký kết thỏa thuận hợp tác.

Ngay sau đó một công ty khác của Nga là LUKOIL đã mua lại gói cổ phần 50% của công ty dầu mỏ Quad Energy S. A. trong hợp đồng chia sản phẩm lô Hanoi Trough-02 (HT-02) ngoài khơi vùng nước nông thuộc Vịnh Bắc Bộ, cách thành phố cảng Hải Phòng 50 km về phía bắc. Kể từ năm 2007 tại khu vực này đã tiến hành hoạt động thăm dò địa chất, kết quả phát hiện được một loạt hạng mục có triển vọng dự kiến tổng khối lượng tài nguyên địa chất hơn 180 triệu tấn. Tiếc rằng những giếng do LUKOIL khoan lại là những giếng khô.

Ngày 06/4/2012 Tập đoàn Gazprom và PetroVietnam đã ký hợp đồng liên doanh khai thác những lô đã có giấy phép là 05-2 và 05-3 ở thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở hợp đồng chia sản phẩm (PSC), cổ phần của Gazprom là 49%.

Ngày 29/7/2012 đã diễn ra buổi lễ trọng thể khai trương hoạt động mỏ Tây Khosedayuskoye mang tên D. Sadetsky. Buổi lễ có sự hiện diện của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang sang thăm Nga theo lời mời của Tổng thống Nga V.V. Putin. Ngay trước thềm chuyến thăm công ty Zarubezhneft đã công bố thông báo rằng công ty này và PetroVietnam sẽ tiến hành đàm phán về việc thành lập một liên doanh nữa để khai thác những khu vực chứa dầu tại thềm lục địa Biển Barents.

Kết quả trong khuôn khổ chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang Tập đoàn Gazprom và công ty PetroVietnam Gas đã ký biên bản ghi nhớ về việc cung cấp khí hóa lỏng sang Việt Nam. Để thảo luận vấn đề này đích thân Chủ tịch nước đã đến thăm trụ sở Tập đoàn Gazprom, nơi ông đã nhiều lần ghé thăm khi còn là Ủy viên thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tóm lại, hợp tác dầu khí giữa hai nước trong đầu thập kỷ 2010 đã có đà phát triển mới với những kết quả rất cụ thể, và người đứng đầu Nhà nước Việt Nam đã đánh giá cao sự đóng góp của các công ty Nga trong việc phát triển quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nga và Việt Nam.

Trích trả lời phỏng vấn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang với ITAR-TASS, «Rossiyskaya Gazeta» và kênh truyền hình «Rossia-24», ngày 26/7/2012:
«Trước hết, tôi nhấn mạnh rằng trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là trong hơn một thập kỷ sau khi thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, sự hợp tác giữa hai nước chúng ta phát triển hết sức năng động. Hãy để tôi dẫn một vài thí dụ. Thành tựu nổi bật nhất của quan hệ song phương là hợp tác trong lĩnh vực dầu khí. Quá trình hợp tác đó đã bắt đầu khá lâu rồi. <...> Đối tác của PetroVietnam trong Liên doanh là Công ty Cổ phần Zarubezhneft. Thời hạn hợp tác giữa hai nước trong khuôn khổ xí nghiệp liên doanh này đã được gia hạn đến năm 2030, bởi vì Liên doanh hoạt động rất hiệu quả, qua đó khẳng định sự đúng đắn khi lựa chọn mô hình hợp tác hiệu quả trong lĩnh vực dầu khí. Đồng thời, công tác thăm dò địa chất và khai thác được tiến hành không chỉ ở thềm lục địa của Việt Nam. Công việc

¹ A. Miller: «Gazprom không có ý định thay đổi chiến lược dài hạn của mình», ngày 26/7/2009 // Công thông tin «Dầu khí Nga» (Tài nguyên điện tử: <http://www.oilru.com/news/127038/>). Ngày truy cập: 07.04.2017; Gazprom trong năm 2010 sẽ đầu tư vào thềm lục địa Việt Nam và Ấn Độ gần 500 triệu USD, ngày 08/12/2009 // Công thông tin «Dầu khí Nga» (Tài nguyên điện tử: <http://www.oilru.com/news/151471/>). Ngày truy cập: 07.04.2017).



Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom V. A. Markelov (thứ tư từ phải sang) giới thiệu với Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang (đứng giữa) và Hệ thống cung cấp khí đốt thống nhất của Nga. 2012



Đại sứ đặc mệnh toàn quyền LB Nga tại Việt Nam A. G. Kovtun và Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng sau lễ ký Hiệp định về tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Vietsovpetro, ngày 27/12/2010. Tư liệu của Zarubezhneft



Chủ tịch Việt Nam Trương Tấn Sang cùng với lãnh đạo Zarubezhneft N. Brunich và PetroVietnam Phùng Đình Thực, Thống đốc Khu tự trị Nenetsky N. Fedorov dự lễ khai trương hoạt động mỏ Tây Khosedayuskoye mang tên D. Sadetsky. Ngày 29/7/2012.

đã bắt đầu ở Nga và việc mở rộng hợp tác của chúng ta sang các nước thứ ba là rất có khả năng. Tiếp theo, tôi muốn nói về một đối tác mạnh nữa là Gazprom. Công ty lớn nhất này của Nga đang hoạt động tốt ở Việt Nam và hợp tác với PetroVietnam trên lãnh thổ Nga. Ngoài ra, còn có những kế hoạch liên doanh khai thác mỏ ở các nước thứ ba.

Còn có hai công ty lớn nữa của Nga cũng tham gia vào việc liên doanh thăm dò địa chất và khai thác nguyên liệu hydrocarbon tại thềm lục địa của Việt Nam. Đây là LUKOIL và TNK-BP. Nói chung, quan hệ bạn bè, hợp tác trong lĩnh vực dầu khí là một ví dụ điển hình về hợp tác kinh tế giữa Việt nam và Nga¹.

Chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, sau đó là các gặp gỡ và hội đàm tại hội nghị thượng đỉnh APEC ở Vladivostok (tháng 10/2012) và chuyến thăm của Thủ tướng Nga D. A. Medvedev đến Việt Nam vào tháng 11/2012 đã khởi động quá trình đàm phán quan trọng về việc Việt Nam gia nhập Liên minh Thuế quan được hình thành trên lãnh thổ Liên Xô cũ. Điều này cho thấy các quốc gia đang tìm kiếm những phương thức mới để xích lại gần nhau và hội nhập các nền kinh tế trên cơ sở cùng có lợi. Trong vòng 10–15 năm giữa hai nước đã hình thành một dạng thức quan hệ mới, không phải là dạng quan hệ khô cứng gò bó nào đó, mà đòi hỏi thường xuyên cùng nhau cải thiện và hoàn thiện quan hệ. Nó không tránh khỏi có những lúc sai lầm, không thành công, phụ thuộc vào nhiều yếu tố đồng hành mang tính chất chính trị đối ngoại và kinh tế, nhưng chiến lược phát triển quan hệ đối tác là không thay đổi.



Tại công trình của Công ty liên doanh RusVietpetro

Những dự án liên doanh giữa Gazprom và PetroVietnam: lịch sử và hiện tại

Những lời nói đề cập đến sự cần thiết phải xây dựng ngành công nghiệp khí đốt ở Việt Nam trong cuộc trao đổi qua điện thoại giữa Thủ tướng V. S. Chernomyrdin và Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom Rem Vyakhirev năm nào hóa ra lại giống như lệnh cài đặt phần mềm trong máy tính. Gazprom tiếp cận vấn đề này theo tư duy chiến lược và ngay sau khi ký Nghị định thư về phương hướng hợp tác chủ yếu giữa Gazprom và PetroVietnam vào tháng 11/1997, tập đoàn khí đốt lớn này của Nga đã triển khai nghiên cứu vấn đề một cách sâu rộng. Đã thành lập và cử sang Việt Nam để cùng phía Việt Nam xem xét không chỉ vấn đề thăm dò và khai thác khí đốt, mà còn cả toàn bộ chuỗi sản xuất tiếp theo: từ giếng khoan đến người tiêu dùng.

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, năm 1993–2013 là Vụ trưởng Vụ kỹ thuật và công nghệ khai thác ngoài khơi của Tập đoàn Gazprom: «Sau cuộc điện thoại với Chernomyrdin, tôi đã tổ chức một chuyến đi cho R. I. Vyakhirev đến Việt Nam. Trước đây Rem Ivanovich chưa từng đến đó. Chương trình chuyến thăm bao gồm các chuyến đi đến Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tất nhiên là Vũng Tàu. Tại thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đến thăm xưởng đóng tàu Ba Son và một xí nghiệp sản xuất dầu nhờn nhỏ, nhưng ở Vũng Tàu thì chúng tôi xem xét tất cả các hạng mục của Vietsovpetro: từ cơ sở trên bờ phục vụ cho công việc ngoài khơi cho đến Phòng thiết kế NIPI mornestegaz. Mọi người đều biết tôi, và đó cũng là lý do đoàn đại biểu của Gazprom được liên doanh Vietsovpetro đón tiếp nồng hậu. Cũng có thể nói như vậy về chính quyền địa phương, nơi ở Việt Nam có nhiều điều phải phụ thuộc vào. Người Việt Nam hiểu rằng Gazprom là một nhà đầu tư nghiêm túc, và họ cũng rất quan tâm đến chuyến đi của chúng tôi. Chúng tôi không chỉ được dẫn đi thăm các công trình dầu khí, mà còn cả các công trình năng lượng, xây dựng, các nông trường cao su. Cá nhân tôi muốn để Rem Ivanovich thăm nhập vào chủ đề Việt Nam. Và chuyến công tác này của đoàn R. I. Vyakhirev đã trở thành cột mốc quan trọng trong việc tổ chức giai đoạn hoạt động thứ ba của Gazprom tại Việt Nam».

Ở mảng hoạt động thượng nguồn, Việt Nam hướng Gazprom chú ý nghiên cứu và tiếp tục phát triển các lô ngoài khơi vùng Vịnh Bắc Bộ. Ban đầu, đó là cấu tạo Đông Quan và Bạch Trĩ, nằm ở các lô 107–108 và số 112. Sau đó, Tập đoàn «PetroVietnam» đề nghị tham gia vào việc thiết kế, xây dựng và vận hành đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn — Phú Mỹ có chiều dài 365 km và cơ sở tiếp nhận trên bờ để chuẩn bị khí và khí condensat theo các điều kiện đầu tư dự án, đủ khối lượng và bồi hoàn qua biểu phí vận chuyển. Nhằm phát triển những mỏ nằm trong khu vực đó đã thành lập tổ hợp nhà thầu gồm PetroVietnam, British Petroleum và Statoil, nhưng theo thông tin thời đó thì chính phủ Việt Nam có ý định hạn chế hoạt động của cả hai công ty phương Tây chỉ trong

lĩnh vực khai thác khí nên đã đề nghị Gazprom xây dựng và cùng sở hữu chung đường ống dẫn khí. Một hướng nữa là vận chuyển khí đốt từ các mỏ phía tây nam thềm lục địa của đất nước để cung cấp cho các nhà máy điện chuẩn bị xây dựng theo kế hoạch.

Vào thời điểm đó, việc đáp ứng nhu cầu gas sinh hoạt cho người dân Việt Nam được thực hiện bằng cách cung cấp hỗn hợp khí propan-butan chứa trong bình nhập từ Malaysia. Công ty Gazmash bắt đầu thảo luận về việc cung cấp từ Nga sang thị trường Việt Nam các loại thiết bị gia dụng sử dụng gas: các bình gas dùng trong gia đình, bếp gas, thiết bị trong ô tô để sử dụng khí đồng hành khí khai thác dầu hóa lỏng. Đã đặt ra vấn đề liên doanh sản xuất loại khí này tại Việt Nam. Gazprom đề nghị hỗ trợ Việt Nam trong việc xây dựng sơ đồ khí hóa cho đất nước, trong đó bao gồm: sơ đồ bố trí các cơ sở đầu mối trữ khí hóa lỏng LPG; sơ đồ mạng lưới cơ sở kho chứa cụm, trạm nạp gas và các điểm trao đổi bình gas; mạng lưới trạm nạp gas cho ô tô; sơ đồ vận chuyển cung cấp gas.

Các chuyên gia của hai công ty bắt đầu phân tích riêng khả năng thành lập một liên doanh để phục vụ các công trình đầu khí ngoài khơi và sửa chữa tàu trên cơ sở nhà máy đóng tàu Shipyard, nằm ngay gần cơ sở trên bờ của XNLD Vietsovpetro. Ngoài ra, Gazprom đã soạn thảo và gửi cho phía Việt Nam xem xét đề xuất kỹ thuật và thương mại về dự án chế biến khí đồng hành và khí condensate khai thác được từ mỏ Bạch Hổ.

Trích thư của ông B. A. Nikitin, thành viên Ban điều hành, Trưởng ban khoan và khai thác mỏ ngoài khơi của Tập đoàn Gazprom gửi Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom R. I. Vyakhirev, ngày 26/5/1998: «Việc phân tích kết quả thực hiện chỉ đạo nêu trong Nghị định thư hợp tác giữa Tập đoàn Gazprom và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giúp rút ra kết luận như sau: Hạng mục hợp tác hấp dẫn nhất giữa Gazprom và PetroVietnam là sự tham gia của Gazprom vào việc xây dựng và sở hữu đường ống dẫn khí để vận chuyển khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn và thềm lục địa phía tây nam của Việt Nam. Chúng tôi đề xuất tiếp tục hợp tác theo hướng này, và đề nghị Ông giao cho Vụ kỹ thuật và công nghệ khai thác mỏ ngoài khơi, Vụ đối ngoại và Công ty cổ phần Stroytransgaz tiến hành đàm phán thêm với phía Việt Nam về việc thành lập một công ty liên doanh vận chuyển khí đốt. Kinh nghiệm của Bộ Công nghiệp khí trước đây và Công ty Zarubezhneft cho thấy rằng để thực hiện hoạt động chung tại Việt Nam cần thu hút nhiều chuyên gia từ phía Việt Nam để thực hiện thành công nhiệm vụ đề ra¹.

Thực hiện nhiệm vụ do Kỳ họp lần thứ V Ủy ban hợp tác liên chính phủ Nga — Việt Nam (tháng 2 — tháng 3/1998) đề ra, Gazprom, Zarubezhneft và PetroVietnam đã tích cực đàm phán về việc xây dựng các nhà máy lọc dầu tại Việt Nam. Gazprom thành lập riêng một công ty để thực hiện các dự án ở nước ngoài, mời các công ty của Nga là Zarubezhneft và Stroytransgaz, những công ty giàu kinh nghiệm hoạt động ở các nước khác, làm sáng lập viên. Ngày 29/6/1998 tại Matxcova đã thông qua phiên họp thành lập công ty cổ phần mới nói trên. Cơ cấu mới có tên là Zarubezhneftgaz. Ông V. V. Remizov — Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom vừa được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị

¹ Chính sách Đối mới — Bí quyết làm nên «điều kỳ diệu kinh tế của Việt Nam» — Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang // Cổng thông tin ITAR-TASS (Tài nguyên điện tử: <http://tass.ru/opinion/s/interviews/1598683>. Ngày truy cập: 03.05.2017).

¹ Tài liệu lưu trữ của V. S. Vovk.



Những «vị khách» phương bắc của RusVietpetro



Công ty cổ phần Zarubezhneftegaz tuyên bố rằng các hoạt động của Zarubezhneftegaz sẽ «tạo điều kiện để Gazprom trở thành một tập đoàn quốc tế thực sự và đảm bảo có thêm nguồn thu nhập ngoại hối cho Nga nhờ kết quả thực hiện các dự án có lợi về mặt kinh tế». Nói chung, cá nhân Valery Vladimirovich Remizov có đóng góp lớn trong việc thành lập và phát triển cơ cấu mới, sau khi chiêu mộ V. L. Gulev, một Tổng giám đốc trẻ, về đầu quân cho mình.

Như vậy đối với các dự án khí đốt Nga — Việt Nam đã xuất hiện một đầu mối phụ trách dưới cái tên Công ty cổ phần hạn chế Zarubezhneftegaz. Năm 2007 Gazprom mua lại toàn bộ cổ phần và biến cơ cấu này thành công ty con 100% vốn của mình — tên mới là Công ty cổ phần hạn chế Gazprom Zarubezhneftegaz.

Về nguyên tắc, cách tiếp cận được Gazprom xác định ngay từ đầu là một phần trong chiến lược lâu dài nhằm củng cố vị thế của Tập đoàn tại Việt Nam, với vai trò tối thiểu là phải trở thành một đối tác kinh tế mang lại lợi nhuận, còn tối đa — là vai trò như một bàn đạp để củng cố vị thế kinh tế ở Đông Nam Á và xây dựng quan hệ với các nước khác trong khu vực. Các sáng kiến của Gazprom tại Việt Nam đã giành được quy chế cao cấp của quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, và như đã chỉ ra trước đó, đã nhận được sự hỗ trợ của cả hai nước ở cấp chính trị cao nhất. Tuy nhiên để hiện thực hóa «sáng kiến» của Gazprom còn cả một chặng đường dài: Gazprom tập hợp một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao trong tất cả các lĩnh vực: chuyên gia thiết kế, các nhà kinh tế, lãnh đạo các đơn vị khoa học, chuyên gia của bộ máy Tập đoàn Gazprom. Họ thực hiện nhiều nghiên cứu, tính toán, chứng minh, đàm phán nhiều giờ với các đối tác Việt Nam, và tất cả những điều này cùng nhau tạo thành cơ sở «chương trình Việt Nam» của Tập đoàn khí đốt Nga.

Bắt đầu tìm kiếm khí đốt ở thềm lục địa Việt Nam

Đối tượng chú ý đầu tiên của các nhóm công tác công ty Zarubezhneftegaz là Vịnh Bắc Bộ. Tại sao Gazprom lại tập trung nỗ lực vào khu vực ít được biết đến này của thềm lục địa Việt Nam?

Tất cả những hoạt động tìm kiếm dầu và khí đốt ở miền vông Hà Nội do các nhà địa chất Liên Xô và Việt Nam thực hiện trong thập kỷ 1960 và 1970 đều tập trung ở vùng bờ biển. Bề dày trầm tích về phía vịnh tăng lên, lát cắt lớn nhất chìm dần trong nước, vậy gọi những người thợ dầu mỏ và khí đốt xuống đáy biển sâu. Miền vông Hà Nội hóa ra chỉ là một mảnh nhỏ tiến vào đất liền của bồn trũng Sông Hồng rộng lớn chôn vùi dưới đáy Vịnh Bắc Bộ chưa từng được biết đến trước đây. Mọi người đều hiểu điều này. Ngày 13/3/1974 Chính phủ CHXHCNVN đã ra Quyết định số số 48-TTg về việc thành lập Ban Điều tra Dầu mỏ và Khí đốt ở Vịnh Bắc Bộ. Cả người Mỹ cũng bắt đầu thăm dò ở vùng vịnh này, sau đó rút đi và mang theo tất cả tài liệu thăm dò của họ.

Các chuyên gia địa chất dầu khí đầu ngành Lê Văn Cự và Hồ Đắc Hoài kể lại: «Thời kỳ này Việt Nam chưa có bất kỳ luật lệ, thủ tục gì về làm dầu khí ở biển, nhưng Ban Điều tra Dầu mỏ và Khí đốt ở Vịnh Bắc Bộ cũng đã tiếp xúc với nhiều tổ chức dầu khí của Pháp, Nhật Bản, Italia..., đã ký Bản ghi nhớ giữa đại diện của Technoimport với Nhật và Italia làm địa chấn ở Vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên công việc này không triển khai được do sự cản trở của nước láng giềng»¹.

***Trích Báo cáo của Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Nguyễn Văn Biên tại Hội nghị Bộ Chính trị TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 19/8/1976:** «IV. Vịnh Bắc Bộ. Có nhiều tiến vọng. Cần ra biển sớm, trước hết là biển nông (0–15 m nước), nhờ Liên Xô giúp. Đối với biển sâu (sâu hơn 15 m nước), do Liên Xô chưa có kinh nghiệm, vay vốn Nauy thuê làm địa chấn 5.000 km. Nếu vốn vay của Nauy không dùng để xây dựng cảng dịch vụ*

^[1] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam — Trọn bộ 3 tập. Hà Nội, 2011. T. 1, Tr. 40.


Tàu địa chấn «Bình Minh» và trạm máy địa chấn của tàu

*/// **Vùng Tàu thì có thể xây dựng căn cứ ở miền bắc phục vụ cho khoan ở Vịnh Bắc Bộ***¹.

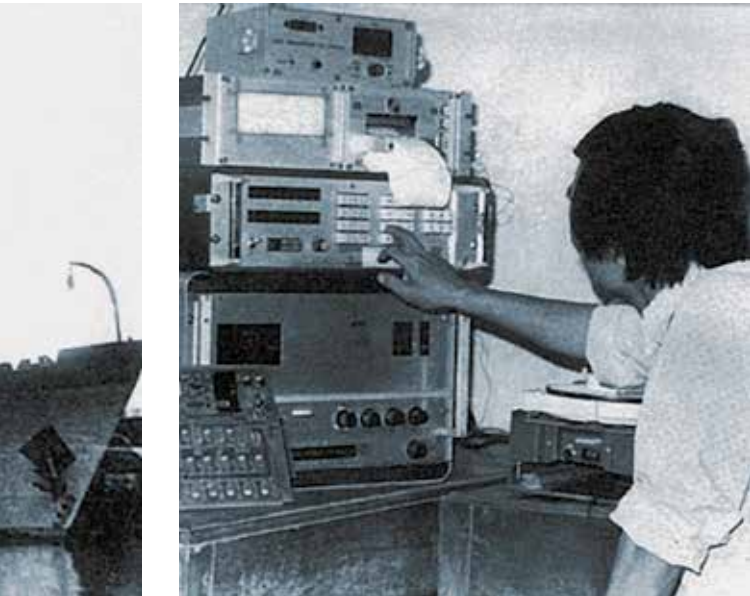
Ngày 04/8/1977 các tổ chức thương mại của hai nước đã ký hợp đồng cung cấp thiết bị và vật tư cho Việt Nam để tiến hành thăm dò địa vật lý tại khu vực vịnh nước nông². Đúng 3 tuần sau đó, ngày 04/11, trong cuộc gặp với Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. V. Arkhipov, Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Lê Thanh Nghị đã chính thức đề nghị «cử các chuyên gia Liên Xô và cung cấp thiết bị để tiến hành công tác khảo sát địa chấn và thăm dò tìm kiếm dầu và khí ở vùng nước nông Vịnh Bắc Bộ»³.

*/// **Trích kết luận của tập thể chuyên viên Bộ Địa chất Liên Xô và Tổng cục Dầu Khí Việt Nam về việc tiếp tục hợp tác thăm dò dầu khí, năm 1978:** «*Những phần chủ yếu có triển vọng của miền vông có nhiều khả năng nằm trong các lớp trầm tích Neogene trong vùng biển Vịnh Bắc Bộ. Điều này được chỉ ra bởi sự gia tăng độ dày của lớp phủ sét và các vỉa thu gom ở hướng đông nam, điều kiện tương đá tương đối thuận lợi hơn của khu vực và dữ liệu nghiên cứu địa hoá học và vật lý thạch học. Tuy nhiên, để xác định triển vọng cụ thể của khu vực này, cần tiến hành một khối lượng lớn công việc nghiên cứu địa vật lý và khoan thăm dò. Nghiên cứu địa vật lý và khoan sâu tại vùng thềm lục địa đòi hỏi giải pháp tổng thể rất phức tạp trong việc tổ chức, công nghệ thi công và tạo ra các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn cho nhân viên*»⁴.*

^[1] Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam — Trọn bộ 3 tập. Hà Nội, 2011. T. 1, Tr. 178.

^[2] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. R — 5446. Danh mục 111. Hồ sơ 1336. T. 55.

^[3] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 5446. Danh mục 110. Hồ sơ 1336. T. 49.

^[4] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 9571. Danh mục 8. Hồ sơ 4036. T. 15.


Sau khi ký kết Hiệp định liên chính phủ về việc thành lập Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro vào tháng 6 năm 1981, việc nghiên cứu khu vực có tiềm năng dầu khí đã được đề ra rõ ràng hơn. «Chương trình 1985» đặt kế hoạch năm 1981–1985 thực hiện công tác nghiên cứu địa vật lý phức tạp trong vùng biển của Vịnh Bắc Bộ và bồn trũng Thái Lan⁵.

Trong giai đoạn 1981–1984, chỉ riêng các đơn vị của Bộ Công Thương đã thực hiện nghiên cứu địa vật lý tổng thể trên 23,3 nghìn km, kết quả là phát hiện ra khoảng 20 cấu tạo đa phần có diện tích không lớn — chiều dài khoảng 20–40 km⁶ — tại vùng thềm lục địa phía phía bắc Vịnh Bắc Bộ. Năm 1982–1983 công ty Dalmorneftegeofizika đã tiến hành nghiên cứu, trên cơ sở đó lập ra được những bản đồ khu vực đầu tiên tỷ lệ 1: 500.000. Ở lô 112 đã định vị được những nếp lồi⁷. Vào tháng 8 năm 1984 tàu nghiên cứu khoa học «Bình Minh» của Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu địa chấn vùng nước nông của vịnh. Năm 1985 ở khu vực Đà Nẵng — Huế dự kiến khảo sát địa chấn trên 4.000 km nhằm «phát hiện những khu vực có tiềm năng chứa dầu và khí, khu trú và định vị các cấu tạo có biến dạng phức tạp trong khu vực trên cơ sở kết quả nghiên cứu»⁸.

Vào tháng 5 năm 1987 tại Viện Hải dương học Nha Trang đã diễn ra hội nghị chuyên đề Liên Xô — Việt Nam riêng để thảo luận kết quả hợp tác giữa các nhà khoa học của hai nước trong lĩnh vực nghiên cứu địa chất và địa vật lý của thềm lục địa Việt Nam và phương hướng hợp tác sau này. Tất cả các nghiên cứu đều xác nhận có những điều kiện thuận lợi để hình thành và tích tụ hydrocarbon trong bồn trũng Sông Hồng và khu vực này được đánh giá là có triển vọng cao. Tuy nhiên, trang thiết bị kỹ thuật của các cơ quan địa vật lý Liên Xô thời bấy giờ không cho phép tiến hành những nghiên cứu chất lượng cao ở trình độ thế giới. Kết quả là, như ông O. Sheremet, — người đứng đầu Glavmorneft của Bộ công nghiệp dầu Liên Xô, nhận định: «hiệu quả công việc năm 1988 thấp, tổ chức công việc không kịp thời, đó là những

^[5] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 6594. T. 25.

^[6] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. T. 174.

^[7] Gavrilov V. P., Gulev V. L., Karnaukhov S. M., Leonova E. A., Mikhailenko S. P., Rybalchenko V. V., Tumanov S. V. Cấu tạo địa chất và triển vọng dầu khí của vùng thềm lục địa miền Bắc Việt Nam (Bồn trũng Sông Hồng) gồm 2 phần. Phần 1. M. 2014. Tr. 14.

^[8] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8054. T. 22.



Bộ thu tín hiệu địa chấn «Seismokosa» sử dụng trong nghiên cứu thêm lục địa bằng phương pháp địa chấn

nguyên nhân dẫn đến việc Việt Nam từ chối, không mời lực lượng địa vật lý của chúng ta tham gia công tác nghiên cứu trên biển»¹.

Ngày 16/6/1988, PetroVietnam đã ký hợp đồng chia sản phẩm (hợp đồng PSC) với Tập đoàn Shell-Petrofina để nghiên cứu các lỗ 112, 114, 116 tại vùng thềm lục địa miền Trung Việt Nam. Sau đó, vào ngày 21/11/1988, một hợp đồng tương tự như vậy đã được ký kết với Tập đoàn Total cho các lỗ số 106, 107 ở Vịnh Bắc Bộ; ngày 16/2/1989 — với Tập đoàn British Petroleum cho các lỗ 117, 118, 119².

Hiện nay các nhà địa chất đã nghiên cứu toàn bộ bề dày trầm tích rất lớn có tuổi Kainozoi, lấn vào các lỗ trung tâm tới 15–20 km. Ở lỗ 112 Tập đoàn Shell đã khoan hai giếng ở cấu tạo Bạch Trĩ. Một giếng phải hủy do bão, giếng kia ở độ sâu trong khoảng 3.095–4020 mét thu được lượng nhỏ khí và khí condensat. Trong quá trình thử vỉa, ban đầu giếng «phun rất mạnh», nhưng sau đó bị bít do trên miệng giếng xuất hiện khí có dấu hiệu của dihydrosunfua (H2S). Tuy đạt được một số thành công nhất định tại thềm lục địa miền Bắc Việt Nam, song trên thực tế đã không đạt được phát hiện quan trọng nào, trong khi tại khu vực liền kề của Trung Quốc, nối tiếp lỗ 109 của Việt Nam, đã phát hiện ra một mỏ khí lớn là mỏ Đông Phong³.

Tuy nhiên, sau một vài năm, nhiều công ty phương Tây từ chối tiếp tục làm việc trong khu vực của Việt Nam. Báo chí viết rằng đóng vai trò không nhỏ trong việc quyết định như vậy là thái độ tiêu cực đối với việc hợp tác với Việt Nam của nước láng giềng Trung Quốc, nơi một số đối tác Việt Nam tiến hành thăm dò địa chất khá thành công tại các lỗ trong vùng chồng lấn về phía biên giới giáp nước láng giềng. Nhìn chung, việc mời các Tập đoàn dầu khí lớn trên thế giới đã thúc đẩy công việc nghiên cứu địa chất trong khu vực, song không có cuộc cách mạng nào xảy ra. Họ cũng vẫn sử dụng công nghệ như vậy, công nghệ khảo sát địa chấn 2D, mặc dù có phần hoàn thiện hơn.

Sự tham gia của Gazprom vào việc hình thành ngành công nghiệp khí đốt của Việt Nam

Theo luật pháp Việt Nam, nếu nhà đầu tư nước ngoài cung cấp 100% vốn để tiến hành thăm dò địa chất cho đến khi phát hiện ra mỏ thì được công nhận là nhà đầu tư thương mại. Theo yêu cầu luật định, một bên là Tập đoàn PetroVietnam và Công ty đầu tư và phát triển dầu khí (PIDC), nay là Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), bên kia là Tập đoàn Gazprom và Công ty Zarubezhneftegaz, đã ký hợp đồng đầu khí, theo đó cố đồng Nga đảm nhiệm đầu tư 100% chi phí thăm dò địa chất ở lỗ 112 và hoạt động theo các điều khoản Hợp đồng chia sản phẩm (PSC).

Dự án này có ý nghĩa lớn, cho nên ngày 28/12/2000 để chuẩn bị cho chuyến thăm đầu tiên của Tổng thống Nga V. V. Putin tới Việt Nam Bộ Ngoại giao Nga đã yêu cầu các đơn vị đang hoạt động kinh tế đối ngoại cung cấp tài liệu về Việt Nam, và nêu lên mong muốn của họ để đưa vào chương trình nghị sự cho cuộc đàm phán sắp tới. Chịu trách nhiệm về hướng hoạt động này trong Tập đoàn «Gazprom là thành viên Ban điều hành, nguyên Thứ trưởng Bộ Công nghiệp Dầu khí Liên Xô và Trưởng ban phụ trách công tác khoan giếng và khai thác các mỏ ngoài khơi của Tập đoàn Gazprom B. A. Nikitin, cũng chính là người ký tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao về sự hợp tác của Gazprom với Việt Nam trong ngành công nghiệp dầu khí.

Trích «Tài liệu về sự hợp tác của Gazprom với Việt Nam trong ngành công nghiệp dầu khí» cung cấp cho Bộ Ngoại giao Nga, ngày 07/2/2001: «Theo kết quả luận chứng kinh tế kỹ thuật «Khai thác thềm lục địa miền Bắc và miền Trung Việt Nam», đã thông qua quyết định tiếp nhận cấu tạo Bạch Trĩ như là một hạng mục thuộc lô №112 có trữ lượng khí thu hồi tiềm năng là 550 tỷ mét khối, với các chỉ số hiệu quả chứng minh tính khả thi về kinh tế khi Gazprom tham gia vào Hợp đồng khai thác mỏ này.

Theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được chuẩn bị, hợp đồng bao gồm việc tiến hành công tác tìm kiếm và thăm dò địa chất, xây dựng cơ sở khai thác ngoài khơi với khối lượng khai thác hàng năm dự kiến 21,6 tỷ m³ khí tự nhiên, bao gồm 2 giàn khoan biển cố định, 2 đường ống ngầm dưới biển và cơ sở hạ tầng trên bờ tương ứng. Khí khai thác dự kiến được sử dụng để phát triển ngành năng lượng của Việt Nam, cũng như làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp hóa chất và sản xuất phân bón. Theo đánh giá của các chuyên gia, việc xuất khẩu khí tự nhiên của Việt Nam sang miền nam Trung Quốc, Thái Lan và các nước láng giềng là có khả năng. Việc thực hiện dự án này đảm bảo sự tham gia của Tập đoàn Gazprom vào việc xây dựng ngành công nghiệp khí đốt và khí hóa tại Việt Nam. Đồng thời, các Bên đồng ý thành lập xí nghiệp liên doanh Vietgazprom với tỷ lệ cổ phần của các bên là 50/50, trong tương lai tương tự như Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro đang hoạt động đạt hiệu quả cao».

¹ Trong quyết định của lãnh đạo Bộ Công nghiệp dầu Liên Xô ngày 10/3/1989 nhận xét rằng «tính thông tin của những kết quả cuối cùng trong đợt khảo sát địa vật lý và hiệu quả ở mức độ thấp. <...> Trình độ kỹ thuật của công tác địa vật lý trên biển tụt hậu nhiều so với thế giới» (xem: Viện lưu trữ kinh tế LB Nga. Ph. 70. Danh mục 2. Hồ sơ 5640. T. 72, 75).

² Lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. T. 1. Tr. 204.

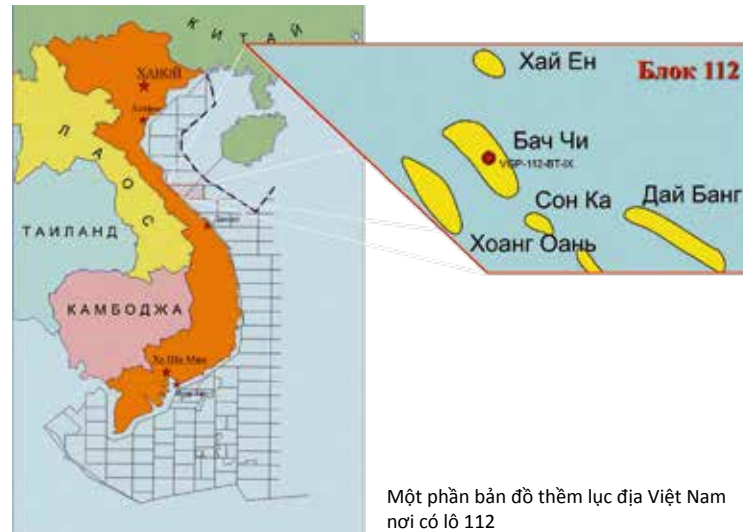
³ Gavrilov V. P., Gulev V. L., Karnaukhov S. M., Leonova E. A., Mikhailenko S. P., Rybalchenko V. V., Tumanov S. V. Cấu tạo địa chất và triển vọng dầu khí của vùng thềm lục địa miền Bắc Việt Nam. Phần 1. Tr. 17–19.



Phiên họp của Ban quản lý Công ty liên doanh điều hành Vietgazprom. Từ phải sang trái: Giám đốc Công ty Vietgazprom P. G. Kladijev, Tổng Giám đốc Công ty «Gazprom Zarubezhneftegaz» V. L. Gulev, Trưởng ban quản lý thăm dò và khai thác các mỏ ngoài khơi của Tập đoàn Gazprom V. S. Vovk và Phó ban A. S. Mukhin. Đầu thập kỷ 2000

Hợp đồng đầu khí được ký kết với thời hạn 25 năm. Theo hợp đồng đã lập ra những cơ quan quản lý như sau: Ban quản lý, thành phần bao gồm các nhà lãnh đạo của PetroVietnam và Gazprom, Ban Kỹ thuật, Ban Địa chất, Ban Tài chính, Ban pháp chế. Quy định về các cơ quan quản lý điều hành công việc của các Ban cũng đã được soạn thảo. Theo thỏa thuận, Gazprom và PetroVietnam có trách nhiệm trình Nhà nước chương trình thăm dò địa chất. Theo pháp luật Việt Nam, Tập đoàn Gazprom với tư cách nhà đầu tư nước ngoài trước khi vận hành mỏ và được công nhận là nhà đầu tư thương mại cần thực hiện cung cấp 100% chi phí để tiến hành công việc. Trong ba năm đầu, Gazprom tự bỏ chi phí để thực hiện công tác thăm dò địa chấn, bao gồm làm địa chấn 3D trên diện tích 800 km², và khoan ba giếng tìm kiếm tại lỗ 112.

Vào tháng 9 năm 2001, một thỏa thuận đã được ký kết về việc tổ chức công ty liên doanh điều hành chung (JOC) Vietgazprom. Công ty này đã được lập nên từ con số không. Năm 2002 Vietgazprom nhận được tất cả các loại giấy phép cần thiết từ các cơ quan chức năng Việt Nam, công ty đã được đăng ký theo luật pháp nước sở tại và bắt đầu hoạt động ở Việt Nam. Toàn bộ thông tin địa chất — địa vật lý có trong quỹ địa chất của đất nước đã được khai thác. Tiếc rằng số liệu có chất lượng không cao. Đối tượng nghiên cứu đầu tiên là cấu tạo Bạch Trĩ được phát hiện từ năm 1989. Nó nằm ven bờ biển và là cấu tạo lớn nhất, có triển vọng nhất. Công tác khảo sát kỹ thuật địa chất tại hiện



Một phần bản đồ thềm lục địa Việt Nam nơi có lỗ 112

trường tại điểm khoan giếng tìm kiếm đầu tiên được tiến hành khẩn trương (Giếng VGP-112-BT-1X).

Vào tháng 11 năm 2003, giàn khoan nửa nổi nửa chìm «Du Song» được lai dắt tiến vào vùng biển thuộc Vịnh Bắc Bộ. Tới cuối tháng, mũi khoan đầu tiên đã được hạ xuống đáy biển và bắt đầu xoay, nó phải vượt qua 4200 mét trong lớp trầm tích của miền vông. Mục tiêu chính của quá trình này là tìm đáp án cho câu hỏi — liệu có khí trong các lớp khoáng vật chứa cacbonat tuổi Devon, mà tiềm năng chứa dầu khí của nó tại khu vực này của thềm lục địa Việt Nam đã được chứng minh¹.

Công việc diễn ra thông suốt. Tổ khoan quốc tế dưới sự lãnh đạo của các chuyên gia Gazprom đã làm việc một cách thành thạo và trôi chảy. Tất cả các dữ liệu đều cho thấy cơ hội thành công là rất lớn. Cấu trúc kiến tạo, lớp phủ, các bẫy gom — tất cả những điều kiện đi kèm với sự tích tụ nguồn nguyên liệu hydrocarbon, đều hiển hiện. Hy vọng cũng dày thêm bởi sự hiện diện của các dòng dầu và khí phi công nghiệp và dòng dầu trong giếng khoan «của hãng Shell» được thực hiện trên cùng một cấu tạo đó.

Trên thực tế, những lớp trầm tích tuổi Miocen phía trên cùng hóa ra không lớn bằng số liệu dự kiến trong dự án khoan, còn thế Oligocen thì hoàn toàn không có. Kết quả là, chân trời mục tiêu trở nên cao hơn nhiều, tiếp cận mốc 3000 mét. Họ đã vượt qua mốc đó, tiến hành nghiên cứu địa vật lý giếng khoan, thử vỉa tìm dòng. Tất cả những người trên tàu tại thời điểm đó lòng đầy hy vọng nhìn thiết bị mỗi đũa sẽ phải bùng cháy báo hiệu phát hiện mỏ. Dòng khí cuối cùng cũng phun lên. Xét theo áp lực của dòng khí có thể nói đến ý nghĩa công nghiệp của phát hiện này. Tất cả đều thờ phào, nhưng một phút sau lại lặng ngắt: không có lửa cháy trên thiết bị mỗi đũa. Khí tuôn lên, rít gió, thoát ra khỏi vòi phun, nhưng không bốc cháy. Nụ cười vui sướng nhường chỗ cho sự thất vọng. Trên mặt mọi người đọng một câu hỏi cảm lạnh: Tại sao?

Than ôi, kết quả phân tích hóa học dòng khí thoát ra từ giếng VGP-112-BT-1X cho thấy thành phần nó có tới 98% là khí carbon dioxide. Đá khô, bột nở cho thực phẩm hoặc nước có gas cho trẻ em — đó là tập hợp các dẫn xuất thực dụng của sản phẩm này, nhưng đâu phải là mục tiêu mà các chuyên gia khí đốt của Nga hướng đến. Kết quả quá bất ngờ đối với phía Nga và cả với Việt Nam, những người quan tâm đến khí đốt tự nhiên

¹ Vovk V. S., Gulev V. L., Dziublo V. D., Sokolov V. I., Tronov Yu. A., Shnip O. A. Triển vọng chứa dầu khí của tầng đá móng thềm lục địa miền Bắc và miền Trung Việt Nam // Địa chất dầu khí. 2008. Số 2. Tr. 45–51.



Cuộc gặp của các đại biểu Tập đoàn Gazprom với lãnh đạo Tập đoàn dầu khí PetroVietnam. Từ trái sang phải: A. G. Kovtun, S. V. Tumanov, A. S. Fik, V. V. Cherepanov, V. A. Markelov, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Vũ Trường Sơn, Ngô Hữu Hải, Đoàn Linh, Hồ Tú Mai, Trần Hồng Nam. Hà Nội, 21/3/2016

không kém mà thậm chí có thể còn nhiều hơn các chuyên gia của Gazprom.

Sau khi xử lý thông tin nhận được thì thấy rằng hóa ra cấu tạo Bạch Trĩ phức tạp hơn dự kiến rất nhiều. Đây là một thời điểm gay gắt: buộc phải ghi lỗ 17 triệu đô-la chi phí cho giếng khoan và rời đi như Shell đã làm trước đó, hoặc phải hoàn toàn thay đổi chiến lược.

Mọi người đều trăn trở dày vò bởi câu hỏi: Carbon dioxide từ đâu đến, nguồn gốc phát sinh khí là gì và diện tích «ô nhiễm» loại khí đó của các bể chứa dưới lòng đất lớn đến đâu?

Để phân tích và chuẩn bị quyết định tiếp theo, Gazprom đã mời các chuyên gia từ Viện Hàn lâm khoa học Nga, những chuyên gia địa chất giỏi nhất của VNIGaz — viện nghiên cứu đầu não thuộc Tập đoàn, Đại học Dầu khí quốc gia Nga mang tên I. M. Gubkin, Viện Sevmorneftegeofiziki và các trung tâm hàng đầu khác trong lĩnh vực địa chất dầu khí và địa trung tâm biển. Về phía Việt Nam tham gia vào công tác này có đại diện Viện Khoa học, và tất nhiên là Đại học Dầu khí Việt Nam. Trong giai đoạn này dường như thời kỳ «tình anh em xã hội chủ nghĩa» trở lại. Tại các cuộc họp của Tiểu ban kỹ thuật, nơi đề ra những giải pháp mang tính nguyên tắc, các đồng nghiệp cũ gặp gỡ nhau, những người đã cùng trưởng thành từ ngôi trường địa chất thống nhất, những người nói với nhau chỉ nửa lời đã hiểu.

Ông V. S. Parasyna, giai đoạn đầu thập kỷ 2000 giữ cương vị Phó Trưởng Ban quản lý công tác thăm dò địa chất, đăng ký và sử dụng lòng đất của Tập đoàn Gazprom, kể lại: «Các tiểu ban kỹ thuật là nơi tụ hội của các chuyên gia Nga và Việt Nam. Toàn bộ tính chất phức tạp của công việc đề lên vai các chuyên gia của Zarubezhneftegaz và Vietgazprom, và khi thu được lượng khí carbon dioxide thì tất nhiên họ phải làm việc nghiêm túc cùng với các đồng nghiệp Việt Nam để xây dựng chiến lược tiếp theo. Bản thân sự kiện thu được khí carbon dioxide và việc khám phá ra ngọn núi lửa cổ xưa đã kéo theo sự quan tâm đặc biệt trong giới địa chất Hà Nội. Điều này gợi sự so sánh với biển Caspian của chúng ta, bị bao bọc bởi bồn núi lửa. Có ý kiến rằng

những nếp lồi được Gazprom phát hiện sau đó ít lâu, trong đó phát hiện được mỏ Báo Đen và Báo Vàng và những mỏ khác, không gì khác hơn là những núi lửa bị chôn vùi. Điều này nói chung là dấu hiệu tốt, mặt khác nó làm nhiệm vụ nghiên cứu trở nên phức tạp hơn, cũng đã ghi nhận có những bẫy thu gom tốt, những lớp phủ đáng tin cậy, và ở đây có cái để tư duy. Chuyên gia đầu ngành về địa chất và cổ vấn hàng đầu của chúng tôi là giáo sư V. P. Gavrilov, trưởng khoa Đại học Dầu khí Quốc gia Nga mang tên I. M. Gubkin, nổi tiếng ở Việt Nam từ cuối những năm 1980. Nhiều người trong số các đối tác của chúng tôi là học trò của ông, và dĩ nhiên, Viktor Petrovich có uy tín lớn trong các đồng nghiệp Việt Nam. Vì lý do này nên sự giao tiếp của chúng tôi rất tin cậy và dân chủ. Mọi người đều có thể bày tỏ quan điểm của mình, mỗi bên đều có cách nhìn vấn đề riêng của mình và cố gắng bảo vệ quan điểm của mình. Tất nhiên, có những cuộc tranh luận, nhưng đây là một quá trình bình thường. Các nhà địa chất Việt Nam dựa trên kinh nghiệm riêng của họ, chúng tôi — kinh nghiệm của mình. Tại các cuộc họp của chúng tôi có các «bậc thầy» tóc bạc của ngành địa chất Việt Nam bắt đầu lui tới. Nhưng sau đó tôi nhận thấy rằng sau một thời gian có những người trẻ tuổi nói tiếng Anh kéo đến, họ không được đào tạo ở Matxcova, mà đầu đó ở phương Tây, nhưng, rõ ràng, họ đặc biệt được cử đến các cuộc họp để thực tập»¹.

Năm 2004, tất cả các lực lượng điều đến để xử lý và phân tích kết quả khoan giếng thăm dò VGP-112-BT-1X. Thực hiện so sánh dữ liệu địa chấn và mặt cắt giếng, thông tin địa vật lý trước đây đã được tích hợp với dữ liệu của các nghiên cứu vật lý khoáng sản. Rõ ràng là chưa có mô hình địa chất đầy đủ của khu vực. Đới Bạch Trĩ bị phá vỡ bởi nhiều vết nứt, các giếng của Shell và Gazprom được khoan tại các lỗ khác nhau của đới nên có sự khác biệt đáng kể trong thành phần của dòng khí.

¹ Phỏng vấn V. S. Parasyna, ngày 02/3/2017. Matxcova.



Khí gas của Việt Nam

Năm 2005 VNIGaz soạn xong bản báo cáo «Điều chỉnh chương trình tìm kiếm thăm dò ở lô 112 thềm lục địa Việt Nam theo hướng mở rộng diện tích áp dụng Hợp đồng dầu khí». Tổng trữ lượng khí đốt của cấu tạo Bạch Trĩ được đánh giá là 110 tỷ mét khối, trong đó khí hydrocarbon chỉ có 45 tỷ mét khối¹.

Công ty Sevmorneftegeofizika của Nga và Công ty Đầu tư — Phát triển Dầu khí (PetroVietnam Investment and Development Company, PIDC) của Việt Nam (bây giờ là Tổng Công ty thăm dò và khai thác dầu khí (PetroVietnam Exploration and Production Corporation, PVEP) đã hoàn thành việc minh giải lại tài liệu khảo sát địa chấn những năm trước tại các lô 111 và 113. Kết quả cụ thể đã xác định một loạt các nếp lồi nằm rải rác tại các lô trong khu vực biển chồng lấn. Những cấu tạo mới phát hiện được đặt cho những cái tên thú vị theo truyền thống ngành địa chất Việt Nam: Báo Đen, Báo Vàng, Báo Trắng, Báo Gấm, Báo Nâu.

Công việc chung của các chuyên gia Nga và Việt Nam cho thấy Gazprom và các đại diện của Tập đoàn trong công ty Gazprom Zarubezhneftegaz và Vietgazprom đã quyết tâm làm việc để đạt được kết quả tích cực, cũng chính bởi vì khi xác định có những cấu tạo tiềm năng chứa dầu khí vượt ra ngoài ranh giới hoạt động quy định trong hợp đồng thì vào ngày 21/4/2005, Chính

¹ Gavrilov V. P., Gulev V. L., Karnaukhov S. M., Leonova E. A., Mikhailenko S. P., Rybalchenko V. V., Tumanov S. V. Cấu tạo địa chất và triển vọng dầu khí của vùng thềm lục địa miền Bắc Việt Nam. Phần 1. Tr. 20–21. Việt Nam // Địa chất dầu khí. 2008. Số 2. Tr. 45–51.



Tàu khoan «Energy Searcher»



Tàu khoan «Neptune Discoverer»

phủ CHXHCN Việt Nam đã đưa ra quyết định chưa từng có — gộp thêm lô số 113 bên cạnh vào hợp đồng ban đầu mà không thay đổi chương trình làm việc tối thiểu.

Tình hình đã thay đổi so với những năm 1980. Hiện giờ không có bất kỳ hạn chế nào về việc cung cấp thiết bị. Bất cứ công ty nào hoạt động ở thềm lục địa Việt Nam đều có thể công khai mời các công ty dịch vụ tốt nhất thực hiện một số hoạt động nhất định. Kinh nghiệm dày dặn của các nhà địa chất Nga có thể dễ dàng được tăng cường bởi những công nghệ địa vật lý tối tân và các hình thức dịch vụ của bất kỳ công ty nào trên thế giới. Để phục vụ công tác nghiên cứu sau này họ quyết định áp dụng công nghệ địa chấn 3D trên thực tế chưa từng được sử dụng tại khu vực này, và năm 2005 đã áp dụng trên 800 km² mặt biển. Gazprom đã mời Schlumberger là một trong những công ty dịch vụ tốt nhất để nghiên cứu thềm lục địa Việt Nam. Theo hợp đồng với Vietgazprom, công ty Reservoir Service bắt đầu thực hiện việc theo dõi liên tục công tác khoan và từ năm 2008 lập mô hình địa tĩnh của các cấu tạo đã khoan. Nếu cần chụp cắt lớp X-quang để nghiên cứu giếng, thì công ty này sẽ thực hiện, tức là «dò» lát cắt từng milimét một.

Dựa trên kết quả xử lý dữ liệu địa chấn 3D và xử lý 2D đã lựa chọn hai đối đầu tiên là Báo Đen và Báo Vàng để khoan tìm kiếm. Đây là những nếp lồi dạng «núi lửa bùn» điển hình mà qua đó Trái đất giải phóng bớt áp suất quá lớn trong lòng nó. Hàng triệu năm trước đây, chỗ này là những hòn đảo, được bao quanh bởi những cồn cát, bãi biển và bãi bồi đầy những loài cây có ngậm mận và những trảng rừng thấp lúp xúp. Mái của những ngọn núi

lửa bị chôn vùi đó, như một quy luật, không phải là những vùng có tiềm năng chứa dầu khí, nhưng các sườn dốc bên cạnh miệng núi lửa lại rất hay chứa những vỉa nguyên liệu hydrocarbon có trữ lượng khai thác công nghiệp. Ngoài ra chính ở những nơi đó không hiếm khi xuất hiện khí thoát lên bề mặt, đây cũng là một dấu hiệu tích cực cho thấy lòng đất nơi đó có tiềm năng dầu khí.

Ngày 08/1/2007 tàu khoan «Neptune Discoverer», được đóng tại nhà máy đóng tàu của công ty Mitsui — Nhật Bản, dưới sự chỉ huy của các chuyên gia Gazprom đã bắt đầu khoan giếng thăm dò VGP-113-BD-1X tại đối Báo Đen. Khi đạt tới độ sâu 1854 mét đã quyết định thực hiện thử vỉa, kết quả là từ lớp trầm tích tuổi Plitocen chỉ thu được những dòng khí hydrocarbon phi công nghiệp (chứa gần 54% CO₂). Giếng này bị loại bỏ, coi như đã làm xong phận sự của mình.

Vào ngày 12/6/2007, bốn ngày sau khi kết thúc công việc tại Báo Đen, tàu khoan chuyển đến cấu tạo Báo Vàng nằm cách bờ biển 110–120 km, tại khu vực của cố đô Huế. Việc khoan giếng thăm dò VGP-113-BV-1X tại đây bắt đầu. Sau khi hoàn thành chương trình và kết thúc khoan chạm đáy giếng ở độ sâu 2.515 mét, các chuyên gia của Công ty liên doanh điều hành Vietgazprom triển khai ngay kế hoạch nghiên cứu địa chất và địa vật lý. Ngày 31 tháng 8 năm 2007, thông tin rằng Tập đoàn Gazprom của Nga đã phát hiện ra mỏ khí ngưng condensate Báo Vàng tại thềm lục địa Việt Nam đã lan rộng khắp thế giới. Chiến dịch tìm kiếm đầy nỗ lực đã mang lại những kết quả tích cực đầu tiên. Trong giếng khoan đã tiến hành thử vỉa 5 đối tượng, và 2 trong số đó đã thu được dòng khí công nghiệp lẫn với khí ngưng condensate với tổng lưu lượng lên đến 400 mét khối/ngày đêm¹.

Dự án đã bước vào giai đoạn phát triển tiếp theo và cần phải khoan thêm sáu giếng thăm dò nữa. Trong năm 2008 đã tiến hành hơn 20 cuộc đấu thầu và lựa chọn đối tác để tiến hành khảo sát địa chấn và khoan, ký kết 26 hợp đồng với các nhà thầu. Đã tập trung nguồn lực kỹ thuật khổng lồ để thực hiện nghiên cứu thềm lục địa miền Trung Việt Nam.

Vào ngày 13/2/2008, Chính phủ Việt Nam cho phép gộp thêm lô số 111/04 bao gồm một phần đối Báo Vàng vào khu vực diện tích của hợp đồng dầu khí. Điều này cho thấy hoạt động của Gazprom và các đại diện của Tập đoàn tại Việt Nam luôn được ủng hộ. Hiện giờ diện tích hoạt động của JOC Vietgazprom bao gồm 17,3 nghìn km², và tổng trữ lượng tài nguyên địa chất chứa hydrocarbon tại các hạng mục có triển vọng xếp vào hạng C3 + D được ước tính là 767,82 triệu tấn nhiên liệu quy chuẩn². Gazprom đã hoàn thành nghĩa vụ của mình trong giai đoạn đầu của hợp đồng.

Giai đoạn năm 2008–2009, tàu nghiên cứu «Giáo sư Polshkov» của Nga tại cấu tạo ven bờ đã tiến hành một chiến dịch khảo sát địa chấn 2D với khối lượng công việc hơn 5000 km, tàu Seaquest của Na Uy đã nghiên cứu mỏ Báo Vàng và cấu tạo Báo Trắng theo công nghệ 3D trên tổng diện tích 900 km². Dựa trên kết quả nghiên cứu trong giai đoạn 2009–2010, tàu khoan «Energy Searcher» và «PV Drilling-1» của Việt Nam đã khoan các giếng tại các cấu tạo ven bờ, Báo Đen, Báo Trắng. Giếng VGP-113-BD-2X được khoan tại Báo Đen đến độ sâu 1710 mét đã thành công. Cũng giống như cấu tạo Báo Vàng bên cạnh, từ hai đối tượng thử vỉa thu được dòng khí công nghiệp lưu lượng tới 500.000 mét khối. Tuy nhiên khí này có hàm lượng carbon dioxide cao tới 60%. Dầu vậy Báo Đen cũng đã trở thành mỏ thứ hai được Gazprom phát hiện tại thềm lục địa phía bắc của Việt Nam.

Ngày 16 tháng 12 năm 2009 tại Matxcova ba thành viên của Công ty liên doanh điều hành Vietgazprom được trao tặng Huân chương Hữu nghị của Việt Nam vì thành tích xuất sắc trong

¹ Belokurov V. K., Slabous V. S., Mikhailenko S. P. Kết quả thực hiện chương trình thăm dò địa chất tại thềm lục địa Việt Nam // Tạp chí Hiệp hội nhà thầu khoan. 2008. Số 1. Tr. 7–8.

² Tư liệu của JOC Vietgazprom.



Trên boong tàu «Giáo sư Polshkov»

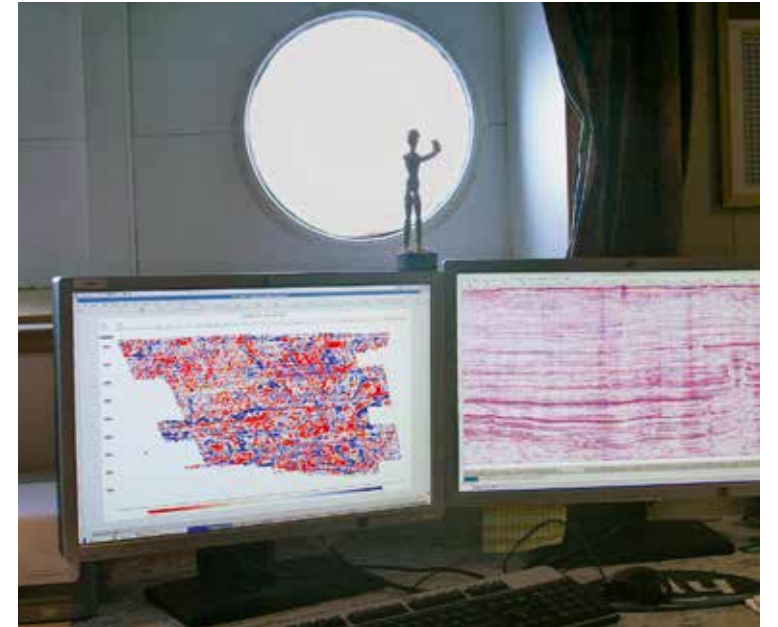
việc phát triển quan hệ Nga — Việt và góp phần vào sự phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. Những người được trao tặng giải thưởng cao quý này của Nhà nước Việt Nam là Tổng Giám đốc Vietgazprom Valery Petrenko, Giám đốc sản xuất Vasily Slabous và Giám đốc phụ trách thăm dò địa chất Sergey Mikhailenko — «những người đi tiên phong của Gazprom» tại thềm lục địa Việt Nam. Tại buổi lễ có sự hiện diện của Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí PetroVietnam Phùng Đình Thực, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Đinh La Thăng và Đại sứ Việt Nam tại Nga Bùi Đình Dĩnh. Tổng giám đốc Công ty cổ phần «Gazprom Zarubezhneftegaz» Valery Gulev nói: «Phần thưởng này được trao cho cán bộ chúng tôi — đó là không chỉ là sự đánh giá cao công việc của chúng tôi, mà còn là một tín hiệu cho thấy Gazprom với tư cách là nhà đầu tư và điều hành dự án, đã và vẫn là một đối tác đáng tin cậy»¹. Một năm rưỡi sau, vào tháng 3 năm 2011, JOC Vietgazprom, cá nhân V. L. Gulev và Chủ tịch điều hành của OJSC Gazprom Alexey Miller được trao tặng phần thưởng hết sức cao quý của Việt Nam là Huân chương Lao động các hạng khác nhau.

Giai đoạn năm 2010–2012, Gazprom tập trung hoàn tất thăm dò mỏ Báo Vàng, nơi thực hiện một số giếng khoan thăm dò, minh giải tổng hợp các tài liệu địa chất và địa vật lý theo công nghệ diễn biến địa tầng, tổng hợp gần như tất cả các tài liệu địa chất và địa vật lý thu thập được về khu vực thềm lục địa phía Bắc của Việt Nam cho đến thời điểm lúc đó. Còn việc thăm dò mỏ Báo Đen và cấu tạo Báo Trắng tạm thời phải dừng lại vì khí có hàm lượng carbon dioxide cao.

Kết quả công tác thăm dò địa chất trên thềm lục địa phía Bắc Việt Nam do Gazprom thực hiện trong 10 năm có giá trị kép. Trong thời gian hoạt động tại lô 112 đã thực hiện khảo sát địa chấn 2D với khối lượng 20 nghìn km, 3D — 1700 km², khoan 10 giếng khảo sát thăm dò với tổng mét khoan là gần 20 nghìn mét. Trong các lô số 111–113 đã được cấp giấy phép đã phát hiện hai mỏ, xác định một số cấu tạo tiềm năng, tích lũy được một lượng lớn thông tin địa chất mới. Trong khi đó, hệ số thành công là 25%².

¹ Ba cán bộ của JOC Vietgazprom được tặng huân chương của Việt Nam, 16/12/2009 // Website của công ty Gazprom EP International (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/tri-sotrudnika-sok-vetgazprom-udostoeny-nagrad-vetnama>. Ngày truy cập: 14.05.2017).

² Gavrilov V. P., Gulev V. L., Karnaukhov S. M., Leonova E. A., Mikhailenko S. P., Rybalchenko V. V., Tumanov S. V. Cấu tạo địa chất và triển vọng dầu khí của vùng thềm lục địa miền Bắc Việt Nam. Phần 1. Tr. 24.



Theo dõi lòng đất Vịnh Bắc Bộ

Có lẽ, bất kỳ công ty nào khác trong tình huống này có thể sẽ phải từ bỏ công việc của mình, song, như người Nga vẫn nói, — «Một người từng thất bại lợi hại hơn hai kẻ chưa va vấp gì». Vào tháng 9 năm 2013, một cuộc họp đặc biệt được Gazprom tổ chức tại Hà Nội, tại đó đã xây dựng chương trình làm việc tiếp theo. Mục tiêu của giai đoạn mới là xác định phương hướng thăm dò hydrocarbon với trọng tâm là các tầng trầm tích tuổi Miocen dựa trên những bài học của quá khứ, lập mô hình địa chất cập nhật của Vịnh Bắc Bộ. Như trước đây, lòng đất Việt Nam vẫn chưa thể khai thác dễ dàng, bắt buộc phải thăm nhập sâu hơn nữa vào địa chất khu vực này theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng.



Tàu nghiên cứu khoa học «Binh Minh — 02» của Việt Nam



Tàu nghiên cứu khoa học «Giáo sư Polshkov» tại cảng Đà Nẵng. Tàu Sequest của Na Uy làm địa chấn 3D tại Đồng Hới. 2008

Trích Biên bản kỳ họp lần thứ VI của Ủy ban điều phối chung về hợp tác giữa Gazprom và PetroVietnam, ngày 3/10/2013: «Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2013, đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tối thiểu cho cả ba đợt thăm dò [theo Hợp đồng đầu khí]; đã phát hiện hai mỏ khí condensat là Báo Vàng (2007) và Báo Đen (2009).

Do xác định được số lượng lớn các hạng mục có tiềm năng dầu khí trong diện tích quy định cho hợp đồng, dự kiến tiếp tục thăm dò khu vực có tiềm năng hydrocarbon nhằm chuẩn bị một hệ thống tổng hợp để tiếp tục khai thác các mỏ đã được phát hiện. Do vậy các bên ủng hộ đề xuất gia hạn giai đoạn thăm dò kết hợp thứ hai và thứ ba thêm 3 năm (đến ngày 31/12/2016)»¹.

Trong giai đoạn 2014–2016, các nghiên cứu thăm dò bằng điện được tiến hành với khối lượng công việc đạt 1.000 km, hoàn thành xử lý dữ liệu thu được và cùng minh giải kết quả khảo sát điện và địa chấn 2D; hoàn thành tính toán trữ lượng mỏ Báo Vàng được Tổng cục Dự trữ Nhà nước phê duyệt. Trong quá trình chuẩn bị mỏ để khai thác đã triển khai lập luận chứng kinh tế kỹ thuật và kế hoạch tổng hợp phát triển công tác thăm dò địa chất và khai thác mỏ trong tương lai, với khả năng liên kết các mỏ tiềm năng thành một cụm khai thác dầu khí thống nhất, tiến hành đàm phán về các điều kiện mua bán khí đốt với người tiêu dùng Việt Nam

* * *

Ngày 27/10/2008 trong sự chứng kiến của Tổng thống Liên bang Nga và Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom Aleksey Miller và Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí PetroVietnam đã ký hợp đồng PSC các lô 129–132. Đây là mốc khởi đầu giai đoạn mới trong hoạt động của Gazprom tại Việt Nam. Sự hợp tác giữa Gazprom và PetroVietnam đã được mở rộng. «Chúng tôi hài lòng về mức độ hợp tác cao với Gazprom, và sự kiện hôm nay — là bước phát triển mới trong quan hệ của chúng ta, — ông Trần Ngọc Cảnh phát biểu tại lễ ký.

¹ Tư liệu của V. S. Vovk.

Trích hồi ký của ông V. S. Vovk, thời kỳ 1993–2013 là Giám đốc Ban quản lý thiết bị và công nghệ khai thác mỏ ngoài khơi của Tập đoàn Gazprom, Phó Chủ tịch Ban điều hành Hợp đồng các lỗ 129–132: «Trước khi đưa ra quyết định cuối cùng về việc Gazprom tham gia quản lý điều hành các lỗ ở vùng nước sâu, chúng tôi là những kỹ sư đều hiểu được sự phức tạp của vấn đề chúng tôi phải đối mặt: độ sâu rất lớn, cụ thể là độ sâu nước biển xấp xỉ hai nghìn mét, và độ sâu của giếng tính từ đáy biển — khoảng 5 km, cộng thêm khoảng cách xa bờ biển hơn, mỗi nguy hiểm do bão và một loạt các yếu tố liên quan khác của dự án rất phức tạp này. Thậm chí khi ấy chúng tôi nghĩ ngay cả khi tìm thấy thứ gì đó, thì việc khai thác những lỗ này sẽ là một nhiệm vụ rất lớn, là và vấn đề không phải của hôm nay, mà là của ngày mai. Chúng tôi phải xây dựng cho tốt một cơ sở tương tự như JOC Vietgazprom hoạt động tại các lỗ ở miền Trung Việt Nam. Nhưng việc tạo ra một cơ cấu như vậy đòi hỏi không ít thời gian và những nỗ lực to lớn, những nỗ lực có thể trở thành vô ích với tất cả những rủi ro đã nêu ở trên, Do đó, chúng tôi đề xuất với ban lãnh đạo của chúng tôi tạm thời giao việc quản lý hợp đồng này cho Vietgazprom, công ty lúc đó đã đứng vững trên đôi chân của mình, tập hợp được một đội ngũ chuyên gia, có nhiều kinh nghiệm tại Việt Nam (hơn nữa, trong điều kiện thị trường mới mẻ). Một quyết định như vậy đã giảm thiểu đáng kể chi phí cho Gazprom và rút ngắn được thời gian, một yếu tố rất quan trọng. Thật vậy, vào thời đó JOC Vietgazprom phải mất hơn một năm để thỏa thuận tất cả các vấn bản pháp quy. Trong trường hợp thăm dò địa chất trong các lỗ ở vùng biển nước sâu có kết quả, thì đề xuất của chúng tôi cũng tạo điều kiện để nhanh chóng lập ra một công ty điều hành mới. Phải nói rằng Vietgazprom đã và đang mang gánh nặng này một cách xứng đáng».

Ngày 11 tháng 12 năm 2008 đã diễn ra kỳ họp về tổ chức của Ban điều hành hợp đồng này, tại đó đề ra kế hoạch làm việc và dự tính chi khoảng 5 tỷ rúp cho công tác tìm kiếm. Hai tháng sau, vào ngày 6 tháng 2 năm 2009, công ty Vietgazprom đã nhận được giấy phép hoạt của Việt Nam, theo đó khu vực ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ với tổng diện tích hơn 28 nghìn km² được giao cho Công ty điều hành trong 30 năm tới. Một dự án nữa của Gazprom tại Việt Nam đã được khởi động như vậy đó. «Hiện tại công ty có 7 lỗ đã được cấp giấy phép. Không có bất kỳ công ty dầu khí nào khác hoạt động tại Việt Nam có được số lượng nhiều lỗ như vậy. Điều này khẳng định những thành tựu mà Vietgazprom đạt được trong nhiều năm hoạt động của mình», — ông Đỗ Văn Hậu, khi đó là Phó Tổng Giám đốc PetroVietnam, đã đánh giá như vậy về hoạt động của Gazprom tại Việt Nam¹.

Các lỗ mới nằm ở bể trầm tích chứa dầu khí Nam Côn Sơn thuộc vùng thềm lục địa Việt Nam. Ngay từ năm 1985 các chuyên gia của Bộ Công nghiệp khí Liên Xô đã đánh giá cao tiềm năng của bể này, mặc dù hiểu rõ những khó khăn có thể nảy sinh trong khi khai thác.

Trích tài liệu của Tổng Giám đốc Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro F. G. Arzhanov «Về tình hình thực hiện Hiệp định liên chính phủ về việc tổ chức sản xuất thăm dò địa chất và khai thác dầu tại vùng thềm lục địa miền Nam Việt Nam», năm 1985 «Bồn trũng Nam Côn Sơn có nhiều tiềm năng về dầu khí. Trữ lượng thu hồi ước tính khoảng 1,4–2,8 tỷ tấn nhiên liệu tương đương trong khi trữ lượng thu hồi của tám cấu tạo theo đánh giá của các công ty nước ngoài ước tính vào khoảng 50–110 tỷ tấn [những số liệu này sau đó hóa ra là nhầm lẫn, quá lạc quan — Ghi chú của tác giả]. Trong phạm vi của nó, theo tài liệu khảo sát địa vật lý, ghi nhận có sự hình thành cấu tạo rạn Paleozoi biên độ cao, tạo cơ sở để trông chờ có những via trầm tích lớn và các giếng cho lưu lượng cao. Đồng thời các cấu tạo cơ bản của bồn trũng Nam Côn Sơn tách xa khỏi bờ tới 300 km, độ sâu nước biển phía trên đỉnh vòm dao động trong khoảng từ 80 m đến 150 m và nhiều hơn nữa. Nhiều cấu tạo có tiềm năng dầu khí cao, có cấu trúc khối phức tạp và chưa được nghiên cứu khảo sát địa chấn đầy đủ và chi tiết.

Trong lát cắt có tiềm năng chứa dầu và khí của bồn trũng, có lẽ phổ biến hơn cả là các vỉa thứ cấp, tích tụ khí nhiều hơn tích tụ dầu. Tất cả những điều này gây khó khăn cho việc nhanh chóng xác định và sau đó là thăm dò các mỏ có lợi thế để khai thác mà tốn ít chi phí. Điều này được chứng minh qua kinh nghiệm khoan tìm kiếm thăm dò do người Mỹ (1974–1975) và các công ty nước ngoài khác (Italia, Canada) (1978–1980) thực hiện theo hợp đồng với Việt Nam, kết quả từ những giếng khoan riêng lẻ thu được dòng khí (lưu lượng đến 34 nghìn m³/ngày đêm), dòng dầu (lưu lượng đến 200 tấn/ngày đêm) và condensat (đến 92 m³/ngày đêm), nhưng tính chất công nghiệp của các mỏ được phát hiện vẫn chưa được chứng minh².

Vào giữa những năm 2000, tại vùng trung tâm của bể Nam Côn Sơn đã phát hiện hơn hai chục mỏ, trong đó có mỏ lớn như mỏ Đại Hùng. Vùng phía tây của bể trầm tích được chứng minh là không có triển vọng, còn tiềm năng của vùng đông bắc, nơi có các lỗ mới của Gazprom, được đánh giá khá cao, tuy nhiên vùng này chưa được nghiên cứu kỹ.

Năm 2008, viện nghiên cứu đầu não của Gazprom là VNIIGaz dựa trên mô hình mô phỏng cấu tạo địa chất đã đánh giá sơ bộ trữ lượng dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam là 8,2 tỷ tấn dầu và 4,9 nghìn tỷ mét khối khí. Nếu tính đến các hệ số chuyển hạng, thì trữ lượng hydrocarbon công nghiệp (có thể thu hồi) của thềm lục địa Việt Nam ước tính khoảng 1,0–1,2 tỷ tấn dầu và 2,0–2,5 nghìn tỷ mét khối khí. Hệ số thăm dò tài nguyên dầu ước tính ở mức 50%, khí đốt — ở mức 25%. Dữ liệu cho thấy tích tụ khí chắc phải vượt quá kích thước của các mỏ dầu dự kiến³. Theo đánh giá của VNIIGaz, trữ lượng thu hồi của các lỗ 129–132 sẽ là 460 triệu tấn nhiên liệu quy đổi, bao gồm 350 tỷ mét khối khí, 75 triệu tấn dầu và 35 triệu tấn condensate. Chỉ còn có việc phải tìm thấy chúng.

Chính việc thiếu dữ liệu chi tiết về địa chất của khu vực này đã xác định chiến lược tìm kiếm. Có tính đến kinh nghiệm làm việc ở lỗ 112, đã quyết định bắt đầu từ việc khảo sát địa chấn quy mô lớn toàn bộ khu vực theo một phương pháp thống nhất. Trong ba năm cần thực hiện 20 nghìn km địa chấn 2D, sau đó ở các khu vực tiềm năng nhất sẽ tiến hành khảo sát 3D kết hợp với nghiên cứu thăm dò bằng điện và địa hóa. Kết quả cần tạo ra

một mô hình địa chất và địa vật lý vĩ mô, thống nhất, về cấu tạo vỏ trầm tích của các lỗ được nghiên cứu. Cần khoan hai giếng để hoàn tất chương trình thăm dò địa chất¹.

Quá trình nghiên cứu địa vật lý và địa hóa bắt đầu năm 2009, đến cuối năm 2010 đã hoàn thành xử lý và minh giải dữ liệu. Vào tháng 7 năm 2011, tàu nghiên cứu khoa học Trias đã hoàn thành công tác thăm dò điện. Vào tháng 11 năm 2012 đã có kết quả minh giải tổng hợp các nghiên cứu địa chấn thu được tại các lỗ. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, trong số 28 hạng mục được phát hiện có 7 hạng mục có tiềm năng, trong đó đáng chú ý nhất là cấu tạo Thần Đất ở lỗ 130 và Thần Biển — ở lỗ 131. Đồng thời đã có đề xuất xác định vị trí đặt giếng tìm kiếm và độ sâu thiết kế giếng khoan.

Mọi thứ diễn ra theo kế hoạch, ty nhiên vào tháng 10 năm 2013, Ban điều hành Hợp đồng dầu khí các lỗ 129–131, khi tổng hợp kết quả công việc giai đoạn một, đã chủ động gia hạn giai đoạn này thêm hai năm. Luận chứng nghiêm túc đến mức nhận được ngay sự ủng hộ của các cơ quan nhà nước liên quan của Việt Nam mà không có phản đối gì.

Tại sao lại xảy ra như vậy trong khi chuyện khoan ngoài khơi từ lâu đã không còn là một cái gì đó kỳ dị? Từ giữa thế kỷ XX đã có hàng ngàn giếng khoan ngoài khơi, trong đó có hàng trăm giếng được khoan ở thềm lục địa Việt Nam.

Hỡi ôi! Tất cả những việc được các thợ khoan thực hiện tại thềm lục địa Việt Nam trước khi khoan tại các lỗ 130–131 đều có thể được coi là «khoan ở vùng nước nông». Được biết, những giếng khoan biển đầu tiên trên thế giới là ở vùng ven bờ và được khoan ở độ sâu nước chỉ tới 5 mét. Mốc độ sâu tiếp theo là 60 mét, từ lâu vẫn là giới hạn công nghệ đối với thợ khoan Liên Xô làm việc tại vùng thềm lục địa. Các giếng của mỏ Bạch Hổ được khoan ở độ sâu 50 mét nước, và kỷ lục của ngành khai thác dầu Liên Xô là khai thác mỏ mang tên «Ngày 28 tháng Tư» ở độ sâu 120 mét nước. Độ sâu nước biển trong khu vực mỏ Bảo Vàng do Gazprom phát hiện lên tới 80–120 mét. Bây giờ các chuyên gia của Gazprom phải làm việc trong điều kiện độ sâu giữa các bãi khoan và miệng giếng không phải là 120, 200 hoặc thậm chí 600 mét nước, mà là gần 1.700 mét. Ở Việt Nam chưa bao giờ có chuyện như vậy!

Công tác chuẩn bị thực hiện phần việc phức tạp và quan trọng nhất này bắt đầu từ rất lâu trước khi kết thúc giai đoạn nghiên cứu của hợp đồng. Khi các tàu địa chấn còn đang kéo cáp thu sóng trên mặt biển, các nhà khoa học địa vật lý «từ Viễn Đông» còn đang phóng điện vào lòng đất, thì Tiểu ban Kỹ thuật, bao gồm lãnh đạo các Vụ chuyên ngànhcủa Gazprom, PetroVietnam, Vietgazprom và viện khoa học các ngành, đã bắt đầu xây dựng những giải pháp kỹ thuật tương ứng, tham khảo vận dụng những thành tựu mới nhất của thế giới trong lĩnh vực khoan ngoài khơi. Cụ thể, khi triển lãm quốc tế Offshore Northern Seas diễn ra vào tháng 8 năm 2010 kết thúc, tại thành phố Kongsberg của Nauy đã diễn ra một trong các cuộc họp của tiểu ban, kết hợp với kinh nghiệm sâu rộng của các công ty dịch vụ Na Uy trong lĩnh vực hỗ trợ khoan ngoài khơi. Các chuyên gia Nga và Việt Nam đã đến thăm cơ sở dịch vụ của công ty FMC Technologies, thảo luận về khả năng công ty này tham gia khoan và tổ chức đào tạo cho các chuyên gia của Vietgazprom. Hai năm sau, vào tháng 10 năm 2012, Tiểu ban kỹ thuật đã họp tại Hà Nội và nghe đại diện của một công ty dịch vụ lớn khác là Halliburton của Mỹ bày tỏ ý muốn tham gia công việc khoan sâu và cung cấp một trong những giàn khoan của họ. Ngay trong mạng lưới của Gazprom cũng diễn ra



Lễ trao giấy phép đầu tư lỗ 129–132 thềm lục địa Việt Nam. 2009

Lễ ký kết Hợp đồng đầu tư thăm dò và khai thác dầu khí các lỗ 129-132 thềm lục địa Việt Nam. 2009

chiến dịch tăng cường tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật và các nhà thầu tương ứng.

Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Ban điều hành Hợp đồng dầu khí các lỗ 129–132 đã phê duyệt các điểm khoan cho hai giếng — VGP-131-TB-1X và VGP-130-TD-1X, độ sâu giếng khoan và nhà thầu thực hiện. Sau khi đấu thầu, công ty Synergy Wells Ltd. của Anh, một Tập đoàn tư vấn nổi tiếng trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa quốc tế về quản lý và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án thượng nguồn, đã được lựa chọn. Trong một vài năm đã xem xét cân nhắc tất cả các hình thái khoan trong tương lai và việc lựa chọn đơn vị thực hiện. Không chỉ một mà hàng chục giờ họp và đàm phán khác nhau đã diễn ra trong không khí tranh luận căng thẳng. Vào tháng 7 năm 2015, hai tuần trước khi bắt đầu tiến hành khoan, «con bão trí não» cuối cùng, được gọi là drilling the well on paper — «khoan giếng trên giấy» được tổ chức tại Vũng Tàu. Tại cuộc họp với sự tham gia của các kỹ sư từ Gazprom, PetroVietnam, Vietgazprom, PetroVietnam Exploration and Production, Trường đại học Dầu khí Việt Nam, cũng như các nhà thầu, đã thảo luận toàn bộ quá trình khoan giếng độc đáo, những công nghệ được sử dụng, các rủi ro liên quan và khả năng giảm thiểu chúng đến mức thấp nhất. Chủ đầu tư và các nhà thầu từng bước thảo luận mọi việc một lần nữa và kiểm tra độ tin cậy hiểu biết lẫn nhau về các thao tác khoan sắp diễn ra.

Độ sâu nước biển tại điểm khoan là 1.638 mét, độ sâu thiết kế của giếng là 4.975 mét. Khó khăn không chỉ liên quan tới độ sâu nước biển tại các điểm khoan mà còn tới các điều kiện phức tạp về địa chất khai khoáng: nhiệt độ và áp suất via cao, khả năng có khí dihydrosunfua (H2S) và carbon dioxide. Các hạng mục có triển vọng chứa dầu và khí dạng nếp lồi đã được phát hiện không chỉ trong lớp vỏ trầm tích. Các cao độ theo phép đo độ cao (hypsometric) của móng nứt nẻ-hang hốc ở nơi này được

^[1] JOC Vietgazprom kỷ niệm 10 năm thành lập, ngày 17/9/2010 // Website của công ty «Gazprom EP International» (Tài nguyên điện từ: http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/sok-vetgazprom-prazdnuet — 10-letniy-yubiley. Ngày truy cập: 14.05.2017).

^[2] Viện lưu trữ kinh tế Nga. Ph. 458. Danh mục 1. Hồ sơ 8557. T. 14–15.

^[3] Silantiev Yu. B., Phí Mạnh Tùng. Thống kê địa lý dầu khí Việt Nam (dự đoán những phát hiện mới)// Bản tin khoa học khí. 2014. Số 3. Tr. 130.

^[1] Vieretgazprom bắt đầu khảo sát địa chấn 2D tại những lỗ mới ở Việt Nam, Ngày 01/6/2009 // Website công ty «Gazprom EP International» (Tài nguyên điện từ: http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/vetgazprom-nachal-seysmorazvedku — 2d-na-novyh-blokah-vo-vietname. Ngày truy cập: 14.05.2017).



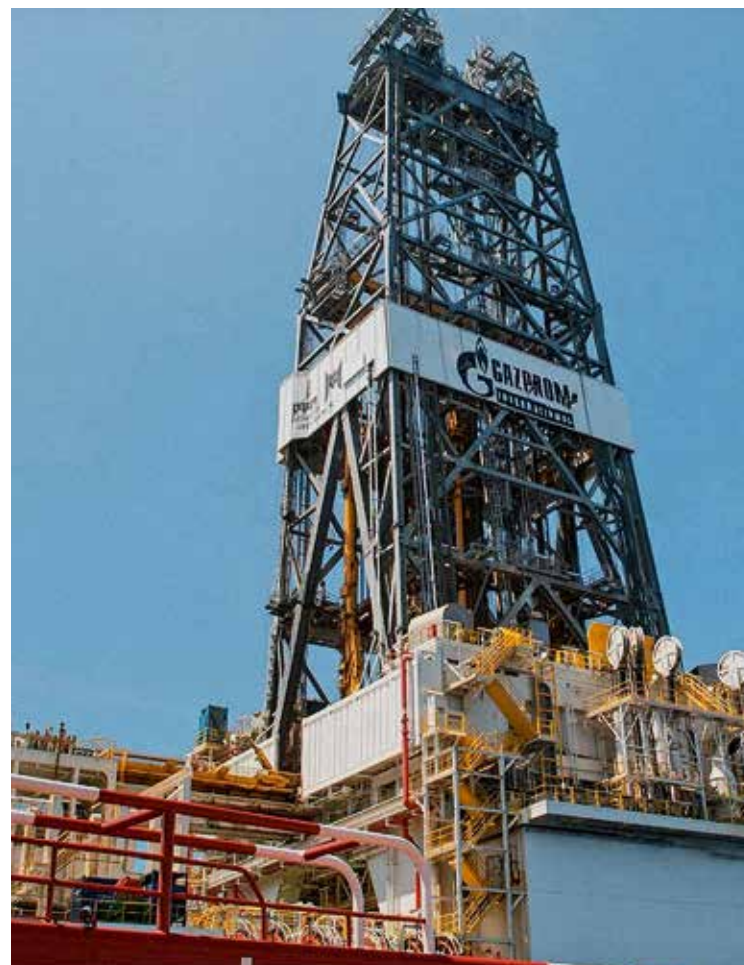
Tàu khoan «Deepsea Metro — 1» tại địa điểm khoan ở vùng nước sâu tại khu vực được cấp giấy phép của Tập đoàn Gazprom tại Việt Nam

nâng cao so với các cấu tạo khác, mặc dù thấp hơn 700 mét so với ở mỏ Bạch Hổ cách đó khoảng hai trăm cây số. Đỉnh vòm của tầng móng có cấu tạo từ đá magma, các tính chất vật lý thạch học của loại đá này tạo điều kiện để tích tụ hydrocarbon, và bị đất đá trầm tích che kín phía trên. Có tất cả mọi cơ hội để hình thành một vỉa hydrocarbon, vì vậy nên đã quyết định nghiên cứu không chỉ các tầng trầm tích, mà cả tầng móng tại địa điểm này. Độ sâu của các vỉa chính vào khoảng 2–5 nghìn mét sâu dưới đáy biển. Một đặc điểm của các lô này là có thể tồn tại các hydrat khí trong lớp trầm tích đáy, được dự đoán theo dữ liệu nghiên cứu địa hóa và địa chấn 2D¹.

Nếu để khoan giếng thông thường Gazprom thuê tàu khoan và giàn khoan thông thường mà nhiều tàu được chế tạo từ thời Việt Nam chỉ mới mơ về dầu, thì lần này với giá 40 triệu USD họ đã thuê một con tàu tối tân thế hệ thứ 6 «Deepsea Metro I» để khoan ở vùng nước sâu, tàu có khả năng hoạt động ở độ sâu nước biển tới 3 nghìn mét. Con tàu này đã nằm không bên bờ biển Tanzania hơn nửa năm do khủng hoảng kinh tế, cho nên ngay sau khi ký hợp đồng nó bắt đầu chuẩn bị cho công việc tại thềm lục địa Việt Nam.

Theo kế hoạch hoạt động, ngày 10 tháng 8 năm 2015, tàu «Deepsea Metro-1» bắt đầu khoan giếng VGP-131-TB-1X. Công việc khoan dự kiến diễn ra trong 20 tuần, 90 ngày cho mỗi giếng. Vào tháng 10 hoàn thành giếng đầu tiên, tháng 12 — giếng thứ hai. Việc khớp tiến độ công việc theo thiết kế khái niệm và thiết kế chi tiết được thực hiện tại Gazprom giúp hoàn thành chương trình khoan không trắc trở gì trong một thời gian ngắn. Việc xây

¹ Phòng vấn Tổng Giám đốc công ty «Gazprom EP International» S. M. Karnaukhov, ngày 02/4/2017, Matxcova.



dựng cả hai giếng được thực hiện trong thời gian kỷ lục — 170 ngày, sớm trước thời hạn 10 ngày. Ngoài ra, không xảy ra bất kỳ tai nạn nào hay bất kỳ vấn đề gì liên quan đến an toàn sản xuất, bảo hộ lao động và môi trường.

Thật đáng tiếc, Vietgazprom đã không thu được gì ở giếng khoan «vùng nước sâu», tuy giếng khoan này mang lại một lượng lớn thông tin địa chất có giá trị. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án đã áp dụng thành công một số giải pháp kỹ thuật mới, một phần trong số đó được sử dụng lần đầu tiên trên thế giới trong thực tiễn khoan ở vùng nước sâu. Công ty đã tiến hành mọi công việc với hiệu quả kinh tế tối đa.

Giếng thứ hai, VGP-130-TD-1X, được khoan trên lớp phủ trầm tích. Trong quá trình khoan tại các trầm tích tuổi Trung Miocen đã phát hiện 4 vỉa khí, những vỉa sau khi đo carota đã được thử dòng. Theo ước tính sơ bộ, trữ lượng của mỏ Thần Đất là gần 90 tỷ mét khối.

Trong năm 2016 đã hoàn thành xử lý và phân tích kết quả khoan và thử vỉa tại hai giếng thăm dò, chính lý minh giải tài liệu địa chấn 2D và tính toán trữ lượng. Hiện đang hoàn thiện công tác chuẩn bị kế hoạch đánh giá tiềm năng mỏ Thần Biển, tiến hành xử lý và tái minh giải dữ liệu địa chấn 2D, cập nhật chương trình thăm dò địa chất.

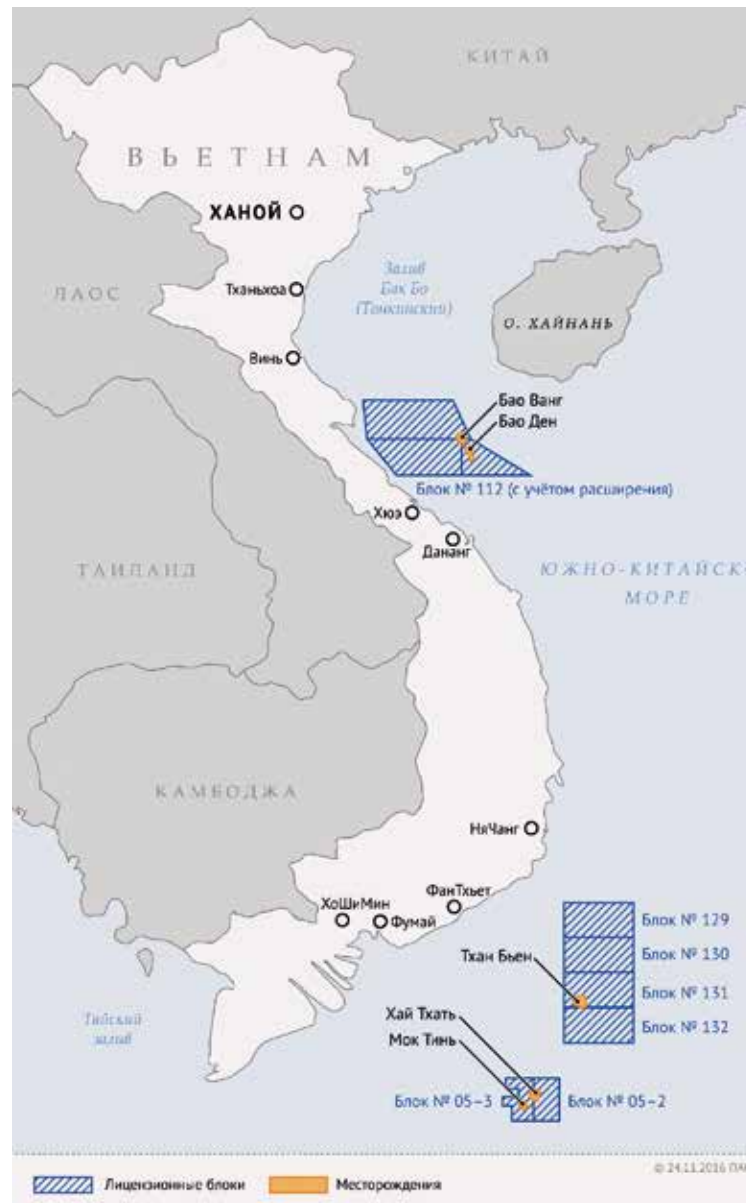
Những dự án khai thác của Gazprom và PetroVietnam: «Biển Đông» và GazpromViet

Ngay từ những năm 1970 lô số 5 thềm lục địa của Việt Nam đã được coi là có tiềm năng lớn chứa dầu và khí. Những nghiên cứu chung của Liên Xô và Việt Nam được tiến hành năm 1980 đã khẳng định dự đoán này, và chính trong phạm vi lô này đã phát hiện mỏ Đại Hùng — một trong những mỏ dầu lớn nhất của Việt Nam. Khi những điều kiện hợp tác mới giữa Liên Xô và CHXHCN Việt Nam được đưa ra thảo luận năm 1989, thì lô số 5 đang cạnh tranh với lô số 15 giành quyền lọt vào khu vực hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro theo Hiệp định liên chính phủ mới. Trong những năm 1990, lô thống nhất số 5 được chia thành ba phần để trao cho các công ty phương Tây.

Ngay từ giai đoạn hợp tác ban đầu năm 1997–1998, theo chỉ thị của Tập đoàn Gazprom các chuyên gia của Viện thiết kế VNIgazekonomika, VNIgaz và Giprospeftgaz đã lập luận chứng minh kỹ thuật về khai thác các lô bể Nam Côn Sơn và đề xuất sơ đồ nguyên tắc để vận chuyển hydrocarbon từ khu vực này. Nguyên tắc chủ đạo của sơ đồ này là nhà nước xây dựng hệ thống vận chuyển khí đốt, sở hữu nó và chuyển giao năng lực vận chuyển của mình cho các công ty hoạt động trong khu vực. Vào thời đó làm như vậy là lần đầu tiên, còn hiện tại sơ đồ này được thực hiện đầy đủ và mang lại cho Việt Nam nguồn thu nhập bổ sung từ việc cho thuê công suất vận chuyển khí, đạt hiệu quả cao và rất có lãi. Tuy nhiên vào thời điểm đó phía Việt Nam đã hướng tới nhiều công ty phương Tây hơn và từ chối các dịch vụ của Gazprom. Hơn một thập kỷ trôi qua trước khi các bên quay trở lại hợp tác tại bể trầm tích này.



Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom A. B. Miller và Tổng Giám đốc Tập đoàn dầu khí PetroVietnam Đỗ Văn Hậu ký thỏa thuận đào tạo và tập huấn cán bộ và việc Gazprom tham gia vào dự án cùng khai thác các lô 05–2 và 05–3 đã có giấy phép tại thềm lục địa Việt Nam. Ảnh tư liệu của Gazprom



Bản đồ tất cả các khu vực cấp giấy phép cho Tập đoàn Gazprom tại thềm lục địa Việt Nam.

Đến năm 2012, quan hệ đối tác chiến lược giữa Gazprom và PetroVietnam đã trải qua sự kiểm chứng nghiêm ngặt của thời gian. Rõ ràng là đối với các cổ đông của Tập đoàn khí đốt khổng lồ của Nga có sản lượng khai thác khí hàng năm trên 400 tỷ mét khối, thì khối lượng khai thác có thể ở Việt Nam sẽ không làm tăng đáng kể cổ tức. Nói đến lợi nhuận thương mại, tất nhiên, là nói đến việc tham gia vào một dự án cụ thể nào đó của Việt Nam, nhưng nói đến lợi ích thì lại nằm ở tổng thể các phương án hợp tác có thể. Ở Việt Nam không bao giờ có chuyện khai thác dễ dàng, nhưng có thể lợi nhuận từ «tài sản Việt Nam» lại ổn định, hơn nữa bản thân những dự án này có ý nghĩa lớn đối với quan hệ giữa hai nước. Thông qua những dự án đó có thể đầu tư vào nền kinh tế của một đất nước bạn bè, đồng lòng lại thu được lợi ích thực tiễn chứ không phải là gánh nặng nợ quá hạn của nhà nước phải thu như thời Liên Xô. Việt Nam đánh giá cao việc Gazprom cố gắng thực hiện các dự án đến cùng, nên khi British Petroleum từ bỏ hai lô ở bể Nam Côn Sơn thì họ đề nghị chuyển chúng cho Tập đoàn khí đốt của Nga.

Vào ngày 5 tháng 4 năm 2012, trong chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam của A. B. Miller, Chủ tịch điều hành Gazprom, đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại các lô 05-2 và 05-3, nơi phát hiện một mỏ dầu và hai mỏ khí condensat, có trữ lượng

địa chất/trữ lượng thu hồi tương ứng là 56/35,9 tỷ mét khối khí và 25/15,2 triệu tấn khí condensat. «Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới lãnh đạo Việt Nam đã hỗ trợ cho các sáng kiến chung Nga — Việt Nam. Đây không phải năm đầu tiên Gazprom thực hiện thành công các dự án lớn ở thềm lục địa Việt Nam. Hợp đồng ký kết ngày hôm nay chứng tỏ mối quan tâm tương hỗ đối với việc phát triển quan hệ hợp tác toàn diện giữa Nga và Việt Nam. Sự hợp tác ấy bao gồm việc khai thác nguồn nguyên liệu hydrocarbon ở Việt Nam, Nga và các nước thứ ba, hợp tác trong Chương trình Biển Đông của chúng ta, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên, và triển vọng hợp tác trong ngành năng lượng điện», ông Alexey Miller phát biểu sau lễ ký¹.

Dự án Gazprom được mời tham gia rất quan trọng đối với Việt Nam. Mặc dù có sự tham gia của các công ty nước ngoài, nhưng người Việt Nam coi đó là con đẻ của họ, nơi các kỹ sư khoan, khai thác, xây dựng giàn Việt Nam đóng vai trò hàng đầu. Trình độ công việc, kỹ thuật và công nghệ được áp dụng tại dự án phản ánh trình độ năng lực cao của cán bộ công nhân dầu khí Việt Nam. Điều hành dự án tại các lô số 05-2 và 05-3 là công ty con của PetroVietnam, Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Bien Dong POC) được thành lập vào năm 2009. Những thành tựu mà Biển Đông POC đạt được trong việc khai thác hai mỏ Mộc Tinh và Hải Thạch đã được phóng viên trang tin dầu khí Việt Nam Petrotimes.vn so sánh với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. «Có thể có một sự so sánh ở đây: cả những người lính xưa kia lẫn những người thợ dầu khí ngày nay đều phải hành động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn. Dự án «Biển Đông» phức tạp đến nỗi mà một trong những tập đoàn dầu khí danh tiếng trên thế giới là BP của Anh đã phải bỏ cuộc, khi mà họ đã phải đổ vào đây ngót 500 triệu USD, cộng với 7 năm thăm dò, khảo sát. Rất nhiều chuyên gia dầu khí danh tiếng trên thế giới đã khuyến cáo các nhà lãnh đạo Dầu khí Việt Nam [Tập đoàn Dầu khí quốc gia PetroVietnam — chú thích của TG] [không nên phiếu lưu, mạo hiểm. Thậm chí, có những người đã cá cược là Tập đoàn sẽ không làm nổi. Khi Việt Nam tiếp nhận dự án này, hầu như không có chuyên gia dầu khí nào trên thế giới tin rằng, Việt Nam có thể thành công ở một nơi mà áp suất dòng khí lên tới 952 atmosphere và nhiệt độ đến 200 °C. Ấy vậy mà chỉ sau 4 năm đã đạt được hiệu quả kinh tế rất cao»².

Vào tháng 10 năm 2012, một nhóm chuyên gia của Gazprom EP International, đứng đầu là Yuri Skok, đã đến thăm giàn cố định ngoài khơi của Biển Đông POC tại mỏ Mộc Tinh thuộc lô 05-3, cách Vũng Tàu 300 km. Vào thời điểm đó, ở mỏ Hải Thạch bên cạnh đã bố trí giàn khai thác và đang lắp đặt cấu kiện trên mặt biển của giàn công nghệ trung tâm để phục vụ cả hai mỏ. Những giàn này được kết nối với đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn-1 đi vào bờ. Nhóm công tác đã làm quen với tiến độ xây dựng các công trình ngoài khơi, các điều kiện an toàn lao động, trình tự tiếp nhận các hạng mục đưa vào vận hành và những hướng hoạt động khác của cơ sở khai thác này.

Việc chế tạo và lắp ráp giàn khoan và trang bị cho các mỏ ngoài khơi là một sự kiện mang tính bước ngoặt. Khi các kỹ sư và công nhân của Liên Xô và Việt Nam cùng nhau thành lập xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, cơ sở sản xuất trên bờ đã trở thành viên ngọc của Liên doanh. Ở đây đã xây dựng các bến cảng, bãi rắp rắp thiết bị, lắp đặt cần cẩu và các thiết bị khác. Hạng mục này đã trở thành «trường đại học» cho nhiều người dân Việt

¹ Gazprom tham gia dự án khai thác những lô mới đã có giấy phép tại thềm lục địa Việt Nam, ngày 6/4/2012 (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/gazprom-voshel-v-proekt-osvoeniya-novykh-licenziy-nih-blokov-na-shelfe-vietnama>. Ngày truy cập: 06.04.2017).

² «Biển Đông» — «Điện Biên Phủ» của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam», ngày 29/4/2014 (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/bien-dong-denbenfu-vietnamskoy-neftegazovoy-promyshlennosti>. Ngày truy cập: 14.05.2017).



Cọc chân đế giàn khai thác mỏ Hải Thạch



Khối cấu kiện giàn công nghệ mỏ Hải Thạch chuẩn bị ra biển. Vũng Tàu



Khối trụ đỡ chờ đặt cấu kiện phía trên của giàn công nghệ mỏ Mộc Tinh



Tàu chứa / Kho nổi «Biển Đông»



Nghi lễ bắt đầu đưa mỏ Hải Thạch vào khai thác công nghiệp. Ngày 04 / 11 / 2013
Ảnh tư liệu của Tập đoàn Gazprom



Giàn công nghệ và khai thác mỏ Hải Thạch với giàn khoan «PV Drilling-V» neo đậu bên cạnh (trái)

Nam, ở đó họ đã nhận được giấy thông hành vào đời. Giờ đây tất cả sức mạnh này được dùng để phục vụ lợi ích đất nước. Tất cả các hạng mục thủy công cho dự án «Biển Đông» được thực hiện tại Vũng Tàu, tại các bãi lắp ráp mà trước đây những chuyên gia hàn do Bộ Công nghiệp khí Liên Xô đã từng hướng dẫn người Việt Nam gia công lắp ráp các giàn khai thác ngoài khơi.

Đến tháng 12, tất cả trông ngóng con tàu chứa đang hoàn tất xây dựng tại Singapore về để chứa condensat. Tại các giàn khoan đang khoan các giếng vận hành. Vào thời điểm đó vẫn chưa triển khai khai thác, đang thực hiện giai đoạn xây dựng cuối cùng, mọi nỗ lực cần tập trung để bắt đầu khai thác vào năm 2013. Dự kiến hàng ngày ở đây sẽ khai thác 8,5 triệu m³ khí và 3,5 nghìn tấn khí condensat từ 12 giếng. Các chuyên gia Nga đã làm quen với tiến độ công việc tại hạng mục công nghệ cao này, thảo luận về các đặc tính của quy trình sản xuất và kinh nghiệm được tích lũy¹.

Ngày 24 tháng 1 năm 2013, công ty «Gazprom EP International» chính thức tham gia dự án thông qua ký kết Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng chia sản phẩm (PSC) các lô số 05-2 và 05-3 ở thềm lục địa Việt Nam. «Những bản hợp đồng ký ngày hôm nay sẽ tạo thuận lợi để đưa quan hệ hợp tác chiến lược giữa Gazprom và PetroVietnam lên một tầm cao mới. Gazprom chính thức bước vào quá trình phát triển các mỏ này. Việc Gazprom tham gia dự án sẽ đảm bảo hoàn thành tiến độ công việc tại các lô 05-2 và 05-3, để tháng 6 năm nay chúng ta dự kiến đón dòng khí đầu tiên», ông Đỗ Văn Hậu phát biểu trong buổi lễ². Ngày 25 tháng 7 năm 2013 đã có các loại giấy phép tương ứng, chính thức hóa việc Gazprom EP International tham gia hợp đồng PSC với 49% cổ phần trong dự án khai thác hydrocarbon và hoàn tất quá trình thăm dò cả hai lô.

¹ Về chuyển công tác của Tập đoàn Gazprom International đến Việt Nam, ngày 11/10/2012 (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/o-rabochey-poezdke-gruppy-gazprom-international-vo-vietnam>. Ngày truy cập: 14.05.2017).

² Gazprom International chính thức tham gia dự án mới ở Việt Nam, 25/1/2013 (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/gazprom-international-ocialno-voshel-v-novyy-proekt-vo-vietname>. Ngày truy cập: 14.05.2017).

Ngày 05/8/2013 bắt đầu vận hành thử mỏ Mộc Tinh, đưa khí lên đuốc đốt của giàn xử lý trung tâm³, ngày 6 tháng 9 thử nghiệm cung cấp khí qua đường ống Nam Côn Sơn-1. Ngày 4 tháng 10 diễn ra Lễ khởi công khai thác khí từ các mỏ thuộc các lô đã được cấp phép 05-2 và 05-3 với sự tham gia của Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom A. B. Miller, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn dầu khí PetroVietnam Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Đỗ Văn Hậu, Giám đốc điều hành công ty «Gazprom EP International» V. L. Gulev. Tới cuối năm đó đã tiến hành hành bốc rót khí condensat khai thác từ mỏ Hải Thạch từ tàu chứa FSO lên tàu chở dầu.

Sản lượng khai thác năm 2014 tại các lô của cả hai mỏ đạt gần 1,7 tỷ mét khối khí và 370 nghìn tấn condensat, vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất: về khí vượt 29%, về condensat vượt 17%. Tổng doanh thu đạt 595 triệu USD⁴.

Năm 2016 Công ty «Gazprom EP International» và PetroVietnam tuyên bố hoàn thành chương trình 5 năm về khoan tại hai mỏ Mộc Tinh và Hải Thạch. Trong phạm vi lô 05-2 và 05-3 đã khoan tổng cộng 16 giếng vận hành, trong số đó có 9 giếng tại mỏ Hải Thạch và 7 giếng tại mỏ Mộc Tinh. Các giếng khoan tới độ sâu gần 5 nghìn mét. Quá trình khoan không để xảy ra sự cố nào gây chấn thương cho công nhân; toàn bộ mọi công việc được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn chung của quốc tế. Kết quả là vào đầu tháng 12 năm 2016 Biển Đông POC đạt mức kế hoạch và khai thác được 2 tỷ mét khối khí. Đến thời điểm này, tổng sản lượng khí đốt khai thác tích lũy tại hai mỏ này đạt gần 6 tỷ mét khối⁵.

Việc công ty «Gazprom EP International» tham gia dự án «Biển Đông» không chỉ là đầu tư và quản lý dự án, trong hợp đồng

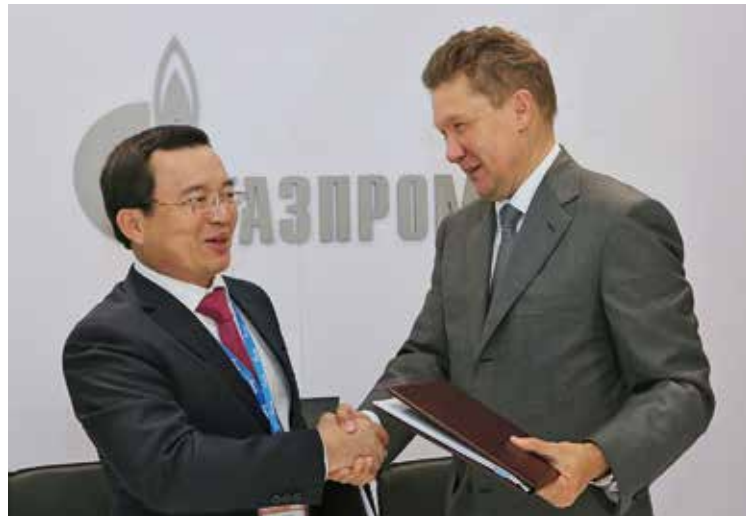
³ Đón dòng khí đầu tiên từ dự án Biển Đông 1. Ngày 08/8/2013. Cổng thông tin Petrotimes. vn. (Tài nguyên điện tử: <http://PetroVietnam.petrotimes.vn/don-dong-khi-dau-tien-tu-du-an-bien-dong-1-123657.html>. Ngày truy cập: 20.05.2017).

⁴ Như Thế. Biển Đông POC: Chuẩn, có 4 chữ... Chuẩn // Cổng thông tin Petrotimes. vn (Tài nguyên điện tử: <http://PetroVietnam.petrotimes.vn/bien-dong-poc-chuan-co-4-chu-chuan-249031.html>. Ngày truy cập: 20.05.2017), (Tiếng Việt).

⁵ Kết thúc chương trình khoan tại Việt Nam, ngày 25/12/2016 (Tài nguyên điện tử: <http://gazprom-international.com/ru/news-media/articles/zavershena-burovaya-programma-vo-vietname>. Ngày truy cập: 14.05.2017).



Ông Phùng Đình Thực và ông Vitaly Markelov tại Lễ khởi công khai thác nguyên liệu hydrocarbon từ giếng số 3 mỏ Nagumanovsky. 2012



Trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh tế thế giới St. Petersburg năm 2015 Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom A. B. Miller và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí PetroVietnam Trần Ngọc Cảnh ký Thỏa thuận tham gia những điều kiện chủ yếu để thực hiện dự án khai thác các mỏ Nagumanovsky (tỉnh Orenburg) và Bắc Purovsky (Khu tự trị Yamalo-Nenetsky)

có riêng một mục quy định việc tổ chức hợp tác trong lĩnh vực đào tạo cán bộ và đào tạo nhân sự. Ngay năm 2013 theo khuôn khổ hợp đồng này PetroVietnam đã cử một số cán bộ sang làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học tổng hợp dầu khí quốc gia mang tên I. M. Gubkin. Tháng 9 cùng năm đó cũng có các cán bộ của PetroVietnam, PetroVietnam Exploration Production Corporation (PVEP), PetroVietnam Gas JSC, XNLD Vietsovpetro và Trường đại học Dầu khí Việt Nam sang thực tập tại Gazprom. Như Tổng Giám đốc Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Biển Đông POC) Nguyễn Quỳnh Lâm đã nói: «Thông thường các dự án có phía Nga tham gia thì phía Việt Nam có một đội ngũ được đào tạo, hiểu rất rõ văn hóa Nga và cùng làm việc. Tuy nhiên, đối với Dự án Biển Đông, số lượng cán bộ như vậy còn ít. Đa số họ là những người trẻ tuổi, nhiều người tuổi dưới 30, nhưng chúng tôi tràn đầy quyết tâm lấp đầy khoảng trống đó. Chúng ta đã có những quan hệ hợp tác tốt đẹp với Nga để xây dựng nên Vietsovpetro, giờ đây chúng ta nhận được sự ủng hộ của Nga cả trong dự án này. Nó không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị»¹.

¹ Như Thế. Biển Đông POC: Chuẩn, có 4 chữ... Chuẩn // Công thông tin Petrotimes. vn (Tài nguyên

* * *

Người khởi xướng sáng kiến và đóng vai trò đầu tàu chính để đưa Tập đoàn Gazprom tham gia dự án khai thác tại các lô 05-2 và 05-3 là Tổng Giám đốc PetroVietnam Trần Ngọc Cảnh. Động thái này thể hiện thiện chí và đồng thời cũng là tính toán thương mại linh hoạt của phía Việt Nam.

Ông Trần Ngọc Cảnh, — Tổng giám đốc Tập đoàn dầu khí PetroVietnam trong giai đoạn 2003–2010 nhớ lại: «Khi PetroVietnam chúng tôi quyết định đầu tư vào các dự án dầu khí ở Nga thì Gazprom đã hoạt động ở lô 112. Tôi đặt vấn đề này với ông Alexei Borisovich Miller. Tôi biết Miller từ hồi ông ấy tham gia các kỳ họp của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro với tư cách Thứ trưởng Bộ Năng lượng của Nga. Tại một trong số những cuộc gặp gỡ, tôi đã đặt vấn đề này với ông ấy và Tổng giám đốc Công ty Zarubezhneft, — ông Nikolai Petrovich Tokarev. Vào thời điểm đó, Gazprom và Zarubezhneft là những công ty lớn duy nhất của Nga hoạt động tại Việt Nam. Cả hai nhà lãnh đạo đều thông suốt yêu cầu của tôi và bắt đầu hỗ trợ hết khả năng. Kế hoạch này phải có hình thức «dự án đối ứng»: nước sở tại có 51% cổ phần của doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài — 49%. Cũng giống như tên gọi. Đã quyết định: Tập đoàn Gazprom có VietGazprom hoạt động tại Việt Nam, và GazpromViet hoạt động tại Nga, Công ty Zarubezhneft có Vietsovpetro ở Việt Nam và sẽ thành lập và RusVietpetro ở Nga. Tôi đối xử với họ ở Việt Nam như thế nào thì họ sẽ đối xử với tôi như thế ở Nga. Tôi cho thế là đúng. Đối với các dự án của Gazprom và PetroVietnam, chúng tôi chủ trương tập trung chúng vào tay Công ty Gazprom Zarubezhneftegaz, để nhà điều hành có thể cân bằng lợi ích của cả hai bên. Họ nhất trí với kế hoạch này và tiếp tục hợp tác. Ngoài ra, chúng tôi còn thỏa thuận sẽ tìm kiếm những dự án chung ở các nước thứ ba. Tất cả những điều này được phản ánh trong bản thỏa thuận của chúng tôi về quan hệ đối tác chiến lược ký năm 2009»².

Công ty TNHH GazpromViet được thành lập trên cơ sở thỏa thuận hợp tác chiến lược được ký kết vào tháng 12/2009. Ngày 13/9/2010 công ty đã được cấp giấy phép hạt động trên lãnh thổ Liên bang Nga với tư cách là một xí nghiệp liên doanh giữa Nga và Việt Nam. Mô dầu và khí condensat Nagumanovsky ở tỉnh Orenburg và mỏ khí condensat Bắc Purovsky ở Khu tự trị Yamalo-Nenetsky được chọn là các hạng mục chính. Giấy phép sử dụng lòng đất đã được cấp và đăng ký tại Bộ Tài nguyên của Nga vào tháng 1 và tháng 10 năm 2012.

Mỏ Nagumanovsky được phát hiện khi khoan giếng tham số №503 vào năm 1979 ở phía nam tỉnh Orenburg, một khu vực có triển vọng dầu và khí đốt, được gọi là vòm Sol — Iletsky ở khu vực khớp nối miền vông rìa Preduransky và bồn trũng Prikaspisky. Chênh một chút về phía bắc của mỏ này là mỏ khí condensat Orenburg nổi tiếng, về phía tây nam trong khu vực thuộc quyền quản lý của Kazakhstan là mỏ Karachaganak. Trữ lượng tài nguyên dự báo và triển vọng của khu vực này được các nhà khoa học ước tính vào khoảng 1,92 tỷ tấn nhiên liệu quy đổi³. Gazprom bắt đầu nghiên cứu khu vực này vào đầu

điện từ: <http://PetroVietnam.petrotimes.vn/bien-dong-poc-chuan-co-4-chu-chuan-249031.html>. Ngày truy cập: 20.05.2017) (Tiếng Việt).

² Phỏng vấn ông Trần Ngọc Cảnh ngày 19/4/2015. Hà Nội.

³ Leonova E. A. Phân tích tương đá và cổ sinh địa tầng trầm tích Devon phía nam tỉnh Orenburg — cơ sở để phát hiện các bẫy dầu khí phi cấu trúc // Địa chất dầu khí. 2005. Số 4. Tr. 40.



Tại mỏ Nagumanovsky của Công ty TNHH «GazpromViet»

thập kỷ 1990, họ đã tiến hành một loạt các hoạt động địa chấn 2D và 3D, cũng như khoan sâu thăm dò. Từ năm 1993 đến hết năm 2006 Tập đoàn đã cho khoan 17 giếng có độ sâu hơn 5000 mét, trong đó có giếng khoan tham số Nagumanovsky -1 — sâu đến 6007 mét, giếng khoan tìm kiếm Nagumanovsky-2 sâu 4850 mét và Nagumanovsky-3 (sâu 5000 mét). Ở biên độ sâu 4865–4885 mét của giếng Nagumanovsky-1 thu được dòng dầu sản lượng 122,8 m³/ngày đem qua ống cấp 5 ly. Đó là một vỉa dầu mới được phát hiện ở tầng Bashkiria¹.

Trong khu vực mỏ Nagumanovsky đã được cấp giấy phép không chỉ một lần tiến hành khảo sát địa chấn 2D, năm 1997 thực hiện khảo sát 3D phần mái vòm phía nam của mỏ, kết quả cho thấy rằng mỏ có cấu tạo địa chất phức tạp. Vào năm 2014 đã chỉnh lý thuyết minh tài liệu địa chấn mái vòm phía bắc. Từ năm 1975 đến năm 2014 đã khoan 20 giếng ở khu vực mỏ này, kết quả phát hiện bốn lớp có chứa sản phẩm: tầng Artinks chứa khí condensat và dầu, tầng Bashkiria có chứa dầu ở đỉnh vòm phía nam và tầng Artinks chứa dầu ở phía bắc. Mỏ có cấu tạo địa chất rất phức tạp điển hình của kiến tạo muối, vì vậy cần khảo sát để có thêm thông tin. Sản phẩm chứa hơn 6% khí hydro sunfua (H2S).

Ngày 22 tháng 11 năm 2012 công ty GazpromViet bắt đầu khai thác mỏ Nagumanovsky. Năm 2013 đã lập và thỏa thuận với Cục phát triển mỏ khoáng sản trung ương thuộc Cơ quan liên bang về sử dụng lòng đất của Nga (Rosnedr) về tài liệu thiết kế phục vụ việc khai thác công nghiệp thí điểm các vỉa nằm ở đỉnh vòm phía nam của mỏ. Theo thiết kế đó có tất cả 15 giếng khoan, trong đó 3 giếng khai thác dầu và 12 giếng khai thác khí. Công ty GazpromViet đã mời các chuyên gia của

¹ Tokman A. K., Kovalenko V. S., Korotkov B. S., Korotkov S. B. Kết quả và phương hướng thăm dò địa chất bồn trũng Prikaspisky // Địa chất dầu khí. 2009. Số 3. Tr. 31–32.



Liên hiệp khoa họcsản xuất liên kết «Burenie» được thành lập trên cơ sở Viện nghiên cứu khoa học toàn Nga về kỹ thuật khoan (VNIIBT), đơn vị hoạt động lâu năm nhất tại Nga trong lĩnh vực này, để thiết kế và giám sát việc khoan giếng.

Trữ lượng địa chất đã được khẳng định của mỏ dầu và khí condensat Nagumanovsky là 5,8 tỷ mét khối, trữ lượng thu hồi khí ngưng tụ condensate và dầu là 1683 nghìn tấn và 960 nghìn tấn tương ứng mỗi loại, hiện nay lãnh đạo công ty GazpromViet tập trung mở rộng cơ sở nguồn lực để xây dựng mình thành một đơn vị khai thác lớn và cơ sở hạ tầng liên quan¹.

* * *

GazpromViet còn có một dự án khác — đó là vận hành khai thác mỏ khí ngưng tụ condensate Bắc Purovsky. Vùng đất nơi mỏ này tọa lạc chiếm vị trí đặc biệt trong sự phát triển ngành khai thác khí đốt của nước Nga.

Trong Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại, khi tiến hành nghiên cứu định tuyến tại khu vực sông Taz, Pur, Messo và bờ phía đông của mỏm Tazovsky, nhà địa chất Liên Xô V. N. Saks đã xác định được sự tồn tại của một dãy núi bị chôn vùi theo hướng kinh tuyến có cấu trúc nếp uốn. Vì sườn núi về cơ bản trùng với hướng dòng chảy của con sông Pur, nên Saks viết trong nhật ký của mình: «Phải chăng đây là dãy núi Pur bị chôn vùi?». Sau đó trong báo cáo nghiên cứu, ông đã giải thích sự tồn tại của dấu hỏi ghi trong nhật ký là do dữ liệu hạn chế về cấu trúc phần phía bắc của vùng Tây Siberia. Ngày 27/9/1962 từ độ sâu 2.200 m của giếng khoan tựa Tazovsky có một vùi khí pha lẫn nước phun lên mạnh mẽ. Đó là mỏ khí đốt đầu tiên ở vùng Yamal có trữ lượng trên 120 tỷ mét khối. Trả lời câu hỏi của phóng viên về tầm quan trọng của phát hiện này, lãnh đạo đoàn thăm dò Yamalo-Nenetsky V. D. Bovanenko nói: «Trước hết đó là sự tăng trưởng mạnh trong năm 1963 và 1964 về khối lượng công việc thăm dò mỏ khí Tazovsky. Cũng là sự cần thiết phải tiếp tục tìm kiếm và thăm dò các cấu lớn trong vùng Purovsky, Nadymsky và các khu vực khác. Khí Tazovsky — đó là mỏ khí đầu tiên, nhưng chắc chắn không phải là mỏ lớn duy nhất ở Khu tự trị Yamalo-Nenetsky». Chính ở những địa điểm do V. N. Sask và V. D. Bovanenko chỉ ra, ngoài Tazovsky sẽ còn phát hiện ra những mỏ khí khổng lồ khác— Gubkinsky, Messoyakhsky, Yamburgsky và những mỏ khác, còn «dãy núi Pur bị chôn vùi» được đặt tên là — «đải Urengoy bị chôn vùi» sau này trở thành «vựa khí đốt» của nước Nga².

Trong phạm vi dải Urengoysky các chuyên gia địa vật lý Liên Xô đã tách riêng đới Bắc Purovsky, mà hiện nay được đăng ký là khu vực mỏ cùng tên. Nó nằm cách thành phố Salekhard — thủ phủ Khu tự trị Yamalo-Nenetsky 515 km và cách thành phố Novyi Urengoi 89 km về phía đông bắc. Việc thực hiện công tác nghiên cứu thăm dò địa chấn và các số liệu về cấu trúc thu được đã trở thành cơ sở vững chắc để tiến hành khoan tìm kiếm thăm dò tại khu vực Bắc Purovsky. Công tác khoan được bắt đầu từ cuối năm 1985. Năm 1987 giếng khoan số 802 do các đơn vị Tổng cục địa chất Tiumen Glavtyumengeology tiến hành đã phát hiện mỏ khí condensat. Năm 1990 tại đây đã chứng minh được các lớp trầm tích của vùng Achimovsky có chứa khí. Năm 2005, những hình ảnh thu được khi khảo sát 3D trên diện tích 200 km² giúp chi tiết hóa được cấu tạo các vỉa của mỏ Bắc Purovsky. Theo trữ lượng thu hồi mỏ này được xếp vào diện

mỏ lớn: trữ lượng khí của mỏ được đánh giá vào hạng C1 + C2 là hơn 45,5 tỷ mét khối, trữ lượng condensat — hơn 11,5 triệu tấn. Tuy nhiên, công tác thăm dò mỏ vẫn chưa kết thúc.

Ngày 25 tháng 11 năm 2014 với sự hiện diện của Tổng thống Nga V. V. Putin và Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã diễn ra lễ ký kết thỏa thuận khung giữa Tập đoàn Gazprom và Tập đoàn dầu khí quốc gia PetroVietnam về các điều kiện liên doanh thực hiện dự án khai thác mỏ Nagumanovsky và Bắc Purovsky. Còn ngày 18/6/2015 lãnh đạo của cả hai Tập đoàn ký kết không phải là thỏa thuận khung, mà là thỏa thuận chủ yếu cho cả hai mỏ. Mục đích của thỏa thuận này là thiết lập những nguyên tắc cơ bản để các bên thực hiện dự án, bao gồm công thức tính giá nguyên liệu hydrocarbon, cũng như sơ đồ tổ chức thực hiện dự án, đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên trên cơ sở hợp tác cùng có lợi.

Gần đây Tập đoàn Gazprom đang chuẩn bị phát triển toàn diện mỏ khí condensat Bắc Purovskoye, đây là một hoạt động khá phức tạp trong điều kiện vùng băng vĩnh cửu. Cơ sở khai thác này trong tương lai sẽ có một con đường hai làn lưu thông kết nối với đường ô tô «Zapolyarnoe — Korotchaevo» có chiều dài 55 km. Tại khu vực mỏ đã khoan 18 giếng tìm kiếm thăm dò, độ sâu các giếng thay đổi từ 3,5 đến 4,2 nghìn mét. Theo sơ đồ công nghệ, tại đó sẽ xây dựng 21 giếng, tập trung ở 7 cụm. Toàn bộ sản phẩm phải được đưa về trạm xử lý khí trung tâm, được kết nối với các giếng theo hệ thống chùm tia. Cụm xa nhất sẽ cách trạm xử lý khí trung tâm 10 km. Phục vụ cơ sở khai thác sẽ có khoảng 75 người thuộc biên chế chính và 170 nhân viên hỗ trợ.

Theo chương trình sản xuất của công ty GazpromViet, năm 2018–2020 dự kiến hoàn tất soạn thảo hồ sơ thiết kế để xây dựng và phát triển các giếng đã vận hành, tiếp tục công tác thăm dò và đánh giá tại khu vực Bắc-Purovsky. Vào năm 2018 đã hoàn thành báo cáo có chủ đề «Tổng hợp và thuyết minh công tác thăm dò địa chấn 3D tại khu mỏ Bắc-Purovsky», được chuẩn bị trên cơ sở khảo sát địa chấn năm 2016–2017 và toàn bộ thông tin về địa chất và địa vật lý có được ở lòng đất Bắc Purovsky, cũng như so sánh trữ lượng và tài nguyên khí tự nhiên và khí condensate. Đã đưa ra khuyến nghị cần tiếp tục nghiên cứu địa chất của cấu tạo Bắc-Purovsky theo các lớp BT6, BT7 và cấu trúc các vỉa bị chắn thạch học của mỏ Achimovsky. Nói chung ở mỏ này dự báo tăng khối lượng khí tự nhiên lên 75% và khí ngưng tụ (condensate) lên 67%.

Theo nhiệm vụ địa chất năm 2018 do Phó Chủ tịch điều hành Tập đoàn Gazprom V. A. Markelov phê duyệt về khối lượng công tác thăm dò địa chất và tăng sản lượng tại các khu vực đã có giấy phép khai thác của công ty GazpromViet, trong mùa hoạt động tại hiện trường năm 2018–2019 dự kiến thực hiện bổ sung công tác khảo sát địa chấn 3D theo phương pháp điểm sâu chung trên diện tích 222 km² để làm rõ mô hình địa chấn, tính toán lại trữ lượng nguyên liệu hydrocarbon và chuẩn bị tài liệu thiết kế để xây dựng và phát triển các giếng đã vận hành tại mỏ khí ngưng condensate Bắc Purovsky.

Đồng thời, công ty đang cập nhật luận chứng kinh tế tài chính để trang bị và phát triển mỏ khí ngưng condensate Bắc Purovsky, từ đó xác định số vốn đầu tư giai đoạn 2018–2020³.

* * *

Những dự án liên doanh khai thác của Gazprom và PetroVietnam đang ở trong các giai đoạn khác nhau. Chẳng hạn như ở mỏ Mộc Tinh và Hải Thạch việc khai thác đã được tiến hành, trong khi tại Nagumanovsky và Bắc Purovsky mới đang

chuẩn bị đưa mỏ vào khai thác. Các khu vực công việc khác nhau về điều kiện tự nhiên — khí hậu và địa chất, do đó mỗi dự án đều đòi hỏi giải quyết nhiều nhiệm vụ kinh tế, tổ chức — tài chính, pháp lý, kỹ thuật và công nghệ. Tuy nhiên, cả hai công ty mẹ — Gazprom và PetroVietnam — đều có bề dày lịch sử quan hệ hợp tác, cho phép tin tưởng rằng những giải pháp này sẽ được tìm ra, và hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí sẽ tiếp tục phát triển thành công trong thế kỷ XXI!

^[1] Tin tức website Công ty GazpromViet, tháng 5/2015 (Tài nguyên điện tử: http://GazpromViet.com/2015/maj. Ngày truy cập: 22.05.2017).

^[2] Từ Berezovo đến Yamburg: 45 năm ngành công nghiệp khí Tây Siberia // Biên tập Karpov V. P., Kolevaya G. Yu., Tiumen, 2011. Tr. 21, 41.

^[3] Tài nguyên điện tử: http://GazpromViet.com/about/perspektivi. Ngày truy cập: 10.08.2018.

Lời kết

Trong gian lớn của Bảo tàng-Phòng Truyền thống thuộc Tập đoàn dầu khí quốc gia «Petrovietnam» có một mô hình nổi bật: những gò nhỏ nằm rải rác trên tấm kính màu xanh phản chiếu hình ảnh chân dung vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước. Bức tượng bán thân của Người dựng ở đó, ngay bên cạnh và tạo cảm tưởng là Bác Hồ vẫn chăm chú dõi theo ngành dầu khí của đất nước, với những công trình và những con người trong ngành này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhân cách lớn rất được kính trọng ở Việt Nam. Hình tượng của Người gần như là một vị thánh thiêng liêng, và gắn với cuộc đời của nhà lãnh đạo cách mạng này có nhiều câu chuyện thú vị — hiện thực, huyền thoại và đôi khi hoàn toàn thần tiên. Thật khó tách bạch trong tất cả sự đa dạng đó, và hiện thực lịch sử có thể dễ dàng mờ ảo, mất đi tính logic vốn không phải lúc nào cũng rõ ràng. Có chủ định gì và được thể hiện như thế nào? Sự ngẫu nhiên nào đó hoặc là yếu tố bổ trợ nào đã tác động đến quyết định này hoặc giải pháp kia? Trong các truyền thuyết thông thường không nói đến điều này còn hiện thực lịch sử hoàn toàn tùy thuộc vào mối quan hệ giữa tính cần thiết và những trường hợp, tình thế.

Các chuyên viên dầu mỏ Việt Nam tin rằng chính khi sang thăm Liên Xô và ở Baku vào năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi đến quyết định tổ chức ngành công nghiệp dầu mỏ ở Việt Nam và thu hút Liên Xô vào sự nghiệp này. Trong bối cảnh của cuốn sách thì điều quan trọng là chính ý tưởng của công việc kỳ vĩ ấy được gắn kết với nước Nga. Và có lời giải thích lịch sử cho điều đó — tình hình địa chính trị của những năm 1950 không chừa lại lựa chọn nào khác. Hơn thế nữa, lựa chọn không thuộc về các chuyên viên dầu mỏ Việt Nam tương lai, mà cũng không phải do các đồng nghiệp Xô-viết của họ.

Vào thời điểm đó, đối với người Việt Nam không tồn tại các đối tác kinh tế hoặc cố vấn nào. Không giống như chế độ Nam Việt Nam, chính quyền Bắc Việt Nam không thể mời «Exxon», «Mobil» hay là «Shell» dù đó là những tập đoàn đã có kinh nghiệm làm việc ở Đông Dương. Nhưng nói thẳng ra thì cả những người khổng lồ dầu khí này cũng chẳng vội vàng lao tới mảnh đất Việt, không chỉ bởi nguyên do chính trị, mà còn vì vắng bóng những điều kiện địa chất tiên quyết để tìm kiếm dầu mỏ, đất liền Việt Nam theo họ không mấy triển vọng hứa hẹn, còn thăm dò khám phá thềm lục địa thì Chính phủ công nông thời kỳ ấy không có tiền. Trong những năm 1950–1960, địa bàn Bắc Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh có sức hấp dẫn hơn nhiều đối với các tập đoàn dầu mỏ lớn. Duy chỉ Liên Xô, Trung Quốc, Rumania — những Nhà nước mạnh về dầu mỏ của khối xã hội chủ nghĩa mới có thể giúp Bắc Việt Nam trong công việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt.

Đối với đất nước có địa hình rộng lớn về sản xuất dầu như Liên Xô, vùng châu thổ đồng bằng sông Hồng, nơi đã trở thành vù đất của cuộc phấn đấu vì dầu mỏ Việt Nam, lại chính là kiểu môi khu vực mới kế tiếp của ứng dụng khai thác công nghiệp. Bởi các chuyên gia dầu mỏ Nga — dù xuất thân là người Nga, người Azerbaizan, người Armenia, người Gruzia hay đại diện của các dân tộc khác thuộc Đế chế Nga cũ và sau đó là Liên Xô — đều thành «dân Baku» vì ở Baku đã tìm thấy dầu mỏ. Sau đó, họ trở thành «dân Groznyi» vì tìm thấy dầu mỏ dưới chân những dãy núi Bắc Kavkaz, tiếp đến là «dân Kuban», «dân Embents», «dân Sakhalin» và «dân Volzhan» — tùy thuộc vào những khám phá mới những khu vực mới trên bản đồ địa lý ngày càng mở mang của nghề khai thác và chế biến dầu mỏ Xô-viết. Thế rồi một số người trong họ có sứ mệnh phải trở thành «dân Việt» cả từ trước khi trở thành «dân

Siberia». Có thể có những phản hồi khác nhau về trình độ kỹ thuật-công nghệ của ngành công nghiệp dầu mỏ Xô-viết. Ai đó đánh giá là «trình độ thấp kém», người khác cho rằng «trình độ cao», nhưng hiện hữu một thực tế khó tranh cãi phủ nhận là trong quá trình tồn tại chỉ vài thập niên của mình, Liên Xô đã kịp tạo lập ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ và chế biến dầu ở những khu vực mới cách xa trung tâm công nghiệp và đường liên lạc, đôi khi là nơi có điều kiện khí hậu thiên nhiên khắc nghiệt và bị hạn chế về nguồn lực tài chính, kỹ thuật cũng như nhân sự.

Trong câu chuyện «Chủ tịch Hồ Chí Minh và dầu mỏ», đã trở thành mối ràng buộc của cuốn sách này, hoàn toàn vắng bóng đề tài tiếp tế dầu và tạo lập hệ thống cung ứng sản phẩm xăng dầu. Chuyển đi của vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam đến Baku diễn ra vào năm 1959, còn việc cung cấp dầu cho Việt Nam DCCH đã bắt đầu ngay sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập — vào năm 1955. Tất nhiên, cơ sở của công việc này được đặt ra ngay từ thời kỳ thuộc địa, nhưng chính Liên bang Xô-viết gắn với việc tạo lập hệ thống cung ứng các sản phẩm dầu mỏ của Nhà nước thực sự độc lập tự chủ, bao gồm không chỉ cung cấp thương mại và nơi bảo quản sản phẩm dầu mỏ, mà còn đào tạo nhân sự có chuyên môn cho địa phương, xây dựng các công trình cơ bản, hoạch định các tiêu chuẩn và văn bản pháp lý, đảm bảo sử dụng hợp lý và an toàn các loại vật liệu nhiên liệu và dầu nhờn.

Điều quan trọng cần hiểu rằng Liên Xô, bất kể kích thước diện tích bao la và nguồn tài nguyên tưởng như vô tận, thực ra lại không phải là quốc gia giàu có như thoạt nhìn. Mới cách đó chưa lâu đất nước rộng lớn sống sót qua cuộc Thế chiến khốc liệt nhất và phá hoại dữ dội nhất trong lịch sử, bản thân Liên Xô cũng rất cần được đầu tư mà eo hẹp. Tất nhiên, nhiều khoản kinh phí lớn đã rót vào để bắt đầu cuộc chạy đua vũ trang. Còn sự nghiệp «bắt kịp hiện đại hóa» không chỉ đòi hỏi phải cập nhật liên tục các quỹ sản xuất mà còn cần những khoản đầu tư khổng lồ cho việc khám phá phát triển những lãnh thổ mới. Cần nhớ rằng phần phía Bắc của Liên Xô, miền Tây và Đông Siberia cũng như Viễn Đông bao la cần vốn đầu tư để xây dựng đường xá, các xí nghiệp công nghiệp, nhà ở và những chủ thể văn hóa-xã hội phục vụ dân sinh.

Liên Xô và Việt Nam đều bị tước đoạt cơ hội sử dụng nguồn lực tài chính của các nước tư bản (bởi nhiều lý do, về chuyện này cần được viết riêng), do đó buộc phải tìm kiếm sự hỗ trợ lẫn nhau. Đối với Liên Xô quả thực không có ý tưởng kinh tế rõ rệt trong việc hỗ trợ miền Bắc Việt Nam ngay khi bắt đầu hợp tác. Phải chăng là giảm nhẹ gánh nặng cung cấp. Nhiều phần là ban lãnh đạo đất nước tuân theo thúc đẩy lợi ích địa chính trị khi hỗ trợ một đồng minh. Mặt khác, Việt Nam hành xử như một đối tác độc lập và nói chung không hề «đi theo sự giật dây của Matxcova» như thỉnh thoảng có người tuyên bố. Chuyện khác là quan hệ đối tác chiến lược đã hình thành buộc cả hai nước phải nhân nhượng, ràng buộc họ với những quyền lợi sinh tồn của quốc gia khi đó, như các lãnh đạo chính trị thấu hiểu.

Ở đây, trong cuốn sách mô tả hệ thống tương tác kinh tế của hai quốc gia — các hiệp định liên Chính phủ về hỗ trợ kỹ thuật và các thỏa thuận thương mại, các khoản vay ưu đãi và thậm chí xóa nợ — trong đó ghi nhận hợp tác dầu khí của hai nước. Quá trình xây đắp quan hệ chính trị và kinh tế-thương mại bình thường giữa hai quốc gia, việc tạo lập cơ chế kinh tế đầy đủ giá trị ở miền Bắc và sau đó là ở Việt Nam thống nhất dựa trên hướng cơ bản là các hiệp định liên Chính phủ trong lĩnh vực hợp tác kinh tế đã là lời từ chối với định đề ưu tiên hệ tư tưởng và địa chính trị trên hết mà thiên về lợi ích kinh tế của cả hai bên, tìm kiếm con đường không chỉ hai chiều mà còn liên kết hội nhập kinh tế đa phương. Dần dần, trong giới tinh hoa chính trị của hai nước đã chín muồi nhận thức rõ ràng rằng chỉ có một nền tảng kinh tế chắc chắn và thái độ kiên quyết của những người cộng sản cự tuyệt tư lợi mới

đảm bảo những bước tiến bền vững, tiếp xung lực thúc đẩy những dự án mới và đảm bảo đà phát triển liên tục của những dự án đã được triển khai.

Một điển hình rõ nét về thực tế này là liên doanh Xô — Việt độc đáo Vietsovpetro mà sự chuyển hóa được mô tả trong cuốn sách. Doanh nghiệp này Từ chỗ có hồi gần như phải đóng cửa vào giữa những năm 1980 vì không đạt hiệu suất kinh tế, doanh nghiệp này đã trở thành đề án kinh tế nước ngoài có lợi nhất của nước Nga hiện đại. Với Việt Nam, nhờ nguồn dầu mỏ do tập thể Xô — Việt khai thác, thực hiện được cuộc cải cách kinh tế trong sự kết hợp với những biện pháp khác, đất nước đã có thể trụ vững qua những khó khăn chông chắt và được sự hỗ trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà trước hết là của Liên Xô và quốc gia kế thừa — Liên bang Nga. Một số thỏa thuận về doanh nghiệp này đã được gia hạn và có hiệu lực cho đến nay.

Hôm nay Việt Nam là đất nước sản xuất dầu mỏ và khí đốt, một trong những quốc gia hàng đầu của Đông Nam Á về khai thác dầu. Vẫn như trước đây, doanh thu từ dầu khí cho phép duy trì và phát triển nền kinh tế của đất nước. Người Việt Nam gửi gắm niềm hy vọng lớn lao vào sản xuất và phát triển công nghiệp khí đốt, hóa học khí đốt và những hướng sáng tạo ứng nghiệm khác gắn với hydrocacbon. Ngày nay đã không còn cảnh khó khăn khắc nghiệt như từngtồn tại những năm 1950–1980. Hàng chục công ty nước ngoài và ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam, thiết lập sự hợp tác với các cơ cấu tài chính quốc tế.

Sau khoảng lạnh nhạt trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam xảy ra hồi nửa đầu thập niên 1990, đã bắt đầu giai đoạn hợp tác mới mẻ. Và trong những điều kiện mới, các công ty Nga phải đối đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt từ phía các tập đoàn dầu khí khổng lồ hàng đầu của thế giới đang hoạt động tại Việt Nam. Bối cảnh thử thách đó buộc PJSC «Gazprom», PJSC «Zarubezhneft», PJSC «NK Rosneft» và các công ty khác phải tìm kiếm những phương pháp tiếp cận mới, áp dụng các thiết bị và công nghệ tiên tiến mới nhất, đưa ra những giải pháp sáng tạo không rập khuôn để giành được và củng cố vị thế trong lĩnh vực dầu khí của Việt Nam. Yêu cầu thực tế này cũng tiếp xung lực kích thích sự phát triển của chính các tập đoàn Nga.

Mặc dù, hiển nhiên các công ty Nga vẫn có ưu thế là truyền thống và kinh nghiệm trong quá trình phát triển hợp tác hơn nửa thế kỷ giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí. Ở Việt Nam có nhiều người từng theo học ở Liên Xô và sau đó ở Nga, nhiều người làm việc suốt thời gian dài cùng với các chuyên gia Liên Xô và Nga, hiểu được đặc tính tâm lý của người «lienso». Người Việt bây giờ có dịp đánh giá người Nga theo cách mới, bởi chính sách «mở cửa» cho phép hợp tác với nhiều quốc gia và qua công việc tiếp xúc với mọi người thuộc các dân tộc và nền văn hóa khác nhau. Và nhiều người Việt Nam vẫn giữ gìn tình cảm nồng ấm dành cho các sứ giả từ nước Nga mới.

Lịch sử đương đại của ngành công nghiệp dầu khí ở Việt Nam gắn kết không chỉ với dòng đầu tư nước ngoài và tính đa dạng hóa của các thành viên tham gia. Loại hình hoạt động hoàn toàn mới mẻ đối với các nhà dầu khí Việt Nam là tham gia khai thác các mỏ dầu và khí đốt trên lãnh thổ Liên bang Nga. «Bạn đối xử với tôi thế nào thì tôi cũng với bạn như vậy!» hoặc «Có đi có lại mới toại lòng nhau» là khẩu hiệu ẩn chứa trong định dạng quan hệ mới. Như vậy hoàn toàn công bằng!

Cả hai nước hiện nay đang tìm kiếm những phương án hợp tác tối ưu và cùng có lợi. Điều đó phức tạp khó khăn hơn là đơn thuần thực hiện những chỉ thị chính trị: cần làm việc lâu dài và cần cù tỉ mỉ.

Như thể hiện trong cuốn sách, bây giờ PJSC «Gazprom» đang ở vị thế có lịch sử quan hệ tương hỗ dài lâu với Việt Nam. Đứng ở cội nguồn của việc thành lập liên doanh «Vietsovpetro», giờ đây, tập đoàn khí đốt của Nga đang cố gắng khởi động những



dự án tương tự trong ngành công nghiệp khí đốt. Các dự án này được xây dựng có tính đến những ý tưởng mới nhất về hình thức luật hóa hợp tác quốc tế, những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, tập hợp vốn dụng không chỉ kinh nghiệm trong nước mà còn cả những gì đúc rút được qua thực tế quốc tế khi thực hiện những chiến dịch công tác phức tạp. Đã thu được những thành công đầu tiên. Cũng hiện hữu những thất vọng đầu tiên. Lòng đất Việt Nam không bao giờ chịu thuận phục dễ dàng không cần đến cuộc chiến, nhưng ai chế ngự được thì sau đó sẽ nhận ưu đãi đền bù hoàn toàn xứng đáng cho mọi công sức đã bỏ ra. Có lẽ đây là một trong những kết luận chính của cuốn sách này.

Một trong những thành viên tham gia quá trình tạo dựng lịch sử dầu khí Việt Nam đã ví lòng sâu giàu tài nguyên của đất nước như người đẹp tuyệt trần đang chờ chàng hoàng tử bạch mã đến với nàng. Lịch sử hợp tác Nga — Việt trong lĩnh vực dầu khí chưa kết thúc mà vẫn tiếp nối, được viết nên những trang mới trước mắt chúng ta...

Surenko E. N. 89
Tôn Trung Sơn 18
Sukhov V. I. 86

T

Talyzin N. V. 199, 203, 229–230, 233, 253
Tamoikin Yu. S. 91
Tăng Mườì 81
Tanzer M. 161
Tereshkova V. N. 233
Timonin V. I. 199, 205, 224, 227, 230, 233–236, 238
Titkov V. I. 50
Tô Quang Đầu 36
Tokarev N. P. 346
Tolkachev M. A. 86
Tolmachev V. V. 172
Tolubeev N. P. 225
Troitsky A. A. 273
Trofimov A. S. 96, 137
Trương Doan Tan 71
Tumanov S. V. 11, 332
Tureikina V. P. 89
Từ Thành Nghĩa 11
Từ Hữu Cảnh 176

U

Udodov N. A. 71
Uritsky I. N. 299
Ustinov M. A. 97
Ustinov N. S. 92, 94, 96
Wayne B. 250

F

Phạm Văn Đồng 57, 66, 72, 74, 85, 130, 137, 150, 153, 161, 165, 167, 174, 176, 178, 187, 200, 202, 209, 238, 243
Phạm Văn Diêu 155, 178
Phạm Ngọc Du 11
Phạm Thị Ngô Tảo 200
Phạm Thị Xuân Phương 13
Phạm Hùng 245, 250
Phan An 131
Phan Văn Dĩnh 301
Phan Văn Khải 302, 307–309, 312–314, 316, 318
Phan Mỹ 75, 87
Phan Minh Bích 65, 137
Phan Tử Quang 155, 174, 207, 235
Phan Hồng Thái 18
Fedorov I. G., Thống đốc 326
Fedenko I. M. 97
Fedorov G. 36
Fik A. S. 11, 332
Filanovsky-Zenkov V. Yu. 239–240, 244, 266
Filimonov L. I. 258, 261, 270, 273

Fokin V. I. 86
Fradkov M. E. 320
Friev K. A. 137
Frolov V. P. 66, 84–85, 94
Frunze M. V. 92
Phùng Đình Thực 7, 11, 322–324, 326, 335, 345–346
Funtov A. 281
Fursa I. M. 97

H/Kh

Kharlamov V. I. 89
Kharlamova Z. V. 89
Khaskin G. Z. 11, 174
Hồ Đắc Hoài 81, 137, 153, 328
Hồ Đắc Liên 70
Hồ Tế 174, 222
Hồ Tú Mai 332
Hồ Huấn Nghiêm 295
Hồ Chí Minh (Lý An Nam, Linov, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nilovsky, Chen Vang) 13–16, 18–20, 22
Hồ Sỹ Thoảng 11, 295
Hoàng Thúc Tấn 256
Hoàng Trọng Đại 178, 201
Honekker E. 20
Khrapov N. N. 141, 164
Khristenko V. B. 316
Khrushhev N. V. 25, 27, 31
Huỳnh Bá Oai 178
Huỳnh Tấn Phát 175

Ch/Tr

Trần Văn Hối 11, 319
Trần Văn Trị 103
Trần Đại Nghĩa 64, 68
Trần Đình Dĩnh 209
Trần Đình Hoan 216
Trần Đức Lương 65, 295, 308, 311–313, 319
Trương Giới Thạch 19
Trần Quỳnh 165, 174, 176, 178, 185, 200, 203, 219, 256
Trần Lê Đông 11, 319
Trần Lum 274–275
Trần Ngọc Cảnh 11, 80, 125–126, 209–210, 236, 283, 319, 322, 324, 337, 346
Trần Tài 11, 222
Trần Phương 180, 184, 216
Trần Hồng Nam 332
Trần Hữu Lạc 174, 200, 204, 229, 262
Chaplin B. N. 200, 212, 233
Chebotarev M. V. 66
Chen Vang — xem mục Hồ Chí Minh
Cherepanov V. V. 332
Chernikin V. I. 50
Chernomordik L. M. 89

Chernomordik S. A. 89
Chernomyrdin V. S. 11, 202, 218, 227, 229–230, 233–236
Chernyshevich E. V. 96–97
Chechenya I. D. 50
Chirkunov 97
Trọng Chính 153
Chubukov A. G. 198
Chugunov Yu. V. 200
Churilov L. D. 235, 275
Trương Minh 112
Trương Tấn Sang 324–326
Trường Chinh 248–249, 254, 256
Trương Thiên 65, 70, 243, 265

S

Sharapov A. I. 89
Shatalov A. T. 295
Shafranik Yu. K. 287
Sheremeta O. O. 172, 174, 178, 210, 271, 329
Sheremetiev N. A. 89
Shimanovsky V. V. 94, 97
Shneerson M. B. 11, 108, 112, 122, 137, 141
Shpotakovsky M. N. 38–39

Sch

Scherbina B. E. 235, 239, 244, 266–267, 283

Yu

Yudin D. I. 97
Yudin E. Ya. 233
Yudin S. I. 195, 199

Ya

Yagodovsky I. A. 53, 55
Yakovlev O. N. 11, 73, 123
Yarmolyuk V. A. 66, 71, 160, 164–165, 172–173
Yarov Yu. F. 308

V. S. Vovk
V. G. Osmanov
Yu. V. Evdoshenko

Tới kho báu Rồng Vàng
Ghi chép về lịch sử hợp tác
Nga-Việt trong lĩnh vực
dầu khí

Biên tập *Ekaterina Aroyan*
Soát lỗi *Nina Sambu*
Trình bày *Anna Sushkova*
Sửa bản in *Fyodor Khorikov*
Chỉnh màu *Marina Bogdanova*
Người dịch *Đặng Hồng Hạnh — Hoàng Thu Hương*

Công ty TNHH «Kuchkovo Pole»
123376, Matxcova, phố Krasnaya Presnya,
nhà số 28, đơn nguyên 2, off. 307
Phòng Biên tập-Xuất bản: +7 499 253 90 01
kpolemuzeon@gmail.com
www.kpole.ru

119071, Matxcova, phố Ordzhonikidze, nhà số 10, off. 420
Phòng Biên tập: +7 495 256 04 56 (số máy phụ 1)
info kpole.ru

Quyết định in ký ngày 19.11.2018. Khổ 245×320 mm
Số tờ in 57,85. In 800 cuốn.

Hợp đồng 6749-18
in tương ứng với bản thảo
đã nộp cho Công ty TNHH «IPK Pareto-Print»
170546, Vùng Tversk,
Khu Công nghiệp Borovlevo-1, Tổ hợp № 3A
www.pareto-print.ru

